LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 185

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

SỐ 2060

(QUYỂN 9 →30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2060

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Sa-môn Thích Đạo Tuyên trụ chùa Tây Minh
Thời Tiền Đường soạn.

QUYỂN 9

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

TRONG PHẦN 5 CỦA CHƯƠNG II:

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có sáu vị).

1- Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu, thời Bắc Chu.

2- Truyện ngài Thích Trí Phượng trụ chùa Long Uyên ở Ích Châu, đời Tùy.

3- Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyền ở Kinh Châu, đời Tùy.

4- Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đẳng Giới ở Kinh Châu, đời Tùy.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Triết, trụ chùa Long Tuyền ở Tương Châu, đời Tùy (tuệ Tuyền, Hồng Triết, Tuệ Hưởng, Tuệ Tung).

6- Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biểu, đời Tùy.

7- Truyện ngài Thích Tuệ Bật trụ chùa An Quốc ở Thường Châu, đời Tùy.

8- Truyện ngài Thích Linh Dụ trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu, đời Tùy.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh, đời Tùy.

10- Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

11- Truyện ngài Thích Pháp Trừng trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

12- Truyện ngài Thích Đạo Trang trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

13- Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

14- Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ Đạo tràng Đại Hưng Thiện, ở Kinh đô, đời Tùy (Tăng Loan, Tăng Phụng).

1- ***Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu:***

Thích Bảo Hải, họ Cung, người ở xứ Lang Trung thuộc Ba Tây. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, có chí cao xa. Vì Phật Pháp tại Dương Đô đang sùng thạnh, nên Sư quyết xuống núi. Khi đã đến Kim Lăng, Sư nương tựa Pháp Sư Vân, nghe học Luận Thành Thật, cạnh đó trải qua các pháp tịch, Sư chóng phát tiếng tăm trong sáng, bèn dẫn chúng giảng riêng, mọi người theo nghe rất đông.

Bấy giờ, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn năm trăm lẻ hai-năm trăm năm mươi) thời Nam Lương rất kính trọng Phật Pháp, tự nhà vua giảng Kinh Niết-bàn, bảo Sư luận bàn về nghĩa Phật tánh. Sư bèn lên tòa bàn luận, tuy nói năng qua lại, mà tay Sư vẫn cầm lò hương Thâu Thạch. Vua Võ Đế bảo: “Pháp Sư tuy dứt bỏ san tham. Lò hương chẳng phải Thâu Thạch (chất tơ vàng) không cần cầm”. Sư liền đáp rằng: “Bệ hạ ngôi vị ở nơi cao tột, khăn trâm chẳng phải Đạo (Cờ Mao) không đội”. Vua rất vui lòng, Đại chúng đều kinh lạ khen ngợi.

Sau, Sư trở về đất Thục trụ tại chùa Tạ Trấn, mở rộng giảng nói. Võ Lăng Vương Kỷ trấn nhậm Tỉnh lạc, rất kính mến Sư, thường đến Chùa Sư, ở lại bàn luận huyền lý, quên cả ngày đêm. Đến mờ sáng vua sắp rửa tay, mặt trời dần ló dạng, Vua nói: sáng sớm mặt trời soi trên tường vách, tướng trạng dường như trong thành. Gió động tiếng linh chùa khua vang mới biết mình đang ở trong chùa”. Sáng đó, xe lọng đến đón Vua, ngựa lại hý vang. Sư bảo rằng: “Xa trông thấy lọng lay động, mừng gặp được tỏ bày tư tưởng, bỗng nghe tiếng ngựa hí lại vui như gặp được Long Thọ!” Cả hai người cùng nhau vui cười mà đi ra. Vua lên xe rồi, bảo người hầu rằng: “Nghe lời nói của Pháp Sư Hải, khiến ta bàng

hoàng không nỡ đi!” Ngài biện cấp vô phương là trường hợp nầy.

Đến lúc, nhà (Bắc) Chu thế ngôi nhà Lương, Dong ông trấn phương càng thêm kính trọng Sư sâu sắc vượt hẳn người thường. Đến lúc Sư tám mươi tuổi, bảo với Đệ tử là Pháp Minh rằng: “Ta sắp chết đây, không một lo toan gì đường trước cả. Chỉ lo sau khi đã qua đời, tháp báu đều bị đập phá, sẽ lộ bày thi thể để cho loài cầm thú ăn dùng. Quả nhiên vào niên hiệu Kiến Đức (năm trăm bảy mươi hai-năm trăm bảy mươi tám) thời Bắc Chu, tất cả đều bị phá hủy, khiến chùa viện hoang tàn, ngài ra, chỉ một ngôi nhà và Dung tượng hiện còn.

2- ***Truyện ngài Thích Trí Phương trụ chùa Long Tuyền ở Ích Châu:***

Thích Trí Phương người xứ Tư Trung ở Thục Xuyên, giòng họ Sư vốn ở Đông Ngô, Tổ tiên xa xưa của Sư làm quan ở Tây Thục, nên mới ở đó. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, nương tựa Pháp Sư Luân chùa Long Tuyền ở Châu Quách.

Ngài sớm cùng Sa-môn Bảo Hải Vân du khắp cùng, đồng đến Dương Đô dự học dưới Pháp tịch của Pháp Sư Vân, nhờ cơ biện Sư sáng lán lanh lợi nên tiếng tăm vang khắp Dương Việt. Mỗi lúc đến lượt Sư giảng thì từ nghĩa trong nhã như suối chảy mây bay, nên khiến các hàng sĩ tục cầm theo giấy bút ghi chép thường có mấy trăm vị. Ban đầu, Sư giảng Kinh Pháp Hoa, nói đến chỗ Cao Diệu trong phẩm Hiện Bảo Tháp. Sư bèn y cứ Vua giải thích nghĩa mà bảo rằng: “Đâu phải cõi nước Phật xưa mới có được sự cao diệu như thế, mà ngay đất phước Dương Đô nầy cũng rất trang nghiêm. Còn như bảy từng Cấp Di Thiên tranh sáng với nhật nguyệt, chín tầng Đồng Thái sánh khoe sắc với ráng mây. Giếng Vuông thì nghiêng rũ lá sen, thùng tròn thì bên cạnh bày mọc hoa sen. Tợ như An trú ở phương Nam, đồng dạng Ni-khư ở Trấn Bắc. Tai nghe mắt thấy ngõ hầu liền hàng”. Những người ghi chép bí mật mang về Ích Châu, tha thiết ngợi khen lấy làm kinh tuyệt. Nên Sư xuất lời thành Chương như sớm đã gây dựng.

Sa-môn Bảo Hải có đến vấn nạn, Sư bèn tuông phát ra thanh thái. Nên Ngài Bảo Hải hỏi rằng: “Tam biến, ở phương nầy đổi uế thành tịnh, cũng có thể biến Phàm thành Thánh chăng?” Sư đáp: “Hóa Phật có rất nhiều, vì hẹp nên phải rộng, Phàm thánh tự như thế, đâu cần nhọc biến đổi?” Ngài Bảo Hải lại hỏi vặn: “Nếu vậy thì sáu mươi tiểu kiếp cho là như khoảng bữa ăn, chỉ là Thánh thấy được, Phàm không thể thấy. Còn Phàm và Thánh đều thấy thì Phàm và Thánh đều là Thánh cả.” Sư cười,

đáp: "Nơi tòa cao không hề nói thế. Đó mới là tự nói tự hỏi vặn!" Ngài bảo Hải cảm thấy đuối lý bèn chống chế rằng: "Đấu gỗ ba góc, sao gọi là Trí Phương được?" Sư liền đáp rằng: "Ngói sỏi nơi ao đọng, làm sao xưng là Bảo Hải?" Cả đại chúng cười lớn mà giải tán.

Đến lúc bịnh Sư trở nặng. Ngài Bảo Hải thường qua lại thăm hỏi ủi an. Sư bèn cảm tạ rằng: "Trí Phương tôi chẳng thể nhiếp dưỡng, đến đây bịnh đã trở nặng, làm nhọc nhân giả đã mấy lần qua lại an ủi thăm hỏi. Nguyện sinh về nơi tốt lành, thường cùng bạn đồng đi." Bỗng chốc có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng. Vào lúc nửa đêm, Sư thị tịch tại Ích Châu, thọ hơn chín mươi tuổi.

3- ***Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyền ở Kinh Châu:***

Thích La Vân, họ Hình, người ở xứ Tùng Tư thuộc quận Nam. Ban đầu, Sư đến chùa Thượng Minh đông xin xuất gia. Chí khí tiết tháo của Sư mong được thành Đức. Nhân Kim Lăng Đạo Vương tìm ẩn, người đông như rừng, Sư bèn xem thường đường ngàn dặm xa đi tìm bạn lành. Gặp được Sa-môn Đạo Lãng ở Dương đô đang truyền bá hưng thạnh, Sư bèn đến nơi pháp tịch, kính ngưỡng bày liệt, bốn bộ luận Nhất thừa, vạch bày cùng tận bến bờ đường lối. Lúc ấy, ngài Đạo Lãng thường bảo học chúng tìm tòi u ẩn.

Năm Sư mười sáu tuổi, với độ tuổi vừa lớn, duệ chí dẫn đầu, hỏi nghĩa Thường và Vô Thường, mà vẻ mặt không thay đổi, khách chủ đồng thong thả, mọi người cùng vui mừng khen thưởng. Ngài Đạo Lãng bèn tặng chiếc áo choàng mình đang đắp cho Sư ở trước chúng. Từ đó, tiếng tăm Sư vang xa, ở đó lan truyền, nhưng Sư ưa thích pháp chẳng cùng, như ngu mà chẳng vướng mắc. Sau khi ngài Đạo Lãng thị tịch. Sư rộng bình luận những điều đã từng được nghe. Sư lại theo Pháp Sư Tuyên ở chùa Phước Duyên tìm lấy di pháp, Pháp Sư Tuyên giải thích không sót, mặc tình Sư xét ngưỡng.

Sư cho rằng nghĩa sâu kín của Tam Luận chưa được truyền bá khắp xứ Kinh nam, hại chướng nhiều hiểm trở, Sư bèn phát nguyện sẽ mở mang giảng nói. Có Thiền sư Trắc ở chùa Thê Thiền, là người định tuệ gồm tu, chú tâm mở vạch, lúc đó lục hợp hòa thành một. Tam sở hoàn toàn hưng thạnh. Chúng đông như lúa mè, người nhiều tợ kỷ tử. Sư bắt đầu về lại chùa làng, nhân đó ứng cơ. Ở tòa cao làm thầy cho mọi người thưa hỏi, nhã lời trong làm đầu của Trú Pháp. Tổng Quán Nghi Dương Công Vương Thế Tích ban chiếu bảo Xá nhân Tiêu Tử Bảo đích

thân đến chỗ pháp tịch đều xưng tụng Đức âm.

Có chùa Long Tuyền là nơi cách biệt sự ồn náo trần gian, tâm trú nhàn khoáng, Sư mới ở đó hơn năm mươi năm, sửa sang nhà cửa, thường ngồi chẳng nằm, coi sóc chúng năm trăm vị, bấy giờ đều lộ bày những người tài xuất chúng. Vua Dương Đế (sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy, Dương Quảng) đời Tùy nghe tiếng tăm Sư bèn ban sắc thỉnh vào, Sư bèn đục vách tường ẩn dấu vết, lấy cớ bệnh mà lui. Xưa kia, Thích Đạo An ở chùa Thượng Minh đông, xây dựng gian nhà bảy gian. Về sau, Ngài Đàm Dực xây dựng thêm năm gian, rui tiếp đòn dong rộng dài mười hai gian. Sư ở trong nhà đó, giảng bốn bộ kinh, ba bộ luận, mỗi bộ mấy mươi biến, chẳng ở ngoài văn, có soạn thuật gì đều là tâm nghĩ miệng nói, băng tan lý thuận, nên được quên cả hai thứ Không, Hữu, Giáo nghĩa song bày.

Bấy giờ, ở tại Tùng Tư có một Đạo sĩ giòng họ Du, học suốt Lý tông, thông rành Nho Sử, thường giảng Lão Trang mà riêng dùng Nội kinh. Sư bảo Đệ tử Đạo Thắng, Tuệ Thành, rằng: "Đạo Sĩ kia nhiều như ong bay kiến đậu, cướp trâu trộm Pháp, tình thật khó chấp nhận. Các ông hãy truyền yếu chỉ của ta đẩy ngã vết tà ấy". Tuệ Thành, v.v... đến chỗ Đạo Sĩ ấy mà ngồi. Đạo Sĩ bảo: "Người trời giao tiếp, cả hai cùng thấy nhau." Ngài Tuệ Thành bảo: "Cởi bỏ y phục quý giá mà mặc lấy áo xấu dơ bẩn. Tập gần cùng mê, sắp mở tạm hóa". mọi người lúc ấy cho đó là danh đáp. Trước đó, ngài Tuệ Thành gọi Đạo sĩ Du là Tiên sinh. Du tức giận bảo: "Ta chẳng phải kẻ sĩ thế tục, sao gọi ta là tiên sinh?" Ngài Tuệ Thành nói: "Ông đã kỵ gọi là Tiên sinh, vậy thôi xin bỏ bớt chữ " Tiên", trở lại y như giòng họ cũ mà gọi là "Du sinh". Do đó trong mỗi câu đều có chữ Du sinh. Khi đó, đại chúng mừng vui không thôi. Đạo sĩ mang lấy sự hổ thẹn nên không còn sự hùng hổ nữa.

Sư kính giữ cao thượng, nhã trấn thời tục. Đón, đưa, mừng, điếu, Sư không tham dự một việc nào. Hoặc có người cao ngạo với đạo, nghe mà tìm đến, và khi tham lễ thì mồ hôi đổ, tâm sợ. Sinh duyên ở dưới núi thần. Một mùa Hạ Sư ở chỗ tĩnh vắng, tư duy Huyền đạo. Mẹ Sư hằng ngày tự mang thức ăn lên núi thiết cúng. Có người hỏi về lý do, Sư đáp rằng: "Đó là báo đáp ân đức cù lao của mẹ". Xưa kia, Châu Xán đánh phá Kinh Nam, các chùa phần nhiều đều bị đốt phá, chỉ có chỗ Sư tạo dựng chùa Long Tuyền là còn. Vì Viên Tổng quản trong giặc đã từng được Sư trao cho giới pháp, do đó, nhờ kính thầy trọng pháp mà chùa được tồn tại. Anh em trong gia đình Sư gồm có năm người, đều là Pháp sư. Sư là người nhỏ nhất mà Thần thái lại Đặc biệt. Đệ tử nhập thất của

Sư có được mười vị, như Xuân Sần, Trừng Khế, v.v... Sư truyền đạo khai hóa ở các vùng Mân Thục, Giang Hoài, không chỗ nào chẳng trải qua.

Đến ngày hai mươi ba tháng tư niên hiệu Đại nghiệp thứ mười hai (sáu trăm mười sáu) đời Tùy, ngài an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi. Trung Thư Lệnh Sầm Văn Bổn soạn văn bia.

Có Sa-môn Đạo Ngung là Anh ruột của Sư, học thông Đại tiểu, tiếng tăm vang khắp cả tăng tục. Ở tại chùa Thượng Minh đông, cây dựng ngôi gác nhiều tầng ở bên cạnh Miếu Lư của An Công. Tương truyền rằng: "An Công cưỡi lừa lông mầu đỏ từ Thượng Minh sang Đàn Khê thuộc Tương Châu,, một đêm qua lại coi trông hai chùa đều là bốn tầng, ba cơ sở". Người đời nay kính trọng, nên xưng gọi là Miếu Lư vì miếu đó là nơi buộc lừa.

4- ***Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đẳng Giới ở Kinh Châu:***

Thích Pháp An, Điền, người ở xứ Chi Giang. Sư có thần thái tuấn việt, được gọi là Đồng ấu.

Năm mười tám tuổi, Sư đi học đến Kim Lăng, ban đầu, nghe Luận Thành Thật. Sau học luận Trung Quán dưới pháp tòa chùa Hưng Hoàng. Có hơn mười năm, về ngăn thì thường không, về trí thì Đặc biệt. Giữa ba trăm học chúng riêng Sư được gọi là Tam tuyệt: một là vì thân Sư cao tám thước, phong nghi đỉnh đặc. Hai là giải nghĩa sâu cùng, ba là tinh tấn, giữ mình nghiêm khiết. Lúc nghe giảng kinh Niết-bàn, Sư thường lập nghĩa khác lạ để chúng hỏi vặn. Người tuy ở chúng lớn mà không ai quật ngã được Sư, do đó mà tiếng tăm Sư vang khắp sở Việt. Có một thời gian, Lãng Công (Đạo Lãng?) biết Sư tài giỏi nổi bật. Nên bảo Sư luận nghĩa. Sư liền vâng mạng hỏi đáp như vang theo tiếng, qua lại đã lâu, bèn ngừng nghỉ. Lãng Công bảo: "Ông đuối nghĩa rồi phải không?" Sư đáp: "Nghĩa như cát sông Hằng làm sao hết được." Bấy giờ, học chúng gọi Sư là "Đa", là "Sa An". Ba luận, bốn kinh, Sư đều giảng. Sư soạn Quảng sơ chương và Lộc Giác Chương v.v... lý đến cùng sâu xa, truyền bá tại Giang Hán. Tuổi quá chẳng mê lầm mà xoay tâm trụ trong định, lại không bàn nói.

Lúc Sư đến chỗ Thiền sư Thành, cùng luận bàn về định đạo, giũa mài tâm tánh, qua suốt sáng tối, mà Sư chẳng ăn thức ăn của chúng tăng, chẳng uống miếng nước gạo đục. Đến năm sáu mươi lăm tuổi, Sư thị tịch tại chùa Đẳng Giới. Chùa đó ở trên Tư Châu, phía Tây hướng về

Sa Châu. Đó là nơi Lưu Cầu chú giải Kinh Pháp Hoa. Nay nền cũ đài kinh vẫn còn.

5- *Truyện ngài Thích Tuệ Triết trụ chùa Long Tuyền ở Tương Châu:*

Thích Tuệ Triết, họ Triệu, người ở xứ Tương Dương. Sư có thức độ rộng sáng, tiết tháo cao xa. Sau khi xuất gia, Sư đi về hướng Nam, đến Dương Đô. Bấy giờ nhằm niên hiệu Văn Xương tại nước Trần, Tam Bảo hưng long. Sa-môn Tăng Chánh Quỳnh Công là bậc tinh lý nhập thần, tịnh hạnh thuần khiết. Người đương thời xưng gọi là Ô Quỳnh. Vua rất mến chuộng kính trọng, thỉnh làm Đại Tăng Chính. Trông giữ thành pháp, làm nơi nương tựa cho mọi vật. Vương tộc họ Trần đều do Quỳnh Công truyền trao quy giới, còn các quan khanh tướng đều không dám đến. Quỳnh Công trụ tại chùa Kiến Sơ. Đến niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (năm trăm tám mươi bảy) đời Trần, bỗng nhiên Sư thị tịch. An táng tại núi Lâu Hồ. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) buồn thương, dùng cờ vàng các thứ trượng gậy đưa tiễn đến nơi tháp mộ. Ban đầu, lúc Sư chưa thị tịch, tại chùa tháp mà Sư đang ở suốt ba ngày ánh sáng hiện chiếu, nhân đó mà cáo chung. Tăng tục đều lấy làm lạ.

Bấy giờ, có Sa-môn Bảo Quỳnh ở chùa Bành Thành, là người khéo giảng nói rất có phong thái, hình tướng trắng đẹp, nên người đời gọi là Bạch Quỳnh. Mọi việc đọc ở biệt truyện. Ban đầu, Sư đến tham dự, nghe ngài Bảo Quỳnh giảng, mở lớn lệnh nghiệp, nhóm chúng giảng nói, thường phát ra âm thanh mới. Vì Tuệ ngộ mà tự kiêu, lại rất có tâm ngạo mạn. Nhân có Sa-môn Đạo Lãng ở chùa Hưng Hoàng là bậc thần biện như kiếm, ít có ai lanh lợi ngang bằng. Nhân đó Sư đến theo nghe giảng nói, qua lại một thời gian, đối đáp vượt xa. Sư rất lấy làm lạ, liền theo mà vâng nghe. Những điều sâu kín nhiệm mầu tự nhiên thông hiểu, mà oai dung vẫn tự kiêu căng, mọi hành động cử chỉ vẫn chấp lấy pháp. Sư từng đi giữa đường gặp lúc sấm sét ầm vang, trời mưa như trút, mà Sư vẫn thong dong như thường, chẳng mất khuôn phép. Khi đó đôi giày bị sủng nước, Sư vẫn để yên đi về đến chùa. Sư đi bộ nhìn thẳng rõ ràng, chẳng liếc ngó hai bên, nếu muốn nhìn phía sau thì xoay thân mình từ từ nhìn lại, không vọng trái vượt. Người đương thời gọi Sư là “Tượng Vương Triết”. Sư lại khéo giữ gìn các căn, tiết lượng bụng miệng, ít tiện lợi tắm gội. Do đó, khi thỉnh Sư đến nhà thế tục, qua thời gian vài ba ngày mà không hề thấy Sư lưu lại dơ uế, nên tiếng ngợi khen tốt lành càng tăng thêm.

Đến lúc Sư giảng Tam luận, do ảnh hưởng của Tuấn Lãng, nên càng tươi sáng hơn trước. Sư dẫn chúng đi ngược dòng về đến Bổn ấp, trụ ở chùa Long Tuyền phía dưới Thiền Phòng Quang Phước, núi Vọng Sở, phía Tây Thành. Sư thường lấy việc Hoằng Pháp làm chánh, các Bộ Niết-bàn, Tam Luận, v.v... cứ đắp đổi nhau giảng nói tương tục. Học sĩ hơn ba trăm vị. Trong đó, những vị thành pháp khí truyền đăng có được năm mươi người, tức như các ngài Tuệ Phẩm, Pháp Xán, Trí Tung, Pháp Đồng, Tuệ Tuyền, Tuệ Lăng v.v... mỗi vị đều tự lãnh đồ chúng giáo hóa.

Đến tháng tư ni6n hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (năm trăm chín mươi bảy) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Long Tuyền, thọ năm mươi chín tuổi, an táng tại chùa núi Tây vọng. Các Đệ tử như Tuệ Tung, v.v... dựng lập văn bia tại chỗ Sư ở. S-môn Tuệ Hưởng soạn văn bia. Ngài Tuệ Hưởng có tài đặc biệt, năng lực tư duy vững mạnh, được Tổng Quản Tiết Đạo Hành rất mến trọng. Ngài Tuệ Tung tiếng tăm học hạnh có lắm chỗ đi suốt. Nay ở tại kinh đô thường mở mang giảng nói.

Bấy giờ ở cùng trong ấp có Sa-môn Hồng Triết là bậc thông suốt Đại Tiểu, thường khai mở Pháp Hội, dùng đạt giải mong kéo dài sự soi sáng của mặt trời trí tuệ, nên tại Tây sở rao truyền gọi là “Trước sau có hai Triết (Tuệ Triết và Hồng Triết) v.v...

6- *Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biểu:*

Thích Tuệ Hằng, họ Chu, Tổ tiên Sư vốn nhà ở Nhữ Nam, cuối đời Hán sụp đổ nên lánh đến đất Giang tả, nhỏ trấn nhà ấy trải qua nhiều đời, nay trở thành người Dương Tiện; thuộc Nghiã Hưng. Ông nội Sư tên Thiều, dưới thời nhà Tề làm Điện Trung Tướng Quân. Cha của Sư tên Phú, dưới thời nhà Lương làm Trường Thủy hiệu úy, đồng thời nép ngưỡng hành môn, chẳng cầu tiếng tăm, ưa du suốt năm, đổi Nông làm Sĩ. Sư dĩnh ngộ thầm lại, trội vượt tiết tháo trẻ thơ. Xét cầu sáu kinh, lược thông Đại nghĩa, bởi vì thường tập của gia giáo chẳng phải cái tốt đẹp ấy.

Năm mười tám tuổi, Sư mới bùi ngùi than rằng: “Tu theo Chu Khổng lấy nhân nghĩa làm đầu. Quy tâm về Hoàng Lão lấy hư vô làm quý. Mà qua lại sinh tử, ra vào đắm chìm, đó là lụy nghiệp trong nội vức, chẳng phải là yếu Đạo xuất thế!” Sư đã phát khởi chí khí ít có, bèn cảm ứng phi thường. Sư mộng thấy một ngôi tháp có năm tầng, đắp họa trang nghiêm, sừng sững cao vợi. Nhân đó, Sư lễ bái nguyện được lên

tháp ấy, chỉ trong khoảnh khắc bỗng lên tướng luân, khi ấy thâm tâm vui sướng chưa từng có. Đang lúc sắp đến Kinh ấp, đường đi lần theo Chu phương, gặp được Pháp Sư Hủ ở chùa Trúc Lâm, cùng khen ngợi tán thưởng. Sư bèn nương tựa xuất gia, cầu làm Hoà-thượng trao truyền mười giới. Sau đó, Sư đến thành đô, trụ chùa Cam Lộ Cổ. Sau khi đã tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư lại theo Luật Sư Phong ở chùa Tịnh Chúng, học Luật Thập Tụng, lại nghe Pháp Sư Xước ở chùa Long Quang giảng Luận Thành Thật, để tâm chú ý vào Tỳ-đàm và Bát Kiền-độ. Sắp được đến chỗ Bí áo, nhặt hết Thanh hoa. Sư lại theo Học Sĩ Đại Tăng Đô Pháp Sư Thư ở chùa Long Quang, nghiên cứu tinh yếu của Thành luận. Và khi Pháp Sư Thư thị tịch, Sư đích thân thọ nhận di chúc. Gặp lúc nhà Lương suy bại, chùa viện ở kinh thành hoang tàn, Sư bèn xé xiêm chống tích đến trụ ở Nam Từ, thật là báo đáp Địa Ân, kiêm tu Pháp sự.

Đến lúc Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên, năm trăm năm mươi bảy-năm trăm sáu mươi) thời nhà Trần tại Điền, Chu Phương trải qua xem xét. Sớm vâng thừa cao dự, cũng khâm phục kính trọng. Tư Không Hầu Công Thứ trấn nhậm tại châu ấy, tâm rỗng rang cung kính. Đến niên hiệu Vĩnh Định thứ ba (năm trăm năm mươi chín), Hầu Công vào Phủ, bèn thỉnh Sư ra thành đô, trụ chùa Bạch Mã giảng Kinh Niết-bàn và Luận Thành Thật. Học chúng nhóm họp chẳng quản đường xa ngàn dặm, mồ hôi nhễ nhại, xốc tay áo che gió mưa mà tìm đến. Sự hưng thạnh của Pháp diên chẳng lúc nào hơn.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ hai (năm trăm sáu mươi mốt) đời Trần, tất cả hai trăm bảy mươi vị như Học Sĩ Bảo Trì v.v... thỉnh Sư đến giảng ở chùa Tương Cung, qua niên hiệu Thái Kiến thứ tư (năm trăm bảy mươi hai) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc thỉnh Sư dời về giảng tại Đông An. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) trước kia ở tại Xuân Phòng, chóng qua nghĩa tập Tăng thuộc, tài biện hùng hồn cao xa, đặc biệt đầy tâm, đến lúc tiếp nối ngôi báu (năm trăm tám mươi ba-năm trăm tám mươi chín) cũng rất kính ngưỡng. Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (năm trăm tám mươi ba), Hậu chúa ban sắc thỉnh Sư làm Kinh Ấp Đại Tăng Đô. Đến niên hiệu Chí Đức thứ tư (năm trăm tám mươi sáu) lại chuyển làm Đại Tăng Chánh. Đến lúc trong nước hỗn loạn, Sư lại dừng ở tại Từ Phương, đủ duyên hội ngộ thì Sư hoằng khai giảng nói, không suy giảm thời gian thứ lớp.

Đến ngày mồng mười tháng bảy niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (năm trăm tám mươi chín) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Trung, thọ bảy mươi lăm tuổi. Qua ngày hai mươi tám tháng bảy, an táng tại đỉnh núi

Chung Sơn. Sư là người hạnh nghiệp thanh cao, linh kỳ hưởng ứng, thần thông cảm vời, chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Xưa kia, dưới thời nhà Trần, mỗi năm trong mùa Hạ, thường thỉnh Sư đến Lạc Du Uyển. Vì Thất Tổ của giòng họ nhà Trần cùng các thần trong sáu miếu ở Dương Đô mà khai mở giảng các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm. Và đều đón rước thần tọa ở trước nhà giảng, do đó mà cờ xanh lọng Khổng Vũ phục xiêm đỏ, giao loạn vật người kinh thần lòa mắt, nhưng qua lại đón đưa hẳn có rải mây mưa, thầm mong không trái ý có hơn mười năm. Sư thường giảng trước ăn sau, tạm thời nằm nghỉ. Và lúc giảng sắp đến, liền thấy người mặc áo đỏ bảo rằng: “Pháp Sư khéo đến!” Trần lãnh quân Tướng Quân nhân Trung, thưở thiếu thời làm Tướng soái rất ưa thích săn bắn, nhưng sớm có gieo nhân lành, cơ duyên tốt sắp phát, thấy trong bếp các thứ thức ăn đều phát ra ánh sáng kỳ lạ, trông thấy mà lấy làm quái lạ, nên có tâm lo sợ. Ban đêm mộng thấy có một người lạ đến bảo rằng: “Nếu thỉnh Pháp Sư (Tuệ Hằng) giảng ở Đông an, thì điềm thấy sẽ không phải lo buồn.” Thế rồi thức giấc, mừng vui hớn hở, các thứ lưới lờ tên dây; dụng cụ săn bắn đồng một lúc đem đốt hết. Bèn cúi mình qua hai mùa hạ đến tại phủ nghe Sư giảng nói. Và nhân đó mà sám hối, vâng trì hai kinh, thọ giới bất sát, nên các thứ linh tích của Sư thật rất nhiều, ở đây chưa trình bày trong muôn một.

Sư giảng Luận Thành Thật Huyền Nghĩa sáu mươi ba biến, Luận văn mười lăm biến, các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm mỗi bộ hơn hai mươi biến. Suốt năm mươi năm, ngài chuyên ròng Pháp sự nối nhau. Ngoài ra còn các bộ khác, ở đây lược qua không ghi chép. Sư có các đệ tử thọ giới Bồ-tát như Tư Không Ngô Minh Triệt v.v... Công hầu Tướng Tướng quý du Triều Sĩ hơn mấy ngàn vị, khó có thể ghi hết. Đệ tử Trí Du, v.v... cho rằng âm ba dung nghi Sư không còn nữa. Ngoài ra, các luận sắp không, nếu chẳng có Phong bia kia thì không do đầu để phô bày thanh danh đúng như thật, bèn khắc bài Minh vào trong chùa. Đệ tử thọ giới Bồ-tát soạn Lang Da Vương Trụ chế văn.

7- Truyện ngài Thích Tuệ Bật trụ chùa An Quốc ở Thường Châu:

Thích Tuệ Bật, họ Tương, người ở xứ Nghĩa Hưng; thuộc Thường Châu. Ông nội Sư là Huyền lược, vì trung hiếu mà đăng Triều. Cha của Sư là Nguyên Huống nhờ tài hoa mà đãi chiếu. Đều mang Ấn thao, đồng tấu đàn, v.v... Người chú của Sư là Nguyên Cử là bậc Công thần

đời Trần. Sân bày chiêng trống, đường trải Tam Tứ (xe ngựa ba con, và xe bốn con). Khách ngựa xe chen đầy thềm cấp, khách đàn sáo đông chật chỗ ngồi. Thấy Sư ở độ tuổi học trò mà tinh thần sáng ngời, mọi người đều lấy làm lạ và ngợi khen rằng: "Ông này nếu gặp được Phụng Đức thì sẽ có tài giúp Vua. Đã nổi trội gò má rồng, ắt ứng với Phong hầu." Nhưng tâm tình Sư có chí muốn xuất tục, nhân đó mà đáp rằng: " Cái quý của Vô Vi có thể dùng để vui tình, phiền có tiếp đãi không lao nhọc đến người!". Khi đó, Sư liền chỉ ăn dùng rau quả đợi chờ, bèn nghĩ thoát cởi giày.

Đến đời Trần, Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) như rồng bay, dựng lớn phước nghiệp. Niên hiệu Vĩnh Định thứ hai (năm trăm năm mươi tám), Sư thân hành áo mão, cắt bỏ lưới vây. Ba y mọi vật đồng một lúc thông cấp. Sư bèn đến chùa Huệ Điện làm đệ tử Pháp Sư Lãnh. Pháp Sư Lãnh là cây tre nhỏ ở Đông Nam, mà tiếng gió làm chấn động ao đầm. Vương tộc thấy tăng xoa hương là chúc. Sư đến gần gũi vâng thừa nhã huấn, nghe nhận Luận Thành Thật. Năm Sư hai mươi tuổi, Su đến Hoài Hải, gặp ngài Bảo Lương. Minh thượng đang thạnh truyền bá Luận Thành Thật bản mới dịch. Hoảng Công ở chùa Thiên cung lại phụ giảng Tâm luận. Sư bèn hết lòng tìm xét, chuyên hết nguồn giáo. Do đó, Sáu Túc luận, tám Kiền-độ, bốn Chân, năm tụ, Sư đều thấu suốt như chỉ tay trên lòng bàn tay, không lầm để sót.

Niên hiệu Thiên gia thứ nhất (năm trăm sáu mươi) đời Trần, Sư đến các trường giảng, bên cạnh tìm cầu những bậc tài giỏi, thấy đủ trăm lương, tỏ ngộ sự thấp hèn của cỏ tranh, thường lên ba hưu, buồn vì nỗi xấu xa của thềm đất. Sư bèn bỏ Tiểu theo Đại, dời vết Cựu chương, nghe nối tiếp sáng người Triết Công mở mang bốn luận. Sư nghiên cứu pháp vị mới mấy tuần mà tinh thông Huyền Cực. Vậy đủ biết Đại Trí Bổn hành đồng sáng như nhật nguyệt. Danh xưng vang rộng cùng xa như gió mây. Nhưng Sư thần tư trầm uất, từ nhã nén nâng, cắt rễ bàn của muôn xưa, soi nhà tối đã trăm năm. Tại Chiết Tả rất khâm phục đức hạnh Sư so với Giang Đông.

Đến niên hiệu Thái Kiến thứ mười (năm trăm bảy mươi tám) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc mời Sư đến trụ chùa Báo Đức ở Trường Thành, giảng kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Chư tăng đông đầy giảng đường, Cư sĩ đầy chật chỗ ngồi. Mọi người đến hỏi nghi thức cầu đạo, tiếp gót thành rừng. Thọ giới tựa nương bày vai đông như chợ, không ai chẳng cho rằng: "Cỏ hương trăm bước", hoặc "Bậc Thánh ngàn năm". Không bao lâu, Triết Công sắp thị tịch, bèn sai sứ mời Sư

về lại kinh thất. Ghế loan, phất trần, kinh sách nghĩa sớ, dự bày giảng nghi, tất cả đều giao phó cho Sư, muốn cho bánh xe chánh pháp chẳng ngừng xoay, hạt giống Phật nảy nở nối nhau. Sư bèn đãnh lễ thọ nhận di lệnh. Trải qua sáu năm, Sư bày giảng kinh luận mỗi bộ đến mười biến. Điều tốt lành của việc trao truyền lại thấy được ở nơi Sư.

Đến lúc nhà Tùy đánh tội, thời vận nhà Trần kết thúc, Sư nghĩ muốn báo Ân đất, nói trở về quê cũ. Có chùa An Quốc do vua Võ Đế (Trần Bá Tiên năm trăm năm mươi bảy-năm trăm sáu mươi) đời Trần xây dựng. Nền móng hiện còn mà phòng nhà đều đổ nát. Sư bèn mạo phạm sương mốc, chấn tích hun khói, rộng khuyến khích bạn lành, nguyện cùng sửa sang lại, nên chùa viện được sáng đẹp, cửa phòng trang nghiêm. Pháp Sư Chân Quán soạn văn bia chùa, viết rằng: "Gạch hoa đá cẩm sắp xếp nhiều thềm bằng, mùa hạ rêu phong, mùa thu sen nở, xoay quanh trang nghiêm, tháp đứng sừng sững. Trăng đến nguyệt điện lẫn lộn trên vách chiếu soi nơi làn sóng vàng. Ánh mây, đài mây, họa rường nương nơi lá ngọc. Còn như kinh tượng được sửa sang, chuông khách sắp đặt theo khuôn phép, ấy là Pháp lợi, đâu thể nói hết được!"

Đến tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười chín (năm trăm chín mươi chín) đời Tùy, Sư bị bệnh khí, có cảm giác di lưu. Qua giữa tháng ba, vào giờ ngọ, Sư thị tịch thọ sáu mươi ba tuổi, an táng tại núi Hoa Dương. Học sĩ Sa-môn Tuệ Phương là người nương tựa Sư lâu năm, nghĩa giải sâu mầu, có khả năng nhận lãnh việc truyền đăng, đều vâng theo di chúc, dựng lập văn bia ở tại chùa.

8- Truyện ngài Thích Linh Dụ trụ chùa Diễn Không ở Tướng Châu:

Thích Linh Dụ, họ Triệu, người ở xứ Khúc Dương; Cự Lộc; thuộc Định Châu. Từ thưở nhỏ, Sư đã có hành vi khác lạ cảm kích đến người. Mỗi lúc thấy nghi tượng sa-môn, thân tâm Sư tùy kính, nghe tiếng loài vật bị giết hại Sư cũng xót xa cõi lòng. Đến nỗi khiến trong làng xóm vang nức tiếng thơm, mọi người gần xa vì thế mà bỏ việc giết hại.

Năm sáu tuổi, Sư đã biết thọ giới. Cha mẹ cưỡng ép bỏ giới, Sư tự nguyện trong tâm chẳng phá. Bỗng trao cho Sư Chương Bổn, có đến ngàn văn, từ tối đến sáng Sư đã viết tụng đều xong. Còn như Hiếu kinh, Luận ngữ, Sư mới đọc văn từ liền gồm thông chú giải. Do đó, cha mẹ Sư rất mến quý, mong Sư tiếp nối môn phong. Năm bảy tuổi, Sư xin phép cha cho Sư xuất gia. Nhưng cha Sư cho rằng tuệ giải sớm thành, ý chính là tiếp nối ở đời, quyết thề không chấp thuận. Chỉ bảo Sư học theo thế

tục chuyên tìm việc đời, đâu ngại chi đến Đạo Pháp!” Sư than rằng: “Đã bảy tuổi mà không được xuất gia, là một đời hư hoại!” Sư bèn đọc thông các thứ sách vở vốn có nơi Cha, Anh, đều bao gồm mọi điểm dị đồng, thầm hợp đến chỗ sâu kín. Chỉ Lão Trang và Chu Dịch, chưa dự thừa truyền đến năm mươi lăm tuổi, Sư ngầm muốn trốn đời, gặp phải lúc cha qua đời, Sư phải theo thế tục nằm chiếu cỏ chịu tang, trơ trọi vây quanh, chống gậy mới có thể đứng dậy. Rất nhàm chán cuộc đời, tâm ý mạnh mẽ nhưng Sư không dám giã từ mẹ, Sư lặng lẽ sang chùa Ứng Giác ở Triệu Quận, đến chỗ hai Thiền Sư Minh và Bảo xin xuất gia. Hai vị ấy cũng là người Phiếu Lãnh ở Đông Xuyên.

Thế rồi, ban đầu thấm nhuần Đại Pháp, được thầy chỉ bảo tụng kinh. Sư nắm lấy quyển kinh mà phát lời thề rằng: “Nay tôi sắp học, trước phải cần tâm. Lời sâu mầu trong ba Tạng, nhất định phải thấu cùng yếu chỉ, cuối cùng không ở vào hạng Trung lưu, hạ lưu. Đến như hai giáo Nho Thích, phải thông hiểu khắp!” Năm hai mươi tuổi, nghe Luật sư Tuệ Quang là bậc tài giỏi ở Nghiệp Hạ. Sư bèn đến đó để nương tựa thọ học, lại không may Luật sư Tuệ Quang vừa thị tịch mới bảy ngày! Riêng mình Sư than thở không gặp được, giới luật biết nương tựa vào đâu! Sư bèn trở về chỗ Pháp Sư Phùng, nghe học Địa Luận, dần dà dưới Pháp tịch trọn ba năm.

Năm hai mươi hai tuổi, Sư mới tấn đàn thọ giới cụ túc, lại phải trở về nương tựa đức của hai Thiền sư Minh và Bảo, cầu làm Bổn Sư. Hai Thiền sư đều từ chối bảo rằng: “Ta không duyên với Ông, ta chẳng phải thầy Ông. Ông hãy đến những chỗ tốt hơn”. Sư bèn đến Định Châu mà thọ đại giới. Liền tụng hai Giới Bổn Tứ Phần và Tăng-kỳ, tự tay biên viết văn đó, chỉ trong tám ngày mà ngài viết và tụng đều xong. Có Thứ sử Định Châu là Hầu Cảnh thưa hỏi về Đạo hạnh của Sư, bèn tấu trình xin độ cho Sư thuộc vào Công danh, rất được quý trọng. Sau, theo hướng Nam, Sư đi đến Chương Phủ, tới chỗ Ẩn Công, học luật Tứ Phần. Hễ nghe được gì thì Sư ghi chép điều ấy, thành được năm quyển và thực hành theo đó. Lại vì Địa luận lúc đầu Sư nhờ Pháp Sư Tuệ Quang mà Khai Ngộ, truyền bá mở mang dẫn dắt. Ngài Đạo Phùng và Tuệ Quang đều có biệt truyện. Ngài (Linh Dụ) nương tựa Pháp tịch ngài Đạo Phùng. Sớm tối tu thông, phát hiện kỳ đặc, phát hiện điều mới, đều cùng suy tập.

Có Vua Tuyên Đế (Cao Dương năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời Bắc Tề hoằng truyền thạnh hành kinh Phật. Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng oai thế trùm khắp các anh tài, người Học ngóng

trông Đạo phong, ảnh hưởng nương nhờ dùng làm bến bờ kiêu hãnh. Chỉ có mình Sư cậy vào tiết tháo chuyên tinh cao vời chẳng sánh với người thường. Chỉ lo nghĩ chưa nghe điều đáng nghe, dùng làm kiều kết. Sau, Thượng thống rất gượng sự cao sáng nên khâm phục và kính trọng Sư. Từ đó, Sư chuyên học các Bộ Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Địa Luận, Luật Bộ, đều rộng tìm cựu giải, gom góp mới lạ. Chỉ có các bộ Đại Tập, Bát-nhã, Quán Kinh, Di Giáo, v.v... về phần sớ giải Sư rút nghĩ từ trong lòng ngực, chẳng do thầy giảng trao. Sư lại theo ba pháp sư An, Du và Vinh nghe giảng Tạp Tâm nghĩa, theo hai Pháp sư Tung và Lâm học Luận Thành Thật. Sắp tròn một năm, Sư hiểu suốt Nhị Thừa, cương lãnh còn đầy đủ khoa cử, mà tinh sáng rộng giúp Lý, Tướng đều thông. Sư từng cùng chư tăng đồng bàn nói về Nho giáo, bên cạnh có giảng tịch, dự nghe qua thời gian, cả hai thứ nghe đồng tán giải. Cuối cùng dùng Tướng nghe để đáp cú nghĩa, đều không sót mảy may. Do đó ở Nghiệp Hạ Sư chiếm danh, xa gần đều nổi tiếng. Vả lại, Sư vẫn thẳng thắng, nghiêm nghị giữ lấy tiết tháo tự chuyên. Đến nơi Đô giảng cố gắng đáp thuật, ôm hoài bão chẳng tuỳ nhậm, người đời cùng Đạo, Sư trông tiêu tiếng lánh ẩn. Có việc chẳng thôi được thì Sư nhường mà nhận. Mùa hạ an cư năm thứ mười hai, Sư mới bắt đầu giảng mà danh tiếng đã rõ bày, ngôn lệnh như mới. Mọi người dự nghe nương tựa, bèn gọi Sư là "Dụ Bồ-tát". Và đều theo lãnh thọ ba nhóm tịnh giới. Đại Pháp từ đó được truyền rộng.

Vì dẫn dắt mọi vật, Sư lấy làm việc thường. Ý vẫn còn giữ cương lãnh, chẳng nương nơi chương cú. Còn như có sự trước sau giảng giải lại ngôn nghĩa chẳng đồng. Người quên nôm thì hội được Tông quy. Kẻ theo văn thì mất thú hướng rộng xa. Gặp lúc Tề Hậu bị bệnh, cầu nguyện giảng Kinh Hoa Nghiêm, các vị Chiêu Huyền Thống đề cử Sư làm Pháp Chủ, bốn phương nhóm họp một nơi, xứng hợp với ngày trước. Bấy giờ có con gà trống thường theo chúng nghe giảng, đợi đến lúc tan giảng mới kêu lớn, bay lên trên cây cao ở phía Tây nam ngủ qua đêm rồi chết. Bỗng nhiên bệnh của Tề Hậu có giảm. Đó cũng là minh ứng của cảm thông. nội cung do vậy mà dâng cúng 300 bộ pháp phục Ca-sa, Sư đều nhận mà ban phát hết. Trong đời vua Văn Tuyên Đế lập chùa chẳng chỉ một ngôi, vua ban sắc mời những vị Cao Tăng Đức Vọng đến trụ ở đó. Bổng lộc nước nhà cung cấp trọng đãi. Bấy giờ, Sư đang hun đúc làm xứng thủ. Vua thỉnh Sư ở chùa Quan. Sư cố từ chối mà nói rằng: "Ý nước nhà rất sâu nặng, Đức lớn chẳng phải ở người này, mong trao lợi này cho vị nào có đủ khả năng nhận lãnh!". Sư từ chối vinh hạnh

trong thời thế đại loại như vậy. Có thiện sinh pháp cúng thì Sư thọ nhận mà không sợ. Sư nhiếp dẫn đào luyện, hoằng hóa lại như thế. Nên mọi hạnh tàng ẩn của Sư, người đời chẳng lường biết được!

Năm bốn mươi bảy tuổi, gần tri mạng, Sư bèn lắng đọng nhất tâm chú tưởng thiền lự nơi hang núi. Phạm Dương Lư thị nghe Đạo phong Sư mà từ xa mời thỉnh. Sư thừa cơ hoằng tế chẳng vướng mắc ở hành lý, Sư bèn đến đó, dừng ở giảng cúng, thường đông cả ngàn người. Thính chúng mừng vui trước sau lớp lớp. Sau, Sư trở lại Nghiệp Hạ, cùng các vị Pháp Sư thay nhau giảng nói. Tề An Đông Vương Lâu Duệ rất mực kính trọng chư tăng, lần lượt đến trước Sư, bất chợt kinh sợ toát mồ hôi, trở về hỏi mọi người mới biết đó là Dị độ, liền vâng thỉnh Sư làm giới sư. Chùa Bảo Sơn là nơi Sư qua đầu tiên, Lâu Duệ làm thí chủ, dốc cúng vàng bạc của cải. Đức ngầm của Sư cảm hóa người là như vậy.

Lúc nhà (Bắc) Chu diệt nhà (Bắc) Tề, Phật giáo Đạo Giáo đều bị hủy hoại, Sư bèn ẩn hình trong đời, dùng ba thăng vải bố cắt vá làm áo mặc. Đầu quấn vấn sợi gai như chịu tang cha mẹ. Sư phát thệ nguyện nếu Phật pháp được hưng thạnh trở lại thì Sư mới tiếp nối nghi phục xưa cũ. Sư dẫn đồng bạn hơn hai mươi vị ở nơi xóm làng, ban đêm bàn luận chánh lý, ban ngày đọc sách thế tục. Học đã tham cứu đến sâu mầu, hễ thấy gì thì bèn viết lại. Mỗi thứ đều có bộ loại. Tên sẽ trình bày ở sau. Lúc đó, gặp năm đói kém, không có đường tìm ra lương thực, Sư bèn soạn một quyển sách bói toán, bảo bói đoán lấy giá, mỗi một ngày hai thăng gạo, đều đều như thế. Thế rồi lời nói như biết đến, người nghi rất đông, có được gạo rất nhiều. Sư tự bảo: “Người Dân trước kia có nói: “liếm mật nơi mũi nhọn sẽ bị tổn thương”, xét ở ngày nay”. Bèn đòi lấy sách bói toán ở trước mọi người mà đốt bỏ. Ngày khác đến, khoảnh khắc được giá, bèn quấn chiếu mà trở về. Được bao nhiêu lương thực thì kịp thời trở lại, để cung cấp cho mọi người đồng nguy ách, đủ được cả năm.

Đến lúc nhà Tùy khởi vận, phật pháp xương minh trở lại. Đức hạnh Sư ngời sáng, những vị tài giỏi lúc trước thảy đều tham dự sưu tìm tâng bốc. Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (năm trăm tám mươi ba) đời Tùy, Thứ sử Tương Châu là Phiên Thúc Lược, bắt đầu mở giảng hội, thỉnh mời chư tăng, đều lập tiết trước, nêu bày dị Pháp, minh ký. Đồng một lúc ảnh hưởng, ngàn kế đầy cửa. Sư đang ở đầu ngôi vị, được sung làm Phó Huyền Vọng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) có ban sắc bảo lập Tăng Quan. Phiên Thúc Lược bèn đề cử Sư làm Đông thống. Nhân đó, Sư nói với Phiên Thúc Lược rằng: “Đức của Đô Thống thì đức của tôi

đây chẳng phải đức ấy, Dụng của Đô Thống thì dụng của tôi đây chẳng phải dụng ấy. Đã không phải Pháp khí của đức dụng ấy, thì sự lý khó theo". Mọi người đều nói: "Bỏ người này (Linh Dụ) thì việc tiến cử mất cương yếu". Sau đó, Phiên Thúc Lược lại tỏ bày thỉnh mời, ngài mới đến xứ Yên Triệu, suốt năm năm hành hóa, đạo phong vang động khắp cả Lưỡng hà.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (năm trăm chín mươi) đời Tùy, đang trụ chùa Linh Thông ở Lạc Châu, ban đêm ở trong sân viết một Điệp văn, nói về mạng báo ách ở Hàm Dương. Ban đầu, không ai lường biết như thế nào. Qua đến năm sau, Vua Văn Đế tôn trọng kính ngưỡng Phật giáo, xa hỏi những đứa trẻ tài giỏi. Tất cả đều nói: "Ngài Linh Dụ đức hạnh bao trùm, hiện thời đáng trông vọng!" nhân đó, Vua ban sắc chiếu rằng: "Kính hỏi Pháp Sư Linh Dụ trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu; Trẫm kính vâng tôn sùng Tam Bảo, tâm quy hướng sâu xa, chỉ nguyện mở mang Đại thừa, hộ trì Chánh Pháp. Pháp Sư là bậc Phạm hạnh tinh thuần, lý nghĩa sâu xa, rộng thông Huyền giáo, khai mở dẫn dắt cho kẻ mù điếc. Kẻ tăng người tục thảy đều kính trọng khâm phục, nghĩ muốn làm ruộng phước. Người dân ở chốn kinh đô thảy đều trông ngóng, mọi người ở bốn phương xa đua nhau tìm đến. Ở nơi xa mời thỉnh Pháp sư, cùng xây dựng Công nghiệp. Pháp sư nên hiểu ý trẫm, sớm vào kinh!" Sư nhận được thư, chỉ nói: "Nguy ách của Hàm Dương, xét ở tại đây! Nhưng mạng có tùy gặp, có thể viện cớ bệnh mà từ chối!" Sư lại nói: "Khi nghiệp duyên đã đến, Thánh cũng khó chống trái". Sư bèn đi bộ vào Trường An, chẳng cưỡi xe quan. Năm đó, Sư đã bảy mươi bốn tuổi.

Vua Văn Tuyên Đế ban sắc sai người thỉnh Sư trụ chùa Hưng Thiện. Vua bèn ban chiếu cho Sở Ty nhóm họp chư tăng đức vọng, bình phẩm thiết lập Quốc Thống. Đại chúng bàn nghị đều phó thác vào Sư không một văn từ nào khác. Sư cười, bảo: "Đang thông với nhau, sao dùng v.v...?" Sư bèn dâng Biểu Văn, liền y theo đó chấp thuận để Sư trở về. Bộc xạ Cao Dĩnh, v.v... trong ý vẫn còn thống thiết, xem trọng, lại dâng Biểu Văn thỉnh Sư lưu lại, Vua liền ban sắc cho Sư ở nghỉ đó. Sư bảo: "Chủ nghĩa của một nước không có hai lời. Nay lưu giữ lại, tình chưa thể được!" Sư bảo với Môn nhân rằng: "Vua quan gần gũi lâu có lời thề rằng: gần thì khinh lờn người, xem thường pháp, lui về thì không ai chẳng xa kính. Nên ta châm chước phải trái". Sau đó, lại có ba lần vua Văn Tuyên Đế ban sắc cố thỉnh, nhưng Sư vẫn gìn giữ như trước. Vua nói với Tô oai rằng: "Trẫm biết pháp sư Dụ là người cương chánh,

là người tự tại. Thật không thể làm khuất phục tiết tháo của người!" Vua bèn ban sắc, Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Bộc Xạ Tô oai nhận lời mừng vui, các ông Tổng Quản Hạ nhã Bật v.v... đến chùa tuyên chỉ, thay thế vua thọ giới sám tội. Và đưa các thứ vải vóc, y phục, ba trăm xấp lụa ủng hộ xây dựng chùa núi. Vua tự viết biển ngạch hiệu là "Linh Tuyền", giúp tặng ưu cấp có tiêu chuẩn hơn bình thường. Sư tùy sức đi bộ về đến Bổn ấp, nhìn lại rồi nói rằng: "Tệ ách qua lại chẳng mất ư?" Do đó, Vua ban sắc hỏi han thường vội vàng, cung cấp cúng dường chất chồng. Những người có nghi cầu xin giải quyết không nơi xa nào chẳng đến. Những người ảnh hưởng phong thái, gội mình trong Đạo lại kết tụ như trước.

Sau cùng, Sư lại đến trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu thuộc Trị Tây, nắm giữ tiết tháo càng bền bỉ, dẫm đức hạnh càng trang nghiêm. Vua Văn Tuyên Đế nghe thế, lại ban sắc chiếu rằng: "Kính hỏi Đại đức Pháp Sư Linh Dụ ở chùa Diễn Không; Trẫm kính ngưỡng Thánh giáo, trùng hưng Tam Bảo, muốn cho tất cả Danh linh đều được đượm nhuần phước lực. Pháp Sư xả bỏ xa lìa trần tục, gieo mình trong yếu chỉ Pháp môn, tinh thành như thế, rất xứng hợp với lòng Trẫm!" Sư được Quốc chúa thăm hỏi đại loại như thế.

Vào niên hiệu Nhân thọ (sáu trăm lẻ một-sáu trăm lẻ năm) Vua Văn Đế phân bố xá-lợi. Ở các châu xây dựng tháp báu phụng thờ, có nhiều điềm biến hiện, người đương thời đều mừng vui cho đó là điềm lành. Sư nghe thế mà than rằng: "Tướng ấy là họa phước đều phô bày! Do tạp hoa trắng, cây trắng, tháp trắng, mây trắng cùng hiện duyên tốt lành, đó là điềm xấu!" Lúc đầu, mọi người đều không tin lời đó. Không lâu sau, Hiến Hậu và Vua Văn Đế đều băng. Cả một nước đồng mặc áo trắng. Lời nói của Sư mới thật có chứng cứ! Thứ Sử Tương châu là Nội Dương Công Tiết Trụ, tảng đá nơi nhà ở bỗng nhiên biến thành ngọc. Tiết Trụ cho đó là điềm lành bèn thiết trai cúng dường để mừng. Sư bảo: "Đó là lưu ly! nên phải cẩn trọng răn dè, Hãy cầu cúng để tạo phước." Nhưng Tiết Trụ không nghe theo lời. Sau, Dương Lượng khởi nghịch sự việc có tương duyên, bèn bị lưu đày đến biên giới. Hối tiếc lời xưa không thận trọng thì đã muộn màng. Lại, tại núi Hàn Lăng xây dựng một ngôi tháp báu chín tầng. Cuối niên hiệu Nhân thọ (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, chỉ mới xây được bốn tầng. Một buổi sáng, bỗng nhiên ngài thúc giục rằng: "Tất cả đều vô thường, sự việc có chướng tuyệt". Bèn suốt đêm xây dựng, mới sắp xong tầng thứ tám, bỗng có lệnh cấm không được làm, chỉ được thiết tòa đặt ghế. Gặp phải sự cố Tấn Dương,

mọi người không thi thố tay chân. Sư bảo lại phải đợi đến năm sau. Mọi sự sáng suốt thấy biết trước của Sư đều đại loại như thế.

Khi đó, ở Nghiệp Hạ có lời rằng: "Pháp Sư Linh Dụ sắp qua đời!" Kẻ tăng người tục đồng nhóm họp rất đông bẩm thọ quy giới. Phỏng Truyền lời ấy không theo. Sư cũng tin phước mạng đã đến lúc hết, bèn chỉ bày răn dạy thiện ác. Sư khuyên môn nhân đệ tử theo Giác ngộ chẳng hơn. Đến ngày thứ bảy, ngài cầm bút làm hai bài thơ. Bài thứ nhất là "Buồn mau kết thúc". Sư viết rằng:

"Hôm nay ngồi nhà cao, sáng mai nằm trên gai
Một đời hẳn đã trọn, lai báo bao giờ dứt!"

Bài thứ hai là "Buồn vĩnh viễn mất", Sư viết rằng:

Mạng dứt, xa đường người xác đưa trước cửa Quỷ
Từ sau lần biệt này, năm nào gặp lại ư!"

Đến đêm tối, Sư bảo thị giả rằng: "Nay đau ở lưng, ta sắp đi rồi!" Đến canh ba bỗng nhiên cảm thấy có mùi thơm lạ khắp phòng. Trong ngoài đều kinh ngạc. Sư tĩnh lự, miệng niệm Phật nối nhau đến lúc mặt trời ló dạng thì Sư thị tịch tại chùa Diễn Không, thọ tám mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, buồn bã xao động cả chùa núi. Sau đó, an táng bên cạnh chùa Linh Tuyền ở Bảo Sơn, xây tháp báu cao nghiêm.

Ban đầu, Sư thanh bạch trinh thuần, nghiêm khiết bản thân, chánh khí như mây xanh. Khí thức vững chắc, sáng suốt dấu vết ngoài trần. Thầy trò truyền trao nhờ đó mà được người. Thân có ánh sáng trắng soi chiếu nơi u tối, liếc lên cao nhìn thấy xa gần, vâng phụng cấm giới tự giữ, dứt bặt sự đời phiền toái. Chí thành nương Đạo, khắc niệm ngang bằng bậc Thánh. Mẹ của Sư bệnh đến lúc trở nặng, Sư tìm về thăm thì đã qua đời. Giữa đường nghe tin, cuối cùng Sư chẳng được gần. Sư than rằng: "Ta đến thăm mẹ, giờ thấy nơi nào!" Nên trở về chùa tạo phước cho đời sau." Sư cắt bỏ thân ái đại loại như thế.

Còn như khuôn phép hoằng Pháp, then chốt chính của muôn đời, ý chí còn ở nơi xa lớn, chẳng hạn cục riêng trao, nên có đơn giảng hai thời để làm độ thường. Lược văn đối giảng sinh thường, chẳng kinh chắc chắn có truyền giảng, nhưng cốt yếu phải mời thỉnh, cung thừa ngưỡng vọng mới lên Pháp tòa. Có một nơi nọ, Sư giảng gần một nửa, nhân nghỉ dạo xem, đến gần bên vườn kiệu. Sư hỏi đó của ai, có người đáp là của giảng chủ. Sư bảo: "Khởi đầu của Hoằng Pháp là dứt trừ gốc lỗi, nghiệp ác chưa nghiêng đổ, thanh tịnh thông suốt ở chỗ nào? Giảng hội này

không thể tiếp tục nữa, nên giải tán đi, và Sư liền cầm lấy tích trượng, mang y mà từ giã đi ra. Giảng chủ thưa rằng: “Pháp sư chỉ giảng, việc này dễ trừ, lại không đáng phải lo”. Liền mượn cày cuốc và dân làng đồng một lúc phá bỏ hơn bốn mươi mẫu kiệu, sau đó trồng lúa. Tăng tục đều y theo đó. Sư ngôn hành không trái vượt, thật chỉ một người mà thôi! Sư giảng ngộ của Sư đầu nhỏ sau lớn, hơi tiếng oai hùng vang xa, đối biện không vấp váp, nói năng ít trùng lặp. Hoặc một chữ bàn hoàn động dời mấy ngày, hoặc trong một chỉ bèn tiêu mấy quyển, cho đến giảng sau lại đổi khoa trước, thêm bớt vào ra, tùy cơ mà bày lấp. Đến nỗi khiến các người học nghi ngờ. Sư bảo: “Đó là khuôn phép rộng lớn của bậc Đại Sĩ, đâu thể dùng tình thường mà đoán được”. Nên mới mười hạ đầu mà Sư đã làm Lãnh tụ, mọi người đều nghiêng cung kính. Hoặc có lúc các vị đại đức đồng nhóm họp trước, vì tình mà đùa cợt, nhưng khi Sư vào pháp tịch, không ai chẳng nghiêm túc tự gìn giữ lấy mình, mọi ồn náo chợt tĩnh lắng. Do đó, ni chúng chẳng dám tham dự dưới tòa. Tánh Sư ngay thẳng, oai dung sáng ngời, mặc đồ vải xấu. Với người sang quý hay kẻ thấp hèn, Sư đều tiếp đãi như nhau. Đi lại do tự Sư, từng không đưa đón. Nên các hàng Thông Nho Khai sĩ chứa nhóm điều nghi, thưa hỏi quyết nghi, nghệ thuật dị năng ôm sách trình giải, đều đảnh lễ nhận thọ, hết lời khen ngợi, lời không thể tả hết tình. Có thể gọi là ngồi trấn giữ nhã tục ở người ấy (Linh Dụ). nên tại Nghiệp Hạ có lời rao truyền rằng: “Pháp Sư Diễn nhiếp phục đạo mà không nhiếp phục thế tục, còn Pháp Sư Dụ thì đạo tục đều nhiếp phục.” Thật ra Sư đối không nghĩ suy, phát lời thành luận cho nên như vậy.

Sư lại xây dựng các phước nghiệp, chùa viện linh nghi. Sau, tại Bảo Sơn, Sư tạo lập một ngôi khám đã lấy, tên là “Kim Cương”, do ngài Tánh lực trụ trì. Mặt hang Na-la-diên riêng khắc tướng của Pháp tạng. Núi sâu rừng vắng, lời thiết việc bày. Mỗi mùa xuân chư tăng du sơn, đều đến tìm văn lý. Người đọc không ai chẳng sùi sụt mà giữ gìn tiết tháo. Sư để lại những di tích cảm hóa người đến như thế.

Từ trước mãi đến sau, đối với hai thứ ruộng bi ruộng kính Sư đều luôn gieo trồng. Ca-sa pháp phục Sư ban dâng hơn ngàn bộ, cung cấp thuốc than trị liệu cho người bệnh khổ có rất nhiều. Có được những thực ăn nồng hậu thì cúng dường chư tăng trước. Thân dự ngang hàng, không chứa để mảy may. Những lúc rảnh rỗi việc giảng dạy, Sư luôn xoay mặt thẳng về hướng Tây. Hễ lúc khạc nhổ mà thấy trái Sư đều nuốt hết. Suốt một đời không bỏ. Thân chẳng đến chỗ không tốt, miệng không nói lời bất tịnh. Lại nuôi người dạy răn không bao giờ đánh mắng, cho

đến trách hỏi trẻ nhỏ, răn dạy môn nhân đệ tử, Sư tự nói tên mình, gọi người kia là Nhân giả. Lời nói trái tai thì bỏ, nghe mà rơi lệ. Tự có thầy trò ít nhờ khuôn phép ấy. Đến tuổi sáu mươi, Sư nuôi chúng ở hai phòng. Chọn lấy những người chưa đủ khả năng ở chỗ khác để chỉ dạy. Nếu có người lời nói và việc làm trái nhau, liền bảo ra khỏi chúng, vì giới luật không cho phép, phép tắc trong chùa không chấp nhận, đối với ni chúng nữ nhân thệ không truyền giới. Cho đến tại phòng ở từ trước đến giờ, Sư cấm không cho người nữ bước tới. Đó là cách khuyên răn người sau của Sư, đại loại như vậy. Sa-di thọ giới cụ túc. Hoà-thượng Đức Hạnh rất khó tìm, nên trọn đời Sư chẳng làm Hoà-thượng Đàn Đầu. Ngoài ra, làm tôn chứng thì đến giờ mới vào chúng, nếu trao cho ba nhóm tịnh giới thì cả bảy chúng đều truyền đủ. Nên khiến lúc Sư hoằng pháp, mới nghe nữ chúng phải vào chùa, đều vào sau ra trước, đi thẳng qua chẳng dừng lại, cho nên có pháp tịch thanh tịnh trang nghiêm, ảnh hưởng truyền ngụ bên trong. Thị giả cung cấp chẳng can dự đến sa-di. Tăng chế chân chánh bất luận chủ khách. Trong chỉ hộ Pháp, ngoài sửa đổi mọi lỗi lầm, thân mặc đồ thanh tu, chẳng dùng tới lụa là, khố xỏa trên mắt cá cách bốn ngón tay. Tay áo dài chỉ tới ngang khuỷa. Kỳ Chi dài chỉ ngang chân mà thôi. Giả sử thấy mặc áo may quá kích cỡ thì ngay giữa chúng, Sư cắt bỏ. Nên khố mới ngang lưng, bông dạ chăn đắp, lông da thượng sắc, tiền báu mọi vật đều chẳng đem vào phòng, huống gì thân dùng lấy mà làm tư cụ. Sư sống đơn kiệm như thế sau mới dạy bảo. Sư thường mặc y năm điều, từ trước đến nay thường dùng vải bố. Nếu có người dâng cúng gấm lụa thì Sư cho người hết. Kỳ-chi cũng vậy. Ngoài ra, Sư chỉ mặc áo nạp thô xấu mà thôi. Ở đời có những sự kích thích đều dùng để làm mời đến danh giả, hoặc có lúc đến đó, Sư bảo: "Tôi nghe người Quân tử tranh danh, kẻ tiểu nhân tranh lợi, làm sao mà từ chối ư?" Có người nói: "Danh là vốn, Lợi là duyên". Sư bảo: "Tôi được lợi thì liền mất danh". Lại có người nói: "Như thế tức là làm bộ tốt." Sư đáp: "Còn hơn thật tâm tạo tội". Người đương thời cho đó là lời hay ý đẹp. Oai nghi chí hạnh của Sư đáng làm khuôn phép cho đời. Nên người viết truyện không để sót mất tiết tháo ấy!

Từ năm ba mươi tuổi, tức lúc Sư đang còn soạn thuật. Ban đầu Sư soạn Thập địa Sớ bốn quyển. Địa Trì, Duy-ma, Bát-nhã Sớ mỗi bộ hai quyển. Hoa nghiêm sớ và chỉ quy hợp thành chín quyển. Đại Thừa Nghĩa Chương bốn quyển, Thắng-man, Ương-quật, Thọ-quán, Nhân Vương, Tỳ-ni Mẫu, Luận Vãng sinh, Thượng Hạ sinh, Di giáo, v.v... các kinh Sư đều soạn sớ ký. Thành Thật, Tỳ-đàm, luận Đại trí Độ, mỗi

bộ đều có sớ sao năm quyển, Thánh Tích Ký, hai quyển. Phật Pháp Đông Hành Ký, Chúng Kinh Tông Yếu, Dịch Kinh thể thức, Thọ Bồ-tát Giới Pháp và giới bổn chú thích đầu đuôi, Hoa Nghiêm, v.v... tự Kinh Luận, luận Đại Tiểu thừa Đồng dị, Xá-lợi Mục-iền-liên truyện. Sư lại soạn luận An Dân, luận Đào Thần, mỗi bộ mười quyển, Luận Khuyến Tín Thích Tông. Xác noãn thành sát luận tự bổn, bảy quyển. Trang Ký, Lão Cương, Thức Kinh, Triệu Vĩ, Tướng Lục, Y Quyết, Phù Cấm, Pháp Văn, Đoán Thủy Trùng tự, Tề Thế Tam Bảo Ký, Diệt Pháp Ký, Quang Sư Đệ tử thập Đức Ký, Tăng chế, Tự Cáo, Thập oán Thập Chí Tụng, Tề vong tiêu nhật tụng, xúc sự thân tình tụng. Tự phá Báo ứng ký, Hiếu kinh nghĩa ký, Tam hành Tứ khứ tụng, Thi Bình và Tạp Tập, v.v... tất cả có hơn năm trăm quyển. Lưu hành rất lâu ở đời. Lời không hoa xỉ, ít liên quan Cổ chế. Lược tình lấy lý, lâu dài mà thưởng vị.

Sư trao truyền Pháp, ý chuyên vào hạnh dụng. Nếu có người trái lại với thú hướng ấy, thì Sư bảo rằng: “Nguyên các bậc Thánh truyền giáo, giáo trùm nơi hành nhân, người đã không thực hành thì lại đồng như người chẳng học”. Có người chống trái, thì Sư gạt đuổi. Sư lại trọng Pháp thành người. Đọc hai bộ luận An Dân và Đào thần của Sư mục đích là truyền đăng mà tuệ lưu Dân phẩm, rất biết hạnh cao ấy. Chợt có sa-môn Hoàng Long, ở tại Nghiệp Trung, nghe khắp kinh luận, thiền luật không thứ gì mà Sư chẳng học, hạnh giải đều thấu suốt. Các người học giả rao truyền, nên lúc sắp trở về quận yên, cố đến nơi chỗ riêng của Sư mà đặt lời cầu thỉnh rằng: “Xin ngài chỉ bày cho một lời Pháp yếu, chỗ gọi là ngay nơi Giải là Hành có công năng kéo dài lợi ích cho Sa-môn Đạo hạnh”. Sư bảo: “Ắt Như lai nói lúc sắp từ biệt cùng bảo cho nhau!” Sau sắp đến đầu đường. Sư bảo: “Kinh dạy thiền luật sợ tạp thánh tâm. Một truyện Cao Tăng tức gồm Cảnh hạnh. Liền lấy sự báo trả qua lại để làm thần dụng!” Người ấy vui mừng mang truyện trở về quê hương. Đó thật là lớn soi ngoài vật, có ngộ có tông.

Lại nữa, khi bình sinh, lúc vào trong thì chẳng ngồi ngay trước. thuyết giới yết-ma không có Pháp truyền dục. Phương thuật phúng đọc can ngăn, nghe như dòng chảy. Khi đang ở kinh đô, Sư vào chùa Tịnh Ảnh, gặp lúc Bồ-tát, Sư vào ngồi trong giảng đường. Thấy Viễn Công thuyết dục, Sư khẳng tiếng bảo rằng: “Tuệ Viễn đọc sớ mà nói: Pháp sự nhân duyên, chúng Tăng nghe giới, có thể là ma nói”. Cả giảng đường đều kinh hãi lấy làm lạ, bèn bác bỏ đó. Có vị Thức giả báo lại với ngài Tuệ Viễn. Ngài Tuệ Viễn rảo bước đến giảng đường. Sư bảo: “Nghe nhân giả hoằng Pháp, thân khiến dễ truyền. Hễ quen chuộng mừng.

Thánh cấm làm sao chuẩn? Sư Tuệ Viễn đảnh lễ mà tự răn, ngậm khóc mà nhận thọ. Do đó, mãi đến lúc thị tịch, ngài Tuệ Viễn thường đến Pháp tập. Sư làm cho sinh vật tin thuận đều như thế. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến Đông Hạ, Hoá nghi có khác, v.v...còn như lập giáo thi hành giữ tín cả ngàn năm, chỉ có một mình Sư.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ tại Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Tạng, họ Hác, người ở xứ Bình Cức, nước Triệu. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia, liền theo giảng. Chưa thọ giới cụ túc mà ngài đã thường giảng kinh Niết-bàn, phân vạch sâu xa, phù hợp Văn Chỉ. Đến lúc luật nghi tròn đầy, Sư lại chuyên nghiệp Tỳ-ni. Hạnh ngang bằng như hạt ngọc sáng, giải vượt cả tiền đạt. Tuy chưa nghe các kinh luận Đại Trí Độ, Thập Địa, Hoa Nghiêm, Bát-nhã, v.v... mà Sư đã rộng thấy, khắp người ai chịu suy tôn. Chỉ sâu cùng tánh thể, nghĩa nạn đè phục, đều ngưỡng tạ cao đoán, ít ai chẳng bắt chước.

Đến năm bốn mươi tuổi, Sư mới ngầm ở Cáp sơn, ăn lá cây, uống nước suối, lắng tâm nơi kín mầu. Nghiên cứu rõ ràng tuy rộng sâu, nhưng Sư chuyên lấy Kinh Hoa Nghiêm làm Bổn Tông. Thấu suốt cùng tận u vi, mà chưa lường biết được tà chánh. Kính mong bậc thánh giúp sức, mong chỉ bày cho biết được đúng sai. Ngay trong đêm ấy bèn có linh cảm, giữa hư không có tiếng bảo rằng “Đúng! Đúng”. Đã nghe báo như vậy, nhân đó Sư liền soạn nghĩa sớ, đích thân tự truyền bá mở mang. Người học đến dự thảy đều hưởng ứng. Tề Chúa Võ Thanh ban thư mời thỉnh. Sư đến điện Thái Cực khai giảng Kinh Hoa Nghiêm. Học chúng nhóm họp, Sĩ tộc đều vân tập. Khi ấy rất đông đúc, làm thành sự hưng thạnh của Đại Quán! Từ đó, Sư chuyên hoằng truyền bộ ấy lưu bố rộng khắp.

Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu phá hủy kinh đạo, Sư bèn dức bặt dấu vết nơi nhân gian, gá nghĩa chốn mây khói, giữ gìn giềng mối. Mãi đến đầu đời Tùy, khai mở giảng pháp, Sư liền dự xuất gia. Sư giảng dạy tan yếu chỉ sâu mầu, kết quy về đường khai ngộ. Sư hoằng hóa từ Đông Xuyên như gió thổi qua cỏ rạp mình, hạnh thành đạt nghĩa, dùng đức để dụ nhân, băng và ngọc vuông tâm, thông và quân cùng chất, nên mưa Pháp thường tuôn, gió nhân quạt khắp, khiến cho các hàng tăng tục vui mừng sự sống lại ấy. Tâm mịt mờ được mở giúp!

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (năm trăm bảy mươi tám) đời Tùy,

Vua Văn Đế (Dương Khiêm) thừa kính đức âm, xa sai người mời thỉnh. Bồ luân đã ban, chẳng trái với luân ngôn, Sư thừa cơ lập giáo, lợi ích cho kiến đại nhân, chống tích trượng đến kinh đô, liền yết kiến Vua, vâng thừa minh chỉ, Sư kíp trình bày Áo chỉ. Chỗ Sư đào luyện dẫn dụ xứng hợp tâm vua. Tức Sư là một trong sáu vị đại đức. Vua ban sắc lễ thêm đặc biệt. Nên chỉ trong vòng hai năm bốn mùa Sư chẳng sơ sót. Sau Sư đem Bát-nhã Thích Luận để giảng dạy, phần nhiều người đạt đến khế thưởng đều không ưa chuộng. Bấy giờ, có các Sa-môn Trí Ổn, Tăng Lãng, Pháp Ngạn, v.v... đều là những bậc Đức Vọng ở kinh thất, thần tuệ cao vời, tiếp thừa cựu tập, ít kính phụng tân văn. Mới thỉnh Sư giảng Luận Kim Cương Bát -nhã. Hơi tiếng Sư cắt đứt ráng mây, trí tuệ sáng vượt những người tài giỏi đương thời. Cùng muốn cứu vớt người bị cháy người bị chìm, nên vì diễn giảng. Bấy giờ, tuổi Sư đã già, sức lực tư duy rỗng sáng, Chỉ nêu lên giềng mối, nêu lý mới lạ, bao gồm từ nghĩa, lời không phù phiếm, nên những người bẩm học điều ích lợi luôn lo sợ Sư dứt tiếng, nên đều tôn sùng và kính trọng.

Đến ngày hai chín tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, Sư ị bệnh và thị tịch tại chùa Không Quán, thọ tám mươi bốn tuổi. Lúc sắp tịch, Sư thành tâm muốn cứu giúp rộng rãi, căn dặn để lộ bày hình hài. Đệ tử kính cẩn vâng theo di quyết của Sư, đưa nhục thân đến đặt cạnh bìa rừng, phủ che xương khô mà xây dựng tháp, tại ngọn núi phía trước chùa Chí Tướng, núi chung nam. Lập bài Minh tán dương đức hạnh Sư, dựng tại chỗ tháp. Sau, có Sa-môn Minh Tắc soạn văn bia, xin xem ở biệt tập.

10- Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Trí Thoát, họ Thái. Tổ tiên Sư vốn người xứ Khảo Thành ở Tế Dương, nhân làm quan lưu nhậm nên thành người ở quận Giang Đô. Ông nội Sư tên Bình, làm Thái thú Tân Xương thời nhà Tề. Cha của Sư là Viễn Trân, làm Bắc Duyên Châu Tư Mã thời nhà Lương. Đêm mới sinh Sư có ánh sáng thần soi chiếu khắp phòng. Trong khoảng mười ngày dòng suối bị khô cạn tự nhiên nước tràn đầy. Đó là điềm ứng hiệu đuốc tuệ sắp sáng, dòng pháp cùng dẫn. Lúc còn nhỏ, Sư đã có phong nghi dĩnh tú, khí điều cao xa.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, làm đệ tử Pháp Sư Dĩnh ở Nghiệp Hạ. Pháp Sư Dĩnh là bậc đạt sâu trong Pháp Lữ, tài giỏi trong Thích chủng. Đối với các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa thảy đều thấu suốt Chương

lưu, nên Sư chuyên kinh hỏi đạo, chút thời gian cũng không bỏ, cung tường nhiều lớp mũi nhọn, Sư đều vào được cửa. Lâu sau, Sư lại nghe Pháp sư Cường ở Giang Đô giảng luận Thành Thật và Tỳ-đàm. Phân dòng khác phái xen lạm đều hết, rễ bàng gá tiết vượt nhận có dư. Liền ở trong đại chúng tiện việc giảng lại, như rót bình xâu ngọc rút kinh nghiệm tại đó. Tăng tục thán phục đều nêu cao thần lược.

Bấy giờ, có Pháp Sư Tước trụ chùa Hưng Nghiêm ở Đan Dương là bậc tiếng tốt thật vang lừng của Thành luận, xa gần đều hướng về, riêng bước ở Giang Biểu. Sư được đượm nhuần giáo nghĩa dưới phong hóa, nghĩ hưởng Pháp vị. Khi đã đến Kim Lăng, nghiêm cơ ý chỉ sâu mầu, tinh thần bao gồm từ lý, vang danh khắp hai kinh. Sư thường yên ở, lánh chỗ thỉnh đàm Huyền luận, Pháp sư Tước cũng rất tán thưởng, gọi là "Trọng Khí". Đến lúc cao tòa bảo mất ba ngàn đều còn, xin bảo môn đồ để cùng phó chúc. Sư bèn tiếp tục bày giảng giáo nghĩa thường xoay bánh xe pháp. Bộ của Hưng Nghiêm từ đó được vinh thạnh. Đã được sự biết người của Luận chủ, lại khen ngợi hoằng giáo của Truyền đăng, nên sự mài giũa, uốn nắn môn đồ pháp lữ không thôi nghỉ ở đương thời. Chúng bạn có hơn trăm người, nhưng tài giỏi chỉ có mình Sư, các bậc thành khí có chín mươi vị. căn cứ vào công phu của việc mở mang giáo hóa ấy, thật xưa nay ít có.

Vào niên hiệu Chí Đức năm trăm tám mươi ba-năm trăm tám mươi bảy) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) thỉnh Sư vào nội cung, giảng nói khai ngộ, phát động Thần cơ. Từ Anh em Vương Bá Sơn ở Bà Dương, Bộc Xạ Vương Khắc, Trung Thư Vương Cổ, v.v... đều rất kính ngưỡng, đều tỏ bày tình thầy trò. Vào đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm năm trăm tám mươi mốt-sáu trăm lẻ năm) lưu tâm đến Pháp Bảo, mở mang Chỉ Giáo, thiết trai cúng dường, khai giảng tại cung Kỳ Dương. Có ban chiếu thỉnh Sư lên tòa báu. Bèn sai bảo Xá nhân Thôi Quân Đức tuyên đọc chiếu chỉ rằng: "Xưa riêng bước một phương chưa đáng làm quý. Nay làm Luận chủ bốn biển mới thật thấy Anh tài, v.v..." Sư liền mở lời kháng luận, phân cắt như dòng chảy, không ai chẳng ngậm miệng cứng lưỡi, quay xe trở về đường cũ, mão cờ sạch tai thường động đến tròng dung. Vua tôi mở mép ngày đêm quên mỏi nhọc.

Khi Vua Dương Đế (Dương Quảng, đời Tùy) đang trông coi ở Vu Giang. Ban đầu xây dựng Tuệ Nhật, thạnh hành tìm người có tài nghệ khác lạ, bao la khắp núi Biển. Sư dùng tuệ nghiệp vượt ngộ, bèn mới bắt đầu tham dự, đã ở chỗ ngang bằng mà công phu gấp bội, trau dồi học nghiệp. Ngày đêm cùng buộc ràng, trông xem khắp các Bộ, mà nêu tính

mạnh mẽ không ai vượt trước, mở lời chắc chắn thành luận. Cổ vũ khơi phát chi phái, sâu cơ hội tông, nên đạo tràng toàn là bậc hiền giả tài giỏi, học môn kính ngưỡng, mà Sư nhã làm luận sĩ, đại chúng đều suy tôn.

Sau, Sư theo Vua Dương Đế vào kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm. Sai Học sĩ gia Cát Dĩnh mang giáo thư thỉnh giảng, từ đó Sư vâng mạng hoằng hóa, tiếng tăm vang cả Thiên triều. Từ Giang Nam, luận Thành Thật đều có soạn Nghĩa Chương. Còn như Luận văn chưa từng thấu qua. Sư phấn khích bậc tiên đạt, thưa hỏi luận ấy, cầm bút soạn sớ làm tiêu tan những tiếng tăm, làm cho đức hạnh tràn khắp, từ trước trở lại càng tốt đẹp hơn nhiều. từ Khi Vua Dương Đế ở tại Vọng Uyển mở rộng suy tập Huyền du, cho rằng Sư là bậc có tiếng tăm động cả vật tình, bèn bảo Sư sửa sang Luận Sớ, vốn đã điều suốt, quyển bộ sắp thành. Sư bèn tổng kết, làm thành bốn mươi quyển, tấu trình lên Vua. Đến lúc Hiến Hậu băng, việc phước càng mở rộng hiển bày, bèn thỉnh năm mươi vị Anh Đạt ở chùa Nhật Nghiêm vào nội điệu Thừa Minh liên tiếp suốt thời gian hành đạo.

Sau đó, Vua lại ban sắc bảo Sư giảng Kinh Tịnh Danh, khi Trữ Hậu đích thân đến thì đã thành tập. Có Sa-môn Cát Tặng được thỉnh ngồi ở hàng đầu, là người có văn từ sắc bén phấn phát, bít lấp cả Huyền du. Kẻ tăng người tục tự nhiên không ai chẳng cúi đầu tôn kính. Sư cho là Đồng Pháp nên cùng kính nhường, chưa được hết lời. Ngài cát Tạng bèn hiển bày đức tính tự khoe khoang, hơi có tướng chỉ trích bài xích. Khi giảng văn đến đoạn “Ba cửa giải thoát”. Sư bèn hỏi rằng: “Ba cửa giải thoát lấy gì bắn rơi?” Ngài Cát Tạng bảo: “Chưa hiểu về nắm cung, làm sao nói về phóng tên!” Sư liền dẫn cứ nêu bày xét khám vượt trội cả mới lạ, nên làm cho mọi người giải thích không ai chẳng ngồi tại chỗ mà ngậm nín. Nhà vua bèn phân rành phẩm trật, lượng xét theo đức hạnh, y cứ từng ngôi vị mà diễn giảng. Thế rồi, Sư ngồi ở đầu hàng, bèn dốc tận nỗi lòng. Vua bèn bảo Sư cùng Pháp sư Đạo Trang lần lượt thay nhau lên tòa cao luận bàn Huyền lý. Khách chủ không cạn hết, các hàng quý đạt đều mừng vui. Từ Hậu ngợi khen tải hình âm chỉ, thường sai Thứ tử là Trương Hành đến ân cần thăm hỏi, nói rằng: “Pháp sư là bậc Thạc học sâu sắc, xưa nay ít ai ngang bằng. Kính xét những điều bàn nói xứng thật chẳng luống dối, xem đọc các luận sở soạn trước, sáng đầy tâm mắt. Nên có thể soạn Tịnh Danh sớ và Đại tiểu Danh số, tiện cấp cho thư lại tìm ghi khắc thành”. Sư bèn soạn Thích Nhị Thừa Danh số, bốn quyển, Tịnh Danh sớ, mười quyển, thường tự bày đọc xem vui. Lại sai thợ đắp vẽ tạo tượng ở tại Bảo Đài để cúng dường. Những

lúc nhà vua đến, đều cúi mình kính lễ, chiêm ngưỡng di ảnh mà tợ hồ như đối diện với chân thật.

Đầu đời Lương, có Pháp Sư Diệm soạn thuật Thành Luận Huyền Nghĩa mười bảy quyển. Văn từ phiền nhiều dồi dào, khó mà tìm đọc. Người học chỉ truyền cho nhau, không ai dám sửa cho đúng. Sư bèn nghiên cứu rạch ròi yếu lãnh, diễn xướng mới mẽ, lưu lại nghĩa lý, quên bỏ lời, nghĩa sâu gấp bội. Quyển pho nhân vẫn như cũ, Tông Chỉ không đổi khác, lưu hành rộng rãi ở đương thời, mọi người đều mừng vui. Đó thật có thể gọi là gương trong lau bụi càng sáng. Ngọc báu ánh ngời mà càng thêm sắc thái vậy! Vào những năm cuối niên hiệu Nhân thọ đời Tùy, Vua Dương Đế chuẩn bị lên ngôi. Do vì Sư sớm đã thuần hậu, tình còn sâu trọng, nên Vua ban tặng Sư bốn trăm xấp lụa, để làm tán dương quyết đức. Đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, Sư theo Vua Dương Đế đến lạc ấp.

Đến cuối mùa đông niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (sáu trăm lẻ sáu) đời Tùy, Sư nhận biết trong thân bị bệnh, nhưng tự cố gắng chẳng ngừng nghỉ. Còn chuyên việc Pháp Diên. Qua ngày mồng chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (sáu trăm lẻ bảy). Đệ tử Sư là Trí Tường và Trí Tôn vào hầu thăm bệnh. Bỗng nhiên có mùi thơm lạ xông khắp phòng, ánh sáng mầu đỏ soi chiếu qua khung cửa. Đêm đó, ngài dùng nước thơm tắm gội súc miệng, để lại sớ khắp cùng, rồi an nhiên ngồi thẳng chánh niệm mà thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi. Vua Dương Đế ngồi kiệu buồn thương đến viếng điếu, cung cấp nồng hậu, ban sắc cúng thí ba trăm món vật, mọi sự cần thiết trong lễ tang thảy đều chu cấp, Vua lại ban sắc Hoàng Môn Thị Lang Trương Hành trông coi ủng hộ.

Ban đầu, Sư mới truyền Đạo. Tiếng lời biện luận trong suốt. Đại chúng không ai chẳng tuyên dương. Sư nêu tông khống dẫn đều là những loại có liên quan. Chương sớ tuy xưa cũ mà bày giải như mới. Đến các điểm ẩn hoạt, Sư đều xem xét nhiều lần. Mọi người cùng dự trong pháp hội thảy đều dứt sạch mịt mờ. Ngài tìm văn xét nghĩa, công phu chẳng luống dối, tự được mở mang dẫn dụ nên trở thành khuôn mẫu, ít tiếp nối vết trần ấy. Ban đầu, thường những lúc Sư khai giảng đề, thì mộng cùng đứng ngang với tôn tượng do Vua Ưu-điền tạo nên. Ấy há chẳng phải công dụng trụ trì Tam Bảo ngang bằng nhau hay sao? Lại có các chỗ nghi ngờ về nghĩa lý, trước kia chưa rõ hiểu thì liền thấy có vị Phạm tăng tùy chỗ mà giải thích.

Khi Sư chưa thị tịch, mộng thấy có một Đồng tử tay cầm hoa sen đến thưa với Sư rằng: "Trời Đế-thích sai đến thỉnh Sư giảng Pháp!" Đến

ngày thị tịch, Sư cũng lại thấy mộng ấy. Xét về tư tưởng sáng suốt thông thấu u vi của Sư, tiếng tăm càng khắp trong nước, diệu cảm linh ứng đâu chỉ tự nhiên. Sư giảng các kinh Đại Phẩm, Tịnh Danh, Niết-bàn mỗi bộ ba mươi biến, Thành Luận, Văn Huyền mỗi bộ năm mươi biến. Sư trao truyền học nghiệp, có các Học sĩ Tuệ Thuyên, Đạo Quán. Ngài Tuệ Thuyên tiếng tăm đức hạnh vang khắp song Dương. Ngài Đạo Quán lại lập tánh cứng rắn, mỗi việc đều nối gót mở mang, tiếng tăm vang vọng ở đương thời.

Đến ngày mười lăm tháng hai năm đó (sáu trăm lẻ bảy) thử dựng lập phương phần tại núi Bắc Mang ở làng Kim Cốc thuộc Huyện Lạc Dương, dựng bia bên cạnh, văn bia đó do Ngô Thế Nam người xứ Cối Kê làm Bí thư Lang đời Tùy soạn. (Trong niên hiệu Đại Nghiệp (sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy) đời Tùy, sau khi Sư thị tịch, xưa kia Sư với Cát Tạng vốn tình chẳng đùa bỡn, nên mới gá thân nơi sa-môn Tuệ Tặc, là người bị bệnh, bày đủ duyên trước. Tạng Công nghe và thấy, bèn cùng bàn luận, dốc lòng kính lễ, nhận gá tình xưa cũ, nên mọi sự tối sáng đều chẳng rơi vào đầu mối).

11- Truyện ngài Thích Pháp Trừng trụ tại Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Pháp Trừng, người xứ Ngô Quận, Sư thưở thiếu thời, cơ Cảnh, khéo hay đàm luận. Với các loại Văn chương, thư sử Sư đều có đọc qua.

Ban đầu, Sư theo Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng giảng nói Tam Luận. Đến những điểm giáo chỉ chống trái nhau, Sư đều điều lý mà thông xướng. Về sau, Sư nhóm họp đồ chúng mở giảng tại chùa Khai Thiện ở Giang Đô, thính chúng thường đông đảo, có hơn hai trăm vị tăng. Sư hoằng hóa khắp cả các xứ Ngô Sở, tiếng tăm vang khắp Hoài Hải. Mọi người mang kinh sách cùng tìm đến ngày càng đầy chỗ ngồi. Tấn Vương thiết đặt bốn đạo tràng, nơi nào Sư cũng được thỉnh tới. Sư an thời khai ngộ chúng sinh, mở mang dẫn dắt không ngừng nghỉ.

Niên hiệu Nhân thọ thứ ba (sáu trăm lẻ ba) đời Tùy. Sư vâng lệnh vua được mời trụ chùa Nhật Nghiêm, rộng lưu truyền mọi người xem nghe, hiến chương mới chế. Ngày giảng Luận Đại Trí Độ, tiếng tăm đức vọng càng trọng. Các bậc thạc học ở kinh đô đều đến tham yết học hỏi với Sư. Vua Dương Đế (Dương Quảng sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy đời Tùy) dời giá từ Đông Đô đến Định Đảnh ở Lạc Dương. Sư theo ra Hào Hữu, vì bệnh nên thị tịch. Lúc đó, Sư đã ngoài bảy mươi tuổi.

12- Truyện ngài Thích Đạo tràng trụ Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Đạo Trang, người xứ Kiến Nghiệp ở Dương Châu. Sư trải qua kinh sử, nghe học huyền luận, đều hiểu chỗ nêu đến, oai nghi cử chỉ Sư rộng rãi cao nhã, lập tánh điềm nhiên. Nên thưở thiếu thời Sư rất được đồng bạn mến chuộng.

Ban đầu Sư đến chỗ Pháp sư Quỳnh ở chùa Bành Thành, thọ học luận Thành Thật. Các bậc Sư biểu Tông Tượng học môn thảy đều suy tôn. Sau, đến lúc Pháp Sư Quỳnh sắp thị tịch, muốn truyền trao sự nghiệp tiếp nối, mời khắp cả học đồ Tông Du đến, trông xem ban bảo. Đại chúng đều vái tạ suy cử Sư là người đáng được gởi gắm di chúc. Pháp Sư Quỳnh bảo: “Ông Đạo Trang học nghiệp sâu sắc tài giỏi, thật như rộng chọn lựa, lý đáng các sự hoài mong dùng để soi sáng về sau. Nhưng với hình Ông đầu lớn chân nhỏ, không bao giờ thành tựu về sau, sợ ông sẽ đổi vết theo các tông khác”. Bèn không thi hành theo kiến nghị của đại chúng. Về sau quả thật, Sư xem thường Tiểu thừa nên xóa bỏ mà quay về tôn sùng Đại Pháp.

Sư lại theo Pháp Sư Lãnh trụ chùa Hưng Hoàng, nghe giảng Tứ Luận. Chỉ một lần nghe qua mà thần ngộ vượt trội, tuệ phát riêng cao. Sau, Sư vào Nội Đạo tràng, bấy giờ gióng lớn tiếng trống Pháp, cả chùa đều vinh dự hy vọng, không ai chẳng đến dự Pháp Diên, bái yết thưa hỏi điều thắc mắc trước, Sư bày giải không vướng mắc. Các vị tuổi tác đức hạnh cao thảy đều cung kính suy tôn.

Trước kia, khi nhà Vua đang ở tại đất Phiên, gởi thư kính lễ thăm hỏi, Thi luận Gia thiên, thường bảo Sư hòa cùng tiếp nối. Sư viết văn từ sắc thái phong nhã vượt thường, cảm động lòng người. Sau cùng, Vua lại thỉnh mời Sư đến kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm. Nhiều lần được yết kiến, đáp kháng manh mối mới, dẫn đến Cung vi, thỉnh Sư giảng trao. Ngài chỉ bày lời tiếng tỏ ngộ trong lành hòa nhã, gồm cả Huyền Nho, đều ngợi khen Sư rộng thông cốt yếu. Về sau, Sư trở ra Khúc Trì ở ngôi thất cũ tại chùa Nhật Nghiêm. Lại giảng kinh Pháp Hoa, nói thẳng giềng mối. Chẳng còn Văn cú, soạn sớ giải ba quyển, đều là Phong cốt nhã thú. Sư nghĩa là đông đảo vua Dương Đế (Dương Quảng sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy đời Tùy) ban đầu mới đến cho rằng Sư lưu luyến phong nhã, từ đạo vị mà có ra, ban tặng năm trăm xấp lụa, nệm Dạ bốn mươi bộ, Sư theo xa giá Vua đến Đông Đô, vì bệnh nên thị tịch tại Lạc Dương, thọ tám mươi mốt tuổi. Lúc đó nhằm đầu niên hiệu Đại

nghiệp đời Tùy. Ngài có Văn tập mấy mươi quyển, phần nhiều lưu hành tại Hoài Nam, ít truyền bá đến đất Bắc.

13- Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Pháp Luận, họ Mạnh, người ở Nam Quận. Ban đầu, Sư trụ chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu, rành thông kinh giáo Nội ngoại, từ lý bén sắc vượt trội. Sư ở ẩn tại núi Phú Chu thuộc Thanh Khê, đắm trọng pháp vị Luận Thành Thật, nghiên cứu thấu suốt văn thể, những lúc rảnh rỗi đàm luận thì cầm bút viết thành thiên chương. Vua Minh Đế (Tiêu Quy năm trăm sáu mươi hai-năm trăm tám mươi sáu) thời Nam Lương mến trọng Sư thanh nhã trinh thuần, rất hậu lễ thỉnh mời. Nhưng tính Sư rỗng rang chẳng lưu tâm mọi sự người đời cúng dường, chỉ mang giày vải mặc áo cỏ bồ suốt cả đời. Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, lúc đang ở đất Phiên. Xa nghe đức hạnh Sư bèn thỉnh vào đạo tràng, sớm tối cùng thưởng đối. Vua Có Tân Văn Tụng tập, đều thưa hỏi với Sư, ở đời rao truyền khen ngợi, kíp dời năm tháng.

Sau, Sư đến kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm, bấy giờ vào khoảng niên hiệu Nhân Thọ (sáu trăm lẻ một-sáu trăm lẻ năm) dưới thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy. Sư đến yết kiến vua, đặc biệt được được tiếp đối, đích thân vua đảnh lễ. Vua Văn Đế rất vui mừng về sự tỏ ngộ trong sáng của ngài, bèn thiết lễ thanh trại tại điện Đại Bảo để cúng dường. Sư vừa lên tòa ngồi, liền dâng thơ mở đầu làm nói đức hạnh của Vua, Cung quán rộng lớn tráng lệ xưa nay. Vua Văn Đế càng thêm ngợi khen tán thưởng. Cho đến chỗ xuân phường của Tấn Vương, ưu lễ càng nồng hậu. Trung Sứ Uý khéo dâng khải sớ cùng tìm.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) sắp dời Đông Khuyết, ban sắc tặng Võ cây Thiên thu, mười Bộ Pháp Phục Ca-sa, năm trăm xấp lụa, bốn mươi bộ mỹ Dạ. Hoàng Hậu ban tặng Da nách chồn, nệm ngồi, và các thứ Pháp Phục, v.v... Cho nên nhờ đạo Vọng của Sư mà nhà vua và Hoàng hậu đều cúng dường rất lớn, đại loại như vậy. Nhân đó, Sư theo xa giá của Vua cùng đến Lạc Dương, sau đó không lâu, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Hoàng thượng buồn thương kính điếu, chu cấp mọi thứ rất nồng hậu, bèn ban sắc cho quan sở tại truyền đưa đến an táng tại kinh sở.

Từ lúc Sư bắt đầu đến với Phật pháp, yêu mến kính chuộng Văn Phủ, tuy bên ngoài liên quan tới Huyền nho, mà bên trong thì mở mang Phật giáo. Do đó góp nhặt Thiên Thập đều bắt đầu từ Đạo Phong Phật

giáo. Đang lúc Sư gom góp soạn thuật Danh Tăng sắp thành pho quyển, chưa hoàn tất thì đã thị tịch, nên không lưu hành được. Đoái nhìn lại các Cao Đức có rơi lạc nhiều. Sư có biệt Tập tám quyển, lưu hành ở đời.

14- Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Kinh Đô:

Thích Tăng Xán, họ Tôn, người ở Trần Lưu thuộc Biện Châu. Thưở nhỏ, Sư mến chuộng Đạo, lấy việc Du học làm mục đích. Các xứ Hà Bắc, Giang Nam, Đông Tây, Quan lũng, Sư đều có đến, không đâu chẳng thông kinh. Nên Sư vượt qua ba nước, đi khắp cùng các xứ Tề, Trần, Chu. Những nơi có Pháp hội, Sư hẳn không dẫm bước rỗng không, khéo nạn hỏi, giỏi rộng tìm. Điều quá xưa nay, phong huy xa gần, tự lấy hiệu là Tam Quốc Luận Sư. Dùng sự khéo xét làm động lòng người, đó là sở trường của Sư.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (năm trăm chín mươi) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc thỉnh Sư vào Đế Lý ở chùa Hưng Thiện. Ngài từng trải qua đảm nhận việc chùa, nhóm họp hòa hợp Pháp chúng sửa trị, nhờ đó mà nổi tiếng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (năm trăm chín mươi bảy) Vua lại ban sắc đặc cử Sư làm Tông tượng thứ nhất Ma-ha-diễn trong chúng gồm hai mươi lăm vị. Nên Sư soạn luận Thập chủng Đại thừa; đó là: 1/ Thông, 2/ Bình, 3/ Nghịch, 4/ Thuận, 5/ Tiếp, 6/ Tỏa, 7/ Mê, 8/ Mộng, 9/ Tương tức và, 10/ Trung Đạo, đều y cứ vào Lượng Kinh Luận, mở lớn dấu vết, đó cũng là phương tiện khéo léo của Sơ học. Và bèn ở tại chùa Tổng Hóa, Sư giảng thông luận đó để nhiếp học chúng. Sư lại soạn luận Thập Địa hai quyển, tìm xét sâu cùng đến chỗ sâu kín, quyết trạch xóa tan mọi chứa để nghi ngờ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (sáu trăm lẻ một) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc xây dựng tháp báu ở các châu quận, sở ty xét cửa các vị Đại đức phần nhiều đều chưa phải tuổi già lớn. Sư bèn muốn khai giảng mở mang Phật chủng, lưu bố rộng Hoàng phong. Đích thân dẫn các Đồng bạn như Pháp Sư Hồng Tuân, v.v... cùng tham dự sứ nhậm, lúc sắp khai phát kinh điển, Sư đích thân gặp mặt riêng tại sân Vua. Vua Văn Đế gần gũi trao cho Sư Linh Cốt và an ủi hỏi thăm rất ưu hậu. Sư tâu rằng: "Bệ hạ Chủ tâm đang giao phó việc Phật, rộng giảng bày Thánh tích. Tăng Xản v.v... chúng tôi đây kính ngưỡng như gặp được ánh sáng Đức từ. Có gì mừng vui an vui hơn như thế! Đâu thể vì già yếu mà từ chối sự trông mong của triều đình?" Vua Văn Đế rất vui mừng bảo: "Các Pháp Sư, v.v... há lại chẳng muốn trở về quê hương

gần gũi chăm việc hoằng hóa. Cần nên ban bảo sở Ty lo đủ mọi lễ, mỗi chùa đều tự đón rước về Bổn Châu!" Sư nhân đó vâng phụng sắc mạng, đón rước Xá-lợi về chùa Phước Quảng ở Biện Châu, lúc mới đến Công Quản, có mùi thơm lạ bay khắp viện, xông mờ như khói, đến khi sắp hạ tháp, trở lại động có mùi thơm lạ như trước, lại phát ra ánh sáng mầu xanh sánh ngời phủ cả trướng báu. Trong chùa có Xá-lợi cũng phát ra ánh sáng mầu xanh, cùng với ánh sáng Xá-lợi nay mới đón rước đến liền nhau hòa hợp. Lại hiện ra ánh sáng mầu đỏ ở nơi điện phật cao khoảng năm mét. Lại hiện ra hai thứ ánh sáng xanh đỏ xen lẫn trên cửa chùa, hai thứ ánh sáng đó ánh ngời nhau rất lâu mới tắt. Sư bèn thuật lại đầy đủ trên biểu văn để tấu trình, có nói rõ ràng trong biệt truyện.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc thiết lập tháp báu tại chùa Tu Đức ở Cốt Châu. Ban đầu mới đến dừng tại Quán Vũ, ban đêm phát ra ánh sáng mầu vàng khắp đầy cả phòng nhà, có cả ngàn người đều trông thấy. Sau lại phát ra ánh sáng năm mầu trong khoảng chừng bữa ăn mới tắt. Từ đó có người cầu mong thì liền hiện, không thể nói hết. Cho đến chùa tháp, ban đêm riêng phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cảnh quan một ngôi chùa, đồng như ban ngày không khác. Có Triệu Oai Đức là người bị bệnh mắt đã nhiều năm, nhờ được ánh sáng ấy chiếu soi mà mắt được bình phục. Trong ngày hạ lại phát ra ánh sáng. Giữa khoảng không phía trên đỉnh tháp có mây năm mầu xen lẫn nhau, hiện lên những hình tượng như là Hiền, Thánh, Tiên, người, rồng, phụng, cây rừng, v.v... đứng trang nghiêm trong mây. Cả mấy muôn sĩ nữ đồng tiếng ca vịnh tán thưởng thành âm vang. Sư trước sau đi sứ đều cảm điềm linh ứng. Vua Văn Đế ngợi khen tôn trọng, lại càng kính ngưỡng.

Bấy giờ, Lý Tông có Đạo Sĩ Chữ Nhu, quê vốn ở Giang Biểu, dưới thời nhà Trần bị đánh phá nên phải vào kinh đô. Đã đến ở Huyền đô, được sự hoài mong của đạo tả, tham cứu Huyền Vi, biện chước sâu kín nhiệm mầu, mở mang Tam Huyền. Học ít tôn sư, tình không suy chuộng, mỗi lúc giảng về Lão Trang, Sư đều đến dự nghe, hoặc lấy nghĩa để tìm cầu, hoặc dùng cơ trách, tùy theo âm thanh, hình tướng của Đạo sĩ chữ Nhu mà làm thế nổi chìm. Chú giải biện luận như suối chảy, lời tiếng trầm bổng dường gió cuốn. Nên các hàng Vương Công Đại nhân không ai chẳng há mồm vỗ đùi ngợi khen sự quyền biến đó. Vua Văn Đế thường ban sắc bảo chữ Nhu giảng Lão Kinh, các hàng Công Khanh thảy đều đến dự, chỉ Sa-môn không được cùng nghe. Sư nghe thế không nhẫn nổi việc đó, bèn dẫn đồng môn hơn mười vị, mang

theo hành sàng qua đến Quán sở. Phòng vệ nghiêm bày, đều không khiếp sợ, đi thẳng vào giảng hội không người nào dám ngăn cản. Chữ Nhu giải thích với Vua sắp xong, đều không bảo đề cập đến. Sư nhân chỗ chẳng bảo đề cập ấy mà mở lời chống kháng kích thích, ngôn từ như đùa hát, mà nghĩa thật là giải thích. Đã không được rõ thông nên trường giảng nhân đó mà giải tán. Các Quan liêu tấu trình sự việc ấy lên nhà Vua. Vua Văn Đế bảo "Đó là Phước của Trẫm! Được đồng thời với người ấy. Các Vua nhà Tùy, nhà Tề sáng suốt, đặt lễ ban tòa khâm kính khen ngợi, thường muốn thấy bàn nói, nên đến nơi Pháp hội có sa-môn Cát Tạng là bậc Thần biện bay huyền, đức hạnh trọng vọng ở đương thời, Vua thường có tâm chiết phục đó.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (sáu trăm lẻ chín) đời Tùy, tại bổn để ở Tây Kinh. Vua Dương Đế (Dương Quảng) dẫn mời các Luận sĩ hơn ba mươi vị, bảo ngài Cát Tạng lên pháp tòa, mọi người đều vâng thừa nêu lên các vấn nạn. Bấy giờ, môi người đều cho đó là Vinh hội nên đều cùng tham dự vậy. Sư làm Luận Sĩ, Anh Hoa Mạng Chương nêu hỏi nghĩa diên. Người nghe cho rằng Ngài Cát Tạng không thể đáp được. Ngài Cát Tạng điệp nạn tiếp giải. Mọi người lại cho rằng Sư sẽ không lấy gì để tiếp nối. Qua lại luận kháng tường hơn bốn mươi phen, ngài Cát Tạng vẫn còn mở chiết không vướng mắc. Vua Dương Đế can ngăn dừng nghỉ. Lại bảo người kế tiếp theo hỏi vặn. Nghĩa tiếng vừa mới dứt. Sư lại tiếp tục hỏi vặn như trước, tư thế lại càng kéo nhiều. hỏi trở lại được hai, ba mươi phen, cuối cùng dưới tòa ai cũng ngang bằng. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm lạ cho rằng ngài Cát Tạng thông đủ để ngồi chế phục kình địch, còn kính trọng Sư khéo giỏi tiếp nối Văn từ khác, tuệ phát sắc bén vượt trội. Từ buổi trưa giờ ngọ mãi đến tối không sao thôi nghỉ. Vua Dương Đế bèn đứng dậy nắm tay Sư mà cảm tạ rằng: "Thật là danh tiếng chẳng khen rỗng! Mới thấy ở ngày nay". Và tự Thân vua dâng tặng Sư phất trần và các vật, dùng để biểu dương công khó luận biện. Nhưng Sư hạnh nhiếp chuyên tinh thuần, chẳng tham hoa sắc trọng vọng, chỉ thiền định chứa nhóm mà khởi nên danh đức tiếp đãi. Đạo hạnh đã ngời sáng, lúc đầu Vua ban sắc thỉnh mời, Sư cho rằng ngôi vị cao xa phẩm vị nồng hậu, chìm đắm đã có lắm người nên cố từ chối chẳng đến.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (sáu trăm mươi ba) Sư thị tịch tại chùa Hưng Thiện, thọ tám mươi lăm tuổi. Sư có đệ tử Tăng Loan và Tăng Phụng đều do tiếp nối khuôn phép mà nổi tiếng. Ngài Tăng Loan vốn dòng họ Vương tiên là Đại Nghiệp. Năm tám tuổi, Sư thông

hiểu sách Lễ, mười tuổi Sư giảng truyền ở Giang Đô, v.v... Sư vốn được khen là kinh tục đến lúc Sư vất bỏ trâm mũ vào Phật Đạo, thì thông hiểu kinh luận rất nổi tiếng. Đến cuối đời Tùy, Sư hoàn tục, đầu đời (Tiền) Đường, Sư ra làm quan, với ngôi vị cấp sự Trung. Còn ngài Tăng Phụng có Biệt truyện, tự sáng ngời huy tích.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 9 hết)

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 10

CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

TRONG PHẦN 6 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

1- Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại đạo tràng Sùng Thánh ở Bành Thành, đời Tùy

2- Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại đạo Tràng Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Minh Tấc)

3- Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương, đời Tùy

4- Truyện ngài Thích Trí Tụ ở núi Hổ Khâu thuộc quận Ngô, đời Tùy.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ Nhiếp Sơn ở Đơn Dương, đời Tùy.

6- Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương đời Tùy

7- Truyện ngài Thích Tịnh Nguyện trụ tại đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh, đời Tùy.

8- Truyện ngài Thích Trí Ngưng trụ tại đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Linh Giác, Đạo Trúc)

9- Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh, đời Tùy

10- Truyện ngài Thích Pháp Tổng trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh, đời Tùy

11- Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Trọng)

12- Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

13- Truyện ngài Thích Pháp Tán trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh, đời Tùy.

14- Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh, đời Tùy

15- Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh, đời Tùy

16- Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh đời Tùy (Tăng Ôn)

1- Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại Đạo tràng Sùng Thánh ở Bành Thành:

Thích Tĩnh Tung, họ Trương, người ở xứ Cố An thuộc Quận Trác. Thuở bé, Sư đã có tâm trinh thuần cứng rắn chẳng đồng với các đứa trẻ khác. Gần với tục trần nhưng mong được tu đạo

Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia. Có bạn đồng học là ngài Tĩnh Dung. Sớm thấu đạt kinh luận, thông cả Đại tiểu thừa, rất chăm nghiên cứu Tạp tâm. Thường vì Phật tông sâu xa, khúc lưu uỷ thị, Sư có thần khí tuấn vượt, thông ngộ thiên cơ, tùy xem nghĩa môn lại đào luyện sơ qua tự đem điều mà tâm suy tính không lường biết được, để lại hỏi ngài Tĩnh Dung. Ngài Tĩnh Dung không sao đáp được, bèn bảo Sư rằng: “Ông tuổi trẻ chưa học mà triệt ngộ như thế. Hãy đền kinh nghiệp chắc chắn sẽ thành tế khí!” Đến tuổi hai mươi, Sư thọ giới cụ túc, theo hướng Nam, đi đến Chương liễn, gặp lúc Phật giáo trùng hưng dưới thời Cao Tề, Khắp Đô Hạ, có đến bốn ngàn ngôi chùa lớn, tăng ni hiện ở gần tám mươi ngàn vị, có hơn hai trăm trường giảng khá lớn, thính chúng thường tham dự có hơn muôn người. Nên các bậc tài giỏi khắp nơi đều quy tụ về Quyết bang.

Có Pháp Sư Dung Trí ở chùa Thái Học, là bậc thần túc trong Pháp của Đại Tề Quốc Thống. Hiểu suốt các Pháp Sư, đạo sáng cả hai Tạng. Học chúng có đến năm trăm vị, nương cậy kề vai. Ngài Dung Trí thường giảng kinh Niết-bàn và Luận Thập Địa. Sư nghe đó bèn đầu thành nương tựa, giữ theo khuôn phép học trò trông kính thầy. Chăm học nghiên cứu suốt mấy năm, hễ được nghe những gì thì đều thuật lại, thường giải thích cho đến cùng. Từ đó, tất cả học chúng đều chú mắt cùng suy tôn Sư làm thầy. Lại vì hạnh yếu nền tảng mới đầu thì trước phải răn bảo, Sư mới đến chỗ hai Luật Sư Vân và Huy, rộng cầu chỉ dạy sáng rõ, trải qua hai năm học hỏi, Sư soi rọi khắp tông điều, chỉ có Tiểu thừa là Sư chưa xem duyệt kỹ càng, bèn nương theo hai Đại Luận Sư Đạo Du và Pháp Đản,

đối mặt thọ học hai Tông Thành Thật và Tạp luận, dò hỏi đến chỗ sâu mầu, kết tập thừa bày, tăng chúng có đến mấy trăm vị, mỗi người đều mở cửa rồng, người phân cánh phụng. Mãi đến lúc Sư lên pháp tịch, dâng kinh đến năm biến, bên cạnh Sư lại tham cứu các Luận Bà-sa, Ca-diên, Xá-lợi-phất, v.v... Khéo thông văn lý luôn động hằng tâm, tiện dịp Sư xem rộng các kinh, khuôn phép luận đạo. Hùng thế khuynh cả tám vị, từ hiệu là Tứ Phi, riêng bước khắp núi sông, thuyền bè ba Tạng, nương nhờ tham thỉnh, trí sáng tài giỏi ở đương thời. Tề Lang Da Vương cũng rất mến trọng, quạt rộng phong du, thường ở tại Triệu Xuân, mời các Pháp lữ nhóm họp tại Nghiệp Đô, đặc biệt khai mở pháp tòa, thỉnh Sư làm Pháp Chủ. Sư đến sách tấn khuyên răn học chúng. Nhân đó mà dẫn ngộ thành bến bờ càng gặp được ấm mát, Sư truyền hương thơm tiếp võ, ảnh hưởng vinh dự đến Đông hà.

Không bao lâu gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung năm trăm sáu mươi mốt - năm trăm bảy mươi chín) thời Bắc Chu phá hủy tất cả, Phật pháp ly tán, Sư bèn cùng các bạn đồng tu như ngài Pháp Quý, Linh Khản, v.v... hơn ba trăm vị tăng từ đất Bắc đi về hướng Nam đến Giang tả. Vua Tuyên Đế (Trần Húc năm trăm sáu mươi chín-năm trăm tám mươi ba đời Trần xa kính tiếng vang đức hạnh của Sư bèn thừa dịp đón rước, bảo Thị Trung Viên Hiến đến thành Kinh Khẩu lễ tiếp Sư lên bờ. Vua lại sai phụ mã Thái Ngưng tuyên đọc sắc chiếu rằng: “Bậc Chí nhân vì Pháp, hiến thân cho đạo. Pháp Sư v.v... khéo sáng suốt trị loạn, về nương cậy nơi có cương kỷ, có thể nói là những bậc chánh sĩ có tâm đạo, rất là đáng mừng! Nên mời đến chùa lớn ở Đô Quách để. Sở ty cung cấp đầy đủ”. Bèn ra lệnh suy cử những vị Trưởng giả Nghĩa Học để mở mang Tượng giáo. Bấy giờ, kiến nghiệp Tăng Chánh, vua Tuyên Đế bảo hai vị: Sư và Ngài Pháp Quý cùng đối biện mở mang Tiểu luận. Thần khí lưu thông, sướng đủ khí dõng ở đương thời. Học lữ gần năm trăm vị. Phần nghiệp hữu lậu chứa nhóm mới lạ. Có Tam tạng Pháp Sư khuyết hiệu; người xứ Thiên-trúc gần gủi nương tựa, mang theo hai bộ Nhiếp luận và luận Câu-xá, xa hoằng hóa ở biên phục. Lúc mới về là cuối đời Lương và cuối cùng trải qua triều đại nhà Trần, hơn hai mươi năm, truyền thông không nơi chốn. Tuy phiên dịch truyền bá giảng trao nhưng không nổi tiếng. Chỉ có Sư riêng chọn lấy Huyền tâm, thưởng ngoạn Pháp vị ở luận điển ấy. Mới có lúc rảnh giảng, Sư bèn đến chỗ sa môn Pháp Thái dò hỏi quyết nghi bàn luận, chỉ trong vài năm mà tinh rành, thông dung cả hai bộ. Từ hơn bốn mươi luận như Phật Tánh, Trung Biên, Vô Tướng, Duy Thức, Dị Chấp v.v... Sư đều nắm cương yếu, phân

tích rõ ràng.

Vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) đời Tùy mở lớn trong thanh bách Việt, Văn quỹ đại đồng. Niên nhiệu Khai Hoàng thứ mười (năm trăm chín mươi) ban sắc cho các hàng Liêu thứ, v.v... người nào muốn xuất gia, đều được chấp thuận. Bấy giờ, Chư tăng mới được độ có hơn năm mươi muôn vị, mới được giáo hóa chưa mấy ngày mà biết được bến bờ. Sư cùng hơn hai trăm vị tăng như Ngài Linh Khản, v.v... nghe cơ duyên thừa nương tế độ đó đều trở về Giang Bắc. Đi đến từ phương, mở rộng các trường giảng. Thượng Trụ Quốc Từ Châu Tổng Quản xin phù lệnh hòa, dẫn đến sở Bộ, đồng thỉnh Sư trụ chùa Vương ở Kinh Triệu trước kia, đầy đủ trạng văn tấu tình. Vua bèn ban sắc cấp đề biển ngạch là chùa Sùng Thánh. Từ đó, Sư thường xoay bánh xe chánh pháp. Khắp Giang Hoài đều đượm nhuần, khiến cho sự hoằng hóa dần dời đến Hà Bắc. Nối nhau theo đường trông theo hơi khí, cùng theo nhau đến, đều thưa hỏi Nhiếp Luận. Sư vốn học với Ngài Chân Đế mà nghĩa thật từ Ngài Thiên Thân. Tư tưởng vượt lời trước, âm vận cao truyền sau. Yếu chỉ cùng cực của Đại thừa thảy đều thông suốt. Từ đó, Ngài lãnh tượng cả chín châu, rũ chương khắp bốn biển. Sư soạn Nhiếp luận Sớ sáu quyển, Tạp Tâm sớ năm quyển. Lại soạn các huyền nghĩa của Cửu Thức, Tam Tạng, Tam tụ giới, nhị Sinh tử, v.v... đều lưu hành ở đời, được người đương thời tôn sùng. Tùy Văn Phong, Thiền Đại Tông loan giá ở Tề Lỗ, Các hàng nghĩa học ở Quan trung, nhân theo đến Từ Bộ, tới chỗ Pháp tịch của Sư đều kính phục thọ học. Do đó mà môn đồ ủng hộ hưng thạnh, Chương Sớ lưu hành cùng khắp.

Trước kia, Vương Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy lúc đang trấn giữ Dương Việt, xây dựng bốn Đạo tràng, Giáo Chỉ được hoằng truyền. Sư trọn từ tạ. Đến lúc Vua lên ngôi, lại có sắc chiếu thỉnh mời, Sư vẫn cố từ chối mới thôi. Môn nhân đệ tử hỏi Sư về nguyên do. Sư đáp: "Vương thành có hạn, mọi cử chỉ hành động đều trang nghiêm khó khăn. Tuy nội Đạo tràng chẳng như bên ngoài vật. Sa-môn là giải thoát, vì sao lại có việc phiền lụy ư? Ta từng đi khắp lưỡng Đô, thường gặp ở khắp nơi còn tệ hơn sự lao nhọc nầy. Sư thường luôn trắng trong tự khiết tịnh, riêng lập đạo tràng. Thường ngày gia tâm lễ tụng tu các tịnh nghiệp. Giảng đạo nối nhau, khuyên răn sách tấn Tăng chúng sáu thời. Ngài siêng năng cần khổ từ trước đến nay đã ba mươi năm. Chỗ đất Sư cúi đầu sụp lạy, hai tay, hai đầu gối đều hũng xuống và biến thành lỗ hỏng vết tích, tướng trạng như khuôn người. Cảnh hạnh của Sư nêu rõ đại loai như thế. Tự có luận sư, thường mê lầm hạnh chỉ, mà Sư phụng

vâng theo Pháp độ, từ đầu chẳng rơi đấm. Sư từng gặp lúc trời mưa, tắm gội nơi sân, sợ tổn thương đến tánh vật khác nên sai tịnh nhân trông coi khắp cùng, mới tự theo dùng. Sư ngài rất ưa thích Văn tảo, có lúc Sư bày vẽ thi tụng, lại mừng vui mến chuộng suối rừng, Sư thường dấn bước đến những nơi hiểm nguy. Tử sử Triện lệ từ đó đến nay. Thế luận kịch đàm rất có tiếp thừa manh mối. Bỗng nhiên vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười (sáu trăm mười bốn) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi.

Quang Lục Đại Phu ở Bành thành là Đạo lưu Thủ thuận Chính Công Đỗng Thuần, cùng Đạo tục trong bộ đón rước an táng tại gò Thần Cao. Có Sa-môn Đạo Cơ ở Ích Châu trước kia tham dự Pháp diên ngồi ở cuối tòa, đượm nhuần được đạo phong đức hạnh của Sư, kính tiếc an phóng lưu hồn, buồn cho sự hoang tàn của tháp mộ. Vì vậy nên viết lại hành trạng lưu bố rộng ở đời.

2- Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại Đạo tràng Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Tĩnh Huyền, họ Triệu, người ở xứ Thiên Thủy. Kiến thức trình độ của Sư sâu rộng, trong sáng soi suốt cao xa, năm bảy tuổi, Sư làm học sinh tại quận, chuyên cần xem đọc suốt ba mùa Đông, tài nghệ bao gồm sáu Điển. Đến lúc nhà Tùy khởi vận, Sư bèn theo Nghiệp của Lý Trương. Danh dự vào Hoàng Cân, thân đồng nơi Quán Vũ, hít thở hơi móc, nhã nạp âm trầm. Sư nghĩ rằng năm ngàn Đạo đức vốn chẳng tạo chân, bảy điều giới răn siêu thăng vốn là luống dối, mới xả bỏ khăm đai áo vải ấy mà mặc lấy Ca-sa. Sư lắng luyện nhất tâm, chuyên chú kinh bộ.

Bấy giờ đang độ tuổi Sa-di, mà Sư đã lên Pháp tượng, khắp nơi từ Trung Hoa ra đến các vùng quê thảy đều tôn trọng kính ngưỡng, kẻ tăng người tục cũng đồng ghé mắt trông xem. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, tiếng tăm hùng thế Sư càng cao, bèn hoằng hóa khắp vùng Lũng Tây, truyền trao rộng lớn khắp xứ Hà Lạc. Vì đất Tần xa vắng rất cần Phật Pháp tưới tẩm, sắp muốn kết lại giềng mối suy đồi đó để ban trải di tăng này. Sư bèn nêu bày đầy đủ Chánh Pháp Yếu Vụ tấu trình lên Vua Văn Đế (Dương Khiêm năm trăm tám mươi mốt-sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, được ban sắc chấp thuận soạn Luân ngôn để giúp chẩn bạt. Đến xuống Hà Hữu phân điều y cử hành dụng. Thái tử Nguyên Đức nương vào đạo mầu nên có tư tưởng kính chuộng, bèn ban lệnh chỉ xa thỉnh Sư đến Kinh Hoa. Sư bèn cung kính vâng thừa Gia tuệ đến đi quanh cung Vua.

Có sắc lệnh thỉnh Sư trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện, hoằng dương thạnh hành Pháp hội. Hiên cao ngọc chạm vang tiếng, chổng tích ôm bát, tất cả đều đến trông xem đạo phong đức hạnh, âm ba vang tỏa trùm khắp. Giả sử như xa luận thể giải buông tan vết nghi, giúp cho người hỏi vặn do cửa hiểu rõ mà ra sức hoằng tuyên. Bấy giờ có Pháp Sư Xá ngồi ở tòa nói rằng: “Từ Hà Lương, các hàng nghĩa lữ thì sa môn Đạo Lãng là bậc chuyên quyền nổi danh, lần lượt đến nay. Ông (Tĩnh Huyền) là người tiếp Chẩn, thay không thể được. Người ấy ở đây.” Do đó mà Sư hiển bày kinh dự ở chốn kinh đô, tự nhiên cao bước. Gặp lúc vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) đời Tùy băng, Vua Dương Đế (Dương Quảng) un đúc xây dựng chùa Thiền Định. Sư bèn vâng chiếu đến trụ ở đó, thường xoay bánh xe, mở mang chẳng ít.

Đến ngày hai mươi chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (sáu trăm mười một) đời Tùy, Sư không bệnh mà thị tịch, thọ bốn mươi ba tuổi! Lúc còn sống Sư giảng luận, thường lấy tâm từ bi làm chính, có dặn đệ tử đem nhục thân bỏ trong rừng trống. Có Sa-môn Tuệ nghiêm cũng người xứ Thiên Thủy là đồng bạn của Sư, nhớ tưởng đến lời nói xưa trước, nên đưa nhục thân Sư vào chân núi, đến lúc da thịt đều tiêu hết, bèn gom nhặt di cốt còn lại đem về xây tháp gạch để thờ tại ngọn núi phía Tây chùa Long Trì ở Chung Nam, lập bia minh nơi chỗ tháp dùng để tán dương đức hạnh Sư, do sa-môn Minh Tắc soạn Văn bia.

Ngài Minh Tắc vốn người ở Châu Ký, thông rành Huyền Nho, rất có tài tuệ, lời nói từ hòa, hành động sáng suốt, rất đáng là nơi thừa thống. Văn tảo của Sư tuy nổi tiếng ở đương thời, nhưng không hề thưởng đọc. Sư bèn soạn Văn bia chùa Giác Quán, vật cũng chẳng tỏ ngộ. Bộc Xạ Dương Tố trông thấy lấy làm lạ, do một lần nhìn thấy bèn lớn tiếng hỏi, tấu thỉnh Sư trụ chùa Tam Thiên ở cung Khâm Thọ. Khi ở tại Đông Đô phiên dịch kinh lại thỉnh Sư vào Quán, chuyên trông coi việc biên tập. Đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở. Có Văn tập lưu hành ở đời. Tiết Đạo Hành thường nói rằng: “Văn của ngài Minh Tắc thường phát ra sắc thái mới, riêng chiếu rực rỡ”. Sư rất được các bậc Hiền giả đương thời mến chuộng đại loại như vậy.

3- Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương:

Thích Trí Nhuận, không rõ Sư họ gì, người ở xứ Tương Dương. Sư không có thầy chỉ dạy, riêng mình tự ngộ. Tự nhiên nhàm chán sự đời, Sư đi khắp đồng rộng chương ấp thưa hỏi Đạo lý xuất thế. Nương ở tại Nghiệp Hạ, Phật Pháp đang hưng thạnh, Thập Thống hun đúc phát huy,

khiến ảnh hưởng lan tỏa khắp nơi, Sư chẳng cầm nổi sự vui mừng ấy, nên hớn hở không yên.

Năm hai mươi tuổi, Sư bèn rảo bước xa khắp, gặp Tuân Thống đang mở mang khai giảng Luận Thập Địa, Sư bèn thọ học. Qua thời gian đến các trường giảng, Sư đã từng tham dự đáp luận. Mọi người lớn nhỏ khắp xứ Hà Bắc đều trông nhìn mà chấp nhận. Về sau, Sư tham học các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, đều thêm Vinh hiển. Sư lại nghe Quang Thống giảng Luật Tứ Phần, lãnh thọ Văn ngôn, tập cả Tiểu luận, đủ khả năng biện luận thông bít. Người đương thời gọi Sư là Bác Thiệm! Ít có ai hơn. Lại nghe ở Giang Biểu đang mở mang hưng thạnh Tam Luận, thế rồi bổn nguyện Sư chẳng xa mà trở về. Gặp ngay Biện Công ở Trường Can đang hướng dẫn xướng đầu. Sư bèn dự theo nghe thọ, một khi tỏ ngộ tự nhiên vui mừng. Văn nghĩa sâu nặng, trải nhiều thời gian. Sau, Sư trở về Hán Âm, thường giảng Đạo dẫn dắt, hành hóa khắp Giang Hán, khéo sinh Đạo tục.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, bắt đầu thỉnh Sư trụ Chùa Tuệ Nhật, khí lượng càng bao gồm dồi dào lại càng tràn đầy từ trước đến nay. Gặp lúc đi chinh phạt Liêu Tả cầu công Nhạc Độc. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc cho Sư đến Mân Thục để cúng cầu thần sông. Khi về đến Tây Kinh, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa Thiền Định, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Đại nghiệp thứ mười (sáu trăm mười bốn) đời Tùy.

4- Truyện ngài Thích Trí Tụ trụ tại núi Hổ Khâu, ở Quận Ngô:

Thích Trí Tụ, họ Chu, trụ chùa Đông Sơn ở núi Hổ Khâu thuộc Tô Châu. Thần khí Sư trong sáng vời vợi, từ lúc đang còn lót tã. Sư nhàm chán sâu sắc sự buộc ràng, ưa thính mong cầu tĩnh lặng.

Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Dận ở Võ Khâu. Pháp Sư Dận là người quý trọng Đạo nghệ, vũ nghi ở đương thời. Sư phân chia thời gian, không biếng trễ, thưa hỏi điều lợi ích, vào sâu diệu chỉ. Có các vị như Cố Hy Bằng là người cùng Quận với Sư, Tạ Tuấn Nhạc ở Cối Kê, là những bậc nghĩa phủ Kinh tứ, tốt lành khắp cả Đông Nam, đều khâm trọng cao đức, đồng tiếp nhận Thanh phong, do đó mà Nho Thích đều mở mang, chân tục nêu đủ cả. Cung tường nhiều lớp đều xứng được cửa ấy. Vừa mới hai mươi tuổi, Sư bèn mở rộng việc giảng nói. Có Pháp sư Tước ở chùa Trang Nghiêm, mới thật một nhà ưng dương muôn đời. Sư bèn vâng theo dò hỏi chất vấn trăm nhà chẳng xa. Văn vẽ bày phát đã tinh anh, nghi trệ đều được giải quyết. Có Chu Hoằng Chánh ở Nhữ

Nam là bậc thông hiểu giáo điển nội ngoại, xét thưởng người thường, từng ngợi khen sự tốt lành đó, có thể cho là Hồ Liên của Thích Môn. Dưới thời nhà Trần, có Vương Bá Sơn ở Bà Dương, Vương Bá Chu ở Tân An, Vương thúc Tề ở Tân Thái đều kính quý mến đạo, thỉnh Sư giảng Pháp.

Niên hiệu Chí Đức thứ hai (năm trăm tám mươi bốn) đời Trần; Sư vâng sắc thỉnh của Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) đến Điện Thái Cực giảng Kinh Kim Quang Minh. Hậu Chúa đích thân đến dự Pháp tịch, các hàng Quan liêu đều đông đảo, nên có thể chảy nhanh như thác, gõ lại mõ nầy, lớp lớp âm vận kỳ đặc, vượt lên nhập thần. Hoặc có người nhanh nhẹn đã trải qua Tiểu đạo, chấp gì tà luận, không ai chẳng quay xe ngậm miệng sửa tâm đổi nghiệp. Nhân Chủ tán thưởng, ngợi khen lâu dài. Đến niên hiệu Chí Đức thứ ba (năm trăm tám mươi lăm) Sư phải chịu tang mẹ, khóc mắt ra máu, ngậm buồn gần như hủy diệt. Nhân đó, Sư nói trở về quê cũ, trụ tại tinh xá Đông Sơn, khéo giảng nói chẳng dừng nghỉ, bánh xe Chánh Pháp vẫn luôn xoay chuyển.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (năm trăm chín mươi mốt) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thư ân cần thăm hỏi: “Pháp sư gá thân tịnh độ, Chí đặt ở Pháp Môn, khắp vì chúng sinh giảng nói Chánh Pháp. Siêng tu công đức, dẫn dắt sách tấn pháp đồ, chuyên tâm giảng tụng, rộng cứu giúp mọi loài. Trẫm khâm trọng kính thừa đức nghiệp, rất lấy làm vui mừng!” Thượng thư lệnh sở Công Tố, Tả Bộc Xạ Bi Quốc Công Tô oai đều đích thân đến đạo tràng đảnh lễ dưới chân, đều xả bỏ tịnh tài tư trang thân mạng.

Niên hiệu khai hoàng thứ mười ba (năm trăm chín mươi ba) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc thiết đặt Tăng Quan. Tăng tục xét thỉnh đặt để trách nhiệm bình đẳng. Sư vì phục đạo người ấy, thẳng tâm ứng vật. Đại chúng hòa hợp, thanh tịnh đạo phong điều mục như vậy. Bấy giờ, Quận Tướng Tông thành Lưu Công sớm ngưỡng mộ Cao Danh, thường kính trọng thạnh đức. Khi đến bộ lâm trấn, thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Tề Vương giám lấy sự quý trọng của Đế tử làm trấn mục Hoài Hải, bèn ban giáo thư đến núi thỉnh Sư rằng: “Đệ tử xuống xe, cựu sở đổi thay nóng mát. Xa nghe thanh quy ấy đến có mấy ngày. Vài Kính thừa sâu kín, nương gá núi hang đã trải qua nhiều năm. Đạo phong khí thắng riêng chiếm lúc này. Nên vì đức trùm cả các ngài Pháp Lâm, Tuệ Viễn, Đạo vượt cả Đạo Sinh, La-thập, sáng ngời đuốc tuệ ấy để soi ngộ quần mê, riêng bước Giang Đông, sao rất xinh đẹp! Song, đệ tử chưa được xét nghi, nên cố thỉnh Sư để hưởng thừa cao nghĩa, khổ

nhọc của thoi trục, chở đầy hoài bão, cứ trụ của Hổ, đường sông chẳng xa, liệng quanh sáng của chim cò, khói gió cùng tiếp, hẳn cầu mong khoác y nhẫn nhục, đến nơi trông mong của kiều cần! Sư bèn viện cớ bệnh mà cố từ. Sự việc không như ý, Tề Vương dắt dẫn nương gá Bình Đài càng thêm kính lễ, thường sai kẻ sứ thỉnh mời mở mang Đại giáo. Sư chỉ giữ chí trái ngược người đời. Tâm vượt giang hồ. Văn từ bút mực khẩn thiết Sư cố cầu xin trở về lại phương Đông. Vua cũng mở rộng vì ngoài trần để được toại tâm xưa, giúp cấp các thứ cần dùng, tiễn đưa rất long trọng. Bấy giờ, Sư tiếp Triết thần, xa trở về chùa núi, Sư hiện tướng bệnh khoảng mười ngày mà thần dụng không đổi khác. Ngày hai mươi bốn tháng mười một niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở, dung mạo vẫn như lúc còn sống, trên đảnh đầu còn ấm, thân thể mềm mại đều như ngày thường. Nghe các ghi chép trước, mới thực chứng quả cảm! Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Qua tháng mười hai năm đó, an táng tại Nam Lãnh của núi.

Tánh Sư nương gá cao xa, khâm tình nhàn đạm, sánh lòng gặp vật, mở lượng ở lòng. Sở Việt buộc tình, được mất đều bỏ. Chỉ tấc vuông đất, thốt nhiên ít lường biết, dáng dấp phong thái xinh đẹp, khéo hay nói cười. Những người lưu liên thưởng ngộ quên cả trở về. Thêm vì, Sư ưa thích giảng nói, quên cả nhọc mệt, tổng trì không mất. Sư giảng các Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn, Pháp Hoa, v.v... mỗi bộ hai biến biến. Đơn kinh vừa chuyên, ít được ghi chép. Sư lại sống đời thanh kiệm, không hề trang sức mua vui. Ngoài y bát tùy dùng, các thứ khác thảy đều thí xả. Trong phương trượng rỗng không an nhiên, ngoài giường ghế ra chỉ có kinh sớ mà thôi. Cho nên có khả năng làm cho đạo hưng thạnh một thời, danh trọng ở lúc bấy giờ. Sư tạo lập tôn tượng Lô-xá-na Vô lượng Thọ cao trượng tám, là tôn trượng xinh đẹp ở Kinh Châu, cúng dường tại chùa, và xây dựng hai ngôi điện Phật ở Giảm Tây, trở lại mở rộng khắp quanh, đầy đủ hai thứ trang nghiêm. Sư có đệ tử là Đạo cung, giống như con là Đạo thuận, Đức chỉ thượng thủ, nghiệp lớn truyền đăng đều dựng nhà bia cao, để tán dương Cảnh hạnh của Sư. Bí Thư Ngô Thế Nam soạn Văn bia.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ tại Nhiếp Sơn ở Đơn Dương:

Thích Tuệ Khoáng, họ Tào, người ở Tiều Quốc, sau đó biệt phái, nay thành người xứ Tương Dương. Ông nội Sư là Lượng Tông, làm Cấp Sự Hoàng môn thị lang Vệ uý Khanh ở thời nhà Lượng. Cha của sư tên

Ái, làm Trực các tướng quân. Sư tuấn tú, khí độ trội vượt từ tuổi thơ, tự nhiên hiếu kính, tánh đức cao liêm.

Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, phụng thờ pháp sư Trừng chùa Bảo Quang ở Giang Lăng. Chỉ chuyên cần nghi huấn, trang nghiêm duy diên, phát sáng diệu chỉ sâu mầu, vượt xa đồng bạn. Sau, Sư từ giã chữ Cang Minh Đế, hỏi Đạo ở Vương Hành, trụ chùa Luật Hạnh, nghe Bành Thành giảng, mở cửa huyền ấy, Đại nghĩa đã thông, sắp việc tùy phương chuyển tướng hoằng giáo, Sư bèn cùng các ngài Tông Khải, Chuẩn vận v.v...đều thẳng đến chỗ ngài Chân Đế thọ học các Kinh luận như Nhiếp Đại thừa, Duy thức v.v...Kinh Kim Cổ Quang Minh, v.v... hai vua ở Châu Tể Bà Dương và Trường Sa đều dốc lòng giữ lễ kính theo pháp thầy trò. Sau, Sư ở Tương Châu và Dĩnh Châu trải qua nhiều năm hoằng đạo, tuy gần giác ngộ lâu quên mà địa ân đợi báo đáp. Nên đến niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư nói trở về lại ấp xưa, nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ ba đời Tùy. Sư đến Đạo tràng Biến Giác truyền kinh dẫn hóa. Sư đã có khả năng luật hạnh tinh nghiêm, nghĩa môn thông rành, kẻ tăng người tục đều kính ngưỡng, giềng mối kỳ đặc, bao gồm trông coi tám năm.

Sau, Sư lại vâng sắc dời đến trụ chùa Hưng quốc, nhậm thửa ban giao, ty luân lại ban giáng, hương tô thường thưởng. Tần Hiếu Vương Đế Tử rất tôn kính phụng quy giới. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy biên soạn Lịch, đáng phù hợp Tôn Kính bậc Hiền, tưởng thưởng vị Đạo, bèn ban cho Vương nhân thỉnh mời ở Liên Câu. Đạo Thứ Giang Dương lấy cớ bệnh từ chối chẳng được, được ban sắc trụ chùa Núi Thê Hà ở Đơn Dương để chuyên việc trị dưỡng. Sư lại vốn hiệp tánh thông trúc, gá thần nơi suối đá, thường quen ràng buộc nên ốm bệnh dùng thôi. Ở tại Pháp Đường chùa Thê Hà, Sư lại diễn giảng Đại Luận. Các hàng Tân Văn cựu học, mỗi người tự bàn luận thắng giải, lại quy kết Thiện thiền. Phòng Sư i vốn ở Tinh Xá Thê Huyền là dấu vết còn lại của Cánh Lăng Văn Tuyên, là Di Phong của Thiền Sư Tuệ Hiểu, là sự kỳ đặc của Cảnh Đàm nguyệt thọ, là sự Huyền diệu của Vân Các Sơn Đường là nơi Sư từng đi qua nên có chí muốn trọn đời ở đó, sau dẫn đệ tử dời đến nghỉ ở đó, bờ hang hết tâm của người đời, mây khói thường vờn quanh trên địa vực ấy. Ở đó lại có những người mến mộ sự chân thật, kính trọng Đạo nghĩa tìm đến nơi ấy đông đúc.

Đến ngày mười sáu tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ tám mươi tuổi. Trên đảnh đầu còn ấm trong thời gian lâu, hai ngón tay co quắp lại, đó lại rất

phù hợp với tướng Thượng sinh đắc Đạo. Qua đến ngày hai mươi, an táng tại núi phía tây của chùa. Các Đệ tử, v.v... dựng lập Bia, ghi chép Đạo hạnh của Sư, Sa-môn Pháp Tuyên ở Thường Châu soạn văn bia.

6- Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương:

Thích Trí Lâm, họ Lư Khâu, người ở xứ Phòng Dự thuộc Cao bình. Ông nội Sư tên Nghiễm, nhàn cư xem thường thế sự. Cha của Sư tên Đàm Trân, làm Thường thị nước Lương. Thuở bé, Sư hiền lành có tiếng tăm trong bà con xóm làng. Xử Sỉ Biện Thuyên là người nổi tiếng ở đời. Sư thuở nhỏ đã khéo cầu học phục ứng thỉnh nghiệp. Với các Kinh Sách Lễ Dịch Trang Lão, Sư đều thấu cùng chỗ sâu mầu. Biện Thuyên mừng Sư sớm phát tuệ, bảo rằng: "Thật là Thần Đồng ít có ở đời!"

Đến tuổi trưởng thành, Sư bèn vượt thoát lìa tục, tôn thờ Sa-môn Pháp Đôn ở chùa Nhân Hiếu làm thầy. Kính vâng oai nghi giáo dưỡng, bẩm thọ giới pháp Sa-di, ăn dùng rau trái, tiết tháo cần khổ chuyên tu. Với các Kinh Pháp Hoa, Duy-ma Sư thọ trì thành tụng. Gặp lúc Sa-môn Pháp Đôn thị tịch mà Sư giới phẩm chưa viên mãn, bèn cao bước đến thượng kinh, lại tôn sùng khuôn phép của thầy, đến nương tựa Pháp sư Hằng là Đại tăng chánh ở chùa Đông An. Đã nhờ được Lực Sinh, vâng thọ giới pháp Tỳ-khưu mới viên cụ, Sư bèn thọ học Luận Thành Thật và kiêm học Tỳ-ni. Khi đã thầm hợp Văn trì, sắp mở rộng truyền trao. Sư nhìn huyện làng, nghĩ báo đáp Địa Ân, nên niên hiệu Thái Kiến thứ mười (578) đời Trần, Sư trở về quê cũ. Thứ sử Nam Từ Châu là Tiêu Ma-ha rất kính lễ khác thường, bèn thỉnh Sư giảng nói. Từ đó nhóm họp Tông tượng, quay bánh xe chánh pháp. Những người thọ học cầu nghe rất đông.

Niên hiệu Thái Kiến thứ mười một (579) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc cho Sư Khúc A Tăng Chánh. Năm sau (580) lại ban sắc bổ nhậm Sư làm Từ Châu Tăng Đô, xứng đạo trở về, xét do đức hạnh Sư tỏa khắp.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Thứ Sử Nhuận Châu là Lý Hải Du, chịu làm Đoán sự, giềng mối gởi cậy, xứng đáng đều thuộc, ở tại chùa Nhân Hiếu, trước kia vào thời nhà Lương đi đến phía Tây, dò hỏi bàn luận với Đàm Tăng Thiệu Xả, bỏ vườn nhà mà xây dựng, điện đường mở xây, loạn ly luôn đến, Sư bèn tiếp nối dựng cột trị chính, bày thêm văn vẻ, tảo sức, xoay vần mở lớn rộng rãi, thật có lắm công sức. Trước sau Sư tu tạo năm tôn tượng bằng thân người thường,

một tôn tượng chắp nối bằng sợi gai, thần nghi hiển điệu tướng tốt trang nghiêm cao trội. Lại ngay trên đảnh núi Dục Vương, Sư xây dựng ngôi tháp gạch năm tầng, mô phỏng theo tám muôn cùng một lúc mong cầu Cao Diệu. Sư giảng các kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, Tịnh Danh, Kim Cổ mỗi bộ có mấy biến, Sư độ đệ tử hơn ngàn người. Thường nghĩ tưởng hướng đạo đến bến bờ cốt yếu, chẳng mến chuộng Thiền-na, vì muốn chiêu ẩn già-lam, sơn phòng vượt hẳn ngoài thế tục, nên nhàn tịch, yên lắng nơi rừng sâu tươi tốt, Sư có chí nguyện muốn trọn đời nương gá ở đó. Nhưng bởi sự bức bách của các duyên chướng ngại bên ngoài nên chẳng như nguyện, nhưng Sư vẫn hâm nóng trang nghiêm tự giữ, dạy răn dắt dẫn không mỏi mệt, các thứ của cải không hề chứa để, tùy duyên mà ban cấp cứu giúp. Oai dung Sư cảm kích đến mọi vật. Lòng tin là người tài giỏi anh minh của Đạo.

Ngày mồng sáu tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư ngồi kiết già chấp tay an nhiên thị tịch tại phòng phía Đông chùa Nhân Hiếu, thọ bảy mươi tuổi. Trước đó, vào đầu tháng năm, có Cư Sĩ Lưu Chí thỉnh Sư giảng Kinh Di-lặc, Sư nhận biết Vô thường, nên không hứa khả. Đến lúc Sư quả nhiên thị tịch, mới thật sự đáng tin thay Sư đã biết trước thời mạng! Và lúc sắp thị tịch ngài dặn bảo các đệ tử rằng: "Rừng Thi-đà là chỗ tôi thường nguyện nói, sau khi tôi qua đời xin chớ trái chí ý ấy!" Sa-môn Trí Khanh, v.v... kính cẩn vâng theo Di ngôn, nên đến ngày mười một tháng năm đón rước Nhục thân Sư đến núi Dục Vương. Bấy giờ, gặp lúc trong rừng Lưu Kim có nhiều con thú mạnh dữ, nhưng lúc ấy đang giữa mùa Hạ (tháng năm) mãi đến mùa thu mà dung nghi da dẻ Sư vẫn nghiễm nhiên, không một hư tổn đổi khác gì, kẻ tăng người tục đều khen ngợi tán dương, cho là điều chưa từng có! Đến ngày mồng tám tháng chín nhuần, ở núi phía Đông Chiêu ẩn xây dựng ngôi tháp vuông, nói tuân theo quẻ bói, rước toàn thân Xá-lợi của Sư an trí vào khám núi. Các hàng thế tục cùng đến, chư tăng trong đồng môn thảy đều đến, gào khóc vỗ ngực vang dội các hang động khắp núi. Bèn xây dựng nhà bia ở phía bên phải cửa chùa để tưởng nhớ đức hạnh Sư. Văn bia đó Giang Dương Giới Sĩ Thái Hoài soạn.

7- Truyện ngài Thích Tịnh Nguyện trụ tại Đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh:

Thích Tịnh Nguyện, không biết Sư họ gì. Sư ở xứ Đại Châu. Năm ba mươi tuổi, Sư xuất gia. Sư có tài năng nghe rộng nhớ nhiều, khéo suy xét kinh luận, sớm thành khuôn phép. Xa làm chỗ kính ngưỡng cho

những người học. Khi đã đăng đàn thọ giới Cụ túc, Sư chuyên tinh Luật bộ, trải qua năm năm, càng lớn thạnh nghiệp. Vì sớm thấu đạt sáng sủa, vững chắc tu tập, xem đọc thâu thập qua năm biến thì Sư bèn giảng nói.

Ban đầu, vì Sư lớn tuổi mới nhập đạo, nên mọi người phần nhiều coi thường, nhưng khi thử nghe Sư giảng nói, tiếp xúc với văn lý của Sư trong suốt mở tan, không mảy may vướng mắc, mọi người ở ngay tại chỗ ngồi, không ai chẳng kính trọng. Sư liên tục giảng Luật Tứ Phần suốt đến mười biến. Lại nghe các Kinh Thập Địa, Hoa Nghiêm và các Tiểu Luận, cuối cùng Sư lấy Nhiếp luận làm chuẩn tắc then chốt chương cú, đồng thời suốt thông, lấy Thiên hình để Đàm nói đối Khoá. Sư có góp nhặt ghi chú lời Thánh, y theo sự hiểu biết mà chế sức, lưu thông rộng chương sớ. Về sau Sư lại vào Kinh phụ thâu thập sơ lược những điều chưa nghe biết. Tuy trải qua hoài bảo mà Sư không có một tác phẩm mới, nên người đương thời chưa thể lường biết được sự thông hiểu soi chiếu của Sư, Sư trụ ở chùa Bảo Sát, ngầm ẩn dung nghi tài nghệ. Sau nhân Pháp tập, Sư muốn nêu bày danh thể của mình, bèn theo thứ lớp mà dựng lập nghĩa. Ý Sư vẫn còn ở trong năm ấm, liền lên đứng trên Pháp tòa, đại chúng đều cho đó là khác thường, nên đều im lặng không luận bàn, một hồi lâu lặng thinh. Sư đưa mắt nhìn cả Đại chúng mà bảo rằng: “Nghĩa dựng lập đã lâu, sao không có ai hỏi gì ư?” Trong đại chúng bảo: “Dựng lập nghĩa gì mới khởi hỏi chứ?” Sư bảo: “Danh tướng đã lâu! Đại chúng tự không nhận biết. Các vị ngồi tại pháp tịch dùng miệng rao truyền, còn tôi thì sắc tâm đều lập.” Rồi Sư bèn an nhiên ngồi xuống, hơi tiếng mạnh mẽ như mây, tự nói rằng: “Chấp chưa nhọc dừng. Vả lại, đây là Tu về người việc.” Bấy giờ, mọi người cho đó là khác lạ, nêu bày thanh khiết, bèn hỏi vặn qua lại. Sư đối đáp như mây mưa, đều định trước về số lần, sau mới tùy số hết lời, mở bít mặc tình ở đương thời. Tà chánh do sự thông trệ ấy. Hoặc có người có lắm điều nghi chứa nhóm điều nạn từ trước tới nay chưa được quyết thông, mà Sư đủ khả năng giải thích thấu đạt nghĩa lý ấy, tự nhiên mở tỏa mới vui thích, khi ấy các bậc thông tuệ cùng dự tham tại đó quy về Sư rất đông.

Sư bèn dời đến chùa Bảo Xướng, suốt bốn mùa liên tiếp, nhà cỏ tranh trên ụ đất dùng đó mà giảng nói. Thời khóa chính thức giảng Nhiếp luận, còn chiều tối bàn về tạp tâm, hoặc gồm giải thích kinh Niết-bàn, hoặc phân tích Luật Tứ Phần, không chọn lúc thừa rảnh rỗi, làm khuôn phép cho hậu hiền. Hễ điều gì Sư mở lời giảng nói đều trái

với cựu giải, sau khi soạn sớ truyền bá ra, càng chẳng xem lại, đến lúc giảng, nói năng đều đúng với khuôn phép. Sư đều nghe chẳng hề quên sót, thật ở đời ít có người hơn! Còn như Xá-lợi Tỳ-đàm văn từ ý chỉ trùng lập sâu ẩn, đọc còn cảm thấy khó huống gì thông rành nghĩa lý, mà ngài cầm quyển bày văn, tự nhiên thông suốt, bèn soạn sớ giải mười quyển. Văn từ rất dồi dào bao gồm.

Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) xây dựng tháp, ban sắc Sư rước Xá-lợi đến chùa Lộc Sơn ở Đàm Châu. Ban đầu mới đến châu trị sang bờ phía Tây sông Tương, sắp đến chỗ núi, bỗng nhiên có loài chim lạ khoảng mấy muôn con kết thành đàn năm mầu cùng bay vùn vụt, bay nổi trên nước có hàng lớp hướng về phía Thuyền dường như cùng đón rước, và đến chỗ Xá lợi, trở lại bay hướng đi trước, qua lại nhanh chóng. Mọi người không ai chẳng lấy làm lạ. Khi đã lên bờ, chim bèn sắp thành hàng cùng đứng nhìn, và rồi cùng theo nhau bay liệng giữa hư không đến chỗ tháp. Các hàng thức giả cho đó là Biến tượng của quyến thuộc Thần núi cho nên như vậy. Sư tấu trình điềm lành ấy, Vua Văn Đế rất vui mừng khen ngợi, ngài chỉ lấy việc giảng dạy trao truyền làm việc chính. Ngày đêm sáu thời lễ bái, sám hối theo thể thức ban đầu chẳng biếng trễ. Sư kính trọng cẩn trì Pháp luật, như những gì đã nghe học mà vâng làm. Sư tự thấy các bậc Pháp tượng có nhiều sơ suất về giới Tông, đều do thiếu đức tin mà trọng vào sở học cho nên như vậy. Nay Sư bao gồm tất cả mà tốt lành, riêng giác ngộ tràn khắp ở đời. Có thể gọi đó là “Người sáng suốt hộ trì giới nên được như vậy!” Khắp chốn kinh ấp tiếng tăm Sư ban đầu mới vang xa, mọi người đều tôn kính muốn nghe. Đến khi thấy Sư giảng nói Kinh thuật, đồng thời Hiến Chương Tiên đạt, đổi chánh Văn nghị, rất nhiều người nín lặng, chẳng hơn phẩm tảo, đều bị vướng mắc đối với điều thường tu tập, thính chúng chẳng đầy mười vị. Lại nữa lời lẽ của Sư quá cao vời, chẳng phải chỗ mong mỏi của hạng người tâm tánh vội vã, chẳng phải chỗ nào để người đến sau nhập vào.

Đến đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, Sa-môn Biện Tướng tìm mời Sư đến chùa Tuệ Nhật, hiện tại đồ chúng có cả trăm người đều đã nhận biết được bến bờ. Ngài Biện Tướng đều giao phó cho Sư. Từ đó Sư vẫn như thường giảng bày khai ngộ, chúng nghe đông gấp bội khi trước. Lại cùng kích tán khiến âm hưởng càng vang xa. Bốn phương nhân đó ngày một tìm đến nghĩa Diên, đều được nghe điều chưa từng nghe, mừng vui đến chỗ nghĩa khó, còn như phân sướng thâm phục, nêu lên giềng mối. Người ngồi bất chợt lìa khỏi chỗ, đều ngợi khen nghĩa

ấy, gặt hái đến chỗ sâu sắc. Một năm sau thì Sư Biện Tướng thị tịch, thọ hơn sáu mươi tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609). Nhưng Sư có sở trường thấy biết rộng xa mà kém phần phước nghiệp, xét ở Học chúng vừa mới đông đảo, chợt liền tan hết, há chẳng phải vậy ư! Thế rồi các Bộ Xá-lợi, Tỳ-đàm chưa hề bày giảng, các bản sớ giải lại thất lạc, đời sau mất hẳn sự hoằng thông. Thật rất đáng buồn tiếc!.

8- Truyện ngài Thích Trí Ngưng trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Trí Ngưng, không rõ Sư họ gì. Sư là người xứ Dự Châu. Xuất gia từ thuở thiếu thời, chứa truyền thầy tập, qua mắt thì chẳng quên, đều xuyên suốt hoài bão. Các kinh đọc tụng có đến mấy mươi muôn lời chỉ phút chốc đã dẫn tụng được, không hề ôn cũ.

Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng tăm ngài ngày một trong vọng, yếu chỉ xa của các Tông sợ sau không thành. Sư nghe vâng bèn tự than rằng: “Người đời chỉ lo sớm được nghe Đạo, chẳng lo tối chết, yếu Đạo xuất thế đâu lụy gì đến Hậu Bành sinh thành?” Sư bèn đến chỗ Tung Công, kính ngưỡng cầu hỏi Nhiếp Luận, u thần ngoài động, đến chỗ chánh nghĩa, trong tâm Sư như từng đã nghe trước, không còn phải thưa hỏi lại. Ban đầu, Tung Công mới giảng xong Đệ nhị Thắng Tướng. Sư bèn ngoái nhìn lại tất cả thính chúng mà nói rằng: “Giềng mối yếu chỉ của Nhiếp Luận, tôi đều có thể thấy biết hết, các phần Văn luận còn lại, tôi không rảnh để nghe.” Sư muốn soạn sớ giải, liền đến giã từ Tung Công. Tung Công bảo: “Hậu sinh nêu lãnh chỉ đều là đuổi tà, chỉ lo công phu chưa thông hiểu phần sau, sợ e trái hẹp!” Sư hỏi: “Cầu mong Pháp sư mở sáng soi chiếu rộng lớn, nêu bày liền có thể biết mất ở Chi nào, nên không có điều phải lo ngại”. Sư bèn cúi đầu bái tạ từ biệt. Lúc ấy mọi người cho rằng Sư khoe khoang, chưa ai kính chuộng, đến lúc Sư soạn sớ giải đã xong, phán quyết từ tông, y cứ theo đó mà giảng giải, tiếng tăm Sư mới vang vọng càng mạnh.

Sau, Sư đến Kinh Liễn ở chỗ Biện Tài, dẫn chúng thường giảng, kíp truyền đầu mối. Dưới thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, Phật Pháp hưng thạnh, thường luôn mở điện hội. các bậc Danh tăng tiên đạt, thường tham dự thắng tập, chỉ riêng một mình Sư dẫn chúng hoằng Đạo. Còn như đối với vinh lợi thế tục, Sư không hề đưa mắt liếc nhìn. Do đó, học chúng thành tựu đức hạnh khác với các trang lứa đồng tu. Sau, Sư trụ chùa Thiền Định, vẫn còn giữ thói quen cũ.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Thiền Định, thọ bốn mươi tám tuổi.

Ban đầu, Sư truyền pháp ở Quan Đông, không có tâm nghĩ đến giảng ở chốn kinh đô. Có Pháp sư Minh Cập là người nổi tiếng về Nhiếp Luận, tông tích bằng thầy. Sư đang ở đầu mối ấy, niên sự suy đốn, Pháp sư Minh Cập bèn sai Học sĩ thỉnh Sư. Khi đã đến, một lần thấy nhau không có thuật gì khác, chỉ hỏi rằng:"Thức A Lê Da có diệt chăng?" Sư đáp: "Có diệt!" Pháp sư Minh Cập mới vùng mạnh thân mình ngồi dậy vỗ tay rất vui mừng, sau đó không lâu thì thị tịch. Nhân đó, Sư tiếp thừa dầu mối của Pháp Sư Minh Cập, nên người học chẳng dời đổi tông chỉ. Sư kiêm hạnh thanh khiết trang nghiêm, gió sương chẳng thay đổi. Thường ngày sáu thời đúng khóa, phước trí không khô cạn, nên cả ngôi chùa Biện Tài chỉ riêng Sư lo việc tu tạo, cấp quán dựng đặt. Tăng viện bằng phẳng, mới đầu không có cửa lớn, ngài sửa sang sắp xong, bèn đứng hàng đầu, nói Pháp đã hoàn tất trở lại theo y việc phước, chuyên soạn chương sớ, tay chẳng cầm văn. Tùy thời đánh gõ, lặng lẽ đối đến cùng chuông trống. Hoặc một đêm thí hội, bằng trăm ngàn đêm, hoặc một thời ra ngoài thọ thực, cúng thí gồm cả vàng lụa. Sư không ý niệm giữ riêng. Chí nguyện vẫn luôn là trao truyền giáo pháp, nên hiện tại đang hoằng truyền tiếp nối.

Có Học Sĩ Linh Giác, Đạo Trác đều là Danh tăng ở đất Thục, y cứ tiếp thừa tuệ giải, chuyên chiếm vết tích ở kinh thất, sau trở về Ích Châu mở mang Quyết Tông, nên ở các xứ Mân lạc, nhiếp Luận do nhờ đó mà được lâu dài.

9- Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh:

Thích Pháp Ngạn, họ Trương, ngụ ở Lạc Châu, Sư xuất gia từ thưở nhỏ, mà chí lớn nơi Đại Pháp. Sư thông minh chấn động âm hưởng, suốt trùm hạng thường luân. Tuy ba Tạng Sư đều thông mà riêng lấy Đại Luận (Luận Đại Trí Độ) bày sự tốt lành. Đi qua các pháp hội, chẳng ai dám mở lời chống kháng. Nên từ các nước Tề, Bắc Chu cho đến Tùy, ở các kinh đô đều sợ, đều sợ sức thần sáng của Sư chẳng ai bằng. Cho nên được chỗ đặt lời của Sư thì khách chủ điều tốt, khiến Diệu Nghĩa tinh thuần đến nỗi mở lời thì trở thành truyền trao Diệu Chỉ.

Tề Công Cao Dĩnh hỏi Đạo ở phương xa, biết tiếng tăm Sư chứa nhóm nên thỉnh Sư đến Kinh ấp. Sư tuy là trí sáng trùm khắp ở đương thời, mà nhún nhường hình ở Danh sắc. Cao Dĩnh vì mới nên cậy tình có

sự lấn lướt. Sư vâng phụng mà kính trọng, chẳng vì nhìn nhau qua tuổi tác. do đó mà các hàng thức giả càng mến và trân trọng Sư. có Pháp sư Uyên là bậc cao sáng chánh pháp, mọi người đều suy trọng. Pháp Sư Uyên nói với Sư Pháp Khản rằng: "Trời đất tuy bao la mà hạng người thức đạt thì ít có. Bậc tài giỏi học muộn, chỉ có một người, đó là Pháp Ngạn. Có thể cùng ông ấy luận lý, ngoài ra thì v.v... theo kia mà giữ lấy sự tỏ ngộ." đến lúc Ngài Pháp Khản đến kinh đô cùng gặp Sư mới biết sự soi xét sâu xa của Pháp sư Uyên.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc đặt cứ Sư làm Đại Luận Chúng Chủ, trụ chùa Chân Tịch, mở mang hoằng hóa. Đến khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu, Vua Văn Đế lại ban sắc thỉnh Sư rước xá-lợi đến Nhữ Châu. Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Thiện Ứng ở Nghi Châu. Đào bới dưới nền sâu khoảng một trượng thấy có được cát vàng, đãi lọc thành cát thuần có được hai thăng, sáng rỡ loá mắt, lại cảm có Ngưu hoàng (Trâu vàng) tự đến trước tháp, gấp đầu gối chân trước vái hai vái rồi dừng, xoay mình lễ bái cảnh tượng Vua Văn Đế một vái. Đến lúc vào hộp đá, có cả ba ngàn người đều thấy mây trời năm mầu dài hơn mười trượng, rộng ba bốn trượng, vây nhiễu bốn phía, mây trắng hình trạng như lưới dệt, từ ngay dưới nền lên thẳng giữa hư không từ giờ ngọ đến giờ mùi mới tan hết. Sau khi tan hết, lại ban tỏa mây năm mầu từ bốn phương cuộn lại, tướng trạng đồng như điềm trước lại cảm có chim hạc mầu đen có năm đầu từ phía Tây bắc bay đến liệng vòng quanh trên tháp bốn vòng, bay đi rồi bay trở lại. Lại cảm có chim Hặc mầu trắng ở trên bồi hồi giây lâu mới chết. Lại cảm có Rắn năm mầu đến cuộn vòng quanh ngoài hộp, dài khoảng ba thước. Đầu hướng về Xá-lợi, không hề khiếp sợ, như vậy đến mấy lượt.Thứ Sử Trịnh Thiện Quả dâng Biểu tấu trình rằng: "Thần nghe kính trời nuôi dưỡng vật thì cảnh tượng trời hiển bày khả năng đó. Thuận theo đất dưỡng nuôi Dân thì đất vốn biểu dương đức hạnh ấy. Do đó, Đào Đường Chỉ trị thân chẳng biếng lười, khí ấy bày điềm lành. Đất nước Hạ Hậu thành công. Huyền Khuê cáo tích, mới biết việc trời người ảnh hưởng như thần. Cúi mong bệ hạ nắm giữ Cơ Đồ từ nhượng, thọ mạng Quân lâm. Khắp Vũ trụ không một mảy trần. Thanh giáo hết một ngậm mở ánh sáng Đại từ thương xót vô biên. Trời Phật ban soi, giảng điềm tốt lành ấy. Nền tháp khắp sáu nơi đều có được cát lạ sáng rỡ lấp lánh đồng như vàng báu. Trâu vì lễ bái, xưa nay chưa từng có, mây bủa năm mầu mới thấy ở ngày nay. Lại cảm thân

rắn nhiều mầu cuộn quanh nền tháp. Chim Hạc vút bay trắng đen bồi hồi giữa hư không. Tuy Hiên Hoàng có Cảnh điềm lành nhưng không truyền ở cựu chương. Hán Đế Điềm vui hiện bày nhưng chẳng ghi ở giản sách. Tự chẳng có đức làm hưng long Tam Bảo, Đạo trùm cả trăm Vua thì đâu thể cảm điềm tốt lành như thế, khiến bày điềm linh Dị!" Vua Văn Đế rất vui mừng, ghi vào Biệt Ký.

Sư truyền Đạo nghiệp Chân tịch, Tăng tục tiếp thừa âm hưởng. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh vâng phụng giới pháp, cả nhà đều giữ đức tin, đến nay không khuynh đảo, đều do sự khai bày cứu giúp củ Sư! Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ hơn sáu mươi tuổi.

10- Truyện ngài Thích Pháp Tổng trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh:

Thích Pháp Tổng, họ Đoàn, người ở xứ Thái Nguyên thuộc Tinh Châu. Thưở thiếu thời, Sư chuyên tụng Kinh Niết-bàn, đã thông toàn bộ, mục đích là lời văn chưa vội nghe qua. Suốt trong thời gian hơn mười năm đầu không hề phế bỏ. Sau, nghe Huyền nghĩa, Sư liền truyền giảng. Trước sau hai năm, lãnh ngộ chẳng phải một người, mà Sư khoan dung thuần hậu, nhún thuận, được chúng sinh quy hướng kính ngưỡng.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư làm Niết-bàn chúng chủ, trụ tại chùa Hải Giác. Nhóm họp bốn phương, thường khai giảng chí lý, không kể nóng lạnh. Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Trí Môn ở Tùy Châu. Đào bới dưới nền sâu ba thước,có được một con rùa thần, mầu vàng lục, tướng trạng như gấm thêu nhiều mầu. Trên đầu có tám chữ "Thượng Đại Vương Bát Vạn Thất Thiên Niên". Dưới bụng lại có hai chữ "Vương Hưng". Bò đi chậm chạp, đều không ăn uống gì. Và chỗ Xá-lợi, do bảo người sửa đường, cây liễu bên cạnh cầu lại mưa Cam Lồ, tướng trạng như mưa tuôn, mùi thơm ngọt nồng đượm, mọi người cùng uống. Sư bèn viết Biểu Văn tấu trình, Vua Văn Đế kính trọng đến yết kiến điềm linh tốt lành, thường đặt con Rùa đó ở chỗ tòa vua, cho các Thần hạ trông xem. Trải qua thời gian năm tháng, vua đi đến Bắc uyển bèn thả Rùa xuống Thanh trì (ao trong). Tuy chìm nổi bơi lội thời gian ngắn, Rùa vẫn bò đi quanh ao, theo bên cạnh vua, trước sau chẳng phải một lần. Quan bồi vệ tùy tùng đều trông thấy, cùng mừng vui điềm cảm ứng đó.

Đến mùa Xuân niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua

Văn Đế lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Hạ sinh ở Liêu Châu. Các hạt phát ra ánh sáng, tướng ấy rất nhiều. Hộp Đá biến thành vân lụa và tượng Đồng tử. Mặt phía Bắc hộp hiện ra song thọ, phía dưới có Phật nằm. Mặt phía năm hộp hiện tướng thần Kim cương cầm chày phỏng theo tướng của núi. Mặt phía Đông hộp hiện tướng hai Đức Phật đều đứng và một con kỳ lân. Mặt phía Tây hộp lại hiện tướng một vị Bồ-tát và một Thần ni khum mình chắp tay hướng về Bồ-tát. Lại có các tướng khác, ở đây lược qua chẳng kể hết. Lại phát ra ánh sáng rực rỡ rối loạn sinh khởi, nhiễu động loé cả mắt người từ tối đến sáng. Các ngọn đèn tuy tắt hết mà ánh sáng vẫn tiếp tục soi chiếu chẳng khác gì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Đêm đó, trời mưa râm. Từ mỏ Diều hâu nơi Phật Đường phát ra luồng ánh sáng mầu vàng bay về hướng Đông Nam hơn ba trăm Bộ. Người ngoài cho đó là lửa, bèn chạy đến thì biết là không phải. Tìm theo chỗ phát ra ánh sáng, mới biết là nơi tôn trí Xá-lợi trong nhà. Mọi người đồng trông thấy và đều phát đại Đạo tâm. Đến ngày mồng tám, lúc sắp hạ, có mây năm mầu che phủ trên tháp. Lại cảm có con chim lạ, thân hình mầu trắng, đuôi mầu đỏ, mỏ ngậm áng mây, tướng trạng như lọng hoa, cũng hiện phía trên tháp. Điềm cảm ứng ấy, có hơn năm muôn người trông thấy cùng một lúc. Đến lúc lấp lại xong, mây và chim mới biến mất. Qua ngày mồng chín tháng bốn, trên nền Tháp tỏa ra ánh sáng, chia thành năm luồng đi thẳng về hướng Tây, hình sắc như họa vẽ kéo dài mấy trăm dặm, mọi người đều trông thấy chứ chẳng phải một. Sư đích thân cảm điềm lành đó, mừng vui phấn phát nội tâm, viết lại đầy đủ và tấu trình. Vua Văn Đế ban sắc cất vào Bí Các.

Sau, nhân theo hạnh nghiệp cũ, Sư giảng tụng chẳng hề nhọc mệt. Đến khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hải Giác, thọ bảy mươi tuổi. Môn nhân, Đệ tử Sư có Hạnh Đẳng, Huyền Hội kế thừa tiếp tục nổi tiếng. Việc nầy thấy ở Biệt truyện.

11- Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh:

Thích Tăng Đàm, họ Trương, người ở xứ Lạc Châu. Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, thông hiểu các kinh luận. Sư bùi ngùi Phật Pháp chưa đầy đủ, bèn phát phẫn mà tìm cầu thọ học. Cuối thời Cao Tề, Sư kết bạn cùng đi Tây Vực. Vừa tới trước Thông lãnh, đường đi nhiều trở ngại chẳng thông, bèn trở lại kinh liễn. Phạm ngôn âm chữ đều thông cổ huấn.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư phiên dịch kinh điển. Sự việc như ở Biệt truyện. Sư ở tại chùa Đại Hưng Thiện. Sau, vua ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, tức là chùa Cổ Vân Cư. Núi tên là "Trung Triều", phía Tây đến ven sông. Ở đời gọi cảnh đẹp không đâu hơn ở đó. Ban đầu, mới rước đến Châu Trị, mà trong điện Phật chùa Thê Nghiêm âm vang tiếng chuông trống chấn động cả một chùa. Có người vội đến xét xem đều không thấy gì. Khi linh kiệu đưa đến chùa. Đêm đó trên đảnh tháp phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp trong nhà, sáng suốt không che lấp. Trước sau nhiều lần phát ra ánh sáng thần như thế. Hoặc dường như lò hương nương giữa hư không mà lên, hoặc lửa tím bay như hoa như lá, chợt tan chợt tụ, hoặc như tượng Phật tỏa ra ánh sáng, hoặc như hơi khí cầu vồng vây nhiễu quanh tháp, trải suốt nhiều ngày liền đêm ánh sáng chiếu diệu khó xác định. Lại nữa, chư tăng trụ chùa Nhân Thọ ở Châu Trị ban đêm trông thấy ở chùa Thê Nghiêm có ánh sáng như cửa lầu chiếu soi khắp hang núi. Lại, cách chùa núi chừng tám mươi dặm, người đứng trông thấy ánh sáng như lửa, đều cho là lửa đồng trống thiêu đốt chùa. Tới lúc đến tìm mới biết là linh tướng. Sự cảm ứng điềm lành như thế.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc đặt cử Sư đến xây dựng tháp báu tại chùa Trí Độ ở Ân Châu. Ban đầu, mới đến Châu Trị, thấy tôn tượng Phật duỗi tay ngồi trang nghiêm trong bình, đến lúc tôn trí vào hộp vẫn như thường không đổi khác. Lại nữa, giữa đất tự sinh ra vân lưới, phía trên nhà thấy có hoa sen xanh và tôn tượng Bồ-tát. Đại chúng đều trông thấy. Lại thấy hình tượng Rồng cuộn rắn quật, vết chân người lớn, vết chân các loại Bò ngựa chim thú, v.v... Lại, tại chỗ đặt tháp báu có hai con rắn nhỏ nằm ở đó chẳng đi. Nhân đó xây dựng nền móng, đào sâu xuống đất khoảng bốn mét tự nhiên có dòng nước suối vọt lên. Có người bị bệnh sáu căn đều không còn tác dụng, uống nước suối ấy thì lành hẳn. Đã gặp phải duyên đó, mới dời về hướng Bắc để tránh khỏi dòng suối ấy. Nên hai con Rắn ở đó là rất có nguyên do. Sư chuyên việc Truyền dịch rất tốt đẹp, tiếp nối đến lúc thị tịch tại chùa. Lúc đó nhằm đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Tuệ Trọng, họ Quách, người ở xứ Ung Châu. Ngài luyện Đạo từ thuở thiếu thời, tìm suốt giáo điển nội ngoại. Chí lực Sư ngay thẳng cứng cỏi, không sợ uy quyền, là cửa ngỏ của Nhiếp Luận, Thập Địa. Do mở sắc ban thỉnh Sư xây dựng tháp tại chùa

Đại Nhạc ở Tần Châu, ban đầu dừng tại Cung Quán, bình vàng Xá-lợi tự nhiên mở, hiện phát ra ánh sáng lan tỏa ra ngoài, kẻ tăng người tục đều trông thấy. Khi đưa đến tháp chùa, sắp tôn trí vào hộp đá, lại phát ra ánh sáng rực rỡ làm lóa cả mắt người. Phía ngoài núi có ba áng mây trắng bủa xuống thẳng hướng đến nền tháp, hồi lâu mới tan hết. Lại nữa, cửa miếu Nhạc Thần (thần núi) từ trước đến nay thường luôn đóng bít. Khi rước Xá-lợi đến thì có ba lần tự mở. Các hàng thức giả cho đó là thần đến kính lễ nên như vậy. Về sau, không biết Sư tịch ở đâu?

12- Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Đàm Xán, người xứ Hoài Châu, là Môn nhân của ngài Tuệ Viễn. Bẩm tánh Sư thuần hậu ngay thẳng, khoan dung dịu dàng nổi tiếng. Ngài vân du cầu học ở Tương Nghiệp, nghiên tầm chứa nhóm chánh lý, thấu suốt sâu xa các Kinh Thập Địa, Niết-bàn. Khi đã hoàn bị kinh pháp để giảng trao, Sư bèn theo thầy vào Quan. Sư là một trong số mười vị, dừng trụ tại chùa Đại Hưng Thiện. Về sau, ngài Tuệ Viễn thị tịch, các tăng lữ không nơi nương tựa. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc bổ nhiệm Sư làm chúng chủ. Sư đến chùa Tịnh Ảnh truyền giảng, mở mang nghiệp cũ, qua thời gian nhiều năm. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, đang trên cao trào xây dựng tháp báu. Vua Văn Đế lại ban sắc đặt cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Trường thọ ở Hoài Châu. Ban đầu, mới dựng tháp sắp hạ, bỗng có một con Trĩ trống đi đến trước hộp, vừa bay vừa dừng, không tỏ vẻ kinh sợ. Sư truyền cho Tam quy, nó bèn đến gần người thuần đi nhiễu quanh như muốn nghe thọ, xoay đầu cổ vũ vui mừng nhảy nhót vui vẻ. Khám xét hình chất thật chẳng phải trĩ, thân có đủ năm mầu, lông cánh ít có ở đời. Sư bèn dâng trạng văn tấu trình, Vua Văn Đế ban sắc khám xét Thụy Đồ, bảo là sắc thái như chim loan. Sư bảo chư Tăng trong chùa bắt nó đưa đến thả ở phía Bắc núi. Chim tụ thành đàn kêu hót bay đi. Lại cảm Dị tích, hơn ba mươi bộ thẳng lại chỗ tháp không thấy vết tích gì. Đến ngày mồng tám tháng tư, sắp tôn trí Xá-lợi vào hộp đá, lại phát ra ánh sáng xoay quanh chìm ẩn, kẻ tăng người tục hớn hở không ai chẳng phát tâm

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Cảnh Tịnh trong hang Cổ Hiền ở Đàm Châu để xây dựng tháp báu phụng thờ, đó là vùng đất sống của ngài Tuệ Viễn. Ban đầu mới đến Châu Trị, trong thời gian nửa tháng,

có mười tám điềm lành trước sau đắp đổi nhau khởi hiện, như ánh sáng của sao soi nhiễu quanh, hoặc như hơi khí mầu đỏ, mây mầu ngọc bích, ráng mầu tím, sương mốc mầu trắng ban trải trên hư không. Ánh đuốc soi chiếu khắp thành đô và ánh ngời cả chợ búa. Có đến mấy muôn kẻ tăng người tục cùng một lúc trông thấy. Khi rước đến chỗ nền tháp lại phát ra ánh sáng như sao lớn nhỏ đan xen số nhiều chẳng thể lường biết. Lại có các tướng khác, đầy đủ như ở Biệt truyện.

Về sau, Sư trụ ở chùa Đại Thiền Định, vẫn tiếp tục sự nghiệp Hoằng truyền như cũ. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tuổi.

13- Truyện ngài Thích Pháp Tán trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh:

Thích Pháp Tán, người ở xứ Tề Châu. Ngài an tâm tịch định ưa thích ở nơi núi hang. Đầu-đà khổ hạnh là pháp mà Sư luôn ôm giữ, Sư ở ẩn tại gò của Thái Nhạc. Sư mở dạy hàng sơ cơ, dạy răn tiếp nối, khéo biết phương tiện. Sư còn thấu đạt hiểu rõ Đế nghĩa, bấy giờ đang dương cao Thanh luận, khiến cho có phấp bị lấp mất. Sư ngồi không nghỉ giảng, đợi dời đến Chi Tiếu sẽ hưng khởi lại. Ban đầu, Sư nghe thế, rất tự tủi thẹn, bảo rằng: “Hỏi không tha thiết, và chẳng muốn làm khổ người”. Nghĩa là nói kẻ kia hiểu lời gì mà khiến cho phải chết. Nhân đó, Sư bèn ngậm miệng, chẳng việc ngôn luận, đóng bế mọi sự tham yết, tìm cầu nhàn tịch để vui mà thôi.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) chiêu vời các bậc danh đức ở các nơi. Có người bày thuật sự thanh thản nhàn khoáng của Sư. Vua bèn ban sắc thỉnh mời. Sư cùng Vua về đến Kinh ấp ở chùa Thắng Quang, trang nghiêm các hàng thiền lữ chen chúc cả môn đình. Sư dùng thân làm khuôn phép cho đời lại thấy ở ngày nay.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, dựng xây tháp báu, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước đưa Xá-lợi đến chùa Thần Thông ở Thái sơn thuộc Tề Châu. Tức nơi do Chúa Nam Yên là Mộ Dung Đức vì Thiền sư Tăng Lãng mà xây dựng. Việc nầy thấy ở truyện trước. Yên chúa đem sự chu cấp Dân của ba huyện cung cấp cho ngài Tăng Lãng, đều để xây dựng chùa, các Viện trên dưới có hơn mười cơ sở, lớn dài có hơn một ngàn gian. Qua ba lần phế bỏ Phật giáo, mọi người không dám phá bỏ. Nếu có người muốn xâm phạm. Ngài Tăng Lãng liền hiện hình cầm tích trượng mà đánh, khiến bệnh tật khốn đốn sắp chết, nếu

cầu sám hối ăn năn lỗi lầm thì trở lại lành mạnh như trước. Ở đó có cái giếng sâu năm thước, từ trước đến nay không hề khô cạn, nếu có người nữ đến đó thì liền khô cạn. Đốt hương lễ sám, cầu nguyện thì trở lại như cũ. Từ lúc xây dựng chùa đến nay đã hơn bốn trăm năm. Pho tượng Phật đẹp sáng mầu sắc như mới tạo, các giống chim chẳng dẫm chân vào, đến nay vẫn nghiễm nhiên. Xưa kia, gọi đó là chùa Lãng Công, vì cảm ứng những điều linh dị trước mắt như thế, khắp trong nước đều tôn sùng, nên vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Vua Văn Đế có mấy lần cảm ứng nên sửa đổi tên là chùa Thần Thông. Ban đầu, Sư mới đến, trong chùa bèn phát ra ánh sáng lúc đỏ lúc trắng, lúc trầm lúc bổng, hoặc như sao xẹt, mọi người đều trông thấy, giếng nước tuôn tràn, múc lấy mà dùng. Sau hạ, lại chiêu cảm đàn nai tự nhiên đến chỗ tháp. Tuy mọi người xoá đi, chúng vẫn thản nhiên không sợ. Lại chiêu cảm có một cặp ngỗng từ ngày mồng ba tháng tư đến suốt ngày mồng tám thường đến trước kiệu đứng nghe phúng tụng. Đến lúc lấp bít xong, nó bặt dứt dấu vết chẳng đến nữa. Những điều cảm ứng như thế rất ít nghe thấy từ xưa đến nay, nên Sư thuật lại đầy đủ để tấu trình.

Về sau, Sư dùng pháp thiền định để dẫn dắt, tuyên dương Pháp hóa ở đời, lời không nghiêm thiết mà thầm hợp với hoài bảo. Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

14- Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh:

Thích Bảo Nho, người ở xứ U Châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, Sư vân du khắp các Pháp tịch, không nơi ở nhất định, chỉ lấy Đạo làm mục đích. Sau, Sư đến Nghiệp Hạ, nương tựa ngài Tuệ Viễn. Với lời huyền diệu của Kinh Thập Địa, Sư rất rõ biết cương lãnh. Gặp lúc Vua Văn Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy Phật giáo, ngài theo hướng Nam đi đến đất nhà Trần, thấu đạt mạng Thanh thông, chóng vang vọng tiếng tăm. Từ khi nhà Tùy lên ngôi chế định thiên hạ, Văn quỹ đại đồng, Sư bèn trở về Lạc Nhuế, lại đến chỗ ngài Tuệ Viễn, nghe học Kinh Đại Niết-bàn, trước sau suốt ba năm, thông suốt yếu chỉ, bèn được đáp thuật. Ngài Tuệ Viễn ngồi ngay pháp tòa ấn khả lời đó, những người hâm mộ nghĩa lý cùng theo. Sư lại đến trụ chùa Tịnh Ảnh, Tuệ tâm càng lan tỏa. Xa tính trước anh tài, trong thời gian lập phá, sâu xét lại càng kín mầu.

Trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu ở Đặng Châu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư đến trụ chùa

Đại Hưng Quốc. Xưa, tại nền Long Tiền, vua đã đến tìm đá mà hỏi thăm không có được loại tốt, Sư bèn dùng đá phác ở trong chùa, giũa gọt làm thành hột đá vốn thô xấu, nhưng khi mài gọt sắp xong thì biến thành mã não, nhỏ mịn khác thường, lại có ba chữ Lệ đề rằng: “Chánh Quốc đắc” hình lập bày ngay thẳng, khéo léo thuộc loại Thần Công, các hàng danh bút chưa dám điểm thêm, lại thấy các thứ hình tượng cây rừng, lân phụng, v...v Sư bèn cùng Quan nhân thuật lại đầy đủ để tấu trình.

Sau khi trở về chùa, Sư bèn đóng cửa tu nghiệp, nhân đó, mỗi lúc thọ trai mới được trông thấy mặt Sư, sau đó không lâu, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Ảnh.

15- Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Tối, người ở xứ Doanh Châu. Ban đầu, Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn rồi đến học ở Nghiệp Hạ. Sư hễ nghe liền giảng, chưa từng hết biến kinh, bàn luận bao gồm nên rất thư thả nhàn khoáng, nên được các bậc Hiền giả đồng Pháp tịch tán dương kính ngưỡng.

Ngày nhà Bắc Chu phá diệt nhà Tề, Sư theo hướng Nam đi đến Giang Biểu, lại chuyên tập học tuệ môn rất thông rành các bộ luận. Vả lại, chư tăng phương Bắc ở đời Trần phần nhiều tráivới thời tục, chỉ riêng mình Sư vận dụng cơ quyền nội động, chẳng rơi vào Phong lưu, phần nhiều vì phương Nam mà chu toàn keo sơn. Đến lúc nhà Tùy chế định thiên hạ, khắp Trung Nguyên thái bình. Sư bèn quán xét sự hoằng hóa, mở mang dẫn dụ, tham dự nghe điều khác lạ. Sau đó, Sư trụ chùa Quang Minh. Bấy giờ, Ngài dẫn truyền thanh nhã mà khéo ở chỗ tĩnh lặng, không phải người hiền thì chẳng kết bạn. Thần chí Sư rộng nêu, khí điều cao xa. Chẳng vọng nhận chịu nhục, ắt không có vết lụy. Sư lập chỉ đại loại như vậy.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tuỳ. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến đạo tràng Long Tiềm, chùa Đại Hưng Quốc ở kinh châu. Xưa kia, khi vua Văn Đế đang làm tướng, nhân đi qua chùa đó gặp một vị Sa-môn bèn kết nạp với nhau rất sâu. Bấy giờ, rất được quý trọng, chẳng suy lường lời nói. Sau khi vua lên ngôi, nghĩ nhớ yếu chỉ xưa cũ., bèn ban chiếu thỉnh mời, nhưng vị Sa-môn đó đã thị tịch. Vua bèn ban sắc xây dựng ngôi chùa mà vị Sa-môn đó ở, sửa sang phòng viện cũ nên có mỹ hiệu là “Hưng Quốc Long Tiềm”. Và đó đều xuất xứ từ Luân ngôn, ý riêng của Vua Văn Đế. Lại nữa, hành lang mặt trước của đạo tràng tự nhiên bị sụp đổ. Chư tăng muốn sửa sang lại,

sự việc chưa xong thì Xá-lợi đã được rước đến. Sắp an trí nền tháp, tuần hành bày rộng, chỉ có chỗ bị hư sụp đó là vừa độ rộng hẹp hợp với hình tháp. Có bậc thức giả nói rằng: "Định phá hủy hàng hiên ấy để đợi đặt tháp." Đến ngày mồng tám tháng tư, tại Nội Viện Xá-lợi bỗng nhiên có sương móc giăng. Sau khi thọ trai xong thì tan hết, ánh sáng mặt trời soi chiếu, có mây như lọng giữa khoảng không phía trên tháp. Lại chiêu cảm các giống chim Le, chim Hạc bay liệng xung quanh phía trên tháp. Lại thấy giữa vầng mây có mầu tím hình trạng giống như đuốc hoa. Lại hoa trời rải như mưa, giống như tuyết lẫn lộn xuống, nhưng không vơi tới đất.

Sau, Sư lại rước xá-lợi đến chùa phát mông ở Cát Châu. Đào đất sâu đến tám thước, có được một bảng Dự chương, sáu viên gạch cổ, hai cái bình bằng bạc, một viên Xá-lợi nổi trên nước trôi theo chiều bên phải. Lại có được một vật báu, hình thể gồm có chín sắc thái. Mọi người đều không biết đó là gì. Bèn viết lại đầy đủ để tấu trình. Tại chùa đó có 1 pho tượng Phật với điềm tốt lành khác lạ. Vào niên hiệu Đại Minh thứ năm (461) thời Tiền Tống, trong chùa có Sa Môn Pháp Quân mộng thấy tôn dung mầu vàng ít có ở đời, có tiếng Phạm âm trong xa, nhân đó mà đi đến sông Tam Khúc, thấy tượng lắng sâu dưới đầm, ánh sáng tỏa trên mặt nước. Ngài Pháp Quân cùng Thái Thú Chu Trạm v.v... bèn vớt lên, tính trọng lượng hơn ngàn cân mà nhẹ như vài lượng. Pho tượng thân cao sáu thước bốn tấc, được đúc bằng đồng mạ vàng. Sau, Quận Trường Sa rước Quang phu đến kinh đô. Vua Văn Đế ban sắc bảo rước trở lại tôn trí chỗ tượng, tự nhiên phù hợp. Cao tất cả hơn chín thước. Y Phật rũ dài xuống, có ghi hơn mười chữ Phạm, ban đầu mọi người không nhận biết. Sau, có vị Sa-môn người Tây Vực bảo là "Tôn tượng ấy do con gái thứ bốn của Vua A-dục ở nước Ca-du-la-vệ đúc tạo, bỗng nhiên bị mất, nay lại thấy ở đây!" Cuối niên hiệu Thiên giám (520) thời Nam Lương, pho tượng thường phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cả phòng nhà. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) sắp rước vào Kinh Đô, nhân có duyên sự bèn thôi. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ bảy (541) thời Nam Lương, thân tượng Phật tự nhiên đổ mồ hôi. Năm đó, Lưu Kính Tuyên làm giặc thiêu đốt quận, chùa đều cháy hết, chỉ có Phật Đường lửa không bén tới. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ mười (544) thời Nam Lương. Tôn tượng lại đổ mồ hôi, Tương Đông Vương mới nghinh thỉnh đến Giang Lăng để cầu phước, tôn Tượng phát ra ánh sáng. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ mười hai (546) thời Nam Lương, đón rước tôn tượng trở lại chùa Phát Mông. Khi đến chùa, Tôn tượng phát ra ánh sáng suốt ba ngày mới thôi hết.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ sáu (555) đời Trần, lại sửa sang nghiêm sức tôn Tượng, nên ở đời tương truyền các linh dị ấy, chốn chốn đều mô phỏng viết chép. Sư đính thân phụng thờ, cầu mong ánh sáng đó, mà cốt khí hùng dũng, thật là tướng của đức Điều ngự. Do đời nay xem thường nên thế. Sau Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

16- Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Tăng Lãng, người ở xứ Hằng Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, kính mong được Chánh hoá. Sư nương theo Thính chúng. Sau đó, dịch phiên Đại Luận cho đến Tạp Tâm, đàm xướng nối nhau, mọi người quy hướng cầu học rất đông. Sư vào quan, trụ tại chùa Không quán, lại mở rộng giảng tịch, tùy lợi ích chúng sinh, lòng thường luôn nhân thứ, nói cười ôn hòa thanh nhã. Mọi người cùng trong pháp tịch không một ai phiền muộn tâm thần. Sư thấy biết rộng rãi, mọi người đều suy tôn kính chuộng. Bấy giờ có người hỏi điều khác lạ chẳng phải là điều Sư đọc xem, bèn chấp tay đáp rằng: “Tăng Lãnh tôi sở học chưa thông, hiểu chỉ tới đây!” Nên các bậc Đại đức tiếng tăm tài giỏi đều ngợi khen sự biết phận mình của Sư, không ai dám khinh thường hạnh cao ấy.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến Phiên Châu. Nay gọi đó là Chùa Quả Thật ở núi Linh Thứu thuộc Quảng Châu. Ban đầu mới đến châu Trị, đi quanh các nơi, đến chùa Quả Thật, bèn có thể tôn trí. Phía Tây chùa đối diện núi Thủy Chẩm. Dưới lùm cây hoang rậm rạp, đào sâu xuống sáu thước có được ba hộp đá. Trong hai hộp mỗi hộp đều có hộp đồng, đựng hai tượng bạc và hai vị Tiên bằng bạc. Còn lại một hộp, bên trong có bình bằng vàng bạc, lớn nhỏ cùng đầy, bên trong không có Xá-lợi. Có bài minh viết rằng: “Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) thời Tiền Tống, xây dựng tháp”. Lại nữa, trong văn bia cũ trong chùa viết rằng: “Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) thời Tiền Tống, có Sa-môn Tăng Luật người xứ Thiên-trúc thường đi đến nơi này nghe tiếng chuông khánh, hoa trời rải đầy núi, nhân đó mà xây dựng già lam. Sau đó có vị tăng người Ấn-độ tên là Cầu-Na-Bạt-Ma đến trụ ở chùa này, có nói rằng: “Núi này trong tương lai sẽ gặp được Bồ-tát Thánh chúa xây dựng tháp báu.” Bèn hợp với bài minh đó. Nay Sư xét xem thế núi, chỉ ở chỗ đó là có thể thiết đặt, ngầm hợp với lời xưa, lường xét chẳng phải luống làm. Khi sự việc hoàn thành, Sư trở lại kinh đô, ở chùa Thiền Định, lấy việc giảng tụng làm chính.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ hơn bảy mươi tuổi.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Sướng, họ Hứa, người ở xứ Lai Châu. Sư riêng học Tạp Tâm, chí ở nơi Danh thật, bị ràng buộc vướng mắc nơi Cương giới, hạn cục bởi Văn Nghĩa. Ban đầu Sư không tin giáo điển Đại thừa. Sau, nghe Tuệ Viễn có tiếng tăm ở Lạc Dương, người học ở xa tìm tới. Môn nhân Sơn trĩ bấy giờ gọi là Thông minh. Sư bèn nghi ngờ đó, thử đến tìm xét xem thần lược của Tuệ Viễn. Mới thấy đàm thuật cao sâu, bao trùm hết cả đất trời, Sư nhìn lại tướng trạng Tiểu Đạo chỉ dường như bụi bay, bèn gò bó thân mình thầm phục nghe học ba năm, thành đạt thấu hiểu Kinh Niết-bàn. Sư mới bùi ngùi tự trách là tỏ ngộ muộn màng! Sư lại đến Kinh Ấp, trụ tại chùa Tịnh Ảnh, đào luyện tự duy kinh trước, bắt chước thành nghiệp.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Cự Thần trên núi. Vua vì núi ấy xuất ra bạc mầu vàng, riêng ban sắc xây dựng tháp để trấn giữ, dùng để báo đáp ân tuệ. Núi nằm phía Đông cách châu khoảng năm dặm. Xưa kia, Thỉ Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) đời Tần lấy đá làm cầu, núi ấy chống cự chẳng chịu đi, nhân đó nên đặt tên như vậy. Phía Nam của núi cách khoảng bốn dặm có hang Bạc mầu vàng. Ngay chỗ nền tháp gọi là Ôn Công Phụ. Tương truyền rằng: “Xưa trước vào đầu đời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn (502-550) thời Nam Lương, có Sa-môn Tăng Ôn, ngoài bảy mươi tuổi. Đạo hạnh của Sư khó lường biết được, chỉ chuyên việc du hóa, có thọ nhận sự cúng dường của Vua Võ Đế suốt mười hai năm. Về sau, Sư giã từ đi về hướng Bắc, Sư đi đến bến đổ ấy, xây dựng chùa Viện, nhân lấy tên núi mà đặt hiệu, nhưng các loài cọp sói, chim thú đi vòng quanh chùa kêu rống dường như muốn làm cho Sư sợ hãi. Sư bước ra cửa bảo rằng: “Các ngươi là loài súc sinh do mười nghiệp xấu ác mà cảm vời ra, ta thuộc đường Nhân Đạo bởi mười nghiệp lành mà chiêu cảm được. tội Phước cách nhau như trời vực, sao lại khổ nhọc muốn can phạm tới ta? Các ngươi nên mau đi đi!” Nghe Sư bảo như thế, các loài chim thú dứt bặt dấu vết ở núi ấy. Sư thân cao bảy thước, oai dung khiến người khiếp sợ, lông mày dài hơn cả thước, phủ che kín mặt, mỗi lúc muốn nhìn vật gì thì đưa tay vén lên. Nên mãi đến nay, chùa tuy có bảng hiệu nhưng

trong đời vẫn xưng gọi đó là chùa “Ôn Công Phụ”.

Sau khi tôn trí tháp báu Xá-lợi hoàn tất, Sư trở về chùa kinh, chuyên tu tập đạo nghiệp trước, trọn đời chẳng ra. Mời thỉnh chúc mừng, điếu vãi cũng không hề đi. Sư dự biết được lúc mạng chung, bèn tấm gội trong sạch, an nhiên ngồi thẳng mà đợi giây phút cuối đời. Đến lúc Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 10 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 11

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 7 CỦA CHƯƠNG II

(Chánh Truyện có mười hai vị, phụ có năm vị)

1- Truyện ngài Thích Chí Niệm ở Bột Hải đời Tùy.

2- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Cảm, Tuệ Trách)

3- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh, đời Tùy.

4- Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy.

5- Truyện ngài Thích Minh Thuấn trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Tướng)

6- Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy

7- Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng ở núi Chung Nam, đời Tùy

8-Thích Đạo Tông ở chùa Thắng Quang tại Kinh đô, thời Tiền Đường.

9- Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

10- Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại chùa Đại trang nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường.

11- Truyện ngài Thích Pháp Khản trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Đạo Phũ).

12- Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Tuệ Viễn).

1- Truyện Sa-môn Thích Chí Niệm ở Bột Hải, đời Tùy:

Thích Chí Niệm, họ Trần, người ở xứ Tín Đô, thuộc Ký Châu. Tổ tiên sư ở Dĩnh Xuyên, là con cháu của Thật Phiên. Nhân làm quan mà dời đến ở Hà Sóc. Sư trong sạch như băng tuyết phô bày chí khí, lắng thần cao vợi, tài giỏi hơn mọi người, quán xét ý nghĩ. Đến lúc thọ giới cụ túc, sư hỏi đạo ở Nghiệp Đô. Có Pháp Sư Đạo Trường là người tinh thông luận Đại Trí Độ, được người học y cứ. Sư bèn mang rương tráp theo nghe, trải qua mấy năm, đã nổi tiếng trong Pháp tịch. Cái gọi là không còn nối nhau v.v... một thời tài giỏi liệt bày ngang hàng bằng đức, có nghĩa là giải hiểu chẳng đầy, ruốt cuộc nơiquan tài. Sư bèn vân du đến các trưởng giảng, tham cứu đầy đủ mọi chỗ sâu kín với mục đích là cùng tận chỗ nhiệm mầu. Sư lại đến chỗ Pháp Sư Đạo Sủng, học luận Thập Địa, nghe đầu biết cuối, nghe mà dường như đã có đọc trước. Bấy giờ, Đạo Vương Hà bắc nghe nói ở Tây Tần có Pháp sư Tuệ Tung người nước Cao Xương, thông hiểu giáo nghĩa Tiểu thừa, người đời tôn xưng là “Tỳ-đàm Sư Tử”. học giúp thiên hạ, người học theo rất đông. Các Sa-môn Đạo Du, Trí Hồng, Hoãng Giác, Tán Ngụy v.v... đều được gọi là “Kỷ Tử” trong Pháp tịch, là ngọc Lâm Lãng trong vườn tuệ. Sư bèn xét mà cho theo học, trên đường thành danh, đều rộng thông huyền cực, có thể làm nương tựa cho mọi vật.

Sư trở về quê cũ, sắp mở rộng Pháp đàn. Bấy giờ, Thứ sử nhậm trấn tại thành là Vương Ngạn tức Giới Đệ của Vua, tình giúp Hư tông, đã gặp Sư trở về, bèn vì bày Pháp hội, cùng Pháp Sư Tăng Quỳnh đối đáp mở mang hóa Đạo, mở lớn Bổn Tình. Hai ngài song song giảng nói hai Bộ luận, trước giảng Luận Đại Trí Độ, sau phát Tạp Tâm. Cự đối kình địch bén nhọn, thảy đều tan mật. Bấy giờ, có Sa-môn Pháp Kế ở Châu Đô, là người tài giỏi ở Lưỡng Hà, là Cao Tăng của Yên Ngụy, ở trong chỗ ngồi, bảo với Sư rằng: “Thấy em tuổi trẻ mà tuệ ngộ vượt xa như thế, chắc chắn Đại Giáo nhờ Em mà hương thạnh, danh tiếng chẳng mất!” Ở đó Sư từng giảng nói hai bộ luận suốt hơn mười năm. Học quán như khai mở ráng mây, đàm uận như rừng sương móc nhóm họp. Thời vận nhà Tề thay đổi trong lịch sử, nhà Bắc Chu phá hủy kinh Phật, Sư bèn lánh nạn đến góc biển, ăn mặc đồng như thế tục, lại tìm Tiểu luận, kíp động cơ trời, nghi ngờ lắng tiêu tan, đợi khiến vận sáng, gặp lúc nhà Tùy mở vận nước nhà.Mặt trời Phật lại sáng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thăm hỏi, Sư mới bèn dự phần xuất gia, song có tâm chứa nhóm Ca-diên, chưa vội phô bày.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bốn (584) đời Tùy, Sư bảo với Sư

Đệ là Sa-môn Chí Trạm rằng: "Tôi thông hiểu thấu suốt giáo điển Tiểu thừa, tự lường xét ngang với La-hán. Chỉ vì thời cơ chưa đến nên tạm thu gọn lại!" Ngài Chí Trạm sớm tận hưởng Pháp vị, mừng vui báo với em. Đem sự việc ấy nói với Pháp Sư Minh Ngạn. Ngài Minh Ngạn là đầu mối của Thành Thật, vốn rất mến trọng danh tiếng của Sư bèn cùng môn nhân, Đệ tử hơn ba trăm người như Hồng Cai, v.v... đích thân lo việc thỉnh mời Sư mở mang khai giảng Tâm Luận. Sư bèn duỗi thẳng chánh trời, mở mang công phu giúp đời; Mọi việc làm theo cơ, bày mưu đồ rộng bàn luận. Danh vị nhóm họp, thức giả duyên trọng, cuộn mở dưới quỳnh xưa, lập phế trước chung cùng. Đại nghĩa có hơn ngàn điều đều làm khuôn phép dẫn dắt. Còn như Ca-diên Bổn Kinh truyền lầm đã lâu, trong kiền-độ Nghiệp rơi lạc mất bốn trang. Các giảng sư giảng giải không hề tìm, Sư suy lường sau trước mà tiếp nối đoạn văn ấy, lý hợp từ liền đều phù hợp với tiền tác. Ban đầu chưa mấy ai tỏ ngộ, sau có bản truyền từ Giang Tả, bèn đem ra khám xét di tích, so sánh xem xét đoạn Sư soạn, thật không có thêm bớt. Bấy giờ đều cho rằng Sư là người không ai có thể lường biết được!

Sư soạn Ca-diên Tạp Tâm Luận Sớ và Quảng Sao, mỗi bộ chín quyển, thạnh hành ở đời. Có đến mấy trăm vị thọ học, như ở Quận cấp có Sa-môn Hồng Ngạn, ở Triệu Quận có sa-môn Pháp Ý, ở Chương Tân có sa-môn Hoài Chánh, ở Tương Quốc có sa-môn Đạo Thâm, ở Quận Ngụy có Sa-môn Tuệ Hựu, ở Hà Gian có sa-môn Viên Sán; Tuấn Nghi; Thiện Trụ, ở Nhữ Nam có sa-môn Tuệ Ngưng, ở Cao Thành có sa-môn Đạo Chiếu, ở Lạc thọ có sa-môn Minh Nho, ở Hải Đại có Sa-môn Viên Thường, ở Thượng Cốc có sa-môn Tuệ Tạng, v.v... đều là những vị như lan cúc ngang bằng, tỏa ngát hương thơm, tiếp gót truyền nghiệp. Ở các xứ sông ải giúp thấm nhuần hơn hai mươi năm. Hán Vương Lượng đời Tùy làm trấn nhậm tại Tấn Dương, Ban điều vệ ký, tìm chọn các bậc Danh đức, dự có Hoằng Tuyên, Sư bèn cùng học chúng hơn bốn trăm người vâng phụng lễ tây, đồng thời nhận Vua cúng. Hán Vương Lượng mới ở bên trong cung thành, xây dựng Tử thành, thiết đặt Linh tháp, riêng lập Tinh xá, đề tên là chùa Nội Thành, dẫn Sư đến trụ ở đó, nay tức là Chùa Khai Nghĩa. Thăm hỏi rất ân cần, lại thêm lễ trọng. Vương Lượng lại bảo Thượng-Khai-Phủ-Tư-Nghi-Tham-Quân Vương Phả tuyên giáo rằng: "ít có người hoàn bị là làm con Vua cha Dân đến chấp chính nhiều như vậy. Triệu thỉnh các Pháp Sư v.v... xa đến ban chỉ. Đạo không bị thời vận làm suy hư hẳn là nhờ sức người mở mang, chính vì muốn mở mang Phật giáo, khiến mặt trời Trí tuệ chiếu soi trong sáng,

muôn triệu thứ dân được nương nhờ năng lực của giáo pháp. Nên chọn cử những vị nghiệp hạnh lớn đến chùa Đại hưng Quốc tuyên dương Chánh Pháp.” Bấy giờ, cả Đại chúng lại suy cử Sư, đã lãnh dự kinh luận tức mở mang răn dạy. Sư trước nêu Đại Luận, sau cùng giảng nói Tiểu thừa, biện rót như nước chảy, tiếng xướng như trống trời, ba thừa đều nhanh chóng, bốn bộ kíp đầy đủ. Hơn năm mươi vị mà ai cũng biết tên như là Sa-môn Tuệ Đạt, Pháp Cánh, Pháp Lăng, Thập lực, Viên Kinh, Pháp Đạt, Trí Khải, Tăng Loan, Tăng Tạng, Tĩnh Quán, Thật Siêu, Thần Tố, Đạo Kiệt v.v... đều nổi tiếng khắp chín xứ, tỏ rạng đức ở năm thừa, tinh nghiêm thấu cùng Giáo điển nội ngoại, lãnh chúng giáo hóa mỗi phương, đều tiêu tan bỉ luận ở trong Pháp tịch, dứt sạch nghi bít nơi lý tế.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban chiếu tìm mời Vương Lượng vào Phụ, Vương Lượng bèn nhóm họp chư tăng mà thưa rằng: “Nay phải có 1 vị Pháp Sư thần giải cao đệ, có thể cùng với Quả nhân vào triều, phảng kháng lại luận Kinh Hoa, truyền bá phong hóa Đạo tục.” Chư tăng đều nhìn nhau, chưa có vị nào đối đáp. Vương Lượng nói tiếp: “Như chỗ xét của tôi nay có Pháp Sư Chí Niệm có khả năng kham nhận trong việc chọn lựa này”. Sư bèn cùng Vương Lượng đồng đi. Đã đến chốn kinh đô, rừng thiền mở giảng. Vương Lượng tự làm Đàn Việt, xây dựng trường giảng. Sư lên Pháp tòa, chấn động giảng truyền, đáp khắp bốn phía đều như băng tiêu. Thanh Luận từ từ chuyển vận, các mối nghi dần tan. Do đó, các hàng môn nhân kính mến giáo nghĩa hòm kinh khắp chín đường đều cùng mặt khuôn phép. Trải qua thời gian hơn trăm ngày, hưng thạnh mở giảng điều chúng chưa hề nghe. Vương Lượng lại cùng Sư đồng về lại Tinh Châu. Học chúng ở Tấn Dương chờ đợi kính tưởng Lai Nghi. Vương Lượng lại ban xuất giáo lệnh cử Sư trụ chùa Bảo Cơ khai giảng truyền trao. Phương diện ngàn dặm, Pháp tòa liền âm. Sư cầm quyển kinh nương thừa diệu chỉ cùng bước lên giai vị.

Gặp lúc nhà Tùy cao vời Yên giá, trong ngoài nghi ngờ lẫn nhau, Hán Vương Lượng riêng bày Cảnh Vực, cử binh đánh vùng Hải lục. Sư thừa dịp bèn trở về quê cũ, cùng các Sa-môn Minh Không, v.v... giảng tuyện hai bộ luận, các hàng nối nghiệp ở thương minh trông theo Đạo phong đều nhóm họp. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, yêu khí vẹt tan, vời dẫn Nghĩa học, mặt trời tuệ sáng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) có ban chiếu đến thỉnh, nhưng Sư cố từ chối chẳng đến.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ bốn (608) đời Tùy, Sư thị tịch tại Thương thổ, thọ bảy mươi bốn tuổi. Thái Thú Bột Hải là Kim Tử Quang lục Đại phu Lịch Dương Công Tống nguyên lượng cùng các hàng tăng tục đều như gặp phải lễ tang người thân, Vì đó xây dựng Tháp báu. Pháp Sư Đạo Cơ trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu là bậc tuệ giải thông triệt, thiền tập có cơ sở, bèn vì biết thuật lại hành trạng của Sư, trích dẫn xưa nay, văn chất hiện còn.

2- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh:

Thích Trí Cự, họ Ngô, người ở Quận Ngô. Tánh tình Sư trang trọng, khéo giỏi cơ hội, dung mạo khôi ngô, thanh nhã đáng làm tiêu biểu cho mọi người. Sư lại giỏi các kiểu chữ Lệ, chữ Thảo, riêng sư thích Văn Chương. Những lúc gặp được khách, Sư liền chuyên chú hứng thú tiếp nhặt sắc thái, bày ngôn từ, tung hoành khen ngợi, dõng nghĩ như sương rơi lả tả, mà nghi quỹ hiến tư Sư không hề men theo dòng tục.

Ban đầu, Sư nghe Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng giảng pháp. Sư xét sâu đến cùng, tài học trùm cả các vị tài giỏi đương thời, mà thần khí Sư nêu cao vượt ngoài tình vật, oai nghi rõ ràng, dung nghi khoan thái. Tuy ở nơi phòng ngủ rỗng rang, Sư vẫn giữ tiết tháo không thay đổi. Có người riêng dò xét suốt hai tháng theo Sư khổ nhọc, ở giữa đồng không mà Sư vẫn nhiếp giữ y, không thấy sao y, mừng vì Sư cẩn thận, vì thế nên kính trọng. Sư giảng bốn bộ luận, kinh Đại Phẩm, mở suốt u phủ, soi sáng nhận biết tông quy, bày giải Kim Lăng, vọng trông phong cốt mà chóng khiếp sợ. Sư nhã nạp cơ biện thích hợp đối với đương thời. Mở lớn sự tốt đẹp ở Chiết đông, giũa mài học trước, giúp cho những người thành khí ở những vùng võ Huyệt, Tây vụ rất đông nhiều.

Về sau, Sư trụ chùa Kiến Sơ ở quê cũ, lại giảng tam luận, thính chúng thường đông đến trăm người. Thứ sử Tương Châu là Võ Sơn Công Quách Diễn là Lương Tể của đời Tùy, mở lập đến Nam Phiên, phụng kính thưa hỏi ban tình quy cấm. Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy lúc trấn giữ Dương Việt, góp nhặt nêu trội các bậc Anh Linh, mà vinh dự của Sư đã khắp cùng Đông Âu, tiếng tăm lưu vang đến Tây Sở, Vua mời Sư trụ chùa Tuệ Nhật, Sư sinh hoạt khác người thường, mà giữ chí vượt chúng, mở lời thì thành khuôn phép cho đời. Sư muốn khiến đạo pháp lan tỏa khắp Đế lý, học hạnh thấm nhuận cả Tần-Xuyên.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư lại dời quan nhượng, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư trụ chùa

Nhật Nghiêm ở Kinh đô. Mọi sự cúng dường đều do Tấn Quốc, dạy bảo thưa hỏi lớn nhiều đặt trong phòng đẹp, kết bạn cùng các bậc Minh đức, tài giỏi một thời, đều là ở khắp bốn Biển tìm nêu khuôn phép, đặt lập trong sáng đẹp xinh, chẳng sánh với đồng bạn, chóng nghĩ sâu tìm không điều nhỏ gì chẳng xét. Bên ngoài lấy cớ bệnh mà chối từ, bên trong thật sự đều thông. Hạnh nghiệp đua tranh 6 thời, nghiên cùng tinh thông chín bộ. Vừa mới có buồn ngủ thì xem hứng thi phú, thời gian dần hết, ngoài ra tiện trông xem lưu lược. Ngài soạn Trung Luận sớ chỉ giải thích văn kệ, ngài Thanh Mục tiêu dung, bỉ lậu mà khinh thường, Sư thường giảng đàm đầu mối trong sáng, đến tận tông trí, thanh nhàn đảm lược Đạo phong của ngài Đàm Ảnh, nghĩa sâu xa, văn sắc bén, rất có khí lượng của ngài Hồng Yển.

Bấy giờ, có Sa-môn Cát Tạng là bạn đồng một thầy với Sư, vốn học từ Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng, Oai danh ngang hàng, văn vẻ rộng xa. Song, với Sư thì thật vượt hơn. Do đó mỗi lúc giảng vua đều soạn lời tựa mới, Văn từ đều khác chẳng đồng. Kinh hoa đức lớn, tận hưởng vị Đạo rộng nhiều, nhưng tánh Sư ít quen lờn bên ngoài, khoá lực ưa thích văn từ, tự chẳng nhóm họp chúng thì chưa từng xem xét.

Đến tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi hai tuổi, an táng ở phía Nam Kinh Giao. Sư có môn nhân đệ tử là ngài Tuệ Cảm và Tuệ Trách, đích thân được chỉ dạy, thưa hỏi chỗ có kết quy. Sau Sư ở hai bên sông an trú hoằng hóa, mỗi vị tự dẫn bạn học đồng môn xuất chúng cả trăm người, nối tiếp Tông tịch, chẳng trái với đầu mối để lại.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Hải, họ Trương, người xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Từ lâu chứa nhóm hun đúc điều nghe, sớm thành tuệ lực. Tuổi tuy còn nhỏ mà đức hạnh dường như Lão thành. Do đó cũng tìm học Nho Môn, trải khắp xem cùng Huyền tứ. Tuy chưa rốt cùng văn cú ấy nhưng sơ lược đã thành đạt chỉ quy. Sư tự nói rằng: “Nơi có thể gá tâm dưỡng chí, chỉ có Phật Pháp?”

Năm mười bốn tuổi, Sư xuống tóc xuất gia làm đệ tử Pháp sư Đàm Diên là Sa-môn Đại Chiêu huyền thống. Sư lưu tâm nơi các bậc Tông tượng, xem xét sự hoằng hóa của các bậc thầy. Năm mười tám tuổi, Sư bèn giảng Kinh Niết-bàn đến những điểm năm Hạnh, mười đức, hai tịnh, ba điểm. Văn từ ý chỉ thấu hiểu, ngôn từ sắc thái dồi dào Thọ

giới cụ túc xong, Sư bèn nhàm chán huyên náo phiền phức, ẩn vết nơi núi rừng, chuyên sùng thiền nghiệp. Sư trụ tại núi Phục Độc thuộc xứ Hoằng Nông. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời bắc Chu ngang tàng tứ ý phá hủy nhân từ, Sư bèn lánh nạn đến đất Tề rồi vào đất Trần. Giới phẩm vẫn không khuyết thiếu, y pháp không buông xả. Lại tham cứu nghe giảng Nhiếp Luận, nghiên cứu cùng tận chỉ thú.

Đến lúc nhà Tùy chế định Thiên hạ, Sư mới đến Kinh Ấp. Chị ruột của Vua Văn Đế (Dương Khiêm) là Công chúa Thành An Trường là người có sự xét soi hiểu biết đến người, kính trọng Đức lớn của Sư mà vì xây dựng già-lam, Sư bèn nhận thọ và trụ ở đó, nay tức là chùa Tĩnh Pháp. Sư theo thời khoá chuyên giảng bốn bộ, Tam học đều mở mang. Môn nhân, đệ tử đông đúc đến nay vẫn lưu truyền tốt đẹp. Sau đó, Sư lại ưa thích mến trọng Định hạnh, chẳng ưa giảng nói, im lặng tự tu, chỉ lấy Đạo là mục đích, không ỷ cậy tiếng tăm lớn lao, không vọng nói phù sức. Trức tâm là Đạo tràng chính ở nơi Sư.

Từ trong khoảng niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy về trước, Vua Văn Đế thường ban ẩn thư phân bố Xá-lợi và thường cảm ứng điềm lành đặc biệt. Và cũng thường có những sự tốt đẹp đó, nên trong cảm ứng truyện có chép: "Ban đầu ngài xây dựng tháp tại chùa Hằng Nhạc ở Định Châu, phía trái của nền tháp có chỗ trong sạch gọi tên là Long Uyên, nước ở đó chẳng chảy, sâu lắng bờ cao. Đến lúc sắp đặt tháp thì nước liền gợn sóng tuôn vọt tràn khắp cả đất liền sông ngòi. Những người lớn tuổi tương truyền rằng: Nước ở đó khô cạn hay tuôn chảy bất thường. Chỉ có việc lành cùng gieo, hẳn liền thấm chảy tuôn tràn." Sư có những sự cảm ứng đại loại như thế.

Sau, Sư lại rước Xá-lợi đến chùa Thập Thiện ở Hùng Châu. Có người chân bị cà kheo thành cố tật đã mấy mươi năm, nghe Xá-lợi ban đầu mới rước đến, bèn đến lễ sám với tâm rất mực thành khẩn, bỗng nhiên được bình phục trở lại, nhẹ nhàng mạnh khoẻ mà trở về. Lâu sau, gặp lúc nắng hạn bụi bay khắp trời, lại chiêu cảm có đầm nước ngọt, đất như dầu bôi thoa. Mặt trời sáng tỏ trong lành giữa hư khoảng, sống lại đến mấy muôn người.

Đến ngày hai mươi bảy tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ năm mươi bảy tuổi. Ban đầu, lúc bệnh trở nặng, Sư bảo các môn nhân Đệ tử rằng: "Tôi nghe trên đòn dong dưới mái nhà, lượn hẹp của người sống, trong quan ngoài quách là vòng ràng buộc của thế giới. Đã khổ luỵ hình hài bởi gông cùm, cũng ngại mối lo lớn cho người đời. Đậu nên nhận lấy lễ nghĩa ở huyên trần,

bói chọn đất nhà chôn cất phiền phức. Nên đưa vào rừng an táng, nên noi theo người trước bố thí cho các loài hữu tình!” Đệ tử tôn kính khuôn phép đức hạnh của Sư bèn vâng theo mà thâu nhặt Di cốt, xây dựng tháp thờ tại đỉnh núi Chung Nam, tức ngọn núi phía trước chùa Chí tướng, khắc đá xây dựng bia minh nơi chỗ tháp để cúng dường tưởng nhờ.

Từ lúc Sư đến xây dựng chùa, mục đích là chuyên việc hộ trì, ân cần nhiếp hóa tăng luân, mời đón tân khách. Những lúc gặp năm xấu, Sư liền cứu giúp đến nổi tiếng vang chấn động khắp cả Kinh Ấp v.v...

4- Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh:

Thích Biện Nghĩa, họ Mã, người ở xứ Thanh Hà thuộc Bối Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, trầm tĩnh, ít can dự việc đời, chỉ có tâm nồng hậu, cùng người giao kết lâu dài mà thường dốc lòng tôn kính, mở lời không hề bừng bừng nóng giận, điềm nhiên lường xa.

Ban đầu, Sư quy hướng nương tựa Luận sư Du, cầu học luận Tạp Tâm, thông suốt Văn nghĩa. Vừa mới hai mươi tuổi, Sư bèn giảng nói, y cứ vào Pháp truyền Đạo, vặn hỏi thắc mắc tung hoành, Sư tùy theo điều hỏi mà phân chiết, không hề để sót đầu mối. Có sa-môn Đàm Tán, là bậc tuệ giải vượt người xưa, danh trọng ở đương thời, nghe Sư khai giảng luận, liền đến thưa hỏi. Qua lại hơn mười phen, không còn tiếp nối sau, Sư bảo: “Lý nghĩa chưa cùng, sao chẳng luận hết?” Ngài Đàm Tán nói: “Tôi vấn nạn người hỏi chẳng quá mười câu, mà nay ông đáp thế chưa hết, còn biết trình bày sao?” Từ đó, tiếng tăm Sư vang khắp Lưỡng hà, làm bậc xứng thủ.

Gặp lúc trang sử nhà Tề đã đến tờ cuối cùng, nhà Bắc Chu phá bến Đạo, Sư bèn theo hướng nam đi đến Kiến Nghiệp truyền bá Tiểu luận, thường dời tiếng tăm làm hưng long ở Trung thổ. Đến lúc Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy tìm chọn những bậc Danh đức, thỉnh Sư trụ chùa Nhật Nghiêm. Vì Sư nổi tiếng về nghĩa học bèn đến Quan phụ, hỏi bàn quyết nghi thường ngày chẳng trống pháp tịch. Các bậc tài giỏi đức hạnh ở chốn kinh đô, như sa-môn Đàm Cung, Đạo phủ cho đến Trách Tịnh, v.v... đều cầm vặn dò hỏi, luận bàn thấu cùng sâu ẩn, và đều chưa hết nỗi lòng của Sư. Sau, gặp lúc thời thế tỏ sáng, trong chùa có lắm bậc cao đạt, một chỗ có năm tài giảng thường là Pháp Luân, Sư đều đi quanh khắp, trông xem rõ ràng chiết trung hoằng lý, mà ẩn hình tiêu danh, chẳng mắc lỗi ở trước, hẳn có người ứng cơ rơi lạc đầu mối, đều thong dong từ nhượng, không lý do nào mà thối lui. Sư không muốn

nêu bày lỗi trước, nên các bậc Anh hùng kính Sư chăn giúp của Sư, lan tỏa hương thơm lại rất vượt xưa.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Tùy Hán Vương Lượng Xa đón rước pháp sư Chí Niệm đến thất Hoa Kinh. Vương Lượng muốn tự khoe trí thuật của mình, bèn ở tại chùa Thiền lâm mở lập Pháp tập, làm cho các hàng Tam Phụ Cao Triết đều nghỉ giảng mà đồng quy hướng. Sư ở bên cạnh Pháp Diên ấy, nhận hiểu do đó gây ra bèn dùng sự vướng mắc của tình cảm, đối đáp mà hỏi. Trước sau suốt ba ngày đều im lặng chẳng đáp. Pháp sư Chí Niệm ở ngay Pháp tòa bảo rằng: "Với điều hỏi ấy là đồng nghi. Xin ở dưới tòa lại hỏi xét chí ấy." Sư ngầm ẩn dung đức ở đời, ít cùng noi theo. Đến lúc thấy tuệ phát cũng chẳng nghĩ mong, khắp cả kinh kỳ đều lắng thần truyền nghe, sự hiển bày ẩn hối của Sư đều đại loại như thế.

Vua Dương Đế (Dương Quảng, đời Tùy) xưa kia khi ở tại Xuân Cung, Hiến Hậu qua đời, có thỉnh hơn bốn mươi vị Đại đức ở chùa Nhật Nghiêm, đều là những bậc Tông sư ở khắp bốn Biển, đồng một lúc nổi tiếng. Đến lúc Sư đối đáp nêu bày huyền lý, bít lấp tâm trời. Sa-môn Đạo nhạc dạy y theo Câu-xá, đã không thầy thọ học, có hiểu cũng chẳng theo. Hễ có điều nghi bàn luận đều mang theo mà nhận lấy sự quyết trạch. Ngài Đạo Nhạc thường than rằng: "Tôi mở rộng Đối Pháp, chỉ có Sư mở mang được giềng mối!" Nên mọi người đều nghe tốt lành, thấy xứng với Anh đạt.

Bấy giờ, có hơn ba trăm Sa-môn như Trí Cự, Cát Tạng, Tuệ Thừa, v.v... đều là những bậc rất được vua Dương Đế khâm phục kính trọng, đồng ở tại chùa Nhật Nghiêm, thỉnh Sư khai giảng luận Tạp Tâm, đoái hoài chẳng đua tranh. Sư bèn đến chỗ ngồi đầu, đã đối cùng tiền đạt, chẳng việc nương gá Văn, nêu lên cương lãnh nhỏ nhiệm, nêu hợp với thể tánh sâu xa. Bàn nói huyền cực, chẳng hay biết thời gian kéo dài. Sư rất được các bậc Hiền giả ở đương thời mến trọng như thế.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư bị bệnh và thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng tại phía Nam Kinh Giao, Đông Cung Xá Nhân Trịnh Đĩnh dựng Bia tụng.

Ban đầu, vào niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc rước xá-lợi đến chùa Bảo Dung ở Bổn Châu. Khi đã đến châu Trị, bỗng nhiên phát ra ánh sáng. Sa-môn Trí Diệu ở trong chùa ấy trước có chín phần Xá-lợi, sắp vào nơi đạo tràng, số đó lại thêm được mười hai phần, lại phát ra ánh sáng. Tuy theo duyên niệm của mỗi người mà mầu sắc tướng trạng chẳng đồng. Xanh, hồng, tím, trắng cùng một lúc

mà thấy khác. Hoặc tôn tượng Phật, hình bóng chư tăng chập chùng xuất hiện. Trước sau phát ra ánh sáng hơn mặt trời mấy lần. Đến đêm sắp nhập tháp, ở trên nền tháp lại có phát ra hơi khí mầu vàng tím cách đất khoảng bốn thước. Sau đêm khỏa lấp bằng lại phát ra ánh sáng rực rỡ, trên suốt tới trời sao, dưới khắp cùng thành ấp, khắp cả địa vực đều tôn kính vui mừng đối với điềm lành đó. Đến cuối mùa Xuân niên hiệu Nhân thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư lại vâng sắc đến chùa Lương Tĩnh ở Độc Sơn thuộc Lô Châu xây dựng ngôi tháp. Ban đầu, ngài cùng Quan nhân đi xem xét thiết đặt chỗ đất đi đến núi đó, bỗng nhiên có một con nai lớn từ núi chạy xuống, đến đón rước Sư, tíu tít qua lại, không tỏ vẻ sợ hãi. Ở đó đã cao thoáng, chỉ có điều là nước ít. Tăng chúng khó đủ dùng. Vốn có một dòng suối do Thiền sư Tăng sán đốt hương cầu nước, nhân đó mà có. Sau khi ngài Tăng Xán thị tịch, suối bèn khô cạn không có nước chảy đã nhiều năm. Đến lúc Sư sắp phỏng nghĩ thiết đặt chỉ trong thời gian một đêm mà suối khô trở lại tuôn chảy. Kẻ tăng người tục thảy đều vui mừng. Lại đến khi đập phá chùa xây dựng nền móng, có mấy lần phát ra ánh sáng rực rỡ, tướng trạng như lửa, như sấm chớp nhiễu quanh đạo tràng, soi chiếu khắp thành quách, quan Dân cùng trông thấy, cùng khen ngợi ít có.

5- Truyện ngài Thích Minh Thuấn trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh:

Thích Minh Thuấn, họ Trương, người ở xứ Thanh Châu. Thuở thiếu thời, Sư học khắp kinh tịch, riêng nhờ Luận Đại Trí Độ mà nổi tiếng. Sư lần lượt tụng văn hơn sáu mươi quyển, thông hiểu Đại Chỉ, nổi tiếng khắp Hải tân, Tuệ giải liên hoàn, người đời tôn xưng là bậc tài giỏi.

Gặp lúc giáo pháp bị phá diệt, Sư bèn đi về hướng Nam đến Kiến nghiệp, dừng ở bất thường, đi khắp các Pháp tịch. Sau, Sư đến Giang Bắc trụ chùa An lạc. Bấy giờ, hoằng chương Luận phủ tứ ý Kinh Vương. Đại thừa Tiểu thừa đều nhân chuẩn đích. Hưng thanh vì các bậc tài giỏi ở đương thời tham cứu. Bấy giờ, có Sa-môn Biện Thừa là bậc biện kháng ở Hoài Dương, nghĩa kết quy có đầu mối, tìm theo Sư chỉ trích Luận Đại Trí Độ, định chế Tông yếu cương lãnh, vì thế mà mở mang Đạo Pháp, nhiều năm gá ý, chưa qua trọn đêm mà nằm mộng thấy Minh quan nêu trách Phước nghiệp. Sư đáp rằng: “Giảng Luận Đại Trí Độ và tụng Bổn văn hơn sáu mươi quyển”. Minh Quan bảo: “Giảng giải luống dối, tụng văn thì thật, tuổi thọ chưa hết, nên thả cho trở về”. Đến lúc

thức giấc, Sư bèn nghỉ việc giảng luận, chỉ riêng tu nghiệp. Sau cùng, Sư được Tấn Vương thỉnh vào Kinh Liển trụ chùa Nhật Nghiêm. Dứt việc truyền Đăng, sau rõ được bản Tâm.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc xây dựng tháp, cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Phước Điền ở Kỳ Châu. Chùa đó cách Châu ba dặm về phía Bắc nằm trên núi Cổ Xuy. Những lúc trời mưa mờ tối làm tăng thêm ảnh hưởng của tiếng trống sừng, do đó mà đặt tên như vậy. Có rừng trúc dày đặc, hang hố trùng điệp. Chỉ có một con đường mới có thể thông xe. Chùa ở trong rừng sâu rất nhàn thản. Chùa đó do vua Cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề xây dựng, ba viện liên tiếp. Trên đỉnh cao nhất có một Viện tên là Thiền Cư, do Sa-môn Pháp Tấn ở Triệu Châu xây dựng. Đứng nhìn xuống mây móc, đến lúc sáng sớm mặt trời ló dạng, trông thấy mây giảng bủa, phía trên có chùa tiên, thường ngày như vậy, thật là cảnh đẹp ít có trên đời! Sư xét thế đường đi ở núi chỉ có nơi ấy mới là xinh đẹp, an trí linh tháp trong Thứ viện. Đào dưới nền móng sâu tới ba thước, gặp một con rắn nhỏ mình dài hơn một thước, có năm mầu. Sư bèn cầu chúc rằng: "Nếu thật là tướng tốt thì hãy dừng trong hợp hương!" Con Rắn bèn y theo lời Sư nói mà bò vào hộp hương, đưa đi chỗ khác, nó liền trở lại, dừng nghỉ được ba ngày thì biến mất. Lại đào sâu thêm một thước, thì có được tảng đá vuông, rộng mỗi bề khoảng một trượng năm, hình sắc như gấm, góc cạnh sắc sảo như do người tạo nên. Sư bèn đặt Hộp đá lên trên, rồi xây tháp.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Kinh, thọ sáu mươi tuổi. Sư có môn nhân là sa-môn Tuệ Tướng, là người có tiếng tăm, tôn sùng nối tiếp Quyết nghiệp, nổi tiếng khắp xứ Giang Đô.

6- Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Trí Phạm, họ Phong, người ở xứ Điều thuộc Bột Hải. Sau, nhân ông nội Sư qua đời nên đến làng Lương thuộc quận Trác. Sư cao vợi tốt đẹp, sớm tỏ ngộ biết chỗ quy tín.

Năm mười hai tuổi, Sư đến Quận Hà Gian, gặp Thiền sư Linh Giản. Liền xin xuất gia, sau đó đến Nghiệp Đô thọ học, Sư nương văn các Bộ Luận Đại Trí Độ, Kinh Thập Địa v.v... đồng thời thương mến ý vị mở rộng yếu Chỉ, ôn tập chân tánh, ảnh hưởng sự tài giỏi vượt xa. Đồng bạn đều quy tông. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đích thân đảm nhận

việc dẫn dạy của thầy, sau mang roi trượng đi khắp Hào hàm, hoằng hóa khắp cả kinh nhưỡng, liên tiếp trải qua hai năm làm lợi ích rộng nhiều. Sư nhóm chúng đến pháp diên như sao giăng đất vua.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Thiên Thủy và Phù Phong là hai cảnh đẹp. Mọi người nghe được Đạo nghiệp của Sư, bèn đua nhau đến cầu thỉnh. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban sắc chấp thuận. Sư ở thuyền xuy hư, nghỉ giúp Thiên Thuỷ, hoằng dương Đạo hóa, mọi người kính tin theo về như gió. Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Sư trở lại Ngụy Quyết, giảng truyền Chánh Pháp, đồ chúng nương theo đông như mây nhóm. Sư khai mở tuyển, phân tích văn từ đều truyền nghĩa chỉ. Tháng ba năm đó, Sư vâng sắc đến xây tháp tại chùa Bảo Hương ở Dĩnh Châu ở phía Đông tháp nước chảy có được tám con rùa có lông, trong ao ở phía Đông nền chùa lại có được tám con, đều có lớn nhỏ tương tự ở thế gian không khác, chỉ cólông mầu xanh lục dài độ ba phân, trên lưng lông mọc bày ngang năm hàng, có ánh sáng khác lạ, đưa ra khỏi nước thì chỉ thấy mai vỏ mầu lục, thả vào nước thì lông mọc rõ ràng thẳng đứng. Sư bèn viết kại đầy đủ để tấu trình. Do đó truyền thật khắp Sở đô, biết tên Đế quyết. Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy. Sư lại vâng chiếu đến trụ chùa Thiền Định, lắng duyên nhiếp tưởng, không chín (613) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi.

Trước lúc thị tịch Sư căn dặn thí thân. Môn nhân Đệ tử vâng theo Di Chỉ bèn đưa Nhục thân Sư đến núi Chung Nam. Sau đó thâu nhặt di cốt còn lại tôn trí vào Tháp. Phía ngoài có khắc Minh Văn, đến nay vẫn còn truyền.

7- Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng, ở núi Chung Nam:

Thích Tĩnh Uyên, họ Triệu, người ở xứ Võ Công thuộc Kinh Triệu. Gia đình giàu sang, mũ lọng tương thừa. Nhàm chán sự phù giả ấy, Sư mong nghe được sự trong trắng trinh thuần.

Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia. Đạo nghiệp rộng bày, định tuệ vang xa. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp nhưng giới đức Sư vẫn không hủy phạm. Bùi ngùi cho ánh sáng mặt trời Phật bị đắm chìm, Sư nghĩ phải móc mắt liệt bày, liền móc mắt mà phụng dưỡng, dùng để tiêu biểu ánh sáng của đèn Tuệ. Nhưng u tình cảm thông bèn toại quả tâm nguyện. Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy trùng hưng chánh pháp, Sư liền vào

hàng xuất gia, tuệ nghiệp xa khắp, Văn trì chẳng đồng loại, từ các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Địa Trì, Niết-bàn, Thập Địa, v.v... Sư đều chỉ nghe một lần thì không rơi lạc, qua tai liền giảng nói. Đã giải quyết các mối nghi ngờ, người đương thời đều thán phục. Sư đi luôn nhìn thẳng, động tĩnh đều an, đứng thì an thiền duyên vào các Pháp Chỉ Quán, chỉ mang theo mình một chiếc bình bát và Y Bá nạp, hành tập từ đầu đến cuối, thường ngồi ở chung với núi báo nghiêng bèn ngừng, hiềm nghi có liên quan thì buộc chân chẳng đi. Các nơi chùa Ni và phố chợ ồn ào, từ trước đến giờ Sư chưa từng bước đến. Đó thật là tiết tháo nhắc thức cho hàng hậu côn, cố gắng lắng trong ở thời mạt Pháp. Thêm nữa, các điều đúng sai, phải quấy Sư không để lòng. Cúng cấp chư tăng, tự thân Sư làm khuôn phép trước cho mọi người.

Vì, Pháp Sư Linh Dụ, đang hoằng hóa tại Đông Hạ, nên Sư bèn theo mà học hỏi, Sư ở trong Pháp đường từ tối đến sáng, thân mặc vải thô, gá cảnh cuối pháp tòa. Mắt không tìm theo Văn, miệng không bàn luận nghĩa. Các môn nhân khác cho rằng Sư thuộc hàng sơ cơ, chỉ mở đầu chưa đến tuổi. Ngài Linh Dụ ngồi nơi pháp tòa qua vài lần thấy Sư có khí độ khác thường mà chưa hẳn là tuệ giải, bèn bảo Sư vào thất để cùng luận bàn danh lý, Thần khí Sư như sấm sét, đầu mối tư tưởng bén nhạy, đối đáp như vang theo tiếng, thân tâm tợ sắt đá. Ngài Linh Dụ nhân đó nên ngợi khen tán thưởng, nhận làm học trò của mình, và chẳng để nghỉ chung phòng với chúng. Cùng nhau luận Đạo nói nghĩa trọn ngày thâu đêm. Cả hai tâm tình cùng chóng được u thâm. Sư cho rằng: “Lý lưu xuất, không mong lại chảy vào thần phủ, xem rộng Tập lớn, toàn không có gì đáng bắt chước!” Sư bèn trở lại nơi chỗ ngài Linh Dụ mà trình bày đầy đủ tánh dục của mình. Sau đó, Sư sửa sang tiết tháo quan nhường, lắng vết ở núi Chung Nam, lập chùa chiền, nhóm họp chúng, phân thời giảng đạo. Các hàng Tam phụ lệnh đạt đều quy hướng rất đông. Nơi đó tức là chùa Chí Tướng ngày nay. Sau, Ngài Linh Dụ vâng sắc thỉnh vào triều, mới có những lúc rảnh rỗi bèn đến chùa Sư, mừng vui đắc ý, nghiêng che mấy lần sửa đổi. Lại nhân sự tín của vua nên dời đường núi. Chùa vốn ở chỗ xa xôi hiểm trở lại gần nơi hang sông. Cùng mời pháp chúng chưa ngày nào đi xa. Ngài Linh Dụ chiêm đoán tại sườn núi phía Tây Nam là nơi phước địa, chẳng những chúng đến núi nối nhau mà khiến mọi sự cúng cấp cũng không thiếu. Sư bèn vâng theo, nay chùa đông đúc như thế đó. Từ đó đến nay trải qua hơn năm mươi năm, tuy có những năm hung xấu, mà mọi người đến đến chùa cúng dường vẫn không dứt. Như chỗ chỉ bày của ngài Linh Dụ đó

cũng là sự sáng suốt dự kiến.

Sau, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa Chí Tướng, thọ sáu mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy. Ban đầu, Sư thọ trì bình bát bằng gốm, từ lúc nhận thọ mãi đến lúc tịch, đi ở thường mang theo bên mình không hề lìa bỏ. Trước lúc thị tịch mười ngày, do tẩy rửa nên bình bát rơi vỡ thành năm mảnh. Sư cầm lấy trên tay mà than rằng: “Bình bát vốn là mạng sống của ta, mạng duyên đã rơi lạc thì năm ấm hẳn tan rã!” Và sau đó mà Sư liền bị bệnh. Đó cũng là tướng diệt hiện trước, sau bèn phù hợp. Đến lúc Sư xả bác thọ mạng. Tiếng chuông tự nhiên hết kêu, ba năm sau mới trở lại như cũ. Đó đều do đức cảm, u hiển hiện bày điềm ứng, tất cả đều đại loại như thế.

Sư có Đệ tử là Sa-môn Pháp Lâm, sớm phụng thờ di tích, sùng kính đầu mối huy hoàng, bèn ngay nơi an táng Di cốt Sư dựng một ngôi tháp tôn thờ Xá-lợi Phật, để làm bếnbờ Linh Đức, dựng lập bia minh để nói lên ý chí của Sư.

8- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ tại chùa Thắng Quang ở Kinh Đô:

Thích Đạo Tông, họ Tôn, người ở xứ Tức Mặc thuộc Lai Châu. Thuở thiếu thời, Sư theo Pháp sư Đạo Tráng chùa Đạo Tạng, học thông các kinh luận. Ngài Đạo Tráng là bậc minh đạt thức tuệ, nêu cử khắp sông biển, tiếng tăm vang khắp Nam Bắc. Sư định lập các nghĩa: bốn thứ A-lại-da, Văn Huân, Giải Thánh, Phật Quả, v.v... rộng như ở Biệt Truyện. Sư thọ học các kinh luận như; Luận Đại Trí Độ, Kinh Thập Địa, Kinh Địa Trì, Luận Thành Thật, Tỳ-đàm v.v... Đại thừa, Tiểu thừa thảy đều thông hiểu.

Về sau, Sư trụ tại chùa Du Đức ở trong Châu. Chùa đó do chính Sư xây dựng, phòng nhà vườn viện đều là kinh luận. Thanh danh Sư oai hùng vang xa, các hàng tăng tục đều kính ngưỡng. Đến lúc Sư giảng Luận Đại Trí Độ thì trời rải các thứ hoa như mưa vòng quanh giảng đường, bay vào trong cửa phòng, nhưng chẳng rơi tới đất, hồi lâu lại bay đi, cả chúng đều kinh lạ, ngợi khen điềm lành ít có! Sư tuy tận mắt thấy từ đầu nhưng không hề lấy làm lạ, vẫn giảng nói như lúc đầu. Sau chẳng kể lại, mọi người bấy giờ càng kính Phục độ lượng Sư cao xa. Sau, Sư lại đến ở chùa Tuệ Nhật. Các vị tài giỏi đồng nhóm họp, đều cùng suy tôn. Sư thường giảng Luận Thành Thật, mở mang cho hàng hậu học. Vua Ngụy Trịnh rất tôn trọng kính ngưỡng, lễ hỏi rất trọng hậu nhiều. Thượng Thanh, Đông

Hạ lại kính trọng Đức hạnh trong sạch của Sư, bèn thỉnh Sư vào Tây Kinh, trụ chùa Thắng Quang. Lại mời vào cung Hoằng Nghĩa, suốt đêm Pháp Tập, các hậu phi cùng trăm Quan đều theo nép nghe. Sư giảng bày mới lạ, chấn phát đạo tâm mọi người ở đương thời. Từ đó, Sư đi khắp nơi, tùy phương giảng giải không đổi thay. Tuy không thành tựu sự cứu giúp mà người học đều suy tôn.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thắng Quang, thọ sáu mươi mốt tuổi. Tần Phủ ban giáo tặng hai trăm vật, an táng tại đỉnh núi phía nam chùa Chí Tướng thuộc núi Chung Nam.

9- Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh Đô:

Thích Phổ Khoáng, họ Phàn, người ở quận Phù Phong. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, nương tựa Thiền Sư Chỉ Viên thọ Sa-di. Ở núi, Sư dùng bánh bột lá Bách suốt năm năm, đọc tụng kinh giáo, ngày đêm liên tiếp. Đến lúc tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư bèn thực hành hạnh Đầu-đà, đi khất thực trong nhân gian, gá nghỉ nơi rừng hoang gò mả hơn hai mươi năm, bền bỉ nghiêm nghị, cao vợi khác thường. Nói bàn đối đáp nhanh nhẹn, tự nhiên cao trội.

Sau, Sư vào xóm làng thâu thập Di Văn, nhân qua các giảng tịch nghe giảng các luận khác, vốn chưa khai giải, mà nghe thì liền hiến chương, Sư bèn dắt tâm khúc, bày luận cao tòa, mở lời mới lạ, khó giải thích, mọi người đều ngợi khen Sư tài giỏi chẳng theo khuôn rập trước. Sư từng cùng vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đối luận mở mang Tam Bảo, phân vạch lý, khai mở thần, có tiếng tăm ở triều điển. Phật pháp được hưng thạnh, chưa nhọc nghe hiểu, Sư bèn đến Phàn xuyên thực hành hạnh Đầu-đà tự tĩnh lắng, đêm nghỉ nơi rừng lạnh. Có người tìm đòi lấy đầu Sư, Sư liền cầm dao sắp tự giết, người xin bèn thôi. Lại theo đòi lấy lỗ tai, Sư liền chặt mà ban cho. Trong niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, Vua Võ Đế sắp phá hoại Phật giáo, Đạo giáo, tại Quang Trung năm chúng tao loạn chẳng an, Sư nghe thế, bèn tự thân đi đến nơi sân Vua rộng trình bày chí lý. Vua Võ Đế không nghe nhận lời đó, Sư liền lui về mà riêng tu nghiệp. Lúc bấy giờ, chùa tháp đều bị phá hoại, Sư gieo mạng chẳng theo. Xa đến thì hết sức chẳng thông, gần theo thì tâm khinh nhẹ dễ đổi. Sư bèn nhân thế tục, lẳng lặng nghỉ ở trong. Vua Võ Đế tuy phá diệt Phật giáo và Đạo giáo nhưng ý vẫn còn lưu giữ Lý thuật, bèn lại thiết lập Thông Đạo

Quán có ba trăm Học sĩ cùng ở, và lựa chọn những bậc tài giỏi đặc biệt trong Phật giáo và Đạo giáo để sung vào. Vì Sư lý nghĩa tinh thông, người đương thời đều cùng đề cử. Sư bèn nhậm ở Học chánh phán đoán thời cuối làm các sinh tiên. Không bao lâu phá hủy Quán, Thính Sĩ tùy tài năng mà ban nhậm. Sư sức lực yếu tự thân gắng gỏi, lương khô hạt gạo không giao, bèn cậy vào Lục Đăng Dung, lại nhậm làm việc ở Kỳ Sơn, vâng theo lời dạy xưa, chẳng tham tình nhuộm áo, nên dùng giả để trang sức, kiêu ngạo đến chốn Quan, cạo tóc để râu, đầu đội khăn lụa, dây thao ở dưới cằm, dùng làm khuôn phép thường. Có việc thì phán đoán, bút tuôn như nước chảy, chuyên việc liên can, nhiều người ủng hộ. Sư bèn bảo: "Ta vốn là Đạo nhân, chẳng rảnh để theo giềng mối thế tục." Khắp trên dưới nước Bắc Chu mọi người đều gượng theo nghi độ đó. Thấy Sư thông hiểu, đáng làm người xử thế.

Khi nhà Tùy sắp phục hưng, Bồ-tát tăng lập, tướng như triều phục chẳng đồng cắt tóc, đặt một trăm hai mươi quan viên, đều bao gồm theo pháp trước, răng sừng chẳng nhuộm trần tục. Sư thức đạt tỏ ngộ vang vọng đứng đầu đương thời, không bao lâu lại phế bỏ. Khi Đại pháp xướng hiển thì đều dự vào hàng xuất gia đồng trụ ở chùa Hưng Thiện. Sư là người quả cảm, có tài hùng mẫn, luôn đứng trước chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tuỳ đem quả chuông của Thông Đạo Quán ban tặng cho Huyền Đô Quán. Cả dòng tộc Hoàng Cân cùng dời lại sắp đến chỗ trước. Sư dẫn pháp thuộc đến cùng tranh luận, lập lý đã bình đẳng bèn lại cắt Tai. Các Đạo Sĩ trông thấy Đạo phong của Sư bèn tự giải tán, mới đem treo ở Quốc Tự (chùa nhà nước) tiếng tăm vang khắp trăm dặm. Tùy Cao Yên Giá, chùa Thiền Định đông đúc hưng thạnh. Vua bèn thỉnh Sư trụ ở đó. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư lại lên cương nhậm. Đến lúc nhà Tiền Đường mở vận, Sư vâng phụng chiếu thư, mang chứa phương du, hằng ngày riêng cùng thấy nhau.

Đến tháng ba niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Từ Môn, thọ bảy mươi ba tuổi. Sư căn dặn xả bỏ nhục thân nơi rừng núi, chẳng cần phải xây tháp. Đệ tử Sư nhặt nhạnh di cốt còn lại, xây tháp thờ tại đỉnh Long Trì ở Chung Nam, dựng lập bia minh để tán dương Đức hạnh của Sư, đến nay hiện còn.

10- Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô:

Thích Bảo Cung, họ Thôi, người ở xứ Thanh Châu. Vào khoảng

niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) đời Tây Tấn mới dời đến ở Kiến Nghiệp. Cha của Sư là Siêu Đạo làm thứ sử Bổn Châu.

Năm mười một tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Quỳnh, Pháp sư muốn thử thần thái của Sư, bèn đem Kinh Quán Âm mà bảo đọc tụng. Chỉ một thời trong đêm đầu, trong giây lát liền độ. Pháp Sư Quỳnh tự bảo nghe Sư tụng đọc như đã qua thời gian khoảng một tháng, và liền độ cho Sư xuất gia. Đến lúc Pháp Sư Quỳnh thị tịch, Sư mộng thấy có hai con rắn từ trong chân thầy bò ra mà bò vào chân Sưi, bỗng nhiên Sư thức giấc, tự cảm thấy tâm chí mở rộng thanh nhã, thân tướng nhẹ nhàng vui vẻ. Liền đến chỗ pháp sư Triệt trụ ở chùa Khai Thiện, nghe học Luận Thành thật, nghĩa sớ rất nhỏ nhiệm tướng trạng như đầu con ruồi, một lần nhận lãnh tám trang chẳng để sót một chữ. Đại chúng ngang bằng có năm trăm vị đều suy tôn Sư ở đầu.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư lại nương theo Thiền sư Tuệ Hiểu tập học định nghiệp, rõ sâu các pháp Quán hạnh, có lần được ấn chứng. Sư lại nghe Giảng Luận Thành Thật, cho là có sự tỏ ngộ khác, lại cầu sự tỏ sáng trở thành có nghi ngại. Sư bèn đem hỏi các bậc giảng tượng đều không thông hiểu. Gặp được Tung Công người nước Cao Xương khai giảng các Kinh Địa Trì, Thập Địa, nhân đó Sư theo thọ học, chưa tròn một năm mà Đại nghĩa đều tỏ sáng. Đối với các mối nghi trước lại xoá bỏ được một nửa. Sư bèn hành trì y cứ theo Kinh Địa Trì, riêng giảng Kinh Pháp Hoa, khống dẫn Quy Tông, đạt được áo chỉ.

Đầu niên hiệu Chí Đức (583) đời Trần, có Thiền sư Tuệ Bố ở Nhiếp Sơn, từ Bắc Nghiệp mới trở lại, muốn khai mở Thiền Phủ, khổ công thỉnh mời, kiến lập Đồ chúng thanh tịnh. Sư bèn tiếp ứng tiếng tăm của ngài Tuệ Bố, tiện đó đảm nhậm, dựng lập cương vị, dẫn dắt Thiền tông, nên được đạo phong cả chùa Thê Hà chẳng rơi lạc, mãi đến nay vẫn tán dương ngợi khen không ngớt. Sư lại theo ngài Tuệ Bố nghe giảng, thâu thập Tam Luận, khéo hợp huyền ngôn, đối với các điều nghi trước thảy đều tiêu tan. Đến lúc ngài Tuệ Bố thị tịch, tất cả đồ chúng đều giao phó cho Sư, Sư đã kế thừa di chúc bèn dẫn dắt như mới đầu. Đức hạnh Sư vốn tôn nghiêm, mọi người trông thấy đều kính sợ, sửa sang việc tăng, công đức hộ trì.

Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) xây dựng chùa Phật, rất cần có người trông coi. Mọi người đều theo tiếng thật, dâng trạng văn tấu trình. Vua bèn ban sắc thỉnh Sư vào làm chủ đạo tràng Thiền Định. Sư làm Cương chánh Tăng Cang trong sáng chỉnh túc nổi tiếng. Đến đời Tùy, Sư

thường làm chức vụ đó. Tề Vương Giản ở đời Tùy kính phụng Đạo đức của Sư bènh đảnh lễ thỉnh cầu làm thầy. Sau khi đã thọ giới, liền dâng cúng năm trăm bộ Pháp Y, nhưng Sư không nhận lấy một bộ, mà cúng dường ban rải khắp cùng.

Đến đầu thời Tiền Đường (618), Sư hướng tâm đến chốn suối đá, bèn trụ tại chùa Ngộ Chân ở Lam Điền, lánh từ quan vị, gá nghỉ nơi rừng núi, sắp xếp việc chung cùng, việc ngự chúng nhiếp trì, tiếng tăm ngời sáng đến tận kinh đô. Niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc thỉnh Sư trở lại y như cũ để coi sóc, và bèn đổi tên chùa Thiền Định thành chùa Đại Trang Nghiêm. Đến lúc đề cử mười Đức để thống nhiếp Tăng Ni, Chư Tăng khắp kinh liễn đều khiếp sợ sự oai nghiêm của Sư nên chẳng dám nói gì. Vua Cao Tổ nghe thế bèn bảo rằng: “Thiền sư Bảo Cung chí hạnh trong sạch đáng làm cương thống, riêng Trẫm nêu cử Ngài.” Đã làm ngôi vị đó mà khắp cả chư tăng không ai dám cùng đối mặt, Sư bèn ở bên hữu của Đại đức, chuyên gánh vác việc phán đoán, với tâm bình đẳng khiến cho chúng không oán.

Đến ngày mười chín tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm, thọ tám mươi tuổi.

Ban đầu, từ thuở nhỏ Sư xuất gia nhập Đạo, chí lực vẫn luôn thường, chẳng vì lợi mà nghiêng ngả, chẳng vì oai mà lay động, tinh thuần nghiêm nghị, rất có mưu lớn. Sư từng đi qua đường núi, Hổ nép mình ở trước đường, theo bên cạnh thẳng qua, không đoái hoài đến. Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, có bọn kiêu cảm khởi nghịch, trong tăng chúng có người cạnh tranh, nói cùng đồng mưu. Khi đó, Sư đang ở trong giảng đường lên Pháp tòa dựng lập nghĩa, binh lính ập đến vây quanh chật cả sân thềm. Cả chúng đều kinh sợ định giải tán khỏi chỗ ngồi. Sư bảo rằng: “Tự xét không việc gì, hãy đợi luận bàn xong sẽ tự rõ đó.” Sư vẫn thong dong bàn nói, sắc mặt không đổi khác. Những điều như thế thật có rất nhiều, ở đây lược nêu một vài điều. Do đạo phong đó mà các vua của ba triều đại Trần, Tùy, Đường đều kính trọng Sư. Sau Sư thị tịch, được an táng tại phía Tây Nam của Kinh Giao. Văn bia do Bí thư giám Tiêu Đức Ngôn thời tiền Đường soạn.

11- Truyện ngài Thích Pháp Khản trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Pháp Khản, họ Trịnh, người ở xứ Vinh Dương. Xuất gia từ

thưở nhỏ, chí lực vững bền tỏ sáng, hiểu lý Phương Quảng, thường lưu tâm phủ. Nghe ở Linh nham thuộc Thái Sơn hành Đồ thanh túc, điềm lành thường bày, xa nêu Vinh đàm nên năm chưa đến hai mươi tuổi, Sư bèn đến theo đó. Gặp được chúng ở đó tâm Sư tự mừng vui vận tốt. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư cố gắng mở mang khuôn phép, dự ở thanh huấn, chuyên cơ bước lên. Sau Sư lại đi khắp các trường giảng để trông xem các tông, hễ nghe được gì liền ghi chép, thường có thấu đạt trước.

Có Pháp Sư Tĩnh Uyên là bậc truyền bá đạo pháp khắp cùng ở đương thời. Các vị tài giỏi thảy đều suy tôn, nương tựa. Ngài Tĩnh Uyên thông hiểu Kinh Thập Địa, rất thấu suốt Kinh Địa Trì. Sư bèn đến theo đó, nghe giải thích, đều hiểu khắp chánh lý, vâng tu theo Chương Thái. Gặp lúc nhà Tề không tiếp nối được ngôi vị. Nhà Bắc Chu phá hủy Đạo pháp, Sư bèn đi về hướng nam đi đến Giang Âm, nương gá ở Kiến Nghiệp, nghe học thâu thập mới lạ, soi xét giữ vững thần tâm, nhiếp nghĩ duyên cầu, phỏng các cây Tất. Sau khi nhà Trần bình trị, Sư trở lại phương Bắc trụ tại chùa An Lạc ở Giang Đô. Có Cư sĩ Tào Tỳ thông hiểu Nhiếp Luận, tiếp thừa từ ngài Chân Đế. Sư bèn dốc cả ba nghiệp quy theo Văn Nghĩa thỉnh quyết, tự mở bày thắng tướng, lấp những điều đã nghe. Tào Tỳ tự nghe thế, sợ có lỗi sai sót. Sư thường từ nghĩa ẩn phát minh phô bày đã xứng thỏa đáng. Tào Tỳ đều chấp tay ngợi khen.

Vua Dương Đế (Dương Quảng) Tấn phiên đời Tùy, xưa trấn tại Dương Việt, tìm mời các bậc Danh khí đến trụ ở chùa Nhật Nghiêm. Vì Sư đạo hạnh thấm khắp giang nhục, sắp muốn anh hoa Kinh Bộ mới thỉnh mời làm cho hưng thạnh. Khi đã đến Bổn tự, rất nồng hậu cúng dường kính lễ, thạnh nghiệp trùm khắp, gá tâm nơi Chỉ Quán. Bấy giờ, lại khai đạo giảng nói Duy thức, hưởng vị Đức lễ sám. Tốt lành càng biếng học, Sư chóng xoay chuyển tâm người.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) cảm được điềm lành, bèn thỉnh các bậc Danh tăng, dùng thêm Tượng hóa, ban sắc cử Sư đến Tuyên Châu an trí xá-lợi. Sư bèn vâng sắc đến đó, thống nhiếp đầu mối phong cách nước nhà, đào luyện dẫn dắt kẻ tăng người tục. Mọi người sửa đổi nhờ năng lực hoằng hóa, quay về chánh pháp số lượng rất đông. Ban đầu, vào tháng giêng, ngày Vua ban sắc thì tại chỗ đất của Quan Thương trong thành ở Tuyên Châu ban đêm phát ra ánh sáng các mầu sắc hồng đỏ đều tỏa phát, sáng rực cao tới năm trượng, rộng khoảng một trượng. Quân nhân, Quân phòng hơn ngàn người đồng một lúc chạy đến, cho là lửa cháy, nhưng đến Thương

sở thì thật là ánh sáng. Có người già lớn tuổi truyền rằng: "Thương đây vốn là chùa cũ Vĩnh An". Hôm sau, chùa Vĩnh An ngày nay phỏng nơi thiết đặt tháp lại phát ra ánh sáng như trước không khác. Đại chúng đều không hiểu việc ấy. Đến tháng ba, Sư đến Tuyên Châu, tạm dừng ở Công Quán. Xét đến chỗ thích hợp đặt để tất cả đều ẩm thấp, trên cả một châu không nơi nào hơn Vĩnh An. Đã dự tỏa phát ra ánh sáng đợi nhân xây dựng tháp. Sư lại bảo đào chỗ phát ra ánh sáng của Thương, quả nhiên có được một hộp đá, giống như hình dạng Cỗ Quan tài, chẳng cần phải sửa tạo, nhân đó mà tôn trí Xá-lợi. Lại chiêu cảm rải mưa cam lộ ngưng đọng trên cành cây, có mùi thơm ngọt khác lạ ở đời. Lại cảm một nhánh cỏ chi mầu tím mọc trên vách tường của nhà tôn trí Xá-lợi, có chín cành cuộn khúc ánh sáng sắc mầu khác lạ. Sư bèn bảo dâng Biểu Văn tấu trình.

Đến lúc xây dựng tháp báu ở Lê Châu. Vua Văn Đế lại ban sắc cử Sư đến. Lúc mới đến Sư dừng ở tại quán, nghe có tiếng nhạc trời vang vọng giữa hư không, tụ hội rất nhiều inh ỏi cả tai. Kẻ Tăng người tục đều vui mừng. Lại cảm có mùi thơm lạ xông khắp ngào ngạt. Đào đất sâu độ bốn thước, có được viên ngói xưa, với lời minh đề rằng: "Ngàn thu muôn năm an vui chưa ương!" Sư vâng phụng Phước, chóng hoằng dương Đạo nghiệp, sớm phát điềm lành, đó là thần thông, đâu chỉ có việc người. Sau khi trở về Kinh ấp, ngài giảng trao tương tục.

Đến lúc nhà (Tiền) Đường mở vận lên ngôi (618) thì còn có tâm hộ pháp. Thiết đặt mười vị Đại đức để làm thanh tịnh triều Ký. Bấy giờ, nhóm họp tăng chúng, nêu danh theo thứ lớp, Sư nghi chỉ nghiêm túc, trội vượt chẳng nghĩ bàn. Đức hạnh đã xứng đáng cho Chúng Tăng trọng vọng, Sư bèn vì đảm nhậm đó. Sư chăm chăm khéo dẫn dụ, mở mang khai ngộ rất nhiều. Về sau, Sư lại dời đến trụ chùa Hưng Thiện, luôn giảng đạo không đổi thay. Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, vào tháng mười một, Sư thị tịch tại Chùa, thọ bảy mươi ba tuổi. An táng trong hang trống Mã Đầu ở Đông Giao.

Sư chuyên học Nhiếp Luận, theo chân nương gần, bày vạch ý chỉ sâu mầu, sáng rỡ điều nêu đến, giải nghĩa thích Danh, sự thấy biết xứng thật trong suốt. Mọi người đến nghe thảy đều vui mừng chỉ huống ấy. Có Pháp Sư Đạo Phủ là bậc tài giỏi dĩnh ngộ nêu đầu, khắp kinh thành đều quý trọng. Vốn ở chùa Tổng Trì, là bậc tông sư Dị giải, dùng thông cả Nhiếp Luận, nhưng đến nơi Pháp tịch của Sư, qua vài lần gõ khấu trùng quan, bèn buộc tâm đảnh lễ, thừa hưởng âm huấn. Từ đó, xả bỏ bổn tập bèn quy hướng Chân Đế. Vả lại, hình tướng Sư sáng suốt oai

vệ, rõ ràng trang nghiêm hùng vĩ, chiết quanh cúi ngưỡng đều phù hợp với Thánh xưa. Do đó, trong triều đại nhà Tùy, Đức lớn hạnh nghiệp có khác. Còn như dung mạo vận phục của Sư rất dễ nhìn, nên dẫn mạng thỉnh mời, thảy đều lấy Sư làm người nói đầu. Oai nghi của Sư được lựa chọn đại loại như thế. Lại nữa, thưở thiếu thời, Sư uống tử thạch, nên lúc về già bị bệnh khổ. Thầy thuốc xem bịnh bảo rằng: "Cần phải ăn thịt heo để kiềm chế thế mạnh của thuốc!" Nhưng Sư mặc tình bệnh tật chỉ nhận lấy cái chết. Sư kính thành tôn trọng mọi vật lại như thế ấy. Ban đầu, Sư lập Danh, lập người an phẩm. Sau đến nội Đạo tràng Tuệ Nhật gặp sa-môn Trí Khiên bảo rằng: "Khản là chữ, miệng người làm tin, lại theo chữ xuyên, lời tin đích thực." Nhân đó bèn theo.

12- Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh Đô:

Thích Cát Tạng, họ An, vốn người nước An-tức. Đời ông nội Sư vì lánh Thù địch nên dời đến ở Nam Hải, nhân đó bèn dựng nhà ở giữa xứ Giao Quảng. Sau lại dời đến ở Kim Lăng mới sinh ra Sư. Lúc còn hài nhi, cha của Sư dẫn đến ra mắt Pháp sư Chân Đế và xin đặt cho tên gọi. Ngài Chân Đế hỏi về hoài bão, bèn đặt tên là Cát Tạng. Nhân đó bèn gọi tên Sư là vậy.

Gia đình ngài vốn trải qua nhiều đời kính thờ Phật pháp không tôn thờ đạo khác. Về sau, cha của Sư cũng xuất gia tên là Đạo Lượng, siêng năng tự vươn lên, khổ tiết ít ai bằng, chỉ đi khất thực và nghe pháp lấy làm việc chính. Thường ngày mang bình bát đi khất thực, sắp trở về đi chân không vào Tháp, hiến dâng khắp các Tôn tượng Phật, sau đó phân thí, rồi mới ăn. Cho đến khạc nhổ, tiện lợi đều trước đưa tay hứng lấy ban thí cho chúng sinh ứng thực, sau mới vất bỏ đi xa. Với hạnh dốc lòng cẩn trọng ban đầu như thế, giữ không để mất. Ngài Đạo Lượng thường dẫn Sư đến chỗ Pháp Sư Đạo Lãng ở chùa Hưng Hoàng giảng Pháp. Sư nghe nhận tỏ ngộ như Thiên Chân.

Năm bảy tuổi, Sư đến chỗ Pháp sư Đạo Lãng xin xuất gia, tham cứu vượt đến huyền du. Ngày một vượt đến chỗ sâu mầu. Những điều Sư thưa hỏi khéo đạt chỉ quy, luận nạn bày riêng cao hơn người thường. Văn từ tuôn nhã dồi dào, mở rộng nhiều kỳ đặc. Đến năm mười chín tuổi, Sư ở trước chúng đáp thuật, biện luận bén nhạy, thù tiếp khéo léo, thong thả tốt lành. Tiếng tăm vang khắp kinh ấp. Sáng ngời trong học chúng. Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng tăm Sư càng vang vọng lên cao. Trần Quế Dương Vương kính trọng phong thái của Sư, nghĩa chỉ hòa

nhã, chuộng vị vâng phụng. Đến lúc nhà Tùy chế định Bách Việt, ngài đến Tần Vọng, dừng ở Bạc gia Tường, như thường diễn giảng. Khắp Võ Huyện người đông như chợ. Hỏi đạo có hơn ngàn vị. Chí Sư luôn ở việc truyền đăng, bánh xe chánh pháp vẫn thường xoay.

Cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, khi đó Dương Đế (Dương quảng) đang ở tại Tấn Phiền, thiết lập bốn đạo tràng, do Quốc ty cung cấp. Khắp hai Bộ Thích Lý mỗi nơi đều sưu tầm mời thỉnh. Cho rằng Sư là bậc danh giải nổi tiếng, bèn mời vào chùa Tuệ Nhật, kính lễ thờ phụng, ưu thưởng khác người thường. Dương Đế ở tại Kinh đô lại lập chùa Nhật Nghiêm, riêng bảo thỉnh Sư sang đó ở, muốn cho đạo pháp phát triển khắp Trung nguyên, hạnh cao lan tỏa tận Đế nhưỡng. Ban đầu, Sư đã đến kinhđô. Kẻ tăng người tục đua nhau tìm đến. Nhìn thấy tướng Sư ài thì cao ráo khác mọi người. Nghe tiếng Sư nói bàn dường chuông trống vang động. Ngài bèn vân du khắp các trường giảng nổi tiếng, rộng chỉ bày ngôn tích, mọi người đều ngậm miệng nín lặng, ít ai có thể đối đáp đầy đủ. Nhưng người ở tại Kinh đô khâm kính mến chuộng khéo trọng Kinh Pháp Hoa. Sư mới nhân lợi thế đó, bèn khai giảng phân vạch, có Thiền sư Đàm Hiến là người nổi tiếng của chốn thiền môn, dựng nghiệp sáng ngời, Tăng tục đều bày vết tịch, cung kính thỉnh Sư phu diễn. Bảy chúng nghe đạo phong của Sư mà tìm đến cả muôn người, đầy chật cả giảng đường, khắp cùng ngoài bốn phía. Mới bày nhiều chỗ khác nhưng vẫn còn thiếu. Các nhà giàu sang đều dốc cả vàng bạc của cải, các hàng đạo bạn thanh tín thảy đều kính mến Đạo phong tốt đẹp ấy. Sư dùng giáo pháp chuyển hóa chẳng cùng, tài thí chất đầy, tùy phương ban trải dựng lập các ruộng phước, dùng đã có thừa, bèn sung vào mười vô tận. Sư bèn giao phó cho Thiền sư Đàm Hiến dùng để gieo trồng hai thứ ruộng Bi và kính.

Mãi đến niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, tại Khúc Trì có một pho tượng lớn cao đến trăm thước, sửa chữa từ lâu mà thân còn chưa hoàn thành. Sư bèn đến ở đó, phát thệ nguyện đảm nhận tạo lập, trích xả sáu vật, đều gá bốn duyên, chỉ khoảng thời gian mười ngày thí vật nối nhau, liền được trang nghiêm cao vợi ngời sáng. Nên phước lực của Sư làm cảm động đến tâm chúng sinh. Phàm mọi việc Sư tạo dựng, không gì chẳng thành tựu. Tề Vương Giản ở đời Tùy sớm kính phụng đạo đức, một khi trông thấy Sư mà chưa biết Thần phủ của Sư. Bèn đích thân đến để và thỉnh mời Luận Sĩ. Các bậc tài giỏi ở kinh liễn trước sau cùng theo hơn sáu mươi vị, đều đã vùi lấp, bẻ gãy tiền phong khiến tên tuổi tự vang xa, thảy cùng nhóm họp lại. Sư làm Luận chủ. Bảo Chương

trình bày rằng: “Với tâm có khiếp sợ, lên ngồi tòa không, dùng miệng nói vụng về, thích nói lời giải thích...” mấy trăm câu như thế. Vương Giản nhìn lại học sĩ Phó Đức Sung mà bảo rằng: “Chưa hề gần ngự quan bén nhạy, chỉ như vừa rồi nói, sợ ít có ai truy tìm được vết tích ấy!” Phó Đức Sung nói rằng: “Mở lời thành luận, mới nghiệm thật ở ngày nay!” Vương Giản cùng các bạn đồng quan thảy đều ngợi khen.

Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Xán là người có tự hiệu là “Tm Quốc Luận Sư” hùng biện nghiêng sông, lời nói bén nhọn, là người đầu tiên nêu câu hỏi, qua lại có hơn bốn mươi phen, Sư đối đáp tài tình, khơi rót tràn đầy. Gần ngay lúc ấy thể mạo từ thái bày phát. Khắp pháp tòa mọi người đều thay đổi tình thế, thẹn thùng đỏ mặt mà lui. Khi đó, tiếng tốt của Sư càng sáng ngời kể từ trước đến nay. Vương Giản cho là chưa được hết lời, bèn thỉnh mời thêm hai ngày tham cứu lấy nghĩa khoa, lại bảo dựng lập nghĩa đối đáp, đều không ai chống kháng. Vương giản cúi đầu lễ tạ trọn quy hướng sư, và dâng tặng Sư phất trần cát tường cùng các y vật.

Về sau, khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Sư viết hai ngàn bộ Kinh Pháp Hoa. Đến cuối đời Tùy(...-618) Sư tu tạo hai mươi lăm tôn tượng, tôn trí trong phòng viện, còn mình ở nhà xấu. Sớm tối kính thành lễ sám. Lại thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền, lập bày như trước, đích thân Sư tọa Thiền, quán lý Thật Tướng. Trấn giữ qua nhiều năm không thay đổi. Đến khi nhà Tiền Đường mở vận nghĩa cử, ban đầu mới đến Kinh đô. Võ Hoàng (Vua Cao Tổ-Lý Uyên?) đích thân vời Thích Tông, bái yết kiền thành cảm hóa ở môn hạ. Mọi người đều cho rằng cơ ngộ của Sư rất có tiếng tăm, Sư bèn từ chối mà đáp rằng: “Chỉ có bốn Dân đồ thán, phải nhân thời cơ cứu vớt đắm chìm.” Kẻ tăng người tục đều rất kính ngưỡng ân trạch của trời cao. Võ Hoàng vui mừng thăm hỏi hết lòng, chẳng hay biết trời đã xế, nói hồi lâu, riêng ban sắc ưu ái ngợi khen. Lại đặt lễ khác thường.

Đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Chư tăng quá đông nhiều, thiết đặt mười Đại đức làm giềng mối Pháp vụ, thuận theo bàn nghị ban đầu, Sư ở ngôi vị thứ nhất. Cả hai chùa Thật Tế và Định Thủy khâm trọng kính ngưỡng Đạo phong của Sư liền thỉnh đến ở. Sư bèn nhận lời cả hai nơi thỉnh nguyện và đến ở cả hai chùa. Có Tề Vương Nguyên Cát từ lâu đã hứng nhận Phong Du, thân thừa khuôn phép của thầy, lại thỉnh Sư đến trụ chùa Diên Hưng. Sư tùy ý muốn của chúng sinh mà đến, chẳng trệ ngại bước đi.

Đến lúc tuổi già, khí lực dần suy, thường thêm các thứ bệnh khổ.

Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tặng thuốc tốt, Trung sứ thường đến thăm. Sư tự xét thế thực đã cùng cực khó lành, như sương móc treo đầu cành chẳng lâu dài, mới dâng Biểu Văn lên vua Cao Tổ rằng: "Cát Tạng tôi tuổi cao lắm bệnh, đức mỏng người suy, mong nhờ Thần tán, mà được bệnh lành. Chỉ ví Phong khí tăng thêm bạo dữ, mạng sống chỉ ở trong sớm chiều, buồn luyến vô cùng nên dâng biểu văn kính xin từ tạ, cúi xin Bệ hạ sống đời dài lâu, tiếp nối nước nhà, ban trải đức từ cứu giúp bốn sinh, hưng long Tam Bảo!" Đối với Trữ Hậu, các Vương, Sư có gởi khải văn từ tạ, dặn dò vì Đại pháp.

Vào một buổi sáng, Sư đòi lấy nước ấm để tắm gội, thay mặc y pháp mới sạch, vị thị giả xông hương, Sư bảo xưng niệm danh hiệu Phật. Sư ngồi kiết già nghiễm nhiên tư duy như có sắc thái mừng vui, sắp đến giờ thọ trai, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường. Trước lúc thị tịch, Sư bảo để lộ bày nhục thể, mà sắc da càng trắng đẹp. Vua Cao Tổ có ban sắc an ủi, cấp tặng mọi vật bảo đến Nam Sơn tìm khám đá để tôn trí. Từ Đông Cung Thái tử trở xuống các hàng Vương Công v.v... đều gởi thư an ủi, thăm hỏi, cấp tặng tiền lụa. Nay Thượng sư làm Tần Vương riêng được tôn sùng kính lễ, mới an ủi chung rằng: "Các hành vô thương, pháp sư Cát Tạng, Đạo giúp ba thừa, Danh cao mười địa, chỉ ôm hoài bão mở mang Bát-nhã. Vườn Biện bao gồm nơi giải thoát, mới đáng dựng Đức Tịnh Độ, mở mang rừng Thiền. Đâu ý lắng bày ánh sáng sớm, gió nghiệp bay vụt khỏi đời, giã từ hẳn vườn Nại, vội bít đóng cửa thông, kiêm vì tình thống thiết, nối lời hiện còn Di Chỉ, lưu lại vết tích, người đã ra đi, càng thêm thương nhớ mến tiếc". Bèn đón rước nhục thể thân Sư đến chùa Chí Tướng ở Nam Sơn. Bấy giờ đang lúc trời nắng nóng, ngồi trên giường dây mà thi thể Sư không thối rã, vẫn kiết già chẳng tán. Đệ tử Sư là Sa-môn Tuệ Viễn dựng tạc phong thanh, thâu nhặt di cốt còn lại, đục đá mà an trí tại Bắc nham, dựng bia khen ngợi Đức hạnh.

Ban đầu, lúc Sư còn là Sa-di mà tiếng tốt đã vang. Sau khi thọ giới cụ túc, vinh hạnh càng xa. Sư dung mạo tợ phạm tăng tây vực mà lời tiếng thật người Đông Hoa, ngậm tước châu ngọc, biến thái trội vượt trời. Xét đoán lưu loát hầu như chẳng chất chứa học vấn. Đối ngộ với Đế Vương, thần lý tăng thêm hằng tập. Giải quyết vướng mắc, thính chúng nghe mà quên cả thời gian lâu mệt. Nhưng Sư ưa quen phong lưu, chẳng màng bó buộc, nên các hàng thức giả trinh tố hoặc có sự dèm pha. Lại thêm dù thông đạt Luận Tông nhưng rất có tâm giản lược, nên

Đức ngự trị chúng chẳng phải sở trường của Sư. Khi xưa giữa những lúc hưng phế của thời nhà Trần, nhà Tùy, khắp chốn giang âm rối loạn. Kẻ tăng người tục kéo đến, mọi người đều bỏ thành ấp dẫn nhau đến các chùa, chỉ là Văn sớ, Sư đều thâu nhận nhóm họp đặt trong nhà ba gian, đến sau lúc Bình định mới rửa sơ đi. Nên sở trường chú trọng sự học chẳng ai qua Sư. Sư chú dẫn rộng rãi đều do đó. Sư giảng Tam Luận hơn một trăm biến, giảng Kinh Pháp Hoa hơn ba trăm biến. Các Kinh Đại Phẩm, luận Đại Trí Độ, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Duy-ma, v.v... mỗi bộ vài mươi biến, đều soạn thuật Huyền Sớ, lưu hành rộng ở đời. Đến ngày sắp thị tịch, Sư soạn luận "Bất Bố" (không khiếp sợ) vừa buông bút thì liền tịch. Văn từ viết rằng: "Lược nêu mười môn lấy làm tự an ủi. Phàm ngậm răng đội tóc, ai cũng thích sống mà sợ chết, bởi chẳng hiểu về nguyên cớ. Chết do sinh (sống) mà có, nên phải sợ sinh. Nếu như ta chẳng sinh thì do đâu mà có chết? Thấy mới sinh thì biết cuối cùng có chết. Nên phải khóc sinh không nên sợ chết!" Văn dài lắm, ở đây chẳng chép hết.

Sa-môn Tuệ Viễn nương tựa vâng thừa kính hầu, là bậc tuấn ngộ ở đương thời, phu truyền Pháp hoá sáng ngời tiếp nối cảnh khác, sau cùng ngài ẩn vết tại chùa Ngộ Chân ở Lam Điền. Lúc Sư giảng pháp tại Kinh ấp, mau làm cảm động tâm người. Người đời vì thế mà chú ý, ở đây chẳng nói rộng.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 11 hết)

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 12

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 8 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có bốn vị).

01- Ttruyện ngài Thích Tuệ Long trụ tại chùa Bành Thành ở Đơn Dương, đời Tùy.

02- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại chùa An Lạc ở Giang Đô, đời Tùy.

03- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ tại chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô, đời Tùy.

04- Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ tại chùa Long Trì ở núi Chung Nam, đời Tùy.

05- Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam, đời Tùy.

06- Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

07- Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Linh Biện).

08- Truyện ngài Thích Linh Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

09- Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Tuệ Oai).

10- Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô, thời Tiền Đường.

11- Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Đàm Cung, Minh Hồng).

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô, thời Tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.

14- Truyện ngài Thích Trí Cư trụ chùa Kiến An ở Thường Châu, thời Tiền Đường.

15- Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa Hoằng Nghiệp ở Thường Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Tuệ Long trụ chùa Bành Thành ở Đơn Dương:

Thích Tuệ Long, họ Hà, người ở xứ Cú Dung thuộc Đơn Dương. Ông nội Sư tên Tiển, làm Võ Lăng Vương Trường sử thời nhà Lương. Cha của Sư tên Nghi, làm Tán Kỵ Thường Thị thời nhà Lương.

Năm mười một tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Sa-môn Tuệ Thư, Tăng Đô chùa Tuyên Võ. Ngài Tuệ Thư Đạo nghiệp cao xa, phong nêu thanh cử, sở học đáng làm khuôn phép cho chúng sinh. Đức hạnh xứng làm thầy của mọi người. Ô Hồi đương chức nắm giữ lo gởi. Sư cung kính cẩn thận đủ nghĩa thầy trò. Năm mười ba tuổi, Sư chuyên chí cầu học mới muốn nghe Đạo liền cảm điềm linh. Có người tự xưng là giòng họ Tương, tên Quy trao cho Sư một Bộ Kinh Pháp Hoa và bảo rằng: “Tương lai Phật pháp thật dùng nên gởi cho Sư!” Nói vừa dứt lời, đã đi mất. Ngài bèn lấy nghĩa mà suy lường, nếu chẳng phải Quả vị ngang với bốn y, Đức bằng cùng chín sử thì đâu thể gánh vác, mà cảm đến lời Thánh? Sư nghe Pháp sư Hoắc ở chùa Pháp Vân giảng Luận Thành Thật, chưa tròn một Biến mà Sư đã nghiên cứu đến chỗ sâu ẩn, tu nghiệp vài năm, riêng xứng nêu bạt. Đến lúc đăng đàn thọ giới cụ túc lại tu học Tỳ-ni, nên được năm lần một sông, chế khác mà uống khác, đầy đủ đều đoán xét, suốt tận đều lường cân.

Đến lúc thời vận nhà Lương tan tác, Sư bèn lánh đời theo thời, tuy gặp phải sự điêu tàn hoang phế mà học nghiệp Sư chẳng bỏ. Bèn ở trong chùa Bành Thành giảng dạy dẫn dắt như dòng chảy. Đến khi nhà Trần ngự trị thiên hạ, mở mang lại vết huyền. Sa-môn Tăng Chánh Hằng Công là bậc đức lớn trong Đạo môn, ở trong chùa ấy mở hội giảng diên. Những người tham học huyền nghĩa khắp bốn phương đều nhóm họp. Sư đang nhập thất riêng trùm các bậc anh tài. Đã giải tuệ vượt trội bèn được lệnh phô bày giảng nói. Đến lúc Hằng Công sắp thị tịch dặn dò giao phó Sư trụ ở đó. Pháp Diên Sư kế tiếp, thật đáng yếu chỉ tốt lành. Nhưng sự nhận biết của Sư dùng để ngâm hoa, ngôn biện dồi dào. Mỗi lúc bàn luận đến huyền lý, chóng dời mà chậm nghi, tuy là bàn

luận nhưng thường huy ngôn bén nhọn mài giũa đương thời, mà phá nạn tự triệt, thư thả lắng xa. Đến lúc nhà Tùy có được thiên hạ, khắp cả chín châu đồng chầu, các bậc thượng đức Cao nhân đều lần lượt mời thỉnh. Chí ý Sư chỉ muốn gá ẩn, thường lấy cớ già bệnh mà chối từ. Ngài trụ tại chùa cũ (Bành thành) giảng nói hoằng hóa cho đến năm cuối đời.

Đến ngày mười sáu tháng mười một năm Nhân thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Sư bị bệnh. Qua ngày hai mươi thì Sư thị tịch. Bấy giờ, đang lúc Đông chí, khí trời rất lạnh, mây bủa khắp trời, tuyết rơi cùng đồng. Đến nửa đêm, sắc trời trong trẻo, muôn sao lắng sáng. Há chẳng phải thần linh buồn thương, trời rồng cảm tiếc mà có điềm sáng ấy ư?

Bản chất Sư là từ bi cứu giúp thành tánh, chẳng ưa chuộng hoa sức, nhu thuận biết đủ, không tham là vật báu. Sư giảng Luận Thành Thật hơn ba mươi biến. Các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, mỗi bộ hơn mười biến. Ngoài ra còn có các thứ khác ở đây không noí đủ. Trước lúc chưa tịch, Sư dẫn đệ tử đến đảnh núi phía nam chùa Cao Tòa, đắp đất làm đàn. Sư bảo rằng “Sau khi ta xả bỏ hình hài này chớ phiền dùng đến quan quách, hãy đem đến nơi này để thí cho các loài cầm thú côn trùng!” Sau khi đắp đàn xong thì Sư thị tịch. Thật là Sư biết được mạng mình thay! Sau đó, đệ tử bèn vâng theo di mạng, nêu dựng lập Bia lớn tại chùa. Văn bia ấy do Sa-môn Pháp Tuyên soạn.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ chùa An Lạc ở Giang Đô:

Thích Tuệ Hải, họ Trương, người ở xứ Võ Thành thuộc Thanh Hà. Sư nhập đạo từ thưở thiếu thời, tôn thờ pháp sư Quýnh chùa Khoáng Quốc ở Nghiệp Đô, nghe học các Kinh Niết-bàn, Lăng-già, mới thông vài biến đã có thể đáp thuật, được Thượng thủ tán thưởng, lại trải qua năm năm. Học chúng đều suy phục. Sư lại theo Pháp sư Đạo Du chùa Đại Nghiệp ở Thanh Châu thọ học Ma-ha-diễn, Tỳ-đàm v.v... Nhưng ngài Đạo Du tuệ giải vô ngại, mở trí khó nghĩ lường. Còn Sư vì có tài Dĩnh thoát nên vinh cậy Ngài.

Niên hiệu Đại tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Sư đến nghi Đào Phố, mới ở chùa An Lạc, sửa chữa gìa-lam, trang nghiêm Phật sự, xây dựng lầu Các. Đích thân Sư tự trải qua từ đầu đều giúp giáo hóa, tuy dốc hết sức lực mà quên cả mỏi mệt, đội cả nắng mưa mà chuyên chở. Thường lấy Tịnh Độ làm kỳ vọng, chuyên tinh đến mức có cảm ứng. Bỗng nhiên có Sa-môn Đạo Thuyên ở Tề Châu mang bức vẽ Phật Vô Lượng Thọ đến và nói với Sư rằng: “Có vị Bồ-tát chứng đắc năm thần thông trụ chùa Kê-đầu-ma ở Thiên trúc nương hư không đến thế giới

An Lạc, mô tả tôn nghi nầy!" Đã được thầm hội với tố tình, Sư càng dốc lòng lễ sám, bèn thấy có ánh sáng thần chiếu sáng, mừng được việc ít gặp. Từ đó, Sư khẩn thiết siêng năng, nguyện sinh về cõi tịnh độ, suốt đời chuyên niệm.

Đến ngày mồng một tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, chứng bệnh sởi càng thêm dữ dội. Sư nói cùng đệ tử rằng: "Ta sắp đi đây!" Và duỗi năm ngón tay để biểu hiện kỳ hạn, hơi thở dứt nhẹ, mọi người dùng lấy bông tơ đặt trên lỗ mũi Sư chờ đợi. Đến đêm mồng năm Sư chợt ngồi dậy, y theo thường lệ xoay mặt về hướng Tây đãnh lễ xong an tọa, tới sáng sớm Sư mới thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Nhan sắc vẫn yên nhiên, tợ thần thức hiện còn. Kẻ tăng người tục buồn mến, đua nhau đến bày tiếp chân. Hương hoa cúng dường như mưa tuôn, vàng báu như núi đổ, chất đầy thềm cấp. Đó là do năng lực của Phước tuệ.

Nhưng, Sư từ thưở thiếu thời siêng năng khổ nhọc, đến lúc già lại càng dốc lòng. Ban-chu là pháp mật hạnh. Lan-nhã là nghi Tư duy. Mau mở bày tu hành, điềm lành thường nhiễu. Sư lại dùng cả nhân từ cứu hộ, có nghiêm khắc với chính mình, dụ khuyên rộng bó buộc, hẳn dốc hết tài năng của mình. Nên các hàng Tể Quan cư sĩ, các đồng bạn già bệnh nghèo cùng, mặc tình họ lưu lại khinh trọng, nhưng đức của Sư vẫn ban trải bình đẳng. Ấy hẳn là khí vận bao trùm, người thông ở đời mạt pháp! Sư giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, Tụng Kinh Pháp Hoa một Bộ, giảng năm mươi biến. Đến ngày mồng chín tháng năm, đẽo đá trong chùa, đục làm thất lớn, thỉnh dời Nhục thân Sư vào tôn trí ở đó. Huyện Linh Giang Đô là Tân Hiếu Khải với tâm kính tín nên thí xả tất cả trong ngoài, cởi y làm thức ăn, tự thân chỉ huy. Đệ tử của Sư là Sa-môn Tuệ Bính dùng chỗ toàn thân xây dựng nền tháp thêm hoa lệ. Và lập Văn Bia tại cửa chùa để tán dương đức hạnh của Sư. Bí thư Học Sĩ Lang Da Vương Thận soạn văn Bia.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô:

Thích Tuệ Giác, họ Tôn. Tổ tiên Sư vốn người ở xứ Tấn Dương thuộc Thái Nguyên. Lúc ở giang hữu tan loạn bèn dời đến ở Mạt Lăng thuộc Đơn Dương. Khi Sư đang ở trong thai mẹ, Chí Công ở thời nhà Lương là người không thể lường biết được, đi ngang qua nhà, bồi hồi nhìn vào mà bảo rằng: "Ở xứ ngày sẽ sinh ra bậc Thần Đồng!" Bỗng nhiên đến lúc sinh Sư như có điều phù hợp. Sư tuy còn bé mà phong thần đặc đạt, khí điệu khác mọi người. Tuy là đang tuổi học trò, nhưng

đã có tâm kỳ đặc, nhận thức xa vời. Đối với năm ấm sáu trần, Sư nhận biết sâu xa rõ như bọt bóng sấm chớp. Thệ nguyện muốn cầu thoát tục. Cha mẹ Sư không thể cản ngăn trái ý.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nghiên cứu tinh rành Pháp Tướng. Ban đầu Sư đến Pháp Sư Lãng chùa Hưng Hoàng cầu học. Học chúng ở đó rất đông, đều xướng cao Huyền phong, những vị nhập thất đều là những người tài giỏi. Sư bẩm học huyền luận, xem đọc thấu cùng u chỉ, lãnh lược gặp bến bờ, dẫn cầu sâu sắc, khắp theo các khéo diệu, tự được hông ngực. Các bậc Tông tượng càng thêm tán thưởng, Sư thật xứng làm Pháp Khí. Thêm nữa, ngài để tâm khắp chín Bộ, xem cùng Số Luận, ngụy thuyết dị môn đều tìm cành lá. Thế mà Sư vẫn than rằng: "Tang Du đâu có việc Xung Thiên, Tiểu Đạo trái với bến bờ đến xa, hãy quên lo buồn, chẳng phải đệ tử ta!" Sư lắng thần nhập tuệ chẳng chuộng năm môn. Suối đá ở Nhiếp Sơn rất tốt đẹp là thắng địa dứt tâm. Sư mới vén y một mình đến ở chùa Thê Hà.

Có Pháp sư Tuệ Bố là bậc Giải Không bậc nhất, thấu suốt sâu xa các Kinh Phương đẳng. Nếu có chỗ chưa tỏ ngộ, Sư bèn cất giấu trong lòng đợi chờ người tri âm. Đến lúc cùng gặp mừng vui, ngài Tuệ Bố bèn vì mở trao. Lại vì ở Giang Tả, luận Đại Trí Độ ít được truyền bá. Ngài Tuệ Bố đem hết tông chữ cùng bày thỉnh nói. Sư bèn duỗi lòng xét nghĩ, bày sướng u vi. Ngài Tuệ Bố vạch bày ngợi khen, bèn bảo Sư khai giảng. Từ đó, văn cũ ý mới, Sư đều thông cả. Mọi người xa gần tận hưởng thấm nhuần, nghe được điều chưa từng nghe. Thích luận rộng bày thạnh hành từ đó. Có Vương Bá Cung ở Tấn An đời Trần làm Thứ sử Tương Châu, thêm nhiều lễ khác, đồng thời thỉnh giảng chúng. Sư bèn đến hướng Nam để mở mang giảng nói. Lại Bộ Thượng Thư Mao Hỷ, Hộ Quân Tướng Quân Tôn Sướng thảy đều cúi mình đảnh lễ chí thành kính ngưỡng khác thường. Tả vệ Tướng Quân Phó Tể là người học thông giáo điển nội ngoại, khí điều rất cao, các hàng tăng tục không ai chẳng tôn kính, nhưng mỗi lúc thấy Sư lại thì thân tâm đều nghiêm chỉnh, bàn luận cao siêu, lưu luyến không thôi. Sư có được tước trời hàng phục người đại loại như thế.

Nhà Tùy khắc định, khắp vùng Giang biểu theo hiến chương đổi mới, trong một châu chỉ được thiết lập hai ngôi chùa Phật, ngoài ra số tự viện, già-lam còn lại thảy đều đập bỏ. Sư lo ngại đất Kim Cương trầm hủy lắm nhiều, mới cùng với trăm nhà đồng đến triều đình tấu trình với nhà Vua, bèn có sắc chế bãi bỏ, mà theo sự thỉnh nguyện của Sư. Thật xứng là Bề tôi tài giỏi, mở mang hộ trì tượng pháp, tin Sư rất

có sức lực. Vua Dương Đế (Dương Quảng) khi xưa, lúc ở tại phan bình giáo hóa Hoài Điện, kính trọng chờ đợi người tốt, nghĩa vượt nghiêng tịch, có ban tặng Sư lời thư viết rằng: "Pháp Sư an lành, mát nóng đều thích nghi, tiếp thừa nương gá đợi khu vực cửa Quy Sơn, mở rộng Diệu chỉ của Long Thọ. Nghĩa ấy đoan nghiêm hùng biện. Riêng diễn xướng ở Kê Âm, Đàm Bính lời nhiệm mầu chỉ dẫn cấp ở Cảnh Thủy. Đệ tử khâm chuộng Đạo phong, tận hưởng vị Đạo rất sâu. Nay ở trong Nội thành dựng lập đạo tràng Tuệ Nhật, thỉnh có bậc Long tượng mở mang Phật sự, xoay bánh xe pháp. Tên gọi Thượng nhân (của Sư) vang vọng xa khắp, mọi người đều nghe biết, nay sai sứ đến nghinh hầu, đợi chờ phất sáng lên!"

Có Pháp Tế Thượng nhân là bậc Linh trí khó nghĩ lường, ở tại đạo tràng Vĩnh Phước thỉnh Sư khai giảng Luận Đại Trí Độ. Chúa thượng đích thân đến pháp tịch, ngợi khen hồi lâu. Sau, Sư trụ tại Bạch Tháp, thường chuyên việc giảng nói hai mươi bộ kinh luận như Đại Phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Tứ Luận v.v... số biến giảng nói rất nhiều. Học chúng đông đầy Pháp tịch. Sự hưng thạnh của việc xoay bánh xe chánh pháp không ở đâu hơn đó! Trước kia tại cựu Để ở Giang Đô thiết lập Bảo Đài Kinh tạng. Kinh điển trong năm thời đều đầy đủ ở đó. Đến lúc Đông Triều, bèn ban lệnh chỉ giao phó cho Sư việc coi sóc kinh tạng. Mọi người đều bảo là "Được người."

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy. Sư theo xa giá vào kinh. Giữa đường phát hiện bị bệnh mà thần sắc vẫn an nhiên lời giảng pháp vẫn không nghỉ. Đến lúc sắp tịch, Sư vẫn sáng suốt như thường, mọi người đều trông thấy Đại Thần Kim Cương đi nhiễu quanh trước sau, có vị tăng người Ấn-độ đốt hương cúng dường. Ban đầu, có Thiền sư Trì Giác nhân cảm linh ứng, mới trông thấy tên Sư đề ở bảng vàng, nên quả vị mà Sư chứng đắc, nghĩa lượng thật khó lường biết. Đến ngày hai mươi hai tháng ba, Sư thị tịch tại huyện Tức Dự thuộc Tứ Châu, thọ năm mươi ba tuổi.

Chỉ Sư là người hay khéo Văn từ, nghi dung cử chỉ đẹp đẽ, thân cao tám thước, phong cách vượt hơn mọi người. những lúc nhiếp trai thăng đường, cúi ngước đều đáng làm khuôn phép, trông nhìn oai nghi ấy, không ai chẳng sửa đổi hình dung để dễ trông xem, ghé mắt quên cả mỏi mệt. Còn như ngài nhả nạp lời huyền, tuyên dương nghĩa mầu, hùng biện luận trong như mây bay nước chảy. Thật đáng gọi là Nhật nguyệt vào lòng gió thổi đầy nhà. Tuy hẹp chí trệ tình cũng chóng quên bỉ lận. Nhưng sự cảm hóa như Chi Lan của Sư, công đào huyện dẫn dắt

như ngày qua tháng lại, nên cũng rộng lớn. Ngài còn thông cả ngoại điển, khéo giỏi xích độc (âm nhạc). Chức từ nhuộm bút nhanh nhẹn dễ nhìn, những chỗ chiết giản đều là khuôn phép. Thêm vì phong độ Sư trầm xa, nhã lượng sâu rộng. Nói bàn dứt bặt đúng sai tâm sạch kia đây. Cao vợi như chất chồng lắm lớp nhọn, người chẳng thể trông nhìn. Với của cải tín thí chất chứa, tùy trường hợp sử dụng xả thí. Ngoài hai cách ra, không chứa để mảy may, chỉ có Luận Văn Đàm sớ chất đầy cả bàn ghế rương hòm mà thôi. Há chẳng phải bậc tài giỏi vượt tục, Chánh Sĩ thông phương sao? Nên Dương Đế (Dương Quảng) có ban sắc mọi thứ cần dùng trong lễ tang đều tùy nghi cung cấp đầy đủ. Ân lễ chu cấp rất ưu hậu. Và có đủ thuyền chèo để Vua cùng mọi người đón rước. Qua ngày mười ba tháng năm năm đó (602) lại đón rước về an táng tại làng Thù Du huyện Giang Dương, các Học sĩ Truyền nghiệp số lượng rất đông.

Ngài có nhân đệ tử là Sa-môn Trí Quả, bẩm thừa Di huấn, tình sâu nhớ xa, bèn cùng các bạn đồng học ghi chép các hành trạng, khắc bia dựng ở cửa chùa. Bí Thư chiếu cáo Xá nhân Ngô Thế Nam soạn Văn bia, Kim Tử Quan lục Đại phu Nội Sử thị lang Ngô Thế Cơ làm bài Minh, sự tích nầy thấy ở Biệt truyện.

4- Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ chùa Long Trì ở Nam Sơn:

Thích Đạo Phán, họ Quách, người ở xứ Thừa Thị thuộc Tào Châu. Năm ba tuổi, Sư chịu tang cha mẹ. Đến mười lăm tuổi, Sư tham học, trải qua sách sử, Sư lược thông Nho Đạo.

Năm mười chín tuổi, Sư phát tâm xuất gia, đến chỗ người anh bên ngoại mà xuống tóc. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đi khắp nơi tìm cầu bạn lành. Rất nhàm chán tục lụy, nên Sư dứt bặt tâm trở lại. Mỗi lúc xem đọc thấy tượng giáo lưu truyền phương Đông, Sư tỏ sắc mặt bùi ngùi vì chưa thấy linh tích, bỏ gốc về ngọn, chưa từng được nghe. Sư bèn mạnh mẽ phát tâm hướng đến Phật cảnh, thệ sẽ tới chiêm ngưỡng. Nên niên hiệu Càn Minh thứ nhất (560) thời Bắc Tề, Sư kết bạn tất cả hai mươi mốt người, phát xuất từ Nghiệp Đô, sắp đi qua Quan tái, Quan la nghiêm thiết, lại ánh trăng sáng soi chiếu, bèn lần lữa xoay vần, nghĩa đầu không nhảy vượt, bỗng gặp được mây giăng trăng ẩn, thừa cơ hội bóng tối mà lần qua nguy hiểm, lại gạp phải binh lính tuần du, đặc biệt được phóng thả. Đến niên hiệu Bảo Định thứ hai (562) thời Bắc Chu, Sư về đến kinh ấp. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) ban thưởng tiếp đãi trọng hậu, bèn mời Sư đến chùa Đại nghiệp, cúng dường nồng hậu và

Sư ở đó. Được hai năm, Sư bèn dâng sớ, xin tiếp theo chí nguyện trước, lại được vua chấp thuận. Vua Võ Đế lại sắc ban Quốc thư và lương thực đi đường. Sư đi về hướng Tây trải qua sa mạc khoảng năm ngàn dặm, nhìn quanh bốn phía mịt mờ, không hề có cỏ nước. Vì đói khát nên phải đi nhanh, qua bảy đêm thì đến nước Cao Xương. Đó là Tiểu phiền phụ thuộc Đột-quyết. Sư lại xin Quốc Thư, đi đến hướng Tây là Khả Hạn Sở (Hán dịch nghĩa là Thiên Trử Trị). Ở xứ đó không biết chúng tăng là gì, nên định làm hại, họ thêm người phòng vệ, chẳng cấp cho lương thực, lại không cho đi ra, góp gom hết củi rau trái, chỉ để cho đói chết. Có người sứ nước Chu can ngăn rằng: “Đây là Đệ tử Phật. Vua và các Đại thần ở nước chúng tôi vô cùng kính trọng cúng dường, Hễ chỗ nào các vị ấy đến thảy đều cung cấp cho dê ngựa rất nhiều!” Khả Hạn bèn vì vui mừng, mỗi ngày cấp cho bốn con dê dùng để ăn thường. Sư cùng Đồng bạn, v.v... thả Dê và tự nấu rau trái để ăn. Đã thấy các ngài không giết hại chúng sinh, lại không ăn uống rượu thịt, mọi việc làm đều khác. Bèn không cho đi tiếp về hướng Tây, mà cung cấp ngựa chuyên chở, sai người đưa trở về.

Về đến Trường An, các Ngài dừng ở chùa Càn Tông. Vì trước kia đang lúc cùng hiểm, không người tạo thức ăn, Sư bèn xả giới cụ túc, nay trở về lại kinh thất, sau đó bèn phục giới lại. Sư dừng ở năm năm, gặp được Pháp Sư Tĩnh Ái. Sư bèn dò hỏi Đạo vụ tuệ nghiệp cao sâu, ngầm trải qua năm châu. Sớm tối nghe hỏi, mới bước lên giai tiệm, gặp lúc Vua Võ Đế- thời Bắc Chu phá hủy Phật Pháp. Sư bèn cùng ngài Tĩnh Ái đến núi Thái Bạch lánh nạn. Với Đồng bạn tất cả hai mươi sáu người, ở chốn núi hang nhưng chẳng quên bỏ việc giảng trao. Với các Bộ Trung Luận, Bách Luận, Tứ Luận ngày đêm luôn nghiên tầm, chăm chăm kính răn. Tuy có lệnh nước nhà tru diệt nhưng chẳng đoái hoài sự chết ấy. Lại theo hướng Đông dẫn từ núi lớn đến Hoa Nhạc, hể chỗ nào đi đều trông theo mặt trời mà dự tham. Sư lìa Thất Khảo Sơn có hơn hai mươi cơ sở, nương theo đức hạnh của Ngài Tĩnh Ái làm Nguyên Tông nhập thất, trước sau suốt mười lăm năm theo đuổi không lìa bỏ. Về sau, ngài Tĩnh Ái thị tịch nơi hang cùng, để tỏ bày hộ pháp, Sư bèn ngậm lấy rau độc phụng tiếp Di cốt xây tháp lập Bia minh khắc vào vách hang núi. Thiên nguyên tiếp tự lịch, thay đổi tà phong, lập một trăm hai mươi người làm Bồ-tát tăng. Sư nằm trong số đó. Ban đầu đến trụ chùa Trắc Hổ. Đến lúc nhà Tùy vâng mạng mở rộng Phật pháp, mới đổi tên là chùa Đại Hưng Thiện.

Sư là bậc đạo hạnh cao vượt tăng đồ, trải qua tất cả các cương

nhậm. Bộ nhiếp thường luân có khuôn phép trước tỏ sáng. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, tại Đông Lãnh ở Giao Cố thuộc núi Chung Nam, có cái ao tên là Dã Trư, tỏa vầng mây lành phủ đến đất liền. Đích thân Sư tự đi đến đó, bèn có thể làm thành nơi để nương gá tâm. Nhân đó, ngài kết cỏ làm am, nhóm chúng giảng pháp. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc sai Đạt Chi Thị Lang Lý Thế Sư cùng Lam Công- người Thiên Trúc đến tạo lập Viện phòng, thường phải cung phụng. Biết Sư Đạo nghiệp sâu rộng nên vua ban biển hiệu chùa là "Long Trì". Đại Tướng Quân Vân Định Hưng nguyện làm Đàn Việt cung cấp bốn thứ cần dùng không trái hai thời. Thị lang Độc Cô Cơ hưởng phụng âm du, ở khu vườn sau nhà riêng lập Trai Vũ, thỉnh Sư đến nghỉ ở, suốt ngày làm việc, bẩm thọ giới Pháp. Tiết Quốc Công cùng phu nhân Trinh thị sớm kính phụng thanh huấn, năm khác đến núi được nhận giới răn, giải quyết thông suốt mọi điều thắc mắc.

Đến ngày mồng bốn tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, vào lúc sáng sớm, Sư thị tịch tại chùa núi, thọ tám mươi bốn tuổi.

Ban đầu, Sư khai pháp cho những người cơ sơ, tánh quen với suối rừng, ít muốn, không đua tranh, thích sống kiệm nhiếp, thực hành ức Từ, cứu giúp kẻ thiếu thốn, đó là điều Sư thường lưu tâm. Vượt qua gian khổ, thoát khỏi nguy ách lại càng là Bổn ý của chính Sư. Nên những lúc đến mùa lúa chín Sư đi khất thực về dự trữ thật nhiều, tới thời tuyết phủ khắp núi, Sư sai bảo ban thí cho các loài chim bay thú chạy. Do đó, những người bạn núi hay Du tăng được Sư giúp đỡ rất nhiều. Lại nữa, Sư ăn uống không kén chọn mùi vị, cả đời không bị bệnh, việc Tăng sự nhọc nhằn trông coi, tự thân thực hành trước. và việc hoằng Đạo ở triều Sư bền bỉ không biếng trễ. Tuy tạm vân du trong thế tục mà thường trở về thất núi. Đó cũng là học Quán của Nham tụ.

5- Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ tại chùa Ngộ Chân ở núi Chung Nam:

Thích Tịnh Nghiệp, họ Sử, người ở đất Tùy xứ Đông Hán. Năm tuổi vào Tiểu học, Sư thích mặc y phục của người xuất gia, cả xóm làng đều vui mừng, cùng gọi Sư là Hiền giả. Vừa tuổi chuyên kinh, Sư cắt ái xuất gia, nghiêm tịnh dưỡng tu oai nghi như sương mài băng sạch. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến Hà Nội, siêng năng nghiên cứu luật bộ, thông cả Dị Văn.

Bấy giờ, có Luận Sư Tuệ Viễn là bậc dựng Đức ở Chương hà, truyền hương thơm khắp y lạc. Vừa gặp được người Thanh Nhĩ. Sư liền phô bày Đạo kính thầy, học các kinh Niết-bàn, v.v... đều là phẩm chước đến cùng, hoằng tuyên Đại Chỉ, nhưng Sư lo rằng Văn rộng công lược, chương cú chưa lìa! Mãi đến lúc ngài Tuệ Viễn vâng chiếu vào quan, Sư cũng mang kinh luận nương theo. Trước sau thừa hưởng cùng tận được lý sâu. Về sau, Sư đến chỗ Thiền sư Đàm Thiện học tập Nhiếp Luận. Ngài Đàm Thiên là bậc khí vũ cao thoáng, tường nhận sâu rộng, biết khắp mọi người, đồng mở mang nhạo thuyết, mừng Sư là người toàn ngưỡng, rất mực chí thành, mới vì nghiêng mình dẫn dắt. Sư hễ nghe thì liền kính thọ, khắc vào tấc lòng.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư cao bước đến núi Phú Xa ở Lam Điền, trải chiếu tham cứu u vi, có chí hướng muốn trọn đời ở đó. Các hàng Thanh tín cư sĩ kính vái truyền giới, dựng lập sơn phòng cho Sư ở, rất mực chí thành phụng dưỡng, treo hiểm cưỡi cao, sửa thông núi đẹp. Nay tức là chùa Ngộ Chân. Sư chính là người bên trong trầm lắng, bên ngoài ảnh hưởng lừng danh.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư được đặc cử đón rước Xá-lợi đến chùa Cảnh Tạng ở An Châu. Ban đầu đi khắp các chùa trong Châu, Sư muốn xây dựng tháp ở chùa Thập Lực. Nhưng đi đến chùa Cảnh Tạng, bỗng nhiên cảm có mùi thơm lạ. Nhân đó mà Sư dựng lập ở đây. Đến lúc sắp tôn trí Xá-lợi, vào thì có ánh sáng mầu đỏ tỏa ra soi chiếu cả người vật. Phía trên tầng các của chùa nghe có tiếng nhiều người đi, nhưng sang đón bắt thì hoàn toàn yên lặng như lúc đầu, không thấy có một người. Lại nữa, ở phía Bắc của tháp báu có một cái ao, Sa-môn Tịnh Phạm vì các kẻ tăng người tục mà truyền cho thọ giới Bồ-tát, bèn có một đàn cá bơi nhảy, đầu đều xoay về hướng Nam, dường như muốn thọ quy tướng. Ngài Tịnh Phạm bèn ngồi thuyền xuống nước, vì đàn cá mà trao truyền giới Pháp. Đàn Cả đều xoay đầu bơi nhiễu quanh thuyền như có nghe thọ, không tỏ vẻ khiếp sợ. Sư vui mừng với cảnh ngộ ấy, mới thỉnh Xá-lợi tôn trí nơi Phật Đường. Trước đó, có một pho Tượng Bồ-tát được đắp vẽ, không thể chuyển dời, nhưng đến sáng ngày hôm nay, mới thấy tôn tượng xoay thân hướng mặt về phía Xá-lợi, tướng trạng tự nhiên không một hư tổn. Sư thường hiện khởi những điềm lành riêng, truyền nói không thể hết.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) mời Sư vào Hồng Lô Quán, dạy bảo rất đông Chư tăng. Niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Vua Dương Đế lại thỉnh

Sư đến trụ chùa Thiền Định, liền quạt dần dà. Thời gian dần trôi, tâm hồn dần thanh thản. Sau, Sư muốn trở về nơi cốc thâm sâu nên cáo từ những người đồng học rằng: “Trong chuyến đi này, không bao giờ trở lại!”. Sư giã biệt chưa tới mười ngày thì nghe Sư đã thị tịch, thọ năm mươi ba tuổi. Thật ngài thấu đạt sự sống, biết rõ mạng mình đến như thế! Lúc đó nhằm ngày mười tám tháng hai niên hiệu Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy. Sư để lộ bày nhục thân dưới gốc thông.

Ban đầu, Sư thần thái ôn hòa, cử chỉ ung dung, thuần nhân chuộng Đức. Có phong cách của bậc Cổ Hiền. Sư rất ưa thích phương thuật, bỏ hạt luyện thân, như nước ngọc mây châu, giúp Thần dưỡng khí, cuối cùng cũng chẳng phải chỗ trị ấy, luống chuyển tải tiếng thơm, nghiêm khiết chính mình, trong sạch trinh thuần, để vì truyền đức.

6- Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Đồng Chân, họ Lý, Tổ tiên xa xưa của Sư là người xứ Lũng Tây, đến ngụ ở tại Phố Bảng thuộc Hà Đông. Thưở thiếu thời, Sư nhàm chán sinh tử, mong cầu tâm được thường trí, bèn đến chỗ Pháp sư Đàm Diên thỉnh cầu làm bậc thầy khuôn phép cho mình. Sư góp nhặt những điều tốt đẹp của Huyền Nho, anh du tú cở. Từ khi thọ giới Cụ Túc về sau, Sư quy tông luật cú, sau nữa, Sư lại trải qua kinh luận. Thông rành giáo điển Đại thừa, rất giỏi Kinh Niết-bàn, luận bàn về nghĩa lý đó. Sư thường ở tại chùa Diên Hưng, giảng nói hoằng hóa không ngừng nghỉ. Thính chúng thường có đến cả ngàn vị, mỗi người đều nêu lệnh vọng, rõ ràng tiếng tăm Sư vang cao, tiếp vết ở bậc Thầy.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương khiêm) ban sắc thỉnh Sư đến ở chùa Đại hưng Thiện, đối chiếu phiên dịch bản Phạm. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) Vua Văn Đế lại riêng ban chiếu cử Sư làm người đứng đầu chúng Niết-bàn. Sư bày giải Văn nghĩa, rất hợp tâm của Đại chúng, mà tánh độ Sư luôn là khuôn phép ngay thẳng, khéo ngự nhiếp đại chúng. Không làm bạn với phi loại, chỉ có đức hạnh là đáng kính trọng.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc khắp trong nước đều xây tháp, trước sau ở các Châu có tất cả một trăm mười một cơ sở, đều đón rước Xá-lợi đến phụng thờ, đả sát khuyến khóa, sửa xây khéo léo. Sư thật là bậc Đức vương đương thời. Vua ban sắc cử Sư đến Ung Châu để xây tháp. Sư bèn rước Xá-lợi đến chùa Tiên Du ở núi Chung Nam, tức là nơi ngày xưa tương truyền rằng: “Con

gái của Tần Mục Vương tên là Lộng Ngọc tập tu phép Tiên, bay lên mây." Ban đầu, trong khoảng tháng mười, Sư từ Kinh đô đi đến chùa, giữa đường gặp phải mưa tuyết rơi khắp, tràn lấp cả người vật, chỉ riêng trên kiệu Xá-lợi thì không thấm ướt. Mọi người đều lấy làm lạ. Chùa ở Xung Cốc, nên đêm ngày gió chấn động. Từ khi Linh Cốt Xá-lợi vừa mới rước đến cho đến khi đặt Xá-lợi vào và lấp bít xong, tự nhiên đều lặng lẽ, đèn đuốc ngời sáng khắp cùng núi hang. Thêm vì mây phủ bít khắp bốn phía, mưa tuyết đều rơi, mong cho mưa tạnh thấy mặt trời, bèn có phù khế bày hạn. Sư bèn tự tay bưng lấy lò hương và phát đại nguyện, đến lúc hạ, bèn có ánh sáng mặt trời ngày đông soi chiếu. Bấy giờ, đang giữa giờ Ngọ, kẻ tăng người tục thảy đều vui mừng. Đến khi tôn trí Xá-lợi, mọi việc hoàn thành thì mây mưa lại nhóm tụ. Đại chúng đồng ngợi khen tâm Sư có sự Minh cảm đến như vậy.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, xây dựng chùa Đại Thiền Định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư làm Đạo tràng Chủ. Sư cố từ chối nhiều năm nhưng không được, bèn phải đến đó. Còn vỗ về trên dưới, có tiếng là Tăng Cang. Lại vì Kinh Niết-bàn là vốn chuyên của Sư nên thường chuyên việc giảng rộng, thiết bày ngôn lệnh, thường nương vào Văn đó. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ bảy mươi mốt tuổi.

Sư có hoài bão tiết tháo, cõi lòng sáng rỡ, bạn bè phụ gá dòng cao, đồ chúng hèn thấp, tánh Sư chẳng nghiêng đổi dời. Chùa đã mới lập, các hàng Tể phụ đều giao xen, long trọng ở lòng, chưa hề đón rước, tình khái thiên biểu, rốt cùng khó biến tiết. Đang lúc thọ trai, giữa chúng tăng có gần bốn trăm vị, bỗng nhiên tại chỗ quan trọng trong trai đường lớn lửa cháy dữ dội, tiếng nổ như sấm động, cả chúng kinh hãi bỏ chạy tán loạn, đều bảo là nhà sập, và cùng nhau mang chân không mà chạy ra hết, chỉ còn một mình Sư ngồi yên cầm thìa mà ăn, dung khí chẳng đổi thay, như không thấy nghe gì cả. Sư còn vì thương những người nghèo khổ bệnh tật, xả bỏ y vật mà cứu giúp, lại tự thân lo việc chăm sóc trông coi. Đó là điều cùng mừng vui ở thời bấy giờ. Sư cương nhu đều tốt lành.

7- Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Linh Cán, họ Lý, người ở xứ Địch Đạo thuộc Kim Thành. Ông nội của Sư tên là Tướng, được phong ở Thượng Đảng, bèn theo sự

ban phong mà dời chỗ ở. Sư mới mười tuổi mà thích nghe Pháp yếu, bèn đến chùa xem, tỏ vẻ mừng vui trái với thế tục, cha mẹ Sư chẳng làm trái ý con mình.

Năm mười bốn tuổi, Sư đến chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Kinh, làm đệ tử Pháp Sư Diễn. Ngày đêm vâng thờ không biếng trễ chút thời gian. Thường khi vào giảng đường, Sư tưởng như đang ở trên cõi trời không khác. Năm mười tám tuổi, Sư đáp giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa. Ban đầu Khai Tông bổn, bày hội tinh cầu, mọi người đều lấy làm lạ. Sư lại đáp kháng những điều bén nhọn không vấp váp trở ngại, chúng càng mừng vui ngợi khen. Đến năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc, chuyên Chí Tỳ-ni, lập tánh, cung kính, tự nhiếp mà thành tiết tháo. Ba nghiệp hộ trì, đều giữ già Tánh. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt phật pháp, phế bỏ cả Nhân từ. Sư bèn ở nhà kính phụng giới pháp, nghi thể không mất. Đến đời Tùy, phục hưng ánh sáng mặt trời Phật. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 đời Tùy) có ban sắc lựa chọn vào trong số Bồ-tát Tăng. Quan cấp cho y bát, an trí ở chùa Thiếu Lâm. Tuy đội ân cúng dường nồng hậu mà hình nghi vẫn đồng như thế tục. Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Sư đến chùa Tịnh Độ ở Lạc Châu, mới được xuống tóc. Việc xuất gia nêu tướng từ đó rất thạnh hành. Có Pháp sư Hải Ngọc giảng Kinh Hoa Nghiêm, chúng tăng khắp bốn phương tìm đến kết tụ để làm hưng thạnh kinh ấy. Sư bèn ở trong chúng đó, giảng nói kinh Hoa Nghiêm. Những vị đầu chúng ở Đông Hạ đều ngợi khen. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, nhân tu bắt đầu ở Đạo nghiệp và sự học rộng ngày trước, nên Sư được vua ban sắc cử đến trụ chùa Hưng Thiện, làm sa-môn dịch kinh chứng nghĩa.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Sư bị chết giấc, chỉ còn trái tim còn nóng, nên mọi người chưa dám tẩm liệm. Sau Sư tỉnh lại, kể rằng: “Đầu tiên thấy hai người trên tay cầm Văn thư đến đứng trước cửa phòng bảo rằng: “Quan cần gặp Sư!” Trong chốc lát đã cùng nhau đồng đi, tướng trạng tợ như nương cưỡi giữa hư không, chân không dẫm đất, đến một khu vườn rộng lớn, cây rừng toàn là bảy báu trang nghiêm như họa vẽ, hai người đưa Sư đến rồi từ giã mà lui. Riêng một mình, Sư bước vào vườn rảo khắp đông tây, chỉ thấy đất rừng, núi ao đều là châu báu, chói lọi cả mắt, không thể nhìn kỹ. Dưới cây cỏ tòa hoa, hoặc có người ngồi, hoặc không ai ngồi. Bỗng nghe có tiếng người gọi: “Linh Cán! Ông hãy lại đây?” Sư bèn lần theo tiếng gọi mà đến, thì ra đó là Pháp Sư Tuệ Viễn. Pháp Sư nói: “Đây là cung trời Đâu-suất-

đà, ta cùng Pháp sư Tăng Hưu đồng sinh ở đây. Tòa đầu kế tiếp Ta ở phía Nam, đó là pháp sư Tăng Hưu!" Hình tướng ngài Tuệ Viễn và ngài Tăng Hưu đều chẳng phải bổn thân, trên đầu đội mũ trời, mặc áo đỏ tím, sáng rực hùng vĩ khác hẳn ở thế gian. Chỉ có tiếng nói là y như cũ nên có thể nhận biết được. Ngài Tuệ Viễn lại bảo với Sư rằng: "Ông và đệ tử của ta sau này đều sinh lên đây!" Nhân đó Sư giác ngộ, càng thêm nghiệp cũ, đoan nhiên Quán hạnh, bặt giao với người vật.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy. Sư được cử đảm nhận việc chùa. Vốn chẳng phải điều mà tâm Sư ước mong. Mà lại phải làm theo! Năm đó, Sư lại vâng sắc rước Xá-lợi đến Lạc châu, Sư liền xây tháp tại chùa Hán Vương. Ban đầu mới đến, nơi chỗ tháp thường phát ra ánh sáng Thần, gió thổi đèn tắt, mà suốt đêm sáng rực, không cần đến đèn đuốc soi chiếu. Lại ngửi có mùi thơm khác lạ theo gió bay đến. Kẻ tăng người tục thảy cùng ngửi thấy. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc đặt Xá-lợi, thì khắp trong chùa viện cây lá đều héo úa, chim quạ kêu buồn, đến khi khỏa lấp xong mới trở lại như ngày thường. Bấy giờ, Hán Vương Lượng đang trấn nhậm tại Tấn Dương, nhân Sư xây dựng tháp tại chùa của mình, bèn từ xa sai Trung Sứ đưa đến ban tặng mọi vật. Sư giỏi về Thế số, nhanh nhẹn khéo léo, biện rót khó thêm, thường vì Hiến Hậu mà soạn sám, Vua Văn Đế trong tâm càng thêm cảm mến, sùi sụt thấm ướt, mới ban tặng Sư hai trăm xấp gấm lụa, dùng để tiêu biểu cho sự kính ngưỡng lớn lao.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, xây dựng chùa Đại Thiền Định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) có ban sắc chọn Sư làm Thượng tọa ở Đạo tràng. Tăng Đồ hưng thạnh rất đông đảo, không thể tính kể ràng tường tận. Đến ngày mười chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. Kẻ tăng người tục mang cờ lọng cùng theo nhau đến, bèn cử hành lễ trà-tỳ tại phía Bắc núi Chung Nam.

Ban đầu, Chí Sư kính phụng kinh giáo Hoa Nghiêm, thường y theo bản kinh mà thiết lập Liên Hoa Tạng thế giới Hải Quán và Di lặc Thiên cung Quán. Đến lúc bệnh đã trở nặng, tròng mắt Sư nhìn lên, chẳng đối diện với người, hồi lâu rũ xuống đoái nhìn như ngày thường. Sa-môn Đồng Chân đến thăm hỏi bệnh Sư, vì thấy tướng đó. Sư bảo với Ngài Đồng Chân rằng: "Ngược lên trông thấy có hai đồng tử mặc áo xanh đến rước mời, bèn cùng theo đi, đến ngoài thành cung trời Đâu-suất, chưa được bước vào Nội cung. Nếu nhón chân lên nhìn thì thấy trong thành có cây báu, lọng đẹp, nếu đứng bình thường thì không trông thấy

gì cả!" Người chăm sóc bệnh Sư nói rằng: "Vừa rồi Sư nhìn lên là tướng ấy vậy!" Ngài Đồng Chân bảo rằng: "Nếu thế tức vãng sinh về đó, là toại Bổn nguyện!" Ngài bảo: "An lạc ở cõi trời chẳng được lâu dài, cuối cùng sẽ rơi lại trong luân hồi. Thế giới Liên Hoa Tạng mới thật là chỗ ước mong!" Sau đó không lâu Sư bèn dứt hơi thở rồi bỗng chốc trở lại như cũ. Ngài Đồng Chân hỏi: "Thấy được gì ư?" Sư đáp: "Thấy nước lớn đầy khắp, hoa sen lớn như bánh xe, Tôi ngồi ở trên. Đó là sở nguyện đầy đủ!" Bỗng nhiên, Sư liền thị tịch.

Có Sa-môn Linh Biện tức là Du Tử của Sư. Thuở thiếu thời ít dưỡng nuôi, chỉ dùng Nghĩa phương mà răn dạy, dẫn tại Đạo vị, lại thông hiểu Đại Điển. Nay hiện ở tại chùa Thắng Quang, Chúng tăng bàn luận về nghiệp hạnh, đề cử trông coi cương nhậm, mở mang dẫn dạy Giáo nghĩa Hoa Nghiêm, nổi tiếng ở Đế lý.

8- Truyện ngài Thích Kính Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Kính Thoát, không rõ Sư họ gì. Sư là người ở Quận Cấp. Sư xuất gia từ thời niên thiếu, tánh tình hiếu hạnh trong sạch, thẳng ngay rất nổi tiếng. Tuy gồm nghiên cứu cả giáo nghĩa Đại thừa, Tiểu thừa, nhưng Sư riêng thông hiểu về Luận Thành Thật. Giảng giải khắp cảnh chẳng thiếu lời hỏi, mở bày rộng thuật, chương sớ đều mới, thật đáng làm nơi quy tông kính ngưỡng cho hàng hậu học! Văn Chương Thiên Thập rất dự thwo lớp, đồng ở trong phòng viện ít thấy nói bàn dư thừa, tay chẳng rời Quyển sách, chuyên bàn việc rộng, oai nghi sửa đổi khônh hề nhìn ngược lại. thân rất cao lớn sung mãn Viên thành. Bấy giờ mọi người cùng chú ý đến cho là vị tăng tài giỏi. Có người tấu đạt đến vua, mới truy tìm thỉnh Sư đến trụ chùa Tuệ Nhật. Khắp bốn biển cùng ngang hàng, Sư lại không đua tranh, Chí tiết bền vững rất là xứng thủ. Vua muốn thử các vị Đại đức xem ai thật sự là người cương lượng, bèn cho mời vào hết trong điện Nguyên Võ, rồi sai Giám môn Lang Tướng Đoàn Văn Tháo rút dao đuổi rượt. Các Đại đức đều bảo chạy đi mau, chỉ riêng mình Sư từ từ thả bước như thường. Sư bảo với Đoàn Văn Tháo rằng: "Ông vì việc gì mà quýnh lên như vậy?" Đến lúc vào trong điện, Sư ngồi vào nói luận Phật lý. Vua nhìn Đoàn Văn Tháo mà bảo rằng: "Chúng tăng vốn chẳng biết pháp thế tục, giám môn (người gác cửa) làm sao có quyền thúc giục được?" Riêng lấy làm lạ về chí lớn của Sư, Vua bèn ban tặng quạt trúc lớn, mặt rộng ba thước, bảo Sư nắm lấy để dùng. Lại ban tặng giày gỗ thông bọc cao, bảo Sư mang ngay trong

cung mà đi ra. Vua đích thân tự đưa tiễn và nói với Sư rằng: "Thật là vị tăng tài giỏi!" Từ đó về sau, Sư thường mở mang giảng giải Luận Thành Thật, không đổi thay thứ lớp.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hồng Lô ở Đông Đô, thọ sáu mươi ba tuổi.

Từ lúc Sư bắt đầu đi học, thường thực hành đặt mẹ ở một đầu gánh, Kinh sách và bút lại đặt ở một đầu gánh. Nếu đến lúc thọ trai thì Sư để mẹ nghỉ lại dưới gốc cây, còn Sư vào xóm khất thực. Sư có cây bút rất lớn thô như cánh tay dài độ ba thước, một chữ phương trượng không ai chẳng suy cao. Nếu có người đến xin viết, mỗi trang giấy Sư chỉ đề một chữ. Phong lực bền chắc vượt xa, ngắm nhìn thật chẳng nhàm chán. Sư đều viết trên các vách tường để qua lại xem xét. Các tấm biển gạch ở Đông Đô đều do Sư viết cả. Hễ một lần phóng bút thì không bao giờ còn phải sửa lại.

Bấy giờ, tại chùa Tuệ Nhật có sa-môn Pháp Lăng chỉ giảng nói Địa luận, soạn thuật sớ ký, tiếng tăm xứng với tên gọi, được coi trọng trong đạo tràng. Mãi đến lúc Sư thị tịch, tăng chúng mới phô bày tấu trình. Vua rất buồn thương quý tiếc. Tất cả mọi việc cần thiết trong lễ tang đều do Thiên phủ ban cấp.

9- Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô:

Thích Thiện Trụ, họ Hoài, người ở xứ Doanh Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, thông minh dễ ngộ, cơ đạt chuyên tâm, dự qua các giảng hội, thấu rõ Huyền Cực. Luận Đại Trí Độ, Kinh Niết-bàn Sư tiếp nối chú thích biết bao nhiêu lần. Trải qua nhiều năm đói kém, khất thực là việc khó khăn, mỗi ngày chỉ ăn một cái bánh để kéo dài mạng sống. Thân hình Sư rất gầy ốm, mọi người chẳng biết Sư bao nhiêu tuổi.

Sư đi đến một ngôi chùa, nghe giảng Kinh Niết-bàn, nhân đó luận nghĩa, chỉ mới được ba phen mà Pháp sư trên tòa cao không mở giải, được chỉ cúi đầu nín lặng. Đồ chúng hơn ngàn vì đều đứng nép bên giảng tịch, phải đỡ Pháp sư xuống, khi về đến trong phòng, Pháp sư lặng lẽ thị tịch. Khi Sư luận nghĩa xong bèn liền đi ra, không hề hay biết việc ấy. Qua hôm sau, Sư lại đến, mới thấy làm các thứ tang cụ. Nhân đó, Sư hỏi về nguyên do, Chư tăng mới bảo là: "Hôm qua, Pháp Sư bị một vị tăng ở phương Bắc hỏi vặn, mới do đó mà bị chết!" Mọi người không biết về Sư, nên chẳng bắt bớ. Sư nghe nói vậy, bèn tự xét mà thối lui và ngầm trốn. Qua mấy ngày sau, lại gặp một vị tăng người nước Trần cũng giấu mà đến chỗ giảng khác. Sư luận nghĩa, không điều gì chẳng

đến cùng, chịu khuất mà ngã chết có đến ba vị, do đó mà tiếng tăm Sư chấn động trong đời, sáng rực khắp Ngô Việt.

Đếu đầu đời Tùy, Sư đi theo hướng Bắc, đến nương tựa Pháp Sư Viễn chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Ấp. Thính chúng ở đó có đến ngàn vị, đều là những vị tài giỏi vang tiếng một thời, mà Sư đáp thuật dựng lập nghĩa thần thái tú phát, riêng cùng thầy luận bàn vấn nạn khéo thông lời giải. Pháp Sư Viễn soạn Niết-bàn Văn Sớ, mà ý Sư chưa muốn truyền bá, tự tay cầm bút sửa đổi phân bày, chia ra thành pho quyển, soi xét nghĩa lý sâu mầu, lợi ích không thiếu sót. Pháp sư Viễn nghe vậy, bảo Sư rằng: "Ta biết ông khả năng tư duy không ai vượt hơn, vì sao đối với ta mà sửa đổi, tưởng có mưu đồ riêng có thể được ư?" Sư đáp: "Nếu đời chờ Pháp sư thị tịch mới có sửa chữa phân định, thì hư danh của Thiện Trụ con không bao giờ thực lục." Pháp sư Viễn bèn chấp thuận. Văn sớ cuối cùng đã hoàn thành, phân tông đúc nắn ở đời, có trình bày khác lạ. Sau khi Pháp Sư Viễn thị tịch, Sư được sắc ban trụ chùa Tịnh Ảnh, làm Niết-bàn chúng chủ.

Vào cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Thục Vương Tú trấn bộ tại Lương Ích, dẫn Sư cùng đi, khắp các xứ Mân Ba trông vọng đức hạnh Sư mà ngày một quy hướng thành việc. Mãi đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Sư trở lại Quan Trung, ở xứ Thục hễ có tài vật thì Sư tu tạo tôn trượng, trang sức tòa ngồi, là bậc đẹp tuyệt danh sĩ, trong đời không ai sánh bằng. Đường trải qua lắm nguy ách mà bước đi đều đến. Vừa tới kinh đô bèn lập bày cúng dường để làm khuôn phép.

Gặp thời gian Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy xây dựng tháp, ban sắc cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Hoa Lâm ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu. Giá kiệu trang nghiêm sắp đến, chiêu cảm có tám con heo xung thẳng đến dưới kiệu theo đi đến Quán, xua đuổi nó mới chạy nhưng vẫn trở lại như cũ. Dần tới Thành Trị, có bốn con ong mầu đen thân hình lớn mạnh, bay nhiễu quanh theo kiệu mấy vòng rồi bay thẳng đi. Khi đã đến Châu Quán, ban đêm phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trên nhà, như lửa dữ cháy bùng, chỉ chừng khoảng bữa ăn thì tắt. Lại nữa, đào nền tháp xuống sâu hơn một trượng đúng ngay chỗ hộp, có được một chiếc bình sứ cổ, không nắp đậy, nước lắng trong, có mùi thơm, rất xinh đẹp, bèn tôn trí vào trong hộp. Lại nữa, tại chùa đó có ngôi tháp chín tầng, từ góc phía Tây Nam ở cấp thứ hai phát ra ánh sáng, phía trên soi chiếu tướng xoay tròn như năm hũ đá, mầu vàng đỏ như lửa hồi lâu mới tắt. Lại nữa, pho tượng Di-lặc ở tại giảng đường

cũng phát ra ánh sáng mầu tím giữa hai đầu chân mày và tôn tượng hai vị Bồ-tát cũng phát ra ánh sáng mầu đỏ chiếu soi cùng khắp chùa viện. Trước sau có đến bảy lượt mọi người cùng trông thấy, trừ người không đến.

Vào khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, xây dựng chùa Thiền định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh mời khắp các vị danh tăng thạc đức. Sư lại được trúng tuyển chọn cao, đến trụ chùa Thiền Định, thường khai mở Pháp tịch, truyền hưởng hợp nhau, vì bị bệnh phong nên môi miệng Sư méo lệch. Người đương thời cho rằng: "Bởi ngài sửa văn sớ của Viễn Công nên phải bị như vậy!" Ban đầu Pháp Sư Viễn chia Kinh Niết-bàn thành năm phần, phần cuối là phần "Xà Duy", Sư tìm đó để chọn nghĩa và đổi thành bảy phần, không có phần "Xà-duy", mà phần thứ bảy đề là Phần "Kết Hóa quy Tông". Từ lúc Sư bị bệnh phong trải qua nhiều năm mà các vấn cật nạn vẫn bình thường. Làm cho các hàng học sĩ đều kinh sợ. Sau, tự nhiên bệnh phong dứt hẳn, miệng Sư trở lại như bình thường. Sư bảo rằng: "Bệnh ta đã lành ắt mạng sống ta sắp dứt. Đó không có gì lấy làm lạ, Lý số tự nhiên như thế."

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư muốn trở về lại chùa cũ, chư tăng không chịu, Sư bèn nhét đất đầy miệng, muốn tự tìm lấy cái chết. Chúng tăng cả chùa thấy chí khí Sư quá cương quyết, phải đành lòng vâng theo. Đến tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi mốt tuổi.

Lúc bệnh vừa lành, Sư bảo với đệ tử rằng: "Một đời ta, tâm tưởng thường luôn Chánh tín, đối với nghĩa Lý Phật dạy không hề sinh tâm khinh thường. chẳng lo Tịnh Độ ta không được sinh!". Và liền bảo quét dọn phòng nhà, đốt hương trang nghiêm chờ đợi. Từ lúc bị bệnh về sau trải qua nhiều ngày chỉ nằm một nơi không dậy được, bỗng nhiên lúc đó Sư tự ngồi dậy chấp tay, bảo với thị giả rằng: "An Trí tòa Thế Tôn", và miệng Sư tự nói: "Đức Thế Tôn đã đến! Thiện Trụ con nay xin sám hối hổ thẹn!" Như vậy, hồi lâu rồi Sư lại nói: "Đức Thế Tôn đã đi!" Sư cúi mình như thể đưa tiễn. Nhân nằm xuống, Sư lại bảo rằng: "Mới đến đó là Đức Phật A-di-đà các ông có thấy chăng? Không bao lâu nữa, ta sẽ đi!" Nói xong chừng khoảnh khắc, Sư bèn thị tịch. An táng ở ven núi phía Bắc của Vi khúc, thuộc phía Nam Thành, tuân theo Di lệnh của Sư! Sư có đệ tử là Sa-môn Tuệ oai ở chùa Đại Tổng Trì, giảng tìm tông tích, nổi tiếng ở tại Kinh thất.

10- Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô:

Thích Biện Tướng, họ Sử, người ở xứ Doanh Châu. Tánh Sư ưa thích rỗng rang tĩnh lặng. Nhờ vân du nghe học mà nổi tiếng, sự nghiệp bao gồm kinh thuật. Khắp xứ Tề Triệu đều tỏa ngát hương thơm đạo nghiệp. Sau, Sư trở lại Lạc Hạ trải qua các pháp tịch, lại đến Thiếu Lâm nương tựa, ngài Tuệ Viễn cầu học Thập Địa, Tam tạng thánh điển Đại thừa, Tiểu thừa. Sư đọc xem khắp cùng nhưng đối với một Bộ Kinh Niết-bàn nghiệm xét tỉ mỉ rất nổi tiếng. Về sau, Sư đi về hướng Nam, đến Từ châu. Sư lại tham cứu Nhiếp Luận cho đến Tỳ-đàm, đều vạch bày hết chỗ tinh nghệ, nổi tiếng tới Đông Nhưỡng, tỏa sáng học hỏi giữa thầy trò, mọi người đều quy hướng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư theo Viễn Công đến đất Phụ, mới đầu trụ chùa Tịnh Ảnh, đối giảng rộng thông. Tâm trụ trong nhân hiếu, Sư luôn kính ngưỡng nối tiếp vết thầy. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, gặp lúc xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Đại Võ ở Việt Châu. Người dân hớn hở vui mừng được trông thấy di thân. Chưa đến lúc đem ra mà ánh sáng tự phát ra hiện đủ cả bốn mầu xanh vàng đỏ trắng, chiếu soi rõ khắp phía ngoài. Bảy chúng đều ngợi khen mừng vui, Tâm ưu việt luôn khởi động. Lại nữa, ở bên cạnh núi có một bụi cỏ chi mầu tím dài hai thước ba phân, bốn cành ba lọng, mầu sắc sáng đẹp khác thường.

Sau đó, Sư trở lại kinh đô, mở rộng pháp tịch, các hàng học sĩ thường đến nghe học có hơn trăm người, đồng thời được lãnh tụ ở đương thời, gần gũi vâng thừa âm cáo. Đến đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy. Vua Dương Đế (Dương Quảng) thỉnh Sư vào Dương Đô ở nội đạo tràng, giảng nói mở mang như cũ. Vì Trịnh ủng bức đồng Cố lạc bến. Đến đầu niện hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Sư được Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc nhọc mời trở lại kinh thất, mở mang kinh luận, khai mở tâm cho người mới học. Xưa kia, Vua Cao Tổ lúc đang tại Hoằng nghĩa, rất kính trọng các bậc minh đức, mời vào trong cung, trọn đêm luận bàn giáo pháp, cảm động đến lòng Vua, vua bèn ban tặng tích trượng xinh đẹp. Vua Cao Tổ mời Sư trụ tại chùa Thắng Quang. Chùa đó do Tần Quốc cúng dường. Nên Sư vì ở đó. Sau đó nhờ vốn nghiệp giúp đỡ, nên cửa tuệ mới mở. Sư kính mến chùa Tịnh Ảnh bèn đến giảng nói, lại xả bỏ những gì còn lại, hình tượng Viễn Công để lại thường luôn kính lễ, dùng làm khuôn phép.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh

ràng buộc thân hình, nhưng không biết làm cách nào để xả bỏ hình hài, Sư bèn ẩn lánh thị giả, tự thắt cổ mà qua đời tại khuôn viên chùa, thọ ngoài bảy mươi tuổi.

Ngài là người thuần tố, hình dáng trắng đẹp, mặt mày trong sáng, nghi chỉ nhàn thái, bàn luận danh lý, tiếp chóng từ nghĩa rất có Thần thái.

11- Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô:

Thích Bảo Tập, người xứ Bối Châu, là đệ tử Tam Tạng Pháp Sư Tăng Hưu ở Ung Châu. Ngài Tăng Hưu là bậc thông đạt minh giải, thần lý vượt xa. Cuối thời nhà Tề, tiếng tăm Ngài vang rộng khắp đông độ, ngày nhà (Bắc) Chu phá diệt nhà (Bắc) Tề, Ngài Tăng Hưu ở ẩn tại Bổn Châu, đến lúc Thiên Nguyên nối tiếp ngôi vị, bắt đầu mở mang Phật Pháp, Ngài Tăng Hưu mới vâng chiếu làm Bồ-tát Tăng, cùng các Sa-môn Tuân, Viễn, v.v... đồng trụ ở chùa Trắc Hổ. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) mời Sư vào kinh đô trụ chùa Đại Hưng Thiện.

Năm mười tám tuổi Sư đến quy y và chuyên việc tụng kinh. Sau, nghe giảng các kinh luận, Sư chỉ lấy luận Đại Trí Độ làm chính, ban trải ảnh hưởng khắp Quan Đông, nổi tiếng cùng các vị tài giỏi ở đương thời. Sư theo ngài Tăng Hưu vào kinh đô đảm nhận việc dạy răn khuyến khích cố gắng. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc bổ nhậm Sư làm Đại Luận Chúng Chủ, trụ chùa Thông Pháp, suốt bốn mùa giảng giải hoằng hóa, mọi người từ những phương xa đều nhóm họp.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Tung Nhạc ở Tung Châu. Mới đầu, mây sương khuất phủ, suốt bảy ngày mờ tối, Sư bèn bưng lấy lò hương phát nguyện: “Mong đến lúc sắp mãn hạng tôn trí đặt Xá-lợi thì thấy được sắc thái mặt trời!” Không bao lâu thì điều mong cầu của Sư đã đến, bầu trời mở sáng giữa ban ngày vào lúc giờ ngọ. Đã xứng hợp tâm chờ mong, liền bị ẩn che.

Sau, Sư lại rước Xá-lợi đến chùa Phiếm Ái ở Hình Châu. Bỗng nhiên ngay trên hộp, thấy hiện hình tượng các Đức Phật và Bồ-tát cho đến có cả ánh sáng, khắp cùng bốn mặt không thể nói hết, suốt hai ngày ánh sáng mới tắt, nhưng các tướng vẫn hiện còn. Và đang lúc đặt tôn trí xá-lợi, lại thấy một tôn tương Phật hình thế đang nằm có ánh sáng mầu

đỏ tuông phát ra. Sư vui mừng với điềm linh cảm ấy bèn họa vẽ mà kính thờ. Đến khi Vua Văn Đế băng (605) Vua Dương Đế (Dương Quảng) xây dựng chùa Đại Thiền Định, vì tiếng tăm Sư vang xa, vua bèn thỉnh Sư đến cúng dường. Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi tuổi.

Sư có các đệ tử như Sa-môn Đàm Cung, Minh Hồng là các vị giỏi về luận Đại Trí Độ. Ngài Đàm Cung từ thuở thiếu thời đã có cơ biện, kiến giải nổi tiếng. Sư thường giảng giải Kinh Luận. Khắp Kinh Đô đều ngợi khen tốt lành. Ngài hộ trì chánh pháp rất đúng theo lời Phật dạy. Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc cử Sư làm Tế Pháp Thượng tọa. Sư trông coi việc tăng truyền tỏa hương thơm đến cuối đầu mối. Sau, Sư được mời đến trụ chùa Hoằng Phước. Lại ban bảo cho Sư trông coi đảm nhậm chùa Phổ Quang. Đức hạnh của Sư ở thời bấy giờ rất cần, nên Sư luân chuyển không ở nơi nào cố định. Sư thị tịch tại nơi đang đảm nhậm! Sa-môn Minh Hồng cũng là người vinh vọng ở đương thời. Tiếp nối sự nghiệp của tông sư. Sư được mời đến trụ chùa Phổ Quang. Bấy giờ lại hoằng pháp, Sư chuyên xây dựng phòng tắm để cúng dường, hàng tháng lại chà rửa phòng tắm cho chúng tăng, tiếp gót An Công, quy tâm về Đức Từ Thị.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Thiên, ngài người xứ Doanh Châu, hiếu học chuyên thưa hỏi, ưa thích Địa Luận, lấy làm chỗ cùng cực để tâm thưởng ngoạn. Sư mang tích trượng rong ruổi khắp cùng, mong cầu kính mến Dĩnh tượng. Tuy Sư nghiên cứu tinh thông một bộ mà rộng suốt cả trăm nhà, mỗi lúc đến nạn lý thì các bậc thầy đều tụ đến.

Vào thời Bắc Tề, Sư đã vang vọng Danh thật. Sư lại theo ngài Tuệ Viễn, lưu lại nghiệp trước, nghĩa chẳng trở lại duyên, trải qua chỉ trong một năm mà đều thông các Kinh Niết-bàn, Địa Trì. Và đều được giảng trao. Nhà (Bắc) Tề mất, phật pháp bị hủy diệt, Sư lánh đến nước Trần. Đến lúc nhà Tùy đổi vận, Sư trở lại quê cũ, đi đến lạc hạ, lại nương tựa ngài Tuệ Viễn, nên sự nghiệp mới nghe đầy đặc cõi lòng. Đến lúc ngài Tuệ Viễn vào đất Quan, Sư nương theo và cùng trụ chùa Đại Hưng Thiện, chuyên việc mở mang giảng nói.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc lập ra năm chúng, thỉnh Sư làm Thập Địa chúng

chủ, trụ chùa Bảo Quang liên tục giảng nói, tiếng tăm vang vọng dường như thời nhà Trần. Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Hoằng Bác ở quê nhà. Đã đến nơi, đào xuống nền sâu sáu thước, chiêu cảm phát ra ánh sáng mầu tím khắp cùng đất tháp, tướng trạng như lửa dữ, giống như chỗ treo tượng ngày nay. Lại ngay trên đất biến thành nét chữ đường vân màu đen rõ ràng, đề là "Chuyển luân Vương Phật Tháp." Thấy được linh tướng ấy, mọi người đều mừng vui, vì ít khi gặp được. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư lại đến chùa An Hoà ở Hải Châu xây tháp. Đào sâu đến năm thước, có được đất trắng, mầu trắng hơn cả phấn, khắp đầy trong hầm. Lại đào sâu đến tám thước, ở trong khối đất trắng có được một viên ngọc trắng, hình vuông lớn hơn một thước, sáng nhuận khó có gì để sánh ví. Đến buổi sáng sớm sắp đặt tôn trí Xá-lợi, lại phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thành quách; sắc mầu như lửa hồng. Xá-lợi từ trong bình lưu xuất ra, chia làm sáu hạt, hiển hiện việc ít có. Đại chúng đều khen ngợi.

Sau, Sư thường Khai giảng Thập Địa, khắp kinh ấp có nhiều vị giảng nhưng không vị nào sánh được. Đến lúc xây dựng chùa Đại Thiền Định, Vua Dương Đế (Dương Quảng) thỉnh Sư đến trụ ở đó. Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ đang ở, thọ bảy mươi chín tuổi.

Sau khi Sư thị tịch, Luận Thập Địa không còn tiếng tăm ở Quan nhưỡng. Nên Đạo do người mở mang, điều ấy thật xác nghiệm! Có sự truyền đạt của tâm, thật hãy cố gắng.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tinh Châu.

Thích Tuệ Giác, họ Phạm, người ở xứ Tề. Đạt lượng thông soi, ít nương gá những người nagng bằng, mà nghi hình Sư cao vời, mắt mày sắc bén ngời sáng, y phục mới sạch, thân cao bảy thước, dung chỉ ôn hòa rộng rãi, bước đi khoan thai. Sư giữ phép đi bộ, không đâu chẳng dừng bước, đón rước hé mắt mà tiễn đưa. Oai nghi của Sư cảm kích đến người như thế. Sư thông suốt các Kinh Thập Địa, Hoa Nghiêm, giảng tịch nối nhau lưu vết khắp Tề Đại. Tiếng tăm vang xa, học môn thành phong thái.

Đến lúc nhà Tùy mở vận, mở mang hưng thạnh Tượng Pháp. Vì trước kia, Vua Văn Đế (Dương Khiêm- nhà Tùy) khi ở tại Bắc Chu đã Tổng nhậm nguyên nhung, đích thân dẫm qua sự nhọn bén. Binh cơ bị mất sự bén nhạy, nên trốn nạn ở Nam trạch thuộc Tinh Thành. Sau, đến

ngày lên ngôi, truy tìm chỉ còn lại đất cũ. Trong niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, tại chỗ đất u nhàn, Vua Văn Đế bèn xây dựng chùa Võ Đức. Đất ở đó chỉ toàn bùn ướt, nên khắp nơi đều phải dùng đá lát phẳng. Nhưng bắt đầu tăng thêm nền móng chung cho cả chùa viện. Khắp cùng cả ngàn kế, mái che đến chín lớp. Linh tháp mây bày, cảnh Đài sao giăng. Vì Sư là người có sự nhận biết vượt cao nên được khen ngợi, được vua thỉnh đến trụ ở đó. Pháp môn mở mang giáo hóa của Sư phần nhiều lấy Kinh Hoa nghiêm làm chính. Những người vâng thọ được tỏ ngộ đến thưa hỏi điều lợi ích, rộng lược đều vâng theo bốn tông.

Sau, Sư được thỉnh đến Cao Dương, sung vào làm Giảng Tượng, thính chúng thường có hơn ngàn vị, khắp giảng Đường đều đầy chật, mà người tìm đến vẫn không ngớt, bèn phải nghỉ dừng pháp hội, đợi có thêm giảng đường mới có thể mở mang dắt dẫn. Liền có thí chủ tức thời xây dựng giảng đường rộng lớn dung chứa cả ngàn người, tạo dựng những gì cần thiết, chưa tới một tháng đã được thành tựu. Sư liền lên pháp tòa, đạo chúng dẫn đến đông đầy. Oai dung Sư rộng thoáng thanh nhã, tướng trạng như thần. Nói bàn hòa nhã, dắt dẫn huyền ẩn, vạch bày xung hợp, người nghe kính vâng, thật là mở mang nghĩa rộng. Sư soạn thuật văn sớ các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma, v.v... đều tiếp nối Nghĩa Chương, tất cả mười ba quyển. Văn chất lồng lộng, xuyên suốt giáo hóa. Các bậc minh đức khắp xứ Tề Ngụy đều tụng độc và lưu hành.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ 3 (620) thời Tiền Đường, gặp lúc bọn Hiểm Doãn xâm chiếm phương Nam. Sư bị bệnh sơ sài mà bảo với tất cả đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Thị giả hầu thưa:”Nay giặc đã đến thành, đường đi đều trở ngại bặt dứt, biết đi về xứ nào?” Sư đáp: “Sinh tử đường lớn, đi ở không hẹn ngày, ngày mai ta sẽ từ biệt!” Và Sư bảo ban xuất của cải tự thân thiết trai cúng dường tăng chúng. Sư quyết từ biệt với đại chúng, suốt đêm chánh niệm tinh sáng rõ ràng, đến lúc minh tướng vừa xuất hiện thì Sư an nhiên thị tịch, thọ chín mươi tuổi.

Ban đầu, tánh tuệ giải của Sư vốn chứa nhóm trong lòng, phước nghiệp nhiếp chúng, Độ sinh tùy hỷ có nhiều. Hễ có tu tạo, thì tự thân Sư giúp đỡ sửa sang, nên nền tảng của chùa đều do khuyến khích cố gắng. Lại nghe vãng sinh Tịnh Độ thì bố thí vườn là công đức nên Sư chẳng ngại xa ngàn dặm từ Thanh Châu lấy giống táo về trồng trụ chùa Khai Nghĩa ở Tinh Thành, riêng đi ngàn thù gốc cúng khắp năm chúng. Ngày một phô bày tươi tốt, nghiệp ấy rộng lớn.

Bấy giờ, trong chùa có hai vị Sa-môn đều tên là Tuệ Đạt và cũng đều là đệ tử ngài Tuệ Viễn, là người khéo giải ở đương thời, vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường thì phô bày sự tốt lành ở Kinh Ấp. Lại có sa-môn Minh Cán, cũng là bậc tài giỏi kế tiếp đó, cùng nhau truyền đăng, lưu tỏa tiếng thơm chẳng dứt.

14- Truyện ngài Thích Trí Cư trụ chùa Kiến An ở Thường Châu:

Thích Trí Cư, người ở Thọ Xương thuộc Tân An. Họ Lý. Gia thế vốn lưu xuất từ Vị Trụ ở Cao Dương, nhận làm Lý Quản, bèn lấy làm họ. Do qua nhiều thời đại biến đổi âm, bèn lấy chữ Lý có bộ vương làm chữ lý có bộ mộc, nhân đó mà thành họ. Sư vốn trụ tại Điển Ngọ ở Quận Triệu thuộc Ký Châu, theo hướng Đông dời đến ở Giang Tả. Cha của Sư tên Vĩ, làm quan Viên Ngoại Tán Kỵ Thị Lang ở thời nhà Lương.

Năm mười chín tuổi, Sư bèn tự xuất gia, nghe Pháp sư Thản giải thích luận, chưa ngầm khôi quản thường nghe tinh nghĩa. Pháp sư Thản là Môn Sư của Tề Vương Giảng. Kế đến, Sư nghe Nhã Công giảng Luận Bát Nhã, lại nghe Dự Công giảng về Tam Luận. Ba vị Pháp tượng ấy danh giá đều rất quý trọng. Sư muốn thanh khiết tiết tháo, nắm giữ tự tâm, riêng thấu cùng Pháp tánh, các cao tọa chủ thường không kiêm thuật, người xưa có nói "Học không ở nơi một vị thầy nào cố định", lời ấy rất có ý chỉ. Sư rộng tìm xa xét, tận cùng chỗ u cầu.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư bèn đến tuyên giảng, biện tài Vô ngại, mọi người đều biết. Nói Kinh đợi hỏi, chóng động thường luân. Đến lúc sắp thị tịch Pháp Sư Thản đem đồng một lúc giao phó cho Sư cả năm Bộ kinh lớn. Đã được Di chúc, Sư bèn diễn giảng, tiếng tăm danh giá càng vang xa, kẻ tăng người tục đều kính ngưỡng. Nhưng miệng Sư không nói đến người, mắt không tiếp nhận cảnh sắc, sữa muôn sinh chẳng dùng, tanh nồng không phạm đến. Sư có đệ tử nhập thất là sa-môn Minh Diễn. Từ lúc thọ học về sau chuyên kính thờ Sư làm Hoà-thượng. Trước lúc thị tịch, Sư bảo rằng: "Các Bộ Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Niết-bàn, Thích Luận, là các văn ngôn ta thường giảng nói, đem cả đều giao phó cho ông bốn Bộ Nghĩa sớ!" Sư bèn nắm lấy tay ba lần, bỗng nhiên Sư thị tịch, tại chùa Kiến An ở Thường Châu, lúc đó nhằm ngày mồng mười niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường. An táng tại chỗ đất cũ của chùa thuộc phía Nam Tỳ Đàn.

Ngài Minh Diễn họ Khâu, danh tộc ở Tấn Lăng. Sư có dung nghi cử chỉ dễ nhìn, tinh thái cao vợi khác thường, kính sùng công lao lưu tỏa đức hạnh của thầy (Trí Cư) nên dựng lập bia lớn ở trước cửa chùa. Trần

Tây Dương Vương ký thất Tiều Quốc Tào Hiến soạn văn bia.

15- Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa HoằngNghiệp ở Thường Châu:

Thích Đạo Khánh, họ Đái. Gia đình Sư trước kia ở Quảng Lăng, sau men theo sông mà dời đến ở Vô Tích. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, kính thờ A-xà-lê tạng chùa Kiến Thiện ở Quận Ngô làm thầy. Sư siêng năng vâng thờ rất mực kính lễ, đồng bạn đều suy tôn. Năm mười bảy tuổi, Sư đến Thành đô, nghe giảng Luận Thành Thật ở chùa Bành Thành. Đại nghĩa của các luận khác Sư, đều không để sót, do đó; các bậc thầy ở đương thời đều chăm chú vào Sư mà bảo rằng: "Treo Nhật nguyệt ở trong lòng, rót sông rạch vào trong miệng, thật là quy kết về nơi Đạo Khánh!".

Đã được lời chúc tụng tốt lành, Sư càng gấp bội chí kiêm thường, tiếng tăm vang vọng đã qua, tòa cao ở tại ngày nay. Đến lúc thời vận nhà Trần bị mất, bạn Đạo điêu tàn, Sư đi về hướng Đông, về lại Vô Tích, trụ chùa Phụng Quang. Học chúng nhóm họp, Sư lại giảng dạy như trước. Sau Sư lại trụ chùa Hoằng Nghiệp ở Tỳ-đàm chuyên việc mở mang giảng dạy, không ngại thời tiết nóng lạnh. Sư có oai dung cử chỉ đẹp xinh, khéo hay nói cười, xem thường danh lợi, nồng hậu giao du, bút mực rảo thông, thi cầm khéo léo. Phong thần nhàn buông. Vận vũ rỗng lắng, có đủ mọi phương ứng vật, ứng cơ không trái ngược.

Vào tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ sáu mươi mốt tuổi. Qua ngày hai mươi ba tháng chín, an táng tại Sơn Tân, thuộc Phù Đường. Ngày đào huyệt, xuổng mới đào xuống, chiêu cảm có một Đàn hạc trắng từ giữa trời bay đến, kéo dài bay liệng, cùng kêu tiếng buồn thương. Nếu chẳng phải đạo hạnh tỏa sáng khắp xa, thì sao có được điềm lành khác lạ như thế? Có Sa-môn Pháp Tuyên cùng ở chung chùa, nói rằng: "Tôi cùng Sư (Đạo Khánh) quên lời quen Đạo, từ thuở nhỏ ở kinh đô đã vui vẻ cùng đấp chung mền. Đến tuổi xế chiều ở quê người lại vui cùng mặc chung áo bào, trăng chiếu gió giường, tiếp tay cùng trò chuyện. Chúng tôi nơi kinh đường Luận thất, chạm chân chẳng phải người khác. Đâu ý cao sâu mà hết tình bạn tốt của tôi, ngàn hàng nhọc rửa, trăm thân thà chuộc. Chưa thể nén bút liền ghi một bài minh ngắn, viết rằng:

"Mười lực ngầm cảnh
Bốn y khác đời
Dẫm đức liền sáng

Người ấy tiếp nối
Cung tường giới nhẫn
Đèn đuốc thiền tuệ
Đều ruỗi sống rừng
Chia sân sâu đặt
Nhà Luận khua ngọc
Phòng nghĩa phân lan
Ngồi như sư tử
Chúng nhiễu quanh đàn
Đạo sạch ngoài trần
Lý dứt mối luận
Oai nghì khoan thai
Ba nghiệp an tường
Cõi uế cơ cùng
Người tốt hiện diệt.
Màn lưu hình ảnh
Xe về vết xưa
Trăng soi tháp vắng
Suối dơ mộ buồn
Sương trúc dần tụ
Gió thông rít dài
Khí vận có tan
Đức âm chẳng dứt!”

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 12 hết)

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 13

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 9 CỦA CHƯƠNG II

(Chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

1- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đẳng ở An Châu, thời Tiền Đường.

3- Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.

4- Truyện ngài Thích Tỉnh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyền ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Đạo Sung).

5- Truyện ngài Thích Viên Long ở chùa Hoàng Quang ở nước Tân-la, thời Tiền Đường (Viên An).

6- Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường (Hành Hữu).

7- Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời tiền Đường.

8- Truyện ngài Thích Thần Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô, thời tiền Đường (Pháp vị).

9- Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô, thời tiền Đường (Pháp vị).

10- Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời tiền Đường (Minh Khoáng, Minh Lược).

11- Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu, thời Tiền Đường.

12- Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An nghiệp ở Biện Châu, thời tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, thời tiền Đường.

14- Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, thời tiền Đường.

15- Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô, thời tiền Đường.

16- Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô, thời tiền Đường.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy, ở Tô Châu, thời tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Nhân, họ Vu, người ở xứ Hải Diêm thuộc Quận Ngô, là con cháu của Thái thường Bảo đời Tấn. Ông nội Sư tên là Phác, làm Tán Kỵ thị thường thời nhà Lương. Ông nội Sư tên là Nguyên Hiển làm Trung Thư Xá nhân đời Lương. Đều là những bậc tài giỏi giúp đời rất tốt lành. Sư bẩm khí ôn hòa thư thái, trong soi hơn thường. Huy âm lướt sâu, Tăng tục đều kính trọng ngợi khen.

Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp sư Tuệ Hy ở chùa Khai Thiện làm thầy. Đến tuổi chí học phát mạnh, Sư nghe Pháp sư Quỳnh ở chùa Kiến sơ giảng Luận Thành Thật. Tuy chưa thọ giới cụ túc mà đã ngang bằng người nhập thất, tiếng tăm trí tuệ trùm khắp, Đạo chúng thảy cùng suy tôn. Sư mừng vui thưởng vị tịnh tâm, chưa vạch chỉ chương cú, bèn đến chỗ hai vị Thiền Sư Tuệ Hiểu và Trí Thôi ở núi Chung Nam, thỉnh cầu truyền trao Pháp Quán Điều tâm. Nước Định đã lắng trong, nói nghĩ càng chững chạc. Sư tiếp mở rộng lược, cùng tận sâu mầu mà ngộ lời thần giải, riêng chước nêu tận cùng. Sư lại đến Pháp Sư Biện ở Trường Can, thọ học Tam Luận, thấu cùng vi ngôn của thật tướng, mở rộng u chỉ của mãn tự, rót nước một bình, xanh lại hơn lam. Sau, Pháp Sư Biện trở về yên tĩnh ở chốn núi rừng, bèn giao phó tất cả đồ chúng cho Sư. Học chúng thọ nghiệp hơn năm trăm vị, nối gót truyền đăng gần ba mươi năm.

Niên hiệu Thái Kiến thứ tám (576) đời Trần, vào đầu mùa an cư, bỗng chiêu cảm U Sứ (sứ giả cõi u minh) đến thưa với Sư rằng: “Vua muốn cầu thỉnh Pháp Sư!” Những người đi theo cùng ồn náo, tiếng ty trúc giao hưởng, Sư liền dứt hơi thở và xả mạng, thân thể vẫn như ngày thường, trải qua thời gian bảy ngày đêm, như nhập định sâu. Đến lúc

đồ chúng thưa hỏi, Sư mới bảo rằng: “Hãy xem trong rương có vật gì chăng?” Đệ tử tìm kiếm thì có hai xấp lụa quyên. Nhân đó, Sư bảo: “Đó là Di vật của vị tăng nầy!” Đồ chúng lại hỏi về nguyên cớ. Sư bảo: “Vọng tưởng đảo điên, biết sao chẳng làm, ta bị vua Diêm-la mời gọi an cư kiết hạ, giảng Kinh Đại Phẩm Bát-nhã, ở chốn Minh Đạo được xem như là đã qua ba tháng. Lại thấy các hình ảnh ở chốn địa ngục, năm thứ khổ thay nhau”. Nếu chẳng do sức từ bao gồm cả u hiển, đạo hạnh rất mực cảm thông như Sư thì đâu thể đến cõi u minh kia, thần thức vân du nơi cõi khác? Trần Bộc Xạ Từ Lăng là người cao tài thông học, Thượng Thư Mao Hỷ là người tham cứu thấu suốt u vi, thời bấy giờ được xưng gọi là “Tri Nhân”, mà đều quy hướng về Sư.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, xây dựng chùa Thiền Định. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) tìm cầu khắp trong nước, xa thỉnh các bậc Danh đức. Sư là bậc Long Tượng Pháp Môn, cho nên ứng theo hội ấy. Đức đã sáng ngời bao trùm mọi vật. Luận nghị thì cả Đại chúng đồng tôn ngưỡng quy hướng. Sư bèn vâng phụng được cử làm tri sự Thượng tọa, dạy răn nghiêm túc thiền học, nhu thận dẫn dụ tựa nương, việc lắng hòa tăng luân v.v... các thứ oai quyền, đều nghĩ đến việc sớm mở bày. Lại nữa, mới đầu, chùa nhóm họp khắp nơi cùng một lúc, các bậc danh đức đều là những vị có đức hạnh tốt đẹp, Sư lại thật gồm đủ tất cả. Sư từng giảng Tam Luận và soạn văn sớ, nêu lên yếu ước người học đều kính phụng.

Đến thời tiền Đường mở vận, trùng hưng Đạo Phật, có cử mười vị Đại đức, Sư là người đứng đầu trong số đó. Sư đem chân thống trị pháp, chẳng sai bảo mà thực hành, nhún nhường để thành đạt, cúi mình thành chuyên, nên các bậc Lão túc kỳ đức ở chùa Kinh luôn tỏ tâm cung kính vâng thừa, đều sùng bái thỉnh Sư làm Bồ-tát giới sư. Những người thọ giới cụ túc sau nầy đều nương tựa mà yết-ma. Tả bộc Xạ Tiêu Võ là người có khí cục trinh thuần sáng rỡ, huyền phong bất động. Hình Bộ Thượng Thư Thẩm Thúc An là người ôn nhu thanh nhã, đạt tín thông thần, đều kính ngưỡng, vâng theo tôn thừa, ở đó hai năm. Sư định tuệ cả hai đều rõ suốt, Không Hữu đều chiếu. Hoằng pháp suốt bốn Triều Đại, chỉ chuyên theo Nhất thừa, mà chẳng đua tranh với vật tình, không tỏ bày sắc thái mừng giận. Nên cùng đi trong Đạo của Sư, chẳng ai lường biết được Quả vị của Sư.

Đến ngày mười hai tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm, thọ tám mươi chín tuổi. Đầu đêm sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Pháp Nhân rằng: “Các ông phải sống đúng

như Pháp, khéo tu ba nghiệp, chớ để một đời luống qua. Phải thuận theo lời Phật dạy, chớ biến đổi sắc phục, phô bày buồn thương theo sau tang ta, đó là việc không nên làm!" Sư bèn sửa sang dung mạo như thường, lắng thần nhập định, đến cuối đêm, an nhiên ngồi thỉnh mà thị tịch. Cảm nghe có mùi thơm lạ xông ngát phòng, bèn đưa tòa đến chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam. Khi đó, lắm xe mang nhọc cụ, tăng tục hơn ngàn người đón rước đến phía Nam thành, lại nghe nhạc trời vang vọng giữa hư không. Các Hàng đệ tử, v.v... xây tháp gạch Chi-đề, khắc bia minh, do Lan Lăng Tiêu Quân soạn văn bia.

Ngài Pháp nhân là người ở Hưng nhân, từ thưở thiếu thời từng làm cung phụng, thân tâm thanh tịnh, tu hành niệm định, tánh luôn nhún nhường, có tiếng khắp trong đồng học.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đẳng ở An Châu:

Thích Tuệ Hạo, người ở An Lục. Vào Đạo từ thưở nhỏ, có tâm lượng xa xăm, xem đọc nghĩa kinh, mở dẫn ở tâm. Ban đầu, thấm đượm Huyền cương, Sư mong cầu Đại Phẩm, rộng nghe, lược nghiên cứu, mà tình còn trở ngại điều chưa tỏ bày. Nhân có Pháp Sư Minh ở Bao Sơn, là người được phó chúc từ chùa Hưng Hoàng, ở đời tôn xưng là Dĩnh Tượng, khắp nước thảy đều chiêm ngưỡng. Nhân đó, Sư tìm đến theo học, thưa hỏi kính thờ không mỏi mệt, đầy đủ được sự lắng trong xa gần, bèn thành lan rộng, phò bộ to lớn, dồi dào hưng thạnh.

Năm ba mươi tuổi, Sư lên Pháp tòa dẫn dắt giảng nói, các bạn đồng tu cùng luận bàn, thọ nghiệp truyền đăng, phân phong theo hóa. Vì Dòng pháp choáng rợp, thành cứu giúp đã nghe. Còn các xứ Mân lạc Tam ấp đang còn mê mờ trong màng lưới ở đương thời. Sư bèn dùng giáo pháp mở rộng dắt dẫn xa những điều chưa nghe.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, ở vùng Sông Biện thuộc Giang Hiệp, tuy gặp phải sóng gió, nhưng Sư vẫn gắng chí không ai vượt qua trước. Khi đã đến Đô thành, bèn mở rộng việc hoằng Pháp, y cứ vào miên tử, Sư tùy phương khai mở dạy răn, tự tăng chúng ở Ngọc Điệp thảy đều nhân đó mà được khai sáng, khói mây xông lên, khắp vùng thưởng vị chánh pháp mà thành ban giúp. Không sợ đi qua, cho nên khiến đến muộn, hát ca khắp đường. Lại nhân chúng đông nên khô gãy phát sinh, Sư y cứ theo pháp mà trị, không có tâm che lấp. Bấy giờ hoặc có người không thể nghĩ nhớ như thế, bèn nghĩ tấu trình với triều đình rằng: "Sư kết nhóm đồ chúng ngày một đông nhiều. Tăng tục đông

đúc ủng hộ, nếu chẳng phải là dị thuật thì đâu thể được sự theo về của người đời như thế?” Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tra xét tận cùng, rõ bày sự việc chẳng thật, nên kẻ vu khống phải mắc tội. Sư chỉ vì Đạo do người mở mang, nghĩa phải biết trái lại, bèn xoay đường trở lại hướng Nam chỉ đạo ra Kinh Môn, đồ chúng theo học lại gấp bội hơn trước. Khi đã về tới quê cũ Sư chóng bày sự nghiệp trước, lại dàn trải Lãnh điệp, lại mở Quan-kiền. Thần vọng càng cao, chúng tụ càng kết, khốn khó cho sự ồn ào đua tranh ấy. Sư bèn lánh xứ đi về phía Bắc Tây Sơn, bình lắng lui tìm nhàn ẩn, đào luyện Trung Quán, qua hơn năm năm. Đồ chúng lại nghĩ tưởng đến Sư, bèn tới Núi đón rước, thỉnh Sư về Ấp, truyền bá giáo hóa. Sư tùy nghi lợi ích, ý dẫn hạnh tàng, bèn trở lại chùa Phương Đẳng ở An Châu, giảng nói nối nhau. Đến niên hiệu Thinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi bảy tuổi.

Từ lúc Sư là một trong hàng tăng, thì luôn tinh chuyên cố gắng dẫn đầu, thường ngày chỉ ăn một bữa. Hơn bảy mươi năm, hễ có được gì liền ăn, không chờ đợi doanh cầu, chặng hạn định sớm trưa, hễ bèn thôi. Do đó khắp Phong Đô, Thục Bộ đều khéo che chở. Mỗi sáng sớm mọi người đến cúng dường thường đầy ấp cả cửa chùa. Sư đều bảo đưa vào của chúng tăng, không nhận lấy một thứ gì. Sáng sớm giảng xong, Sư xuống chỉ ăn một chén, ngoài ra, các thứ bánh trái đều về lại trong chúng tăng. Có học sĩ Đạo Cần thấy Sư gầy yếu, sợ Pháp sự bị ngưng nửa chừng, nên bảo cùng ngoại chúng, khiến mọi người bày biện cúng dường càng nồng hậu. Sư lấy làm lạ về việc khác thường ấy, nên sưu tra dò hỏi về nguyên do có các thức ăn uống, và liền đuổi Đạo Cần ra khỏi chúng, không bao giờ còn làm như vậy. Sư bảo rằng: “Vật thực tà mạng không thể thống ngự. Ông tuy nghe lời ta nói mà chẳng rõ hiểu yếu nghĩa lý giáo”. Sư gìn giữ tiết tháo, bẩm thọ giáo Pháp đến như thế.

3- Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu:

Thích Pháp Tường, người xứ Đồng Châu, xuất gia từ thuở bé, Sư giữ chí thanh bần ít ham muốn, siêng năng tìm cầu học Đạo khắp nơi, không có chỗ dừng ở cố định. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư kính vâng hiến chương, khắc ý răn sau, chuyên tâm nơi sâu mầu. Lúc Phật giáo, Đạo giáo đều bị phá diệt, Sư bèn theo tục, mà ôm giữ đức hạnh, giữ gìn kinh pháp, lễ tụng không ngừng nghỉ. Những vị có tiếng tăm chức phận đều kính chuộng, sắp tiến vị cống nhập vào Đài Phủ, mà chánh tánh Sư kính

mến Đạo, chẳng nghĩ tưởng đến vinh quang, bèn buông xả lập nghiệp, thấm nhuần mà thôi.

Đến đời Tùy, chánh pháp được phục hưng, Sư bèn dự vào xuất gia, trụ chùa Đại Hưng Quốc, chí tháo Sư ngời sáng, mở lời thì đơn giản chân thực, lập thân thì bất động trang nghiêm, không ở nơi chốn vắng lặng, thường ở trong phòng rộng mở thông trước sau. Hơn ba mươi năm, Sư giữ gìn đạo phong mà sống, tâm không lo toan, cửa chưa hề đóng. Ngồi nằm chỉ trên một giường ghế, thường chuyên đọc tụng Kinh Pháp. Kẻ tăng người tục đến thăm hỏi, tự chẳng đọc hết. Lại trang quyển bộ không liên quan lời, nên biết dung tiết, cuối quyển thâu gồm, đều quán kỹ rồi sau mới kính vâng đối đáp. Sư ngầm suy tư Huyền tịch, thường rộng gìn giữ, dẫn dắt chỉ bảo mê mờ, bày dụ không thêm lời trau chuốt.

Vì bị bệnh thương hàn, có người khuyên nên uống thuốc để chữa trị. Sư đều không nhận lấy, chỉ khổ nhọc công yêu cầu, tùy việc mà nghĩ lường. Hoặc có người sợ là Sư bị bệnh lỵ, Sư bèn bảo rằng: "Bệnh lỵ là nước, chẳng cần uống thuốc tự lành". Sư bèn ăn cơm khô, vài ngày sau bèn lành. Sư gìn giữ tiết tháo bền bỉ, đại loại đều như vậy. Sư lại còn gìn giữ niềm tin, nêu bày nghi chỉ, chẳng giao thiệp với những người chơi bời, tự thân làm khuôn phép cho chúng, mở lời đều quy kính. Nên trong chúng có những điều trách phạt, Sư hẳn trước đến đó khuyên răn, nghe qua đều vâng phục, không còn oán hận. Đức hạnh Sư ngời sáng nhập thần là như thế.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh nhiều tháng không khỏi, khí trắng kéo dài suy yếu. Có người thị giả đứng tham hầu, Sư nói lời rất nhỏ là "Tượng Phật, Tượng Phật!" lời tiếng đã trầm ẩn, ban đầu mới nghe chưa rõ, sau suy nghĩ mới hiểu, bèn xoay lại nhìn thì thấy tôn nghi rỡ ràng, trên bức vách phía Tây, ánh sáng rõ ràng đầy đủ, chỉ phút chốc liền biến mất. Lại nghe có mùi thuốc thơm phảng phất đầy phòng. Kẻ Tăng người tục đều kinh lạ ngợi khen. Lại thấy có một đàn chim hạc trắng từ phương Tây bay đến liệng vòng quanh phòng ba vòng, xoay vần qua lại mà đi. Từ đó về sau, chỉ một thời gian ngắn thì Sư thị tịch. Bèn an táng ở gốc phía Đông của thành. Mọi người tiễn đưa đầy đường xá thôn ấp, phướn lọng phô bày dằng dặc, tiếng khóc than buồn thương vang vọng khắp xa gần.

4- Truyện ngài Thích Tĩnh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyền ở núi Chung Nam:

Thích Tĩnh Tạng, họ Trương, người ở xứ Cao Độ thuộc Trạch Châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, đến chỗ Thiền sư Thuyên Chùa Thanh Hóa, Thiền sư vì Sư mà làm Sư Chủ, dạy răn đến chỗ cùng cực, nương tựa đại mẫu.

Đến lúc tấn Đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư thích tư duy về Định nghiệp, thấu suốt u vi, tận cùng Tướng tông, Tông đồ có chỗ kết quy. Năm hai mươi ba tuổi, Sư phát thệ nguyện rằng: "Hàng Trượng Phu xuất tục, tiếp nối giòng họ Thích, há chẳng muốn Nghĩa lưu truyền thiên hạ, danh xuyên suốt Huyền ban ư?" Vì ờ Hương nhưỡng, có Đại đức Pháp sư Viễn được sắc ban đến trụ ở Kinh Đô để chuyên việc mở mang giáo hóa. Sư bèn đến nương theo. Song, chưa đến nơi, thì gặp phải sự thay đổi, nên chẳng toại bổn ý, Sư bèn đến khắp các Pháp tịch, tham cầu kinh luận. Đối với Nhiếp Luận, Thập Địa là chỗ Sư riêng tìm cầu. Sư lại trở về chùa Tịnh Ảnh, truyền bá các Pháp đã học.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư được thỉnh đến Hồng lô, dạy bảo Đông phiên. Các vị nghĩa Tăng cả ba nước, Lang lệ Cửu Di mới thấm đượm khuôn phép, được nhờ tiếp nối căn cơ. Sư tiếp hóa dẫn dắt, đều theo pháp huấn.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, có Thái Bộc Khanh Vũ Văn Minh Đạt là người xưa trước đã kính giữ cấm giới, cả nhà thỉnh nghiệp đến sánh với chiêu mục. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc sai Minh Đạt làm chấp tiết Chiêu Phủ ở phía Nam bắc của sông. Luân ngôn đã xuất, dùng việc dẫn đường. Sư đưa tiễn mà nói rằng: "Thế giới Vô thường, Phật có dạy như thế. Đổi khác gặp nạn, người dân xưa đã để lại lời ấy. Mong thường ở tại đây, kính vâng sắc tin tưởng nơi tâm!" Minh Đạt cho Sư là bậc sớm có dự nghe từng trãi qua mọi sự kinh nghiệm, nên bái chào từ tạ mà thưa rằng: "Đệ tử vâng mạng, chẳng trái lại, cầu mong Sư thầm dẫn dắt soi chiếu hỗ trợ!". Đến lúc vừa đến Tương Châu, qủa nhiên bị giặc Vương Đức Nhân giết hại. Con của Minh Đạt tức là Thế Thọ tấu trình rằng: "Cha của thần vâng theo sắc chiếu, an ủi vỗ về rất mực trung thành với nước nhà, bị giặc giết hại. Nay thần muốn báo đáp Hoàng Ân. Ở Tán Cốc thuộc Lam Điền hiện có ngôi chùa xưa, mong được vì cha mà sửa sang dựng lập, và Độ hai mươi vị tăng." Vua Cao Tổ hỏi Thế Thọ muốn làm chùa nào? Thế Thọ đem sự việc ấy thưa hỏi Sư. Sư bảo: "Trên núi này có Ngọc Nhuận, phía dưới có dòng suối chảy, có phải là "Ngọc Tuyền" chăng?" Thế Thọ tấu trình đầy đủ. Vua Cao Tổ bèn y cứ sự thỉnh cầu, liền thỉnh Sư đến trụ ở đó và chỉ huy tất cả các Đường Vũ, Lang miếu. Kẻ tăng người tục ở khắp xa

gần thầy đều đến núi yết kiến tập tu. Và đều để lại ở đó thuốc Pháp, an thời xử thuận, để trở lại tánh ấy.

Đến tháng mười hai nieên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, nhân có việc vào kinh đô, Sư bị nhiễm bệnh thời khí, bèn thị tịch tại Kinh thất, thọ năm mươi sáu tuổi. Sư có đệ tử là Đạo Xán, noi theo khuôn phép Đạo phong, gìn giữ một Bộ Địa Trì, phu diễn hoằng hóa tại tâm. Nay hiện trụ ở chùa Chí Tướng ở Chung Nam, rất nổi tiếng ở đời.

5- Truyện ngài Thích Viên Quang trụ chùa Hoàng Long, nước Tân-la:

Thích Viên Quang, họ Phác. Vốn ở Tam Hàn - (tức Biện Hàn, mã Hàn và Thần Hàn, Sư là người nước Tân-la ở Thần Hàn). Gia đình nhiều đời ở Hải Đông, truyền thừa lâu dài mà thần khí của Sư ngời sáng, ưa thích Thiên Chương, khảo cứu Huyền Nhu, xét xem Tử Sử, Văn hoa bay vượt Hàn phục, rộng rãi dồi dào mà còn thẹn với Trung Nguyên, Sư bèn dứt bặt thân bằng, phát phẫn cố gắng.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư nương thuyền đến Kim Lăng. Gặp thời nhà Trần hiệu xưng là Văn quốc, nên Sư được thưa hỏi những điều thắc mắc trước và đạo liễu nghĩa. Ban đầu, Sư nghe đệ tử của Mân Công ở chùa Trang nghiêm giảng. Vốn thấm nhuần sách vở thế gian cho là vị thần có lý cùng cực. Đến lúc nghi được giải thích, mới đồng như rau thịt, hư tìm Danh giáo, thật sợ bờ mé sinh tử, Sư bèn đến tấu trình với Trần Chúa xin được quy hướng Đạo pháp và có được ban sắc chấp thuận.

Đã được như thế, lúc mới vừa xuống tóc, Sư liền thọ giới cụ túc. Sư vân du khắp các trường giảng, đầy đủ các gia mưu. Lãnh Điệp lời huyền chẳng rơi lạc khỏi cảnh của Sư, nên được các kinh luận như Thành Thật, Niết-bàn chứa nhóm bao gồm vào tâm phủ. Đối với Tam Tạng Số Luận là riêng chỗ Sư bày tìm. Sau cùng, Sư lại đến núi Hổ Khâu thuộc đất Ngô, duyên theo Niệm định không quên giác quán. Đồ chúng lắng tâm nhóm họp đến suối rừng, đều vì bao gồm bốn Hàm, Công khắp tám Định. Bạn lành dễ phỏng hỏi, ống trúc khó trông nhìn, rất xứng hợp với tâm trước, Sư có sự lo nghĩ chung cùng. Liền đó, Sư dứt bặt các việc, tham bái các Thánh tích, nhiếp tưởng trời xanh, xa hẳn cuối xưa. Bấy giờ, có gia đình Tín Sĩ ở dưới núi đến thỉnh Sư ra giảng pháp. Sư cố từ chối, nhưng Tín Sĩ vẫn khổ công cầu thỉnh, nên Sư bèn tùy thuận chí nguyện ấy. Sư khai giảng mở thông Thành Luận, chưa giảng về Bát-nhã, nhưng đều nghĩ rằng người tài giỏi thấu triệt, thưa hỏi

đổi dời, lại thêm Sư dùng lời trau chuốt, cấu kết từ nghĩa. người nghe mừng vui hợp với tâm phủ. Nhân đó, Sư theo cựu chương khai hóa thành việc chính. Mỗi lúc Sư xoay bánh xe chánh pháp thì liền rót cùng sông hồ. Tuy là khác khu vực truyền thông mà gội nhuần Đạo pháp, chóng dứt hiềm tật, nên tiếng tăm Sư rộng lưu bày khắp lãnh biểu. Mọi người vạch lùm cây rậm mang túi mà đến tiếp nối như vảy cá.

Gặp đến lúc Tùy Hậu ngự trị Thiên hạ, oai danh Sư càng vang đến nước Nam, trải cùng số ấy, Quân đến Đương Đô, Sư bị loạn Binh sắp giết hại. Có vị Đại chủ tướng trông thấy chùa tháp bị lửa cháy, bèn chạy đến muốn cứu chữa, nhưng hoàn toàn không có lửa cháy mà chỉ thấy Sư bị trói buộc trước tháp sắp bị giết hại. Đại chủ tướng lấy làm lạ, liền cởi trói và phóng thích. Sư gặp nguy ách mà ̣c ứng cảm như thế ấy! Sư học thông ngôn ngữ xứ Ngô Việt, bèn muốn hoằng hóa ở đất Chu Tần. Niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, Sư đến cung Vua, gặp lúc Phật Pháp mới hội tụ, Nhiếp Luận bắt đầu hưng khởi. Sư sử dụng văn ngôn, mở mang đầu mối, lại nổi danh tuệ giải, tuyên dự ở kinh đô. Tích Nghiệp đã thành, Đạo pháp ở phương Đông cần được tiếp nối.

Ở nước Tân-la Xa nghe tiếng tăm Sư, từng đến cầu thỉnh, Sư được sắc chiếu, thêm lời thăm hỏi, được phóng tích trở về Quê cũ. Sư trở về sau nhiều năm, mọi người già trẻ đều cùng mừng vui. Vua nước Tân-la; giòng họ Kim tỏ bày sự chí thành kính ngưỡng như bậc Thánh. Tánh Sư luôn giữ rỗng lặng, tâm thường trầm lắng, nói năng thường mỉm cười, nóng giận không lộ vẻ nêu Biểu Khải Thư qua lại Quốc mạng đều lưu xuất từ cõi lòng. Một bề kính vâng, đều dùng phương cách sửa trị, thưa hỏi về Đạo hóa. Có việc khác với áo gấm, Sư xin đồng với Quán Quốc, thừa cơ hội phô bày răn dạy, rũ ban khuôn phép cho đến ngày nay. Đến lúc tuổi già nua, Sư ngồi kiệu mà vào Nội cung, mọi thứ y phục thuốc thang vật thực đều do Vương Hậu tự làm, không cho kẻ khác phụ giúp. Lấy đó để chuyên tạo việc phước. Sư có được cảm kính, đại loại như thế. Trước lúc Sư sắp tịch, nhà vua đến bên cạnh an ủi. Sư căn dặn di pháp, gồm cả nói về cách cứu giúp dân chúng, ứng hiện điềm lành khắp cùng núi biển. Sư vì sự tạo phước suốt năm mươi tám năm đó mà không nhớ chút nào, trải qua bảy ngày, tha thiết răn dạy rồi Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa Hoàng Long, thọ chín mươi chín tuổi. Lúc đó là niên hiệu Trinh Quán thứ bốn (630) thời Tiền Đường.

Ngay lúc Sư thị tịch, giữa hư không phía Đông Bắc chùa có tiếng âm nhạc vang vọng, mùi thơm lạ xông ngát chùa viện. Kẻ tăng người tục vừa buồn vừa mừng, biết đó là điềm linh cảm, bèn an táng ở vùng

ngoại ô. Triều đình cung cấp vũ nghi, an táng đồng như an táng vua. Sau đó, có thai nhi người thế tục bị chết. Tại xứ đó có truyền thuyết là nên đem đến chôn nơi phần mộ người có Phước thì con cháu về sau không dứt tuyệt, bèn lén đem chôn bên cạnh tháp mộ Sư. Ngay đó, tự nhiên chấn động thi thể thai nhi ấy ném ra khỏi phần mộ, do đó, mà không hư hoại. Mọi người càng thêm cung kính ngưỡng mộ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Viên An, thần chí căn cơ bén nhạy tánh tình ưa thích xem khắp, ngưỡng mộ u cầu, bèn đi theo hướng Bắc đến Cửu Đô, xét cùng phương Đông chẳng nại, lại rảo khắp Yên Ngụy ở phương Tây, sau đến chốn kinh đô, thông rành phong tục các nơi, tìm các kinh luận theo vết Đại cương, ý chỉ suốt trong, về già Sư quy tâm học khuôn phép cao sáng. Ban đầu, trụ ở tại chùa Kinh, vì Sư đạo hạnh vốn có tiếng tăm nên Đặc tiến Tiêu Vũ tấu trình thỉnh Sư đến trụ chùa Tân Lương được xây dựng tại Lam Điền, cung cấp cúng dường bốn thứ cần dùng không trái với sáu thời. Ngài Viên An thường tiếp nối theo Sư. Vua nước Tân-la bị bệnh, trị liệu bằng các thứ thuốc thang mà không thuyên giảm, nên thỉnh Sư vào cung, riêng xét an đặt. Ban đêm riêng hai thời nói Pháp sâu mầu cho vua nghe, truyền thọ giới sám hối, vua rất tin vâng. Có một buổi vừa mới đầu hôm, vua thấy nơi Đầu Sư phát ra sắc mầu vàng ròng rực rỡ, có hình tượng Nhật Luân theo thân mà đến, các hàng Vương hậu cung nữ cũng đều trông thấy, do đó lại càng phát tâm thù thắng, khắc lại nơi chỗ bệnh, sau đó không lâu thì lành. Sư ở xứ Biện Hàn, Mã Hàn rất thạnh hành mở mang Chánh Pháp. Mỗi năm lại giảng, thành tựu cho hậu học. Các vật do đàm việt cúng thí, Sư đều sung vào xây dựng chùa viện chỉ giữ lấy y bát mà thôi.

6- Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu:

Thích Hải Thuận, họ Nhâm, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Dung mạo Sư rất kỳ vĩ, tiếng nói trong sáng, lúc trưởng thành, mặt mắt Sư ít râu rìa, nghi phục chẳng phải như đồng bạn, đối với mọi người có khác. Ít ở trong nhung gấm, sống tại ruộng đồng, Sư sớm chịu tang cha nên cùng sống cô quạnh với mẹ. Tâm tình hiếu thảo, nhân ái chẳng do thầy truyền, tánh luôn khiêm nhường thẳng thắng, riêng vượt hoài bão. Sư thường tự buồn nhà nghèo khó, không có vốn liếng để thọ học, nên đến tuổi có chí cầu học vẫn chưa được nghe. Sư bèn mạnh dạn giã từ mẹ, rời khỏi thôn xóm, xuất gia cầu đạo, đến nương tựa Sa-môn Đạo Tốn, Đạo Quang, Huyền Trụ, tiếng tăm vang vọng khắp Nho Tông; thấy rõ ở truyện sau. Sư tự thân chuyên việc học lễ, ngày đêm tụng

kinh, nhờ lúc đầu không hề có lỗi trái, văn từ chẳng cần đọc lại, mỗi ngày gần ba ngàn.

Đến tuổi đăng đàn thọ giới cụ túc, tiết tháo Sư càng vượt xa, Chí nghiệp rất mạnh mẽ, Niệm Định chuyên trì, thề không vết lụy, nhưng vì oai nghi thô tháo, thân lỗi có thể ngăn ngừa, nói cười dễ làm, lỗi miệng khó giữ, bèn nhân người khác bị hoạn mà im lặng không nói, Sư chỉ quét tước cửa thất, chuyên tâm mà thôi. Mới vì bắt đầu của học hạnh, lấy tuệ giải làm đầu, bèn đọc xem các kinh, vâng theo huyền Tể. Các Bộ Phương Đẳng đều bẩm thọ từ Quyết sư, đều tìm cầu sâu mầu, nghiên cứu cơ yếu, quý lời lãnh ý.

Có Sa-môn Thần Tố ở chùa Thê Nghiêm, tánh thích ẩn cư vắng lặng, chuyên về Đại Luận. Sư thuận xa tiếp thừa điều kỳ đặc, nghĩ muốn gõ thấu xung quan, bèn mang rương tráp lên núi, hỏi tham các trường giảng. Đồ chúng ở đó đã đông, kính ngưỡng khác nhiều, có chỗ thưa hỏi cầu chỉ được nêu bày cương yếu. Sư từng có lúc thưa hỏi, ít lấy làm nhiều, tuy có phẩn uất nhưng chẳng lộ bày ra hình sắc, mà nhọc tâm có thể nghiệm thấy. Sư lui khỏi chỗ ngồi, bảo rằng: “Xưa kia, Trần Kháng hỏi một được ba, ngày nay cầu một mong hai, cũng là vội vàng hay sao?” Ngài Thần Tố hỏi rằng: “Vì sao cho là như vậy?” Sư đáp: “Một là thì thấy trái nghịch, hai là nghe nghĩa”. Ngài Thần Tố đã hiểu rõ điều Sư nói, nhân đó mà tự sửa đổi. Và từ đó, không nghi gì chẳng quyết đoán, có sự ngưng trệ thì tỏ bày. Còn như Tạp Tâm gồm ẩn đầy đủ trong Bà-sa, nghiên tinh chuyên nhất, trước sau đều gồm. Hoặc xuống núi khất thực mà cầm quyển bày văn. Hoặc mong ngóng đủ tiếp sáng, gá soi tìm đọc, không gì chẳng thông suốt, khai mở chỗ quan trọng, khéo xét nguồn cội sâu xa. Sư thường đem việc ở các chỗ khác nói với ngài Thần Tố rằng: “Hải Thuận tôi nhiều kiếp đã qua chẳng gặp được Hiền Thánh, xoay lăn trong năm đường chẳng thể tự ra khỏi. Đến đời nay sinh ở cõi uế, đối với phàm duyên này, chưa thể ra khỏi dòng sông Hữu Dục, lên bờ Vô Vi, đó chẳng phải do tâm bó buộc mất giây cương mà tối tăm lấp vùi nơi hầm hố ấy hay sao?” Nhân đó, Sư khóc than lệ trào ướt áo, sùi sụt nghẹn ngào. Sư lại bảo: “Mỗi lần nghĩ tưởng hai vầng nhật nguyệt giao vết, không do đâu mà ngừng dứt, ở trong sáu đường rong ruổi lâu dài, nghĩ trở về không có đường lối. Nói đến việc ấy càng có tâm lo sợ! Vã lại đời nay sinh được làm người, mở mang quên buồn bởi nghèo khổ. Xuất gia mở Đạo, tăng độ chẳng dễ đối với Công hầu. Hải Thuận tôi nay đều gồm cả, một đâu đáng vui mừng, hai vì ngôi nhà tăm tối lớn lao, mong được người cho đèn đuốc. Tuy không

đích thân kính thờ Như Lai mà may gặp được Pháp Sư, chẳng lường dây ngắn mà liền xét nguồn sâu, nguyện được gieo hạt ngọc sáng vào sóng cuộng hỗn đục, như vậy thì một đời có được, ngàn năm chẳng tiếc!" Sư bèn nói cười như thường, dung nghi tự nhiên. Ngài Thần Tố bảo rằng: "Dám nghe chí khí của bậc Quân tử, sợ chẳng xứng với Nhã hoài!" Ngài Thần Tô từ đó về sau thường thích làm việc chúng tăng, quả nhiên dừng ở trường giảng. Còn Sư thì cho rằng Chánh Pháp khó gặp, bèn mừng vui ưa thích thiền vị.

Có Sa-môn Đạo Kiệt là người tài giỏi, có đủ Định tuệ, mong cầu hâm mộ phong cảnh, bèn gởi thư đến Sư rằng: "Dám cúi đầu dưới cửa Pháp Sư, thường muốn lý tĩnh nhiếp tâm, dốc chí ở chốn suối rừng. Chỉ vì đêm dài Vô minh nếu không nhờ đuốc tuệ thì chẳng nhờ đâu được soi sáng. Nương gá cậy nhờ Pháp diên, xem nghe huyền chỉ. Còn như người vật nhóm họp, phiền nhọc phải làm các việc, huống gì đại hạn cả trăm năm; thời gian ngắn chỉ trong một niệm. Nếu theo đuốc trước gió, đường trước làm sao tựa nương. Do đó ruổi ngựa mỏi mệt, tưởng xa muôn dặm. Cửa định mầu nhiệm, liền mong vào ngay, trái đó chẳng đợi, ích dụng bàn hoàn. Cúi mong khai mở tâm hàm dưỡng, dùng lễ đẩy lùi người!" Ngài Đạo Kiệt được thư khen ngợi, tình Huyền bén nhọn đề xướng. Sư bèn đáp thư rằng: "Đường ngắn chẳng sổng dây cương của ngựa giỏi, cây nhỏ đâu phải là nơi đậu nghỉ của Loan phụng, nên phải dẫn nước mà tắm gội cá bị cạn khô, giấu cánh mà làm bạn cùng Quả hạc, thoát khỏi thì không như thế. Mong không bỏ qua thời gian!" Sư được thư hiểu nhanh chóng, bèn không quả quyết thực hành, mà vì người cao chọn nhã tố. Tự trở về với chúng thanh tịnh, dứt bặt giao du với người đời.

Từng có người nói chủng tánh cao thượng tổ nể vinh quý khoe khoang với Sư. Sư liếc nhìn, cười mà bảo rằng: "Ta thuộc giòng họ Thích còn lưu sót lại chút ngời sáng, là con của đấng Pháp Vương, còn phải khiêm nhường tự hạ mình, chẳng dám ngạo dối xem thường người khác, đâu mong như hạng người tầm thường, lại muốn cậy Quỷ lấn hiếp con người." Rồi Sư phủi tay mà đi. Nên các Kẻ sĩ xu thời xu thế đều chẳng đến nơi cửa Sư, còn khách trái tục đến rất đông nơi nhà. Mà đạo hạnh Sư thuần khiết, tánh ưa thích truy tìm tông tích. Sư từng chích máu rưới bụi cúng dường Xá-lợi. Và lấy máu hòa với mực viết giới kinh của bảy Đức Phật. Sư nghiêm khắc với chính mình, nghiên cứu tâm tánh đại loại đều như vậy!

Sư từng tìm Phó pháp Tạng truyền Thuyết, Như Lai nhập Niết-

bàn phó pháp kế thừa, cho đến các xứ Sư –tử, Kế-tân chúc lụy. Sách ấy văn từ sự việc rõ bày như gần với mặt mày. Do đó Sư buồn cảm khóc nước mắt như mưa, bảo rằng buồn chẳng bằng như các bậc Thánh, trội vượt trong trần tục này.

Sư lại thường vào lúc nửa đêm đảnh lễ quy mạng Tam Tôn. Mọi người ở chung quanh gần gũi đều không nghe biết. Sư cởi áo nạp che phủ cho người rét lạnh, hoặc giảm bớt phần ăn giúp cho kẻ đói khát. Chí Sư ưa thích hoạt bát vui vẻ, không mong cầu, biết đủ. Có người tặng cho Sư áo gấm, Sư trọn chẳng để ý, từng thong dong bảo rằng: "Tự nhậm thì vui, mà không hề bắt buộc chúnh sinh theo ta. Hễ theo vật thì khổ, nhưng không hề vì ta mà trái ngược với chúng sinh. Lại như, chim chẳng đậu nơi vực thẳm, cá chẳng làm tổ trên cây. Chưa hẳn đã hiểu tu đạo hòa nhượng, mỗi việc được sự thích nghi, cũng do ta chẳng đoạt Vinh thú của chúng sinh và chúng sinh cũng không thích làm nhục"

Sư lại có soạn"Tam Bất Vi Thiên" (chương ba điều chẳng làm) Một là ta muốn bỏ Văn học Võ, thân chết mà tiếng tăm vẫn còn, nghiền đá thông đường, cầu giếng suối chảy. Gan người ở trong thân ta, Kinh Kha rút kiếm, lông bèn bưng bàn. Không làm tức đã làm thì chẳng phải như vậy, e rằng hai con Hổ đấu với nhau, thế lực chẳng cùng toàn vẹn, còn nay tốt đẹp mà dứt bặt oán trái về sau. Đó là trở lại dấu vết hoang sơ lối hẹp, dứt bóng ở Sài Môn, hai - là ta muốn cắt vế bằng dao, treo ở đầu rường nhà, thư đến thì sắc tuyế, điệp ánh sáng ngời, một mai chim Đại Bàng cất cao muôn dặm, chim loan bay liệng vòng quanh, dù cho biện tài vân du giảng nói khắp chốn Quân Vương thì Xe Cao cũng trở về thôn ấp, áo gấm lui lại với quê xưa, sợ rằng chim chết vì lông cánh, hoa lan bị ngắt lấy do mùi thơm, lồng chậu giam hãm, thức ăn ngon há là quý hóa, mồi câu khó nếm. Do đó làm tổ cao nơi rừng chầm, hang sâu ở ao đường. Ba là ta muốn ngậm tài nuôi dưỡng Đức, vào chợ đến Triều, cả bốn chúng đều chiêm ngưỡng, ba hòe nương gá, nêu hình dẫn Thế, thân đạt danh vượt. Hòm đầy y phục thêu thùa, thức ăn có lắm ngọt ngon, cất cao Đàn sáo, ngâm vịnh lời ca, sợ bụi gá bám trên ngọn cỏ non, sương đêm gá đọng cành mềm, không qua khỏi sáng mai, chẳng vượt được gió sớm. Do đó trở lại tổn thương, vui cạn chỉ khổ lâu dài!" Sư thần ngộ xuất chúng, mở lời thành Văn lục. Soạn thuật biên tập mấy quyển. Bấy giờ, Chân Pháp Lăng theo thế tục ưa chuộng nịnh hót. Sư nói lời ý tứ dạy răn, hành giả cho là ngu. Từ ngữ khéo léo, người háo sắc cho là Trí. Chánh tánh của Sư liêm khiết, đến nỗi bị cơ hiềm. Nên xưa nay Sư giữ tâm trinh trắng ngay thẳng, ở chốn nguy ách mà chẳng

loạn, nhuộm nhiễm mà chẳng đen. Thật xứng đáng gọi là ôm hoài Đạo phong trong trắng!

Có Sa-môn Hành Hữu là người Chí hạnh nghiêm chánh, tài tuệ anh ngộ. Vốn kết giao với Sư. Nhân lúc bệnh tật, đếm thăm, Sư bảo: "Người trước có nói Cái học của người xưa là vì chính mình, còn cái học ngày nay là vì người, xét kỹ lời nói ấy thì đâu có đáng tin? Người đời gượng cầu hiểu biết mà chẳng muốn tu hành. Thường nghĩ đến lời ấy thật lấy làm buồn nghẹn. Tôi cho rằng giết phiền toái thì hết lầm hoặc, đâu phải chỉ chuyên nói kinh. dùng pháp độ người đâu hẳn cần phải lên toà cao. Trao cho Kẻ chẳng phải pháp khí thì luống mất công phu. Học chẳng đúng cơ, thì một đời tự não hại!" Ngài Hành Hữu liền soạn "Luận Tức Tâm" để đáp lại. Sư bảo: "Đọc luận do em soạn, Lý như chưa hết." Ngài Hành Hữu nói: "Luận Tức Tâm đáng lẽ ra phải có vài Thiên, nghĩa là: Hiển bày Quán chiếu, thuật nói chính tông, giải thích điều nghi, lập thành lý nghĩa. Chỉ vì, lý nghĩa cao vợi, văn từ sâu kín. Người đương thời chẳng thể nghe biết. Dung thứ cho ở bền bờ linh thiêng, giấu lớp vảy mà chưa tiến, xót xa thay chẳng gặp thời mới dứt bặt dây đàn ngay đây!" Sư bèn nói lại về Di giáo, buồn than không thôi!

Trước kia, có sa-môn Tuệ Bổn là vị tăng có khí lượng cao hơn đời, nghĩ muốn cùng Sư kết bạn tiết tháo ở chốn núi rừng. Nhưng gặp lúc Sư mới học hỏi chưa rảnh để đáp lại. Sư Tuệ Bổn bị rơi vào thời thế, không lường biết được chỗ đến. Về sau, mỗi lúc Sư nghĩ điều đó, mở lời liền ứa nước mắt mà bảo rằng: "Bổn Công như cưỡi rồng mà đi, rửa chân vượt thoát ngoài mây. Ta tuy quyến luyến nhưng tự buồn vì thân bị buộc nơi huyên tục, thăng trầm khác nhau, luống gì buồn thương. Vã lại, quên nhớ nghĩ người qua lại, nơi triều đình chợ quán cũng giang hồ là cuộn tình sinh tử. Gá nghĩ nơi sâu thẳm giống như tự gông cùm, nếu như tánh ấy chẳng mất, thì ở bất cứ nơi nào cũng an!" Ngài được đắc mến tình là như thế.

Đến lúc bị bệnh trải qua nhiều năm, Sư tự biết chẳng thể thoát khỏi, bèn viết Di văn nhiều trang gởi cho các thầy bạn. Tuy thân hình Sư đồng như bộ xương khô đứng mà vẫn tinh anh ngời sáng hơn hẳn người khỏe mạnh. Có người bên cạnh hỏi về hậu sự, Sư bảo: "Lo sợ thân hình là vật dơ uế, tạm xả bỏ được là vui mừng. Chim cá không riêng, nước đất đâu kén chọn. Nhưng nhìn lại chỉ có người mẹ già duyên xưa nghiệp nặng, nay tưởng chừng không được gần gũi mà giã biệt. Nếu vất bỏ hài cốt nơi chỗ khác thì nếu đến sẽ không được thấy. Có đốt cháy não phiền, chỉ chết chẳng tổn thương người sống, nên lời xưa đáng ghi chép.

Hải Thuận tôi đây tuy bất hiếu, song đâu dám vì thân mình mà hại mẹ ư! Đã báo thân không tự do, có thể nghiêng quan tài để chờ đợi!" Sư bèn bảo Pháp Sư Tốn giảng pháp, lãnh ngộ vui mừng. Trong giây lát, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ ba mươi tuổi! Lúc đó nhằm ngày mười lăm tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường. Sa-môn Hành hữu soạn "Kỷ tri Sa môn Truyện", ghi chép kỹ về việc ấy.

Ngài Hành Hữu hiện nay được thỉnh đến trụ chùa Hoằng Phước, được sung chọn vào việc dịch Kinh, nổi tiếng ở đời.

7- Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Đàm Tạng, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm thuộc Hoằng Nông. Gia đình nhiều đời giàu có, mà tâm Sư trong trắng tự xa lìa.

Năm Sư mười lăm tuổi, có thầy tướng chiêm đoán bảo tuổi thọ Sư ngắn ngủi, cha mẹ Sư rất buồn thương bèn về cưới vợ cho Sư. Vốn chẳng có tình ý, Sư nghĩ lo có sự bức ngặt, bèn trốn đến đầm Vong Sơn. Chỉ nhớ nghĩ ai là người đưa mình đi đến chỗ hoang vắng. Sư cất bước đó đây mà chẳng biết đi đâu, chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, lâu sau, gặp được một người dung mạo đen tối mà lùa hai con trâu. Nhân đóm hỏi chỗ nào có thể dừng nghỉ qua đêm được?" Người ấy bèn bảo với Sư rằng: "đi về hướng Tây có một ngôi chùa, cách không xa sẽ tới". Sau đó, nghe có tiếng chuông, bỗng nhiên thấy có ngôi chùa. Nhân đó Sư vào xin xuống tóc, bèn toại nguyện bổn tâm, và liền bảo Sư đi ra ngoài cửa, cách chừng trăm bước, Sư xoay đầu nhìn lại thì không thấy ngôi chùa đâu nữa. Lâu sau thì trời sáng hẳn.

Sư rong ruổi tìm đến Lũng Thượng ở phía Tây, chỉ lấy việc cầu pháp làm chính. Về sau, Sư trở lại Kinh Ấp, trụ chùa Kỳ Thiện, hành đạo thọ giới, nghe giảng các kinh luật, mà ý Sư vẫn còn có chỗ mờ tối. Sư lại đến Sơn Đông, các Sư ở đó đua nhau giữ Sư lại để đối giảng. Với các bộ Địa Trì, Thập Địa, tên gọi Sư đều nghe. Sư đi về hướng Đông thì dần dần đến tận bờ biển, phía Nam thì thấu cùng Hoài phục, nghe đến chỗ cùng cực, không cùng như đồng bạn. Đến lúc, Sư trở lại Kinh đô, trụ chùa Quang Minh, giảng luận mới lạ, tiếng tăm vang khắp cùng. Khi Hiến Hậu qua đời, Sư lại được thỉnh đến trụ ở chùa Thiền Định. Tánh Sư độ lượng rộng rãi, phong thái khuôn phép trang nghiêm. Nên khiến kẻ tăng người tục thảy đều tôn sùng kính ngưỡng, đáng là bậc lãnh tụ giềng mối. Sư thường chuyên việc tiếp đối, tân khách ngồi trên chỗ tốt, lại tài năng khéo giỏi bàn nói rộng rãi về việc đời, thấy như hiện tại.

Đến lúc nhà Đường ngự trị thiên hạ, xây dựng chùa Hội Xương, lại thỉnh Sư làm Thượng Tọa. Sư vỗ về dìu dắt người lớn kẻ nhỏ, rất có Kỳ công. Đến niên hiệu Trinh Quán (627..) thời Tiền Đường, khai mở công việc phiên dịch kinh điển, lại thỉnh Sư giữ chức vị chứng nghĩa. mọi người lúc ấy cho rằng Sư oai dung lẫm liệt, khí độ cao xa, nghi mạo trang nghiêm, đáng thỉnh làm chủ chùa Hưng Thiện. Sư rất ôn hòai lễ nhượng, dùng để khai mở con đường, Hiền thiện, bèn đề cử Pháp sư Nhuận chùa Hóa Cảm ở Lam Điền, liền y theo lời Sư nói mà cử xứng lời đề nghị ấy. Đến lúc Hoàng Trữ mất thống ngự, bèn thỉnh Sư vào cung, cầu xin thọ giới Bồ-tát, qua hôm sau liền lành mạnh. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tặng Sư mấy trăm xấp lụa, y phục cũng vậy, và độ cho ba ngàn người, đồng thời xây dựng chùa Phổ Quang. Sau đó vua lại ban sắc hỏi Sư có được từ xa thọ giới Bồ-tát chăng? Sư đáp: “Trong Luận Địa Trì nói “Nếu nơi không có giới sư, người phát khởi thệ nguyện rộng lớn liền đắc giới Bồ-tát”. “Nhân đó, Sư dâng trình luận văn. Vua lại ban sắc đem văn từ sám hối, bảo Sư bày đọc. Đến khi Hoàng Hậu bị bệnh, lại thỉnh Sư vào cung. Sư vốn bị bệnh ở lưng và chân, nên Vua ban sắc đưa kiệu đón rước Sư vào Tẩm điện để thọ giới Bồ-tát. Ban tặng Sư rất nhiều đồ vật, và Sư đều sung vào việc tu tạo công đức.

Đến ngày mười tám tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Xương, thọ sáu mươi chín tuổi. Tang buồn cảm động cả hai cung, điếu tặng lần lượt. Vua Cao Tổ ban sắc an táng tại thôn Nghiêm ở phía tây ngoại ô. Xây tháp đồ. Đông cung Chiêm Sự Lê Dương Công Vu Chí Ninh soạn văn bia, dựng tại tháp.

8- Truyện ngài Thích Thần Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô:

Thích Thần Huýnh, họ Điền, người xứ Lâm Tấn thuộc Bằng Dực. Thuở bé, Sư đã dĩnh ngộ vượt trội, Sư giã từ ân ái, xuất tục. Xa có tâm rộng lớn, trải qua đủ thứ gian nan và vui thú. Hỏi đạo ở Hải Tây, bao gồm chỗ sâu mầu, rộng rộng ba tạng, nghiên tìm Bách gia.

Chưa đến hai mươi tuổi, mà Sư đã chứa nhóm làm sắc thể chim Hồng. Tuy rộng thông các kinh luận, nhưng nổi bật là pháp Đại thừa, còn như Sư soạn các lời tựa, chú giải các kinh văn, Thiên Chương Minh luận, cả thảy có hơn bốn mươi quyển. Vào tháng ba mùa xuân hằng năm, Sư vân du khắp chốn nham a, đến đầu mùa Hạ mới trở về Kinh Ấp. Những người săn bắn chài lưới đọc thiên vị Danh, dần dần điều hòa sự ngang bướng lấy đó làm hoài bão để bỏ sự cao ngạo. Lại bỏ sự

đùa bỡn hài hước, biện giải điều thuận trong ngoài, lấn hiếp đồng bạn, khoe mình tài giỏi. Nên khắp Kinh ấp đều suy tôn, các hàng Vương hầu thảy vái chào kính ngưỡng. Lại nhân những lúc nhàn rỗi, Sư du lịch đến Tỉnh Đài, dự là Văn Hùng, thông danh yết đối, hoặc bàn luận đầu mối Nho Sử, hoặc khai ngộ huyền Tông, mặc tình ưu du, cũng là vị cao tăng tài giỏi ở cuối đời, cho nên các bậc Anh tài tuấn tú khắp các xứ Hoa Nhương đều lấy đó làm lời đồn rằng: "Đại Luận Chủ là Thích-ca, Pháp giới Đa-la Thần Huýnh một thời dắt dẫn". Vì những lúc Sư dựng lập Luận nghĩa thì có năm, ba người vấn nạn, sau mới gồm thông. Sư ôm giữ mục đích ấy.

Niên hiệu Đại nghiệp năm thứ mười (614) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ chùa Thiền Định. Sau đó, Sư lại vâng chiếu của triều đình mà đến Hồng Lô, giảng nói Đại luận, dạy răn khai mở các Phương Sĩ ở Tam Hàn. Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Sư đem chánh Đạo làm chỗ kết quy, chuyên làm khuôn phép, Sư bèn ôm tích trượng vân du các xứ Dung Thục, hoằng hóa khắp Mân Nga. Các hàng tăng tục, đều kính thành không đâu chẳng như gió thổi rạp cỏ, dòng pháp cuồn cuộn chảy đến sâu rộng.

Đến ngày mồng một tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Pháp Tụ, thọ sáu mươi lăm tuổi. Cả bốn chúng đều buồn thương, buồn vì dòng pháp ứng hiện chưa bao lâu mà đã kết cục, vốn có hoài bão chẳng xoay chuyển. Các hàng Quan thứ sĩ tục ở Ích Châu, cho đến đồng thuyền liệt đạo, tranh nhau tìm đến chỗ an táng, cờ phướn trắng xóa đầy đồng, khói hương xông ngút giữa hư không, muôn kế gào thương tiếng động đất trời. Trà-tỳ ở phía Nam cầu Thăng Thiên, đó là vâng theo di lệnh.

Sư có đệ tử là Sa-môn Huyền Sát thâu nhặt phần di cốt còn lại để cùng Tần Trung, và các bạn đồng học như Sa-môn Huyền Cứu v.v... đem về phía bắc chùa Tiên Du ở núi Chung Nam mà xây tháp thờ. Ngài Huyền Cứu soạn Văn bài minh nơi tháp. Tình ôm hoài trong trắng, chí vốn vui thích chốn suối rừng, rất giỏi về Thiên Thập. Bấy giờ gặp được Tinh việt Học Văn, mọi người đều kinh ngạc tài hoa bén nhạy của Sư. Chưa lập mà thị tịch, buồn thương tài phủ.

9- Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô:

Thích Tăng Phụng, ngài giòng họ Tiêu. Lương Cao Tổ là Tộc Tổ của Sư. Ông cố của Sư tên Ý làm Thị Trung Tuyên Võ Vương thời Nam

Lương, Ông nội Sư tên Quỹ, làm Minh oai Tướng Quân Phiên Ngung Hầu thời nhà Lương, Cha của Sư tên Trương, làm Chiêu Viễn Tướng Quân Tân Xương Thư thời nhà Trần.

Sư vốn từ giòng tộc trụ thanh hoa, phong vọng sâu xa, đặt tình rộng lớn, lập nghiệp cao vợi. Xưa, Sư có chí học, Sư có được thông tuệ sớm phát, văn bút từng rạng ngời, tiếng tăm vượt trội, soạn các tạp văn có hơn trăm bài. Gồm suốt vượt hẳn rừng Nho, nên các hàng thức giả đều đọc tụng. Và hẳn sớm lên Diên dự, khiến vang vọng khắp chốn kinh đô.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, có Pháp sư Tăng Kiệt là bậc danh vang khắp năm Đô, học cùng tám tạng. Sư bèn vững tâm cầu đạo, quy tông sư truyền. Ngài Tăng Kiệt xét thấy Sư tinh sáng, khí lược cao thượng, bèn truyền trao chân thừa, giảng nói sự sai khác của Thập Đẳng, đem huyền biện mà dẫn dắt, ít lập vị của tám thế. Sư nhã có sâu đạt, lãnh xem không xót, bay cao xa vời so với đồng bạn. Ban mạng có hoài bão như Tiền đạt. Bấy giờ, Luân Tướng Cố nói rằng: “Sư vượt công gấp bội, nghe đó ở người xưa, băng lạnh trong dày, nghiệm ở ngày nay!”.

Gặp lúc Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, có mưu đồ, trải qua thử thách các Hoàng Đạo. Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, đóng đường Nam Giao, Văn vật hưng thạnh một thời ngàn năm ít có. Vua muốn dùng Quân oai Đế nghiệp khơi động Quỷ thần, bèn trang sức cờ vàng, khắp bày lông trắng. Giáo mác sáng ngời giữa ban ngày, trướng võ dàn đầy sông. Các hàng Tăng tục đến đông đầy nơi Triều Đường. Vua Dương Đế ban sắc rằng: “Quân của nước nhà có dung nghi, hoa di không biến đổi. Tôn sùng chúa thượng xa còn Danh thể. Giúp sinh thông vận, Lý số có cơ nghi. Tam Đại treo nơi Lão Tông, Lượng giáo lập ở Thích phủ. Điều cách ban trải đã lâ, làm sao mà chống lễ?” Các hàng sĩ tử Hoàng Lão vâng thừa sắc lệnh cúi bái. Chỉ có các vị Sa-môn trong Phật giáo vẫn đứng sừng sững nhìn nhau. Khi đó, Sa-môn Minh Thiệm dẫn trước ra đáp chiếu, đầy đủ như ở Biệt truyện, nhưng sắc lệnh luôn thúc giục bảo “vì sao không lễ bái?” Khi đó, Sư đang là tự chủ chùa Sùng Kính, y theo lệ mà bị tìm đến. Sư bèn đi thẳng đến, viện dẫn kinh luận, nói rõ lý không thể kính trọng. Vua càng thêm thấy rõ việc chống lại sắc chiếu của Sư và Ngài Minh Thiệm. Thật có thể gọi đó là như Lan Cúc mỗi loài tự chiếm lấy anh hoa của chính mình. Trúc bách cùng phô bày trinh tiết, không thể tước phá! Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiền Định được xây dựng. triều đình lại ban chiếu

nhóm họp, kết lập đạo tràng, lần lượt giảng giải, mãi đến lúc tuổi già, Sư đã dẫn an cơ yếu, nếu có người vấn nạn mất đầu mối, Sư hiển bày luận bàn thì liền trở lại.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627....) thời Tiền Đường, Phật Pháp trở lại hưng thạnh, đồng xanh có dơ uế, đầu bạc do đó càng nhiều, nếu chẳng là người thống lãnh bao gồm thì không do đâu mà mở mang hộ trì. Trung thư Xá nhân Đố Chánh Luân được ban sắc trông coi Chưởng thống xem xét, Quản hạt tấu trình thỉnh Sư đảm nhận chùa Phổ Tập, sau đó lại chuyển lên làm Thượng tòa chùa Định Thủy. Sư dẫn dắt cả hai chùa, sinh hoạt không vượt ngoài Lục Hoà, khéo thấu đạt tâm của đại chúng, mừng họ đều kính ngưỡng mà dừng ở. Đến năm bảy mươi tuổi, Sư lại càng thành thật cùng cực, ràng buộc trần cảnh, phóng khoáng núi rừng, nói hiểu cùng tuyên, việc cuối hoàn tất.

Có Chư tăng chùa Long Cung ở Tây Sơn thuộc Kỳ Châu, từ xa đến thỉnh Sư giảng Thâm hạnh tố tâm. Sư tiếp thừa đó, bắc trái với Tầng Nham, phía nam với Thanh vị, gương đá ngời sáng giữa ngày, lưới thông cao vút giữa hư không. Sư vui sướng với u tình, liền nương đó mà đến. Sư mở rộng Pháp Quán, dẫn dắt theo vết tuệ, giúp cho kẻ tăng người tục vui sống lại với điều được nghe chưa từng có. Thế rồi vào giữa đêm khuya, Sư buồn cảm, thường giữ chí với lời nói trước, buồn thương tăng thêm càng xa tưởng. Đến ngày hai mươi ba tháng mười hai năm đó vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Khi cơn bệnh đã trở nặng, Sư vẫn còn hoằng Pháp, tình sáng không biến đổi, Sư bèn dốc hết sức lực trong lúc bệnh, ngồi dậy bảo rằng: “Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lời thọ Ký cuối cùng là phải dùng một để giải thích chung nhiều niệm.” Và Sư bèn đối trước đại chúng mà khai giảng. Khi xuống tòa Sư vẫn an nhiên, sau đó thị tịch tại chùa Long Cung, thuộc huyện Trần Thương. Các hàng Sĩ tục Quan thứ đau nhói tim gan, bức rức cả đầu. Đến ngày an táng, bày tỏ vết tích, thiều mục đâu còn thấy được, bèn đón rước linh cốt đến gò Bắc phía ngoài huyện, đục hang đá mà tôn trí, xây tháp trắng. Hoa lau nở trắng xoá, mọi người đến chiêm ngưỡng, thảy đều buồn khóc.

Sư có vị đệ tử là Sa-môn Pháp vị, tiếng tăm học hạnh sớm vang xa, nói hiểu cao xa. Vì ngày Sư thị tịch khó báo bổ anh thanh dễ lấp khỏa bụi trần, nếu chẳng nhờ trình bày thì do đâu mà giữ phép, bèn lập một tấm bia tại chùa Định Thủy, trình bày về khí tiết của Sư từ xa xưa. Văn đó do Tả Bộc Xạ Yên Quốc Công soạn. Chỉ có Sư là người lập Tánh nghiêm trang, khí tiết vượt hơn mọi người, nói lời sáng ngợi, hiểu

vượt rảo theo. Sư chuyên lấy Bát-nhã làm ruộng tâm, Niết-bàn làm đắc ý. Sư giảng Kinh Pháp Hoa có hơn trăm biến, Và cũng là một nhà soạn sớ giải. Ngoài ra, các kinh luận khác, Sư đều tùy thời mà nêu. Mới đầu, Sư đến Tây Sơn, có lưu lại vết tích, sớ có kể lại độ xa đó, phần nhiều vì các duyên khác. Vừa đi đến chùa ấy, nhân đó mà không trở lại. Sư ưa thích ngày biết được mạng mình, chẳng lấy gì thêm nữa. Nên trong phần kệ cuối di văn, Sư viết rằng:

"Khổ thay, nữ đen tối! Vui thay Trời Công Đức!
Người trí đều chẳng thọ Kẻ ngu nhận cả hai
Ta vâng lời Phật dạy Nương tựa trước Di-lặc
Nguyện tuyên dương Đại thừa Thành tựu Na-la-diên."

10- Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Đạo Nhạc, họ Mạnh, người ở xứ Lạc Dương thuộc Hà Nam. Gia đình nhiều đời theo Nho Học, chuyên giữ hạnh nghiệp. Năm chín tuổi, Sư đọc các sách Thi, Dịch, Hiếu Kinh, rất thông minh, nhớ dai, vượt trội hơn bạn bè. Cha của Sư tên là Hạo, làm quan ở thời nhà Tùy, giữ chức Lâm Truy lệnh, tiếng tăm sửa trị vang xa. Có Ẩn Sĩ Tây môn Nghĩa là người thông hiểu mọi vật, ở ẩn nơi chốn hang núi. Trước sau bảo thỉnh mà chẳng thể đến. Đến là bước từ Sơn A tới nơi Phủ Xá. Cha của Sư bảo cùng Lệnh Hạ Lại rằng "Tây Môn Nghĩa cố bái yết, vội vàng vì ta nói", liền nghe việc ấy khiến cho vốn kính ngưỡng cao phong lại sợ hãi nhóm họp dừng ở. Cha của Sư mời Tây Môn nghĩa vào chỗ ngồi và nói: "Đạo của tiên sinh quạt khắp tam cổ, Đức trọng cả bốn hạng dân, sao lại có thể xem thường mà nêu như thế?" Tây môn Nghĩa nói: "Tôi từ thưở bé đã trôi nổi, đến nay tuổi xế chiều, vốn không muốn liên can đến việc đời. Có tâm thành tựu, buông bỏ điều trí, Cổ họng nhả tiếng đã tĩnh lặng, thì tốt lành ngay chữ Dân, năm chiếc khố nhóm thành câu vè, hai kỳ thành ngâm vịnh. Có cái mừng, mỹ hóa, nên chẳng vì giấu ẩn tự riêng. Dám bắt đầu từ việc ấy, khiến thuật chẳng kịp. Hỏi về thuật sửa trị thì đối đáp như thần, tình đều tỏ sáng. Cha của Sư bèn bảo các người con là Thiệu, Tục, Tích, Khoáng, Nhạc và Lược đến trước mặt Tây Môn Nghĩa, nhờ Tây Môn nghĩa xem chỉ tay. Tây Môn Nghĩa nói: "Sáu người con của Phủ Quân thật là bậc Vĩ Khí! Ba người con lớn sẽ đảm nhận các chức vụ nơi Châu huyện, giữ gìn gia nghiệp y nhiên, còn ba người sau chí khí xa vời, đức hạnh cao cả, nghiệp tâm thần đạo, cầu hiểu ngoài lời, nên Sư hạn cuộc trong thế gian chẳng thể bàn nói được!". Năm mười bảy

tuổi, Khoáng, anh Sư được xuất gia, tiết tháo hạnh nghiệp bền bỉ, chí khí trong sáng, giỏi về Đại Luận và Tăng-kỳ, thấy sâu về Không Hữu, Đồ chúng có cả trăm vị, thiền quán rõ ràng, tích vật cao xa. Đó tức là Pháp Sư Minh Khoáng chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương.

Còn Sư năm mười lăm tuổi xuất gia, làm đệ tử Pháp sư Tăng Xán, ít thích học hỏi, thấy kinh luận thì vui mừng. Đến lúc thọ giới cụ túc, với các thiên cấm, Sư càng chuyên chú luật bộ, chỉ lối trì phạm, tánh chẳng bàn việc trái quấy. Thể mạo Sư khôi ngô tuấn tú, phong thái tiết tháo cao vợi, dung chỉ trang nghiêm, chẳng giao tiếp bừa bãi với các hàng Đạo tục. Sau, Sư lại tập học các Luận Thành Thật, Tạp Tâm với hai Pháp Sư Chí Niệm và Trí Thông, đầy đủ thấu cùng nguồn ngọn, từ nghĩa đều thông suốt.

Có ngài Đạo Ni ở Cửu Giang là người khai sáng mở mang Nhiếp Luận, khắp trong nước đều biết tiếng tăm. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, từ Dương Đô đến hóa độ ở Kinh Liễn, thừa tiếp Đạo nghiệp của ngài Chân Đế, nương gá truyền trao tiếng thơm. Sư nhân đó theo thọ học, ngày một thấu hiểu sâu xa, vì chúng nhóm họp mọi việc, bỏ phế việc tu tập, Sư muốn đến trụ chùa Thái Bạch tiếp tục sự nghiệp xuyên suốt. Bấy giờ, chùa Thái Bạch có ngài Tuệ An là người lỗi lạc, biết nhiều Thế số rộng lớn, một chữ phương trượng chỉ vuông một tấc mà có đến ngàn văn, rất giỏi y thuật, riêng luyện Kinh Đạo, mỗi ngày đi bốn trăm dặm, đồng như Khoa Phụ. Người đời gọi đó là Trường Túc An (ngài Tuệ An chân dài). Sư vừa là bạn mà lại gần gũi, nên bèn tìm đến và tỏ bày nỗi lòng, Sư nói rằng: “Học biết Tỳ-đàm, Thành Thật chẳng phải là tốt. Luận Nhiếp Đại thừa mới là Thanh vi, được truyền từ Ni Công mà người nghe nhận lại ít. Nay theo vật hóa, tinh ích không theo, giữa đường bồi hồi, làm sao thích hợp! Xưa kia Bồ Tát Thiên Thân soạn luận Câu-xá, Ngài Chân Đế phiên dịch luận ấy, truyền bá đến xứ này, tình gởi ở đây”. ngài Tuệ An bảo: “Mong nghe chí nguyện ấy!” Sư nói: “Tôi từ trước học các bộ đều là chỗ hoằng truyền của người xưa, lưu truyền Pháp vị rộng khắp, chưa hết về sau. Chỉ vì Luận Câu-xá không giải, thì do đâu mà kết ở tương lai ư?” Ngài Tuệ An bảo: “Chí ấy không đoạt mất, nghiệp nầy thành tựu!”.

Sau đó, Sư đến trụ chùa Minh Giác ở Kinh đô, đóng cửa vắng lặng, tìm xem Luận văn, tự đọc Văn từ bèn thấu suốt nghĩa. Suốt thời gian năm năm nghiên tầm, chẳng ra khỏi phòng, chỉ trừ ăn ngủ, còn không lúc nào nhàn rỗi, bèn được tỏ ngộ, tự nhiên khai phát thông hiểu nghĩa rộng. Còn như ngoại nghĩa phục văn, không sớ giải thì chẳng thể

hiểu rõ, Sư nương vào Tam Tạng bổn nghĩa đều ghi chép từ Phật Giáo phương nam. Sư suy nghĩ thấy lời ấy nhọc ghi chép về mộng mỵ, bèn đút lót các thương khách theo đường phía Nam. Đã cậy sự trông mong quý trọng ấy nên ở chỗ truy tìm, quả nhiên tại chùa Hiển minh ở Quảng Châu có được bổn sớ luận Câu-xá và mười tám Bộ ký, đều là bút tích của ngài Trí Khải. Sư đích thân tiếp thừa khẩu truyền từ ngài Chân Đế, Chùa Hiển Minh là nơi ngài Khải Công an trụ. Sư có được bổn sớ ấy, rất vui mừng kính ngưỡng, đọc tụng trầm tư, quên cả ăn ngủ. Sư bèn trở lại chùa Thái Bạch, quyết chọn Chí trước, đối với mọi việc vui buồn thảy đều dứt bặt, chỉ chuyên nghiên cứu tìm xét, mọi sự ăn mặc đều do ngài Tuệ An cung cấp. Bấy giờ, gặp lúc vật thực không được dồi dào, sắc thái tương quan lẫn nhau, Ngài Tuệ An bày nhiều việc kinh doanh để khỏi phải thiếu thốn. Trải qua nhiều năm, quyết chí Sư càng lớn mạnh. Bên trọng ngài tự hổ thẹn với chính mìn nên mới nói lời tri ân với ngài Tuệ An rằng: "Đạo Nhạc tôi rất ngu dốt, chỉ riêng học nhiều nên trở thành lầm lỗi. Tôi chẳng lượng sức, muốn tiếc không có phần, đó là điều không thể được thứ nhất. Ăn là gốc của người Dân, danh nghĩa làm thật khách, nếu cầu tiếng tăm luống dối thì làm khổ nhọc bạn Đồng tu. Đó là điều không thể được thứ hai, lỗi ấy rất lớn. Thật có thể lùi vết nổi chìm, lại nhọc lắm phiền lụy, cho nên không thể được!" "Ngài Tuệ An bảo rằng: "Công nghiệp sắp thành, mong không có chí khác. Mừng được tái ngộ không nghĩ lo riêng." Lại kéo dài thêm hai năm, mới ra khỏi núi. Sư bèn đem chỗ tìm biết của mình, cùng khai mở tuệ nghiệp. Sư vân du các trường giảng thanh luận chẳng cùng.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ Đạo tràng Đại Thiền Định, nay tức là chùa Đại Tổng Trì. Năm đó, Sư ba mươi bốn tuổi. Tuổi trẻ thành khí, người trước chẳng bằng. Thời ấy, tăng chúng có hơn ba trăm vị. Khiến nghe phong quy, cùng suy tạ nhau. Từ đó về sau, Sư rất nổi tiếng học không theo thầy. Tuy muốn mở mang truyền bá nhưng chưa được chấp thuận. Bấy giờ, có các sa-môn Đồng Đức như ngài Pháp Thường, Trí Thủ, Tăng Biện, Tuệ Minh, v.v... đều là những vị tiếng tăm vang vọng, mọi người đều biết, cũng vì dẫn trọng, lập ra thỉnh chủ, Sư nhún nhường ẩn tàng chí khí, từ chối các sư trao, luống lụy thanh ngôn, hỗ thẹn sự sơ lược. Các Ngài Tuệ Minh, v.v... đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cất tiếng nói rằng: "Sao Pháp sư lại thối từ? Chúng tôi tình đồng như nước với sữa, nghĩa kết cùng thành. Bít ngăn đức hạnh đổi dời thời cơ sợ trái với Linh giám! Lại nữa, Đời người thoáng qua vùn vụt, thời gian chẳng trở lại, mong chẳng lụy nhau!" Sư

nhìn lại các ý, chính là bước lên đầu tiên, dùng bản sớ trong Tam tạng phán thông Câu-xá. Các hàng Tiên học Hậu tấn chuyên tâm nghiên cứu luận khác, đều bảo rằng: "Văn từ ấy ý chỉ rộng lớn sâu kín, học trái với thầy trò, dù đạt đến một sớm nhưng thật tự là xằng bậy. Cần phải xem xét đầu mối đàm luận ấy, được mất đến như vậy." Sư tự nhìn lại Thỉnh Chủ, hư tông ban đầu không khiếp sợ. Nêu giềng mối, chỉnh đốn giềng mối, Đại nghĩa ở đây thông suốt. Tuy tranh luận bén nhọn, mà hưởng ứng theo sai khiến, mọi người đều chẳng nhận biết cửa ngõ, cho nên vô lý, đốn liên từ. Do đó tiếng tăm Sư chấn động cả Học tông, Pháp Diên kế tịch. Các hàng tuổi lớn Hiền lương đều suy tôn Sư.

Vào những năm đầu niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư từ hang Nghiệp Lam cảm hóa bên cạnh chùa, hang núi nhỏ giọt nước sữa, Sư đến hứng được hai thăng, thì giọt nước cao bèn dứt bặt. Sư bèn nói rằng: "Ta không chiêu cảm!" Nên khiến liền chảy, bèn đem nước cặn rót nhỏ giọt xuống nước sạch. Nhất tâm niệm tụng, mỗi ngày lấy một thăng, trải qua sáu mươi ngày, hoạ hết nước mới trở lại. Lại sang năm sau (619) vì Tam Tạng bổn sớ Văn Cú rất nhiều, người học ngihên cứu khó có thể xem rõ. Sư bèn lấy bản của Ngài Chân Đế làm gốc, ngoài ra bày chung thành Thiên Chương, phải ròng rã hơn mười năm mới khắc thành bộ, tất cả có hai mươi hai quyển, giảm bớt so với Bổn sớ đến hai phần ba (2/3) đều khiến bao gồm khắp cùng văn từ ý chỉ, bỏ chữ còn ý. Lại gồm soạn mười tám bộ luận sớ,lưu hành ở đời, lấy đó làm khẩu thật.

Lại nữa, ban đầu, tại nước Bình Trịnh có Pháp sư Tông là bậc Thần biện tài giỏi, khác lạ ở đương thời. Hoàng thượng (Vua Cao Tổ, Lý Uyên thời tiền Đường) thỉnh Sư vào nội cung, lập nghĩa Tam Tông. Sư bèn hỏi về Bát Chánh thông cục Thánh Hiền, sau trách mới thi hành, không có lời để đối đáp. Mọi người thấy pháp sư Tông chịu khuất mới nói rằng: "Học Sĩ ở Kinh Thất bàn nói thật ít có. Sự rộng lớn của ba Tông thì cái nào là tự chỉ." Và đời Cao Tổ muốn khiến Lão Đạo dời đến phương Đông khắp cùng Điều phục. Độ người truyền Pháp, diễn giảng hưng thạnh Lão Tông. Vào niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông mở rộng cả lưỡng giáo (Phật, Đạo). Bấy giờ, Hoàng Cân Lưu Tấn Hỷ khai mở lão Tử, là người thông các Luận Đạo. Sư bèn hỏi về Đạo sinh nhất nhị, nêu chứng cứ trước sau. Lưu Tấn Hỷ bèn làm thinh. Sư nói: "Tiên sinh là người thấy cao giỏi trước, há cho là mắt thấy tai thông ư?" Cả Đại chúng đều cười lớn mà giải tán. Nên sự hiểu biết sâu xa về pháp tướng của Sư tiếng tăm vang khắp kinh

Quốc.

Đến tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Khoáng Công, tức anh của Sư thị tịch. Sư đau buồn trói buộc cõi lòng. Đồ chúng cùng an ủi Sư rằng: "Mọi người đều có sự chết, chỉ tự nên gạt bỏ mà nén đi thôi!" Sư gạt lệ bảo: "Đồng ở trong nhà lửa, cùng đắm trong sông Ái. Sinh tử chưa dứt bỏ, làm sao mà chẳng buồn!" Người nghe bàn luận đó cho rằng Sư khéo ở giữa Đạo tục.

Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Quán thời Tiền Đường, có Phạm Tăng Ba Phả ở kinh đô, truyền dịch kinh điển, Ngài được chúng đề cử dự cùng đồng hàng. Sư Ba Phả nghe Ngài khéo giỏi về Luận Câu-xá, chưa lấy làm quý trọng bèn nói với mọi người rằng: "Luận này ở tại Bổn Quốc các bậc Học giả tài giỏi chẳng dám sai ý, nay nói là giỏi há chẳng có sai lầm ư?" Nhân đó bèn hỏi về Đại nghĩa và các Dị Luận, Sư tùy theo sức tuệ giải của mình, ứng đáp như nước chảy. Ngài Ba Phả khen ngợi: "Thật là người trí tuệ! Thật là người trí tuệ! Chẳng nói tuệ nầy, ta bằng người ấy!". Từ đó, Sư chuyên tình Đạo thuật, sâu kín thêm thường hằng.

Mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Hoàng Thái tử thỉnh các Bậc Thạc Đức nhóm họp đến Điện Quán Hoằng Văn để giảng nghĩa, Sư rộng khai mở cù thuật, bèn đáp lời các khách, tiếp đối khỏa lấp, thần chỉ nêu trùm. Thái tử nhìn mà hỏi rằng: "Pháp Sư ở xứ nào mà biện luận như thế?" Tả thứ Tử Đổ chánh luân nói rằng: "Đó là Pháp Sư Đạo Nhạc trụ ở chùa Đại Tổng trì. Dấu vết pháp môn, Học Quán noi theo". Thái tử bảo: "Hoàng Đế vì Quả nhân xây dựng chùa, thỉnh nhiều vị Danh đức, mà Thượng nhân đây chưa được thỉnh là vì sao?". Đỗ Chánh Luân nói: "Ngu Thuấn còn giữ tiết của Hứa Do, Hạ Võ vẫn thuận chí của Bá Thành, những người ấy là tục lưu vẫn còn theo kiểu dật, huống gì là Bậc sĩ của Phương ngoại là người xả bỏ tiếng tăm. Thần liền theo sự tốt lành ấy!" Thái tử bèn hạ lệnh rằng: "Nay hãy đến trông coi việc chùa, xứng đáng hư Phâm". Sư đổi sắc mặt từ chối rằng: "Hoàng Đế xét sâu cố bổn, quy hướng chí thành gieo nhân giác ngộ. Do đó, khảo xét chốn đất phước này, dựng lập Nhân từ, rộng thỉnh mời chư tăng Vô Tránh, để dựng lập nghiệp Vô Cương, bần đạo thức lượng chưa được rộng rãi, Đức hạnh không đáng ghi chép. Nay được trông coi việc chùa, thật là điều không ổn, xin nguyện dũ lòng dung thứ, dám trái với Ân Chỉ!" Sư luôn chối từ mà không được, bèn đến trụ chùa Phổ Quang.

Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền

Đường. Sư bị bệnh di lưu, mọi cách chữa trị đều không hiệu quả, Xuân Phòng Trung sứ cùng trông ở đường. Sư bèn thị tịch tại chùa đang ở, thọ sáu mươi chín tuổi. Hoàng Thái tử ban lệnh rằng: "Thượng Tọa ở chùa Phổ Quang, mọi phí tổn trong việc tang đều được gia lệnh chi cấp." Thứ sứ Phong Hậu không đặt Di ước, nhưng ban tặng lụa và các tang phục ở đương thời như pháp y v.v... Không bao lâu thì có ban sắc cho quan chu cấp nghi thức an táng, đón rước đến góc phía Tây của Đỗ Thành thuộc Nam Giao.

Sư có đệ tử là Sa-môn Minh Lược, thân cao bảy thước ba tấc. Năm mười chín tuổi, Sư xuất gia, rất có chí khí, tỏ ngộ xa xăm, dung nghi thanh bạch nghiêm túc, đặc biệt rất giỏi về Kinh Niết-bàn. Học chúng nương theo nhóm họp đông đúc, nổi tiếng kkhắp cả Kinh Lạc. Sư trụ chùa Thiên Cung ở Đông Lạc. Niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường. Sư vào triều đình vâng phụng an ủi. Bấy giờ khắp bốn biển đều nhóm họp về Đế Kinh. Chỉ có Sư và ngài Minh Lược liền cành đều ngời sáng, khi đó cùng tốt đẹp. Đến lúc sự duyên sắp xong, nói trở về Đông Hạ, tự nhiên Sư bảo rằng: "Đồng chí khí với ta có được bốn người mà đều nổi tiếng ở đời. Chỉ có ta và ông (Minh Lược) cùng nhìn lại du ảnh. Sau khi Pháp Sư Minh Khoáng thị tịch, tâm ta luôn tấm tức sợ chuột cắn sắn bìm, bỗng chợt qua đời, đời khác khó gặp, có thể không suy nghĩ ư! Nay tôi tuổi đã già, sống đâu được bao lâu nữa? Tập hội lại khó. Ông nên dừng ở!" Nhân đó, ngài Minh Lược bèn ở lại, mùa xuân năm sau thì Sư thị tịch. Ngài Minh Lược chịu đựng khổ đau, tha thiết buộc ràng, mang bệnh trở về chùa. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ sáu mươi bảy tuổi.

11- Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu:

Thích Công Huýnh, họ Biên, người xứ Tuấn Nghi thuộc Biện Châu. Năm sáu tuổi, Sư có tư tưởng muốn xuất gia, cha mẹ miệng đọc trao cho Sư Kinh Quán Thế Âm, trải qua nhiều ngày, từ đó chuyên dạy răn kinh pháp. Năm Sư chín tuổi được đưa đến chùa. Năm mười sáu tuổi, Sư thật sự xả tục, quyết chí nguyện ở chốn núi rừng. Nhân đó vào Thái nhạc, khổ tâm quên cả mỏi mệt.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư kính thờ Pháp Sư Hoằng, tự nghĩ rằng: "Khoanh tay im lặng ở chốn núi rừng, đây là một cách riêng làm cho mình tốt. Còn như đạt đạo mờ tối, gìn giữ chỗ nương nhờ khác, chẳng hoằng hóa dẫn dụ thì không rộng lớn." Sư bèn đến trụ chùa Tuệ Phước ở Biện

Châu. Trước kia khi đang ở trong núi, Sư đã từng giảng các Kinh Thập Địa, Thắng-man. Đến khi Sư vân du tới thành ấp, có người nhận biết, bèn thỉnh Sư giảng nói. Sư bèn nhân đó mà mở mang. Các kinh luận, v.v... Sư đều giảng cả. Về sau, Sư chỉ lấy kinh Pháp Hoa làm chính, bèn soạn sớ giải năm quyển và thường luôn mở mang giảng nói, trước sau có hơn năm mươi biến. Mỗi lúc giảng đến phẩm "Dược Thảo dụ" thì tự nhiên trời tuôn mưa. Nên Sư có được sự u thành chứng cảm hiện nên như vậy. Với các Kinh Phật Địa, Bát-nhã Sư đều soạn sớ giải và truyền giảng, giúp cho hàng hậu học, tiếng tăm vang khắp Đông Xuyên. Sư lại soạn Vô Tánh Nhiếp Luận sớ, quyết chí công phu mới thành tựu. Sư an nhiên thị tịch tại chùa đang ở, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Ngoài ra, nghe các hành nhân nói về Sư rằng: "Sư là người thiểu dục, tự tiết chế, mặc áo vải bố, ngồi trên cỏ tranh, các lợi lộc hễ lúc nào có được thì ban cấp hết. Trong phòng không có hòm rương, bốn phía vách tường trống trải. Trước lúc Sư thị tịch, có mùi thơm lạ, ánh sáng mầu nhiệm soi chiếu đến chỗ phòng Sư ở, trong hai đêm có đến bốn lần, Sư tự trông thấy tướng tốt lành, môn nhân Đệ tử đều khen ngợi. Sư nói: "Nguyện nương điềm tướng này được vãng sinh về cõi nước An lạc!" Nhân đó, Sư không ăn, hai mươi ngày sau thì thị tịch. Giếng nước Sư thường uống khi Sư thị tịch thì tự nhiên khô cạn, tắt nghẽn dòng mạch, sau khi an táng vài ngày, nước mới có lại như cũ. Kẻ tăng người tục buồn thương, thông cảm như thế.

12- Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An Nghiệp ở Biện Châu:

Thích Thần Chiếu, họ Thuần Vu, người xứ Trung Mâu thuộc Biện Châu. Năm Sư chín tuổi, gặp lúc nhà Tùy loạn lạc, quyến thuộc điêu tàn thất lạc, chỉ còn lại mẹ và Sư nổi trôi không nơi nương tựa. Sau đó không lâu, mẹ của Sư cũng qua đời, Sư tới lui không chỗ đến, sáng sớm đi tìm mộc thật, tối lại nằm ngủ chỗ xác chết mẹ, mọi người qua lại trông thấy không ai chẳng rơi lệ.

Năm mười hai tuổi, Sư đến chỗ họ Uất, ở đó có Pháp Sư Trí Minh và xin xuất gia. Khi đó Pháp sư đang giảng về Luật tạng, Đồ chúng nhóm tụ cầu học, chùa viện vừa mới yên định, lương thực chưa đầy đủ. Sư vào trong thôn ấp mang vác lương thực để chu cấp, trải qua sáu năm lao nhọc mà Sư không hề mỏi mệt. Lúc nhàn rỗi lo việc chúng tăng, ban đêm Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa, Thắng-man, tuy lâu dài mà không ai hay biết. Đến lúc thọ giới cụ túc, nghe giảng luật tạng, Sư thường phát

khởi ý tưởng kỳ đặc. Những người học trước đều lấy làm lạ thấy Sư chóng tỏ ngộ.

Sư lại đến Nghiệp Hạ, chỗ Pháp Sư Hưu, nghe giảng luận Nhiếp Đại thừa, chỉ qua một biến thì không sai sót. Khi giảng tan, Sư từ giã trở về, Pháp Sư Hưu đưa tiễn Sư ra khỏi chùa, đồ chúng đều lấy làm lạ, Pháp Sư Hưu quay lại bảo rằng: “Đó (Thần Chiếu) chính là Nhất Biến Chiếu ở Hà Nam. Hậu sinh lãnh tụ, các ông nên biết!” Sư lại đến chỗ Pháp Sư Không ở Hứa Châu nghe giảng Tạp Tâm Luận, vừa mới tám quyển. Vì Thầy mắc bệnh nên Sư phải trở về. Sau có nhân duyên, Sư bèn giảng bộ luận nầy, trước sau thảy đều thông suốt. Người đương thời gọi Sư là “Hà Nam Nhất Biến Chiếu.” Tiếng tăm anh tài của Sư chẳng nhọc gọi vời. Từ đó về sau, với các kinh luận như Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Thành Thật, Tạp Tâm. Sư đều tùy cơ duyên giảng giải cho chúng nghe không hề từ chối. Sư lại tạo vài trăm pho tượng, viết kinh mấy ngàn quyển, tùy duyên ban cấp, không vì cất chứa. Bản tân dịch Kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã vừa mới truyền đến, Sư đọc tổng quát, từ nghĩa dường như thiếu mất một hàng, Sư bèn lấy tình lường xét mà ghi chú bên cạnh, sau so lại với nguyên bổn quả nhiên phù hợp. Bấy giờ, mọi người đều ngợi khen năng lực suy nghĩ của Sư.

Vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường. Sư tuy bị bệnh với thời gian lâu mà giới hạnh không tỳ vết. Sư thị tịch tại chùa An Nghiệp, thọ bốn mươi chín tuổi.

Xưa, lúc bình thường, Sư có nuôi một con chó, nó thường theo Sư. Đến lúc Sư sắp thị tịch, nó kêu gào sủa những tiếng buồn thương, suốt đêm, nó chạy đến chùa; chỗ Sư xuất gia, qua lại hơn hai trăm dặm, nó chạy nhiễu quanh chùa kêu gọi để báo, Chư tăng ở đó vốn không hay biết. Sau, hung tin đưa đến mới biết nó báo cho biết. Đến rạng sáng nó trở về đến chùa An Nghiệp. Sau khi an táng mấy ngày, nó ngủ hoài, chảy nước mắt, bỏ ăn mà chết.

13- Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu:

Thích Đạo Kiệt, họ Dương. Tổ tiên Sư là Hoằng Nông, con cháu của Thái úy Chấn thời nhà Hán. Con cháu lại ở Minh Điều ấp An thuộc Hà Đông. Sư bẩm tánh phát ngộ tú dĩnh, mở rộng vượt ngoài vật. Năm vừa mới độ tuổi Tiểu học, mà đã Ngoại truyền, được chỉ dạy thư kế điển tịch. Ông nội Sư biết rõ Đại lược. Nhưng sớm gieo trồng gốc đức, tình nhàm chán trần tục. Cha mẹ Sư lưu luyến ngăn cản không chấp thuận.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Sư sắp hai mươi tuổi, bèn đi về phương Đông, đến chỗ Pháp Sư Chân Oanh Hỷ Hoành, Thủy Quật. Ngài Chân Oanh xét thấy Sư cao trội, nên xuống tóc cho, sau đó cho thọ giới cụ túc, bảo Sư học kinh Niết-bàn, v.v... Tánh Sư thanh tịnh trong sáng, Văn trì như gương soi. Sau, Sư đến núi Hiện Đầu tụng Kinh Pháp Hoa, trải qua một tháng bèn đạt đến sâu. Sư tự nghĩ rằng: "Há trong kinh chẳng nói ư? Thà nguyện nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa vị. muốn được thông yếu thì phải vân du rộng rãi."

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Sư sang chỗ Luận sư Hà Ký ở Thanh Châu nghe học Luận Thành Thật, chỉ mới hai năm mà công phu bằng bốn năm. Sư Hà Ký nhìn Sư, bảo rằng: "Con ta (Đạo Kiệt) hình tướng lớn, có phong cách trong sáng, Học Cạn mà suy tư xa vợi. Luận của ta nhờ ông mà hưng thạnh. Nếu ông còn như trước sau, ta sẽ chỉ dạy không mỏi mệt!" Sau đó không bao lâu, ngài Hà Ký thị tịch, từ đó Sư rảo bước khắp đất Tề. Bấy giờ, có các ngài Trang Tịch, An Nghệ đều được gọi là Triết nhân. Sư bèn nương theo học đạo, biết nhiều tiền lệnh. Sư lại sang chỗ hai Luận sư Thương Ký và Nguy Niệm nghe Luận Tỳ-đàm.

Sư lại đến chỗ Đạo Thượng ở Thanh Hà, Hồng Cai ở Cấp Quận, đều nghe giảng Luận Thành Thật, trước sau tất cả bốn năm, nghiên cứu cùng tận năm nhóm, Sư bèn tìm cả trên dưới để hỏi Pháp Chủ. Sư từng làm cho Cai Công than vấn thở dài, thường định ra nghĩa nầy rằng: "Trong Luận nói "Chỉ một khổ thọ mà có ba thứ khác nhau", Văn đó chẳng phải nghĩa là lấy một Hành Khổ gọi là Khổ thọ mà tùy tình nói ba Thọ. Chính vì đối với một khổ thọ mà tùy tình nói ba Thọ, đó là sự kế chấp của Kinh Bộ Sư, mà ngài Bạt-ma thuật lại lấy làm Tông. Có thể chẳng như vậy hay sao?" Ngài Hồng Cai bảo: "Đúng vậy!" Sư nói: "Nếu khiến cho Quả khởi thù đáp Nhân, nói khổ thọ là Lạc thọ thì cũng có thể nhân thành cảm Quả, nói nghiệp ác là nghiệp lành. Nếu nói nghiệp lành cảm Quả vui. Nghiệp lành chẳng phải là nghiệp ác thì cũng có thể thọ vui thù đáp nhân lành. Thọ vui chẳng phải thọ khổ. Nếu nói thọ vui thù đáp nhân lành mà Thể tức là thọ Khổ, cũng có thể nghiệp lành Cảm Quả vui mà Thể tức là nghiệp ác. Nếu nói chỉ là một thọ Khổ, tùy tình nói Vọng vui thì cũng có thể chỉ là một nghiệp ác, tùy tình nói vọng lành, trong đó có lắm câu, cuối cùng là một chướng ngại, xa lấy phục ý, phủ lấp quyết đoán". Khi đó, ngài Hồng Cai mịt mờ bảo: "Đối với việc nầy phải hiểu. Nhưng sau, ở nơi phòng riêng, Ngài Hồng Cai bảo Sư rằng: "Ông thật là người có trí sáng, vượt trội đồng bạn, khó nói cho cùng.

Nay tôi già yếu, việc mở mang Hưng thạnh Luận đạo việc ấy phải do Ông!” Do đó, môn nhân thảy đều kính phục.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, từ đất Vệ Sư đến Nghiệp Đô, nghe pháp sư Hưu giảng Nhiếp luận, Sư lại đến chỗ Luật sư Hồng nghe giảng Luật Tứ Phần. Lược biết được cửa ngỏ, mà ý vẫn còn ở Tiểu luận. Sư chuẩn bị đi về phương Đông, gặp Tùy Hán Vương mời Luận Sư Chí Niệm ở Thương Châu, pháp sư Pháp Lăng ở Hà Giang đến hoằng hóa ở Tinh Châu, bỗng được việc ấy, Sư bèn đến nương theo, nghe giảng kính ngưỡng Ca-diên đọc luận Bà-sa. Trước sau suốt ba năm thông hiểu cùng cực. Sư từng hỏi vặn Luận sư Chí Niệm rằng: “Nếu Xúc không chẳng phải xúc nhập xứ, cũng nên Thức Không chẳng phải Thức Trú xứ. Nếu cho rằng thức chẳng phân là Thức trụ xứ, cũng nên xúc chẳng phân là xúc nhập xứ.” khi đó, Luận sư chí niệm chỉ mỉm cười nhìn thẳng hoàn toàn chẳng hiểu gì. Sư luận Đạo hỏi vặn mạnh mẽ đại loại như thế. Nhưng vì trước, Sư công kích Tiểu Học là ý muốn mở mang Đại thừa.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư lại nương tựa pháp sư Pháp Lăng nghe giảng các Luận Thập Địa, v.v... bấy giờ các pháp môn đang mở rộng, các bậc Tông sư kết nhóm. Trí Cảnh Đại Luận, Thập Lực nhiếp thừa, cả hai đều thấu đạt Niết-bàn, Thuấn Khám Luật Bộ một lúc mà gồm nhóm, khắp trong Tinh Châu, Tấn Châu đều hưng thạnh. Sư bèn rảo bước vân du khắp các trường giảng, quán xét sơ lược mọi sự Đồng Dị. Trải suốt sáu năm, Sư đều tỏ bày vấn nạn. Nên tại Tinh Châu có câu nói: “Đại Đầu Kiệt vấn nạn người giết”. Nhưng Sư nêu bày tuy ít, nhưng một nêu, một trách, có thể làm cho đổ mồ hôi.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm-đời Tùy) băng (605) Tấn Dương nghịch tiết, Sư bèn trở về quê cũ, giảng Luận A-tỳ-đàm Tâm, lại giảng Kinh Địa Trì, mỗi thứ năm, sáu biến. Sư tự nghĩ: “Nhọc việc nói năng, đường tâm mở rộng. Còn như khởi tuệ mà chẳng có định thì không phát!”. Sư bèn nghỉ giảng, tìm đến Ma Cốc, nương tựa Thiền sư Chân Tuệ thọ học ngồi, nghĩ chọn Niệm tuệ, vào sâu Duyên khởi. Thiền sư Chân Tuệ ngợi khen Sư rằng: “ Thường cho là Pháp Sư v.v... một khi đã theo Danh giáo, khó nép theo vòng loạn, vì sao mới tập hành đã có khả năng chú tưởng, há chẳng phải trước đã tu tập đến cùng ư?”. Sau đó, Sư y cứ Thành Thật An ban niệm xứ, suốt hai đêm chuyên tưởng quán thấu hiểu Đại minh. Bèn nói với Pháp Sư Thần Tố rằng: “Đêm qua tôi thử y cứ theo luận văn an ban niệm Quán, cảnh giới rất sáng mà khí bức xung lên ngực, ngồi không yên một chỗ, muốn dứt tai

hoạn ấy phải dùng đến Giáo để xua đuổi. Xin chọn các bản Dị Đồng của kinh An Ban biên soạn thứ lớp, cùng y cứ để xua đuổi vướng mắc." Ngài Thần Tố bèn đem các Bộ Bà-sa, Thành Thật, Long Thọ, Lan-nhã, nói rõ về tướng mười sáu Đặc thắng, sáu thứ An-ban để chỉ bày cho Sư, Sư bèn y cứ theo đó mà tu tập, càng thêm trong sáng, thanh tịnh. Sư lại trở sang Ma Cốc để trình bày sở chứng. Ngài Chân Tuệ bảo rằng: "Lành thay, bậc Đại lợi Căn! Lợi lạc trong suối, những người học ngồi chưa đến chỗ ấy!".

Đến niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, thỉnh Sư giảng Thập Địa. Sư cười bảo: "Hơi thở nương tu Thiền, chỉ gọi là pháp tự lợi cho mình. Giảng truyền pháp hóa mới là lợi tha. Còn như tự tha đều lợi thì việc phải thương lượng. Nay phải ban ngày giảng, ban đêm mặc tĩnh, ngỏ hầu Đại tiểu đều được thông hợp, điều ấy có thể làm được chăng?" Sư kéo việc giảng nói hơn ba mươi Biến. Đồ chúng thường theo học có hơn trăm vị, có đủ khả năng ra ngoài hoằng hóa khoảng hai mươi vị. Sư là người cương quyết, thẳng thắn bao dung, thiểu dục ít nói, chọn người kết giao phải là kẻ sĩ, của cải sơ sài, ăn uống đạm bạc, khổ vui không nói, mừng giận chẳng phiền, cả Đại chúng chùa Thê Nghiêm đều đề cử Sư làm Tăng Chủ. Sư cố khước từ mà không được, giống như mây nổi.

Đến ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh mà Sư thị tịch tại chùa, thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi sáu hạ lạp. Mới đầu, có ngài Phiên Xước ở Tang Tuyền, trước kia vào thời Bắc Chu phá hủy Phật Giáo, vốn là tăng sĩ, nay tuy là người tại gia mà thường tham dự pháp vũ. Sư dùng lễ Quốc Sĩ mà tiếp đãi. Phiên xước đã qua đời từ trước, hai người con gái nằm mộng thấy ông nương giữa Hư không đi đến bảo rằng: "Ta sinh về cõi nước Cực lạc ở Tây phương, biết Pháp sư Đạo Kiệt sắp thị tịch nên đến đón rước." Nhân đến chùa Thê Nghiêm, ngày đó Sư mắc bệnh nên nghỉ giảng, đến lúc thị tịch, Sư thường thấy Phiền Xước ở bên cạnh. Cả Đại chúng lại nghe giữa hư không có tiếng kỹ nhạc, mùi thơm khác lạ. Nên Sư cách xứ tuy xa mà chẳng phụ công mở mang dẫn dắt. Môn nhân Đệ tử bèn y theo pháp thức ở Tây vực, cử hành lễ Trà-tỳ, thâu nhặt di cốt, xây tháp cúng dường.

14- Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu:

Thích Thần Tố, họ Vương, tự là Thiệu Tắc. Tổ tiên Sư vốn ở xứ

Thái Nguyên. Ông nội Sư theo nghiệp làm quan ở Ngô Châu, bèn dời đến ở một vùng hoang vắng thuộc xứ Minh Điều; ấp An. Sư thuộc giòng tộc cao quý, không nhọc phải ghi.

Thuở thiếu thời, Sư cùng Sa-môn Đạo Kiệt kết tình thân giữa hai họ Trương và Phạm, cùng dẫn dắt nhau đi hỏi Đạo. Phú lễ dịch của Nho học là sở trường. Còn như Thiên Thập, tiếp nối tốt lành anh thái, nên Sư đến học ở các trường giảng, rảo khắp mọi nơi trong nước, đều cùng theo nhau. Cả hai là người thế đó. Với mọi sự tập học từ nghĩa, rộng xét xem tuấn ngộ thật khó phân định là anh là em. Còn việc Tụng kinh, tập học thiền định phải chỗ cầu ẩn thì Sư thuộc sau ngài Đạo Kiệt. Còn với Văn Lý hội thông thì Sư dẫn trước. Sư vì Ngài Đạo Kiệt mà tìm ra An Ban Niệm Quán, giúp ngài Đạo Kiệt không còn vướng mắc, như đã nói trong truyện trước.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy. Ngài Đạo Kiệt nghỉ giảng, học chúng thỉnh cầu Sư tiếp nối tương tầm, Sư bèn tuỳ thuận chuyên giảng luận Tỳ-đàm hơn bốn mươi biến. Sư tiếp tục giảng luận Thành Thật gần hai mươi biến, ngoài ra, các Tiểu bộ, ở đây chẳng ghi hết. Với sự giảng pháp chỉ một lời nói khế lý, nói ít mà giải thích nhiều, khiến người học tỏ ngộ cao xa, người nghe không nhàm chán thì ngài Đạo Kiệt cao vượt hơn Sư. Còn về tỏ bày nhiều điểm Đồng dị, rộng quyết định đúng sai, trịnh trọng trọng xét xem, mở ra Giác Ý thì Sư thật là Hiền giả so với ngài Đạo Kiệt. Còn chỗ khéo thành thì phủ che rộng rãi đồ chúng tài giỏi nên ở Tấn Xuyên khen là "Hai ngài Thần Tố, Đạo Kiệt như Thu Cúc, Xuân Lan mỗi người tự có vẻ đẹp của riêng mình". Nhưng Sư có tâm cung kính thối nhượng từ ái khoan dung, tiếp đãi kẻ sĩ, chiêu mộ người hiền chẳng phạt đối với mình.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Đại chúng chùa Thê Nghiêm thỉnh Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư viện cớ pháp sự nối nhau có sự cản trở giềng mối của chúng tăng, nên từ chối. Tăng chúng lại cố cầu thỉnh, Sư bèn y cứ theo việc cũ của ngài Đạo Kiệt mà chấp nhận. Tánh Sư khoan hậu bao dung với mọi người, nên được trên dưới đều hòa mục, gió bụi tĩnh lặng. Đến ngày hai mươi ba tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thê Nghiêm, thọ bảy mươi hai tuổi.

Sư, một đời hạnh nghiệp, chỉ nghĩ tưởng đến Tây phương. Đến ngày sắp thị tịch, Sư vời tất cả Môn Nhân đại chúng cùng giã biệt Họ. Sư tự ngồi kiết già, trang oai nghi dung rồi bảo đại chúng tụng kinh Quán Thế Âm hai biến. Sư nhất tâm lắng nghe, tự xưng niệm " Nam-mô A-di-

đà Phật", như thế đến năm, sáu câu, Sư lại bảo một người xướng niệm, còn những người khác đồng hòa theo, mãi đến nửa đêm, Sư vẫn ngồi thẳng sừng sững, bất giác Sư đã thị tịch lâu rồi, bèn y theo thế Sư ngồi mà tẩm liệm an táng, da thịt tiêu rã hết mà xương cốt vẫn ngồi như lúc đầu. Lại cảm có các điềm lành ở đây bỏ qua không ghi chép.

Đầu đêm Sư thị tịch, Pháp Sư Chí Khoan ở chùa Nhân Thọ, ban đêm tĩnh tọa mơ màng thấy Sư đến chỗ ngài đồng giường ngủ nghỉ, ân cần cáo biệt rằng: "Đức Như Lai mở tâm Đại Bi vì các chúng sinh trải qua nhiều kiếp tu hành khổ hành tinh tấn siêng cầu Đại pháp, lưu bố khắp trong trời người, muốn cho không dứt bặt, chúng ta tuy ở hạ lưu, nhưng Phật di chúc phó thác mà chưa thể phát huy, Đạo nghiệp bèn có các vị ở trước. thần Tố tôi tuy chẳng ra gì, mang nặng tội lỗi, thường muốn thôi đẩy mạng rất mực ngu lên đến trời nghe. Nay đại vận chợt đến, từ giã mãi mãi, nên khéo sống và cố gắng!". Ngài Chí khoan đưa mắt đến cùng cực, bỗng nhiên tỉnh giác, cho đến sáng vẫn chẳng biết điều hung dữ. Chỉ phút chốc có tin đưa đến mới biết Sư đã thị tịch từ hôm qua. Ngài Chí Khoan viết gởi thư kể lại nỗi lòng cho cho các môn nhân, đệ tử Ngài biết như thế.

15- Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô:

Thích Pháp Hộ, họ Triệu, vốn người ở Triệu Quận. Ông nội Sư tên Khương, làm Tế Âm Thái thú, con cháu toại gia. Đầu đời Tùy, có Triệu Hằng cùng Thanh Hà Thôi Uông, vì đỗ Tú tài, nên người đương thời gọi là Tứ Thông, tức là cha của Sư. Gia đình Sư vốn thanh bạch cần kiệm, lễ nghi trong trắng tự sống. Thuở nhỏ, những lúc các trẻ đùa vui thì Sư ngồi khoanh tròn lên giảng, nhặt hoa bày cúng. Cha của Sư biết Sư là Pháp khí. Năm mười hai tuổi Sư phải chịu tang cha, sau đó không bao lâu lại phải chịu tang mẹ. Sư đau buồn khóc dứt hơi đôi ba phen. Sau khi mãn tang, Sư đến Hà Bắc thuộc Vệ Châu, muốn học theo Nho thuật, bỗng gặp được duyên tốt dẫn dắt, dạy cho Sư nhận biết ba cõi như lao ngục, bốn đại dường rắn độc, nếu chẳng sớm tỏ ngộ thì luân hồi không thôi dứt. Sư bèn nương theo đó mà xuống tóc xuất gia. Lúc ấy Sư mười lăm tuổi.

Ngài dừng ở lại tụng Kinh Tịnh Danh bảy ngày, bèn thấu đạt. Từ đó, Sư rộng tham hỏi các kinh, thưa hỏi không xa gần. Sư bèn đến chỗ Pháp Sư Chí Niệm nghe giảng Luận Tỳ-đàm, đến chỗ Pháp Sư Pháp Ngạn học Luận Thành Thật, qua lại nhiều năm, tham dự các dấu vết

trước. Sư lại nghe giảng Luật Bộ, tìm hiểi trì phạm. Sư lại đến chỗ Luận sư Trung ở Bành Thành, đó là người chuyên ròng Nhiếp luận, khắp cả nước đếu kính ngưỡng, kính vâng thưa hỏi, không hề chối từ. Sư được chỉ bày truyền trao mọi lẽ, cùng tận Huyền trí.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, Độ Tăng hoằng hóa ở phương xa. Sư bèn ứng với sắc chiếu ấy, tiếng tăm đượm thấm xứ An Lục. Không bao lâu có sắc ban xa thỉnh mời những vị có khả năng tài nghệ vào ở nội đạo tràng. Lúc đó Sư vừa mới ba mươi hai tuổi, đã đến trụ chùa Tuệ Nhật. Các bậc tài giỏi nhóm họp đông đảo, thường giảng các kinh luận như Trung Quán, Niết-bàn, Nhiếp Luận. Ngụy trịnh đã giáng, Thái Tông mới vào, riêng thỉnh năm vị Danh đức, Sư ở trong số đó. Từ đó, khảo xét Nhiếp luận, hai đầu bấy bỏ. Hoặc giả vì nhiều Tân bổn, xác tước chưa đủ y cứ để nhậm, mà Sư riêng được nơi tâm, đến lúc Đường luận mới lưu xuất, tự nhiên phù hợp, vì là có người biết mà im lặng.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh Sư đến chùa Thiên Cung ở nhà Long Tiềm, Sư bèn trông coi đảm nhận việc chùa, lấy Đức để khuyên dạy người, chúng đều hòa mục như thế. Đến ngày hai mươi mốt tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, lúc bóng nắng chẳng còn, Sư thị tịch tại phòng, thọ sáu mươi tám tuổi.

Ngài rất giỏi ngoại thư, khéo về Đạo thuật, kiệm ước với chính mình, bớt ăn uống, cởi y phục cấp tặng người lạnh giá, thất đai quanh năm, không hề trang sức dung mạo, mà những người quý thắng lại kính trọng, mọi người tài thông đều đến đông đúc. Trước đó, Sư uống thạch tán, phát loạn mấy ngày. Môn nhân thấy vậy dối đáng tự trách lấy, nhưng hãm hại thầy ở phi đạo là lý gì ư? nên bèn chẳng nói. Sư dung mạo khác thường như vậy, nhưng Sư khéo thi thiết quên cả mỏi mệt. Trong phòng không có chứa để đồ vật quý, chỉ có một chiếc giường, một chiếc ghế mà thôi. Sư soạn Nhiếp Luận Chỉ Quy, v.v... hơn hai mươi thiên. Ban đầu, khi Sư mới tịch, có sa-môn Trí Đại ở Tung Sơn ngoài chín mươi tuổi mà khí cốt điềm nhiên trong trắng chẳng hơn ba mươi tuổi, nghe tang buồn mang chống sách trượng mà đến, rất mực đau buồn nói rằng: “Bậc sĩ của kinh luận, thường của tinh khổ, ở đời có được người ấy, còn như thuần trực tự nhiên, thức lượng thanh nhã thì sau khi người ấy qua đời sẽ dứt hẳn vết tích!”. Trung thư Đỗ Chánh Luân đến viếng điếu và có bài Minh, lược nêu như sau: “Xưa kia được ân răn dạy, dẫn dắt sâu xa, mãi đến nay xoay vần đến thăm hầu, khóc gào cùng

giường ghế, lệ đổ có thể kéo đắm chìm, than ôi chẳng thôi, gần ở tuổi xa, mãi là khuôn phép cao vời!".

16- Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô:

Thích Huyền Tục, họ Tang, người ở xứ Thành Đô thuộc quận Thục. Sư xuất gia đã lâu, trải qua Đạo nghiệp, các kinh luận như Niết-bàn, Thành Thật là chính của sở học. Sư thường giảng Kinh Pháp Hoa, dẫn dắt hàng sơ cơ mới hiểu, nhưng phong thái của Sư cao vợi, dung chỉ khuôn phép. Những lúc bàn nói lanh lợi khắp thông. Sư thấu đạt ngoại thư, giỏi các lối chữ Thảo chữ lệ. Bấy giờ, Thổ Thiên Thập kế tiếp sự tốt đẹp ở trước. Sư lại hay chiết phục tiết tháo hạ người. Với các hàng trẻ thơ niên thiếu tăng tục, Sư có tài điều nhiếp, khiến chúng đến nói chuyện thương mến và quen dần. Còn như các hàng Hầu Vương Hùng Bá Danh Nho Đại đức tiện ngạo nhiên đặc lập. Sư chẳng vì để ý mà Thần sáng càng cao, luận biện hợp nhanh như điện chớp.

Có Đông Tào Duyện Tiêu Bình Trọng ở Tử Châu là con cháu của Lương Cao, rộng học cơ quan, là tuyệt ngẫu ở đương thời, đến tham yết bàn nói đều mối, văn tập chỉ bày. Bình Trọng rất kính chuộng, ung dung bảo rằng: "Kính ngưỡng hoài bão cao vời, xem lược các hàng sang quý v.v... nay mong lễ được đoái hoài, rất thẹn với phi nhân". Sư bảo: "Kiêu ngạo đối với họ. Còn Minh Công ái rộng thì dùng ái rộng để đáp". Bình Trọng nói rằng: "Từ trước đến nay, Pháp sư không phải như vậy, nay đây chợt như vậy, nghi là Hư đàm, sợ chẳng phải thực lục." Sư đáp: "Bần Đạo hư thật tiếp đãi ông, cũng như ông thật hư gặp gỡ Bần Đạo". Cả hai cùng vui vẻ cười.

Sư từng vì chùa Bảo Viên soạn Văn bài Minh, trong đó có nói về Lão Trang rằng: "Lão được tôn xưng là bậc Thánh, Trang được gọi là Triết nhân. Như đem lửa đom đóm mà sách với ánh sáng mặt trời, ví núi lớn với mảy bụi." Gặp lúc có Đạo Sĩ Phùng Thiện Anh ở Thái Giang đi ngang qua chùa, vào lễ bái, trông thấy rất ghét, nói với Sư rằng: "Văn Chương thường bàn nói thật hay đẹp, nhưng hủy báng chưa biết được bản hoài. Nếu chẳng sửa đổi, ta sẽ sai sứ tấu trình". Sư bảo: "Thể thế của Văn Chương ông chẳng thể biết được. Nếu gọi là sắc sứ muốn uy hiếp nhau, trong chùa ta năm khác sai người trẻ tuổi, đó là sắc hứa, cũng là sắc sứ. Ông muốn tấu trình ta, ta đang là người trẻ tuổi cũng có thể tấu trình về Ông." Phùng Thiện Anh vô cùng tức giận mà chẳng biết làm sao. Chư tăng trong chùa có năm mươi vị tuy đều đợi chờ đến chiều,

mà đều thuận phục. Sư từng thấy người thuật về Trang Tử dụ như chim bằng, chim yến, Sư bèn than rằng: “Trang mê mờ cho rằng Đại tiểu cùng cực chỉ là ở đây. Đâu biết núi Tu-di chẳng dung chim cánh vàng, thế giới đưa vào trong mảy trần, trí của con ếch ở đáy giếng chỉ làm dơ bẩn tai mắt của người!.”

Về sau, lúc bệnh trở nặng, Sư nhóm họp chúng tăng, khi đã nhóm họp Sư xả bỏ hết cả rồi nói rằng: “Sinh tử là việc thường. Mong các vị mỗi người tự làm bến bờ cứu độ cho mình!”. Và đêm đó Sư thị tịch. Lúc ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường.

17- Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy ở Tô Châu:

Thích Tuệ Bích, người xứ Gia Hưng thuộc Tô Châu. Lúc mới mang thai, mẹ của Sư dứt hẳn các thức ăn uống tanh nồng. Đến lúc sinh Sư về sau lại ghét các mùi vị hôi hám. Nên mới đầu từ hài nhi đến bảy tuổi, Sư chỉ ăn dùng các thứ rau quả, không hề mong cầu gì.

Đến khi xuất gia, Sư nương tựa Nghiêm Sư Minh Giáo ở chùa Pháp Lưu Thủy, thuận theo tu tập Sau hai mươi tuổi, Sư vân du tìm cầu học Đạo không ngại nguy hiểm. Bốn luận ba Kinh, Sư thưa hỏi thường yếu. Khi sở học đã thành đạt, Sư trở về chỗ ở cũ. Mọi người khắp bốn phương nương theo Đạo phong đều nhóm họp thỉnh cầu bái yết. Môn nhân qua lại thường có cả trăm vị. Sớm tối ngài dạy răn dẫn dụ, nhạo khéo nói không mệt mỏi. Lưng Sư chẳng dính chiếu hơn bốn mươi năm. Già không sức lâu, thường vỗ vào ghế loạn. Đến cuối niên hiệu Trinh Quán *650) thời Tiền Đường, Sư đã ngoài bảy mươi tuổi. Người ấy chẳng xa. Từ Trạng ít truyền, khắp bốn phương xa khen ngợi chỉ nói là “Đại đức không thể suy nghĩ bàn luận”. Còn như Sư đăng cơ đối ngữ, soạn các Hiến Chương, Vết Cao chẳng nghe thấy, sợ lấp vùi xưa cổ. Thật tiếc thay.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 13 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 14

TRONG PHẦN 10 CỦA CHƯƠNG II

(Chánh truyện có mười bốn vị, phụ có năm vị).

1- Truyện ngài Thích Trí Diễm trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

2- Truyện ngài Thích Đạo Cơ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường (Tuệ Cảnh, Bảo Hoàng).

3- Truyện ngài Thích Đạo Tôn chùa Nhân thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường (Đạo Khiêm).

4- Truyện ngài Thích Tuệ Quan chùa Sùng Nghĩa ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

5- Truyện ngài Thích Đạo Tông chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.

6- Truyện ngài Thích Tam Tuệ chùa Linh Hóa ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

7- Truyện ngài Thích Tuệ Quân chùa Thông Huyền ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

8- Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

9- Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí tướng ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường(Trí Hiện).

10- Truyện ngài Thích Tuệ Lăng chùa Tử Kim ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

11- Truyện ngài Thích Trí Bạt chùa Thường Tế ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Du chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, thời Tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Trì chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

14- Truyện ngài Thích Trí Khải chùa Cát Tường ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Trí Diễn ở núi Võ Khâu tại Tô Châu:

Thích Trí Diễm, tự là Minh án, họ Chu, người ở Quận Ngô. Ông nội Sư tên là Hiến, làm Viên ngoại tán kỵ thị lang thời nhà Lương. Cha của Sư tên là Mân, làm quan thời nhà Trần. Sư thác chất từ Hoa tông, ứng sinh quán Đức. Mẹ của Sư họ Trương. Ngày mới mang thai Sư, Bà mộng thấy bay lên tháp chùa Thông Huyền, ngồi trên tướng luân, xa nhìn thấy đến hư không mà chẳng tỏ vẻ kinh sợ. Đó là điềm lành của bậc Đắc Đạo siêu sinh, là ứng hiện đặc biệt của bậc nhân sư vô thượng. Là biết hai vầng ánh sáng nhập thai. Hai rồng kê gối chẳng kịp. Sau khi sinh, Sư liền có tướng khác với các trẻ khác, khí tú tâm trinh, hình tướng dễ xem.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp Sư Cừ ở chùa Thông Huyền làm đệ tử, nâng giày mang y, cung kính hầu hạ chẳng biếng lười, rót bình cầm gáo, học Đạo càng siêng năng. Năm mười hai tuổi, Sư tụng thông một Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Các hàng minh ngộ nghe xét đều gọi Sư là Thần Đồng. Sư bèn tự tư duy rằng: “Đông đúc nơi kinh ấp, bốn phương là khuôn phép, vì sao lâu dài bó buộc vùi lấp trong giếng ư?” Khi đó Sư vừa mười sáu tuổi bèn đến Thành đô, nghe Pháp sư Trì ở chùa Báo Ân giảng Luận Thành Thật, thông tuệ sớm thành, trí sâu mở phát, nên được điều chấn dĩnh ngộ vượt trội, về sau không có người thứ hai. Gặp lúc Trì Công đi về phương Nam nên pháp diên thôi nghỉ. Nhân đó Sư trở về quê hầu hạ cha mẹ, Sư liền ở chùa cũ khai giảng kinh pháp, phong điệp cao vợi, Sư biện đối như dòng chảy. Năm mười chín tuổi, mọi người đều ngợi khen Sư là Niên thiếu tuấn tú. Năm sau, Sư trở lại kinh đô nương theo Pháp sư Diên ở chùa Thái Hoàng tấn đàn thọ giới cụ túc, bình đức Bát-nghi, sâu giữ gìn gốc giới. Có Pháp sư Tước ở chùa Đại Trang Nghiêm là bậc Đức trọng vang khắp Tung nguyên, danh cao trùm cả thế gian. Sư bèn đến nương theo học Đạo, nghiên cứu lại tân thật. Đắc ý vui lòng, công phu do đó càng thêm gấp bội, thật là ngựa giỏi lại gặp được người tài chăn dắt!.

Niên hiệu Chí Đức thứ ba (585) đời Trần, Nhân Vương nhóm họp trăm sư trăm tòa, đua nhau đua nhau giảng nói biện tài của Thiên khẩu, đốt ngàn ngọn đèn suốt bảy đêm, tranh giành chiếc bẻ sự vi diệu của Động thần. Lúc đó, Sư hai mươi hai tuổi, đem hình chất anh thiếu tham dự với các bậc kỳ Đức, thông tình thì cao xung chiết phục căn cơ, dù

cho gặp nạn cũng xe lớn tháo trục. Hoàng thượng mừng vui khen ngợi, trăm quan ngợi khen tôn xưng. Mọi người đều quý mến Sư về lanh lợi, nhạy bén. Sư thường cho rằng người đời ồn ào lẫn lộn, nên muốn nương gá nơi vắng lặng thanh khoáng. Gặp lúc thời vận nhà Trần suy sụp, Sư bèn lo việc trở về phương Đông, dứt vết ở núi Võ Khâu, gần ba mươi năm nương gá núi hang, mặc tình ba nghiệm mà an nhàn, múc nước khe suối uống dùng, đắp mặc vỏ cây thông che thân, giữ bốn oai nghi mà yên ở. Tuy ẩn náu hình hài mà tiếng tăm vang xa, cũng là Đạo ngầm mà hóa hợp. Do đó, khắp tám phương đều quy ngưỡng, bốn bộ thảy có tâm chí thành. Thượng thư lệnh Sở Quốc Công Dương Tố là người dọc văn ngang Võ, Vương tả Quốc quân, nương quý cậy tài, không hề được mọi người ưa mến, hành quân đến Hoài Hải, nghe tiếng Sư đạo hạnh tốt đẹp đang nương náu ở núi, bèn khua nao đến Lũng, nghiêng lọng tiếp thừa tôn nhan năm vóc gieo sát đất đầu thành đãnh lễ, tự buồn vì được tiếp túc muộn màng. Tả Bộc Xạ Bi Quốc Công Tô Oai, là người kính trọng Đạo, mến ái nhân từ, càng thường phóng khoáng, vâng đi sứ ở Ngô Việt, đích thân đến Sơn Doanh, trông thấy dung mạo, nghe tiếng nói của Sư mà kiền thành lễ bái, mừng vui hớn hở. Vua Dương trấn giữ, thỉnh mời những bậc tài giỏi, xa nhóm họp các vị Hiền Minh. Sư đã là người Đạo lớn danh cao, giáo thư đem đến, thì lo nghĩ khiến như thế sẽ mang tội, than trách vì mình mà lụy đến người. Sư bèn đắp y ra khỏi hang mông kính hậu lễ, nhân lấy cớ bệnh mà từ chối nên được trở về chốn núi cũ. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy từ xa khâm trọng, bèn ban chiếu thư thăm hỏi. Gặp lúc nhà Tùy từ xa khâm trọng, bèn ban chiếu thư thăm hỏi. Như ánh sáng có lúc tắt mất, mũi nhọn bịt sắt vụt bay lên cao, khắp bốn biển đều tệ hại, ba ngô càng rất lắm. Con em Đàn Việt nghinh thỉnh Sư ra Tỳ-đàm, trước sau có đến mười năm. Sư hoằng hóa tại Đế Đô.

Đến thời đại nhà Tiền Đường ngự trị thiên hạ, Sư được trở về chỗ ở cũ. Niên hiệu Võ Đức thứ bảy (627) thời Tiền Đường, Tô Châu Tổng Quản Võ Dương Công Lý Thế Gia nội ngoại công tư đồng cùng kính thỉnh Sư về lại chùa núi. Từ đó, khách thiền, bạn tuệ trở lại như thời xưa cũ, ao rồng rừng phụng kính tin làm hoài bão vui mừng. Nhưng đối với Sư thì tự tha đều chuyển hóa, được lìa cùng tu. Ngoài việc giảng niệm, Sư thường hành trì các nghi thức sám hối theo các Kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Phổ Hiền, v.v... Sư lại trì tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn biến, cảm ứng điềm lành thầm lặng, chẳng phải một. Nửa đêm lò hương chưa đốt mà tự bốc khói thơm, lúc tối gàu múc nước rỗng không

lại ngầm thêm đầy nước.

Sư lại phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, tạo lập tôn tương Đức Phật A-di-đà, thực hành ba pháp Tịnh nghiệp, tu trì mười sáu pháp quán, cùng các Đàn Việt trong châu quận hơn năm trăm người. Mỗi tháng một kỳ nhóm họp thiết lập trai hội giảng quán, thắng vết Luân tướng cũng hơn mười năm, cùng với Đài Bát-nhã nội giúp tục sơn âm chung phát thệ nguyện đồng thời kỳ, vì sao cho là khác? Sau, Sư thị hiện tướng bệnh chừng mười ngày thì thị tịch. Khi đó, Sư dạy răn với từ tâm tha thiết, đại chúng buồn khóc, lúc đó là sáng sớm ngày mười một tháng mười niên hiệu Trinh quán thứ tám (634) thời Tiền Đường. Sư thị tịch tại chùa, thuộc phía Đông núi Võ Khâu, thọ bảy mươi mốt tuổi. Qua đến ngày hai mươi hai tháng mười, an táng tại đảnh núi phía Nam của chùa. Xa gần mọi người cùng kéo đến, kẻ tăng người tục đều nhóm họp, hoa hương tung rải tán loạn giữa đồng trống, tiếng khóc gào buồn thương như mây sấm, từ đầu đến cuối cùng sao lại quá như vậy.

Từ thuở nhỏ, Sư vốn nghiêm trang, lập tánh đoan nghiêm, tiết tháo tinh thành, khổ tiết càng siêng năng. Miệng xa lìa các mùi vị tạp, mỗi ngày không ăn hai bữa. Lý phi nghĩa chẳng bèn, lời phi pháp chẳng nói. Dung mạo khôi ngô, vượt hẳn ngoài chúng, tường bờ sửa sang nghiêm túc, lòng lạnh như băng tuyết. Ở đời Trần có Lâm Hải Vương là con của Pháp Sư Đạo An, nhàm chán thế tục mà xuất gia, thông hiểu giáo điển nội ngoại. Có Sa-môn Biến Tri có sở học giỏi về Tịnh nghiệp. Sư kết bạn giao du với hai vị đó, người đương thời gọi là Tam Anh (ba người tài giỏi). Đến lúc Sư tĩnh chí ở chốn suối rừng, dứt bặt người đời, phong thái tốt lành khiến thành Đức, đường lối hẹp tất thành khuôn phép, ai cũng xoay cờ tìm đến núi, gần gũi truyền tỏa hương pháp. Tin triều tông của Pháp Hải, rường cột của Thích môn. Sư giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Duy-ma mỗi bộ ba mươi biến, giảng Quán Kinh một trăm mười biến. Có Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoằng Nghiệp ở Thường Châu nói rằng: "Tôi và Pháp Sư xưa đồng ở Kinh huyện, quen với Đạo Hoa niên, nay tiếp khéo gần, thuần giao với tuổi già. Tuy vui mừng được nương cây Quế, hoặc sai lầm mà bẻ gai tặng chẳng để sót. Tưởng dung mạo trang nghiêm như hiện còn, buồn âm ba Đức hạnh đã vắng lặng. Thẹn bày văn nơi sắc ty, trọn gởi lời nơi Đá trắng!" Bèn cùng Sa-môn Trí Phong là chủ chùa, v.v... cùng dựng văn bia, hiện còn ở tại chùa.

2- Truyện ngài Thích Đạo Cơ chùa Phước Thành ở Ích Châu:

Thích Đạo Cơ, họ Lã, người ở xứ Đông Bình thuộc Hà Nam. Sư

vốn vượt trội, mới sinh mà đã nhận biết, tiếng tăm nêu cao. Năm mười bốn tuổi, Sư mang kinh sách đến Bành Thành, rộng nghe các Pháp sư giảng đạo, tùy chỗ nghe kết thành đức, thảo luận yếu chỉ sâu mầu thì hiểu ngộ trước lời, vạch bày mới lạ, nghĩ vượt ngoài Văn. Nên Từ Hứa tâng bốc minh lược ấy, Hà Hải quý trọng nghĩa phương ấy, làm cho đồng bạn suy cao trước tu ngưỡng chỉ.

Ở đời Trần, có Thái úy Thượng thư lệnh Dương Tố mang tài qua nước, cầm nắm tất cả quyền hành, thường kính phụng đạo sáng, đích thân lễ bái, giảng nói mạng lý, nghẹn ngào than thở, ngoái nhìn lại các Tể Bá mà bảo rằng: "Pháp Sư Đạo Cơ, Phật Pháp sau này sẽ gởi gắm nơi vị ấy. Thấy các bậc Danh Tăng ít ai sánh bằng!" Bèn thỉnh Sư đến Đông Đô, giãng nói Tâm luận. Đã sớm nương phong gá thể, dự đáng rộng rãi, du nhận các bộ, Huyền cơ nêu rõ, bèn có thể đàm rót nghiêng sông, tiếng vang đối như sấm động.

Bấy giờ, vào những năm đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) thời vận nhà Tùy đang tụ hội hưng thạnh. Các hàng nghĩa học cao ngang cùng mây gió, tấn thân đứng sánh với sơn nhạc, đều mang kinh đến trường giảng, hỏi Đạo biết chỗ trở về. Nối gót Võ cùng rảo bước, xa gần nối nhau đông đúc. Sư bèn biên tập Tạp Tâm Huyền Chương và sao thành tám quyển, hai pho Đại tiểu do đó được cùng truyền bá, thành được các môn, từ xưa cùng dẫn dắt, đều sắp bày theo thứ lớp, văn từ bay vút sáng giữa trời. Dẫn kéo đầu mối, áp nén tuyên dương, khuôn phép vượt hẳn xưa trước. Từ đó, khắp bốn biển nêu lãnh hưng thạnh, kết tụ nơi đạo tràng Tuệ Nhật, đều trông hơi khí, Sư Chỉ đường biết trở lại. Vì Sư vẻ vang bao trùm ngoài trông mong, phong nhã tràn khắp trong Hoàn vũ.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) thời Tiền Đường, có sắc chiếu đến bảo đình chỉ. Sư liền đối Dương Huyền luận, xứng hợp với tâm Vua. Tùy Hậu mở rộng, Huyền nho cũng quán xét họ Thích. Xe loan từ từ dời chuyển, kèn trống reo vang thong thả giữa đường. Ngự diên tạm dừng, đóng đô trong sạch ở Giáo môn. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến phương Đông, pháp tịch ấy rất hùng vĩ. Bấy giờ, những người bày biện đều khai mở linh dự. Lúc sắp lên pháp tòa, mỗi người đều là bậc anh hùng, mà giải mở có chỗ kết quy, đều kính vái Sư mà tôn xưng là Huyền Tể. Đã ở nơi chúng coi kinh luân là tâm, ngài tiện mở nêu cương lãnh rộng lớn, kế đến làm sáng ngời đức của vua. Trăm Quan Khanh Sĩ đều có ảnh hưởng lạ mà cùng ngợi khen. Đến lúc nhà Tùy suy sụp, giặc cưới nổi loạn khắp trung nguyên, cầu lễ khắp bốn xứ Man Di, Tuyên Ni có ý chỉ. Sư bèn Chấn Tích đến nam Trịnh, bày giáo

ở Tây Mân, từ đó, khắp Ba thục duyên theo khói bay mà đến đông đảo, không đâu chẳng mở sáng, sương mốc trong lành. Tà Chánh phân rành. Sư thuần xem Đại thừa, mở mang Nhiếp Luận, sửa đổi vết trước, biên tập các chỗ mất sót. Đạo xa đến ban đầu, Danh Cao khắp trong nước. Vì Đồ chúng nghe giảng khó tiếp nối. Người kế thừa Đạo nghiệp dễ mê lầm, Sư bèn biên tập Đại thừa Chương Sao tám quyển, đều là Văn từ đạt đến trong sáng cao xa, phong giáo thường thông. Nên người xem quyển dẫm thử như lên Long Môn. Tin Hồng tiệm có ngày, nên đến niên hiệu Trinh Quán (627...) Sư trở về Kinh đô, Chư tăng có tiếng tăm trong chùa viện, truyền chép rộng khắp, thật là phù hợp. Chỉ vì Đời tiếp vô thường, bờ sống có nương gởi, sắp sửa sang luận sớ, không bao lâu đã xong. Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước Thành thuộc Ích Châu, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bấy giờ tại Thục điệp ở Bành Môn lại có Sa-môn Tuệ Cảnh, Bảo Hiêm đều là những vị thông hiểu Nhiếp Luận, tiếng tăm vang khắp Kinh Quốc. Ngài Tuệ Cảnh trí trong sáng riêng khắp, giải thích Huyền tân, Văn sớ sưu tầm dẫn dụ, chóng phát anh thể. Ngài Bảo Hoàng thần chí bao gồm, cao vượt đồng bạn, đàm luận nương tựa, sắc thái vượt ngoài mới lạ. Số thuật phương nghệ không học chẳng lớn, tự dự sánh vai không có đắm chìm. Đến lúc tuổi già đam mê vướng mắc riêng lẫn lộn, bèn lấp bít nẻo mầu, nên chẳng xếp vào những vị tài giỏi ở đương thời.

3- Truyện ngài Thích Đạo Tôn trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu:

Thích Đạo Tôn, họ Trương, người ở xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Thần khí Sư cao vợi, khí độ rỗng rang, khéo thông cơ hội, xem xét thấu đạt phương trị. Tử sử lưu lược thường rất trông xem. Hộ pháp nhiếp chúng, thật vốn bổn cứ. Tuy thông hiểu các sách vở, mà Sư chỉ riêng lấy Kinh Niết-bàn và Nhiếp Luận làm vườn nhà nương gá tâm thần.

Sư và người em ruột là Sa-môn Đạo Khiêm, từ thuở nhỏ đã được dẫn dắt dạy bảo, đồng đến chỗ Pháp sư Đàm Diên. Ngài Đàm Diên là thành lũy của chánh pháp, là chỗ quy hướng của kẻ tăng người tục, xét xem Thiên luân có thể nối pháp, mới độ cho làm đệ tử. Sư càng theo hầu đến ở nơi cửa Cung, giảng dạy bàn nói đều đến dưới Pháp Diên, mừng tiếp nối được chỗ sâu kín. Sư thường tư duy kích tiết, nên nghe nhiều nhưng đặc biệt xét về cương yếu. Đến dự nghe giảng giải thường kết nóng lạnh. Các hàng Tam tấn anh tài trông ngóng đạo phong vượt

trội nhóm họp.

Về sau, Sư về trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, nhóm chúng hoằng hóa, dựng nghiệp thạnh hành nhưng vì ở chốn mới nhóm họp, khách lữ theo về tục tình rối rắm, phần nhiều buông lung theo phàm độ. Đã thực hành hướng trái nên thương ghét từ đó phát sinh. Sư hợp cùng Tấn Xuyên, hạnh sáng ngời không gì biểu lộ được, thường ngày mới đến chủ khách, cấp giúp tài pháp, đều giao Tăng trữ giúp cùng thành khuôn phép. Nếu có sự thiếu sót thì cố gắng tạo tác, mới có duyên cùng khắp. Đức hợp cùng Dân thứ thì không gì chẳng toại. Do đó, phương truyền xa tiếng tốt càng triển chuyển nguyên do. Từ phiên Vương Phủ Tể, Đài tỉnh các liêu, đều xa giá đến xét xem, dò hỏi tham yết các dạy răn khác. Hoặc hốt nhiên vội vàng chẳng gặp thì tâm hổ thẹn sợ hãi, như nói là có chỗ mất. Đức vững chắc nầy cảm động đến vật tình là như thế.

Sư phủ Đạo tự giúp, tọa trấn thời tục, tuy là các hàng quý tiện cùng tham thỉnh, nhưng chẳng hề đón rước. Lại thêm vì Sư nói cười ôn nhã, đùa vui hợp thời, tiếp ngộ duyên cơ đều xứng hợp với Từ lệnh. Nhưng Sư kính vâng pháp cấm, gìn giữ chí tiết, chẳng vọng khi vầy khi khác, thường đạt đến sự giao cảm tốt lành, được người đương thời kính trọng.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, yêu khí tụ hội lan tràn. Nhân có duyên sự trở lại kinh đô, ban đêm Sư dừng nghỉ ở đầu quan ải. Chỗ đến chỗ nhà người chủ có năm người đàn ông lại trộm cướp bên ngoài, thấy ngựa của Sư mạnh khoẻ, muốn trộm lấy, nên nhân đêm tối đến chỗ Sư nghỉ, thì thấy có mười người vây quanh con ngựa đó, hình tướng đều hung tợn giận dữ, mặc áo giáp, cầm binh khí. Bọn cướp đều kinh sợ, nhân đó lùi lại, bỗng chốc không trông thấy gì, lại đến chỗ đó thì lại thấy như mới đầu nên không dám đến gần. Tiến lùi đến năm lượt thì trời sáng hẳn, không trông thấy người nào cả, biết đó là Thần cảm, mới cùng nhau quy hướng ăn năn sám hối. Sư có được sự ngầm thông hiển ích đại loại như thế. Lại vì tánh tình nhân nhượng vốn xuất phát từ bẩm chất, Sư dự thấy nguy hiểm bèn thương xót cứu giúp, không phân biệt kẻ oán người thân, tình chan chứa khắp cùng đồng nhất.

Khi nhà Đường mới mở mang chưa cứu giúp Bồ Châu, Sư và chúng tăng trong chùa đều bị giữ lấy trong thành. Khi đó có 1 vị Tăng thường muốn làm hại, chẳng phải cùng loại, thêm phỉ báng mới hình thành ngôn sắc. Sư tuy nghe thế mà chẳng vội lo. Đã không toại khuôn phép mới định vượt thành. Sự việc phát ra, sắp bị giết hại, đều không có người cứu giúp. Sư buồn khóc từ tạ xin lỗi người làm việc rằng: “Vị

tăng này làm điều tội lỗi, việc ấy thuộc về Đạo Tôn tôi, dạy bảo chưa thông nên làm kẻ tội. Đây là trị lỗi do từ tôi gây ra, nên tôi đáng bị giết hại!”. Sư tha thiết lại bày cản ngăn, người làm việc biết đó là Địch, nhưng không nỡ thấy Sư, v.v... bèn thả ra. Từ đó về sau, ngài càng phát phong thái nhân từ. Xin cứ theo sự việc mà dẫn dắt, thành đạt lượng rất rộng lớn.

Mùa Đông niên hiệu Trinh Quán (627-650) có người thỉnh Sư giảng Kinh Niết-bàn, biết trước sắp tịch nên Sư tha thiết không hứa nhận. Người ấy chẳng lường biết ý ấy nên lại trịnh trọng thỉnh Sư. Sư bèn bảo rằng: “Sở dĩ cố từ, vì không trọn vẹn pháp tịch này. Chẳng khỏi ý sau, vã lại cùng phiền.” Sư bèn vào cốc Vương Thành, kẻ tăng người tục nhóm họp. Sư lên Pháp tòa; chánh đề rồi bảo với bốn chúng rằng: “Pháp thế giới là như vậy, không bao lâu nữa tôi sẽ mang chung, xin giã từ Đại Chúng! Thế nào là phần kệ sau, xin gởi gắm kiếp sau.” Sư bèn y theo văn kinh bắt đầu giải thích, vừa đến phần kệ đầu, bỗng cảm thấy thất niệm, mới qua ba đêm. Sư bèn thị tịch tại núi, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi lăm tháng mười hai năm ấy, khắp chốn mọi người đồng gào khóc như chịu tang cha mẹ ngay đêm đó tuyết rơi phủ khắp ba, bốn dặm, phải quét đường thông hành, đón rước nhục thân Sư lên trên đảnh núi, qua đêm bỗng nhiên có loài hoa lạ nhiễu quanh thi thể, vạch đất mà mọc lên, cành dài đến một vài thước, phần trên nở phát tốt tươi xinh đẹp, dường như khoản sắc Đông mà hình tướng hoàn toàn khác. Bảy chúng đều kính sợ, vui buồn ồn náo cả cảnh núi non. Có người bẻ lấy đem vào thành đưa cho các vị lão túc xem, rồi đem để trong bình nước, đến tháng năm năm sau vẫn còn tươi không héo úa, sau đó đem ra trồng nơi đất mới bắt đầu khô tàn. Sư có được các điềm lành thầm cảm ứng ít có trên đời như thế.

Tại Tấn Châu, có người tánh tình vốn ưa thích săn bắn, ban đầu không kính tin. Có người rao truyền điềm lành của Sư đến tai người đó, mới đến núi tìm, thì hoa biến mất mà nhục thân Sư cũng chẳng còn, chỉ trông thấy chỗ trống, bèn lớn tiếng khóc than rằng: “Sống không được mở giải niềm tin, chết chẳng được đội ân thấy điềm hiện hoa lạ! Một sao chẳng cảm ứng, hẳn là Thần Đạo có sự răn dạy, cúi xin hiện lại linh tướng!”. Nói xong, tự nhiên từ đất mọc lên hoa lạ dài cả thước. Người đó vui mừng an ủi điềm ứng, bèn ngắt lấy đem về đưa cho mọi người trong làng quận xem. Do đó mà sinh khởi niềm tin. Đều là những việc đáng tin ở những năm gần đây, đâu thể vọng truyền?

Người em của Sư là Sa-môn Đạo Khiêm, học hạnh tốt đẹp kém

hơn so với người anh mà giảng giải Kinh Thập Địa có tiếng tăm khắp ngoài quan ải. Vì ở chùa Nhân thọ đã tản đuổi bít đường, thường do đó mà ồn náo đất tiếp với Kinh đô chóng nhọc việc người, mới nhìn lại nói lánh chốn u tịch, xem khắp núi sông, có cái hang tên là Vương thành, bèn đến nương náu ở đó. Khi đó lại lên cao đến xa, nắm thể gió mây, dẫn dủ Danh thiên, Cao điệu trong vượt, khách tăng tục nhóm họp, lại tụ hội đến nơi cửa núi, bàn nói vui đùa dẫn tâm không hề có hư lão. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Ngài Đạo Khiêm thị tịch tại phòng nhà ở núi, thọ sáu mươi bảy tuổi. Ngài (Đạo Tôn) rơi lệ, cùng đệ tử là Đạo Cơ, v.v... trà tỳ nhục thể, thâu nhặt bụi trần còn lại tán rãi nơi phong phủ, nhớ nghĩ chỉ ân để, bèn xây dựng một ngôi tháp gạch Thích-ca, khắc bia dựng Đức, do sa môn Hành Hữu soạn Văn bia.

4- Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Sùng Nghĩa ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Quân, họ Trương, người xứ Thanh Hà. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) thời Tây tấn, Tổ tiên Sư lánh đến ở Kiến Nghiệp. Sư thiên tánh thông giản, phong thần rõ ngay, khắp nghe rộng đạt, mài giũa Hậu hiền.

Xưa kia, vào thuở chí học, Sư sớm đến trường lớp học suốt Nho Tông, tài năng rất lắm. Cha của Sư là Chánh Kiến, là người tài giỏi cao vời ở đời Trần, tự có Biệt tập, vui mừng với việc Sư kính phụng Thích Môn, thấu rõ thần vũ nơi Sư, muốn Sư kế thừa sự nghiệp ở đời, nên Sư có chí cầu thỉnh đều bị ức chế không được ưng thuận. Sư biết Chân nhật, chứa tình tỏ bày tha thiết, nếu chẳng được xuất gia thì thề sẽ dứt bỏ đời. Cha của Sư sợ Sư dứt mạng. Vã lại, lệ thuộc Lý Tông, đã ở nơi Tĩnh Quán, tạm gìn giữ cân đai áo hạt, bèn trao cho Sư kinh sách của Tam Hoàng Ngũ Đế. Bí yếu phù lục chân văn và các pháp toán số thức dịch cấm hạch v.v... Sư vốn thần tuệ phát sáng, chỉ qua tay bèn liền thông hiểu, bên cạnh lại dò hỏi Tam Đổng Tam Thanh của Trang Lão, nội quyết của Dương Tử Thái Huyền Cát Sinh, không điều gì Sư chẳng soi xét đến tận nguồn gốc, nghiên cứu tìm đến chi phái. Cuối cùng Sư bèn nghĩ tưởng đến chân tế, sùng chuộng tự nhiên, chú thê luyện hình, trọn mong vũ hóa, tìm tòi chí lý như ảnh hưởng khó truy tìm. Sư liền thầm trì tụng Kinh Pháp Hoa, ý muốn quy hướng Phật chủng, qua thời gian chưa bao lâu mà lời văn đều thuộc hết.

Gặp lúc Hoàng Đế thời nhà Trần độ tăng, Sư bèn tham dự khảo

xét. Vào niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần. Sư được ban sắc độ, cho trụ ở chùa Đồng Thái. Sau khi xuống tóc, cha mẹ Sư mới biết. Đã được quan cho phép nên rất vui mừng. Nhờ nương tựa tăng chúng, nghe học bẩm thọ các kinh, Sư đến sau mà thành đạt trước, ngày một thêm vinh hiển. Đến lúc nhà Tùy đánh dẹp nhà Trần, Sư theo hướng Bắc đi đến Giang Đô. Lại trụ ở chùa Thê Hoàng ở Hoa Lâm, thưa hỏi Chánh Pháp. Có Pháp Sư Giải là người có tiếng tăm giỏi về Luận Thành Thật. Sư nhân đó nương tựa Pháp sư nhiều năm, nghe đàm huyễn nghĩa, xét hợp nghe trước, càng mở rộng Thần lược. Vì Đạo hạnh Sư thành đạt hiển trước nên các hàng tăng tục đều quy hướng.

Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ ở Chùa Kinh. Bấy giờ, Tấn Vương khai mở đức tin, rộng thỉnh các bậc Đại đức đồng đến chùa Nhật Nghiêm. Và chư tăng cả nước vây quanh giúp đỡ Sư. Mỗi ngày, Sư giảng thừa Ngũ luân phương giá, bèn được quán thông Dị bộ, xem khắp các truyện, so sánh các kiến thức cũ, khảo định khuôn phép mới, đào luyện thấm nhuần chỗ sâu kín, tuệ ngộ càng mới. Soi xét sâu xa cề văn Tiểu Đạo hữu lậu của Ha-lê-bạt-ma, bèn quy tông về Long Thọ, mở mang Đại Thừa; nên được các bộ luận như Trung Luận, Bách Luận, Bát-nhã, Duy Thức v.v... đều kính trọng gội nhuần thần hóa, xem đọc văn ngôn, giảng bày dẫn dắt lấy làm việc chính của mình. Những lúc nhàn tĩnh, Sư suy nghĩ nghiên tầm việc trì tụng Kinh Pháp Hoa vẫn gìn giữ như trước. và giảng văn nghĩa, lấy làm tu tập cho về sau. Trinh ý giữa chánh, chẳng vọng tham nghinh. Có các Sa-môn Trí Thủ, Đạo Nhạc, v.v... đều là những vị học cùng xét cổ, cưỡi giá nghiệp giữa trời xanh, đượm nhuần đức hạnh, kính chuộng Đạo phong, ở lại vài đêm, bàn luận Pháp luật, sau định Hiến Chương, vui cười mà về sau lại tìm sự khai mở.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (615) thời Tiền Đường, chị của Vua Cao Tổ (Lý Uyên) là Công chúa họ Trương ở Quế Dương xây dựng chùa Sùng Nghĩa. Từ lâu sùng kính giới phạm, giữ nghĩa mà sống. Ở đời gặp lúc tốt lành trong sáng. Vật tình đều trọng vọng. Có Luật sư Huyền Uyển là người đạo hạnh bày khắp triều đình phố chợ, Hạnh cảm tới cung vua, khí kết như mây gió, theo bậc Long Tượng, thường coi việc thỉnh mời. Mở đầu nói năng bạn kính mà khiêm hư thành trị. Bấy giờ, Sư lại đến trụ ở đó. Ngài Huyền Uyển giấu sâu, cơ thần càng lớn, cuối cùng tiếp, có xuất Tội thọ giới, thường ở nguyên tịch. Đến cuối mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Bệnh phong thường tăng. Sư bèn nhóm họp môn nhân đến bảo rằng: “Hình

thế không bao lâu nữa sẽ kết thúc, sẽ từ giã hẳn, nên mỗi người chỉ tự vui mừng, không nên ân hận về sau. Tôi chỉ sợ phước nghiệp chưa đến, lấy đó làm lo!". Sư bèn cắt y phục mùa Đông mà may thành. Sư lại bảo: "Nêu thức thần tự khảo xét, thì sẽ có khuôn phép thường hằng, sợ lúc thoát ra hôn mê ám muội, phi thời mà đòi ăn, không hợp với Pháp!" Đến lúc sắp tịch, khi đó quá thời mà Sư đòi cháo. Đáp rằng: "Thời đã qua!". Sư bèn im lặng không nói. Lúc sắp tịch, Sư vẫn kính thờ Chánh Đạo là như thế vậy. Đến ngày hai mươi tháng bảy năm đó (637), Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ bảy mươi bốn tuổi, an táng tại phía Tây gò Cao Dương, đào huyệt mà an táng. Sau lại dời đến đỉnh núi phía Đông chùa Phong Đức ở Nam Sơn, đục đá làm khám, khắc bia minh khen ngợi đức hạnh.

Sư ở độ tuổi tham học, kính vâng theo hầu được hai năm, Sư hiền từ dạy răn ôn hợp, mừng giận không tỏ ra bên ngoài, dùng hạnh cương mà chỉ dạy, lấy nhỏ nhiệm kín mầu mà nêu bày, ngợi khen ngự thiệp, thời tiết nóng lạnh chẳng mỏi mệt. Ban đầu sau khi thọ giới Cụ túc, tánh Sư ưa thích Định Môn, bèn tỏ bày cầu thỉnh, nói rằng: "Giới thanh tịnh thì định tỏ sáng, sau đó mới là Đạo, nên trước phải học Luật, Từ phạm Chiếu Dung, sau đó mới được!" Tôi suốt một thời gian hơn mười năm nghe học luật diên. Nhân theo chương cú, bèn mừng vui mô phỏng theo. Đầu niên hiệu Trinh Quán (637) thời Tiền Đường, Sư dứt nghĩ quan biểu rộng lưu bố thấy nghe, mới qùy tỏ bày hạnh ý, tiện đó nhiều lần Sư bảo: "Người xuất gia hành Đạo, nhậm theo Quán hóa, hẳn là nương sự việc đời, không thể xa lìa." Nhân đó mà nước mắt tuôn trào. Sư dõng ý nghe Đạo, tạm đến liền trở về, không cho là gió cây dễ huyên náo, qua sông khó tĩnh lặng. Qua lại mười năm, bèn ẩn suốt ngày, thật buồn thay.

5- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu:

Thích Đạo Tông, họ Vệ, người ở xứ Bằng Dực. Tánh hạnh rỗng rang dung thông, khoan nhân kính ái, lo hợp thành cứu giúp, nởi tiếng ở đương thời. Từ thuở nhỏ, Sư bỏ tục, thuần chuyên Thích Môn, Chuyên chí với Đại luận, giảng tán Văn Chỉ. Lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy Đạo pháp, Sư bèn ẩn hình theo thế tục, bên trong chứa nhóm Minh Cấm, ngoài phù hợp với thế trần, đến khi triều đại nhà Tùy khai mở chánh giáo, Sư bèn dự phần xuất gia, trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu.

Chùa đó là nơi sinh ra Văn Tổ, phòng nhà Đường tháp trước sau

thêm vẻ vang. Trái thành đến nước nhiều lớp soi nhau. Chùa có lập bốn văn bia, nêu bày các mặt. Ngài ở trong đó, giảng nói nhiều lần. Ngộ Vật đã rộng mở tẩy tâm trần, mà hình giải mở sâu xa. Đồ chúng nghe pháp tôn sùng kính trọng. Tân khách khắp bốn phương mỗi ngày có đến chu cấp cúng dường thưa hỏi, nổi tiếng cả kẻ tăng người tục. Khoảng cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, nạn thiếu thốn đói kém kéo dài nhiều năm, khắp gò đồi hang hốc đầy dẫy xương cốt, người dân ăn nuốt lẫn nhau. Chỉ riêng Sư rộng bày bốn ân, khai hóa Dân lệ, các vật Đàn việt cúng thí Sư đều ban cấp. Nên ở Bồ Châu có ngài Đạo Tôn, ở Đồng Châu thì có Sư tuy cách xa sông ải, đường đi phải mất cả ngày, mà tình đồng cứu giúp vượt thật rộng lớn. Chúng vì kính trọng Sư đức lớn nên đều quy hướng, đề cử Sư đảm nhận trông coi việc chùa, thống lãnh thâu nhiếp tăng chúng bằng Từ chỉ trùm khắp.

Vì Pháp phải nhờ người mở mang, thành cứu giúp là tại Luật, Tăng chúng phần nhiều học theo phép tắc thông thường nên loạn. Sư bèn đến kinh thất, thỉnh mời Sa-môn Trí Thủ đến Trung Hạ giảng dạy, Ngài dẫn theo bộ thuộc hơn ba trăm vị, nêu bày yếu chỉ của kinh, như lúc ban đầu chẳng thấy mỏi mệt. Lập chùa rất lâu mà đất sạch hoàn toàn không có tuy chưa cầm nắm, nhưng phải nhuộm nấu thổi trước. giải thích văn đến đó, Sư mới biết trái. Ngậm lấy bùi ngùi, học muộn chưa thành Hộ pháp. Sư ngưng giảng năm dịch mới đến văn sau. Sư lại thường nhọc Bồ-tát, vật quý mới nghe. Tăng chúng phần nhiều chỉ xin thuyết dục chẳng đến giới trường. Nghe Dục, Sư bèn vì chỉ dạy, răn bảo đó là mong cầu, vốn là nhàm chán biếng nhác không thành Thánh Pháp. Từ đó đến suốt đời, Sư luôn đích thân Thuyết giới. Nếu có người chẳng đến, Sư lường xét sự tình mới chấp thuận. Không đến nhiều lần, Sư nói qua rất ân cần, đều vì đó mà tuôn chảy nước mắt thấm ướt cả khăn đai, sùi sụt không thôi. Sư kính phụng Chánh Pháp đến như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh nên Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ tám mươi lăm tuổi. Môn nhân của Sư có hơn năm trăm vị, kính vâng Pháp huấn, không nhân cảnh ngưỡng, mới dốc hết tình hậu táng. Nên xa giá che liền nhau, phướn lọng cùng tiếp nối, trong khoảng mấy dặm đường mà kẻ tăng người tục đều đông đầy. Tháp thờ Sư được xây dựng ở phía Đông thành, lập Văn bia khen ngợi đức hạnh.

6- Truyện ngài Thích Tam Duệ trụ chùa Linh Hóa ở Kinh Đô:

Thích Tam Tuệ, người xứ Lâu Phiền. Sư kính trọng kinh Niết-bàn,

lấy làm chánh nghiệp, hạnh lưu tỏa khắp Hà sóc. Nổi tiếng cùng y lệ.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, vì ngài công phu học hạnh đã thành hình sắc thái nên vua Dương Đế (Dương Quảng) bèn ban sắc thỉnh Sư vào đạo tràng Tuệ Nhật. Đông Đô đến muộn, bến Huyền bước chung đều do công của Sư. Thần khí Sư trong sáng trang nghiêm, liếc nhìn đều thành phép tắc, mở lời động luận chúng đều kính sợ. Vua Dương Đế vì thông Đạo rõ cơ, chuyên việc phải tuyển chọn, bèn ban sắc đến ba Thục sưu tìm, đề cử những vị có khả năng tài giỏi. Gặp lúc thời vận nhà Tùy suy sụp, Sư bèn ngụ ở tại Ấn Phiền, lưu lạc theo vật, nhân việc mà dẫn dắt chúng sinh. Tánh Sư dứt bặt ồn ào, sống tĩnh lặng mà mở mang đạo nghiệp. Tán Quốc Công Đột Quỷ trấn nhậm tại Dong Thục, riêng chỗ dò hỏi tôn sùng, kính phục Sư ở chỗ tĩnh lặng rỗng rang, đặt để cung kính lớn lao khác lạ v.v... Sư quán xét thời cơ mà chế dùng, nên không có hình ảnh luống dối.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ chín (226) thời Tiền Đường, Sư từ xa về chầu Kinh Quyết. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc thăm hỏi, đảm nhiệm Hoàng Đồ. Công Bộ Thượng thư Đoàn Luân sớm gieo trồng nhân lành, xây dựng chùa Linh Hoá, kính trọng Đạo nghiệp của Sư, nên tấu trình thỉnh Sư đến trụ ở đó. Khi đó, Sư lại mở mang giáo hóa càng thêm rỡ ràng, sơ lược lưu truyền Bút ký, các hàng hậu học xưng tán tìm cầu. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) thỉnh Sư vào tham dự phiên dịch kinh điển. Sư nhuận Văn, chứng nghĩa, theo thứ lớp đáng tôn kính. Soạn lời tựa nơi Kinh Quán, dẫn tình đặt lệ đủ mạnh mẽ dồi dào. Và trong năm đó Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tuổi.

Xưa kia, tại Giáng Châu, Sư ở riêng Biệt Viện, cảm thấy một Thần Đồng hình chất ít có ở đời đến kính lễ Sư mà thưa rằng: "Cúi xin Pháp sư khuyên răn Tri Sự chớ cày xới ở chỗ phần mộ!" nói xong liền biến mất. Ban đầu, Sư chưa nói lại việc ấy, sau Thần Đồng trở lại và lại trình bày việc trước, bảo nếu Sư chẳng nói dùm thì sẽ đánh vị tăng kia đến chết. Sư bèn đến hỏi dùm, mới biết trong chỗ ruộng đang cày xới có ngôi mộ cũ. Sư liền bảo dừng. Do đó tăng chúng thanh tịnh yên ổn, cuối cùng không có hậu hoạn, tự chẳng lập chánh xử, khiến phi nhân đến mách bảo. Nên sự dạy răn của Sư không cho phép xúc chạm đến u hiển, như điều đã nêu dẫn v.v...

7- Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu:

Thích Tuệ Quân, họ Lý, người ở xứ Giang Hạ, vốn thật ở Lũng Tây. Nhiều đời mang đội mão miện, Cô Xa hợp với Thiên Diễn, điều xa liền với Nhã Mộc. Tổ tiên đời thứ mười một của Sư là Đô Đình Hầu thời Tây Tấn. Nhân lánh nạn đến phương Nam, dừng ở tại Hạ nhuế, nhân đó mà tạo lập gia nghiệp.

Năm mười tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp sư Minh Trí chùa Quang Nghiêm, vốn họ Cửu. Ngài Minh Trí nhập thất ở chùa Kiến Sơ, vâng mạng khai mở pháp diên giảng dạy. Sư bèn dốc chí nương tựa vâng thừa, nghĩa môn được khai mở lớn rộng ở đương thời. Nam Quốc lệnh chúa nhã trọng Nhân Vương, mỗi năm thiết lập Pháp Diên chọn thỉnh những bậc Danh đức. Sư tuổi vừa mới hai mươi mà được dự phỏng theo thường đó. Cao Đệ đã đến, tiếng tăm Sư càng vang xa. Thiên tử đưa mắt nhìn, người trời kính ngưỡng khen ngợi, sáng ngời sủng ái Quốc ân, cung kính trước là thành lập.

Đến lúc trời ngăn che vận đức nhà Trần, thời vận nhà Tùy liền hưng thạnh. Các trường giảng ở Kim Lăng Sư đều trải qua, Sư bèn roi gậy đến đất Ngô. Đại thừa thúc buộc dây cương, xin dẫn chỉnh đốn lữ thứ, rộng mở trường học, xa thỉnh mời các bậc tài sĩ ở Bát Duyên để quạt lên ngọn gió nhất cực. Thứ sử Tô Châu là Lưu Quyền là người thật đạt ba đức, có chín khả năng, sống lại giản dị, luôn nương tựa pháp diên. Vui uống nước sông đến đầy bụng, mừng mang đội núi mà không nhọc mệt. Từ lúc nhà Trần suy sụp, vật ngã đều đổ, hoặc có người lọt lưới trở về phương Đông, hoặc có kẻ vào lồng mà lên phương Bắc. Gió hang vì ân cùng bỏ, chặt cây vì Đức cùng cao, chứa nhóm bạn theo đều đến bái yết cung kính.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, khúc giáng Hoàng Hoa, Sư viện cớ bệnh mà từ chối, tình theo Sơn Thủy, các Cao Nhân ở đất Ngô vì đó đều nương cậy, thỉnh Sư đến trụ chùa Thông Huyền, y cứ điềm lành mà mở mang giảng dạy. Gặp thời nhà Tùy tối tăm, yêu khí ngang bày, Sư bèn lánh đất đến Tỳ-lăng, trầm lắng ở yên Chư Tăng ở và chùa Hiển Min và Thụy Tướng chí thành thỉnh Sư hoằng pháp. Ở chùa có các Sa-môn Trí Khế, Trí Mãnh, là những bậc phong du cảnh tỉnh xa xa, chẳng thiếu tinh thần. Sư đã gặp được người thông hiểu, dốc lòng hướng về phía Bắc, chuyên cần thì không thiếu, dạy răn phải lắm công phu, đều cùng tiếp nối giảng bày, cùng rong ruổi tới Đông tiễn. Bấy giờ, luật hình mới xem thường phép tắc, ở đời trải qua khó khăn mờ tối. Trường Hoài về phía Nam mà vẫn gọi là nước Ngô. Đỗ Oai chuyên chế, đoạn bỏ Quân lâm, sùng chuộng Phật lý, kính trọng Quy giới.

Đến lúc Vua Cao Tổ (Lý Uyên) thời Tiền Đường, quét bỏ vết cũ, ban bố khuôn phép mới, mở đầu bắt chước Lâm lạc, dẫn nêu Đỗ Oai đến yết Kiến Vua. Cúi đầu vâng chiếu, chẳng vui ở tự mình. Sư nói cho nghe nguyên nhân ngày trước, giải thích nỗi lo buồn tức giận của Đỗ Oai, thấu đạt sự chẳng bền bỉ của Đảnh sinh. Hiểu được mất mưu đồ của Ngô Phỉ Đỗ Oai bèn tiếp xúc, nghẹn ngào, do đó mà từ biệt. Có các Sa-môn Đạo Nguyện, Pháp Tế, v.v... ở chùa Dư Hàng, trước kia vốn học Luận thành thật, nghĩa cùng môn hộ, chẳng ngại xa ngàn dặm đến xin học Đạo ở Kim Lăng. Mới kết cùng vâng theo. Thế rồi, phu bày chí lý, cây thuốc nhuần thấm nhiều, xin đãi thí dâng đều không phí tổn. Ở tại hai chùa Viễn Hành và Long Tuyền, mỗi nơi đúc tạo một pho tượng Đức Phật Di-lặc bằng Đồng mạ vàng ngồi, cao một trượng năm thước, để kết duyên đời sau.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có pháp sư Tuệ Nghi là bậc thượng đức ở chùa Thông Huyền. Đạo tâm rất tinh túy, tình lượng bao trùm cả núi biển, tu sửa chính mình, an ủi mọi người, cơ duyên chẳng đúng thì không dẫm chân đến. Vì xưa kia dưới thời Đông tấn, có Bạch Ni là người Chí thành cảm kích đến thần, không nơi xa nào chẳng đến, tại Thiên-trúc có pho tượng bằng đá cứu giúp cả hai thứ bịnh nóng lạnh, soi chiếu đuốc thần ngời sáng sông Hỗ Độc. Bạch Ni đón rước về tôn trí tại chùa Thông Huyền. Từ khi nhà Tấn chống cự nhà Trần, tôn tượng hiển hiện nhiều điều linh dị. Cuối đời Tùy, quân lính cướp bóc lấy hết ngọc đá. Nghi dung của hai pho tượng nhuốm nhiều sương móc, riêng mình ngài Tuệ Nghi gắng tâm hạnh thiết, tâm còn tối sáng, vì Phật không có điện, thì làm sao tăng an được! Bèn đi khắp cùng núi hang, lên cảnh kén chọn gỗ quý, chẳng hơn một năm, nổi chìm ngàn trượng, dẫm sâu vào mạo hiểu, về đến đất Ngô, rộng mở bày Nguyệt Điện, chỉ họa dựng lập. Sư vì gió mưa cùng cảm nên quấn chiếu trở về, không trái hai thời, công phu gồm cả hai việc. Có Ngô Huyện lệnh Trần Sĩ Xước sắp bày phiền toái theo nghĩa, khuynh tâm kính ngưỡng Pháp Âm, thỉnh Sư giảng Kinh Pháp Hoa, Niết-bàn. Văn Nghĩa pho quyển vừa mới xong, mỏi mệt việc làm càng thêm lao nhọc. Sư bèn đem trần vĩ phó chúc cho Học sĩ Trí Trang mà bảo rằng: "Gắng học đợi thưa hỏi, không sợ tuệ phong. Sự gắng công gấp bội chẳng thẹn với thường chiếu!" Lời thề vừa dứt, tự nhiên Sư nhắm mắt. Lúc đó nhằm tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thông Huyền, thọ sáu mươi bảy tuổi. Qua tháng mười một năm đó, an táng phần mộ Sư tại đảnh núi phía Nam Bạch Hổ.

Các Hàng Học sĩ Môn nhân của Sư có hơn ngàn vị, buồn đau sùi sụt, nước mắt thương tâm, sợ lo phương nghi có lúc dứt bặt, mới dựng lập văn bia cao lớn, do Giang Vương Học Sĩ Gia Lâm soạn viết lời văn. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, các vị đệ tử của Sư như sa-môn Pháp Thiên, v.v... hiếu tình lớn lao đến thăm viếng chẳng kịp, kính cẩn ngay trước phần mộ của Sư, xây tháp gạch năm tầng. Thiền Sư Tuệ Nghi là bậc thắng đức trong làng nước, hương hỏa tình nhớ quanh co, kiêm việc kinh luận, nên khiến nhìn xuống xoay cùng nương tựa, cao đáng rộng thông hướng thuật.

Bình sinh Đệ tử Sư ngưỡng trông quỳnh cấp mà thấm ướt vạt áo. Xưa trước Đức Minh trông ngóng ngọc luân mà lệ đổ. Có sa-môn Pháp Tuyên ở Thường Châu nói rằng: “Tôi và Thượng nhân (tức Tuệ Quân) tình hòa Đạo hợp. Tuệ Quân thị tịch. Tôi đây bệnh tật, gối lệ ngủ khóc, xe trắng chẳng rong ruổi chốn đất thanh tĩnh ca dài cách trở, muốn tỏ bày nỗi lòng buồn thương, liền soạn một đoạn Minh ngắn bày nơi phương phần bày ở linh tháp. Phó chúc người tốt xứng dựng cao ấy. Đối với Chỉ có người Pháp Chủ Đức tốt hoàn toàn, sông ái sớm vượt, đèn tâm trẻ truyền, Nham nhạc một chiếc chiếu kêu, gọi ba năm. Bồ xanh ứng khắp, cực tím vang tới trời. Danh bang trữ hóa, lợi vật chợt đến. Chén cù ngày một châm rót, gương treo thường sáng. Biển nghĩa bên cạnh tràn đầy, lên thẳng núi bàn luận. Ai gọi là ngọc sáng ngầm trong đất tối, thần gò đồi bít hang tháp trắng nêu phần mồ. Khám quỳnh lưu giữ nương móc, tay ngọc xếp bày mây. Khe thông đưa âm hưởng, núi Quế nổi bày thơ, núi bay biển chuyển, dời đổi nối nhau. Lửa đến Tần lăng, thư mở kéo mồ cao. Chỉ có Đạo lực ấy vời vợi cao xa.

8- Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu:

Thích Pháp Cung, họ Cố, người ở quận Ngô. Chánh tín bẩm phát, thành đức tự nhiên, khéo biết ngộ Đạo, tình cao vượt tục, nên biết người vì Đạo quý ở tinh lực người hiểu rành phương hướng quay về Đến đúng đường, người lập triều sùng kính dốc thành ấy, người chiêu ẩn thì thưởng vị an nhàn. Rõ ràng đó ở nơi Sư, lường xét vũ nghi của Pháp lữ, chuẩn đích của người thường.

Đêm Sư ra đời, trong phòng có ánh sáng lạ, đến tuổi biết quét bụi, Sư bèn xả tục, kính thờ Pháp sư Tụ ở núi Võ Khâu, xin làm Đệ tử. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư nghe Sủng Công ở chùa Dư Hàng giảng Luận Thành Thật, nghe Dĩ Công giảng Luận Tỳ-đàm. Mãi đến lúc Sủng Công sắp thị tịch mới đem phất trần phó chúc cho Sư. Phàm những bậc tiên

đạt thời ấy đều là người tài giỏi. Sư đã nhận thọ pháp gởi trao, nối nhau hoằng trì. Các hàng ba ngô chín phái đua nhau đến hỏi Đạo, mà Sư nhọc nhún nhường suốt ngày ứng đối không mỏi mệt. Hạnh cao mà hiệp cậy như ngu, học rộng mà bày xoay mặt vào vách tường. Sau, Sư nói đi đến đất Kiến nghiệp, lần lượt dò hỏi các bậc Tông tượng, nghi sâu nạn lớn thường ôm ấp trong tâm. Hẳn có Đạo Vô Đắc rộng lớn, tình lưu danh sáng tỏ. Sư bèn trở về quê cũ, ẩn cư nơi núi Võ Khâu, đốt ngón tay cúng dường, tình đau nhức chóng dứt, mái chim sân thú, chí lâu dài vẫn còn.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Châu Tướng Lưu Quyền, chính là thành được đất Ngô, tâm tình đặt để trong Thích giáo, bèn nghiêm giá tới sân núi, rồi trở về thành ấp, trụ chùa Hồi Hướng. Đã bức bách cố thỉnh mời như thế, rõ ràng khác hẳn lo lắng. Vì hiểu Đạo do tâm, Đạo còn thì mất Bỉ Ngã (Ta người). Lập giáo tại Tích, giáo hành thì lẫn lộn tối sáng. Sư bèn đi đến lạc Đô, chuyển pháp lưu thông cam lộ, rót sông ngưỡng núi, đều khen ngợi sự kỳ đặc ở trước.

Vào Tiền Đường, sự giáo hoá càng tôn sùng giảng dạy rộng khắp. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc mời Sư đến Lạc Đô. Có Pháp sư Pháp Tuyên ở Thường Châu lúc ấy được thỉnh cũng đã đến. Sâu ban ân lễ, đối dương trướng màn, biện nói phân luân, rõ sự hưng diệt của Tượng giáo, chứng minh sự phó chúc Di pháp. Vào hầu yến diên, đã vẽ bày nhã thập, ruộng áo làm thơ vịnh, vẫn tức là ban tặng lụa nhung. Sư có được sự cảm kích nỗi lòng thánh đế, thấy sâu nơi nhan sắc. Vua Thái Tổ đặc ân ban chiếu lưu giữ Sư ở lại, đón rước đến kinh đô, cung cấp bốn thứ cần dùng luôn khiến ưu hậu. Ung Châu Mục Ngụy Vương xa thêm kính trọng, thỉnh Sư làm Giới sư. Đích thân ban sớ rằng: “Xưa kia, ngài Đạo An ẩn tích ở Tượng Dương, mà tiếng tăm vang đến cung nhà Tần, ngài Tuệ Viễn gá Tâm ở Lô Sơn, màtên tuổi chấn động khắp kinh đô nhà Tấn. Nên biết sự ứng vọng của tiếng tốt chẳng nhọc ngàn dặm. Chỗ soi chiếu của trăng sáng không ngăn cách chín tầng. Pháp sư đội ân Thượng nhân, vang xa Cao Đức. Luật hạnh trong sạch nơi mắt xanh, oai nghi nghiêm chỉnh ở râu đỏ. Trí truyền đăng chẳng cùng, tài pháp thí không hết! Đệ tử thâu nhiếp Tâm viên nầy, thường khát ngưỡng đối với Điều ngự, cày xới thân ruộng này, đội ân đối với mưa pháp. Nếu được thầy trò có uỷ thác, mong dùng vén quét sáu trần, khéo dẫn dắt khai mở hạnh, để không mê lầm đối với tám chánh. Kính cẩn thỉnh cầu, đợi lòng dẫn dụ!” Sư đã ứng với sự thỉnh cầu ấy, cúng thí rộng lớn. Từ đó, khắp triều đình cho đến thôn dã, các hàng Minh Đạt, tăng tục thanh cao nghe

tiếng tăng trông đợi lâu, trông ngóng phòng thất mà tìm đến, do bởi ít viết. Nhưng Sư rộng trồng gốc đức xa nêu cờ thắng. Điện báu cao đến tầng mây, kim dung tôn tượng soi chiếu như mặt trời. Trường giảng mới khai mở, mang rương tráp rảo cùng. Đàm sở vừa thành, danh đô giấy quý. Thêm vì Sư thông hiểu giáo điển nội ngoại, biển học cắt tiệt sóng cả. Bút hồng điêu luyện chương, vườn văn mở mang rừng chầm.

Đến ngày mồng sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm ở Tây Kinh thọ bảy mươi ba tuổi. Các hàng quan chức đều đến viếng điếu, mọi quan chức đều buồn thương. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc cấp tặng thêm mọi thứ cần dùng trong lễ tang và tạo xe linh, vội cấp truyền thừa, giao cho đệ tử Sư là Sa-môn Tuệ Tập rước Kim quan Sư trở về quê cũ. Đến ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) an táng tại đảnh núi phía Nam của Võ Khâu. Kẻ Tăng người tục lần lượt đến viếng, nhìn đường buồn khóc. Môn nhân, v.v... của Sư, thầy trò thêm cảm, tháng năm lần lượt dễ qua. Nếu chẳng phải là châu ngọc uyển Diễm thì ai tỏ bày không mục rã? Bèn cùng nhau dựng lập Phong Bia, thử bày kệ tụng. Trung Thư lệnh Giang Lăng Công Sầm Văn Bổn soạn lời tựa. Triều tán Đại phu soạn Lang Lưu, Tử Dực soạn bài Minh, hai đầu mối phong thanh, đều có ý chí.

9- Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam:

Thích Trí Chánh, họ Bạch, người ở xứ An Hỷ thuộc Định Châu. Gia đình nhiều đời kính tin Tam Bảo, Sư sớm làm việc trước tác hoằng thông. Vừa mới tuổi có sự nhận biết, Sư bèn giã từ mành lưới thế tục, thấy biết rộng khắp chẳng như các trẻ nhỏ đồng bạn.

Năm mười một tuổi, Sư muốn xuống tóc xuất gia, cha mẹ và bà con quyến thuộc nhìn Sư mà khóc, nhưng dung mạo nhan sắc Sư vẫn không thay đổi. Thầy Sư biết được khí độ cao xa nơi Sư, nên mỗi ngày trao truyền cho mọi điều Sư chưa nghe biết. Sư tùy được duyên bèn ghi chép thành Phổ lục, nếu có chỗ sót mất thì tìm hỏi tương tục. Sư, thân không đùa bỡn miệng không truyền bừa, vâng phụng giới pháp siêng năng, sớm tối tự sách tấn. Hoà-thượng đồng sư cũng riêng ngợi khen khác lạ. Tuy đã hai mươi tuổi mà Sư không hề phải làm việc nặng nhọc, được cung cấp đủ mọi thứ cần thiết, Sư tự do học hỏi, chưa đầy vài năm mà tiếng tăm trí tuệ Sư đã vang xa.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế

(Dương Khiêm) rộng tìm kiếm những bậc hiền tài. Sư bèn cùng Thiền sư Đàm Diên đồng vào ngụy quyết, vâng sắc ủy hỏi, vua mời Sư đến trụ chùa Thắng Quang. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Tả Bộc xạ Ngô Khánh Tắc kính trọng cao hạnh của Sư, vì tấu trình ban sắc đặt biển nghạch chùa. Xây chùa Nhân giác và thỉnh Sư đến ở đó, thiết lễ hậu đãi. Sư nghĩ sâu về gốc khổ, bỏ hết mọi việc trở về nương gá nơi rừng sâu tĩnh lặng. Nhân tại chùa Chí Tướng ở núi Chung nam có Pháp sư Uyên là bậc giải, hạnh đều cao, khắp kinh thành đều suy tôn kính ngưỡng. Sư bèn đến nương theo đó. Đạo vị giang hồ chẳng mong mà gặp được Nhân đó, Pháp sư Uyên lưu giữ Sư lại cùng ở suốt hai mươi tám năm. Vắng lặng cung kính vô sự, chẳng liên quan đến người đời. Nếu có ai thỉnh cầu thì Sư bèn giảng, luận rõ chánh lý. Không ai thỉnh thì Sư yên nghỉ an tâm tu Chỉ Quán. Thế tình nói níu chẳng cậy nơi miệng, trong trắng ngang thẳng tự tu, sáu thời không ngừng nghỉ.

Đến ngày hai mươi tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường Sư thị tịch tại chùa Chí Tướng, thọ tám mươi mốt tuổi. Đệ tử Sư là sa-môn Trí Tuệ v.v... nghĩ rằng Sư xa lìa hẳn, cảm ân khó gặp lại, bèn cùng nhau góp nhặt dư thân, đến phía Tây Bắc của chùa, đục vào vách núi làm khám để tôn trí nhục thân Sư ở đó. Lập văn bia ghi chép, như Sư hiện còn.

Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, học hỏi bẩm thừa pháp giáo. Mọi điều dạy răn của ngài Trí Chánh, Sư đều ghi nhớ không sai trái. Còn như các bản sớ giải do ngài Trí Chánh soạn đều do Sư ghi chép. Nên khi ngài Trí Chánh soạn, ngồi thẳng tư duy sâu mầu, thì Sư cầm giấy bút vâng thừa tôn nhan đứng hầu, tùy ngài Trí Chánh nói ra thì Sư bèn ghi trọn đến lúc xong bộ, bèntrải qua nhiều năm. Ban đầu, không được thầy bảo ngồi, nên chân Sư bị đau tâm buồn ngủ, bất chợt bị té. Ngài Trí Chánh mắng trách Sư rằng: "Người xưa đứng nhón một chân suốt bảy ngày còn có lưu truyền khen ngợi, nay ông vừa mới đứng mà đủ ngã té, tâm xem thường đến như vậy. Kia đứng một chân rất mực, đâu có thêm được gì", ngài Trí Chánh giảng các kinh luận Hoa Nghiêm, Nhiếp luận, Lăng-già, Thắng-man, Duy Thức, v.v... chẳng ghi là bao nhiêu biến, soạn Hoa Nghiêm sớ mười quyển. Ngoài ra đều chẳng ghi chép, lưu hành đầy đủ ở đời.

10- Truyện ngài Thích Tuệ Lăng trụ chùa Tử Kim ở Tương Châu:

Thích Tuệ Lăng, họ Thân Đồ, người ở xứ Tây Long. Lúc Sư còn

trong bào thai thì cha mẹ qua đời, chỉ mình mẹ bồng bế nuôi nấng Sư. Tam Tạng Hoài Tuệ, Sư nghĩ muốn nghe pháp, mẹ của Sư thương xót Sư cô khổ, nên cùng theo đến Pháp sư Nhuận ở Tương Dương nghe giảng Tam Luận. Chỉ đối với văn nghĩa mà Sư sâu có sự lãnh giải sâu. Đến năm Sư tám tuổi, Mẹ của Sư lại qua đời! Sư không Thầy chỉ dạy mà tự phát, một mình đi đến chỗ Luật sư Đản chùa Đàn Khê ở Ấp Tây, xin xuất gia.

Năm mười sáu tuổi, Sư đến dưới tòa của Pháp sư Minh ở Mạo Sơn thuộc Kinh Châu, nương ở nghe giảng. Sư hỏi Đại ý của kinh, có lý sâu mầu, Pháp sư Minh gọi Sư vào phòng, suốt ba năm hết lòng chỉ dạy. Và chỉ nêu bày nghĩa "Bất Hữu, Hữu" (chẳng có, có). Sư nhờ nghĩa đó mà hiểu sâu được ý chỉ. Đến cuối đời Tùy, Sư trở về Tương Dương. Sư lại theo Hạo Công ở An Châu đến đất Thục, hễ có giảng pháp thì đều bảo Sư đáp thuật lại. Sư nói năng chất phác, bàn nói lý đi vào sâu mầu. Người đương thời đều gọi Sư là "Đắc Ý Lăng". Đến lúc Hạo Công bị hạ ngục thì Sư cũng bị trói, thân bị gông cùm nơi huyện Thành đô. Có một tù nhân theo thỉnh Sư giảng Tam luận. Giảng xong năm biến, thì có sắc lệnh phóng thích. Sư lại theo Hạo Công trở về. Khi đã đến An Châu, lương thực đang gặp lúc hiếm quý. Mỗi sáng Sư đến Tùy Chầu rảo trong thôm xóm khất thực, chiều tối, Sư lại về đến chỗ Hạo Công và vẫn tham cầu nghe giảng như thường. Qua lại cả ba trăm nhưng rất có sức khỏe, Báo lực của Sư mạnh mẽ, cả đời không hề bệnh hoạn. Học chúng thảy đều suy tôn. Đến lúc Hạo Công sức lực yếu kém, thân bốn đại suy mòn, bèn bảo Sư thay mình giảng Kinh Niết-bàn, thính chúng đều lấy làm lạ về lời giảng của Sư, cho là trái ngịch so với nghĩa của Hạo Công. Khi đó, những vị ngồi ở hàng đầu đều là những bâc tài giỏi, có hơn ba mươi vị cùng đến phó Thủy hơn trăm ngày. Nên Sư chỉ giảng Tam Luận. Khi Hạo Công bệnh tình đã trở nặng, Sư lại trở về An Châu, thường ở nơi phòng Hạo Công, tiếp nối Đại ý Kinh văn, bên ngoài có người nghe ngóng đều cho là Sư nói quàng, bèn thưa với Hạo công rằng: "Tuệ Lăng ở phần đầu Chương hoàn toàn dường như chẳng hiểu. Ngày mai lên giảng, xin ngài xác định lại. Đến khi giảng, Hạo Công bảo: "Ta muốn xác định lại chương đầu, hãy mang kinh ra đây!". Khi ấy Đại chúng tất cả hai mươi lăm vị mỗi vị đều tụng trình, và đều bảo "Chẳng đúng!" Sau cùng, ngài thuật câu cú. Câu cú tuy khác nhưng đều bảo là "Đắc ý". Do đó, người chẳng phục cũng không dám khinh. Đến khi Hạo Công sắp tịch, bảo rằng: "Tuệ Lăng lại đây! Nay tôi giao phó tục chủng cuối cùng cho ông. Từ khi tôi giảng pháp đến nay chỉ có mình

ông là người đắc được chỉ thú của kinh.” Hạo Công bèn nắm lấy tay Sư, bảo rằng: “Người giảng dạy phải như đi trên dao kiếm. Chẳng tham lợi dưỡng, chẳng sợ khổ nhọc. Muốn được truyền đèn nối đuốc, thường phải ở nơi chùa núi. Đọc kinh pháp sự phải làm khuôn phép cho mọi vật. Nếu khi vì một người hay lúc chúng đông cũng thế. Được vậy mới xứng đáng là báo đáp Ân phật!”. Lại bảo rằng: “Ta và ông cùng trải qua lắm gian khổ, thời gian chẳng ngắn ít. Chỉ lấy Vô tướng làm gốc, rồi sau mới nói!”. Nói xong thì Hạo Công thị tịch.

Khi chưa được phó chúc, Sư mộng thấy vị Thần chột cả hai mắt. Lại thấy một người mặc áo xanh, tay cầm gương báu tỏa phát ra ánh sáng đến ấn khả. Tâm Sư đã thọ quyết rồi, suốt cả trăm ngày có tâm luyến mến. Sau Sư trở về Tương Châu, trụ chùa Tử Kim, giảng luận suốt năm năm. Đồ chúng có đến ba trăm vị. Niên hiệu Trinh Quán thứ tám thời Tiền Đường (634) Sư lại trở về Tu-di giảng các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm, Duy-ma, v.v... Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư mộng thấy chim ưng bay vào chùa, các loài chim khác bay đi, do đó liền tan chúng. Đến lúc Tư Công sưu tầm dò xét không được một thứ gì. Tương Vương đến Tương Châu, Phật Pháp Xương Minh hưng thạnh, thỉnh Sư đến trụ chùa Phạm Vân trai giảng nối nhau, kẻ tăng người tục nhóm họp học tập càng mạnh mẽ hơn.

Đến giữa tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, có Pháp Sư Sưởng trụ chùa Cảm Thông bảo rằng: “Mộng thấy Diêm Vương thỉnh Tuệ Lăng giảng Tam Luận. Sương Công giảng Pháp Hoa như thế nào?” Sư nói: Lành thay! Tuệ Lăng tôi xin phát nguyện thường ở nơi địa ngục giáo hóa chúng sinh, Giảng Kinh Đại thừa, đã có điềm lành nầy, đó là mãn nguyện.” Đến cuối tháng chín năm đó (640) Tương Vương thấy Sư khí lực suy yếu, bèn dâng cúng hai lạng sữa Thiều Châu, ép buộc Sư phải uống. Đêm đó, Sư mộng thấy có một người áo mão đến nói với Sư rằng: “Chớ uống sữa đó, Vua Diêm-la trang nghiêm đạo tràng đã hoàn tất, có nhiều sữa thuốc!” Đến giữa tháng mười, lúc hoàng hôn buông phủ, cảm thấy không được khỏe, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ngũ tạng của ta đã rã hoại, không có chỗ nào đau!”. Đến canh tư, Sư lại ngồi dậy nói với chủ chùa là sa môn Bảo Độ rằng: “Nhớ xưa kia năm mới tám tuổi, đi sang chùa Long Tuyền nhờ Bồ-tát Quán thế Âm, chưa đến chùa Kỳ-xà đã giảng ba biến rõ ràng như trước mắt..!” Sư nói chưa xong thì bên ngoài có tiếng nói lớn: “Pháp Sư hãy sớm dậy đốt hương!”. Kẻ sứ liền đến”, ngài Bảo Độ hỏi:

"Ông là ai?" Sư đáp: "Sứ giả vua Diêm-la đến đón rước". Sư liền đứng dậy đốt hương, tắm gội, sám hối lễ Phật xong, trở về lại trong phòng giã biệt ngài Bảo Độ, ăn cháo chưa xong, Sư bèn lấy "Nhất sinh tư ký" (Tập riêng ghi mọi việc trong đời mình) đốt bỏ, bảo rằng: Người khác đọc đến Tư Ký này, không thể thấu đáo đến cùng!". đến giờ tiểu thực có mùi thơm lạ bỗng nhiên bay thoảng lại, ngài thâu liễm dung nghi mà thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường.

Tăng chúng khắp nơi suốt bảy ngày bảy đêm pháp tập Công Đức. Tương Vương ban tặng năm mươi xấp lụa, đưa tiễn đến núi Phụng Lâm. Kẻ tăng người tục đồng nhóm họp hơn năm trăm vị, khai giảng thiết trai hội trọn ngày mới tan.

11- Truyện ngài Thích Trí Bạt trụ chùa Thường Tế ở Tương Châu:

Thích Trí Bạt, họ Trương, người ở xứ Tương Dương. Thuở nhỏ, Sư trong sáng tỏ ngộ, ưa mến Đạo pháp.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia. Mới đầu làm đệ tử Pháp sư Nhuận. Pháp sư Nhuận trông thấy Sư có khí độ giúp đời, bèn dẫn đến gửi gắm cho Pháp Sư Triết, Pháp Sư Triết cũng là bậc Cao tăng ở Tương Châu, ở Biệt truyện có nói đầy đủ. Ban đầu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày thuộc được năm trang. Nghĩa lý trong kinh, Sư lược hiểu khuôn phép, mới tự nghĩ rằng: "Kinh này đại ý nói về Chư Phật ra đời. Mỗi người mỗi Đạo, chẳng mở mang thì không thông. Nguyện trọn nương tựa hành trì, khai ngộ cho người mê mờ, phải nghe mới sâu rộng!". Nhân có Pháp sư Cát Tạng là bậc thượng đức ở chốn Đế đô, là người nêu lãnh vang khắp bốn biển, là bậc Tông Tượng của ba thừa, Sư bèn tìm đến kính vâng ý chỉ, vui mừng khơi kích Tố tâm. Đầu đuôi hai biến và bảo Sư đáp thuật. Các bậc tài giỏi mở lời không gì chẳng loạn vết. Ngài Cát Tạng đích thân đến tòa. Sư hỏi đại chúng rằng: "Nhất thừa là mây, được chia làm ba, cũng có thể Nhất thừa là mưa, chia làm ba được chăng?" Cả Đại chúng không ai dám đáp, Ngài Cát tạng bảo rằng: "Trí Bạt! Câu hỏi ấy của ông được ý chỉ sâu." Và bèn căn dặn: "Đại pháp hẳn ở nơi cơ duyên!".

Từ đó, Sư trở về Tương Dương, gặp lúc giặc đã nhiễu loạn, không thể nào giảng dạy. Ban ngày Sư ẩn tàng, đêm đến mới nằm ôn văn nghĩa. Sau, gặp lúc trở lại thời thanh bình, Sư bèn ở chùa Kỳ-xà, và thường ở tại chùa Thường Tế, giảng Kinh Pháp Hoa mỗi năm năm biến. Sư có đệ tử

là Sa-môn Pháp Trường là bậc hậu sinh dĩnh ngộ, hiện ở tại chùa Phạm Vân, hướng dẫn Đồ Chúng, thừa tiếp Đạo nghiệp.

Đến ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Sư đến ở nhà Cư Sĩ Trương Anh, sớm nhóm họp nêu dựng nghĩa. Khai giảng tựa đề Kinh Pháp Hoa. Có người hỏi: "Nay xưa mở lấp yếu chỉ của ba, một." Sư đối đáp như gió vang theo tiếng, giải ngộ khai mở tâm người đương thời. Sư nói với Pháp sư Tuệ Lăng rằng: "Trí Bạt tôi đã đáp xong lời hỏi vặn của Tu-di, tất cả đều là thần tuấn." Sư bèn vào thôn ấp khắp tám phương giã biệt cùng các vị Đại đức Đàn Việt. Mọi người khi ấy chẳng lường biết được lời nói của Sư, Sư liền im lặng, vội đến xét xem, thì Sư đã thị tịch. Kẻ tăng người tục khắp nơi thảy đều buồn than, nhan mạo hình trạng Sư vẫn như lúc thường, Sư ngồi kiết già trang nghiêm ngay thẳng. Tương Vương tự thân đến đốt hương cúng dường, ban tặng mọi vật, có đến cả trăm, thiết trai cúng dường năm ngàn vị tăng tại nơi tháp mộ Ngài. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Du trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Du, họ Sầm. Thuở nhỏ, Sư cô quạnh túng quẩn. Năm ba tuổi, cha mẹ Sư đều qua đời, Sư bèn được người cậu nuôi dưỡng.

Năm năm tuổi, Sư theo ông ngoại đến chùa Trường Sa nghe giảng, nhìn thấy tôn tượng Phật Sư bèn rơi lệ khóc than luyến mến chẳng chịu trở về nhà, bèn ở lại chùa đó làm Đệ tử Pháp sư Cứu Khổ. Ngài Cứu Khổ bảo Sư tụng đọc Kinh Đại Phẩm. Trong vòng năm mươi ngày Sư đã thông rành trọn bộ. Sau, Sư lại nghe giảng về Tam luận, Đại Phẩm, thấy được Tông lãnh, hễ có hành văn thì quán dụng sáng tỏ.

Đến lúc gặp nạn, Sư bèn vào chùa núi Ngọc Tuyền, cạnh chùa có dòng suối, Sư lập am tranh mà yên ở suốt ba mươi ba năm. Mới đầu không tạm rời, Sư quán xét tâm thuần tịnh, chưa thể nói thấy, lúc thần suối phụng cúng hoặc thấy nghe một con rắn đen thân dài đến hai trượng, ẩn hiển hiện thân như có vẻ gìn giữ, quân giặc tuy đến nhưng không dám tới gần. Có Lão giặc Trương Hách Già là người mạnh mẽ hung tợn không ai bằng, dẫn cùng mười tên giặc trên tay cầm hai cây dao muốn giết hại con rắn ấy. Cách chừng hai trăm bước, rắn bèn giương mắt phát ra ánh sáng, bọn giặc đi theo đều té ngửa, qua hai ngày sau, Sư nghe biết bèn đến cứu thì bảy người đã chết. Rắn đi chung với Sư, Sư vì trì tụng Kinh Đại Phẩm, chú Đại Minh xong, ba người còn lại

mới sống. Từ đó, khắp bốn phương xa, mọi người nghe được Đạo phong của Sư bèn đến cúng dường đông đảo.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, kẻ tăng người tục ở Kinh Châu thỉnh Sư đến trụ chùa Thắng Quang giảng Tam luận, Kinh Đại Phẩm, khai hóa cho những người chưa nghe, Phật pháp nhờ đó được hưng thạnh.

Đến ngày hai mươi ba tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, mọi người trong chùa đều trông thấy nhiều ánh sao rơi xuống giếng, không ai lượng biết được nguyên do. Qua ngày mười bảy tháng tám năm đó (640), Sư giảng Kinh Đại Phẩm, đến phần văn vãng sinh chưa xong, tay Sư cầm hạt châu như ý, ngồi trên tòa mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Trì trụ chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu:

Thích Tuệ Trì, họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy. Cha của Sư làm Thái thú Dự Chương, nhân đó mà sinh ra Sư. Thuở thiếu thời, cơ mạo Sư cung kính đẹp đẽ, dáng dấp khoan thai. Những nơi Sư đi ở, mọi người đều ưa thích gặp gỡ trò chuyện với Sư. Sư vân du khắp các nơi nổi tiếng, dùng giáo chánh pháp giáo hóa.

Đầu tiên Sư đến chùa Khai Thiện ở Đơn Dương, xin xuất gia làm Sa-di, làm Đệ tử Pháp sư Mãn. Pháp sư Mãn bảo Sư tụng Kinh Đại Phẩm, mỗi ngày Sư thuộc lòng đến năm trang. Kinh ấy tuy dễ tụng nhưng khó trì. Mà Sư có khả năng nhớ nhận Văn cú không sai lầm, Người đương thời đồng ngợi khen. Năm hai mươi tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc. Thân Sư cao đến bảy thước, sắc tướng sáng đẹp hùng vĩ. Sư gìn giữ oai dung, chẳng liếc ngó bậy bạ, nên người đời lại gọi Sư là "Tượng Vương Trì". Sư nghe Pháp Sư Trang ở chùa Đông Án giảng pháp, lại nghe Pháp sư Thật- người xứ Cao-ly giảng về Tam luận, tham cứu cùng cực. Môn học cao vợi. Sư lại giỏi về Lão trang Dịch Sử, tiếp đến là Đàm huyền, gửi lời pháp lý. Có Việt Công Dương Tố trị vì binh lính ở Hoài Hải, nghe Đạo phong của Sư mà đến xét xem, ngợi khen sự giác ngộ trong chúng sinh của Sư rằng: "Đây mới thật là vị Tăng không ai sánh bằng!."

Đến cuối đời Tùy, Sư lánh nạn, sang trụ chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu, thường giảng về Tam luận, Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Trang Lão, suốt nhiều năm không dừng nghỉ. Sư lập chí vững chắc thanh bạch. Sư viết lách rất nổi tiếng, gần ba mươi năm

không ra khỏi cửa chùa. Sư thường ngồi kiết già, không nằm, siêng năng mãi đến lúc thị tịch.

Đến sáng sớm ngày hai mươi ba tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư bảo với đệ tử rằng: "Ta muốn đi nơi khác để hoằng hóa, hãy mau làm thức ăn." Đến ba lần, trước khi ăn Sư trở về phòng, ngồi kiết già trên giường dây, kiểm thúc dung nghi mà thị tịch. Các đệ tử cho là Sư đang nhập định, suốt ba ngày vẫn để tự nhiên như vậy. Có Thừa Đỗ Phục Hộ ở Cối Kê là người ăn chay trường trong sạch, y theo lệ thường đến tham bái, nghe có mùi thơm khác lạ, nên biết Sư thị tịch đã lâu. Sư ngồi kiết già an nhiên, duỗi ra không được. Mới để ngồi mà tiễn đưa đến núi Đại Võ. Từ các Hàng Đô đốc trở xuống, kẻ tăng người tục có hơn vạn vị, buồn than cùng khen ngợi đồng đến chỗ tẩm liệm. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

14- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Cát Tường ở Việt Châu:

Thích Trí Khải, họ Phùng, người ở xứ Đơn Dương. Cha của Sư mất sớm. Năm sáu tuổi, Sư nghe Pháp sư Cát Tạng giảng phẩm Hỏa Trạch (nhà lửa) Kinh Pháp Hoa. Đêm về, Sư nói với mẹ rằng: "Trong kinh nói nhà lửa, tức là chỉ cho thân ta, nếu ta là nhà lửa thì ta sẽ thiêu đốt người, đã là không thiêu đốt thì rõ biết là vô ngã!". Suốt đêm tới sáng, Sư bèn đến chỗ Pháp sư Cát Tạng xin xuất gia. Vì Sư da đen nên mọi người gọi Sư là "Ô Khải".

Năm mười ba tuổi, Sư cất giữ kinh luận phóng đạt của ngài Cát Tạng, luận bàn đều chẳng câu nệ kiểm ước. Ngài theo ngài Cát Tạng đến trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê. Môn nhân đều là những vị tài giỏi nhưng chẳng dám lấy làm cao. Đến lúc ngài Cát Tạng vào kinh đô, Sư liền trở về chùa Tĩnh Lâm, nhóm chúng thường giảng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư lập giảng hội ở Huyện Diệm, thính chúng dự nghe có năm trăm vị. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Tiểu Long Tuyền ở huyện Dư Diêu, thường giảng Tam luận và Kinh Đại Phẩm, v.v... Sư phát thệ nguyện chẳng ra khỏi chùa, lưng không dính chiếu, chẳng thọ nhận cúng thí, tự Tăng mà thôi. Phíasau điện Phật tự nhiên có một cái hồ, Sư liền nói: "Chỉ uống nước hồ này cho đến chết! Ngài tánh tình nhân từ, nói năng cứng rắn. Bấy giờ, phong tục của đất Việt thường vất bỏ chó con, Sư nghe mà xót thương, bèn bảo gom nhặt về có cả ba mươi con, năm mươi con, thường nuôi dưỡng, đắp chăn cho chúng nằm ngủ, Sư chẳng nệ hà dơ bẩn.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Tề Bộ Đốc thỉnh Sư ra trụ chùa Gia Tường, thỉnh giảng Tam luận. Các hàng nghĩa học ở bốn phương có hơn tám trăm vị, các hàng Quan liêu dân thứ trên dưới đều nương thời vây quanh đến, để làm hưng hiển suốt hơn trăm ngày. Mỗi ngày bàn luận với mười vị. Sư đối đáp thản nhiên, tiêu tan tất cả không vướng mắc. Mới bắt đầu đi, cái hồ nhỏ ở chùa Long Tuyền liền khô cạn, Sư nghe mà than rằng: "Hồ khô cạn, mất thức ăn, ta không trở về!".

Đến ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, Sư vẫn y như thường lệ lên pháp tòa. Tay cầm xâu chuỗi như ý, im lặng không nói. Đến xem xét thì Sư đã thị tịch, bèn thiết bày thêm tòa rước đến núi Đại Võ, cúng dường suốt bảy ngày, thường có mùi thơm lạ. Châu Tể tự kiểm xét, bèn phát tín tâm vững chắc, bèn xây ngôi tháp cao bảy tầng để khen ngợi Đức hạnh của Sư.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 14 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 15

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 11 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có bốn vị).

1- Truyện ngài Thích Pháp Mẫn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Tuyền trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Diểu trụ chùa Thần Túc ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

4- Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Miên Châu, thời Tiền Đường.

5- Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

6- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

7- Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu, thời Tiền Đường.

8- Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu, thời Tiền Đường.

9- Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

10- Truyện ngài Thích Hạnh Đằng trụ chùa Từ Bi ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

11- Truyện ngài Thích Chỉ Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Hưu trụ chùa Từ Nhuận ở Tương Châu, thời Tiền Đường (Đàm Nguyên, Linh Phạm).

13- Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường(Tịnh Nguyên,Trí Diễn).

14- Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô, thời tiền Đường.

15- Truyện ngài Thích Nghĩa Bao trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Pháp Mẫn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu:

Thích Pháp Mẫn, họ Tôn, người ở xứ Đơn Dương. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Thiền sư Anh, xin làm đệ tử. Sư đến Mao Sơn, nghe Pháp sư Minh giảng về Tam luận.

Pháp sư Minh là người được Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng di chúc vậy. Lúc đầu, khi Lãng Công sắp thị tịch, Ngài gọi tất cả Môn nhân đến để nói về Hậu sự, khiến tự nêu chỗ, đều chẳng trúng ý. Do đó, các người học đều là môn nhân có tiếng tăm, bảo chăm chú nhìn. Lãng Công bảo:" Người được ta đề cử là Minh Công." Đồ chúng gần cả ngàn vị tên Minh, chẳng phải một, nên đều bảo: "Phỏng theo nghĩa chỉ, thì chẳng hay ai là Minh." Lãng Công bèn bảo:" Minh ở phía dưới trụ phía đông chỗ ta đang ngồi. Minh Công ở pháp tịch này chẳng di dời suốt tám năm, miệng không bàn nói, thân chẳng vọng can thiệp." Cả chúng đều đưa mắt nghi ngờ nhìn Minh Công. Nay có lời bảo ấy không ai chẳng thắc mắc, riêng bàn với nhau cho rằng Pháp sư có được tha lực phù hộ. Lãng Công bảo: "Ta nêu cử Minh Công, ắt quấy nhiễu Ý Chúng, Pháp giáo không riêng tư, chẳng dung chứa vết ẩn." Bèn bảo Minh Công đến chỗ Pháp tòa đối chúng tiếp nối đó. Minh Công tánh tình khiêm nhường, khóc lóc cố từ chối. Lãng Công bảo: "Minh Công hãy đến, ý ta đã quyết! Vì lắng miệng chúng hãy nêu chỗ cùng cực." Và Lãng Công bảo một thiếu niên bưng đến truyền tọa, bảo rằng: "Đại chúng lắng nghe! Nay hỏi trong luận có mười khoa nghĩa sâu, ban đầu không hề nói, mà Minh Công đã thấu hiểu, có thể mỗi mỗi đều tiếp nối". Khi Minh Công đã tiếp nối kế thừa thì đại chúng đều thỏa thích kính phục, đồng hổ thẹn sám tạ về sự khinh miệt. Liền ngay ngày đó, Pháp sư Minh Giã từ Lãng Công, dắt dẫn môn nhân vào Mao Sơn suốt đời chẳng bước ra, thường mở mang luận ấy. Nên Tông của Hưng Hoàng nêu lên chỗ đến cùng của Sơn Môn. Sư tham cứu trích lấy Tinh lý, ra nghe Đông An giảng, lời đồng mà ý khác. Sư lại có bộ riêng.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư lại nghe Thật ở chùa Cao-ly giảng kinh

luận Đại thừa, đích thân Sư làm Nam tọa kết chẩn ba châu. Đến khi Thật Công thị tịch, Ẩn sư ở chùa Cao-ly lại lên đất Thục để giảng luận, nên pháp tịch điêu tàn. Khi nhà Trần mất nước, Sư mới hoàn tục ba năm ở ẩn, rồi xuất gia trở lại, đến đất Việt lánh nạn. Sư đến trụ chùa Lương An ở Dư Diêu, hướng dẫn mười vị Sa-di, giảng Kinh Pháp Hoa, Tam luận nối nhau không ngừng nghỉ.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư trở lại Đơn Dương, giảng Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn suốt hai năm. Việt Châu Điền Đô Đốc, lại tìm thỉnh Sư về chùa Nhất Âm, liên tục giảng pháp. Bấy giờ Đại chúng nhóm họp các hàng sa-môn Nghĩa Học có hơn tám trăm vị trong hơn bảy mươi châu quận. Tăng chúng ở tại xứ sở gồm một ngàn hai trăm vị. Ni chúng ba trăm vị, còn các hàng sĩ tục nhóm họp thì không thể tính kể. Bấy giờ gọi đó là mừng hội Pháp Khánh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, các hàng sĩ tục ở Cối Kê thỉnh Sư đến trụ chùa Tĩnh Lâm giảng Kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng sáu, trong lúc đang giảng, có con rắn treo nửa thân mình trên đảnh đầu Sư, thân dài tới bảy thước, mầu vàng ròng, phát ra ánh sáng năm mầu, mãi tới lúc giảng xong mới ẩn hình. Đến lúc mãn Hạ, Sư trở về chúa Nhất Âm ban đêm có hai người mặc áo đỏ đến đảnh lễ thưa với Sư rằng: “Pháp Sư Giảng bốn bộ kinh lớn, công đức thật khó lường, phải đến phương khác để giáo hóa. Nên chúng tôi từ phương Đông đến đây đón rước Pháp sư!” Đệ tử của Sư có mấy mươi vị đều trông thấy việc ấy!.

Đến ngày mười bảy tháng tám niên hiệu đó (645) trước đó ba ngày ba đêm tự nhiên mờ tối. Vừa đến ngày hai mươi ba lúc Sư sắp thị tịch bỗng nhiên phát ra ánh sáng rực rỡ, đang đêm tối mà như ban ngày, mặt đất rung chuyển. Nhân đó, Sư thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi. Sư thân cao bảy thước sáu tấc, dùng để an táng bảy ngày, có mùi thơm lạ chẳng dứt. Mọi người thảy đều lấy làm lạ ngợi khen, kẻ tăng người tục trang nghiêm, tiễn đưa Sư đến núi Long An.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Tuyền trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu:

Thích Tuệ Tuyền, họ Đổng. Xuất gia từ thưở thiếu thời tại Tương Châu. Sau thời Bắc Chu phá hủy Phật Pháp, Sư đi về hướng Nam đến đất Trần. Sư vào Mao Sơn nghe Pháp Sư Minh giảng Tam luận. Lại đến chùa Thê Hà nghe pháp Sư Huyền Bố giảng Tứ luận và Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn v.v... về sau, Sư lại đến chùa Đại Lâm ở An Châu nghe Pháp

sư Viên giảng Thích Luận, các nơi Sư đến đều khế hợp với U Cực. Sư lại trở về Hương Tử, trụ chùa Quang Phước. Gặp loạn lạc, Sư vào thành, Lư Tổng Quản, v.v... thỉnh Sư đến Quan Xá giảng Kinh Hoa Nghiêm. Tăng chúng nhóm họp có đến năm trăm vị, gặp phải giặc dã vây quanh, nên mỗi người đều tâm cung kính. Không bao lâu thì lùi tan, Sư lại tư duy sâu xa về Pháp lực.

Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường an thái, Sư lại đến trụ chùa Long Tuyền. Với Tam luận Đại Kinh, Sư thường luôn mở mang. Sư thông đạt cả Lão Trang Tử Sử, nói cười cảm động lòng người. Công tư vinh đạt, tham hỏi đông nhiều. Tương Kỷ các Vương đồng đến Tương Bộ, đích thân bày tỏ kính phụng tọa trấn như lúc ban đầu. Vương đi ra cửa, ngoái nhìn lại bảo: “Rước đưa đều không đi, đó là sự trọng vọng của Phật Pháp!” Do đó tiếng tăm Sư càng vang xa đến Hán Nam.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi hai (648) thời Tiền Đường. Sư đang giảng Kinh Niết-bàn. Đêm mồng tám tháng bốn, thần núi đến báo rằng: “Pháp Sư hãy nhanh chóng xây dựng thêm phòng nhà, không bao lâu sẽ sinh về Tây Phương!” Đến ngày mười bốn tháng bảy, Sư giảng Kinh Vu-lan vừa xong. Sư dang tay mà bảo rằng: “Lúc sống thường tín thí, nay phải ban rải khắp cùng, từ một mảy may trở lên đều xả thí vào của mười phương chúng Tăng, những người nghèo cùng cầu xin và các hàng Dị đạo v.v...” nói xong, Sư liền thị tịch tại pháp tòa, thọ bảy mươi chín tuổi.

Ngài lập tánh rỗng rang nhàn tĩnh, không nói điều sai quấy của người. Khách mới đến, mừng vui như bạn thân, miệng luôn mỉm cười. Từ bi thường ở trong tâm. Sư thông hiểu Huyền nho, thông suốt Văn thể, nên các hàng Sĩ tục ở Tương Châu đều kính ngưỡng Sư. Nghe tin Sư thị tịch ai cũng rơi lệ.

Lúc mới đến trụ chùa Quang Phước, ở trên đảnh núi gánh nước rất khổ nhọc. Sư sắp dời đi chùa khác, ban đêm thấy vị Thần thân cao một trượng mặc áo bào mầu tím đến đảnh lễ Sư, thưa rằng: “Kính thỉnh Sư thường ở đây giảng kinh Đại thừa. Chớ vì Tiểu thừa mà lấy làm lo! Tiểu thừa ấy cũng như núi cao không nước chẳng thể làm lợi ích cho người. Còn Kinh Đại thừa giống như biển lớn, tự ở núi này có nhiều Phật ra đời, một người đọc tụng giảng pháp Đại thừa, có thể khiến tại chỗ ở phát sinh các thứ châu báu tỏa sáng, quyến thuộc đông đầy tốt đẹp. Các thức ăn uống sung túc. Nếu có các việc Tiểu thừa trước đó thì đều mất. Cúi mong Pháp Sư hoằng trì, chớ phụ Sư trông mong! Pháp Sư cần nước, việc ấy được vậy. Qua ngày mồng tám tháng sau chắc chắn

sẽ có được, tự đến con suối lớn tại núi Từ Mẫu ở Kiến Nam thỉnh một Long vương đi!" Nói xong, liền biến mất. Vừa đến kỳ hạn, đầu hôm mồng bảy, bỗng nhiên gió lớn từ hướng Tây Nam nổi dậy thổi đến, sấm sét vang động, mưa tuôn xuống. Dưới miếu Hán Cao ở phía Bắc chùa; phía sau Phật Đường khoảng trăm bước suốt đêm tương tục cho tới sáng mới dứt. Chỉ thấy dòng suối trong sạch, có mùi thơm lại ngọt ngon. Cả đại chúng đồng vui mừng. Đến lúc Sư thị tịch, suối rồng ấy dần dần khô cạn. Nói theo đó thì Sư cũng có sự cảm thông cùng cực.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Diểu trụ chùa Thần Túc ở Tương Châu:

Thích Tuệ Diểu, họ Trang. Xuất gia từ thuở thiếu thời, Sư lấy pháp tiểu thừa làm chính, đến học khắp các Châu Tề, Từ, Thanh Hải, v.v... thông hiểu Số Luận, tiếng tăm vang khắp Giang Hán.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư trở về trụ chùa Báo Thiện ở quê nhà. Nhân Tượng Vương Triết Công ở tại Long Tuyền hạ khai giảng Tam luận. Sư sinh tâm bất nhẫn bảo rằng: "Tam luận nói rõ về nghĩa không, mà người giảng lại chấp chặt không." Sư nói vừa xong, bỗng nhiên lưỡi dài ra ba thước, lỗ mũi, mắt và hai tai đều ra máu, suốt bảy ngày không nói được. Có Luật sư Thái, nghe Sư bài bác sơ lược về Đại Thừa mà lưỡi liền bị kéo ra, bèn bảo Sư rằng: "Ông là người rất ngu si. Chỉ một lời phỉ báng kinh, tội còn hơn cả ngũ nghịch. Nếu tin Pháp Đại thừa mới được khỏi." Và bảo Sư đốt hương phát nguyện sám hối lời nói trước, lưỡi Sư liền thâu lại, bèn khiêng Sư sang chỗ Triết Công, phát tâm thệ nguyện thâu lại vết tích, chỉ nghe pháp Đại Thừa. Đến lúc Triết Công thị tịch, Sư thiết đại trai hội nơi tháp mộ, lại xây dựng đạo tràng Thất xứ bát hội, thỉnh mời rất đông các hàng Đạo tục. Trăm ngày đã mãn, Sư liền đến trụ chùa Thần Túc ở Hương Sơn. Chân chẳng bước ra khỏi cửa chùa, luôn tụ tập pháp Đại thừa. Sư thường khuyên trong các xóm ấp, mỗi năm bốn mùa giảng các Kinh Hoa Nghiêm, v.v... để tỏ bày sám tạ. Sư thường ở giữa chúng, tự nói bày lỗi lầm ngày trước. Sư ở riêng một phòng, thường ngồi thường niệm.

Ngày mồng ba tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư ngồi thiền tại rừng thông ở phía sau chùa, thấy có ba người dung mạo đều cao lớn, mặc áo sắc đỏ đến lễ bái, xin thọ giới Bồ-tát xong, rồi tự thưa với Sư rằng: "Thiền sư là người rất lợi căn, nếu chẳng đổi tâm tin theo Đại Thừa thì dẫu ngàn Đức Phật đã ra đời vẫn còn ở trong địa ngục!". Sư nghe lời dặn bảo sâu nặng đó mà

nước mắt nước mũi tuôn chảy, khóc lớn trở về chùa. Tại trước phòng giảng, Sư thiết tha nghẹn ngào, không thể nói nên lời, dùng nước rửa tỉnh, lại càng khóc lớn. Sư nhiễu Phật sám hối, lấy đó làm việc thường. Sư khuyên hóa các hàng Sĩ tục tạo các kinh luận như Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, Phật tạng, Tam Luận v.v... mỗi thứ trăm bộ.

Đến giữa trưa ngày mồng chín tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, đang ở trước điện Phật sám hối, nhân đó Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi. Từ khi Sư tịch trải qua bảy ngày, rừng cây tự nhiên biến thành mầu bạc trắng, suối lớn đục ngầu, qua thời gian đó mới trở lại như cũ. Đó cũng là người biết lỗi mà hối cải thì đồng như người không lỗi, thật có thể là Phúc lành!

Chùa Sư ở cách xa Thành ấp hơn năm mươi dặm, mà theo ngài cầu thọ quy giới có hơn bảy ngàn người, ồn ào cùng kéo đến núi, họ kiến lập Đại Trai hội ở nơi tháp mộ Sư. Có ba mươi vị Pháp sư, mỗi vị khai giảng một kinh, để thấm nhuần linh tạo.

4- Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Niên Châu:

Thích Linh Duệ, họ Trần. Vốn gốc ở Dĩnh Xuyên, đến ngụ ở Thục Châu, trở thành người Trần Hương thuộc Ích Xương. Tổ Tông của Sư tin theo họ Lý (Lão Giáo). Ngày mồng tám tháng hai, mẹ của Sư vào Đạo Quán thiết lập trai hội cúng thí, nhân đó cầu xin được có con. Khi trở về nhà, đêm ấy mộng thấy đang ngồi dưới rừng thông, bỗng có một cái bình bát bằng bảy báu từ gốc cây bay vào miệng bà, Bà liền mang thai, sau đó bà không ưa thích các thứ mùi vị Ngũ tân. Đến lúc sinh ra Sư, nếu như có ăn nhầm thì cả mẹ lẫn con đều đau đầu, từ đó bèn bỏ hẳn.

Năm tám tuổi, cha mẹ dẫn Sư đến chỗ Đạo sĩ, bảo đọc bộ Hư từ, liền đó các khiếu huyệt trên mặt máu chảy ra, bèn không đọc được. Trở về nhà, vào đồng ruộng, gặp được Pháp Sư Trí Thắng, Sư liền nói: “Gia đình vốn kính thờ Đạo, riêng con kính thờ Phật, muốn xuất gia với Sư!” Ngài Trí Thắng liền dẫn Sư đến chùa Thắng Nghiệp ở Ích Châu, làm Sa-di, chỉ trong một mùa Hạ, Sư thầm thông suốt Kinh Đại Phẩm.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Ấn Công ở chùa Cao-ly đến đất Thục giảng Tam Luận. Sư lại làm Đệ tử ngài Ấn Công. Sư thường tu theo Đại thừa. Sau, Sư đến kinh đô, đến nghe các Pháp. Đến cuối hiên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư lại trở ra Thục đô, trụ chùa Pháp Tụ. Niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường, Hạo Công ở

An Châu đến đất Thực, trụ chùa Đại Kiến Xương, khai giảng kinh giáo Đại thừa, Sư cùng dự học tại pháp diên ấy suốt ba năm.

Sau đó, Sư về lại chỗ ở gốc, thường giảng dạy Bộ luận ấy. Trải qua hai năm, trong chùa có hàng Dị học thành thật bè bạn ganh ghét bộ không luận ấy, thường phá tâm Sư, sắp dấy ý hại. Sư ở trong phòng nằm ghỉ sát vách tường phía Bắc. Đầu hôm mới về đến giường vừa gá nghiêng lưng, tự nhiên bồn chồn chẳng yên, lông trên thân dựng đứng. Sư bèn dời sang ngồi ở giường phía Nam. Đến canh ba, bỗng nhiên nghe phía ngoài, vách tường phía Bắc có vật khua đánh vào đến chỗ thường nằm. Sư bèn đến xem xét mới thấy cây giáo tre sơn dài hai trượng, thế hướng nếu như thân nằm ở giường sẽ xuyên ngang. Kẻ muốn hại Sư đã không được lại dùng bạc thoi thuê giặc vào phòng. Sư ngồi bên cạnh bàn mà không hề tìm được, chỉ thấy một cái áo giáp tại chỗ Sư thường ngồi. Sư biết hại đó là ác, nên liền dời quán trở về trụ chùa Quang Tịch ở Ích Xương thuộc Miên Châu. Thân tướng Sư đen xấu, cao chỉ năm thước. Nói năng đến đâu, đều thông ngộ trước cả. Sư thường giảng kinh giáo Đại thừa, lấy làm chánh nghiệp.

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có Thiền sư Khiên ở Thông Châu phát tâm làm đàn việt hết lòng cung cấp. Đồ chúng có đến ba trăm vị. Đến đêm hai mươi lăm tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) Sư nằm mộng thấy có người đội mão mặc áo đến đón rước Thiền sư Khiên đi về phương Tây, trong bình bát của tăng chúng rỗng không chẳng có vật gì. Qua ngày ba mươi, tự nhiên bảy quả chuông vừa lớn vừa nhỏ, khánh đồng có hơn mười cái trong chùa cùng một lúc kêu vang, sang canh ba thì Thiền sư Khiên ngồi kiết già trên giường dây mà thị tịch. Từ đó về sau, Sư bèn vân du giảng nói khắp nơi, truyền bá hóa độ không ngừng nghỉ.

Đến canh tử ngày hai mươi mốt tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, gió rất lớn bỗng nhiên nỗi dậy, có tiếng nói lớn bảo rằng: "Tháng mười năm sau, Pháp sư Linh Duệ sẽ thọ sinh đến chỗ Bồ-tát Quán Thế Âm tại Tây A tại núi Quang Minh thuộc nước Nam Hải!" Đến kỳ hạn, ngày mồng ba tháng mười, cả chúng kẻ tăng người tục lớn nhỏ đều trông thấy phướm đẹp, và Bồ-tát bay xuống đầy khắp chùa. Sau khi xong thời giảng, Sư vào phòng xem sớ đọc kinh. Phía ngoài có vị tăng bảo: "có phướn đẹp mùi hương thơm lạ xông khắp chùa và phòng". Sư nghe, bèn xếp kinh ra nhìn xem, liền sữa sang dung nghi, đứng yên mà thị tịch, thân hình đứng vững không nghiêng động. Mọi người đỡ vào nằm trong phòng. Đến canh ba bỗng nhiên Sư ngồi

dậy xếp chân kiết già như lúc còn sống. Các hàng từ Thứ sử trở xuống đều tự tay dâng hương cúng dường nhục thân ngài. Kẻ tăng người tục cùng nhau đón rước về núi Đông Độ, thiết đại trai hội có tám ngàn người. Năm đó, Sư tám mươi ba tuổi.

Sư vốn thanh khiết, từ thuở nhỏ hễ quá giữa ngày thì Sư không ăn uống. Các thứ tanh nồng cay hôi không bao giờ Sư dùng đến, trọn cả đời như vậy.

5- Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô:

Thích Tăng Biện, họ Trương, người ở xứ Nam Dương. Khi Chử Cung bị đánh chiếm, Sư dời đến quan ải ở Bằng Dực. Năm bảy tuổi, mỗi ngày Sư tụng thuộc ngàn lời. Người đương thời lấy làm lạ, tiếng tăm Sư vang khắp xóm làng. Năm mười tuổi, Sư kính mến đạo pháp. Vì hạn cục bởi Công hiến nên chưa được xuống tóc xuất gia. Sư nghe giảng hai bộ Kinh Duy-ma và Nhân Vương, Văn nghĩa đều gồm thâu. Sư lên tòa đáp thuật, tuyên dương giáo lý thích đáng với đương thời. Các vị Đại đức Tiên học nhìn Sư bảo rằng: “Sau khi chúng tôi qua đời không còn phải lấy làm lo, vì người này (chỉ cho Tăng Biện) xuất gia sẽ tiếp nối làm hưng thạnh Di Pháp!”

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Tô oai chọn lấy ba ngàn người để sung vào số người được độ. Lúc đó, Sư còn nhỏ đứng ở cuối hàng, xem thường hạnh nghiệp của Sư nên Tô oai gọi đến bảo miệng tụng. Sư đọc Văn từ trầm bổng êm đềm trong suốt, chương cú hợp đoạn, thần sáng vững chắc. Mọi người thấy vậy đều nhìn chăm chú. Do đó, Sư rất được tán thưởng, ngoài ra các thứ khác đều chẳng cần thi. Sư cùng được xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên tầm kinh luận. Bấy giờ, có Pháp sư Trí Ngưng là bậc có sở học nổi tiếng chốn Kinh Hoa, đức hạnh bao trùm núi cả. Sư bèn theo hỏi, dần biết bến bờ, mới trải qua nhiều năm, tiếp thừa Pháp tịch, đáp thuật xứng hợp với các bạn đồng tu, bèn giúp cho bàng sớ Dị giải có chánh lượng. Các hàng thức giả đều tỏ ngộ, kinh lạ tiết khí lớn lao của Sư.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Sư được thỉnh vào Đạo tràng Đại Thiền Định. Chúng lại nhóm hợp đến, mừng vui sự khai giải của Sư. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư lại ra quan ải đi về hướng Đông rảo khắp Bồ Châu, Ngô Châu, Thiểm Châu, Quắc Châu, mở rộng Pháp hóa. Khắp bốn phương nghe tiếng tìm đến,

tốt đẹp gấp bội hơn lúc mới đầu. Sư từng ở tại Nhuế Thành, sắp Khai giảng Nhiếp Luận, người nghe đầy khắp. Các hàng Đạo sĩ, Sa-môn đồng tranh nhau đến, Tựa huyền sắp xong. Hoàng Cân đặt câu hỏi, Sư đối đáp xong, sau tụng trước mở. Sư bảo: "Chánh Pháp tự sáng, gió tà đến che, tuy là tụng rộng, chẳng khác thông trước." Hoàng Cân Cao hỏi lại chuyển thêm già ngu, cho là nghĩa tráng. Bỗng nhiên gió xoay lại nổi mạnh thổi hướng về Lý Tông, mạn ngã đổ bít lấp, thân đầu phiền nhiễu, khăn mão nằm tứ tung, áo tóc rối loạn. Gió thổi đến tăng luân, điềm nhiên tự diệt. Đại chúng cùng cười hình ảnh quái lạ ấy. Chỉ một lúc bèn tan. Sáng hôm sau nhập Văn, Hoàng Cân thẹn đỏ mặt chẳng nhóm họp. Sư tuy thừa thế tốt đẹp đó nhưng nói năng sắc mặt chẳng biến đổi. Bấy giờ, mọi người đều phục Thăng Độ của Sư.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627....) thời Tiền Đường, khai mở công việc phiên dịch kinh điển, Sư được thỉnh đảm nhận việc chứng nghĩa. Đến lúc xây dựng chùa Hoằng Phước, lại thỉnh Sư đến trụ đó. Tuy thường dùng anh hoa để cư xử mà tính Sư chẳng nghĩ đến thắng thua, định ra thời khóa giảng dạy, chẳng đổi thay bởi thời tiết nóng lạnh. Các hàng Dị học tiếng tăm đều mừng vui cùng tham dự pháp tịch. Nên khiến khắp trong nước, ngoài nước, các hàng tăng tục Hoa Di chẳng ngại xa muôn dặm đều nương thừa Đạo phong đến tham yết. Bộ luận Câu-xá, nổi tiếng từ xưa chưa từng khai giảng, Pháp sư Đạo Nhạc chia chương giải thích, khi Sư chánh thức giảng luận thì Pháp sư bèn phế bỏ mà theo nghe, những điều nghe được Pháp sư ghi lại ba trăm trang giấy. Hoặc có người nghe mới đầu khai mở trường giảng, hoặc giữa đường nhàn rỗi chút ít, chỉ có Pháp tọa là không luận hơn kém, đều tham dự vào chỗ ngồi bày kinh mà nghe. Đó là khao khát giáo pháp, rất tốt không có bè bạn. Sư khiêm nhượng biết đủ, chẳng trọng vinh hoa ở đời, tiếng tăm vang khắp trong nước. Các hàng Công khanh đều uỷ khác mà chẳng biết hình dung của Sư. Đều đến tìm kiếm Sư. Oai nghi Sư vẫn như thường, tiết tháo không hề biến đổi. Mặc tình Sư đến đi, chẳng từng cần đón rước. Bấy giờ, những người đức hạnh bình thường đều có tâm mến chuộng mà chẳng thể thực hành.

Đến ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hoằng Phước, thọ bảy mươi lăm tuổi. Bấy giờ, gặp lúc tiết trời nắng nóng. Nhục thân Sư lưu lại hai tuần, mà tướng mạo cũng như lúc còn sống, hình sắc không đổi khác, mãi đến ngày an táng cũng chẳng bị phân hủy. Khi ấy, trời nắng hạn đã lâu, bụi bặm tung mù trời. Sáng sớm mai tiễn đưa thì đêm đó trời có cơn

mưa nhỏ, cho nên cờ lọng sắp bày đều được thăng tế. Bảy chúng cùng theo thân chẳng nhọc mệt. An táng tại gò Long Thủ phía Tây ngoại ô, đục đất làm khám, tôn trí tại đó. Phía trong cửa làm con đường đi thông suốt. Tăng Tục đều cùng trông xem. Đến nay đã bốn năm mà da thịt vẫn như lúc còn sống.

Sư có tâm thương xót cứu giúp, ưa thích giáo pháp lấy làm chính. Đang đi trên đường nếu gặp người nghèo khổ, Sư chẳng phân biệt người hay súc vật, đều hết lòng cứu giúp nguy ách cho họ! Việc giảng và nghe là việc thường hằng của Sư. Với các bộ luận như Nhiếp Luận, Biện Trung Biên, Duy Thức, Tư Trần, Phật Tánh, Vô Tánh, v.v... Sư đều soạn ra Chương sớ, hiện được truyền bá ở đời.

6- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Pháp Thường, họ Trương, người ở xứ Bạch Thủy thuộc Nam Dương. Cao Tổ Sư tên Long, làm quan dưới thời nhà Ngụy, nên dời đến ở Quận Hà Bắc.

Thuở thiếu thời, Sư có học Nho nên biết đại khái, nhưng nhàm chán sự huyên tạp trong đó nên khởi tâm ưa thích xuất gia. Kính trọng giới pháp tự gìn giữ khác với đồng bạn, nên được dại chúng suy tôn. Năm mười chín tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Đàm Diên, vừa được xuống tốc, Sư liền tham dự nghe pháp, Ngài Đàm Diên mở mang đường đạo rộng lớn, Sư theo học chưa đầy một năm, đã giảng được kinh Niết-bàn. Kẻ tăng người tục dự nghe đều lấy làm lạ và lý thú. Từ đó, Sư chuyên gần gũi hầu hạ, sớm tối học hỏi, thường khơi động chỗ sâu kín. Ngài Đàm Diên vui mừng tình lý sâu xa của Sư, bèn xoa đầu Sư, bảo rằng: “Xét chỗ thể nhập của ông, thì chắc chắn sẽ trú trì chánh pháp!”. Do đó, Sư tinh nghiên xét nghĩ, không bỏ phút giây. Lúc ấy, Sư vừa mới hai mươi hai tuổi. Nhiếp luận bắt đầu hưng khởi, Sư theo nghe tâm pháp mà kính ngưỡng nghĩa rộng ấy. Bấy giờ, cửa luận mới bắt đầu mở, Sư học có lắm đường, bít giữ cựu chương, ít có thể hồi giác. Sư nghe rộng nhiều mũi ngọn, xét nghiệm về sự bén nhọn ấy. Các xứ Tần, Tề, Triệu, Ngụy v.v... không nơi nào Sư chẳng rảo khắp. Suốt thời gian năm năm, Sư chuyên nghiên xét tinh lý. Còn như các Kinh luận Thành Thật, Tỳ-đàm, Hoa Nghiêm, Đại luận. Sư đều rộng khảo xét sự đồng khác, đều lấy làm khuôn phép. Cuối cùng, Sư trở lên Kinh đô, bùi ngùi với mọi sự đổi khác, nên tùy giảng màsoạn ra sớ giải, chỉ bày cho quần mê. Dưới thời nhà Tùy, có Tề Vương giản mời nhóm những bậc tài giỏi đương thời,

thạnh hành diễn giảng giải kinh. Sư lên dự Pháp tòa bày giải chí lý, từ nghĩa rộng xa, ít người đạt thấu, nên đều cùng nhau ngợi khen. Bèn có thành tục, đều theo quy hướng, nối nhau nương tựa tiếp thừa. Quanh năm giảng giải, Sư lấy đó làm trách nhiệm thường hằng.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, sự hiển vinh của Sư càng cao. Vua Dương Đế (Dương quảng) ban sắc mời Sư vào trụ chùa Đại Thiền Định, liên tục giảng pháp, tế độ rất nhiều. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường mới hưng phát, xa gần đều thanh bình an ổn. Mọi người ở bốn phương xa đều tìm đến đông gấp bội lúc trước. Thường ở những nơi pháp tịch Sư truyền đăng cất nhắc chẳng phải một, với Công việc phiên dịch chứng nghĩa kinh điển trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) thỉnh Sư thường trông coi nhiệm vị phiên dịch. Sau đó, xây dựng chùa Phổ Quang rộng thoáng đẹp đẽ, lại thỉnh Sư trụ ở đó. Y phục cung cấp bốn mùa tùy thay đổi. Vua lại ban sắc mời Sư truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Trữ, rất mực kính lễ, chúng đều có tâm kính tin.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư lại vâng sắc vua vào cung, làm Giới sư truyền giới cho Hoàng Hậu. Nhân đó, vua lại ban sắc bổ nhậm Sư kiêm giữ chức Thượng tòa trông coi chùa Không Quán. Sư vỗ về tiếp khách cũ, khéo biết vật tâm, mở mang pháp hóa, luôn trấn giữ chẳng ngừng nghỉ. Trước sau, thính chúng tham dự có đến mấy ngàn vị, từ Đông phiên, Tây Bỉ khó có thể ghi chép hết được, đến lúc sở học đã thành đạt, trở về nước đều làm các bậc Pháp tượng, truyền thông chánh giáo, mãi đến ngày nay, càng thêm hưng thạnh. Có Vương tử nước Tân-la tức Kim Từ Tạng, bỗng nhiên xem thường ngôi vị sang quý, bỏ tục xuất gia. Xa nghe Đạo phong của Sư mà chí thành kính ngưỡng, muốn được trông thấy và nghe lời dạy, bèn gá núi thuyền biển từ xa tìm đến kinh đô. Lúc đang ở trong thuyền mộng thấy được tôn nhan của Sư, đến lúc thật sự trông thấy thì hình dáng Sư thì rõ ràng giống như trong mộng, ông buồn bã rơi lệ, mừng cùng hội ngộ. Nhân đó theo Sư cầu xin thọ giới Bồ-tát, rất mực kính lễ phụng thờ.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, có vị tăng phạm lỗi. Vua Dương Đế ban sắc trách khắp các chùa ở Kinh Đô. Các vị Đại Đức lãnh đạo nhân đó nhóm họp tại cửa Huyền Võ. Vua mời Sư lên Điện Luận xét về vị Tăng phạm lỗi. Sư nói: “Chư Tăng v.v... mang đội ân tuệ được dự Pháp Môn mà chẳng tự thân kính phụng Giáo cương, đến nỗi có việc vua nghe, trời biết, đều là do Pháp Thường, v.v... chúng tôi thiếu sót việc dạy răn. Xấu hổ thật khó tỏ bày!”. Sư bèn

dẫn nêu yếu chỉ phó chúc trong kinh Niết-bàn, Vua liền chấp thuận. Và nhân đó Vua cũng rộng tha thứ cho hơn trăm người hiện bị tù ngục. Lại mời thiết cúng, thọ thực xong bèn trở về. Đến lúc Lý Đạo ở trước, chẳng hơn ngôi vị ấy, Sư bèn dẫn Tăng chúng đón giá, tùy vội dâng Biểu tấu trình. Đã không được toại ý lại bị nhiễm các bệnh khác, nên Sư không đau đớn, nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi sáu tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường. Qua ngày mồng hai tháng bảy, rước đến an táng tại gò Cao Dương ở Nam Giao. Bấy giờ, gặp lúc nắng hạn lâu ngày, bụi đất bay mịt trời. Trước ngày động quan, đêm đó trời có cơn mưa nhỏ, tới sang sớm, trời đất đều trong sáng, mây móc bốn phía đều tan hết, không một mảy trần, đường xá không bưng che. Tăng chúng ở các chùa tại Kinh đô và Môn nhân đệ tử của Sưv.v... mỗi nơi đều thiết lập cờ dài, có hơn ba mươi chiếc xe, oai nghi trước sau kéo dài hơn bốn mươi dặm. Các hàng tín tâm sĩ nữ cầm nắm phướn trắng tung rải hoa xếp hầu hai bên đông đảo cả mấy muôn người. Khanh tướng giúp lễ cùng theo đều lấy làm vinh hạnh.

Mới đầu, Sư tu về nghĩa môn, khéo tôn sùng hạnh giải, nên chúng đều suy tôn. Sư khéo kết quy Nhiếp Luận mà chí hướng kính chuộng Kinh Niết-bàn. Sư thường muốn giảng nhưng chưa mừng ngộ, bèn y theo sự cầu thỉnh của đại chúng mà chuyên giảng Nhiếp luận. Luyện hợp Lý vị, tinh suốt trong cõi lòng. Đúng thời Sư đến giảng, toàn không đọc tụng, vừa mới có lúc rảnh thừa, liền theo khóa nghiệp hành Đạo, mỗi ngày sáu thời tự cố gắng siêng năng, không mảy may trái thiếu. Có vị Đại Thần vương mặc áo mão đều mầu trắng dẫn theo người hầu thường tùy vây nhiễu ở chung quanh Sư. Kẻ Tăng người tục thời bấy giờ đều trông thấy, thầm đề cao Sư. Lại nữa, có lần vào lúc nửa đêm, Sư vào Phật đường, nhạc trời nơi bức tranh vẽ trên vách tường đồng một lúc dậy múa. Sau đó, cũng vào giữa đêm và ở trong Phật đường, Bồ-tát Quán Thế Âm từ ngoàiđi vào cửa trên, trụ giữa hư không, thân tướng đẹp đẽ, mang chuỗi Anh lạc phát ra ánh sáng ít có, hồi lâu mới tắt mất. Sau đó năm năm, trời sắp muốn nắng hạn. Sư lại ứng cảm trông thấy Bồ-tát Phổ Hiền từ phương Đông đến cách mặt đất chừng năm, sáu trượng. Sự tinh chuyên của Sư được chứng nghiệm cảm ứng là như thế, cho nên Sư lập chí thanh tịnh cao vời, càng lâu càng cao hơn. Các Pháp lợi có được, phần nhiều Sư dùng để tu tạo kinh tượng. Chỉ chuyên ở nét kỳ diệu không nói đến giá cả. Mỗi năm Sư kiến lập Đàn hội đến tận Kinh đô. Với hai thứ ruộng Bi và Kính, Sư không ngần ngại cúng

dường. Còn chính tự bản thân Sư ăn mặc thô xấu mà thôi. Mỗi lúc giảng dạy, có người cúng dường riêng, Sư không nhận lấy một vật, tất cả đều nhập vào trong chúng tăng. Sư bền bỉ gìn giữ tiết tháo không sửa đổi. Sư có soạn Nhiếp Luận Nghĩa sớ, tám quyển, Nghĩa Chương năm quyển. Các Kinh Niết-bàn, Duy-ma, Thắng-man v.v... mỗi kinh đều có sớ ký, lưu hành rộng ở đời, đệ tử của Sư như sa-môn Đức Tốn, v.v... dựng lập văn bia thờ Sư tại chùa Phổ Quang. Tông Chánh Khanh Lý Bách Dược soạn thuật văn bia.

7- Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu:

Thích Trí Huy, họ Tiêu, người ở xứ Cao Bình thuộc Trạch Châu. Năm mười ba tuổi, chí ý Sư ưa thích xuất gia, không mong cầu các hệ lụy ở đời, Sư đến trụ chùa Thanh Hóa trong bổn châu, nương tựa Pháp Sư Tùy Viễn nghe giảng các kinh luận. Đối với Kinh Đại Niết-bàn, Sư riêng thấu suốt sâu cùng, nên trong độ tuổi học hành, Sư là người tuấn tú tài giỏi trong các Sa-di. Sư lập tánh siêng năng, cung kính, ưa thích làm việc chúng tăng. Mỗi lúc có làm lụng các việc, Sư chẳng sợ thân khổ. Ban ngày, Sư làm việc giúp đỡ chúng tăng, đêm về đọc học chương sớ, áo không mở dải, nghiên tinh chẳng biếng lười. Sau khi thọ giới cụ túc, Thần khí tư tưởng Sư cao chánh, giới hạnh sáng sạch, nhưng bình dị kiệm ước. Mọi người trông thấy đều kính trọng, kính mến Sư hoằng Đạo. Hằng năm Sư thường giảng các kinh luận như Niết-bàn, Thập Địa, Địa Trì, Duy-ma, Thắng-man, v.v... dùng làm sự nghiệp thường xuyên. Nên tiếng tăm Sư vang vọng cùng khắp. Xa gần mọi người tìm theo Đạo phong, mang lương thực tìm đến chẳng phải một.

Khi vua Dương Đế (Dương Quảng) trị vì đất nước, sự trân trọng tôn kính Sư càng lớn. Niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, vua ban sắc thỉnh Sư vào nội đạo tràng ở Đông Đô. Lễ khác bình thường, mỗi ngày dâng cúng càng nhiều. Mà Sư vốn lập tiết tháo từ xưa, không hề nhận lấy một vật, chất chứa đầy bao, chẳng gá rương dãy. Tánh Sư vượt hẳn tự nhiên, chẳng vọng thiên vị, chỉ chuyên giảng tụng, dẫn dắt làm đầu. Mới đầu Lạc thành của Ngụy Trịnh thường luôn đóng bít. Sư vì giặc dã nên lúc đầu chưa có nhân khai ngộ, bèn chống tích trượng ra khỏi thành, muốn cứu giúp cho Quê Hương. Bấy giờ, Quân lính canh phòng nghiêm mật, đường sá tắt nghẽn khó thông, mà Sư an ổn đi qua biên giới của đất nước, người đang gìn giữ chẳng hay biết. Đó hẳn là do thiên thần tiễn đưa! Khi Sư đã về tới Cao Bình, Kẻ tăng người tục đều

mừng vui tìm tới. Gặp lúc thời thế liên tiếp khó khăn, đói kém tương tục, Sư bèn đưa lấy lương thực giúp cứu thật nhiều, kẻ tăng người tục nhờ đó mà đều được thọ hưởng Pháp vị. Tiện đó, Sư giảng dạy quanh năm, thường lên pháp tòa. Đàn Việt ngoại thí y phục gấm lụa, Sư đều cung cấp cho giảng chúng. Có lần gặp năm khó khăn, gạo thóc vật thực thiếu thốn, khách lạ bỗng nhiên tìm đến rất đông, gấp bội lúc trước. Sư vì thính chúng bất an nên xây dựng Viện riêng. Học sĩ ở bốn phương đồng đến rất nhiều trong đó. Tài thí, pháp thí thường thí xả. Hoài Châu Đô Đốc Vân Quốc Công Trương Lượng kính trọng đức hạnh giáo hóa của Sư, xa đến thỉnh Sư giảng dạy. Kẻ tăng người tục đều cùng nhóm họp. Lại Kết ở Hà Dương, bèn thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Do tôn kính đạo phong của Sư nêu phát thệ kết làm bạn lành. Trong mùa Hạ, Sư giảng kinh Niết-bàn. Khi giải hạ xong, Sư cảm thấy có phần không được khỏe, tăng chúng đều lấy làm lạ. Sư trở về phòng tĩnh niệm, chỉ khoảnh khắc liền thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, kẻ tăng người tục ở Hoài Châu đều buồn thương như người thân, bèn rước về an táng tại quê nhà.

Từ lúc Sư mới đến trụ pháp tịch của Pháp Sư Tùy Viễn, đã kính Pháp trọng người, thật hiếu bậc nhất. Mỗi lúc Sư lên pháp tịch giảng giải phân tích chỗ sâu kín thường nói: “Ý của Đại Pháp Sư như thế!” Khi nói như vậy lệ đều tuôn rơi. Sư thường nói với các đồ chúng rằng: “Cha mẹ sinh ra nhục thân tôi, Pháp sư sinh ra Pháp Thân tôi, nghĩ muốn báo đáp ân ấy, không làm sao được. Chỉ có mở mang chánh pháp, làm lợi ích chúng sinh, rộng mở hoài bão!” Do đó, hằng năm, Sư thường giảng, không dám nói mệt nhọc, chỉ vì lý do đó. Lại vì, Sư tự xét hạnh nghiệp của mình, mỗi ngày không thiếu sáu thời. Tay bưng lò hương, tính số thừa lễ. Đêm về, chẳng cởi y phục, trọn đời Sư thường như thế. Sư vốn trong sạch, ít ham muốn, chẳng thích giao du. Ngoài việc giảng dạy mở mang thì Sư chuyên lo công việc của chúng Tăng. Nên mọi người lớn nhỏ ở Trạch Châu đều ngợi khen kính ngưỡng mãi đến ngày nay.

8- Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu:

Thích Huyền Giám, họ Tiêu, người ở xứ Cao Bình thuộc Trạch Châu. Sư tánh tình nhân từ, chí khí ưa thích thanh kiết. Với các thứ rượu thịt, thức ăn tanh nồng, tự nhiên Sư xa lánh.

Năm mươi chín tuổi, Sư phát tâm đầu thành dòng họ Thích, ưa

mến tùng lâm, suốt ngày ở trong đó, quên cả ăn uống. Sau, Sư trụ chùa Thanh Hóa, nương tựa Pháp Sư Tuệ Viễn, nghe giảng tham cứu Kinh luận. Với Kinh Đại Niết-bàn, Sư rất thấu đạt chỉ thú. Vào cuối đời Tùy, giặc dã giao loạn, chùa Phật, tăng phòng đều bị thiêu đốt, chúng tăng phân tán, phải ở trong hang động. Sư giữ gìn giới cấm, không hề trái phạm, chỉ ăn rau trái, mặc vải gai, trải qua nhiều năm tháng, là tâm vẫn không buồn rầu. Đến lúc lúa thóc được mùa, Sư trở về quê hương, nhóm họp các hàng tăng tục, lập cao pháp tịch, khuyến hóa những người có tín tâm và nhận biết, cùng xây dựng lại các ngôi Già-lam cổ. Cũng như các tháp miếu cũ Sư đều bảo sơn quét lại, khiến khắp trong địa vức đều trang nghiêm sáng rỡ, những người phát tín tâm quy hướng trong mười nhà có hết chín nhà.

Bản tánh Sư vốn thuần trực, nói làm đều cao, thực hành sửa trị các cách ăn uống phi pháp, không đâu Sư chẳng tạn mặt quở trách, lời lẽ rất trạng, chẳng tránh cương chế. Nếu có người Sư chỉ bảo mà không nghe nhận, thì Sư liền đập phá đồ đựng rượu. Chẳng đền trả tổn phí ấy. Nên các hàng tục sĩ nhóm họp uống ăn, nghe Sư đến thì đều giải tán bỏ chạy. Do đó cả bảy chúng đều tôn trọng, kính sợ sự nghiêm khắc và quý trọng sự trong trắng của Sư. Có một vài lần, trong lúc sửa chữa xây dựng, có rất đông thợ, có người nhà giàu đem tặng rượu và thức ăn. Sư bảo: "Việc làm ngày nay của tôi phải cho đúng Pháp, có thể chẳng làm, chứ cấm không được uống rượu." Liền đình chỉ việc đó. Lúc chùa Thanh Hóa sửa sang điện Phật, dân chúng khắp vùng đồng cúng dường xây dựng cao. Trường Tôn Nghĩa là Quan trưởng ở Trạch Châu, vốn rất kính tin, nghe nói công việc thầy thợ làm rất đông, bèn cho chỗ đưa hai thùng rượu đến tặng thưởng. Khi đó, Sư đang xem xét công việc xây dựng, thấy có việc ấy, liền đập phá đồ đựng rượu đổ vãi ra đất, và bảo rằng: "Công Đức của tôi có thể chẳng thành, nhưng không bao giờ dùng vật phi pháp này". Trường Tôn Nghĩa nghe thế bèn tức giận đùng đùng. Muốn sáng hôm sau sẽ não hại đến Sư, đêm đó bỗng nhiên mộng thấy có người mang dạo đến chỗ mình, Trường Tôn nghĩa thốt nhiên kính ngộ, liền từ việc ấy mà quy hướng sám hối.

Lại gặp lúc mắc chứng bệnh dịch khí, người chết rất nhiều, nên mọi người đều quy hướng tâm thành cầu xin mạng sống. Sư sám hối thế cho họ, chỉ dứt bỏ rượu thịt, người bệnh được thuyên giảm trở lại. mọi người đương thời rất kính trọng Sư! Có Lý Thiên vốn người trong thôn ấp, tánh ưa thích uống rượu, khi đã bị bệnh dịch khí, không do đâu mà cứu chữa, bèn sám hối lỗi ưa thích rượu, dùng cái chết mà lường xét,

không bao lâu Sư đến, chẳng sao liền đi, Lý Thiên được hết bệnh. Từ đó nhàm chán, xa lìa việc uống rượu, không thể nào dùng lời nói. Giả sử chợt nghe mùi rượu, như gặp phải chất độc. Lý Thiên nói với bè bạn rằng: "Từ khi thấy được Giám Sư về sau, nói bàn đến rượu còn không thích nghe huống gì là nhìn thấy." Nên giới tiết nơi Sư có thầm cảm ứng đều như vậy. Mãi đến nay thần chí Sư vẫn trong sáng. Sư thường giảng các Kinh Niết-bàn, Thập Địa, Duy-m, quanh năm chẳng ngừng nghỉ. Sư thọ tám mươi ba tuổi.

Mới đầu, Sư lấy việc truyền pháp làm mục đích, các Quan chức tư sở lo buồn, nếu chúng tăng có người trái oai nghi, Sư liền tra xét và đuổi đi. Người đương thời đều ngợi khen Sư ngay thẳng.

Niên hiệu Võ Đức thứ sáu (628) thời Tiền Đường, có Lý Lục Sự người ở huyện Hoạch Trạch, thuộc Đương Châu, chết đã bảy ngày bỗng nhiên ẩn thân về nói với người vợ rằng: "tôi là Lý Lục Sự, tính ra tôi còn sống ở đời được sáu năm, chỉ vì Ty mạng cố tình đến bắt lấy ta, nên sự sống bị vùi lấp trong gò mả. Tôi đã cáo mách cùng Diêm Vương, mong được phóng thả trở lại loài người, nổi trôi sáu năm. Nay đọa vào loài quỷ, mọi việc chưa xảy ra thảy đều biết trước. Ở nhà nàng hiện đang nghèo khó, chỉ cần đoán bói cho người khác không gì chẳng trúng. Nhờ đó có thể được tài của lấy làm lợi lớn." Tiện đó, người vợ xem bói được Quỷ giải thích điều thắc mắc. Mọi người từ phương xa đều tìm đến, và đều gọi đó là "Đại Thánh". Sau đó, Lý Lục Sự lại bảo với vợ rằng: "Mạng người vô thường, sao chẳng lo tu Phước? "Hãy đến chỗ chỗ Pháp Sư Huyền Giám để nghe giảng pháp." Bèn dẫn vợ vào giảng đường, tự đứng yên nơi góc vách tường, lấy vật che lại, cùng nói bàn với mọi người, ứng biến nhanh chóng. Mới trải qua chừng một tháng, có người hỏi rằng: "Sao ông chẳng hiện hình?" Lý Lục Sự đáp: "Nay hiện ở trong loài quỷ, thọ Thân rất xấu xí, tự tôi còn chẳng can đảm nhìn mình huống gì người khác!" Lại đến chùa Cảnh Nghiệp, nghe giảng kinh Duy-ma. Có Pháp sư Dư hỏi rằng: Nay giảng kinh này, chiêu cảm hạng người nào đến nghe?" Đáp rằng: "Từ đầu người trở lên, là quỷ thần, lên đến các tầng trời, nhiều tầng cấp khắp đầy, nhưng đều giảng nói văn, các thiên thần v.v... đều kiểm thúc nghi dung mà thôi, sợ tiếng ấy dứt bặt. Pháp sư giải thích đều tán loạn, buông lung vô tâm nghe nhận, xin đúng như Pháp mà giảng nói, chớ vọng uống ăn! Vì sao biết được như thế? Vì hiện thấy các thiên thần, v.v... nghe hơi rượu nơi Pháp sư nên đều xoay mặt mà nghe." Nhân đó, Pháp sư Dư liền sám hối lỗi lầm, khiến cho bỏ việc uống rượu. Quỷ nói: " Ở đây chắc chắn phải

quyết đoán Thiên thần chẳng chấp thuận, thà không giảng!" Chẳng chỉ một hội này riêng cảm các trời. Nhưng có Pháp sư thì không đâu chẳng đến. Sư nghe ở chùa khác có lời mách bảo như thế, càng kính vâng gấp bội, chăm chăm khác thường.

9- Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh Đô:

Thích Huyền Hội tự là Hoài Mặc, họ Tịch. Tổ tiên Sư vốn người xứ An Định thuộc U Thổ. Vị Tổ xa xưa vốn làm Quan, nên dời đến ở Bí Pha, thuộc Phiên Xuyên, Kinh Triệu.

Năm mười hai tuổi, Sư tinh tấn siêng năng khác thường, chí khí ưa thích muốn bỏ thế tục, mà thân tướng Sư khôi ngô chẳng khác thần đồng. Có Hán Vương Lượng đời Tùy thấy Sư bèn lấy làm lạ, liền tấu trình xin ban độ cho xuất gia. Sư đến trụ chùa Hải Giác, làm đệ tử Pháp Sư Tổng. Sau khi xuống tóc, Sư liền tham dự các trường giảng, chuyên chí học Kinh Niết-bàn. Pháp sư Tổng rất biết sự tỏ ngộ của Sư, bèn đề cử Sư đáp thuật. Do đó bàn tiết được bó buộc đến cùng, mọi âu lo từ trước đến nay thảy đều được giải quyết. Sư giải thích thông rành rõ ràng có thể thấy, nên mọi người đương thời vô cùng khen ngợi tán thưởng, cho rằng Sư là con cháu nối dõi của Tông Niết-bàn. Nhân đó, Sư sửa đổi cựu chương xưa trước, sửa mới mẻ nhà cửa, có công phu đục thủng, rất khó đáp kháng. Sư soạn Niết-bàn Nghĩa Chương, bốn quyển. Nghĩa nguyên Văn Bổn, thì Văn Thích sao bộ mỗi thứ bốn quyển, tự kéo xa sau khi đến gần. Tác giả nói theo lời trước, chỉ một mình Sư là người đứng riêng một mình.

Đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Học quán được mở rộng, có Sa-môn Đàm Hiến là bậc khai đạo nổi tiếng cả nước, xây dựng chùa Từ Bi, tấu trình thỉnh Sư làm chủ chùa. Bắt đầu Sư đổi mới, pháp sự liên tục, Sư dẫn dắt hàng Hậu Côn, giảng dạy bộ ấy gần bốn mươi biến. Các Đồng bạn, đồng nghiệp với Sư ở đương thời cùng suy tôn Sư đứng đầum, nhưng Sư từ chối, lấy thành để trị, lấy nhã làm Học tông, tánh kính mến Nhân Pháp, chẳng xâm lạm tôn nghiêm, nhưng có Pháp tòa thì đều thông hỏi nghe. Nếu trước đã nghe mà có tâm khao khát thì rất được kính trọng, thật là bậc Long tượng trong thời mạt pháp vì ít gặp! Pháp sư Tổng nói rằng: "tôi chẳng phải bậc Thánh, thì ông này đâu được sinh vào nhà tôi! Pháp sư Tướng nói rằng: "Trong Kinh nói" Năm trăm năm sau, có người có đủ phước trí", có phải là người này chăng? Đại tướng của Pháp há chẳng phải như thế chăng?" Pháp

Sư Nhạc nói rằng: “Ông này đến tôi học Luận Câu-xá, Đồng Sự Nhiếp, nguyện sánh như Diệu Trang Nghiêm ở đời gặp được Thiện tri thức!” Pháp sư Chấn nói rằng: “Ông này đến tôi học Luận Ca-diên, rất tán thành cái học của tôi. Vì tôi Đạo thuật nhỏ hẹp, mà chẳng thẹn hạ mình thưa hỏi, mới xoay Long Tượng về chỗ khỏi qua. Tôi làm sao nói ư?

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại ban sắc thỉnh Sư trụ chùa Hoằng Phước. Mọi việc giảng pháp, Sư đều phế bỏ, chỉ chuyên tu định nghiệp, mộng thấy được bước lên tay Phật hiệu là Vô lượng thọ. Sư bèn tu tạo một pho tượng Phật A-di-đà, thường giữ gìn tâm, thực hành quán đồng thân. Sư muốn vào chốn núi rừng, chúng tăng trong chùa, khuyên thỉnh Sư ở lại, cầu xin Sư giảng kinh Niết-bàn. Sư giảng đến phần “Đằng Xà Dụ” (thí dụ về sợi dây và con rắn) bỗng nhiên có một con rắn lạ từ trên bò xuống đưa mắt nhìn khắp bốn phía, sau đó biến mất. Sư giảng đến phần “Tránh luận” thường việc ma. Nhân đó, Sư bị bệnh bèn trở về chùa Từ Bi, thấy Đức Phật đến đón rước, liền đó Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi. Lúc đó là ngày hai mươi bảy tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường.

Khắp cả thôn ấp, mọi người nghe biết tin ấy đều buồn bã, cùng nhau đến viếng, Bèn an táng tại gò Cao Dương. Về sau lại thâu nhặt di cốt còn lại của Sư, thỉnh đến nơi góc Tây Nam của Thành cũ mà xây tháp gạch cúng dường.

Từ lúc Sư hoằng Đạo, tánh tình Sư luôn ôn hòa nhu nhuyến, tâm thường mở rộng. Mọi người ở khắp xa gần đến ngụ chẳng phải một người, mà Sư hay khởi tâm giúp đỡ, chỉ lấy chánh pháp làm việc chính. Về sau, Sư lại thường ngồi cho đến trọn đời.

10- Truyện ngài Thích Hạnh Đẳng trụ chùa Từ Bi ở Kinh Đô:

Thích Hạnh Đẳng, họ Cát, người ở xứ Phùng Dực. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, cùng Sa-môn Huyền Hội đồng kính thờ pháp sư Tổng, xin làm đệ Tử. Sư mặc vải thô xấu, lập tánh cao vời. Sư đến chùa Tịnh Ảnh nghe ngài Tuệ Viễn giảng Kinh Niết-bàn. Sư kính đọc văn nghĩa, bấy giờ cho là vinh quang, Sư theo Tuệ Viễn giảng dạy đến mười biến, giữa đường gặp phải sự trở ngại nguy nan, Sư đều dự biết trước. Hoặc nghe có mùi thơm lạ, hoặc cảm mộng kỳ quái như cờ gẫy lọng nghiêng bay, Sư lấy làm nêu mốc chứng cứ, liền bảo đại chúng đồng tụng niệm Bát-nhã nơi có việc ma, không thứ gì chẳng lui tan. Nên những lúc sau khi giảng, Sư thường lễ Phật, tụng Kinh Hoa Nghiêm, lấy đó làm gốc

để tiêu trừ chướng ngại.

Sư lại cùng Sa-môn Huyền Hội đồng ở chùa Từ Bi. Những lúc Hoằng Pháp, thì Sư lên trước, còn ngài Huyền Hội lên sau. Bấy giờ, mọi người cho đó là Đạo tương thành. Nên thường những khi giảng cảm có con gà đến nằm nghe. Người theo thọ giới sau khi chết được sống lại, được quan Minh tào thả, nói rằng hoằng truyền các giáo pháp ấy. Đó cũng làm kinh động các cõi u hiển, chẳng lời nào nói cho hết được.

Đến ngày mồng sáu tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường. Vì bị bệnh nên Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Trước lúc tịch nhiều ngày, Sư bảo: "Lời hộ trì giới tôi đâu dám nói, chỉ ít muốn biết đủ lấy làm tự răn. Sau khi tôi qua đời, chớ bày biện lễ nghi linh đình, chỉ dùng cây rui làm kiệu khiêng tôi đến núi. Cầu nguyện những loài nào ăn thịt thân tôi thì sớm thành Chánh Giác, nếu ai trái với nguyện này thì chẳng phải Môn nhân Đệ tử tôi!" Các Đệ tử của ngài bày biện cờ kiệu, thiết lập lễ nghi lớn lao, sắp tiễn đưa thì đêm ấy các sao sáng rỡ rồi lại đổ mưa lớn, kẻ tăng người tục đều khiêng nhưng không thể đi được. Bèn phải vâng theo Di Quyết, dùng kiệu đơn khiêng tới núi, mưa đều tạnh dứt, về sau, thâu nhặt di cốt về an táng tại đồng bằng Thần Hòa, xây tháp thờ, trồng thông, lập bài Minh ở chỗ tháp.

11- Truyện ngài Thích Chí Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu:

Thích Chí Khoan, họ Diêu, người ở xứ Hà Đông thuộc Bồ Châu. Tổ tiên Sư vốn thuộc Quan tộc, chẳng kết giao với hàng tiểu nhân. Cha của Sư tên Nhậm làm Thứ Sử Thanh Châu đời Tùy. Ngài từ thưở nhỏ, mãi đến khi lớn, vốn thanh kiệm, mọi người đều biết tên. Sư nghe giảng qua các kinh, nhưng chỉ lấy Kinh Niết-bàn và Địa Luận làm tâm yếu. Sư rảo khắp đông tây thưa hỏi Đạo, không để luống qua tấc bóng. Khi Đạo nghiệp đã thành, Sư chuyên đi giảng dạy. Bình sinh Sư luôn giữ chữ tín, nói làm không trái nhau. Nhìn Sư dường như chuyên chánh mà Sư có hoài bão rỗng rang. Lúc đi học ở Trường An, Sư từng vào chợ mua lụa, có người bảo: "Hãy giao tiền trước, ngày mai sẽ đưa lụa đến." Khi đó, Sư giao tiền. Về tới chùa, bị chư tăng cười. Sư nói: "Tự nhớ không mắc nợ người, thì người đâu trái với chữ tín?" Đến thời quả nhiên được, Sư đem việc ấy tỏ bày, người ấy nói: "Bị giặc ăn có thể chết mất, còn chữ tín không thể phá huỷ! Đệ tử là người thế tục vẫn phải giữ việc đó, đâu có ý đối với Thích môn mà bỏ buộc toan lo ấy".

Sư thường tụng Kinh Duy-ma và giới bổn. Tại phòng Sư ở, mỗi

đêm thường có tiếng vang chấn động giới trụ. Có người lén nhìn xem thì thấy vị thần khác thường đi nhiễu quanh phòng Sư. Lại có lúc, trong đêm trên phòng lầu gác có tiếng đánh vật. Bạn đồng học của Sư là Sa-môn Bảo Thông, nghe mà kinh hãi mê màng chẳng được an tại chỗ của mình. Sư bèn đến an ủi, nhưng tiếng đánh vật vẫn như cũ. Tối sáng hôm sau, lên xem thì thấy chỗ trường nhà sắp muốn gãy đổ, liền bảo lấy vật chống đỡ để khỏi nguy hại đến tính mạng. Sư được các vị u linh bảo hộ gìn giữ đến thế.

Tính Sư rất ưa thích thăm người bệnh tật, không ngại xa gần. Còn như kẻ tăng người tục biết không người chữa trị đều khiêng đến trong phòng, tự thân vận chuyển lo lắng cứu chữa. Hoặc có người mắc bệnh ung nhọt trong bụng không thể ra mủ, Sư bèn dùng miệng mút thì liền giảm lành, thường luôn như thế chẳng phải một. Nỗi lòng từ tuệ của Sư, tin chắc khó có người nối tiếp được! Về sau, vào lúc nửa đêm, nơi phòng của Sư phát ra ánh sáng, nhìn bên ngoài như ban ngày không khác, Sư tự khâu may vá áo, không cho là ánh sáng thần soi chiếu, sau khi gọi các đồ chúng, mới biết vào nửa đêm tướng đó thường hiện. Và từ đó không lấy làm lạ. Sư lại lấy việc chuyên dẫn dắt cứu giúp làm sự nghiệp, nên kẻ tăng người tục đều mừng vui được gặp gỡ!

Gặp lúc vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tuỳ mở mang Đạo pháp, sưu tìm khắp trong nước, vì Sư là bậc hạnh giải gồm đủ, đã trụ chùa Tuệ Nhật, giảng ngộ nối nhau, lại gặp phải kiêu cảm làm nghịch. Các trai sự đều thúc ép bó buộc, Sư bèn bị giam vào ngục chờ xử tội. Có người đem thức ăn đến thăm nuôi, Sư chẳng dùng một mình mà ban cấp cho chư tăng cùng bị tù, và Sư vẫn vui vẻ nói cười như xưa. Sau đều bị đày đến làm việc nặng nhọc ở Thiên lộ, thường bị sai bảo, khiêng đất sửa sang đầy các sọt tre. Sư dốc hết sức lực kéo đưa, từ đầu không biếng nhác ngừng nghỉ. Có vị tăng cùng làm việc nói: “Ở đây không người kiểm soát, nên hãy dừng nghỉ một lát”. Sư bảo: “Nghiệp báo như thế này, đâu thể tự xem thường, trái nghịch với tâm mà làm việc thật chưa an”. Sau đó không lâu thì bị đày đến Tây Thục. Trên đường đi vừa đến Thiểm Châu, có người đưa biếu tặng của cải, vải lụa, tiền bạc, Sư liền ban trải không để lại. chỉ giữ lấy một con lừa để chở kinh sách mà thôi. Tiếp đến trên đường đến Đồng Quan, có vị tăng cùng bị lưu đày là Sa-môn Bảo Xiêm, là bậc thạc đức tuệ giải cao vời, chân bị đau, không thể đi được, Sư thấy Ngài nằm bên vệ đường thì khóc mà buồn thương. Sư bèn tặng con lừa cho Ngài Bảo Xiêm cưỡi, còn tự mình mang vác kinh luận. Đi bộ đến đất Thục tuy có bị nhọc mệt nhưng miệng Sư

không hề nói đến mệt mỏi. Tánh Sư nhân hậu tha thứ, có khổ mới biết được người.

Khi đã đến đất Thục, Sư khai phát vật tình, ở chỗ lợi an đều bày sự kính duyệt. Bấy giờ gặp nạn Hổ hoành hành khắp xuyên ấp, người đi đường bị cắt đứt đường đi. Hổ nhóm họp thành đàn khoảng mấy trăm con, rảo cùng thôn xóm thành quách, làm tổn hại đến người, vật. Trong đàn có con Hổ đầu đàn, đầu nó rất lớn, có đủ năm mầu, uy phục các con thú khác. Toại Châu Đô Đốc Trương Tốn Xa nghe Đức từ của Sư, bèn sai người sang đón rước. Sư bèn bảo khắp châu huyện lập trai đàn hành đạo, mỗi người đều nên thọ tám giới. Đêm đó, nạn hổ tự nhiên tiêu tán, không biết chúng đi đâu. Bấy giờ mọi người đều kính cảm, bèn kính thờ Sư như Thần Thánh. Nhưng Sư nhân danh lập hạnh, có nghi dáng rộng khắp. Hễ chỗ nào Sư hoằng tuyên khai hoá thì như gió thoảng không đâu chẳng có. Mỗi khi trường giảng bãi tan thì lễ vật đều nhiều như cũ, hoặc đến mười vạn, hai mươi vạn, Sư đều ban trải hết ở ngay Pháp toà, không cất chứa cho riêng mình. Sư bảo với người cúng thí rằng: "Của cải cũng giống như hạt giống, nếu chứa để thì khó được nhiều, nên ban trải cho mọi người, để theo chỗ dùng mà tồn tại".Tâm Sư rỗng rang ứng vật là như thế! Sư lại xem thường sự sống của mình, chỉ ăn mặc thô xấu tầm thường. Một khi dép giày đã dính vào thân thì phải trải qua nhiều năm, Ngài quý giữ đó còn hơn cả thân thịt. Bấy giờ, gặp năm đói kém Sư nấu cháo rồi tự thân mình đem ban cho những người đói ăn. Sư ngậm khóc giảng dạy khai hoá, khuyên bảo họ cùng niệm danh hiệu Phật. Sư lại đem y phục của mình mặc đến cho họ từng mảnh, hoặc cắt hoặc giảm, để cho người thiếu thốn. Mỗi năm đến đầu mùa đông, Sư dự trữ đệm lót ngồi thay thế giày, xem xét các vị sa môn thiếu thốn thì cung cấp cho. Sư lấy đó làm công việc bình thường.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư về lại Bồ Châu, các hàng tăng tục thảy đều mừng vui, hoan nghinh ca vịnh nhóm họp rất đông. Thường kiến lập Pháp Diên, lại mở mang lợi ích. Bấy giờ, khắp châu huyện gặp phải hạn hán, cầu nguyện mọi cách đều không toại nguyện. Quan dân vốn tiếp thừa gia tích, bèn đồng thỉnh Sư, Sư về thiết đặt đàn tràng, đem thân mình để tự phát nguyện, nếu chẳng ban mưa thề không ở trong phòng thất. Sư phơi mình suốt hai ngày, tự nhiên mây bủa khắp. Qua ngày thứ ba về sau, khắp nơ mưa đầy ngập, dân chúng đội ân sống lại từ năm đó. Xưa kia, khi đang ở đất Thục, Sư cũng nhờ như thế mà nổi tiếng. Khiến khắp nơi đương thời có lời xưng gọi Sư là "Một đời làm sáng ngời mặt trời Phật!"

Có Sa-môn Thần Tố nghiệp làm cùng gần gũi, rất kính trọng bạn, thị tịch trước Sư tại chùa Thê Nghiêm. Khi đó Sư đang ở tại chùa Châu, trước tuyệt hung vấn, bỗng nhiên giáng thân vui vẻ như còn sống. Đến chiều hôm sau, có người đến báo mới biết là Sa-môn Thần Tố thị tịch. Sư gởi thư an ủi rằng: “Cùng là cảnh huyễn, đều bẩm thọ thân như bọt bóng. Không để ý đến tình, chẳng đáp lại ngôn tượng. Pháp sư Thần Tố có phong cách thanh cao. Đạo khí cao sâu, bao gồm nghĩa môn, nghiên cơ rất thật, chí nhân chánh từ lâu đã thành, chắc chắn vãng sinh Tịnh Độ. Phương nầy vận bạc, chóng mất chỗ về, tăng (tôi) già bệnh sớm ứng đi trước, tội dày phước mỏng, còn giữ dư báo! Pháp sư chẳng để lại vết cũ. Hôm qua, đêm hai mươi lăm, giáng thần đồng nhóm họp, cùng nằm chung một giường, suốt đêm nói bàn đến sáng mới từ biệt. Tình còn xưa nay, sự việc thì còn mất. Sự thật thầm cảm không thể bày thuật!” Ngài Thần Tố thị tịch ngày hai mươi bốn tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường (xem đọc ở truyện Ngài Thần Tố). Còn Sư thị tịch ngày mười sáu tháng năm năm đó (643) tại chùa Nhân Thọ, thọ bảy mươi tám tuổi.

Lúc chưa thị tịch, Sư nằm nghiêng hông bên phải, gối đầu trên cánh tay phải, bảo với môn nhân đệ tử rằng: “đường dài sinh tử, người có chờ đợi cũng đều như vậy. Các ông chỉ tự quán xét thân mình như huyễn, thì sẽ không bị ái kết ràng buộc. Mạng sống của tôi cũng dứt, chỉ nên dùng hai cây rui và một đoạn chiếu bó gọn vào rồi khiêng đi, không được theo thế tục mà lăng xăng làm những việc vô ích!” Nói xong thì Sư thị tịch. Bấy giờ, khắp các Châu Bồ, Ngô, v.v... các hàng tăng tục đua nhau kéo đến gào khóc khắp nơi, đến bên cạnh khoảng trống chừng bảy dặm đều đông chật người.

Từ khi Sư theo dòng họ Thích, chuyên lắng nhiếp thân hình, chẳng nằm nệm toàn giạ, không cất giữ lụa là, với việc rương tráp đều dứt bặt tâm, cưỡi chở nhọc mệt, trọn đời không trải qua, miệng không đề cập đến danh lợi, tay chẳng cầm tới tiền. Nếu có người trái nghịch, Sư chỉ ngậm miệng im lặng. Không ngợi khen hay chê bai đối với người và vật. Sư từng dùng đến một ngàn năn trăn tiền để mua con lừa mang chở kinh luận. Khi đã về đến Đông Kinh, gặp được khoa vận đại quý, có người mua đến giá mấy vạn, đồng bạn muốn Sư bán, Sư không chấp thuận mà bảo rằng: “Đã nhọc mang vác, đâu lại quá số vốn vậy ư?” Bèn đem đến chợ, Sư tự bán, chỉ lấy giá gốc mà thôi. Đó tuy là việc nhỏ, mà là gốc của liêm sỉ.

12- Truyện Ngài Thích Tuệ Hưu Trụ Chùa Từ Nhuận ở Tường Châu:

Thích Tuệ Hưu, họ Lạc, người xứ Doanh Châu. Gia đình Sư nhiều đời ở gần bờ biển, chuyên sống với nghề nuôi tằm và chài lưới. Mà Sư lại biết lìa ác, suy nghĩ sâu xa về tội báo. Ngài thường nghĩ muốn thoát ra để cứu giúp nhưng không có duyên để cất bước. Nhiều lần Sư thở than suốt đêm đến sáng, hoặc quên cả ăn uống kéo dài đến mấy ngày. Tuy phẩn khí đầy cả cõi lòng mà không sao khỏi được nguy ách ấy!

Năm mười sáu tuổi, Sư gặp được một vị Sa-môn ở Tương Châu vân du hoằng hoá, bàn nói về việc tuần nhiễu của ba đời, trình bày sự giao xâm của tám khổ. Vì hợp với bổn hoài từ xưa nên Sư liền xoay lưng với tình đời, quyết lìa bỏ với người thân, trái lại với tập tục, tìm đến chỗ Luật sư Húc xin xúât gia. Luật sư Húc dùng ngọn nghĩa phương để dẫn dắt, lễ vượt quá Thiên Thuộc. Lại nghe có Pháp sư Linh Dụ là người nổi tiếng ở Tây Nhưỡng, hạnh giải có chỗ kết quy, hiện ở tại Nghiệp Hạ, nên bèn bảo Sư đến theo học. Sư có thiên cơ tài giỏi, tâm chỉ ở trong đạo, bèn mang Kinh Hoa Nghiêm trên lưng, tìm đến Nghiệp Kinh. Chỉ mới một lần nghe qua Ngài Linh Dự giảng mà Sư xao động thân tâm, chẳng màng tối sáng, chỉ cầu thể tánh, nhưng chương cũ mờ mịt lộn xộn, chỉ lý chưa dung thông, xoay vần đào luyện hơn năm mươi biến. Sư nghiên cứu đọc tụng văn lý lại càng mịt mờ tăm tối. Sư thử xem sự hiểu biết hỏi khắp các Pháp sư đều lo nghĩ, xin khai mở chỗ cùng cực ấy. Sư mới tự tỏ ngộ, nên bảo rằng: "Đó hẳn là Chế lý của bậc Thánh. Với hàng hạ phàm đâu thể so lường được ư?" Vả lại, Sư nương cậy nơi các Pháp sư, thân tâm tắm gội trong biển Pháp, Sư đến Bột Hải, theo Pháp sư Minh Ngạn, nghe giảng Luận Thành thật, trước soạn ra chương sao, Phẩm tảo Dị Đồng, tuệ mãn xung tình, hiểu luật bạn Pháp. Đến lúc Ngạn Công thị tịch, Sư lại thọ huấn các dòng khác. Sư theo Pháp sư Chí Niệm, thọ học Tiểu Luận, Ca-tạp-bà-sa, mỗi thứ nghe qua mấy lần, hiểu cùng nguồn ngọn, hiểu suốt sự cố chấp ấy. Sư hiểu giải đã trong sạch, lại thực hành tinh Nghiêm, Ngài Chí niệm nói rằng: "Tôi giảng Tiểu Thừa đã nhiều năm, nay mới được gặp ông, xin tha thứ chẳng dám kéo dài".

Nhân đó Sư liền soạn Tạp Tâm Huyền Chương Sao Sớ, đều có phân biệt bộ loại, xuyên suốt điều quy. Văn giáo vừa xuất ra đã được dự kính trọng. Từng đáng để nguyên tể, giảng truyền nối nhau. Chỗ sâu mầu đến cùng đã nêu lên, đuốc tuệ treo sáng ngời. Nên khiến nổi tiếng đến Ký Đô, kích động âm hưởng tới Hà Vị, khiến các hàng ôm sách

cầm kinh bày vai thường ngày đến tham yết. Những người có thắc mắc nối gót nhau tới giảng đường, Sư đều về ghi vào vạt áo, mở hằng minh Phủ. Nên đối với các giáo pháp lập phá, ngài tham cứu sự u ẩn thấu suốt đến sáng rõ. Tuy Phủ học bao trùm Không Tông mà còn vững tâm đối với trần cảnh, Sư muốn thông hiểu yếu chỉ của Duy Thức, nhưng không biết làm sao để đạt được sự tỏ ngộ! Gặp lúc Pháp Sư Linh Dụ vào quan ải, nhân đó Sư lại dự theo, gặp được Thiền sư Đàm Thiên và Luận sư Vi v.v... đang giảng dạy mở mang Nhiếp Luận. Thường nêu một hội thì các giá khác dừng xoay. Ngôn từ nói ra đã mới, Sư nhận lãnh trội vượt, nghe qua ba thì Sư liền soạn sớ chương, thần thấu suốt sâu mầu, thảy trình bày rộng lưu bố xem đọc. Từ các Tạng giáo điển Đại tiểu thừa, Sư đều nắm lấy then chốt, chỉ có luật bộ Sư chưa được nhàn rỗi mà xem duyệt rõ ràng.

Xưa kia, Sư cho rằng giới cấm tuỳ việc có thể dùng duyên cầu, hễ đọc thì liền hiểu rõ, không cần nhọc đến thầy truyền trao. Sư từng mở bày một quyển, trì Phạm đều mịt mờ, mới hối lỗi sự nghĩ bàn trước kia, lại càng mở rộng Thần phủ. Sư mới mang luật ôm Bình bát theo Luật sư Hồng nghe giảng, tham cầu học hỏi Luật Tứ Phần. Một phen trải qua hơn ba mươi biến, ngày một dẫn thấu tới cùng, không bao giờ hết lời. Sư ngoái nhìn những người học mà mói rằng: “Tôi nghe đã nhiều, cho đến khi kinh Luận chỉ một biến là nhập thần, nay dạo trong Luật bộ thêm càng mờ tối. Há chẳng phải Lý có thể hư cầu mà sự khó thông hiểu hay sao?” Nhưng Sư kính cẩn thận trong ba nghiệp, theo khoá sáu thời. Chỉ một mảy trần hoặc cản trở thì liền tỏ bày sám hối. Mắt Sư nhìn những bậc giảng tượng giáo điều Đại thừa, Tiểu thừa, phần nhiều là các vị nổi tiếng, kính pháp tự tu, thật ít có ai sánh bằng, Sư có nghe Lệ Công giảng luật, Lệ Công bảo: “Đại Đức Pháp sư tuổi già, vì sao mãi siêng năng học luật bộ?” Sư đáp: “Tôi lúc mới đầu xuất gia, từ trong miệng hổ mà đến, liền kính phụng giới pháp, đâu thể vì già yếu mà có thể lìa Luật bộ ư? Chỉ tiếc là tôi không được thường nghe!” Sư thanh tịnh thận trọng cao vợi, sơ lược như thế đó. Lại thường trải qua giặc giã đói kém liên tục. Kho lẫm của tăng chúng trong chùa nhiều lần bị phá hoại, nên từ cuối đời Tuỳ đến đầu đời Đường, qua bốn lượt thay đổi mới được giúp đỡ tịnh cúng, khiến cho khắp bốn phương mừng gặp. Sư rất có công. Đến niên hiệu Võ Đức (617-627) thời Tiền Đường, giặt Lưu Thác dấy khởi, dân ở các châu Nguỵ, Tương, v.v... đều bị giết hại, bỗng nhiên có một ngày kinh hốt, các hàng quan dân lớn nhỏ đều bỏ thành chạy trốn. Sư đang ở Vân Môn, nghe có sự việc ấy, bèn dẫn hơn hai mươi học sĩ đi

về hướng Đông đến Tương Châu, hoàn toàn không có người và vật, Sư liền giữ thành tự ở, kẻ tăng người tục khắp bốn phương vì có Sư hiện ở trong thành nên họ bèn quy hướng nương tựa. Đương lúc ấy, mọi người tự ẩn tàng thân hình mà riêng mình Sư có tiết tháo vượt trội còn ở lại nước giữ thành, dẫn dắt mọi người. Có thể gọi đó là gặp thời loạn mới biết người.

Sau năm đó không bao lâu, Thiên Sách bày binh lính, xa đến làm giặc trong cảnh vực. Quân lính thật không theo, đều xuất đương cơ. Sư đứng đầu chúng tăng, dự biết rõ ràng về lợi hại, bèn nhóm họp chúng mà bảo rằng: "Quan quân tĩnh loạn phải có đón rước, các vật thực của chúng tăng, theo nghĩa phải đưa đến trước". Lại cùng Đại chúng đều không có người nào theo. Sư sợ bị phạt sau, ắt có thể thừa quyền, nên riêng một mình Sư đến trong cửa Quân, tỏ bày đầy đủ nguyên nhân đến đây. Khi đó, Tào Công Từ Thế Tích dẫu nhọc công thưởng duyệt, nhưng vẫn bảo những người theo hầu theo Sư đến chùa nhận giao lương thực. Sau khi thanh bình. Tào Công bèn về tấu trình kể lại đầy đủ công lao của Sư. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) liền ban sắc nhập vào trong giặc. Ở các Châu hiện có Tăng ni chỉ còn ba mươi vị. Khắp Tương Châu đặc biệt phải theo chế định, dùng việc để xem xét người. Khó lường biết được Sư. Lại nữa, sau thời hoang loạn, luật pháp không thi hành, đều dùng bát đồng, thân mặc theo y phục thế tục đồng như các lưu tục. Sư lo sợ Phật pháp bị huỷ diệt, nên đích thân tự kinh doanh làm khuôn tạo dáng, y theo pháp luân xông nung nên thành bình bát đẹp, ban cấp cùng khắp để thọ trì, mãi đến ngày nay được thực hành rộng rãi. Đó đều do công lao của Sư chứa nhóm lưu truyền tiếp nối. Lại, nhà kho của tăng bị cháy, lúc ấy vào nửa đêm, bỗng nhiên có người báo, Sư chạy đến xem xét, may là mới bốc cháy, nên cứu được thoát khỏi. Trở về hỏi nguyên do mách báo, thì không hề có ai biết. Bởi vì đạo của Sư thông cả u hiển, nên thường cảm động đến điềm lành.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ 9(635) thời Tiền Đường, vua Thái Tổ (Lý Thế Dân) có ban sắc mời Sư vào Kinh đô nhưng Sư đều lấy cớ bệnh mà cố từ chối, không tham dự đến vấn đề vinh hiển. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đã chín mươi tám tuổi, hiện ở chùa Từ Nhuận, vẫn sáng suốt mạnh khoẻ như trước kia. Cả bốn chúng đều nhớ tưởng, kính ngưỡng. Những người kính mến vẫn mang kinh sách đến thưa hỏi cầu học. Sư bèn đem sức suy yếu mà bảo rằng: "Công phu tu học của tôi rất nhiều, mỗi lúc có kinh luật, tuy nghe qua hai, ba mươi biến, ý chỉ mới khơi sáng, mà vẫn còn tiếc vì thiếu

công phu, muốn gồm hiểu các bộ khác, nhưng chưa rảnh rỗi để xem nhiều. Hàng hậu học ngày nay chẳng được như thế, chỉ biết sơ qua câu văn, Tông Trí vẫn còn mờ mịt, đã dự vào hàng bậc thầy khuôn phép, lại không quán thông. Do đó, suốt đêm dài thắc mắc trong lòng, cuối cùng có nghiên cứu tìm tòi nguồn giáo chẳng biết nguyên do thứ lớp. Đó là Pháp bị huỷ diệt do người!”. Ngày nay tuy tuổi già mà Sư khai đạo mục đích là thành khí, giống như giữa mài để hợp với bén nhọn, đâu thể đúc nắn đơn sơ được? Do đó, Sư dẫn hoá từ chỗ đầu mối thẳng bày cương yếu. Mà Sư kính giữ pháp cấm, giữ Đạo có chế Thiên nhiên, giữ gìn thân tâm, càng già suy càng dốc chí, y phục chỉ đơn sơ, mục đích để che hình thể, xiêm treo trên vách tường, một thước lụa chẳng dùng. Lợi lộc bên ngoài có được, Sư đều ban cấp cho giảng chúng, khâu vá y phục, chẳng khổ nhọc đến người giúp đỡ. Hiện tại Sư mang đôi giày gai đến nay đã hơn ba mươi năm năm, hễ có đoạn hư hoại thì khâu lại mà dùng, nơi nào có mưa bùn, Sư bèn đi chân không. Có người hỏi lý do thì Sư đáp: “Bùn đất mềm dễ bước, chẳng hao tổn của tín thí!”. Lại vào mùa lạnh Sư chẳng thêm lửa, mùa nóng bức chẳng nương ở chỗ mát. Bình nước đông lại, bên trong đóng rêu. Từ khi thọ giới Cụ Túc về sau, bình bát của Sư không hề có ai tẩy rửa. Vào Hạ đã qua chẳng ăn rau lá. Hễ qua lại chỗ nào, Sư tự cầm chổi quét trước, giữ gìn mạng sống loài vật đâu có lỗi ấy. Phàm các hạnh ấy trước sau chỉ một đường.

Tôi vì gần gũi phô bày lời nhỏ nhiệm, kính thờ cảnh hạnh đó, còn tiếc chỉ nêu bày đại để. Sự việc sơ lược mà văn rườm rà, cho là khinh ước. Sư có đệ tử là sa-môn Đàm Nguyên là vị Tăng Cao Khiết, kinh luận và luật tạng đều có mở bày chỉ dạy, riêng trọng Thanh hạnh, ăn mặc đúng cách. Trong chùa tuy kiết tịnh, nhưng vẫn có tâm trần điểm, ngài thường khất thực để tự nuôi sống, nay gá rừng vắng, lo dự núi báu, chí khí sống với Đạo, xa lìa thế tục. Sư lại có Môn nhân là Sa-môn Linh Phạm, học thông qua ở Sư mà tuệ ngộ thì ít hơn, được vua ban sắc mời đến trụ chùa Hoằng Phước, lúc ấy đang mở rộng Nhiếp luận, nay ở trong Tông mà dựng cao cờ nghiệp, nổi tiếng khắp kinh Ấp. Lại vì Sư tuổi tác và học hạnh cao xa, nhà vua ngày nay rất kính trọng. Nhân sự liêu tả, đích thân đến thất của Sư, Sư trình bày Đạo, càng hợp tâm vua, nên lại tiếp tục chứa nhóm công đức ấy.

13- Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô:

Thích Linh Nhuận, họ Lương, người ở xứ Ngô Hương thuộc Hà

Đông. Gia đình Sư nhiều đời là quan chức. Giòng tộc cao quý trong làng nước. Mà phong cách Sư rộng rãi, nghị lực bao gồm Đại phương. Thưở thiếu thời, Sư đã đi trên con đường trong sáng, lúc trưởng thành Sư tiếp thừa theo các lệ khác, cho nên hay chánh hạnh thường y cứ, không trang nghiêm mà thành. Anh em Sư gồm có mười người, đều là người tài giỏi khôi ngô, vẻ vang ở đương thời. Trong đó, ba người giữa đều kính mến hạnh xuất gia. Cha của Sư bảo Sư rằng: "chỉ cần tụng thuộc Kinh Quán Âm thì sẽ chấp thuận." Sư bèn cầm quyển đọc tụng, một lần ngồi chẳng đứng dậy từ sáng sớm đến nửa ngày. Văn ngôn bèn thấu triệt, liền được cha chấp thuận. Sư bèn đến nương tựa Pháp Sư Linh Xán chùa Hưng Thiện. Ngài Linh Xán có chánh hạnh, đầy đủ như ở biệt truyện.

Năm mười ba tuổi, đầu tiên Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn, khéo thông rành Văn ngôn yếu chỉ. Đến tuổi có chí cầu học, Sư bèn dung hội những điều nghe trước, bao gồm tỏ ngộ lý mới, liền lên tòa giảng mở mang ý nghĩa Thích Giáo, chia thành Khoa tông, chư tăng tài giỏi đều vui mừng đức hạnh của Sư lại kính trọng hành trì pháp cấm. Động tĩnh đều an, Sư chẳng vọng theo, chỉ thường sống theo khuôn phép. Do đó, các vị Đại đức ở chùa Hưng Thiện là những bậc Danh tăng trong nước đều nhìn Sư mà bảo rằng: " Chú Sa-di này mới cất bước mà đã như thế thì chắc chắn khả năng kham nhận trụ trì!" Từ đó về sau, thâm tâm Sư luôn hướng đến Đạo, thông đủ các Pháp sư, dự ở thấy nghe mà bao gồm chứa nhóm trong Thần Phủ. Ngay đó, liền phủi bỏ cả người, pháp, khuê chương giải hạnh, đều bao trùm cả gốc ngọn, gồm cả thành bại. Tại chùa Nhân Thọ cảm ứng điềm lành, ở Hoài Châu xây dựng tháp thờ, nhà vua đều có ban sắc mời Sư đến. Quan sở lo cúng dường, ngựa trạm chở theo Sư đi về phương Đông. Sư chỉ khất thực theo hàng, không nhận cung cấp riêng. Khi đã đến Hà Nội, kẻ tăng người tục đều kính trọng sự tinh thông của Sư và kính quý hạnh giải của Sư. Mọi người có được quy giới đều do từ nơi Sư. Khi ấy, tiếng tăm Sư vang khắp Hà Bắc, vẻ vang cả kinh đô. Nghe chư tăng chùa Linh Nham ở Thái Nhạc đức hạnh trang nghiêm thanh tịnh, làm khuôn phép cho khắp cả bốn phương, Sư bèn mang sách trượng tìm tới. Đã thấy người xứng đáng bậc thầy, Sư bèn theo thưa hỏi sự dạy răn, bèn tập học Ban-chu hành Định, không trái lầm sớm tối, lúc đầu mới trải qua hai mươi mốt ngày, tình sự hơi mỏi mệt, từ đó về sau Sư quên cả ngủ nghỉ mỏi mệt. Thân tâm tinh tấn giũa mài, trải qua cuối mùa Hạ. Bấy giờ đồng bạn có hơn năm trăm vị, mỗi người đều kính vâng thực hành, đôn đúc sách tấn lẫn nhau. Đến lúc mãn Hạ, tất cả đều đi không còn một ai, chỉ mình Sư riêng giữ tiết tháo

vượt trội, tình sự chẳng đổi thay, đều không toan tính, cùng một văn từ, kính xưng huy Tích.

Bấy giờ, Cha của Sư làm Ích Đô lệnh Thành Châu, ông ngoại của Sư là Ngô Siêu làm Hoài lệnh Hoài Châu. Đường Tổ của Sư là Ngô Đồng làm Sơn Tiến lệnh Tề Châu. Chồng của dì Sư là Hầu Viên làm Kim Hương lệnh ở Tào Châu, đều là Tông tộc nội ngoại Thân nhân của Sư. Tuy qua lại các trường giảng, đến chỗ các sở bộ ấy, sự việc đi ngang qua đường nhưng không hề gây ra lỗi lầm nào. Cho đến sinh duyên trái táng, hoặc có lòng kính mến mà thỉnh mời. Sư bày tình như gió thoảng, chẳng hề bước tới. Sư cắt đứt Ân ái theo Đạo, đến như thế!

Có Pháp sư Đạo Trang, tiếng tăm vang khắp trong nước, đang giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Sư bèn tìm đến đó. Bấy giờ, Sư chưa thọ giới cụ túc mà thanh thế Sư đã sớm vang xa. Khắp cùng Pháp tịch, văn nghĩa Viên Thông, hỏi vặn hóc búa, xứng đáng được truyền Nguyên Tể. Đồng dự Pháp tịch ấy mọi người đều tỏ lòng kính vái. Sư vâng thừa nơi thần làm gốc, kính phụng ngài Đạo Trang làm Hòa-thượng. Sau khi thọ đại giới, Sư bèn đến các Luật ty, các Kinh Thập Địa, v.v... Sư lược đọc xem văn thể.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư về lại kinh đô, gặp được Pháp sư Chí Niệm đang giảng dạy Tiểu Luận. Sư muốn Quán xét khắp cùng Biển trí, bèn tham dự vào hàng thính chúng. Lại có Pháp Sư Biện Tướng, là người có sở học bao gồm Đại thừa Tiểu thừa, tiếng tăm vang dội khắp trời. Với Nhiếp Luận lúc đầu mới hưng thạnh, ấy thật là ít thấy. Ở chùa Tịnh Ảnh Sư mở giảng Khai Tông, Ngài Biện Tướng soạn sớ năm quyển, bèn đến giảng tại Kinh Hoa, thính chúng có hơn năm trăm vị tăng. Người tham dự dựng nghĩa có đến mấy trăm. Ban đầu, Sư từ Quan biểu, Sư tham dự các trường giảng, noi theo những điều khác lạ, bèn phấn phát với các luận kỳ đặc. Cả pháp tòa mọi người đều kinh lạ, nghiêng mắt mừng khen. Vừa lên, có Pháp sư Biện Hạnh, cơ luận khó lường, ở giữa chúng cao tạ mà kính sợ. Tuy là tiếng tăm vang cùng Đế kinh, mà thần khí Sư tự tại. Hoặc có người gièm pha phỉ báng tới tai Sư mà Sư làm như chẳng hề nghe. Sư dùng Đại trấn tâm, không có tâm mừng giận. Ở thời Pháp mạt là chỗ cậy nhờ, thật đáng mừng vui!

Vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Bệnh phong của Sư càng nặng, sau khi bình phục, bổn tâm Sư càng tinh tấn với nghiệp hạnh mới. Lại sợ Báo thân chỉ trong sớm tối, không giữ được bổn hoài, giảng dạy dẫn dắt hàng thế tục qua lại phiền tạp. Sư bèn lánh khỏi việc người, nhàm chán thế tục, trở về với nhàn tĩnh, bèn sang phía Tây Bắc của

Nam Sơn, đến tận cùng cực của Lễ Hộ, phía Đông gần tới Ngọc Sơn, nương náu nơi rừng lạnh, thực hành hạnh Đầu-đà. Bấy giờ, cùng có các Sa-môn Không Tạng, Tuệ Tấn, Trí Tín, Trí Quang, v.v... đều là những bậc tài giỏi ở Kinh Ấp, đồng tu hạnh xuất ly. Đã ở nơi chốn rừng rậm gò mả, Quỷ thần ở đó não hại, hoặc xô đẩy bồn chậu ngửa nghiêng, hoặc lớn tiếng kêu gào. Riêng Sư thể nhận được tánh vắng lặng ấy, nên vẫn an nhiên tĩnh tọa như không có điều gì xảy ra, các vị bị nhiễu loạn đó đều đến nương tựa Sư. Hoặc có lúc lại ở trong rừng sâu giữa đồng trống, chỗ Hổ long qua lại. Sư vẫn thật tâm an chỉ, không mảy may sợ hãi. Sư vâng giữ hạnh ấy, cho đến trọn đời vẫn truyền trì.

Vào cuối niên hiệu Đại nghiệp (627) đời Tùy, không cho ai xuất gia làm tăng, Sư bèn khuyết thiếu hạnh ấy, Sư bèn trở về chùa Hưng Thiện, gá ở Tây Viện, riêng tĩnh lặng tu dưỡng tịnh nghiệp. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa nhập tịnh. Sư thường giảng các Kinh Niết-bàn v.v... có các Thiền sư Tuệ Định, v.v... đến nương tựa thọ học, cùng sách tấn nhau tu hành theo thời khóa, không ra khỏi phòng viện suốt trong ba năm. Sư kết bạn dần đông, thực hành các hạnh thanh tịnh. Bấy giờ, Pháp Sư Tăng Xán như cái lọng cao che chở cả chùa, biện luận sắc bén không ai hơn được, kháng hành cả Kinh Quốc, bèn dẫn hơn năm mươi vị tăng tài giỏi đến nơi pháp hội, rõ ràng được Thần lược nơi Sư. Mọi người đều nương tựa thưa hỏi nghĩa cao ẩn. Sư lãnh chủ đối đáp, chia rạch ròi, mọi người đều vui mừng tán thưởng, khéo phù hợp với yếu chỉ của kinh. Từ đó về sau, càng vẻ vang rao truyền sáng giá. Chúng Tăng nhóm họp cùng theo, Sư rất giỏi Đạo nghiệp Nội truyền, sắp lưu bố pháp vị.

Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười chín (614) đời Tùy, Sư được mời đến Hồng Lô, dạy dỗ trao truyền cho Tam Hàn, đồng thời ở tại Bổn tự, phiên dịch các bản kinh mới, đồng thời Tông Hạc có tiếp thừa, chẳng khuyết thiếu phong thái. Gặp lúc dân chúng đời Tùy loạn lạc, Đạo sáng khó chứa nhóm, Sư bèn ngầm ẩn đến trụ chùa Cảm Hóa ở Lam Điền, trước sau tất cả mười lăm năm, chân chẳng bước đến thế gian, lìa kinh chuyên nghiệp. Chúng thỉnh cầu thì Sư liền giảng, chỉ bày những điều chưa từng nghe. Quanh năm, Sư nhập Định, lại vâng theo tiết tháo tĩnh lặng. Có Sa-môn Chí Siêu là bậc kháng tiết Thiền Phủ, nghe Đạo phong Sư mà đến tỏ bày, bèn sớm kết giao, niệm định của Sư, vui theo sự nói năng và im lặng. Bấy giờ gặp phải thời buổi đói kém, kẻ tăng người tục đều đượm nhuần, cảm hóa cả chùa, thỉnh riêng khách tăng, giã gạo làm cơm, đậu mạch đều nhau. Ngày đêm khuyên răn siêng năng hành đạo lấy làm việc chính, nên khắp bốn phương người mến nghĩa, quy hướng

đông như mây nhóm. Sư chu cấp đầy đủ tinh thô, không trái với Tăng Pháp, cùng thọ dụng rau trái đến cả năm. Đó thật là do các bậc Chí Đức thầm phù hộ, gồm cứu giúp được nhiều ngày. Vì Sư hoằng hóa hợp với ngoại lưu, nên tiếng tăm Đạo hạnh vang xa, cả chùa Hưng Thiện đều kính thờ, bèn tấu trình tỏ bày, nhà vua ban sắc thỉnh Sư về sung vào đảm nhận việc chùa. Sư không giữ được chuyên chí, phải đến coi sóc.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc xây dựng chùa Hoằng Phước, Sư lại bị thỉnh mời, tức hiện tại công việc phiên dịch chứng nghĩa kinh điển phải sáng suốt, mọi chỗ đều rõ ràng chuẩn định. Sư lại đảm nhận việc ấy. Đến như Từ lý có chỗ nghi ngại. Cách ngôn cho đúng, đồng thời xếp đúng vị trí, người ấy là trên hết, trong giòng họ Thích khắp kinh ấp, thật chỉ có Tăng Kiệt vậy.

Trước kia, vào cuối đời Tùy, khi Sư trụ viện tại chùa Hưng Thiện, chiêu cảm tướng ma khuấy nhiễu, Sư vẫn giữ định chí không thay đổi, âm thầm bị thiện thần đến bắt đi. Qua đêm, bảo rằng: "Hôm qua, con ma y theo pháp trói chặt rất biết lụy trọng, tự cảm mà chết. Những điều cảm ứng như thế, số lượng thật khó ghi nhớ hết.

Trong niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, khi đó, Sư đang trụ chùa Hóa Cảm. Chủ chùa là sa-môn Trí Tín bị người mách báo, vua bèn sai sứ vây bọc chùa, tỏ vẻ oai quyền. Sư bảo: "Ở núi hành Đạo, Tâm chẳng trái với vật, chỗ Thánh hiền biết rõ, chắc chắn chẳng như điều mách báo, khiến người sứ càng tức giận." Bỗng nhiên có gió lớn nổi dậy, sấm sét vang động, núi sụp đổ, cây gãy ngã, thổi tung khăn mão tòa tịch phiêu lạc mỗi thứ mỗi nơi. Cả chúng cùng kinh hãi, bèn cầu xin sám hối. Sư bảo: "Đàn Việt có phước, chiêu cảm đến u linh, điềm lành ứng hiện đó, từ xưa đến nay chưa từng có." Kẻ sứ tự nhiên thôi bỏ việc ấy.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường. Sư cùng các bạn đạo lên núi dạo xem, lửa hoang cháy khắp bốn phía, mọi người đều chạy tán, chỉ mình Sư tự nhiên đi như thường, nhìn thấy leo lên. Sư nói với những người còn lại theo Sư rằng: "Ngoài tâm không có lửa, lửa thật ở tự tâm. Cho là có thể chạy trốnkhỏi lửa nhưng làm sao thoát khỏi lửa." Và khi lửa đến, Sư dập tắt, y cứ theo sự việc để lường, thì biết là người khó.

Về sau, lúc Sư trụ chùa Hoằng phước, có vị Tăng có sự duyên vâng sắc mà hoàn tục, lại trải qua ân vua lại nguyện xuất gia. Các Đại đức liền nêu danh, đồng đề cử được Độ, tấu trình lên triều đình nghe

biết. Nhà vua bèn ban sắc rất trách cứ đưa đến Nam Duệ, thuộc Hoan Châu hành đạo. Khi ấy chư tăng mở lập riêng làng vua, không ai chẳng cảm động. Riêng Sư vẫn an nhiên, dung nghi chẳng đổi thay, ngoái nhìn mà bảo rằng: “Qua lại trong ba cõi là lý thường xưa nay. Được sắc bảo tu Đạo. Có gì phải buồn khóc? Và Sư liền phất tay áo vui vẻ đi về hướng đông. Kẻ tăng người tục nghe thấy thảy đều thán phục! Sau đó, lại có sắc lệnh truy tìm, mời Sư đến an trí ở Lạc Đông. Sư hành hóa khắp các xứ Trịnh Ngụy, mang pho bộ kinh điển, bày mở trường giảng. Sư giảng Kinh Niết-bàn có hơn mười biến. Áo Nghĩa như suối tuôn, dòng tuệ sông rơi. Sư bèn bảo với Môn nhân ở kinh ấp với lời sớ rằng: “Nay tôi đi đến phương Đông, lược sơ đã có ba điều lợi ích: một là đáp đền tội trước, hai là thuận với nhàm chán sự sống và ba là thành đạt hạnh lớn. Tôi có lụy chướng đời trước may nhờ Thiên từ quở trách, nay được báo đền, thì nghiệp lụy sẽ chuyển diệt! Chỉ thêm tâm vui mừng, đâu có buồn ư? Hàng ngu phu si ái việc gì cũng dấy khởi đắm trước, còn người Chánh Trí thì không như thế, nhàm chán chẳng xem trọng sự sống. Hai cảnh dơ sạch đồng gọi là Đại Không. Phàm Thánh hữu tình đều chỉ do giác tánh. Giác và Không bình đẳng, đâu có chỗ chấp trước. Tự độ, độ người đều là đạo lợi ích. Đề cử người xuất gia là nương tựa theo đạo làm lợi ích cho vật. Tôi nguyện ở trong ba cõi, độ khắp bốn loài chúng sinh, thường không lui sụt. Ba điều lợi ích ấy, các ông đều nên biết. Mỗi người hãy tự điều tịnh căn nghiệp, cùng sống với pháp lành. Tôi không có gì phải lo toan!” Bộc xạ Phòng Huyền Linh gặp gỡ Sư, ngợi khen rằng: “Đại đức dựng lời, Văn Từ nghĩa lý đều rốt ráo. Xứng đáng với Danh thực, thật là chỗ đáng trông ngóng!” Sau đó không lâu, nhà vua lại ban sắc tìm thỉnh Sư về lại chùa Hoằng Phước, y cứ vào giáo tông mà mở mang hóa độ, chỉ ở một người là Sư.

Nhưng, lúc mới vào Đạo, Sư kính tiết chẳng khuyết thiếu, giữ gìn thiết tháo, tu nhiếp oai nghi, thân tướng khôi ngô hòa nhã, cao đến tám thước. Với mọi sự động tĩnh, Sư đều ôn hòa vượt cao hơn đồng bạn. Năm mười ba tuổi, Sư lìa thế tục, không còn trở lại. Cha mẹ qua đời, anh em Sư buồn thương mách báo, mà Sư giữ tình tự nhiên, chẳng mảy may thay đổi sắc mặt. Chỉ lo tu tạo Phước thầm, thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng. Lại độ khắp cùng kinh đô, bố thí ruộng Bi, đủ ăn mà thôi. Còn như thế tình được mất như sắc nổi hoa tàn. Đã chẳng để tâm, miệng cũng không nói. Bấy giờ, người đời qua lại đã biết đối đáp, đều dứt bặt cúng cấp, tùy lời cùng sai khiến. Từ trước đến sau, Sư giảng Kinh Niết-bàn hơn bảy mươi biến, Luận Nhiếp Đại Thừa hơn ba mươi

biến, mỗi thứ đều có soạn Nghĩa sớ mười ba quyển, Huyền Chương ba quyển. Ngoài ra, với các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Luận Khởi Tín, v.v... Sư đều tùy duyên giảng dạy, và mỗi thứ đều có Sớ bộ, mà Văn Nghĩa thông đủ, rất khác với thường chấp. Còn như Nhiếp Luận Lê-da, Nghĩa bao gồm Chân Tục. Chân tức là Vô Niệm Tánh Tịnh, các ngôi vị không sửa đổi, Tục tức là không giữ nhất Tánh, mà thông đủ các nghĩa. Từ Chuyển Y về sau, riêng nghĩa bên Chân Đế tức thành Pháp Thân, nghĩa bên Tục Đế thành thể của Ứng hóa. như chưa chuyển y là thể của Quả Báo, y cứ theo chân tánh không diệt nơi nghĩa. còn tự tướng Tục Đế thì có Diệt, chẳng Diệt, vì thể từ năng nhiễm phần, nghĩa Diệt phần, có thể Khác Thể nhưng sự nghĩ biết chẳng diệt. Còn như trong Chương Tư Lương, các Luận sư đều cho là có ba lớp Quán, là Vô tướng, vô sinh và Vô Tánh tánh. Sư theo văn tìm lấy ý chỉ, không có lớp thứ ba, nên Luận Văn trên dưới chỉ có hai lớp. Xả được như Văn. Bảy chỗ trước ở lớp thứ nhất là Xả Ngoại trần tà chấp, được ý ngôn phân biệt trong chỗ thứ tám, là Xả Duy Thức tưởng mà được Chân Pháp Giới. Trước Quán Vô tướng xả ngoại trần tưởng. Sau, Quán Vô Sinh, Xả Duy Thức tưởng. Ngay nơi Sát-na thứ hai liền vào Sơ Địa. Nên không có lớp quán thứ ba. Y cứ vào ba tánh nói về ba Vô Tánh, Quán chiếu y cứ khiển trừ chấp trước, chỉ có hai lớp. Còn như ba tướng của Bổn Thức, tự Tướng thọ huân. Trong Tánh Y tha, nói có ba diệt chung riêng. Lại nữa, với bốn quả Niết-bàn, nghĩa lìa hợp khác, hai chỗ ba thứ huân tập, thể không có riêng. Còn các điểm ấy v.v... có khác với các Luận sư. Yếu chỉ giữ, bỏ (Tồn, phế) đều trình bày rõ ràng đầy đủ trong Chương sớ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tịnh Nguyên là bậc thần duệ cao vời việc quan trọng rộng khắp nổi tiếng nơi chốn kinh kỳ, giảng thích kinh luận qua nhiều năm tháng, thuyên biện Danh Lý âm hưởng tràn cả Học Môn. Thêm vì tánh Sư ưa thích suối rừng, chẳng màng danh lợi, mặc áo thô xấu, ăn uống đạm bạc, chỉ lấy việc Đàm Huyền làm chính. Sư lấy chỗ lập nghĩa của Ngài Linh Nhuận mà dựng lập chí khí tìm cầu, chuyển giải tuyền nhanh như gió trùm khắp đương thời. Có Sa-môn Pháp Ngự là người Đạo Định, mộng thấy Sư tay rất lớn cầm Ấn đứng tựa bàn sách, liền có chỗ thông. Đến lúc tỉnh giấc bàn nói việc ấy với Sư, thì ngay lúc ấy Sư đang bày nghĩa ấy, liền nhân đó mà được tỏa rộng, bèn thành Vương lộ!

Có Sa-môn Trí Diễn tức giống như đệ tử của Ngài Linh Nhuận, thưở nhỏ được ngài dẫn dắt vào Đạo, đem kinh giáo mà khuyên dạy, tiếp thừa sáng rõ, Từ nghĩa rất hợp, chuyên giảng Nhiếp Luận, Kinh

Niết-bàn, ở gần chùa Pháp Trì ở Lam Điền, hợp Luật thành Tượng, chóng động vẻ vang ở đương thời. Nhưng từ khi có Pháp đến nay thì thần trò truyền Đạo, Tông ấy ít tiếp nối, chỉ có đầu mối của Ngài Linh Nhuận mới tiếp nối vẻ đẹp tu hành trước, gần ngang vết với An Viễn. Mảy trần khó cứu giúp, thấy ở ngày nay!

14- Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh Đô:

Thích Đạo Hồng, họ Duẩn. Người ở xứ Hà Đông. Cha của Sư tên là Diệu, làm Quan ở đời Tùy, nhậm chức Giang Lăng lệnh, có tất cả năm người con, Sư là con thứ ba. Sư rất thông minh tỏ ngộ khác thường, lại rất nhàm chán thân nầy.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, vừa mới mười ba tuổi, Sư xuất gia theo thờ Pháp Sư Đàm Diên là bậc Đại đức ở Kinh Ấp thông hiểu giáo điển nội ngoại vang danh nơi cửa trường. Tuy rộng hoằng truyền nhiều bộ, mà Sư chỉ Lấy Kinh Niết-bàn làm chỗ cùng cực của sự nghiệp giáo hóa, nên Sư giảng dạy kinh nầy. Do đó Thầy trò truyền đạo tiếng tăm, công lao vang xa, cũng ở trong Pháp Chúng đích thân dẫn dụ đáp thuật. Sau, Sư lại đến chỗ Pháp sư Nguyện, học thông Địa luận, cạnh đó gồm thông kinh số, hơi thơm đức hạnh Sư chấn động cao xa.

Đến lúc vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy băng, chùa Thiền Định được xây dựng, Vua Dương Đế (Dương Quảng-đời Tùy) bèn thỉnh Sư đến ở đó. Từ đó, Sư chuyên việc giảng dạy kinh giáo, xoay vần không ngừng nghỉ. Mãi đến đầu niên hiệu Trinh quán (627) thời Tiền Đường, triều đình mở mang trì Đạo. Giềng mối các chùa, đều giúp cho thành đạt. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn ban sắc mời Sư làm Thượng tọa ở chùa Luật Tạng. Sư chứa nhóm hài hòa lý sự, xứng hợp với triều giao, lập tánh trong sạch thành thực, không đua tranh Vinh nhục, nên khiến cho hậu cúng lễ nghi đặc biệt, sắp xếp mời thỉnh. Khiến cả hai cung dựng phước khéo giúp, tìm nêu vật nghị bàn, đến bất cứ ở đâu cũng suy tôn Sư lên trước. sau đó, vua lại ban sắc mời Sư đảm nhậm chùa Tổng Trì. Vốn làm chủ chùa, Xuân cung cúng dường vật lạ, tùy theo mùa dâng đến, vì đoái lại lễ thọ giới.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Chúng tăng chùa Bảo Xướng thỉnh Sư giảng Kinh Niết-bàn. Bấy giờ, cảm có chim Trĩ mầu trắng theo người đến nghe Pháp, nhóm hay tan dần dần quen với giảng hội. Sư nối nhau truyền trao mãi đến tuổi già. Sư giảng kinh Niết-bàn tất cả tám mươi bảy biến, nương vào Tông chỉ, ít rơi lạc

vào thường luân. Và khi chùa Hoằng Phước mở ra việc Phiên dịch kinh điển, thì chọn Sư sung vào lo việc chứng nghĩa. chùa Từ Ân mới xây dựng, vua lại ban sắc mời Sư đến ở. Đến cuối niên hiệu Trinh quán (650) thời Tiền Đường, hơi cảm thấy nhẹ bớt, mới qua một tuần mà Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

Lúc mới nhiễm bệnh, hoàn toàn không đau, ít ăn không nói, trái với lệ bình thường. Và có mấy lần Sư đưa tay chỉ giữa hư không. Người hầu hỏi về nguyên do. Sư đáp: "Có hai người mặc áo đội mão mấy lần đến đây lễ bái, nên bảo thôi!" Sư lại bảo: "Hoa hồng ở Lục trì đẹp xinh tươi tốt, hãy đến mà thưởng ngoạn!" sau đó, Sư lại chấp tay, đưa mắt nhìn giữa hư không mà nói rằng: "Đại Đức La-hầu-la đến. Xin giã từ mà đi!"Nhân đó, Sư liền thị tịch, có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng viện. Hình khí Sư vốn trang nghiêm oai vĩ, cao hơn bảy thước, Sư luôn trầm lắng, giản đơn nhân ái, thương giúp cả kẻ còn người mất. mừng giận chẳng lộ vẻ, tiết tháo chẳng hiện bày. Người viết truyện chỉ trông xem khái lược về Sư, những điều yếu diệu hẳn nhiên là có lượt bỏ nhiều.

15- Truyện ngài Thích Nghĩa Bao trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô:

Thích Nghĩa Bảo, họ Tiết, người ở xứ Tấn Lăng thuộc Thường Châu. Là con cháu của tướng Mạnh Thường Quân đời Tề, là dòng dõi của Danh thần Tống Oánh đời Ngô.

Sư vốn có Thiên thể cao xa, bản tánh sáng suốt. Sau khi xuất gia, Sư chuyên vân du giảng nói, đi khắp xứ Cối Kê, thống ngự các Pháp Diên. Mới đầu, Sư theo Pháp Sư Tiểu Minh chùa Vĩnh Tịnh ở Tô Châu thọ học các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm. Ngài Tiểu Minh là con cháu kế thừa của Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng đời Trần. Là bậc chuyên kinh mạnh đáp, cũng là vị tăng tài giỏi ở đương thời. Sư thuận theo giáo nghĩa, thường thỉnh mời bàn nói, cùng việc thông xem. Nên Sư bèn từ giã đi sang núi Tấn Vân, đến chỗ Pháp sư Khoán chùa Vĩnh An Vụ Châu. Pháp sư Khoán đời Trần, trụ chùa Hưng Hoàng tụ tập hưng thạnh. Bấy giờ đang lúc pháp chọn, kíp động Thần cơ. Pháp chủ đã thị tịch, Sư bèn đi khắp các dòng để xem nghe, như đến chùa Thiền chúng ở Trường Can, đến chỗ Bố Công ở chùa Thê Hà, đều đủ các hình thức chiêm ngưỡng, gần gũi đượm nhuần các lệnh khác. Do đó, mà bốn Bộ kinh ba Bộ luận ở giang Biểu được suy tôn cao vời. Sư kính đội Nghiã diên, suy nghĩ bày chọn. Những bậc tài giỏi ở các phương khác cùng kính thờ biệt luân. Pháp Sư Khoán cũng khuyên Sư thực hành lễ truyền Đăng. Ngài mới theo đó. Sư bèn nghe theo Truyền kinh giảng Luận

hơn ba mươi năm. Sáng tỏa cùng Ngũ Hồ, vang danh khắp Tam Phụ. Sư thường đem Đại thừa Chí Giáo vốn xuất từ Vị âm đến Trung Nguyên truyền bá rộng rãi, bèn hưng khởi ở Dương Việt. Than ôi thuần vị không đâu chẳng thấm đượm.

Sau, Sư đến trụ chùa Pháp Tràng ở núi Kim Hoa thuộc Đông Dương, hoằng Đạo không mệt mỏi, thường ngày ngồi quên ăn. Khi đó, ở chùa Từ Ân tìm thỉnh các vị tài giỏi. Mọi người ở Kinh Ấp nhân Đạo phong của Sư, đem sự việc tấu trình. Nhà vua liền ban sắc thỉnh, lại phù hợp với nguyện xưa, Sư bèn vào triều. Bấy giờ, Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đang phiên dịch kinh điển, nắm quyền hành lớn mạnh, đang mở mang giáo hóa. Sư nghĩ xa hỏi, dùng để biên chép phiền tạp, cũng đã đến lúc dừng nghỉ, đồng rõ ràng chỗ sâu kín. Ngài Huyền Trang bèn vặn hỏi Kinh luận Đại thừa, không gì mà Sư chẳng thông. Hàng hậu học ở đời Đường phần nhiều ưa chuộng Danh thể, đam mê thành tánh như keo dán trụ giữ gốc, làm sao mở lưới để khai mở Huyền Chiếu? Thỉnh tông sở Học, chóng giảng được mười biến, khắc các môn vị, đồng thời đến quy y.

Bấy giờ, tại chùa Từ Ân mở rộng Hoằng Chỉ, Hữu Không dứt bỏ cả hai, bệnh và thuốc đều mất, mới có hạng người mang khí trừng mắt xấc lạo loạn khắp. Sư bèn kéo chốt mở quyết, bày tỏ thần khâm, dùng tam khai để trách, nghiên cứu năm câu để trừng trị, rõ ràng bao gồm văn nghĩa, gồm lược cả mê ngộ, kinh khó luận dễ. Trái ngược sự mê muội của thế tục ở đương thời, Sư bèn luận bàn giải thích kinh sâu, dạy răn ngày nay nghe khác với xưa. Do đó, mỗi ngày tại pháp tòa, trước tiên Sư xướng đọc thánh kinh, giảng phân nửa về sau mới sáng tỏ Hiền luận. Bấy giờ, những vị tài giỏi đều dự pháp diên, ngợi khen sự thần kỳ của Sư, kính phục sự bén nhạy biện cấp của Sư. Các hàng Tể phụ mang đội mũ lọng đều nghiêng mình kính ngưỡng đức âm, lưu luyến ngôn ngữ, biên chép gửi tặng không ngừng dứt.

Mùa Đông niên hiệu Hiển Khánh thứ ba (658) thời Tiền Đường, thời gian tế lễ cầu đảo mưa tuyết. Trong nội cung thiết lập Phước Đàn. Vua Cao Tông(Lý Trị) ban sắc mời Sư vào cung, bảo các Đạo Sĩ ở Đông Minh Quán luận bàn nghĩa lý, có Đạo Sĩ Lý Vinh lập nghĩa "Bổn tế". Sư hỏi rằng: "Đã nêu nghĩa là "Bổn Tế", vậy Đạo vốn ở Tế, hay Tế Vốn ở Đạo?" Lý Vinh đáp: "Cả hai đều được cả." Sư lại hỏi: "Đạo Vốn ở Tế, tức Tế là gốc Đạo, cũng có thể tế vốn ở Đạo, tức Đạo là nguồn Tế. Đáp: cũng được. Lại nói: Nếu Đạo và Bổn Tế trái nhau thì cũng có thể tự nhiên cùng Đạo lẫn nhau được tướng pháp?" Lý Vinh đáp: "Đạo

Pháp tự nhiên, Tự nhiên chẳng phải pháp đạo.” Sư lại hỏi: “Nếu Đạo pháp ở Tự nhiên thì Tự nhiên chẳng phải Pháp Đạo. Cũng có thể Đạo vốn ở Bổn Tế, nhưng Bổn Tế chẳng phải Bổn Đạo ư?” Lý Vĩnh đã bị hỏi vặn, không thể đối đáp, bèn đánh lãng giễu cợt rằng: “Đã gọi ta là Tiên sinh, thì ngươi trở thành đệ tử ta.” Sư bảo: “Đối đáp lời Thánh, luận bày rõ tà Chánh, dùng để phân biệt tâm vua. Hạng người cắt cỏ lượm củi giễu cợt đùa bỡn phiền nhiều được trời nghe. Tuy là, không nói thì chẳng đáp nhưng hãy vì cùng đáp: Ta là đệ tử của Phật, do vì tôn thờ Phật làm thầy, ông đã xưng là tiên sinh thì tức là sinh trước Đạo đó là Đạo Tổ”. Khi ấy, Lý Vinh thẹn thùng không đối đáp được, bèn xuống tòa. Lại bảo Sư nêu dựng Nghĩa. Sư bèn dựng Nghĩa Đại Trí Độ, Lý Đồ tuy hỏi vặn, nhưng Sư tùy theo lời liền xóa bỏ. Khi đó, Vua Cao Tông rất vui mừng, cả nội cung đồng khen ngợi. Lý Vinh không thắng được Sư, nên tức giận bảo rằng: “Giải nghĩa như thế, đâu phải là xa, chỉ từ xứ Ngô mà đến.” Sư nói: “Đất của Tam Ngô vốn lưu xuất các bậc anh hiền. Còn hàng thân chó mắt ngang xưa không người vật.”

Từ đó về sau, các chùa liên tục thỉnh mời, phần nhiều Sư giảng Kinh Pháp Hoa, Kinh Tịnh Danh, Trung Luận, Bách Luận v.v... cho người đương thời. Đến niên hiệu Long Sóc thứ nhất (661) thời Tiền Đường. Vua Cao Tông xa giá đến Đông Đô, tìm thỉnh mời Sư đến. Sư từng vào nơi cung cấm, luận nghĩa ngang dọc. Sư mới đến trụ chùa Tịnh Độ, giảng giải kinh luận, bảy chúng rong ruổi, các vị đều đến, tiếng tăm tài giỏi của Sư càng vang xa.

Sau đó không lâu, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa Tịnh Độ, thọ năm mươi mốt tuổi. Kẻ tăng người tục buồn bã, lo lắng Pháp môn sớm bị che đậy. Hoàng thượng buồn thương viếng điếu rất lâu, bèn ban sắc đón rước Kim Quan Sư về chùa Pháp Tràng ở núi Kim Hoa, cấp tặng mọi vật lễ tang, vang khắp xa gần.

Luận rằng: Từ khi Phật giáo truyền đến phương Đông, trải qua thời gian tuy xa, mà điều xướng thuyên phủ, mở dụ Tinh linh, có thể nói sơ lược.

Xưa kia, vào thời Hậu Hán, Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) nằm mộng, hai ngài Ca-diếp-ma-đằng và Trúc-pháp-lan đến Lạc Dương, mở thông tỏ ngộ kẻ tăng người tục, chỉn dẫn Tà chánh, nên khiến người đương thời đồng một lúc tự nhiên đổi thay cách nhìn nhận. Nếu chẳng phải là bậc Đại Biện Tuệ thì lấy gì để làm sáng tỏ, thế thì giáo vốn mở mang chung. Tông kết quy về nghĩa cử, bàn nói thật dễ, mà nhận biết thật khó. Thường bị hạng người sai lầm truyền trao, Tịnh Danh

quở trách mất cơ, đều vì đắm chìm trong Điển Cáo, dùng mở tề duyên. Thuốc bệnh giúp nhau mê đó giác đó. Huống gì giáo điển lưu truyền đã hơn ngàn năm, tình thức bị ràng buộc trong năm thứ uế trược, dẫn lý Từ-đàm đâu thể không rối rắm. Được ở sự truyền bá mở mang, mất ở sự huân tập.

Vào đời Tấn có Sa-môn Đạo An riêng mở bày Luận Chỉ, chuẩn đích ở Tiền Thánh, lường xét Nghĩa Phương, giảng sớ chú thuật. Mới đầu mở đường rộng, xa gìn giữ truy tìm vết tích ở xa xưa, mong mở mang mà lưu truyền hương thơm. Nên người soạn lời tựa đề rằng: "Hoà-thượng Đạo An đục thủng đường hoang để mở vết, nêu Huyền Chỉ nơi tánh Không, dứt bỏ cách nghĩa đã qua, mở Thần Lý ở đời sau." Còn như Sa-môn Đạo Sinh một mình riêng cao vợi, chỉ nghĩ ở đương thời. Sa-môn Đạo Lâm nhận thức sâu xa, nêu lý mới mà sửa đổi sớm. Từ đó về sau, noi theo các phong hành khác. Tuy nói là khác dấu vết, nhưng có thể biết. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương trang nghiêm khoanh tay trị vì đất nước,kính phụng hộ trì. Đầu niên hiệu Thiên Giám (502) bỏ tà quy chánh, tâm tưởng nơi Phật Lý, đào luyện tư duy sâu mầu. Tại Điện Trùng Vân lập giảng hội, thính chúng có ngàn vị tăng. Xây dựng nghĩa diên, pháp hóa thông hợp, chế luận năm thời, chuyển bốn phương đẳng. Chú giải Kinh Niết-bàn, dùng tình chưa rộng, lại trình bày Kinh Đại Phẩm phát minh nghĩa sâu kín. Đương thời Thiên Hạ vô sự, nước nhà hưng thịnh. Phong hóa lan tỏa khắp cùng nơi hoang phục. Làng vua Chung sơn, chùa Báu cùng đến. Các chùa Danh tiếng ở Đô Ấp có hơn bảy trăm ngôi. Thưa hỏi Văn lý thường thường rối rắm.

Bấy giờ, có ba vị Đại Pháp sư là Sa-môn Vân, Mân, và Tạng, vừa mới lên đường, lại gọi là các vị tài giỏi, rót chước Luận Thành Thật đều nhanh chóng dẫn trước. Xét định người xưa, đều là cất chứa phải chăng? Vì sao như vậy? Vì như giảng giải, truyền trao Kinh giáo bổn Tông, trích Văn suy nghĩa, tình còn có chỗ mất, làm sao được bỏ gốc tìm ngọn, ý lời dẫn dùng, mỗi ngày giảng nói hoằng hóa. Chỉ nêu cao Huyền Chương, chẳng thấy luận văn, đến lúc bạc đầu. Cứ ở địa vị như thế thì chưa thể gọi là "nối tiếp làm hưng thạnh". Nếu là Lập Văn Bổn Tông, thì thật đến trong vườn nghĩa. So với chỉ trăng thì chẳng sai với khuôn phép. tùy Văn có năm điểm mất, lại mở mang hoằng giới. Nhưng Giáo là nơi Lý nương tựa, Lý tùy giáo mà hiển bày, nương vào giáo mà thông rõ Lý, mở rộng giáo là do người. Y cứ theo đó mà vâng hành, hẳn nhiên là có nhiều lầm hoặc. Nếu trái với thí dụ này thì đâu khế hợp nhau được, khiến cho ngón tay chỉ lẫn nhau của ba Pháp sư đời Lương là sai lầm. Xét văn lầm loạn,

thể có đặt lời. Nghĩa là do tình cầu, tình đâu cậy nương trong đó. Nếu như có đạt được Luận Tông, trang nghiêm thành phong cách, Vinh quang cả kẻ tăng người tục, hạnh nghiệp cùng bao gồm thì chỉ có một người là Sa-môn Trí Tạng ở chùa Khai Thiện. Ngoài ra thì tuy Tuệ giải là giỏi mà nghi phạm còn nhiều xen tạp. Chẳng phải không có mười vị tài gỏi xuất chúng vâng tu theo Tế hạnh, nhưng Định học nhiếp tâm thì chưa nghe ở đời, nên lược nói như vậy.

Vua Thái Tông Giản Văn Đế (Tiêu Cương- thời Nam Lương), xưa kia khi ở Đông Phủ, gửi tâm trong pháp mầu, đọc xem khắp Huyền Chương, tâm chí quy hướng về Bát-nhã. Chích lấy máu tim mà viết mười Bộ. Lại soạn Pháp Tập, Liên Bích, mỗi thứ đều hơn hai trăm quyển. Nhưng vì về sau gặp quẫn bách trói buộc nên khiến chúng tăng không nghe. Đến thời vua Trung Tông Hiếu Nguyêlà người thể Ngộ sâu kín, càng tin tưởng cao sâu. Với các Bộ Kinh Pháp Hoa, luận Thành Thật, vua thường tự giảng nói. Có Sa-môn Đạo Khản là bậc đức lớn tài giỏi đương thời, nghiệp bao trùm cả thông Hiền, biên soạn mới lạ. Vua rất tôn trọng, kính phụng, tôn làm Tăng Chánh. Mở rộng Học phủ, rộng mời các nghĩa Tăng, lại vâng theo vết cũ, cửa nhà đổi khác. Từ thời các vua Tuyên Đế (Tiêu Sát) Minh Đế (Tiêu Quy) thời Hậu Lương về sau, việc phước tuy rộng lớn, nhưng giáo lý thì bị ngăn che đầu mối. Còn năm vua ở đời Trần, trong đời gặp lúc hỗn loạn, ở Kinh Ấp, chùa chiền, tăng chúng bị giết bị đốt gần hết. Và đến lúc mới được sửa sang lại, tiếp đòn tay nối liền rui, đắp lại nền tảng như thời nhà Lương, mở cửa Phước tuệ, ở đời gọi là Nan kỷ. Các bậc Danh Đức thắng hạnh chắc chắn là có khả năng truyền. Tuy được năm, ba nhưng mất lại nhiều chỉ lo là thiếu các truyện khác, và thời đều mất. Đối với việc nầy thật đáng buồn! Còn như các ngài Diễm, Tước đến xứ Ngũ Hồ, các ngài Vinh, Lãng đi khắp cả Tam Sở. Hai Quỳnh vì cứu giúp mà truyền đời, hai đẳng vì Hộ Pháp mà tiếp nối. Đức lớn mở rộng. Đến Bắc nghiệp rất được sáng rỡ. Lúc mới dời Đô cơ cấu nền tảng rất nhiều, gồm sáng lập đạo tràng, dứt bặt hết lưới Ma. Nên khiến các bậc Anh tuấn nhóm họp như rừng, nghiệp chánh như mây nhóm. Mỗi lúc kiến lập Pháp diên, thính chúng có hơn ngàn vị. Các Sa-môn Tuệ Quang, Đạo Phùng thực hành khuôn phép chung. Các Sa-môn Pháp Dung, Tuệ Viễn đoái nhìn tranh giành quyền hành. Nhưng mở vạch Chương Đồ, giải thích từ nghĩa đều suy tôn ngài Quang Thống làm lời nói trước, há chẳng phải là xướng Cao họa ít, riêng bày xưa nay? Tức là lãnh tụ có cơ phong bén nhọn, mới là khuôn phép của muôn đời. Nhưng ngài Tuệ Quang lúc đầu học theo Luật Tông, về

sau thông rành giáo lý, thơm tho tươi đẹp, hương thơm bay xa. Quán xét thành cây, xương cành phân bố lông mắt. Ý còn Hành hóa, lấy hộ Pháp làm gốc. Do đó các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận đều ở địa vị giềng mối khuôn mẫu, khắp đến ngày nay thành Tụng không bị rơi lạc, là vì nguyên do ấy.

Vả lại, Phật Pháp truyền đến phương Đông, ở đời gọi là hoằng bá. Luận về sự tươi tốt thì chẳng lúc nào hưng thạnh bằng thời nhà Lương, nhà Tề. Nên lúc Vua Võ Đế trị vì (502-550) noi theo tiếp thừa Hộ Pháp. Giới Định Tuệ Phẩm chẳng phải un đúc, Vua thọ trì mười điều lành, mỗi ngày sáu thời hành đạo chẳng thiếu sót, dứt bặt các thức ăn tanh nồng, ăn chay trường đến trọn đời. Nói làm cùng xem xét thật đáng tôn nghiêm. Từ lúc có Đế Vương về sau ít có người có khả năng phỏng theo. Bấy giờ, chư tăng thấy vậy, nghĩ muốn mình cũng phải làm sao cho bằng. Các Hàng dốc học chí thành phần nhiều phô bày Tế Khí. Khi vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề trị vì đất nước, Quyền dụng chẳng thể nghĩ được, hoặc xuất hoặc xử, hàng tiểu tiết chẳng nghĩ lường, chợt trí chợt ngu, kính tin sự khoáng đạt của bậc Đại nhân. Đến như tôn kính Phật lý, bắt chước tiếp thừa giới hộ, từng trải tóc dưới đất để Sa-môn dẫm bước qua. Lại hay đốc suất trong nước, cấm đoán rượu thịt, phóng thả các loài chim săn chó săn. Các việc săn bắn chài lưới giết hại, khắp cả nước đều chẳng được làm. Mỗi năm ba tháng sáu ngàng khuyên dân chúng hành trì trai giới. Các thứ Hành hẹ dầu của công hay của tư đều phá diệt hết. Lại lập ngay Chiêu Huyền Thập Thống để làm thanh tịnh chánh pháp, khiến cho cả hai trăm muôn chúng đều yên ổn tiếp nối không vướng mãy trần. Chỉ một mình Sư là người có công.

Đến đời vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) niên hiệu Định nghiệp, thời Bắc Chu khắp Tần Xuyên mở lớn Thích Phủ. Sa-môn Đạo An lại xứng Hoằng lượng, giáng lễ nơi cung triều, bày kính khắp Hoa Di, dẫn sông ngòi của Long Thọ, ảnh hưởng kiệu lọng của Di Thiên (Thích Đạo An) khắp chốn võ phục, Đạo nhờ văn mài mở rộng, công phu khai mở mê mờ rộng rãi chính là kinh lược. Chỉ vì Vận gặp lúc Đạo bị tiêu diệt, nên đến tuổi trung niên, nhà vua bèn hủy báng, tuy bày hiển luận nhưng chẳng biểu hiện sâu xa, bệnh ong thành châu ngọc, trọn ở nơi thân thế. Cuối cùng có Sa-môn Vong Danh lại tiếp lỗi ấy, uất ức nghèo bệnh, vùi lấp gặp nhung tục. Khi vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân 579 thời Bắc Chu) lên ngôi liền sửa đổi chính sách của triều đại trước, kinh tượng dần mở mang, trai hội được thiết lập, mà thiếu hóa độ, sáng lập nghĩa học còn

yếu.

Đến đời văn Văn Đế (Dương Khiêm, 581-605) đời Tùy, mang độ ở tại thân, chuyên mở mang Phật Giáo. Đầu niên hiệu khai Hoàng (581) xây dựng nhiều Nhân từ. Nơi có chư tăng hành đạo đều xây dựng chùa chiền, thỉnh các Học Đồ đều nhóm họp về kinh đô. Trong đó Cao Đệ tự là đẳng cấp. Nên có hai mươi lăm chúng cao vợi liệt bày ở Đế Thành. Tùy theo kính mến học phương, mặc ý bày hoằng hóa. mỗi ngày lên điện xếp hàng bảy vị tăng đọc tụng các kinh và khai giảng nghĩa lý. Mắt vua thấy được muôn cơ mà tai nghe được chánh Pháp. Bấy giờ, Phật giáo lại mở mang cao thoáng, tuy giảm bớt so với thời nhà Lương, nhà Tề, nhưng cũng truyền đạt ở đời sau. Có Sa-môn Tuệ Viễn là bậc Khai sĩ còn lại của đời Tề, là Cao tăng ở đời Tùy. Mới đầu đến Đế Thành liền trình bày giảng bàn. Chư tăng siêng năng thưa hỏi có hơn bảy trăm vị, đạo pháp hoằng hóa hai phần ba trong Thiên hạ, ngoài ra các bậc Minh thắng nối nhau ngang bằng, như Sa-môn Tăng Xán là bậc Luận sĩ nổi tiếng, ngài Tuệ Tạng được gọi là nhận biết sâu mầu. Ngài Tăng Hưu thông hiểu Đại Luận, ngài Pháp Kinh khéo thể nhận nguồn giáo. Ngoài ra có rất nhiều các anh tài, long tượng chẳng thể biết hết. Trong đó hơn cả có Sa-môn Đàm Diên lại là bậc Cao Kiệt. Còn như ngồi tại giường Vua, giảng bày Thanh giáo. Đến nỗi khiến muôn thừa đầu đảnh lễ sát chân, đức của Sư cao lớn như thế.

Khi Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy lên nối ngôi, càng vang xa tiếng thật. Ngài Đạo Trang trông nhìn lời ở trong ngoài. Ngài Pháp Luận lễ ngự ở trước sau, cùng nguyện mở mang sáng ngời nơi Lưỡng Đô. Mạnh thoát dàn bày vẻ đẹp ở Chu Lỗ. Đức dày lòng nhân lại khó thêm. Lúc đầu lên ngôi ở Tấn Để. Các đạo tràng Tuệ Nhật, Pháp Vân rộng bày chư tăng. Các Quán Ngọc Thanh, Kim Đổng dẫn đầy Đạo Sĩ. Một nghề có xứng, ba trưng quán riêng, bánh xe Pháp xoay mãi, đuốc tuệ luôn tỏ. Phong hóa khắp cùng, Đàm Diên lại xa. Bấy giờ, các bộ kinh luận lại có nhiều và dồi dào. Đời gần dễ gọi, không nhọc phải trình bày.

Đến triều đại Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) trị vì đất nước, việc Đạo là Cao cả, sáng tỏ nghĩa Học mới là rộng xa. Đạo phong người ấy đâu dễ nói bày, liền nương gá mà nghe cho nên lược bỏ chỗ đến mức. Nhưng các Sa-môn Hạo, Bích kháng âm thanh ở Kim Lăng, sa-môn Thường và Biện mở mang ở Tam Phụ, sa-môn Thâm và Ý nổi danh ở Lưỡng hà, sa-môn Cơ và Cảnh nêu tông tại Ngọc Lũy. Và ở Trinh Châu, Tấn Châu thì hai Đạt mở khai khuôn phép, ở Tề Châu, Lỗ

Châu thì sa-môn Mật và Tài trình lược, sa-môn Nhuộm và Hội phân tích phù hợp, thường ngày kính trọng danh giáo. Các ngài Huy và Không thường ở tại chỗ ngồi, mà ngài Tung và Trạch kính ngưỡng nghĩa môn đó. Bổn ghi ở đương thời có lẽ thiếu sót, nhưng đức hạnh các ngài ấy chẳng phải không có, ánh sáng tiếp nối gồm tỏa. Các Luận sư chú giải biên soạn, thường lấy Chương sao làm khéo, xét văn dẫn nghĩa kính ngưỡng thuận theo khuôn phép trước, đồ chúng đông nhiều sửa đổi bày sai không dẫn dụ. Hoặc biên tập tiếp nối thiên thước, hoặc lẫn lộn hỗn tạp sự thấy biết ở đương thời, hoặc nói theo tuồng bụng, văn từ nghĩa lý trái nhau, hoặc trộm Văn người khác, ý nghĩa bít lấp, đều khắc thành mạng thị, vang vọng một thời. Giữa khoảng nói và làm cách nhau như sông Hà sông Hán, vốn thật là Tà Cầu, vọng thừa truyền giáo. Xét về ý vốn như thế, có thể gắng gượng ư?

Vả lại từ khi Kinh giáo lưu truyền khắp cùng, vốn ở thọ trì, Đại tập hiển bày văn của pháp hành, Niết-bàn làm sáng tỏ thuyết biết thời. Nay thì Bà-sa Chương cú lưu diễn tràn đầy, các thứ Hữu chưa phải là tĩnh nghiệp. Giáo nghĩa siêu sinh đâu phải ý như vậy? Quý ở chỗ như Thuyết mà làm, ấy mới thật là yếu chỉ. Nên nay giảng khách đang ngồi, biên chép Văn nghĩa. Sự trống rỗng ấy lại rộng lớn, lấy gì làm sáng tỏ ư? Vả lại, như Thánh hạnh các phép hữu lậu từ xưa đến nay vốn bặt lời. Duy thức lìa niệm mà đua nhau trình bày về hoạnh tưởng. Thọ học Tỳ-đàm mà làm theo giới ác, lại kính thờ đó là người thông tuệ. Nghe học Kinh Lăng-già mà ưa thích sự ăn uống, lại dùng làm thông cực. Dối tráo kẻ thế tục mù mờ, lấn lướt bậc Hiền giả ngày trước. Liếc nhìn Thiên Hán, xem thường giới cấm. Cho tà tuệ là chân giải, lấy loạn thức làm viên trí, chẳng sâu tỏ ngộ, uổng mất tháng ngày. Cho nên khiến nói pháp chim trời trùm khắp niệm xứ, Bàn-đặc ngu già, đủ nêu Hiền ngu. Biện luận tài giỏi khác ở đời trước, nói lên Hậu báo ngu ngơ, rõ ràng như thế, có thể chẳng dạy răn ư!

Lập bày luận nghĩa, vốn có bốn điểm, đó là: Hoặc kích dương để làm sáng tỏ Đạo lý ấy, yếu chỉ sâu mầu nhờ đó được khai mở. Hoặc ảnh hưởng vì thổi lên cơn gió ấy, tuệ nghiệp nhờ đó được dựng lên rộng rãi. Hoặc có tâm nghi thưa hỏi để làm sáng tỏ nghi quyết. Cốt yếu chánh là Đương Cơ, hoặc khoe khoang để dối gạt Hiền giả ở đương thời. Đặc định Văn từ để nhổ mũi tên ngu, gá duyên có bốn điểm như thế, thông rành ở chỗ không cơ hiểm, ắt việc lấn lướt trở lại phù hợp với súc sinh cầm thú. Cho nên Luận Sĩ ở trong đời hợp hội Thanh nhu, việc mới đầu ngậm chứa, đến cùng thành hãm độc. Tiếng tăm ai thưởng, cảnh

giới chẳng phải phàm, đồ chúng đông nhiều, chống cự xoay chuyển, rốt cuộc kết quy, mài mòn nỗi lòng. Nên có Luận của Vương Bân đều làm sáng tỏ thế của rắn Sâm, hợp với nhà trống, chủ chốt gồm khéo lời. Nghe luận Đạo ấy chỉ nghe lời giết chết. Xem Dung sắc ấy chỉ thấy tướng phân bày, và tạo tác nghiệp về sau. Hoặc sinh đọa vào quả báo loài rắn, hoặc lưỡi cháy bỏng trong cổ họng. Hoặc Sa-môn tăng tướng ở địa ngục dẫn tiếp đời sau ấy, hoặc lửa dữ thiêu đốt lỗi lầm ngày trước. Nghiệm ở lầu núi của Sa-môn Ngạn Tông, lại có thẻ răn bảo.

Cho nên biết đạo nhờ ở người mở mang, chẳng phải người không thể nói Đạo. Há nói nghĩa phủ đều như thế ư? Nên Ngài Trí Tạng để lại vết trần, ngài Tuệ Quang tiếp nối sau, Tông ngưỡng sắp bày, đâu có dấu vết ư? Sa-môn Đàm Dụ là bậc hạnh giải cùng cao, giáo điển nội ngoại đều thông hiểu, cũng là người khó gặp ở đương thời, nhưng lập tánh cứng rắn, nghị lực cao vời, chẳng có ai bày. Người hầu rơi đổ cả mồ hôi mới có thể làm bậc thầy khuôn phép. Người đời hoặc gièm chê luận, lấy đó làm trước, đó cũng chẳng sánh đức mà trông xem. Nói tục mà đàm luận cuồn cuộn như gió thổi. Tâm ái buộc kín chưa thăm sở đoản ấy mà dung nhiều vết lụy. Thấy tâm máy động. Hoạ phước gấn nhau. Nếu chẳng biết trước, làm sao thành răn bảo, khiến cho Dụ Công rỗng đượm như thế, nếu xoay lại tìm ở chính mình, thì lời ấy tự mất. Cho nên Tuyên ni lưu không có từ ngữ đầy đủ, Cư sĩ đặt ra luận chưa khinh, thật có nguyên do vậy?

Ở đời, có Sa-môn Tuệ Hưu là người nối pháp ngài Linh Dụ, học luận Tạp Tâm mà sợ phạm tội nhỏ, nhận lễ làm thầy mà đích thân bưng Bình bát, pháp y. Gặp nạn mà lại lập tịnh trù, vào nguy ách mà dạy răn sâu cấm ước. Nhân, pháp đều đầy đủ, Tuệ giải thông suốt huyền vi, Chương sớ lưu hành, Tụng làm Châu Ngọc, còn sợ không phải là nghiệp trước! Ngoài ra thì nên nói lược.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 15 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 16

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 1 CỦA CHƯƠNG III

(Chánh truyện có hai mươi ba vị, phụ có mười lăm vị)

1/ Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn, thời Nam Lương.

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn, thời Nam Lương (Tuệ Sơ).

3/ Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, thời Nam Lương (Pháp Quy, Tuệ Cảnh).

4/ Truyện Thiền sư Phật Đà- người Thiên Trúc ở chùa Thiếu Lâm thuộc Trung Nhạc đời Ngụy.

5/ Truyện ngài Bồ Đề Đạt Ma- người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ, thời Nam Tề (Đạo Tiêu)

6/ Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề (Hướng cư sĩ, Hóa Công, Liệu Công, Pháp Lâm, Tăng Na, Tuệ Mãn).

7/ Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự, thời Bắc Tề.

8/ Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn, thuộc Nghiệp Tây, thời Bắc Tề.

9/ Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương, thuộc Nam Ung Châu, thời Hậu Lương.

10/ Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn, đời Trần.

11/ Truyện ngài Thích Pháp Thường ở núi Phúc Thuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

12/ Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Trường Sa thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

13/ Truyện ngài Thích Pháp Lẫm ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

14/ Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang, thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

15/ Truyện ngài Thích Pháp Nhẫn ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.

16/ Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô, thời Bắc Chu.

17/ Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô, thời Bắc Chu.

18/ Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô, đời Bắc Chu

19/ Truyện ngài Thích Đạo Chánh là Sa-môn tu hạnh Lan-nhã ở Thương Châu, đời Tùy.

20/ Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêu ở Hoài Châu, đời Tùy.

21/ Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, đời Tùy.

22/ Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh Đô, đời Tùy (Bùi Huyền Chứng).

23/ Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu, đời Tùy (Pháp Vĩnh, Sầm Xà-lê, Trí Hiểu).

1- Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn:

Thích Tăng Phó, họ Vương, người ở huyện Kỳ thuộc Thái Nguyên. Thưở nhỏ Sư đã chẳng đùa cợt, xét soi vượt qua mọi người. Khi qua độ tuổi tiểu học, nhận thức của Sư đã thành cảnh hạnh, khắp trong làng xóm đều gọi Sư là Kỳ đặc. Không bậc Nhân giả nào vượt hơn Sư. Tánh Sư ưa thích định tĩnh, đi chẳng kể xa gần, Sư mang lương thực tìm thầy học đạo, nơi nào cũng đến.

Bấy giờ, có Thiền sư Đạt-ma là bậc khéo trông suốt Quán hạnh, đi khắp các hang động, nói năng sâu rộng. Sư bèn xuất gia với Ngài. Nghĩa lý không phải hỏi lại, chỉ một lần nghe là thấu suốt hoài bão, tìm xét đầu mối, là chỗ y cứ của Định học. Sau, Sư đi khắp các trường giảng, xem hết các kinh luận, và biết rằng học chỉ vì mình còn bậc Thánh thì vô ngôn.

Vào niên hiệu Kiến Võ (494-498) thời Nam Tề, Sư đi về hướng

Nam đến Dương Liễn, dừng trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn. Sư rất yêu thích rừng chầm ở đó, được gá tâm vào cảnh tươi đẹp. Hạnh vượt cả băng sương, lời nói rất được kính tin. Ngoài ba Pháp Y, sáu vật tùy thân, Sư không chứa để thêm một thứ gì. Những lúc Sư vào làng, kẻ tăng người tục đều chiêm ngưỡng. Các bậc Vương Hầu hỏi đạo Sư từ chối không giảng, chốn cung vi gần trong gang tấc nhưng Sư không hề đến yết kiến, thăm hầu. Hạnh Sư làm gương mẫu cho người, Tăng tục đều chú ý. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương vốn kính mến Đạo phong thanh bạch, của Sư nên ngợi khen tán thưởng, bèn bảo thợ xem xét căn phòng ở chùa Khai Thiện để tiếp đãi Sư, vì ngại Sư có ý tưởng núi rừng nên làm như vậy. Sư thường rão bước đến cửa, chống gậy mà than rằng: "Nhà tường bao quanh, ngõ cỏ lấp bít, há ngồi trong đó mà lấy làm vui, sao quý rộng lớn mà khinh thường cỏ tranh ư? Vả lại, an định mà hay dời đổi. Điều ưa chuộng của người xưa sao lại trệ ngại nơi đây, dùng để thưởng ngoạn tai mắt ư? Sư để tâm ở Mân lãnh, quán Nga My kia. Gặp Tây Xương Hầu Tiêu Uyên Tảo ra trấn nhậm tại Thục Châu, Sư mới rủ áo nương theo đi đến Tỉnh Lạc. Tuy đường phải đi qua cửu chiết mà chăng quên Tam niệm. Lại vì ít ưa thích kinh sách nên cầm quyển mà lặng thinh, động dời thêm lỗi, khiến cho Thiền Pháp ở Dung Thục nhờ đó được hưng thạnh.

Lâu sau, Sư lại trở về Kim Lăng, lại trụ chùa Khai Thiện. Trước kia tại núi ở Hồ Dực có vị Thần hiện đem "Tuệ Ấn Tam muội" trao cho Nam Bình Vương Quán, vì bệnh mà thực hành trai pháp ba tuần. Nếu không hiểu pháp này thì đến hỏi Sa-môn Tăng Phó!" Khi đó, bèn đem đến hỏi Sư. Và quả nhiên đó là Pháp mà Sư đã từng hành trì. Nam Bình Vương Quán bèn thực hành cúng trai, bệnh được lành mạnh bình phục. Há chẳng phải trong nhân ngoài kết cấu giúp nhau khởi lên hay sao. Không bao lâu, Sư qua đời tại chùa Khai Thiện, thọ sáu mươi mốt tuổi, lúc đó nhằm niên hiệu Phổ Thông thứ năm (524) thời Nam Lương. An táng Sư ở ngoài Đô Môn của chùa Định Lâm hạ. Vua Võ Đế vô cùng buồn thương, ban sắc cấp tặng.

Lúc trước khi bị bệnh nặng, có người khuyên nên tu phước, Sư bèn dốc sức trong cơn bệnh ngồi dậy, cố gắng bảo rằng: "Dùng của cải để kéo dài mạng sống là cách Xa Đạo! Mọi vật trong phòng tôi đều cúng thí cho Chiêu-đề tăng. Nhục thân tôi sau khi chết chỉ nên đem bỏ trong hang núi để cấp thí cho loài cầm thú no đủ, như vậy chẳng tốt hơn ư? Chớ nên xây dựng quan quách mộ tháp mà trái với ý tôi!" Môn nhân Đệ tử than khóc, chẳng nở làm theo lời Sư, cùng nhau khắc văn bia để

khen ngợi đức hạnh Sư. Và Công chúa Vĩnh Hưng là người vốn có tâm quy tín, đến trình với Đông cung xin soạn văn bia đó. Có lệnh sai Tương Đông Vương Dịch, dựng bia ở tại chùa.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn:

Thích Tuệ Thắng, người ở Giao Chỉ, trụ chùa Tiên Châu, gá thân chốn rừng chầm, tâm rảnh rang ngoài vật. Ngài tụng Kinh Pháp Hoa mỗi ngày một biến. Năm tháng chóng trôi qua, Sư ăn mặt tiết chế, chỉ đủ che thân. Sư học các Pháp Quán hạnh với Thiền sư Đạt-Ma-Đề-Bà người ngoại quốc. Mỗi lần nhập định thì mãi đến sáng hôm sau mới xả.

Có Lưu Tích ở Bành Thành ra trấn thủ Nam Hải, nghe đạo phong của Sư nên sai người thỉnh cùng trở về. Nhân đó, Sư đến trụ chùa U Thê, giấu kín tông tích, thường tỏ ra như người ngu dốt. Song, những người ở lâu thì kính trọng Sư, người học thiền rất mến quý. Trong chùa U Thê không có nấu thức ăn, chỉ đi khất thực, rất tuân theo sự thanh kiết cần kiệm.

Niên hiệu Vĩnh Minh thứ năm (487) thời Nam Tề, Sư dời về tinh xá Diên Hiền ở Chung Sơn. Từ thuở nhỏ đến lúc tuổi già, tâm Sư luôn trong trắng chân chánh. Đến niên hiệu Thiên giám thứ năm (506) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tịnh Danh, có Thiền sư Tuệ Sơ, là người xứ Thiên Thủy thuộc đất Ngụy. Ngài chỉ ở trong thai mẹ bảy tháng thì sinh. Vừa mới có sự nhận biết, Ngài đã thích thực hành thiền niệm, có lần ở chỗ rỗng rang phòng nhà trống vắng, không hay biết sấm sét nổ vang. Khi đó hẳn là Sư đang trú tâm nơi tĩnh lặng sâu mầu, không thể lường được, Chí Sư cao xa trong lắng, vượt ngoài người vật. Về sau, Sư đến nước Lương, trụ chùa Hưng Hoàng. Thường ở trong phòng vắng nhiếp tĩnh, ngọc khuê chương chiếu sáng bên ngoài. Kẻ tăng người tục đến thưa hỏi giáo Pháp, tiếng tăm vang xa khắp cả Hoàng Ấp. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) bèn xây dựng thiền phòng tại chùa Tịnh Danh để Sư trụ ở đó, suốt bốn mùa cung cấp cúng dường. Kẻ tăng người tục nhóm họp thưa hỏi Phật pháp. Sư vốn có hoài bão lớn lao, giữ chí thuần trọng. Với các hàng vương công cao quý, Sư chẳng hề đến nghinh hầu.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ năm (524) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, an táng tại phía bắc núi Chung Sơn. Đệ tử Sư là Sa-môn Trí Ngung dựng bia bên cạnh tháp mộ Sư, Ngự sử Trung

Thừa Ngô Quân Lục ... soạn lời văn.

3- Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu:

Thích Đạo Trân, không rõ Sư là người xứ nào. Đầu thời Nam Lương (502) Sư trụ ở Lô Sơn, thường hành trì Quán tưởng Đức Phật A-di-đà. Mộng thấy có người cưỡi thuyền đi giữa biển lớn, bảo là "đi đến cõi nước Phật A-di-đà!" Sư muốn cùng đi theo, người trên thuyền bảo rằng: "Sư chưa tạo nghiệp Tịnh độ, phải xây dựng phòng, tắm, tụng kinh A-di-đà". Khi tỉnh giấc, Sư bèn thực hành y theo giấc mộng. Trải qua nhiều năm tháng thì cái ao nhỏ trong phòng có giáng một cái đài bằng bạc trắng. Người đương thời không biết, riêng mình Sư ghi lại sự việc ấy cất dưới đáy hòm kinh. Và đến lúc Sư thị tịch, ngay đêm đó, từ lưng chừng núi trở lên như có xếp bày mấy ngàn ngọn đuốc. Mọi người ở thôn gần trông thấy cho đó là các Vương Hầu thăm lễ, sáng sớm lên núi tìm xem mới biết là Sư thị tịch. Và cho là điềm lành minh cảm ngoài ứng. Sau đó, nhân tìm kiếm trong kinh mới biết về Bổn Sự vãng sinh của Sư, bèn ghi lại để chỉ dạy cho hàng hậu học.

Bấy giờ, trên đảnh núi ấy có một ngôi chùa, có Thiền Sư Pháp Quy, vốn ở Hán Âm thuộc Tương Dương. Sau khi xuất gia, Sư chuyên tu định tĩnh, cảm mộng có vị Thần đến thỉnh Sư bèn đến Lô Sơn đi khắp các chốn, bỗng nhiên tỉnh giấc. Sư bèn theo như giấc mộng mà tìm đến. Nhưng vì Lô Sơn từ khi mới sinh đến giờ, Sư chưa từng đến. Tới lúc sang đó, thấy cây đá chùa tháp giống như trong mộng, Sư mới biết là Thần ở Lô Sơn đến thỉnh, Sư bèn y cứ ở đó xây dựng am thất, sớm tối tiếp nối đại nghiệp. Và Sư thị tịch tại phòng nhà ở núi ấy!

Bấy giờ, lại có Thiền sư Tuệ Cảnh là bậc thanh tịnh cao vời xuất chúng, chẳng sánh vai với Đạo tục, riêng mình ngài tu hành ở chốn núi rừng, lấy thiền tuệ làm chính. Sau khi Sư thị tịch lại bị co quắp hai ngón tay. Có người vuốt ra thì tay duỗi nhưng rồi lại co quắp như trước, cho nên trong truyện ghi là Sư đã chứng đắc Nhị quả. Ngay buổi sáng Sư thị tịch, các cây thông trên đảnh núi đều mưa Cam Lộ. Nên nay gọi là đảnh Cam lồ. Lúc bình sinh, Sư thường cảm có hai chim cứ đúng giờ thì đến xin ăn, đến khi Sư thị tịch thì dứt bặt dấu vết tại núi đó, ba đức ấy lan tỏa cả triều đại Nam Lương, mỗi cây đều khắc sơn, đều có khắc ghi công lao.

4- Truyện Thiền Sư Phật đà - người xứ Thiên Trúc trụ chùa Thiếu Lâm.

Thiền sư Phật-đà, Hán dịch là Giác giả. Sư vốn là người Thiên - trúc. Chuyên học tĩnh nhiếp, chí nguyện ở Quán phương. Sư kết bạn với sáu người, cùng nhau theo Nghiệp đạo, năm vị tăng kia đều đắc Đạo, chỉ mình Sư không thành đạt gì, bèn siêng năng giũa mài tiết chí như cứu lấy thân áo. Tiến lùi đều lầm lỗi, Sư không biết chỗ đặt để! Bấy giờ, có người bạn đã đắc đạo bảo Sư rằng: “Tu Đạo nhờ vào cơ, tới thời thì thành tựu, chẳng thể trong phút chốc mà luống chết uổng. Ông nên sớm tối đặc biệt vì duyên riêng, độ hai người đệ tử rất có lợi ích lớn!” Nhân nghe theo đó, Sư liền đến khắp các nước, bèn đến Hằng An thuộc xứ Bắc Đài đất Ngụy.

Bấy giờ, ngài gặp được Hiếu Văn Kính Long Thành đến riêng xây dựng thiền lâm, đục đá làm khám, nhóm chúng cùng tu định niệm. Nước nhà cúng dường cung cấp, thêm Thừa các bộ khác, nhưng Sư hiện bày ngầm ứng hiển trước đều khác lạ, chẳng phải người thường. Trong thành Hằng An có nhà Họ Khương, của cải giàu có trăm muôn, rất kính trọng Phật Pháp, nên vì Sư mà tạo lập Biệt Viện. Sư thường ở trong thất tự tĩnh lắng vâng hành đạo nghiệp. Có đứa trẻ trông thấy qua khe cửa có lửa cháy rực rỡ, sợ hãi báo với Viện Chủ, cả chùa cùng kéo đến nhưng đều chẳng thấy gì. Sư có sự ứng thông điềm huyền như thế, những người thấy việc đó về kể lại trong chúng, các vị thức giả suy nghiệm cho là Sư đắc Đạo. Sau, Vua nhà Tùy dời về phía Nam, đóng đô ở đất Lạc. Nhà vua lại thiết lập Tĩnh Viện, ban sắc cho Sư trụ ở đó. Nhưng tánh Sư ưa thích chốn sâu vắng, nương gá nơi núi hang. Sư thường đến Tung sơn cao xa, cách biệt người đời. Vua bèn ban sắc sai người đến núi Thiếu Thất vì ngài mà xây dựng chùa, nay là chùa Thiếu Lâm, vua để Sư trụ ở đó. Những người học pháp tức tâm ở khắp bốn biển nghe Đạo phong của Sư đều nhóm họp đồ chúng thường đông đến mấy trăm vị, thường thực hành thời khóa xuất yếu, thành sự cứu giúp cùng cực. Thỉnh thoảng Sư bảo chúng rằng: “Tinh xá Thiếu Lâm nầy có Linh thần Kỳ hộ vệ riêng”, sau khi tạo lập không bao giờ bị thiếu thốn”. Nhờ đó khiến cho người tạo dựng đầy đủ núi mà kho lẫm chúng tăng thường tràn đầy, từ đó đến nay đã hai trăm năm, tuy đói kém thường xảy ra mà trong chùa vẫn sung túc. Xa so sánh với ngài Phât-đà thì không có truyền lầm.

Bấy giờ, Sư lại vào trong xóm, sắp độ người có duyên. Khi ấy, Sa-môn Tuệ Quang vừa mới mười hai tuổi, đứng trên thành giếng ở đường Thiên môn, lại đạp một thanh sắt liền suốt năm trăm thanh khác, mọi người ồn ào đua nhau lấy làm lạ đến xem. Sư thấy vậy chỉ nói: “Đứa bé này rất giỏi làm trò thế gian, Đạo nghiệp cũng sẽ không mờ

tối!” Trong ý Sư muốn dẫn độ, bèn dùng gậy đánh lên đầu, tiếng vang trong suốt. Ngài Tuệ Quang đã giỏi về Thanh Luận, Sư biết đó có khả năng trở thành Pháp khí, bèn hỏi Tuệ Quang rằng: “Ông có muốn xuất gia chăng?” Ngài Tuệ Quang đáp: “Dạ con muốn xuất gia” Ngài bèn độ cho xuất gia. Ngài Tuệ Quang thấu suốt xưa nay, đầy đủ như Biệt truyện.

Ngài lại bảo đệ tử là Sa-môn Đạo Phòng độ sa-môn Tăng Điều, chỉ dạy cho giáo nghĩa Định Nghiệp. Từ đó hành hóa đến khắp Đông Hạ, chỉ có hai vị Hiền giả nầy là được ghi chép. Tuổi tác đến lúc già yếu, Sư chẳng tham dự việc thường của chư tăng, giao cho các đồ chúng tự cùng nhau sách tấn thành tựu đạo Nghiệp. Còn chính Sư dời ra ngoài chùa ở phòng riêng. Cảm có vị Thiện thần thường theo che chở như hình với bóng. Sư cũng bảo thiết bày vật thực để cúng dường. Về sau, lúc sắp thị tịch, Sư đưa tay họa vẽ Tôn tượng thần nơi vách tường cửa phòng. Đến nay vẫn còn.

5- Truyện ngài Bồ-Đề-Đạt-Ma người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ:

Bồ-Đề-Đạt-Ma, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người Nam Thiên Tríc. Sư vốn có thần tuệ sáng suốt, nghe đều hiểu ngộ. Chí hướng Đại thừa, tâm thần rỗng lắng, thông hiểu huyền vi, thấu suốt pháp số, định học cao vời. Ngài buồn thương ở xứ nầy là vùng ven góc (Biên địa) nên đem giáo pháp đến truyền bá dẫn dắt. Ban đầu, Sư đến đất Tống đi về hướng Nam, sau cùng lại đi về hướng Bắc đến đất Ngụy. Hễ dừng chỗ nào Sư cũng đem pháp thiền ra dạy bảo. Bấy giờ, khắp cả nước đang hưng thạnh việc truyền bá giảng dạy, chợt nghe Định pháp nên phần nhiều sinh hiềm nghi phỉ báng!

Có hai vị Sa-môn Đạo Dục và Tuệ Khả, tuổi tuy nhỏ mà chí khí bén nhạy cao xa. Lúc mới gặp Phật Pháp, đã biết Đạo có chỗ trở về, bèn theo gần gũi phụng thờ Sư. Trải qua bốn, năm năm cúng dường thưa hỏi. Sư cảm sự tinh thần của hai Sa-môn ấy nên mà dạy Chân Pháp: “ An tâm như thế, đó là Bích Quán (xoay mặt vào vách quán chiếu). Phát hạnh như thế, là gồm có bốn pháp như sau, thuận vật như thế, tức dạy cách giữ gìn đừng hiềm tật. Phương tiện như thế, tức là dạy chẳng nên chấp trước. Nhưng, vào Đạo có nhiều đường, cốt yếu chỉ có hai lối, tức Lý và Hạnh. Nhờ giáo mà tỏ ngộ Tông, tin sâu rằng tất cả chúng sinh đồng một thể tánh, chỉ vì khách trần làm chướng ngại, nên khiến bỏ ngụy về chân, nhưng trụ vào Bích quán, không ta không vật, phàm

thánh bình đẳng như một. An trú vững chắc không dời đổi thì chẳng rơi vào Tha giáo, thầm hợp với đạo, vắng lặng vô vi, gọi đó là Lý nhập.

Hạnh nhập tức gồm bốn hạnh mà gồm nhiếp cả muôn hạnh. Một là hạnh Báo oán, nghĩa là người tu Đạo khi khổ đến nên nhớ nghĩ kiếp trước bỏ gốc theo ngọn, tạo ra lắm thứ thù ghét. Đời nay tuy không phạm, nhưng do ta đã gây ra trước, nên can tâm mà nhận chịu, đều không oán đối. Trong kinh nói: "Gặp khổ không lo buồn, bậc Thức giả phải nên như vậy. Lúc tâm này sinh thì không trái với Đạo, hiểu được oán mà tiến Đạo." Hai là hạnh Tùy duyên, nghĩa là chúng sinh vốn Vô ngã, khổ vui tùy duyên. Dù cho như được mọi sự vinh hạnh vẻ vang v.v... thì đó là do Nhân ngày trước đã gieo trồng, nay mới được như vậy. đến lúc duyên hết thì trở thành không, đâu có gì vui? Nên được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt. Gió nghịch thuận đã ngừng lắng, thì thầm hợp với Pháp. Ba là hạnh Vô sở cầu, nghĩa là người đời mãi mê mờ lâu dài, chỗ nào cũng tham đắm, gọi là Cầu. Bậc Đạo sĩ tỏ ngộ chân pháp, lý trái với Tục. An tâm vô vi, hình theo vận mà chuyển. Ba cõi đều khổ, ai người được an? Trong kinh chép: "Hễ có mong cầu đều khổ, không cầu mới là vui." Bốn là Hạnh xứng Pháp, tức là lý tánh tịnh.

Sư đem Pháp ấy khai giảng hoằng hóa ở đất Ngụy. Các bậc thức chân theo quy hướng tỏ ngộ, ghi chép lời Sư thành pho quyển truyền bá ở đời. Sư tự nói tuổi đã ngoài một trăm năm mươi. ngài chỉ lấy du hóa làm việc chính. Không biết về sau, Sư tịch ở đâu.

6- Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề:

Thích Tăng Khả, ngài gọi là Tuệ Khả. Sư họ Cơ, người xứ Hổ Lao. Sư ngoài đọc xem các sách, trong thông hiểu Tạng điển. Cuối cùng nghĩ nhớ Đạo ấy, kinh liễn lặng lẽ xét xem, bấy giờ Sư mến chuộng Sư đơn độc soi sáng lớn, giải ngộ vượt hơn mọi người. Tuy thành Đạo chẳng phải mới, nhưng chúng sinh quý ở Sư thọ. Một thời khiến trông ngóng đều cùng chẳng đúng, nhưng quyền nói không mưu tính, hiển bày sự hiểu chẳng xa, tự kết cốt lõi ấy, ai có thể buộc ràng?

Năm bốn mươi tuổi, Sư gặp được Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma người xứ Thiên Trúc đang đến hoằng hóa ở Tung Lạc. Sư có hoài bão muốn biết Đạo, vừa trông thấy Ngài liền vui mừng, kính thờ làm thầy. Vâng theo Tông Chỉ, theo học sáu năm, tinh chuyên nghiên cứu về Nhất thừa. Lý sự đều dung thông, khổ vui không dính mắc, mà kiến giải chẳng phải phương tiện, trí tuệ vượt ngoài thần tâm. Sư bèn y cứ vào cảnh đào luyện tinh uế, đất dính mới biết, lực dụng vững chắc, chẳng bị duyên

xâm phạm.

Đến lúc Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma ngưng hoằng hóa ở Lạc Tân thì Sư cũng vùi hình ở ven sông, nhớ xưa vui mừng vẻ vang, truyền hịch ở Bang Kỳ, khiến các hàng Đạo tục đến thỉnh cầu, muốn theo bậc thầy khuôn phép. Sư bèn phấn chấn biện tài kỳ đặc, phô bày tâm yếu. Nên được lời khắp thiên hạ, ý chẳng kiến lập. Sách Huyền giở ra xem, chưa hề qua tâm.

Về sau, vào đầu niên hiệu Thiên Bình (534) thời Đông Ngụy, Sư đi về hướng Bắc, đến Tân Nghiệp, mở bày hưng thạnh Bí uyển. Hạng người mắc kẹt nơi Văn, đúng sai lăng xăng. Bấy giờ, có Thiền Sư Đạo Hằng, trước có định học, mở mang ở Nghiệp Hạ. Đồ chúng có ngàn vị. Vì Sư nói pháp tình sự không chỗ nương gá, nên Thiền sư Đạo Hằng cho đó là ma nói, bèn sai người thông minh trong chúng, đến sát hại nơi cửa Sư. Nhưng người ấy đã đến nghe Pháp tự nhiên tâm phục, buồn cảm đầy lòng, không muốn trở về báo lại. Thiền Sư Đạo Hằng lại bảo người đến gọi, người ấy cũng không vâng mạng. Và những người sứ cùng theo kẻ ấy rất đông cũng chẳng chịu trở về. Ngày khác, người ấy gặp Thiền sư Đạo Hằng, Thiền sư Đạo Hằng hỏi: Ta dùng công phu như thế để mở mắt cho Ông, vì sao như thế?" Kẻ ấy đáp: "Mắt vốn tự chân chánh, bị thầy làm cho trở nên tà vạy". Thiền Sư Đạo Hằng càng thêm tức giận phỉ báng buồn bực về Sư, bèn đút lót tiền của cho Tục Phủ giết hại phi lý. Ban đầu không một chút hận, làm cho mấy người đến chết. Đồ chúng Thiền sư Đạo Hằng mừng vui, bèn khiến rõ gốc gác, dứt bỏ học Phù Hoa. Người nhàm báng cầm dao tự nghĩ, mới ngộ một lời Sư giảng nói, vừa mừng vừa sợ, vết biển sạch dấu chân, cạn sâu ở tại đó. Sư mới thong dong thuận tục, có lúc ban trải Thanh Du chợt gá thác ngâm vịnh. Hoặc nhân tình sự lắng phục, Thiền sư Đạo Hoằng ôm dốc phân phanh hoang phiền. Nêu Chánh Đạo Xa mà khó bày bố, vướng mắc gần mà dễ kết nên. Điều đó có nguyên do, dòng đạo xa lìa Nghiệp vệ, chóng bày lạnh ấm. Đạo đã sâu sắc mà lại nhiệm mầu. Nên tiếp nối sau rất không có vẻ vang kế thừa.

Có Cư Sĩ Hướng là người trốn ẩn sâu nơi rừng núi hoang dã, chỉ ăn cây lá. Vào đầu niên hiệu Thiên Bảo (550) thời Bắc Tề, Đạo vị thầm hợp, gởi thư thăm hỏi Sư rằng: "Ảnh do thân khởi, vang theo tiếng đến. Đùa bỡn với Ảnh thì khổ nhọc thân, không biết Ảnh là của thân, phát ra tiếng mà làm cho dừng vang, chẳng hay tiếng là gốc của vang. Nên mê ngộ chỉ một Đường, Ngu Trí chẳng khác. Không Danh mà tạo ra Danh, nhân danh đó mà đúng sai sinh khởi. Không Lý mà tạo ra lý, nhân lý ấy

mà tranh luận khởi lên. Huyễn hóa chẳng chân, ai đúng ai sai? Luống dối chẳng thật, đâu không đâu hữu, cùng biết được không thật có được, mất không thật có mất, chưa kịp vội vàng bàn nói, liền trình bày ý này, tưởng vì đáp lời cho đó!" Sư bèn cầm bút thuật lại ý rằng: "Nói Chân Pháp nầy đều là như thật, rốt ráo không khác với lý chân thật mầu nhiệm. Như người vốn không biết ngọc Ma-ni cho đó là ngói sỏi, hoát nhiên tự giác biết là Chân châu. Vô Minh và trí tuệ Bình đẳng không khác, phải biết nuôn Pháp đều Như. Vì thương xót hạng người có hai kiến chấp ấy mà tỏ bày văn từ phô diễn, bút mực ghi chép. Quán thân mình và Phật không khác nhau, đâu cần lại tìm Vô Dư kia?" Sư mở lời nhập lý, chẳng thêm bút mực ghi chú. Thỉnh thoảng có thêm vào, bèn thành Bộ loại. Đầy đủ như ở sách khác.

Bấy giờ lại có các Thiền sư Hóa Công, Liệu Công v.v... mỗi vị đều thông suốt chỗ sâu xa, bày nói sự gởi gắm nỗi lòng. Nghe các miệng thật, mà người đời chẳng xa, bia ký ít nghe. Lời nhiệm mầu chẳng truyền. Đức trong sáng ai rõ, thật đáng đau buồn!

Bấy giờ, có Pháp sư Pháp Lâm ở tại đất Nghiệp, giảng Kinh Thắng-man và soạn thuật Văn Nghĩa. Mỗi lúc giảng, thính chúng nhóm họp, bèn chọn những vị thông hiểu ba Bộ Kinh, có được bảy trăm vị dự nơi Pháp tịch. Đến lúc nhà Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Ngài Pháp Lâm cùng Sư đồng học, cùng hộ trì Kinh tượng. Ban đầu, Thiền sư Bồ-Đề -Đạt-Ma trao Kinh Lăng-già bốn quyển cho Sư mà bảo rằng: "Ta quán xét đất Hán chỉ có kinh này. Nhân giả (tức chỉ ngài Tăng Khả) y cứ mà hành trì sẽ tự được độ đời!" Sư bèn chuyên nương tựa vào Huyền lý, như trình bày ở trước, bị bọn cướp chặt dứt cánh tay, Sư dùng pháp chế ngự tâm, không thấy đau khổ, dùng lửa đốt chỗ bị chặt, hết chảy máu, dùng lụa quấn lại. Và Sư vẫn đi khất thực như trước, không hề báo cho mọi người biết. Sau đó, Ngài Pháp Lâm lại bị bọn cướp chặt cánh tay, đau khổ kêu gào suốt đêm. Sư bèn về chữa trị băng bó cho và đi khất thực về cho Ngài Pháp Lâm. Ngài Pháp Lâm lấy làm lạ về tay ngài (Tăng Khả) không tự nhiên bèn sinh tâm tức giận. Sư nói: "Bánh ăn ở trước mặt, sao chẳng tự dùng?" Ngài Pháp Lâm nói: "Tôi không có tay, ngài không biết hay sao? Sư nói: Tôi cũng không có tay, đâu có gì đáng tức giận!" Nhân đó, bèn thăm hỏi, mới biết là có Công phu. Nên người đời gọi là "Vô Tý Lâm" (Ngài Pháp Lâm không có tay). Thường khi nói pháp xong, Sư bảo rằng: "Kinh này sau bốn đời sẽ thành Danh tướng, đâu có gì đáng buồn."

Có Thiền sư Tăng-na, họ Mã. Năm hai mươi mốt tuổi, Sư ở Đông

Hải Giảng Lễ Dịch, hành học có bốn trăm vị. Ngài đi về hướng Nam đến Tương Châu, gặp Ngài (Tăng Khả) nói pháp, bèn cùng mười vị học sĩ xuất gia thọ đạo. Các môn nhân ở phía Đông Tương Châu thiết trai để từ biệt Sư, tiếng khóc kinh động cả thôn ấp. Từ khi Sư xả bỏ thế tục, tay chẳng nắm lấy bút và sách vở thế tục, chỉ mặc một chiếc y, ăn một bình bát, ngồi một nơi, mỗi ngày chỉ ăn một bữa lấy đó làm thường hạnh, lại kính phụng hạnh Đầu-đà nên hễ những chỗ nào Sư đến đều chẳng tham dự vào thôn xóm.

Lại có Sa-môn Tuệ Mãn, họ Trương, vốn người ở xứ Vinh Dương. Trước kia trụ chùa Long Hóa ở Tương Châu, gặp Thiền sư Tăng-na nói pháp, bèn thọ nhận đạo pháp ấy, chuyên thực hành không đắm trước, chỉ mặc một chiếc y, mỗi ngày ăn một bữa, và giữ gìn hai cái kim. Mùa Đông thì vá áo, mùa hạ thì xả thông để che đậy thân mà thôi. Sư tự nói trọn một đời không hề có khiếp sợ, thân không bị muỗi mòng cắn đốt, ngủ không mộng mỵ. Dừng ở một nơi nào đều không tới hai đêm. Đến chùa thì Sư bổ củi làm mọi việc, thường thực hành hạnh khất thực.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư đến cạnh chùa Hội Thiện ở phía Nam Lạc Châu, ngủ qua đêm trong gò mả, gặp lúc tuyết phủ dầy ba thước. Sáng sớm đó, Sư vào chùa thấy Pháp Sư Đàm Khoáng, ngài Đàm Khoáng lấy làm lạ chẳng biết Sư từ đâu đến bèn hỏi: "Bạn Đạo đến đó ư?" Bảo tìm chỗ ngồi, khắp bốn phía tuyết phủ dày đến năm thước không thể lường được. Nên thời gian đó, tất cả chư tăng đều lánh ẩn. Sư bèn đắp y, ôm bát đi khắp các xóm làng, không hề vướng mắc, hễ được cúng vật gì thì bèn ban tán, tìm cầu sự hư nhàn. Nếu có người thỉnh Sư ở lại qua đêm chứng trai. Ngài bảo: "Nếu trong thiên hạ không có người, mới nhận sự thỉnh mời ấy." Nên mỗi lúc giảng pháp, Sư thường bảo: "Chư Phật nói về tâm, để giúp cho tướng tâm là Pháp luống dối. Ngày nay lại thêm của tướng tâm, rất trái với ý Phật. Lại thêm Luận bàn, rất trái với Đại Lý." Nên Sư cũng như các Thiền Sư Tăng-na v.v... thường mang bốn quyển Kinh Lăng-già, lấy đó làm tâm yếu. Hễ giảng nói điều gì thì thực hành điều đó, không trái với ý di chúc. Về sau, ở xứ Lạc Dương, Sư không bệnh mà an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ khoảng bảy mươi tuổi.

Các vị trên đây đều thuộc tông hệ của Ngài Tăng Khả, nên chẳng trình bày riêng.

7- Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự:

Thích Tăng Đạt, họ Lý, người ở xứ Thượng Cốc. Năm mười lăm ruổi, Sư xuất gia, đến học ở Bắc Đại, Sư lấy sự nghe giảng và thực hành làm chính.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tu học theo Tỳ-ni, tới lui xét nét chẳng phải như thói quen trước. Năm được hai tuổi hạ, Sư rất được vua Hiếu Văn Đế (Thúc Bạt Hoằng 466-471) thời Bắc Ngụy kính trọng, thỉnh Sư vào chùa miếu, mở mang khai giảng Luật Tứ Phần, Hình khí Sư khác thường, ai thấy đều kinh sợ kính thờ. Đầu Sư tợ đầu hổ, tai dài, có hai chiếc răng dài hơn cả tấc. Cơ luận biến ứng thích hợp thể hiện sự cao đẹp. Sư cùng ngài Long Đạt ở Từ Châu, đều đề xứng nghĩa. Sau đó, Sư lại chống tích trượng đến Lạc Đô, nhân gặp được Tam Tạng Pháp sư Lặc-na. Sư bèn kính vâng sự dạy răn mới ấy. Không bao lâu thì Pháp sư Lặc-na thị tịch! Ngài trình bày lại Địa Luận tiếng tăm kinh động, khiến các người trông ngóng quy hướng tin tưởng cùng lần lượt khen ngợi yết kiến. Sau Sư lại nghe Pháp sư Quang khai giảng Địa Luận, phát minh ý chỉ sâu mầu, Sư bèn cầu thọ giới Bồ-tát với Pháp sư.

Vì theo thỉnh nghiệp nên Sư có tên trong học chúng. Sư lại đến Nam Hội Từ Bộ học thông Địa Luận. Đến lúc Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502 - 550) thời Nam Lương dẹp loạn, mở mang Đạo Pháp, Sư cảm thấy vui mừng, bèn vượt sông đến nơi cung quyết, xin được diện kiến. Vua sai Quan Phụ Mã là Ân Quân dẫn Sư vào điện Trùng Vân. Suốt ngày suốt đêm, Sư truyền giảng những điều Vua chưa từng nghe, ngồi tại một chỗ suốt bảy ngày đêm. Vua khen ngợi đó là điềm lành. Nhân đó vua theo Sư mà cầu xin thọ giới, thề nguyền làm đệ tử Sư. Và Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Đồng Thái, thường dâng lễ phụng cúng. Cứ mỗi tuần, Sư riêng vào điện chỉ bày khai giảng đạo lý cho nhà Vua. Chừng khoảng năm sau, Đạo lý trong tâm vua đã có sở y cứ, Ngài giã từ vua trở về đất Ngụy. Qua bảy lần xin về, Vua mới bằng lòng. Bấy giờ, tại Hành Đài thuộc Duyên Châu, Hầu Cảnh vì Sư xây dựng hai ngôi chùa, núi tên Thiên Quán. Vua có chiếu ban rằng: “Bậc trượng phu thấu đạt niệm, Thân là khổ khí, khó có thể duy trì. Bèn thử thự hành, ăn bánh bột, không ăn gạo cơm.” Từ đó đến trọn đời, Sư riêng dùng để duy trì mạng sống.

Sau cùng đến thời vua Phế Đế (Nguyên Khâm 552-554) thời Tây Ngụy. Trung Sơn Vương ban sắc cho Bộc Xạ Cao Long đến thỉnh Sư đến Nghiệp Đô, để xin thọ giới Bồ-tt. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời bắc Tề đặc biệt lễ trọng, trước sau có đến sáu lượt quy hướng tôn trọng mười điều lành. Nhưng tánh Sư vốn ưa thích ở chốn suối

rừng, sống thanh nhàn giúp nghiệp. Vua Văn Tuyên Đế bèn vì Sư mà đến phía dưới non Hoàng Hoa thuộc núi Lâm Lự xây dựng chùa Hồng Cốc, và dẹp bỏ miếu cũ Thần Võ mà xây chùa Định Khấu. Lấy hai nơi ấy để thỉnh Sư ở. Mới đầu, Sư đến xây dựng chùa núi, lúc sắp bước vào cửa hang, thì có con hổ ngồi xổm phía trước. Sư bèn nói rằng: "Muốn xây một ngôi chùa, để phước trùm cả cõi u linh, nếu ngươi bằng lòng thì hãy tránh đường!" Sư nói xong, Hổ bèn đứng dậy bỏ đi. Đến lúc xây chùa hoàn tất, an định chúng tăng trông coi mọi việc. Sư về lại Nghiệp Kinh, ban đêm có vị thần hiện đến, thân mặc sắc phục mầu vàng đến vái chào rồi qùy mà thưa rằng: "Đệ tử là vị Thần đội núi. Vua và Tam Cốc đều được cúng dường đầy đủ, xin Sư chớ phải trở về!" Sư bảo: "Ở núi lợi ít, ở Kinh đô lợi nhiều. Bần đạo quán xét cơ duyên mà hành động, mong đừng ngăn cản ở lại!" Lại qua đêm tĩnh lặng, có người đẩy cửa vào tự xưng là: "Đệ tử là vợ của Sơn thần, ban ngày không rảnh rỗi nên giờ này đến tham bái!" Và cung kính dâng cúng một sọt bánh gạo mà nói rằng: "Tăng không thiên vị, lúc lễ Phật xin thêm tên của đệ tử!" Sư bảo: "Bánh gạo hãy mang trở về, sau ta sẽ lễ bái cho!" Nhân đó Sư bảo thực hành chung, mỗi lúc lễ bái đều xướng thêm tên. Sư cảm được cõi u minh đại loại như vậy.

Sư bảo đệ tử là Sa-môn Đạo Sảng vì thần núi mà đọc tụng Kinh Kim Quang Minh. Được hơn một tháng thì có hổ đến bắt chó đi. Sư nghe thế bàn hỏi rằng: "Đây chắc là do chú Đạo nhỏ này biếng nhác, chẳng vì Đàn Việt đọc tụng Kinh". Liền hỏi đó, quả nhiên Đạo Sáng nói là ba ngày nay chỉ tụng Kinh Duy-ma". Sư bèn đốt hương lễ phật và bạch rằng: "Mấy hôm qua tuy tụng kinh khác, nhưng phước đó cũng thuộc về Đàn Việt, nếu có linh xét thì nên thả chó trở về." Đến sáng ngày, chó trở về, thấy trên đầu nó có dấu răng cắn. Đây lại là tiếp gồm thần minh, gần như không thể lường!

Sư giảng các Kinh Hoa Nghiêm, luật Tứ Phần, Kinh Thập Đia, Luận Địa Trì, tuy không có sớ ký nhưng giảng nói có y cứ. Đặc biệt Sư giỏi về luận nghị, nổi tiếng khắp Nam Bắc, cánh cửa Thiền pháp khai mở cho đời rất rộng.

Sư từng đến đất Lương, Hoà-thượng Chí Công gặp Sư liền nói rằng: "Thiền Sư Đạt là người có Phước Đức lớn, vua cũng rất kính trọng, từng bảo với các quan hầu là "Ở phương Bắc có Pháp sư Loan và Thiền sư Đạt là các vị Bồ-tát nhục thân", nên vua thường hướng về phương Bắc từ xa lễ bái". Sư được các bậc Quân vương đương thời kính trọng, không có ai hơn. Đến một lúc, Sư cảm thấy bị bệnh nhẹ, bèn an

nhiên ngồi thẳng trên giường dây, miệng niệm tụng Kinh Bát-nhã, hình khí điều hòa yên tĩnh. Sư thị tịch tại chùa Hồng Cốc, thọ tám mươi hai tuổi. Lúc đó là ngày mồng bảy tháng sáu niên hiệu Thiên Bảo thứ bảy (556) thời Bắc Tề.

Vua Tuyên Đế nghe vậy, kinh hãi vội vã đến nơi, lớn tiếng khóc gào, cả sáu quân đồng khóc vang động khắp nui rừng. Sau đó, an táng Sư dưới sườn núi trong hang, lập bia ở sau.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ chín (636) thời Tiền Đường. Tôi (Đạo Tuyên) đích thân đến đó lễ yết. Di cốt Sư vẫn hiện còn, Di tích ngôi chùa vẫn y nhiên!

Từ khi Sư kính tâm đối với Huyền đạo, thì tâm không xen hở. Với người có sự hiểu biết thì đồng gần gũi, đều không hiềm khích. Nhân trước có sự chiêu cảm riêng nên càng thêm kính thờ, chỗ Vinh hiển cao sang càng khiêm tốn từ chối. Phật Pháp thời Mạt ưa chuộng Quan tước vinh hiển, những kẻ kiêu hãnh vọng kết bè đảng ngưng Sư vì nước đều xem là nhỏ mọn, không hề đoái hoài. Với các nơi Chiêu Huyền Tào Cục, Sư chẳng hề bước đến. Đó mới là chỗ xem thường của các bậc Thánh đạt. Thật là tướng tốt của Phước thế gian.

8- Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn:

Thích Tăng Điều, họ Tôn, vốn xuất xứ từ Xương Lê, sau cùng đến ở Anh Đào thuộc Cự lộc. Tánh tình Sư Độ lượng thuần hòa, hiếu hạnh tín tâm nổi tiếng, siêng năng tìm học sách thế tục, thông rành các thứ kinh sử. Được cử làm Thái Học Bác Sĩ. Sư giảng giải sách đời tiếng tăm vang khắp triều đình. Sư ở tại miếu Nghi Lang, ở Quốc Vũ thuộc Khí Quán, Cơ Đạo ngầm thấu, bỗng nhiên nhàm chán phiền toái thế gian. Chỉ một lần đọc qua kinh Phật tự nhiên Thần giải. Bấy giờ, Sư hai mươi tám tuổi, đi đến chỗ Pháp Sư Tăng Thật chùa Cảnh Minh ở Cự Lộc xin xuất gia. Vừa mới xuống tóc, Sư liền tìm kinh luận, vừa buồn vừa vui, thần thức mạnh mẽ. Nhân đó, Sư phát năm lời nguyện, gọi là Tài Pháp thông biện và dùng bốn Đại thường kính thờ Tam Bảo, rộng tạo Phước báo đền đáp bốn ân.

Mới đầu, Sư học hành trì Chỉ Quán với Thiền Sư Đạo Phòng. Ngài Đạo Phòng là đệ tử tài giỏi của Sa-môn Bạt-đà. Sư đã thọ thiền pháp, bèn đi về hướng Bắc đến núi Gia Ngư ở Định Châu, thúc liễm niệm lự thời gian lâu mà hoàn toàn không nhiếp chứng, Sư muốn xuống núi, tụng Kinh Niết-bàn. Bỗng nhiên gặp một vị tăng nói từ Thái Nhạc đến, Sư bèn tỏ bày sự tình, vị tăng ấy tha thiết khuyên Sư “Tu tập thiền pháp

phải thận trọng, không có chí khác. Vì tất cả chúng sinh đều có Thiền vị Sơ Địa, cần phải buộc duyên, không cầu thì chẳng toại!" Ý Sư bèn y theo pháp đó, khoảng mười ngày nhiếp tâm, quả nhiên đắc Định." Sư thường y theo Thánh hạnh bốn Pháp niệm xứ trong Kinh Niết-bàn. Đến nỗi ngủ hay thức thấy đều không có Dục tưởng.

Năm được năm hạ, Sư lại đến chỗ Thiền sư Đạo Minh núi Chương Hồng thuộc Triệu Châu, thọ học mười sáu pháp đặc thắng. Dùi mài chứa nhóm, tiết chế ăn uống rèn tâm, suốt ba tháng mỗi ngày ăn một bữa, gạo chỉ bốn đấu. Trải phu cụ trên đá chẳng hay biết sớm tối, vải bố dính vào thân, kéo cũng chẳng thoát ra. Hoặc nấu thức ăn chưa chín thì nhiếp tâm nhập Định, lay động chẳng để lọt khoảnh khắc. Trước khi ăn Sư đều ban thí cho chim thú ăn. Lại thường tu pháp "Tử tưởng" (Quán chiếu sự chết). Gặp bọn cướp làm cho hãi mà Sư không tỏ vẻ lo sợ, bèn giảng cho bọn cướp nghe các thứ nghiệp hạnh. Bọn cướp đều bẻ bỏ cung tên, thọ giới và trở về. Sư từng ở tại núi Thước sơn nơi tĩnh lặng, bị vị thần đến khuấy nhiễu, ôm vai cột bụng hà hơi trên cổ. Sư đem sự chết buộc tâm, nhờ đó mà chứng định sâu, suốt chín ngày chưa xả. Sau đó, Sư xuất định, tình tưởng đều lắng nhiên. Sư xét cùng thế gian hoàn toàn không hề có sự an vui. Sư bèn đến chùa Thiếu Lâm chỗ Tổ sư Tam Tạng trình bày sở chứng của mình. Ngài Bạt-đà bảo rằng: "Từ Thông lãnh cho đến phương Đông nầy, người tài giỏi nhất về thiền học chỉ có một mình ông!" Và bèn truyền cho Sư các pháp thâm yếu, sau Sư đến trụ chùa Trung Nhạc.

Tại chùa đó, Chúng tăng có cả trăm Vị, nước suối chỉ đủ dùng. Bỗng nhiên có một người Phụ nữ mặc áo rách rưới tay cầm chổi đến ngồi trên bậc thềm phía trước lắng nghe chư tăng tụng kinh. Chúng Tăng không biết đó là vị Thần, nên trách mắng đuổi đi, người phụ nữ ấy tỏ vẻ tức giận đưa chân đạp suối, lập tức nước khô cạn hết, sau đó người phụ nữ biến mất. Chúng tăng trình lên Sư sự việc ấy, Sư gọi: "Ưu-bà-di!" Gọi đến ba lần người phụ nữ mới hiện ra. Sư bèn nói với vị Thần rằng: "Chúng tăng hành Đạo, nên gia tâm mà ủng hộ chứ!" Người phụ nữ ấy lại dùng chân đạp phá chỗ suối cũ, nước liền tuôn trào. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm lạ. Sư có oai cảm như thế.

Sau, Sư lại đến núi Tây Vương Ốc ở Hoài Châu, tu tập pháp trước. Nghe hai con hổ giao đấu gầm thét vang động cả hang núi. Sư bèn chống Tích trượng giữa hai con để giải can, mỗi con tự bỏ đi. Có một lúc bỗng nhiên có hai quyển kinh tiên đặt trên giường. Sư nói: "Ta vốn tu theo Phật đạo, đâu thể câu thúc trong cõi vực trường sinh ấy ư?" Nói

xong, chỉ trong phút chốc hai quyển kinh tự biến mất. Sư cảm động đến u hiển đều đại loại như vậy. Sư lại dời đến trụ núi Thanh La, nhận sự cúng dường của những người mắc bệnh dịch lệ, tình chẳng sợ dơ uế, cam chịu như thuốc tể. Sư ngồi lâu mệt mỏi, bèn duỗi cẳng chân trước giường thì có vị thần liền đến nâng đỡ lên, trở lại ngồi kiết già. Nhân đó, Sư thường nhập định, và thường lấy bảy ngày làm kỳ hạn.

Sau đó, Sư lại dời đến trụ núi Mã Đầu ở Hoài Châu. Vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516 - 528) thời Bắc Ngụy, sớm vâng thừa lệnh Đức, trước sau đến thỉnh ba lần, Sư bèn từ chối rằng: “Khắp cõi đời, không đâu chẳng phải là đất của Vua, xin nguyện được ở tại núi để hành đạo, chẳng trái với đại thông!” Vua bèn chấp thuận, bèn dâng cúng đến núi. Đến niên hiệu Vĩnh Hy thứ nhất (532) thời Bắc Ngụy. Vua Hiếu Vũ Đế (Nguyên Tu) đã thỉnh nhưng Sư không ra, nên trong cốc Thượng Thư, vua cũng lập thiền thất, nhóm họp chúng tăng để cúng dường. Sư lại dời chuyển đến Thường sơn ở phía Bắc. Thứ Sử Lâu Duệ ở Định Châu, Vương Cao Du ở Bành Thành v.v... thỉnh Sư đến núi Đại Minh ở Văn Mặc, mở khai quy giới, mọi người kính tin rất đông. Khắp các xứ Yên, Triệu, Đạo vị lan khắp, không còn ăn dùng máu huyết. Chúng bạn đua nhau tìm đến lễ kính đông đúc. Bấy giờ, có người bị danh lợi ràng buộc, Sư bèn nói cho nghe Kệ tụng để dứt trừ, người nghe tỏ vẻ hổ thẹn mà sửa đổi. Tiện đó, Sư lại trình bày cho bài kệ tu điều lành, mọi người cùng dự tham hành trì pháp túc tâm, đổi mới khí tiết của họ. Sư đã giảng bày Đạo giữa núi ở đời, tiếng tăm vang vọng động đến lòng trời.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ hai (551) thời Bắc Tề. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) ban chiếu rằng: “Từ lâu nghe được Phong đức của Sư, thường mong muốn gặp, ban sắc cho Định Châu thỉnh Sư đến đất Nghiệp để giáo hóa chúng sinh, nghĩa không làm làm lợi cho mình, mong Sư liến chống tích trượng đến Thừa minh, định mở mang chí Đạo cứu giúp khổ hoại!” Đến ngày ấy, bỗng nhiên Sư trở về núi. Đang làm mọi việc khắp Đông tây, nhưng không hề bị lưu giữ trói buộc. Sư ở núi đã nhiều năm, sự nghiệp cứu giúp trọn một đời, nghe có sắc chiếu mời thỉnh, Sư nhất quyết không vâng mạng. Vua tha thiết cùng đôn đúc dẫn dụ, Sư mới nhận thỉnh. Ngay ngày Sư rũ áo sắp xuống núi, hai núi bỗng nhiên rung chuyển, tiếng vang buồn thương thảm thiết, kinh nhiễu cả người và vật, chim bay thú chạy, như thế suốt ba ngày. Sư ngoái nhìn lại bảo rằng: “Kính mến Đạo, có lòng nhân, xúc chạm đến các loài ở đây. Đâu chẳng phải ái tình dễ giữ, buông lung khó giữ ư?” Sư chẳng ước sự bèn

dừng trụ ở Chương Phủ. Vua cử Đại giá đến Bang Giao đón rước Sư. Lúc ấy, tuổi Sư đã ngoài bảy mươi, nhưng dáng vẻ thanh khoáng, cảm động cả lòng người, kính thương chúng sinh, nương cơ không sai lạc. Vua dìu đỡ Sư vào Nội cung để luận bàn chánh lý. Nhân đó Sư giảng về " Ba cõi vốn không, cõi nước cũng vậy. Tướng thế gian vinh hoa không thể giữ mãi." Và Sư giảng rộng về bốn Pháp niệm xứ. vua nghe đó mà khắp mình nổi ốc, mồ hôi toát đổ, liền thọ Thiền đạo. Học khắp chẳng bao lâu đã chứng định sâu. Từ đó về sau, càng vâng theo lời dạy bảo, dốc lòng kính trọng. Nhân đó thọ giới Bồ-tát, dứt bặt ăn uống rượu thịt, phóng thả các loài chim săn, dẹp bỏ các vị quan đam mê săn bắn chài lưới, kết thành đất nước nhân từ. Lại cấm đoán khắp trong nước dứt hẳn các nghề nghiệp giết hại. Ngày mồng ba tháng sáu, Vua ban sắc cho dân chúng hành trì trai giới. Vườn riêng của các quan trồng hành hẹ v.v... thảy đều phá bỏ. Qua ngày khác, vua lại bảo rằng: "Đạo do người mở mang, thật chẳng luống dối ứng nghiệm. Xin Sư an tâm đạo niệm, đệ tử xin làm ngoại hộ Đàn Việt, có được chăng? Sư bảo: "Bồ-tát phát thệ nguyện rộng lớn, lấy việc Hộ Pháp làm tâm. Bệ hạ ứng mạng trời, thuận đời, ở ngôi chủ chốt mở Đạo giáo hóa. Làm rường cột cho Tam Bảo, dẫn dắt bốn dân!". Cứu giúp đã đến, nghĩa không nương cậy. Sư trụ trong cung cấm hơn bốn mươi ngày. Thường ngày nói pháp giảng dạy, vua rất kính vâng, không chấp trái. Sau, vì Đạo phải truyền bá, nghĩ nhớ về núi rừng, Sư bèn từ giã trở về chỗ ở cũ.

Nhà vua vì chốn núi non trở lại của Sư, mỗi lúc tham yết học hỏi gặp phải khó khăn, nên vào niên hiệu Thiên Bảo thứ ba (552) thời Bắc Tề. Vua ban sắc đến phía Nam Long Sơn cách tám mươi dặm về phía Tây Nam Nghiệp Thành xây dựng Tinh Xá đặt tên là chùa Vân Môn, thỉnh Sư về ở đó, và kiêm làm chủ ngôi chùa lớn Thạch Quật. Sư đảm nhận giềng mối cả hai nơi, đào luyện đồ chúng gần cả ngàn vị. Cung cấp cúng dường mọi việc đầy đủ, khắp các hang núi, đồng thời ban sắc khắp cho các châu quận trong nước, lập riêng Thiền tứ, bảo ban những bậc Đạt giải niệm tuệ đến để giảng dạy. Bấy giờ, mở mang giảng tụng mọi việc dồi dào. Vua nói với Sư rằng: "Đại tông của Phật Pháp, lấy sự tĩnh tâm làm gốc. Các vị Pháp sư v.v... nhọc truyền pháp giáo hóa, vẫn tiếp thừa ồn ào phiền tạp, chưa thể gọi là mở mang, nên thảy đều phá dẹp hết." Sư cản ngăn vua rằng: "Các vị Pháp sư đều là những người tiếp nối làm lớn mạnh bốn y, mở mang ba tạng, khiến mọi người nhận biết được Tà Chánh, thấu đạt được u vi. Nếu không có những người ấy, thì lấy đâu để mở mang dẫn dắt, đều là sơ tông của Thiền nghiệp.

Hoằng giáo của thú lý, dần dần quy tín, khai mở chỗ mờ tối cho người ấy!" Vua rất vui mừng. Nhân đó nói: "Nay chia Quốc trữ làm ba phần, gồm cung cấp nước nhà, tự dùng và dùng vào việc Tam Bảo". Từ đó, vua hết lòng quy hướng, xưa nay không ai bằng. Phật Pháp truyền bá về phương Đông, vào thời này rất hưng thạnh. Đầy đủ như trong Biệt ký. Vua Ban sắc bảo đưa tiền bạc, lụa là chăn màn, tiếp theo trục xe Sư lên núi, bảo đến trong chùa xếp đặt kho tích trữ để cung cấp thường dùng. Sư lấy Phật Pháp làm việc chánh yếu, chí nguyện tu tâm. Tài vật danh lợi xao động lòng tục, việc trái với Đạo hóa, bèn gởi thư trả lại. Vua rất kính trọng tâm lượng của Sư, ban sắc y theo trước mà thâu nạp, riêng xếp đặt kho lẫm khác, phải tiện thời y theo cung cấp. Chưa qua Vương Phủ, từ đó về sau chiếu thư viết tay hàng tháng riêng thường đưa đến, thước tấc tiểu duyên hẳn bày tỏ nói đến. Vua lại ban sắc cho quan Thị ngự Từ Chi Tài, Thôi Tư Hòa v.v... đưa các thứ thuốc, bánh bột, coi sóc chư tăng bệnh khổ. Vua thường đúc suất Vũ vệ ấy cho nên đến thăm hầu. Sư ở nơi phòng nhỏ an tọa, đều chẳng đón rước. Đệ tử cản ngăn Sư rằng: Hoàng Đế thân lâm, nay căn cứ đạo chẳng đón rước, tâm mọi người hoặc có trở ngại!". Sư bảo: "Xưa kia, ngài Tân-Đầu-Lưu đón rước Vua đi bảy bước, bảy năm sau thì mất nước. Nay ta chẳng có thật thật Đức, chẳng dám tự khinh, hình tướng mong được Phước đối với nhà Vua". Bấy giờ, Ngài cũng khéo léo cẩn trọng, Đạo Pháp được niềm tin ở người. Hoàng Môn Thị Lang Lý Tương cùng các vị Đại Đức thỉnh Sư giảng dạy Thiền yếu. Nhân đó, Sư soạn "Chỉ Quán Pháp" hai quyển. Khách nhà đượm đạo vị Định pháp cất giữ một bản để y cứ.

Đến ngày mười ba tháng bốn niên hiệu Càn Minh thứ nhất (560) thời Bắc Tề, vào lúc sáng sớm, Sư không hề tật bệnh gì, an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa, thọ tám mươi mốt tuổi, năm mươi hạ lạp. Ngay lúc Sư thị tịch, có mùi thơm lạ xông khắp chùa, người nghe lắng thần. Vua Phế Đế (Cao Ân) ban sắc bảo Tương Lạc Vương tuyên đọc lời an ủi rằng: "Cố Đại Thiền Sư Chí lực siêng năng khổ tiết, cảm quả hẳn là tất nhiên. Gá tâm vắng lặng, hư rỗng lại, chất thật trở đi. Gió nghiệp nhiệm mầu, sự cao nơi Tăng tục. Vận qua đi, Thần đổi dời, thật rất buồn than! Vốn kính sùng có tốt lành, để bày tỏ sự thương xót, cúng thí năm trăm vật, thỉnh ngàn vị tăng cúng dường tại chùa Vân Môn để sùng kính tu Phước!"

Đến tháng năm niên hiệu Hoàng Kiến thứ hai (561) thời Bắc Tề, các đệ tử của Sư như Sa-môn Đàm Tuân, v.v... tấu trình xin xây tháp. Vua Hiếu Chiêu Đế (Cao Diễn) ban sắc chiếu rằng:"Cố Đại Thiền Sư

đức nghiệp cao xa, là rường cột của Tam Bảo, diệt tận Hóa Chung, thần thức vân du ngoài vật, nên y theo Pháp Trung Quốc, Xà-tỳ rồi xây tháp. Kiến lập trai hội cúng dường ngàn vị Tăng. Tặng một ngàn vật, nêu dựng dấu vết tốt lành, để chỉ bày cho các đời sau!" Vua lại ban sắc cho Hữu Bộc Xạ Ngụy Thâu soạn Văn Bia. Sư được các bậc Quân Vương thời bấy giờ kính trọng, trước sau đều như thế. Thế rồi, Định ngày chuẩn sắc, cả bốn Bộ đồng lên núi có mấy muôn người, chất cả ngàn cây củi hương thơm, vào giữa trưa ngày chánh, nổi lửa thiêu, không ai chẳng đau buồn dứt đoạn, tiếng khóc như dòng chảy, có đàn chim trắng mấy trăm con bồi hồi bay liệng trên khói, kêu buồn tha thiết, lúc di quan mới bay đi. Bèn xây tháp gạch ở phía Tây Bắc của chùa để cúng dường. Thường có cảnh linh, mùi thơm lạ thoảng ứng đến kẻ tăng người tục.

Mới đầu, Sư kính tin xuất gian, biết khác Tề ngụy, khắc chí với thiền nghiệp, thông suốt trần sau, mà dẫm khắp Thái hành, qua lại trong Triều ngoài dã, kêu gọi nhún nhường ôm lòng trong trắng hay quạt thổi gió trong lành. Lại thêm oai phong lấn vượt bọn giặc, thế lực rập lấy yêu quái ở chốn núi rừng, mở giải hổ gầm giao đấu nhau, cấm ngăn nuôi dưỡng sâu độc. Các bậc Đại Nho Hoàng Đế đích thân mang đến lương thực, lữ khách săn bắn cầm dao cắt tóc. Hoặc đức cảm thượng huyền đượm nhuần mầm mống vâng kính, u thành cùng tột, lúa thóc đầy nhà tín tâm. Thần cây cản đường, tùy ý muốn mà Pháp truyền bá, Báo gấm sạch phòng, ngậm xú uế mà xa bỏ. Hoặc hổ dữ thuần quen, ngay lưng rũ y, núi đồi sắp sụp đổ, vời gọi ra mà vẫn còn mạng. Các điềm lành như thế chấn động từ xưa, ít có đầy đủ, như các tượng họa đồ ghi tại chùa Vân Môn.

Lại nữa, mới đầu, Vua ban sắc nơi xây chùa vuông vức 10 dặm để các kẻ sĩ tức tâm hỏi Đạo kinh hành. Sư nói "Mười dặm quá rộng lớn, hao tổn chướng ngại người dân sinh sống, sợ chẳng cứu giúp được xa, xin giảm bớt một nửa". Vua bèn ban sắc lấy năm dặm vuông làm chuẩn định. Vua sai tướng làm Đại tượng Kỷ Bá ung bắt đầu xây dựng. Kỷ Bá Ung nhóm họp các thông ấp, hỏi tên xứ đó. Bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng lớn đáp rằng: "Núi rừng sâu lắng, xứ này vốn gọi là Vân Môn!" Hỏi lại nguyên do, không hề có người nào biết. Vua nghe lạ lùng như thế, nên theo tiếng vang giữa hư không, và nay gọi đó là chùa Quang nghiêm.

Lại có vị khách tăng chống tích trượng mới đến, cùng muốn an ở, hỏi về Bổn hạ vị ấy. Vị ấy đáp rằng: "Tôi thấy trong đây có ba nơi xây dựng chùa." Nói xong liền biến mất. Thế rồi đào đất làm giếng, quả

nhiên có được hai mép miệng chim cú mèo. Lại, ở trước hang trụ thiền có một vực sâu, thấy người đầy lông, kỳ vĩ mà dáng vẻ như người Hồ. Bèn đặt chảo thiêu đốt lửa, nước cùng tuôn vọt lên, chỉ chốc lát có con trăn lớn từ trong nước trườn lên muốn bò vào trong chảo, Sư đưa chân đánh phá đó, con trăn bèn vào lại trong nước và lông người cũng biến mất. Đêm đó có Thần Nam Tử đến, đảnh lễ Sư và thưa rằng: “Đệ tử có các con nhỏ, thường năm bị ác thần bắt ăn, các đứa con v.v... tiếc thân mạng không dám đương đầu, nay đệ tử già suy sắp chết, nên tự đến cung cấp cho ác thần ăn, nhờ Sư hộ trì nên được thoát khỏi nạn ấy. Sư xin nước phun vào đó, tự nhiên biến thành mây mốc.

Bấy giờ, có người sàm tấu với Vua Văn Tuyên Đế cho Sư là người ngạo mạn bất kính. Vua rất tức giận, tự đến để làm hại Sư, Sư thầm nhận biết việc ấy. Từ hồi nào đến giờ, Sư chưa hề đến nhà trù của chúng tăng, bỗng nhiên Sư đến bảo rằng: “Sáng mai có khách lớn đến, hay lo làm nhiều thức ăn để thiết cúng!”. Đêm đó vào canh năm, trước chuẩn bị kiệu xe trâu, riêng mình Sư đến cửa hang cách chùa hơn hai mươi dặm. Sư đứng một mình bên vệ đường, chỉ phút chốc thì Vua đến. Vua lấy làm lạ hỏi Sư về nguyên do. Sư đáp: “Sợ thân vấy máu huyết làm dơ bẩn chốn già-lam, nên đến đây đợi hầu!”. Vua liền xuống ngựa bái phục, hổ thẹn sám hối không thôi. Và nói với Thượng thư lệnh Dương Tuân Ngạn rằng: “Người chân thật như thế làm gì có sự hủy báng?” Vua bèn đích thân cõng Sư trở lại chùa, Sư cự tuyệt không chịu. Vua nói: “Đệ tử cõng thầy đi khắp nước cũng chưa đủ để sám hối tội lỗi v.v... Nhân đó, vua hỏi Sư rằng: “Đời trước đệ tử đã làm những hạnh nghiệp gì?” Sư đáp: “Làm vua La Sát, do đó, nay vẫn còn ưa thích giết hại.” Và Sư liền chú nguyện vào bát nước, bảo Vua hãy nhìn vào đó. Vua thấy bóng mình giống như tượng La-sát.

Cứ mỗi năm, vào ngày mồng một tết, vua thường hỏi Sư về sự tốt xấu trong một năm. Sau, đến niên hiệu Thiên Bảo thứ mười (569) thời Bắc Tề. Sư bảo: “Năm nay không thể tốt được.” Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) không vui lòng, hỏi lại Sư vì cớ sao. Sư bảo:” Bần Đạo cũng không bao lâu nữa! Đến tháng mười thì Vua (Văn Tuyên đến) băng, qua đầu mùa hạ năm sau (560) thì tôi thị tịch”. Nghiệm xét lại quả đúng như thế. Thường nhân những ngày rảnh rỗi. Vua nói rằng: “Đệ tử chưa thấy sự linh dị của Phật, vậy có thể thấy được chăng?” Sư bảo: “Đó không phải việc thích nghi của Sa-môn.” Vua cố năn nỉ. Ngài bèn bỏ y Ca-sa xuống đất. Vua sai mấy mươi người giở lên mà chẳng lay động. Sư bảo một vị Sa-di đến lấy, tự nhiên không chút nặng nhọc

gì. Nhân đó, Vua càng dốc lòng kính tin khác thường. chùa chiền tăng chúng, vua cúng dường cung cấp rất nồng hậu. Đến khi nhà Bắc Tề mất, đến thời Bắc Chu phá hủy, tặng chùa cho Quan Đại phu Liễu Vụ Văn. Liễu Vụ Văn lại bảo người thân mới của mình trông coi gìn giữ. Đang dời chùa vào ở, có vị thần tức giận bảo." Sao dám lấn phạm chùa của bậc Tu-đà-hoàn?" Và thâu liễm không bao lâu thì mất. đến đầu đời Tùy, phục hưng lại am đồng như mới xây dựng, mỗi ngày sáu thời thiền tọa lễ sám, vang tiếng khắp hoàn vũ. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, giặc lấy chùa làm nơi doanh trại chiếm đóng, phòng nhà còn lại đều bị thiêu đốt.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Tôi (Đạo Tuyên) trèo lên thắng địa ấy, núi rừng vẫn như xưa, tình sự lại mới, khắp nơi hoang lạnh, thường dấy lên trời than thở sinh diệt, khắp đưa mắt nhìn đều bị thiêu đốt, thường chẳng xa lìa lỗi lầm. Người viết truyện này (tức Đạo Tuyên) có xem hành Đồ, nên đặt tựa ở sau.

9- Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương:

Thích Pháp Thông, họ Mai, người ở xứ Tân Dã thuộc Nam Dương. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, tài giỏi hơn người, tánh tình ngay thẳng trong sạch, thân hình như ngọc. Chỉ ăn rau lá lấy làm ngon, không mong cầu các vật béo bổ, đến tuổi trưởng thành, phong thái tiết tháo Sư càng mạnh. Với mọi vật tịnh thí tài lợi, lần lượt Sư nhóm cấp, đều hồi hướng tu tạo kinh tạng hơn ba ngàn quyển. Sư lại gom góp các Ký luận, có gì giúp cho Hoằng tán, thì không gì Sư chẳng gom góp.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đi về hướng Đông thì đến Trung nhạc. Đi về phía Tây thì đến Võ Đang. Tại chỗ thông Đạo, nên Sư chỉ ở chỗ lắng yên. Nhân đi đến suối Bạch Mã ở núi Tản Cái thuộc Tương Dương. Sư xây thất phương trượng, để làm nhà gá tâm. Vào hai cái hang làm nhà lan-nhã. Nay những người đi tuần núi còn biết nền cũ ấy. Đầu đời Lương có Tấn An Vương. Đến Tương Châu, nghe Đạo phong của Sư nên dò hỏi, sắp đến Thiết thất, ngựa đang cưỡi theo vô cớ tự thối lui. Tấn An Vương hổ thẹn trở về, đem đó lại cảm ác mộng. Sau, lại tìm đến, ngựa cũng thối lui như trước. Tấn An Vương bèn thanh khiết trì trai, dốc lòng hết sức thành kính mới được đến diện kiến. Ban đầu, mới đến cạnh chùa, chỉ thấy một cái hang toàn lửa dữ cháy phừng phựt, đứng nhìn giây lâu, bỗng nhiên biến thành nước, lại ngừng trong khoảnh khắc, nước tan biến, Đường nhà hiện ra. Đem việc ấy hỏi, mới

biết lúc ấy, Sư đang nhập Định Thủy Hỏa. Chỗ ngồi trong nhà, hai bên giường dây mỗi bên có một con hổ. Tấn An Vương không dám bước đến, Sư bèn đưa tay đè đầu hổ xuống đất và bịt hai mắt nó, gọi Tấn An Vương đến phía trước, Tấn An Vương mới được lễ bái. Nhân đó trình báo với Sư khắp trong xứ thường bị tai hoạn bởi hổ, cầu xin Sư cứu giúp. Sư liền nhập định, chỉ trong phút chốc có mười bảy con hổ lớn đi đến. Ngài bèn truyền cho nó ba pháp quy giới, dạy răn không được can phạm hung bạo đến trăm họ. Sư lại bảo đệ tử lấy vải bố áo cũ buộc vào cổ hổ, bảy ngày sau lại đến đó. Tấn An Vương đến đúng ngày hẹn, thiết trai, chúng nhóm họp, các con hổ cũng đến, bèn cho ăn và mở vải bố ra, từ đó không còn hại nữa. Hôm ấy, Sư dẫn Tấn An Vương cùng đến suối Bạch Mã, trong suối có con rùa trắng tự đến trong tay Sư mà lấy thức ăn. Ngài bảo với Tấn An Vương: "Đây là con Rồng đực. Lại đến chỗ suối linh, có con cá chép năm mầu cũng đến tay Sư để ăn. Sư bảo: "Đây là con Rồng Cái. Tấn An Vương cùng các Quan lại vô cùng tán thưởng việc ấy, bèn lập Đại thí hội mà cúng thí. Có bọn hung đảng vây quanh chừng mấy mươi người, ban đêm đến cướp chỗ vật cúng thí, gặp hổ gầm gừ cản đường, lại thấy một người lớn đứng tựa nơi thiền thất, bên cạnh có cây thông cao chỉ đến đầu gối họ, cầm chày Kim Cương, có người thủ vệ. Suốt đêm bồi hồi qua giờ ngọ hôm sau mới trở về. Tấn An Vương lấy làm lạ sự trở lại muộn nầy, bèn lấy sự việc ấy làm đầu, bèn dâng biểu tấu trình. Nhà vua ban sắc xây dựng chùa Thiền Cư, Sư chẳng đến ở mà chỉ cho người đến an định ở đó. Vua lại sắc bảo Từ Xi đến chỗ Sư ở xây dựng chùa Linh Tuyền, đến thời Bắc Chu đổi tên là chùa Tĩnh Lâm, đến thời Tùy lại đổi tên là chùa Cảnh Không, tới thời Tiền Đường vẫn gọi theo đời Tùy.

Mới đầu, Sư ở trong thiền đường, thường có con nai trắng và con chim sẻ mầu trắng thuần phục đến nương ở. Hễ chỗ nào Sư đi qua, đều lấy sự từ bi cứu giúp làm đầu. Nhân thấy người Đồ tể trói buộc cả trăm con heo, Sư liền ba lần xướng bảo rằng: "Giải thoát Thủ lăng-nghiêm." Heo bèn tuôn mở giây chạy tán mất, những người đồ tể tức giận, sắp ra tay gây sự, Sư vẫn đứng tự nhiên không lay động, nên họ bèn quy hướng sớm hối lỗi lầm, nhân đó dứt bỏ nghiệp giết hại. Sư lại đến sông Hán, thấy ngư ông đang kéo lưới, Sư cũng xướng bảo ba lần như trước, ngư ông kéo lưới không được, bèn lại quy tâm, mang lưới không trở về. Lại nữa, ở Kinh Châu bị khổ hạn hán, chùa Trường Sa sai vị tăng đến chỗ Sư thỉnh cầu mưa. Người sứ trở về thì trời mưa lớn, ven bờ ao hồ đều ngập cả. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn - thời Nam Lương) sai Lư Lăng Vương

thỉnh Sư đến Thành Đô, có sự việc không toại ý. Đến lúc Tương Đông Vương làm trấn mục Kinh Giáp ở Giang Lăng, xây dựng chùa Thiên cung, thỉnh Sư trụ ở đó. Và Sư thị tịch tại chùa đó. Lúc ấy nhằm niên hiệu Thái Thanh (547-550) thời Nam Lương.

Ở chùa đó hiện có bia ký, rộng nêu bày các dị chứng ở chùa Cảnh Không. Nay tại chùa có ngôi Thiền đường hiện còn.

10- Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện tại Chung Sơn:

Thích Trí Viễn, họ Vương, vốn người ở xứ Thái Nguyên, đến ngụ ở Thiểm Phúc. Thuở nhỏ Sư đã thông minh đỉnh đạt, sớm tỏ ngộ phi thường. Ngài trụ ở Thiền Phường chùa Trường Sa ở Kinh Châu, làm Đệ tử Sa-môn Pháp Kinh. Sư cao vợi riêng đứng, nghĩ nhớ huyền tâm.

Đến tuổi thọ giới, sự thanh khiết nơi Sư càng mạnh mà tuệ nghiệp chưa sâu, xa nghĩ đến Dương Liễn, bèn mang đội pho sách men theo làn sóng đi đến Kiến nghiệp. Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Xước ở chùa Long Quang là bậc một đời Anh hùng. Sư bèn buông tâm kính ngưỡng yếu chỉ, chuyên môn thọ giáo. Học qua một năm, Sư bèn hiểu thông ba tạng. Có Hầu Tiêu Chánh Lập ở Kiến An đời Lương, thông cả Nội ngoại, mở mang cả Khổng giáo lẫn Thích giáo, xây dựng chùa Phổ Minh, thỉnh Sư đến ở, để bày chí cúng dường.

Bấy giờ, có Thiền sư Tuệ Trạm là bậc thấu đạt Định Phẩm sâu mầu, là nơi Tông lãnh của hàng hậu học. Sư bèn cầu thỉnh thọ học đủ các bí pháp, hỏi tìm chất vấn huyền quán, nước định đã lắng, cửa tuệ nên mở thoáng, đến lúc Sư nghiên cứu thực hành Đại Thừa thì thấu suốt cả lá rễ. Sư lại trải qua các Danh sơn, nuôi dưỡng chí mở mang Đạo pháp, cùng các Sa-môn Đạo hội đồng nhóm họp như rồng cuộn. Nỗi lòng trắng trong xưa trước bỗng một kỳ hạn khai mở, nhân ở chùa Khai Thiện, Sư dốc chí với suối rừng, thành quyết chẳng hề trông nhìn, hoa sức thế tục không dẫm qua, Sư giữ sự tĩnh lặng an nhiên tới tuổi già vẫn không bỏ.

Vào sáng sớm ngày mồng một tháng mười hai niên hiệu Thái Kiến thứ ba (571) đời Trần. Sư thị tịch tại Thiền phương chùa Khai Thiện, thọ bảy mươi bảy tuổi. Sư căn dặn, cấm không được khóc, và an nhiên như nhập định, bèn an táng tại núi Độc Long. Sa-môn Tuệ Hạo chùa Tân An nói rằng: "Tôi cùng người ấy (Trí Viễn) sớm đồng pháp môn, lâu bẩm giới đạo. than ôi! Bỗng nhiên Cầu Pháp hư hoại, thuyền báu đã đắm chìm, mới dốc chút tài ngu mọn kính ngưỡng truyền tỏa thật

đức!" Ngũ Binh Thượng Thư Tiêu Tế là người nhiều tài học rộng, hạnh sạch danh cao soạn Minh tụng.

11- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ núi Phúc Thuyền ở Kinh Châu:

Thích Pháp Thường, người thời Cao Tề, lãnh dẫn đồ chúng giảng luật, tiếng tăm vang khắp xứ Chương Nghiệp. Sau, Sư giảng Kinh Niết-bàn và trao truyền Thiền số. Tề Vương tôn Sư làm Quốc sư. Vì ở trong chúng ồn náo khô khan do đó không sinh công đức, Sư bèn vất bỏ đi đến đất Sở. Sau nghe có tin truy tìm, Sư bèn đổi thay hình dạng ăn mặc, một lần đi xa ngàn dặm. Sư lại đến Hành nhạc, thường ở trong rừng núi hoang dã. Chuyên mặc áo vải bố đi khất thực. Sư lại đến Kinh Hiệp. Có Sa-mǹn Pháp Ẩn từ lâu ở ngọn núi phía Đông núi Phúc Thuyền, trì tụng các Kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, lấy làm việc thường, mà không hề nhàn rỗi quán tâm. Sau đến chỗ ngài Tùng Tư, thấy ngài là người có tiết tháo khác lạ, Sư bèn quy hướng cầu hỏi bến bờ. Ngài bèn im lặng chẳng đối đáp. Trãi qua một mùa hạ, sụt sùi than khóc, Ngài mới chỉ bày Tâm yếu, như điều nói mà thực hành mới thấy được chỉ thú ấy. Ngài Pháp Ẩn tuy chú tâm từ lâu mà buộc niệm chỉ mới thời gian ngắn. Tỏ ngộ sâu tịch định thật không thể suy nghĩ bàn luận.

Sư cùng Hồ Quân là người bạn cũ, cách xa chẳng gặp. Ghi ngày tháng sẽ đi xa trên tường, đến kỳ hạn quả nhiên Sư thị tịch. Khi sắp thị tịch, Sư nói với Chư tăng rằng: "Hôm nay, tôi sẽ ngủ một giấc dài!" Bèn vào phòng thất, nằm nghiêng bên hông phải, sáng ngày hôm sau, chư tăng lấy làm lạ khi thấy Sư ngủ không dậy, đến xem thì Sư thị tịch từ lâu, mới hiểu lời nói giấc ngủ dài của Sư.

12- Truyện ngài Thích Pháp Kinh chùa Trường Sa ở Kinh Châu:

Thích Pháp Kinh, họ Tôn, người xứ Thái Nguyên, đến ngụ ở Giang Lăng. Lúc sắp mang thai, mẹ của Sư mộng thấy vào trong ao sen, nâng bế một đồng tử, hình tướng khôi ngô rất đáng mừng vui, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sắp sinh, mẹ của Sư lại mộng thấy cưỡi trên mình một con sư tử mầu trắng dạo chơi giữa hư không.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia. Năm mười ba tuổi, Sư cùng bạn đồng học là Sa-môn Trí Uyên đều lên tòa cao giảng pháp rành mạch lưu loát không vướng mắc, chư tăng trong chùa Trường Sa đều mộng thấy có một vị Thánh tăng báo rằng: "Chùa Trường Sa vốn không có đàn việt, Ngài (Pháp Kinh) với nguyện lực sinh đến đó để làm rường cột."

Do đó, mọi thứ tạo dựng như gió theo nước dâng, vật dũng tài lợi chứa nhóm thành núi, cửa Phước mở rộng lớn, Điện Đường phòng nhà lớn nhỏ có tất cả thảy một ngàn năm trăm gian, đều do Sư xây cất. Tăng chúng nhóm họp có hơn ngàn vị. Thánh tượng tôn thờ tại chùa Trường Sa, trong nước ngợi khen đó là bậc nhất ở Đông Hoa. Do đó Đạo lực đến cả U minh đều trùm khắp. Hai vị Vua thời Hậu Lương nghe Đạo phong Sư thảy đều kính trọng, tôn Sư làm Tăng Chánh để làm giềng mối cho Di Pháp.

Về sau, Sư mắc phải chứng bệnh nguy ách, chư tăng trong chùa suốt bảy ngày đêm đối trước tôn tượng hành đạo. Sa-môn Pháp Thái mộng thấy Thánh tượng đến chỗ phòng Sư, và Tịnh nhân Viễn chí cũng đích thân trông thấy Thánh tượng từ nơi phòng Sư trở về Đại Điện. Ngày đó, bệnh Sư liền lành. Vậy đủ biết thụy tượng của vua A-dục ban giáng vốn ở nơi người, chuyên chú nguyện cầu, không đâu chẳng ứng. Sau đó, không bao lâu thì Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi.

13- Truyện ngài Thích Pháp Lẫm trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu:

Thích Pháp Lẫm, họ Nghiêm, người ở xứ Chi Giang. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia trụ chùa Ngọc Tuyền. Ở đó chúng bạn thanh tịnh, Sư nương tựa Đạo Vị có đến mấy năm, chuyên lấy thiền niệm làm căn bản, lúc rảnh rỗi thì tụng kinh. Với các kinh Pháp Hoa, Duy-ma cho đến Đại Luận sao, Sư đều thông suốt không mịt mờ. Sư chẳng mặc các thứ lụa là, chỉ dùng vải bố thô lớn làm áo, chẳng ăn dùng vật thực của chúng tăng, thường chuyên khất thực, mỗi ngày một bữa, không nằm, thường ngồi, siêng năng cố gắng, chẳng như đồng bạn.

Sư chống tích trượng đến khắp phương xa, nói tìm bạn lành cao đẹp, nên các xứ Lô Phong, Đài Lãnh, Hành La, Hằng Đại, không nơi xa nào Sư chẳng đến. Khí mạo dáng điệu Sư trong sáng cao vợi, nên chư tăng trong núi trông thấy không ai chẳng cung kính cao tiết mà kính ngưỡng sự kỳ thú của Sư. Rừng chầm là nhà cửa của loài thú dữ, nơi sâu tối là hang hóc của Quỷ quái, mà Sư dừng nghỉ tự tại như trong xóm làng.

Trước kia, có lần từ Đại Nhạc, Sư theo đường ra Từ Châu, gặp 1 Huyện lệnh, dùng công nghiệm hỏi Sư, Sư thường mang theo một hòm Kinh Pháp Hoa, bèn đáp rằng: “Trong hòm đó có Hành Văn”. Huyện lệnh xem xét không thấy, bèn tức giận bảo rằng: “Vốn không có hành văn, vì sao lại nói có?” Sư đáp rằng: “Kinh ấy là tung tích sở hành của

Chư Phật, Bần đạo dẫm theo mà thực hành đó, trở về với cội nguồn, tức Hành văn của bần đạo!" Huyện lệnh tức giận không thôi, bèn giam giữ Sư. Suốt bảy ngày, Sư không ăn, tụng kinh không thôi nghỉ. Huyện lệnh cảm lấy ác mộng, bènh đảnh lễ sám hối tội lỗi.

Sau, ngài ẩn náu nơi núi vắng, chuyên lấy thiền tĩnh làm chánh nghiệp. Và an nhiên ngồi thẳng thị tịch trong hang núi, thọ sáu mươi hai tuổi. Có mùi thơm lạ phảng phất suốt tuần mới hết.

Bấy giờ, ở Dương Sơn có Sa-môn Tăng Cảnh, không rõ Sư là người xứ nào, ẩn vết ngoài cõi trần, chỉ lấy Đạo tự vui sống. Trong Dương sơn có suối đá, tùng trúc đẹp xinh, trong lành rộng thoáng, đảnh núi nối tiếp với Đào Nguyên, người xưa xưng gọi đó là Danh Địa. Sư chiêm đoán tịch chiếu, cảm thông đến Quỷ vật. Như người có niệm ác thì chẳng thể bước tiến lên, hoặc bị hổ rắn làm sợ hãi phải lạc mất đường. Nếu có người muốn hỏi đạo thì an nhiên bước đến không có điều gì. Cũng có người đến đó mà bừng bừng dấy khởi niệm ác, bỗng nhiên thấy con rắn lớn xuất hiện từ giường dây, sắp muốn nhả khí độc hại, bèn sám tạ mà được khỏi. Bấy giờ, tại Chi Giang có Thiền sư Tuệ Thôi là Đệ tử tài giỏi của Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc, nghe Đạo phong Sư mà đến. Sư chỉ im lặng chẳng đối đáp. Ngài Tuệ Thôi khóc lệ như mưa cầu thỉnh, suốt đêm đứng đợi chí thành, cố thưa hỏi thành thật, trải qua nhiều ngày, Sư mới bày nói: Ngài Tuệ Thôi mở lời nói rằng: "Tôi đến khắp các Danh sơn, gặp được nhiều vị thượng đức. Bạn lành cao thượng có đến mười tám vị, phân rành được đường lối cửa ngõ ấy, từng trải qua bước vào, mà tường nhận cao xa, xướng lời kỳ đặc, khó dẫm bước lên, người ấy chính ở đây!" Đến như tuổi tác của Sư, mọi người đều chẳng thể lường biết được, có lần ngài Tuệ Thôi dò hỏi. Sư đáp là: "Tôi đã ba trăm tuổi!" Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

14- Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang:

Thích Tuệ Thành, họ Đoạn, người xứ Lễ Dương. Sư xuất gia trụ chùa Thập Trụ, đọc tụng các kinh điển Đại thừa như Pháp Hoa, Duy-ma, Thắng nhân vương, v.v... hơn hai mươi quyển.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư vì Kinh Nam Phật Pháp Hy Tiên thừa Đô mở rộng pháp tịch, xa có tâm kính mến Sư, ông bèn nhân theo thuyền buôn mà đến đất Kiến Nghiệp. Gặp lúc đang nhóm họp giảng Luận Thành Thật. Học chúng rất đông chen vai kề sát nghe học suốt thời gian mười năm. Văn ký sắp hết. Sư sắp trở về Bổn ấp, bèn đến

chùa Khuông Sơn gặp ngài Trí Khải, nhân Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc giúp đỡ hoằng hóa trong núi, dẫn chúng như sóng động, Sư thử đến đó xem. Khi đã thấy được, Sư vui mừng muốn học theo Định nghiệp, Thiền sư Tuệ Tư bảo rằng: “Một đời học vấn của ông, để ta hơ tay còn chẳng được ấm. Luống mất công phu, thật đáng tiếc thay!” Sư vốn nhờ Văn Sớ, nương tựa kẻ khác mà sinh hiểu biết, bỗng nhiên nay tự xem xét, mịt mờ như sương mốc tan đi, bèn bùi ngùi hối hận, rất không thể được! Sư bèn nghĩ rằng: “Nhân Đại Sư khéo biết ý từ trước đến nay thử nghiệm đó xem sao.” Thấy cây như ý, và khăn tay, giày vải bèn muốn có được. Thiền sư Tuệ Tư bảo đưa cho Sư. Sư bèn vội đốt bỏ hết chương sao, ném vất bút nghiên, chuyên chí ràng buộc tâm, lấy sự chắc chắn thành đạt làm kỳ hạn.

Bấy giờ, đến chốn thiền môn có mấy mươi người, đều là những bậc tiên đạt, vì tới sau, nên Sư sợ chẳng bằng, bèn lấy đêm làm ngày mở mắt ngồi thiền, trải qua mười lăm năm. Thiền sư Tuệ Tư bảo Sư đến các đạo tràng Phương Đẳng, Pháp Hoa, Quán Âm, Ban Chu, trải qua để tiêu trừ chướng nạn, Sư bèn y cứ thực hành suốt ba năm, nghiệp ma, quỷ thiền đều nhân đó mà mất hẳn. Thiền sư Tuệ Tư bèn chỉ bày cho chánh pháp. Sư chuyên tư duy Huyền tịch, thời gian lâu bèn tỏ ngộ Giải chúng sinh ngữ ngôn tam-muội. Sư càng tinh tấn suy nghĩ thông sáng, tĩnh loạn ngang bằng nhau. Còn ngài Trí Khải nhắm mắt thì thấy Đạo tuy sáng mà mở mắt thì mất, so với Sư thì khác hẳn như trời với đất. Thiền sư Tuệ Tư bảo rằng: “Ông Trí Khải trước phát tam-muội, sau chứng Tổng Trì, còn ông Tuệ Thành thì ngược lại, cả hai ông tịch chiếu ngang bằng nhau!”.

Sau khi Thiền sư Tuệ Tư thị tịch. Sư bèn đến Chi Giang xây chùa Thuyền Tuệ. mọi thứ đất đá cây gỗ để xây dựng đều nhờ thế tục mà có, do đức hạnh chiêu cảm nên chẳng bao lâu bèn thành tựu. Ở đó nhìn về phía Tây nơi bãi cát nhỏ là chỗ đất mà ngài Đức Loan gá ẩn. Còn xa nhìn đến Thượng Minh là nơi Di Thiên (Thích Đạo An) xây lập chùa. Tương Đông Vương, do kính mến đạo phong của Sư nên thỉnh vì xây dựng chùa Thiền Chúng. Sư bèn xây dựng Đại Điện nhưng thiếu xà nhà nên chẳng thành. Đang lúc tháng sáu, nước dâng cao, trong một đêm Sư cảm mộng có người mách bảo: “Có gỗ để làm xà nhà được, hãy qua sông mà đón lấy”. Sư theo lời ấy, bèn đến xem thử, quả nhiên đúng như sự mách bảo. Có Thanh Tín Sĩ (cư sĩ) Đoạn Hoằng làm chủ một tinh xá bỗng nhiên chết giấc, người nhà thỉnh Sư đến nhà thì Đoạn Hoằng sống lại kể rằng: “Mới đầu bị bắt đến chỗ Vua, thấy Thiền sư lên điện, nói

cùng với tôi tạo lập công đức chưa xong, bèn xin tha cho. Vua đứng dậy đảnh lễ sát chân Thiền sư, như lời nói mà được thả. “Trần Chúa nghe vậy bèn đến thỉnh nhưng Sư chẳng đến. Lại sai Giang Tổng v.v... đến thỉnh, nếu chẳng được thì chẳng nhọc trở về. Vua quan dân chúng khóc như mưa, gượng dắt Sư xuống thuyền, Sư bèn cử thân nhảy xuống nước đứng trên dòng sông. Lại thỉnh nhưng chẳng mong xuống. Giang Tổng v.v... rối rắm thân không nơi y cứ, bèn theo Sư đến Đô thành thọ giới mà trở về. Vua bèn ban tặng chỗ Sư ở đặt tên là chùa Thuyền Tuệ.

Sau đó không bao lâu, phố chợ triều đình biến đổi, có Luật sư Thường muốn đến Nam nhạc, gặp Sư cùng dừng nghỉ qua đêm. Trong đêm Luật sư Thường bắt bỏ chấy rận xuống đất nhưng Sư thầm biết. Đến sáng, lúc từ biệt nhau, Sư bảo: “Đêm qua Đàn Việt bị lạnh làm khốn khổ!” Luật sư Thường hổ thẹn, trọn tự răn dè.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư bảo môn nhân rằng: “Hãy mau sắp xếp nền Đại Điện. Tôi sắp giảng kinh Niết-bàn.” Mọi người nghe bèn vội tay làm, vừa xong thì ngài Trí Giả ở chùa Ngọc Tuyền đến, thầm phù hợp nhau, cùng bàn luận Huyền lý. Giây lâu sau dứt hơi, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa Thiền Chúng, thọ bảy mươi ba tuổi. Tương Đông Vương Cung nội, lập bia, đến nay vẫn còn ở trong thành.

15- Truyện ngài Thích Pháp Nhẫn trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu:

Thích Pháp Nhẫn, người xứ Giang Lăng. Mới đầu, Sư đến chùa Thiên Hoàng, xin xuất gia. Từ khi thọ giới Cụ túc về sau, Sư chuyên thọ trì Kinh Pháp Hoa, Duy-ma, mỗi ngày thường tụng hai biến. Chúng tăng nhóm họp đông đảo, có lắm sự ồn náo, gãy đỗ do đó phát sinh. Sư bèn đi về hướng Tây đến núi Phúc Thuyền, ở dưới hang núi, chuyên tu hạnh Đầu-đà, tự lắng tĩnh Quán lý. Hơn ba mươi năm chỉ ăn cây cỏ, mặc áo vỏ gai chầm vá mà thôi. Tự được ở chốn núi rừng u vắng, không mong cầu ngoại hộ. Thăng gạo nếu hết, thì Sư chỉ dùng lấy nước trái cây, không hề cầu xin. Sư từng chỉ ăn một bữa mà ngồi suốt bảy ngày cầu mong chí nguyện. Và đã từng suốt một mùa hạ hao phí chỉ ba đấu gạo, chắc chắn đến ngày tự tứ còn đầy năm thăng. Sư tuy sống riêng chẳng vào giới khoa, mà kiệm ước một góc tự hành trì riêng. Sư ở nơi khám thất chiều cao chỉ dung chứa đến ngang đầu gối. Giữa mùa Hạ nắng nóng hay mùa Đông không cần phải thêm chăn nệm, mùa Hạ chẳng cần bớt áo mặc. Sư an nhiên giữa đạo Vô vi mà thôi. Bỗng nhiên có một con voi không duyên cớ gì mà tự đến nơi khám thất ngài. Trải qua

mấy ngày, Sư bỗng hiện tướng bệnh, đến hang núi ở phía Bắc của chùa nằm nghiêng hông bên phải, thọ sáu mươi bảy tuổi. Y bát của Sư như bụi trần gỗ mục, chúng không can dự. Thử bình phẩm và định giá trị thì chẳng đến mười quan tiền.

16- Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô:

Thích Tăng Thật, họ Trình, người ở xứ Kinh Võ thuộc Hàn Dương. Thưở nhỏ, Sư đã có hoài bão cao nhã, trong sáng không ai bằng. Sư thường cùng các trẻ nhỏ dạo chơi vui đùa, hoặc hái lá dâng hương, hoặc nhóm cát xây tháp, khắp trong thôn xóm mọi người đều kính quý Sư. Biết Sư sắp có thể dần dần kính tin, thân quyến mến thương, chẳng cho Sư xuất gia. Sư dùng hết lời dẫn dụ, lâu sau mới được toại ý. Đến năm hai mươi sáu tuổi, Sư mới được cạo tóc xuất gia.

Bấy giờ, có Pháp sư Đạo Nguyên là người nổi tiếng thời Bắc Ngụy, Sư bèn quy hướng nương theo. Được gặp Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 479 - 500), bèn đội ân ban lễ. Khoảng cuối niên hiệu Thái Hòa (500) thời Bắc Ngụy, Sư theo ngài Đạo Nguyên đến Lạc Đô. Nhân gặp Tam Tạng Pháp sư Lặc-na đang truyền bá Thiền pháp. Sư thường ở nơi Hoàng cung dò hỏi Thiền Bí. Ngài Lặc -na lấy làm lạ bảo rằng: "Từ lúc đạo pháp truyền bá đến Đông Hạ, thiền vị tĩnh lắng là ở người này ư?". Từ đó, Sư tìm thầy học đạo, trải qua khắp cùng. Tuy ba học, Sư đều thông suốt, nhưng chỉ dùng chín thứ điều phục tâm, nên thành tựu nước Định lắng trong, rừng thiền tươi tốt. Tánh Sư ít can thiệp đến việc người đời, chỉ chuyên lùi bước ẩn náu làm chính. Do đó, lọng cao, xe ngựa bốn con, Sư không hề ghé mắt để ý. Còn với suối trong rừng trúc, Sư đoái hoài quên cả trở về. Lại thêm, miệng vòng quanh như mặc tử xinh đẹp dường như thăng hình, mắt có hai tròng ngươi phát sáng soi chiếu ra ngoài, nách bụng như trứng chim phụng, bảy chỗ đều bằng phẳng tròn đầy. Tướng ngài đặc biệt khác thường, vang tiếng khắp cả Kinh Lạc. Lại thêm Đạo hợp, sống biết hóa thông khắp mọi chốn. Nghe học tuy chưa rộng nhiều mà không điều gì hỏi đến mà Sư chẳng sáng tỏ. Siêng năng chỉnh trang bốn oai nghi lắng tu ba pháp. Có thể làm khuôn phép ở phong tục, đủ làm bậc Thầy mẫu mực cho trời người. Nên Thái Tổ Văn Hoàng - Hiếu Mẫn Đế (Võ Văn Giác) thời Bắc Chu, lúc làm Đại Thống Trung đời Ngụy, có ban chiếu nói rằng: "Sư có đôi mắt sáng đẹp, hai tròng ngươi riêng biệt, đồng như vua Ngu vua Thuấn, lưng lớn hơi cong tợ Chu Công, Đức lớn thuần đẹp, khuôn phép tâm lượng khó mô phỏng. Có thể như Tam Tạng Chiêu Huyền. Nói là vật báu ở đời, vì thế dốc chí

gìn giữ, cho nên có Pháp tướng cần hưng khởi, việc thế tục nên phế bỏ. Mở lời đàm tấu luận bàn mọi sự không gì chẳng thực hành.”

Vào niên hiệu Bảo Định (561 - 566) thời Bắc Chu, vua Thái Tổ lại bảo: “Sư có tài sâu đức lớn, nên giúp đỡ đạo tục bằng phép lễ lớn nên Vua đích thân đến cầu thỉnh Sư vì nước nhà mà làm Tam Tạng Pháp Sư. Sư thật đương nhân chẳng nhường nền im lặng chấp nhận, là khiến cho rường cột tại đó, làm hình nghi đáng nương cậy. Nhà Bắc Chu có được đất nước, lại kính ngưỡng huyền phong, lễ trọng khác với triều đại trước, cầu xin nhận thọ quy giới. Sau khi Thái Tổ bình định Lương Kinh, tại Ích Châu có hơn mười lăm vị Đại đức, mỗi vị ôm lấy kinh bộ, đón rước tôn tượng đến kinh đô. Đem Diệu Tông của ngài Chân Đế đến hỏi Sư. Thế rồi tuệ tâm ngầm chuyển, Nam Bắc mới thông. Sư liền vì vạch bày quyết trạch suốt thông vượt ngoài tình, đồng thời thần phục. Từ đó, Sư đào luyện mở mang khắp Kinh Hoa, lâu dần càng hưng thạnh.

Bỗng một hôm, Sư bảo tăng chúng “Hãy gấp chuẩn bị các thứ hương đèn sửa sang pháp sự, trì tụng xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm để cứu giảng đường ở một ngôi chùa kia ở Giang Nam sắp bị sụp đổ”. Ngay lúc ấy, giảng đường ở Dương Đô đang luận về pháp tập, kẻ Tăng người tục có đến vài trăm vị ở đầy trong đó, nghe ở hướng Tây bắc có mùi thơm lạ và tiếng kỹ nhạc giữa hư không, cả giảng đường đều lấy làm lạ đồng ra nhìn nghe, thì giảng đường bỗng nhiên sụp đổ. Đại chúng không một ai tổn hại gì, mới đem sự việc ấy tấu trình với Lương chúa và chuyển đến hỏi Vua Thái Tổ nhà Bắc Chu, quả nhiên biết được do Sư cứu giúp. Vua bèn ban đưa lắm thứ quý báu đến dâng tặng liên tục. Và Sư chỉ chuyên giữ lấy ba y và mọi vật mà thôi, ngoài ra đều tùy ban cấp. Do đó tiếng tăm ngài vang động khắp cả ba nước, việc đều tham vấn bậc Chí Thánh.

Đến ngày mười tám tháng bảy niên hiệu Bảo Định thứ ba (563) thời Bắc Chu, Sư thị tịch tại chùa Đại Truy Viễn, thọ tám mươi tám tuổi. Khắp triều đình đến thôn dã đều kinh ngạc than thở, người trời biến sắc. Vua buồn thương gào khóc, ban sắc đắp họa hình tượng Sư thờ tại chùa Đại Phước Điền. Và ngay ngày đó an táng tại Tất Công Lỗ Thực ở ngoài cửa Đông Giao, tại phía Nam phần mộ, bia đá vẫn hiện còn. Sư có các đệ tử như Sa-môn Đàm Tướng, v.v... mồi đèn nối đuốc chẳng cùng, càng lớn hoa thật. Vì nghiệp có chỗ theo, bèn tại nơi mộ tháp Sư xây dựng ngôi chùa, lại lấy tên là Phước Điền để kính tu phước thầm, đồng thời dựng bia ở cả hai chùa. Sa-môn Thích Đạo An ở chùa Đại Trung Hưng và Nghĩa Thành Công Canh Tín soạn văn, nay hiện còn tại uyển nội.

17- Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô:

Thích Tăng Vĩ, họ Phan, người ở xứ Bình Dư thuộc Nhữ Nam. Khí lượng Sư lắng sâu, phong thần rõ ràng thanh nhã.

Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia, chuyên mặc y áo thô xấu, ăn dùng rau lá. Đến nỗi miệng bụng dần dần dùng buồm đá nước tùng thông, nóng lạnh cần dùng thường áo lá sen, dãi hoa Huệ, nên được kết tinh tiết tháo trắng trong như ngọc thạch, tánh tình phong nhã phẩy phất giữa ráng mây. Ban đầu, Sư trì tụng kinh Kim Quang Minh. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư xuống Dương Đô trụ chùa Đế-thích. Nghe Luật sư Đàm Viện giảng Luật Thập Tụng, ngầm trải qua năm năm xét soi trì phạm. Sư bèn đến trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, theo Thiền sư Phụng tu học pháp Quán dứt tưởng, đượm vị tình không, nghiên cứu xem xét nhân duyên, nương giữ niệm tuệ, từng được Ấn Chỉ. Truyền tỏa hương thơm, nêu cao Đạo nghiệp, xa tiếp thừa gá tức nơi nước nhà, sương mốc danh sơn, hang động sâu thẩm, sông thơm nước ngọt, bèn mang mái chèo lướt sóng nêu danh nơi rừng chầm, trọn đạt ý chí kết ở núi đó. Nhưng tiếng tăm Sư sáng trong vang suốt khắp cùng đất nhà Chu. Vua ưu đãi bậc hiền đức, xa giá đến hỏi Đạo, thỉnh Sư đến Kinh Đô, gần gủi kính thờ lời dạy bảo, vua ban sắc cho các hàng Quân Khanh, cận thần, phi hậu, ngoại thích đều thọ mười điều lành, nhân đó kính thờ ba quy y.

Niên hiệu Thiên Hòa thứ năm (570) thời bắc Chu, vì an táng Thâu mẫu trở về phương Đông. Vua ban sắc mời Sư làm An châu Tam Tạng, sửa sang bốn chúng đều theo pháp Lục hòa. Trong thời gian nhậm lãnh Sư có đến hai chùa Thọ Sơn và Vân Phạm. Phía Nam nhìn về sông Sơ, phía Đông thẳng tới kinh thành nhà Tùy. Phép tắc công trình, chuyển vận tốt đẹp.

Đức hạnh Sư lan tỏa khắp Giang Hoài, Các bậc Đế vương trọng vọng, nhân đó có ban sắc chiếu xây dựng riêng chùa Thiên Bảo ở trong Vương Thành để Sư trụ ở đó. Đã được thỉnh mời, nên tự thân Sư làm khuôn phép cho tăng luân, mặc áo nạp cũ kỹ để đền ơn cung cấp. Tĩnh duyên thanh khiết, tiết tháo ngang chí với lâm triều.

Đến ngày mồng mười tháng chín niên hiệu Kiến Đức thứ hai (573) thời Bắc Chu, Sư bị bệnh, sau đó không lâu, Sư thị tịch tại chùa Thiên Bảo, thọ sáu mươi mốt tuổi. Các môn nhân, đệ tử buồn cảm, sĩ nữ kinh hãi đua nhau kéo đến. Qua tháng hai năm sau, đón rước về An táng tại núi An Lạc.

Sư có nghi dung cung kính trang nhã, oai nghi khoan thai. Người đến với Sư thì tự chỉnh trang khuôn phép thanh tịnh, kẻ trông thấy Sư

thì tự kính ngưỡng. Canh Tín ở Tân dã kính vâng phương trần, khắc lập Văn bia tưởng niệm, nay hiện vẫn còn.

18- Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô:

Thích Đàm Tướng, họ Lương, người ở xứ Lam Điền thuộc Ung Châu. Cùng ở chung phòng với Sa-môn Tăng Thật, vốn chẳng phải Sư Bảo nhưng thuần kính trọng, giữ lễ hơn Hòa-thượng. Sư rất thông minh dễ ngộ, mắt nhìn suốt cả bảy hàng, lấy việc Thiền tụng làm tâm, chu cấp làm mục đích. Sư thương xót dắt dẫn có sự lưu tâm riêng. Nhân có việc qua lại, hễ thấy người dùng các thứ lưới võng săn bắn, chim thú mắc phải khốn khổ, thì Sư dùng thân mình thay thế để chuộc lại cho thoát khỏi mới thôi. Đức nhân từ cứu giúp của Sư thật xuất phát từ thiên tánh. Ngài Tăng Thật có ngợi khen rằng: "Đàm Tướng là người có Phước Đức, ta đây chẳng thể sánh bằng". Ở đây thấy lễ như thế, có lần vào ban đêm, ngài Tăng Thật đến phòng Sư, Sư thường bày tòa dự phỏng theo. Sư chẳng một lời nào đối đáp, chỉ tỏ bày Đạo hợp, riêng có người nghe, không có một lời hỏi. Sư thường lấy làm khuôn phép mới trải qua nhiều năm. Có lúc bị bệnh nặng, có người đến thăm hỏi, Sư đều lược nêu cương mục chỉ dạy họ trị dứt, đến lúc sẽ có thần hiệu, mọi người đều lấy làm lạ. Có người hỏi "Lý Thuận Hưng và cường luyện là ai?" Sư bảo:" Thuận Hưng mang thai rồng nên lắm dục, Cường Luyện du hành theo tiên tục, giúp đỡ phật pháp mở mang giáo hóa!" Sư có những điều rõ ràng thầm dự ghi, không thể lường biết được. Sư trụ tại chùa Đại Phước Điền, bảy Chúng ở Kinh Hoa đều bắt chước kính ngưỡng như thần.

Vào cuối thời Bắc Chu, chánh pháp bị suy đồi hủy hoại, Sư bèn ngầm ẩn trong núi. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy. Sư dẫn trước xuất tục. Qua ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582), Sư thị tịch tại Đô thành cũ ở Vị Âm, vẽ tôn tượng Sư để lưu truyền. Hiện nay, tại chùa Thiền Lâm ở Kinh Đô, người kế thừa Thiền học của Sư, tiếp nối phó chúc cho Sa-môn Tuệ Đoan, đầy đủ như trong Biệt truyện.

19- Truyện ngài Thích Đạo Chánh ở Lan Nhã tại Thương Châu:

Thích Đạo Chánh, người xứ Bột Hải thuộc Thương Châu. Bẩm chất Sư cao sáng, lời nói chí khí cao xa. Sư ở không nơi nào cố định, học hành chẳng do thầy truyền trao. Sư thích thực tập Thiền hành, kính

chuộng pháp Lan-nhã. Bất kể mùa Đông hay mùa Hạ, Sư thường gá ở nơi rừng sâu, vào trong thôn xóm khất thực, ngoài ra chỉ thường ngồi. Sư buộc ý tưởng nơi giường dây, buông màn tĩnh lắng một mình. Kẻ tăng người tục đến tham vấn thì Sư lược chỉ bày giềng mối, khiến họ trú tâm, hướng về sự truyền trao. Nên khiến mọi người từ bốn phương xa đến, mỗi người đều chuyên tâm tĩnh duyên. Chúng nhóm họp tuy đông đảo mà bên ngoài không ổn náo nhiễu loạn. Sư trụ tánh hành tàng, đều không vì Danh. Các giảng hội Kinh luận, không đâu Sư chẳng dẫm bước đến. Và đều nghe ngài giảng sâu ấn, lược bớt chỗ rườm rà. Sư chu du khắp Lưỡng Hà, nói bàn vượt xa. Sư riêng nêu dùng Luận Thành Thật, tiếng tăm vang cùng Châu U, Chây Ký.

Bấy giờ, có Lệ Công Quán dẫn Sư đến chùa chánh trụ, dâng lên thư mỏng mà chí gồm mây gió, không hề đoái hoài, trở lại rừng thưa, tiếp nối đạo nghiệp, gồm thuật Hiến Pháp, lưu truyền ở đời, lấy tên là "Lục Hạnh", là pháp tu của Phàm Thánh. Gồm nêu một việc giáo hóa mà dung nhiếp thông cả muôn lối. Trong đó:

1/ Phàm Phu tội hạnh
2/ Phàp Phu Phước hạnh.
3/ Tiểu thừa nhân hạnh.
4/ Tiểu Bồ-tát Hạnh.
5/ Đại Bồ-tát hạnh
6/ Phật Quả Chứng hạnh.

Đều hợp cả sáu bộ, giản lược một quyển, rộng là hai mươi quyển. Nửa trước là Phần tựa, nửa sau là Hành Thể, lời chẳng Văn Chất, chữ rõ Từ Phí. Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, mang lại đến mắt Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ý muốn cho rằng chư tăng ở Đông Hạ phần nhiều chìm trong Danh giáo, quy tông ít người nương cậy, dính mắc quên trở về. Muốn cho mọi người bò nôm nghiệm lý, gồm một mà biết Tông, giữ Đạo hành Thiền, thông giúp Thần sáng. Trạng văn đầy đủ tấu trình với triều đình. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh vốn là người nương tựa Đạo huấn, bèn đến chùa Thiền Lâm nhóm họp các bậc Danh đức, trình bày những điều trình tấu, khi đó, giữa pháp tòa có vị tăng bảo rằng: "Tại Đế kinh không có người nào hay sao mà để cho kẻ ở góc biển truyền pháp?" Sư nghe vậy, liền đáp rằng: "Bổn ý tỏ bày muốn làm sáng tõ tà chánh, chẳng muốn phân biệt trung biên ở giữa hay hay ngoài bìa. Đạo là thông suốt, cần phải sơ lược noi theo". Đại chúng không do đâu mà chống đối, nhưng lời nói và việc làm của Sư thì Đại chúng chẳng muốn vâng theo. Từ đó, Tăng chúng không thực hành mà tự giải tán. Sư biết

ở thời Mạt quý thật khó cảm giáo hóa, bèn đem Hành pháp để lại chỗ Thiền sư Phương ở Kinh Liễn mà trở về Đông Xuyên, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu. Hiện nay, các chúng ở Ly Sơn phần nhiều tiếp thừa quyết tự, giữ nghiệp lưu truyền.

20- Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêm ở Hoài Châu:

Thích Đàm Tuân, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm thuộc Hoằng Nông, sau dời nhà đến ở quận Hà Đông. Từ thuở nhỏ, Sư đã ưa thích vị Đạo, nhưng bị ràng buộc trong thời gian lâu.

Năm hai mươi hai tuổi, Sư mới xả bỏ được việc thế tục, đi xa dò hỏi chốn núi non mà gá ẩn. Sư đến chùa Lâm Lạc Tuyền ở phía Bắc núi Bạch Lộc, gặp được Thiền sư Đàm Chuẩn, xin xuống tóc xuất gia. Lại một năm sau, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư kính cẩn giữ gìn tự tu, sùng bẩm tâm học, chuyên chí quyết liệt. Các đồng bạn của Sư trước đó đã hoàn bị giới luật, lại tụng Kinh Pháp Hoa. Mới mùa Hạ đầu tiên, Sư đã trở về Kinh đô để định nghiệp. Nhân có Sa-môn Tăng Điều đang ở tại Thương Cốc, Sư bèn đến học luật. Sư Tăng Điều cũng là bậc Dĩnh Tượng ở Định Sơn, như truyện ở trước đã trình bày. Ngài nổi tiếng khắp cùng, người ở xa cùng đến vái chào cung kính. Ở đã khác rừng, lại tinh tấn dung thông Lý Cực, nghĩa bày lời đến, thường nhân đó cách biệt, bởi đường đi ít dấu chân người, núi non lại lắm dã thú. Sư gá ẩn nơi sâu xa đã lâu, tánh chẳng quen với trần tục, qua lại chất vấn nghi ngại, không do đâu mà đến đường tắt. Thẳng trông Thương Cốc để làm Hạnh biểu. Gai gốc sỏi đá, đạp lên chẳng khó, hang hóc sâu tối cản trở men vịn leo lên, chí trụ trong Chánh Quán. Nên chẳng vì đường tà tự thông, lại do bên cạnh ban trải lợi Đạo. Do phép tắc trước mà thông tuệ, nay ta nêu bày ý chỉ tuy khó nhưng sẽ thẳng tiến để trình bày Đạo nghiệp. Lấy đó nêu ý, tùy cảnh gá tâm, há chẳng phải tốt lành ư? Sư có nói "Cùng với Kẻ mất đạo mà may mắn suốt thông thì thà hợp với Đạo mà chẳng may mắn đến cùng." Nên ngài dẫm đạp lắm lớp trở ngại, mà chẳng khó đường cùng. Sau trải qua ba mùa hạ, Sư dời đến trụ ở hang Lộc Thổ tu thiền. Gặp lúc suối khô lại tuôn nước chảy. Hưu nai nhiễu quanh phòng viện nên được suối nước đẹp xinh, chim thú quen thuần, thường ngày được cứu giúp nên đến gần với Đạo. đồ chúng theo học cùng mừng vui điềm lành ấy.

Bấy giờ, vì thỉnh pháp nên Sư tạm đến Vân Môn, đi theo đường tắt, bị mây mốc che phủ lạc mất lối đi, nhờ thần núi chỉ lối mới gặp lại

đường chính. Đó là do cảm hóa u minh nên thần minh che chở. Bấy giờ có kẻ trộm đến cấp lấy rau quả, sắp ra khỏi vườn, thì bị đàn ong cắn đốt. Sư nghe vậy bèn đến cứu chữa, dùng từ tâm chữa trị nên đượcbảo toàn mạng sống. Có người ở Triệu Châu xa đến Ân cần thiết đặt lễ phẩm và trình bày rằng: “Vì bị bệnh chết đi sống lại nên mang ân trạch, đến gặp Diêm Vương vặn hỏi, tội đáng đọa vào ngục, may có Thiền sư Đàm Tuân đến vì xin tha mạng, Diêm Vương nhân đó mà phóng thả. Sống lại chưa uỷ thác, tìm cách cứu giúp.” Sư có lần đi núi gặp hai con hổ giao đấu với nhau qua nhiều ngày không thôi. Sư bèn dùng tích trượng phân chúng ra, dùng thân ngăn lại, bảo rằng: “Đồng ở trong rừng chầm, tính không trái ngược lớn, mong đều tự phân đường!” Hai con hổ bèn cúi đầu vâng lời, tiện nuốt giận mà bỏ đi. Sư lại thường gặp hổ gấu giao đấu nhau, sự việc hơi giống như trên. Và hoặc mở mang ở bụi cây rậm rạp, chỉ một bước chân Sư vào mà chim muôn chẳng loạn động, thú thấy như tình cờ. Đó lại do âm đức cảm vật, hiển bày dụng thành lòng nhân, nếu không làm sao có sự tốt lành như vậy! Mỗi lúc Sư nhập Định cứ bảy ngày là một kỳ hạn. Có con hổ trắng vào phòng Sư, trở thành hang ở, ở nơi phòng viện tĩnh lặng mười năm chẳng ra. Từ khi có dấu vết thiền, ít người phỏng theo.

Từ đó, Sư hoằng hóa theo dòng Hà sóc, mở mang hưng thạnh thiền môn, bèn chống gậy, mang lương thực sắp xếp trở về vụ kết. Vua Văn Đế nhà Tùy kính trọng Đức Âm của Sư rất mực chí thành, ban sắc cho Nghi đồng Tam Tư Nguyên Thọ đích thân trao cho ấn nhà vua và hương cúng dường. Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy, bệnh phong tự nhiên tăng nhiều, Sư thị tịch tại chùa Bách Tiêm, thọ tám mươi lăm tuổi, năm mươi hạ lạp.

Mới đầu, khi cơn bệnh tăng dần, bỗng nhiên có ánh sáng thần soi chiếu, gió thoảng mùi hương thơm. Lại cảm có con chim lạ đầu trắng, thân đỏ nhiễu quanh phòng viện bay liệng giữa hư không kêu vang buồn thảm. Đến lúc Sư sắp tịch, chim bay vào đậu trong nền nhà, tự nhiên quen thuần, không sợ người vật, hoặc có lúc ở nơi cửa phòng hoặc đến chỗ Sư nằm, càng kêu buồn đau đớn, huyết lên lăn tròn trong khóe mắt. Khi Sư thị tịch, chim bỗng bay ra ngoài khoảng không xoay chuyển liệng quanh mà chết. Lại cảm có hổ dữ đi nhiễu quanh phòng viện, kêu gào buồn thảm suốt hai đêm, mây mốc kết tụ che mờ ba ngày, trời đất ảm đạm buồn thảm. Lại thêm núi đổ đá rơi, cây rừng gãy ngã, khe suối nghẽn tắt, kinh động đến người vật, mất chỗ nương tựa. Sư có những điều linh cảm, điềm lành không thể ghi hết.

Về sau, đến tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, các đệ tử Sư như sa-môn Tĩnh Lâm, Đạo Nguyện, Tuệ Phương v.v... mới trà-tỳ, thâu nhặt di cốt còn lại, xây tháp lập bia phụng thờ. Sa-môn Minh Tắc soạn văn truyện về Sư, thấy ở Biệt tập.

21- Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu:

Thích Pháp Sung, họ Tất, người ở xứ Cửu Giang. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa và đọc Kinh Đại phẩm, số lượng chẳng thể ghi nhớ hết, Sư kiêm sửa sang chùa viện, tình tại trú trì.

Về sau, Sư đến trụ chùa Hóa Thành trên lưng chừng núi Lô Sơn, chuyên tu thiền định. Nếu chẳng phải việc chúng tăng thì Sư chẳng hề tham dự vào. Sư thường khuyên tăng chúng không để người nữ vào chùa, bởi vì trên thì tổn hại Phật hóa, dưới thì rơi lạc vào người đời dèm pha. Nhưng ở đời vì việc cơ nghiệp quan trọng, nên có người chẳng vâng theo. Sư bèn than rằng: “Sinh ra không gặp được Phật, đó đã là tội duyên. Với Chánh giáo mà chẳng chịu thực hành, nghĩa phải chết sớm, sao lo ở xứ này không người kính giữ giới ư?” Sư bèn đứng tại núi ấy đốt hương trên đảnh, tự gieo mình xuống, thệ nguyện phân nát thân cốt, để được sinh về tịnh độ. Ở giữa hư không, đầu Sư bỗng nhiên chúc xuống, từ từ vào nơi hang sâu, không tổn hại một mảy lông. Chúng tăng trong chùa ban đầu không hay biết. Sau có người lên đảnh núi, giữa đường nhìn xuống cao hơn ngàn nhận nghe có tiếng người, bèn đến đó tìm thì ra là Sư. Thân mạng vẫn còn, miệng cứ tụng kinh như cũ, bèn đón rước Sư về lại chùa, Chư tăng cảm kích cái chết ấy vì can ngăn dứt bặt người nữ. Lại qua sáu năm sau, Sư mới thị tịch. Khi ấy gặp lúc trời nắng nóng mà thân Sư không rã thối, có mùi thơm như dưa chín. Lúc đó nhằm cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy.

22- Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh đô:

Thích Tín Hạnh, họ Vương, người ở quận Ngụy. Thân mẫu Sư đã lâu không có con, nên đến trước tôn tượng Phật cầu nguyện Chí Thành, mộng thấy vị Thần dắt đứa bé đến bảo rằng: “Nay ta trao cho ngươi!” Đến lúc tỉnh giấc, bà cảm thấy khác với thường ngày, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sinh ra Sư, tánh tình khác với bình thường. Năm bốn tuổi, ra đường Sư nhìn thấy xe trâu lún đấm dưới bùn sình, dẫn kéo khổ sở. Nhân đó Sư buồn khóc không thôi, phải chuyển mới xa lìa. Hoặc

gặp phải trâu nghé, trâu mẹ bị chia lìa, hoặc có sự xâm hại, sống biết bằng phân, chẳng hề thương ghét.

Năm tám tuổi, Sư đã trong sáng thông minh, tâm tuệ bộc phát đặc biệt. Từng có vị Thư sinh hỏi Sư rằng: "nay ông họ gì? Nhà ngoại họ gì?" Sư đáp: "Đây họ Vương, kia họ Tôn!" Thư sinh lại hỏi Sư rằng: "Sao không là họ Phạn mà lại là họ Tôn?" Ngài đáp ngay rằng: "Phạn (cơm) chỉ có khả năng hết đói, không thể hết khát. Tôn có khả năng đói, khát cả hai đều hết, nên là giòng họ Tôn chẳng phải họ Phạn!" Sư có tài đối đáp đại loại như thế. Sư mở mang Đạo tỏ ngộ thường thông, trải qua các kinh luận hiểu lý rộng xa. Dùng thời xét giáo, dùng bệnh mà nghiệm ở người, chứa nhóm riêng tư thấy đó rõ ràng, hiển bày vết tích cao xa. Các vị ngày trước giải nghĩa phiên dịch khác nhau, chưa hoàn toàn Thanh Văn mà mở mang cả Bồ-tát, dẫm qua Ngôn giáo, nương cậy hành trì làm công phu. Vả lại như y cứ vào tông của Phật, kính không qua thực hành, do sự hiểu biết nên khởi kiêu mạn biếng nhác, bèn có tâm nhàm lìa, trở thành nhân của Biên địa thấp hèn. Nay tuy nghe chân thật, nhưng tâm không tôn kính, tự biết thuốc nhẹ mà bệnh nặng, đáng lý phải thêm siêng năng khổ nhọc, vận dụng hết sức lực mà chữa trị. Do đó tùy chỗ xa gần, hễ nơi nào có ảnh tháp, Sư đều đi khắp lễ bái, nhiễu quanh kính ngưỡng. Vì đời sau mà tập hành kính Phật, dụng một hạnh đó mà thông bày các nghiệp khác. Sư ghi khắc rõ ràng, dẫn suất như thế.

Sau, Sư trụ chùa Pháp Tạng ở Tương Châu, Sư xả giới Cụ túc, tự thân tu tạo, làm lụng mọi việc, cúng dường gieo trồng ruộng Bi ruộng Kính, lễ kính gồm cả tăng tục, chỉ mặc áo đơn, tiết chế ăn uống, vượt trội khác thường người đương thời. Mùa Đông, mùa Hạ Sư đều tu tập. Nên các bậc Anh Đạt từ bốn phương xa đều đến nơi cửa mà thưa hỏi Sư. Sư tùy việc mà trình bày thẳng, không hề theo khuôn phép nêu bày. Người nghe kính tin, không ai chẳng đảnh lễ nhận thọ lời dạy. Và đều xả bỏ Chương sớ, chỉ theo sự chỉ dạy của Sư và kính bẩm giữ lễ Sư phụ, không dùng Pháp tuế để bó buộc.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư được mời đến kinh đô. Bộc Xạ Cao Dĩnh thỉnh Sư trụ chùa Chân Tịch, lập viện để Sư ở đó. Sư soạn "Đối căn khởi hành Tam giai tập lục". Và ở Đông Sơn soạn "Chúng Sự Chư Pháp" gồm lại hơn bốn mươi quyển. Trích dẫn Văn từ y cứ bộ loại rõ ràng. Trước sau nhìn theo phong cách hợp thành nhóm tụ. Lại nữa, ở Kinh Đô, Sư lập ở năm ngôi chùa là: chùa Hóa Độ, Quang Minh, Từ Môn, Tuệ Nhật và Hoằng Thiện. Từ đó các chùa khác đều

khen ngợi tiếp thừa pháp độ ấy, nơi nào cũng sáu thời lễ bái mỗi ngày, lấy khất thực làm nghiệp, chí thành kính mến thanh khiết còn chẳng bằng.

Về sau, do cơn bệnh trở nặng, Sư gắng sức vào Phật đường, mỗi ngày riêng Quán tượng. Đến lúc hơi khí dần suy yếu, Sư bảo thỉnh tượng vào phòng, nằm mà nhìn mãi đến khi thị tịch. Sư thọ năm mươi bốn tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng bốn tháng giêng niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy. Qua ngày mồng bảy, từ chùa Hóa Độ đón rước nhục thân Sư đến núi Chung Nam. Chim Diều hâu kêu vang gò đồi. Kẻ tăng người tục khóc gào vang động cả kinh ấp, xả bỏ thân thịt, thâu nhặt di cốt, hai tai còn nguyên, xây tháp lập bia ở dưới chân núi. Có Cư sĩ Dật dân ở Hà Đông tức Bùi Huyền Chứng soạn văn bia.

Bùi Huyền Chứng vốn xuất gia trụ chùa Hóa Độ, khi Sư đến ở đó, thì lại bắt chước, tất cả những thứ Sư soạn thuật đều giao cho Bùi Huyền Chứng ghi chép. Về sau theo tục phục còn dứt kiêu hào, tự kết bè bạn, lại lập khoa cương, người trở về với đạo đều khen ngợi. Lúc bình sinh Sư tự soạn văn bia, nêu bày đầy đủ đức hạnh của chính mình, đến sau khi quá vãng mới khắc bia dựng lập chỗ tháp, tức ba văn bia cao vời được bày ở trước hang núi phía bắc chùa Chí Tướng.

Ban đầu, Sư chợt hưng khởi dấu vết khác thường, bấy giờ có người rất mực chê bai. Tại thông luận rõ ràng không cần phân biệt, chỉ vâng làm khắc phục sự nóng nảy, riêng tạm chẳng thường. Còn như Phật tông cũng là một phương thuật trong muôn phương thuật. Sư soạn Tập Ký đều dẫn Chánh Văn, nhưng Đề nêu bày danh xưng không định chuẩn đích, tuy nói là "Đối Căn Khởi Hành" mà u ẩn chỉ thể, nêu bảng nói sự trầm lắng. Các vị tài triết ở đời sau mong có sự hiểu biết có y cứ. Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy, có sắc lệnh cấm không được lưu hành, tưởng đồng với lời răn giúp. Có bản truyện riêng lưu truyền ở đời, sự tích Sư thấy ở Phí tiết Tam Bảo lục" vậy.

23- Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu:

Thích Tuệ Ý, họ Lý, người ở xứ Lâm Nguyên. Sư nghe giảng các kinh luận Đại Thừa, chuyên tu tập định hạnh. Khi Vua Vũ Văn phá hoại Phật pháp, Sư đi về hướng Nam đến đất nhà Lương, cùng Sa-môn Tuệ mạng ở núi Tiên Thành là người cùng thầy tìm xét tâm yếu. Sau, Sư đến chùa Cảnh Không, ở tại phòng thất cũ của Đại sư Thông, tổng nghiệp thường trụ. Chẳng cần dùng đến đèn đuốc, ngày đêm thường tỏa sáng.

Có người trong xóm là Đức Quảng Quận thú Liễu Tỉnh rất kính tin Phật pháp, bèn thỉnh Sư đến nhà, lập riêng thiền thất để Sư ở suốt trăm ngày để hành đạo. khi đó gồm có tất cả bốn người Tỉnh, Tức, Ức, Bẩm mỗi đêm ngầm sang chỗ Sư ở, cả nhà đồng thấy trong thiền thất ánh sáng rực rỡ, Sư ngồi thẳng trang nghiêm, bèn sinh khởi tín tâm quy hướng. Kẻ tăng người tục ở trong xóm bèn đua nhau kéo đến cầu thọ quy giới. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư thị tịch. Lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Tuệ Hưng rằng: “Hôm nay có nhiều khách đến, nên sửa soạn trai thực để tiếp đãi!” Đến giữa trưa quả nhiên Sư an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch.

Bấy giờ, tại chùa Khai Hoàng ở Tương Dương có Sa-môn Thiền sư Pháp Vĩnh, vốn người xứ Nam Hương. Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562 - 586) thời Hậu Lương thường luôn cúng dường. Sư dự biết vận mạng sắp dứt, nên từ giã trở về Tương Dương để thị tịch. Suốt bảy ngày đêm, nghe có tiếng âm nhạc, mùi hương lạ phảng phất khắp chùa. Nhân đó Sư ngồi mà thị tịch. Nhục thân Sư được tôn trí lộ bày trên đảnh núi Tản Cái. Có Luật sư Toàn là người cùng ở chung chùa đến chỗ nhục thân Sư mà nói rằng: “Xin nguyện lưu thần đợi đến bảy ngày!” Đến khi mãn kỳ hạn bảy ngày thì Luật sư Toàn bỗng nhiên thị tịch, bèn đón rước nhục thân Luật sư Toàn đến tôn trí bên cạnh nhục thân Thiền sư Pháp Vĩnh. Khi đó, nhục thân Thiền sư Pháp Vĩnh bỗng nhiên biến hoại.

Bấy giờ, lại có Sầm Xà-lê, họ Dương, người ở xứ Lâm Nguyên. Ngài xây dựng Tụng kinh Đường bên dòng suối phía nam núi Tản Cái, thuộc phía Tây chùa. Sư thường trì tụng Kinh Kim Quang Minh, chiêu cảm bốn vị Thiên Vương đến nghe. Sau, Sư đọc kinh tạng, đều chẳng quên sót, tính ra Sư đã tụng đọc hơn ba ngàn quyển. Sư chuyên mặc áo vải bố, thường đi khất thực. Thức ăn còn thừa trong bát, Sư thường bố thí cho chuột trong phòng. Có hơn trăm con chuột đều thuần tranh nhau chạy đến Sư. Nếu có con chuột nào bị bệnh thì Sư đưa tay xoa vuốt ve nó, mà chẳng câu nệ sự kiểm hoặc nâng cao chum rượu ăn uống, hoặc bọn trẻ nhỏ vui đùa đồng vui đùa quát mắng tăng lữ, hoặc tụng kinh sách ca vịnh, thuật ngược mọi sự từ trước đến nay. ngày thì tán loạn, đêm thì lễ tụng thiền tư. Đồng trong chúng, có Sa-môn Trí Hiểu kết giao với Sư, nhóm họp Thiền chúng, tự thực hành, giáo hóa giúp đỡ, cung cấp Định học. Sư tự biết ngày thị tịch, bỗng nhiên gọi Thiền sư Bạt đến căn dặn, rồi Sư lên điện Phật lễ bái và từ tạ chúng tăng trong chùa, đều xin Hoan hỷ. Ở chùa Thiền Cư, thiết đại trai hội sắp hoàn mãn, ngài (Trí Hiểu) nói với Sầm Xà-lê rằng: “Hãy cùng đến cung trời Đâu-suất, nghe giảng

Kinh Bát nhã đi!” Sầm Xà-lê bảo: “Em hãy đi trước, bảy ngày sau tôi sẽ đến!” Canh ba đêm đó, Ngài (Trí Hiểu) ngồi thẳng thị tịch. Đến canh bốn, Thần thức Sư đến chùa Biến Học - chùa đó cách xa mười dặm. Sư đến trước giường Pháp sư Thải, tự nhiên sáng tỏ như ban ngày. Sư bảo rằng: “Trí Hiểu Tôi muốn đi xa nên đến từ biệt Sư, không được dừng ở lâu!” Pháp sư Thải bèn đưa tiễn Sư đi ra ngoài ba lớp cửa. Tiễn biệt xong, Pháp sư Thải trở vào phòng ngồi xuống giường thì bỗng nhiên tối sẫm. Pháp sư Thải bèn gọi Đệ tử hỏi: “Có nghe thầy nói chuyện với người khác chăng?” Và cầm đuốc soi khắp ba lớp cửa đều đóng, bèn hiểu rằng Thần lực của ngài (Trí Hiểu) vào ra không ngăn ngại, liền sai người đến chùa hỏi thì quả nhiên Sư đã thị tịch. Sau đó bảy ngày, tự nhiên không bệnh, Sầm Xà-lê cũng ngồi thẳng thị tịch. Di thể của hai ngài (Sầm Xà-lê và Trí Hiểu) được xây tháp thờ.

Lại có các Thiền sư Hạo, Thuần v.v... có nhiều việc linh dị, đều theo nhau ngồi thẳng mà thị tịch, ở đây lược không ghi hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 16 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 17

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG III

(Chánh truyện có mười một vị, phụ có chín vị).

1/ Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiện Quang ở núi Tiên Thành thuộc Hoà Dương, thời Bắc Chu (Đái Qùy, Tuệ Lãng, Tuệ Hiểu).

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Tự ở Hành Sơn thuộc Nam Nhạc, đời Trần.

3/ Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, Quốc sư Trí Giả, thời nhà Tùy.

4/ Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh đô, đời Tùy.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo tràng Tuệ Nhật, đời Tùy.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Thật trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu, đời Tùy.

7/ Truyện ngài Thích Tăng Thiện ở núi Mã Đầu thuộc Quận Văn Thành, đời Tùy.

8/ Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu, đời Tùy (Huyền Giác).

9/ Truyện ngài Thích Trí Thuấn ở núi Chương Hồng thuộc Quận Triệu, đời Tùy (Trí Tán).

10/ Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đại Lâm, ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Trí Việt trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy (Bát-nhã. Pháp Ngạn).

1- Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiện Quang, ở núi Tiên Thành:

Thích Tuệ Mạng, họ Quách, người ở xứ Tấn Dương thuộc Thái Nguyên. Sư là con cháu của Trưng Sĩ Quánh Kỳ dời Tấn. Sư ra đời vào năm Tân Hợi, nhằm niên hiệu Đại Thông thứ năm (531) thời Nam Lương tại quận Trường Sa thuộc Tương Châu. Bẩm tánh Sư anh tú, dáng dấp đẹp xinh, vượt trội đồng bạn. Tuy ở độ tuổi tươi đẹp, nhưng mọi người đều kinh lạ, giữa khoảng thời gian mộng tĩnh, ánh sáng tiếp xúc vào thân Sư, tỏ ngộ rõ ràng, rất đặc biệt. Bấy giờ các bậc danh tăng ở quận Tương đều nói với nhau rằng: “Trân Xà-lê, Địa vị khó lường biết, nhưng vào nhà Như Lai tức là Tuệ Mạng!” Nên Sư tự kết tóc, ngày một khai mở rộng rãi.

Năm tám tuổi, Sư đã giỏi thi thư, thể mạo bất động, hàng thức giả biết Sư không phải là khí độ tầm thường. Nhưng Sư bén nhạy tinh tấn nghe học tu tập, khéo vào nghĩa sâu, nên khiến lý vượt ngoài văn, soi chiếu ra trước căn cơ, trí chẳng kinh hãi ngu, trắng trong chẳng vượt tục. Gần Đạo mà xa vật, mọi người trong châu ấp đều ngợi khen, quý trọng.

Năm mười lăm tuổi, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, chỉ mới hai tuần mà nửa bộ đều thông hết. Sau đó, Sư cạo tóc xuất gia, học không có thầy cố định. Sư chuyên hành trì các pháp sám Phương Đẳng, Phổ Hiền v.v... xét lường y cứ ở Kinh Hoa Nghiêm để đạt đến Minh Đạo, thực hành từ Tương Miện. Nghe hai Đại Thiền sư Ân Quan và Tiên Lộ, cách xa ngàn dặm mà rất nhiều người cùng hướng tâm về, Sư bèn đến theo học.

Sau, Sư đi đến núi Tiên Thành, tức Bổn địa của vị tiên Cổ Tùng. Trước kia có Đạo Sĩ Mạnh Thọ, ẩn cư đã nhiều năm, cầu tâm trở về chánh, sẽ thành đạt sở nguyện, bèn xả thí Quán đang ở sung vào xây dựng chùa tháp. Và ngay đêm, Ngài (Tuệ Mạng) chưa đến núi, Mạnh Thọ bỗng nhiên hoảng hốt như nằm mộng, thấy vị thần cao lớn nghiêm vệ đứng bên cạnh Quán. Đến khi tỉnh giấc vừa kinh hãi vừa mừng vui, lên đảnh núi buồn bã ngóng trông, bèn thấy chư tăng đông đầy cả rừng, từ lúc ngài Tuệ Mạng đến, Mạnh Thọ liền hướng đến lễ bái ra mắt và xả thí chỗ đang ở sửa thành chùa Thiện Quang. Mọi sự cúng dường sắp bày la liệt, chúng bạn đều nhóm họp. Về già Sư đến Châu Trị, giảng Kinh Duy-ma, bến bờ của Đại Thừa ngự giá, vết tích của nhập Đạo thừa huyền. Diệu Chỉ của Thiền Trí đều trải qua. Đã mãn ba tháng, Sư bèn từ giã bốn Bộ, chỉ mang Y bát tùy tùng trở về núi rừng xưa.

Có Thiền sư Pháp Âm là người cùng quận Kỳ, vốn họ Vương,

không nói mà biết rồi, cả hai Ngài được làm bạn, đồng đến chỗ Thiền sư Năng trụ chùa Quả Nguyện ở Trường Sa, tu học Tâm Định chưa được mấy tuần thì Pháp Môn đã khai phát, dò hỏi chất vấn đợi nghi, bèn suy nghĩ thưa hỏi. Sợ mất chánh lý, nên thưa hỏi khắp các bậc tài đức. Bắt đầu từ Giang Nam, cuối đến Hà Bắc, gặp được hai Sa-môn Tư và Mạc, mới dứt được nghi ngờ vướng mắc. Sau, cùng trở về núi Tiên Thành. Chỉ ở được năm năm, Sư dự biết được ngày thị tịch, bèn nắm tay ngài Pháp Âm vào giữa rừng thông, cùng nhìn nhau cười, nói: "Hai chỗ ở nầy, tiện co việc thị tịch!" Vị thị giả mới nghe qua nên chưa tỏ ngộ. Chưa đầy tuần trăng thì cả hai Ngài đồng thời bị bệnh. Ngày mồng năm tháng mười một niên hiệu Thiên Hòa thứ ba (568) thời Bắc Chu, tinh thần Sư vẫn tỏ sáng, không lầm lẫn, Sư ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, niệm danh hiệu Phật, đều thấy Phật đến, Sư bèn chắp tay thị tịch. Đồng chúng có vị nằm mộng thấy các vị trời xuống đất, cờ phướn soi chiếu sáng như mặt trời. Lại nghe trong phòng nhà có tiếng xướng "Lành thay!" Mùi hương thơm lạ, tiếng nhạc ngân vang, thoảng nghe chẳng phải chỉ một lần. Qua ngày mười bảy tháng đó (11) thì ngài Pháp Âm cũng an tọa tại Bổn xứ, các điềm lành hiện ra cùng đồng như thế. Cả hai Ngài (Tuệ Mạng, Pháp Âm) là hai bậc hiền, cũng đồng ba mươi tám tuổi, ở dưới rừng cây, dùng gạch xây dựng mộ tháp phụng thờ hai Ngài.

Ngài có đệ tử là Cư sĩ Trịnh Tử Văn lập bia tại chùa, Môn nhân là Tuệ Lãng, Tổ truyền Đạo nghiệp của Ngài chẳng để rơi lạc Thiền phong. Hoá hành khắp xứ An Miện, đạo sáng lan tỏa dưới đời Tùy.

Ban đầu, ngài (Tuệ Mạng) cùng Sa-môn Tuệ Tư định nghiệp thì đồng, nhưng tán khơi hành sở, từ thể cao duỗi thì Sư thật vượt hơn. Tâm thiền vị sâu, tiếng tuệ trùm xa. Sư có soạn "Đại Phẩm Nghĩa Chương", "Luận Dung Tâm", "Hoàn Nguyên Cảnh Hạnh lộ nan tường Huyền Phú."Trình bày thông suốt lý Phật, các hàng thức giả đều tụng văn, hoặc ẩn dật chưa hiểu thì có người chú giải, người đời tôn sùng, quý trọng. Sư tự ở tại phòng nhà nơi chốn núi rừng. Đồ chúng theo học, nổi tiếng khắp cả Nam Bắc.

Sư có đệ tử thọ giới Bồ-tát là Đái Quỳ ở Tể Bắc, là người có sở học tiếng tăm sớm vang khắp. Tên tuổi đến khắp các nước, có người gởi thư đến tỏ bày với Sư rằng: "Trộm nghĩ: nước sông Vị thì trong, nước sông Kinh thì đục, cùng lẫn lộn phát nguồn từ Triều Tông. Cây thông cao vợi, mũi tên ngắn bé, đồng mang tính chất kiên trinh. May dự Hàm linh, Ngũ thường lý nêu phạm vi trong Tam giáo, thật dùng quyết lý Nho đồng, mở mang Kinh Lễ ở Thù Tế, Khổ Huyện Ca-diếp dời đổi

Diệu Đạo ở sa mạc. Tuy cùng trong trời đất, che trùm hạn cuộc trong một đời nay, đâu như xoay bánh xe chánh pháp ở Lộc Uyển, quét sạch vọng tưởng ở Thứu Sơn. Bán mãn đã trình bày, quyền thật hiển hiện ở đó. Thật ra giáo có cạn sâu, người không trong ngoài. Thiền sư (Tuệ Mạng) Đức độ chấn động vang xa, Hạnh cao vượt ngoài chúng sinh. Nhiếp thọ tứ y, nhân chăn dê mà thành thuộc lòng. Mang rương sách đi ngàn dặm, trải qua cung rồng, mà bao gồm. Nên có khả năng trong suốt chín bộ, gồm cả Bí tạng của núi Tuyết, ngoài kiêm bảy lượt đủ cả Điển phần của Bích Thủy, Minh Châm của Chi Tuần Thiên Thai, Văn Ký của Trúc Chân La Phù. Bảy ngọn Đàm Phú, mười ba sông Thải Vịnh. Bảo sư Diệu Tích Trang sinh, Cừ Công soạn luận Biểu Tập, như nuốt mây mộng, như chỉ trong lòng bàn tay, thêm nhờ khéo giữ tịnh giới như gìn giữ hạt ngọc sáng, giỏi hành luật nghi, thí như đến Huyền Cảnh. Bẩm mật hạnh của La-hầu, gieo ruộng phước của Tân-đầu, vỗ rót nước Định, tiện lên Giác Quán, cao che Thiền Chi, cùng vượt Hỷ Xả. Vì vậy chẳng xa Tiêu Tương, cùng đến Miện Lục, cắm gậy ở Long Tuyền, bèn làm tinh xá, xoay xe về Mã Đầu, liền xây dựng Già-lam. Đục núi làm khám, đâu giả nhóm cát thành tháp. Nhân núi tạo vườn, không nhọc trải vàng mua đất. Các bậc Khai sĩ nhóm họp rũ tay áo tợ hoa âm. Bạn đạo đông đúc, chúng ngang đồng mà chấn xuống. Thiền thất sáng sớm, thoảng hương thơm Đổ-nhã, Chi-đề chiều tối mở tạm vào Đào Nguyên. Hương Sơn vang tiếng Phạm, cùng Nguyễn khiếu đồng phát. Nguyệt Điện âm ba huyền diệu cùng Tôn Cầm mà Ngang Vận. Lọng tím đeo thông bèn phất cao biện, Hồng Ngạn Thần tỉnh tức ánh ngời Cao tâm nên dùng tài có khả năng mua núi, đức xa đồng liển, núi Cao Cảnh hạnh, tường nhận treo tuyệt.

Đệ tử nghiệp phong khua lo, biển dục đấm hình, kịp đến Chử cung chìm đắm, cùng trải qua hai năm, ngày mỏi mệt ngồi chờ đợi, đêm buồn bả bồn chồn mộng mỵ, chưa thể quên nhớ nghĩ, đây kia kết quy cùng theo vết Nhất thừa, bỏ hết cõi lòng, mở sáng ba đạt. Đã nghĩ chuột vấn vít càng thương chim buộc ràng. Xưa kia, ở tuổi chí học, nhà trao ban tặng sách. Năm lễ ưu nhu, ba huyền no chán, vã lại bặt dứt lề biên, soạn thuật giềng mối khác, nhân đến tuổi hai mươi, nhặt lấy Bách Gia, mãi đến lúc theo nghiệp làm quan, lưu luyến văn bút. Tuy chưa thể tham tìm Long Môn mà bước lên Cối kê. Phú chim Ri mà Vịnh anh vũ. Nếu cầu một phần ấy cũng là râu tóc của người xưa. Chỉ tỏ ngộ sâu xa chùm bọt, tình buồn choàng vai, thường muốn lột xác thế tục, mở tham vị chân như. Một ngày Vân Thành hứa tu, Quán cao đến đầu gối, tình

mừng buộc tấc, gặp đồng dẫm tiến tới, chưa cởi hết vạt áo, vội than nhanh chóng. Sau đó, rủ áo lưới đời, mở giày vướng tơ. Sóng xanh rửa dãi mũ. Hán âm ôm lấy vò, đi chuyến chín chuyển, để xua tan lo buồn u tối. Tạm tỏ ngộ ba Không, đồng lên khổ nhẫn. Tiên lương xem ngọc, chẳng phế bỏ việc theo thầy, khe sâu bẻ Đào, chẳng ngại thưa hỏi, chỗ mong cầu Di Thiên Thắng khí, chợt đáp đục răng. Nhạn môn cao luận thời đáp khách tốt lành, Đông ấm như xuân, mong kính quý khuôn phép trong sạch. Nhà gần người xa, càng quanh co dãi áo, ngoài ra, các từ khác cạn chọn, trông mong trở về rừng sâu vàng ngọc!

Sư có thư trả lời Đái Quỳ rằng: "Nhất chân thường vắng lặng, xét Diệu bấy giờ là đồng huyền. Muôn Thánh nương cơ, nghịch thuận vì đó mà khác vết. Vì thế, cửa Tây mở sáng Đạo, đồng phía Đông bàn về Nhân, gọt giũa sửa đổi Công, Hữu Vô khác trục. Nay nếu gồm cả hai môn ấy, vốn từ Lưỡng giáo, há chẳng quy tông ba Chuyển, hội nhập vào năm thừa, nương cạn đến sâu, mượn quyền bày thật. Ấy như ao phân ra bốn dòng nước bắt đầu khác tên. Biển thu nước của nước sông, không hề có mùi vị khác. Đàn Việt từ thuở nhỏ tài đã vượt trội, sớm có hoài bão đẹp xinh tiếp nối. Hoa từ vượt hơn đời, tao nhã cùng cực tham Huyền, trí trải qua năm Minh, học gồm ba Giáo. Ích lợi ấy có thể quên, dẫm lên khuôn phép của Nhan sinh, vất bỏ vì Đạo, kính mến vết Huyền của Lý thị, tuy đáp bằng sáu kinh mà gồm rộng cả, trăm nhà dồi dào. Thánh Hiền khác chuẩn mực, Nho Mặc phân dòng phái. Hoặc việc rộng Văn nhiều, hoặc lời cao mà ý chỉ xa. Không gì chẳng nhận nạp như bình thọ nhận, nói tợ như khúc sông, gương sáng chẳng gợn sóng. Hồng chung mặc tình gõ, ông dùng Văn đặc biệt xây dựng, hổ thẹn với cao thú. Nên tuy là Tần sở phân chia thành cũ, Chu Lương sửa đổi phong tục, lọng xanh mày trắng, giá của Ngọc Quy chẳng đổi thay. Rồng nằm phụng đậu, giao của cả nước không khác. Thêm vì nhận thức soi xét khổ không, chí bày trần tục. Thân tuy ở lang miếu, nhưng chí ở giang hồ. Cho nên thuộc tán kéo tơ, lưới đời mở lời, từ đồng như Ưng Lục, điệu hợp với Trương Nghiêm. Ôi! Nghe bói lửa cháy, thương sóng trong chóng lắng, mới nên rửa chân theo đạo, tẩy tai từ Vinh. Cửu chuyển sung hư, bốn quạt bày mau. Nhưng sau đó, tìm bát chánh để thưởng vị Nhất Chân, mở mười triền, mà dứt bỏ ba hoạn. Đức hạnh ấy há không đến ư!

Bần Đạo, gương nhận biết khó trong, tâm trần dễ che lấp. Định thẹn với Hoa nước, giới chẳng có buộc ràng. Tài ngang triệt đuốc, học kém truyền đèn. Trong thẹn với Đức đầy đủ, ngoài không quen với

việc đời. Cho nên, đắm trệ nơi một gò, gá hình cũng bồng liễu, ngồi trên ngàn mũi nhọn, gởi chí ngang như thông. So lường bốn mùa ở gió sương, đợi hai tuần cho ngắm bóng. Cho đến đêm nghe chim rừng bèn thay cho chín thành, ngày trông cá lội, liền tìm hai ông. Nhà cỏ Tất che vạt áo, đã ở vốn không bệnh. Cửa son kết xe bốn ngựa đối với ta cũng như mộng. Chỗ than vấn vít chuột xâm, vượn chuyền cây khó tĩnh lặng. Nhọc tưởng Thứu Đầu, mỏi nghĩ Kê Túc. Cho đến rừng động lá thu không hề tõ rõ của Độc giác. Hang vang tiếng chim oanh mùa xuân, trọn cắt ít nghe than. Bỗng nhiên đến hỏi, khúc hiện sáng vẻ vang. Khí u lan-nhã tiếng trong như ngọc, thật lại đầy mắt cùng cực mừng vui, mà thật vỗ ngực lắm thẹn, tuy thức rơi lạc ao trời, không phân biệt được thuyết của biển Bắc, mà sự đồng như giếng bùn, xấu hổ nghe lời bàn của Đông Hải. Mong cho người ấy như vậy, khéo ta Hoàng thạch chẳng xa. Kết mong sớm mai Bạch Câu có thể bó buộc, dùng trọn sáng nay khéo kính đạo sáng. Khi ấy, nhân lời mộc mạc chẳng rửa ý, báo ân đây làm sao tỏ bày!"

Bấy giờ, có người cho rằng "Quỳ là Đái Quỳ ở nước Tiều đời Tấn." Nay xét so sánh hành sự chẳng phải vậy. trong Tấn Thư có nói: "Niên hiệu Thái Nguyên thứ mười hai (387) thời Đông Tấn, có Ẩn sĩ Đái Quỳ, sau đó không lâu thì qua đời". Đến niên hiệu Đại Thông thứ ba (529) thời Nam Lương, tức đã trải qua một trăm bốn mươi ba năm, Ngài (Tuệ Mạng) mới ra đời, tính ra chẳng thể gặp nhau. Lại chẳng phải Tế Bắc Minh.

Bấy giờ, lại có sa-môn Tuệ Hiểu, họ Phó, cũng là người lấy Pháp Thiền chứa nhóm Hiến Công. Văn tài của Sư có phần thua ngài Tuệ Mạng. Sư đi về hướng Bắc, đi đến đất Tề dừng ở tại Linh Nham, suốt vài mươi năm u nhàn nhóm nghiệp. Chúng ban đầu không lấy làm lạ, đến làm Tiến Lệnh của núi, vì Sư xa cách làng lâu năm nên định hỏi về thân quen. Sư đến cửa huyện, sai người thông lệnh. Lệnh chính là đối với khách, chứ chưa cho phép đi tới, trong thời gian chần chừ, Sư lại thúc giục thông dẫn. Khách vẫn chưa tan, Tiến Lệnh lại càng kéo dài. Sư mới tỏ ngộ, bảo rằng: "Chẳng phải vì tiến thối của lệnh, mà chỉ là sự yêu ghét của tôi! Đâu phải đất làng có thể nhớ hoài ư?" Sư bảo xét việc, lấy giấy cầm bút mà ghi chép bài Phú Thích Tử. Giấy hết lời cùng. Sư bảo: "Nếu Tiến Lệnh có hỏi tìm, hãy đem văn này mà chỉ bày cho. Tôi đi đây!". Từ đó, Sư ngầm ẩn. Trong bài phú, Sư viết rằng: "Than ôi! Thất niệm, bỗng nhiên trở lại giác ngộ". Về sau, tìm đến Linh Nham, xét cùng chẳng thấy, đem bài phú ra chỉ bày cùng cho chư tăng, mới

biết tài năng của Sư, từ đó, mỗi người cất lấy một bản, dùng để dứt bỏ bỉ lậu. Sau, Sư tìm đến các Danh sơn, dưỡng thần gá tâm. Khi ấy lại xuôi mắt với người đời, Sư trở về ẩn hình nơi núi thẳm. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ Hành Sơn thuộc Nam Nhạc:

Thích Tuệ Tư, họ Lý, người ở Võ Tân. Thuở thiếu thời, Sư rộng rãi dung thứ, từ dưỡng nổi tiếng, khắp trong làng xóm đều ca tụng, vượt ngoài thường tình. Có lần Sư nằm mộng thấy vị Phạm tăng khuyên bảo nên xuất tục. Sư kinh ngộ điềm ấy, bèn giả từ thân thích mà nhập Đạo.

Nơi chùa Sư đến ở chẳng phải A-luyện-nhã, mấy lần chiêu cảm thấy Thần Tăng dạy răn thực hành trai giới. Sư vâng giữ sự trong trắng, phạm hạnh thanh bạch. Đến lúc thọ giới cụ túc, Đạo Chí Sư càng lớn mạnh, Sư trở lại gá nghỉ nơi sâu lắng, thường ngồi xét quát hạnh nghiệp, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Lui tới đón rước thảy đều dứt bặt. Ngài tụng các Kinh như Pháp Hoa v.v... hơn ba mươi quyển, chỉ trong vài năm mà ngàn biến đã xong. Chỗ am tranh Sư ở bị người xứ quê thiêu đốt, người ấy liền cảm bệnh dịch lệ, chí thành cầu xin sám hối, Sư liền chấp thuận. Và khi Sư đã nhận am tranh thì trì kinh như cũ, người ấy không bao lâu bệnh cũng bình phục.

Sư lại mộng thấy mấy trăm vị Phạm Tăng, thân hình phục sức khác lạ, lên tòa bảo Sư rằng: “Trước kia, ông thọ giới luật nghi chẳng được tốt như vậy, làm sao có thể khai phát Chánh Đạo? Đã gặp được chúng thanh tịnh, nên lại lập đàn, thỉnh bốn mươi hai vị tăng, thêm pháp yết ma, cụ túc thành tựu.” Sau đó, bỗng nhiên tỉnh giấc, Sư mới biết là thọ giới trong mộng. Từ đó về sau, Sư chuyên cần càng sâu, khắc niệm siêng năng, không phế bỏ sớm tối. Ngồi tụng liên tục lấy làm nghiệp thường. Do khổ hạnh ấy, Sư thấy được việc hành Đạo trong ba đời. Sư lại mộng thấy Bồ-tát Di-lặc và Phật A-di-đà nói pháp khai ngộ cho Sư, nên Sư tu tạo hai tôn tượng Phật và đều cúng dường. Sư lại mộng thấy được theo Bồ-tát Di-lặc cùng các Quyến thuộc đồng dự hội Long Hoa. Trong Tâm Sư tự tư duy rằng: “Ta sống trong thời Mạt Pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ trì Kinh Pháp Hoa, nay lại gặp được Đức Từ tôn cảm thương!” Sư buồn khóc và bỗng nhiên giác ngộ, càng tinh tấn hơn. Mọi điềm linh diệu lại luôn hiện hữu, nước trong bình thường đầy, cúng dường trang nghiêm sung mãn, dường như có Thiên Đồng hầu vệ. Nhân đó, Sư đọc tụng Kinh Diệu Thắng Định, khen ngợi công đức của

Pháp Thiền, tiện đó phát tâm tìm Bạn tu Định.

Bấy giờ, có Thiền sư Tuệ Văn nhóm họp đồ Chúng đến mấy trăm vị, như Pháp thanh tịnh trang nghiêm. Kẻ tăng người tục kính chuộng, Sư bèn tìm đến nương tựa, theo học Chánh Pháp. Tánh Sư ưa thích khổ hạnh tiết chế, lấy việc xây dựng chúng tăng làm chính, cúng dường suốt cả mùa đông mùa hạ, không sợ khổ nhọc. Đêm ngày Sư đều nhiếp tâm, tinh lường sự lý. Trải qua hai mùa như thế, chưa có sở chứng, lại đến đầu mùa hạ khác, Sư vững mình ngồi thẳng, buộc niệm ở trước, mới qua hai mươi mốt ngày, bèn phát chút ít tĩnh quán, thấy rõ nghiệp tướng Thiện ác của một đời trở lại. nhân đó, Sư kinh thán và càng mạnh mẽ gấp bội, bèn động tám xúc, phát gốc Sơ thiền. Từ đó, Thiền chướng chợt dấy khởi. Tứ chi rã rời mỏi mệt, chẳng thể bước đi, thân không theo tâm. Sư liền tự quán sát "Bệnh của ta ngày nay đều từ nghiệp phát sinh, nghiệp lại do tâm khởi, vốn chẳng phải do cảnh bên ngoài. Lại thấy nguồn tâm, Nghiệp chẳng thật có. Thân như bóng mây, tướng có mà Thể Không." Sư soi xét như thế rồi, ý tưởng điên đảo trừ diệt, tâm tánh thanh tịnh, mọi khổ tiêu trừ. Lại phát sinh Không Định, tâm cảnh rỗng rang. Đến lúc mãn hạ thọ tuế, Sư lại bùi ngùi không thành đạt được gì, tự thương vì hôn trầm, sống chuỗi ngày luống qua, rất có tâm hổ thẹn. Sư buông thân dựa tường, lưng chưa chạm tường, bỗng liền khai ngộ, Pháp Hoa Tam-muội, Pháp môn Đại Thừa, nhất niệm Minh đạt. Mười sáu Pháp đặc thắng Bối xả từ nhập vào, bèn tự thấu suốt, chẳng từ người khác mà khai ngộ.

Sau đó, Sư đến các vị như Giám Tối, v.v... trình bày lại điều sở chứng của mình và đều được tùy hỷ. Ngài nghiên tầm đào luyện càng lâu, pháp Quán trước càng tăng. Tiếng tăm Đạo hạnh Sư vang xa, khắp bốn phương đều kính đức. Học chúng ngày một đông, có ngộ thật nhiều. Sư bèn đem các Pháp định tuệ trong giáo điển Đại Thừa, Tiểu Thừa để khai giảng dẫn dụ, để tự nhiếp mình và chỉ dạy cho người. Từ đó, mọi sự hỗn tạp Tinh tế thô bỉ đúng sai sinh khởi, oán hiềm cừu độc, đều không thể làm thương tổn. Các hàng Dị Đạo tạo lập, mưu kế cũng không thể làm hại. Sư bèn ngoái nhìn lại đồ chúng quyến thuộc và bảo rằng: "Khi Đức Đại Thánh còn trụ ở đời vẫn không khỏi những lời vào ra không căn cứ, huống gì tôi đây là kẻ Vô đức, đâu thể tránh khỏi sự oán trách ấy. Song, sự oán trách ấy đều do tạo tác ngày trước, thời đến thì phải chịu, đó là việc riêng. Nhưng Phật Pháp ta không bao lâu sẽ hoại diệt, chẳng biết phải đến phương nào để lánh nạn ấy?" Khi đó thầm lặng giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Nếu muốn tu định, hãy đến Nam

nhạc ở Võ Đan, chính là núi Nhập Đạo!".

Trong khoảng đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời bắc Tề, Sư bỏ mặc chốn Tung Dương ấy, dẫn đồ chúng đi về hướng Nam, theo các bậc Tiền hiền để mong gá ẩn. Mới đầu, Sư đến Quang Châu, gặp phải Lương Hiếu Nguyên sụp đổ, nước loạn, đường trước tắt nghẽn, Sư bèn tạm dừng tại núi Đại Tô. Chỉ trong mấy năm mà mọi người quy hướng nương theorất đông. Tại xứ đó là biên giới giữa nhà Trần và nhà Lê, do đó, binh đao thường luôn xung đột, Phật pháp băng hoại, chúng tăng ly tán. Trong đó, những bậc tài giỏi vượt trội đều xem thường sự sống, mến trọng Đạo pháp, như tối phải chết vẫn mừng vui sáng sớm được nghe giảng pháp, nên cùng nhau vượt bao hiểm nguy, tìm đến nhóm họp đông đầy cả rừng núi. Sư đem vốn liếng để cung cấp, dùng lý vị để dạy răn. Lại vì kẻ tăng người tục tu tạo phước thí, tạo Kinh Bát-nhã bản chữ vàng, gồm hai mươi bảy quyển, Kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng, dùng vật báu lưu ly làm hộp tôn trí trang nghiêm ngời sáng. Công đức khác thường, khơi phát tâm chúng, lại thỉnh Sư giảng hai bộ kinh ấy. Sư liền bày giảng, tùy theo văn cho đến hết, không gì chẳng sâu mầu.

Sau đó, Sư bảo Học sĩ Sa-môn Trí Khải, người ở Giang Lăng thay ngài giảng kinh vàng, đến chỗ "Nhất Tâm đầy đủ muôn hạnh" Sư Trí Khải bỗng có điều nghi. Ngài (Tuệ Tư) bèn giải thích rằng: "Điều nghi vừa rồi của ông, đó là ý thứ lớp của Đại Phẩm, chưa phải là yếu chỉ viên đốn của Pháp Hoa. Trước kia, trong một mùa Ha, tôi khổ tiết suy nghĩ điều đó, đêm sau một niệm chóng phát các pháp, tôi đã thân chứng, ông chớ nhọc sinh nghi". Ngài Trí Khải liền thưa hỏi thọ học hành Pháp Pháp Hoa. Trong hai mươi mốt cảnh giới, khó ghi chép tường tận. Ngài Trí Khải lại hỏi: "Ngôi vị của thầy chính là Thập Địa?" Sư bảo: "Chẳng phải, tôi mới chỉ ngôi vị Thiết Luân của Thập Tín." Bấy giờ, y cứ theo sự mà nghiệm, Sư giải hạnh cao sáng, căn thức thanh tịnh, đồng với Sơ y, biết được mật tạng. Lại như Nhân Vương phát Tâm Thập Thiện, giã biệt hẳn Biển khổ, nhưng lại nhún nhường thối lui, nói khó thấy thật cho nên vết gốc rất rõ ràng.

Sau, tại núi Đại Tô xảy ra nhiều việc tệ hại nên thường đốt lửa canh phòng. Chúng bạn ở núi nương gá chẳng an ở đó. Sư bèn dẫn hơn bốn mươi vị tăng đi đến Nam Nhạc. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Quang Đại thứ hai (568). Đến nơi, Sư bảo rằng: "Ta nương cậy núi này trong mười năm, sau đó trở về sẽ đi xa". Sư lại bảo: "Đời trước ta từng ở tại xứ này!" Đi đến Hành Dương gặp một trụ sở, rừng suối lắng sạch, người thấy đều ưa thích. Sư bảo: "Đây là một ngôi

chùa cổ, xưa kia ta đã từng ở.” Y theo lời Sư, đào bới ở đó, quả nhiên có được phòng điện nền móng mọi vật chúng tăng sử dụng. Lại xuống dưới hang núi sâu, Sư bảo: “Đây là nơi ta ngồi thiền, bị giặc đến chém đầu ta, do đó mà ta chết đi, vẫn còn toàn thân.” Mọi người đều cùng nhau tìm kiếm, làm được một đống xương khô, lại tìm kỹ thì có được cái đầu lâu. Sư lấy đội lên đảnh đầu, và xây tháp thờ để báo đáp ân xưa. Nên thường mọi việc Sư truyền nói, nghiệm xét đều khế hợp. Các việc đồng loại như thế chẳng phải một.

Từ đời Trần, những người có tâm học, không ai chẳng quy tông. Vối các kinh luận Đại thừa, Sư đều khai bày giảng ngộ. Nên khiến sơn môn tụ hội, ngày một chứa nhóm Cao Danh. Khiến cho các hàng Dị Đạo có tâm ganh ghét, thầm cùng với Trần chúa, vu cáo Sư là vị tăng đất bắc nhận sự chiêu mộ của nước Tề mà đào phá núi Nam Nhạc. Trần chúa sai sứ đến núi, bị hai con hổ tức giận gầm gừ, bèn sợ hãi mà rút lui. Vài ngày sau lại đến nữa, thì có con ong nhỏ bay đến đốt vào gò má Sư, sau đó có con ong lớn cắn giết con ong nhỏ, ngậm đầu bay ngang trước mặt Sư rồi bay đi. Trần chúa đều nghe biết việc đó mà chẳng để ý, không bao lâu trong bọn bày mưu hại có một người bị chết đột chột và một người bị chó dại cắn chết. Tướng ong hiện điềm dữ khi ấy mới linh nghiệm.

Trần chúa ban sắc cho thừa Linh ứng, mới thỉnh Sư xuống Thành Đô dừng ở chùa Thê Huyền. Sư đến chùa Ngõa quan giữa đường gặp mưa mà chẳng ướt, bùn sình không dính giày. Sa-môn Tăng Chánh là Tuệ Hạo cùng học chúng đồng gặp Sư giữa đường, bèn bảo: “Vị Thần nầy khác người, làm sao được như thế?” Cả triều đình đều ghé mắt nhìn, kẻ tăng người tục thảy kính ngưỡng. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt rất kính trọng Sư, dâng gối nằm bằng sừng tê giác, cùng Hiếu Oai ở Hạ Hầu đến chùa lễ thăm Sư. Đang trên đường đi, suy nghĩ rằng: “Ngô Nghi Đồng dâng gối, làm cách nào để thấy được?” Đến lúc tới chỗ Sư, cùng đi rất mực cung kính. Ngô Minh Triệt bảo: “Muốn thấy được gối bằng Tê giác thì hãy đến xem”. Lại một hôm, bỗng nhiên có tiếng bảo rằng: “Hãy lo quét tước sân nhà, có bậc Thánh sắp đến”. Liền như lời nói, chỉ phút chốc Sư đến. Hiếu Oai có tâm kính ngưỡng đối với Sư, nói với kẻ tăng người tục. Nên những người sinh hèn, tăng tục không dám kéo mời ở lại. một số người cung cấp, tiễn biệt đến bờ sông. Sư bảo: “Ta nương tựa ở Nam Nhạc chỉ mười năm, đủ mười năm ta sẽ dời đi”. Mọi người không hiểu ý chỉ ấy. Khi về lại phòng nhà tại núi, mỗi năm, Trần Chúa ba lần đưa gởi thư thăm hỏi, cung cấp cúng dường đầy đủ

cho chúng tăng. Vinh hiển hưng thạnh chẳng ở đâu bằng. Sư giảng pháp gấp bội bình thường, Thần dị khó lường biết. Hoặc hiện thân lớn nhỏ, hoặc vắng lặng ẩn thân. Hoặc có mùi thơm lạ, sắc mầu đặc biệt, các điềm lành xen lẫn hiện bày.

Đến lúc sắp tịch, từ trên đảnh đến lưng chừng núi, Sư thiết lập đạo tràng, nhóm họp học chúng trong nhiều ngày giảng pháp. Sư tha thiết quở trách, người nghe sợ hãi. Sư bảo trong chúng rằng: "Nếu có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu theo Pháp Hoa, Ban-chu niệm Phật Tam-muội, Phương đẳng sám hối, khổ hạnh tĩnh tọa. Với mọi sự cần thiết, tôi tự cung cấp sẽ cùng được lợi ích. Nếu không có người như thế, tôi sẽ đi xa." Khổ hạnh là việc khó nên hoàn toàn không có người đáp lại. Nhân đó Sư rời chúng, yên tĩnh xét niệm, bỗng nhiên Sư thị tịch. Có Sa-môn trẻ tuổi tên là Linh Biện thấy Sư hơi thở đã dứt bèn than gào, khóc lóc. Sư liền mở mắt bảo rằng: "Ông là Ác Ma, ta sắp đi, các Thánh cùng đến đón rước rất đông, luận về chỗ thọ sinh, sao có ý kinh động làm chướng loạn ta ư? Ông là kẻ ngu si, hãy đi ra". Nhân đó, Sư lại nhiếp tâm ngồi yên đến cùng. Mọi người đều nghe có mùi thơm lạ xông ngát trong phòng. Đảnh đầu Sư nóng ấm, thân thể mềm mại, mầu da vẫn như thường. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Thái Kiến thứ chín (577) đời Trần. Xét nghiệm mười năm, rõ ràng phù hợp. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi.

Từ Giang Đông, Phật Pháp mở mang lại nghĩa môn, còn đối với Pháp Thiền thì không được như thế. Nên Sư bùi ngùi nam phục, Định Tuệ cả hai đều mở. Ngày thì bàn luận về nghĩa lý, đêm đến thì tư duy quyết trạch. Cho nên Sư có nói ra điều gì đều đến chỗ tận cùng. Tiện đó, nghiệm xét nhân định phát tuệ, ý chỉ ấy chẳng luống dối. Thiền Tông cả Nam bắc ít có trường hợp không kế thừa tiếp nối, nhưng thân tướng Sư cao trội đặc biệt, tự giữ gìn tốt đẹp, chẳng nương cậy, chẳng thiên lệch, như trâu đi voi nhìn. Đảnh đầu Sư có tướng nhục kế khác lạ trang nghiêm. Người trông thấy thì hồi tâm, bất chợt kính phục. Sư lại khéo biết tâm người, xét soi thầm phục. Với người nói năng chậm chạp thì Sư dùng phương tiện dẫn dạy, thực hành hạnh Đại từ bi, vâng giữ giới Bồ-tát. Còn như lụa là lông da, phần nhiều đều do tổn hại chúng sinh, nên Sư không hề sử dụng, thường mặc vải bố. Mùa Đông giá lạnh thì cắt thêm cỏ chằm vá áo nạp để mặc ngăn lạnh.

Từ khi Phật pháp truyền bá đến phương Đông, trải qua thời gian đã sáu trăm năm, chỉ hạnh từ ở Nam Nhạc ấy là chỗ đáng quy y. Tôi (Đạo Tuyên) từng tham dự công việc truyền dịch, thường thấy trong

kinh Phạm thưa hỏi đầy đủ về Pháp y, nên đến nay đều không may mặc tơ tằm. Dù có thêm pháp thọ, cũng không chỉ bày được thành. Nên biết hoặc xin hoặc được ai cho tơ tằm gấm lụa làm y áo, y cứ theo luật kết khoa tạm xả Định. Y cứ theo tình mà tham cậy, làm sao do đâu mà buông lung, điều mà riêng Sư dứt hẳn là vâng theo khuôn phép của bậc Thánh. Các tác phẩm của Sư là miệng truyền trao thành chương không cắt bớt hay sửa đổi. Sư soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn hai quyển, Vô Tránh Hạnh Môn hai quyển, Thích Luận Huyền một quyển, Tuỳ Tự Ý một quyển, An Lạc Hạnh một quyển, Thứ Đệ Thiền Yếu một quyển, Tam Trí Quán Môn một quyển, đều được truyền bá ở đời.

3- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai đời Tùy:

Thích Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh Xuyên. Có Tấn Thiên Đô ở Hoa Dung thuộc Kinh châu, là con thứ hai của quan Tán Kỵ đời Lương là Mạnh Dương Công Khởi. Mẹ Sư họ Từ, nằm mộng thấy khói hương năm mầu cuộn vào lòng, muốn phủi đi, nghe có người nói rằng: Nhân duyên đời trước nương gá vương đạo, phước đức tự đến, sao lại phủi đi? Bà lại nằm mộng thấy nuốt con chuột trắng, thấy như thế đến hai, ba lần, bà lấy làm lạ bèn đi xem bói, thầy bói nói: Đó là điềm lành rồng trắng.

Đêm sinh ra Sư, trong nhà sáng rực, ánh sáng giữa các ngôi sao tắt mất, trong ngoài vui vẻ. Bỗng có hai vị tăng gõ cửa nói: Lành thay! Đức tốt của đứa bé rất sâu nặng, chắc chắn sẽ xuất gia. Nói xong hai vị liền biến mất. Khách đến nhà lấy làm lạ, các nhà hàng xóm nhớ lại điềm lành trước, gọi là Vương đạo, kiêm dùng tướng sau lại gọi là Quan đạo, cho nên còn nhỏ Sư đã được đặt hai tên, gọi dùng lẫn lộn. Mắt Sư có con ngươi hai lớp, cha mẹ che giấu nhưng mọi người đã biết. Khi nằm thì Sư chấp tay, khi ngồi thì xoay mặt về hướng Tây. Từ khi lớn lên về sau, không phải bất cứ thứ gì Sư cũng ăn, thấy tượng liền lễ bái, gặp tăng thì cung kính. Năm bảy tuổi đã thích đến chùa, chư tăng lấy làm lạ về tình chí của Sư, bèn truyền miệng cho phẩm Phổ Môn, mới nghe qua một lần Sư đã thuộc, cha mẹ dứt khoát không cho Sư tụng nữa, trong lòng Sư rất buồn. Bỗng nhiên Sư thuộc cả các câu văn còn lại, há chẳng phải là xưa có gieo trồng cội gốc công đức hay sao? Sư tìm kiếm danh sư, mong nương nhờ để ra khỏi ba cõi.

Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia với Sa-môn Pháp Tự chùa Quả Nguyện ở Tương Châu. Ngài Pháp Tự truyền cho mười giới, hướng dẫn

về luật nghi. Sư đi về phía Bắc đến chỗ Luật sư Tuệ Khoáng, mong được dạy bảo. Nhân đó, Sư tiềm tu ở núi Đại Hiền, tụng Kinh Pháp Hoa và Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán. Chưa đầy hai tuần mà đã thuộc xong ba bộ. Lại đến chỗ Thiền sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô thuộc Quang châu để thọ nghiệp tâm quán. Ngài Tuệ Tư lại theo đạo ở Thiền sư Tựu, Thiền sư Tựu lại thọ pháp với Thiền sư Tối, ba vị nầy đều không lường được giai vị của Sư. Ngài Tuệ Tư thường khen rằng: Thuở xưa ở Linh Sơn cùng nghe Pháp Hoa, duyên trước đưa đẩy, nay lại gặp nhau. Liền chỉ bày đạo tràng Phổ Hiền, giảng bốn hạnh an lạc. Sư ở núi nầy bèn thực hành Tam-muội Pháp Hoa, bắt đầu trải qua ba đêm, tụng đến phẩm Dược Vương, tâm duyên theo khổ hạnh, đếu câu "Đó là chân tinh tấn" liền phát sinh giải ngộ, thấy cùng ở một chỗ với Thiềm sư Tuệ Tư, núi Linh Sơn là tịnh độ bằng bảy báu, nghe Phật nói pháp, cho nên ngài Tuệ Tư nói: Chẳng phải thế thì không cảm, chẳng phải ta thì không ai biết. Đây là tiền phương tiện của Tam-muội Pháp Hoa. Sư lại đến núi Bạch Sa ở Hy châu, nhập quán như trước, đối với kinh có điều nghi, thì liền thấy ngài Tuệ Tư đến âm thầm chỉ bày giải thích. Từ đó về sau, Sư thường thay thế ngài Tuệ Tư để giảng pháp. Người nghe đều kính phục. Nhưng đối với ba Tam-muội và ba Quán Trí, Sư còn phải thưa hỏi, ngoài ra đều tự mở giải, chẳng từng để ý. Ngài Tuệ Tư đích thân cầm xâu chuỗi Như Ý ngồi nơi Pháp tòa để xem nghe, và bảo với học chúng rằng: "Đây là con nuôi của tôi, chỉ buồn là Định lực còn thiếu!". Từ đó, Thầy trò đổi cách nhìn, tiếng tăm vang khắp xa gần. Đến lúc sở học đã thành, Sư đến từ giã. Ngài Tuệ Tư bảo rằng: "Ông có duyên ở nước Trần, đến đó sẽ được lợi ích!" Khi ngài Tuệ Tư đã đến Nam Nhạc thì Sư bèn đến Kim Lăng, cùng hơn ba mươi vị như Sa-môn Pháp Hỷ, v.v... trụ chùa Ngỏa Quan, khai mở truyền Thiền Pháp.

Bộc xạ Từ Lăng Thượng Thư Mao Hy v.v... là người thông minh, được người đương thời quý trọng, học gồm cả Thích giáo, Nho giáo, lại đến bẩm thọ thiền Tuệ, đều truyền hương Pháp, mừng vui cung kính, là chỗ vẻ vang kính ngưỡng ở đương thời. Đại đức Trí Biện chùa TRường Can thỉnh Sư vào Tông Hy. Sa Môn Tăng Hoãng chùa Thiên cung thỉnh Sư vào Phật quật. Đó đều do đạo hoằng hành cảm nên Sư được các bậc tài giỏi ở đương thời đón rước Sư. Sư tùy cơ duyên giáo hóa, liền được khai ngộ. Nên các ngài như Cảnh Thiều ở Bạch Mã, Trí Văn ở Phụng Thành, Tuệ Mạng ở Thiền chúng, cho đến những vị Túc đức như Pháp sư Đại nhẫn đời Lương, v.v... là những bậc một đời cao lưu, tiếng tăm vang vọng khắp giang biểu, đều bỏ các pháp mình giảng trước kia mà

muốn mở mang thiền môn, dẫn theo học chúng đến thưa hỏi bến bờ để, được cứu giúp.

Bấy giờ, tại Võ Huyệt có Sa-môn Tuệ Vinh ở chùa Trang Nghiêm đạo trùm khắp Ngô Châu, Cối kê, người đời xưng gọi là Nghĩa hổ, biện hiệu Huyền lưu. Nghe Sư giảng pháp, nên đến thưa hỏi. Qua vài lần nêu cử hạch xét, không gì chẳng sâu ẩn, bèn khinh dối tự kiêu căng, nhướng mày, vung quạt, quạt bèn rơi xuống đất, ngài ứng đối, sự lý vỡ lở, trong sạch hiển bày. Và Sư chê trách Ngài Tuệ Vinh rằng: “Năng lực của thiền định không thể cật nạn.” Khi ấy có Sa-môn Pháp Tạng vỗ vai ngài Tuệ Vinh bảo rằng: “Từ trước đến nay, ông là Nghĩa Long mà giờ lại phục nai. Quạt đã rơi xuống đất, vậy lấy gì để ngăn che xấu hổ?” Ngài Tuệ Vinh bảo rằng: “Xem thường Địch thất thế, chưa thể coi khinh.”

Sư trải qua tám châu, giảng luận Đại Trí Độ, trang nghiêm mọi người đến học, kế đến, Sư giảng về thiền môn để lắng trong biển tâm. Trong những lúc nói nín, Sư thường nghĩ nhớ đến rừng đầm, Sư nằm mộng thấy trên đảnh núi cao vợi muôn trùng, mặt trời mây phủ, bên cạnh đó, biển xanh không bờ, sâu thẳm lắng trong ở dưới đó. Lại thấy một vị tăng vẫy tay bày vai đến bên sườn núi dẫn Sư lên núi v.v... Sư đem những điều thấy trong mộng, hỏi khắp Môn nhân. Mọi người đều trả lời: “Đó là núi Thiên Thai ở Cối kê, là nơi nương gá của các vị Thánh hiền. Xưa kia, các Sa-môn Tăng Quang, Đạo Du, Pháp Lan, Đàm Mật. Và những bậc anh đạt ở đời Tấn, đời Tống, không ai chẳng nương náu tại ở đó!”. Nhân đó, Sư bèn cùng với hơn hai mươi vị như Sa-môn Tuệ Biện v.v... đi theo đường hướng Nam đến ẩn cư tại núi đó.

Trước kia, có Sa-môn Định Quang ở Thanh Châu. Từ lâu đến ở núi đó đã bốn mươi năm. Ngài tu cả Định tuệ, bao trùm cả Thần nhân. Hai năm trước khi Sư đến núi đó, ngài Định Quang dự báo với dân chúng ở núi rằng: “Có vị Đại Thiện Tri thức sẽ đến đây, nên trồng đậu làm tương, bện cỏ bồ làm chiếu, xây dựng thêm phòng nhà để tiếp đãi.” Gặp lúc Trần thỉ Hưng Vương ra trấn tại Động Đình, các công khanh tiễn đưa, xoay xe trở lại chùa Ngõa quan đàm luận với Sư, pháp sâu mầu đã xướng, các vị đều khuynh tâm, xả tan núi chứa, kính thành bái thỉnh ân trọng. Nhân đó, Sư than rằng: “Hôm qua Ta mộng thấy quân cướp mạnh dữ, nay mới bày các thứ giặc mềm yếu, lông dây cắt xương, thì nhớ kéo đuôi trong bùn sình.” Bèn sai người cám ơn các môn nhân rằng: “Ta nghe trong tối có tiếng tên bắn thì nên ở Đàn. Vì sao biết như thế? Bởi vì, Vô minh tức là tối. Môi lưỡi là cung, tâm lo lắng như Đàn, âm thanh như mũi tên. Đêm dài rỗng phát không nhận biết được. Lại

nữa, pháp môn như gương sáng, vuông tròn tùy vật tượng. Mới đầu, tại chùa Ngõa quan có được bốn mươi người ngồi. Một nửa thì vào pháp môn, nay thì có hai trăm người ngồi thiền. Trong đó, mười người đắc pháp. Từ nay về sau, quy Tông càng gấp bội, mà không mấy người y cứ theo Pháp. Đó là vì sao cũng có thể biết! Ta tự hành hóa, dẫn dắt, mỗi vị tùy chỗ an định, đang theo chí của Ta!" Và Sư liền đến núi Thiên Thai. Khi đã đến núi ấy, thì gặp Ngài Định Quang. Sư liền bày tỏ điều cần yếu. Ngài Định Quang bảo: "Đại Thiện tri thức! Có nhớ năm trước tôi đứng trên đảnh núi vẫy tay gọi Ngài chăng?" Sư bèn kinh dị, biết là trong mộng có đến ở đây. Lúc đó nhằm tháng chín niên hiệu Thái Kiến thứ bảy (575) đời Trần.

Lại nghe có tiếng chuông vang khắp hang, đại chúng đều lấy làm lạ. Ngài Định Quang bảo: "Chuông là vời nhóm những người có duyên, Ngài được ở đây!". Sư bèn tìm ở chỗ tốt, tức phía Bắc của chỗ ngài Định Quang ở, thuộc phía Nam núi Phật Lũng, là chỗ nguồn của Loa Khê. Đã nhàn thoáng, lại dễ tìm được chân, đất bằng suối trong. Sư bồi hồi dừng nghỉ qua đêm, không bao lâu thấy có ba người đầu chít khăn đen, mặc áo ráng tía, tay cầm sớ đến thỉnh cầu rằng: "Ngài hãy ở nơi này hành Đạo!". Từ đó, Sư dựng lập am tranh, trồng cây quả thông, chỉ trong vài năm tạo bày lần lượt theo nhau, lại thành thông hội. Ngài Định Quang bảo rằng: "Hãy nên tùy nghi an ở, đến thời Quốc thanh, ba phương gồm một, sẽ có Quý nhân vì Thiền sư mà xây dựng chùa, phòng nhà đầy khắp núi!" Bấy giờ, mọi người chẳng lường biết lời nói ấy.

Sau, Sư đến phía Bắc của chùa trên ngọn núi Hoa Đảnh, riêng ở tĩnh lắng, thực hành hạnh Đầu-đà, gió lớn nhổ trốc cây, sấm sét rung chuyển vang rền, quỷ quái cả ngàn đàn, một hình biến trăm trạng thái, thét tiếng gào rống lớn, kinh hãi khó tỏ bày. Sư bèn nén tâm an nhẫn, vắng lặng, tự nhiên chúng tan mất. Sư lại mắc phải chứng thân tâm đau nhức như bị lửa đốt. Lại thấy cha mẹ của mình đã qua đời gối mình trên đầu gối Sư, tỏ bày khổ đau ai cầu thống thiết, Sư lại nương tựa pháp nhẫn, không lay động như núi. Nên khiến cho hai duyên cứng mềm chiêu cảm đều dứt mất. Bỗng có vị Thần tăng Tây Vực bảo Sư rằng: "Chế ngự kẻ địch, thắng được ma oán, mới đáng là người hùng dũng!..." Văn nhiều nên ở đây chẳng ghi chép hết.

Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần ban sắc rằng: "Thiền Sư là bậc tài giỏi trong Phật Pháp, là chỗ kính trọng của các vị Tông tượng đương thời, dạy răn cả Đạo tục, là nơi cao quý của nước nhà. Nên cắt huyện Thỉ Phong để sung làm chi phí cho chúng tăng, quyên

hai hộ dân để cung cấp củi nước". Núi Thiên Thai ở tại huyện An Lạc. Lệnh Trần Quận Viên tử Hùng là người kính tin chánh pháp, mỗi mùa Hạ, thường giảng kinh Tịnh Danh, bỗng thấy ba đường thềm báu từ giữa hư không trải xuống, có mấy mươi vị Phạm tăng nương thềm cấp đi xuống, vào trong phòng nhà lễ bái, tay cầm lò hương đi nhiễu quanh Sư ba vòng, giây lâu mới biến mất. Viên tử Hùng và đại chúng đồng lấy làm lạ, ngợi khen ồn náo vang cả núi. Hạnh của Sư thấu đạt Linh cảm đại loại như vậy! Có Vương Bá Trí ở Vĩnh Dương ra trấn phủ ở Ngô Hưng, cùng quyến thuộc đến núi cầu xin Sư dạy răn, lại thiết lập đàn tràng sám pháp Phương Đẳng bảy đêm. Vương Bá Trí ban ngày thì sửa trị, đêm đến thì tu Quán. Sư bảo với môn nhân Trí Việt rằng: "Ta muốn khuyên Vương Bá Trí càng tu phước sâu để cầu trừ họa, có được chăng?" Trí Việt đáp rằng: "Phủ Liêu bao lâu chắc chắn sẽ nóng lạnh". Sư bảo: "Dứt sự ganh ghét ở đời, cũng là làm lành". bỗng nhiên Vương Bá Trí nhân đi săn bị rơi từ trên ngựa xuống sắp chết. Khi đó mới hiểu được ý Sư, bèn tự thân dẫn chúng hành trì sám pháp Quán Âm. Sau đó không lâu, Vương Bá Trí cảm giác thấy có tỉnh ngộ đôi chút, bèn ngồi tựa ghế, thấy một vị Phạm tăng tay bưng lò hương đi thẳng đến trước mặt mà hỏi về sự khổ. Vương Bá Trí đổ mồ hôi không đối đáp được gì. Vị Phạm tăng bèn đi nhiễu quanh Vương Bá Trí một vòng, tự nhiên khổ đau dứt bặt. Vương Bá Trí bèn tự thân soạn Văn Nguyện rằng: "Kính ngưỡng Thiên Thai Xà-lê, đức ngang bằng như ngài Đạo An, Tuệ Viễn, Đạo An Xa sánh với ngài Quang, Du. Xa gần mọi người đều khuynh tâm, chấn tích như mây nhóm, tiếp nối đầu mối rơi lạc của thời tượng Pháp, để cứu giúp kẻ hôn ám mê mờ. Hiển bày ánh sáng của mặt trời trí tuệ, để cứu vớt người tục. Lại bước trên sóng pháp môn, suốt thông vườn thiền. Kết của Hữu Vi đã lìa, Vô sinh nhẫn đang hiện tiền! Đệ tử trôi nổi theo gió nghiệp, chìm đắm trong sông ái, tuy tận hưởng Pháp hỷ, mà chẳng dứt trừ tâm mờ tối ngăn che. Luống kính ngưỡng thuyền duyệt, lúc nào cũng có tâm lo lắng tán động. Nhật luân rong ruổi, dây cương Nghĩa Hòa chẳng dừng. Gương trăng xoay chuyển nhanh chóng, bóng dáng Hằng nga khó trụ. Có hợp có tan, than thở lời nào. Mến kính Phật Pháp, nước chảy không thôi! Nguyện cầu Đời đời kiếp kiếp, thường gặp được Thiên Thai Xà-lê, luôn tu cúng dường như Trí Tích kính thờ Trí Thắng Như Lai, tợ Dược Vương hầu dâng Lôi Âm Chánh giác. An Dưỡng, Đâu-suất đều tỏa pháp Nhất thừa v.v... Sư rất được các hàng Thiên Vương kính tin đại loại như thế. Từ đó, sự giáo hóa dời khắp bờ biển, Pháp chính đến âu man, mọi người nêu bày điều nghi, thỉnh

cầu hỏi Đạo, ngày một lên đông đầy núi.

Vua nhà Trần muốn yết kiến đảnh lễ bèn xoay lại hỏi các quan rằng: "Trong Phật giáo, ai là bậc Danh Thắng?" Khi ấy, Trần Huyên tấu rằng: "Thiền sư ở chùa Ngõa Quan là bậc đức tỏa xa như gió sương, gương thiền sâu thẳm tợ biển, xưa kia ở tại kinh ấp. Các Hiền giả tôn kính, nay cao bước ở núi Thiên Thai, mây pháp bủa khắp trời Đông. Xin Bệ hạ ban chiếu thỉnh Sư về lại Kinh đô, giúp cho các hàng tăng tục đều được nhờ!" Nhân đó, Vua liền ban thư ấn, dẫm đạp muôn trùng mà đến. Sư chỉ lấy việc trọng Pháp làm chính, chẳng khinh rẻ tự thân, bèn từ chối việc ấy. Sau, vì Vĩnh Dương khổ cầu can ngăn. Nhân lại ban sắc, trước sau có tới bảy lần đều chính tay Vua viết sớ. Sư bèn dùng Đạo thông tình. Vua lấy pháp làm chỗ nương cậy, nên bèn đến Thành đô. Vua đón rước Sư vào Đông đường của điện Thái Cực, mời Sư giảng Luận Đại Trí Độ, có ban chiếu xe Dê Đồng tử bày dẫn ở trước. Chủ Thư xá nhân giúp theo Sư lên thềm cấp, lễ pháp đều như việc xưa của Quốc Sư Quán Xà-lê. Trần chúa đích thân đến pháp diên, trăm quan liêu thứ đều cung kính, mong được nghe pháp chưa từng nghe. Vua kính Pháp, vâng Đạo, nhân đó, liền ban sắc lập thiền chúng ở chùa Linh Diệu. Học chúng lại nhóm kết, vẻ vang đông đúc. Vua có ban sắc mời Sư đến điện Thái Cực giảng Kinh Nhân Vương, tự thân vua cùng đến. Các Sa-môn như Tăng Chánh Tuệ Hằng, Tăng Đô Tuệ khoáng là những bậc Đại đức ở Thành đô đều lập ra vấn nạn. Sư tiếp hỏi đối đáp, khai mở pháp môn lớn mạnh. Ngài Tuệ Hằng bưng lò hương mà chúc tụng rằng: "Nước nhà còn hơn mười trai, tự thân đang là bốn giảng. Phân tích văn nghĩa, là được chỗ trở về. Ngày nay xuất ra tinh sao, thâu thấy sự hiểu biết hẹp lậu!" Ngài rất được trọng vọng, không gì hơn. Nhưng các Pháp Hội ở Giang Biểu từ trước đến nay đua tranh chẳng đủ, đến lúc ngự pháp của Sư liền ngồi, trang nghiêm có thừa, bèn làm cho ngàn cành đầy hoa định, bảy đêm yên sáng. Nêu việc mà nghiệm tâm thì đó là nhờ năng lực của Sư.

Về già, Sư đến trụ chùa Quang Diệu, thiền tuệ đều mở mang, loạn động xua tan, khuynh ý trong sạch. Trần chúa ở điện Thái cực ban sắc cảm tạ rằng: "Nay đem Phật Pháp kính giao, cũng mong chỉ bày cho các điều chẳng biết." Đến lúc xem xét toàn bộ tăng ni, những vị không thông suốt có đến ngàn muôn. Cả triều đình bàn luận rằng: "Những người hạch xét kinh thi rớt đều phải hoàn tục". Sư dâng biểu can ngăn rằng: "Điều Đạt tụng sáu muôn tượng kinh, cũng không khỏi địa ngục. Bàn-đặc đọc một hàng kệ thành tựu quả A-la-hán, dốc luận về đạo, đâu

liên quan đến tụng nhiều”. Trần Chúa rất vui mừng, liền bãi bỏ việc tìm chọn. Vì vậy, muôn người được xuất gia đều do một lời can ngăn của Sư.

Sau cùng, vì chùa Linh Diệu nhỏ hẹp, Sư lại cầu sự nhàn tĩnh, nằm mộng thấy một người, có những người theo hầu rất trang nghiêm, đến tự xưng tên, nói rằng: “Tôi là Quán Đạt, xin thỉnh Sư đến trụ ở Tam Kiều!” Sư bảo: “Quán Đạt là pháp danh của Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương. Còn Tam Kiều há chẳng là chùa Quang Trạch ư?” Sư bèn dời đến trụ ở đó. Tháng tư năm đó, Trần chúa đến chùa, tu hạnh Đại Thí. Ngài lại giảng Kinh Nhân Vương. Trần chúa ở giữa chúng đứng dậy lễ bái ân cần. Từ Trữ Hậu trở xuống đều tôn kính giới Phạm. Nên thọ pháp ấy có lời văn thỉnh rằng: “Kính mong hóa đạo vô phương, tùy cơ duyên cứu giúp mọi vật, gìn giữ nước nhà, dẫn dắt trời, người. Soi đuốc sáng ngời, gá vết thầy bạn. Tỳ-kheo vào mộng thấy phù hợp. Hình tượng lâu hiển bày, Hoà-thượng ứng hiện, đức cao tòa tỏ rõ. Cho nên, Kiều tâm mười Địa, khát ngưỡng bốn pháp nương tựa. Đại thừa, Tiểu thừa, trong ngoài hai giáo. Tôn sư trọng đạo từ trước đến nay còn vậy. Cúi mong dũ lòng dắt dẫn, gọi là đời đời kết duyên, đạt được bổn nguyện, ngày một thêm lớn. Nay xin kính thỉnh Sư làm giới sư Bồ-tát!” Sư liền trao truyền hương vào tay, vua khóc mắt rơi lệ. Đó cũng là do đức hạnh của Sư cảm động đến nhân chúa đến cầu mong theo Sư.

Đến lúc ở Kim Lăng bị suy bại sụp đổ, Sư bèn mang tích trượng từ Kinh Tương đi theo đường đến Ích Thành. Nằm mộng thấy một vị Lão tăng bảo rằng: “Điềm lành Đào Khản kính mong hộ trì!” Khi đó, Sư đến dừng nghỉ tại Khuông Sơn. Xa trông thấy bức vẽ, nghiệm xét về điềm linh, quả nhiên phù hợp như trong mộng. Sau đó không bao lâu, Tầm Dương lại làm phản, chùa viện đều bị thiêu đốt, chỉ có núi ấy được an toàn, không hề bị xâm tổn gì. Tin do năng lực che chở của điềm lành, chưa vẹt tan vết tích núi mây, cuối cùng cũng đến tận đó.

Gặp Đại Nghiệp ở đất Phiên, làm Tổng Hoài Hải, tiếp thừa Đạo phong, mang đội đức hạnh, khâm trọng chú ý, muốn vâng theo một giới Pháp, nên kính Sư làm thầy sư, bèn gởi thư đến nhiều lần thỉnh. Ban đầu, Sư trình bày mình là người ít đức, kế đến kính nhường các bậc Danh tăng, và sau cùng là nêu các Đồng học. Ba điều từ chối nhưng chẳng khỏi, cầu xin cầu bốn điều nguyện. Trong văn từ ấy viết rằng:

1/ Tuy ưa thích học thiền mà hạnh chẳng xứng Pháp, tuổi tác đã xế về Tây, giữ gìn giường dây, chỉ vỗ ngực theo lòng, giả danh mà thôi, sụt sùi tại ấy, tiếng xấu quá thật. Xin chớ vì Thiền pháp mà khởi mong

cầu.

2/ Sinh sống ở biên địa, từng gặp phải loạn ly, thân vẫn khoan thai, miệng vụng về ấm lạnh. Phương ngoại hư huyền, lâu chẳng phải phần ấy tại vức nội rão theo, không một thứ gì đáng lấy, tuy muốn tự thận trọng, nhưng lại trái ngược người, xin chớ trách khuôn phép đó.

3/ Nêu bày muốn truyền đăng để báo đáp Pháp ân. Nếu thân đáng làm giới phạm, nên nặng đi đến. Đi đến nếu nặng, thì truyền đăng bị khuyết. Đi đến nếu nhẹ thì lại ganh ghét chê bai. Lánh ganh ghét để an thân, nếu chưa thông Pháp mà bảo, xin hứa vì Pháp ấy, chớ ganh ghét nhẹ nặng.

4/ Hơn bốn mươi năm giữa khoảng nước và đá, nhân đó thành tánh. Nay Vương đồ đã một, Phật pháp lại hưng thạnh. Khuôn phép rộng lớn, tắm gội ân hóa ấy, trong hết sức mình, kính ngưỡng báo đáp ngoại hộ. Nếu gò núi hang hóc niệm khởi, xin tùy tâm uống ăn để hết những năm thừa. Nếu cho phép bốn tâm nguyện ấy, mới đến chỗ ưu chỉ!”

Tấn Vương bèn mong cầu tịnh giới, như điều nguyện của Sư thì chỉ dạ vâng, cho nên tự thân soạn văn thỉnh giới, viết rằng: “Nền tảng Đệ tử vâng thừa chứa nhóm điều lành, sinh sống tại Hoàng gia. Trường dạy răn sớm đến. Thai giáo xưa trước thấm dần. Phước báo chợt đến. Diệu cơ sẽ tỏ ngộ, hổ thẹn cao vời nơi đường nhỏ, mong cầu ưu du ở Đại thừa, cười vui nghỉ ngơi chỉ ở Hóa thành, nguyện thuyền bè sẽ đến bờ kia. Muôn hạnh của khai sĩ lấy thiện giới làm Đầu. Mười điều lành của Bồ-tát dùng chuyên trì làm tối thượng. Thí như làm nhà thì trước tiên phải làm nền móng, nhọc treo giữa hư không, chẳng bao giờ thành tựu. Khổng giáo, Lão giáo và Thích giáo đều phải là khuôn đúc, nếu chẳng có khuôn thước phép tắc thì đâu được an ngưỡng. Thật lại kính thỉnh Năng nhân (Đức Phật Thích-ca) làm Hòa thượng, Bồ-tát Văn-thù thầm làm A-xà-lê, mà hẳn nhờ thầy cõi người truyền thọ. Thánh trao, từ gần đến xa, cảm mà bèn thông. Ba Luân hết tủy ở Vô Kiệt, Thiện Tài bỏ thân nơi Pháp giới. Kinh có Văn rõ ràng, chẳng nhọc tự bày nói. Tin sâu lời Phật dạy, nguyên vâng hành trì theo sự dẫn dắt. Thiền sư là bậc Long tượng trong Phật Pháp. Giới châu tròn sạch, nước định lắng trong. Nhân tĩnh lắng phát tuệ, an định vô ngại biện. Trước chúng sinh, sau là mình, nhún nhường đã thành phong thái. Tiếng tăm vang xa, mọi người đều biết. Đệ tử do đó, kiền thành xa chú ý, mạng cơ xa đón rước, thường lo duyên sai, gặp các lưu nạn. Thầy cũng đã đến, chỉ đường tâm rõ ràng. Và vạch bày mây móc, liền tiêu phiền não. Nay là ngày hai

mươi ba tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, tại thành vàng Tổng Quản ở Dương Châu, thiết hội cúng dường ngàn vị tăng, cung kính truyền trao giới Bồ-tát. Giới gọi là Hiếu, cũng gọi là cấm ngăn, phương tiện Trí Độ quy tông kính phụng rất mực, làm Đại trang nghiêm, đồng tâm từ của Như Lai, khắp tình thương của Chư Phật, có cái nhìn bình đẳng đối với bốn loài chúng sinh giống như con một, v.v...”

Sau đó, tại Nội Để, đích thân Sư truyền giới hương, trao pháp luật nghi. Sư bảo: “Đại Vương (tức chỉ Vua Văn Đế-Dương Khiêm-đời Tùy). Vì độ xa cứu giúp làm chính, tên thật phù hợp với nghĩa chẳng khinh ước, nay có thể gọi pháp danh là Tổng Trì, dùng để nhiếp Đạo cùng gồm”. vua đảnh lễ thọ nhận lời chỉ dạy của Sư, mà nói rằng: “Đại sư Thiền Tuệ bên trong dung thông, dẫn dắt bằng Pháp trạch!” Liền kính trọng tôn xưng Sư là “Trí Giả”. Từ đó, Sư chuyên dẫn dắt, ngày một thêm cao sâu. Vật cúng dường có được hơn sáu mươi thứ, đồng một lúc Sư hồi hướng ban thí gieo trồng vào hai ruộng Bi và Kính, nguyện cho phước đức thêm nhiều, dùng để xương thạnh nước nhà. Sư muốn trở về lại chốn núi rừng xưa, Vua cố cầu thỉnh. Sư bảo: “Trước kia đã có Minh Ước, mọi sự không hai trái nhau.” Và liền rủ áo đứng dậy. Vua không dám mời thỉnh nữa, chấp tay theo đưa ra đến cửa thành. Sư xoay lại bảo: “Việc nước gìn giữ chẳng phải nhẹ. Việc Đạo đến cùng nên dừng, mong quán xét Phật hóa, mở mang giữ gìn ở cõi lòng!” Vua kính lễ trọng vọng, vành mắt ngấn lệ mà trở vào.

Sư bèn ngược dòng lên trên đầu sông, tìm lại khuông lãnh. Nhóm chúng hành đạo, thường cảm điềm lành. Chư tăng ở vủng ven như Bách Việt, nghe Đạo phong Sư bèn tìm đến, lấm vết tích cùng vội vàng. Sư lại lên Hương nhưỡng thuộc Chữ cung để báo đáp ân chỗ đất đã sinh ra mình. Kẻ tăng người tục ngóng trông, già trẻ dẫn nhau tìm đến. Thiết lập giới đàn, giảng toạ, chúng đông gần cả ngàn muôn. Sư bèn đến núi Ngọc Tuyền ở huyện Đang Dương, xây dựng tinh xá. Vua Văn Đế ban biển ngạch chùa, đề hiệu là “Nhất Âm”. Đất ở đó xưa kia hoang vắng hiểm nguy, thần núi rắn thú hung dữ, từ khi Sư lập chùa về sau, tự nhiên không còn phải lo tai hoạn. Khi ấy đang là mùa xuân mà trời nắng hạn, muôn dân đều cho là bởi thần tức giận. Sư đến chỗ nguồn suối, dẫn chúng trì tụng kinh, bèn cảm mây nhóm mưa tuôn, những lời vu vơ tự biến mất. Tổng Quản Nghi Dương Công Vương Tích đến núi lễ bái, kinh sợ đổ mồ hôi, chẳng an, bèn trở ra nói rằng: “Tích tôi từng trải qua quân trận, đến chỗ nguy ách lại càng hùng mạnh, nhưng chưa từng kinh

hãi khiếp sợ như ngày nay!”.

Năm đó, Tấn Vương lại viết sớ tay sai người đưa đến thỉnh mời Sư trở về. Với Văn từ là: “Đệ tử rất may mắn mới được bẩm thọ thầy trò, từ vô lượng kiếp đến nay thảy đều nhờ khai ngộ. Sắc tâm Vô tác, năm xưa kính thọ. Thân tuy sơ lậu mà tâm giữ gìn hạt châu sáng. Nước Định thiền chi, lắng tan quy tĩnh, mang đội nước nhà trấn giữ phiên ngung, làm tôi, làm con, há vắng lặng bốn duyên mà vào được Tam-muội! Điện chớp đoạn kết, loại ấy lắm nhiều. Tuệ giải thoát người, bạn quyết chẳng thiếu. Ngay ngày muốn phục ứng, trí loạn dẫn trước Danh giáo. Mãi chìm đắm trong dòng Pháp, kiêm dùng cai trị nước nhà, chẳng biết đáy ngưng trệ có thể khai hóa được không? Thầy Nghiêm Đạo quý có thể hàng ý được chăng? Căn cơ cạn thấp đời trước có thể nẩy mầm được chăng? Bồ-tát ứng cơ có thể hợp thời chăng? Trong Kinh Thư nói là “Dân sống có ba, thờ phụng như một” Huống gì sâu rộng như Thích Điển, mà chẳng theo thầy. Lời ân hận ngày nay đầy đủ rõ ràng thành thực, việc thành tựu lại xin bỏ sức từ!”.

Sư trả lời thư rằng: “Sai lầm tiếp thừa người chủ, tìm hỏi vết tích thầy trò. Đoái nhìn lại nhỏ mọn này, chẳng phải thời hứa thuận. Huống gì nay lệnh chẳng phải khắc đáng, nhọc muốn trầm ngâm, ắt trái với nương gởi sâu xa!”

Vua lại thỉnh rằng: “Học quý ở điểm tiếp thừa thầy, sự suy vật luận. Trải qua mong cầu Pháp giới, để tâm hiện có, kính ngưỡng đã trồng gốc lành từ lâu, chẳng phải một đời được, mà là do tu học, không bao lâu gặp Thánh cảnh. Nam nhạc ký biệt nói Pháp bậc nhất, không vì kính ngưỡng quá. Thiền sư Chiếu thuật lại đủ việc ấy. Đến nay tâm vui mừng vì vức nội thốn tất thành thực. Trí giả xưa kia vào đời Trần, nước ấy sáng thử. Nhóm họp tại chùa Ngõa Quan, các luận dấy khởi. Sa-môn Tuệ Vinh gượng nói bị bẻ sừng trước. Lưỡng Quỳnh kế tiếp khuôn phép mới đựoc giao di. Nhẫn sư khen ngợi ít có. Đệ tử kính ngưỡng bắt đầu thỉnh mời, khuất lên vô úy, giải thích hỏi vặn như dòng chảy, gần gũi chỗ thấy nghe, mọi người đều chiêm ngưỡng. Tiếp thừa Kinh Sở trước không ai chẳng quy phục. Chẳng phải Thiền, không phải trí, nghiệm lời ấy từ miệng vàng. Ở đây giải thích những lời bàn luận, Trí giả dung hội rất có giai vị. thí như các dòng sông đều chảy vào ra biển lớn. Ở đây gồm nêu mới được ý Phật. Cúi mong chưa được khiến cho được, chưa Độ khiến được độ. Lạc thuyết chẳng cùng, Pháp thí không tận.”

Sư bèn theo đó xuất hiện lại, khiến soạn Tịnh Danh Kinh Sớ. Liễu cố ngôn ở Hà Đông, Từ Nghi ở Đông Hải đều là những vị tài hoa trụ

tích, ứng phụng văn nghĩa, giam kín kho báu. Vua đích thân thọ trì.

Sau, Tiêu Phi bị bệnh khổ, các thầy thuốc hết cách cứu chữa. Vua sai khai Phủ Kiễu Cố Ngôn, v.v... mang thư đến thỉnh, xin Sư cứu giúp bệnh khổ. Sư lại dẫn chúng kiến lập trai hội bảy ngày, hành trì pháp sám Kim Quang Minh, đến đêm thứ sáu, bỗng có con chim lạ bay vào trong trai đàn bay lượn rồi chết, chỉ khoảnh khắc sống lại và bay đi, lại nghe có tiếng heo kêu la. Mọi người đồng chăm chú trông nhìn. Sư bảo: “Tướng nầy hiện ra, Tiêu Phi sẽ lành! Chim chết mà sống lại, biểu thị nắp quan che lại mở, tiếng heo u tối kêu rên là nói lên trai phước tiếp thừa.” Đến sáng hôm sau quả nhiên bệnh khổ qua khỏi. Vua rất vui mừng. Gặp lúc nhập triều, Sư bèn trở lại núi Thiên Thai, đích thân dẫn dắt thiền môn, càng hành trì sám pháp trước. ngài bèn lập thệ nguyện rằng: “Nếu đối với Tam Bảo thật sự có ích lợi, sẽ hạn từ nay cho đến những năm còn lại, còn như sống không ích lợi gì thì nguyện mau được thác hóa.”

Sau đó không bao lâu, Sư bảo chúng tăng rằng: “Tôi sẽ qua đời tại đất này. Do đó thường muốn trở về núi, nay vâng phụng minh cáo, thế lực sắp hết. Sau khi tôi chết, nên đặt trên ngọn núi phía Tây Nam, chất nhiều đá chung quanh thi thể, trồng thông để phủ lấp lại, mới xây tháp trắng, để người trông thấy mà phát tâm Đạo.” Sư lại bảo: “Khách buôn có gởi vàng, hết bệnh thì giữ lại thuốc. Tôi tuy chẳng thông minh, nhưng cuồng tử có thể buồn!” Sư bèn giảng truyền Luận Tâm Quán, tùy lược sớ thành, chẳng cần sửa văn.

Ngài bảo Học Sĩ Trí Việt đến chùa Thạch Thành quét dọn. Tôi sẽ đến trước tượng Phật ở đó mà thị tịch, đặc giường ở vách tường phía Đông xoay mặt về hướng Tây, xưng niệm Phật A-di-đà, Bát-nhã, Quán Âm. Lại bảo đốt nhiều hương đèn, xin ba y, bình bát, tích trượng để gần bên mình, ngoài ra các Đạo cụ khác, chia thành hai phần: một phần dâng cúng Đức Phật Di-lặc, một phần để yết-ma. Có người muốn dâng thuốc uống. Sư bảo: “Thuốc có công năng trừ bệnh, lưu lại những năm tàn ư? Bênh chẳng hợp với thân, thuốc làm sao trừ bệnh? Tuổi tác chẳng hợp với tâm, thuốc làm sao giữ lại? Ngày trước Trí Hy nói: Còn nghe được điều gì? Trong Luận Quán Tâm nói: Lại cái gì là đạo? Lăng xăng thuốc thang, làm phiền người khác”. Lại có người xin dâng trai phạn. Sư bảo: “Chẳng phải chỉ xế bóng một bước mà gọi là Trai. Nếu có thể Vô Quán Vô duyên mới thật là Trai. Tôi bình sinh nhọc với độc khí, chết là vui mừng được ngơi nghỉ trở về. Tướng đời là như thế, không đáng để than nhiều!” Sư lại xuất ra Tịnh Danh sớ do Sư soạn và

như ý bằng sừng tê, chuỗi châu như ý, Lò hương hoa sen, và Di thư giã biệt Tấn Vương tất cả bảy trang, Văn rất bao gồm. Từ nghĩa phong thái nêu cao, đem Đại Pháp mà căn dặn, ở cuối trang tự tay Sư ghi chú rằng: “Lò Hương và Như Ý là của Đại Vương, trở lại dùng để kính biệt, khiến mãi bày hương đức, mãi giữ gìn Như ý.” Sư bèn bảo xướng tựa đề Kinh Pháp Hoa, và Sư tán dẫn rằng: “Pháp môn là cha mạ, tuệ giải từ đó sinh. Bổn tích rộng lớn, nhiệm mầu khó sánh lường. Thôi cắt đứt cung đàn ngày nay!” Lại nghe Kinh Vô Lượng thọ xong, Sư bèn khen rằng: “Bốn Tám (48) Nguyện lớn, trang nghiêm Tịnh Độ. Ao hoa cây báu, dễ đến mà không người, v.v...!” Sư lại xin lấy nước ấm, hương thơm để súc miệng, rồi giảng mười Như thị, bốn Bất sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn giáo, bốn tâm vô lượng, sáu độ, v.v... có người hỏi Sư đã chứng đạt quả vị nào. Sư bảo: “Các ông biếng lười gieo trồng gốc lành mà chỉ hỏi công đức người khác, giống như người mù hỏi lỗ chân lông, kẻ què chân mà hỏi thăm đường đi, v.v... Nếu tôi chẳng lãnh chúng thì đã thanh tịnh sáu căn. Nhưng vì người khác mà tổn hại mình nên chỉ được ngôi vị Ngũ Phẩm! Các vị thầy bạn của tôi đang theo Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng đến đón rước tôi. Ba-La-Đề-Mọc-Xoa là Tông ngưỡng của các ông, bốn thứ Tam-muội là Đạo sáng của các Ông!” Sư lại bảo vị Duy Na rằng: “Người sắp qua đời nghe được tiếng chuông khánh thì càng vững chánh niệm, vừa dài vừa lâu, cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng, tại sao thân lạnh mới lại đánh chánh. Khóc than, vận mặc tang phục như thế gian, đó đều là những việc không nên làm. Các ông hãy im lặng, tôi sắp đi đây!” Nói xong, Sư an nhiên ngồi thẳng như nhập định mà thị tịch ở trước tôn tượng Phật bằng đá lớn ở núi Thiên Thai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy.

Sau khi Sư thị tịch, đại chúng bèn y theo lời dạy của Sư mà tẩm liệm. Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy về trước. Bỗng nhiên thấy Sư chống tích trượng đắp y giống như khi còn sống, qua bảy lần xuất hiện, nhiều lần xuống chùa núi, một lần trở về Phật Lũng nói với đệ tử rằng: Y cứ hành trì theo nghiệp xưa, các ông mỗi người đều an ổn chứ?” Cả chúng đều trông thấy, buồn kính thưa hỏi, giây lâu Sư biến mất.

Từ khi Sư giáng linh long tượng, dưỡng dục thần tại Giang Hán, nương tích Thiện mà gá sinh, nhờ gốc Đức mà hoằng hóa ở đời. Thân Sư cao hơn bảy thước, mắt có ánh sáng khác thường. Học gồm cả Thích Môn, hành mở tăng vị, qua lại núi non mà chẳng nhuốm bụi tục, thường

cảm điềm lành sâu xa, chẳng thể lường được. Lúc đầu, nhà Vua còn ở tại đất phiên sai người đưa thư vào núi đón rước. Nhân đó ban phát các vật, nêu khuôn viên chùa viện. Điện đường phòng nhà lấy làm Đồ dạng. Sư bảo với đệ tử rằng: “Đây chẳng phải duyên nhỏ mà có thể cấu kết, sẽ có Hoàng Thái tử vì ta mà xây dựng chùa, hãy y cứ theo đó mà làm, Các ông nên thấy đó”. Sau, quả nhiên đúng như lời Sư nói, sự tích Sư thấy trong Biệt truyện.

Sư đến trụ ở Lâm Hải, dân chúng ở đó lấy việc săn bắt cá làm nghề sống, lưới chài nối liền nhau bốn trăm dặm. Các Khê lương ở Giang Hỗ có sáu mươi cơ sở. Sư trắc ẩn quán xét tâm kia đây hại nhau, nên khuyên bỏ gây tạo nghiệp tội, dùng Phước duyên để giáo hóa. Nên các thứ vàng bạc, gấm lụa ngài có được chất chứa như núi, bèn lấy đó mà mua khúc eo biển ấy làm ao phóng sinh. Lại sai Sa-môn Tuệ Bạt dâng biểu tấu trình Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569 - 589) thì nhà Trần bèn ban sắc lệnh nghiêm cấm không được bắt cá tại ao đó. Triều đình lập Bia, ban chiếu sai Quốc tử tế tửu Từ Hiếu Khắc soạn viết dựng ở bờ Biển. Văn từ rất buồn thảm, người đọc không ai chẳng rơi lệ. Khi Sư trở lại Phật Lũng vẫn tu tập pháp Định như thường, bỗng nhiên có đàn chim sẻ mầu vàng bay liệng đầy trời cùng vui mừng, kêu hót trong chùa suốt ba ngày mới tan. Sư bảo: “Đó là cá đến báo ân ta. Đến nay, là niên hiệu Trinh Quán (627 - 650) thời Tiền Đường, vẫn không dám phạm, Vua vẫn ban sắc cấm đó đồng như đời Trần. Đó là do tâm từ tế rộng lớn, nhân tuệ khó thêm. Lại ở tại núi có loại nấm, xúc chạm vào cây đều rủ, hễ hái liền mọc, để cúng dường chúng tăng. Nếu người khác trải qua, thì nấm chẳng mọc. Lấy đó mà nói thì thật là Đạo cảm.

Ngài soạn Pháp Hoa kinh sớ, Chỉ Quán Môn, Tu Thiền Pháp v.v... mỗi thứ mấy mươi quyển. Lại soạn Tịnh Danh sớ, đến phẩm Phật Đạo có được ba mươi bảy quyển, đều do miệng giảng thành chương, thị giả sao chép lại. Nhưng Sư chẳng tự chứa nhóm một chữ. Ngoài ra tùy việc lưu quyển chẳng thể nói hết, đều là thấu suốt yếu chỉ sâu mầu, tư tưởng rộng lớn. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy phụng kính rất chu toàn, lại như phù hợp mạng, đến lúc tới Đại bảo thì liền cất giấu các Lân Các. Do đó tiếng tăm tỏa sáng tràn khắp vũ trụ, oai tướng trùm mãi cho đến ngày nay vậy. Mà Di cốt Sư đặc biệt ngồi thẳng như lúc còn sống, dùng cửa đá để chôn giấu, lấy khóa vàng để bít ngăn. Mỗi lúc có duyên sự mở ra phải được biệt sắc. Mỗi năm đến ngày húy kỵ, vua đều bãi triều, sai Trung Sứ đến núi thiết cúng. Có Thượng thư lệnh Dương Tố là người tánh độ rỗng rang, mọi việc đều đáng tin, bèn tỏ bày

ý nghĩa của mình rằng: “Vì sao xương khô mà ngồi thẳng như lúc còn sống?” Vua ban sắc trao cho chìa khóa cửa, bảo hãy tự đến xem. Đã thấy như báo trước, được tin bèn trở về.

Ngài rũ tỏa khuôn phép khắp cả Đông tây, hoằng hóa cùng cả muôn dặm. Xây dựng chùa lớn gồm ba mươi lăm cơ sở, tự tay độ tăng chúng hơn bốn ngàn vị, viết chép kinh được mười lăm tạng. Dùng Kim Đàn họa tượng khoảng mười muôn bức. Hơn năm mươi châu kẻ tăng người tục thọ giới Bồ-tát chẳng thể ghi hết. Truyền nghiệp Học sĩ có ba mươi hai vị. Tu thiền Học sĩ tan rải khắp Giang Hán, chẳng thể hạn định được số lượng. Có Sa-môn Quán đảnh theo hầu phụng dâng bên cạnh Sư nhiều năm, ghi chép lại hành trạng của Sư được hơn hai mươi trang giấy. Lại có Sa-môn Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam là bậc Đạo phong của Tông ôn, quán truyền giới pháp, vì đức âm của Sư cao xa, khoanh cây không bao lâu thành rừng rậm, vì đó mà viết truyện rộng truyền bá ở đời. Cuối thời Vua Dương Đế (617) đời Tùy, nhân đi tuần đến Giang Đô, mộng thấy ngài (Trí Giả) căn dặn nương cậy. Vua bèn tự soạn Văn bia, lời văn rất rộng sáng, chưa kịp khắc dựng, gặp phải tao loạn, nên bị mất.

4- Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh Đô:

Thích Đàm Sùng, họ Mạnh, người xứ Hàm Dương. Sư vừa ra đời liền biết được chánh kiến, từ nhỏ đã hiểu và kính tin.

Năm bảy tuổi, Sư vào Đạo, tụng rộng các Pháp. Siêng năng chăm chú không ngừng nghỉ. Sau, Sư theo nghe pháp ở các trường giảng hùng biện không ai vượt hơn, bèn dùng đèn trí tuệ muốn cho giúp nhiếp niệm, Thánh quả thành nên có ý tưởng cố định. Sư bèn theo nương tựa Thiền sư Khai. Đến lúc thọ giới, chí Sư càng trong sáng, và bèn học Luật Tăng kỳ có hơn mười biến. Sư y cứ mà giảng giải, thính chúng có đến ba trăm vị. Luật Yếu ở Kinh phụ đều lấy đó làm chính. Sau, vì khó khăn nơi ngôn thuyết, lại tôn sùng Quán trước. Trán cao, mũi thẳng là chỗ để tồn tưởng. Dưới cây giữa rừng là nơi Sư ở, thế mà ánh sáng từ trong tỏa phát, sắc tướng bên ngoài dứt trừ. Thân hình chỉ như cây khô, tâm tưởng tợ tro lạnh. Sư riêng tinh chuyên sáu hạnh, suốt gồm năm môn, nên Khai Công ở giữa chúng ngợi khen Sư là bậc nhất. Và Sư được các bạn đồng học cung kính, lại gọi Sư là Vô Thượng Sĩ. Đến lúc thầy thị tịch, giao phó Sư dẫn nhiếp đồ chúng.

Bấy giờ cả năm chúng có hơn hai trăm vị nương tựa Sư thực hành

tĩnh lặng. Tiếng tăm vang khắp Lũng tắc, hoằng hóa khắp cùng quan hà. Mọi người tìm đường hướng theo Đạo phong, xa ngàn dặm cùng đến đầy cửa chật nhà, Sư ngồi răn dạy môn nhân. Hoặc có người mới tu Pháp Quán bất tịnh, hoặc có người đã tu học đến Nhân Không. Niệm từ bi kia, mở mang phép chánh.

Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu đặc biệt kính trọng vâng thừa, bèn ban sắc rằng: "Thiền sư Đàm Sùng đức hạnh không tỳ vết, tinh ngộ vượt hơn mọi người. Học chúng tham dự, chưa nghe có lỗi phạm, đáng là dùng Đức nghĩa để dẫn dắt, nên khuôn phép chúng bặt hình thanh tịnh, đáng làm Tam tạng Pháp sư của nước Chu." Năm Sư đảm nhiệm làm tự chủ chùa Trắc Hỗ, liền theo mà giáo hóa dắt dẫn, tăng ni đều khen ngợi. Thường bị tăng chức làm ngưng trệ bước chân, chưa được hứa thuận rảo bước, Sư bèn giả mượn duyên khác, bèn thuận theo thế tục. Tuy bên ngoài vâng thuận theo uy quyền của Vua, nhưng bên trong giữ gìn Đạo trinh thuần. Vua lại ban cho các hàm tước như Kim tử Quang lục, v.v... nhưng Sư đều chẳng nương cậy. Tuy trầm lắng trong vận thời nguy ách, nhưng Sư chẳng phế bỏ việc lợi người.

Đến đầu thời Đại Tượng, Hoàng triều nhà Tùy mở mang Vận mạng, đuốc pháp được soi chiếu trở lại. Sư liền dự cùng một trăm hai mươi vị tăng được ban sắc trụ chùa Hưng Thiện. Bỗng nhiên lại ban sắc riêng đề cử Sư trông coi đảm nhận chùa. Sư lại ân cần từ tốn, chẳng chịu nhận. Nhưng vì đạo hạnh Sư phủ suốt cả chư tăng, là giới Phạm của các hàng Vương Công. Xưa kia, vì Phật Pháp bị suy đồi hủy hoại, Sư ước nguyện riêng sớm được hưng thạnh trở lại, kính cẩn xây dựng một ngôi chùa để làm tỏa sáng thời Mạt pháp. Nhân đó mà Sư tấu trình lên Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy bèn xây dựng chín ngôi chùa để xứng hợp với nguyện của Sư. Và mọi sự đều do nước nhà chu cấp đến hết đời vua Văn Đế. Cao Đường Công vốn bẩm hạnh môn, riêng quy hướng kính tin, bèn cất nhà để làm chùa, dẫn chúng ở đó, sắc bảo lấy sự tĩnh lắng làm nơi quy hướng, thiền chúng được khen ngợi. Vua ban biển ngạch đề là Thanh Thiền, nay chính là ngôi chùa trong cửa Thanh Minh.

Tấn Vương đời Tùy kính trọng thiền lâm, giáng oai làm đàn việt của chùa, trước sau đưa đến hơn bảy mươi Hộ. Ống lăn nước và bàn tán, trên dưới sáu thứ đều sung vào làm cơ nghiệp truyền lại mãi đến ngày nay. Nhà vua xưa trước là chỗ tiếp thừa Danh tiếng, nay gần gũi chánh nghiệp. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, vua ban sắc đưa mười bốn ngàn xấp lụa, năm ngàn tấm vải bố, ngàn đống bông tơ, hai

trăm xấp gấm, hai mươi tấm lụa năm mầu, gạo thượng hạng trước sau có ngàn thạch, đem đến cúng dường. Hoàng Hậu lại ban lệnh đưa năm ngàn quan tiền, mười lăm lãnh giạ, năm mươi dao cạo đến cúng dường. Phước của Sư cảm đến sở nguyện ngày nay, lưu truyền lớn lao về sau.

Ngài xây dựng một ngôi tháp để báo ân bổng lộc của nước nhà. Vua nghe mà rất vui mừng. Nội cung nghinh tặng sáu viên xá-lợi để đồng mở nghiệp lớn. Bấy giờ, Phật pháp mới sơ khai. Đồ tượng còn thiếu nhiều, Sư xây dựng ngôi tháp ấy rất xứng hợp với tâm vua. Nên vua ban sắc tìm người thợ tên là Đỗ Sùng, bảo lo việc sửa sang, tính liệu tốn hao hơn ba ngàn quan tiền, tám mươi muôn viên gạch. Vua dùng công nghiệp riêng để chi phí. Sợ có sự thiếu hụt, vua lại đưa các thứ y phục của mình và y phục của Hoàng hậu mặc tất cả một ngàn ba trăm bộ dùng để hỗ trợ tùy hỷ.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương trấn tổng tại Dương Việt, xây dựng Linh Bàn và các thứ trang sức. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) mới thành tựu. Cao toàn bộ mười một tầng, đứng sáng ngời giữa thái hư. Khắp kinh ấp đều khen ngợi là tốt đẹp. Từ đó về sau, cúng dường nối nhau, mọi thứ vật dụng đều rất nhiều. Vua lại xây dựng Phật đường, Tăng Viện, đều đưa năm hàng điều độ. Mọi việc trồng trặt cây rừng v.v... đều giao phó cho tăng chúng trông coi và giúp sức làm thành. Sư đã được coi trọng ở đương triều, qua lại không ngăn ngại, nơi chốn cửa cấm cung đình còn ồn ào chưa an, phải có chỗ luận bàn. Sư cầm tích trượng đi đến. Khi ấy, ở tại Đại nội, Sư trình bày về Tịnh nghiệp. Vua Văn Đế lễ tiếp Sư và tự tôn xưng " Ngài là thầy của con"! Hiến Hậu tiếp nhận Đức lại tôn xưng "Ngài là thầy của con gái con!" Và khi Sư về ở nơi chùa thì ban sắc bảo chở đến, hỏi để xây cất chỗ ở, không sáng nào chẳng đến. Từ chỗ được các thứ ngoại lợi, Sư đều cúng thí vào Già-lam, tự thân chỉ gìn giữ y bát mà thôi.

Đến ngày ba mươi tháng mười niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) Sư thị tịch trong phòng tại chùa, thọ tám mươi tuổi. Vua Văn Đế vô cùng buồn rầu, ban sắc an táng. Mọi sự cần dùng trong tang lễ đều do Hữu Ty cung cấp. Kẻ tăng người tục đệ tử của Sư có hơn năm ngàn người đón rước nhục thân Sư đến phía hữu chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, xây tháp thờ Sư mầu trắng, khắc dựng bia minh, đến nay hiện vẫn còn.

Mới đầu, trước lúc Sư tịch bảy ngày, cột phướn trong chùa vô cớ tự nhiên gãy đổ, giếng nước ngoài cửa bỗng nhiên cũng khô cạn. Chúng

tăng lấy làm quái lạ về các việc ấy. Đến đêm cuối cùng, ngài căn dặn rằng: "Ta có việc phải đi, nên nay cần phải giao phó!" liền đem các thứ y cụ vật riêng cúng thí vào của Tam Bảo. Đến cuối đêm, chúng tăng cảm thấy có tướng khác lạ, bèn đến xem coi Sư thế nào hơi thở đã dứt. Sư không bệnh mà thị tịch. Hình sắc vẫn như lúc còn sống. Nhân đó mới tấu trình lên vua, không ai chẳng thương cảm.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo Tràng Tuệ Nhật:

Thích Tuệ Việt, người xứ Lãnh Nam. Ở trong núi La Phù, Sư nhóm chúng thực hành thiền pháp, vang tiếng cùng Nam Việt. Tánh Sư thường luôn trầm ái, thương giúp muôn loài. Sư an ở nơi chốn rừng sâu hiểm trở mà hổ báo không nhiễu hại. Từng có đàn thú đến gối đầu lên chân Sư, Sư bèn vuốt râu mặt nó, mà tâm không chút ngại sợ. Chúng tăng đều trông thấy vậy và đồng lấy làm lạ. Sư hành hóa khắp Ngũ lãnh, tiếng tăm lưu bố cùng Tam sơ.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) khi đang ở tại đất Phiên, chọn lựa những bậc tài giỏi, nên cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy sai bảo Xá nhân Vương Diên Thọ đến thỉnh Sư đến Đạo tràng Tuệ Nhật ở Tấn Phủ. Và ngài theo vua đến kinh đô tại chỗ Thông Hoá. Cuối cùng Sư về lại Dương Châu, giữa đường bị bệnh mà thị tịch. Để nhục thân trên thuyền mà vẫn như lúc sống. Ban đêm thấy có ánh sáng từ dưới chân phát ra và trở lại vào trên đảnh đầu. Và lại từ đảnh đầu lại lưu xuất ra rồi theo gót chân mà trở vào, suốt đêm chẳng ngừng dứt. Kẻ Tăng người tục đều lấy làm lạ, ngợi khen là điều chưa từng có. Vua bảo đón rước về an táng tại núi cũ để tỏ sự thành kính đối với Sư.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Thật trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu:

Thích Tuệ Thật, họ Hứa, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, chỉ thuần sâu mầu cao thượng. Sư đến khắp các danh sơn. Cuối đời Lương, Sư đi bộ đến núi Thiên Thai, gồm tập thiền nghiệp. Vào phòng thì Sư đóng cửa, ra thì mở toang. Y bát luôn theo bên mình, chỉ để lại giường chiếu. Sư là bậc trượng phu nhẹ nhàng trong sạch.

Đầu đời Trần, Sư chống tích trượng đến Long bàn, bặt dấu vết người đời hơn năm mươi năm. Sư quý chuộng hạnh Đầu-đà, thường ở lặng yên. Từ nhỏ đến cuối đời, hông Sư chẳng kề chạm đến vật. Tuy thân hình suy yếu, tuổi tác già mua, mà chí khí Sư càng trinh tiết, càng già càng cố gắng.

Đến ngày hai mươi ba tháng tám niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604)

đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa Lý Đạo thuộc Tương Châu, thọ chín mươi sáu tuổi. Sư để lại Di chỉ, bảo đem nhục thân để trên ngọn núi Phía Bắc rừng Thi-đà. Sau, thâu nhặt di cốt về an táng tại Sơn Nam, xây tháp gạch ba tầng, để ghi nhớ đức hạnh của Sư.

7- Truyện ngài Thích Tăng Thiện trụ núi Mã Đầu ở quận Văn Thành:

Thích Tăng Thiện, họ Tịch, người xứ Bình Chánh; thuộc Quận Giáng. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, bèn theo Định nghiệp. Sư nổi tiếng ngang với Phương Công ở suối Lâm Lạc thuộc Quận Cấp. Mỗi vị nhóm theo đồng loại, nương tựa nơi chốn núi hang mà đượm nhuần vị đạo. qua lại các núi Lạc Dịch, Bạch Hổ, Thái Hành, Bảo Độc, Lâm Lự v.v... nổi tiếng khắp bốn phương xa, người quy tông rất đông.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tăng Tập, vì thương xót Phần Khúc ấy, nên đến thỉnh Sư giáo hóa thông cùng. Sư lấy cớ chúng tăng ở núi với thường nghiệp sợ có sự trái lìa, nên tuy nhiều lần thỉnh mà Sư vẫn không nhận lời. Ngài Tăng Tập nói: "Trước sau mời thỉnh, đón rước hơn ba mươi lần, tình của trăm họ, tình không thôi thôi, mài gót chân có hết, tâm thệ nguyện chẳng khó xả bỏ". Sư bèn theo đến trụ trong núi Mã Đầu, đại hành pháp thiền. Khắp các xứ Bồ, Ngô, Tấn, Giáng đội xiêm cùng rầm rỉ. Chúng nhóm họp rất đông, Sư bèn chia làm bốn Bộ, tức các xứ Bôi Bàn, Đại Hoàng v.v...ở hai rừng Đông tây ấy. Đều là phòng lẻ thất riêng, sao tan rừng vắng, ngồi yên tại chỗ, chỉ có mười tất cả nhập mà vì nêu cứ. Đồ chúng đông đến năm trăm vị mà trang nghiêm tĩnh lắng.

Trong khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, Đạo của Sư càng lớn mạnh. Đến lúc bệnh Sư đã trở nặng, Sư bảo đệ tử rằng: "Bệnh của ta là trong bụng lạnh kết, là do xưa kia vào độ tuổi niên thiếu, ở trong núi rừng chuyên tu đạo nghiệp, khi lương thực đã hết mà lười đi khất thực, chỉ ăn nuốt đá nhỏ để đầy đủ trong ngày. Nhân đó có cảm giác bị bệnh. Sau khi tôi chết hãy mổ bụng mà xem!" Quả nhiên đúng như lời Sư nói. Sư nhiều lần bảo rằng: "Các ông phải siêng năng tu nghiệp, chớ nên vì lao nhọc hoằng hóa thế tục mà phế bỏ việc chính của mình. Sau khi tôi chết, chẳng cần thiêu đốt hao tổn vật mạng bên ngoài, hãy để ngồi trong cái bình mà chôn!" Đến ngày mười một tháng ba niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư ngồi kiết già như lúc bình thường mà thị tịch ở trong núi Đại Hoàng. Kẻ tăng người tục y theo lời Sư căn dặn mà an táng.

Ngài Tăng Tập vốn ở tại Giáng Châu, kết tâm với định nghiệp,

tiếp thừa ngài Thiện Công, chẳng thiếu sự hoằng hóa. Về sau, Sư đến trụ chùa Bảo Nghiêm ở Tấn Châu, Sung tăng để trông coi ruộng lúa, thấy sát hại các loài trùng dưới nước trên khô, Sư chẳng dằn nỗi sự chua cay, nhân đó, vất bỏ công danh, tìm lại sự nghiệp cao cả ngày xưa. Trong ngày ngài Tăng Thiện thị tịch, thì Sư đang hành hóa nơi khác, không được gặp mặt. Sư nhờ hỏi các người đương thời thì đều đã quá vãng, bèn mang các vật cúng đến núi thiết lập trai hội, buồn khóc thương nhớ dấu vết xưa, đoái hoài kính phụng thì chẳng do đâu mà được, cố tìm Di hài thì chẳng biết ở đâu! Bỗng nhiên nghe có tiếng lửa dữ cháy lan, âm vang phát ra từ hang rừng, thấy đất nứt nẻ, bình lộ bày ra ngoài, Di cốt của ngài (Tăng Thiện) trắng như tuyết, chỉ còn chiếc lưỡi mầu hồng đỏ đẹp ánh hơn cả khi Sư còn sống. Nhân đó, ngài (Tăng Tập) lấy di cốt và chiếc lưỡi xây dựng hai ngôi tháp để phụng thờ.

Đến ngày mồng chín tháng giêng niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (thời Tiền Đường, ngài (Tăng Tập) thị tịch tại phòng ở núi, thọ sáu mươi bốn tuổi. Khi thị tịch, Thần tư Sư an ổn, xưng niệm danh hiệu Phật mà tịch!

Bấy giờ, tại núi Tiểu Du ở phía tây Tấn Châu, có Sa-môn Tăng Tập là người khổ tiết ở chốn núi rừng, nhóm chúng hành trì thiền nghiệp. Sư nuôi dưỡng các loài rắn chuột, thuần quen đến nỗi có thể đưa tay bắt lấy, thường xuất hiện chung quanh Sư, đuổi chẳng chịu đi. Nhưng có người tục đến, liền tự ẩn mất.

8- Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu:

Thích Huyền Cảnh, họ Thạch, người ở xứ Thương Châu. Năm mười tám tuổi, Sư thi đỗ tú tài, đi đến Nghiệp Đô, làm Hoà Vương tỉnh Sự. Sư đọc sách qua một biến, liền nghiên cứu Văn Nghĩa, chỉ trong khoảnh khắc liền dẫn chứng không hề bỏ sót. Trong vòng năm năm, với Sư không còn sách gì đáng đọc. Sau, ngài đến chỗ Thiền sư Hòa nghe giảng kinh Đại Phẩm, Duy-ma, Sư đến bên cạnh cửa đứng nghe, soi xét sâu vượt, bèn cùng quy hướng thọ học. Thiền sư Hòa là người được trọng vọng về Định nghiệp, tham hỏi rất nhiều, bảo Sư đến nương tựa Pháp sư Tuệ, và Sư được truyền trao cho các thứ Kinh giáo Đại thừa sâu mầu đến chỗ cùng cực. Đã được rót vào tâm khảm, Sư bèn phát chí xả tục.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư giã biệt vợ con, bảo rằng: “Từ Lâm Chương trở về hướng Nam là thuộc nơi tôi đi, gọi đó là cảnh giới Niết-bàn. Từ Lâm Chương trở ra hướng bắc là thuộc phần sinh tử, là nơi các

người đến. Tôi thệ nguyện nơi chẳng phải cảnh Thánh thì không bao giờ bước lên". Sư trở lại chỗ Thiền sư Hòa, xin xuống tóc xuất gia. Được thầy truyền trao cho chánh pháp, sớm tối, Sư suy nghĩ quyết chọn, hiểu cả Huyền vi. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp Sư, lánh vào rừng chầm, lại dùng thiền đạo trong ngoài dung thông.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, gặp duyên giảng dạy, nghi thiết hoa ước, mọi việc đều dốc lòng, nên qua hai thời Pháp hội, thì dùng nước thơm rưới đất, lò xông dẫn đạo, trước Kinh sau Sư, mới đầu không một dứt bặt, tẩy trừ dơ uế, gìn giữ thanh tịnh, kính trọng như giới khoa. Sư thường mở kinh đọc tụng chẳng quá năm hàng, sau đó xong lại giải bày, y như lệ trước. Nên mỗi lúc gióng trổi trống pháp, liền cảm động cả ngàn người cùng đến. Các vật cúng thí, ít nơi nào sánh bằng. Do đó trong phòng Sư, các thứ pháp y vàng tím, y phục trên dưới có hơn trăm bộ, mỗi lúc mỗi thay đổi, vì sinh vật lợi, chỉ một lần mặc qua thân Sư, liền ban thí cho chư tăng. Ngài cảm lợi sâu đậm đại loại như thế.

Sau, nhân bị bệnh ba ngày, Sư bảo với thị giả là Sa-môn Huyền Giác rằng: "Tôi muốn thấy Phật Di-lặc, vì sao lại làm chủ cõi trời Dạ-ma?" Sư lại bảo: "Khách khứa rất đông, sự việc phải xem xét". Có người hỏi về nguyên do. Sư bảo: "Thức tưởng của hàng Phàm phu đâu thể xem xét? Đang có thiên chúng muốn đến đón rước ta!" Từ đó về sau có mùi hương lạ thoảng xông khắp phòng, chúng tăng cùng nghe biết. Sư lại bảo: "Tôi sắp đi đây! Sẽ nguyện sinh trở lại ở đời làm Thiện tri thức với nhau. Sư liền thị tịch tại chỗ ở. Lúc đó nhằm tháng sáu niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy.

Lúc sống, Sư thường lập nguyện, muốn thả nhục thân vào nước. Sau khi Sư tịch, mọi người bèn vâng theo ý chỉ ấy, nên đem đến an táng trong vực sâu thẳm của sông Tứ Mạch, ba ngày sau, đến xem thì chỗ thả ấy lại biến thành phần mộ bằng cát rất cao, mà nước chia thành hai dòng. Kẻ tăng người tục đều lấy làm lạ về điểm cao nhã ấy, lưu truyền vết tích mãi đến ngày nay.

Ngài Huyền Giác là người tâm tánh hiếu từ, học theo khuôn phép trước. Sau, Sư đến trụ chùa Trang Nghiêm ở Kinh đô, thuần giảng các Kinh Pháp Đại thừa. Đối với Văn-thù, Bát-nhã là những kinh Sư riêng lấy làm đắc ý. Vẻ vang cùng chốn đất vua, tiếng khen hiển bày cao vợi.

9- Truyện ngài Thích Trí Thuấn trụ núi Chương Hồng ở Quận Triệu.

Thích Trí Thuấn, họ Mạnh, người ở xứ Đại Lục thuộc Triệu Châu. Thưở thiếu thời, khi còn là thư sinh, Sư đã thông hiểu khâu sách, có tài viết chữ, nói năng khéo léo, khoan thai nương cậy.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Sư nhàm chán thế tục bèn xuất gia, kính phụng thờ sa-môn Tăng Điều ở chùa Vân Môn, rồi đến ở núi Bạch lộc, trước sau tất cả mười năm. Sư thường ưa thích u ẩn, chẳng thích việc ồn ào, lẫn lộn. Vừa có tâm mê muội, liền có Thần kỳ hiện tướng răn dè, như động đến Thân y, hoặc có tướng âm thanh. Lại hiện tướng mặc sắc phục mầu trắng, hình lượng cao hơn trượng, đi nhiễu quanh phòng viện cùng cảnh răn, thường chẳng phải một lần.

Sư từng cùng Sa-môn Đàm Tuân đồng tu niệm định, trải qua bốn năm. Sau, Sư đi về hướng Bắc đến núi Hứa Đình ở Tán Hoàn nương tựa kết nghiệp, tiếng tăm vang xa. Có người mến Đạo đến cúng dường, Sư bèn lánh ẩn. Trải qua một năm không cần cấp giúp. Lại có người săn bắn rượt đuổi chim trĩ bay vào nơi phòng Sư. Sư tha thiết khuyên lơn nhưng họ chẳng chịu bỏ, người ấy bèn bắt chim trĩ đi. Sư không nỡ nhìn sự việc như thế, bèn cắt lỗ tai mình đưa cho người ấy. Người săn bắn ấy cảm kích sự tha thiết can ngăn của Sư nên bèn ném bỏ cung tên, mở thả chim săn, theo ngài cầu đạo, dần học kinh nghĩa. Từ đó, dốc lòng khuyên răn mọi người trong mấy thôn bỏ nghề săn bắn. Do là do sự thành thực của Nhân từ cứu giúp!

Sau, Sư chuyên thực hành Đạo quán, chẳng theo việc hữu duyên, vọng tâm chợt khởi, không thể cấm ngăn. Sư liền cắt thịt trên đùi cho máu chảy, hoặc ôm đá nặng đi nhiễu quanh tháp, chỉ khoảnh khắc liền thoát khỏi tâm lự ấy, nên trên chỗ Sư cắt thịt loang lổ như phô gấm. Tiết tháo chí thành của Sư đồng với Ngũ thành chẳng chung cùng. Sư ở trong núi rừng lâu năm, không người cắt cạo, Sư bèn dùng lửa để đốt tóc, mặc áo thô xấu, quên cả uống ăn, từng trải qua nóng lạnh, độ cảnh mà phân công, chẳng quên vội vàng. Tánh Sư ít bị tham làm não, tay chẳng cầm nắm tài vật. Hễ thấy người nghèo đó thì Sư lệ tuôn đầy mặt, hoặc cởi áo đang mặc để cấp cho, hoặc giảm bớt phần ăn mà ban thí. Vì bên trong thông, ngoài hóa, nên trong người thân có mười người xuất gia, đều y cứ theo hạnh Sư, luyện tâm tiết lượng, theo phong cách của Vũ Dương.

Năm sau, Tật bệnh đã xâm nhập, sức khỏe Sư đã mòn mỏi, Sư thường bảo người xưng niệm danh hiệu Phật, buộc ý tưởng vào Tịnh phương trọn đến tuổi già. Cuối cùng Sư bị bệnh khí, bỗng nhiên tăng nhiều, suốt mười lăm ngày, Sư cố gắng niệm như lúc đầu. Và Sư thị tịch nơi Thiền Phường Quật lãnh, thuộc huyện Nguyên Thị, thọ bảy mươi hai

tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi tháng giêng niên hiệu Nhân thọ thứ tư (604) đời Tùy. Mới đầu an táng bên cạnh núi Chung Sở. Sau dân chúng ở núi Chương Hồng sát ranh giới huyện Phòng Tử vốn kính trọng đạo phong của Sư nên ban đêm đến trộm lấy quan tài nhục thể về an táng trong đảnh núi. Tới lúc đến tìm thì đều ẩn tàng dấu vết. Ba năm sau, mở bày ra bèn trà-tỳ Di cốt và xây tháp trắng trên sườn núi để thờ.

Từ khi Sư nhập Đạo rất tinh tấn chí thành. Xưa kia, đang ở Nho tông, Sư rất tự kiêu căng, bỗng nhân một tuần đạt được pháp bất tịnh quán, ruột gan phèo phổi.... chảy ra bên ngoài, gớm ghiếc chẳng thể tỏ bày, thấy người khác đều bất tịnh tràn đầy bên trong. Sư bèn đến chỗ Sa-môn Tăng Điều và được ấn chỉ. Vì tại chùa Vân Môn, quan cúng đang nghĩ là khó, nhân đó, Sư đến núi yên vắng, sớm tối thông nghiệp, chẳng thuộc công danh, chẳng làm chùa công, mà đức ngầm chứa bên trong vận chuyển vang xa đến triều đình. Nên niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc chiếu rằng: "Hoàng Đế kính hỏi Thiền sư Trí Thuấn ở Cốc xưa cũ tại chùa Thiền Phòng thuộc phía Nam núi Chương Hồng gần ranh giới huyện Phòng Tử thuộc Triệu Châu, ngày đông rất giá lạnh, Thiền sư đạo thể thanh tịnh tốt đẹp, giáo hóa dẫn ắt muôn loài, khiến sớm thành tựu. Trẫm rất vui mừng! Trẫm ngồi trên triệu dân, che chở chánh pháp, đêm ngày không trễ nãi. Nay sai Khai Phủ Lư Nguyên Thọ chỉ tuyên ý trước. và đưa Hương vật đi riêng". Bấy giờ, thứ sử Triệu Châu là Dương Đạt cho rằng Sư là người không công quán, vốn bặt tiếng tăm, y cứ theo sắc ban xuống mới biết, Sư được ghi danh ở chùa Đồng Quả, để tiếp thừa chiếu chỉ, mà Sư cũng chẳng đến. Dân chúng trong núi vì đó mà xây dựng chùa, ba nơi giao kết, bốn phương nghe đến, mừng ưa thích niệm Định ấy, nhưng chẳng thể tinh chuyên, nên chẳng bao lâu lại phải trở về. Đó là sức mạnh thật không thể nêu bày.

Mỗi năm đến đầu mùa Đông, Sư giáo hóa các duyên nhóm họp, may sắm nhiều áo quần chứa để, đến ban thí cho người tù. Hai mùa xuân, thu thì bình đẳng hành Đạo. Ngoài ra thì Sư ngồi kiết già trong rừng sâu trơ trọi chẳng ngủ, và lên tai thuận tâm dùng sức mỏi mệt, Sư chuyển sang đọc tụng kinh tạng, gồm được bốn biến, tay trái Sư cầm quyển, tay phải cầm đuốc, mười đêm, năm đêm, mắt không hề nhắm. Niệm danh hiệu Phật, khen ngợi công đức, Sư tụng đọc như dòng chảy. Sớm tối 6 thời lễ sám cho đến lúc thị tịch.

Sư có đệ tử là Sa-môn Trí Tán, thuở nhỏ vâng lời chỉ dạy, lúc lớn lên tỏ ngộ huyền lý. Với các bộ Nhiếp Luận, Niết-bàn đều thông hiểu,

nay đang trụ chùa hóa cảm ở Lam Điền, tu tập thiền tuệ, vẻ vang sáng ngời đầu mối, luôn có lắm điều trưng dẫn, cuối cùng ẩn lánh chốn suối rừng.

10 - Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đãi Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang:

Thích Trí Giai, họ Hạ Hầu, người ở xứ Dự Chương. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Châu, nghe Lãng Công giảng về Tam luận, Sư khéo thọ nhận huyền văn, nổi tiếng ở đương thời.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, gặp được Khải Công ở núi Thiên Thai, Sư bèn tu tập thiền pháp, đặc biệt có niệm lực. Ngài Trí Khải ngợi khen quý trọng. Sau, Sư giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa và Luật Thập Tụng, truyền bá hưng thạnh, rất được kính trọng ở đương thời. Sư lại giỏi về ngoại học, Văn bút sử sách càng là sở trường. Về sau, Sư đến ở Lô Sơn xây dựng tinh xá Đại Lâm. Kết cấu ấy ban đầu đều là xây dựng chung. Sau Sư lại sửa chữa chùa Tây Lâm. Cả hai nơi trông coi giữ gìn đều trọn mọi việc, nhưng Sư giữ chí ở tại Đại Lâm, hơn hai mươi năm chân chẳng bước xuống núi, thường tu định nghiệp.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581- 605) đời Tùy, rất kính trọng Sư, ban sắc thỉnh mời, nhưng Sư cáo bệnh chẳng đến. Sau, tại Dự Chương thỉnh cầu Sư giảng pháp, Sư từ chối chẳng đến, bảo rằng: “Ý tôi muốn trọn đời ở núi, đâu chết nơi Thành ấp!” Kẻ tăng người tục chí thành cầu thỉnh nhưng không được, chưa bao lâu, Sư bèn thị tịch tại chùa thuộc Châu Trị, thọ bảy mươi tám tuổi. Người đương cho rằng “Sư biết được mạng”. Lúc đó nhằm tháng sáu niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy. Khí trời nóng bức mà Sư ngồi kiết già như lúc còn sống, đón rước đưa về Lô Sơn, hình sắc Sư chẳng biến đổi, đều không thối rữa, trái lại, có mùi thơm lạ. Kẻ tăng người tục khen ngợi, bèn tôn trí vào trong thạch thất, đến nay vẫn như lúc đầu.

11- Truyện ngài Thích Trí Việt ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai.

Thích Trí Việt, họ Trịnh, người ở xứ Nam Dương. Thưở thiếu thời, Sư có chí nguyện lìa trần. Cha mẹ Sư cầu hôn cho, Sư tìm cách xin thôi. Khi lớn lên thì Sư càng tài giỏi mạnh mẽ, cao nhã đẹp xinh. Bấy giờ, Lạc Dương Điện Hạ thống ngự Kinh Châu, giao cho Sư đảm nhận chức vụ rất cao, nhưng đó chẳng phải chỗ Sư ước muốn, chỉ vì mong muốn

xuất gia. Vua cảm kích Sư thành thực trắng trong, vì để toại với tâm nguyện xưa, nên từ khi xuống tóc về sau, Sư tùy phương hỏi Đạo.

Sư bèn đến Kim Lăng, gặp ngài Trí Giả, Sư liền xoay mặt về phía Bắc xin cầu học, được Ngài Trí Giả trao cho Thiền pháp. Sư thấu đạt sâu xa Ngũ Môn, thông hiểu Lục Diệu, giới hạnh thanh bạch, Luật nghi thuần khiết. Sư lại tụng Kinh Pháp Hoa hơn cả muôn biến. Bình nước tự đầy, đó là do năng lực của kinh. Học chúng ở đó tuy đông, nhưng Sư được đứng hàng đầu.

Có tinh xá Lộ Sơn ở Lâm Hải do một vị Phạm tăng xây dựng, luôn có nhiều điều linh dị. Ngài Trí Giả mỗi lúc đến đó đều bảo Sư cùng đi theo. Từ khi ẩn tích về sau, chúng ở núi Đài lãnh, một mình Sư dạy bảo, suốt hai mươi năm, chăm chăm Sư khéo dẫn dụ không hề trái với lời dặn dò gởi gắm, là nơi nương tựa của hai chúng, là chỗ quy hướng cao cả của bốn bộ. Dáng dấp Sư cao lớn, đức cảm đến tâm chúng sinh, rất sâu sắc. Mỗi năm đến ngày húy hỵ ngài Trí giả, vua sắc ban thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng Quan. Sư ngoài y bát ra, mọi vật đều sung vào Đại thí hội. Ngày hiến hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy thiết trai để chú nguyện, thường được cả trăm thứ, nhưng Sư chẳng cố lưu giữ. Nên Thứ sử Hoạt Châu là Trịnh Hệ Bách, Lâm Hải Trấn Tướng Dương Thần Quý, đều là những vị thầy bạn nghĩa trọng với Sư, đãi ngộ chẳng thường.

Đến ngày hai mươi ba tháng mười một Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy, Sư bị bệnh, trải qua mười ngày, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch ở phòng cũ tại chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi bốn tuổi. Lúc Sư tịch, núi sụp đổ, đất chấn động, kẻ tăng người tục trong khu vực thảy đều thấy nghe.

Bấy giờ, tại núi Thiên Thai lại có Sa-môn Ba-nhã, họ Cao, người ở xứ Cú-ly. Vào đời Trần, Sư trở về nước, đến Kim Lăng nghe giảng pháp, hiểu sâu nghĩa vị, khi nhà Tùy an định nhà Trần, Sư đi các nơi học nghiệp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Sư đến núi Thiên Thai, đảnh lễ ngài Trí giả, cầu xin trao truyền thiền pháp. Sư là người lợi căn Thượng trí, nên liền có sở chứng. Ngài Trí giả bảo Sư rằng: "Ông có duyên ở xứ này, nên phải nhàn cư ở chỗ vắng lặng, thành đầy đủ diệu hạnh. Nay núi Thiên Thai là ngọn núi rất cao, có tên là Hoa Đảnh. Cách chùa khoảng sáu, bảy mươi dặm, là chỗ xưa kia tôi tu hạnh Đầu-đà, thần núi ở đó là người có căn tánh Đại thừa, ông hãy đến đó học đạo tấn hạnh, sẽ có lợi ích sâu mầu, chẳng cần phải lo lắng ăn mặc". Sư liền vâng theo.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư đến chỗ núi ấy, sớm tối hành đạo, chẳng dám nằm ngủ. Suốt mười sáu năm, hình bóng Sư chẳng ra khỏi núi. Đến tháng hai niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, bỗng nhiên Sư tự xuống. Mới đầu đến chùa Phật Lũng thượng, Tịnh nhân thấy có ba người mặc áo trắng mang y bát đi theo Sư, giây lát không còn thấy nũa. Sư đến chùa Quốc Thanh hạ, thầm đến người bạn thân là Sa-môn Đồng Ý mà bảo rằng: “Ba-nhã tôi tự biết tuổi thọ mình sắp hết, còn chẳng bao lâu, nên nay ra từ biệt Đại chúng!” Chưa đầy mấy ngày sau, tự nhiên không bệnh, Sư ngồi thẳng trong chánh niệm mà thị tịch tại chùa Quốc Thanh, thọ năm mươi hai tuổi. Đón rước khám về núi, ra cửa lớn của chùa, xoay kiệu biểu thị giả biệt, mắt Sư liền mở, khi đến núi mới nhắm lại. Bấy giờ, bất luận là Quan tư, tăng tục đều khen ngợi, kính ngưỡng, cùng phát đạo tâm. Ở ngoài thấy được điềm linh như thế, còn lại thần dị trong núi, mọi người chẳng thấy, nên khó rõ ràng!

Bấy giờ, tại núi Thiên Thai, lại có Sa-môn Thích Pháp Ngạn, họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Lúc triều đại Bắc Chu phá diệt Phật giáo, Sư lánh nạn đến đất Trần tại Kim Lăng, gặp được ngài Trí Giả. Lúc đó nhằm niên hiệu Thái Kiến thứ bảy (575) đời Trần. Sư lại theo vào núi Thiên Thai, hết lòng thỉnh nghiệp. Ngài Trí Giả truyền trao cho thiền pháp. Đã được dạy răn, Sư bèn chẳng nghỉ trong phòng nhà, mà thường ở dưới cây giữa núi rừng, chuyên tu Thiền tịch. Trong ba mươi năm, Sư thường ngồi chẳng nằm. Có lúc Sư nhập định suốt bảy ngày mới xả, nói pháp tướng sở chứng của mình cho thầy nghe. Có người nghe việc ấy, bảo rằng: “Như điều ông nói tức là tướng Quán thứ trong hai các Quán Bối Xả!” Cũng có thần núi vài lần hiện tướng quấy nhiễu thử, nhưng Sư vẫn an tọa tự nhiên, không can hệ gì đến tâm lự. Sư thị tịch tại chùa Quốc Thanh vào ngày ba mươi tháng hai niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Môn nhân Đệ tử ngài Trí Giả rất đông, nhưng chỉ trình bày vài ba vị.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 17 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 18

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 3 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có bốn vị)

1/ Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

2/ Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục, đời Tùy.

3/ Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.

4/ Truyện ngài Thích Tuệ Toản trụ chùa Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

5/ Truyện ngài Thích Pháp Thuần trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Ngang).

6/ Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hưởng Ứng ở Ích Châu, đời Tùy.

7/ Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

8/ Truyện ngài Thích Đạo Thuấn trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu, đời Tùy.

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

10/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Bổn tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh, đời Tùy (Thiện Trí, Đạo Huấn, Đạo Thọ).

12/ Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam, đời Tùy.

13/ Truyện ngài Thích Hồng Lâm ở chùa Đại Hưng Quốc tại Tinh Châu, thời tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Đàm Thiên, họ Vương, người ở xứ Nhiêu Dương thuộc Bát Lăng. Gần sau này, ông nội Sư đến làm quan ở Thái Nguyên nên bèn ở đó. Thưở nhỏ Sư đã tuấn tú thông minh khác thường. Năm Sư mười ba tuổi, cha mẹ rất vui mừng vì sự nhận biết sâu xa của Sư, nên nhờ người cậu chỉ dạy. Cậu Sư là Trung Tán Đại Phu Quốc tử Tế Tửu Bác sĩ Quyền Hội đời Tề. Quyền Hội luyện đủ Lục Kinh, nghiên cứu riêng về dịch Đạo, phân quẻ tích Hào, khéo suốt cùng tượng hệ, lấy làm lạ về sự tinh thái của ngài nên trước tiên chỉ dạy cho Chu Dịch. Mới đầu Sư nhận tám quẻ tương sinh, hễ nói liền hiểu, và bắt đầu học một nửa phần văn, còn lại một nửa tự thông, chẳng cần nương thầy mà tự ngộ, vượt hẳn Từ lý. Quyền Hội rất lấy làm lạ.

Có một Bà lão mất vật, đến nhờ Quyền Hội quyết đoán, bốc được quẻ Đoài. Quyền Hội bảo Sư rằng: “Ông thử biện giải xem”. Sư liền ứng lời đáp rằng: “Nếu như quẻ phán, thì chắc chắn là mất cái thoa bằng vàng”. Bà lão kinh hãi mừng vui nói: “Thật đúng như lời biện giải!”Sư nói: “Đoài là thuộc Kim (vàng) vị, hai chân của chữ duỗi giống như hình dáng cái thoa.” Quyền Hội bảo: “Nếu y theo quẻ để xét thì kẻ trộm là ai?” Sư đáp: “Là cô gái da trắng, nhà ở phía Tây của người mất, bống miệng búi tóc, khoảng mười bốn - mười lăm tuổi lấy cắp đi, tìm có thể được lại”. Về sau, tìm được quả nhiên đúng như lời Sư nói. Có người hỏi về nguyên cớ. Sư đáp: “Đoài là vị của thiếu nữ ở phương Tây. Trong năm mầu phân phương thì thuộc mầu trắng. Điểm chấm trên chữ Đoài biểu thị cho hình dáng búi tóc, bên trong có hình vị Tiên là biểu thị tướng bống miệng, suy ra từ đó mà biết, chẳng có thuật gì lạ”. Quyền Hội bèn mở sách mà ngợi khen rằng: “Với việc bốc bói, Tôi là người rất khéo, nhưng chỉ đến lấy đoán y Hy mà thôi, đâu được sáng suốt như ông!” Quyền Hội thật rất hổ thẹn, mới nghiệm lời nói “Hậu sinh khả úy” (người sinh sau đáng sợ) của Tuyên Ni, bèn đem các sách Lễ Truyện Thi Thượng Trang Lão v.v... mà trao truyền cho Sư. Chỉ đọc xem qua một lần Sư không cần phải hỏi nghĩa lại. Bấy giờ, y cứ theo Nho học Sư được khen là tài giỏi. Mỗi lời lớn nhỏ có hai tao nhã phúng thích của đương thời. Hai Sử Tả Hữu là sự ngôn của Quân Vương. Lễ bày nhân luân, nhạc đổi phong tục, không gì chẳng làm vui thích tai

mắt. Thế lực ấy cũng có thể biết được. Chẳng như Lý Trang luận về Đại Đạo, Chu Dịch biện giải Âm Dương. Có thể tỏ ngộ sâu mầu, có thể làm vui thích tình tánh, nghiên cứu mà thưởng vị, là gốc của Huyền Nho. Bấy giờ, những bậc Tiên đạt rất đông, mà Sư thì tuổi tác bé nhỏ, nên khiến cho có người chống báng khen chê. Sư biện giải đối đáp ngang dọc, văn từ ý chỉ tỏa sáng, không ai chẳng cung kính tiếng tăm chân thật ấy. Từ đó, Sư lưu tâm nơi Trang Dịch, quy ý về kinh Phật, Nguyện muốn dự phần nhuộm áo, được thông suốt chỗ sâu cùng. Cha mẹ Sư rất thương con nên không chấp thuận. Sư tha thiết chí thành trải qua nhiều năm mới được thuận cho.

Mới đầu, Sư đến chỗ Sa-môn Tuệ Vinh trụ chùa Khúc Lý ở Nhiêu Dương. Ngài Tuệ Vinh rất thấu hiểu về chiêm tướng, biết Sư có Tế khí, bèn bảo Sư rằng: "Ông có tâm kính mến đạo lý, nên cùng vui mừng, nhưng xem xét cốt cách của Ông đáng sánh như Di Thiên (Thích Đạo An) tự suy lường Trừng Công có sự hổ thẹn về Đức nghĩa, hãy nên thưa hỏi ở người Cao Thế để xứng hợp với nhã hoài!" Sư tuy tỏ bày ân cần cầu thỉnh, nhưng ngài Tuệ Vinh ngăn lại chẳng hứa thuận, nên Sư phải xuất gia với Luật sư Đàm Tĩnh chùa Cổ Hòa ở Định Châu, lúc đó, Sư vừa hai mươi mốt tuổi.

Bổn nguyện đã toại, trong tâm thản nhiên, cố gắng siêng năng, sớm tối chẳng mỏi mệt. Mới đầu, Sư đọc tụng Kinh Thắng-man, chưa đầy một ngày đã xong. Ngài Đàm Tĩnh lấy làm lạ mà xem xét, Sư đáp lại chẳng sai một chữ. Nửa đêm hỏi nghi sâu trong kinh, không gì chẳng phải nghĩa mầu. Ngài Đàm Tĩnh đã biết Sư là bậc Thần tư đại thành, bèn cho thọ giới Cụ túc. Và tự do thưa hỏi đạo. Sư theo thầy ở núi Ngũ Đài, múi ấy có rất nhiều linh tích. Sư trông thấy đủ thứ thần dị. Sau, Sư trở về Nghiệp Hạ, trải qua các trường giảng, bỏ Tiểu chuyên Đại, chẳng lấy câu kinh hợp qua cõi lòng. Sư đến chỗ Pháp sư Đàm Tuân, bẩm cầu cương yếu Phật Pháp. Đang lúc nhà Tề hưng thạnh, Phật giáo đang hưng thịnh. Đến nơi cung Quán, Pháp Tự đều bén nhọn nhanh nhẹn. Tánh Sư chẳng muốn dự qua, từ giã hẳn danh lợi thế gian, mọi người đều suy tôn. Sư thầm nói với mọi người rằng: "Học là để biết Pháp, biết pháp vì để tu hành, đâu phải vì danh lợi vinh hiển, ngay nơi danh là Đạo, nên Ngài Đạo Hằng đời Tần dứt vết ở nơi núi rừng, thật là có nguyên do!"

Sư bèn ẩn tu tại chùa Tịnh Quốc trong hang Hoàng Hoa ở núi Lâm Lự, chỉ ăn rau lá để tư duy, lấy Đạo để gá thân. Nếu có người đến thưa hỏi, thì Sư giải thích. Sư nghiên tinh các kinh luận như Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma, Lăng-già, Địa Trì, Khởi Tín v.v... đều nghiền ngẫm

đến sâu mầu. Đang nghiên tầm Luận Duy Thức, thì Sư bị bệnh tâm nhiệt, Sư chỉ nhờ Tam Bảo, chẳng dùng đến thuốc thang mà ràng buộc tâm. Ban đêm Sư nằm mộng thấy mặt trăng rơi vào bụng, bèn bửa lấy mà ăn, giòn tan như miếng băng, có mùi rất thơm, lúc tỉnh giấc hết bệnh, được bình phục. Hơn mười ngày mà mùi vị vẫn còn trong miệng. Nhân được bậc Thánh hỗ trợ ăn nuốt vầng trăng bèn thành đức, Sư bèn đổi đổi tên là "Nguyệt Đức". Từ đó về sau, mỗi lần truyền giới cho người, Sư thường nói: "Đối trước Nguyệt Đức tôi mà hai lần xưng nói thọ giới Bồ-tát."

Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) nhà Bắc Chu đánh dẹp nhà Bắc Tề, Phật Pháp suy đồi. Sư muốn bảo tồn Đạo Pháp, giữ gìn giới pháp, bèn lánh vết ở xứ Kim Lăng, ban đêm kết bạn cùng đi, trên đường đi thường gặp phải cướp bóc. Nên khi đến chùa Khúc Thủy ở Thọ Dương, Sư ngoái nhìn lại Pháp thuộc mà bảo rằng: "Chúng ta vận mỏng nhóm hợp, thường gặp phải cướp trộm. Nếu oán kết chẳng cởi mở thì quả báo trong tương lai chẳng thể hết. Đại chúng hãy buồn thương cho sự ngu mê đó mà tự trách hạnh nghiệp ngày trước. Mỗi người nên tự xả bỏ mọi vật, vì bọn cướp mà tu tạo sám hối, cầu mong đời sau cùng làm Bạn Pháp!" Thế rồi Sư đi về hướng Nam qua con sông lớn trong sự an nhiên tiện lợi. Lấy đó mà suy nghiệm, thật là do sự giúp sức của trai phước.

Lúc mới đầu đến Dương Đô, Sư dừng tại chùa Đạo tràng, Sư đắp y phấn tảo khất thực, nhiếp niệm vô vi. Bấy giờ, Sư cùng các đồng bạn bàn luận nghĩa lý Duy thức. Ở đó có các Sa-môn Tuệ Hiểu, Trí Quyền, v.v... đều là những bậc lãnh tụ của nhà Trần, là Cao tăng ở xứ Giang Biểu. Ngài Tuệ Hiểu học gồm cả Khổng Giáo, Thích Giáo, giỏi về Định môn. Ngài Trí Quyền thì thiền tuệ cả hai đều sâu mầu, là bậc thầy khuôn mẫu của Đế Vương. Lại có Sa-môn Trí Hoãng, người ở xứ Cao-ly rất giỏi về Tát-bà-đa Bộ, danh tiếng vang khắp đương thời, là thành lũy của Phật Pháp, đều một lần gặp gỡ và kết bạn với Sư. Sư lại nói pháp sâu kín, có người muốn việc ấy vang đến triều đình. Sư dự biết tình sự ấy, bèn bảo rằng: "Tôi vì bổn triều sụp đổ, Chánh pháp bị lấn áp, do đó mạo hiểm trải qua sự chết, trôi nổi vượt sông, mà được tham dự vào Phạm lữ. Quả nguyện bình sinh đã được có thừa, gặp gỡ thời vinh, nguyện được ngậm nín!" Chỉ có quốc Tử Bác sĩ Trương Cơ thường tỏ bày hết kính lễ, thỉnh cầu giáo pháp, ngoài ra tại đương cảnh thường luận bàn Trang Dịch, trộm truyền nghĩa lý ấy, dùng để dạy răn thứ lớp.

Nhân đến nhà của Thứ sử Quế châu là Tướng Quân, có được bộ

luận Nhiếp Đại Thừa, Sư cho rằng hạt châu như ý. Tuy trước kia giảng về Duy thức, nghiên cứu sơ lược về Thông tông, đến như suy nghĩ dàn dựng sâu mầu thì có sự vướng mắc. Nay trong Đại bộ thấu suốt, Văn từ yếu chỉ rõ ràng. Sắp muốn mở mang giảng bày điều chưa được nghe ở nước ấy, nhân gặp lúc nhà Bắc Chu sụp đổ, nhà Tùy lên trị vì đất nước, Sư bèn cùng các đồng bạn đều gĩa từ Kiến Nghiệp. Các hàng tăng tục biết bạn quen đạo rừng mới, người đi kẻ ở buồn cảm vô cùng, mỗi tựa đề thiên thập. Thiền sư Tuệ Hiểu dùng Chương Phú đề thơ rằng:

"Đời người gốc Hồ Việt
Quan ngô mỗi khác bờ
Nối liền một khoảng che
Bèn thành Bọn Pháp gần.
Bàn nói dứt phiền lụy
Mi sầu mới được bày
Sáng nay bỗng chia tay
Hận mất người trong mắt,
Bạn hướng đường sông Kinh
Tuệ nghiệp ngày sẽ mới,
Tôi ở cạnh sông Hàn
Trọn làm bụi dưới thông
Nỗi chìm từ đây cách
Không đáp lại nhân sau
Giả biệt trọn giã biệt
Ngấn lệ bỗng thấm khăn!"

Ngoài ra, các bậc danh đức khác đều có Xuyết Từ, vì qua thời gian lâu nên các bản văn ấy đã mất, mọi người đồng nắm tay giả biệt, cùng lên bờ Thạch Đầu.

Sư bước xuống thuyền, quẩy động mái chèo, bỗng nhiên sóng gió cuộn nổi, mọi người chẳng biết làm sao. Riêng mình Sư giữ ý tưởng chân chánh chẳng đổi dời, bưng giữ lấy bộ Nhiếp luận, khấn cáo cùng thần sông rằng: "Nay muốn đem Đại Pháp để khai mở người chưa tỏ ngộ kia, nếu ở đất Bắc không có vận mạng ra sao? Thì nên nghe Đại giáo, xin hãy ngừng sóng gió. Mong công đức truyền pháp âm thầm được chú ý!" Nói xong, chỉ phút chốc tự nhiên tĩnh lặng an ổn, đi đến bờ kia. Người đương thời cho rằng luận ấy dịch tại nước Nam nên thần Hộ Quốc không chấp thuận truyền sang xứ khác. Sự việc đồng như Luận Ca-chiên-diên truyền xuất đến nước Kế -tân, bị La-sát giữ lại.

Khi Sư đã về đến Bành Thành thì những người mới cũ cùng nhau

nhóm họp, mọi người xa gần mừng vui tìm đến, phát triển thành đại chúng. Có một đàn việt xả thí vườn nhà để ở đó. Sư bèn đặt tên chỗ ở là chùa Mộ Thánh. Mới đầu, Sư mở mang Nhiếp Luận, kế đến lại giảng kinh luận hư Lăng-già, Khởi Tín, Như Thật, v.v... nối nhau không ngừng nghỉ. Luận Nhiếp Đại Thừa khai giảng tại đất Bắc thì ở đó là đầu tiên. Tổng Quản Từ Châu là Cốc Thành Công Vạn Tự dẫn các Liêu Tả đến thưa hỏi tiếp thừa, rất mực giữ lễ người đệ tử. Sư hoằng hóa tại xứ ấy, thường cảm động đến thời tiết nóng lạnh, đen trắng biến đổi tục, rất có thành nghiệp. Từ thời Bắc Chu phá hủy chánh Pháp, có nhiều vị lánh ẩn về miền quê, Sư bèn khuyên giúp những người có duyên, ở tại chùa Mộ Thánh xây dựng nhiều phòng gác, tùy có thâu nhận nhóm họp trang nghiêm cúng dường. Thượng Trụ Quốc Tống Công Hạ Nhã Bật Trường Sử Trương Thản ra trấn tại Dương Châu, tiếp thừa Đạo phong nghĩ mở bày, kết làm bạn lành. Đến lúc các hàng tăng tục kính nguyện Đức Âm thì Trương Thản bèn tự tay viết sớ thỉnh mời. Sư cũng như thuyền rồng đợi gió thổi, xa đến Quảng Lăng, cả thành quách mong ngóng đón rước, Ca Phạm che cả ráng mây, hương hoa phủ che cả mặt trời mặt trăng. Tang môn một thời vinh hạnh chẳng lúc nào bằng khi ấy! Tống Công danh trọng vị cao ỷ vào khả năng sở học mà ngạo dối. Sư ứng quyền trao Pháp. Tống Công bất chợt tâm say thân đổ mới dẫn gia thuộc theo Sư, cầu thọ quy giới. Mới đầu, trụ chùa Khai Thiện, Sư xây dựng đạo tràng, giảng dạy Nhiếp luận, người thưa hỏi có cả ngàn vị. Chẳng bao lâu, Từ Phương Quan Thứ khát ngưỡng Pháp âm, nên ở Giang Đô vừa giảng xong, Sư lại được đón rước về đất Bắc, xoay bánh xe Chánh Pháp, tiếng tăm vang xa.

Mùa Thu niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc chiếu rằng: "Hoàng Đế kính hỏi Pháp sư Đàm Thiên ở Từ Châu, thừa tu tiếp nối Diệu huyền, nhân siêng năng tinh tấn Đạo giáo, hộ trì chánh pháp, lợi ích Vô Biên. Thật là rường cột của giòng họ Thích, tức là Long tượng của nhân luân. Nguyện sâu rảo khắp, mọi nơi tiếp thừa Đạo phong, tận hưởng phước đức. Nhưng giới hạn vì việc triều đình, thật có ý tưởng hư rỗng nên đến ngay để tưới tẩm nhọc trông. Đệ tử ở Nội Cung, hiểu rõ Pháp tướng, có mười người thường chuyển đọc Pháp Âm và sắp vào kinh, sẽ cùng Pháp sư xây dựng chánh pháp, phán định kinh điển. Vả lại, Đạo Pháp mới phục hưng, gặp đường thì cỏ mọc, rộng giúp dựng lập thì phải nhờ người thông hiểu. Trong kinh ấp, xa gần đều đến, tuyên dương Pháp sự vì ân huệ rất rộng lớn, tưởng nghĩ Pháp sư chấn tích rũ áo, chớ nề mệt nhọc.

Tầm mong ngóng thấy Pháp sư, chẳng còn nhiều!”

Bấy giờ, các Sa-môn Tuệ Viễn ở Lạc Dương, Tuệ Tạng ở Ngụy Quận, Tăng Hưu ở Thanh Hà, Bảo Trấn ở Tế Âm, Hồng Tuân ở Quận Cấp, mỗi vị đều kính vâng Chiếu chỉ, đồng nhóm họp tại Đế Kinh. Sư bèn dẫn Môn nhân đi đường từ chỗ riêng đều ra Thiên Phủ, cùng năm vị Đại đức kia yết kiến nhà Vua tại điện Đại Hưng. Đặc biệt được lễ tiếp, nhọc dùng lời ưu đãi. Vua lại ban sắc sở ty, đều đến chùa Đại Hưng Thiện an trí cung cấp. Vương Công Tể phụ mũ lọng đối nhau. Tuy mỗi vị Sa-môn đều dẫn theo môn đồ gần mười vị nhưng các Sa-môn mến nghĩa vua ban sắc cũng đều đến. Bèn được muôn dặm tìm thầy, ở đó có thể tưởng tượng như thế nào.

Lúc bấy giờ, cùng khắp trong nước nhà, học tăng ở kinh thất phần nhiều truyền trao trống rỗng xa xăm. Mọi người vì thấy Nhiếp luận mới bắt đầu mở mang, nên chí thành cầu thỉnh. Sư liền giảng nói, có cả ngàn người đến thọ học. Sa-môn Tuệ Viễn là bậc lãnh tụ Pháp môn, thân ngồi ngay ngắn, y theo kinh giảng nghĩa. Từ đó, truyền đăng chẳng dứt, mãi đến ngày nay càng đông. Tuy là Hoàn vũ xuyên tạc, thường có dị đoan, nhưng vốn là chỗ giải thú, không gì chẳng noi theo. Nên trước kia Sa-môn Chân Đế có truyền rằng: “Không bao lâu sẽ có nước Trượng Phu chẳng gần chẳng xa, người căn tánh rộng lớn có thể mở mang truyền bá luận ấy”. Tìm nay nhìn xưa, há chẳng phải là người nầy (Đàm thiên) ư?

Đến mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế đến Tấn Dương, ban sắc Sư cùng theo xa giá. Khi đã đến Tinh Châu, Vua lại ban sắc cho chư tăng đến điện để hành Đạo. Đến tối tìm Sư vào nội cùng ngồi trên một giường với vua. Vua bảo: “Đệ tử hành Đạo đến nơi đây, nhân phần lớn có độ sơn tăng riêng, đến cầu Công quán, trong ý Đệ tử muốn độ họ. Vậy thế nào?” Sư đáp rằng: “Trước kia, khi vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu trị vì đất nước, có ý muốn diệt Tam Bảo, trong chúng tăng hoặc có vị dứt vết ở chốn hang sâu, hoặc có vị lánh sang xứ khác. Đến lúc Bệ hạ lên ngôi lập nên vận lớn (581) lại mở mang Pháp môn, mọi người đều ca vịnh. Nên có người trở lại quy hướng Thánh Đức, so với tuy thường mong vời dẫn độ thoát, lại có trước sau, đưa đến các tế hội khác nhau, vả lại, từ đất trời che chở, không gì chẳng là Vua Dân. Bậc Chí tôn cấp dẫn muôn phương, sao dừng lại ở một thành quách mong được mừng vui”. Vua trầm ngâm trong giây lát, bèn ứng thuận. Nhân đó ban sắc rằng: “Từ tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy về trước, các

nơi có tăng ni riêng độ, đều được chấp thuận cho xuất gia”. Nên khắp nơi chư tăng được độ có đến mấy mươi vạn người. Đó đều là do năng lực của Sư!

Sau đó, Vua lại ban sắc vì Hoàng tử thứ tư là Thục Vương Tú mà xây dựng chùa Quang Thắng ở Kinh Thành, do vua làm Đàn Việt, ban sắc đồ chúng của Sư hơn sáu mươi vị đến ở trong chùa ấy, thọ nhận sự cúng dường của vua. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Vệ Tướng quân Ngu Khánh Tắc, Hữu Bộc Xạ Tô Oai, Quang Lục Vương Đoan v.v... nhân những lúc rảnh rỗi việc triều chính, liền cầm quyển tiếp thừa Diệu Chỉ. Có Tứ Môn Bác Sĩ Quốc Tử trợ giáo Lưu Tử Bình là bậc tài giỏi trong Khổng Môn, co gối kính phụng. Đạo Sĩ Cừu Nhạc ở Quận Ngụy là người thông hiểu Trang Lão. Vua Văn Đế rất kính trọng, vào kinh đô cùng bàn luận huyền lý. Sư đã vì Đế Vương nên từ chối các Hầu Bá thỉnh mời. Nên bọn chống kháng hành vi, dấy khởi phải quấy). Có kẻ cho rằng: “Sư đắm chìm trong vinh hạnh sủng ái của triều đình.”

Sư bèn soạn “luận Vong thị phi” để chỉ bày chính mình. Trong đó Văn Từ, Sư viết rằng: “Hễ tự mình là Phải thì quấy thuộc kẻ kia, tốt mình xấu người, mọi vật không gì chẳng vậy, vì đều vậy nên khắp trong đời rối rắm chẳng tự Chánh. Đó là do chưa thấu đạt cái tai Hoạn của phải quấy mới khiến nên như thế. Nói đến Hoạn, tức có mười điều không thể được, đó là:

1/ Phải quấy không Chủ Tể.

2/ Tự Tánh bất định.

3/ Ta, người đều có.

4/ Làm nhân cho nhau.

5/ Đắp đổi chẳng bằng.

6/ Ẩn hiện có không.

7/ Tánh tự chống trái.

8/ Kẻ chấp thiên trước.

9/ Phải quấy sai biệt.

10/ Không phải không quấy.

Ở đầu nói “Không chủ tể, ở đây nói ta phải”, người kia nói “Ta Phải”. Đây kia cùng tranh giành, bèn làm cho phải quấy không từ đâu mà định được. Người kia nói người nầy quấy, người nầy nói người kia Quấy. Kia đây đua nhau dấy khởi, bèn cho quấy Không có đích thú. Hoặc là muốn cho điều Phải tự quy về mình, Quấy thuộc người kia, thì đó có nghĩa lý gì mà có thể như vậy ư? Lý chẳng phải như thế mà gượng làm như thế thì đều đưa đến thất bại. Chúng sinh đâu biết như thế...?”

Văn nhiều ở đây chẳng chép.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Vua Văn Đế đến Kỳ Châu, bấy giờ Sư cũng cùng theo, Vua bèn ban sắc cho Thục Vương vây lưới Nam Sơn, thực hành cuộc đi săn mùa xuân. Thục Vương rượt đuổi một con thú vào trong hang cũ. Thế rồi mất hẳn dấu vết, chỉ còn thấy đầy hang toàn là tôn tượng Phật bị đập phá rơi rớt. Thục Vương bèn bãi bỏ cuộc đi săn, tấu trình đầy đủ sự việc. Nhân đó, Sư bèn tâu rằng: "Trải qua thời đại Bắc Chu phá hủy Đạo Pháp, linh tháp Thánh tượng nghi dung đổ nát đầy hang rất nhiều. may nhờ Bệ hạ xây dựng lại, đã được sửa sang. Còn như tôn tượng bị đập nát, di ảnh còn đầy khắp đồng hoang. Bần đạo mỗi lúc trông thấy càng thêm thương cảm, vì có tâm mà không làm được tích sự gì?" Vua nghe tấm tức bảo rằng: "Đệ tử ngu muội duỗi khoanh nơi Nham hiên mới khiến Tôn nghi bị mạo phạm giữa sương mốc. Như điều Sư nói, đó là lỗi của Trẫm!" Vua lại ban sắc chiếu rằng: "Các nơi có tôn tượng Phật ngày trước bị phá hủy, mong các Quan ty sở tại gắng công xem xét thâu góp vận chuyển đưa vào trong các chùa ở gần cho thuận tiện. Mọi người dân trong nước đồng thực thi theo một văn bản, giao cho quan nhân các châu huyện xem xét trang sức...!" Nêu khắp nơi đồng một phong hóa sửa sang cho trang nghiêm. Sư rất có công trong việc ấy!

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, củi lửa cháy lan Đại tông, Sư lại lên các chùa núi bị hoang phế, đồng thời không quán xuyến chư Tăng trốn lánh, Sư xin đều an định đặt để. Vua lại cho phép. Sau đó vua ban sắc khắp nơi trong nước, chỉ có ngôi chùa núi nào từ một vị Tăng trở lên mới được sắc cấp biển nghạch. Các nơi riêng độ, nương nhờ xuyên suốt". Sư lại có công với việc ấy! Vua lại ban sắc Hà Nam Vương làm Đàn Việt cho Đạo tràng Thái Nhạc Thần Thông, tức chùa xưa cũ của Lãng Công. Tề Vương làm Đàn Việt của chùa Thần Bảo, tức là chùa Tĩnh Mặc xưa kia. Hoa Dương Vương làm đàn việt cho chùa Bảo Sơn, tức chùa Linh Nham xưa kia. Lại giao cho Sư chọn các bậc Danh tăng ở Tề Lỗ đến trụ tại Kinh đô. Sư rất được người đời kính trọng thật không có gì hơn!

Vua Văn Đế xưa kia đang ở Long Tiềm, có vị sa-môn người xứ Thiên Trúc đem một đãy Xá-lợi trao cho vua và bảo rằng: "Đây là di thân của Đấng Đại Giác, đàn việt phải làm cho hưng hiển thì phước sau này thật không ngằn mé!" Nói xong, chẳng biết vị Sa-môn ấy đi đâu. Về sau, khi đã lên ngôi, bởi muôn việc, bức bách, nên vua chưa kịp làm cho hưng thạnh. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, vua

nhớ lại lời xưa, sắp muốn kiến lập, bèn đưa ra xá-lợi vốn có, tận tay giao cho Sư xem xét, tuy mỗi người đều chuyên tâm chú ý, mà trước sau chẳng thể định số được. Vua hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Pháp thân Như Lai quá với số lượng. Nay Xá-lợi nầy chính là di chất của pháp thân, lấy sự mà lường thì thật sợ nhọc bày”. Ý Vua bèn tỏ ngộ, liền thỉnh ba mươi vị Đại đức an đặt vào tháp báu, làm ba mươi ngôi. Khuôn phép chế độ xây dựng mỗi thứ đều y cứ theo vua A-dục. Vua thỉnh Sư làm thầy Thục Vương. Thục Vương đang trấn tại Lương Ích, ý muốn mời Sư đến chỗ tháp của Thục Vương để xem xét công đức. Các Tể phụ đều cho là đường hiểm trở cao nguy, lối tắt bàn chiết mà Sư tuổi cao khó xung mạo gian nguy, nên lại sửa đổi tấu trình. Vua bèn mời Sư đến chùa Phụng Tuyền ở Kỳ Châu để xây dựng tháp. Sớm tối, Sư cầu nguyện điềm lành để tưới mát tâm vua. Khi sắp tạo hòm đá, cách chùa về hướng Đông bắc khoảng hai mươi dặm, bỗng thấy bốn đoạn đá vân sáng nhuận như ngọc, lớn nhỏ bằng thẳng, dùng lấy làm hòm nhiều lớp. Bên trong tự biến thành hình song thọ cao hơn ba thước, mầu sắc khác lạ cùng làm nổi bật cho nhau. Hoặc có tướng trạng của chim thú rồng voi, hình hoa lá xoay quanh mền mại. Sư tấu trình sự việc ấy, vua rất vui mừng.

Mùa xuân niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) vua lại ban sắc trong khắp hơn năm mươi châu phân bố xây dựng chùa miếu, đều có cảm điềm lành, như trong Biệt truyện có nói. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, vua lại ban sắc ở ba mươi châu xây dựng chùa miếu. Bèn ra lệnh khắp trong nước có hơn trăm châu lớn đều xây dựng linh tháp, khuyên các chúng sinh làm lành. Sư thật rất có công.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, phía Tây nam kinh ấp, vua thiết đặt xây dựng chùa Thiền Định, giá tháp bảy tầng cao tới tận mây, Điện đường cao vợi, phòng nhà nhiều lớp. Cung quyết bao quanh như rừng, vườn như vườn trời. Cả nước đều sùng thạnh, không có ở đâu cao bằng. Vua bèn ban sắc rằng: “Từ sau khi Sa-môn Tăng Điều thị tịch thì cửa Thiền chẳng mở, tuy giới tuệ được mở rộng nhưng hạnh nghi lại thiếu sót. Nay ngôi chùa được dựng xây được đặt tên là Thiền Định, mong tiếp nối vết trước. Nên khắp trong nước mời một trăm hai mươi vị Thiền sư danh đức, mỗi vị có hai thị giả. Và đều giao cho Thiền sư Đàm Thiên tìm chọn đề cử.” Hữu Ty đầy đủ lễ, liền thỉnh Sư làm chủ chùa. Đã ân sắc ban giáng, nên Sư chẳng khỏi đến đó. Sư bèn yên định pháp chúng, tiếp đãi các bậc Hiền minh, đều hợp với tâm, vang tiếng suốt đời vua!

Bấy giờ, tại chùa Đại Hưng Thiện, có pho tượng Phật phát ra ánh sáng. Các hàng tăng tục đều trông thấy, bèn tấu trình sự việc ấy lên

vua. Vua ban sắc hỏi Sư rằng: "Tôn tượng trong cung đều là Linh Nghi, từ trước đến nay luôn luôn tu kính, ánh sáng sao chẳng hiện?" Sư bảo: "Các pho tượng Phật đều phát ra ánh sáng, bởi cảm cơ có khác, nên có hiện cũng không thấy!" Vua hỏi: "Trẫm có tội gì, mà đời nay chẳng gặp ư?" Sư bảo: "Ở đời có ba hạng tôn quý, đều có ánh sáng, nhưng dụng của nó khác nhau". Vua hỏi: "Ba hạng đó là gì?" Sư bảo: "Phật là Tôn quý ở đời, đạo là tôn quý ở Trời. Vua là bậc Chí Tôn. Tôn quý có thường, hằng không thể đều sửa trị. Do đó, Phật Đạo mở giáo, chỉ bày nghiệp từ trước đến, nên phát ra ánh sáng thần để trừ tội chướng ấy. Ánh sáng của Bệ hạ trùm khắp bốn bể, luật lệnh pháp thức cấm dứt nguồn tội, đó chính là ánh sáng rực rỡ!" Vua rất vui mừng.

Sư có dung nghi khôi ngô, giỏi về phong vận, nên gặp cơ đối đáp như thế, lại thêm khí độ hòa nhã, che dơ giấu tật, khéo trụ định môn, huyện tinh giới phẩm, thiên tánh nhân từ, ít sự tham đua, nên tuy vua ban tặng mọi thứ, Sư đều xả thí, hiến dâng xa gần. Không một thứ cấp dùng, đều giúp cho tăng chúng. Hoặc giúp đỡ cho người nghèo khổ, hoặc tu tạo sửa sang tháp tượng. Sư lại chẳng trọng hậu vị, chẳng nghiêm sức hoa hòe. Trong có cửa ngăn, ngoài trừ Danh lợi, hiển dương giúp sức mở Đạo, thầm tâm u ẩn,lập chí trong sạch giản đơn, chẳng tạp giao du. Người đương thời lấy sơ ngạo để luận bàn, xét sâu Quốc sĩ, mà thể Sư rỗng không, tâm ứng mọi vật. Hễ có nói năng, không lý nào chẳng xác đáng, đều dứt trừ ngưng trệ, hiển bày yếu chỉ sâu xa, nên ngài Tuệ Viễn có nói rằng: "Thiền sư Đàm Thiên phá chấp nhập lý, Đó thật là sở trường hơn ta!" Lời nói ấy rất hợp, mà từ chỉ điển chánh rất có văn chương. Tuy người tài trầm uất, ngậm chứa dồi dào không thể thêm gì.

Sư vốn bị bệnh phong liệt, khi vận hết lại tăng, nên ngài thị tịch tại chùa Thiền Định, thọ sáu mươi sáu tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng sáu tháng mười hai niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy. An táng tại vườn núi của chùa Thắng Quang, tức phía Bắc dưới chân núi Chung Nam. Đục Đá khắc bài minh, dựng nơi mộ. Trong những ngày kim quan còn lưu lại, có một con chó lông trắng chẳng biết từ đâu đến, đến chỗ lễ tang. Tuy bị cản ngăn, ruồng đuổi, nhưng chẳng chịu đi. Nếu thấy người buồn khóc, chó cũng kêu gào, thấy người hết khóc, chó cũng dứt tiếng. Đưa thức ăn cho, chó chẳng chịu ăn, thường vòng quanh và nằm ở chỗ lễ tang. Khi kiệu tang đưa đi, chó bèn rảo chạy trước sau, tợ như người sứ coi sóc gìn giữ, đến lúc hạ táng xong thì chó liền biến mất. Các hàng thức giả cho rằng chó là vật phòng ngừa, há chẳng phải thần minh hộ vệ ư?

Mới đầu, khi Sư chưa thị tịch, có người mộng thấy phía Đông điện Phật chùa Thiền Định nghiêng đổ, vài người chống đỡ được ngay ngắn trở lại. Chỉ có một cột trụ ở phía Đông bắc bị lún vùi trong đất, nhổ không lên. Nơi phòng ngài ở là góc bị lún vùi ấy. Nên có điềm chứng nghiệm trước, và sau khi Sư đã tịch có vị Sa-môn chuyên tâm chí thành cầu thỉnh, muốn được biết chỗ Sư thác sinh, bèn mộng thấy cảnh giới tịnh độ trang nghiêm sáng chói gấp bội thường truyền. Cây báu cung quyết đứng cao sừng sững. Tăng tục đạo bạn có mấy ngàn người. Sư ngồi riêng nơi đài báu giảng pháp cho chúng nghe. Tuy mộng là chung cho hư thật nhưng linh cảm vẫn hy vọng, huống gì tùy sự cầu thỉnh mà biết, nên đáng giáng điềm linh, chẳng phải sai lầm.

Sư soạn Nhiếp Đại Thừa Luận Sớ mười quyển, mỗi năm mỗi mở mang giảng dạy, mỗi lần Sư xoay chuyển bánh xe chánh pháp thì các trường giảng khác thảy ngừng công việc mà đều khuynh hướng khát ngưỡng, đua nhau chạy đến, nếu chẳng đủ thì Sư lại soạn sớ các kinh luận như Lăng-già, Khởi Tín, Duy Thức, Như Thật v.v..., sớ các bộ Cửu Thức, Tứ Minh v.v... Hoa Nghiêm Minh Nạn Phẩm Huyền Giải, tất cả có hơn hai mươi quyển, đều lưu hành ở đời. Có Sa-môn Minh Tắc soạn hành trạng của Sư rõ ràng tỉ mỉ trước sau, được xem trọng ở Kinh đô.

2- Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục.

Thích Tăng Uyên, họ Lý, người ở xứ Lâu thuộc Quảng Hán. Gia đình rất giàu có, nổi tiếng khắp Ba Thục. Khi Sư vừa ra đời, trời tuôn rải các đồng tiền bằng đồng như mưa trên sân, trong nhà cùng nhau ra gom lấy, nơi nơi đều đầy ắp. Cha của Sư gom thâu mỏi mệt, miệng thở hổn hển thì tiền không còn rơi nũa. Trong kho lẫm tích chứa gạo chỉ đến một nửa, bỗng nhiên tràn đầy ra ngoài. Người thân nội ngoại không ai chẳng ngợi khen phước báu ấy. Từ thuở nhỏ đến lúc lớn lên, chí Sư cứng rắn khác người. Đi thì an nhiên mà từ từ khoan thai, ngồi thì kiết già an nhiên. Mắt phát ánh sáng long lanh khác thường. Dung sắc như ngọc nhuận, tướng trạng tợ đồng đỏ. Tiếng nói dường Hồng Chung mở lời phát động cả núi rừng, hai chân có luân tướng, mười góc rõ ràng, hai tay có chín xoáy, đường vân như vẽ.

Năm Sư mười tám tuổi, thân hình đã cao đến bảy thước. Cha Sư lấy làm lạ nên bảo Sư xuất gia. Liền đó, Sư cắt tóc tại chùa Khương Hưng ở phía Tây thành. Nay gọi là chùa Phước Duyên. Sư rộng tìm người có Pháp, thưa hỏi chẳng kể xa gần, qua tai liền chẳng quên, chứa

nhóm báo quát hoài bão. Sư vâng giữ giới hạnh, giữ gìn trong sạch, mặc áo vải thô. Ngoài bình bát ra, Sư không chứa để một vật gì. Sư kết bạn với Pháp sư Nghị cùng ở chung chùa, hai Ngài đều là bậc tài giỏi trong chúng tăng ở quận Thục, cùng theo nhau vào Kinh đô tham cứu điều mới lạ.

Có sa-môn Tăng Thật ở chùa Trắc Hổ, là bậc Thiền Đạo thâm sâu, rất được Đế vương mến trọng. Hai Ngài bèn nương theo mà cầu học Pháp Định, bỗng nhiên chứng biết bến bờ. Trảiqua nóng lạnh, rõ xét Từ nghĩa. Sư thì nghiên cứu tinh chuyên Định Đạo, còn Pháp sư Nghị rộng thông kinh thuật. Với các thứ khâu sách, Thảo Lệ, không gì mà Sư chẳng lưu tâm, chú ý. Gặp lúc nhà Bắc Chu Phá hủy Phật giáo, Sư bèn về lại chùa xưa, cắt ngang phòng ở Đông Hàng làm nhà riêng của mình. Ngoài ra còn lại đều sung cúng vào của quan. Đến khi nhà Tùy thay đổi vận nước. Sư lại xây dựng mới lại, kêu thợ chặt cây gỗ, trời mưa suốt hai tháng. Sư bưng lò hương cầu thỉnh, theo lời liền tạnh mưa. Khi xây tháp, cần có mâm vàng, Sư lại thỉnh cầu Địa phủ, tùy theo lời liền đào bới, ứng mạng kho tàng khai mở dùng đủ, thừa ra hoàn trả lại hang cũ. Rõ ràng phước lực ấy xưa nay thật chưa hề nghe thấy. Sư thường cung cấp cho người cô độc, chẳng hề trái nghịch ý người, xa gần tùy sức giúp đỡ bố thí như nước chảy.

Lại vì sông Cẩm luôn có sóng gió làm chìm đắm nhiều người, Sư tiện đường phía Nam muốn gá cầu bay, mới gõ cơ may ấy, mọi việc đều nhóm họp. Xưa, gia cát Võ Hầu chỉ trong hai sông, xây dựng cầu Thất tinh, tạo ba cán sắt dài tám-chín thước, đường kính chừng ba thước, người đời gọi đó là cái vạc sắt, dùng để đóng trụ cầu, khi dùng xong bèn ném bỏ dưới sông, khi cần thì cầu nguyện mới xuất hiện lên mặt nước. Lúc Sư tạo dựng cầu mới, sắp tới lúc đóng trụ thì cán sắt ấy tự nhiên nổi trên mặt nước lại trôi đến chỗ bến cầu. Đến lúc cầu hoàn thành thì lại tự chìm xuống nước. Các hàng tăng tục khen ngợi thành lời và truyền mãi đến ngày nay.

Hai ngài Uyên, Nghị đều là khuôn phép cho các chúng sinh, sớm tối hỏi Pháp, không thiếu sót gởi gắm cậy nhờ. Đến ngày mười một tháng mười hai niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, vào lúc giờ Dần, Pháp sư Nghị bảo đệ tử rằng: “Ba cõi đều Vô thường, ta đã đến lúc quá vãng!” Nói xong liền thị tịch tại chùa Phước Duyên, thọ sáu mươi chín tuổi. Sư nghe thế buồn cảm bảo rằng: “Pháp sư Nghị đã ra đi, chẳng lẽ ta đây ở lại!” Không bao lâu bị bệnh, Sư căn dặn cùng an táng chung, qua ngày mười bốn tháng đó thì Sư thị tịch, thọ tám mươi bốn

tuổi. Đến ngày mười bảy thì đồng an táng tại Cửu Lý Đường, khắc đá ghi bia, dựng ở tại chùa, do Trần Tử Lương soạn Văn bia.

3- Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông:

Thích Chân Tuệ, người xứ Hà Bắc thuộc Thiểm Châu, vốn họ Trần. Các đời nhà Trần tại Hà Bắc đều gọi là Quan tộc, xa xưa thì có Hữu tướng Trần Bình ở thời nhà Hán, đến khoảng giữa thì có Hướng Hầu Trần Trắc đời Ngụy, cho đến triều đại nhà Trần đóng đô ở Giang Biểu đều phát xuất tại làng ấy.

Sư sớm nhàm chán thân nầy, cha mẹ Sư muốn lưu giữ ngăn cản bằng cách bắt Sư lấy vợ để Sư khỏi hướng ra bên ngoài. Nhưng, chí của ngọc tinh khiết, nhuộm lại càng sạch đẹp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy. Khi đó Sư vừa hai mươi tuổi. Cha mẹ đều qua đời. Đã sắp xuất tục mà còn bị ràng buộc bởi người vợ, nên Sư trước khuyên dụ rồi bèn cắt tóc cho, cung cấp mọi thứ đạo cụ đưa gởi sang ở chùa ni. Rồi Sư đến chỗ Thiền sư Thanh chùa Đại Thông ở Thiểm Châu xuất gia thọ giới cụ túc. Thiền sư Thanh đem học phương chỉ dạy cho Sư, thứ lớp có cội gốc, gọi là "Thi-la bất tịnh thì Tam-muội không do đâu thành tựu", và bảo Sư đến chỗ Thiền sư Tĩnh Hồng ở Nghiệp Hạ. Nhân đó, Sư nương theo hai năm, tham cứu đến chỗ sâu mầu cùng cực. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tuân ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu, sớm trao tối ngộ, trải qua hơn một năm ở chỗ Thiền sư Tuân, Sư thấu suốt sơ lược Thỉ Chung. Thiền bạn có cả ba trăm vị thảy đều khen ngợi nổi tiếng. Thiền sư Tuân đưa tay xoa đảnh đầu Sư như kham truyền đuốc pháp, và bảo Sư sang phía Tây của núi khai mở cho những vị chưa tỏ ngộ. Sư lấy cớ vì học mới có ít ngày, sợ có phần sai trái, bèn ở lại nghiên tầm trong hai năm nữa. Mỗi ngày, Sư đều trình nêu, lấy bỏ không nghi.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư vâng mạng trở về theo hướng Tây, trên đường đi ngang qua ngọn núi Bách Gia ở Bạch Lộc, bấy giờ gọi đó là u tuyệt, thế núi đẹp vô cùng. Nhân đó, Sư leo lên ngắm nhìn, lại vì lưu luyến nên Sư kiết Hạ tại đó, lại bày đạo Thiền, sang mùa Thu, Sư chọn chỗ đất, không đâu hơn ở Tấn Xuyên. Sư bèn đến Ma Cốc ở núi Bồ Phản Thủ, xây dựng Thiền tự. Bốn chúng đua nhau tìm đến. Sư đoan cư dắt dẫn người học, un đúc thành chợ Định. Trong vòng mười tám năm mà thành tựu rất nhiều. Ngài Kiệt Ngang ở chùa Thê Nham rất xứng thâm nhập. Vào niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, mời thỉnh danh tăng đến trụ chùa Thê Nham. Sư chính là người ấy. Nhưng Sư xét đặt cương quyết, thanh bạch liêm kiệm

thối nhường, an khổ nhẫn lạc, dung chỉ khả quan, riêng ở chỗ tĩnh lắng, chẳng mong cầu hoa mỹ.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư ăn bột hoàng tinh, tuyệt bỏ cơm trăm ngày, xem xét dạy trao, ngồi thiền, lễ sám, chẳng giảm bớt so với lúc thường. Sau, cảm thấy sắc da béo mập, sợ có người học đòi, Sư liền nghỉ dùng bột. Và đến nhàn cư tại cốc Bôi Bàn ở phía Bắc đồng rộng, kiết hạ an cư trong hang hổ, hổ bèn dời đi nơi khác. Đến mùa thu, hổ về lại hang. Thường có thần núi phân thời tiết độ, nếu có chậm chạp kéo dài thì đến giật tỉnh.

Đến ngày mồng bảy tháng mười niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại thiền Phường Ma Cốc, thọ bốn mươi bảy tuổi. Đầu đêm Sư sắp tịch, thần thái vẫn bình thường. Sư bảo: "Tôi sắp vãng sinh tịnh độ, thấy hoa sen đang đợi. Lại nghe tiếng chuông lạ vang thoảng trong sâu, mùi thơm khác lạ xông khắp cùng!" Khi các tướng ấy đã đến, Sư lặng lẽ thị tịch. Các hàng môn nhân đạo tục y pháp trà-tỳ, thâu nhặt Di cốt, xây tháp cúng dường tại Ma Cốc.

4- Truyện ngài Thích Tuệ Toản trụ chùa Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Toản, họ Vương, người ở xứ Thương Châu. Đến tuổi tráng niên Sư mới xuất gia, trong trắng tự xa. Sư bẩm thừa chỗ sâu kín, học chuộng cương yếu. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học Tỳ-ni, tùy chỗ nghe lược qua, chẳng giữ văn cú. Lúc đang ở Định Châu, Sư đến dự pháp tịch. Giảng đến giới cấm giữ vật báu, Pháp sư hỏi: "Việc nay ngay trước mắt, cuối cùng khó phán đoán thế nào". Sư nghe thế, riêng cho mình là tên giặc với lời nói ấy. Bấy giờ, trong túi có ba trăm đồng tiền, Sư bèn ném bỏ, từ đó đến trọn đời lời nói Sư chẳng đề cập đến tài lợi!

Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, Sư bèn lánh về hướng Nam, đến xứ nhà Trần, nghe các Pháp sư giảng đều thêm sửa đổi. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581 - 601) đời Tùy, mở mang Phật pháp, Sư lại trở về Đông Xuyên, trụ núi Phong Long ở phía Tây Triệu Châu, dẫn dắt học chúng an cư kiết nghiệp. Các kinh luật Đại thừa Tiểu thừa, Sư đều giảng bàn văn nghĩa, xem trọng hành khoa, lấy giới làm chính, tâm dùng chỗ chỉ, y cứ Pháp làm nền tảng. Đạo phong Sư vang vọng khắp nơi, mọi người quy hướng đông như chợ. Nên điều Sư khai ngộ lấy lìa đấm trước làm đầu. Thân thì nương cậy hạnh Đầu-đà, thực hành theo pháp Lan-nhã. Tâm thì tầm tư niệm

tuệ, biết vọng biết giải thích. Chúng bạn cùng nhau nương tựa đến mấy trăm người, giường chõng Đạo cụ đầy đủ tiện nghi. Sư lần lượt đi về hướng Tây trên đường đến Mã ấp. Các châu Sóc, Đại, Tinh, Tấn, Sư đều đến, tiếng khen khắp nhị Hà. Các hàng Đạo tục khuynh tâm trông mong.

Tần Vương Tuấn đang trấn giữ Tinh Châu, kính chuộng Phật Pháp, nên xây dựng chùa Khai Hóa ở núi Mông thuộc Thái Nguyên. Nhân nghe Đạo hạnh Sư nên thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tăng chúng chung quanh nghe khen ngợi quá lời. Đến mỗi kỳ Hắc Bạch Bồ-tát, cốt yếu Sư cần chọn người có hạnh thanh tịnh, biết người có chút ít tội lỗi bèn ngưng pháp sự, tội quá nặng thì y cứ theo phương đẳng, còn tội nhẹ thì y cứ theo luật mà sửa trị, đó phải lấy giáo mà nghiệm duyên, chỉ thiếu sót một chút thì kinh luật đều xả. Có Sa-di tín hạnh, xem trọng chánh nghiệp, theo thọ mười giới. Sư không chấp thuận, bèn trở về chỗ Thiền Sư Minh Dận - đệ tử của Ngài (Tuệ Toản) vâng giữ hành pháp, về sau trở lại Nghiệp Tướng, mới lập Bộ chúng.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiền Định mới bắt đầu xây dựng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) ban sắc thỉnh Sư vào kinh đô truyền giảng giáo hóa. Từ Tinh Châu đến Ung Châu, ngàn dặm kính sùng đạo phong, trên đường đi lần lượt được sự đón rước lễ kính. Các bậc thượng đức ở Đất Vua lại thỉnh Sư đến trụ chùa Long Trì ở núi Chung Nam, đêm ngày cầu thỉnh Sư chỉ dạy, để được nghe điều chưa từng nghe. Vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại phòng ở núi, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp thứ ba (607) đời Tùy.

Sư có đệ tử là Sa-môn Chí Siêu, kính sùng khuôn phép trước của Sư, nên xây dựng tôn tượng tại Tấn Xuyên, việc nầy thấy trong Biệt truyện.

5- Truyện ngài Thích Pháp Thuần trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh:

Thích Pháp Thuần, họ Chúc, người ở xứ Thỉ Bình thuộc Phù Phong. Ban đầu, Sư xuất gia dưới thời Bắc Chu, được nghe chánh pháp, đích thân kính thờ Minh Sư, ý trụ trong rừng Định, tâm cứu giúp người yếu đuối. Sư trụ hai chùa Trắc Hổ và Thiên Cung ở Đế Kinh, qua lại dừng ở thông lự làm đầu. Gặp lúc thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, xua đuổi chúng tăng, Sư bèn ngầm trốn nơi chợ thành, bên trong duy trì Đạo phục, ngoài giả mặc tục y.

Đến đầu nhà Tùy (581) phục hưng Phật Pháp, bắt đầu độ chúng tăng, Sư là một trong một trăm hai mươi người đầu tiên được độ, đến trụ chùa Đại Hưng Thiện, Sư rèn khắc thân tâm vượt hẳn năm trước. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 thời nhà Tùy) nghe Sư có tâm trong sạch, nên thỉnh làm giới sư. Sư từ chối lấy cớ đức mỏng chẳng dám vâng mạng. Vua ân cần chuyên chú không thôi. Sư bèn vào ở nơi cung cấm, để truyền giới Pháp, bốn việc cần được cúng dường trong hậu. Sư không dằn nỗi sự cúng dường ấy bèn từ tạ trở về chùa cũ. Sư than rằng: "Thân mạng mỏng manh, vô thường chẳng lâu bền, suốt ngày bảo dưỡng đâu thấy vững chắc, vật thượng cúng khó tiêu!" Sư bèn hành trì pháp sám Phương Đẳng. Suốt bốn mươi lăm năm thường ở Đạo tràng thanh tịnh, tôn kính kinh điển, xem xét lỗi lầm. Trừ những lúc ăn uống, Đại tiểu tiện lợi, ngoài ra không bỏ sót. Sư từng đốt đèn ở Đạo tràng, bèn cảm ánh sáng của đèn soi chiếu nối nhau suốt bảy ngày bảy đêm, không cần phải thêm dầu châm lửa mà ánh sáng gấp bội lúc thường. Sư thầm lấy làm lạ, vì là điềm lành dứt trừ những điều hệ lụy. Lại nữa, bình dầu để trong điện Phật, bỗng nhiên không thấy, qua vài hôm sau thì lại thấy ở chỗ cũ mà dầu vẫn đầy như cũ.

Thường ở trong yên tĩnh, nghe có tiếng nói pháp dạy truyền, có mùi hương lạ, theo chỗ hổng mà hơi tỏa ra ngoài, có người đến xem, không thấy gì cả. Các vị thức giả cho đó là u kỳ nhóm họp nên như vậy. Sư khiêm nhường sửa trị, gặp việc liền tạo công, chẳng nhọc hình hài, lắng trong biển tâm. Suốt ba năm mưa dầm ứ đọng, dân chúng khổ sở rất nhiều, Sư mới ngăn trừ Pháp Phục, thầm đến trong xóm chợ thôn ấp, hoặc thay người làm thuê, việc rong thì bỏ đi, nếu có trả công thì lại ban cho người nghèo khổ, ăn xin. Hoặc thấy các hàng Tăng tục y phục rách rưới bụi đất lấm dơ, Sư đều thầm giặt nhuộm may vá cho họ, kính qùy mà trả lại chỗ cũ, hoặc khăn giày nệm chiếu bị dơ uế hôi hám, Sư đều vá đắp, giặt sạch mới hoàn toàn. Những việc như thế thật có rất nhiều. Hoặc ở lúc vắng lặng, Sư mang gánh phẩn tiểu, có người thấy bèn bảo rằng: "Nếu tình sự mừng vui thanh thái thì nguyện cùng làm". Hoặc Sư vì chúng tăng mà khổ nhọc làm việc như bửa củi gánh nước. Hoặc gặp đường xá gian nguy hiểm trở thì tự thân Sư đắp lấp tu sửa, nhân đó khuyên mọi người cùng giúp sức làm cho bằng phẳng.

Có người đến đến lại, ngục Vua ngầm đến, đánh trói chẳng lâu". Nên mọi thứ tài vật có được Sư đều dâng thí cho Đại chúng, chẳng tu tạo kinh tượng. Có người hỏi về ý ấy. Sư bảo: "Người hành Đạo là ở chỗ thiếu thốn". Nhân vì thú nhập, nên các hàng Vương Công v.v... cúng thí

hằng ngày đầy ắp ở cửa, Sư đều hồi hướng dâng cúng chúng tăng, mà tự đắp mặc y áo ca-sa phẩn tảo, bên trong mặc quần vải bố, lại không thắt eo, dùng dây buộc như pháp của Trung quốc. Chúng tăng trong chùa kính phục hạnh ấy, hoặc có người chẳng dám nhận, cho là Thắng nhân thì mọi thứ cúng dâng có khác với chúng thường. Sư tự lần lượt bảo rằng: "Từ lúc mới xuất gia, tôi nương tựa chúng bạn ở núi, ngày thì cung cấp đại chúng thanh tịnh, đến đêm tối thì nhóm củi đốt lên tự soi sáng, nhân đó mà tụng kinh được hai mươi lăm quyển, như Thập Địa Kinh luận, Kim Cương Bát-nhã luận, Kim Quang Minh, Chư Pháp Vô hành v.v... và đều giảng nói thông suốt, nên những điều tuyên bày, chỉ dạy trích dẫn trong văn ấy ..."

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, Vua Văn Đế lại thỉnh Sư vào nội cung, truyền trao giới pháp cho Hoàng Hậu. Sư mang vật thí ra khỏi cung, đều ban cấp hết. Nên những kẻ sĩ nghèo khó, mỗi lúc nghe Sư vào cung ắc hẳn là có ban tặng, nên đều nhóm họp ở đầu đường chờ đợi Sư ban thí mà trở về.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, cảm thấy trong mình không được khỏe, Sư bèn đóng cửa Thất ngồi yên, không hề có đau đớn. Có một Đồng tử mặc áo trắng, tay bưng ánh sáng đứng hầu bên phải. Đệ tử của Sư là sa-môn Tuệ Tấn vào hỏi: "Người ấy là ai?" Sư đáp: "Đó là các vị trời ở tầng trời thứ sáu cõi Dục thường đến thỉnh ta, nhưng vì các trời đắm trước vui thú, nên ta không hề hứa nhận, vì chướng ngại cho việc tu Đạo. Ta thường nguyện sinh vào những nơi không có Phật Pháp để giáo hóa chúng sinh. Ông phải cẩn trọng chớ nói rõ lời này. Sau khi ta qua đời thì mặc tình nói!"

Đến tháng năm, các đệ tử thiết lập Đại trai hội, cầu mong huyền Phước. Các hàng tăng tục nhóm họp ở trước ngài. Có hai con chim bồ câu bay vào trong phòng Sư đậu trên giá áo, chú ý đưa mắt nhìn Sư. Tuy có người chạm tay bắt lấy, nhưng nó không tỏ vẻ khiếp sợ. Sư bảo: " Hãy để tự nhiên, chớ bắt". Đến chiều tối nó mới bay đi. Đến lúc bệnh Sư đã trở nặng, mọi người đến thăm hỏi. Sư đều dùng Pháp hành mà dạy răn, không được buông lung, tự xem thường. Sư lại bảo: "Ta không biết vì sao bỗng nhiên lại cưỡi voi trắng, đây là vọng nghiệp, làm sao có thể nhận lấy!". Nhân đó bảo thiết trai thực, Sư giã biệt mọi người quen thân ngày trước. các thứ y phục tạp vật vốn có, Sư đều ban tặng cho mọi người đồng hành, nhận lấy một thứ để kết duyên lành. Mà tinh thần chí khí Sư vẫn sáng tỏ, không khởi tưởng gì khác. Sư thị tịch tại chùa Tịnh Trụ, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười hai tháng năm

niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy. An táng ở phía Nam gò Bạch Lộc, đục khám mà tôn trí nhục thân Sư vào trong, ngoài mở cửa hang để thí cho các loài chim thú. Sau lại đến xem, thỉ thân thịt Sư đều kết lại, Di cốt chẳng rơi loạn.

Đệ tử Sư là sa-môn Tuệ Ngang, v.v... hướng dẫn các đàn việt tưởng nhớ khuôn phép trước của Sư, mới đắp họa nghi dung, dùng các chất xanh đỏ để trang sức, hiện còn tại chùa Tịnh Trụ. Có Sa-môn Ngạn Tông ngợi khen đức hạnh cao lớn của Sư, làm văn khen ngợi v.v... Ngài Tuệ Ngang từ thưở thiếu thời được Sư nuôi dưỡng, gần gũi cúng kính hạnh cao, dựng lập văn bia thờ Sư, rộng tỏ bày việc lớn. Thêm vì Ngài Tuệ ngạng lập tánh nhân nhã hòa mục, thức ngộ trong sáng, văn tảo trùm khắp, tiếng tăm vang đến kinh thất. Sư soạn thuật được mười quyển, được truyền bá rộng.

6- Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hưởng Ứng ở Ích Châu:

Thích Pháp Tấn, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Ngọc nữ, ở núi Hưởng Ứng, thuộc huyện Miên trúc, Ích châu, làm đệ tử Thiền sư Huy.

Về sau, Sư đến chỗ Pháp sư Định, thọ mười giới. Sư rất cung kính tinh tấn, khiêm nhường, chỉ chuyên ngồi thiền. Phía sau chùa có rừng trúc, Sư thường đến đó ngồi, có bốn con hổ già đi nhiễu chung quanh Sư. Sư bảo: “Chớ để lộ tướng ấy. Sau, ngài dạy Pháp Thủy Quán. Người nhà đi lấy củi, thấy trên giường dây có bình nước trong đẹp, bèn nhặt hai viên đá trắng thả vào trong nước. Đến chiều Sư về lại chùa, cảm thấy đau nhức ở lưng, bèn hỏi người nhà, người ấy đáp có thả đá vào bình nước. Sư bảo: “Sáng sớm mai đến lấy đá bỏ ra ngoài”. Đến sáng sớm, Sư ngồi thiền, người nhà trở lại thấy bình nước trong như trước, liền nhặt các viên đá bỏ ra ngoài, và chỗ đau đớn liền hết. Nhân đó, Sư chuyên thực hành thiền định, chẳng ra khỏi núi ấy.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581 - 601) đời Tùy, Thúc Vương Tú đến ở Ích Châu. Hoàng Phi bị bệnh đau tim, dùng mọi cách trị liệu nhưng đều không hết. Có Đạo Sĩ Văn Phổ Thiện ở núi Bạch Nhai thuộc Xương Long, Miên Châu là người có khả năng dẫm bước lên mũi dao nhọn bén, ngăn ngọn lửa cháy lan, và ở núi Hộc Minh có hai Đạo sĩ có khả năng kêu gọi quỷ thần, phù ấn chương phán, xuống nước chẳng bị chìm, đều đến Đồng trị, nhưng đều không hiệu nghiệm. Bèn sai Trưởng Sử Trương Anh v.v... đến núi thỉnh Sư đến trị bệnh cho Hoàng Phi. Sư bảo rằng: “Ta ở tại núi đã tám mươi năm, tánh đồng như cây cỏ!”

Những người ấy lại càng tha thiết cầu mời. Sư bảo: “Trọn đời ta ở núi này, Các ông hãy sớm trở về!” Tin về báo lại. Vương Tú lại sai người của lục Ty quan dẫn bốn xe trâu và đồng đi theo cả trăm người cùng đến núi đón rước. Sư bảo: “Vua tuy cao quý, nhưng mạng có sở thuộc”. Sư vẫn giữ chí như ban đầu. Tin đưa về, Vương Tú rất tức giận, tự mình vào núi muốn ra tay hành tội Sư. Khi đã đến chùa, lễ Phật, trông thấy Sư, bất chợt cả mình run sợ toát mồ hôi, Vương Tú nói: “Kính thỉnh Thiền sư trị bệnh cho Hoàng Phi với tâm từ bi của Thiền sư, xin nguyện cứu khổ ấy!” Sư đáp: “Giết dê ăn tim, sao chẳng đau khổ. Tất cả chúng sinh đều là đệ tử Phật, cớ sao đối với Hoàng phi lại sinh mến quý riêng như thế?” Vương Tú hổ thẹn xin sám hối và thỉnh Sư xuống núi. Sư bảo: “Mạng vua đã trọng, không thể không đi. Vua tự đi trước, bần đạo cả đời không quen ngồi cưỡi, sẽ đến sau”. Vương Tư nói: “Đệ tử xin đi bộ với thầy.” Sư bảo: “Người xuất gia khác hẳn người thế tục, vua hãy đi trước, bần đạo sẽ đồng đến”. Vương Tú đi mất hai ngày mới tới, còn Sư chỉ một sớm mai đã tới nơi. Sư vào phòng Hoàng Phi. Hoàng Phi trông thấy Sư mà toát mồ hôi, nhân đó lành bệnh. Dâng cúng Sư năm trăm xấp lụa, áo nạp ca-sa, mọi vật, v.v... Sư bảo Vương Phi đem bồn nước đến, tay Sư nắm lấy mọi vật chú nguyện, tất cả đều hồi hướng đưa vào làm cơ nghiệp của chùa Pháp Tụ. Sư từ giã trở về núi. Vương Tú và Hoàng Phi đều trông thấy chân Sư cách mặt đất chừng bốn - năm tấc.

Đến ngày mồng tám tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư thị tịch trong núi ấy. Rồng ngâm vượn hú ồn náo cả chùa suốt ba ngày liền.

7- Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Tĩnh Đoan, còn có tên là Tuệ Đoan, vốn người xứ Võ Oai, sau đến ở Ung Châu.

Năm mười bốn tuổi, Sư đến chỗ Thiền sư Tăng Thật, thọ học Pháp Trị Tâm, có chỗ ấn khả sâu. Trải qua các triều đại Ngụy, Chu, Tùy đều kính trọng Phật hóa, mở mang chẳng dứt. Sư do tiết tháo tĩnh lặng mà nổi tiếng. Sau, Sư trở về chỗ Thiền sư Đàm Tướng, thực hành Định Nghiệp. Khi nhà Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn dốc hết sức lực cất giấu các thứ kinh tượng, v.v... tất cả có hơn trăm nơi. Trước sau gìn giữ, mong sau này trùng hưng Phật Pháp lấy đó mà tiếp nối. Đến lúc nhà Tùy mở mang, Sư đều lấy ra tất cả, kinh điển truyền bá rộng khắp, đó đều do công đức của Sư.

Sư lại dự phần xuất gia, trở lại tu theo pháp môn cũ, dẫn chúng kết Đạo, thong thả an nhàn. Nhưng Sư khiêm nhường, cần kiệm, không tranh đua với mọi người ở đương thời, chỉ đắp mặc ba y, ứng pháp tích trượng, bình bát. Nằm một giường, ngày ăn một bữa, suốt cả đời. Hễ được lợi gì liền ban trải, không chứa để một thứ gì. Danh hạnh đã hiển bày, các hàng sang hèn đều kính trọng. Dưới đời Tùy có Hán Vương Lượng kính trọng giới đức của Sư, đã từng thọ nhận sự dạy răn. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) và Hiến Hậu thỉnh Sư vào cung, theo thọ chánh pháp, bẩm nhận quy giới, muốn lưu giữ Sư ở lại trong cung qua đêm. Sư bảo: "Người xuất gia, luôn nêu cao sự lìa tục, cung cấm chẳng phải chỗ dừng nghỉ qua đêm". Qua nhiều lần mời vào cung cấm, Sư thường mở mang những lời dạy đúng theo giới luật. Vua ban sắc đem giường bằng ngà, khám bằng chiêu đàn và các đồ dùng bằng vàng trước sau dâng tặn để tạo phước lực, nên nay chùa viện cao rộng, đó đều là sự tiếp nối từ Sư. Do đó, mọi tài sự càng thêm vẻ vang, mỗi ngày càng treo cao nơi chùa viện. Sư không tự nhận một vật gì, tất cả đều quy tụ về kho lẫm của chư tăng. Và Sư thường đóng thất, rũ màn tĩnh lắng, không tiếp xúc người vật.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy. Vua Văn Đế có ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến Dự Châu, thường phát ra ánh sáng mầu trắng, biến thành năm mầu xoay chuyển bên cạnh bình, khiến người trông thấy phát tâm, đục đá khắc bài minh. Văn từ đưa đến Hoàng Đế, khắc sửa sắp xong, bèn biến thành chữ vàng, rõ ràng suốt ra bên ngoài. Mọi người đương thời cho đó là điềm lành.

Gặp lúc vua Cao Tổ băng, Tuỳ Trữ nối nghiệp, xây dựng chùa Đại Thiền Định, để tạo Phước cho Vua Văn Đế. Thỉnh các vị tĩnh nghiệp khắp trong nước đến ở đó. Vì Sư là bậc đạo hạnh tỏ suốt tân chúng sinh, nên Vua ban sắc mời Sư đảm nhận làm giềng mối tất cả. Sư từ chối mà chẳng được, bèn đứng đầu trong chúng tăng. Bấy giờ, nghĩa tụ các vị ở khắp bốn phương, có cả trăm người cùng đồng tâm. Pháp lệnh chưa xiển dương, hoặc có lỗi với linh hóa, mà Sư tự thân giữ sự khuôn phép cố gắng. Mọi người đều kính trọng vái chào. Nên khiến những kẻ sĩ biếng lười cố gắng sửa đổi, mà theo sự dạy răn khuyên gắn rất nhiều.

Đến ngày hai mươi bảy tháng mười hai niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Thiền lâm, thọ sáu mươi bốn tuổi. An táng ở ngoại ô phía Đông kinh đô. Chùa Cổ Thiền Lâm vẫn còn bày năm sắc, giường ngà ngàn năm. Ca-sa bằng vỏ cây hiện còn. Do vật ít có nên mọi người đến xem rất đông.

8- Truyện ngài Thích Đạo Thuấn trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu:

Thích Đạo Thuấn, không rõ Sư là người xứ nào, Sư thường tĩnh lặng ở chốn suối rừng, nương đạo tự ẩn, khi nói thường mỉm cười, bàn luận trong sáng cao xa. Sư thường ở chỗ Thần Nông định dược tại núi Dương Đầu thuộc Trạch Châu.

Sư cất thất bằng cỏ tranh, ngoài ra không chứa để một vật gì, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường ngồi suốt năm. Đó cũng là hạnh sa-môn trong sạch. Đức hạnh bên trong tràn đầy, tiếng tăm vang xa giữa thế tục. Hay cảm rắn và chuột đồng ở dưới giường chõng, mỗi loại tự sản sinh nuôi dưỡng, chẳng não loạn lẫn nhau. Lại có hổ đến ngồi xổm bên cạnh, Sư giảng pháp cho nó nghe. Lúc có người qua lại thì Sư bảo hổ lánh đi. Hoặc Sư bảo với hổ rằng: “Ngày mai có người lại, ngươi đừng đến”. Đúng như lời Sư, hổ không xuất hiện. Sư có những sự cảm thông nhận biết sâu xa đến như thế. Người cung cấp hầu hạ Sư ở chung với hổ, hổ giống như chó trong nhà, không hề ngại sợ nhau. Thân Sư đắp mặc áo nạp rách rưới, không hề chọn lược, gót chân dẫm khắp rừng hoang chẳng kể sớm tối.

Vào đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, bỗng nhiên Sư vào xóm làng nói pháp giáo hóa. Dân chúng các thôn đều nhóm họp đông đảo thọ pháp. Riêng có một người nữ Sư chẳng truyền giới, Sư bảo người nữ ấy rằng: “Cô sẽ đọa vào loài trâu, tướng ấy đã hiện. Quy giới không thể cứu được cô. Nghiệp đã định, ngươi hãy tự cứu lấy”. Khi đó, có người không tin lời ấy, cho rằng Sư mê hoặc quần chúng. Và mọi người đều sinh tâm nghi ngờ. Sư muốn giải quyết xua tan mọi sự bàn luận nên bảo mọi người rằng: “Nếu người nào không tin thì thử đạp vào bóng nghiệp đuôi trâu của ngươi, thì sẽ chẳng bước tới được”. Liền đưa chân dẫm lên chỗ đất trống phía sau quần cô gái gọi là đuôi ảnh, người nữ như lời Sư nói lấy bèn dậy không được. Khi đó mọi người đều kinh sợ vâng tin, thỉnh cầu với Sư rằng: “Làm sao để dứt trừ nghiệp báo ấy?” Nhà người nữ ấy chứa gạo thóc có mấy muôn thạch, do sợ nghiệp ác nên đồng một lúc thí xả tất cả. Sư đều vì cô gái mà tu tạo phước lành, bảo người nữ ấy sám hối, nhiều lần thực hành như thế, nghiệp ác được dứt trừ, Sư mới cho thọ quy giới. Lấy đó mà luận thì Sư có được khả năng thấy biết sự còn mất của nghiệp ảnh, tức rất gần với bậc Thánh.

Hoặc Sư đi đến trong các thôn ấp đang mắc bệnh dịch lệ, thọ nhận sự cúng dường của những người mắc bệnh, nếu thấy có người máu mủ đang tràn chảy ra ngoài thì Sư đưa miệng mút lấy. Tâm tình không khởi

niệm gì khác. Hoặc giặt giũ y phục cho họ, hoặc lắng gạn nghiệp tâm cho họ, Sư lấy đó làm việc chính của mình. Tâm tình mừng vui, không chút buồn rầu.

Sau, Sư đến các xứ Lâm Lự, Hồng Cốc, đi về hướng Bắc, Sư lại đến đình Tấn Bàn, v.v... các Chùa núi, tổng hợp nghiệp Thiền Định. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Hoan, họ Quản, người ở xứ Vân Dương thuộc Kinh Triệu. Từ thuở nhỏ Sư đã nhàm chán thế tục, kính mến xuất gia, những khổ nỗi thường ngày không lối vượt thoát, nên phải trải qua lắm sự cản ngăn, gặp nhiều nóng lạnh. Quá tuổi tráng niên mới được toại nguyện.

Năm ba mươi bảy tuổi, Sư xuất gia, vào Đạo, đến chỗ ngài Sùng Công chùa Thanh Thiền, thưa hỏi thọ học định Pháp, nhiếp tâm nghi thể, quên bỏ hay dở. An lập giác quán, tự nhiên dốc bỏ hết. Thêm vì chí hướng ở nơi suối rừng, tiêu dứt bóng hình trong nhân thế, trần dục dần hết, chỉ học ở núi lấy làm đầu. Sư từng kinh hành trên đảnh núi, lỡ bước rơi xuống từ ngọn núi cao, được đứng yên trên đá, chẳng quên thiền niệm. Sư có được sự cảm linh như thế.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) trị vì đất nước, dựng lập Đại Già-lam. Vì Sư là bậc Chí Đức ngầm khắp, nên vua thỉnh Sư mà cúng dường. Đến tháng hai niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Đại Thiền Định, thọ sáu mươi chín tuổi. Ngài căn dặn đem nhục thân vào bỏ trong rừng lạnh. Các đệ tử của Sư theo Đức nghĩa, bèn đón rước đến hang Ngạnh Tử ở núi Chung Nam. Dẫn dắt các hàng tăng tục đến tạo Bia minh, xây dựng tháp báu.

10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông:

Thích Trí Thông, họ Trình, người ở xứ Y Thị thuộc Hà Đông. Vừa mới sinh ra Sư đã biết tin ưa sự xác thực, vui thích kính mến đạo tuệ, sắp học thư kế, Sư lại muốn xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ bèn chấp thuận.

Năm mười tuổi, Sư được cạo tóc, thuần hậu nghiêm túc, cung kính hiếu hòa, khiêm nhường hạ mình. Đối với thầy tổ bạn bè, Sư tiếp việc không lười biếng. Sư tu trì giới hạnh, ca vịnh Pháp ngôn suốt ngày đêm không ngưng nghỉ. Sư tụng yếu kệ tán Phật trong kinh hơn ba ngàn bài. Suốt năm mươi năm không hề nói lời mỏi mệt. Bởi từ gốc đức chẳng

đua tranh. Lập tang vẫn còn, Phật giáo bị đắm chìm phá hoại, bạn đạo không nơi quy hướng, Sư bèn theo Luật sư Tuấn và Pháp sư Diên, hết lòng thọ học. Chẳng vì gian nguy ách nạn mà cản trở tâm chí. Đến lúc vua Văn Đế (Dương Khiêm 581- 605) đời Tùy trở lại phục hưng Phật Pháp. Sư bèn lặng lẽ trở lại Bồ Phản. Lòng từ cứu giúp vừa kịp. Sư bèn xây dựng chùa Cô Lão ở Thành Trị, tâm bình đẳng giúp đỡ, vì thời vận mà chu cấp, truyền giới giảng pháp nhân cơ duyên mà hưng khởi, ăn dâu mà nhớ tiếng, thường ngày có đến cả ngàn.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy có xây dựng một ngôi tháp, sửa sang lại chùa Thê Nham, thoáng chốc mà Sư cởi giày đến nhàn cư tu nghiệp, gần gũi lo việc hương hoa, tự thân luôn chăm quét tước. Miệng thường khen ngợi, mắt thường ngắm nhìn, khéo do chính mình chứa Đạo, đều vì muôn sinh, nên của cải tuy có thừa mà Sư đều sung vào tu tạo công đức. Đến ngày hai mươi bốn tháng mười niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, nhân bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Trước lúc chưa tịch, có mấy ngày Sư không được khỏe, vị Duy ma đánh chuông mà dùi tự gãy, các vị thức giả cho là chẳng thể vượt qua. Sư nghe việc ấy, bèn bảo thị giả xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, Sư hồi tâm nhiếp miện, nguyện sinh về cõi ấy. Sư có đệ tử nhập thất là sa-môn Đảnh Cái, sớm tối kính thờ. Bỗng nhiên Sư hỏi ngài Đảnh Cái rằng: “Trong nhà trù có làm những thức ăn gì?” Ngài Đảnh Cái thưa: “Thầy cần thức ăn gì?” Sư bảo: “Có các vị Đạt quan Quý trọng sắp đến!” Ngài Đảnh Cái thưa: “Xưa con nghe sinh trong loài người thấy các vị Quý thắng, thầy vốn tu đức nên họ đến, há là ở người ư?” Đến xế chiều Sư mới mở mắt nhìn thẳng, giây lâu không nháy, tướng trạng như thấy điều gì. Vị thị giả đứng bên cạnh đốt thêm hương, lặng lẽ đứng cung kính, hương cháy một khoảnh mới ngừng. Sư bèn búng ngón tay bảo rằng: “Không thể suy nghĩ bàn luận?” Có người hỏi nguyên do. Sư bảo: “Thấy Phan cờ báu lọng hoa Tháp miếu trang nghiêm.” Đến đầu đêm, Sư lại xoay đầu bảo rằng.” Vừa thấy Minh Châu. Bây giờ đâu rồi?” Sư lại bảo: “Có việc gì mà đốc đuốc rự rỡ như thế?” Bèn che đèn cho tối. Phút chốc Sư lại bảo: “Lửa sáng sao càng sáng vậy?” Ngài Đảnh Cái thưa: “Nay thất mờ tối là tướng tịnh của thầy, không có gì lạ”. Sư bèn chấp tay cho đến sáng. Sư lại bảo: “Ta sinh về Tịnh Độ!” Nhân đó mà hơi thở lắng dần, núi non rung chuyển, cửa nẻo đều lung lay. Đàn chim trĩ kinh hãi kêu vang, chẳng phải như thường nghe.

Trong chùa, có sa-môn Đạo Tuệ, trời chưa sáng còn gá ngủ, đến

lúc ấy kinh hãi bất chợt ra đứng tựa hàng hiên nhìn xuống, bảo: "Nếu Thiền sư thị tịch, chắc chắn sinh về tịnh độ, vì sao biết được? Vì trong lúc ngủ thấy trên đảnh núi phía Tây đều là lầu các điện đường, bay đi giữa hư không." Nói xong mới biết là Sư đã thị tịch.

Lại nữa, mẹ của ngài Đảnh Cái họ Vương. Từ lâu có tâm thành kính tin đọc tụng các kinh, lễ sám phát tâm, lấy việc vãng sinh làm chính. Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, đến lúc sắp xả bỏ thân mạng, bà càng thêm chuyên cần chí kính, mắt thấy trước giường có hoa sen mầu đỏ lớn như cái vò năm hộc. Lại thấy hoa sen mầu xanh khắp đầy trong vườn nhà. Đức Phật A-di-đà, các vị Bồ-tát Quán Âm, Thế chí cùng lúc đều đến. Ngài Đảnh Cái cùng người cháu là Tiết Đại Hưng cùng hầu gần bên cạnh nghe trình bày lại. Và Tiết Đại Hưng thấy Đức Phật hình sắc rất lớn và hai vị Bồ-tát, giây lâu đều biến mất. Đó đều là việc gần đây nên chép vào thật lục.

Có Sa-môn Hạnh Hữu là bậc Danh tăng ở Bồ Tấn, vì viết Bổn Truyện, nhân đó soạn luận rằng: "Pháp vốn bất sinh, nên nay vô diệt, như thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, nhân lấy đó mà bàn luận thì ba cõi cùng một thức thầm quy về, sinh tử và Niết-bàn là đồng thể, đâu thể dung chứa sạch dơ, đây kia ở trong ấy ư? Nhưng hễ là người học, vọng tình chưa hết, chưa thể bình đẳng giữa ta và người, bình đẳng giữa khổ và vui, dứt trừ mừng chán, dứt hẳn phải quấy thì phải nên hồi hướng, nêu chỗ Tâm hướng về sau đó mới vãng sinh. Kỳ thật chẳng phải như vậy. Thí như gương sáng thì hình hiện, hang trống thì tiếng vang, hình bóng và âm thanh đến đâu phải là xa ư? Mà người bị mê hoặc, vì thức tối tăm nên sinh nghi cho rằng Tịnh Độ phải vượt ngoài ba cõi, thoát khỏi chín Định, tuyệt vực lặng lẽ, trải qua đường xa xăm. Tự chẳng phải Địa vị cùng cực của ba Thừa và bậc Thánh Thập Địa chứa nhóm công hạnh thì đâu thể sinh về cõi kia? Sao lại sai lầm như thế? Hãy quán xét Thượng nhân (Trí Thông) đây bẩm tánh ôn hòa nhu nhuyến, làm người thanh khiết, với sự tu tập đó thì phước đức rộng lớn. Công phu Định tuệ che chưa đủ niên kỷ, thẳng đến tán thiện trong một đời, Tâm rỗng rang lúc sắp qua đời thì có thể mắt thấy ánh sáng, đích thân thấy cờ phướn, rung chuyển trời đất, mộng cảm người bên cạnh. Vậy đủ biết nghiệp của chín phẩm có nghiệm chứng, công đức của mười niệm không sai. Chúng ta cùng đồng chí hướng đâu thể chẳng cố gắng ư? Nếu như gần gũi Đại thừa, tu hành chánh quán, xem xét mé gốc của hạt bụi nhỏ, tin nguồn gốc ban đầu của một niệm thì có thể gai gốc được mang đi bởi

âm thanh Vô thường, chim quạ nói pháp sâu xa, mười phương cõi tịnh chưa hẳn hơn đây. Nếu quyến luyến vợ con tôi tớ, bàng hoàng khó khổ bấm víu mưu sinh, chưa nhàm chán rong ruổi theo vật đã mệt nhọc, hết khoảng thời gian trăm năm sống trong thảng thốt, rốt cuộc ngần mé của một đời ở tại vội vàng bận rộn. Trong không hề toan liệu, ngoài chẳng nơi cậy nhờ, thì lớn nhỏ đều âm thầm chìm đắm, làm sao tự trở lại được? Thật đáng buồn thay!

11- Truyện ngài Thích Bổn Tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh:

Thích Bổn Tế, họ Tống, người ở xứ Giới Hưu thuộc Tây Hà. Ông nội Sư chẳng kính thờ Vương hầu, lánh đời không buồn rầu, bị ép làm Liêu Tỉnh, bèn cầm mũ mà trở về. Sư đang độ tuổi búi tóc mà trí sáng như đã thành người. Mới độ tuổi thay răng mà theo kinh nghiệp, nên đối với sáu Kinh ba sử Sư đều lưu tâm. Tuy rằng Đường nhỏ nhưng lược thông nghĩa lớn, nên bạn bè ở Trường quý trọng chỗ Sư thưa hỏi. Sau vạch chiết đã sâu, bỗng nhiên đại ngộ, Sư bèn nói rằng: “Đây thật là cặn bã của Vũ trụ, sao lại làm lụy thức lắng trong của người?” Và Sư bèn quy hướng kính ngưỡng giòng họ Thích, giã từ bà con đi xuất gia.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, lúc ấy Sư mười tám tuổi, giới định quá trong sạch, chánh nghiệp càng sáng cao, chẳng ăn mặc mới mẻ hoa hòe để dứt bỏ sự ái nhiễm, tự thân hành trì pháp nhẫn nhục, xót thương kẻ tăng thượng mạn. Sư xem rộng các kinh luận, đều tụng ở trong tâm, giảng giải suy lường, xoay vần nối nhau. Bấy giờ, cùng Quán xét Đạo phong, vẻ vang ấy trùm khắp. Gặp Thiền sư Tín Hạnh khai sáng Dị Bộ, bao gồm Tiên đạt, khơi mở cho hàng Hậu hiền. Sư nghe mà kính trọng khen ngợi, vui mừng mặt xoay về hướng Bắc mà tiếp thừa Bộ, như rót bình chẳng phải dụ, khé hợp không sai. Vì khi Thiền sư Tín Hạnh mới kiến lập thì Tập lục đang còn ở tại Đông Sơn, đã không có văn gốc chỉ chỉ giảng bằng miệng, đều thấu đạt chỗ sâu kín. Sau khi Thiền sư Tín Hạnh thị tịch, Tập lục mới truyền đến. Sư bèn xem văn liền giảng, không hề bị đuối lý sai lầm, tuy chưa thấy được văn từ sau, mà văn truyền trước đã thầm khế hợp. Bấy giờ, năm chúng khác Bộ rất kính trọng. Sư có soạn Luận “Thập chủng bất cảm châm lượng” sáu quyển, ý chỉ văn từ trang nhã rất hay, được lưu truyền rộng. Từ đó, Sư chuyên mở mang Dị tập, ảnh hưởng cao đến chúng khác.

Đến ngày mười hai tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Từ Môn, thọ năm mươi bốn tuổi. Đệ tử Sư là Sa-môn Đạo Huấn, Đạo Thọ, thức phụng y Đà, truy niệm

xây dựng ngôi tháp trắng ở dưới núi Chung Nam, lập bia minh khen ngợi đức hạnh của Sư.

Sư có đệ tử là sa-môn Thiện Trí, là bậc trên hợp với huyền cơ, cao bước vượt ngoài đời. Tổ Sư Tín Hạnh hết lòng thỉnh nghiệp, chước sâu biện vị, khéo phân biệt chỗ tinh tế. Sư Thiện Trí vào thất gần gũi không bao lâu mà tinh cùng hang lý, Sư từng lấy một trong bốn phần dùng để giúp hình lụy. Suốt mùa Hạ xếp chân nhiếp lự quán Phật, thật là bậc Thượng đạt cảnh sách siêng năng. Nên ngài Tín Hạnh kính vái Phong cách, nhã tướng nêu đến cùng. Chúng đương thời đều vui mừng,. Có thể gọi đó là dùng Đức hàng Phục người. Sư có soạn bộ "Đốn giáo nhất thừa" hai mươi quyển. Nhân thời mà chế nghi, cùng vâng theo lưu truyền ở đời. Sư thị tịch vào niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy. Các Đệ tử an táng Sư ở phía phải của tháp mộ Ngài Tín Hạnh.

Ngài Đạo Huấn có tài phân lược, ngài Đạo Thọ dồi dào thuyết dẫn dắt. Hiện nay đang hoằng hóa, đứng đầu Tông chẳng với đồng bạn. Bây giờ tạm nêu Pháp Diên, các hàng tăng tục nhóm họp, tiếng tăm vẻ vang cảm kính. Sợ sau này khó tìm vết tích.

12- Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam:

Thích Tăng Chiếu, người ở xứ Kinh Triệu, không rõ Sư họ gì. Sư vào đạo từ tuổi thơ ấu, ở nơi yên tĩnh, đến các nơi giáo hóa. Sư thường ở nơi u ẩn, thường cảm những điềm lạ, cao hơn vượt thường độ, sợ gây ra kinh hãi cho người đời, nên ít nghe nói về Sư.

Gặp thời Bắc Chu Phá diệt phật pháp. Sư chẳng gần sự ốn náo của duyên trần, riêng ở non Tần, cao bước dưới vườn thông, ngắm nhìn ảnh và tâm cùng vui tự đắc. Sư tự bảo rằng: "Nay ta ở đây an thái, đâu còn ở đâu vui hơn ở đây? Chư tăng còn lại ở thành ấp kia thuận theo thế tục!" Sư dùng đó để tự cấp, không một nương cậy vào đâu. Đến đầu đời Tùy (581) mở mang Phật Pháp, Sư bèn đến Điền Cốc ở Nam Sơn thuộc huyện Hộ, xây dựng chùa Thần Điền, nuôi dưỡng đồ chúng phát huy đạo nghiệp, tiếng tăm vang khắp Vị Xuyên, các hàng tăng tục kính ngưỡng, có đức tin càng nhiều.

Đến những năm cuối thời vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy, đang gá ẩn tại Kỳ Sơn, vì đạo đức Sư vang xa, nên ý vua muốn thỉnh đến diện kiến. Bèn sai Tả Bộc Xạ Dương Tố đến núi tuyên đọc sắc chỉ và đích thân thỉnh Sư đến cho vua ra mắt. Sư dự biết được việc ấy, bảo với thị giả rằng: "Sẽ có khách quý đến chùa, hãy nên sửa soạn

các thức ăn uống.” Sáng hôm sau, quả nhiên Sứ đến núi, Dương Tố oai hùng anh tiết, tự như mạnh mẽ không ai bằng, nhưng khi đến nơi bờ rào của Sư bất chợt khiếp vía tán đảm, xuống xe muốn đi tới mà bước chẳng được, bèn bảo người đưa tin đến Sư, Sư vẫn thản nhiên khoanh tay như thường, bảo Dương Tố đến trước mặt, khắp mình Dương Tố ướt đẫm mồ hôi, tâm trí đều không giữ vững, chỉ trao truyền được sắc chiếu, ngoài ra không nói thêm được gì. Giây lâu sau mới bình tĩnh, đem tâm tình mà thưa với Sư rằng: “Rừng núi lắng sâu, tính tưởng không gì khác lạ. Đàn Việt có ý tốt muốn cùng tìm, lý không hư dối.” Ăn xong, Dương Tố xin giã từ trở về. Sư bảo rằng: “Nhờ đội ân ưu ái của Thiên tử cho nên Nhân Thọ lâu dài, nhưng Đạo ở tại u thông, chưa rãnh để đích thân kính thờ, thêm vì già bệnh nối nhau, không có dịp để được tiếp đối!” Dương Tố trở về tấu trình đầy đủ sự tình, thuật bày nỗi lòng khiếp sợ. Vua Văn Đế bảo: “Oai lực của giới sư là như vậy, vì ông quá hùng võ nên đến đó kinh sợ như thế”. Vua lại ban sắc bảo Dương Tố mang các thứ hương dầu lên lại núi, tỏ bày Cảnh ngưỡng, và Vua ban sắc chiếu rằng: “Thiền sư đức ở ngoài vật luận bàn, Đạo ánh ngời suất cả ban sơ, tự thân ở chốn núi non, nuôi dưỡng tinh tố, tôn sùng nghiệp hạnh. Trẫm rất vui mừng. Nay đưa tặng cúng dâng ít vật, để tỏ bày sự cung kính!” Dương Tố lấy sự rỗng rang kính ngưỡng cảnh hạnh ở trước, lại bái yết chốn sơn môn, nén dẹp thân tâm, mới tỏ bày đối ngữ. Sư giảng nói chánh pháp cho nghe, rất xứng hợp với bổn hoài. Dương Tố bèn muốn xả thí vàng lụa của mình để sửa sang mở rộng chùa tháp. Sư bảo rằng: “Chốn núi non suối rừng đều có thể dùng để mài giũa tâm. Chùa tháp thiền phường trang nghiêm chốn thành ấp.” Tất cả các thứ vua dâng tặng, Sư chẳng nhận một vật nào. Dương Tố lại xin thọ giới pháp. Sư cho rằng Giới hạnh khinh hủy thì chìm đục khó trong, bèn giảng nói cho nghe các Pháp từ bi, nhân dục, bày lý dẫn dụ thấu đạt, chứ không truyền giới. Sư hành xử như thế, đó cũng là bậc minh tượng thấu đạt được căn cơ thời vận! Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

Ban đầu, sau khi thọ giới cụ túc, vâng giữ giới luật, hơn sáu mươi năm, Sư giữ ba pháp y chẳng thay đổi, tuy khâu vá chồng chất nhiều lớp mà Sư vẫn thọ trì không lìa bỏ, chỉ tự thân Sư kính giữ, thị giả chẳng được nâng trì. Hoặc có lúc tiếp giữ nâng lên nặng như núi Thái, nhưng không hề rời khỏi chỗ, nhưng lúc Sư bưng tiếp lại nhẹ như lông tơ. Nhân việc đó mà biết rõ Sư cũng là bậc Thanh phong Đại đức.

13- Truyện ngài Thích Hồng Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu:

Thích Hồng Lâm, không rõ Sư họ gì. Sư là người xứ Thái Nguyên. Từ thuở thiếu thời, Sư bước vào Thích môn, bẩm thọ Thanh hóa. Sư có chí hòa nhã, nói năng hòa mục. Sư trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu. Tiết tháo Sư nương gá nhàn tĩnh, ít tiếp xúc người vật, mà Phòng Sư ở cùng nối liền với phòng chúng tăng. Sư tề chỉnh trang nghiêm, ít nói ít giao thiệp, nên các bậc cao niên thạnh đức trong chúng tăng đều kính vâng. Sư đến các phòng, không đâu chẳng lưu dấu thầm bước, về sau hướng vượt. Ngài rất được người đời kính trọng như thế.

Ngài ở riêng trong một ngôi thất suốt năm mươi năm. Khách đến Sư đón rước mà chân chẳng vượt qua ngạch cửa. Còn như tăng pháp chế độ, đạo tục mỗi ngày hai bữa ăn, tự thân Sư trước ngồi ở đầu tòa gắng sức vâng giữ, chẳng vì đạo đức mà dùng thiếu sót với Đại chúng đương thời. Ngoài ra thì Sư an nhiên ngồi thẳng trong phòng, an nhiên sừng sững. Bình bát mọi vật đều để ngay ngắn đúng chỗ, nên mọi người bước đến cửa phòng Sư đều bất chợt nổi ốc khắp mình. Có người hỏi về nguyên do thì Sư vẫn ung dung đàm luận, từ nghĩa xác đáng, chẳng thể lượng biết tâm tạo. Nên tại chùa Đại Hưng Quốc, chúng tăng có hơn trăm vị, đều kính sợ Sư như trời.

Sư thị tịch tại chùa Đại Hưng Quốc vào niên hiệu Võ Đức (618 - 627) thời Tiền Đường, thọ hơn tám mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 18 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 19

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN.

TRONG PHẦN 4 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có hai vị).

1/ Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.

3/ Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

4/ Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu, thời Tiền Đường.

5/ Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam, thời Tiền Đường.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.

7/ Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu, thời Tiền Đường.

8/ Truyện ngài Thích Trí Mãn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường (Trí Hy, Quang Anh).

11/ Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh, ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh, ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.

13/ Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức ở núi Chung

Nam, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô:

Thích Tăng Định, người xứ Đơn Dương, vốn học Luận Thành Thật, nhiều lần bị sét đánh, nên bị bệnh phong hủi. Sư bèn tự nghĩ rằng: "Thân hình khác các bạn, học phải dời vết". Bèn ngăn dứt nhìn lại, quy tông Thiền Phủ. Đầu tiên Sư đến gá ở Lâm phụ thuộc Chung Sơn, vắng lặng một mình. Thị giả là sa-môn Đạo Du cung cấp hầu hạ, mỗi ngày Sư chỉ ăn một chén cháo trắng gạo tẻ. Ngoài ra thì Sư buộc niệm nối nhau, chẳng thẹn với Cảnh Không. Suốt mấy năm Sư chẳng bước vào xóm ấp, chỉ dạo trong định tâm, lại thêm sâu mầu, cho nên khiến cửa nẻo càng ẩn kín, nhã nạp tự đổi mới, tường nhà cao vợi, trái thuận lạnh nhạt chút lòng thành được ứng nên sự khổ tự tiêu, cuối cùng khiến thân, đầu, mặt, mắt cùng một lúc tròn sạch, râu tóc đều mọc vượt hơn ngày thường. Tuy phước cảm đã cùng, nghi mạo gấp bội lúc thường, mà hai hàng lông mày rất dày dài tới vài tấc, xanh đỏ xen lẫn mới là kỳ lạ.

Sư đã thuộc hàng linh thụy như thế, nên càng chí thành mài giũa sớm tối. Trong núi có nhiều hổ dẫm bước thành lối đi. Bổn tánh Sư nhân từ, nên hổ lại vào trong thất, trước giường dưới sân chỉ toàn vết chân hổ. Có khi thiền tưởng chợt khởi chưa thể an tĩnh, nên suốt đêm Sư đi quanh núi, chẳng kể cây rừng ngang ngạnh, thú dữ, chim chóc, thấy chúng đông từng đàn, mà Sư vẫn an nhiên như đi giữa chợ thành. Sư có đức cảm hàm dục, không thể sánh được.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy xây dựng chùa ở Tây Kinh, xa thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tâm của Nghiệp định không làm việc thế tục. Còn như thọ giới lễ sư thì hết lòng thuận theo, tham dự ở chốn tôn nghiêm, nghe liền lánh ẩn. Sư từng bị bệnh Thương hàn, khắp mình nóng sốt, bèn y như thường bắt chân ngồi kiết già, bỏ ăn ba ngày. Có Sa-môn Bảo Cung là bậc thượng thủ nơi đạo tràng, là học trò của Sư, đến gần gũi dẫn dụ khiến Sư ăn. Sư bảo: "Thế lực của bệnh sắp lấn lướt, mạng sống chẳng thể bảo toàn, nên dùng pháp mà cứu giúp, sao lại dùng đến ăn ư?" Và Sư ngậm miệng ngồi yên, qua bảy ngày thì cơn bệnh đau khổ tiêu tan. Sư lập tiết tháo cốt yếu tại tâm, đại loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư gá tâm tại chùa

Thái Hòa ở Nam Sơn. Có bọn cướp đến cướp phá, Sư vẫn không kinh sợ. Bọn cướp bảo: “Há chẳng nghe trong thế gian có bọn giặc Nô ư?” Sư bảo: “Giả sử như có giặc Lang, tôi còn chẳng sợ, huống gì là giặc Nô?” Nhân đó, bọn giặc lột sạch y phục của Sư, nhưng Sư chẳng tỏ vẻ kinh sợ. Đến khi với chiếc chăn giạ Sư ngồi, giặc sắp muốn kéo lấy, Sư liền nắm giữ mà bảo rằng: “Ta nhờ nó mà sống qua mùa đông, nay các ông muốn lấy đi thì mạng ta sẽ chẳng ai cứu giúp, chợt đoạn dứt mạng sống ta tại đây, mà tấm chăn này không thể lìa mạng ta”. Bọn giặc cùng nhìn lẫn nhau rồi bỏ đi.

Đến tháng sáu niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh nhẹ, Sư ngồi kiết già như thường, bất chợt thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

2- Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu:

Thích Đạo lâm, họ Lý, người ở xứ Cáp Dương thuộc Đồng Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư phát tâm xuất gia, vào núi Thái Bạch, cất am nơi hang sâu, bặt đường leo lên. Chỉ ăn cây lá để nuôi thân mạng, dùng chánh pháp để ràng buộc tâm, không còn tạo tác gì.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Huyền Tông được mở mang, ban sắc độ bảy vị xuất gia, chọn lựa khắp cùng, Hữu ty hỏi thăm, tìm chọn được Sư. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đích thân ban lệnh xuất gia, Sư tha thiết chối từ chẳng được, bèn tâu vua rằng: “Bần đạo nghe kẻ sĩ ở chốn núi rừng đã đi thì không trở lại, Khí Hạo nhiên riêng kết chặt nơi suối rừng. Mong được liền vết đã đi, nên lẽ ra nghĩa bặt Phàm quán. Bệ hạ mở rộng Pháp môn, chuyển tải lắng trong đất biển. Xin lấy gọi nầy để kính ngưỡng”. Vua nói: Danh hợp với thật tướng, đến đã rất lâu. Thiền sư chỉ lệ thuộc công phủ, còn thân mặc tình gá ở núi non!” Sư chẳng theo đó bèn trốn trở về núi Thái Bạch, lấy nghiệp trước làm chính. Về sau, có người tấu trình việc ấy, mới lại tìm khắp ngõ hẹp, cùng hang đến huyệt, mới lại bắt được, nhưng Sư tiết tháo chẳng thiếu. Vua ban sắc lao nhọc ân trọng, sùng kính khác thường, ban tặng các vật như lò hương, v.v... vẫn ban lệnh cho Sư về trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Phùng Dực. Sư đến trụ ở đó một thời gian ngắn, lại lánh đến ở phía Bắc của Lương Sơn, bờ sông xoay quanh, địa thế rất vững chắc. Sư đục núi làm hang, tu Đạo trong đó.

Đến tháng bảy niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư cảm thấy bị bệnh nhẹ, bèn dạy răn môn nhân thị giả chớ vượt luật

nghi. Lại nghe có tiếng kèn lá vang vọng giữa hư không, các hàng đạo tục kính mến nhóm họp, lại giáng loại quả có mùi thơm lạ, lớn như trái đào trái táo, đại chúng đều lượm nhặt mà cúng dường, chẳng ai biết tên quả đó là gì, đem đốt phát ra mùi thơm, người nghe sinh tâm kinh hãi. Trải qua ba ngày, tinh thần khí lực vẫn sáng tỏa, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Lưu lại nhục thân đến bảy ngày mà sắc tướng không biến đổi, bèn đến phía Tây núi, đục khám mà tôn trí. Đại chúng nhóm họp như mây giăng có tới hàng muôn người, cổ vũ mà đón rước. Sư sống chết vẻ vang như thế!

Từ khi Sư nhập Đạo, ẩn cư làm đầu, từ khi sống đến khi chết, đều kiệm ước làm việc chính. Người nữ là gốc sinh ái nhiễm, riêng dạy răn mong mỏi, nên một đời Sư thường chẳng nhìn mặt, chẳng nói Pháp co họ nghe, chẳng theo nhận thức ăn, chẳng bước lên nền phòng. Đến nỗi trước lúc thị tịch, có người đến hỏi thăm bệnh Sư. Sư cách ngăn mà thầm biết, xa ngăn không cho đến đối diện. Hạnh Sư thanh khiết, thông với cõi u, Sư từ bi tế độ sinh linh, sâu xa bảo hộ tánh mạng mọi vật. Như với các loài chấy rận, Sư mặc tình để nó tới lui. Sư thường từ từ giở y phục lên, sợ nó kinh hãi loạn chạy. Tấm lòng nhân dục ấy khó có ai tiếp nối được.

3- Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh đô:

Thích Pháp Ứng, họ Vương, người ở xứ Cối Kê thuộc Đông Việt sinh ra. Từ thưở nhỏ mà tánh Sư đã độ lượng trầm mặc. Tùy trú duyên tưởng, nghĩ sâu khó đổi dời.

Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia, kính thờ sa-môn Đàm Sùng, là bậc Học tông Thiền nghiệp, sự tích ngài thấy ở biệt truyện. Bấy giờ, là đầu thời Bắc Chu (557), cửa Định mới khai mở, Sư kính pháp thực hành, thường thú hướng về Đạo, thích ứng môn học, rất đáng được đứng đầu. Sau, gặp họa Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn lánh vết đến ở núi Chung Nam, cơm áo chỉ bằng lá thông. Sư ẩn thân suốt sáu năm, chuyên tu niệm tuệ, để dứt trừ tội xưa, do sự tinh tấn mài giũa nên pháp môn càng sáng sạch. Tâm dụng có chỗ đặt, vọng cảnh lắng trong, thường cảm các loài cọp sói đến ngồi sổm bên cạnh lò, hoặc vào trong cửa, dường như có nhân quan hệ nhau. Sư vốn hiểu thấu sinh duyên, lại giỏi về thiền bệnh, nên đối với nó như chó nhà. Sư truyền cho Tam quy, từ đó dần quen rất nhiều loại ấy.

Đến đời Tùy (561) khai việc hóa Độ, Sư bèn trở lại phụng thờ

ngài Sùng Công. Định nghiệp ở Sư đã sâu nên được ấn khả. Đồ Chúng ở đó có đến năm trăm vị, Sùng Công đều giao phó cho Sư duy trì, Sư dạy trao cất nhắc xứng với lòng chúng trông mong. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm nhọn những bậc có đạo nghiệp cao sâu, tinh thông tam học đang hoằng hóa khắp trong nước, kính đưa về Thiền Phủ. Chọn được hai mươi lăm vị, trong đó, người có hạnh giải cao sâu, chính là Sư. Vua ban sắc vào trong nội thành riêng đặt năm chúng. Mỗi một chúng đề cử một vị sớm tối dạy trao thực hành. Sư nhận lãnh đồ Chúng có ba trăm vị ở chùa Thật Tế, nối nhau truyền nghiệp. Bốn thứ cần dùng cúng dường đều xuất từ Hữu Ty. Tiếng tăm vang xa. Vua lại ban tặng ba trăm tấm lụa, Sư bèn dùng vào việc tu tạo một tạng kinh, và đích thân thọ trì.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư không bệnh tật gì mà tự bảo rằng: “Nay tôi sắp đi, đã có hương hoa hiện đến đón rước!” Nói xong, Sư thị tịch tại chùa Thanh Thiền, thọ tám mươi tuổi.

4- Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu:

Thích Trí Châu, tự là Viên Lãng, họ Triệu. Tổ tiên Sư vốn người ở Hạ Phi thuộc Từ Châu. Dưới thời nhà Tấn, Sư dời sang bên kia sông đến ở Khúc Phụ, thuộc huyện Lâu. Sư có thần dụng vượt xa, sáng tỏ ở thanh ỷ.

Trong độ tuổi theo học tiểu học, Sư từ giã cha mẹ vào Đạo, kính thờ Pháp Sư Thao chùa Pháp Lưu thủy làm Hòa-thượng. Pháp sư Thao là bậc mão miện ở xứ Ngô Việt, là rường cột của Phật Pháp. Sư chăm chỉ gần gũi hầu hạ, chia thời gian mà thưa hỏi. Sau khi thọ giới cụ túc, chí khí Sư đặt nặng việc học rộng. Bấy giờ tại chùa Đại Trang Nghiêm có Pháp sư Tước là bậc Nghĩa Phủ Kinh tứ, Đạo ngời Hùng Bá, Sư bèn mang rương kinh thầm đến ở lại chuyên nghiên cứu một năm tận cùng đầu mối bến bờ, lại đồng như sông lạnh.

Từ khi đất Kim Lăng mất sự bình định, Sư an bước trở về phương Đông ở nơi chùa cũ, mở mang Tam Bảo. Học chúng đồng bạn nhóm họp giảng nói thành chúng đông. Chỉ vì lâu ngày nhàm chán chốn thành thị, sớm quen nơi đồi núi hang hóc, nên Sư vượt cao, ẩn vết tại chùa Tuệ Tụ ở núi Mã An. Nhân Trí hợp ở đó không hề dời đổi. Mà dừng nước đến xem, hỏi đạo càng kết chặt. Các bậc niên cao Đạo lớn đều thỉnh Sư xuống núi giúp ích các hàng đạo tục. Chẳng câu nệ tiểu tiết, nên Sư nhận lời. Các vị bày kinh điển khắp chỗ ngồi, các bậc trượng khí phủ đầu. Lửa Đức đã tiêu, tăng đồ chẳng nhóm họp, Sư bèn trở về hang

cũ. Lại gặp đất đổ dưa nứt, thuận thời mà trái nạn, nổi trôi không buộc ràng, vắng lặng xao động đều mất.

Đến ngày mồng năm tháng bảy niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh, nên Sư thị tịch tại nhà của Thứ Sử Võ Châu là Tiết Sĩ Thông ở phía Nam Thành Đại Lai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Đến ngày hai mươi tháng mười một năm đó, giặc rút lui, đường vắng lặng. Các đệ tử Sư như Sa-môn Pháp Độ v.v... đón rước kim quan Sư về núi cũ. Khi ấy người vật điêu tàn hoang sơ, mồ mả chưa chôn cất. Mãi đến ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, các đệ tử Sư như Sa-môn Tuệ Mãn, v.v... đến ở đảnh núi phía Tây chùa sửa sang thiết lập viên phần (tháp tròn).

Sư vốn có phong thái nhàn đạm, thức ngộ cao xa, dáng dập đáng nhìn, tới lui có phép tắc. tâm lượng bao dung cả núi biển, khí điệu vượt cả ráng mây, được mất chỉ một tâm từ bi thương xót muôn loài. Cùng thông chẳng thay đổi tâm lự, mừng giận không biểu lộ ra bên ngoài. Kính chuộng các bậc Tiên đạt, dẫn dắt nâng đỡ hàng hậu tấn. Các hàng Đạo tục nghe danh đều lấy làm phép tắc. Thêm vì Sư rất dốc lòng mến thích trùng triện, rất giỏi về các lối chữ thảo, chữ Lệ. Bên cạnh đó lại quán suốt Đồ sử, rất khéo về Thiên Thập. Sư cùng người anh là sa-môn Bảo Ái, đều tắm gội dòng Pháp. Dưới thời nhà Trần, cả hai phương đều nổi tiếng, giảng luận Thành Thật, Tiểu Chiêu Đề Huyền Chương, Niết-bàn, Đại Phẩm, v.v... mỗi bộ có hơn mười biến, kiêm và tạo lập điện các, hiên cửa bao quanh tráng lệ ở đương thời. Tu tạo tôn tượng Bồ-tát Di-lặc cao trượng sáu có sáu đứa trẻ bao quanh. Lại có Tư Không Hà Sung ở đời Tấn tạo lập bảy khám tượng bằng đất bùn, vì trải qua thời gian lâu dài, nên thánh nghi bị hư hoại rơi nát, Sư bèn thỉnh về chùa Lưu Thủy, sơn phết đắp vá, họa vẽ khắc sơn các màu xanh vàng, khai mở đức tin, hiển bày Đạo pháp.

Sa-môn Thích Đạo Cung ở chùa Hồi Hương nói rằng: “Tôi vì run rẩy quyền khúc, chẳng hợp với khuôn phép, mà thợ đá dừng rìu bỗng nhìn ngó. Thường khơi dòng liền gần suốt ba năm, vạch mây đối trăng, ngâm phú thơ của Tào Lục, xô đá ban gai, biện luận của Tăng Triệu, Đạo Dung, nên người yên ở, cậy màn lẻ mà hoang vắng, cảnh hạnh chẳng truy tìm, nhìn thông Cao mà nghẹn ngào, sợ gò hang đổi dời, trúc vốn khó lâu dài, gá đạo mầu nơi xanh biếc, dương thanh trần ở bất hủ”. Và có bài minh viết rằng: “Thành quách năm ấm, gò đồi sáu giặc, keo chắc lưới ái, quấn quanh dây nghiệp. Điều Ngự hùng mạnh, Từ Bị chợt khởi. Đường nguy vắng lặng, biển uế chợt trong, tám cây ngầm phát,

năm Sư làm khuôn phép soạn, gồm Di huấn ấy, khắc ứng với Khai Sĩ, giới châu sáng sạch, ngưng trong nước Định, có Đạo có Đức, biết đủ biết dừng. Học gồm các kinh, nghĩ sâu ngoài lời. Lạc thuyết sông rót, đượm gió mây tụ. Bảy chúng then chốt, bốn Bộ áo đai, bày giềng thuận mối, ấy đó là lành. Đường đi đắm mất, đến hóa ven sông. Qua lại mặc vật ẩn hiện theo thời. Bình bát yêu dấu, Tịnh Độ hẹn. Có sinh có diệt sao mừng sao buồn. Hổ đóng hầm xưa, bít mở gò cũ. Xuân giao cỏ bằng, nên núi thông khoanh. Rừng tối chim đậu, qua sâu lạnh bít, khéo biết về chân, cao ngoài hư phụng!".

5- Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam:

Thích Pháp Tạng, họ Tuân, người ở xứ Dĩnh Âm thuộc Dĩnh Xuyên. Năm ba tuổi, cha của Sư qua đời, Sư sống với mẹ. Đến mười tuổi, mẹ Sư qua đời, chỉ một mình tự sống, nhân họa khổ ấy mà Sư tỏ ngộ sâu xa vô thường, đến nương nhờ Tam Bảo để được Phước đức chở che.

Ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Thiên Hòa thứ hai (567) (niên hiệu "Thiên Hòa" (566 - 572) là của Vua Võ Đế (Võ Văn Ung), thời Bắc Chu, Vua Minh Đế (Võ Văn Dục 557 - 561) ban sắc độ tăng. Khi đó Sư hai mươi hai tuổi, liền theo xuất tục. Đến niên hiệu Thiên Hòa thứ tư (569) nhân ngày Đản dục Hoàng tử, vua ban chiếu tuyển chọn các bậc danh đức mời đến cung Lễ Tuyền, khi ấy Sư có dự trong số đó. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) tự thân rảo bước dưới điện, miệng gọi "Tiên Ty" và hỏi chúng tăng, tất cả lặng yên không một ai đối đáp. Sư đang ở hàng cuối liền bước ra giữa chúng, làm điệu bộ đáp lời "Tiên Ty". Cả chúng trong điện đường đều vui mừng với lời đáp ấy. Vua sắc bảo với trăm quan rằng: "Đạo nhân (Pháp Tạng) thân nhỏ mà tâm lớn, vượt xa các đồng bạn, đáp lời của trẫm đây. Há chẳng là Đạo nhân tài giỏi ư?" Nên vua ban sắc tặng Sư hai trăm mười quan tiền. Do đó, thường xuyên được thăm hỏi. Thân Sư tuy ở trong chùa mà tâm niệm ở chốn rừng sâu. Thánh Hiền xưa nay đều nương tựa ở núi vắng.

Tháng hai niên hiệu Kiến Đức thứ hai (573) thời Bắc Chu, Sư với tâm chí rộng lớn, ôm bát mang rương, tìm đến núi Tử Cái. Núi ấy tức là một ngọn thuộc núi Chung Nam, lập riêng thiền phòng dưới đảnh núi cao, mặc áo bá nạp, ăn bột củ truật lá thông. Mặt hướng trời xanh mà bón tưới tâm, hít thở mây trắng mà lấp chí. Đến ngày mồng tám tháng giêng niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) Sư đi bộ lên đảnh núi, bỗng

nhiên gặp được bảy nhánh hạnh ngọt, liền lấy ăn, thấm đượm mùi vị đặc biệt rất ngon. Sư rảo quanh kiếm tìm, đều không biết từ đâu mà có. Đã đội ân thầm giúp đỡ, Sư chỉ siêng năng giũa mài đạo nghiệp. Đến ngày hai mươi ba tháng tư năm đó. Vua Võ Đế bắt đầu phá hủy tôn tượng thiêu đốt kinh điển, bắt chúng tăng hoàn tục. Đủ hai năm, chỉ một mình Sư ở chốn núi rừng, nương Đạo tự ẩn, suốt thời gian dài tám năm, Sư thường nghĩ tưởng đến ngày mở mang lại chánh Pháp.

Đến tháng chín niên hiệu Đại Tượng thứ nhất (579) thời Bắc Chu, dưới thời vua Tuyên Đế nếu là vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân), thì phải là niên hiệu Đạo Thành (579 - 579) còn nói niên hiệu Đại Tượng (579 - 581) tức thuộc vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn). Sư bèn xuống núi để yết kiến vua, trong ý muốn làm hưng thạnh Tam Bảo. Sư đến cửa phía Nam của thành, không được cho vào tới lui luận đạo. Võ Hầu Phủ thượng Đại Phu Thác Vương Mãnh. Thứ Đại Phu Ất Lũ Khiêm hỏi: "Sư từ đâu đến, bè bạn hiện ở đâu, thí chủ là người nào?" Sư đáp rằng: "Từ niên hiệu Kiến Đức thứ ba (573) tôi bỏ chùa vào núi, đến tháng bốn niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) mới cấm ngăn tăng chúng, chỉ một mình tôi ở tại núi. Lấy hang rừng làm nhà ở, lấy chim thú làm chúng bạn, lấy cỏ cây làm thức ăn. Song, tự nghĩ rằng" khắp trong nước, không đâu chẳng phải là đất của Vua". Đã ở tại núi Tử Cái, ăn dùng thức ăn ở núi, xét sự cung cấp ấy thì chính là chỗ ban thí của Chí Tôn". Thác Vương Mãnh, v.v... tấu lên vua. Vua ban sắc rằng: "Trẫm muốn làm Bồ-tát cai trị hoằng hóa, vị tăng ấy đã từ núi Tử Cái mà đến, thật rất hợp với ý Trẫm, nên bảo để tóc dài, mặc đội áo mão Bồ-tát làm chủ chùa Trắc Hỗ". Sai nội Sứ Bái Quốc Công Vũ Văn Dịch xem xét thi hành, Nội Sứ thứ Đại phu Đường Di Nguyên Hành cung kính tâu rằng: "Chúng tăng trong nước đều phải theo lệnh hoàn tục, độ riêng một người tức là trái với sắc chiếu của Tiên Đế (Võ Đế). Đến tháng mười, Sư riêng ra mắt vua ở phía Đông thành. Vua Tuyên Đế hỏi về tên gọi Tam giáo: "Trẫm muốn làm Bồ-tát cai trị hoằng hóa, hoặc hiện thân trời, hoặc từ đất vọt lên, hoặc hiện thân nai ngựa, dùng đó mà hóa Đạo, nhiếp phục chúng sinh. Vậy thế nào?" Sư dẫn sự tích về hai người con (Dược Vương, Dược Thượng) của Vua Diệu Trang Nghiêm Vương can ngăn cha mình. Sư lại bảo: "Bệ hạ khi xưa làm Thần tử Không có khả năng can ngăn, khiến cho Tiên Đế đốt phá Thánh điển, linh tượng để đúc tiền. Theo sự nghịch hại đó thật không khác với Tần thỉ Hoàng". Vua tức giận bảo: "Trái với minh chiếu của Tiên hoàng, trẫm đây đều có thể xử hết". Sư bảo: "Kính xúc phạm đến Thanh nhan, xin được hành hình giữa đô thị,

khiến u hiển cùng trông thấy, thật đó là bổn tâm của tôi". Khi đó Vua bảo trói buộc dây treo, mà từ khí của Sư không kinh hãi, trải qua chín lần tấu, Sư đặt để ngôn từ càng rõ ràng. Đã đến lần tấu thứ mười, vua hỏi: "Đạo nhân có khiếp sợ chăng?" Phái Quốc Công tấu rằng: "Sự quý trọng của con người không gì hơn tánh mạng, xử thân ở chốn cực hình, thì làm sao không khiếp sợ cho được!" Vua xịu mặt biến sắc, bèn bảo rằng: "Chân nhân hộ pháp, giúp ta và chúng sinh, đó là ngỗng hộ giúp khâu. Trẫm không giết người vô sự, nên bãi bỏ hình tội ấy, không cần phải hỏi một điều gì, ban tặng áo mão Bồ-tát, y như trước vẫn làm chủ chùa Trắc Hỗ.

Sư thường được ban ân sủng mạng, được tiếp nối giòng giống họ Thích, đã được tái sinh, bèn từ giã Vua, Sư đến các chốn suối rừng núi đầm, chỉ muốn sâu lắng trầm ẩn. Ngự Sử Bảo Hoằng vâng sắc muôn năm ở năm huyện Trường An, Lam Điền, Chu Chất, Hộ, Độ, dẫn Sư cùng đi. Trẫm muốn hằng ngày trông thấy, không được trầm ẩn. Tuy được ân ban sắc, nhưng Sư chưa hề mở mang hoằng hóa, ấm ức uất kết tâm linh, nghĩ nhớ Thánh Đạo. phước đức của nhà Bắc Chu sắp sụp đổ, thời vận nhà Tùy sắp hưng khởi. Ngày hai mươi lăm tháng năm niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời bắc Chu, Tùy Tổ (tức Văn Đế - Dương Khiêm) làm Tướng, ở Hổ Môn học sáu tháng. Sư lại xuống núi cùng Đại thừa tướng, đối luận về Tam Bảo suốt đêm, bèn được xuống tóc, ban tặng một bộ pháp phục, mười lăm xấp tơ nhiều mầu, một Thạch táo Thanh Châu. Sau đó, Sư về lại núi. Đến đầu tháng bảy, tiễn Sư xuống chiếu cho Sư ngài cùng Cánh Lăng Vương xem xét độ tăng tất cả một trăm mười vị và đều ban tặng Pháp phục. Mỗi vị đều trở về chỗ ở của mình. Riêng Sư ở lại qua đêm tại Tương Độ, ban đêm luận bàn về giáo thỉ.

Đến ngày mười ba tháng hai niên hiệu Đại Định thứ nhất (581) thời Bắc Chu, Thừa tướng lên ngôi (tức Vua Văn Đế - Dương Khiêm) liền đổi niên hiệu là Khai Hoàng thứ nhất, thuộc đời Tùy. Qua ngày mười lăm, Vua ban sắc tuy tìm các vị tăng đã được độ trước đến tại chùa Đại Hưng Thiện vì nước nhà hành Đạo. Từ đó, dần dần khai mở truyền bá khắp trong nước. Ấy nếu chẳng do Sư có giới hạnh trong sáng, thiền tâm chứa nhóm tràn đầy, thì đâu thể nhiều lần vào nơi cửa cung, từng lên ngồi giường của Vua ư? Từ đó về sau thường có ân sủng sắc ban đều riêng thêm vào an ủi mệt nhọc. Và vua ban sắc cho các hàng Vương Công đều nên biết ý trẫm như thế.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582) đời Tùy. Nội sứ Xá nhân Triệu Vĩ tuyên sắc cung cấp mỗi tháng các thứ Phục linh, Táo, Hạnh,

sữa, dầu, củi, lửa lấy làm thường liệu, nhưng tánh Sư vốn tại rỗng lắng, chẳng mưu cầu danh lợi. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Sư tự tấu trình ngưng mọi thứ thường liệu, chỉ tùy thí cung cấp. Võ Hầu Tướng Quân Sách Hòa Nghiệp là người có tâm thanh tín, thỉnh Sư đến nhà, phụng cúng lễ ngộ đặc biệt. Do sự huân xông chứa nhóm điều lành, nên Sách Hòa Nghiệp bèn xả thí chỗ ở, xây dựng thành chùa Phật. Sư hướng dẫn tục nhân khóa lệ thiết trai cúng dường mười ngàn vị Tăng. Hữu Bộc Xạ Tô Oai thường đến tham yết và dựng xây đại điện tôn nghiêm. Xá Nhân Bùi Củ tuyên sắc "Thiền sư Pháp Tạng là vị đứng đầu xuống tóc cho chúng tăng". Lại thiết lập Đại trai hội, sự hưng thạnh của việc Hoằng pháp, thật không ai có thể sánh bằng! Tại chỗ Sư ở có thể làm pháp cứu giúp. Nay, đó là chùa tăng ở cửa phía Bắc phường Long Chính.

Sư thường dùng lòng nhân từ để nhiếp lự, có ban thí cho các loài cầm thú, đều nương tựa đó mà được sinh dưỡng. Con ngỗng thì biết thời mà đến đi nhiễu xung quanh, con chó cũng quá giữa trưa chẳng ăn. Các thứ pháp luật như thế, không thể ghi chép đầy đủ.

Vua Dương Đế (tức Dương Quảng 605 - 617 đời Tùy) khi đang ở tại Tấn Phiên, có Lâm Thái úy là người con thứ ba bị bệnh lâu ngày nên chết yểu, an táng tại chùa ấy, bèn khắc bài minh rằng: "Đường đời như huyễn hóa, sinh tử tợ bọt nổi. Con chết non sao ngắn số, Bành tổ tu pháp gì? Than ôi! Con ta chết đi không lưu lại, mãi làm hạt giống Pháp, mãi làm bạn pháp!" Nhân đó, cúng dường Sư chiếc gậy "Linh Thọ" và nói rằng: "Mỗi lúc cầm gậy này thì xin nhớ nhau!" Sư bảo: "Con vương nhân chết non nên mãi đến với Pháp môn, Pháp Tạng tôi cầm gậy Linh thọ, sao dám quên đức ư?" Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) Tùy tổ đến Thất Dự ở Tề Châu, từ các hàng Vương Công trở xuống kính tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, và sắc ban tôn trí tại chùa Tế Pháp để cúng dường.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Vua Văn Đế tu tạo sáu tôn tượng Phật Thích-ca, và ban sắc tôn trí tại chùa Sư ở. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Thái tử Nguyên Đức qua đời, tất cả mọi sự tu tạo phước nghiệp như ấn chú kinh tượng, điện phật. Vua Dương Đế đều giao phó cho Sư. Đến cuối niên hiệu Đạo Nghiệp (617) đời Tùy, Vua Dương Đế lại ban sắc cho chín cung đều xây dựng Chùa viện, tiếp độ chúng tăng, trông coi nối nhau duy trì. Vì tiếng tăm của Sư vang khắp nên Vua bổ nhậm Sư vào làm Thượng tọa chùa trong cung Thái Bình. Sư vỗ về tiếp nối các hàng thiếu đạt, không trái với

chỗ đến.

Đến lúc nhà Đại Đường dựng nghĩa (618) trăm người đồng một lòng. Hoài An Vương mở lập ra Binh Kỳ ở chùa ấy. Nhân đó, Sư nhận sự thỉnh cầu cúng dường trọn đời của Hoài An Vương. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tình phụng dưỡng càng lớn, ân báo không cùng cực. Cuối cùng do khuyết điểm xây chùa chưa triển khai, Hoàn An Vương tiện vật, vốn mong cầu mà chẳng được như ý, Sư cũng qua đời vào lúc ấy.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại Quán Đài thuộc huyện Hộ. Nhân đó an táng tại chùa Vân Tế ở phía Nam gò Vũ Vu. Có sa-môn Hiếu Tài sớm vốn biết đức hạnh Sư nên soạn bài minh khắc trên đá, dựng bên cạnh khám.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Trinh Châu:

Thích Tuệ Siêu, họ Thân Đồ, người ở xứ Lộ Thành thuộc Thượng Đãng. Sư thấu rõ Đạo, ôm hoài bão trắng trong, chí khí tợ sương băng.

Mới đầu Sư phủi áo bỏ tục, đi về hướng Bắc, đến Tấn Dương, lấy thiền niệm làm nghiệp chính. Tuy lược xem qua Danh giáo nhưng Sư rõ khắp được chánh tà. Và Sư riêng y cứ vào sự thực hành, chẳng duyên theo ngôn thuyết. Mới lập đạo tràng riêng dựng, bày nghi tượng, phướn hoa giao liệt mọi thứ đầy đủ thanh tịnh tươi đẹp. Lại nhóm hợp các thứ hương lạ, bày nhiều phẩm loại. Mỗi lúc đốt hương cúng dường, khói hơi xen lẫn nhau, Sư thường ở yên trong đó; đắp mặc y pháp, thanh tịnh ngồi thẳng, rõ soi giác quán, xét nét đến chí nghiệp, nên có mùi thơm lạ xông khắp phòng thất. Linh cốt đầy bình, tùy dùng phước lưu lại đầy số khuyết thiếu, mà chẳng biết tại sao như thê!

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) xây dựng chùa Thiền Định. Vì Sư là người nổi tiếng, nên vua thỉnh Sư đến kinh đô, nghiêm tịnh giới y khác hơn ngày thường, cảm điềm bày cúng không trái nguyên do từ trước đến nay.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, vì chốn quê cũ ở Tinh Châu, các vị có đức tin phần nhiều hóa Đạo phó duyên mà nghĩa nạn có hạn ước. Sư bèn về lại chùa Hưng Quốc, các hàng Đạo tục mừng vui dâng lễ kết giao. Mãi đến mùa đông niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, vì cơn bệnh sốt rét lâu ngày không bớt, Sư cho biết mình sắp qua đời. Cả chùa đều nhóm họp đứng đợi lắng nghe

Di quyết. Sư vẫn ngồi thẳng như thường, tinh thần càng sáng rỡ, bảo với Đại chúng rằng: “Cùng ở nhiều năm, phàm tình dễ cách biệt, nếu có cùng xúc não nhau xin nguyện khai mở cõi lòng. Nhưng, cõi người khó gặp, tâm lành dễ mấtm, ngày nay tự bảo nhậm, chớ lầm sai thân sau”. Nói xong, Sư đặt tay ở tim, bất chợt thị tịch. Có người thấy Sư không tiếp đối, cho là Sư chưa tịch. Khi lấy bông tơ đặt vào mũi thử xem, thì mới biết Sư không còn thở, Sư thọ hơn bảy mươi tuổi.

Nhục thân Sư ngồi thẳng như Thần Cảnh, nhan sắc dáng mạo càng sáng sạch. Có mùi thơm lạ xông quyện đầy thất, tràn tỏa giữa sân. Tiếng nhạc vang vọng giữa hư không, chẳng biết từ đâu đến. Môn nhân Đại chúng rất kinh hãi, khiến cho các hàng sĩ nữ đua nhau kéo đến, buồn thương lạnh lẽo, hương hoa hiến dâng đầy nghẽn chùa viện. Đến tháng mười hai năm đó, sắp đến ngày an táng. Các hàng tăng tục khắp bốn phương đầy đường tranh nhau đến trước. Từ chùa đến núi có hơn mười dặm, mà người ngựa, xe hoa mọi việc v.v... như ở chợ lớn. Dùng giường dây làm kiệu, nhục thể Sư ngồi như nhập định. Đường sá đã đông nghẹt, đi lại khó thêm, bèn xoay đầu về phía Tây thành phá hoang đến nơi phần mộ. Chúng lại bức bách v.v... như trời sập, bèn tẩm liệm bên cạnh chùa Khai Hóa, thuộc núi Long phụ, đào huyệt để tôn trí. Lại để qua một năm, mà nhục thân Sư vẫn nghiễm nhiên không tan rã. Khác với ngày thường, cúng lễ, hương hoa không dứt, sau đó lấp hang, an trí tháp ở trên, khắp minh trên đá, đức dày của Sư.

7- Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu:

Thích Trí Hy, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Tổ tiên đời trước của Sư nhân làm Quan mà dời nhà đến ở tại Mân Việt. Từ tuổi nhi đồng mà Sư đã khác với các trẻ nhỏ khác, tâm vượt ngoài mọi vật. Thấy già bệnh chết, liền thấu đạt cõi đời như chùm bọt mong manh, tự xét tỉnh hôn trầm, thương xót bao kẻ chìm đắm. Càng thêm chán lìa như là kẻ thù. Sư bèn phát thệ nguyện muốn thoát khỏi trần lao, tìm đến các thắng cảnh. Nghe Đại Sư Trí giả là bậc kháng chí ở núi Thiên Thai, an Thiền tại Phật Lủng, răn dạy đường mê, làm bến bờ dẫn dắt cho đời, Sư tâm thành kính ngưỡng, bềnh bồng giữa sóng xanh, năm hai mươi tuổi mới được theo chí nguyện. Chỉ một lần gặp gỡ, đã thành thầy trò. Khi luật nghi đầy đủ, Sư bẩm thọ thiền quyết, thêm tu tịch định như cứu lửa cháy đầu. Tâm như ngựa được điều phục, mọi tán động đều dứt trừ. Sư vâng theo Di Chỉ thường ở tại Phật Lũng, là nơi đạo tràng tu thiền. Những vị ưa thích tam-muội đều cùng nhau quy ngưỡng, những lúc rảnh

rỗi ngồi thiền thì Sư lại chỉ huy xây dựng già-lam. Điện đường phòng nhà đều trang nghiêm, chỉ còn kinh đài chưa xây dựng được. Ban đầu định nhóm họp nhân công, có núi Hương Lô, là nơi cao vợi hiểm trở, cây rừng đẹp lạ. Nhưng thần kỳ ở đó rất linh nghiệm, từ xưa đến nay không ai dám đưa mắt nhìn sườn núi ấy, huống gì là có người nào dám bước lên mà đốn chặt cây. Bấy giờ, mọi người bàn với nhau rằng: "Nay đã vì tạo dựng kinh đài cúng dường Pháp Bảo, tại đảnh núi Hương lô có giống cây Sinh Bách là loại cây tinh túy quý giá nhất trong các loài cây gỗ, ta hãy cùng nhau lấy loại cây ấy để sung vào việc cúng dường". Bàn xong, bèn đến dò hỏi ý Sư, trình bày cụ thể sự việc như trên. Ngừng trong giây lát, Sư bảo: "Thần núi gìn giữ quý tiếc, không nên vội vàng!" Mọi người đều không ai dám nói thêm lời nào, mỗi người tự trở về chỗ ở của mình. Đêm đó, Sư mộng thấy có người dâng sớ tâu rằng: "Tất cả cây Sinh Bách ở núi Hương Lô đều xả thí cung cấp tạo dựng Kinh đài"! Đã cảm được thầm minh chỉ bảo như thế, Sư liền chỉ huy chuẩn bị mọi thứ thức ăn vật dụng, phân bộ các thợ vào núi đốn lấy. Vị thị giả hỏi Sư rằng: "Hôm qua không cho phép, sao nay lại đi chặt lấy?" Sư bảo: " Hôm qua do người khác, nay thì do Ta, cứ chặt lấy không sao, ta sẽ chịu trách nhiệm." Mọi người vâng lời Sư bảo mà lên núi đốn lấy. Cây sinh bách chỉ sống ở nơi núi non hiểm trở, mà đều lấy được không có trở ngại gì.

Ở đời Trần, Tiên Sư Trí giả có bảo rằng: "Khuyên hóa trăm họ từ các bãi nhỏ ở núi Thiên Thai cho đến ven biển nơi nào có sông khe đều xả thí làm ao hồ phóng sinh, dứt hẳn việc vớt bắt các loài thủy tộc." Trong đời Tùy cũng vậy, mọi sự đều qua sắc chiếu. Từ khi nhà Tùy mất đi, trong trăm họ sau nầy, mọi người tạo nhiều điều ác, đua nhau đóng đặt đăng nơm đầy khắp sông khe, các loài thủy tộc bị thương hại yểu tử, không nơi mách bảo, bèn cùng nhau đảnh lễ Thiền sư. Sư đến nơi khám thờ Tiên sư, đốt hương chú nguyện. Đang khi đó có một ngư nhân thấy một vị tăng đứng trên chiếc đăng, ý cho là sẽ bị rơi xuống nước, bèn đem thuyền muốn đến cứu, nhưng khi đến nơi thì không thấy gì cả. Nhân đó, trong các đăng nơm đều không có được cá. Mọi người cùng nhau bỏ ác làm lành, bèn dứt bỏ việc vớt bắt các loài thủy tộc.

Bấy giờ, có Sa-môn Pháp Vân muốn đến đảnh núi Hương Lô để tu hạnh Đầu-đà. Sư can ngăn rằng: "Thần ở núi ấy cứng rắn, đạo lực của ông vẫn còn yếu ớt, nếu đến đó sẽ không được an, nên thận trọng chớ đến ". Ngài Pháp Vân không nghe lời chỉ bảo, bèn đến núi đó, chưa đầy hai đêm, thần đã hiện hình xua đuổi ngài (Pháp Vân) trở về. Ngài

Pháp Vân tự tỏ bày việc ấy, mới nhớ lại lời chỉ bảo trước kia, nên rất sinh tâm kính ngưỡng Sư.

Sư có đệ tử là Sa-môn Đạo Hằng, đang tụng kinh tại phòng, tự nhiên, Sư đến gọi mà bảo rằng: "Chiều nay sẽ có vị tăng đến đây!" Nói xong, bèn nhìn xuống dưới cửa, liền thấy có một vị tăng thuần mặc áo nạp, trên tay cầm tích trượng, ôm bình bát, hình dáng tuấn tú khác với người thường, từ ngoài đi vào, cách độ vài mươi bước. Mới vào đường phía Đông liền biến mất, chỉ trong chốc lát liền nghe ở Đông sơn có tiếng chuông đồng lớn vang động cả núi hang. Sư liền bảo: "Ôi, gọi ta". Chưa được mấy ngày sau, Sư bảo với đệ tử rằng: "Mạng ta không bao lâu nữa, hãy nấu nước thơm!" Sư tắm gội vừa xong, từ trong núi có các loài chim thú hình dáng mầu sắc kỳ lạ, bình thường chẳng thấy, đều nhóm họp bên cạnh phòng Sư bay nhảy giữa hư không kêu tiếng buồn thương thảm thiết, qua ngày hôm sau mới tan.

Đến đêm mười bảy tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già, tay cầm xâu chuỗi như ý mà nói Pháp, Văn từ nghĩa lý sâu xa. Giảng xong, Sư bảo đệ tử rằng: "Tôi với các ông vội vàng gặp nhau, nay sắp vĩnh biệt, sự hội ngội không hẹn!" Nói xong, Sư im lặng giây lâu. Các đệ tử òa khóc, Sư bèn mở mắt răn bảo rằng: "Người sinh phải có chết, vật có thỉ phải có chung. Tướng thế gian là như vậy. sao lại buồn thảm như thế? Nay chớ làm náo loạn ta!" Sư lại bảo: "Ta hành Thiền đến nay đã bốn mươi chín năm, lưng chẳng dính giường chỏng. Ta không cô phụ ân của tín thí, không cô phụ hương hỏa. Các ông muốn được gặp ta thì nên tự siêng năng hành trì đạo lực, chớ cậy nơi người"! Các đệ tử nhân đó hỏi rằng: "Chẳng hay Hòa-thượng sẽ sinh về cõi nào?" Sư đáp: "Như chỗ ta thấy trong mộng thì quả báo sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất, cung điện mầu xanh ở phía Tây Bắc của cõi trời ấy, thấy Đại sư Trí giả xung quanh có các vị trời đều ngồi trên tòa báu, chỉ có một tòa trống ta hỏi về lý do, thì được trả lời là Đại sư Quán Đảnh sau sáu năm nữa sẽ sinh lên đó nói pháp."

Qua sáng sớm ngày mười tám, Sư bảo các đệ tử rằng: "Các ông đều phải sớm lo các thứ trai thực, mạng tôi chỉ trong khoảnh khắc!" Ngày đó, có người trong xóm lên núi thăm bệnh Sư. Sau khi ăn xong, xin từ giã trở về. Sư lại bảo: "Đã khổ nhọc từ xa đến, hãy nán ở lại trong thời gian ngắn, đợi bần đạo đi trước." người ấy không hiểu ý, một mực từ giã không ở lại. Đang lúc đó cảnh trời trong sáng, không một áng mây che, Sư bảo người ấy rằng: "Đã không ở lại thì nên đi mau, vì trời sắp mưa!" Người ấy vừa đi trong thời gian ngắn thì trời mưa như trút.

Đến giờ ngọ ngày mười tám tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Sư ngồi kiết già ngay thẳng trang nghiêm, hơi thở nhẹ dần, như nhập thiền định, nhân đó không còn trở lại. Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Bấy giờ, giữa hư không có tiếng đàn sáo, cả Đại chúng đều nghe, giây lâu mới im bặt. Để yên nhục thân Sư như thế, qua ngày hôm sau mới tôn trí vào khám đá, nhan sắc Sư vẫn sáng đẹp, tay chân mềm mại chẳng khác lúc còn sống. Bèn an táng phần khám Sư ở phía trước khám của Tiên sư Trí Giả cách vài trăm bước.

8- Truyện ngài Thích Trí Mãn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu:

Thích Trí Mãn, họ Giả, người ở xứ Thái Nguyên. Sư lập ý không bình thường, chẳng đồng như các trẻ nhỏ khác. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, theo thầy tu tập. Các Pháp sư thọ nhận đều đúng như lời dạy. Năm hai mươi tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc. Luật nghi thành khuôn phép nhờ dạy răn càng mở rộng. Sư lại nghe giảng các Kinh Niết-bàn, v.v... và đều thấu rõ được đại ý yếu chỉ. Danh giáo lược tròn đủ, vị tĩnh lắng tròn nghiệp.

Sư bèn đến núi Thạch Mặc ở Thượng Đãng, nhóm chúng hành đạo. Môn đồ trang nghiêm hòa mục, các hàng tăng tục đều quy y, lễ cúng tấp nập dâng đến, nhóm chứa nhưng lại hay tan. Bấy giờ là đầu đời Tùy (581) mở mang Đại Pháp, Sư mở mang khắp nước, hoằng hóa dẫn dắt rất rộng. Nên khiến cho những người nghe được đạo phong đều mang tráp đua nhau kéo đến, chúng lẫn lộn cả tinh thô, bấy giờ gồm cả lâu mau. Ban đầu, Sư thiết lập ra khoa nghi, lễ sám dùng để nhiếp tình thường, sau bèn tùy sự ưa thích mà lắng tĩnh, tư duy ngồi yên. Đích thân Sư chăm lo các pháp, gần gũi tham dự mọi việc của chúng tăng. Hình nghi Sư khuôn phép cao nhã, oai nghi mạnh mẽ trang nghiêm, mày mắt rất sáng, đen bạc xen nhau. Có người tham bái, không ai chẳng kinh thần khắp mình nổi ốc. Và đều kính mong Sư làm giới sư truyền giới bồ-tát. Nhưng Sư chẳng hề coi trọng thân danh, không xem thường Chánh Pháp. Tuy mọi người có duyên tha thiết cầu thỉnh nhưng Sư chưa trao truyền ngay, mà gần gũi làm yết thành Phương đẳng. Hành đạo cốt yếu là lấy được minh chứng, mộng thấy Phật xoa đảnh, nói pháp cho nghe, rõ ràng như tướng kinh Sư mới truyền Pháp. Nên các hàng đạo tục suy nghĩ về giới cùng nhau tìm đến không ngớt. Nhưng Sư chuyên ý về Tĩnh quán, nhàm chán sự ồn náo, bèn dời đến trụ tại tinh xá Lưu Tuyền ở

phía Nam của Đông sơn, thuộc Lê Thành. Song các hàng hiền sĩ tức tâm lại nhóm họp như rừng. Thiền quán kiêm tu, chỉ quán đều xả, chí hoằng kinh xa, tùy việc hoặc trái.

Sư lại đến sông Nhạn Môn, nương tựa Thiền sư Toản, duyên theo niệm tuệ. Thiền sư Toản là bậc Tảo cảnh trong tăng, là Nghi Vũ chốn Định Thất, lời nói và việc làm trong sáng, đầy đủ như ở Biệt Truyện. Sư than được gặp sau, nhưng tỏ bày vuimừng nương cậy có thừa. Sư theo Thiền sư Toản vân du qua các Tông tập, Sư lại nương tựa trụ chùa Khai Hóa, buộc tư lự tu tâm. Không bao lâu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 thời nhà Tùy) thỉnh Thiền sư Toản về kinh đô. Định môn tại đó bị tan rã, chúng bạn trái sự chỉ bày. Sư bèn chọn lựa hơn năm mươi vị có cùng chí hướng, theo phía Tây vào đất Lam Châu, an ẩn trong núi, tiếp tục Đạo Nghiệp như trước, rất cảm đến người học. Mãi đến cuối đời Tùy (618) Đạo Pháp tiêu tan, bọn trộm cướp dấy khởi như ong, dân chúng ở khắp đầy trong các hang hóc, mà chúng của Sư vẫn an nhiên không giải tán, đó cũng do Đạo cảm mà nên!

Đến thời Tiền Đường, dựng lập nghĩa (618) bốn chúng đua nhau quy hướng. Sư bèn đốc suốt đồng bạn vào thành đến với dân chúng mà mở Đạo. Ban đầu, Sư trụ chùa Chân Trí ở Tấn Dương. Vì tiếng tăm Sư hoằng hóa rộng khắp nên mọi người quy tông như chợ. Võ Hoàng riêng ban sắc, dẫn nhọc khiến đình chỉ, hứa mời đến ở trong nhà ông, cung cấp mọi thứ cần dùng, đều xuất từ Nghĩa Phủ. Võ Hoàng đích thân đến lễ hỏi, trông thấy Sư mà khiếp sợ, xoay lại bảo với Bùi Tịch rằng: “Riêng thấy Thiền sư ấy (Trí Mãn) mà khắp mình nổi ốc là vì sao?” Bùi Tịch đáp rằng: “Không chấp tướng gì khác, nên được thần Giới che chở!” Sau đó, ngày khác Võ Hoàng lại đến hầu thăm và thưa rằng: “Đệ tử cứu giúp muôn người, nay mở mang đại nghĩa xin Sư qua lại không chướng ngại. Sẽ vì Sư mà xây chùa!” Khi đã đến Kinh liễn, trong nước tạm thái bình, niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) bèn ban sắc sửa nhà Sư đang ở thành chùa Nghĩa Hưng. Bốn việc cần dùng cúng dường đều lưu xuất từ của Quốc gia.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, vì đức hạnh Sư đáng làm cho muôn vật quy hướng, đạo phong vang xa, Vua Văn Đế muốn Sư đến ở chốn Kinh thất, bèn ban chiếu mời. Lại vì lúc đó, tại phương Bắc đang gặp rợ phiên, phía Nam đang bị xâm lấn nên trăm họ tâm tình còn kinh hãi. Vì vậy, Đô Đốc Hoằng Nông Công Lưu Nhượng, tấu trình lưu giữ Sư ở lại để trấn an tâm của quần chúng. Vua lại ban sắc đồng ý để được an cả từ triều đình đến thôn dã. Đến niên hiệu Võ

Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, giống rợ hiểm duẫn rất hăng hái dùng xe chuyển tải binh khí trang bị, ở tại Mã ấp có vị sa-môn tâm tình hùng dũng quả cảm, thường nêu giường sáng, mọi việc đều nương nhờ Sư. Nhân đó mà từ Thái Nguyên tiếp liền với Võ Hương, là nơi nhóm họp binh khí. Vua Văn Đế bèn ban sắc chọn lựa hơn hai ngàn vị tăng sung vào binh quân của hai Phủ. Đến nơi lại ban sắc rằng: "Chỉ có chùa của Đại sư Trí Mãn hạnh nghiệp thanh tịnh cao sáng có thể khỏi theo lệ chọn lựa. Do đó lưu lại cảnh hạnh, tỏa sáng khắp xa gần!" Nên ngoài những người đã bị sa thải thì ai thấy Sư được sự tốt lành vui mừng, đều cùng ngợi khen. Hoặc có người bái phục giới hạnh khuôn phép. Hoặc có người nương tựa tiếp thừa tu tập mà ở, Tăng chúng thường luôn có hơn hai trăm vị, mà Sư vẫn giữ đạo nghiệp, thường không biếng trễ, tinh tấn giũa mài rất mực thành thực. Bấy giờ, hoặc có người lười biếng học hành, Sư tự thân đến gọi riêng mà dạy răn, an ủi theo Thánh lượng dắt dẫn phàm tâm. Mọi người đang tham dự tại đó không ai chẳng rơi nước mắt, mà cúi mình, nghẹn than giây lâu, đó là do tiếp thừa hành Pháp. Hạnh Sư đã cảm phát trước người, nên có được duyên giáo hóa, chẳng vọng mở mang.

Đến tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, vì động tán, nên Sư cảm thấy không được khỏe khoắn, bèn ngầm thấm như ống tro, bổn tánh Sư không nhiễu động. Các môn nhân đồng nhóm họp. Sư dặn dò dạy răn khuyên gắng. Có Sa-môn Đạo Xước là người sớm có thệ nguyện rộng lớn, là bạn nhưng rất kính trọng Sư, nhân đó khuyên Sư rằng: "Pháp có Sinh diệt, Đạo ở nơi cơ duyên, quán tướng dễ vào cửa ấy, nhưng dẫm qua Không, rất hạn cuộc giai vị ấy. Xin tùy theo nói pháp gì mà có hy vọng tấn đạo!" Sư bèn trợn mắt cau mày bảo rằng: "Nhiều năm thật nghiệp mong mở mang hành trì như thế, Duyên rỗng vô tướng có thể duyên. Dẫn thật đâu có chỗ dẫn? Đâu thể vì yếu Pháp trong một thời gian mà nhiều đời bị vùi lấp ư? Mong sớm từ giã, chớ dấy vọng thức theo trần!" Ngài Đạo Xước lui về. Sư kiên cố giữ gìn khéo léo là như thế. Thế rồi hơi thở dần dần suy yếu, nhưng chí lực Sư còn khoẻ mạnh. Thị giả vây quanh săn sóc đầy phòng thất. Sư ngồi an nhiên đưa mắt từ từ nhìn học chúng, lúc dần nhìn đến chúng tôi (Đạo Hằng) bỗng chốc Sư thị tịch, Sư thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng chín tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường.

Trước đêm, Sư thị tịch, quả đất rung chuyển, cây trong vườn chùa gãy đổ cành nhánh. Cả chúng đều thương kính, tướng buồn đau hiện ra.

Núi Thái ấy sụp đổ ư? Người của Pháp mất đi, liền loại như thế, cả xóm ấp đều chua cay thảm thiết, như có tang trong tâm họ. Đến ngày mười hai tháng đó trở lại an táng trong hang Đồng tử ởLong Sơn. Và xây dựng tháp lập bia để tán dương đức hạnh của Sư.

Từ khi Sư xả tục theo Đạo, hơn sáu mươi năm, tự trong sạch thân tâm mình như băng sương, mặc y áo thô xấu, tiết chế ăn uống, chỉ để ngăn trừ đói lạnh mà thôi. Sư từng dứt bặt gạo thóc để ngăn tham nhiễm, mắt chẳng nhìn tà vạy, không nói lời rào đón, người nữ sắc đẹp với Sư không hề đối diện ngắm nhìn. Với người tuổi trẻ Sư chẳng cho ở lại qua đêm trong phòng, phải là người đã thọ giới cụ túc nhiều hạ Sư mới bảo gần gũi hầu hạ. Sư ước định thời khắc đến với chúng tăng, dùng hạnh khoa để răn dạy, ngoài ra thì ở riêng chỗ vắng phòng nhỏ, sáng sớm mới ra. Trong phòng Sư chỉ có một giường chõng, bình bát móc treo trên vách tường, và thêm tọa cụ tùy đạo, ngoài ra không có một vật gì. Đến nỗi khiến cho người nào trông thấy đều sợ hãi biến sắc, bất chợt phát sinh kính ngưỡng. Sư lại riêng thiên trọng việc cúng dường chúng tăng, siêng năng đối với cơ nghiệp, lòng từ cứu giúp kẻ nghèo khổ, có đủ các thứ thuốc thang, vội vàng lo lắng, để vì lợi vật!.

9- Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở kinh đô:

Thích Tăng Ung, họ Quách, người ở xứ Giới Hưu thuộc Thái Nguyên. Ông nội Sư tên là Hiến, làm Thứ Sử Kinh Châu, cha của Sư tên là Thiều, làm Thái Thú Bác Lăng. Sư thần thức trầm tĩnh, thầm phù hợp với Thượng Đức. Nhiều đời truyền Nho nghiệp, xỉ trụ thượng tường.

Năm mười ba tuổi, Sư từ giã cha mẹ nhập Đạo đến trụ chùa Vân Môn ở Nghiệp Tây, nương tựa Sa-môn Tăng Điều mà xuất gia, ngài Tăng Điều là bậc giới hạnh khác lạ, thiền tuệ thông linh, trao cho Sư pháp thiền. Chỉ mới có vài ngày mà Ngài Tăng Điếu vỗ vai Sư nói với các môn nhân rằng: năm dừng bốn niệm (Ngũ Đình Tâm Quán, Tứ niệm xứ Quán?) sẽ cùng tận ở đời nay!" Sư bèn đến núi Lâm Lự, nương gá cửa định, vượt khỏi tâm chấp. Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu, thiêu đốt phá hủy hết Phật tượng kinh pháp, Sư lại vào núi Bạch Lộc ở dưới rừng sâu, dứt lánh xa thời loạn, ăn lá thông củ truật. Ba buồn tất dứt bặt, trăm thứ cỏ thành khóm, các loài hươu nai nằm phục ở trước, chim rừng nhóm họp nơi tay, ban đầu lấy làm lạ, sau Sư lại dùng Phạm âm bày lễ, đốt hương tán tụng, liền có chim thú kỳ lạ nhóm họp ở sân nhà, tỏ vẻ như kính mến, lắng tâm nghe nhận lời Pháp. Nếu chẳng do hạnh cảm thì làm sao có được như thế! Từ đó, thường

giáng u linh, lời tốt đẹp cũng khó ghi chép hết.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, mở mang Phật giáo, tiếp nối hưng thạnh Huyền tông, lại liên tiếp vẻ vang khắp nơi. Có Thiền sư Tín Hạnh ở Ngụy Châu rất thông hiểu Phật pháp, là người khác đời, dùng Đạo để ẩn cư, thực hành nghiệp của đương căn, biết Sư là người lánh đời ở ẩn nơi rừng sâu, bèn sai người đến bảo rằng: "Người tu đạo lập hạnh, nên lấy việc tế độ làm đầu, nếu chỉ cầu cái tốt, cái hay cho riêng mình, thì chẳng phải điều nên làm. Nên dốc tận sức lực mở mang lợi ích, soi sáng chỉ bày cho các hàng thế tục!" Sư bèn ra khỏi núi gặp ngài Tín hạnh, đồng tu chánh tiết.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, ngài Tín Hạnh được mời vào kinh đô, bèn cùng Sư đồng đến dừng ở Đế thành, các hàng Đạo tục không ai chẳng vâng theo. Đến lúc ngài Tín Hạnh thị tịch, Sư lại phải lãnh đạo tất cả đồ chúng. Sư rất có công phu của người đảm nhậm Trụ Trì. Đến ngày mười lăm tháng mười một niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng viện ở chùa Hóa Độ, thọ tám mươi chín tuổi. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) rất tôn kính tình sâu, ban tặng tơ lụa, vì đó mà tu tạo phước lành để hồi hướng công đức. Qua ngày hai mươi hai tháng đó đón rước linh Phách đến núi Chung Nam, vâng theo di Lệnh của Sư, môn đồ cử hành lễ trà-tỳ, thâu gom xá-lợi, xây tháp thờ bên phía trái tháp ngài Tín Hạnh.

Sư có đạo phong khuôn phép chân chánh, hạnh nghiệp tinh nghiêm, nhún nhường hạ mình, hiểu rõ Đạo, che dấu công nhận, đến lúc gá chất rừng lạnh, buồn vì ràng buộc nơi triều đình thôn dã, đều vì chết thân diệt danh, ở đời chỉ có Sư mà thôi! Dám dựng lập huyền thạch để tỏ bày lệnh Phạm, do Tả Thứ Tử Lý Bách Dược soạn Văn, Suất Canh lệnh Âu Dương Tuân viết chữ, Văn bút mới đẹp, thêm nhiều truyện Bổn, nên nhiều người ca tụng khắp cả ngoài đồng quê.

10- Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai:

Thích Quán Đảnh, tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở xứ Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Đời ông nội Sư lánh đến đất Đông Âu, nhân đó chẳng trở về, nay làm ngườixứ Chương An của Lâm Hải. Cha của Sư qua đời rất sớm, chỉ mình mẹ nuôi dưỡng Sư. Vừa mới sinh được ba tháng, Sư còn là hài nhi mà muốn xưng danh, nghĩ xét vật loại, chẳng biết y cứ vào đâu, thường đêm, mẹ xưng niệm danh hiệu Phật Pháp Tăng, Sư bèn miệng niệm, lời câu trong trẻo rõ ràng, bà lấy làm kinh

lạ, mẫu ngài báo với Pháp Sư Tuệ Chương ở chùa Nhiếp Tĩnh. Ngài Tuệ Chương nghe bèn khen ngợi rằng: "Đứa con này chẳng phải tầm thường!" Và liền đặt tên tự cho Sư là phi phàm.

Năm bảy tuổi, Sư trở lại làm đệ tử Ngài Tuệ Chửng, hằng ngày dâng đưa Văn Từ, Huyền Nho đều giỏi, tài năng trong sáng, liền nổi tiếng ở đương thời. Năm hai mươi tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, vâng giữ luật nghi. Bình Đức bát dầu càng là chỗ lưu tâm. Đến lúc ngài Tuệ Chửng thị tịch thì Sư mới chuyển đến tắm gội Pháp ở Thiên Thai, tiếp thừa thực hành giềng mối Định học không thiếu sót đầu mối.

Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư theo Thiền Chủ Trí Khải đến trụ chùa Quang Trạch, nghiên cứu bày giải quán môn, và được ấn khả. Đến lúc nhà Trần sụp đổ (589) Sư lại theo ngài Trí Khải đi ngược lên đầu dòng sông, các chốn Danh Sơn thắng địa, thảy đều có ghé thăm dừng nghỉ. Tam cung Lô Phụ, cửu Hướng Hành Phong, không nơi nào Sư chẳng đến nương tựa, thưa hỏi những bậc ẩn dật còn lại. Sau, Sư đến trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, truyền pháp chuyển hóa, dạy bày cho khắp tây sở.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương trấn nhậm tại Dương Châu, Sư theo ngài Trí giả đến dừng ở Hàn Câu, trụ chùa Thiền Chúng, làm vị tướng đối với Pháp, thường ngày thưa hỏi chỗ sâu kín. Không bao lân Sư theo ngài Trí giả trở lại hướng Đông đến ở Thai nhạc. Về sau, Sư đến trụ Tinh xá Xứng Tâm, giảng Kinh Pháp Hoa, đạp sáng nền lồng, vượt đến ấn mây. Bèn nhóm họp mọi người, mọi người đua nhau mang tráp tìm đến. Có Pháp sư Cát Tạng nhập thất ở chùa Hưng Hoàng, kết tụ trường giảng Pháp tại chùa Gia Tường, riêng nổi tiếng khắp vùng Triết Đông, nghe tại Tinh xá xứng tâm mở Đạo tốt đẹp, trong ý vẫn chưa chấp thuận. Bèn cầu mượn nghĩa ký tìm xem cạn sâu, mới biết là thể giải tâm say, có chỗ nương theo, bèn bỏ giảng tan chúng, đi về Thiên Thai, bẩm thọ Pháp Hoa, phát thệ nguyện mở mang giảng nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, ngài Trí Giả thị hiện bị bệnh, Sư bèn chăm sóc hầu hạ sớm tối, mọi sự khó nhọc đều hết lòng. Và khi ngài Trí Giả thị tịch thì Sư ở bên cạnh tiếp thừa Di chỉ, bèn dâng tâm thư để lại và các tín vật, buồn khóc qùy trao. Tấn Vương năm vóc gieo sát đất, buồn thương rơi lệ đảnh lễ thọ nhận. Sử vâng theo lễ khách, tình thuần gần gũi Pháp. Sau đó sai Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương Hoằng đưa Sư về lại núi, thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng, xây dựng chùa Quốc Thanh, tức là nơi có

dấu tích của các ngài Đàm Quang, Đạo Du đời Tấn. Chùa Phật lũng ở ngọn núi phía trước đề hiệu là Tu Thiền. Trước kia dưới đời Trần, ngài Trí Giả mới đến phía Nam của Phật Lủng cách chừng mười dặm, đất ở đó gọi là Đan Khâu, Sư kinh hành ngay thẳng, trông nhìn hiển bày xa rộng, nêu nền khắc cây, muốn dựng lập đạo tràng, nhưng chưa toại tâm mong muốn, vì thế di chúc ở tại đó! Thợ của Vương Tấn vào hang liền lo việc tu tạo xây dựng mới đặt nghiệt kéo dây, mỗi mỗi đều vâng theo ý chỉ xưa trước.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Tấn Vương vào nối tiếp, theo hướng Đồng đi tuần về bổn quốc. Muôn dặm đường sông, người ở quê đều vui mừng. Sư nhờ đàn việt lên địa vị, chùa viện mới hoàn thành, nên ra núi tham dự chúc mừng, bèn được dẫn đi xem, an ủi hỏi han nhiều lớp, đối đáp như tiếng vang, lời đều có chỗ đặt để. Thần chủ vẻ vang khen ngợi. Lại sai viên ngoại Tán Kỵ Thị Lang Trương Càn oai nghinh đưa Sư về lại chùa núi, ban thí ba ngàn vật, ba ngàn xấp đệm giạ, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng, tu tạo lại chùa miếu đài điện, nên trang sức xanh đỏ loạn phát sớm mai, đảnh núi của thông trúc ngầm đồng tợ gấm phủ. Đó thật là sự hùng vĩ của biển Tây, xa phù hợp với lời của ngài Trí Giả, đầy đủ như trong biệt truyện về Sư.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Tấn Vương lại ban lệnh thỉnh Sư rằng: ”Đầu hạ nóng bức, Đạo thể dừng nghỉ, thuyền duyệt nuôi dưỡng tinh thần, nên được tốt đẹp đến cùng. Gần đây tại đạo tràng Tuệ Nhật, hai Pháp sư Trang và Luận giảng Kinh Tịnh Danh, toàn dùng nghĩa sớ của Đại Sư Trí Giả Phán Thích Kinh Văn. Thiền sư (Quán Đảnh) đã là đệ tử tài giỏi của Đại sư, tất cả pháp môn đều phó thác cậy nhờ. Nay sai người đến thỉnh, hẳn là mong cầu như mưa trút đổ. Đồng thời Pháp Hoa kinh sớ, tùy bảo người sứ vào kinh đô! Kính trông đợi lai nghi, thư viết không thể hết ý”. Sư bèn đắp, y cầm tích trượng, cao bước vào cung, suốt ba tháng hạ mở mang giáo hóa, xứng hợp tâm Tấn Vương, mừng vui cung kính. Thường đến chỗ khế hợp sâu xa, không ai chẳng tỏ bày cầu thỉnh. Và Sư tùy chỗ hỏi mà tiếp đối, bao gồm tất cả Huyền tịch. Sau, Tấn Vương sai đưa thư đón rước Sư trở về, cúng dường cấp tặng mọi vật gấp bội.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Tấn Vương coi sóc binh lính ở Trác dã, thân gần bao gồm nguyên nhung, sắp muốn quẩy động gồm cả Đông di để làm trong sáng Văn quỹ. Nhân đó hỏi mọi người chung quanh tiếp nối đầy đủ Hiên Hoàng, trước là sức mạnh chém giết hung bạo của Phản Tuyền, sau là ngợi khen hỏi Đạo của Đồng Sơn.

Nhớ nghĩ đến Đại sư Trí Giả, cảm mến nhíu mày, liền ban sắc thỉnh từ xa đến chỗ hành. Sư dẫn thấy trời ngăn, bắt đầu lấy sự vui mừng của Đồng học. Lại sai Thị Lang. Ngô Mân đón rước Sư về lại chùa núi. Từ đó về sau, Vương nhân nối nhau đến phòng Sư không tháng nào trống. Sư có tâm ở chốn gò hang, dứt vết hệ lụy trong đời. Định tuệ gồm tu, nói nín đều là giáo hóa. Có các bậc Danh Tăng Đại đức ở gần thànhcho đến phương xa, mong được trông thấy ba Quán mười Như, cho đến Tâm, trần sứ tánh, đồng thời cúi đầu bái lạy, gieo thân thỉnh cầu Thiên Cổ. Sư đều sơ khơi tình tánh, tắm gội cõi lòng. Ba nghiệp thường thêm lớn, Phước trí không cùng tận.

Bỗng đến ngày mồng bảy tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng viện ở chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi hai tuổi. Mới đầu thị hiện bệnh nhẹ, không lo liệu thuốc thang chữa trị, trong phòng có mùi thơm lạ. Đến lúc sắp tịch, Sư bảo thị giả rằng: "Trong Kinh Di-lặc nói ngày Đức Phật nhập Niết-bàn, khỏi hương tỏa bủa như mây. Nay ông nên đốt nhiều hương, Ta sắp đi đây!" Nhân đó, Sư tỏ bày dạy răn, văn từ nghĩa lý khéo léo tha thiết. Môn nhân chúng tăng chiêm ngưỡng rơi lệ. Bỗng nhiên Sư tự ngồi dậy chắp tay như có sự kính ngưỡng, mở lời ba lần xưng niệm "A-di-đà Phật", rồi hạ thân mình xuống nằm, duỗi tay đặt nơi tim, sắc mặt vui vẻ, an nhiên thị tịch. Khắp cả thân mình mềm mại, trên đảnh đầu ấm nóng đến qua hôm sau. Trước kia, có bạn đồng học là Sa-môn Trí Hy, là người được Đại sư Trí Giả đích thân tế độ, rất trong sáng nổi tiếng đã thị tịch vào niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, lúc sắp tịch ngài Trí Hy bảo rằng: "Tôi sinh lên cung trời Đâu-suất, thấy Tiên sư Trí Giả, và các tòa báu xếp hàng chung quanh đều có người ngồi, chỉ có một tòa trống, hỏi thì có người bảo sáu năm sau, Pháp Sư Quán Đảnh sẽ sinh lên đây nói Pháp." Nên Sư bảo đốt hương, nếu nghiệm xét ý chỉ tức là Đức Từ tôn đến đón rước. Tính về năm để luận về kỳ hạn, thì xét thấy ngài Trí Hy không nói xằng! Qua ngày mồng chín tháng tám, bèn an táng tại núi thuộc phía Nam của chùa. Mọi người xa gần đua nhau kéo đến khóc than rầm rỉ chấn động khắp cùng hang rừng.

Mới đầu, Sư giáo hóa trong huyên tục, thần dụng nhiều phương. Có người dân quê ở Pháp Long cách núi hơn ba mươi dặm, bị bệnh sắp chết, dùng mọi cách trị liệu đều không hết. Người con vội chạy vào núi cầu cứu Sư vì đọc tụng kinh Pháp Hoa, Đốt hương Chiên đàn, người bệnh tuy ở xa, vừa nghe mùi đàn hương thoảng vào mũi, liền thuyên giảm bình phục. Lại, tại ngọn núi phía nam An Lạc, vùng ấy tên là An

Châu, cây biếc khe xanh, dòng suối uốn quanh, mọi người qua lại không thông tiện, Sư lưu luyến muốn đến xem, xoay nhìn mà phát thệ nguyện rằng: “Nếu khiến đất ở đây dàn trải ra bằng phẳng thì sẽ đến đây giảng kinh”. Chưa đầy mười ngày mà cát trắng khắp ùn nổi lên bằng phẳng như kiếng ngọc. Sư vì sự cảm thông cùng hiển hiện, chẳng trái với nguyện trước, bèn đến đó giảng hai bộ Kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, để báo đáp linh ý.

Sư từng ở chùa Nhiếp Tĩnh tại Chương An giảng Kinh Niết-bàn, gặp phải bọn hải tặc lên bày trận, các hàng tăng tục kéo nhau bỏ chạy. Sư bèn đánh chuông nhóm đến giảng, sắc mặt không tỏ vẻ khiếp sợ. Bọn giặc cầm cờ hiệu, phướn lọng đến chùa, bỗng nhiên thấy binh lính cờ xí sáng rực cả ngày, nắm cung cầm kích, dài hơn cả trượng, hùng mạnh phấn phát. Bọn giặc trông thấy mà kinh sợ, đồng một lúc bỏ chạy tán loạn.

Sư lại từng ở tại Phật Lũng, nhân lúc rảnh việc giảng pháp, dẫn các học chúng chất đá làm tháp, cần có hai phiến riêng để làm cửa tháp. Có đệ tử của Sư là Sa-môn Đạo Quang, trước dùng xe chuyển vận một tảng đá, mọi người đều nghi là dày lớn, muốn tìm kiếm tảng đá khác, lại nhọc sức người. Sư cầm tích trượng, đưa lên đẩy, tảng đá được chuyển vận trước bỗng nhiên bị nứt ra thành hai tấm, độ dày bằng nhau, để đặt vào làm cửa tháp, rõ ràng như khế hợp từ trước, những điều linh ứng như thế thật có rất nhiều.

Sư thọ nghiệp ở Thiên Thai, lại bẩm đạo tại Hành Nhạc, hai ngài Tuệ Tư, Trí Khải là bậc Tông quy của cả ba đời, có một không hai. Hoặc là Quán chiếu, hoặc là giảng đạo, thường y cứ theo Kinh Pháp Hoa. Lại giảng các Kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh. Tịnh Danh, v.v... ngài Trí Khải có biện tài như mây bủa mưa tuôn, hoặc đồng như lưới trời chợt nghĩ đến châu Anh lạc. Có khả năng hành trì, khả năng nhận lãnh, chỉ có mình ngài (Quán Đảnh). Sư riêng ghi văn từ ý chỉ của ngài Trí Gỉa, và tự soạn thuật nghĩa ký, đồng thời soạn các đề mục của các Tạp Văn, tất cả đều được khắc ở dưới bia.

Đệ tử Sư là Sa-môn Quang Anh, là bậc hậu sinh trội vượt, tài giỏi về giáo nghĩa, cùng chúng tăng ở chùa Quốc Thanh đồng ghi lại hành trạng của Sư, dựng lập Văn bia ấy trước cửa chùa, do Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoằng Thiện ở Thường Châu soạn văn, ngôn từ rất bóng bẩy, sự tích Sư thấy trong biệt tập.

11- Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên

Thai:

Thích Trí Tảo, họ Trương, người xứ Thanh Hà. Dưới đời Tấn, Sư dời đến ngụ ở Lam Hải, ông nội Sư tên là Nguyên, làm Thương Bộ Thị Lang vào cuối đời Lương, đảm nhậm Lâm Hải Nội Sử. Cha của Sư tên là Hoài, làm Trung binh tướng quân ở đời Trần. Sư vào độ tuổi thọ học kinh, mở lời không vọng phát, đi không thẹn với người. Bà con khắp trong thôn xóm gần gũi đều rất mến kính.

Năm Sư mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời, Sư buồn thảm, tang phục mới xả, liền bị tật bệnh, trải qua nhiều năm tháng thuốc thang chữa trị đều không hiệu nghiệm, nhân trong đêm vắng, Sư cầm gậy kéo lê trong cơn bệnh ra đến giữa sân, nhìn lên ánh trăng mà nằm, nhất tâm chuyên niệm "Nguyệt Quang Bồ -tát", chỉ nguyện Bồ-tát vận tâm Đại Bi cứu khổ bệnh lâu ngày không khỏi của con. Sư buộc niệm như thế, mới qua tuần trăng. Vào một đêm, Sư mộng thấy có một người hình sắc khác thường từ phương Đông đi đến, bảo với Sư rằng: "Nay ta cố đến trị bệnh cho người!" Và liền đưa miệng đến nơi thân thể Sư, lần lượt hít hà, ba đêm như vậy, nhân đó mà bện Sư có phần thuyên giảm. Sư rất biết Tam Bảo là nơi mà mình nương tựa cầu cứu, bèn cầu lìa tục. Sư đến chỗ Pháp sư Tuệ Phùng ở chùa An Tĩnh xin làm đệ tử.

Xa nghe ngài Trí Giả là bậc khuôn phép Đạo hạnh vượt hẳn các vị khác, làm người dẫn đường tốt cho cuộc đời, Sư bèn theo thuyền trôi dạt, thẳng đến núi Thiên thai, hết lòng thọ Đạo. Ngài Trí Giả bảo Sư hành trì Pháp Hoa sám hối. Đến đầu đêm của bảy ngày thứ hai (Đêm thứ tám) khi lễ sám vừa xong, trở về lại giường thiền, Sư muốn ngồi yên, bỗng thấy chín con rồng từ đất vọt lên và bay thẳng lên hư không. Đến sáng hôm sau, Sư tự dò hỏi, có người đáp là: "Như thế tức là biểu thị cho chúng sinh trong chín đường nghe Kinh Pháp Hoa, ở đời tương lai sẽ phá được Vô Minh Địa, nhập vào pháp tánh không!".

Lại nữa, niên hiệu Chí Đức thứ tư (586) đời Trần, Vĩnh Dương Vương Bá Trí trấn nhậm tại Tiên Đô, thỉnh ngài Trí Giả đến chỗ đang trấn nhậm. Sư bèn theo thầy nhận thỉnh đến núi Cối kê. Sau khi mãn ba tháng, giã từ Vương Bá Trí, Sư đến trụ chùa Bảo Lâm, hành trì Pháp Hoa Tam-muội. Mới đầu hôm thứ nhất như có người đến lay động cánh cửa. Sư liền hỏi rằng: "Ông là ai mà trong đêm đến lay động cửa như vậy?" Liền có tiếng lớn trả lời rằng: "Ta đến coi sóc đèn đuốc!" Qua vài ba phen hỏi đáp như thế. Trong chùa đó có vị Đại đức tức Thiền sư Tuệ Thành trong đêm nghe rõ việc ấy, bảo với đệ tử rằng: "Trong phòng ấy từ trước đến nay có con ác quỷ to lớn, nay mới nghe được

tiếng ấy, hẳn là quỷ đến bắt người!” Đến lúc trời sắp sáng, ngài Tuệ Thành đến gõ cửa kêu gọi Sư, Sư chưa rỗi để đáp lại thì ngài Tuệ Thành liền đi nhiễu quanh phòng mà xướng rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Người ấy đã chết rồi!” Sư liền mở cửa hỏi ý muốn nói gì. Ngài Tuệ Thành đáp: “Ông còn đó ư? Hôm qua tôi nghĩ là quỷ đã hại ông nên than như thế.” Ngài Tuệ Thành báo việc ấy với Vương Bá Trí, Vương Bá Trí sai mấy mươi người cầm gậy đến che chở. Sư bảo với người đến che chở rằng: “Tánh mạng là do nghiệp, việc che chở ấy đâu thêm được gì? Xin các nhân giả cùng nhau trở về Thành báo với Vương Bá Trí như thế!” Sau khi các người muốn che chở đã đi. Đến đêm thứ hai, Quỷ vào trong phòng, đập vách tường, đánh cột trụ khắp đông tây. Trong phòng có sáu ngọn đèn, Sư tắt hết năm ngọn, chỉ để lại một ngọn, hành đạo ngồi thiền, thản nhiên tụng kinh, không tỏ vẻ khiếp sợ. Suốt trong hai mươi mốt ngày việc thường như thế. Khi hành pháp sắp xong, thấy có một đồng tử mặc áo xanh khen rằng “Lành thay!” nói xong liền biến mất. Tuy gặp hai duyên ấy nhưng tâm Sư không lộ vẻ vui buồn.

Lại nhân có duyên sự nên Sư đến Cối kê, đường đi từ huyện Diệm, Sư đi ngang qua thôn Hiếu Hạnh mà khất thực, chủ nhân lầm nấu quả Dâu có chất độc, thiết dâng cúng dường, ăn xong, Sư đi thẳng về đường trước. sau đó chủ nhân ăn dùng các thức ăn còn lại, mọi người đều bị ói mửa, v.v... có người ở bên cạnh thấy thế bèn mang thuốc đuổi tìm theo Sư, xa đến cả mười dặm mới kịp, thấy Sư vẫn thư thái bước đi không tật bệnh gì. Sư hỏi người ấy “Vì sao lại tìm theo tôi?” Người ấy kể lại sự việc trên. Sư cười mà đáp rằng: “Bần đạo không sao cả, hãy vất bỏ thuốc mà trở về, không cần phải đuổi theo tìm nữa!” Nghiệm lấy đó là do Đạo lực Sư huân tu nên chất độc không thể làm thương tổn.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) xa giá đến Giang Đô. Sư giữ lấy tăng mạng ra tham dự, yết kiến tại Nội Điện, Vua từ xa trông thấy Sư, bèn lánh chỗ, thỉnh Sư ngồi trước, thăm hỏi các thứ rồi sai Thông sự Xá Nhân Lô Chánh Phương đưa Sư về lại núi, Vì Đại Sư Trí Giả mà vua thiết trai cúng dường ngàn vị tăng. Độ bốn mươi chín người xuất gia, cúng dường chùa hai ngàn vật, ba ngàn thạch gạo và dầu thơm v.v... Lại xây dựng tường đất khắp bốn phía chung quanh chùa. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư lại đến Dương Châu tham kiến. Vua bèn sai cấp sự Thị Lang Hứa Thiện Tâm đưa Sư về lại núi. Lại vì Đại Sư Trí Giả, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng, độ một trăm người xuất gia, cúng dường chùa một ngàn vật, cúng dường trai tăng mỗi vị một xấp lụa. Đến

niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) Sư lại đến quận Trác tham dự. Vua nhọc tạ từ xa đến, nên cúng dường chùa năm trăm vật, sai năm mươi người cầm gậy phòng hộ tiễn đưa Sư về lại chùa núi. Sư tám lần qua lại tham kiến Thiên tử, đều được vui mừng, cúng dường cung cấp rất nồng hậu.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

12- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai:

Thích Phổ Minh, vốn tên là Pháp Kinh, họ Chu, người ở xứ Cối Kê. Từ thuở nhỏ chí khí tiết tháo Sư đã khác với mọi trẻ nhỏ bình thường, miệng Sư thường xưng niệm danh hiệu Phật, nhóm cát để làm việc phước, dùng các loại cây Hao Ngãi làm điện tháp, chẳng cùng kẻ tục cười đùa chơi giỡn, chỉ chuyên chí kính sùng pháp. Có vị Sa-môn đi khất thực, nhân đó khuyên Sư rằng: "Này chàng trai! Đã có thiện tánh, hãy đến núi Thiên Thai để xuất gia. Trong đó có vị Tứ Y Bồ -tát hiện đang giảng pháp."

Niên hiệu Thái Kiến thứ mười bốn (582) đời Trần, Sư bèn đạp núi vượt khe tìm đến Thiên Thai, gặp ngay Đại sư Trí Giả đang ngồi giảng pháp. Sau khi Ngài giảng xong, Sư liền đến đảnh lễ ngài Trí Giả nguyện xin Quy y trọn đời này được làm đệ tử. Ngài Trí Giả cười bảo: "Nhân nguyện lực xưa, nay được gặp nhau!" Sư bèn sớm tối nương tựa gần gũi hết lòng không biếng lười. Sư chuyên cầu Pháp thiền kiêm hành trì các Pháp sám Phương Đẳng, Ban-chu, Quán Âm, tụng một bộ Kinh Pháp Hoa. Niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (587) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) ban sắc đón rước ngài Trí Giả đến thành đô. Sư bèn theo đến trụ chùa Quang Trạch ở Kim Lăng. Chuyên lấy tư duy thiền quán, làm nghiệp chính. Mọi người trong giảng đường đều kính vâng theo sự xem xét của Sư.

Không bao lâu nhà Trần sụp đổ (589) ngài Trí Giả liền đến Giang Châu, trụ chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Sư đến trong nội các, nơi Thụy tượng của Đào Khản, hành trì Pháp sám Quán Âm, giữa mùa đông trong tháng mười một, mà thân Sư chẳng mặc bông tơ, khổ tiết hành đạo. Thấy một vị tăng bảo rằng: "Với tên gọi Pháp Kinh chưa phải là tên gọi tốt, hãy đổi lại là Phổ Minh, tên gọi này rõ sáng chiếu soi cả ba đời!" Sau khi lễ sám xong, Sư đến chỗ ngài Trí Giả kể lại việc đó. Ngài Trí Giả liền bảo: "Đó là do thần minh chỉ bày, nên liền đổi cũ theo mới!"

Sư lại theo ngài Trí Giả ra trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh châu. Sư từng ra bên cạnh suối luyện nhã chuyên tư duy. Ngài Trí Giả đi ngược lại đường lên núi Thiên Thai. Các hàng đạo tục ở Giang Lăng đua nhau cùng tu tạo. Đang lúc muốn đúc đồng, bỗng có một người mù đến nhìn. Sư xem xét cơ duyên, biết là không được tốt lành, quả nhiên khi phá khuôn thì quả chuông bị khuyết, bèn gấp bội công thợ để tu tạo. Sư ước định nói với trong chúng rằng: "Hễ những người các căn không đầy đủ, thì chớ đến xem chú đúc". Sau đó được thành tựu mỹ mãn, tiếng chuông ngân vang xa đến bảy mươi dặm. Chuông ấy nay hiện ở tại chùa Phật Lũng thượng.

Sau, Sư về lại chùa Quốc Thanh, chỗ phòng Sư ở cách nước cao xa, ở phía đầu phòng có một khoảng đất trống, thuần là đá cương. Sư bèn nghĩ rằng: "Nếu khiến đá ở đây có nước tuôn chảy thì có gì vui thích bằng". Sau đó vài ngày tự nhiên dòng suối trong đá tuôn chảy quanh khắp cùng các phía. Tinh xá Quốc Thanh là do Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy tạo xây dựng. Sư cho rằng giảng đường nhỏ hẹp, muốn phá hủy để xây dựng rộng lớn ra, cùng thương lượng với Thiền sư Quán Đảnh. Ngài Quán Đảnh khuyên chớ sửa đổi. Có Hoạt Châu Đô Đốc Châu Hiếu Tiết xa nghe việc ấy, liền cúng thí các cây trụ gỗ sam, bồng bềnh theo đường biển đưa đến. Ngài Quán Đảnh trông về phía Xích Thành, cảm thấy thân Sư cao lớn hơn mười trượng vượt khỏi trên rừng thông và có phụ theo chừng mấy mươi người, nên nói với Sư rằng: "Huynh chớ khổ rthiết can ngăn, sự ước nguyện chắc chắn sẽ thành tựu!" Ngài Quán Đảnh biết là thần dị, liền chắp tay đáp rằng: "Không dám can ngăn nữa! Mỗi mỗi đều y theo nhân giả!" Ngày dựng giảng đường, cảm động đến Sơn Vương. Từ sáng sớm trời đã vần vũ, tướng trạng như sấm động, cây nghiêng cành ngã rộng cả trăm bộ, từ Phật Lũng xuống thẳng đến chùa, mãi đến lúc chiều tối thì trở lại như cũ, âm thanh đá va chạm nhau soang soảng hình thế như mới đến.

Sư lại nguyện cùng các hàng đạo tục tu tạo một pho tượng Phật Lô-xá-na ngồi, thân cao trượng sáu bằng Đồng mạ vàng để phụng thờ tại chánh điện ấy. Khi đó có một người tự xưng là ở thôn Tào Khê đến, cúng thí mười một lượng vàng vào thân tượng, hỏi về họ tên thì không chịu nói, lễ bái xong bèn từ giã lui ra. Sau đến hỏi khắp thôn đó, không có một người nào biết. Lại nữa, tại phòng Sư, vị thị giả thường nghe trong phòng có tiếng như đông người nói chuyên, lén đến nhìn dò xét xem, thì chẳng hề thấy hình bóng nào riêng khác. Và những âm thanh nghe được đều là lời khuyên tu việc lành.

Thế rồi, hóa duyên đến lúc hoàn tất, thời gian thị tịch đã tới. Một buổi sáng nọ, Sư gọi các đệ tử đến bảo rằng: "Phàm thọ mạng con người không thể thường giữ mãi. Các ông nên biết như thế!" Sư tự cởi bỏ y phục mới sạch, mặc lại y phục cũ rách, kéo áo vừa xong, bèn an nhiên thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi. Qua hai đêm sau, trong bàn tay trái Sư co quắp lại ba ngón. Đang lúc ấy ở trong phòng có hai người Vinh Thái và Nan-đề là đệ tử của Sư đang cạo tóc tắm gội, thấy việc như thế, liền báo với chủ chùa là Sa-môn Tuệ Cương, cả chúng kinh hãi nhóm họp, trong tâm buồn thương gấp bội.

Tánh Sư chẳng hề chứa để của cải riêng tư. Các châu Chiết nam, các hàng nam nữ đạo tục quy hướng không biết số lượng là bao nhiêu. Các vật cúng thí Sư có được đều tùy duyên vui vẻ ban xả. Mỗi lúc tham kiến các Đế Vương nhà Tùy, Sư đều được mời ngồi, tặng một trăm hai mươi xấp lụa, Sư đều sung vào sáu vật, chẳng lưu giữ một thước tấc. Và đều tu tạo kinh tượng, có sắc ban cúng thí làm cơ nghiệp của chúng tăng, thấy trong sách sổ của Chùa (Tự Lục). Sư tu tạo tôn tượng bằng Đồng mạ vàng lớn nhỏ tất cả có đến mười tượng đều bằng người trung bình trở lên và ngài đều hồi hướng làm của tăng thí. Sư đọc kinh tạng được hai biến, ngoài ra biên chép kinh luận, chạm trổ họa vẽ điện đường, tu tạo các chùa viện, cạnh đó làm các lợi ích và các linh nghiệm, công đức phí dụng, vận tâm ứng niệm liền tự đưa đến để sung làm chi độ ấy. Không thể ghi đủ.

13- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức, ở núi Chung Nam:

Thích Trí Tạng, họ Ngụy, người ở huyện Trịnh thuộc Hoa Châu. Năm mười ba tuổi Sư xuất gia, kính thờ Pháp Sư Ái. Bấy giờ, đang là thời Tây Ngụy. Sư trụ chùa Trắc Hổ ở Trường An. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, Sư tạm ở trong thế tục, tàng ẩn ở chỗ những người có tín tâm. Tuy Vua cấm khắc nghiệt nhưng Sư chẳng sợ luật hình, vẫn cạo tóc, mặc Pháp Phục, chẳng biến đổi theo thế tục. Mãi đến đầu đời Tùy (581) là trải qua sáu năm, Sư ẩn tích trong nhân gian, chẳng khuyết sứt đạo cấm. Tự có đồng trần nhưng không phải đồng loại. Khi dời Đô Lang Thủ, Sư đến trụ chùa Đại Hưng Thiện.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Sư bói định ở gò phía Đông của hang Phong Cốc núi Chung Nam, lấy đó làm chỗ ở trọn đời, tức là chỗ đất trước kia Sư ẩn trầm. Núi sông giao gợn sáng ánh, xóm ấp trông vọng lẫn nhau. Tiếp nối các hàng tăng tục, ngày một lớn mạnh

khuôn phép giáo hóa. Sau, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) ban sắc cho Tả Vệ Đại Thừa Tướng Tấn Vương Quảng đến núi diện kiến. Sư bảo rằng: "Núi và đời là khác, đến Đạo chẳng khác. Bần Đạo ở núi, thường ngày gom chứa ý, không hề dời tưởng. Bệ hạ là Thể của Quốc Chủ, chẳng đoạt vật tình là chính!" Vương Quảng trở về tấu trình đầy đủ lại, vua kinh ngạc ngợi khen giây lâu, bèn sai Nội Sử Xá Nhân Ngô Thế Cơ tuyên sắc an ủi thăm hỏi. Và ban thí các vật, lò xông dầu thơm, ba pháp y, các vật dụng lặt vặt v.v... Bèn ban sắc đặt hiệu tại chỗ Sư ở là chùa Phong Đức. Mỗi năm đến ba tháng hạ, Sư rộn mở khai hóa dẫn dắt, luôn lấy Luận Đại Trí Độ làm lời trước tiên. Hễ chỗ nào Sư dẫm bước lên đều lý sự ngang nhau. Các hàng sĩ nữ trong kinh ấp theo nhau truyền bá, như mây tụ đầu núi, cùng nhóm họp nghe pháp yếu.

Mãi đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) đặt ra chức Tăng Quan. Mọi người cho là chỗ kết quy để chứa nhóm điều lành, nên tôn cử Sư giữ chức Viên Nội. Đạo mở mang, mọi vật tỏ ngộ, có hy vọng rất sâu. Tuy dự cùng Quan liêu mà thân chẳng bị ràng buộc ở thế tục. Bấy giờ lại tiếp nối trọn đời an ở tại chùa Phong Đức. Đến ngày mười lăm tháng bốn niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, chỉ thời gian ngắn thì thị tịch tại chùa, thọ tám mươi lăm tuổi.

Sư nhập Đạo từ tuổi học trò, tự kiểm thúc thân tâm, chẳng ưa xa xỉ, chẳng thích Vinh thái. Khi đang trụ chùa Đại Hưng Thiện, các quan cúng dường rất nhiều, mà Sư vẫn nguyện đi khất thực, trọn đời bảo toàn đức hạnh. Mặc dù đảm nhận mọi công việc của chúng tăng, giữa mùa hạ mưa nhiều hay mùa Đông băng giá, nhưng chí nguyện ấy Sư vẫn không dời đổi. Chẳng bao giờ ăn dùng vật của chúng tăng. Về già, Sư ở nơi khu mộ dưới rừng cây ở ngoại ô phía Tây, tu hạnh Đầu-đà tự tĩnh lắng. Vua Văn đế đi tuần du, gặp Sư mà hết sức ngợi khen. Vua cùng các Cung nhân v.v... mỗi người tự xả thí y phục đang mặc có hơn trăm bộ. Sư bảo người trong thôn đem xe đến chở để sung vào Chùa viện, nên khiến cho Phước điện đổi thay nổi bật trang nghiêm giữa rừng. Linh tháp gác ngang trên đỉnh núi, đẹp xinh nổi lên ngoài áng mây. Đến nỗi có người đứng ở ngoại ô kinh đô mà nhìn được truyền xa kính ngưỡng.

Lại nữa, tử khi mới thọ giới Cụ túc, Sư đắp mặc Pháp y bằng vãi bố thô xấu, vá chồng nhiều lớp dày, nặng đến bốn cân, suốt sáu mươi lăm mùa hạ Sư chẳng hề lìa xa. Những ngày Bố-tát đều tham dự đầy đủ không hề gởi dục. Sư thường ngồi ngày ăn một bữa, cho đến lúc thị tịch. Thân hình Sư cao đến tám thước hai phân. Dáng mặt khôi ngô, tướng

cao vợi như phong ngạc. Sư thường ở tại ngọn núi tròn ở phía Nam chùa hơn bốn mươi năm, mặt xoay vào hang sâu, mắt chăm nhìn đến tận khoảng trời mây, đường tắt dài bốn dặm quanh co khúc khuỷu tối tăm vướng vúi chẳng dễ leo lên, mà Sư tay cầm bình nước tắm, chân mang guốc gỗ, tới giờ ăn thì men sườn núi mà xuống, sau giờ ngọ lại trở lên, chưa bao giờ bị vấp ngã nghiêng té. Nhân đó mà nói thì Sư cũng là bậc cao sáng hùng ẩn. Sư tô đắp họa vẽ Tôn tượng cúng dường, đến nay vẫn hiện còn.

Sa-môn Tiểu Đàm trụ chùa Từ Môn ở kinh đô, kính trọng Bổn Nghiệp của Sư nên vì lập Bia ở phía bên phải cửa chùa, do Sa-môn Pháp Lâm ở Dĩnh Xuyên soạn văn.

14- Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu.

Thích Pháp Hỷ, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, được Thiền sư Hạo làm Bảo phó cho. Thiền sư là người đạo hạnh vốn ôn hòa, có tiếng vang trong các đồng Bạn. Sau đến trụ chùa Thiền định, trước đêm sắp thị tịch, Vách tường trước phòng đang ở tự nhiên sụp đổ phía ngoài. Thiền Sư Hạo bảo rằng: “Y báo đã trái nghịch. Tôi sắp lìa đời!” Sau đó ngồi thẳng nhắm mắt như có sở duyên, mà an nhiên thị tịch. Mới đầu không ai biết.

Từ khi Sư đến nương tựa cung kính phụng hầu trải qua nhiều năm, Thiền sư Hạo chuyên tu định nghiệp, lược qua việc dạy răn. Bèn dùng Quán lường biết người, xét về cơ độ của Sư thì mọi sự vượt trước thực hành, chẳng chỉnh túc mà thành, xét ngưỡng cảnh hạnh chỉ có đức là giúp. Tại chùa Thanh Khê ở Kinh Châu, chúng tăng có hơn bốn mươi vị, mà Sư là Sa-di nên gần gũi cúng phụng mọi thứ. Ban ngày thì lo việc củi lửa nấu thổi, đêm đến tụng tập kinh điển. Ở núi không có đèn đuốc, Sư bèn nhóm củi đốt để lấy ánh sáng, mỗi đêm tự giữ khóa lệ tụng thuộc một trang, như thế trải qua thời gian lâu, sở duyên được bén nhạy. Tuy học các kinh bộ loại nhưng Sư chỉ lấy Kinh Pháp Hoa làm chính, thường tranh thủ trong khoảng thời gian ăn xong đến khi ngủ Sư kiêm tụng một quyển. Ngoài ra thì chỉ lấy thiền nghiệp buộc niệm ở trước. Vừa có mờ tối trong tâm, thì liền ôn lại từ đầu.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) ban sắc mời Sư đến kinh đô, trụ chùa Đại Thiền Định, cúng lễ long trọng. Sư lấy sự kiệm hành làm đầu, tiếp giúp an ủi bạn đồng tu, khiêm nhường rỗng rang thành đức. Bèn có Xá-lợi

răng Phật là vật quý báu của làng vua. Đặt tên Đài báu, tôn trí ở nhà trên. Các vật quý báu đầy mắt, nhưng người không đức hạnh thì chẳng thấy. Đại chúng cho Sư là bậc giải hạnh ngầm thông, u vi thường giáng hiện, bèn giao phó Đạo tràng cho Sư đảm nhậm coi sóc. Ngài liền lập ra giềng mối, cúng dường ngày đêm tiếp thừa kính ngưỡng.

Sư lại vì thầy là Thiền sư Hạo lúc thị tịch ý muốn thầm gia bị linh sáng, nên Sư nguyện tụng ngàn biến Kinh Pháp Hoa. Nhân đó chẳng ở tại phòng cũ, chỉ thuần nhiễu quanh chùa tháp, với hai oai nghi Đi và ngồi, phát thệ thấu cùng Bổn nguyện, vừa đủ số tám trăm biến, sớm tối tinh tấn buộc tâm không tán loạn, Sư cảm thấy có sự chuyển đổi, vui vẻ khỏe mạnh. Chư tăng cả chùa cùng trông thấy có con trâu trắng buộc giá xe báu đi vào phòng Sư, bèn tìm đến xem, thì không hề thấy dấu vết. Mới biết là do cảm với u thông nên có toại ý giáo môn, nhưng Sư nhún nhường tự giữ, tu tạo như mới đầu.

Có những người bệnh khổ, không luận là khách mới cũ, Sư đều chu cấp thăm hỏi gần gũi chữa trị. Đến chỗ các thứ phẩn tiểu dơ bẩn, Sư đều dội rửa sạch sẽ. Cho nên cái khổ của tật bệnh là cái mà người đời đều xem thường, nhưng Sư đều không phân biệt dơ tiện, tâm tình càng vui mừng gấp bội, lấy làm việc thường của mình. Cho đến nếu có các hàng tăng tục ở khắp xa gần bị bệnh cùng đến, thì Sư đều vui vẻ an ủi tâm họ, để trọn báo loại ấy. Hoặc có người từ ngoài đến hỏi bệnh, Sư đều vì người bệnh mà trình bày sự khổ. Có người hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Người bệnh bị sự khổ não buộc ràng lại đến hỏi khiến cho tăng thêm mà thôi!”.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Hữu Bộc Xạ Tiêu chuộng phụng huy phong hoằng độ của Sư, bèn thỉnh Sư đến trụ ở đó. Bấy giờ là thời mở vận, nhưng vẫn còn đói kém. Những người kính mến Đạo nghĩa ở bốn phương lần lượt tìm đến cửa núi (chùa). Sư bèn giảm bớt tối đa mọi sự ăn mặc để sung vào việc giúp cho người thiếu thốn. Mọi người thọ nhận trở về sống và làm việc thường. Nên Sư là người được đại chúng tôn sùng. Hễ có người nghi ngờ thì Sư thường giải thích cho họ hiểu và hội thông được yếu chỉ nghĩa lý, hiển bày ở tâm thần. Nhưng Sư thực hành trầm lắng kín đáo, nên rốt cuộc khó ghi chép đầy đủ! Người viết truyện (Đạo Hằng) cùng ở chỗ mà đến cho nên thuật lại đại khái.

Sau, Sư bèn lui về tự tu dưỡng, ra khỏi chúng tăng đến gò phía Nam Ly Sơn, làng đó tên là Lô Lăng, tức là thành xưa chín thế kỷ, phía Bắc giáp với núi Lệ Đài, phía Nam đối diện với gò Hách Tư, liền khe

với rừng sâu, là nơi nhóm họp của các bậc tiên hiền. Sư bèn bói chọn nơi đó làm nhà ở, bèn có chí muốn trọn đời ở tại đó. Sư dốc chí giũa mài rèn luyện đệ tử, dẫn dụ chỉ dạy dân chúng ở núi, Phước đầu tội cuối, mười phần được tám, chín. Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, ban đêm đi được phân nửa, thấy có mấy ngọn đuốc lớn sáng từ phía Nam đi đến, hướng thẳng vào phòng nhà ở núi. Kẻ tăng người tục kinh hãi, lo sợ đó là bọn giặc cướp, bèn báo trình việc ấy với Sư. Sư bảo: "Điềm ứng ấy không có gì đáng lo, chỉ nên tự tu nghiệp." Đến lúc đến tìm xem, không ai biết được nguyên do. Tại chỗ Sư ở thường giáng hiện những điềm lành, đều đại loại như thế.

Đến mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường bắt đầu bị bệnh nhẹ, Sư tự biết mình không còn sống bao lâu nữa, có người gượng đem thuốc đến trị bệnh, Sư không hề chịu uống. Đến ngày mười hai tháng mười một, Sư mới bảo với môn nhân đệ tử rằng: "Vô thường đã đến, chớ bày việc rầm rĩ náo loạn, phải nên im lặng tĩnh lự, thấy tôi xả bỏ thần thức, chớ để cho người lạ liền vào trong phòng! Và luôn luôn xướng rằng "Ba cõi luống dối, chỉ là nhất Tâm!" "Đại chúng bỗng nghe từ phía bắc rừng có tiếng âm nhạc và xe chấn động. Nhân đó báo với Sư, Sư bảo: "Quả báo thế gian từ lâu đã xả bỏ, vì sao lại sinh về cõi vui thú, rốt cuộc là ràng buộc phiền lụy!" Sư bèn lại nhập định, chỉ phút chốc mọi âm thanh đều im bặt. Có mùi hương thơm xông khắp. Tới đầu canh năm, Sư an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi. Hình sắc Sư sáng sạch như thường trú trong định.

Mới đầu, vào những ngày bình thường, Sư đến khắp núi non hiểm trở, đến một chỗ Sư ngài thị tịch, tăng chúng trong chùa thấy nghi mạo Sư trang nghiêm vòi vọi, nên không nỡ làm theo lời Sư, bèn đục núi làm huyệt, muốn an táng trong đó. Một đêm, tuyết dữ bỗng nhiên phủ khắp dày hơn cả thước, phủ khắp chung quanh đến hai dặm, lấp bít đường núi. Mọi người bèn mở đường đón rước đi. Giữa đường ngài giáng thần vào một vị đệ tử và bảo: "Ta muốn để lộ bày thi thể ở ngoài núi hoang để bố thí chúng sinh, vì sao lại trái nghịch bổn chí của ta? Tuyết phủ kín lối hẹp, hãy nên dừng lại nghỉ đi." Đại chúng không theo lời Sư, bèn tôn trí vào trong hang, trải qua thời gian lâu mà vẫn sừng sững không thối rã. Tống Quốc Công đích thân đến chiêm ngưỡng, thấy thần sắc Sư vẫn như lúc còn sống, bèn khen ngợi và trở về. Sau đó có người lấy làm lạ vì sao không rã hoại, bèn vào giở áo nạp Sư lên, mới thấy bị các loài vật gặm nhấm, từ đầu cổ trở xuống thì xương khô sáng đẹp. Rõ ràng lấy đó mà luận thì thật là chỗ cùng tột của Chí nguyện!

Vả lại, từ tuổi nhập học, Sư bèn đã y cứ vào Đạo, kính thờ chiêm ngưỡng các bậc Danh sư. Thiền chúng ở chùa Thanh Khê và dân chúng trong nước tán dương, đích thân được chiêm ngưỡng phụng dưỡng. Nên được cảnh hạnh thành sáng, ngày một tỏ rạng thanh thái. Thêm vì, Sư rất kính trọng giới luật, hễ nghe thì liền y cứ hành trì. Tính nghiệp phân công, dẫm từng bước bóng mà ăn. Bấy giờ, có lúc hơi biết là sai liền để trống bữa qua không. Ngày rằm, ngày ba mươi mỗi tháng sám hối tẩy tịnh lắng sạch tâm Bố-tát. An ủi cấp giúp người nghèo khổ hẳn là việc thường, mặc áo xấu, ăn vật dở là chí thường luôn của Sư. Nhẹ nhàng thanh thoát, cứu giúp, được khen ngợi ở Đông giao.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 19 hết).

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 20

TRONG PHẦN 5 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có năm vị)

1/ Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn Lăng ở Tương Châu, thời Tiền Đường (Linh Trí).

2/ Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường (Đạo Thành, Tĩnh An).

3/ Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trú ở Lộ Châu, thời Tiền Đường.

4/ Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoằng Pháp ở kinh đô, thời Tiền Đường.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Bân trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường.

6/ Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu, thời Tiền Đường.

7/ Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu, thời Tiền Đường.

8/ Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn ở Cơ Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tinh Châu, thời Tiền Đường (Đạo Phủ).

10/ Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mậu Thắng ở Mật Châu, thời Tiền Đường (Tuệ Dung).

11/ Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu, thời Tiền Đường.

13/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn thuộc Nhuận Châu, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô Giới thuộc Bồ Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn lăng ở Tương Châu:

Thích Đạo Ngang, chẳng rõ Sư họ gì, người ở quận Ngụy. Sư dẫm tín nêu Tông, phong cách trong sạch, có hoài bão tiết tháo khác thường, cao chuộng làm khuôn phép cho đời. Tuệ giải sớm thành, nhưng gần như chẳng khai ngộ.

Mới đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Linh Dụ xin xuất gia. Ngài Linh Dụ là người thần thức cứng rắn, khí độ cao vời. Xét tâm lượng lường khả năng, truyền trao minh huấn. Sư được tắm gội thanh hóa, yêu kính gần gũi, trải qua nhiều năm nóng lạnh, Sư được ngang gót bước vào hàng ngũ. Sư thường ở chùa núi Hàn Lăng, đào luyện viên dung Sơ giáo, làm giềng mối Huyền Tông, như mặt trời chiếu đỉnh núi cao gồm thâu tất cả. Ngài Linh Dụ giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận. Sư xét hợp rộng lớn, tài biện rộng như trời giáng mưa, gõ hỏi liên tục, ý tư thấu triệt lý thường. Mà luôn trầm lắng tiếng tăm dấu vết, luôn ẩn tàng hành dụng, công phu sâu lắng, mô phỏng theo những bậc tài giỏi ngày trước. Ngoài việc giáo hóa chúng sinh, chí Sư kết nguyện sinh về Tây Phương, thường cầu thác sinh An dưỡng. Trải qua thời gian tiếp nối thành việc, Đạo tỏ khắp Chương Hà, mọi người được đượm nhuần ân trạch.

Sau, Sư tự dự biết thời kỳ cuối cùng của tánh mạng nên báo với những người có duyên là đến đầu tháng tám sẽ từ biệt. Khi đó chưa ai lường đến lời nói ấy, Sư vẫn dạy răn đồ Chúng. Sư bước lên tòa cao, thân tướng có vẻ kỳ lạ, lò hương phát ra mùi thơm lạ, bèn dẫn dắt bốn chúng cho thọ giới Bồ-rát, văn từ nghĩa lý thiết tha cần yếu, khiến người nghe phải lạnh lòng. Khi ấy, cả bẩy chúng vây quanh, nhận hưởng Di Vị. Ngài đưa mắt trông nhìn lên cao, đến khi thấy thiên chúng loạn xạ, đàn sáo rất nhiều vang vọng giữa hư không. Trong đó, có âm vang trong rõ từ xa vọng lại báo với chúng rằng “Âm nhạc từ cõi trời Đâu-suất-đà xuống đón rước!” Sư bảo: “Cõi trời là cội gốc sinh tử, từ trước đến giờ ta chẳng nguyện sinh về cõi ấy, thường có tâm cầu về Tịnh Độ, vì sao lại thế này? Thật chẳng thể theo tà!” Sư nói xong, liền thấy nhạc trời vọt thẳng lên cao, chỉ chốc lát bặt hẳn. Và liền thấy hương hoa kỹ nhạc từ Tây phương sung đầy như mây cuộn bay đến, bay vờn trên đảnh, cả chúng thảy đều trông thấy. Sư bảo: “Đại chúng ở lại yên ổn, nay linh tướng từ phương Tây đến đón rước, việc phải nguyện đến!” Nói xong,

mọi người chỉ thấy lò hương rơi khỏi tay Sư, bèn ngồi thẳng trên toà cao mà thị tịch trong chùa Báo Ứng, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường.

Các hàng đạo tục khóc thương, đến xem đông như núi, khi nâng nhục thân Sư sắp tẩn liệm, dưới chân Sư phát ra ánh sáng. Văn tự hiện rõ cùng khắp trong phòng, v.v... vậy. Nếu chẳng phải Đạo hợp Linh Chương, hạnh phù hợp bậc Thánh thì làm sao có thể hiện những điềm ứng tốt lành ấy? Khi đó, khắp xa gần mọi người khen ngợi, hơi khí kết thành bóng râm. Nhục thân Sư ngồi kiết già ngay thẳng, các đường gân trong lòng bàn tay ngưỡng hiện rõ. Mọi người tham dự trông thấy tướng tích, vừa buồn vừa vui. Lại đón rước đến núi Hàn Lăng, đục đá làm huyệt, tôn trí tại đó, mãi đến mùa Xuân năm sau vẫn không thối rửa, an nhiên như lúc đầu.

Từ khi tiếng tăm đạo hạnh Sư vang khắp Đông hạ, Sư luôn từ nhuận ôn nhu, đức sáng tỏa soi. Sư có nuôi dưỡng một con chó điếc cả hai tai, mỗi ngày tự giảm bớt thức ăn để thí cho nó, sau khi Sư tịch thì không còn thấy nó đâu nữa. Lại nữa, ban đêm Sư lên tòa giảng pháp. Bấy giờ, gặp lúc tăm tối, lại không có đèn đuốc. Sư xòe tay đưa lên cao chỉ bảo thì tay Sư phát ra ánh sáng khác lạ, soi chiếu rõ khắp phòng. Đại chúng trông thấy điềm ấy lấy làm lạ, chẳng biết từ đâu đến. Sư bảo: “Thứ ánh sáng này thường có trong tay, đâu có gì lạ ư?” Sư có được nghiệp lành lớn sâu, u minh đều cảm ứng, thật không thể lường biết được. Cho nên Sư là người có đạo đức cao quý, vượt cao hơn đời.

Bấy giờ, tại Tương Châu lại có Sa-môn Linh Trí. Ngài cũng là đệ tử ngài Linh Dụ. Cơ Nghiệp xán lạn, nổi tiếng ở đương thời. Thường giảng thay cho ngài Linh Dụ. Ngài biện xướng sáng thực, thích đáng tâm tình hoài vọng. Thêm vì rất khéo thông hiểu kinh luận, thường lên ngồi ở chỗ đầu. Văn Nghĩa rộng xa, khéo suy nghĩ như sương bủa, cật nạn thưa hỏi ý chỉ bén nhọn, rảo bước khắp Chương nghiệp. Nên khiến mọi người khắp bốn biển trông thấy vui mừng, đều thuần theo Thanh giáo.

Sau, Sư chợt tự cảm thấy bến trí khó cùng cực. Pháp hành phải nương tựa, nhọc bày thuyền bè, phải nghỉ gác mái chèo. Sư bèn lắng tuyệt chương sớ, dốc tu thiền nghiệp, đó lường tấc bóng mà gìn giữ tâm, có tâm rỗng rang là việc thường. Đi khất thực, thực hành hạnh Đầu-đà, để lắng trong linh sáng, làm khuôn phép cho mọi vật chúng sinh, ánh sáng đức hạnh tỏa sáng. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại Nghiệp Hạ, thọ bảy mươi lăm tuổi. Về

sau mọi người học hạnh kiệm ước từ ngài, nương tựa bóng trần ấy rất đông.

2. Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô:

Thích Đạo Triết, họ Đường, người ở xứ Lâm Ấp thuộc quận Tề. Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp Sư Minh Cập, học các Kinh Thập Địa, Địa Trì, rất được các bạn đồng học kính trọng.

Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chỉ vâng thờ hạnh môn. Lại nương tựa Luật sư Hy ở Quận Ngụy học Luật Tứ Phần. Luật sư Hy cũng là bậc kim chỉ nam, một thời trợn mắt cau mày với cả năm chúng. Sư ở đó thọ giáo rộng hiểu, trải qua gần sáu năm, tìm hiểu kinh tông, nghiên cứu văn thể ấy. Nhưng vì giới tuệ tuy Sư thông hiểu nhưng chưa có tâm về Định nghiệp. Tại Hà Nội, có Thiền sư Tuân là người mà mọi người suy tôn là chẳng thể lường biết, là bậc Tông tượng đứng đầu ở đương thời. Sư vui mừng đến nương tựa, rất mực chí thành, nên được Ngài tận tình chỉ dạy. Khi vừa tỏ ngộ Chân Đế thì hoát nhiên Đại thông. Bạn thiền cùng mừng tạ, giải ngộ lên thất.

Nghe ở Kinh Ấp, Đạo pháp đang hưng thạnh, Sư bèn tiến bước theo đó. Mới đầu, Sư đến trụ chùa Nhân Giác. Tại đó có Sa-môn Đàm thiên được khen làbiết người. Sư bèn đầy đủ lễ thầy trò, đến học Nhiếp Luận, nghiền vị chí lý, hiểu ngộ văn luận ấy. Nêu phỏng có phương thức, đâu chỉ tiếng dạy răn. Bèn chán lìa việc người đời, trầm lắng đến trụ tại Lạc Cốc ở núi Chung Nam. Ở núi lương thực khó tiếp nhận, trao nhận phải tĩnh lắng. Đã thiếu kẻ để sai sứ nên Sư để bụng đói qua nhiều đêm. Vui mừng với vị pháp Không ấy, có Cư sĩ Trương Huy, theo sự nhiều năm, vừa cầu hỏi điều lợi ích vừa cung phụng kính dâng. Vì có việc tạm xuống núi, bỗng gặp lúc tuyết phủ, đường sá đã ngăn bít, bảy ngày mới đến. Sư vì tuy đối trước thức ăn mà không người trao, giữ cái chết chánh niệm. Khi Trương Huy vạch tuyết tới am, búng ngón tay thức tỉnh, Sư mới xuất Định. Sư thật cẩn trọng gìn giữ đại loại như thế.

Chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô vì Sư rất có tiếng tăm đạo hạnh nên được thỉnh đến trụ ở Hoa Quán. Mới đầu, Sư theo ý chúng, bèn ở nơi Thất nhỏ. Mỗi ngày ăn một bữa và thường thực hành khất thực, chẳng nhận lợi dưỡng của chúng tăng, chúng càng kính trọng. Dân chúng ở huyện Chu Ốc xưa kia khi Sư còn ở Lạc Cốc rất nhiều người kính tin bèn cùng nhau dẫn đến đón rước. Sư bèn đến đó, xây dựng thiền vũ, lập ra đồ chúng, dạy răn đạo nghiệp. Các hàng Đạo bạn cũng

như người thế tục ở núi cùng nhau theo đến. Sư bèn chỉ bày chánh pháp, dùng luật nghi răn dạy. Từ vùng xa xôi hẻo lánh nhờ đó mà nổi tiếng khắp các Kinh Phụ. Bỗng một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: “Vô thường đã đến đại chúng khó thấy, mắt mờ đã đến. Hận dài nói gì!” Bèn đi theo hướng Đông về lại chùa Đại Trang Nghiêm, thăm hỏi các bậc danh đức rồi Sư an nhiên thị tịch tại phòng cũ, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường. An táng tại ngoại ô phía Tây kinh đô. Những người xưa ở Trường thành đều kính mến, tiếng tăm khuôn phép của Sư, bèn khai quật phần mộ, đón rước kim quan về lại Chu Ốc, hành đạo thiết trai, rồi theo phương thức hỏa táng, thâu nhặt tro tàn, xây tháp thờ ở phía Tây thành, trồng hai hàng cây ngay ngắn bên cạnh trong làng Long ngạn. Và trồng nhiều Cây Dương, Cây Bách để người qua lại kính vái.

Sư là bậc chóng phát thiên tài, học chẳng bắt chước theo xưa, soạn “ Bách Thức Quán Môn” mười quyển, “Luận Trí Chiếu Tự thể” sáu quyển, “Luận Đại thừa Văn Tư “, v.v... lưu hành ở đời. Ngài có Đệ tử là Sa Môn Tĩnh An, Đạo Thành, kế tiếp tông phong, chuyên việc tiếp nối. Ngài Tĩnh An ngầm vết ở chốn suối rừng, chỉ chuyên niệm định mà giữ gìn Đạo nghiệp. Ngài Đạo Thành hạnh cảm huyền giải, khiêm nhường hòa mục tự tu, bao gồm luật bộ giảng Đạo tiếp nối ở đương thời. Ban đầu, Sư trụ chùa Đại Trang Nghiêm. Vì truyền bá nghiệp cao nên được đề cử đến Diêu Đài giúp hoằng hóa ở đó. Ngoài ra sóng lặng trùm đầy, hưng thạnh ở kinh đô.

3- Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trú ở Lộ Châu:

Thích Đàm Vinh, họ Trương, người ở xứ Cửu Dương thuộc Định Châu. Bắt nguồn ở Nam Trịnh mà phân phái, nhân phong mà ở Cao Dương.

Năm mười chín tuổi, khi ấy đang là thư sinh, Sư khắc chí với huyền lý, không chốn gá tâm. Nhân có Pháp sư Linh Dụ đang giảng Kinh Hoa Nghiêm, Sư bèn thử đến nghe, bèn tỏ ngộ hoằng phạm, hiểu sơ sự giải thích. Sư bèn đến nương tựa Ngài Linh Dụ. Ngài Linh Dụ là người có phong cách trong sáng, xét thấy Sư chuyên cần hành nhiếp liền độ cho. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên học luật tông trải qua sáu năm, học rành cấm khoa, hiểu rõ khai hết. Nên lấy Kinh Địa Trì làm môn học trước tiên.

Gặp thời Bắc Chu phá hủy Phật giáo, Đạo giáo, Sư bèn ẩn thân trong thế tục. Tuy bên ngoài đồng với bụi trần mà bên trong thấm đượm

Đạo vị. Đến đầu đời Tùy (581) trở lại mở mang Phật Pháp. Sư chẳng chuyên vì công danh, tùy duyên thông hóa, chẳng hề chấp trước. Năm bốn mươi tuổi, Sư vì đạo nghiệp đi khắp phương Tây, đến các núi ở Thượng Đảng, Lộ Thành, Lê Thành, nương gá nơi non cao, dựng am ở ẩn. Vì ý đức đã sung mãn nên các hàng tăng tục đều quy ngưỡng. Sư bèn khai thác cây củi chướng vật, mở mang dựng lập thiền phường, khắp bốn phương xa nghe đạo phong mà đồng một lúc nhóm họp đến. Sư là người hình giải hùng mạnh sâu xa, tùy bệnh cho thuốc, nên người nào được uống đều rung động đến đượm nhuần. Lễ cúng ngày một long trọng, Sư đều bảo ban bố cho người thiếu thốn. Đến cuối đờiTùy bị xâm lăng ly loạn, trăm dân đều theo vận, binh lính đói khát. Sư chỉ mong toàn vẹn được giới đức, chủ yếu là nhờ đạo sáng. Mọi sự cần hộ trì thì Sư đích thân làm Pháp Chủ. Mỗi năm hai mùa xuân, hạ Sư lập Pháp Phương Đẳng, Ban-chu, Thu Đông mỗi mùa hưng khởi ngồi thiền niệm tụng. Tăng ni ở biệt viện nên có bốn chổ, khiến cho năm chúng đông nhiều như mây giăng, trăm thứ cúng dường nhóm họp. Ngày một thêm lớn sự mừng vui thanh thái, vui mừng hớn hở. Nên từ các bang Tấn, Ngụy, Hàng Triệu, Chu, Trịnh v.v... vác hàng xuất gia được trở lại mới mẻ với giới pháp. Đó thật là do công đức của Sư!

Sư thường đến chùa Diên Thọ ở huyện Hương Ấp thuộc Hàn Châu, lập pháp sám hối. Thứ sử Phong Đồng Nhân vốn kính thờ đạo Phật, gia truyền cúng dường, dâng tặng ba viên Xá-lợi để chúng hành đạo. Khi ấy đã tám mươi tuổi, mà Sư đích thân hướng dẫn các hàng đạo tục cả ba ngàn người đi bộ giữa đồng trống kéo dài hơn hai mươi dặm. Khách theo cũng rất đông, vẻ vang tràn tỏa ở đương thời. Khi đã về đến chùa, Sư bèn bảo đại chúng rằng: “Oai Đức của Xá-lợi biến hóa vô phương. Nếu nghiệp lụy có tiêu thì mong cầu sẽ toại nguyện”. Lúc đó, mỗi một người đặt bát nước riêng trước mặt, dùng thêm lò hương suốt đêm khổ cầu. Đến sáng hôm sau trong bát tổng cộng có được hơn bốn trăm viên Xá-lợi. Tiếng tăm vang động khắp cả kinh ấp, huyện lệnh lo sợ ở đó nhóm họp chúng đông có rơi phạm vào điều Chương, nên kính sợ mà dừng việc ấy. Ngay đêm đó có tiếng loài thú lạ kêu rống ở Sảnh Vũ, quan dân suốt đêm chẳng an, sáng sớm bèn đến tỏ bày sám hối và mới thực hành theo Pháp của Sư. Đức hạnh Sư trùm khắp thánh phàm đại loại như thế. Mùa Hạ niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, đang ở tại thôn Giao Chương thuộc Lộ Thành, Sư lập pháp hành đạo. Nơi phòng đang ở tự nhiên sụp đổ hư hoại, khám tượng Xá-lợi tự nhiên vượt ra ngoài, dừng yên trong sân, không hề hư tổn gì!

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, có các Cư sĩ Thường Ngưng Bảo, v.v... thỉnh Sư đến ở chùa Pháp Trụ ở Châu Trị thực hành pháp Phương Đẳng sám hối. Đến ngày mười bốn tháng bảy, tại chùa đó có Sa-môn Tăng Định là bậc giới hạnh tinh chuyên, ở trong đạo tràng thấy ánh sáng rực rỡ hiện khởi năm mầu từ trên không mà xuống. Trong đó có bảy Đức Phật tướng tốt khác thường, nói với ngài Tăng Định rằng: "Ta là Tỳ-bà-thi Như Lai Vô Sở trước Chí Thân đẳng Chánh giác, nay vì ông tiêu tội nên đến chứng minh, nhưng không phải Bổn Sư nên không thọ ký". Như thế cả sáu Đức Phật đều đồng nói lời ấy. Đến Đức Phật sau cùng bảo rằng: "Ta là Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Như Lai, vì ông tội tiêu nên đến thọ ký. Sa-môn Đàm Vinh là bậc duyên lành diệt tội cho ông, ở trong kiếp Hiền tên là Phật Phổ Ninh. Thân khí ông thanh tịnh, về sau sẽ thành Phật tên là Phổ Minh!" Sư có những ứng hiện cảm linh tốt lành như thế, lòng tin khó toan tính.

Về sau, khi nằm trên giường bệnh, trong khóe mắt Sư hoen lệ. Đệ tử Sư là Sa-môn Viên Tông thưa rằng: "Hòa-thượng từ trước đến nay, niệm tuệ đều không, chẳng biết bởi cớ sự gì mà buồn khóc!" Sư đáp: "Ngày ta chết đã quá bức bách, hận chẳng được rửa tẩy lụy tội cho các tăng ni!" Ngài Viên Tông hỏi: "Vì sao phải đến nỗi ấy?" Sư đáp: "Từ ngày Phật pháp trở lại hưng thịnh đến nay, chưa một lần độ, chẳng nghe thuyết giới. Nay bị bệnh làm khổ, thuyết dục, ở đây chắc là chết!" Đến tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Pháp Trú, thọ tám mươi lăm tuổi. Được an táng nơi dã ngoại. Sau, môn đồ ra thâu nhặt di cốt về an táng tại phía Nam của chùa, xây tháp để tán dương đức hạnh Sư.

Từ lúc Sư dẫm trải qua lắm gian nan, mà vẫn kính chuộng Phật giáo. Hình khí Sư đẹp xinh cao hơn tám thước. Nói lời hoà nhã, phong cách cao xa. Năm bốn mươi tuổi, Sư tuyệt thực để thân hình, thường chỉ ăn bánh bột giữ trung bình để xét tĩnh phiền lụy, kính vâng theo giáo pháp, kết tịnh thật ít thấy ai được như Sư. Thường ngày Sư vào tăng trù, hỏi han các vị làm thức ăn, nếu có sự tạp nhiễm thì đích thân coi sóc phiền uế, đều tẩy rửa làm cho các vật đựng thức ăn sạch sẽ rồi mới trở về phòng. Sư tự đến hầu thăm các vị danh đức, ít nghe loại ấy. Lại các phòng trong chùa phần nhiều có kết tịnh địa, mô phỏng theo việc nấu bốn thứ thuốc, nên dự thấm vào cửa tường, tan ở các phương, đều hưởng được gió lành, khỏi các tú xúc. Lại mỗi năm sám pháp phải đầy đủ lương nghi. Nếu hai thiên trở xuống thì y luật mà làm cho thanh tịnh. Trước khiến trì y thuyết tịnh, trọn đời lập thệ nguyện. Sau đó mới yết-

ma tùy trị thành người. Ở nhóm đầu là chánh tội, y cứ theo Đại thừa, vẫn khiến cho tâm dùng Lý sự chẳng chấp Hữu Không, thân miệng oai nghi quy về luật kiểm. Nên tự theo sự dạy răn, kính thờ chánh pháp không thiếu sót, đều được trọn đến mạng báo.

Nhân tầm phỏng đạo nghệ nên tôi (Đạo Tuyên) đi đến Lộ Thành, bái yết thanh nghi, được biết sáng tỏ đại lược, không dám để rơi rớt đầu mối tốt lành ấy.

4- Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoằng Pháp ở kinh đô:

Thích Tĩnh Lâm, họ Trương, vốn người xứ Nam Dương, sau dời đến ở Hoa Nguyên thuộc Kinh Triệu. Từ thuở bé, Sư đã trái bỏ tục tình, nương gá truy môn. Ngày Sư mới ra đời, có vị Đạo nhân người nước ngoài bảo rằng: " Đứa trẻ này rất đáng quý, nếu xuất gia sẽ mở mang Phật pháp rộng lớn!"

Năm bảy tuổi, Sư đến chùa tăng xin xuất gia, thường ngày chăm lo việc làm ruộng cấy lúa, chẳng trái sự dạy bảo, nhưng không đưa đến kết quả như hoài mong, Sư suy nghĩ sâu xa thật là phi pháp. Tự nhìn lại mà bảo rằng: "Ở đây chưa bỏ, thì đâu khác gì thế tục?" Sư lại nương theo một vị thầy khác hết lòng chánh hóa. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư lại nương theo tục duyên. Đến năm hai mươi tuổi. Sư vẫn mong cầu, không hề biếng lười. May gặp thời nhà Tùy mở vận (581). Sư liền đến chỗ Pháp sư Đàm Mãnh dùng Hi việc nhiếp nhau, trải qua năm năm, Sư vẫn còn chuyên việc Sa-di, chưa dám thọ giới cụ túc. Mừng đội ân khai pháp. Ngài muốn mở rộng sự thấy nghe, bèn từ giã Bổn sư (Đàm Mãnh) đi về hướng Nam, đến Phiền Đặng. Ở tại châu ấy, Sư tấn đàn thọ Đại giới. Vì mới thọ giới pháp, chưa hiểu rõ thanh quy. Sư lại xa đến Thanh tề, nghe học luật cấm. Phát sau đến trước, Sư đứng đầu các vị nghe trước. Sư lại đến chỗ Pháp sư Giác, nghe học Kinh Thập Địa. Lại chóng xoay gót về Nghiệp Đô đến chỗ Pháp sư Củ, tham cứu nghe giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Lăng-già, Tư Ích và đều thông suốt tinh lý, khéo suy nghĩ cao vượt, các bản cựu truyền tân giải thường tỏ bày khí lượng. Bấy giờ được suy cử khai mở giáo hóa, Sư giảng giải ý chỉ sâu mầu, mọi người đều kinh hãi với điều chưa từng được nghe, nhưng trong lòng nghĩ tưởng vẫn cho là chưa đủ. Sư Triển chuyển đến nghe rộng khắp Đông Xuyên, chứa nhóm kiến giải tầm sư lại đến Bồ Tấn.

Ở đó có Sa-môn Đạo Tấn, Đạo Thuận là những bậc Đại đức nổi tiếng, lưu giữ Sư lại giảng cho nghe Kinh Thập Địa. Trải qua thời gian

lạnh nóng, tuy nghe được thanh thái, nhưng chí càng phiền toái, vấn vương. Khi xuống tòa, vào phòng vỗ ngực tự xét rằng: "Pháp vốn để trị bệnh, mà nay khinh mạn pháp càng tăng, vả lại, Đạo quý ở điểm rỗng thông mà nay đắm trước càng bền chắc. Đó là điều không thể được!" Liền đó, Sư bỏ nghiệp giảng, chuyên tu thiền môn. Mới đầu Sư học các pháp Bất tịnh niệm xứ, v.v... lại hiềm ghét sự vụn vặt phiền toái xem xét nơi người. Sư mới học Đại thừa đến chỗ Vô Đắc quán, lìa niệm Duy thức càng rộng mở bày, mỗi lần tu tập, mỗi lần hiểu rõ đào luyện qua mười năm, tinh thông nhận biết xưa trước, càng đổi mới sự thực hành sau. Mà Sư vẫn mặc áo rách xấu, ăn vật thực không ngon, tình muốn dứt bặt.

Sau, Sư vào núi Bạch Lộc, ở núi lương thực ít có, Sư liền thử dùng pháp bỏ ăn cơm gạo, riêng một mình rảo bước khắp cùng các đảnh núi. Lại trải qua nhiều năm, ở trong núi, nghiệp định làm hôn trầm mê hoặc tâm, Sư bèn leo lên đỉnh núi cao chót vót cách bờ nhìn xuống cả ngàn nhận, bên cạnh có mọc một cây, mới gặp được người tốt. Sư bèn phủ cỏ lên trên và ngồi lên, trong đó buộc niệm càng động hơn ban ngày. Sợ chết đã lớn, càng quán sát sâu. Sau, nghe ở núi Thái đặc biệt có nhiều điềm linh dị, Sư bèn tìm đến đó. Khi đã đến núi ấy, ban đêm trông thấy đuốc lửa chung quanh soi sáng khắp cả đảnh núi, Sư liền chuyên tìm cầu, trải qua nhiều ngày mới đến nơi, bèn thấy có năm, sáu vị ni nhóm họp cùng ngồi luận đạo. Ban đầu, Sư đến hỏi han tất cả các vị và cùng bàn luận về nghĩa lý Duy thức v.v... Trong thời gian nói chưa dứt lời, bỗng nhiên biến mất. Buồn bã giây lâu, Sư bèn tỏ ngộ được thật Pháp.

Về sau Sư vào Quan Trung, gặp được Thiền sư Đàm Thiên đang giảng Nhiếp Luận, Sư chỉ nghe một lần mà như trí tuệ ngày trước chẳng có gì mới mẽ. Niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) ban sắc đón rước xá-lợi đến chùa Thần Đức ở núi Thạch Môn thuộc Hoa Nghiêm. Sư bèn sang đó ở, tĩnh lắng theo khóa nghiệp, hạnh giải hưng thạnh, tiếng tăm vang khắp chốn kinh đô.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, có các Sa-môn Hoàn Nguyên v.v... thỉnh Sư trụ lại các chùa Minh Luân, Diệu Tượng v.v... ở Đế Thành, giảng nói truyền bá Nhiếp Luận, hàng thức giả quy hướng rất đông. Sau đó bỗng nhiên vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) ban sắc thỉnh Sư vào Đạo tràng. Khi Sư đã đến Đông Đô, thiền môn càng đông đảo. Tề Vương bày tỏ Tình sâu lý Định, mỗi lúc cần thưa hỏi điều nghi thì thỉnh Sư đến nơi Bổn Để, kính phụng theo quy giới. Hồng Lô Tô Quỳ là bậc học cao xưa trước, mũ lọng đầy triều, bẩm thọ Tông

sư dạy bảo, làm thuyền làm cầu. Ở Cao Dương có các Sa-môn Đạo Hùng, Đạo Thể, ở Quận Triệu có Đạo Hiến, Minh Tắc, v.v... đều là các bậc oai phụng của chốn thiền môn, hạt ngọc sáng giữa biển trí, đều tiếp thừa lý vị, chước rót Hoa thật.

Ở Tương Dương, có Sa-môn Hồng Triết là bậc đức cao được trọng vọng, phong lực oai hùng đến kinh sợ, nghe tiếng sâu xa của Sư là bậc tài giỏi ở đương thời, nên lại nêu lời hỏi rằng: “ Người mến Đạo thì đông, mà ý chuyên vì việc gì?” Sư thấy văn từ ấy khó đua tranh, liền dùng sự mà nêu bảo rằng: “Núi hang cao sâu, ý định ở đâu?” Ngài Hồng Triết hỏi: “Núi cao hang sâu, xưa nay tự như vậy”. Sư bảo: “Nếu như người đến nói, còn các chỗ khác lấy đất lấp bít hang ngang bằng núi, để định cao thấp.” Ngài Hồng Triết tỏ ngộ chỉ một lời nói ấy nên rất mực dùng văn từ thán phục. Do đó, các bậc Tài tuấn dĩnh ngộ đến nương tựa bến bờ, xét nghi càng chồng chất, cho nên tiếng tăm Sư truyền càng rộng lớn. Sư lại cho rằng Tượng giáo dần truyền về phương Đông, giềng mối chánh pháp tuy nghiêm, nhưng tăng nghi chánh độ vẫn chưa được mở mang sáng tỏ. Sư muốn đi khắp cõi Diêm-phù khắp cùng các linh tích. Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) Sư dâng Biểu tấu trình. Và được Ân vua ban chiếu bảo Sư tuần du các nơi, đồng thời cấp sứ nhân truyền đạt thư tín của Quốc gia, Sư đi tới đất Tương Dương, rồi vừa đến Hải Nam thì gặp phải quân giặc đã xâm chiếm, trong nước phản nghịch, đường sá tắt nghẽn, nên Sư phải về lại Nam Dương.

Đến niên hiệu Nghĩa Ninh thứ hai (618) Sư lại được thỉnh vào kinh đô trụ chùa Đại Tổng Trì, mở mang thuyết giảng như thường trong thời gian lâu, các hàng học giả đến học rất đông.

Niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Chánh Bình Công Lý An Viễn tấu trình lên vua xây dựng chùa Hoằng Pháp, vốn kính tin, thỉnh Sư đến ở đó. Sư lập ý lìa duyên, nhiếp niệm dưỡng Đạo. Vào cuối đời Tùy bị bế tắt ngưng trệ, đến khi nhà Đường mở mang, các hàng tăng tục quy y, mừng vui tỏ rạng. Sư bèn dứt bỏ phiền nhiễu, đạt đến đơn giản, chỉ giảng truyền Luận Trung Quán lấy làm chính, ngoài ra các kinh luận như Duy-ma, Khởi Tín, tạm tùy cơ mà thường giảng bày. Đêm thì Sư cố gắng nhiếp giữ Niệm tuệ, mỗi việc đều nêu chứng tinh nghiên, và khiến mở ra từ tự tâm, chẳng do người khác trao truyền. Nên như Luật Sư Huyền Uyển là bậc Đạo Vương ở Quan Hà cũng đích thân tiếp thừa khuôn phép, ngoài ra các Bạn Đạo Tuế hiển kỳ luận. Trụ Thành Vương và Thái Phi, Sở Quốc Thái Phi, Công chúa An Bình v.v... đều là Hoàng Gia Đế diệp thỉnh giới ở Đệ Trạch, bày lễ rộng lớn. Quốc

tử Tế Tửu Tiêu Cảnh, công Bộ Thượng Thư Trương Lượng. Chiêm sự Đổ Chánh Luân, Tư Nông Lý Đạo Dụ, v.v... đều phát nguyện xin làm đệ tử, đầy đủ các Pháp vật, thường dâng cúng Sư sử dụng. Lại vì đồ chúng Nghĩa Học, do khuyết thiếu Luật tông, Sư bèn đích thân thỉnh cầu Luật sư Trí Thủ giảng dạy mở mang Luật Tứ Phần. Một phen trải qua mười biến, tự thân Sư dẫn đầu chúng, nên khiến giáo pháp trụ trì ở Kinh Liễn rất tốt đẹp. Cho đến các hàng Sa-di, Tịnh nhân đều hiểu rõ về Luật tướng, thật do công đức của Sư.

Bỗng nhiên đến đầu mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh. Qua đến sáng sớm ngày hai mươi sáu tháng mười, trong lúc bệnh trở nặng, có Sa-môn Pháp Thường là bậc nổi tiếng ở chốn Đế Đô, vốn cùng chu toàn nên đến cùng giã biệt. Sư bảo: "Chẳng luyến tiếc đời này, chẳng tham cầu quả báo tương lai, duyên nhóm họp thì có, duyên tan thì không!". Mà thần khí Sư lắng đọng, xưa nay chẳng loạn. Từng có người hỏi thăm về bệnh tật, Sư bảo: "Lấy cái Bệnh ở tôi mà xót thương bệnh ở bao người khác!". Nhân đó mà ngài chảy nước mắt vì nghĩ đến các đường khổ. Và liền đó, Sư nhóm họp tất cả tăng chúng và môn nhân mà bảo rằng: "Sinh tử đường dài, có tâm hằng ngày rút ngắn. Các vị hãy tự kính, chớ lụy Thần ấy!". Và Sư liền nằm nghiêng về phía hông bên phải, chỉ chốc lát liền thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi. Các chỗ đều lạnh cả, chỉ ở đảnh đầu còn nóng ấm, mãi đến ngày trà-tỳ mới tán thần. Và hình sắc tươi tắn mềm mại đặc biệt khác thường, đón rước đến cử hành lễ trà-tỳ tại chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, chỉ có cái lưỡi còn nguyên, lại đem thiêu lần nữa thì càng sáng đẹp. Đó chính là do năng lực giảng nói đúng với chánh pháp của Sư! Các đệ tử của Sư có hơn bốn mươi vị kính phụng qùy trước. Từ nhan, thảy đều kính ngưỡng, trong suốt một trăm ngày, báo chung tất cả mọi người có duyên cùng đọc tụng đọc kinh điển Đại thừa, tất cả có hơn bốn mươi ngàn quyển. Vào tạo ngàn viên Xá-lợi, làm tháp gỗ cao năm trượng, chạm trổ tô điểm xinh đẹp sáng chói giữa khoảng trời xanh, rộng lưu bố Đàn Na để báo đáp ân đức linh trạch.

Mới đầu, khi còn sống, Sư dùng thật lục để hoằng hóa rất nổi tiếng. Mỗi lúc nói về chỗ Chí Lý huyền ngưng không ai chẳng rơi lệ khen ngợi kính tin. Sư nói: không gì chẳng trải qua, chẳng gì việc không làm. Có Thông sự xá nhân Lý Hảo Đức từng ở Lạc Ấp thọ nghiệp với Sư. Sau Sư đi qua Quan Thiên Môn, khó khổ bởi việc tục, bèn lánh theo dòng đến núi chầm, sai đệ tử hướng dẫn. Nếu y cứ theo chánh sắc thì tội đáng xử tử. Sau có người ganh ghét đối với Lý Hảo Đức, không lấy

làm cực hình, và hạ ngục trừng trị ngài. Ban đầu không chống trái, nên người trông coi ngục rất biết tình lượng, không do đâu mà xua đuổi, sự việc theo lo toan mà qua, tự nhiên phóng thả. Nên các hàng thức giả cho rằng: “Lời nói thật là thang trời, đến chết mới biết lượng”, ấy chẳng gì phải thêm nữa.

Tự ban đầu đến hỏi Pháp. Sư không sợ xa xôi hiểm trở, y phục rách rưới thì dùng chỉ may vá. Giường chiếu ấm nóng thì ngồi lên trên để tiết lượng đó. Lại tiết lường sức lực mạnh yếu, chẳng duyên danh lợi, nói nín Sư đều trầm tĩnh, tu nhiếp oai nghi, có tên gọi khác. Khạc nhổ chẳng lộ bày nơi miệng mũi, uống ăn không hề nói dở ngon. Sư rất mực kính thuận, không có gì thêm. Lại nữa, Hạnh vị của Sư thật khó lường biết, rận rệp chẳng ngang qua nơi thân, nếu như có thì liền chốc lát chạy tan. Đó là mắc nợ đã mạo phạm, nên chỗ báo là ít có.

Sư từng ở trong hang núi, cần gạo thóc phải đợi rất khổ nhọc bèn một hoàn thuộc độ chừng một thăng, được một vòng chi, Sư uống dùng kéo dài trong ba năm. Các vật tiện lợi Sư gom nhặt tẩy giặt mà sử dụng lại. Nên có khả năng nghiệp định bền bỉ trong sáng, chuyên chú khó dời đổi. Bấy giờ, gặp năm đói kém, Sư tùy duyên vào báo với người trong thôn ấp, hễ có được thì ban thí, riêng mình chỉ an vui với nghèo khổ. Sư từng ở trong giảng hội, có chừng ba mươi người đời định mưu hại một kẻ thù. Hai người đến giết hại, trong đó có một người hối hận đã theo Sư thọ giới. Trải qua năm tháng đã lâu và đều đã theo vật, người thọ giới bỗng nhiên chết giấc, ở ngực còn nóng ấm, sau lại tỉnh ngộ thấy rõ kẻ oán xưa và cùng những người đồng mưu hại luận cáo về việc giết hại. Người thọ giới ấy kêu oan, không phục, dẫn Sư làm chứng, vua liền triệu vời làm chứng thì phải có cáo. Sư sống ở cõi khác, nơi thế giới Kim Lật, vua đã cảm chứng, nhân đó mà thả người ấy.

Lại nữa, suốt cả đời Sư, hễ đến các chốn Già-lam, thảy đều khiêm nhường tự giữ. Đến lúc danh cao phước dày, mọi người cúng dâng ban tặng, Sư đều giao phó cho người thị giả, chẳng hề hỏi lại. Sau nầy khi làm việc phước, Sư mới hận không có của cải, người thị giả bèn đem ra cho Sư xem, Sư bảo: “Ta không nhớ có vật này!”. Đó thật là tâm chuyên y cứ Đạo, tình không vướng mắc thế sự. Có thể nói ở cuối đời Sư xứng đáng là tấm gương để soi chung.

Từ khi Sư đến trụ chùa Hoằng Pháp, giảng nói giáo hóa bốn phương, học chúng bạn đạo khách tăng đến đông như chợ ồn náo. Sư vời đến an ủi vỗ về, tùy việc mà vui tiếp thừa, mà độ lẫn công tư, hiến chương có thứ lớp. Nên khiến bên ngoài tuy là cấm ngăn kiên cố mà bên

trong thật là thông lưu. Núi rừng trông ngóng mà có chỗ kết quy, khuôn phép lập ra mà bày phép tắc. Sau khi Sư thị tịch, pháp ấy càng được kính trọng. Do đó, ở kinh thất, chùa tăng có hơn năm mươi ngôi, còn như tự tiếp lễ khách, tăng nghi hoà mục, không ở đâu sánh bằng với chùa Hoằng pháp. Lại nữa, chùa xưa hư hoại, chỉ còn một Phật đường. Lúc tăng chúng mới đến ở chỉ là nơi nhỏ hẹp mà thôi. Sư đôn đốc khuyên cùng bạn đạo đồng xây dựng mới lại, nay thì phòng nhà bao quanh, kho bếp chứa nhiều. Khách chủ lẫn lộn đồng đi ở tùy ý. Nên Pháp Sư Linh Dụ nói rằng: "Dùng Đạo để thông suốt vật, vật do Đạo chiêu Cảm, Tuệ do Đạo mà có, trở lại cúng dường Đạo chúng. Nên Tăng thật là do khách, sâu có công lực thầm!". Lời ngài Linh Dụ gần với Sư.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Bân trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Bân, họ Hòa, người xứ Duyện Châu. Sư đọc xem cùng các Kinh nghệ, Văn nghĩa đều mở thông, riêng hiểu về nguồn chữ, rất sáng tỏ Chương Diệu. Năm mười chín tuổi, Sư rất được Bà con xóm làng kính chuộng vì làm trợ giáo cho khắp châu. Mà tánh Sư nhàm chán phiền toái vấn vít, có tâm kính mến muốn lìa tục.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư mới dự phần xuất gia, sau đó liền nghe giảng kinh luật, trong hai năm. Sư thấy trường giảng ồn náo nhiễu động, chỉ có Luận là chiếm thanh thế, bèn đến Đài Sơn tu các pháp tĩnh lự, một lần vào, đến là tám năm, hành trì đủ các pháp quán, Sư bèn đến các chùa Thái Sơn, Linh Nham v.v... để hành đạo, lấy đó làm việc trước tiên. Năm ba mươi bốn tuổi, Sư mới lệ thuộc quan danh, đến trụ chùa Tồn Đạo ở núi Lương phụ tấng thuộc tầm Chân. Sư lại tìm luật bộ, rộng nghe giảng các kinh luận mà tánh Sư lại quên hợp với thiền lâm nên vẻ vang sáng tỏ khắp xa gần.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiền Định mở mang xây dựng, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) ban sắc nêu thỉnh khắp kinh ấp. Bấy giờ các bậc danh cao đức lớn, tám biểu một hoài, đều là bậc tài giỏi, người trình tấp nập. Sư tuổi tác hạ lạp rất nhỏ nhưng tiếng tăm rất lớn, ngoài y bát không còn có hòm rương áo bộc, dung chất trắng sạch, trội vượt khác thường. các hàng tăng tục đều chú ý, không ai chẳng hướng về. Đó cũng là vị tăng trang nghiêm thanh tịnh ở thời Tượng quý! Lại thêm, Sư có hạnh bố thí thuần túy, nói năng không văn hoa. Mỗi lúc nghe bình luận, Sư liền lặng yên, giữ gìn giới nghi, nghĩ ban trải lòng từ cứu giúp. Mỗi lúc đến mùa hạ Sư cầm chổi quét trước,

vì sợ thương tổn đến loài trùng kiến. Hễ được lợi dưỡng, Sư liền kín đáo ban thí, hoặc làm đãy lọc nước, hoặc cúng thí các hàng đạo tục. Chỉ khi gấp mới thực hành việc đó. Sư nhiều lần căn dặn chớ kéo làm theo người thế tục. Và trước lúc Vua xây dựng chùa, hỏi han giềng mối khắp kinh ấp, đồng khen ngợi không ai hơn Sư. Vua bèn ban chiếu đề cử Sư làm tự chủ chùa Hoằng Phước. Sư tiếp nối hài hòa, trên dưới không dám trái sự chỉ bảo. Đến ngày mồng sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi hai tuổi.

Từ lúc Sư nhập Đạo, luôn sống với việc thường hằng, thường hành Đạo, chú nghiệp làm tâm, hoặc tụng niệm danh hiệu Đức Phật Thích-ca, Bồ-tát Quán Thế Âm, hoặc hành trì sám Pháp Văn-thù. Trong một năm có tám mươi hai ngày, sáu thời hành nghiệp, trước sau thông số tám mươi đạo tràng. Thân tâm vui vẻ, Pháp lợi có được chưa thể lường biết. Còn như dạy răn môn học, chỉ nói về phiền não cần phải dứt bỏ. Mỗi lúc có người xuất tội phát lồ lỗi lầm, không khi nào Sư chẳng vì đó mà rơi lệ. Mừng giận không tỏ vẻ nơi cử chỉ, trì tụng không lãng quên, nên tông tượng của Yết-ma khắp chúng tăng đều kính ngưỡng chăm chú. Các hàng tăng tục theo thọ quy giới, học trò của Sư rất đông nhiều. Nên khiến từ Ngụy Vương trở xuống trong ngoài đều ưa thích gần gũi, cho đến các hàng công khanh đời Lương đời Tống đều tiếp thừa giới Pháp.

Cha của Sư tên là Lãng, có tất cả bảy người con, gia đình nhiều đời vốn theo Nho Nghiệp. Sư là con thứ hai, nhân thọ trưng nhập, không do đâu ái kính. Cha của Sư đã qua đời, chuông đổ canh tàn, xưa nay tuyệt ý. Sinh tử chia đường, Sư bèn ở nơi hội của Cửu qùy phía bắc sông vấn đào một cái giếng nghĩa, bèn dựng phong bia giúp đức ấy, bài minh ấy lược viết rằng: “Thảm thương cha mẹ, sinh ra nuôi dưỡng cũng đã lộng chương. Ta dẫm ta đạp, một sáng bỏ ta. Núi sông đầy mắt, mây phủ cửa ải, gió kinh hang lớn. Đạo kính ái, thin luân ở đây. Mãi lo tuổi già không mong được thấy con, đào giếng cung cấp, gá việc dấy từ. Trăm năm mấy ngày đối đây buồn mãi. Vương Kiểm ở Nam, Dịch Dương ở Bắc, được Lân ở đồng, giữ lễ ở nước. Sống khuôn phép đẹp, đời lắm Nho mặc, giếng ngọc suốt thông. Bia cao khắc lập.

6- Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu:

Thích Chí Siêu, họ Điền, người ở xứ Phùng Dực thuộc Đồng Châu.

Tổ tiên xa xưa lưu ngụ, bèn ở Du thứ thuộc Tinh Châu. Thuở còn nhỏ mà trí lượng Sư đã vượt hơn người, siêng năng mài giũa khác với đồng bạn, nhã độ nêu xa. Sư chán đời theo Đạo, thấu suốt tạng du. Cha mẹ chỉ nương cậy ở Sư, bởi không còn anh em, tuy Sư thuật bày chí nguyện của mình, nhưng thường bị ức ngăn. Xét đến sự tiếp nối tông tộc, Sư bèn theo Nho lưu, xem đọc khắp lưu lược. Đến tuổi tráng niên, cha mẹ cưới vợ cho Sư, Sư nghe thế liền xa lánh trần nhiễm ấy, bèn vào chốn rừng hoang. Người thân đi tìm khắp mà Sư ẩn thân, vô phương tìm kiếm. Khi đã bị bắt về, Sư bị bắt buộc sánh đôi. Mới đầu thì hợp theo nhau cuối cùng cũng đóng thất riêng, mong hành hôn lễ. Chỉ đặt một chiếc giường, Sư bèn kéo chăn giạ ngồi dưới đất, bảo người vợ ngồi ở trên, đích thân Sư tự đến ngồi trên giường, nghiễm nhiên tư duy ngồi nói pháp cho vợ nghe, ngôn từ rất có chỗ y cứ, người vợ chảy nước mắt lễ tạ từ chối vì cuối cùng làm khổ lụy nhau, nhiều lần trải qua đêm thâu, sự đồng với hình vàng, thường lễ cầu khuyên, thật vượt chất ngọc. Đã đích xác khó lay chuyển, nên cha mẹ Sư mới đành bỏ mặc tùy ý.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư đến chỗ Thiền sư Tuệ Toản chùa Khai Hóa ở Tinh Châu. Ngài Tuệ Toản là bậc chí đức lắng sáng, hạnh thành khuôn phép của chúng, chưa bày độ hạn, trải qua dò thử các nạn, mà Sư thì thanh khiết chân chánh thân tâm, chuyên cần làm mọi việc của chúng. Tăng chúng ở đó có cả trăm vị, ngồi thành năm hàng, mỗi ngày hai bữa thường đầy đủ, sáu thời không thiếu sót. Mỗi lúc có việc làm gì khổ nhọc thì Sư luôn dấn thân trước. Ngài Tuệ Toản gần gũi xem xét, bèn cho thọ giới cụ túc. Từ khi được thăng tấn giới phẩm, Sư chuyên tu hạnh nghi, liền đến Định Châu tìm kiếm luật tạng, bao gồm tinh yếu, cắt bớt chỗ rườm rà, chưa đầy năm mùa hạ mà ba giáo đều đã tròn đủ. Sư bèn trở về quê cũ, nương tựa núi non tu tập.

Ban đầu, Sư đến núi Tỷ Can ở phía Tây Thái Nguyên, nương gá các vị tài giỏi sáng lập thiền lâm, sớm tối chuyên tu niệm tuệ song hành, bốn oai nghi gá ở giới tiết, hai hạnh nương nơi pháp y. học quán đông đúc, không oai mà nghiêm túc. Đến nỗi khiến người nghe Đạo phong không nơi xa nào mà chẳng đến. Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, giềng mối nghiêm minh, đóng chặt cửa chùa, không cho chúng tăng ra ngoài. Sư nghe thế bùi ngùi muốn lên can ngăn, bèn đắp y chống tích ra đến Quận thành, mong có người cầm nắm mà đưa tấu trình lên điều Sư can ngăn, nhưng quan tư chẳng đoái hoài. Sư bèn lên đến giang Đô và tấu bày sự việc. Quan nội sử cho rằng việc ấy không quan trọng, nên chẳng thông dẫn cho. Sư trở về lại Tinh Châu. Đến cuối

đời Tùy, có lắm nạn giặc giã thay nhau hoành hành, dân chúng ở các hang hào chết hơn phân nửa. Sư nhóm kết đồ chúng, khuyên nhóm họp lương thực dư thừa vẫn chẳng hết. Chỉ sợ trộm cướp lấn lướt, bèn muốn bỏ chạy, Sư bèn dùng giáo pháp dạy răn, khuyên chớ biến đổi tình thế đó, nếu gương nghiệp đã soi chiếu đến thì trốn ở xứ nào? Đại chúng cảm kích lời nói ấy, tâm kỳ vọng liền mở sáng, chuẩn thức theo thiền lễ, thời khóa không thiếu sót. Có lần đang đêm lúc ngồi thiền, bỗng nghe tiếng bọn giặc mở cửa thẳng tiến vào, đèn đuốc sáng loáng khắp cùng, mũi nhận trắng sáng giao nhau tiến tới. Cả chúng vẫn thản nhiên cùng ngồi giống như nghi tượng. Bọn giặc bèn ném dao trượng xuống đất, bái lạy xin quy y. Sư bèn nhân đó tùy nghi dẫn dụ, lượng quyền mà trao pháp. Cả bọn đồng phát tâm cung kính chắp tay mà rút lui. Sư có những cương lược nhiếp ngự đều đại loại như thế!

Vua Cao Tổ (tức Lý Uyên thời Tiền Đường) vào niên hiệu Kiến Nghĩa ở Thái Nguyên, khắp bốn phương xa mọi người đều nhóm họp. Sư chỉ mở mang Đạo vì sinh linh, nghĩa nương nơi phước, liền hướng dẫn Đồng bạn ở Tấn Dương đồng trụ chùa Ngưng Định. Thiền chúng theo học có đến mấy trăm nhưng thanh tịnh trang nghiêm thành khuôn phép. Kẻ tăng người tục kính trọng thừa kế, các hạng sinh hèn đều cung kính quy ngưỡng. Đến lúc Hoàng Kỳ chỉ hoằng hướng Nam. Tam phụ không mãy trần. Niên hiệu Nghĩa Ninh thứ hai (618) đời Tùy, Sư dẫn đệ tử hơn hai mươi người vâng kính mừng kinh ấp. Võ Hoàng sớm tiếp thừa trông mong. Chờ đợi đó như tiên, dẫn cùng lên điện Thái Cực tiếp đãi lễ đặc biệt. Tả Bộc Xạ Ngụy Quốc Công Bùi Tịch, sinh ra khác người đời, khí liễn rộng sâu, Biệt Viện trong đó để chư tăng ở, nghiệp mới càng giũa mài, chỉ vì quý sự vân du, huyên Tạp bên ngoài không nhân để tinh tiến, phải gá nơi rừng mỏng mới tỏ mến mộ xa.

Bấy giờ, chùa Hóa Cảm ở núi Lam Điền có các Sa-môn Linh Nhuận, Trí Tín, Trí Quang, v.v... là những bậc nghĩa giải câu huyền, khéo tôn sùng tâm học, đồng khí tương cầu rõ ràng như cũ, bèn thỉnh Sư đến trụ ở núi đó, gá chí được mất, nhiếp duyên nhóm kết, mọi người tìm đến như mây giăng. Thánh hiền nói nín, thuần trọng lẫn nhau. Mà chùa chẳng phải ở chốn sâu xa hiểm trở, mà thuộc về công đồ, nên những khách ẩn tích cuối cùng khó tiếp thừa Đạo nghiệp, mới theo vật ngoài quan ải, ý muốn độ người. Sư lại trở về Tấn Xuyên chọn tìm những vùng đất nổi tiếng.

Niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường. Sư vào núi Vu giới, bắt đầu nhóm họp bạn thiền. Núi đó tên là Bảo Phúc, bốn phía

đều có khe suối, trông xuống dưới khoảng trăm tầm, trên lên đến ngàn nhận. Suối đá kết vận nơi tiên thất, gió mưa thổi ở đầu rừng, khiến người nghe đến dừng tâm trần đào luyện. Sư tự gượng răn dạy người, không mỏi mệt thưa hỏi điều lợi ích.

Sư lại đến huyện Giới Hưu ở Phần Châu sửa sang xây dựng chùa Quang Nghiêm. Điện đường phòng hiên, đích thân Sư kết cấu, mở mang rực rỡ hoành tráng giống như Thần Công. Nên người hạnh sâu thì ở núi, kẻ đạo cạn thì ẩn tại thành. Thầy trò nghiêm túc hoà mục đua nhau hành nghiệp chân thật. Nghe hiểu âm thanh, xét nhận hình sắc thì vẫn chẳng đủ. Bỗng nhiên Sư bị bệnh, biết không bao lâu nên Sư dạy răn ân cần chỉ bày họa phước. Đến ngày mười một tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi mốt tuổi. Khắp chốn núi non giữa đời đồng tham, khách chủ cùng thương xót, Bậc Đức nhân đã ra đi, người học nhân đó phân tán. Bèn an táng tại gò núi ở phía nam Thành.

Từ khi Sư đượm nhuần phật pháp, trong ý Sư luôn muốn trú trì, ngày đêm khắc niệm chuyên cần, dắt dẫn các hàng hậu học, do đó, mỗi ngày riêng phân công lễ phật năm trăm lạy, ngồi thiền bốn thời, tự thân thực hành và răn dắt đồ chúng đồng bạn, có thiếu sót liền phạt, tự tay Sư bưng lò hương, tùy xướng cúi lạy, không hề đặt xuống đất và thiếu lạy. Đến lúc ngồi thiền trong chúng răn bảo lẫn nhau, vừa mới có người hôn trầm ngủ gật, liền đến gần nhắc nhở. Có người mới đến, thì liền độ, trao truyền giới phạm cho. Đi dừng oai nghi, nhiếp dưỡng lẫn nhau, lễ hợp cả Thiên thuộc. Bấy giờ, gặp lúc sắc lệnh nghiêm cấm độ người Phạm tội cực hình, mà Sư không hề để ý, vẫn cứ cạo tóc như thường. Đến nỗi khắp đất liền cho đến biển cả, những người mến nghĩa lánh đời đến trong chúng tăng cậy nhờ như núi lớn, nương tựa mà tu đạo. Bấy giờ, Sư giảng các Bộ Nhiếp Luận, Duy-ma, Khởi-tín v.v... đều rõ ràng sẽ nói sau, sâu xa hợp với căn cơ.

Từng có sự kiện vào niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư đang ở tại núi Bảo Phúc, tăng chúng có đến trăm vị, Sư riêng cung cấp đại trai mà lúa thóc chỉ được sáu thạch đồng để trong một bịch, mỗi ngày xay giã năm đấu để cúng dường thường điều, từ mùa xuân đến mùa hạ, tính sự hao tốn rất nhiều, thấy lạ, xem xét lại thì chỉ xay giã hết hai hộc. Cứ lường việc ấy thì u trí đâu thể suy nghĩ. Lại mấy lần cảm có vị tăng lạ nương giữa hư không mà đến, tuy không hỏi lời gì, nhưng hình nghi có thể nghiệm được. Vừa có người rơi rớt thì liền được thần răn nhắc, còn như vời gọi chúng thì tiếng chuông thường tự ngâm

vang. Trên suối đá tuôn trào nước tùy theo người ít nhiều. Điềm linh thường hiện khởi như vậy chẳng phải một lần. Mà Sư kính giữ giới pháp ít thấy người được như thế. Sư hộ trì cẩn trọng oai nghi trước sau không lỗi lầm. Từ đời Tùy đến đời Đường trải qua hai triều đại, Sư đích thân độ người xuất gia đến gần ngàn vị. Sư là bậc thầy khuôn phép dạy răn những điều thấy nghe.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lúc xưa được tham dự ở cuối pháp diên, được các tuệ cáo, đã gần gũi tiếp thừa công tích ấy, nên liền tiếp nối.

7- Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu:

Thích Đàm Vận, không rõ Sư họ gì, vốn người xứ Cao Dương. Mới đầu, Sư nhàm chán thế tục mà xuất gia, tụng kinh Pháp hoa được hơn hai quyển. Khi ấy vừa mười chín tuổi, Sư đến núi Bồ Ngô bên cạnh Hằng Nhạc, ở đó tĩnh lắng, Sư tụng xong bộ kinh ấy. Gặp được Thiền sư Thê Ẩn bảo Sư rằng: “Tụng kinh phải có duyên với đạo, thường tụng chưa hẳn là Chí Đạo. cốt yếu ở điểm quán tâm lìa niệm, mới hợp với Chánh Đạo!” Mới đầu, Sư tiếp thừa lời dạy bảo ấy liền kính cẩn vâng theo mà thực hành, chuyên tinh niệm tuệ đủ cả nêu bỏ.

Lại nghe ở núi Ngũ Đài (tức núi Thanh Lương) Kinh Hoa Nghiêm, ở đời tương truyền là Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi thường trụ tại đó, nên xưa nay chư tăng phần nhiều đến đó cầu thỉnh. Có người được chiêu cảm ứng hiện và được chỉ dạy đầy đủ. Khi xưa, vào thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hoành - Thác Bạt Hoành 471 - 500) đã từng vào trong đó xây dựng chùa Đại Bố. Vua từng đến ở đó, kính phụng Thánh Nghi, trước trồng vườn hoa đất vuông hai khoảnh, trong mùa Hạ phát triển đẹp xinh giống như bày gấm, sắc thái phát sáng làm loạn tâm mắt người. Sư nghe tốt lành như thế, nhiều lần lắng thần vui vẻ, bèn cất bước đến nương gá ở đó. Sư đến khắp Đài nhạc, xem đủ các Linh tướng. Mới đầu, Sư dừng lại chùa Mộc Qua ở Bắc Đài hơn hai mươi năm, một mình một bóng ở nơi lò ngói, thân mặc y phục thô xấu, trải cỏ nhục trên đất để ngồi nằm. Ngày ăn chỉ một bữa không thêm mùi vị gì khác. Nhưng ở núi ấy rất lạnh giá, rừng xanh khe hang. Từ ngoài phong lãnh thản nhiên xa sạch. Sư ban đêm đi, ban ngày ngồi tư duy, xua đuổi hôn tình, mừng cho sự gặp muộn. Trước kia, Sư tụng kinh hơn ba mươi năm, tâm miệng chẳng duyên nhau, gặp lúc nhàn rỗi thử tụng qua không sót một chữ. Bèn lại tụng văn còn lại thành pho bộ.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601 - 605) đời Tùy, có Thiền sư Tuệ

Toản kết tập định học, vai mang giường chõng ở nơi Lan-nhã thuộc sông Nhạn môn, thực hành Đạo nghiệp. Sư ở núi lâu ngày, nghĩ muốn tỏ bày nỗi lòng. Nghe phong cách nương Đạo pháp, bèn theo đồ chúng của ngài Tuệ Toản, chỉ một lược tắm gội thanh hóa, lại kính ngưỡng đạo sáng, nương theo bạn lành, đó gọi là toàn Phạm hạnh. Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy đến chùa, riêng quý trọng thiền môn, thỉnh ngài Tuệ Toản vào kinh đô. Từ đó, tăng đồ mất người chủ trương, mỗi người tự răn, tan rã về núi hang. Sư bèn đến ở núi Tỷ Can. Lại đến miền nam, trụ ở các quận Ly Thạch, Long Tuyền, Văn Thành, v.v... Bảy chúng mong ngóng, Di hạ đại đồng. Tu theo mười điều lành, tăng tục giúp nhau. Vốn ở tại bến sông ấy không thọ giới pháp. Nếu người có chí kính phụng đều đến Thái Nguyên. Di Hạ trái tình, mọi người đều khiếp sợ. Trước kia có vị sa-di đã thọ giới ba mươi năm, đến lúc Sư đến đó hành hóa liền truyền giáo pháp ấy. Hai chúng ở núi và thành đều được thọ giới cụ túc.

Đến đầu đời Đường (618) binh lính tiếp giữ Định Dương, thường gặp phải khó khăn, nhưng Bổn Nghiệp Sư vẫn không hủy bỏ, lấy đêm làm ngày, nhiếp tâm không buông lung. Gá ẩn chốn núi rừng sâu nhiều năm nên y phục cũ rách, rận rệp nhóm tụ, Sư chẳng hề bắt vất bỏ, mặc tình cho nó cắn đốt, nương cậy để điều phục. Từng có những mùa hạ an cư ở núi lắm rận đất. Đã chẳng bắt bỏ nên chăn giạ đỏ như huyết đọng. Sư chỉ tự trách lỗi mình, nguyện lấy đó cùng đền đáp, tâm tình không san lận, ngài hành thí như thế suốt hơn bốn mươi năm. Đến năm bảy mươi tuổi, bỗng nhiên không còn có chấy rận. Sư vẫn còn rất tự trách rằng: "Nghiệp chấp không ứng liền hết, sẽ phải dẫm vào đường khổ, chịu quả báo ấy!"

Sư lại bảo môn nhân rằng: "Tôi thấy Thiền sư Siêu nương gá ở phòng kia, vốn có tường vách mà rận chẳng dám cắn đốt Ngài. Mới chia thành hai đường đi ra và hướng vào trong các phòng khác. Lại thấy ở trong nhà cô độc ăn cơm, dùng thìa xúc lấy cổ tinh đặt ở lớp dưới mà thích ăn như thế. Lại chẳng bị bệnh gì. Cổ Chủ vô cùng sợ hãi. Đức hạnh của tôi chẳng sánh bằng Thiền sư Siêu. Vì sao như thế?" Mỗi năm cứ hai mùa xuân thu, Sư y theo pháp Phật danh, hai mùa Đông hạ, Chánh nghiệp thì giảm bớt ăn mà ngồi thiền. Sư từng phát nguyện chép Kinh Pháp Hoa, thề phải khiết tịnh. Mấy năm trở lại đây, chẳng thể hoàn thành. Bỗng nhiên cảm thấy một thư sinh không biết từ đâu đến, bảo rằng: "Tôi có thể chép kinh!" Sư yêu cầu dùng Pháp làm y cứ, và cho là có thể được. Sư bèn cho vào thạch thất lập tịnh, viết chép. Từ sáng sớm

vào đến chiều tối ra, rất lấy làm lạ hạnh ấy, chưa tròn một tuần mà bảy quyển đều viết xong. Sắp dùng lễ dâng trước mắt, bỗng nhiên biến mất. Lại gặp lúc giặc giã lục soát, Sư cất giấu dưới rừng nên hòm rương áo bộc đều bị mục nát hư hoại, mà quyển kinh sắc mầu cũng như lúc đầu. Sư có được những sự cảm nghiệm kỳ lạ đại loại như thế.

Lại nữa, Sư thường gở nơi thất riêng, tự siêng năng tu nghiệp. Ngoài ra, tuy có chúng bạn, nhưng khó ai tiếp nối được vết tích của Sư. Sư thường bảo: "Tuổi tôi, việc như vậy làm sao có thể bỏ được? Nếu ngồi mà hôn trầm buồn ngủ thì đứng dậy lễ Phật". Sư thường rèn luyện bốn oai nghi, lấy Đạo mà lượng cứ, tự thấy thắng đạt, ít ai có đức được như thế. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư ngồi thẳng thị tịch tại núi Bình Diêu ở Hà Tây, thọ hơn tám mươi tuổi.

Từ năm mười chín tuổi, Sư vào núi, hơn sáu mươi năm, chẳng mong cầu danh lợi, chẳng cần người hầu hạ, không lệ thuộc tăng tịch, chẳng lấy làm trách nhiệm của mình. Hễ có các thuật chức đều gởi sang người khác.

8- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn, ở Cơ Châu:

Thích Tuệ Tư, họ Quách, người ở xứ Giới Hưu thuộc Phần Châu. Thuở thiếu thời, Sư học Nho sử, ưa chuộng hư huyền, văn chương thư lệ rất nổi tiếng ở Hương khúc.

Năm hai mươi lăm tuổi, mới được truyền trao Phật pháp. Mới đầu, ngài không biết chỗ sâu kín của Phật thừa. Gặp được Sa-môn Đạo Tất là bậc đức lớn tài giỏi ở đương thời, ở tông giảng dương luận Nhiếp Đại Thừa. Sư thử đến ngầm lắng nghe, mịt mờ khó truy tìm, trải qua nhiều ngày thọ nhận đầy đủ mới biết là hy hữu. Nhân đó mà cầu được Độ thoát. Sư nghe nói yếu nghiệp xuất gia chẳng gì cao bằng thiền định, liền thực hành đó suốt ba mươi năm chẳng dứt. Lại nghe Niệm Tuệ cần phải thí như các luân kiều, Sư bèn đi khắp tìm cầu Thánh giáo, đượm nhuần đủ các Hoằng Chỉ. Mùa Đông, mùa Hạ thì chuyên nghiệp thiền định, mùa xuân mùa thu thì tham cứu rộng. Chỉ mặc áo đơn, tiết chế ăn uống, khiến người trông thấy liền phát tâm. Những người có Chí Đạo luôn luôn tìm đến.

Nhân đó, mà Sư kết nhóm đồ chúng ở phía bắc Cơ Sơn, ngày thì kiểm thúc dung nghi mặc niệm, giữa đêm tối lạnh lại giảng pháp cho chúng nghe, sáu thời dốc tâm đúng khóa, chẳng rơi vào Thanh du. Bấy giờ, giảng về Tứ Quán, mỗi người tự nói lên ý chí của mình. Có người

nói: "Tỉnh lược". Có người nói: "Quá lắm". Sư bảo rằng: "Người xuất gia sinh đã theo duyên, chết phải tự nhận lấy. Sao nhọc đến người phải nhọc đón rước hài cốt này? Tôi sẽ nhất kỳ tự chuyển vận". Khi đó, có người cho là " chưa trải qua bệnh khổ nên dối nói lời ấy!". Sau, cảm thấy trong mình bị bệnh nhẹ, vừa qua hai ngày. Sư tìm bảo chúng rằng: "Tôi sắp qua đời!". và liền đứng dậy mang giày đi thẳng vào trong hang trống, để bỏ nhục thân tàn. Đã vào trong đó rồi, Sư ngồi kiết già, căn dặn đồ chúng đồng bạn, đem chánh mạng mà chúc lụy. Vì ở nơi rừng rậm nên người đời gọi đó là Hàn Lâm. Chúng không nỡ lìa bỏ, nên ở lại suốt qua đêm bên cạnh để giữ gìn, đến sáng, đến xem thì Sư vẫn ngồi thẳng khoanh tay như cũ, đến chạm vào thân, mới biết là Sư đã thị tịch, thọ năm mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường. Nhân đó mà tẩn liệm.

9- Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tinh Châu:

Thích Đạo Xước, họ Vệ, người ở xứ Vấn Thủy thuộc Tinh Châu. Thuở nhỏ, khi còn ở đời, Sư khiêm cung nhún nhường nổi tiếng trong xóm.

Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, Tông sư Di Cáo, Kinh Đại Niết Bàn là bộ kinh Sư hoằng truyền riêng, giảng hai mươi bốn biến. Sau, Sư lại phụng thờ Thiền sư Tuệ Toản, học qua không lý, chóng đượm nhuần huy tích. Ngài Tuệ Toản là bậc thanh ước nhã tố, tuệ ngộ khắp trời, Đạo vang khắp nơi, nổi tiếng ở Tấn thổ. Sư đến bẩm phục thần vị, càng chứa nhóm thời gian. Sư lại tiếp thừa các nghiệp Tịnh Độ của Pháp sư Đàm Loan xưa kia, bèn đào luyện phân biệt Quyền thật, tìm kiếm Kinh luận, hiểu đó rỗng thông, lưu bố thành phong hóa. Sư khắc niệm duyên số, tưởng quán sâu sáng. Nên được linh tướng ngầm nghi, mọi người mừng kính. Sư thường ở chùa Trung Huyền, hang Thạch Bích thuộc Vấn Thủy. Chùa đó do Pháp sư Đàm Loan xây dựng vào đời Tề. Trong chùa có văn bia ngài Đàm Loan, thuật rõ các điềm lành, đầy đủ như trong Biệt truyện.

Lần lượt trong năm, Sư thường giảng các pháp Ban-chu, Phương đẳng, Cửu phẩm, thập quán, Sư phân thời nối nhau các việc. Từng trong lúc hành đạo, có vị tăng đang trú trong niệm định thấy Sư duyên theo Phật, tướng lượng chuỗi châu như núi lớn bảy báu. Lại thấy linh tướng ở Tây phương sặc sỡ khó trình bày, nên đức lớn ngày một thêm, vẻ vang càng vọng xa. Các hàng Đạo tục nam nữ tìm đến đầy núi. Sư thường

giảng kinh Vô lượng Thọ quán gần hai trăm biến, dẫn ngộ tự tha, để làm nhà nuôi dưỡng thần. Văn từ đã sáng tỏ, giảng cũng hợp duyên, tùy việc dẫn dụ, người nghe không sót. Mỗi người tự nắm xâu chuỗi, miệng đồng xưng niệm danh hiệu Phật, lúc tan pháp tịch tiếng niệm vang tràn khắp hang rừng. Có người tà kiến chẳng tin muốn chống báng hủy phá, đến lúc thấy tướng lành của Sư, tự nhiên nuốt hơi mà trở về. Sư có năng lực Đạo cảm vật tình đại loại như thế.

Vào ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Sư biết vận mạng sắp hết, nên thông báo sự tướng, mọi người nghe đến đầy cả núi. Và đều trông thấy Pháp sư Đàm Loan ngồi trên thuyền bảy báu, bảo với Sư rằng: “Nhà Tịnh độ của ông đã hoàn thành, chỉ vì dư báo chưa hết!”. và thấy Hóa Phật trụ giữa hư không, hoa trời rải xuống. Các hàng nam nữ đều dùng xiêm y để hứng lấy, mỏng manh trơn láng dễ thương. Lại cắm hoa sen trên đất khô bảy ngày mới héo, cho đến các tướng lành khác chẳng thể ghi hết. Nếu chẳng do hạnh cảm khắp cùng thì đâu thể thông hội như thế?

Đến năm bảy mươi tuổi, tự nhiên trong miệng Sư răng mọc lại như cũ, hoàn toàn không khác lạ, thêm vì báo lực mạnh khỏe, dung sắc thạnh phát, Sư bàn nói Tịnh nghiệp lý vị tuôn trào, từ nhã bao gồm súc tích, khí đượm thuần cẩn. Và Sư khuyên người xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc dùng các vật như đậu mè, v.v... để làm số lượng, cứ xưng niệm một danh hiệu thì để vào một hạt, cứ như thế tích chứa cả mấy trăm muôn hộc. Và dùng sự kết duyên, khiến cho nhiếp lự tĩnh duyên. Các hàng đạo tục ảnh hưởng sự dắt dẫn ấy, mong ngóng Đạo phong mà thành thói quen. Lại nữa, hằng năm, Sư thường đục lỗ các hạt cây loan để làm số pháp. Dạy răn bốn chúng, Sư thường bảo họ xưng niệm, thường bày điềm lành, đầy đủ hành đồ. Sư có sạon “luận Tịnh Độ” hai quyển, nói về các ngài Long Thọ, Thế Thân. Cho đến Tăng Loan, Tuệ Viễn đều tu theo Tông Tịnh Độ, chỉ bày rõ ràng lời dạy. Văn từ ý chỉ bao gồm rõ ràng các khuôn phép hoằng hóa. Truyền đăng trong huyện Vũ, chứa nhóm nhiều năm càng đổi mới.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) kính trọng sự đào luyện bóng sáng phong thần, nghiên tinh học Quán, nên lại trình bày về tướng của Sư. Từ lúc Sư tu theo Tịnh nghiệp, lúc ngồi thường xoay mặt về hướng Tây. Sớm tối chỉ mặc một pháp phục mới sạch làm thể, nghi mạo sung mãn, khắp Tinh Châu mọi người đều suy tôn. Ánh mắt Sư sinh gió, thư nhan dắt dẫn. Mỗi ngày sáu thời dốc kính, như lúc ban đầu không hề thiếu sót. Tiếp xướng vâng lạy, từ thưở bình sinh đến nay chẳng dứt. Vừa có

lúc rảnh rỗi, miệng liền tụng niệm danh hiệu Phật. Mỗi ngày lấy số bảy muôn làm hạn định. Từng tiếng từng tiếng đều mở mang Tịnh nghiệp cho nên được khuôn đúc, có Thầy nhận biết dạy răn Quán Môn, Tây hành rộng lưu bố, người ấy chính là Sư.

Có Sa-môn Đạo Phũ là vị tăng nổi tiếng vốn trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, vì lánh tiếng tăm mà tìm đến. Đã đến chùa Trung Huyền, đồng cùng hạnh nghiệp, tuyên dương mở mang Tịnh độ, do đó càng tăng thêm. Nay có kẻ biếng lười, miệng truyền Nhiếp Luận, chỉ duy tâm, chẳng niệm, duyên cảnh lại trái, lấy đó để chiêu sinh, sợ khó tiếp nối tư tưởng.

Năm nay, Sư đã tám mươi bốn tuổi mà thần khí sáng suốt, tiếp nối tông thừa còn tỏ sáng.

10- Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mậu Thắng ở Mật Châu:

Thích Minh Tịnh, người xứ Mật Châu, xuất gia từ thưở thiếu thời, lấy Tam-muội, thiền định làm nghiệp, khiết chí trung kính, thuần hậu lắng trong, Sư thường ở bờ biển núi mông sơn, ngồi yên suốt mấy mươi năm, mọi người chẳng thể lường biết.

Sau, Sư đi về hướng Nam, đến các núi Đông Việt, Thiên Thai. Thiền Quán trong tâm, chẳng duyên với thói đời, y phục lam lũ, động chỉ đúng thời. Các bạn cùng tu Thiền đồng kính ngưỡng. Ở núi đến lúc lương thực đã hết. Mỗi ngày Sư vào xóm khất thực, thọ trai xong trở về, giữa đường gặp một đàn hổ đều há miệng nhắm mắt, dáng vẻ như đói lắm. Sư bảo: “Ta kinh hành qua nhiều núi đầm, không có tâm khiếp sợ hổ cọp, nay nằm xếp hàng bên đường há chẳng là vì đói ư?” Sư bèn dùng thìa múc cơm bỏ vào miệng hổ, còn dư lại thì ăn hết. Sư lại bảo rằng: “Biết đến ăn thiếu nên luôn giúp dự tha, thật chẳng xứng cõi lòng, rất lấy làm hổ thẹn!”. Ngày hôm sau, Sư đi khất thực, hổ cũng lại như trước. Sư thường có duyên nầy nên Đồng bạn lấy làm lạ về sự độ sạch của Sư.

Sau, vì ở núi sâu đất ẩm thấp, rất khổ cho thân, Sư lại trở về góc biển, ở bên cạnh núi Mông Sơn. Trong vâng theo Đạo Quán, ngoài cảm ngầm thông, khiến tiếng tăm vang xa, thần kỳ ứng hợp. Có lần gặp lúc nắng hạn, lúa mạ đều khô chết. Những người ở Dâm tự vọng cầu mời thỉnh, tuy rất khẩn thiết chí thành nhưng không thể đạt được. Sư bảo rằng: “Hãy bãi bỏ hết các thứ cầu đảo tà vạy, riêng tôi có thề cầu mưa”. Sư liền kết trai nơi tĩnh thất. Qua bảy ngày, vào lúc sáng sớm, mây bủa

mưa tuôn, khắp nơi cao thấp đều tràn đầy, trăm dân đều được lợi, kính trọng Sư như thánh.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, từ mùa Đông năm trước đến mùa Hạ năm sau, suối sáu tháng không một giọt mưa. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban chiếu mời cả Đạo Giáo, Thích Giáo Sa-môn Đạo sĩ đến các miếu nơi núi chằm rừng rạch, cho đến Dâm tự thảy đều cúng tế khẩn cầu. Khi đó, khắp cả muôn dặm đều hừng hực như lửa, hoàn toàn không có ứng nghiệm. Từ triều đình cho đến thôn dã mọi người nhìn nhau thảm thương, không nơi nương cậy. Có quan Thị Lang họ Phan từng làm quan tại Mật Châu, biết Sư có khả năng cảm ứng, bèn dâng trạng văn tấu trình. Vua liền ban sắc thỉnh Sư đến kinh đô để cầu mưa. Sư bảo không cần một phí tổn gì, chỉ nguyện tĩnh niệm Tam Bảo, ban đức Từ cứu giúp bốn loài chúng sinh. Sau bảy ngày sẽ ban giáng cam trạch. Nếu muốn báo đáp ân đức thì khắp trong nước các chùa bỏ trống đều độ tăng đồng thời thí đặt tên gọi để mở mang Thánh Đạo. Vua ban sắc chấp thuận. Tuy không cung cấp mà riêng ban dầu thơm. Sư ở trong phòng vắng chùa Trang Nghiêm ngồi Thiền. Đến sáng sớm ngày thứ bảy, Sư hỏi người thủ vệ rằng: “Ở phía Tây bắc ngoài trời lẽ ra có cầu vồng mầu trắng, hãy thử ra xem có phải như vậy không?” Theo lời Sư bảo liền trông thấy. Sư bại bảo: “Mưa sẽ đến!” chỉ chốc lát, mây bủa giăng khắp cùng, chợt mưa xuống suốt đến chiều, khắp trong nước đều đượm nhuần. Trăm Quan dâng biểu tấu trình khen ngợi công lao của Vua, còn ân đức của Sư toàn không nói đến. Mưa mới vừa tạnh, việc nông liền bày, lúa mạ tuy ra gò, lại không có cơn mưa kế tiếp nên đều héo ngã sắp chết. Không phương bày tính. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh đích thân đến chỗ Sư, thỉnh Sư trở lại cầu mưa. Sư bảo: “Việc thăng giáng của mưa phát xuất từ Vua Tôi. Minh Tịnh tôi đâu có đức gì mà dám cán đáng? Trước hứa thuận mà không báo nên u hiển đều lo buồn. Nếu tu cầu thỉnh thì mưa cũng sẽ ứng đến.” Phòng Huyền Linh bèn đem việc ấy tấu trình. Vua lại chấp thuận. Vua bèn ban sắc tạm đình chỉ việc thế tục. Cả triều đình mọi người đều thọ trai. Sư lại y như trước tĩnh tọa, đến cuối ngày thứ bảy, trời lại tuôn mưa đượm nhuần như trước. Bèn thành đạt mùa màng, vua liền ban sắc độ tất cả ba ngàn vị tăng, để báo đáp ân đức của Sư. Sư có những điều ứng nghiệm khó suy nghĩ, tướng chẳng thể lường. Chỉ vì ở chốn Kinh đô ồn náo mà tánh Sư không quen, nên xin trở về chùa Mậu Thắng ở quê cũ. Ở núi, Sư buộc ràng hạnh nghiệp, chẳng biết về sau Sư thị tịch ở đâu!

Cũng ở chùa Mậu Thắng có Sa-môn Tuệ Dung cũng nhờ thiền

nghiệp mà nổi tiếng, ở núi uống ăn, chú nguyện vào nước để trị bệnh. Vua ban sắc mời Sư vào kinh đô trụ chùa Phổ Quang. Cả hai cung đều kính trọng, lễ dâng nối nhau.

11- Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu:

Thích Tuệ Hy, họ Triệu, người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu Sư xuất gia từ thưở nhỏ, khéo hiểu về Thiên vận, văn bút bóng bẩy thành chương. Sư nổi tiếng ngang với ngài Trí Vinh chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu, đều là Sa-di mà tài giỏi hơn người. Sau Sư cùng Sa-di Đạo Triệt chùa Đại Trạch ở Thành Đô liền vận Thi phú, hơi có hỏng lời, nhân đó bèn lắng bặt việc người đời, gá tâm vào thiền nghiệp.

Đến tuổi đăng đàn thọ giới cụ túc, Sư nghe giảng khắp các kinh luận, chọn lấy anh hoa để làm thường yếu. Với Nhiếp Luận, Tạp Tam, ngài tinh sưu chí lý, rất ưa thích Tam Luận là sớ Môn Quán. Sư từng hỏi vặn về nghĩa lý Trần Thức với Pháp sư Cơ. Mới đầu, Sư hỏi về Tiểu thừa, Pháp sư Cơ dùng Đại thừa để đáp chung. Sư bèn cười, bảo: “Đại thừa thâu nhiếp tất cả, chỉ mất Tiểu Tông”. Sau Sư đến chùa Không Tuệ ở phía Nam của Châu, lập tánh riêng lẻ, chẳng gặp gỡ đồng bạn, ăn uống kham khổ, chuyên tưởng hư huyền. Mỗi lần Sư ngồi đóng cửa hơn hai mươi ngày. Tăng chúng cho rằng Sư không ăn đã lâu, sợ chết mất thân mạng, giả lấy lời thừa mà bảo rằng: “Nước nhà đang tìm kiếm những người có khả năng tài nghệ rất gấp. Nay không ăn đóng cửa, người đời cho là Thánh, dứt bặt lưu ngôn. Xin đúng thời ở trong chúng”. Sư sợ sự cải vã, bèn mở cửa mà đến ăn. Do đó, mãi đến nay gần ba mươi năm, Sư một thân riêng lập không nuôi người hầu. Ngày ăn một bữa mà thôi, không nhận của người cúng thí. Nơi nào có giảng hội thì đến nghe. Đêm ngủ trong phòng cũ, chỉ ngồi nơi giường tâm, hai đầu trần hợp. Trong phòng chỉ một dấu chân, ngoài ra đều là rêu xanh, y phục đều thô xấu chỉ dùng để ngăn gió lạnh, mùa đông thì thêm áo nạp, mùa hạ mặc áo vải bố, qua khỏi mùa Đông cởi bỏ áo nạp, vắt trên xà nhà.

Có người nghe tiếng tăm Sư, đến phòng tham bái, rước đưa tiếp đón nhiều ngày mới thấy. Khi đó có người hỏi lời sâu sắc, lời lẽ cao xa, từng tham dự ở đầu hàng đều kính sợ. Năm ngài chín mươi tuổi Sư thị tịch. Nay hiện còn đủ mọi sự thấy nghe.

12 – Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu.

Thích Thế Du, họ Trần, người ở xứ Đài Châu. Cha mẹ Sư đều mất sớm. Sư tự làm thuê mướn để sống. Thân hình Sư khỏe mạnh to lớn, cao

tám thước ba tấc. Sư mong hướng về Phật lý mà không do đâu để đạt được.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy. Sư đến chỗ Pháp Sư Luân chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu xin xuất gia. Ngày chỉ ăn một bữa, thực hành hạnh Đầu-đà, cần khổ liên tục. Sư lại đến Lợi Châu ở chùa Tịch Trụ. Sau đó lại đến núi Hưởng Ứng thuộc huyện Miên Trúc ở Ích Châu, ở riêng một mình nhiều năm. Có bốn con vượn cung cấp thức ăn như trái cây rừng v.v... Có Cư sĩ Mẫu Gia Sinh mạng lương thực đến dâng cúng, kinh dợ nơi rừng sâu, thường xông đốt các thức hương huân lục trầm thủy v.v... khi trở về núi, giữa đường gặp hai người, hình tướng rất khác nhau mặc y phục mầu xanh, tướng mạo ít thấy ở đời, cầm hoa sen, khoai nước, mía mà đi lên, bảo là “Ta đến cung cấp cho Thiền sư ấy”. Sư ở núi ấy trong ba năm, ăn dùng gạo chỉ hết một thạch bảy đấu, mỗi ngày sáu thời hành đạo, lấy vượn khỉ chim thú làm bạn. Mới đầu chỉ có một dòng suối, sau có đến ba dòng suối lại tuôn chảy xuống dưới.

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường Sư nằm mộng thấy có bốn con rồng lại và vào trong tim mắt Sư, lúc tỉnh giấc, ngài đại ngộ tông chỉ của Tam luận. Sư bèn đến dưới pháp tòa của Pháp sư Linh Duệ, nghe giảng Từ lý rõ ràng như xưa trước, liền đó Sư thuật đáp, nhân tiện Sư đến Miên Châu trụ chùa Đại Thí.

Đến ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Sùng Lạc, bảo là sắp đi phương xa. Có người dụ rằng: “Chỉ ở tại chùa này chính là các phương!”. Nhân đó, Sư trở về lại phòng cũ ở chùa Đại Thí. Có mùi hương thoảng khắp phòng. Nơi chỗ Sư ngồi vọt lên ba đồng tiền vàng. Cả chúng tìm theo mùi hương từ phòng Sư lan tỏa ra, mới thấy Sư đang ngồi kiết già trên tay còn bưng lò hương. Thứ sử Lưu Đức Oai mừng vui với điều chưa từng nghe thấy, bèn làm khám mà tôn trí nhục thân Sư ngồi vào đó, qua ba năm vẫn không nghiêng ngã. Sư thọ sáu mươi ba tuổi.

13- Truyện ngài Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà tại Nhiếp Sơn:

Thích Trí Thông, không rõ Sư là người xứ nào. Trước kia Sư trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô. Sau, Sư trụ chùa Chỉ Quán, chuyên nghe giảng Tam luận.

Sau thời nhà Trần bình yên, Sư lại qua sông đến trụ chùa An Lạc ở Dương Đô. Nghiệp lớn đã sụp đổ, Sư muốn trở về mà không có cách, bèn ẩn trong Giang Địch tụng kinh Pháp Hoa suốt bảy ngày mà không

cảm thấy đói, thường thấy bốn con hổ đi nhiễu quanh đó mà thôi. Từ khi không ăn đến nay đã mười ngày, Sư bảo: "Mạng ta chỉ trong khoảnh khắc, các ngươi cần thì hãy ăn đi!". Hổ đáp: "Từ lúc Tạo thiên lập địa, không bao giờ có lý ấy!". Bỗng nhiên có một ông lão tuổi chừng tám mươi, bên dưới giấu một chiếc thuyền đến bảo Sư rằng: "Sư muốn sang sông đến ở chùa Thê Hà thì có thể liền lên thuyền!" Bốn con hổ cùng một lúc trong khóe mắt lệ tuôn trào. Sư bảo: "Cứu giúp ách nạn, chính là ở hôm nay, xin hãy cùng đưa cả bốn con hổ!". Khi ấy đến bờ phía nam rất nhanh, nhìn lại thuyền và ông lão thì không thấy đâu nữa! Sư bèn dẫn bốn con hổ đến phía Tây tháp Xá-lợi ở chùa Thê Hà, kinh hành ngồi thiền, thề chẳng nằm ngủ. Đồ chúng trong chùa có tám mươi vị chẳng ai dám ra ngoài viện. Nếu mỗi lúc có việc dữ thì một con hổ vào chùa lớn tiếng gầm gừ báo với chúng tăng, do đó mà việc báo tin lấy đó làm cách thức. Sư cho rằng ở núi rừng sâu xa lương thực khó cúng cấp, bèn hướng dẫn ba trăm Cư sĩ ở Dương Châu làm người làng xã gạo. Mỗi năm riêng đưa đến một thạch, lấy đó làm lương thực cung cấp ở núi, nên các hàng tăng tục cho đến chim thú thảy đều được cấp giúp.

Đến ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi hai (648) thời Tiền Đường, sau khi tiểu thực, Sư đến chùa Chỉ Quán, đảnh lễ ảnh tượng Đại sư, tay bưng lò hương đi đảnh lễ khắp, lại đến lễ bái tháp mộ ở chùa Hưng Hoàng, rồi về lại phòng cũ, ngồi yên mà thị tịch. Có mùi hương lạ xông tỏa khắp cùng. Khắp thành quách Đan dương, các hàng tăng tục đã thọ giới với Sư có hơn ba ngàn người cùng kéo nhau đến núi, buồn khóc tiếc thương khắp cả rừng hoang. Sư thọ chín mươi chín tuổi.

14- Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô Giới:

Thích Tăng Triệt, họ Cận, người ở xứ Vạn Tuyền thuộc Hà Đông. Tánh Sư giữ giới trang nghiêm, chuyên nghĩ muốn xuất tục. Từ thân cúc dưỡng chưa được toại ý. Đã đến tuổi trưởng thành bèn vâng theo chí trước, Sư thích hạnh Lan-nhã, tìm cầu ở Bồ phản, chuyên tu Bình Đẳng quán, thực hành Pháp Thật ngôn, bốn tục quy hướng tiếp thừa, hoằng hóa Liên ấp.

Có núi Cô, còn gọi là núi Giới, là nơi đất xưa của Giới Tử Thôi. Núi đó ở phía Nam là thôn Dương giới. Sư bèn nương tựa theo mà kiết lập nghiệp. Lấy hang đá làm nơi che chở, múc dùng nước ở chỗ trũng sâu, nhiều năm kính thờ Đạo, đối với chúng sinh đều đề cao. Mỗi người

tự xả thí của cải sức lực để cùng nhau tạo dựng cơ đồ. Đất ở đó vốn cao xa hiểm trở, từ xưa không hề có nguồn suối, Sư nghĩ trong sự nhọc mệt có sự thắc kết nên sáng sớm bèn đi lên trên đảnh non cao hiểm trở thấy như có nước thấm ướt, bèn dùng mũi nhọn dẫn thì ứng theo tay Sư mà dòng suối tuôn chảy. Các hàng tăng tục nghe thế kinh hãi khen ngợi nương theo. Sư lại mở rộng chỗ ở, xây dựng thêm phòng nhà. Thứ sử Tần Châu là Phòng Nhân Dụ dâng tấu biểu văn trình bày việc ấy, xây dựng ngôi Già-lam. Vua ban sắc chấp thuận. Nay tức là chùa Hãm Tuyền.

Các hàng Công tử vui mừng thỉnh Sư về làm chủ chùa. Nương theo vật mà bàn, Sư bèn theo đó. Những người kính mến Đạo nghĩa ở bốn phương cùng nhau đoái hoài nương tựa đến nơi cửa nhà rất đông. Đến lúc Từ Vương Bộ Giáng thì chùa lại thuộc về đó. Xe lọng lại tìm thỉnh Sư về ở châu ấp, dốc lòng kính lễ, hậu cúng càng lớn. Không bao lâu về lại núi, kính sùng Đạo nghiệp trước. Tánh Sư luôn tỏ nhân từ, mở mang cứu giúp thành việc chính. Do đó, đàn chim đến ăn trên tay Sư, đêm về nhạn liệng quanh dưới mái hiên. Tuổi vượt qua Trượng Quốc mà không hề tật bệnh. Bỗng nhiên Sư bảo với tăng chúng rằng: “Tôi sắp đi!” Thọ trai xong, Sư thâu y pháp, ngồi kiết già, nhìn khắp đồ chúng, dùng lời thanh tịnh trong sáng mà dạy răn. Xong rồi, Sư bảo tất cả đều ra khỏi phòng, chỉ để lại một người hầu. Sư bảo: “Phàm thần thức gá vào thân, nương vào đó mà có hơi ấm. Đến lúc mạng dứt thân lạnh mới được xúc chạm đến tôi!”. Dặn bảo xong, Sư nhắm mắt như nhập định. Lâu sau đến xem mới biết là Sư đã tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Trước lúc Sư chưa tịch suốt ba buổi sáng, cây rừng đều biến thành mầu trắng, mây bủa giăng như ngăn che, bặt dứt không thấy được Đông Tây. Các hàng tăng tục đua nhau kéo đến, thực hành lễ tâm tang, dời đến hang Linh sơn, lại y như ngồi. Các hàng phủ huyện quan thứ đều cùng nhóm họp. Ngày đó gió trong cảnh sáng, hoa trắng tung rải, sáu lần phát ra ánh sáng sạch như tuyết băng, lấy y tiếp thừa thì chẳng bao lâu liền tan. Sau ba năm Nhục thân Sư vẫn ngồi như lúc ban đầu. Môn nhân thay đổi chiếu, y phục Sư không một chỗ thấm mục, bèn sơn phết thêm. Các hàng đệ tử nghĩ nhớ giáo nghĩa nằm nghiêng hông bên phải trong rừng Song lâm, ôm hoài lời ca hai cột đối mang tay, lấy đó làm tướng tốt thiết lập tượng, khai mở sự tôn nghiêm của hàm thức. Pháp tuệ lời sáng thật là bến bờ cứu giúp để siêu sinh. Bèn đến kinh ấp, phụng kính xây dựng Bia C ao, cao một trượng năm thước, khắc họa tôn tượng, viết chép kinh và ghi lại ngôn hạnh, dẫn trở lại bổn tự nhóm chúng cùng

dựng lập. Độ Chi Thượng Thư Đường Lâm, xưa trụ tại Vạn Tuyền khen ngợi tiếp thừa việc thế tục. Tánh hạnh chuyên kính tin, vốn kính thờ quy y. Sau ra làm Quan ở Hoa Tĩnh, thường tu cúng dường, đoái hoài chỉ gốc Đức, bèn khắc bia minh, v.v...

Thử Luận Bàn:

Trong Kinh chẳng đó ư? Thiền Trí đều vâng, niệm tuệ cùng phát. Thần đi trong giác quán, chiêu cảm tiếp nhanh. Vì sao biết như vậy? Chỉ do cõi Dục loạn thiện, tánh cùng cực ở sáu tầng trời. Sắc có Định nghiệp, thể bít Bát Địa thông làm thế kết, ưa thích mùi vị chẳng khác. Không gì chẳng phải Tập Đế trọng khinh nên được quả báovui khổ, rốt cuộc phải luân hồi trong các cõi, không thể nói chắc chắn được siêu sinh. Vả lại, y cứ vào hai duyên Loạn và Tĩnh, nên lược chia thành hai ngôi vị ấy. Nhưng Thánh hiền trong ba thừa cho đến các đường trong sáu tà cùng muốn nhàm chán phiền não, gá nghỉ tâm lự, không ai chẳng y cứ nơi Sơ Định. Vì tâm có khác ở Thô và Diệu, tuệ khai mở thông cục, bèn có tất cả, nhờ một địa vị đó mà được kéo dài căn cơ của Tà Chánh.

Từ khi Phật giáo truyền bá đến phương Đông, người tâm học rất ít. Mãi đến đời Tấn, mới nghe có Duệ Công, nên lời tựa trong đó đề rằng: "Tuệ lý tuy ít, nhưng đủ để mở thần đạt mạng. Thiền Pháp chưa truyền, còn như nhiếp duyên buộc tưởng, không chốn gởi gắm tâm. Bấy giờ, phiên dịch Đại luận có trải qua thiền môn, nhân vì Tâm cầu mở rộng hạnh chuyên ấy, nên ngài Đồng Thọ (Cưu-ma-la-thập) mở mang sự rộng thí đó, bèn phiên dịch ra các Kinh Thiền Pháp yếu giải, v.v... Từ đó trở về sau noi theo càng nhiều, các Sa-môn Đàm Ảnh, Đạo Dung giũa mài tinh tấn ở Hoài Bắc, các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Quán siêng năng tâm chí ở Giang Đông. Nương gá núi rừng, nhóm kết đồ chúng thì có Sa-môn Tuệ Viễn nêu tông. Riêng đến cô chinh thì chư tăng có nhiều hiển dị. Tuy là truyện của nhiếp tâm, nhưng bấy giờ hoặc có sót lời, mà đều tích chứa phương nghi, lại mở chánh cấp, không thể lấy làm lạ!

Mãi đến thời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502 - 550) thời Nam Lương mới mở rộng Định môn, tìm nêu trong nước có những vị tâm học, tất cả nhóm họp đến Dương Đô, xét lường sâu cạn tự làm thành Bộ loại. Lại ở Chung Dương, hai nơi trên dưới đều xây dựng Định Lâm, khiến các Đồng bạn tức tâm nương gá nhàn cư mà tổng tập. Bấy giờ, Phật pháp giáo hóa tuy hưng thịnh, nhưng phần nhiều là biện tuệ, văn từ bén nhọn,

sở chỉ như sóng nổi lấn lướt nhau, còn như nêu dẫn hoàn toàn không tính toán. Có thể nói là luống có Danh nêu cử, hoàn toàn thiếu sự thật của trực tâm, tin được vậy ư?

Hoặc có người hỏi rằng: "Đức Đại Thánh lập ra chánh giáo, ở đầu thời Chánh Pháp, tượng pháp thì Pháp Thiền lưu hành rộng, nghĩa đáng tu tập. Hiện nay chẳng phải thời kỳ ấy, bặt dứt sự nảy nở tiếp nối, thứ lớp chẳng thường, nên gọi là Mạt Pháp. Bèn vâng theo hạnh giới. Ấy là cùng cực?"

Xin trình bày đó. Nhân vì lời tựa nói rằng: Vốn lập bày chánh pháp, tượng pháp trùm khắp các cơ duyên, còn như đối với người chuyên Đạo thì không thời nào chẳng khế hợp. Nhưng vì trong giáo điển rộng nêu hai hạng người tin Pháp. Thật là do các căn cơ lợi độn, do đó, mà đến thời phân vị. Nếu trở về với nguồn cội, thể nhận được Đạo sâu, nhàm chán các Hữu Học, đức ngang bằng với Phật ra đời nên một ngàn năm đầu là Chánh Pháp, tức là hội với Chánh thành Thánh, cơ ngộ chẳng khác. Tiếp đến một ngàn năm thức hai y cứ vào giáo để tu học, tình gieo tiệm độn, hội lý chẳng phải giai vị. Nhiếp tĩnh trú trì có phần thông với Tánh chỉ, nhưng đối với Tuệ Thích, thì chưa tu sáng lắm, tương tự với dòng Đạo nên gọi là Tượng giáo vậy. Đến sau một ngàn năm thứ ba, là nền tảng đầu tiên của Mạt Pháp. Cho đến một vạn năm, thì lìa đạo Định Tuệ, chỉ mở mang luật thế gian. Tướng oai nghi nhiếp hộ đồng với dấu vết thiền, nhưng tâm dùng phù động hoàn toàn trái với Chánh Thọ, cho nên đều xem đó là Mạt Pháp, theo Luật Thiện Kiến thì Mạt pháp có mười ngàn năm. Hộ trì tiếp nối mở mang ở đời, vết tích đáng ghi chép. Nếu y theo ma tà, thời qua ngàn năm, chẳng tu Tĩnh Quán, là chẳng phải thông luận. Ước Tướng hai đầu mối thì mâu thuẫn trái với dấu vết, y cứ Duyên mà Phán giáo thì mỗi giáo đều có chỗ tột cùng của nó. Còn như tình đời phiền nhiễu, người hiển bày sắc sảo kỳ đặc thì mới dạy nhiếp trì, đều đắm trước mê mờ. Bởi do huân tập đã lâu xa, Tông tượng khó thường, ngay trước mắt dễ quán, chưa vội vàng theo Thật giáo, Thiện Kiến mười ngàn năm cũng là khuôn phép sáng. Y cứ theo nghĩa pháp tu đủ thì nghĩa không chẳng thật có. nên trong lời tựa của luận nói rằng: "Năm ngàn năm đầu chứng đắc ba Đạt trí, sau năm ngàn năm chỉ vâng theo giới pháp. Trước y cứ Đạo Pháp dùng Lý Quán mà trụ trì, nên gọi là Nhập Thánh. Lường xét có theo vậy. Sau tại Sự loạn, Tướng Pháp Trụ Trì, làm sao nhập Đạo, nên nói như vậy. Nếu nước tâm gợn sóng thì nghiệp đời khó thành. Lắng tưởng lìa duyên thì lý tự hiển bày trong lắng. Niết-bàn tiếp nối Định, há chẳng phải như vậy ư! Nên

khiến những người ngồi yên trong xóm làng thì Thần Tiên đến chê bai, giữa rừng trống mà nằm ngủ thì các Thánh đều khen ngợi. Thật gá tĩnh cầu tâm thì tâm dễ nhiếp, nhờ nhiếp tâm nên được giải thoát!

Trong luận Thành Thật có nói, đó có thể bắt chước theo. Ở đời có hạng Định Học vọng truyền Phong giáo, bị ràng buộc bởi tục nhiễm, lẫn lộn xem thường nghi tích. Ngay nơi sắc mà rõ không, đã bàn đó ở tâm miệng. Thể nhận được Loạn mà Tĩnh, thì thân có lụy. Thần dụng chìm đắm nơi từ lệnh, Định tướng mục rữa ở môi mép. Bài bác Tiểu thừa Đại thừa, riêng dựng lập một nhà, nhiếp giúp trú trì, ở nơi trái hẹp. Truyện trước trong lời tựa của Luận Đại Trí Độ có nói đầy đủ rõ ràng. Khoảng lâu đến nay, y cứ càng đông nhiều. há chẳng phải vì sức kém, lại thêm quên Đạo. Thần mau dứt lự ở quê nhà? Do đó, gá tĩnh dừng tâm, các sách đều truyền linh dị ấy, chỗ rầm rĩ nhiếp lự, xưa nay chưa bày sự cảm thông, tin đáng nương theo. Ở thời Bắc Tề tại Hà Bắc chỉ có Sa-môn Tăng Điều riêng thạnh. Thời Bắc Chu ở Quan Trung chỉ có Sa-môn Tăng Thật tôn vinh. Báu trọng quán phương giá được lắng an. Thần Đạo thông suốt, chế phục gượng ngự. Đến nỗi khiến vua Tuyên Đế mang vác dốc hết phủ tạng ở ngài Vân Môn. Trủng Tể giáng thềm triển bày quy tâm nơi chùa Phước. Thật là có ý đồ. Cho nên khiến Vươn Định ở Trung Nguyên phân mở cương lãnh. Chỉ hai Hiền giả này tiếp gót truyền Đăng, giáo hóa chẳng dứt, mà lại giã từ rừng hoang về ở thiên môn. Đó là cậy vết trước của Đại Ẩn, bỏ chí cao của Vô duyên, cuối cùng gá thân ở Long Tụ. Cho nên thuộc về Hành tàng hữu nghi ư?

Có Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma là bậc Thần hóa cư Tông, mở mang dẫn dắt ở Giang Lạc. “Đại thừa Bích Quán”, công phu Đạo nghiệp rất cao. Các hàng cầu học ở đời, quy hướng kính ngưỡng rất đông, nhưng lời tụng khó cùng cực, tinh cần giũa mài khắp thiếu, xét kính mến khuôn phép ấy, trừ sạch giữ chí. Quán sát sự Lập ngôn đó thì chỗ y cứ của tội phước cả hai đều xả. Rõ đó Chân Tục giúp sức lẫn nhau. Hai vầng lưới Đế-thích chẳng ràng buộc được Không Hữu. Ái Kiến chẳng thể dắt dẫn, lắng tâm lự trù tính, cho nên dứt bặt lời ư? Nhưng quán xét hai tông tức hai khuôn phép của Thừa. Ngài Tăng Điều thì ôm hoài Niệm xứ khuôn phép lắng sạch đáng tôn sùng. Pháp ngài Đạt-ma là Hư tông, Huyền chỉ sâu mầu. Đáng tôn sùng thì tình sự dễ hiển bày. Sâu mầu thì lý tánh khó thông. Do đó, vật được từ nôm, ban đầu thì đồng với vạch tẩy. Còn như tâm dụng thì ngưng nghẽn, chỉ phiền phức đến cả bọn. Sai khó trình bày. nghĩa đáng kinh xa. Đào luyện sửa trị mới có thể gặp lúc. Thập Trụ La Cốc che lấp địa vị đó. Hạng kiến thức hẹp cạn, là bọn lưu tình.

Sáng vào thiền môn, tối mở mang phương thuật ấy, cùng cho truyền nói nghĩa là đều tự cùng nguồn. Thần Đạo mịt mờ ai rõ thông bít. Vậy nên biết, chỗ đến của tâm lự, chỗ mưu đồ của trí thức, không gì chẳng là vọng cảnh dối hoặc tâm. Đó chẳng thể trở lại soi chiếu. Sóng thức ấy chấp cảnh duyên tâm. Lắng sóng kinh hãi sinh nhiều Định Chướng, tức là chỗ biết của công dụng Định Lực. Ngoài làm sáng tỏ thuyết ấy, chóng khinh mạn kíp mê hoặc. Cho nên chưa rảnh để trị chướng. Ta trái ngược thường hành, chỗ trì tông của năng lực kia là chánh nghiệp. Chân vọng làm mê nhau, rốt cuộc khó thông hiểu. Nếu biết Duy tâm, thì vọng cảnh chẳng kết. Trái lại chấp cảnh trước thì chẳng phải sở hành của tâm. Luống không như thế, thì đâu thể luận Đạo?

Ở đời Trần có Sa-môn Trí Thôi, Sư là người kính ngưỡng Đại sư Tuệ Tư. Ngài Tuệ Tư thật là bậc sâu hiểu Huyền Vi, hạnh đức khó lường. Ngài Trí Thôi cũng rất có tâm gần gũi Định, tiếng tăm vang khắp giữa trời. Đến nỗi khiến vua chúa nhà Trần đều lãnh thọ Quy giới, vang tiếng đến Nam Đô, nhưng được mở mang rộng lớn, mất ở mặt đối trị. Sư rất được kính ngưỡng ở đời chẳng có ai hơn. Sư hội yết Hành nhạc, mới trình bày các lỗi, chưa kịp dứt trừ liền thị tịch. Đến thời vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) nhà Tùy dựng lập cơ nghiệp, riêng Tông Định Môn, hạ chiếu trình bày việc ấy, đầy đủ như trong Biệt truyện. Ở phía Tây Nam của Kinh Ấp, có xây dựng chùa Thiền Định, nêu mời khắp bốn biển, trăm ty cung cấp, các bậc Danh tăng cao đức đều lớn tuổi. Đến lúc qua đời không vị nào chẳng ngồi mà thị tịch. Mọi sự đều được tấu trình đầy đủ, Vua càng gấp bội quy y. Trải qua ba đời Vua đời Tùy đều xây dựng chùa. Mới đầu chiếu ban tìm rộng, cuối cùng là tạp Giảng đồ, cho nên không lấy. Ở thời ấy có Sa-môn Trí Khải cũng là vị Thiền sư được trọng vọng, điều chỉ biện giải sắc bén không ai chẳng rơi mác. Sự tượng ở chốn Thiên đình, vẻ vang khắp cùng triều liệt, không thể xem thường!

Đến như ngài Tuệ Siêu vỗ vuốt sâu hổ, ngài Đạo Thuấn quán bóng trâu, ngài Trí thông cảm hiện kỳ tướng, ngài Tăng Định chế phục giặc dữ. Tiết tháo như sắt đá, khí khái đồng mây xanh, đầy đủ rõ ràng ở Truyện sau, thảy đều tốt đẹp. Lại như Thiền chủ Tuệ Toản, còn mến chuộng hạnh Đầu-đà, hành hóa ở Tấn Triệu. Sâm cửa đông đầy, phỏng nghỉ oai nghi chẳng vượt Luật tông. Thần giải suốt thông, làm chỗ nương cho pháp. Nên được sự lý phù hợp, xứng với khuôn phép thường. đạo có thạnh suy, hẳn vì thời mất. Cho nên mời đến kinh đô, khi thị tịch trở về chốn cũ. Khoảng thời gian ấy, có Sa-môn Chí Siêu kế thừa ngài Tuệ

Toản, giúp tán đức hạnh bèn vượt qua khuôn phép trước, mẫu mực dạy răn, chìm đắm đầu mối. Cho nên sau khi ngài Chí Siêu thị tịch thì đạo phong ấy suy sụp.

Quán xét về hai cấp Tuệ Định, thì mỗi cấp tự bày khí khái của mình, đều đồng như mặt trời Phật, không hề chống đối, nhưng với điềm tốt lành thì nhiều lần dự thăm chưa được như vậy. Tức ở đời yên vui Thiên Tiên đều hộ vệ, thật kết quy Định học bởi khó đoạt mất. khoảng đời Định Sĩ phần nhiều tước bỏ nghĩa môn, hễ nghe được Đạo thì liền nương học, không hề nghĩ chọn, thuộc hiểu rõ kinh. Mỗi duyên cùng cực, ý chỉ phần nhiều khuyết thiếu tiếng tăm, nói lời chê trách thường rất nhiều. Hoặc là đắm trước Thế định cho là thực hành Chân Không. Tụng niệm Tây Phương, với mục đích diệt hoặc, cổ đeo xâu chuỗi, loạn bấm mà xưng là Thiền số, mặc áo nạp khất thực, tất cả đều cho là tâm Đạo. Lại có người nương gá điện đường, nhiễu quanh rất mực chí thành. Tà ngưỡng an hành, vẫn còn khúc kế, chấp cho là đúng, còn các pháp học khác đều làsai. Băng này tưởng chẳng phát ra tiếng rào rào ai hay, đều là giới thủ và kiến thủ. Chánh sử hiện hành, đắp thêm chẳng trừ, tăng thêm ngu lỗ. Vừa như cắt lưới đời, mới bắt đầu tham dự Pháp Môn, rộng nghe kinh luận, rõ suốt giới tuệ, sau đó quy thần nhiếp lự, gá chuẩn Thánh ngôn. Động thì theo giới răn tu, tĩnh thì chẳng quên trí trước. Phải là nhân pháp hai kiếng, chân tục bốn y. Đạt Trí chưa biết, đâu còn vọng thức? Tu Định như thế chẳng phải Trí chẳng phải Thiền, thì non Hành bờ Đài quạt lên ngọn gió ấy. lại có hạng cùng mê đồng tốt, nhóm kết sơn môn, Trì Phạm mịt mờ, động mang lưới hình, chuyển vận cân nhận, chẳng lánh chủng sinh, nóng bừng uống ăn, đâu hổ thẹn xúc chạm. Lại có hạng lập tánh cứng rắn mạnh mẽ, chí chuộng Hạ lưu. Bạn lành chẳng tìm, kinh chánh ít tụng. Vừa nghe một câu là cho là Tư Nam xướng lời, Ngũ trụ nghiêng lâu, Thập Địa sắp mãn. Pháp tánh sớm thấy, Phật trí đã rõ. Đó đều là y cứ vào cảnh mà trụ tâm, vọng lời lắng sạch. Trở lại duyên tâm trụ, gá tướng mà chuyển tâm, chẳng rõ tâm dời đổi nên cứ rỗng gá. Sinh tâm niệm tịnh đâu hội chân được. Nên trong kinh trình bày tâm tướng vùn vụt thúc giục chẳng ngừng, lưỡi rắn lửa dữ, ở núi tuôn nước. Niệm niệm sinh diệt, biến chuyển thường mới. Chẳng biết loạn niệm, cứ có tâm chấp. Tướng mạng Thiền tông chưa rõ chữ Thiền, hạng người như thế số lượng rất nhiều, làm cho giảng đồ bày khinh loại ấy. Nên ở đời có ngạn ngữ rằng: “Ông già không biết, Thiền sư nghĩa chỉ. Ngu phu loạn thức cùng quy minh đức”. Trái với mê đều có Đại chiếu, tùy vọng khắp che, chân khoa chẳng nghĩ, lời đó cùng

bàn về Danh Thật. Lão phu chuyên hành Định tuệ, xét ở Quán Môn, các luận chỗ trình bày đều làm minh chứng. Thông suốt đến cùng, thì là công phu Định Học lìa loạn, nghiệp thấy hoặc thì Tuệ sáng. Nên hai vòng xe trải qua, ngang bằng đồng với chân tục. Do đó tư duy xa động đến gió trong lành. Điều thật nêu ở Hoa vọng. Để lại về sau, cậy nơi nguồn ấy có thể tìm. Đó đều là chỗ đồng ghi chép của người xưa. Há là rỗng hư không ư!

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 20 hết)

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 21 A

Chương III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 6 CHƯƠNG III
(chánh truyện có mười ba vị, phụ có một vị)

1/ Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu, thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô.

3/ Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu.

4/ Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu.

5/ Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu.

6/ Truyện ngài Thích Đạo Vượng trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu.

7/ Truyện ngài Thích Pháp Hiển trụ chùa Tứ Tầng ở Kinh Châu.

8/ Truyện ngài Thích Huyền Sảng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu (Tuệ Phổ).

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu.

10/ Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu.

11/ Truyện ngài Thích Tăng Luân trụ tại Suối Lâm lạc ở Vệ Châu.

12/ Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở kinh đô.

13/ Truyện ngài Sa-môn Thích Trí Nham ở Đơn Dương.

1- Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu:

Thích Tuệ Tường, họ Chu. Năm mười lăm tuổi xuất gia, Sư thực hành hạnh Đầu-đà đi khất thực, im lặng tự thiền tụng, chẳng đồng với chúng. Mọi người chẳng lường biết Đạo Quán Sư sâu cạn, mà Cao

chuộng độ xa ấy. Sư nghe giảng Tam luận, nghe công phu của các ngài Đề-bà, Hộ Pháp, chẳng từ đều mở mối lo ở lòng, có tâm vô cùng kính mến. Đến các trường giảng, thấy những người oai nghi không nghiêm chỉnh, Sư bảo với mọi người rằng: “Tuệ Tường tôi sau khi thọ giới cụ túc, sẽ trụ trì tại chùa này, khiến đưa vào luật hạnh!”.

Năm mươi chín tuổi, Sư bị bệnh ba tháng, chữa trị không thuyên giảm. Nửa đêm, Sư ngồi mà than rằng: “Đại trượng phu vốn hiến thân cho Đạo, ở thời mạt pháp mà hàng phục kẻ Phi pháp. Cớ sao chí ấy chưa theo, mà bị bệnh khốn khổ như vậy!”. Đến lúc trời sắp sáng, có một người thân cao hơn trượng bảo với Sư rằng: “Chỉ nên tụng Kinh Niết-bàn, chớ buồn lo không lành!”. Đến sáng sớm, Sư liền tụng đọc suốt ba ngày, liền hết bệnh. Ngày năm đó Sư tụng thuộc, cuối cùng đạt được sự trông mong. Đến khi đã tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư nghe học luật, soi xét văn lý. Sư trụ chùa Ninh Quốc, thường giảng Luật Tứ Phần và Kinh Niết-bàn. Do đó hộ pháp duy trì, chẳng tiếc thân mạng. Những người có sự khuyết trái, nhìn vào Đạo phong của Sư mà sửa đổi.

Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, đang trong mùa hạ, nhân lúc thọ trai, trong miệng có được Xá-lợi, Sư không biết nên lừa ném bỏ dưới đất, liền trở lại ở trong miệng, như vậy qua mấy phen. Sư mới nghi là Chân thân. Dùng chày đá đập mà vẫn không vỡ, bèn đánh chuông báo với chúng tăng biết. Mỗi tháng vào ngày rằm, ngày ba trăm, chúng đều nhóm họp, Sư rơi lệ đốt hương cầu nguyện giáng hiện oai lực. Chỉ phút chốc phát ra ánh sáng năm mầu, có mùi hương lạ thoảng cùng khắp quách. Chúng đều trông thấy cho là ít có. Những người sống với nghề giết hại săn bắn đều đổi nghề, mới khiến trong chợ không có hàng bán thịt. Nhân đó, Sư cùng bốn chúng xây tháp chín tầng cao hơn trăm thước, đến nay vẫn hiện còn.

Mỗi ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng kể ít nhiều, ăn nhanh chẳng có ích, thể mạo Sư béo trắng, có thể cao hơn tám thước. Sư đi ngoài đường ai không biết cũng đều quái lạ kính ngưỡng. Thứ sử Lý Thăng Minh đến chùa, thấy Sư lấy làm lạ bảo với các quan rằng: “Đạo nhân này dung mạo béo phì như thế, mỗi ngày có thể ăn hết một con dê”. Nói vừa xong liền có cảm giác tay chân chẳng theo ý mình, cưỡi ngựa mất ngự chế. Các quan nói sự thật cho Lý Thăng Minh nghe. Lý Minh Thăng bèn đến sám tạ và được bình phục trở lại. Đại Sứ Quyền Mâu đến Đặng Châu thấy Sư lại lấy làm lạ. Lý Thăng Minh bảo rằng: “Đại đức này chẳng phải người phàm”. Và kể lại đầy đủ việc trước. Quyền Mậu không tin, xin được bảy ngày dùng thức ăn thô để thử, mà sắc da càng xinh đẹp.

Quyền Mậu phủ phục cầu xin sám hối tội không tin trước.

Đến lúc sắp tịch, trên tay Sư cầm quyển kinh, qùy thẳng mà bảo với đệ tử rằng: "Tôi sắp qua đời! Các ông khéo nên gìn giữ, chớ để dứt mất!". Lại cảm có mùi hương lạ thoảng khắp quách. Sư thị tịch lúc đó nhằm tháng tám niên hiệu Đại Nghiệp cuối cùng (617) đời Tùy, thọ bảy mươi tuổi. Khí mạng đã dứt mà Sư vẫn qùy thẳng như lúc đầu. Mọi người khắp xa gần đua nhau kéo đến, thấy sự kỳ lạ ấy, không ai chẳng khen ngợi.

2- Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô.

Thích Đàm Luân, họ Tôn, người ở xứ Lăng Nghi thuộc Biện Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia ở chùa Tu Phước, nương tựa Thiền sư Đoan. Nhưng Thiền sư tu học theo Thứ đệ Quán, bèn răn Sư rằng: "Ông nên buộc tâm vào đầu lỗ mũi thì sẽ được tĩnh lắng." Sư thưa: "Nếu thấy có tâm để buộc vào đầu lỗ mũi, xưa nay không thấy tướng tâm, nên không biết lấy gì để buộc". Mọi người đều lấy làm lạ về lời nói ấy, ngợi khen Sư mới học gần mà vì sao lại tỏ ngộ xa. Nên ở trong chúng cuối thời lễ bái sám hối, Sư liền theo nhập định. Đại chúng búng ngón tay tâm thường cung kính. Sau, có lần đang mang bình bát đến trai đường, chưa tới nửa đường, tự nhiên Sư nhập định, vẫn giữ bình bát không nghiêng đổ. Thầy Sư (= Thiền sư Đoan) rất lấy làm khen ngợi. Vào lúc khác bảo với Sư rằng: "Ông học thiền tọa, trước nên thanh tịnh hôn tình, giống như bóc củ hành, mỗi lớp bóc lột hết sau đó mới được sạch". Sư thưa: "Nếu thấy có củ hành thì mới bóc lột được, xưa nay vốn không có củ hành thì lấy gì để bóc lột?" Thầy Sư bảo: "Đây thật là rễ to cành lớn, tu chẳng bằng được, không sám sai sử nữa."

Từ khi tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, với mọi việc tụng kinh lễ Phật, Sư đều chẳng thực hành, chỉ đóng cửa phòng không ra ngoài. Đi đứng nằm ngồi chỉ lìa niệm tâm, lấy đó làm chí. Theo thứ lớp, Sư trông coi trị tuế, giữ gìn vật của chúng tăng, Sư ước định răn khắc người nhà rằng: "Chó có thức ăn riêng, chớ cho ăn cháo của chúng tăng". Người nhà cho đó là việc thường, chẳng nghe theo lời Sư, con chó liền mửa ra cháo của chúng tăng cho Sư thấy, sự nín thinh chẳng nói gì cả. Sau, Sư lại bảo: "Không được đem cháo của chúng tăng cho chó ăn". Người nhà trả lời dối rằng: "Không có cho". Đàn chó lại kéo nhau đến trước chúng tăng mửa ra cháo cho Sư thấy. Khi đó, các hàng tăng tục đều phục sự cung kính, thận trong của Sư. Lại có các hàng nghĩa học luận sĩ tranh cãi

đến hỏi, Sư tùy lời liền dứt trừ thắc mắc không hề quái ngại.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) xây dựng thiền thất, thỉnh Sư đến trụ ở đó. Sư lại đóng bít cửa nẻo y như trước mà thực hành hạnh nghiệp. Người đương thời đều gọi đó là "Ngọa Luận". Có Pháp sư Sán ở chùa Hưng Thiện là bậc Luận Thủ vô học của cả ba nước. Chẳng bao lâu, quái lạ về việc Sư nằm thiền nói hỏi cao xa. Bèn vào phòng cùng ngài nói năng tham cứu đúng sai. Sư bảo: "Tùy ý cùng xét". Bèn suốt ba ngày ba đêm đàm Đạo Pháp lạc chẳng ngủ. Sư thuật về Bát-nhã, hoa trong hư không chẳng có đáy, nước lửa không nương tựa, không chủ tể, chẳng lập Chánh tà, bản tánh thanh tịnh. Pháp sư Sán lại gieo mình sát đất, khen ngợi kính trọng Sư. Đường tâm không ngưng trệ chẳng thể suy nghĩ bàn luận mới như thế ấy. Sư ở tại kinh đô, các hàng tăng tục mời thỉnh nối nhau, mà căn cơ chẳng đồng nhất, mê ngộ có lắm hạng, tuy khéo vận dụng các phương tiện khiến họ tỉnh ngộ, nhưng mỗi người có kiến chấp riêng, thấy ta là phải, nên diệu lý ấy ít được lưu truyền rộng rãi.

Có Luật sư Huyền Uyển, Pháp Sư Tĩnh Lâm dẫn môn nhân là Tăng-già, Tịnh Đẳng qua lại thọ pháp. Chúng ấy đông như cá con. Cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh rất nặng. Ở bên cạnh chùa Trang Nghiêm nhìn xem lặng lẽ, có người hỏi Sư vãng sinh về xứ nào? Sư đáp: "Vô tận thế giới!" rồi trở lại lặng lẽ. Ngài Tăng-già đưa tay tìm thử xem lạnh tới đâu, riêng báo với mọi người rằng: "Lạnh đã đến đầu gối, bốn Đại chia lìa cũng nên sinh khổ." Sư bảo: "Khổ ấy cũng không". Có người hỏi: "Xả Báo thế nào?" Ngài đáp: "Ta làm chủ bốn Đại, chỗ đấu tranh đã đến, cong đầu gối, sau khi chết chỉ nên bó trong chiếc chiếu mà bỏ đi, chớ làm những việc khác!". Sư lại hỏi: "Đánh chuông canh năm chưa?" đáp: "Chưa, còn thời gian ngắn nữa vị Duy na mới đánh chuông". Trở lại xem thì Sư đã thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi. Các hàng môn nhân cầu học y theo lời Sư, đón rước đến Nam sơn, để lộ nhục thân Sư ở giữa chốn hoang vắng.

Có Bão Cư sĩ tên là Từ thị, từ thưở trẻ đã trái tục, ưa thích thiền quán, sống không vợ con, thân chẳng trang sức, gần gũi Đức âm của Sư mà điều tâm dưỡng khí giữ nhàn, giữ gìn nghiệp thừa của Sư hơn năm mươi năm. Nay đã bảy mươi lăm tuổi.

3- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu:

Thích Phổ Minh, họ Vệ, người ở ấp An thuộc Bồ Châu. Năm mươi

ba tuổi, Sư xuất gia tôn thờ người anh bên ngoại, tức Pháp sư Đạo Tôn. Ngài Đạo Tôn ở Tấn Xuyên, đầy đủ như trong Biệt Truyện, lại đem Sư giao làm đệ tử của Sa-môn Đồng chân ở chùa Đình Hưng. Sư kháng chí trụ trì, lấy Đại pháp làm việc chính của mình. Tâm tánh thông minh, hiểu suốt đồng bạn, giảng và nghe theo nhau, không pháp nào chẳng học. Sư đến khắp các trường giảng, không có phòng ở riêng. Hẳn khiến siêng năng mà rất có công phu, kinh luận đầy khắp.

Năm mười tám tuổi, Sư giảng Kinh Thắng-man, Luận Khởi Tín, sớm vốn nghe danh biết Sư thành Đại khí. Từ khi tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học kinh Niết-bàn, Luật Tứ Phần, Luận Nhiếp Đại Thừa. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư giảng Kinh Niết-bàn, năm ba mươi tuổi, Sư giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Hễ có nói ra lời gì thì khách chủ đều tốt đẹp, khiến nghĩa mầu ban rải, mở lời truyền nói yếu chỉ, tiếng tăm lưu tỏa xa gần.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) mời Sư đến trụ chùa Đại Thiền Định. Sư ở đó suốt mười tám mùa hạ, tiếng tăm vang đến Thượng Ban, địa vị do công phu tu học, bốn thứ cúng dường đầy đủ mà chẳng thiếu nhị nghiêm.

Niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, ở quê cũ Sư vang vọng tiếng tăm, mọi người mừng vui Đạo hợp ấy, đem việc đó tấu trình lên vua, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) có ban sắc mời Sư đến trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu. Sư đứng đầu trong việc hoằng Đạo, chẳng màng nóng lạnh. Ban ngày thì giảng, ban đêm thì ngồi, nói nín đều y theo pháp. Tâm thần xán lạn ứng đối tợ mây mưa. Từng có những kinh chưa bao giờ nghe mà chỉ mở bày Sư xem như đã thuộc. Đó là do sớm đã tập học rộng nghe nên có khả năng như thế, chẳng thể so sánh được. Mỗi ngày Sư tự giũa mài giới bổn một biến, Kinh Kim Cương Bát-nhã hai mươi biến, sáu thời lễ sám. Các gốc lành có được đều hồi hướng về Tịnh Độ. Đến lúc qua đời vẫn thường như vậy. Sư khắc tạo tôn tượng bằng gỗ Đàn hương mấy mươi cái khám, viết chép Kinh Kim Cương Bát-nhã hơn ngàn bộ, thỉnh người khác đọc tụng hơn năm ngàn biến. Giảng Kinh Niết-bàn hơn tám mươi biến. Còn với các kinh luận như Niết-bàn, Thắng-man, Nhiếp Đại Thừa v.v... số biến khó ghi hết được.

Sư thị tịch tại chùa hiện ở, thọ tám sáu tuổi. Sư có đệ tử là Sa-môn Nghĩa Yêm là bậc giới hạnh thanh khiết trang nghiêm, khả năng thấy biết có thể lãnh ngộ, bèn đón rước đến an táng tại gò phía Đông Bồ Phản, đào huyệt mà tôn trí tại đó, lập bia bên cạnh.

4- Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu:

Thích Đàm Hiến, họ Trương, người ở xứ Thỉ Bình thuộc Kinh Triệu. Thuở thiếu thời, Sư kính thờ Luật sư Xướng. Luật sư Xướng họ Giả người ở xứ Ngu Hương, tịnh hạnh không tỳ vết, tinh thành nổi tiếng. Đất của chân tay đều là chỗ kính Ngưỡng. Nơi miệng hang chỗ ngài (Luật sư Xướng) vốn có ngôi Già-lam, nhân tên hang ấy mà đề bảng hiệu chùa gọi là chùa Tĩnh Lâm. Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu, Đạo tan nát, hoại nhân từ, Luật sư Xướng đổi dời với thế tục, mà luật nghi không thiếu sót. Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy trị vì đất nước (581) mở mang pháp diên. Một trăm hai mươi vị tăng giòng họ Thích Khai mở đầu tiên thì Luật sư Xướng ứng nằm trong số được chọn cử ấy. Và mỗi vị tăng riêng độ thêm một thị giả, nên ngài (Đàm Hiến) được dự phần vị ấy, đến trụ chùa Đại Hưng Thiện. Về sau, Luật Sư Xướng nói trở về quê cũ, buồn thương chôn giấu Linh nghi, quật bới trang nghiêm, một Đức Phật ra đời, rộng tu sửa Viện Vũ, mở mang kéo dài Điện Đường. Các hàng tăng tục kính thành bắt đầu mừng vui có nơi kính phụng. Điêu khắc xây dựng chưa hoàn tất thì Luật sư Xướng thị tịch. Người học đến số trăm, kính ngưỡng bùi ngùi tôn dung, cho rằng Pháp nghi tuy mất mà thần túc hiện vẫn còn, cầu thỉnh Sư tiếp tục công việc để tiện theo ý từ trước để lại. Sư bèn dời từ chùa Nhân Thọ mà đến xây dựng đó, nên được rường mái cao đẹp, chẳng mấy ngày mà thành tựu, hai chùa vây quanh bốn Bộ quy y. Châu Ty cho rằng hai chùa Nhân Thọ và Tỉnh Lâm đã thổi cơn gió từ. Còn chùa Bách Thê, Tịnh Độ chưa thấm nhuần cam lộ. Sư bèn chịu đến trông coi đảm nhậm chùa Bách Thê. Nương theo chúng sinh bàn luận, lại đến ngôi vị ấy. Lưới Đế-thích từ đó bày, muôn mắt đều giở lên, nhân hợp mở chuyên mà thuyền trời hữu lậu, chúng bạn mở rộng, lớn nhỏ đều tốt đẹp.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) thời Tiền Đường. Sư bị bệnh nhẹ, tới sáng sớm ngày mười lăm, Sư bèn bảo: “Phải hướng về chùa Tĩnh Lâm”. Đến giờ mão mới có mây móc khác thường. Sư thị tịch tại đảnh núi phía Đông nam chùa Bách Thê. Đêm đó phát ra ánh sáng rực rỡ, hình dáng như cái lọng hoa, chiếu xa khắp bốn phương, mãi đến ba đêm. Trải qua một tuần thì nhục thân Sư bị các Tín Sĩ ở bên cạnh chùa Tĩnh Lâm thầm trộm về an táng tại đảnh núi phía Nam chùa Tĩnh Lâm. Ban đầu chùa Bách Thê không biết, thấy ở đảnh núi kia suốt hai đêm liên tục phát ra ánh sáng thần mới rõ được nguyên cớ, hai bên tranh giành với nhau suốt chín năm đến nay, nương châu qua

huyện phiền nhiễu chẳng dứt. Há chẳng phải Thông u suốt lý đưa đến Linh cảm ư? Từ sâu ân rộng, luyến kết các tình? Các đệ tử Sư khắc dựng bia minh trên đảnh núi, dám thông cao cho nơi xa biết.

5- Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu:

Thích Vô Ngại, họ Trần. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (307 - 313) đời Tây Tấn. Nhân tại Trung Nguyên tán loạn nên tổ tiên Sư đi về hướng Nam dời đến ở Kiến nghiệp. Cha của Sư tên là Khoáng, làm Trưng Phiên học sĩ dưới thời vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552 - 555) thời Nam Lương. Niên hiệu Thừa Thánh thứ nhất (552) thời Nam Lương, Sư ra đời tại thành đô. Thần tư đặc biệt, biết là Tế Khí. Năm ba tuổi, Sư đã có khả năng ứng đối. Năm mười tuổi, đi học, hễ được nghe điều gì thì Sư chẳng quên. Vào Trường An, gặp được Pháp sư Đạo An dưới thời Diêu Tần. Ngài Đạo An nói chuyện, lấy làm lạ về ý đạt được của Sư, bèn khuyên bảo Sư xuất gia. Sư rất vui mừng y theo lời dạy. Ngài Đạo An bảo Sư đọc tụng Kinh "Thái Tử Thụy ứng". Sư nghĩ tìm các Thánh tích mà buồn khóc không thôi.

Niên hiệu Thiên Hoà thứ ba (568) thời Bắc Chu, Hoàng Hậu của Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) vào triều nêu danh xuất gia, Sư được độ trước. Tuy mới hai mươi tuổi mà giới hạnh tiết tháo của Sư rất trang nghiêm. Đến niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Chu, Phật pháp bị phá hoại, theo duyên bị đắm chìm, như gặp bùn đất, tâm Sư càng như băng ngọc. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581 - 605) đời Tùy, Phật Pháp lại được phục hưng, Sư đến trụ chùa Vĩnh Minh chỗ Pháp sư Siêu, là bậc Đại đức dưới đời Tề nghe học Luận Đại Trí Độ. Chỉ một lần nghe qua giáo nghĩa mà Thần tư Sư phát sáng. Với các thứ của cải, ăn mặc thân tâm đều không vướng mắc. Sư lại vào Trường An, học các kinh luận Thập Địa, A-tỳ-đàm v.v... Bấy giờ, Pháp sư Hưu ở chùa Hưng Hoàng bảo Sư giảng Luận Đại Trí Độ, Sư phân tích rõ ràng, nghĩa lý không bít lấp. Nhưng đối với văn cú rất tệ ngại cho việc mở thông. Nhân tụng đọc bổn văn được sáu mươi quyển, vì bị tâm bệnh nên Sư rời xa chúng ở đó, mà trở về Tần Lũng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Tổng Quản Hà Gian Vương đặt biệt trông coi chùa, thống ngự Di Pháp. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy. Sư lại được mời vào Lạc Dương, ở Tứ Phương Quán san định Phật Pháp. Sau đó, Sư về lại chùa Vĩnh Ninh, nương theo cương lý trước. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đi đánh dẹp phương Tây,

đích thân chịu mệt nhọc, hỏi thăm ban tặng Sư hai trăm xấp lụa. Niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, từ Châu Phá Sư vào kinh đô, trụ chùa Trang Nghiêm. Chúng vì vốn biết Sư đảm nhận chùa, các hàng Thức đạt cơ duyên, trở lại muốn thỉnh mời Sư, những việc đảm nhận không được tốt. Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư lại trở về chùa cũ, dùng Pháp Vô Tướng Quán để tự điều phục.

Đến ngày hai mươi tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư không bệnh gì mà qua đời, thọ chín mươi bốn tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương như chịu tang người thân.

6- Truyện ngài Thích Đạo Vượng trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu.

Thích Đạo Vương, họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Từ thưở nhỏ, Sư đã tinh xác, có chí mong cầu, ưa thích học rộng. Với vết xưa của các vị tài giỏi, tâm nguyện Sư cũng muốn ngang bằng. Sư mang tráp sách đến Kim Lăng, trụ chùa Cao Tòa nghe giảng A-tỳ-đàm, tâm Sư khéo thấu đạt được mấu chốt nhưng chưa phải tốt lành. Sư tôn kính khuôn phép của Khuông Sơn để lại, thường vượt trước lời.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, nương theo Đại Tướng Quân Chu La-hầu, Sư đi xa đến Lô Nhạc, trụ tinh xá Đông Lâm, tâm nguyện ẩn dấu vết tích, không việc liên quan với đời. Ở chùa núi, Phật pháp bị che lấp, nên người khuyên dẫn chẳng phải một. Sư bèn chẳng chống cự mạng mà mở mang đạo pháp độ người, sửa sang tu tạo tăng phường quanh năm không ngừng nghỉ. Đến cuối đời Tùy, giặc giã quấy nhiễu, khắp Hoa Nhung đều tiến đến, Sư yên ủi vỗ về môn đồ như lúc ban đầu không thay đổi.

Đến tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Thân Sư thị hiện bị bệnh, chưa tròn mười ngày, bỗng nhiên có một ngôi sao lớn giữa trời rơi thẳng vào trong hồ nước lớn ở Tây Các, chiếu sáng hang núi hơn cả ngàn bó đuốc. Đến ngày hai mươi ba, đang lúc chúng tăng thọ trai bữa trưa, Sư hỏi đệ tử rằng: “Chúng tăng ăn xong chưa?” Đệ tử thưa đáp: “Chưa xong!” Sư lại bảo đến gọi vị Thượng tọa đến, vị ấy y theo lời đến nơi, Sư giao phó việc hậu sự rồi ngồi kiết già mà thị tịch. Các cửa của Điện các tự nhiên đồng một lúc mở hết, có mùi thơm lạ thoảng xông khắp chùa, bảy ngày sau mới hết. Sư thọ tám mươi hai tuổi.

7- Truyện ngài Thích Pháp Hiển trụ chùa Tứ Tầng ở Kinh Châu:

Thích Pháp Hiển, họ Đinh, người ở xứ Giang Lăng thuộc quận Nam. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia tại chùa Tứ Tầng, nương tựa Pháp sư Bảo Minh. Sư siêng năng thờ thầy nhiều năm, thưa hỏi yếu chỉ Kinh pháp. Có nghe "Ở cõi Dục là đất loạn vốn chẳng phải là duyên Đạo, đã sinh trong đò làm sao thoát lưới?" Ngài Bảo Minh bảo Sư rằng: "Chúng sinh đều có vị thiền Sơ địa, thời đến thì phát. Tuy hạt giống tâm ẩn tàng trải qua nhiều kiếp vẫn chẳng mất. Có Thiền sư Trí Khải là bậc Thiền Tông ở Kinh Sở, ông hãy đến đó cầu học!"

Gặp lúc vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy vời đến Hạ Hồi, ngài Trí Khải về lại Thượng lưu, trụ chùa Tứ Tầng mở rộng cửa Thiền. Đồ chúng có đến bốn trăm vị nhóm họp rất đông đảo. Sư bèn nương tựa nơi pháp tòa nghe những điều chưa ngộ. Chỉ sớm có thành tuệ thông trùm vết huyền, chuông sương vừa gõ đã truyền giá thu! Sau khi ngài Trí Khải đi rồi. Sư lại cầu học ở các Sa-môn Minh Trí, Thành Ngạn, Tập Hạo, v.v... đều thăng đường phơi bày chỗ sâu kín, hết tư tưởng đẽo gọt giũa mài. Đến lúc sắp quan cụ quy y Pháp sư Tập Hạo. Ngài Tập Hạo dạy răn phương pháp xuất yếu, chỉ bày pháp hàng phục tâm. Nhân đó mà Sư trở về hang cốc tỉnh xứ nhàn cư. Ngoài hai cánh, Sư không nhận thọ, chứa để một vật. Gặp lúc lửa linh nêu cuối, lưới cỏ giặc lửa, đói kém lan tràn, chúng tăng chạy vạy khổ sở. Riêng mình Sư ở giữ đại điện, xác thực là trác tuyệt. Sáng sớm ăn rau uống nước, trưa chiều dứt bặt cả nước trái cây ép. Giặc từng vào lục soát tìm kiếm mà chẳng lấy được gì. Nếu chẳng phải đã vào từ thất đã lâu, đã rút được mũi tên độc thì làm sao có thể chịu được sự khó khổ ấy? Đẩy lùi hung oai ấy? Từ đó, Sư ở yên trong điện Mai Lương của ngài Đạo An hơn ba mươi năm.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, Sư mới ra ở phòng riêng. Đó là tìm chỗ dứt ganh ghét của Thiện Cát, giẫm lên hạnh bí mật của Không Sinh. Trong nhà ấy có pho tượng Đức Di-lặc, quang phu cao bốn mươi thước, tám bộ vây quanh, do ngài Đạo An dựng lập nên. Các thứ mũ báu, hoa trướng, cúng cụ, Kinh Đài đều do ngài (Pháp Hiển) tạo dựng. Trong nhà có năm cây đèn cháy suốt ngày đêm không dứt. Bỗng nhiên có một cây đèn riêng cháy rực bốc ngọn lửa cao hơn cả trượng. Lại trong một đêm nọ có người mặc y phục năm mầu bưng một cái bình vàng đến dâng cúng. Sư lại mộng thấy có một vị tăng oai dung khác thường đến bảo Sư nên đến kỳ châu, để diện kiến

Thiền sư Tín." Sư y theo lời ấy, bèn đến song phong, càng lắng trong nước định, mà một đời Sư mắc bệnh đều tin là đó nghiệp gây ra ở quá khứ nên chịu đựng mà chẳng chữa trị. Ăn mặc tiết lượng, mềm thuận gượng ghi nhớ. Tại chùa Sư ở, hơn năm mươi năm, chẳng bước chân ra khỏi cửa.

Đến ngày mồng tám tháng mười hai Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Sư mộng thấy thân mình ngồi trên điện báu, truyền giới cho bốn chúng. Nhân đó, cảm thấy dần dần bị bệnh. Đến giờ ngọ ngày mười một tháng giêng năm sau (653) Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Giờ Thân ngày trước đó, Sư còn đủ khả năng tự đi đứng, thần sắc sáng sạch, Sư ngồi xổm nơi bồn tắm tại giường dây để cạo tóc, xong rồi đến giường ngồi kiết già an nhiên cho đến lúc thị tịch. Qua ngày mười bảy tháng đó, bèn an táng tại gò phía bắc chùa Đại Minh.

Lúc Sư chưa thị tịch, các đệ tử trông thấy ở vách tường phía Tây, có ánh sáng mầu trắng rực rỡ soi khắp cùng, ban đêm có mây trắng hiện bày ở hai phía Nam, bắc của nhà, có hai luồng xuyên suốt vào trong phòng, mọi phật sự đều dao động đến sáng sớm mới dứt. Từ lúc Sư thị tịch cho đến ngày an táng, vẫn an nhiên tư thế ngồi. Các hàng tăng tục khắp cả vùng đều kéo nhau đến lạnh lùng. Đô Đốc Tinh châu là Kỷ Vương là người sớm được truyền quy giới, kính ngưỡng đức hạnh của Sư, bảo Hữu ký Thất Quách Du lập Bia minh ở đó.

8- Truyện ngài Thích Huyền Sảng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu:

Thích Huyền Sảng, họ Lưu, người ở xứ Nam Dương. Sớm tu hạnh thông minh, được khen ngợi trong xóm ấp. Năm hai mươi tuổi Sư cưới vợ. Vợ Sư tuy nhỏ mà xinh đẹp, xong Sư thành thực trắng trong, ý chí cao xa, xem như đãy da, tâm càng nhàm chán. Đã không phải sự tình cờ, Sư bèn bỏ mà vào Đạo. Đến tụ học ở các nơi giảng Đạo. Giáo Nghĩa Hữu Không Sư đều trải qua. Cuối cùng Sư nghe Pháp sư Tuyền ở chùa Long Tuyền giảng pháp mà vui mừng tự được. Nghĩ đến việc đi xa, rất được người đương thời khen ngợi. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tín ở Kỳ Châu, xin khai mở Đạo, chóng phát u vi. Sau, Sư về lại quê cũ chỉ còn nhiếp niệm. Ngồi thẳng chẳng nằm, buộc niệm ở trước. Bấy giờ, tại Bổn ấp có các Sa-môn Ái Minh, Lăng Pháp, v.v... đều là những bậc danh tông chốn Thiền Phủ đến kết gieo phần. Đến ngày mồng chín tháng mười niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại hang Thần Sơn.

Bấy giờ, tại Tương Châu, có Sa-môn Tuệ Phổ ở chùa Pháp Môn,

cũng là vị tăng tài giỏi ở Hán Âm, tinh nghiêm luật tạng hơn hai mươi năm. Nương tựa mà chấn động, gió sương thường kết, bảy chúng đều trang nghiêm, khắp thành đều quy hướng. Về sau, Sư chuyên nhập Định môn, cởi mở tiêu tan các phiền não. Kỷ Vương trấn nhậm, cùng sửa sang chùa Truy Thánh bị phá hủy, giềng mối phải có người. Mọi người đều đề cử Sư, Kỷ Vương rất tán thưởng. Lại có người tục ở đất Sở tin theo đồng cốt, giết hại làm Dâm từ. Nhân đó Sư chuyển hóa sửa dần giúp nhà sùng nhân. Lại sửa sang Đạo tràng Minh nhân, tất cả có ba mươi cơ sở, đều giỏi về luân hoán, bèn chạm trổ vàng ngọc mà trang sức. Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ ba (658) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi tuổi.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu:

Thích Tuệ Tiên, họ Triệu, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Từ thưở nhỏ, Sư đã có chí muốn xuất tục, nhưng vì duyên cũ đắm giữ. Đến năm bốn mươi tuổi Sư mới mãn nguyện trước.

Sau khi xuất gia, Sư tùy phương hỏi bến. Tuy đã trải lắm nhiều, nhưng Sư chỉ giữ lấy hai Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Niết-bàn cho là Cực Giáo từ đầu đến cuối. Mãi đến lúc tuổi già Sư nhuần thấm pháp vị càng sâu, từng bảo với mọi người rằng: “Hai kinh báu ấy toàn là châu ngọc Như ý. Không thể chợt quên mà tạm xả bỏ!”. Do đó Sư mang quyển kinh theo bên mình như chim có hai cánh. Hoặc có khi nói năng, giảng rộng. Sư trụ chỗ xung yếu, chín ngã thông suốt đều nhóm họp, trăm bệnh cùng đến, muôn họa đều cậy nhờ cứu giúp. Nhưng Sư có từ thiện, chẳng gá cậy nhiều phương, chỉ dạy bảo xưng niệm danh hiệu Phật, không đến thì chẳng giúp. Do đó mà đội ân che chở, xa gần đều hướng về.

Tại chùa Cứu Khổ có một pho tượng lớn cao hơn mười trượng, bởi năm tháng đã quá lâu nên bụi bặm bám nhiều, xà nhà rơi đổ, lọng che rách nát. Sư bèn bảo các hàng sĩ tục cùng xây dựng lại. Tuy sao ngâm tinh luật, đại tạo mà thành tựu. Từ đó về sau, tuổi dần đến già. Sư mộng thấy có một vị tăng đến bảo Sư rằng: “Mùa Đông năm sau, ông sẽ qua đời, hãy sớm vận hành sẽ được kéo dài kỳ hạn.” Sư vẫn theo Đạo Nghiệp thường, chẳng lấy gì làm lo toan. Đến giữa tháng ba, Sư cảm thấy trong mình không được khoẻ, tự biết sự ra đi đã đến gần, bèn bảo với thị giả rằng: “Tôi xuất gia đã từng ấy năm, từng thọ giới Bồ-tát, nay đây lại muốn nghe thọ!” Đi gọi mời các vị Đại đức, đều chẳng ai đến. Sư bảo: “ Các Đại đức chỉ tự điều phục, làm sao gọi là

Độ người?” Sư lại bảo: “Hãy lấy giới bổn.” Đọc tụng xong, Sư tự vui mừng, sau đó lặng yên. Đêm đó có trời tiên khác lạ, sao bày trước sau, bàn cao nói rộng, chợt ẩn chợt hiện. Cả chùa mọi người đều thấy nghe. Hoặc có người thấy tôn tượng Phật đi lại chỗ phòng Sư. Đến giờ ngọ ngày hôm sau, bỗng nhiên Sư ngồi dậy, gọi mọi người bảo rằng: “Đại hạn tuy nhiều, nhưng Tiểu kỳ chỉ trong một niệm, các ông gãy khéo an trụ. Xin nguyện cùng các chúng làm nhân duyên nhiều kiếp!” Nói xong, Sư nằm xuống, an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười bảy tháng mười một niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) thời Tiền Đường. Các hàng đạo tục buồn thương, mây giăng bủa khắp cả đồng trống, gò hoang.

Trong chùa có Thiền sư Tuyên là bậc Dĩnh thoát ở đương thời, có tiếng tăm khắp Kinh Lạc. Hành trì hạnh Phật Di-lặc, nguyện sinh lên tầng trời thứ tư, thấy hạnh nghiệp cảm chứng của Sư mà bảo với chúng rằng: “Chắc chắn sẽ gặp Đức Từ Thị, nếu không được như vậy thì đâu thể ứng hiện điềm lành như thế?”.

10- Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu:

Thích Tuệ Khoan, họ Dương, người xứ Hiếu Thủy ở Miên Trúc, thuộc Ích Châu. Cha của Sư tên là Vĩ, vốn là Tam Đổng tiên sinh, Ngũ Kinh Bác Sĩ, kính tin Đạo Pháp (Lão Giáo) không tin Thích giáo. Do đó các hàng tục nhân ở cả ba Châu: Miên, Tử, Ích mỗi năm đưa gạo tô đến nhà Vũ, khiến cho trong một năm được an ổn tốt lành. Và Vĩ đều trao cho Họ Chương Phù mà về, thế nên xe ngựa đầy cửa đông đảo như chợ.

Mới đầu, vợ của Vĩ mang thai, tâm tánh tự nhiên đổi khác, đối với các thứ tanh nồng đều chán ghét, bèn sinh ra một người con gái, đặt tên là “Tín Tương”, tánh thích nhàn tĩnh, không duyên tham muốn. Sau lại mang thai. Trong thân rất an ổn, thường có tướng khác lạ. Đến lúc sinh, người mẹ không hay biết, bỗng nhiên tự ra, không lộ bày dơ xấu, lại có mùi thơm lạ, lại chẳng kêu khóc. Mãi đến lúc có sự nhận biết, cũng không hề trây phẩn uế ra chiếu giường, đến lúc cha mẹ bồng bế mới tiện lợi. Đó là khoan thân của Sư. Tay Sư dài quá gối, tánh thường ưa thích sạch thơm, không đến gần nơi máu huyết tanh hôi.

Năm khoảng năm, sáu tuổi, Sư cùng chị là Tín Tướng đến chỗ vắng vẻ mà ngồi thiền. Cha mẹ lấy làm lạ hỏi, Sư đáp: “Phật đến giảng nói cho nghe các Pháp môn Bát-nhã, Thánh Trí, Giới, Nhập v.v...” Sư cùng chị bình luận Pháp tướng, cha của Sư cho là dị đạo, chẳng hiểu

lời ấy, nương theo miệng Sư nói mà ghi chép được hơn hai trăm trang giấy. Có Pháp sư Hội ở chùa Long Hoài nghe có tướng kỳ đặc nên đến chỗ đó. Cha của Sư bèn đem đưa cho xem. Pháp sư Hội bảo: “Đều hợp với kinh Phật, không có chỗ nào sai lầm!” Lại có một vị Thiền sư lạ, không biết từ đâu đến, ở chùa Tịnh Tuệ, nhập Tam-muội Hỏa Quang,. Gọi người nữ ấy (chị của Sư) đến. Khi đến chẳng vào, lại nói là: “Có đống lửa” Thiền sư bảo: “Sao không dùng nước dập tắt?” Chị Sư liền thực hành Thủy quán, dập tắt lửa mà vào. Thiền sư ấy nghiệm biết cô gái đã vào sâu các pháp định bèn khuyên nên xuất gia. Cha mẹ cô đã nhận sính lễ, bên nhà trai chẳng chịu. Nên các hàng tăng tục, Quan nhân xuất ra của cải để chuộc. Nhân có lần độ, mà chị Sư và Sư đồng một lúc xuất gia.

Bấy giờ, Thục Vương Tú ở Ích Châu thỉnh cô vào nội thành. Các hàng phi thứ vì xây dựng tinh xá, thường hay cúng dường. Từng đi ra ngoài đường, có người nghi ngờ, tín Tướng gọi lại bảo rằng:”Chớ đối với Tam Bảo mà khởi sinh Dị Tâm mà tự phải chịu lấy tội khổ!” Người ấy liền sám hối lỗi lầm. Có lần tạo công đức cần đến tài vật, Tín Tướng đốt hương cầu thỉnh, đào đất có được vàng, không thứ gì chẳng đầy đủ. Những việc như thế, chẳng phải một. Còn việc ăn uống, muốn ăn bèn có thức ăn. Không ăn có thể trãi qua suốt cả năm. Nên mọi người đương thời đều gọi Tín Tướng là Thánh Ni. Và mãi đến nay chùa Tín Tướng vẫn còn gọi là chùa Thánh Ni.

Còn Sư (Tuệ Khoan) năm mới mười ba tuổi mà thường thích ngồi một mình, mặt không hề tỏ vẻ buồn giận, nói năng luôn nhường nhịn. Sư nương tựa Thiền sư Dận ở chùa Không Tuệ và A-xà-lê Hội ở chùa Long Hoài. Hễ nghe giảng kinh luật, chỉ một lần xem qua thì không quên sót. Với các kinh chưa được nghe, chưa từng biết nghĩa mà có người nạn hỏi thì liền giải thích thông suốt. Mới đầu đến chùa Long Hoài, Pháp sư Hội có đồ chúng hơn hai trăm người, đều sai bảo làm việc, chỉ trừ riêng mình Sư ra. Có người oán trách, Pháp sư Hội bảo: “Người ấy (Tuệ Khoan) là Bổn sư của tôi, làm sao tôi dám sai bảo làm việc! Xưa kia, dưới thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, tôi nương tựa Thiền sư Tướng, ẩn cư tại Nam Sơn. Đến đời Tùy phục hưng Phật Giáo, giã từ thầy, tôi trở về đất Thục và có nhận lời thầy căn dặn tôi rằng: “Ông về lại đất Thục, đồ chúng rất đông, trong đó có một người tên là Tuệ Khoan, ông hãy che chở người ấy!”. tôi nhớ lại việc ấy, và tính ngày thầy tôi thị tịch đúng lúc Tuệ Khoan ra đời, vì thế không được lấy làm lạ!”. Từ đó Sư ở núi nương tu Nghiệp Định.

Năm ba mươi tuổi, Sư trở về giáo, hóa xứ Miên Trúc. Mọi người khắp nơi xa nghe tên thấy mặt, đều bỏ tà về chánh. Gia tục Sư vốn tin theo Đạo giáo, cha mẹ Sư đều theo Đạo giáo mà quy hướng Phật giáo, xả thí vườn nhà để làm chùa, điện đường viện vũ có hơn trăm cơ sở, tu tạo mãi đến ngày nay. Mỗi năm thường thiết lập trai hội lớn, các hàng Đạo tục đều nhóm họp. Tháng giêng tiết tốt các chùa ở thành đô và trong bảy mươi huyện đều đua nhau đón rước cúng dường. Có các công đức lớn cần được tu tạo, thì chỉ cần thỉnh Sư đến tức mọi vật cúng thí chất đầy như núi.

Vào niên hiệu Trinh quán (627 - 650) thời Tiền Đường, có vị Sa-môn tên Sách, là người trì chú rất có linh nghiệm, ở tại huyện Lạc, bỗng bị chết đi, thần thức diện kiến Diêm Vương. Diêm Vương bảo “Ở trong địa ngục rất nhiều người tội, ông nên trì tụng thần chú cho họ, và thỉnh Pháp sư Tuệ Khoan giảng Kinh Địa ngục”. Sau đó được sống lại, trải qua một tháng mà Sa-môn Sách chẳng thực hành việc đó. Lại bị chết giấc, Diêm Vương rất tức giận bảo kẻ sứ đầu trâu đánh Đồng tử trăm hạ. Quát mắng: “Ta bảo tụng chú giảng kinh vì các chúng sinh vì sao chẳng làm?” Sa-môn Sách tỉnh lại, liền men theo đường từ Lạc huyện đến Miên Trúc dài ba mươi dặm, chưa đến nơi, vì mỏi mệt nên nằm vật xuống. Bỗng nhiên có cơn gió xoáy lạ thổi đến, chỉ trong chốc lát đã đến chỗ Ngài (Tuệ Khoan). Ngay trong lúc Đại chúng đang nhóm họp tụng kinh. Ngài bảo Sa-môn Sách rằng: “Chỗ ở hôm qua rất khổ sở, vì các chúng sinh, không được từ khổ!”. Và liền bảo Sa-môn Sách lên tòa trì tụng thần chú. Đại chúng lắng nghe đều toát mồ hôi. Ngài bèn nhóm họp Đại chúng giảng Kinh Địa ngục.

Vào Trinh Quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, ở Miên Trúc, có Tống Uý nói rằng: “Ta chẳng tin Phật, chỉ tin Chu, Khổng, nhưng ta có hai lần được Phật lực: một là người đang ở bên cạnh cửa tiểu tiện, để tượng Phật bèn ngưng, hai là đang mùa đông rơi băng, đốt Phật gỗ để sưởi ấm”. Sư nghe vậy liền gởi thư khuyên dụ. Tống úy bảo: “Đạo nhân này nêu việc lạ, phải thử xem có kinh nghiệm chăng?” Lấy giấy chỗ có viết tên để chùi khi đại tiện, ngay lúc ấy hậu môn bị nứt ra, chân đứng dậy không được, tự kêu gào “ta chết mất!”. Và liền thỉnh Sư đến. Tuy sám hối lỗi lầm, tu tạo kinh tượng, nhưng một tháng mới hết.

Tại huyện Thập Phương có nhà họ Trần bỏ tà về chánh, dùng vườn trúc làm chùa. Sư chỉ trao giới hạn, người ấy hứa có thể làm Tăng Viện, trong đó một phần có thể xây Phật đường. Sư liền chặt một cây trúc dựng nêu và nói: “Chỗ giới hạn này sẽ xây chùa Phật”. Bấy giờ,

cây trúc đang sống mà tự khô. Phật đường chặt trúc, nước suối vọt lên, sau đó đào sâu xuống mấy thước có một tảng đá lớn, phía dưới tảng đá có chiếc bình vàng đựng bảy viên Xá-lợi. Sư lễ bái và thỉnh lên, bèn phát ra ánh sáng đầy khắp tất cả. Mọi người ở khắp nơi xa lại nhóm họp đến chùa. Đến nay chùa vẫn hiện còn.

Đến ngày hai mươi lăm tháng sáu niên hiệu Vĩnh Huy thứ tư (653) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Tuệ, thọ bảy mươi tuổi. Lúc Sư chưa tịch khoảng một tháng, có năm trăm vị thần thân hình cao hơn một trượng mặc y phục cõi trời, cầm hương hoa và đài hoa vàng tía từ phía Tây đến đón rước mà Sư từ chối không chịu, bảo hãy đi đi. Lại ngay trong ngày Sư sắp thị tịch, có con dê được thả từ chợ, chạy thẳng đến phòng Sư buồn kêu mấy mươi tiếng. Đến tối, Sư đòi lấy nước tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già tay bưng lò hương rồi bảo đánh chuông vô thường. Tiếng chuông ngân vang khắp cả thành quách. Mọi người đều nhóm họp nói với nhau rằng: "Xà-lê nhập Niết-bàn!", giữa hư không có tiếng gào khóc. Bên trong chùa phát ra ánh sáng không biết từ đâu đến, các Đạo sĩ v.v... cho là chùa bị cháy, kinh hãi chạy đến chùa mới biết không phải. Từ đó, Sư nhập định, hơi thở dứt hết mới biết là đã thật sự thị tịch. Trong chùa có ba chiếc cầu, có một chiếc thẳng đến phòng Sư ở, đêm đó cầu gãy tiếng vang đến tận trong chùa. Sáng hôm sau, quan dân Đạo Sĩ đều đến khóc thương. Ao sen trong chùa, nước ao bỗng nhiên khô cạn, sen hồng biến thành mầu trắng. Trong chùa có cây Dự chương lớn ba, bốn người ôm mới hết bỗng nhiên chảy máu, máu chảy vào khe, nước khe biến thành mầu đỏ, hơn một tháng sau mới hết. Lại có ngôi tháp gạch cao mấy mươi trượng có mười bảy tầng bị nứt đến vài tấc. Lại có hai con ngỗng không biết từ đâu đến hướng về linh nghi kêu buồn nằm dưới đất chẳng chịu đi, lúc an táng theo đưa, ra khỏi thành liền biến mất. An táng đến núi Vô vi, cách chùa khoảng hai mươi dặm mây đen vây bủa giữa hư không, hễ đi đến đâu thì mưa đến đó, cỏ cây cũng lướt theo đến núi mới tan. Sau khi an táng, các hàng tăng tục trong huyện từ bảy tuổi trở lên đều mặc tang phục khóc thương, như vậy suốt ba năm. Từ đó đến nay, hễ nhà nào thiết lập trai hội đều bày hai tòa, trong đó một là dành cho Thánh tăng và một là dành cho Sư. Đến nay vẫn còn được dâng cúng đưa đến Bổn tự. Linh tướng Sư vẫn an nhiên ngồi thẳng tại núi như lúc còn sống.

Từ lúc đầu đến nay nhục thân Sư không hề bị trùng huyết làm ô uế rã mục các tướng. Đó nếu chẳng phải thân Bồ-tát Bất thối không có muôn hộ trùng thì làm sao có thể được như vậy ư?

11- Truyện ngài Thích Tăng Luân ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu:

Thích Tăng Luân, họ Lã, người ở đất cấp thuộc Vệ Châu. Ông nội Sư tên Tông, làm Thứ Sử Gia Châu. Cha của Sư tên Tuân, làm thái thú Lục Lăng ở đầu đời Tùy (581). Ban đầu khi chưa mang thai Sư, cha mẹ ngồi đối diện nhau, bỗng nhiên có vị Phạm tăng mặt mày quắc thước, tóc bạc, có hai người hầu cầm phướn theo hai bên nói rằng: “Xin được làm mẹ con!” chưa biết thế nào, liền lễ bái và biến mất. Nhân đó mà mang thai. Đến sau canh tư ngày mồng tám tháng bốn thì sinh ra Sư. Lại thấy có hai cây phướn dựng hai bên, và có mùi thơm lạ. Khi sinh xong thì biến mất.

Từ khi Sư năm tuổi về sau cho đến lúc qua đời, thường chính mắt thấy có ánh sáng mầu trắng khắp phòng. Niên hiệu Võ Bình thứ chín (578) thời Bắc Tề, Sư cùng cha đến chỗ Sa-môn Hiền Thống và Thiền sư Mân xin thọ pháp xuất gia. Lúc ấy, Sư vừa chín tuổi. Hai ngài hỏi về tướng trạng, cha Sư đáp bằng cách nói về ánh sáng mầu trắng lưu nơi vẻ mặt và hai cây phướn dựng gần đó. Hai Ngài khen ngợi rằng: “Người này thật đáng độ!”. Nhân đó mà cho xuống tóc. Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu đánh chiếm Bắc Tề. Lúc đó Sư vừa mười sáu tuổi, cùng các ngài Hiền Thống, v.v... lưu lạc Đông Tây. Sư chăm lo học pháp quán bốn niệm xứ và đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy mới phục hưng Phật pháp, Sư về lại chùa Vân Môn thọ giới cụ túc. Lúc ấy Sư hai mươi ba tuổi. Sư lại đến chỗ Luật sư Lý ở Võ Dương nghe học, mới ở được nửa mùa Hạ, thấy ánh sáng năm mầu như bánh xe chiếu trên tim Sư. Cả chúng đều trông thấy. Liền ở trong ánh sáng ấy đảnh lễ năm mươi ba Đức Phật, ánh sáng ấy vẫn chưa tắt, lại đảnh lễ ba mươi lăm Đức Phật, ánh sáng ấy mới dần thâu ẩn. Sư lại cùng hai Sa-môn Phương và nguyện vào các núi Hắc Sơn, Thái Hành, hành trì hạnh A-lan-nhã hơn hai mươi năm.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, giặc giã dấy động, Sư dẫn môn nhân đến trụ chùa Long Thiện ở Vệ Châu. Được Ngụy Hạ Đức Kiến Đức, Tề Thiện Hành v.v... thỉnh trông coi việc chúng Tăng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, đại thống Thiên hạ, Sư lại vào núi Thái Hành, Bảo Độc, giảng dạy đồ chúng học pháp niệm xứ. Do đó, mọi người khắp bốn phương từ xa mang rương tráp kéo đến, đường núi biến trở thành lối đi. Niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường. Thứ sử Vệ Châu là Bùi Vạn Khoảnh cùng các Quan

nhân thỉnh Sư xuống núi, thường ngày thọ giới, có lợi ích rất lớn.

Đến canh tư ngày mười ba tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Sư bảo môn nhân rằng: "Trong đêm dài, đối với các pháp, ta đạt được giải thoát, nghĩa là thành Vô Học, chẳng phải là các Thiên Đế v.v... đến đón rước!". Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi. Tiễn đưa đến an táng ở núi, mọi người khóc thương không thôi. Khi ấy, trời rất trong sáng, không mây mà tự nhiên có cơn mưa nhỏ. Mọi người đều lấy làm lạ.

12- Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở Kinh Đô:

Thích Tĩnh Chi, họ Triệu, người ở xứ Cao Lăng thuộc Ung Châu. Cha mẹ Sư làm lành mà không có con nối dõi, cầu cúng khắp cùng nhưng không kết quả. Bèn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chỉ mới trong tuần bèn có thai Sư, khiến cho người mẹ chán ghét dục nhiễm, dứt bặt các thức ăn có mùi vị tanh nồng. Sau khi sinh Sư, năm bảy, tám tuổi, Sư ưa thích quán Đức Phật A-di-đà, nương văn mà tu học, tùy quán pháp đều thành. Thực hành thấy cảnh đẹp, cốt quán sáng sạch. Tánh thích xuất gia, nhưng vì Sư là con một nên cha mẹ chẳng cho phép. Sư theo cha đến ở đất Thục, không bao lâu, cha Sư qua đời, ý Sư muốn tự thiêu thân để báo ân đức của cha. Có vị Hiền nhân dẫn Kinh Kim Cương mà bảo Sư rằng:"Xả bỏ thân mạng chẳng bằng tụng kinh". Sư bèn hồi tâm xuống tóc xuất gia để tỏ bày báo đáp ân đức cha mẹ....

Khi đã vào pháp môn, Sư càng chí thành mạnh mẽ, kinh luật nào cũng nghe nhưng ý thường trụ trong Định môn. Sau, Sư theo Thiền sư Giang tập học pháp Quán. Oai dung Sư đoan chánh thanh nhã, khiến người trông thấy liền phát đạo tâm.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đến ẩn cư tại chùa Quang Hóa núi Bành Môn ở Giang Đạo thuộc Ích Châu. Suốt hơn 10 năm thường ngồi nơi am tranh, chẳng ở trong tăng phòng. Mọi người khắp bốn phương nhóm họp có hơn hai trăm vị, mỗi ngày sáu thời tu tập, ba nghiệp chẳng trái với thời gian. Sư một mình vào ẩn sâu trong núi Linh Nham, tình cờ gặp một con trùng rất lớn nhưng chẳng hề quấy nhiễu. Có Thiền sư Đạo ở Lợi Châu vốn kết bạn thâm giao đã lâu thỉnh Sư vào ở núi, Cùng Phục thuộc phía Bắc Kiếm Các. Đồ chúng đồng bạn có hơn mười người, mang theo bốn thạch gạo, nhưng vừa đến lúc mãn Hạ thì ăn chưa hết một thạch. Có thời gian ngắn trong lỗ mũi Sư mắc chứng bệnh có cục thịt nổi lồi làm nghẽn bít, chữa trị đủ mọi cách mà không hiệu nghiệm. Có vị tăng bảo Sư tụng Kinh Bát-nhã Đa Tâm

mười ngàn biến. Sư vừa tụng đến năm ngàn biến thì cục thịt ấy tự nhiên rơi rụng. Sư đi đến Tần Châu, bị rắn độc cắn, đau nhức khổ sở chẳng thể nói. Sư bèn vận dụng sức Quán hạnh tự nhiên thấy được cảnh lành mà hết đau nhức. Sau, Sư mắc phải bệnh khổ, cũng lại y như trước mà được lành. Sư bèn soạn bộ "Chư Gia Quán Môn" gồm một quyển, vô cùng cốt yếu tinh túy, nên các hàng hậu học rất quý trọng.

Niên hiệu Hiển Khánh thứ ba (658) Sư được mời đến chùa Tây Minh, lập riêng Thiền phủ. Chùa cũ ở Lợi Châu có cây quế bỗng nhiên điêu tàn, cây Hồ Đào tự nhiên gãy đổ. Điện Phật vô cớ tự nhiên xoay mặt hướng bắc nghiêng xuống đất, nhưng tôn nghi không tổn hại gì. Đó cũng là do đức hạnh cảm động đến u linh nên mới khiến như vậy.

Đến ngày hai mươi bảy tháng ba niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (660) thời Tiền Đường, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch tại chùa Tây Minh, thọ năm mươi bảy tuổi.

13- Truyện ngài Thích Trí Nham ở Đơn Dương:

Thích Trí Nham, họ Hoa, người ở xứ Khúc A thuộc Đơn Dương. Đang ở độ tuổi búi tóc mà Sư nói với mọi người rằng: "Thế gian chỉ đua tranh mọi việc trước mắt, đâu biết khoảnh khắc tử sinh!". Mọi người trong xóm đều lấy làm lạ, biết Sư có độ lượng sâu xa.

Đến tuổi hai mươi, Sư có được sự oai hùng võ lược, trí dõng vượt hơn người. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (627) đời Tùy, giặc giã đấu loạn lan tràn. Đại tướng Quân Hoàng Quốc Công Trương Trấn Châu nghe tiếng tăm tiết tháo ấy mà co tay chịu làm quân lính, tấu trình ban sắc cho Sư làm Hổ Bôn Trung Lang Tướng. Tuy thân làm chức Quân soái, nhưng Sư luôn nghĩ về mở mang lòng từ, thường ở đầu cung có đeo đãy lọc nước. Đi đến ở chỗ nào đều lọc nước dưỡng trùng, lấy đó làm việc thường. Đến lúc Ngụy Trịnh đến ở Đông Đô. Hoàng Công Cung đi chinh phạt đánh trận, đấu tướng ứng mộ rất nhiều. Hoàng Công bảo: "Nếu chẳng là Hoa Lang tướng thì không bị phế ngự". Ngụy Trịnh Đại tướng người ngựa đều toàn vẹn, đè dây cương dương roi nắm lấy cây thương đâm xuống đất, với tiếng dữ dằn bảo rằng: "Nếu có khả năng nhổ lên được mới cùng nhau quyết đấu". Khi đó, Sư cưỡi ngựa từ từ đi lại dùng nách xốc lấy cây thương mà đi, kế đến Sư đưa cây thương cắm xuống đất. Ngụy Trịnh đến lay vài ba phen chẳng nhúc nhích mới chịu xuống ngựa, giao mũi nhận, bèn chịu bắt sống. Sư trở ngược cây dao dí vào cổ Ngụy Trịnh và bảo: "Tôi thề chẳng dứt mạng người, nên nay ban thí cho cổ ông!" và bèn thả đi.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Sư theo về Hoài Hãi ở Nam Định thuộc Trấn Châu. Lúc đó Sư đã bốn mươi tuổi, tự xét nghĩ "Vinh quang chỉ tợ như mây nổi!" Bèn bỏ vào núi Hoàn Công ở Thư châu, theo Thiền sư Bảo Nguyệt xin xuất gia nhập Đạo. Hoàng Công quyến luyến tìm đến. Sư bảo: "đem thân thưa hỏi đạo, thề đến Tát vân. Xin nguyện tha thứ, chớ quấy nhiễu nhau!" Sư đã đến chốn núi chầm sâu xa, dựng lập Lan-nhã để ở, các loài cọp sói thay nhau hoành hành, Sư răn dạy thuần quen không sợ. Bỗng nhiên thấy có một vị tăng lạ thân cao hơn trượng, dáng dấp thanh nhã, nói năng trong sáng, đến bảo Sư rằng: "Ông đã tám mươi tuổi, một đời xuất gia nên phải gia công tinh tấn!" nói xong, liền biến mất. Sư được sự dạy răn trong cõi thần minh ấy, càng cố gắng sớm hôm. Tất cả mọi sự ở thế gian đối với Sư đều như Huyễn mộng. Có một lần Sư ngồi thiền trong hang, nước từ núi cao tuôn đổ dâng đầy như muốn chìm phủ, mà Sư vẫn an nhiêu ngồi sừng sững, không thối lùi. Có người đi săn, hỏi Sư: "Thân mạng rất quý trọng, vì sao không tránh?" Sư đáp: "Tôi vốn vô sinh, cần gì phải trốn lánh sự chết? Người đi săn ấy tỏ ngộ, nên các vật săn bắt được đều phóng sinh cả. Do đó, trong núi các loài chim bay thú chạy đều đến nương tựa nơi Sư.

Xưa kia, đang còn trong quân lính, có thứ sử Mục Châu là Nghiêm Soạn, thứ sử Cù Châu là Trương Xước, thứ sử Ly Châu là Lư Khâu Dận, thứ sử Oai Châu là Lý Tuân, nghe Sư xuất gia ở núi tu Đạo bèn cùng nhau tìm đến, trông thấy sườn núi cao sừng sững, chim thú kêu hót, bèn nói với Sư rằng: "Lang Tướng điên rồi ư? Vì sao ở chốn nầy?" Sư đáp: "Ta điên mà muốn tỉnh, còn các ông điên đang bộc phát, chẳng nhờ đâu cứu được! Nếu các ông chẳng điên, cớ sao cứ tìm đuổi tiếng tăm đã có quy độ Vinh vị, còn như trong sáng đều không thương lượng. Một mai sự chết kéo đến, mịt mờ biết tính sao? Sự không giác ngộ đó chẳng phải điên là gì? Chỉ có Phật mới không điên, tự bỏ thứ lớp."

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư trở về Kiến Nghiệp, tựa núi dựng lập am tranh để ở. Tánh độ vẫn quả quyết, chẳng bị hình hài làm khổ lụy. Ra ở tùy cơ thỉnh pháp, Tăng chúng có hơn trăm vị, ngay chỗ ban thí hoằng hóa, phần nhiều Sư lấy việc hiện tại làm trách nhiệm, xét hạnh rốt ráo đến tâm đều thông khắp. Nên người đời nghe đến đều nổi ốc khắp mình và rơi lệ. Sư thường ở tại núi Bạch Mã. Sau, Sư lại đến thành Thạch Đầu ở phường người mắc bệnh hủi, giảng pháp cho mọi người ở đó nghe. Mút máu mủi tẩy rửa, không việc gì Sư chẳng làm.

Đến ngày hai mươi bảy tháng hai niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ bệnh hủi, nhan sắc không biến đổi, co duỗi vẫn như thường, trong phòng có mùi thơm lạ, lan tỏa hơn cả tuần. Sư thọ bảy mươi tám tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 25 (21 A) hết

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 21 B

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

PHẦN CÒN LẠI TRONG PHẦN 6 CHƯƠNG III)

(chánh truyện có bảy vị, phụ có hai vị)

14/ Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc thời Tiền Đường.

15/ Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiếu Quả ở Đại Châu (Phổ Minh, Tăng Minh).

16/ Truyện ngài Thích pháp Dung trụ núi Ngưu Đầu ở Nhiệm Châu.

17/ Truyện ngài Thích Huệ Phương trụ ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu.

18/ Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lăng thuộc Dương Châu.

19/ Truyện ngài Thích Đạo Tín ở núi Song Phong thuộc Kỳ Châu.

20/ Truyện ngài Thích Tuệ Minh ở Giang Hán.

14- Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc:

Thích Thiện Phục, còn tên gọi khác là Đẳng Chiếu, họ Tương, người ở xứ Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Vừa mới sinh mà đầu đã bạc, tánh Sư biết xa lìa.

Năm năm tuổi, Sư xuất gia với người anh là Pháp Sư Tài ở chùa An Quốc. Luôn mặc áo vải bố, ăn dùng rau lá, thường ngày tụng một quyển kinh, mắt xem đến bảy hàng, hễ nghe qua tai thì không quên.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Độc Thứ Sử nghe Sư thông minh nên tìm sung vào Châu để học. Nhân đó, ban ngày Sư nghe tục giảng, đêm về tư duy nghĩa lý kinh Phật. Bác sĩ quở

trách, Sư đáp: "Há chẳng nghe ư? Thực hành có sức thừa thì được xem rộng, nếu chẳng tin thì xin hỏi các vị học trước!" Bác sĩ mới thử xem, thì không một điều ngưng trệ. Bởi vì liên loại Phật giáo dùng cả hai sơ thông. Bấy giờ, Học quán đều nghiêng đầu, người ấy là ai mà được như vậy ư? Sau Sư lại trốn đi xuất gia, chí ưa mến Phật pháp, muốn bỏ không được. Bỗng gặp núi sông, giữ chân quên cả trở về. Đó cũng là do nhân xưa đã tu tập, chẳng phải do mới tu tập gần đây.

Sư đến chỗ Pháp sư Bích chùa Lưu Thủy ở Tô Châu, nghe học bốn kinh ba luận. Lại đến chỗ Pháp sư Mẫn ở Việt Châu xem khắp các kinh giáo, thông hiểu chỗ sâu kín. Sư đến chỗ Thiền sư Siêu ở núi Thiên Thai và được chỉ bày pháp môn Tây phương Tịnh Độ quán hạnh. Nhân đó Sư đến khắp các Châu Quế, Quảng Tuần, v.v... gặp được tất cả những bậc danh tăng, thưa hỏi điều nghi, cầu xin quyết trạch. Sư lại đến các châu Kinh, Tương, Kỳ, gặp được Thiền sư Tín và được chỉ bày phương tiện nhập Đạo. Sư lại đến Lô Sơn, diện kiến Ngài Tuệ Viễn ở Tịnh Độ quán Đường. Sư lại trở về Nhuận Châu ở chỗ Thiền sư Nham và được chỉ dạy pháp Vô sinh quán.

Sau đó, Sư lại cùng hai Sa-môn Huy và Tài vào núi Tang Tử, thực hành Từ Bi Quán. Lại truyền giới Pháp cho quỷ thần, không dám ăn thịt. Thần lại giáng nhập Đồng cốt, bảo thỉnh Sư để được thọ giới, thề không ăn thịt, cớ sao vì ta mà giết hại muôn sinh? Thương xót sự ngu si của ông, nên tạm tha mạng ông, về sau nếu còn như vậy thì sẽ đánh cho đến chết!" Từ đó về sau các lúc cúng tế đều dứt bặt các thứ tanh nồng. Từng có hai người ở Vụ Châu đồng chở sợi gai để bán, đến chỗ thần sông, một người dùng bông trái cúng tế, còn một người muốn giết hại sinh vật, nhưng chưa thực hành thì sợi gai đều bị ướt đẫm, còn người cúng tế bông trái trước kia sợi gai thảy đều khô ráo. Từ đó mọi người đi đường đều rất sợ không dám dùng thịt để cúng tế. Nên công đức truyền giới của Sư rất có ứng nghiệm. Người, thần đều kính ngưỡng. Nếu có ai muốn lấn lướt hủy phạm thì liền bị tai họa. Những chỗ giết bán cá thịt như các loại ngỗng vịt, gà heo ở vùng Giang Hoài đều cho chúng nó thọ giới mà phóng thả. Chợ không có những quán tiệm buôn bán những thứ ấy. Quan nhân đều lấy làm lạ. Có Nghĩa Hưng Lệnh vốn không tin, ganh ghét cho là Sư kích động dân chúng nên muốn hạch tội. Anh em của Sư bèn đút lót cho đó. Người ấy bỗng nhiên liền thấy leo lên nằm trên giường chõng, có đàn rắn kéo đến não hoạn, không bao lâu bị trừ tên, đưa sang Thường Châu. Người ấy đến thầy đồng cốt bói xem. Ứng quẻ bảo là do tội xúc phạm đến Hiền Thánh không thể cứu được, người

ấy bèn gấp đến chỗ Sư mà cầu xin miễn khỏi.

Niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Sư bị ép buộc hoàn tục, nhưng chí nguyện thích xuất tục, thấy nhà cửa thế tục như lao ngục. Sư lại đến núi ở, khổ hạnh siêng năng, người đời chẳng kham nổi sự lo buồn đó. Chúng lại nhóm họp đông nhiều, Sư vì họ giảng Pháp khen ngợi, dạy răn hành từ. Lấy sự không giết hại làm cửa lớn của Phật giáo, nếu chẳng thực hành được, thì nếu giảng lễ mà vẫn là cứ ngạo. Sư lại khuyên thực hành cúng thí sáu đường, vì các vong linh tổ Tiên chưa thoát khỏi các đường ấy. Sư lại bảo: "Núi có ngọc thì cỏ cây tươi tốt, suối có rồng thì nước chẳng hề khô. Nơi nào có Tam Bảo thì gốc lành thêm lớn". Sư thường ở tại núi Phục Ngưu, lấy hổ báo làm đồng bạn, thí cho muỗi mòng cắn đốt làm hạnh riêng. Nhìn thẳng phía trước chừng sáu thước, mắt chẳng hề liếc ngó các loài. Kệ cốt yếu trong kinh, miệng đọc chẳng hề dứt tiếng. Đại khái lấy Thập Ngũ Quán Tứ Minh Luận làm chuẩn định.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (659) thời Tiền Đường, Sư đến Hành Nhạc, ý Sư muốn tìm cầu sự tĩnh lắng. Đồ chúng lại kéo đến nhóm họp đông nhiều. Sư giảng nói Pháp cho họ nghe đã lâu, bỗng nhiên Sư bảo: "Tất cả đều vô thường, hơi thở khó giữ gìn. Đêm sâu đều tan rã, duyên hết sẽ chia lìa!". Khi đó, chẳng ai lường biết được câu nói ấy. Sư lại đóng cửa tĩnh tọa. Đêm đó khắp các chùa ở Hành Châu có tiếng chuông ngân vang và các thứ âm thanh kèn sáo tấu nhịp đến sáng. Các hàng tăng tục đều lấy làm lạ, đến phòng Sư thì cửa nẻo đóng kín, bèn mở ra xem thì thấy Sư ngồi thẳng thị tịch đã lâu, bèn cùng nhau tấu trình.

15- Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiếu Quả ở Đại Châu:

Thích Giải Thoát, họ Hình, người ở xứ Giáp Xuyên thuộc Đài Sơn. Năm bảy tuổi Sư xuất gia nương tựa các bậc danh tượng, chí nguyện xuất đạo, chí tại thiền tư. Sư đi khắp xa gần thưa hỏi Phật Pháp, không vị thầy nào mà Sư chẳng đến.

Sau, Sư lại đến chùa Chiếu Quả ở huyện Ngũ Đài, ẩn cư tại chùa Phật Quang, thuộc phía Nam Ngũ Đài hơn bốn mươi năm. Nay hiện còn hơn mười ngôi nhà cũ tại đó. Hình dáng núi như ánh sáng Phật, sắc thái rất rực rỡ. Đến mùa Hạ, ánh mặt trời phát ra ánh sáng làm lóa cả mắt người. Bên cạnh đó không xa có núi Thanh lương, phía dưới núi Thanh lương là chỗ thường lui tới của Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Có Sa-môn Diệu

là bậc cao hạnh, đã một trăm linh sáu tuổi tự bảo rằng: "Lúc tôi năm mươi tuổi cùng Giải Thoát thượng nhân đến chùa Linh Thứu ở Đại Phu cách ba mươi dặm về phía Đông nam của Ngũ Đài, cầu xin được diện kiến Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Đến phía Bắc của Vường Hoa, gặp một vị Đại đức, hình dáng từ hòa cao xa, từ từ đi về hướng Đông, Sư (Giải Thoát) đảnh lễ phát nguyện. Còn tôi lúc bấy giờ tinh thần mừng vui không rảnh để thưa hỏi. Ngài Giải Thoát bảo là đã ba lần được diện kiến Bồ-tát Văn-thù Sư-Lợi, và được dạy rằng: "Ông tự hối trách, nếu thiết tha chí thành, thì sẽ ngộ Đạo." Sư bèn tự trách lỗi lầm, ngày đêm khắc niệm, tâm liền an tĩnh. Lại cảm được Chư Phật hiện thân giảng nói kệ tụng cho nghe như sau:

"Pháp vắng lặng sâu xa của Phật
Trải nhiều kiếp tu nay mới được
Nếu mở Pháp tỏ sáng ấy
Tất cả Chư Phật đều tùy hỷ!"

Nhân đó bèn hỏi: "Thế nào là vắng lặng diệt? Và làm sao khiến mọi người hiểu được?" Chư Phật liền biến mất, trong hư không có tiếng nói rằng: "Trí phương tiện là đèn sáng, soi chiếu thấy được cảnh giới của tâm. Nếu muốn nghiên cứu Pháp chân thật thì tất cả đều vô sở thấy!". Sư bèn y theo pháp đó mà giáo hóa dắt dẫn những người có duyên. Học chúng ở núi qua lại khoảng bảy tám trăm người. Khắp bốn phương đều tôn kính Đạo phong của Sư, cấp giúp mở mang. Hơn bốn mươi năm, Sư thường ở tại chùa Phật Quang. Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường. Đến nay nhục thân Sư vẫn hiện còn trang nghiêm như ngồi thiền trong hang núi.

Lại nữa, cách khoảng năm, sáu dặm về phía Nam chùa Sa-bà ở phía Nam núi Ngũ Đài, có Thiền Sư Phổ Minh riêng tĩnh tọa hành thiền, cầu thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, trong ý muốn thưa hỏi giáo pháp. Có vị thần ở giữa hư không bảo rằng: "Ông không có Thần tập, chỉ có thể sống lâu, nên đến trước khám lấy thuốc mà uống, thì có thể kéo dài thọ mạng." Sư ôm hoài mối nghi chưa quyết định. Sau, lại có tiếng bảo rằng: "Thuốc tên là Trường Tùng, vì sao ông không chịu uống? Thuốc ấy không độc hại!". Sư bèn y theo lời bảo mà uống. Lại bảo với chư tăng đồng hành rồi, liền vọt lên giữa hư không mà bay đi. Chỗ ấy nay vẫn hiện còn, cách Hằng Nhạc, mắt chăm chú nhìn tương tục.

Lại có Thiền sư Tăng Minh trụ chùa Kiến Quốc ở Tú Dung thuộc Hàn Châu, thường đến Định Tương ở núi Vọng nhân, ngồi thiền ăn bánh thuốc, tuổi gần tám mươi. các hàng tăng tục đều tôn kính, chẳng

biết chí nguyện Sư nhập pháp gì mà rất ngợi khen Sư là người không thể suy nghĩ bàn luận! Ở núi đó có suối Linh, vết tích trên đá vẫn hiện còn. Người đến mong cầu Phước rất nhiều. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường, có một người không có mắt, chẳng biết từ đâu đến, gãy đàn mà trì tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, xoay mặt hướng về núi Vọng nhân, tay vừa đánh đàn, miệng vừa đọc tụng, lấy làm tự vui ở núi ấy. Cũng không thể lường biết được việc đó.

16- Truyện ngài Thích Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu thuộc Nhuận Châu:

Thích Pháp Dung, họ Vi, người ở xứ Diên Lăng thuộc Nhuận Châu. Năm mười ba tuổi, với các thứ Hàn Lâm Bí điển, ngài tham cứu tìm cầu sắp hết, mà dáng dấp tư chất của Sư cao nhã hùng vĩ. Có một lúc, Sư bùi ngùi than rằng: “Nho Đạo văn tục, tin tưởng đồng như vỏ trấu lúa lép, Bát-nhã, Chỉ Quán mới thật đáng là thuyền bè!” Sư bèn đến Mao Sơn, nương tựa Pháp Sư Quỳnh, cầu xin xuất gia, chuyên thưa hỏi Đạo. Pháp sư Quỳnh là người có tiếng tăm vang khắp Giang Hải. Đức dụ như Thần. Với diệu lý chân thuyên, Sư không hề sót ẩn. Sư bèn để tâm chước rót, tình có chỗ duyên, cho là Tuệ Phát loạn tung, định mở tâm phủ, như chẳng ngưng tưởng, vọng lự khó dứt. Sư mới ngưng tâm an tĩnh, lặng yên ở rừng không tĩnh, trong hai mươi năm chuyên tinh chẳng biếng trễ, bèn khéo vào sâu Diệu Môn một trăm lẻ tám pháp Tổng Trì, lạc thuyết không cùng tận mở lời ba một như thác tuôn không cùng.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư đến chùa U Thê tại núi Ngưu Đầu, xuống đỉnh núi riêng lập thiền thất bằng cỏ tranh, ngày đêm tư duy, chẳng bỏ qua tấc bóng. Chỉ trong vài năm, đồ chúng Tức Tâm nhóm họp có hơn trăm người. Mới đầu dựng lập thiền thất, bốn phía vách tường chưa hoàn tất, Sư có các đệ tử như Đạo Kỳ, Đạo Bằng đang trụ trong nhiếp niệm, ban đêm có một con thú hình dạng như con dê đi vào, cất tiếng kêu vang, nhảy đạp lên hai người, thấy họ không nhiễu loạn, nên nó bèn ra ngoài sân rồi dáo dác bỏ đi. Tại núi đó có một thạch thất sâu khoảng mười bộ, Sư vào tĩnh tọa trong đó, bỗng có một con rắn thần thân dài hơn một trượng, mắt sáng như sao lửa, ngẩng đầu ra oai, đến nơi cửa thất qua một đêm, thấy Sư không cử động, nó bèn bỏ đi. Nhân đó, Sư ở qua trăm ngày. Núi đó, vốn có nhiều hổ thường hại mạng người lượm củi hái cỏ. Từ khi Sư vào ở về sau, mọi người qua lại không bị hại gì. Sư lại cảm có đàn nai đến nương tựa quanh thất nằm nghe giảng pháp, không tỏ vẻ khiếp sợ. Có hai con

nai lớn đi thẳng vào trong chúng tăng nghe pháp suốt ba năm mới bỏ đi. Nên căn lực từ thiện khiến cho cầm thú lại quen thuần, đến nỗi nhóm họp trên tay Sư mà lấy thức ăn, đều không sợ hãi. Tại chỗ Sư ở, Trai đường nhà trù nền sâu đến hang lớn, còn như lấy nước không thể trở lại thềm cấp. Sư thường bồi hồi chỉ về phía Đông lãnh, bảo rằng: "Xưa kia, Ngài Tuệ Viễn chống tích thì đất nứt suối vọt lên, sắp sửa mão thì giếng khô trở lại tràn đầy nước. Tâm thành cảm ra như thế. Há là lời luống dối ư! Nếu nơi này là chỗ ở được, thì đáng lẽ phải có suối trong mát tự tràn!" Qua đêm, bỗng nhiên từ Đông lãnh vọt lên một dòng suối trong vắt ngon ngọt, mùa đông thì ấm, mùa Hạ thì mát lạnh, đã khơi dẫn lên đảnh núi, đến phủ qua hiên, nước ấy một đấu nhẹ hơn gần một nửa.

Đến tháng mười một Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647) thời Tiền Đường, Sư ở dưới hang núi giảng Kinh Pháp Hoa. Khi ấy, tuyết trắng phủ đầy thềm, dòng pháp vẫn không dứt. Ở trong băng tuyết lạnh có được hai cành hoa, hình dáng như hoa sen, sáng đẹp đồng như mầu của vàng, trải qua bảy ngày bỗng nhiên biến mất. Đại chúng đều khen ngợi kính ngưỡng. Đến niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Ấp tể thỉnh Sư ra trụ chùa Kiến Sơ, giảng Kinh Đại Phẩm, Tăng chúng có hơn ngàn người. Giảng đến phẩm "Diệt Tránh", Sư mới sử dụng biệt tài, bàn bạc nghĩa lý. Bỗng nhiên mặt đất rung chuyển dữ dội, thính chúng kinh hãi, chuông, khánh, hương, giường thảy đều lay động. Các hàng tăng tục ở bên ngoài vẫn an nhiên không hay biết.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ nhất (656) thời Tiền Đường, Tư Công Tiêu Nguyên Thiện đôi ba phen đến thỉnh Sư ra trụ chùa Kiến Sơ. Sư bảo với chư tăng rằng: "Từ nay một lần đi không kỳ hẹn trở lại. đạo lý lìa hợp là quy luật thường tình!". Sư cố chối từ mà không được bèn mới ra cửa núi, chim thú kêu buồn hơn cả tháng mới dứt. Các khe suối ao hồ ở núi đá lăn cát trào, đồng một lúc mà khỏa lấp bằng. Trước phòng Sư có bốn cây ngô đồng lớn đang giữa tháng năm tươi tốt mà bỗng chốc điêu tàn. Đến ngày hai mươi ba tháng giêng nhuần niên hiệu Hiển Khánh thứ hai (657) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương luyến mến, quan liêu quanh quẩn nhóm kết. Qua ngày hai mươi bảy thì an táng tại núi Kê Lung. Lọng phướn kèn sáo nổi vang như mây nhóm, vang khắp cả đồng hoang. Người đến tiễn đưa có hơn cả vạn.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lại được nghe việc đó, nên lại ghi chép thêm. Mới đầu giòng họ Sư có đến năm trăm người, là gia đình cao quý ở Diên Lăng, vì kết hôn cho Sư, Sư bèn lánh đến ẩn tại Mao Sơn.

Pháp sư Quỳnh là bậc tông tượng của Tam luận, nên Sư bèn nương chí ở đó mà tu học, sau Sư lại đi về phía Nam Đan Dương, trụ chùa Phật Quật ở núi Ngưu Đầu. Hiện có hang Bích-chi-Phật, nhân lấy đó làm tên gọi. Ở đó có hình vẽ bảy tạng kinh:

1/ Kinh Phật
2/ Sách Đạo
3/ Kinh Sử Phật
4/ Kinh Sử Thế Tục
5/ Đồ Phù về y phương.

Xưa kia, vào đầu đời Tống. Có Lưu Tư Không xây chùa, nhà ông ta rất giàu có, dùng để ghi chép đều đặt ở chùa núi, truyền nhau gìn giữ. Đến mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, bị hạn hán nạn lửa thiêu cháy kéo dài rộng đến năm mươi dặm, hơn hai mươi ngôi chùa và bảy tạng ấy dồng biến thành tro bụi. Than ôi! Hồi lục mọi sự lập chương. Các hàng tăng tục đều xót xa, ôm hoài thương tiếc. Mới đầu Sư ở chùa U Thê cách hang Phật mười lăm dặm, y theo việc tìm xét, gặp được Pháp sư Tạng Hiển đang giữ lại. Qua nhiều ngày đêm thưa hỏi rất lâu mới được cho phép. Pháp sư Tạng Hiển mới hỏi về sở học của Sư và xem xét tài thuật, bèn gởi thư đạt tình, mới mở tạng cấp cho. Sư liền tìm kiếm đọc trong ngoài, chẳng kể ngày đêm. Nhân trải qua tám năm, sao chép mới xong bèn về lại ẩn cư tại chùa U Thê, đóng cửa tự nhàn tĩnh. Phòng nhà trống rỗng, chỉ có một tòa ngồi, ngoài ra, cây cỏ mọc lan tràn, rong rêu đóng đầy cả giường, bụi bám chồng chất đến mấy tấc. Mùa Đông chẳng dùng thêm bông tơ, mùa Hạ chẳng tìm mát dịu. Chỉ có chiếu cỏ Tư vi, dùng xong hình hữu, mà nói lời bao gồm dồi dào văn vẻ, thêu dệt thi thố. Phút chốc bèn dẫn dùng nối nhau như chuỗi ngọc. Không gì chẳng dùng cung thương để đối đáp, bao trùm cả Huyền Nho.

Ban đầu Sư ra trụ chùa U Thê, giảng Kinh Đại Tập, ngôn từ rộng xa, các hàng tăng tục đều vui mừng. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường, có Giang Ninh lệnh Lý Tu Bổn, là con của Hữu Bộc Xạ Tĩnh, khi còn sống đã biết kính tin chí Đạo, khâm phục đức lớn của Sư, nên cùng các hàng Sĩ tục đi bộ đến chùa U Thê thỉnh Sư ra châu giảng pháp. Sư không hứa. Qua lại đến ba lần Sư mới chấp nhận. Các hàng tuổi cao chưa bằng lòng, sau khi bàn bạc, mới lên đầu tòa, Sư sáng rỡ hơn các bậc tài giỏi trước, đối đáp như mây mưa, viết chép tợ nước trút. Mọi người đều bảo là được nghe điều chưa từng nghe. Có thể gọi là người Trung hưng Đại Pháp! Các hàng thính chúng tăng tục

có hơn ba ngàn người. Sư giảng giải Kinh Đại Tập. Bấy giờ gọi là Vinh quán. Từ đó về sau, nương theo sự cao nhã ấy mà nghe bánh xe pháp quay nối nhau. Khắp thôn ấp đồng trống cùng nhau kéo đến sân đông chật. Bấy giờ, có những người tu trước mang chí khí trông mong ngày nhướng mày trừng mắt, bỗng nghe cao giá, kinh hoàng mà cúi vâng. Lại có người đến chỗ pháp tòa xướng lời quở trách. Sư lấy cớ đức mình mỏng ít mà chối từ, bất chợt có người tùy hỏi thì giải đáp. Nhưng Sư còn khiêm nhường vỗ về bảo với đại chúng rằng: "Xưa kia, đức Như Lai giảng pháp, lý ấy vẫn hiện còn, người tuy có Phàm Thánh khác nhau, mà nghĩa lý thì không hai chuẩn mực. Cớ sao đồng một lúc, đồng một chỗ ngồi mà chúng thọ thân nhiều như cát bụi. Nay tuy khai mở diễn bày, nhưng tân khách lãnh ngộ lại giảm. Há chẳng phải thực hành đúng như lời nói, tâm không hệ lụy bởi tám gió, đúng như lời nói mà thực hành thì tâm có dứt trừ ba độc ư? Nếu chẳng như vậy thì làm sao có thể tự nhổ? Người nghe nên vỗ tâm suy lường đến bờ mé cùng cực"! Nên khiến thính chúng lắng nghe hiểu hình tình túy.

Niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Phụ Công Thác vượt qua Giang biểu chẳng theo Vương chinh. Vương Sư xâm chiếm Ngô Việt mở mang trong sạch. Tăng chúng có đến năm ngàn vị vẫn an nhiên như tường vách. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh tấu xưng vào giặc, Tăng Ni ở các Châu rất rộng, có thể y cứ theo cách xưa của Quan Đông, mỗi châu riêng một chùa thiết đặt ba mươi người, ngoài ra đều đưa về biên hộ. Sư không nhẫn nỗi sự uổng khốc ấy, bèn vào kinh đô trình bày sự lý. Ngự sử Vu Dĩnh đọc xem hết các Biểu từ, Văn lý cao sâu rõ ràng, văn từ thể dồi dào. Hơn một trăm ngày Vi Đĩnh bèn đến đình chỉ. Phòng Huyền Linh kính phục cao xa, vẫn cố chấp sự mê lầm trước, nói với Sư rằng: "Chẳng phải cho là sự lý không gì chẳng từng trải qua tự tấu trình. Đâu nhọc mang Pháp y xuất tục, e rằng có thể trái Đạo Tân Vương. Ngôi vị ngũ phẩm như cúi xuống nhặt vật rơi. Hơn bốn ngàn vị tăng chưa nhọc nói đến". Đích xác là Sư chẳng cứu giúp. Sư biết vận mạng có đến lúc cùng, bèn về lại Bổn ấp. Sau mới hóa độ, lại hết lòng mở mang, tan thân làm gốc, lược nêu một vài chứng cớ để chỉ bày hóa tích.

Trong niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường, tại Mục Châu có yêu nữ Trần Thạc Chân, dùng tà thuật mê hoặc người gạt gẫm, lừa dối kẻ lương thiện. Chư tăng khắp bốn phương xa đều nhóm họp về Kiến nghiệp. Châu tìm huyện xét, không một nơi rước mời. Bấy giờ, Sư đang ở tại thất U nham, chư tăng trong chùa nghèo khổ cùng đoái hoài,

không nơi nương cậy. Càng ngày càng đến nhiều số hơn ba trăm vị. bạn cũ sắp tan, người mới không nơi nương tựa, tuy muốn quy đầu, mà tính không chỗ đến. Quan huyện xuống trách, chẳng hứa đình liệu. Sư bèn bảo rằng: “Các Bạn Đạo cùng đến đây, không kể mới cũ, chùa núi tiêu điều tự đủ để nương nhờ. Hữu Vô sẽ mất, chớ ngại sự ràng buộc chia ly, mong biết chỗ trở về mà biết đến nơi nào? Đều nên an nhiên hàng phục nghiệp, họa phước là đồng. Vì sao như vậy? Vì đều là xả tục xuất gia, xa mong cầu chánh pháp. Nghiệp mạng là tất nhiên đâu thể trốn lánh? Gần thì năm thứ giặc thường đuổi theo, xa thì ba thứ lao ngục thường trói buộc. Tâm không lìa mê đảo, đâu được vụn vặt đường công có tâm mê đắm. Đều tùy theo bổn chí, không được xa rừng sâu!”. Sư vì tăng chúng cung cấp riêng cần có từng ngày, đích thân Sư đi khắp Đơn dương báo với các hàng sĩ tục. Người nghe cắt giảm, chẳng còn mong cầu. Báo lực Sư mạnh yếu chẳng từ chối vác mang. Có hơn trăm ngày mọi sự mới yên tĩnh. Chúng Tăng ở núi điềm nhiên, không có lý do để tan rã. Bấy giờ, hạn cục tình ít thấy, bị Quan xét trách, đích thân bóc lột bọn yêu đồ không thể chịu được. Có kẻ không thể nhẫn chịu, hoặc tự thắt cổ chết. Nhưng Sư lập chí vẫn điềm nhiên, chẳng giẫm vào phong trần, khách chủ cùng đoái hoài, hài hòa như cầm sắt, bèn được cởi mở, lý thông tình hợp. Há chẳng phải mạng thay thế khai sĩ, khó ủng hộ biết người. Cây lạnh tro tàn ánh ngời hiện ra. Thật là người ấy.

Bấy giờ, có Pháp sư Tuyên ở chùa Cao Tọa, là bậc danh đức đời Trần, lúc ấy đã ngoài tám mươi tuổi, là bậc cao Tăng ở Kim Lăng, mọi pháp sự Phó Chúc, khai ngộ cho đương thời. Ngài (Pháp Dung) luc đó đang ở chùa U Thê, nghe Đạo phong mà tìm đến, đem điều nghi ngờ nghĩa lý thắc mắc mà hỏi Pháp sư Tuyên rằng: “Trong kinh nói rõ Phật nói Pháp buông lời người thọ nhận khai ngộ Vô Sinh. Trong luận phân biệt Danh Cú văn tướng mà không nói lợi ích. Pháp sư được Phật di ký (dặn dò gởi gắm) mở mang, xoay chuyển bánh xe chánh pháp. Như bọn Pháp Dung chúng tôi đây chưa nghe dứt hoặc, bị căn cơ khí độ che lấp, vì là Đào luyện khai hóa người vô duyên. Tối sáng chóng vội, càng thêm kính ngưỡng. Đều mong mở vạch cuộn thất, phục chỉ tuân vâng!” Pháp sư Tuyên ngưng im lặng giây lát, bùi ngùi bảo rằng: “Trước kia vào đời Trần, tôi chưa tới tuổi hai mươi, có Thiền sư Thôi là người rất được các bậc Vương Thần quy kính. Ngài lên pháp tòa mà nêu dẫn cũng đồng như ông ngày nay, tôi là hạng người nào mà dám đảm đang Di ký!” Bèn ngay đó mà tan, ngài (Pháp Dung) trở về chùa Kiến Sơ, ngầm kết đồng bạn. Pháp sư Tuyên mến trọng chí đạo của Sư, bèn chống gậy

đến tìm. Khi đã đến chùa Kiến Sơ, ở đó có Thiền sư Đức Thiện là bậc xứng danh, vui mừng trông thấy Pháp Sư Tuyên từ xa đến nên thích thú nói bàn vui vẻ. Thiền sư Đức Thiện và ngài (Pháp Dung) đồng ở chùa chưa bao lâu. Pháp sư Tuyên bảo: "Tôi vì Sa-môn Pháp Dung mà đến". Bỗng nhẹ Đông lỗ, bèn mời Sư mà hỏi, khiến tiếp nối huyền trí, liền ngay tòa dẫn nêu, văn lý đếu nêu lên, hơn ba trăm lời đối đáp qua lại không văn hoa chải chuốt. Khi đó, hai vị thám vịnh đầy lòng, bèn ở tại chùa thiết lập trai giảng. Nhưng ngài nghi biểu lại khác, tướng vượt người thường, đảnh đầu to lớn, ngũ nhạc nổi rõ, mày mắt dài rộng, vầng trán cao rộng, bước đi như rùa, trông nhìn như Hạc, hơi tiếng sâu xa như từ đất tuôn xuất. Đứng tuy ngang bằng người thường mà ngồi thì cao trội giữa chúng. Vận mặc đơn sơ đủ để che kín thân mình, khủy tay rất dài. Từng có người mang vật đến dâng tặng, Sư bèn trả lại. Tâm Sư nhu nhuyến, luôn nghĩ nhớ từ bi. Đối với người trẻ hay người già, Sư đều cung kính như nhau. Nhiều lần bị xem thường xúc não mà tâm Sư quên tỳ vết chẳng đoái hoài. Có lần có một người bạn nghe người hờn giận riêng tư dùng lời phỉ báng về, Sư bèn dùng những từ phi loại mà chê trách, vừa mới đến núi nói điều đó, Sư bảo: "Đối với mọi sự rao truyền đều là hơi gió, vừa mới tuôn ra khỏi miệng liền mất, không thể truy tìm. Sao lại mang sự bàn luận luống dối ấy từ xa đến nơi núi chằm nầy làm gì? Vô trụ là Bổn nguyện chẳng liên can tới tâm!" Nên Sư an nhẫn dao kiếm tình linh đến như thế! Hoặc có người lên tòa nhục mạ, đối trước chúng mà phỉ báng phá hoại, mọi việc đối với Sư đều đồng như gió đi, không nghĩ duyên theo, dung mạo Sư càng sáng đẹp, càng gấp bội vui vẻ. Vậy đủ biết kẻ chê trách lại lộ bày vụng về, mà càng làm sáng ngời đức hạnh của Sư.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lại nghe rằng: Xưa kia, Đức Như Lai nói Pháp giáo hóa, có kẻ đến phỉ báng, hoặc giết thân mạng người rồi đem đến mà chê trách, hoặc buộc thắc bền nước để sinh dèm pha, diệt trong vết tích để chết loại trùng, nói trái ngược khinh thường Đại Thánh, đồng bọn như thế có rất nhiều nhưng Đức Phật duỗi lòng thương mà ẩn giấu, nhận chịu sự chê trách phỉ báng ấy. Mãi đến về sau lỗi lầm ấy tự lộ bày. Hoặc có kẻ đang còn sống mà đã bị đất rút, hoặc có người chết đọa vào địa ngục, bị trời, người cùng xem thường, U hiển vì đó mà buồn thương, nhưng ánh sáng của Đức Như Lai càng hiển lộ, đức của vàng càng sáng chói, để lại khuôn phép để chỉ bày cho tương lai, ban trải giáo pháp khắp cùng nơi đất liền biển cả.

Ngài Pháp Dung trong hai mươi năm, xem đọc khắp các kinh sách,

kính ngưỡng oai dung của bậc Chánh Giác, cúi ngước tiếng vang, nói phong hạnh của Đà-na, xét an bảy chỗ xúc chạm, có ý tưởng chỉ trong sát-na, thấu đạt không ngừng của bốn tuyển. Thấu rõ được thời cơ, tin sự lẫn lộn của năm thứ cặn đục. Xem xét chỉ yếu ấy, hãy một lần quán xét đó đều là Pháp Dung, Pháp Dung thật là Pháp Dung đó. Lời nói ấy thật là đạt.

17- Truyện ngài Thích Huệ Phương ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu:

Thích Tuệ Phương, họ Triệu, người xứ Lai Cường ở Tín Đô thuộc Ký Châu. Khoảng bảy, tám tuổi, Sư đã có tư tưởng muốn thoát tục. Năm chín tuổi, Sư đến trụ chùa Lâm Lạc ở Tô Môn, ở yên lắng chí. Chúng bạn lấy làm lạ về sự đặc biệt cao vời của Sư bèn đem chín thứ lớp mười tưởng trao cho Sư, Sư hễ nghe được gì đều nhiếp niệm và thọ pháp đó, trải qua thời gian, đến khi Hiến Hậu của Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) nhà Tùy qua đời, xây chùa ở phía Tây kinh đô. Xa đề cử Sư đến ở, cúng dường hậu lễ, nhưng chí khí cao nhã của Sư chẳng đấm trước, ý tưởng luôn gắn liền với núi rừng. Tuy gặp tượng đá mà không duyên vận được cân. Thiền Đồ nơi xưa có tâm ngóng hạc.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư giã từ về lại chùa gốc. Người học nhóm kết rất đông thưa hỏi Đạo như núi. Cuối đời Tùy không được yên tĩnh, nên từ núi hang gò đồi Sư luôn dời chỗ, mãi đến trụ chùa Long Thiện ở quận Cấp. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường trị vì, trong nước vô sự, Sư lại cùng môn nhân tiếp nối sửa sang chỗ cũ, bèn khiến cửa thông, rường đá, hang đá, cửa gió đều được tạo dựng mới mẻ. Sư từng ở dưới hàng hiên bàn nói pháp đề cập đến sâu mầu, có vị Sa-di phủ phục dưới tầng cấp, ân thầm lắng nghe. Bỗng nhiên giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Sao để Sa-di ở đó nằm phục lắng nghe!” Vị Sa-di ấy kinh sợ đứng dậy, lại bị đánh ngất đi, đến sáng mới tỉnh. Sư có những sự cảm ứng điềm lành đại loại như thế.

Đến tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647) đời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ đang ở, thọ chín mươi ba tuổi. Mới đầu, lúc Sư chưa tịch, bỗng nhiên có mùi thơm lạ lan tỏa quanh thất, xông ngát ba ngày, đại chúng không ai lường biết được điều gì. Đến lúc Sư thị tịch thì mùi hương ấy biến mất. qua ngày mười bảy tháng đó đón rước đến an táng tại phía Nam Viên Cương, cách mười dặm về phía bắc của Châu.

18- Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lục:

Thích Pháp Hưởng, họ Lý, người xứ Cát Võng ở Hải Lạ thuộc Dương Châu. Thân hình Sư cao tám thước, dáng mạo khôi ngô, khuôn mặt đẹp lạ. Sư lập tánh oai nghiêm, nói năng chẳng dối. Dưới chân có chấm đen tròn sạch rõ ràng. Có thầy tướng bảo rằng: "Lớn lên sẽ làm quân tướng và có tiếng tăm trong thiên hạ!".

Năm mười sáu tuổi, Sư giã từ cha mẹ đi xuất gia, liền chuyên sự tinh cầu khổ tiết, vượt trội khác hẳn mọi người. Hàng nữ giới đến tham lễ, Sư chẳng hề nói năng với họ. Giới hạnh thanh tịnh, Sư tụng thuộc bộ Kinh Pháp Hoa. Tại chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn có Thiền sư Cung là bậc trụ Pháp Hậu hiền, mọi người đều quy kính. Nương thừa danh tiếng nên mời Sư đến ở bên cạnh chùa xây dựng Pháp Hoa Đường, hành trì Pháp Hoa sám pháp của Đại Sư Trí giả. Sư bèn y theo pháp ấy hành trì, suốt hai mươi mốt ngày chuyên chú, bèn đạt được điềm lành. Sư tự biết đó mà chẳng nói. Đến lúc Thiền sư Cung đã vào kinh đô, Sư bèn trở về lại Giang Bắc. Ở hai huyện Hải Lục và Ninh Hải, thường thỉnh Sư đến cúng dường.

Khoảng cuối đời Tùy, có Sa-môn Trí Thiện trụ chùa Đại Ninh ở Hải Lục mở phòng thỉnh Sư đến ở. Ở trong đó Sư tĩnh tọa, giữa ban ngày, Sư đang nằm, bỗng nhiên kinh hãi ngồi dậy và bảo: "Lửa cháy". Ngài Trí Thiện ra ngoài xem khắp bốn phía nhưng chẳng hề thấy gì. Sư bảo: "Tôi bị bệnh tai hay sao mà vọng nghe vậy ư?" Qua ngày hôm sau, Sư nằm ban ngày cũng kinh hãi ngồi dậy, như thế đến ba lần, Sư bèn theo hướng đông về lại Ninh Hải. Sau khi Sư đi, Lý Tử thông đồng với giặc phá huyện, đốt chùa, đúng như điều Sư báo. Trùng lớn sát hại, mỗi ngày có đến mấy mươi người. Sư bèn thiết lễ cầu nguyện tiêu trừ tai ương, lập trai hội lớn, bỗng nhiên có một con hổ vào pháp dường vồ bắt một người đem đi. Sư đuổi theo sau nó, gọi bảo: "Dừng lại, sao vội vàng như thế? Nay vì Đàn việt thiết trai, nên thả người ấy ra!" Hổ liền y theo lời thả ra. Và các con hổ khác nhóm họp lại rất nhiều, Sư dùng gậy gõ vào đầu hổ và nói pháp cho nó nghe. Từ đó, nó lần lượt đi xa.

Sư lại muốn đến núi Thiên Thai tìm dấu vết xưa của Đại sư Trí Giả. Sư bảo với đệ tử rằng:"Tôi muốn đến núi Thiên Thai mà chẳng được, trong một núi ở Giang Nam đi về hướng Tây Bắc thấy có một ngôi thành!". Tới lúc Sư qua sông đến huyện Giang Âm, các hàng tăng tục lưu luyến, nên xây dựng chùa tại núi ở phía Đông nam của huyện, đề hiệu là chùa Định Sơn. Sư dừng ở qua một thời gian. Sau đó, trong

thiên hạ dần tạm an, Sư lại trở về Lam Đình thuộc Hải Lục. Trăm họ đều cố giữ Sư ở lại đó. Có núi Tiểu Cô là khoảnh đất lồi hơn trăm nhận, bốn phía không có cỏ cây, bèn xây dựng chùa ở phía trước, đề hiệu là chùa Chánh Kiến. Sư dừng ở đó.

Đến đầu mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư bảo với môn nhân rằng: "Nay tôi giã biệt các ông, gần đây nằm mộng tướng Ác chẳng khởi!". Và Sư bèn nằm suốt hai mươi ngày, bỗng nhiên ngồi dậy đòi nước nóng, tắm gội, cạo tóc. Từ sáng giờ Thìn mãi đến chiều giờ Dậu, Sư ngồi xoay mặt về hướng Tây mà thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc sắp thị tịch, Sư bảo đệ tử rằng: "Ta nguyện đem thân này thí cho các loài chim thú, nhưng ở đây không có rừng cây, nếu các loài chim thú ăn không hết thì sẽ làm dơ bẩn tai mắt mọi người, nên hãy đem chôn ở phía Tây Nam núi!" Về sau, y theo lời Sư dặn đưa đi chôn, đào bới đất, bèn gặp một tảng đá lớn. Lại thử đào bới thêm thì có một lỗ hổng sâu trên đá vừa chỗ chứa thân hình, nhân đó mà tôn trí nhục thân Sư vào đó và xây tháp lên phía trên.

Lúc bình sinh, thường ngày Sư đến chỗ vắng Đà Lâm, thuần phục các loài thú dữ. Tâm luôn quán tưởng Tây Phương, miệng xưng niệm "Nam-mô Phật!" mà chẳng nói pháp nhiều, Sư chỉ tùy duyên nói một vài câu. Khi có điềm tai ương thì Sư báo cho biết để trốn lánh, nương vào những điều thấy trong giấc mộng. Niên hiệu Trinh quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, có người ở Thường Châu đi đến U Châu, gặp một cô gái hỏi thăm: "Thiền sư Pháp Hưởng ở Hải Lục có được mạnh khỏe chăng?" Lại hỏi: "Có biết ư?" Đáp: "Không biết!" Cô gái ấy lấy vải bố tơ lụa làm khăn trùm đầu gởi cúng dường Sư, người ấy mắc phải tai hoạn nên trải qua cả năm mà chưa đến. Ngài dự biết đó và thường than thở "Sao chẳng đến ư?" Người đến Giang Âm gởi khăn trùm đầu cho người Hải Lục sắp đến chỗ ấy. Sư bèn bảo đệ tử ra đợi đón. Vừa đến cửa thì gặp nhau đem khăn đến trao lại. Sư có được khăn, cầm nắm ngẫm nghĩ giây lâu, bàn tính xé ra giao cho đệ tử, mỗi người được một miếng, có người không được. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, khắp trong nước đều đại khái do Nghĩa Ninh riêng độ, ai không ra thì sẽ bị chém. Nghe vậy, mọi người đều sợ, các vị được khăm trùm đầu đến y theo mà hoàn tục, còn người không được, hiện nay đang xuất gia. Năm đó, Tuyết phủ sâu đến mấy thước, Sư bảo với đệ tử rằng:"Tôi cần rau mới!" Đệ tử thưa:"Tuyết phủ sâu nên chẳng có được!" Sư bảo: "Lên núi tìm sẽ có". Đệ tử y theo lời Sư, lên núi cách chừng vài dặm đến dưới một gốc cây đều là rau xanh, bèn hái đem về,

Sư dự biết mọi việc, đại loại đều như vậy.

19- Truyện ngài Thích Đạo Tín trụ núi Song Phong ở Kỳ Châu:

Thích Đạo Tín, họ Tư Mã, chẳng biết Sư là người xứ nào. Lúc bảy tuổi, Sư đã trải qua thờ phụng một vị thầy nhưng giới hạnh không thuần, ngài thường tỏ bày can ngăn. Vì chẳng thấy theo, nên Sư âm thầm giữ trai kiểm trải qua năm năm mà thầy Sư không biết. Sau đó, có hai vị tăng chẳng biết từ đâu đến, vào núi Hoàn Công ở Thư Châu, tĩnh tu thiền định, Sư nghe thế bèn tìm đến và được trao truyền giáo pháp. Sư nương theo cầu học suốt mười năm. Đến lúc hai vị thầy ấy đi đến La Phù, chẳng cho Sư đi theo, bảo hãy ở lại đây về sau sẽ mở mang lợi ích lớn.

Đến lúc đất nước tìm kiếm người hiền lương, cho phép xuất gia, Sư nhân đó, được gá danh ở chùa Cát Châu. Bị giặc vây quanh thành hơn bảy mươi ngày, trong thành thiếu nước mọi người đều khốn khó, Sư theo ra ngoài đến chỗ giếng lấy nước mang trở lại. Thứ Sử cúi đầu hỏi: “Giặc lúc nào mới tan?” Sư bảo: “Chỉ nên xưng niệm Kinh Bát-nhã”. Bèn bảo khắp cả thành mọi người đều hợp tiếng xưng niệm. Chỉ phút chốc, giặc ở ngoài thành thấy ở bốn góc thành đều có lực sĩ cao lớn oai phong mạnh mẽ chẳng ai bằng, muốn được thấy Thứ Sử, bảo rằng: “ Muốn thấy Đại nhân hãy tự vào thành!”. Bọn giặc liền tan. Đã được bình an, Sư muốn đi đến Hành Nhạc, trên đường lần lượt đến Giang Châu, các hàng tăng tục lưu giữ Sư trụ lại chùa Đại Lâm ở Lô Sơn. Tuy bị giặc cướp lại qua mười năm. Các Hàng tăng tục ở Kỳ Châu thỉnh Sư qua Giang Bắc, đến huyện Hoàng Mai ở chùa Chúng Tạo. Sư theo đó đi lên đường núi, bèn thấy núi Song Phong có suối đá tốt đẹp, liền có chí muốn trọn đời ở tại đó. Đang giữa đêm có con thú dữ lớn đến khuấy nhiễu, Sư đều trao truyền cho Quy giới cho nó, xong rồi bảo đi. Từ khi Sư vào núi đến nay nay hơn ba mươi năm. Các hàng học chúng ở các Châu không nơi xa nào mà chẳng đến. Thứ sử Thôi Nghĩa Huyền nghe đạo phong Sư bèn đến lễ kính. Lúc sắp thị tịch Sư bảo đệ tử là Sa-môn Hoằng Nhẫn rằng: “Hãy vì tôi mà xây tháp, mạng sống sắp dứt, còn chẳng bao lâu!” Sư lại thúc giục phải gấp hoàn thành. Sư lại hỏi: “Đã đến giữa trưa chưa?” Đệ tử đáp: “Sắp đến giữa trưa!” Đại chúng cùng nhau thưa hỏi: “Hòa-thượng không đã căn dặn gì ư?” Sư bảo: “Từ trước đến nay căn dặn chẳng ít!” Nói lời ấy vừa xong, Sư liền thị tịch.

Bấy giờ trong núi có hơn năm trăm người, và các hàng tăng tục ở các châu bỗng nhiên thấy trời đất tối mịt, vây quanh chỗ ấy khoảng 3 dặm, các thứ cây lá đều trắng xóa. Bên cạnh phòng Sư ở có một cây

Ngô Đồng cong nhánh hướng vào phía phòng, đến nay, chỗ cong ấy đều khô. Lúc đó là ngày mồng bốn tháng chín nhuận niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Đến năm sau (652) các đệ tử của Sư như Hoằng Nhẫn, v.v... đến chỗ tháp mở cửa xem thì nhục thân Sư vẫn an nhiên ngồi thẳng như xưa, bèn dời sang chỗ cũ, đến nay như vẫn còn.

20- Truyện ngài Thích Tuệ Minh ở Giang Hán:

Thích Huệ Minh, họ Vương, người ở xứ Hàng Châu, xuất gia từ thủơ thiếu thời, đi hành Đạo khắp nơi, không nơi ở cố định.

Bấy giờ ở Việt Châu có Pháp sư Mẫn nhóm chúng mở mang giáo hóa, khắp bốn phương xa mọi người đều kéo đến nương theo, Sư ở nơi Pháp tịch suốt hai mươi lăm năm. Chúng tăng có cả ngàn vị mà Sư thấu hiểu cao bậc nhất. Sư đắp mặc pháp y bằng vải thô hơn hai mươi năm. Bấy giờ mọi người đều gọi Sư là "Thanh Bố Minh". Sư chí thành mạnh mẽ, quả cảm tự răn, siêng năng không biếng trễ. Sau, Sư lại đến chỗ Thiền sư Nham ở Tương Châu, suốt một lần trải qua mười năm thưa hỏi thiền Pháp, ở núi mà thiền niệm. Sư từng gặp phải đường đi bị tuyết phủ, suốt bảy ngày không ăn. Ngài tự nghĩ bảo rằng: "Ta nghe không ăn bảy ngày sẽ chết. Nay rõ biết là do nghiệp, nếu nghiệp tự tại thì hãy thử để biết". Bèn lấy dây tự buộc trên bờ núi cao, đong đưa như có người cắt đứt, nhân đó rơi xuống sườn núi, như người nâng đỡ, không gì tổn hại. Ngài lại đến núi Tứ Vọng ở Kinh Châu, tu hạnh Đầu-đà. Có hai con hổ cắn nhau, Sư tự đến phân giải. Mùa đông hay mùa Hạ Sư chỉ mặc một bộ y phục theo bên mình, chỗ ra đi đều không luyến tiếc. Như trong Kinh gọi là "Như chim bay trong hư không" là dụ cho hạng người ấy. Sư tụng Kinh Tư Ích, y cứ theo kinh mà thực hành.

Gần niên hiệu Long Sóc (661 - 664) thời Tiền Đường từ Nam Sơn, Sư ra đến Kinh Đô du quán. Mọi người cùng Sư bàn luận không ai thấu đạt trước. Sau đó không lâu, Sư trở lại, nói là đến Giang Khúc nương tựa nơi nhàn tĩnh mà tu Đạo. Chẳng biết Sư ở đâu.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 21 B hết.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 22

CHƯƠNG IV: NÓI VỀ LUẬT

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG IV

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có mười hai vị).

1/ Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô, thời Nam Lương.

2/ Truyện ngài Thích Đạo Thiền trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn, thời Nam Lương.

3/ Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ, đời Tề (Đạo Vân, Đạo Huy, Cư Sĩ Bằng)

4/ Truyện ngài Thích Đàm Ẩn trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông, đời Tề (Hồng Lý, Đạo lạc).

5/ Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Trần.

6/ Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô, đời Trần.

7/ Truyện ngài Thích Pháp Nguyện trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu, đời Tùy (Đạo Kham, Đạo Hạnh).

8/ Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô, đời Tùy.

9/ Truyện ngài Thích Tông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây Kinh, đời Tùy.

10/ Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Đạo Hồng, Pháp Thắng, Hồng Uyên).

12/ Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Hải Tạng, Pháp Thương).

13/ Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thỉ Châu, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Trí Bão trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô, thời Tiền Đường.

15/ Truyện ngài Thích Tuệ Sẵn trụ chùa Long Cư ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô:

Thích Pháp Siêu, họ Mạnh, người ở xứ Vô Tích thuộc Tấn Lăng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia tại chùa Linh Căn. Tuy còn nhỏ nhưng Sư đã thông minh dĩnh ngộ, dốc chí cầu học không mỏi mệt. Sư theo Sa-môn Tăng Hộ ở cùng chùa tu tập kinh luận, nhưng Sư cao nhã có ý tứ sâu xa, tìm cầu chỗ sâu kín, học luận quy ngưỡng. Sư nghèo khó, không có áo mặc cơm ăn, xin kẻ tù để tự nuôi sống mà tâm tánh Sư mềm mỏng, khổ nhọc không lo lắng.

Sau, Sư theo Sa-môn Trí Xứng ở chùa An Lạc, chuyên giảng dạy Luật Thập Tụng đến nỗi có tiếng là mạng gia, bảo Sư chiết trung hơn hai trăm lượt. Từ khi ngài Trí Công thị tịch về sau, một mình Sư riêng bước nơi chốn kinh ấp. Đến tuổi trung niên, Sư phế bỏ hạnh nghiệp, hơi mất giềng mối lớn, sau đó, Sư trở lại giảng giải, chúng nhóm họp rất đông. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502 - 550) thời Nam Lương cho rằng Luật giáo là chỗ nương của thời Tượng pháp. Học tuệ là thềm bậc dần tiến lên, là cốt yếu của sự sửa thân diệt tội, ba Thánh đều do đó mà quy hướng, không được thiếu sót, như bịt mắt đi đêm thường sợ sa lầm sụp hố. Muốn cho tất cả tăng ni đối với Năm Thiên bảy Tụ dẫn ý giúp tâm. Vì Sư là người tài giỏi về luật học, nên vua ban sắc mời Sư làm Đô Ấp Tăng Chánh. Ngõ hầu để Sư dẫn dắt đồ chúng, nghi biểu do đó mà được đứng vững. Vua Võ Đế lại cho rằng Luật bộ nhiều rộng, gặp việc khó nghiên cứu. Ngoài sự xem nghe thì thiếu sự nghiên cứu rộng về giới pháp, giúp đời kết thành văn, Sư bèn soạn thành mười bốn quyển, đề hiệu là "Xuất Yếu Luật Nghi". Vì ngôn từ thiếu sót, bao gồm nhiều bộ, thông khắp mọi chốn của thời Nam Lương đều nương tựa theo mà thực hành.

Niên hiệu Phổ Thông thứ sáu (525) thời Nam Lương, Vua Võ Đế mời nhóm họp tất cả các hàng biết việc cho đến những người danh giải tại điện Bình Đẳng. Vua ban sắc mời Sư giảng luật, đích thân Vua, đến nơi pháp tòa dự nghe nhận, thành khuôn phép. Vì Đại chúng gồm cả kẻ

tăng người tục nên sợ rơi vào lỗi lầm, do đó Sư chỉ mới lược nêu cương yếu, tuyên bày Hoằng Chỉ. Ba tuần sắp mãn, Văn từ đã xong. Do đó dẫn dắt hoằng dương Bí Bộ, mở ngộ đương cơ, bèn được bốn Chúng thay đổi tâm tánh, triều đình đều vui mừng.

Đến mùa đông niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (526) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa Thiên Trúc, thọ bảy mươi mốt tuổi. Vua Võ Đế ban sắc an ủi và bảo Hữu Ty đón rước an táng và xây tháp mộ tại chùa Khai Thiện ở Chung Sơn.

2- Truyện ngài Thích Đạo Thiền trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn:

Thích Đạo Thiền, người ở xứ Giao Chỉ, Sư sớm vượt khỏi mành lưới thế tục, lập tánh nghiêm minh, tu thân giữ giới, bày đức hạnh như sương tuyết. Mọi người trong giòng họ, xóm làng cho đến các hàng tăng tục đều quý mến sự khắc kỷ ấy và xem trọng hạnh chí thành của Sư.

Chùa núi ở Tiên Châu, khi xưa có lắm hổ hại người, từ khi Sư đến đó ở thì tai họa ấy chấm dứt. Nghe Tề Cảnh Lăng Vương mở mang Thiền luật, mở rộng trường giảng. Mọi người xa ngàn dặm đồng đến Kim Lăng, đều là những bậc Tiêu lãnh ở khắp bốn biển, người thì giỏi, Đạo thì cao. Sư truyền tỏa hương cỏ thơm, nhiều lần thâu đêm chẳng ngủ, nghĩ muốn tham dự Thắng tập, kính phụng chân thuyên.

Khoảng đầu niên hiệu Vĩnh Minh (483) thời Nam Tề, Sư đến Kinh thất, trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn. Nghe giảng góp nhặt tuy nhiều bộ mà Sư chỉ nhờ luật Thập tụng mà nổi tiếng. Trải qua thời gian hóa đạo, các hàng tăng ni kính tin. Nên có oai đức chấn phát để thấy tiếng tăm, nhưng Sư vẫn điềm nhiên vui vẻ dẫn dắt khai ngộ, bàn luận phong thái. Tại Đô ấp người thọ nhận giới pháp khuôn phép với Sư có hơn ngàn vị. Đồ chúng thường theo nghe giảng chưa tới trăm vị. Sư lại ưa thích Diệt giác quán, chóng lưu lại nơi hang sâu. Động vượt cảnh đêm mới tìm trông bước, lại thêm thường ăn rau trái, mặc áo thô xấu, ngon không vào miệng. Nếu có người dâng cúng đồ vật mới đẹp, Sư bèn tùy sự cung cấp mà cho kẻ nghèo bệnh. Sư giàu sang của biết đủ, đâu gì hơn nữa. Cuối cùng, Sư ở nơi phòng nhà tại chùa, lắng vết chốn núi rừng, chẳng giao du với thế tục, an khổ lập hạnh. Mọi người lấy làm lo lắng, nhưng Sư chẳng thay đổi niềm vui ấy.

Đến niên hiệu Đại thông thứ nhất (527) thời Nam Lương, Sư thị tịch tài chùa núi, thọ bảy mươi tuổi.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ:

Thích Tuệ Quang, họ Dương, người ở xứ Trường Lô thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi, Sư theo cha đến Lạc Đô, ngày mồng tám tháng tư, đến chỗ Thiền sư Phật-đà, theo thọ Pháp Tam Quy. Ngài Phật-đà lấy làm lạ về ánh mắt của Sư tỏa sáng bấn toé như lửa, suy nghĩ sâu hẳn là có tiết tháo kỳ đặc. Nên khuyên răn dẫn dụ ở lại và trao kinh bảo Sư tụng đọc. Sư cầm lấy quyển kinh xem văn mà như ngày trước đã từng tập học, bên cạnh đó lại thông rộng ý nghĩa, thấu cùng lý sâu, thêm vì bàn luận khúc chiếc, thái độ mới lạ, làm biến động tâm chúng sinh, lúc đàm nói vượt quá miệng. Nên đến cuối mùa Hạ, Sư được độ cho xuất gia.

Kinh điển Sư được tập học, bèn lại giảng nói cho người nghe. Văn từ đã trong hay khéo léo, mà lý cũng cao đẹp. Người đương thời gọi Sư là “Thánh Sa-di”. Nhân được lợi dưỡng, Sư nhận rồi lại ban thí. Sư trông coi nhưng rồi lại cho hết. Nên ngài Phật-đà bảo rằng: “Đó thật là hạnh của bậc Đại Sĩ!” Bèn mặc tình Sư, mà chẳng ngăn cấm. Ngài dò xét thưa hỏi chỉ dạy, kính giữ mà lấy làm lạ, nhưng Sư là người cao nhã, tâm lượng rộng rãi, chẳng câu nệ tiểu tiết. Với mọi sự khen chê được mất, thanh sắc chẳng biến đổi. Mọi người càng mến trọng Sư và khen ngợi độ lượng cao xa ấy. Ngài Phật-đà bảo rằng: “Sa-di này chẳng phải người thường, nếu thọ Đại giới thì nên trước nghe học luật. Luật là nền tảng của tuệ, nếu người không có trí thì chẳng thể vâng giữ. Nếu ban đầu nương tựa y cứ vào kinh luận, thì sẽ xem thường giềng mối giới luật. Tà kiến là cội nguồn phá diệt giáo pháp, chướng ngại chánh Đạo”. Do đó, trao cho nhiều Luật kiểm. Trước tiên là bộ Luật Tứ Phần chưa được truyền ba rộng. Có Luật sư Đạo Phú mở đầu khai giảng bộ ấy, soạn luật sớ sáu quyển, chỉ là khoa văn. Còn như nêu cử Hoằng Tông, thì không nghe có ở đời. Nên sở học của Ngài (Tuệ Quang) hoàn toàn y cứ khẩu truyền.

Đến lúc đủ hai mươi tuổi, học hạnh của Sư hơi hoàn bị, thường nghe nói chẳng thông hiểu, hoa phát giới bèn trở ngại, Sư bèn về quê cũ tấn Đàn thọ giới cụ túc. Sư rộng nghe giảng về luật bộ, y cứ theo văn mà hành trì. Mùa Hạ năm thứ tư, Sư sắp lên giảng luật Tăng-kỳ, Mới đầu vì xướng cao nêu ít người họa, từ lý tinh huyền dần nhiễm bến dòng, chưa được toại nguyện thính chúng nhóm hợp. Sư biết chỗ thấu đạt của Công phu học tập, nghĩa phải rộng khắp các bộ. Do đó, Sư bèn nương tựa Biện Công tham học các kinh luận. Sự tốt đẹp của người nghe

người nói tiếng tăm vang tới quận Triệu. Sau đó, Sư đến Lạc Kinh, sưu tìm mới lạ, âm từ chữ nghĩa cả hai vùng Nam Bắc, Sư đều thông suốt sâu mầu, đều là sự khổ nhọc của tâm kế. Sự việc phải cần văn ký, Sư mới chuyên việc giấy bút, ghi chép những điều được nghe, lại dùng ý lường xét, tham dự cùng tiêu tan. Một hôm, Ngài Phật-đà thầm trông thấy Văn ngôn, bèn gọi Sư đến bảo rằng: “Việc độ con của ta, trông mong truyền quả hướng nơi Tâm, sao mãi khư khư với ngôn ngữ ở đời ư? Nay trông thấy thần khí đã thành, xứng đáng là Pháp sư cao sáng! Việc Đạo chẳng phải phận sự của con, vì sao lại tự làm lụy?” Nhân đó mà rơi nước mắt!

Gặp lúc ngài Phật-đà làm chủ chùa Thiếu Lâm, Tam Tạng Pháp sư Lặc-na mới bắt đầu phiên dịch Kinh Thập Địa, sau đó bèn hợp dịch. Sự việc có nói rõ ở biệt Truyện. Khi ấy, Sư được tham dự pháp tịch ấy. Vì vốn có tập học phương ngôn (thổ âm của từng địa phương), thông suốt cả hai sự tranh cãi ấ, lấy bỏ do tổ ngộ, giềng mối hiện còn. Từ đó, Kinh Thập Địa được lưu truyền, mạng chương có giải thích, riêng Luật Tứ Phần mở đầu nền tảng ở đây. Với các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Duy-ma, Thập Địa, Địa Trì v.v... đều sớ giải chỗ sâu kín mà mở mang giảng nói dẫn dắt. Nhưng văn từ vẫn còn phong cốt, rất lược chương cú, cho nên cả ngàn năm vẫn kính ngưỡng Thanh quy ấy. Các Sa-môn kính phụng lấy đó làm Tông hạt. Tư Đồ Cao Ngạo, Tào Bộ Xạ Cao Long Chi, cho đến Triều thần Tư Mã Lệnh Hồ Tử Nho v.v... là những bậc Danh Hiền ở đời Tề, đều kính trọng Sư như bậc Thánh.

Từng gặp phải năm hạn hán, mọi người thưa trình với Sư, Sư bèn đến bên bờ hồ Tung nhạc, đốt hương cầu mưa. Liền sau đó, mưa tuôn đổ, khắp gò đồi thấm ướt, Dân chúng đều được lợi. Lại nữa, gặp lúc họ Chu đem binh lính xâm chiếm đất Bắc, trừng phạt bắt tăng ni đóng thuế để sung vào quân lính, trước tiên đặt ra hình luật nghiêm ngặt, người nào dám cản ngăn sẽ bị chém. Bấy giờ, Sư đang đảm nhậm chức vụ Tăng Quang, trông coi năm chúng xuất gia gặp phải khốn khó bế tắc, bèn đem mạng thẳng đến nói với Thế Long rằng: “Nếu đáng thực hành loại thuế này, thì việc nước chẳng thể tồn tại”. Nói xong khắc rõ, việc, cũng được miễn khỏi. Sư có sự cảm kích cùng cực đến u hiển, đại loại là như thế.

Mới đầu, khi Sư ở tại Kinh Lạc, đảm nhận chức vụ Quốc Tăng Đô, sau được thỉnh đến đất Nghiệp, tiếp nối rất có công, bèn chuyển làm Quốc Thống. Trước ngày sắp tịch, Sư cưỡi xe đến đất Tào, vừa đi ra cửa chùa, nóc xe tự rách, liền ngồi xuống phán xét sự việc, bỗng nhiên rơi

bút. Sau đó tìm không biết ở đâu. Sư tự biết tướng sắp qua đời. Do đó nên không được khoẻ, qua hơn bốn tuần. Sư điềm nhiên thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành, thọ bảy mươi tuổi. Sư thường nguyện sinh về cảnh giới Phật mà chẳng định phương hướng nào. Đến lúc hơi thở sắp dứt, đại chúng đều thấy cung trời hạ xuống, bèn mới đầu thành hướng về An dưỡng, bỗng chốc thị tịch.

Từ khi Sư lập chí trong trắng tĩnh lặng, giữ vững giới nghiệp, động chỉ an nhiên rõ ràng, y phục chắp vá, suốt đêm ngày chỉ chuyên tâm nơi Đạo, của cải không chứa để rửa trừ dơ uế, thề lấy trọn đời làm kỳ hạn. Riêng trọng hành Tông, bốn oai nghi không vọng động, dùng Pháp ấy nghiêm khiết chính mình, riêng lập. Bảy chúng rất kính sùng tiết tháo ấy. Từ khi chánh pháp truyền đến phương đông, mở rộng ở đời thì Sa-môn Đạo An là người mở đầu, tăng tục đổi thay phong cách, rộng ngôi vị thanh giáo thì ngài Tuệ Quang tiếp theo đó. Các tác phẩm do Sư soạn như Kinh Thắng-man, Di giáo, Ôn Thất, Nhân Vương, Bát-nhã v.v... đều có chú thích. Lại soạn lại Tứ Phần Luật Sớ, gồm một trăm hai mươi trang. Đời sau trích dẫn đó để làm nghĩa tiết. Và với Yết-ma Giới Bổn đều thêm san định, khắp cùng nay các bạn đạo đều trì tụng. Sư lại soạn; Huyền Tông Luận, Đại thừa Nghĩa Luật Chương, Nhân Vương Thất giới và Tăng chế Thập Bát Điều đều là Văn từ ý chỉ trong sáng, hợp với thời thế.

Có Học Sĩ Đạo Vân sớm nương tựa bẩm thọ từ thầy, kính vâng di chỉ của Sư, chuyên truyền bá Luật Bộ, soạn luật sớ chín quyển là tác phẩm đầu tiên của chúng, thành Tượng rất nhiều, giảng nói càng xa. Thêm vì, oai dung nghiêm túc, mọi hành động cử chỉ rất có phong nghi, bàn nói từ hòa, ngôn hạnh xét nhau. Trong môn nhân của Sư (Tuệ Quan) lại có Sa-môn Đạo Huy là người nổi tiếng ngang với ngài Đạo Vân, tình trí cao ngạo, chẳng giữ phương hướng, lược bớt bộ luật sớ do ngài Đạo Vân soạn làm thành bảy quyển, xứng dùng ý hợp, kiền-độ suy theo đó. Nên có ngạn ngữ nói rằng: "Vân Công ở đầu, Huy Công ở đuôi, Hồng Lý soạn thuật ở giữa". Là do đó vậy. Đồng thời còn mất có tiếp nối, chứa nhóm tốt lành chẳng tìm cầu, thật đáng buồn thay! Bấy giờ, ở nơi Sư (Tuệ Quang) có các học sĩ chí thành kính ngộ rất đông đảo. Những vị được chúng suy tôn kính ngưỡng có mười tám người, tuyển chọn hạnh giải để nhập thất chỉ có chín vị.

Có Nho sinh Cư sĩ Bằng Cổn, Sư (Tuệ Quang) là người sắp vào trong số, Bằng Cổn vốn người đất Ký, rất thông hiểu kinh sử, được tiến cử vào Đài, để làm Quán Quốc, riêng tự suy nghĩ rằng: "Hai giáo nghĩa

Đen Trắng (Nho - Đạo) đã từng rất có hoài bão, riêng đối với Thích Tông từ thưở bình sinh không hề kính tin, thử đến hầu Tuệ Quang, muốn luận bàn về Danh lý". Gặp lúc Sư đang lên pháp tòa giảng pháp, Bằng Cổn đến dự nghe, chăm chú về oai dung, lắng nghe âm thanh biện giải. Sở chỉ của Văn Cú là dứt trừ nghi trệ làm đầu. Liền ngay nơi chỗ ngồi dốc hết kiền thành, tự xót thương được nghe muộn màng, bèn co chân cúi đầu dốc mạng quy y. Nhưng đánh phá nguồn bệnh ấy rất rõ về yếu hại, cái "ngã" là có cội gốc, riêng chỗ rong ruổi. Mỗi lúc có các hàng tăng tục tiếng tăm đến giúp cho Pháp Dược, Bằng Cổn liền tùy bệnh mà đặt ra cách trị liệu. Người tin thì ngậm khóc. Cho nên Bằng Cổn nói rằng: "Các hành giả không được tin ở đây, Vô minh còn mê mờ tâm, tìm hay tìm dở, nghe kinh học hỏi, trang sức tâm ta. Phải biết lừa giặc tìm kiếm lỗi ác kia, chẳng tìm hay dở thì ngã tôi dần hết. Đặc biệt phải phân rành xa, chớ mê tự tha. Lỗi lầm nơi ta thường khởi đầy khắp pháp giới. Người khác nói ít lỗi thì liền tức giận. thường phải xét tâm tự mình nhiều lỗi. Nếu nghĩ lường thì tuy ở thế gian, không có thấm đượm vị thì không bao giờ có tâm vui mừng. Vì chưa mất Ngã thì do đâu mà có vui? Tâm này đem ngã lên đến tận cõi trời Phi Tưởng, trở lại xuống đến địa ngục. Thường lừa dối Ngã, như là kẻ thù, như là kẻ tôi tớ được thương yêu. Đâu thể học vấn nuôi lớn giặc tâm, khéo làm kín làm, khiến tìm danh lợi, tạo nên sự ganh ghét. Nên trong kinh nói rằng: "Phải làm thầy của tâm, chớ bắt chước nơi tâm". Đứa bé tám tuổi có thể đọc tụng mà người già trăm tuổi chưa dễ thực hành! Nên chẳng cứu gấp". Bấy giờ, có người lén ghi lời đó, thế gian gọi đó là "Bổng Tâm Luận". Cũng có người ôm ấp trong lòng gặp cảnh thì hoàn toàn quên mất, do không chuyên cần mài giũa cho nên như vậy. Bằng Cổn ở nơi môn tịch của Sư cúi đầu dò xét hơi thở. Thường cúng dâng cơm cháo mỗi ngày theo thường lệ, cung phụng chư tăng xong rồi, rửa dọn ngưng lóng cạn bã đem nấu lại mà tự dùng. Hơi có chút mùi vị thơm ngon, bèn để lại cung cấp sau. Đêm đến ở trước bếp, lấy một bó chổi chia làm hai phần, một phần gối lưng, một phần ngồi lên đó. Tướng sáng vừa xuất hiện thì cháo đã chín, bất luận thời tiết như thế nào, việc ấy thường như vậy. Sau giờ ngọ mang các thức ăn đến nơi tù ngục, mọi chỗ qua lại, người biết đều mở đường. Hoặc đến chỗ nào đông đảo người thì dẫn trước cung cấp, hoặc nước hoặc lửa, hoặc quét hoặc chổi, tùy mọi việc cần, không gì chẳng dự vào. Miệng luôn giảng pháp, như lúc đầu, không hề nói mỏi mệt. Sau, Sư qua đời nơi môn tịch của ngài Tuệ Quang.

4- Truyện ngài Thích Đàm Ẩn trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông:

Thích Đàm Ẩn, họ Sử, người xứ Hà Nội. Thuở thiếu thời, Sư nhàm chán trần tục. Đến các chùa Phật, kính phụng giới luật, tụng tập các kinh, mỗi một ngày đêm thường lấy chuẩn định ba mươi vạn lời làm thường xuyên.

Đến lúc đủ tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc, quy hướng nương tựa Sa-môn Đạo Phú nghe học Luật bộ, siêng năng mài giũa càng lâu, nghiên tâm càng sâu. Sau, Sư lại theo Quang Công tham cứu tinh yếu, đào luyện nhuần thấm biến thông, trở thành đệ tử tài giỏi của Quang Bộ. Sư mới vượt bộ qua Kinh Nghiệp, đến hướng bắc tỏ ngộ Yên Triệu. Thứ sử Định Châu là Hầu Cảnh kính trọng Sư như thần tiên, vì xây dựng chùa, thỉnh Sư đến ở và cung cấp. Sau cùng, Sư trở về Chương Tân, mở mang giáo điển ấy. Bộc xạ Cao Lang Chi thêm lễ vẻ vang khác lạ hành Đài. Hầu Cảnh lại đến Nghiệp Đông, xây dựng chùa Đại Diễn và lại thỉnh Sư đến trụ ở đó, mở mang truyền bá giới tông. Năm chúng đều kính ngưỡng. Sư tùy câu hỏi mà phán định Văn nghĩa nhã chánh.

Bấy giờ, có Sa-môn Đạo Lạc là người chuyên trì luật, hạnh giải đều gồm, mọi người đều tôn quý, khí điệu rộng xa, hoặc có người mô phỏng theo, nên trong đất nghiệp có lời nói rằng: "Luật Tông lược rõ chỉ có Đàm Ẩn và Đạo Lạc!" Hai ngài được người đời kính trọng đến như thế. Mà ngài Đàm Ẩn tánh thích một mình đi các nơi, không nuôi đệ tử, không chứa để chút của cải nào, mặc áo hở bày vai lưng trọn đời. Y bát luôn mang theo bên mình như hai cánh của con chim. Trông nhìn xoay mình thệ giữ lấy như voi xoay. Vừa thông luật giữ luật, thời bấy giờ chỉ một mình Sư mà thôi. Đến năm sáu mươi ba tuổi, Sư thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành. Sư có soạn Luật sao bốn quyển. Môn nhân đệ tử thành khí có hơn mười vị, đều y cứ theo khuôn vết ấy.

Bấy giờ, lại có Luật sư Hồng Lý là bậc tinh khí riêng biệt, Văn từ cao nhã nghiêm chánh, dự cùng luận bàn dữ dội ít ai chẳng mất vết, Sư có soạn Luật sao hai quyển. Bấy giờ, cùng với Đồng Bí, sau là Sa-môn Trí Thủ mở rộng từ nghĩa, nhã bày cương mục hợp thành bốn quyển, hiện tại đều tụng.

5- Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô:

Thích Đàm Viện, không rõ Sư họ gì, người ở xứ Kim Lăng. Sư có được tài thuật tung hoành, thông rành Tử Sử. Từ thuở nhỏ đến lúc

trưởng thành do nghe qua mà nổi tiếng. Số luận là tôn chủ ở đương thời, Sư đều trải qua đào luyện ghi chép. Nhưng oai nghiêm của Sư các hàng trẻ nhỏ chẳng vọng bước đến. Sư kính cẩn gìn giữ rất có công phu và thường dùng văn hoa để tự xử. Bấy giờ, có người mưu toan can ngăn, nhân đó Sư phế bỏ mọi tập học trước, chuyên về Bỉ Bội, Đàn Vi nêu cáo chỉ nghiệm ở tai mắt. Do đó mà tiếng tăm vang vọng kinh ấp, những người đồng hàng rất lấy làm kính trọng. Sư chuyên lấy giới luật để xử thế. Trú trì là cần yếu, mới theo các trường giảng, chuyên tập học Luật Thập Tụng. Công phu chứa nhóm đã hiển bày, Học quán đã nêu. Từ đó thường đáng ở nguyên tể, trấn giảng nối nhau.

Dưới đời Trần Không cho là gần gũi, nên khiến năm chúng tiếp nối Phong du ấy, bảy quý nương theo bến cứu giúp đó. Sư cũng có thường đồ chúng nghe giảng có hơn hai trăm vị. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-593) đời Trần ban chiếu khắp trong nước, những vị mới thọ giới chưa đủ năm hạ đều tham dự tu học nơi trường luật. Có thể ở kinh ấp nơi chùa lớn thiết đặt rộng trường giảng. Và bèn ban sắc cho Sư trông coi xem xét tất cả, nêu rõ khoa cử, Hữu Ty y cứ tiêu chuẩn cung cấp ăn mặc. Sư đã được ân chiếu dạy răn khắp tất cả chư tăng trong nước, trùm khắp bốn phương xa, muôn dặm đều thuộc. Bấy giờ, Sư liền tìm chọn các vị minh giải từ nghĩa có hơn hai mươi người, đồng một lúc giảng nói mở mang, chúng tăng đều có đến ba trăm vị. Lúc bấy giờ, khắp Kinh Ấp náo nhiệt, hành trì đọc tụng rầm rĩ. Nước nhà phụng cúng cung cấp sung túc, người học không phải khốn khó. Chưa được mấy năm mà đạo khí tăng nhiều. Những vị có học đã thành sắp trở về bổn ấp, Sư đều nhóm tụ đồ chúng, hỏi han Lý sự. Với những người không còn phải nghi ngờ mới được cho đi. Do đó luật học càng mới, tấu trình lên triều đình, Vua Tuyên Đế lại ban sắc an ủi, bèn thỉnh Sư vì nước nhà mà đảm nhận chức Tăng Chánh, và mời Sư trụ chùa Quang Trạch. Sư từ chối vì trách nhiệm, vua ban sắc đặc ân chấp thuận. Sư gá thác chẳng đua tranh, luôn đóng cửa tự xét. Chẳng có chúng nhóm họp thì Sư không quên kinh hành. Với mọi sự vui buồn trai hội, Sư hoàn toàn không dự tham. Đến chốn núi suối rừng trúc, thấy thì quên trở về. Sư thường lên các chùa ở Chung Phụ, sửa sang tạo dựng Đạo Hiền, xúc sự hứng thú thi phú, trông xem cảnh vật nghĩ nhớ người xưa.

Có Pháp sư Hồng Yển là người tánh tình cao ngạo như đá suối, riêng được các bạn theo, nắm tay rảo bước ngoài rừng đồng đi đến nơi vườn cũ. Sư đề bài thơ ở gốc cây rằng:

"Gò đỏ phấn lá ít

Nước bạc thêm mầm nhiều,
Thấm dần khách nhỏ lệ
Buồn oán động người ca
Xuân qua độ dây sắn
Thu bổn lấp cát dài.
Nai hưu tự nhảy cưỡi
Xa giá bặt trải qua.
Tiêu điều đồng rộng ngóng
Buồn bã biết làm sao!"

Ngài Hồng Yển tiếp đề thơ rằng:

"Rồng ruộng dừng vườn cũ
Nước phần kết sóng dư
Buồn trông thương dõi mắt
Cay đắng nghĩ mối nhiều.
Khói mát thảm cây cao
Sương dày đầy lưới nhẹ
Đầm Qùy còn đeo giếng
Ao trúc dưới lấm sen
Gió thu không tự gấp
Chẳng đáp mây trắng ca!"

Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần tại chùa đang ở, thọ tám mươi hai tuổi. Ban đầu mới cảm bệnh sắp hiện, Sư bèn bảo với đồ chúng rằng: "Sinh tử đối pháp, Phàm Thánh đều bị buộc ràng. Trừ người đã chứng ngôi vị cùng cực, còn có tâm chẳng ai tránh khỏi! Nay sắp đến đời sau, sức lực chẳng còn do đâu, nguyện được sinh lại để giảng dạy, có phần công phu thầm che chở. Đây kia đều tu dùng làm sự tu tập ở tương lai. Nếu chẳng vậy thì trôi nổi theo thế tục, chưa thể thành cứu giúp chung. Mong các vị Phạm hạnh đồng nghĩ suy lời này. Mọi việc Hậu sự tùy lượng, hãy y theo thành giáo!". Nói xong, Sư ngồi thẳng như nhập định, không bao lâu thì thị tịch. Các hàng tăng tục buồn khóc, khen ngợi Thần Chí minh chánh của Sư chẳng sánh duyên nghiệp. Vua Tuyên Đế ban sắc y theo Pháp cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp trắng, lập văn bia tại chùa.

Sư có soạn Thập Tụng Luật Sớ mười quyển, Giới Bổn, Yết-ma sớ mỗi thứ hai quyển, Tăng gia thư nghi bốn quyển, Biệt tập tám quyển, hiện lưu hành ở đời.

6- Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô:

Thích Trí Văn, họ Đào, người ở xứ Đan Dương. Mẹ của Sư là con gái của Trung Thư Nguyễn Thao đời Lương. Mới đầu lúc mang thai Sư, mộng thấy một vị phạm tăng cầm chiếc gậy thông trao cho mà bảo rằng: "Sau này bà sinh con trai, nên cho làm trần vĩ!" Đến lúc sinh ra thì Sư vượt trội khác hẳn thường tình."

Đến tuổi đi học, Sư đến nương tựa Sa-môn Bảo Điền, Trí Thành, làm Sư Phó. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên giảng Huyền tâm, chia giới túc thành năm thừa, Luật kiểm khai thành bảy chúng. Đâu chỉ thông đường sinh tử mà cũng là dây cương ràng buộc đạo tràng. Nghĩa phải trước tinh thông mới phù hợp ý Phật. Ngay đó Sư chí thành kính thờ Sa-môn Tăng Biện là bậc oai đức trùm khắp chúng tăng, giải hạnh cao vượt mọi người. Truyền nghiệp rất hưng thạnh một mình riêng bước ở đất Giang Biểu. Suy tôn bậc Lãnh tụ thì có Triện Công ở chùa Đại Minh. Nên mới đầu thì Sư theo học với Ngài Biện Công, sau thì quy hướng dưới pháp tịch của Triện Công. Với Luật Thập Tụng cùng và bộ khác, không bộ nào Sư chẳng luyện thông.

Niên hiệu Đại Đồng thứ bảy (541) thời Nam Lương, các chùa Linh Vụ, Ngõa quan tâu vua thỉnh Sư đến trụ chùa Quang Nghiệp, mở đầu khai giảng Luật tạng. Có Ân Quân ở quận Trần vì đó làm Đàn Việt, cho nên Sư khiến chúng tăng có hai trăm vị thường đến nghe. Vào cuối thời Nam Lương bị hoạn nạn, Sư bèn lánh đến Mân Hạ, lại ngời sáng lãnh biểu. Bấy giờ, các Sa-môn Tăng Tông, Pháp Chuẩn là những vị nổi tiếng trong hàng hậu tấn, đều cầm kinh đến thưa hỏi. Sư lại cùng ngài Chân Đế đồng trụ ở Tấn An, cho nên được giảng dịch, đều hợp với Pháp Môn xán lạn. Bên cạnh đó khiến người Phàm tục sinh tín tâm đối với phong cách của Sư, nên những nhà nấu buôn rượu thì phá hủy vật dụng làm rượu, người săn bắn chài lưới thì thiêu đốt lưới võng, mọi vật của tăng ni nhờ đó được đầy đủ.

Đến khi nhà Trần cai trị đất nước thì sông biển mở trong, việc giảng trao môn đồ càng nhiều hơn cuối đời Lương. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) ra lệnh quân lính đánh chiếm chuẩn bị ở sông Phì. một trận chiến nếu không thành công thì ngàn vàng mất tan trong một ngày. Do đó, chuyển thâu vận lực phải nhờ đến chúng tăng. Sư rất hộ trì chánh pháp, không sợ bị giết, bèn cách từ rằng: "Thánh Thượng thật khác hẳn, vua Vũ Văn phá diệt Tam Bảo. Quân tử vì nước nhà hẳn là ở lễ nghĩa, đâu nên đem ruộng phước tốt đẹp làm những việc như hạng

thấp kém? Chẳng phải chỉ có Địch là kẻ khinh mà còn gây ra tội rất nặng!" Vua liền ban sắc hứa cho phép, mọi việc đều dừng nghỉ. Từ đó về sau, mọi việc Sư trình tấu không gì chẳng xứng hợp. Sư sửa trị chúng tăng, đuổi phạt đều phù hợp với thời cơ cần yếu. Thượng Thư lệnh Tế Dương Giang Tổng nối gót Đạo đến phòng Sư không sai ngày tháng. Vậy đủ biết học mà có lộc Đức thì có gần gũi. Pháp vị nên thăng tấn, chúng tăng ngóng trông vui mừng đó!

Đến đời Tùy thay đổi vận nước, riêng ban luân ngôn, đã bãi bỏ Tăng Ty, hiến chương luật Phủ. Sau Đại quân thì gai gốc phát sinh, mười lạm sáu đàn thấm sáng ở Giang Biểu, Sư lại y cứ theo Pháp mà cắt dứt, bèn được không tiếng sâu. Có thể gọi là Thiếu niên cường tráng miễn khỏi sự sai lầm của tóc bạc, Cỏ Đề, cỏ dữu bặt ẩn tàng giữa ruộng xanh. Trước sau Châu Tướng lớn đến dưới quân đều tôn trọng kính ngưỡng niên đức, ít kẻ chẳng tu kính. Trụ Quốc Võ Sơn Công Quách Điển cầu kính gấp bội thường tình, đích thân dẫn vợ con đến chùa làm Đàn việt xả thí, thiết bày Pháp hội trai nghi lớn, thỉnh Sư giảng nói Luật Đề. Chê khen phân tích có dáng vẻ của khắc tráng. Đồ Chúng đến nghe giảng có hơn ngàn vị, không ai chẳng thán phục.

Đến ngày hai mươi tháng hai niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ chín mươi mốt tuổi. An táng gò ở phía đông núi, thuộc phía Nam chùa, nhìn về mộ tháp của Luật Sư Tăng Biện.

Từ lúc Sư nương theo Đạo, khí vũ cứng rắn đối với vật, tác phong khuôn mẫu làm gương cho người, giới phẩm tròn sạch, xử đoán rõ ràng. Nhưng phân tích chương cú văn từ giản lược, nghĩa lý dồi dào. Các nhà sửa chữa, soạn thuật ít có khả năng vượt hơn Sư. Lại nữa, khi quân lính ở Kim Lăng đốt hết chẳng còn lại gì, Sư bèn phát chí nguyện tiếp nối sửa sang chỉ mới theo nền tảng cũ. Sư giảng Luật Thập Tụng tám mươi lăm biến, Đại thừa Tiểu thừa giới tâm Yết-ma v.v... hơn hai mươi biến. Các Kinh Kim Quang Minh, Di Giáo v.v... mỗi thứ có số lượng nhiều ít khác nhau. Sư soạn Giới Nghĩa sớ, mười hai quyển, Yết-ma sớ, bốn quyển, Bồ-tát Giới Sớ hai quyển. Môn nhân truyền bá kính quý cho là nên tu theo. Các hàng tăng ni theo Sư thọ giới hơn ba ngàn người. Các vị học giả được phân bổ giảng giải thì như Sa-môn Bảo Định, Tuệ Trĩ, Tuệ Hiến, Trí Tăng, Tuệ Giác v.v... chỉ có hai Sa-môn Đạo Chí, Pháp Thành là hai cây trúc nhỏ tốt đẹp, dẫn đồ chúng dựng lập Đạo nghiệp. Xưa kia, Sư nằm mộng thấy đang đi thuyền giữa biển câu được hai con cá lớn, trong tâm rất lấy làm lạ. Và tới lúc Sư đến ở chùa Đông An giảng

pháp, trần vĩ vừa mới dất phẩy thì hai ngọn đều rơi, Sư lại rất lấy làm lạ về việc ấy, bèn hỏi Quỳnh Thượng nhân ở chùa Kiến Sơ, thì được bảo rằng: "Trước thầy hai sự việc tốt lành ấy thì sẽ có hai con rồng truyền những điều giảng của Ông!" Lời nói ấy quả đúng như thế.

Ngài đạo Chí là bậc Danh giải cao nhất. Thái úy Tấn Vương Gia Tăng lễ ngộ đặc biệt. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư lập Bia trong Đạo tràng Tuệ Nhật do Sa-môn Thích Pháp Luận soạn văn.

7- Truyện ngài Thích Pháp Nguyện trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu:

Thích Pháp Nguyện, họ Nhâm, người ở xứ Tây Hà. Tánh Sư kính đạt, rất tự cao thượng, mà vượt trội đến cùng hết điểm cao, chẳng sánh ngang với chúng bạn. Ở Đông Quán hóa Đạo, Sư bèn đến Nghiệp Đô, thân hình thì vận mặc bạch y mà miệng thì mở mang truy phục. Chiêu Huyền Đại Thống sa-môn Pháp Thượng đời Tề rất vui mừng thần tuệ ấy, bèn cùng bàn luận trọn buổi sáng, rất thấu hiểu chí khí nơi Sư, nhân đó mà cho phép cạo tóc xuất gia. Thường ngày ban cho chỗ sâu kín, Sư tung hoành mài giũa suốt thơi gian đầu. Ngài Pháp Thượng mới hỷ thứ để Sư vân du rộng rãi. Sư tư duy mạnh mẽ như gió rong ruỗi, đi khắp các trường giảng, cầu pháp không mỏi mệt, hỏi Đạo mới lạ. Sau Sư mới kính ngưỡng theo gót ngài Ba-ly, chuyên về kinh luật bộ, giềng mối Phật Pháp, đi thẳng Tăng Du. Từ Đông hạ truyền bá bốn Bộ, Luật bổn, đều có soạn nghĩa sớ, khéo tự hội các điểm đồng khác. Vào đời hưng thạnh của nhà Tề, chúng tăng học luật đang vụt khởi cùng khắp. Chỉ một Bộ của Pháp Chánh mà mỗi người đều đua tranh dẫn trước. Vân Công soạn lời tựa mở đầu giềng mối quy mô. Các ngài Đàm Hy, Pháp Thượng san định những chỗ vụn vặt, còn Sư như sương buổi sáng, ngời chói đơn lẻ giữa các thiên, bẻ gãy lời đầu, lưu oai diệt sau, do đó trải qua bàn luận đối đáp chúng đều đuối lý, nên được lập phá nhiều nhà, có hơn trăm kế, đều chẳng ai dám đương đầu. Bấy giờ, vì Bành Hanh ấy ít Địch, nên gọi đó là Luật Hổ. Còn như xử đoán sự đồ phần nhiều theo văn cùng thương độ kết chánh, thêm nghĩa chợt quy, bèn ban sắc thỉnh Sư nhậm chức Thượng tọa ở hai chùa Đại Trang Nghiêm và Thạch Quật. Đến đời Tùy mở vận, Vua lại ban sắc thỉnh Sư đảm nhận làm tự chủ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu. Sư đã từng lên cương quản, khéo dẫn dắt đại chúng, mở mang sửa đổi chính sách trước, thật có nhiều ích lợi. Đến ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư thị

tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. An táng ở phía Tây Tinh Thành, xây tháp thờ, Sư soạn luật sớ chỉ một bộ Luật Tứ Phần gần mười quyển, Thị Phi sao hai quyển hiện còn, ngoài ra các thứ khác đều lạc mất.

Sư có đệ tử là Sa-môn Đạo Hạnh, là người có khí cục trầm hòa, gần gũi truyền pháp từ thầy trao, khéo có cơ tỏ ngộ nêu dẫn, đàm thuật sớ chỉ chẳng rơi vào Quyết tông. Mỗi lúc đến giảng tan thân dẫn dắt đồ chúng đi nhiễu quanh tháp Sư rất mực chí kính mà trở về. Và đến các tiết Xuân thu theo lệ thường tu. Năm nay Sư đã ngoài tám mươi tuổi mà vẫn còn phô bày sớ chỉ, trích nêu các điểm trắc ẩn khúc mắc.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Đạo Kham vốn học từ ngài Pháp Nguyện, nắm giữ giáo lý để hành trì, học tập rất giỏi, thành tiến tâm ban đầu, trì giới rất trang nghiêm, người đương thời ngợi khen, nhưng Sư vốn chuộng sự trang nghiêm, vâng theo Văn Tông. Vừa mới có trái nghịch, liền chẳng tham dự lệ thuộc, cho nên Sư thuyết giới tự dẫn có nói. Với người xướng bạch đã không có chánh chế, gọi đó là phi pháp. Tuy mới theo chúng bạn, sau hẳn trọng bày, Sư mới ra khỏi thành kiết giới, lại thuyết Bổn mới, đó cũng là nghiêm lệnh cứng rắn rất là khắc tước, chưa phải thông thường. Nên đến nay Quận ấy vẫn còn nhiều vướng mắc.

8- Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Linh Tạng, họ Vương, người ở xứ Tân Phong thuộc Ung Châu. Chưa tới tuổi đến trường mà chí khí Sư mến mộ cao xa, nương theo Hòa-thượng Luật sư Dĩnh mà xuất gia.

Sư tiếp thừa vâng theo xuất yếu, khéo thấu đạt Trì Phạm. Chỉ một bộ Luật Tăng Kỳ mà được người đời tôn xưng là đứng đầu. Với Luận Đại Trí Độ, giảng giải không thiếu sót, khéo chuộng xung hư, kiêm sùng cương vụ. Bấy giờ, gặp lúc đầu thời Bắc Chu, Phật Pháp hoàn toàn hưng thạnh. Nước nhà thường năm có rộng độ Tăng Ni. Vì Sư có sự nhận biết thấu suốt sâu xa, cân nhắc phẩm tiết hạnh nghiệp, hoặc giảng hoặc tụng, phẩm bộ rất nhiều. Hễ chỗ nào có Văn nghĩa thì thì không gì chẳng soi xét đến cùng. Bấy giờ, cùng mọi người lường xét, thông kinh hiểu ý thì Sư là bậc nhất. Bổn Sư của Sư vốn là chung Hoa vọng, rất được Vua Thái Tổ (Văn Đế - Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng. Đạo nghĩa thấm hợp, được mất hợp nhau. Sư cùng vua Cao Tổ từ thuở mặc áo vải bố kết bạn thật quen thân. Đến lúc Vua lên ngôi mới càng kết sâu thành thực. Lễ nhượng kính chuộng sáng giá triều tể. Khi vua dời đô đến Nam Phụ, giao cho Sư tìm chọn địa thế tốt mà xây dựng

Quốc Tự. Sư được Triều tể kính trọng, là chỗ Phật pháp nương nhờ, mới chọn đường trong Kinh đô chẳng gần chẳng xa, ở phía trái đường ngã tư thuộc phường Tuân Thiện mà xây dựng chùa. Nay chính là chùa Đại Hưng Thiện.

Từ đó về sau, Trung sứ chất chồng, lễ gặp càng lớn, Hậu vị tốt lành ít có, thầm dùng xe kiệu đưa đón. Vua cõi người kế tiếp nối nhau cùng đến. Vua lại ban sắc cho Tả Hữu Bộc Xạ cứ hai ngày một lần đến tham dự, đến để trấn giữ, cùng hỏi han mà trở về. Bấy giờ, giềng mối giáo điển mới bày, các bậc danh đức nhóm họp đều tỏ bày tiếng tăm chẳng ai dám tranh hùng. Cung cấm giữ nghiêm, qua lại khó khăn. Nhà vua cuối cùng phải thấy từng thiếu sót trong những buổi chầu yết, bèn ban sắc ở các cửa khỏi cần phải xét giấy, mặc tình Sư qua lại. Và nơi nội cấm, Sư và Vua ngồi cùng giường, đi cùng chung kiệu, coi sóc việc nước, hợp với trời xét, có lúc Sư ở lại qua đêm, bèn ngủ nơi Tẩm điện. Mọi tốn phí cúng dâng ban tặng đều không đua tranh.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ tư (584) đời Tùy, nơi Quyết Phủ hạn hán. Vua dẫn dân chúng đến cung cấp ở Lạc Châu, ban sắc thỉnh Sư đồng đi cùng thông Thánh hóa. Khi đã đến nơi, mọi người quy đầu rất đông. Vua nghe thế, bảo rằng: "Đệ tử là Thiên tử tục nhân, Luật Sư là Thiên Tử Đạo nhân. Nếu có người nào ưa thích lìa tục, thì mặc tình thầy (Linh Tạng) độ cho họ!" Sư bèn y cứ đó mà độ người xuất gia, trước sau có đến mấy vạn. Về sau đem việc ấy tấu trình, Vua rất vui mừng bảo: "Luật sư độ người làm việc lành, Đệ tử cấm người làm điều ác, nói tuy có khác mà ý thì chẳng khác!" Đến khi bắt đầu công việc Phiên dịch kinh điển dưới đời Tùy, các vị thắng duyên nhóm họp. Sư dấn thân làm khuôn phép trước chúng, lãnh trách nhiệm đối với chùa, cương chánh rất nổi tiếng.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. An táng tại Nam Giao.

9-Truyện ngài Thích Thông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây Kinh:

Thích Thông U, họ Triệu, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Đang tuổi còn nhỏ mà Sư đã xa đời, sớm mến mộ Huyền Phong, qua khỏi tuổi hai mươi Sư mới dự vào hàng tăng chúng, tâm tánh thuần trinh, khổ tiết, nóng lạnh chẳng thiếu sót. Sư đi tìm thầy hỏi Đạo trải qua lắm hiểm nguy mà không hề thay đổi. Gặp lúc nhà Bắc Chu và Bắc Tề xâm lấn lẫn nhau, Sư bèn xa đến Giang Cao, gá Nghiệp ở Kim Lăng, hơi khí trong lành chợt xa.

Mãi đến lúc nhà Tùy mở vận, Sư về lại Vị âm, được nhuần Pháp Vị, an vui thuở bình sinh. Tiết tháo nghi hạnh của Sư phân rõ dung chỉ. Còn như mở mang khai bày giáo pháp thì Sư lấy Tỳ-ni để xướng đầu, còn điều phục chế ngự tâm thần thì dùng Tam-muội để đến. Nên hai Tạng Giới, Định Sư đều chứa nhóm trong lòng. Cửa học lại mở thoáng, xa gần mọi người đều nhóm họp. Về sau, Sư đảm nhận chùa Diên Hưng. Bấy giờ chùa mới bắt đầu xây dựng, đất cây ngói đá người thợ đồng cử, mà mọi sự kết quy về Thiên tạo, hình mạng chưa đắm chìm, tùy chỗ vận làm, không gì chẳng mất hết. Sư có được giới đức kết chặt bên trong, đức nhân thấm đượm rộng ra bên ngoài. Sư làm bốn cái giếng lớn, mỗi nơi đều đặt vật dụng lọc nước, hễ chỗ nào thi hành sử dụng, thì Sư đều đích thân đến xem xét rõ ràng, rảo cùng trăm người thợ, sớm tối Sư không nhàm mỏi, đều xem xét để côn trùng được bảo tồn tánh mạng. Cho nên chỉ có chùa Diên Hưng riêng khỏi hình tàn. Ngoài ra mọi sự tạo dựng kết cấu khó lại được tiếp nối. Sư nghiêm khiết chính mình, tự cố gắng, chẳng nương cậy vào ai. Mỗi lúc muốn mở kinh thì rửa tay đến cổ tay ngang khủy tay, sau đó theo thường sạch, nâng kinh đối mắt, cánh tay không duỗi xuống. Phòng nhà chỗ kín, không hề khạc nhổ, đàm dãi nuốt trở vào chẳng nhổ trong chùa. Tiện lợi tẩy tịnh cho đến trọn đời. Lại thuở bình sinh, Sư chẳng từng dùng khăn bịt đầu, tay ướt thì để nó tự khô. Ba pháp y thì đắp chồng trên mình. Tự mang theo đạo cụ bên ngoài để dùng lúc cần thiết. Sư thường tự than rằng: "Sống không công phu tu tạo một chút điều lành, chết chẳng bù được mảy may khổ lụy! Dối mang linh thần, sao lầm lẫn như thế?" Sư răn dạy đệ tử rằng: "Sau khi tôi biến đổi sự thường, mong đem thân tàn này bố thí cho các loài cầm thú, ngõ hầu nhờ được chút phước, mong diệt dư ương!"

Bỗng nhiên đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại phòng ở chùa Diên Hưng, thọ năm mươi bảy tuổi. Các đệ tử v.v... theo chí nguyện trước của Sư, bèn rước nhục thân Sư đến tôn trí nơi ngọn núi phía trước chùa Chí Tướng thuộc núi Chung Nam. Về sau thiêu đốt di cốt còn lại và xây tháp thờ. Đến nay hiện còn.

10- Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu:

Thích Đạo Thành tự là Minh Phạm, họ Đào, người ở xứ Đơn Dương. Cha của Sư tên là Đản, làm Chiêu Viễn Tướng Quân Vĩnh Gia Thái Thú đời Tề, lại làm Trinh oai Tướng quân Thượng Ngô lệnh đời

Lương.

Sư xuất gia nhập đạo từ thuở thiếu thời tại chùa Sùng Huyền ở Vĩnh Gia, làm đệ tử Pháp sư Thức. Nghi mạo Sư khôi ngô, dáng dấp nổi bật giữa chúng tăng, trong các bạn ngang hàng đều chăm chú gọi Sư là Thần đồng. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư học vượt hơn chúng bạn.

Khoảng đầu niên hiệu Đại Đồng (535) thời Nam Lương, Sư đi đến Kinh Liễn, thọ học với Đại Luật Đô sa-môn Thích Trí Văn ở chùa Phụng Thành. Với Luật Thập Tụng, Sư mới nghe qua hai biến, hơn một năm vẫn chưa lập trường giảng riêng để mở giảng diên. Số Luận, Tỳ-đàm chỉ mới nhuốm thần, Sư bèn tỏ ngộ, không cần gia công gấp bội, nghe một biết mười, do đó các bậc lão túc kỳ đức ở kinh ấp đều gọi Sư là "Hậu sinh khả úy" (Người sinh sau đáng sợ). Sư giảng các kinh luật như Luật Thập tụng, Giới Bồ-tát, Kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, v.v... tất cả một trăm bốn mươi biến. Sư lại giảng Kinh Quán Âm một ngày ba biến. Sư soạn "Luật Đại Bổn Yết-ma Chư Kinh sớ" ba mươi bốn quyển. Còn như cây ý hoa Tâm thêm rực rỡ như ánh sáng sớm mai, ngài phân tích nghĩa lý chất đối nghi ngờ, khiến người nghe quên cả mỏi mệt.

Có các học sĩ Sa-môn Tuệ Tạng, Pháp Tường, v.v... đều là những bậc du phương giảng nói, xoay bánh xe chánh pháp, truyền bá tỏa ánh sáng ấy, làm lợi ích rộng nhiều. Sư ăn dùng thô sơ trong sạch, tự nghiêm khiết chính mình, tâm ở trong hạt châu giới, thần giải nghiêm minh, thiền sâu tại niệm, thêm gồm sáu thời chí thành lễ sám, vào ba ngày rảnh thì tìm tòi nghiên cứu kinh sử, muốn cho hiểu biết nên không gì chẳng làm. Nhưng tánh Sư thường dụng an tường, oai nghi hợp độ, người trời mô phỏng theo, ít người được như vậy. Sư nói năng mềm dịu từ ái, chẳng hề trái tâm chúng sinh. Sau, Sư thị hiện tướng bệnh hơn một tuần mà vẫn còn kéo dài sự giảng diễn.

Đến ngày mồng năm tháng năm niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hưng Nghiêm, thọ sáu mươi tám tuổi. Lúc sắp tịch, Sư chỉ xưng niệm danh hiệu Phật, các chi tiết vẫn mềm ấm, chắp tay rõ ràng. Đến ngày mồng tám tháng đó, đón rước an táng tại núi phía nam chùa Phụng Thành. Văn bia nơi tháp mộ Sư là do sa-môn Tuệ Tủng ở chùa Cao Tọa soạn.

11- Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh:

Thích Hồng Tuân, họ Thời, người ở xứ Tương Châu. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nương theo thầy thỉnh nghiệp, tiếng tốt vang xa.

Đến lúc thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học Luật bộ, tâm sinh kính trọng. Bên trong Sư tự suy nghĩ rằng: "Nền tảng xuất gia là ở giới luật, trụ trì muôn năm đầy đủ ở di giáo! Xét chẳng luống dối". Sư bèn giã từ thầy bạn, đi các nơi học tập. Sư đi qua Tương kinh, xét hỏi nghĩa sâu, nếu có điều chưa hiểu, Sư quyết hỏi cho thông, sắp tròn ba mùa hạ bèn thấu suốt Đại Chỉ. Ban đầu, Sư đến trụ chùa Thiếu Lâm ở Tung cao, nương tựa Vân Công, khai mở cốt yếu Luật học, cho đến Kinh Hoa Nghiêm, luận Đại Trí Độ, trước sau tham học nghe giảng và đều mở được cửa nẻo, vỡ tan sáng tỏ. Nhân Luật sư Đàm Huy đang truyền bá Luật Tứ Phần ở Nghiệp Hạ, Sư bèn đến đó nương theo. Thính chúng tại đó có năm trăm vị đều là những bậc khéo giỏi tự thông, đáp giảng lập luận hoàn toàn không ai bằng. Ngài Đàm Huy thật là bậc Luật học nổi tiếng nên trí đặt ở trước. Sư cố hiểu thấu thời luân, hoàn toàn chẳng vì quanh co riêng ở tâm lự. Về sau nhân vì nhóm họp đông nhiều các hàng Dị học chật cả sân nhà, Sư bèn thúc buộc ngài Đàm Huy soạn luật sớ. Sư bưng vào trong giảng đường thưa rằng: "Cúi mong có ngày, đều chưa thấy biết!" Thế là thầy trò cả hai đều mất, Sư dám đem văn sớ kính ngưỡng đến, liền đặt lên tòa qua lại. chỗ Vân Công đã phó chúc xả kiến lại giáng. Ngài Đàm Huy liền bảo Sư lên tòa đáp thuật. Sư nhã nạp mảy may ẩn kính, chúng đều kính ngưỡng như núi. Từ đó Sư luôn đúng thời kết nhóm đồ chúng giảng trao tất nghiệp. Vì bên giới luật nghĩa có hiểu bộ khác, Sư mới nghe lại Luận Đại Trí Độ, Tỳ-đàm, mở chỉ chỗ sâu mầu. Lại vì tâm sai sử chưa an tịnh, Sư lại đến các thiền lâm, thọ học pháp điều Tâm. Năm đã qua mười hạ Sư mới quay về với Luật tông. Mọi người khắp bốn phương vọng trông Đạo phong của Sư nên kéo đến giảng đường đông đầy cả ngàn vị, bấy giờ rất vẻ vang rộng lớn!

Tề Chúa đã mở thoáng pháp môn, ban lời tiếp thừa phó chúc, trong năm chúng xuất gia nếu có người bị rơi phạm vào giềng lưới Hiến Chương, thì Sư đều y cứ Nội luật mà sửa trị. Do Sư có sở học tiếng tăm sớm vang khắp, nên được trao làm chức Đoán sự Sa-môn. Bấy giờ, các chúng thanh tề thường xuyên tranh chấp, trải qua thời gian lâu, bèn thấu đến tai Vua. Và không thể làm cách nào để chấm dứt sự kiện tụng ấy, Vua bèn ban sắc thỉnh Sư đến. Sư bèn dùng Pháp hoà hợp để dẫn dụ, dùng luật khoa để nghiêm trừng, quanh cảm vật tình, nhiều việc tranh chấp tự dứt. Do đó càng thêm tốt đẹp ở đương thời. Các hàng Đạo bạn thảy đều vui mừng. Đến cuối đời Tề, tiếng tăm Sư càng vang xa, mà Sư chẳng kết giao với các hàng phi loại, chỉ cùng Đạo đồng vết. Các bậc Danh Nho Đại đức trông thấy liền kính mến nương theo. Sư thường cùng

các bậc Danh tăng như sa-môn Tuệ Viễn, v.v... suốt đêm bàn luận. Gặp lúc nhà Bắc Chu đánh chiếm Bắc Tề, Sư ẩn lánh vào núi Bạch Lộc. Đến niên hiệu Tuyên Chính (578-579) thời bắc Chu, sưu tìm cất nhắc, Sư bị đề cử đến ở Tung nhạc. Đức hạnh Sư cao vời vợi, chúng lại kéo đến tựa nương.

Đến thời nhà Tùy mở mang Định Pháp, chiêu vời Hiền giả khắp bốn phương. Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm mời Sư đến kinh quyết, cùng năm vị Đại đức đồng một lúc diện kiến nhà vua. Sư đặc biệt nhờ công lao, Vua dẫn đến trụ chùa Hưng Thiện, cùng với mười vị đệ tử, cúng dường bốn thứ cần dùng. Trong niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Vua lại ban sắc thỉnh Sư cùng sa-môn người Thiên Trúc đồng phiên dịch Phạm Văn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, vua lại ban sắc thỉnh Sư làm Giảng Luật Chúng Chủ. Sư đến chùa Sùng Kính nhóm họp đồ chúng lập thành đạo nghiệp. Trước kia tại Quan nội vốn tu theo Luật Tăng-kỳ, tập tục bình sinh thường ghét nghe dị học, bỗng nhiên Sư giảng Luật Tứ Phần, người nghe ít có. Trở lại Đông Xuyên khen ngợi thành việc chuyên. Sư muốn lưu bố pháp vị rộng khắp, lý đảm nhậm quyền cơ, nên Sư sáng thì giảng Kinh Pháp Hoa, chiều thì tuyên dương Pháp Chánh. Lại vì nghe kinh thì nói là thông luật, thường dừng lửa ngời sáng dần đạt đến nương cậy Tông. Khai giảng mở dẫn dắt Luật Tứ Phần chỉ có mình Sư mà thôi. Nên đến nay bộ Luật Tăng-kỳ dứt bặt xướng giảng! Sư là người hình nghi nho nhã, động thì y cứ vào hiện du, mà thần biện như suối chảy, âm thanh tợ chuông trống. Dự lên pháp vị ít có mờ tối, công lao khai ngộ thật khó có người tiếp nối!

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Phước Tụ ở Vệ Châu. Sắp ra chỉ bày cho chúng, Xá-lợi phát ra hai lần ánh sáng hồng đỏ soi chiếu khắp xa gần, rực loá cả mắt người. Các hàng tăng tục đồng trông thấy rất sinh tâm vui mừng. Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc rằng: “Trẫm vâng nhận Triệu mạng vỗ về nuôi dưỡng muôn dân. Sa-môn Hồng Tuân kính vâng Thánh giáo trùng hưng Tượng pháp, Đức Như Lai đại từ chở che các loài, cảm hiện Xá-lợi khai mở dẫn dắt chúng sinh. Trẫm đã phân bố xa gần đều xây tháp, trong đó, các châu còn có nơi chưa đến, nay lại thỉnh Đại đức đón rước Xá-lợi từng châu một, y như trước mà xây tháp. Các vị tăng được thỉnh hẳn là những vị đức hạnh đáng tôn kính, khéo thông hiểu Pháp tướng, để có thể tấu trình. Phải cùng tất cả muôn dân đồng cầu Phước nghiệp!” Sư bèn tìm

cử những vị danh giải để tiếp thừa mạng lệnh của Vua. Khi đã nhóm họp đến, vua lại ban sắc rằng: "Hơn ba mươi châu, đồng một lúc đón rước Xá-lợi đến tôn thờ". Sư lại vâng mạng làm sứ đến Bác Châu xây tháp. Lúc đầu, vừa đến phía Tây của châu, có đàn hạc trắng khoảng mấy mươi con đến bay liệng vài vòng ở phía trên kiệu, giây lâu mới bay đi. Và khi đến chỗ thiết đặt Linh tháp tại chùa Long Thánh ở phía Đông Thành, ban đêm có mấy mươi tia sáng mầu trắng, mỗi vầng như trục xe trụ hiện trên nền. Bên cạnh trên cây có ổ chim và khi ánh sáng chợt phát ra soi suốt thì đàn chim kinh hãi bay tán loạn. Lại mưa hoa bạc, khắp mặt đất sáng ngời như tuyết. Đào bới nền móng sâu xuống năm thước có được khoảng nửa thăng thóc. Ban đêm có tám mươi bốn vị thần tiên giáng xuống cầm hoa đi nhiễu quanh tháp, giây lâu mới biến mất. Lại có một cô gái họ Lý, bị mù mắt hơn hai mươi năm đến lễ bái, bỗng nhiên hai mắt đều thấy trở lại. Sau, cũng đang trong đêm, Sư hành đạo lại phát ra ánh sáng mầu đỏ soi chiếu ở phòng phía Đông chùa, thấy có tôn tượng Đức Phật đang nằm, và tôn tượng đức Phật đang ngồi nói Pháp. Lại thấy có vị Phạm tăng đối trước giá tụng đọc kinh. Kinh chỉ có mười bốn chữ toàn bằng chữ Phạm, mọi người lúc ấy đều chẳng biết. Đến ngày mồng tám tháng bốn đang lúc tôn trí Xá-lợi hạ xuống linh tháp thì cảm có đàn ong đen nhiều vô số ngậm hương bay nhiễu quanh tháp, hơi khí kết tụ thoảng xông chẳng đồng như ở nhân gian. Lại thấy có hoa sen mầu trắng ở bốn góc tháp cao mấy trăm trượng, hoa lá phân bố rũ xuống giữa hư không. Xen lẫn trong đó, hoa sen năm mầu đầy khắp bên trong. Lại thấy người trời đốt hương đi nhiễu vòng quanh theo phía trái tháp. Khi ấy mọi người đều nhóm họp mà ngắm nhìn và đều ngợi khen chưa từng có, cũng có người chăm chú nhìn mà chẳng thấy, chẳng phải một, hai. Đến lúc hạ và lấp bít xong, các tướng đều biến mất.

Sư ở nơi kinh ấp khai giảng luật nghi nổi tiếng trùm cả người xưa. Việc truyền bá tiếp nối huyền tông về sau bị khuyết. Sư lại có soạn "Đại Thuần Sao" năm quyển, dùng để chung cho Luật điển. Sau đó, vua lại ban sắc cho Sư trông coi đảm nhậm việc chùa. Sư giúp đỡ hài hòa giữa tăng chúng, rất tỏ sáng dấu vết. Đến ngày mười chín tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hưng thiện, thọ bảy mươi chín tuổi.

Đầu đời Tùy (581) còn có các Sa-môn Đạo Hồng, Pháp Thắng, Hồng Uyên v.v... đều nhờ Luật học mà nổi tiếng. Ngài Đạo Hồng y cứ ở Tương Châu mà nối dõi Ngài Thông Vân, dung mạo Sư trầm lắng trang

nghiêm, giảng nói rất có oai nghi, học chúng có đến bảy trăm vị, chóng trình hoằng lượng, cho nên các bậc tài giỏi về kinh luận sắp muốn dẫn dắt ở đời đều dừng ở nơi trường giảng của Sư để xem phong cách, tham cứu khuôn phép. Ngài Pháp Thắng trải qua nhiều công phu, mà ngôn hạnh không xứng hợp, thần chí cao vượt, nên mọi người đương thời cùng ngầm suy tôn. Chỉ vì thân lệnh Sư chưa rộng, nên thính chúng giản lược. Còn ngài Hồng Uyên tập học tiếp thừa thống hóa của ngài Hồng Tuân, trùm khắp cùng Trung Sơn. Dàn trải giềng mối rất có tiếng tăm ở Châu U, Châu Ký. Vì niên đại chẳng xa nên không lường biết về sau các ngài như thế nào.

12- Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Giác Lãng, chẳng rõ Sư họ họ gì, người ở xứ Hà Đông. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, thông hiểu Luật Tứ Phần và Kinh Đại Niết-bàn, khí cốt Sư trội vượt hơn người, hình tướng cảm động đến tâm chúng sinh. Sư đến khắp các hang cùng ngõ hẻm, ít nơi đâu chẳng đoái hoài nghĩ nhớ.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Sư đón rước xá-lợi đến chùa Giác Thành ở Ráng Châu. Mới đầu, đến nơi, sắp mở bày cho các hàng tăng tục xem, bỗng nhiên tuôn vọt ra khỏi bình vàng chia thành bảy phần, ánh sáng soi suốt bên ngoài. Đào xuyên xuống nền móng hai trượng, có được nửa thăng thóc. Lại cảm có một con chim sẻ mầu vàng bay gần sát nơi người mà không tỏ vẻ khiếp sợ, chỉ nhiễu quanh Phật đường, lâu sau mới biến mất. Lại nơi hòm đá đậy ở trên thấy có vị Bồ-tát ngồi trên tòa báu, trước mặt có một vị ni chấp tay cung kính. Hoặc thấy tiên bay cùng ba con chim sẽ mầu vàng, và có cả lân phụng, song thọ v.v... các thứ hình tượng. Trước lúc sắp đặt Xá-lợi ba ngày thường phát ra ánh sáng, đến nỗi không còn nhận biết đêm ngày, ánh sáng sáng hơn cả đèn đuốc. Có người đóng bít cửa phòng, tắt hết đèn đuốc mà ánh sáng vẫn tỏa chiếu, hơn hẳn cả nơi tối tăm bị cản trở. Huyền tố thông cảm rất đổi vui mừng. Sư bèn soạn biểu văn tấu trình đầy đủ, có nói rộng như ở Biệt truyện. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (...617) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư trông coi làm tự chủ chùa Đại Thiền Định. Sư trấn yểm hào hoành, an nhiên hướng về phong hóa, dần dần được thấm đạo mầu, mọi người rất kính trọng. Sau đó không bao lâu, Sư thị tịch tại chùa.

Bấy giờ, có sa-môn Hải Tạng là bậc thức tín bền chắc, kính ngưỡng luật ty. Sư thường giảng Luật Tứ Phần, ít có người truyền nối. Đến thời Tiền Đường, đặt ra mười vị Đại đức, Sư là một trong những vị đó! Lại có Luật sư Pháp Thương, vốn ở chùa Tĩnh Pháp, sau cùng vì nhàm chán mọi sự phiền toái ngang trái, Sư bèn đi về hướng Nam, đến gá ẩn tại chùa Thái Hóa. Sư ở nơi chỗ sâu vắng dưỡng chí, không đặt mình trong tăng chúng. Một mình riêng lẻ đi lại nơi núi rừng cao hiểm, an nghỉ giữa rừng thông, chỉ ăn dùng bánh bột vào mỗi ngày lúc giữa trưa, đặt tâm trong duy thức. Sư cũng là Bậc Khai Sĩ tao nhã. Sau khi thị tịch, nhục thân Sư để lộ bày cạnh núi, ban đêm có ánh đèn soi sáng, các hàng tăng tục đến xem thì không thấy đèn đuốc đâu cả, nhưng nhìn từ xa thì lại thấy, trải qua hai tháng mà ánh sáng càng soi tỏ gấp bội.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thỉ Châu:

Thích Tuệ Chủ, họ Giả, người ở huyện Vĩnh Quy thuộc Thỉ Châu. Năm sáu tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Pháp Sư Bân. Sau, Pháp sư Bân bảo Sư tụng đọc Kinh Di Giáo chỉ một đêm bèn độ. Vì kinh nghiệm thầy có lắm trái vượt, nên Sư bèn rời thầy, đến chỗ Luật sư Khương, đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Luật sư Khương ở trong phòng phía Đông chùa, giảng giải luật pháp thế tục, Sư thử nghe qua một biến mà trong tánh thức dường như đã từng nghe, mới hỏi về Thập Quan (mười điều liên hệ nhau) mà không ai có khả năng giải thích. từ các hàng Thứ sử trở xuống, cùng các hàng tăng tục trong cả châu đều đến thưa hỏi, không ai chẳng quy hướng kính phục.

Tại Thỉ Châu có một bộ Tổ Tông Đạo chúng, tức là Luật chủ trong châu thọ giới Bồ-tát. Đã vậy còn bắt buộc tôn Phật làm thầy. Trời còn chẳng kính huống gì bái lễ Thần đạo. Từ đó Phật Pháp mới được mở rộng. Ở huyện Hoàng An xây dựng bảy ngôi chùa, ở huyện Tử Đồng xây dựng mười ngôi chùa, ở huyện Võ Liên xây dựng ba ngôi chùa. Từ đó đến nay vẫn hưng thạnh.

Mới đầu, khi Sư đủ hai mươi tuổi, muốn thọ giới cụ túc nhưng ở vùng ấy không có người. Sư bèn vào kinh đô chọn mời các vị danh đức ở chùa Cam Lộ để thọ giới, chỉ nghe Luật Tứ Phần, các nghĩa khác liền thông. Sư mộng thấy suốt ba ngày ba đêm đất trời mờ tối, chúng sinh không có mắt mũi, qua khỏi thời gian ấy mắt mũi trở lại sáng sạch. Khi tỉnh giấc thì mồ hôi tuôn đổ. Sau đó trăm ngày thì nhà Bắc Chu phá hủy Kinh Đạo, mới biết điềm ứng hiện, Sư bèn trở về quê cũ ẩn cư tại Nam Sơn, chỉ ăn dùng lá thông. Các loài cầm thú khác nhau cùng nhóm họp

không tiếng ồn náo. Hoặc có thần núi dâng các thứ hương Phục linh, Cam tùng. Được sự cúng dường ấy, Sư ngày đêm sáu thời hành đạo. Các loài cầm thú cũng tập thực hành theo lễ Phật tụng kinh, tợ như Thính chúng. Sư bèn vì các loài u hiển mà cho thọ giới Bồ-tát. Sau, có đàn khỉ vượn cùng nhau sửa đường. Sư bảo: "Tánh các ngươi lăng xăng, làm việc ấy sao được?" Đáp rằng: "Thời vua đã khác, mặt trời Phật chiếu khắp!" Ngài rất lấy làm lạ về lời nói ấy. Sau đó, lại có các điềm lành khác, rồng bay thú loại nhóm họp, hơi khí thơm tho lan tỏa khắp núi, các loại như thế có rất nhiều. Sau đó, có tám người nhặt mang cung gỗ, Sư rất lấy làm kinh hãi. Họ bèn an ủi Sư rằng: "Thánh Quân ra đời!" Bấy giờ là niên hiệu "Khai Hoàng". Sư liền xuống núi, tấu trình sự việc ấy, được dự phần xuất gia.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc cho Sư về trụ chùa Hương Lâm ở Bổn Châu. Ngài thường giảng Luật Tứ Phần là chính.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Lăng Dương Công đến Ích Châu, vốn là người ít có tín tâm, đem hơn trăm con Lạc Đà và các vật đến Thỉ Châu, bảo đặt vào trong chùa, giảng đường, điện Phật, Tăng phòng. Không người nào dám chống trái. Sư từ trang trại trở về, trông thấy các thứ uế tạp ấy, liền vào trong phòng mang lấy Tích trượng, ba pháp y, bước ra mà than rằng: "Chết sống là hôm nay!" Sư đưa tích trượng hướng về đàn lừa, tất cả đồng một lúc té ngã như chết, hai tay Sư mỗi tay nắm lấy một con lạc đà ném xuống hố. Quan dân khắp cả châu huyện đều kinh sợ, viết trạng văn tấu trình cùng Lăng Dương. Sư cười lớn không chút quái lạ. Lăng Dương gởi thư đến Sư rằng: "Đệ tử thường bị bệnh, không gặp hại quỷ, được Luật sư phá hủy đãy san tham, được lợi rất lớn. Nay gởi mười cân trầm hương, mười tấm lụa mỏng đến dâng tặng!". Sau ngày về lại kinh đô, bèn theo Sư thọ giới Bồ-tát.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, trong chùa có Thiền sư Minh là người trong sạch cao trội khác chúng. Giữa ban ngày ngồi một mình mà thấy không có nửa thân, bèn kể cho chúng nghe rằng: "Tôi và Luật sư (Tuệ Chủ) xây dựng chùa này, hai người đồng tâm, bỗng mất nửa thân, e là Luật sư đi trước, nếu không thì Minh tôi chết ư?" Hôm sau vào giờ ăn, người thế tục đều kinh hãi bảo rằng: "Nhà chùa thiết hội gì thế? Thấy khắp đường ngã tư, khách tăng có mấy ngàn người cùng đi vào chùa, sao giờ không thấy đâu cả?" Sau đó, đến giờ Ngọ, Sư không bệnh gì mà thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi.

14- Truyện ngài Thích Trí Bảo trụ chùa Thắng Quang ở Kinh đô:

Thích Trí Bảo, người ở xứ Hà Đông. Sư nhập đạo từ thuở nhỏ, có tâm thanh tịnh, tánh tình thẳng thắn chẳng theo vết lưu tục. Từ lúc tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư luôn giữ chánh nghiệp giới cấm, luôn sống tiết chế, vượt trội đồng Bạn, rộng nghe dị giải, rèn luyện tâm thần. Văn từ ý chỉ phế lập xem cũng như trong lòng bàn tay. Do đó, Luật bộ được trùm xa thật chính là nhờ Sư. Nên dung nhiếp được tự tha, nói làm cùng giữ. Còn như lưu lược phần tố thì rất được tông ấy. Đàm đối Huyền Nho, chẳng sau thuật ấy, tài khéo bút ký bấy giờ làm sáng tỏ nghĩa lớn, duyên theo tình lưu sắc, nối tiếp Anh hoa.

Ban đầu, Sư trụ chùa Thắng Quang, sau đến trụ chùa Thiền Định. Nước nhà cúng cấp sung túc, thọ dụng rất thiếu. Do đó những bậc Danh tăng Đại đức ngày càng tỏ bày hình khí, nhờ chuẩn định thần giải, hãy dùng lời truyền, còn như ăn mặc mọi thứ tư cầu chưa thể bỏ đi. Tăng chúng có bốn trăm vị đồng thọ thực trong một trai đường, rau mới quả dưa phần nhiều chọn lựa thứ thơm ngọt, Sư cúi xuống ngửa tay y theo pháp mà thọ nhận đó, dù được đắng hay ngọt, đều ăn và để lại hột sợ thương tổn các tướng. Do biết Pháp nên ít nghi chưa xem xét kỷ. Sư biết lượng kính giữ đại khái đều như vậy.

Sau, Sư về lại chùa Thắng Quang, gắn trao dồi đạo Nghiệp càng cao. Vườn rau tưới rưới nước, sinh nhiều loài trùng nhỏ nhiệm. Người trị tuế nhìn lên cao chỉ luận xong việc. Sư nghĩ tưởng các loài ấy vốn vô tội, lại bị sát hại, bèn đích thân Sư cầm vật dụng đãy lọc đưa đến nơi mới về. Nơi chùa có các loại cỏ vật có thể dùng cho chúng tăng, Sư đều hái nhặt nhóm họp rồi tự thân đưa xuống nhà bếp sử dụng. Ngài có những hành vi như thế rất nhiều, chẳng thể nêu hết.

Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh sắp tịch mà chánh khí trong sáng, bảo với người bạn đạo là Sa-môn Tuệ Mãn rằng: “Tôi sắp chết! Mà tinh thần không được siêu sinh là vì sao!” có người hỏi ý ấy. Sư đáp: “Xem ấm tướng dường như vị thần giữ chùa”. Và chỉ đến điện Phật ở viện phía Tây, Sư bảo: “Tôi thường dùng pháp để lại đó, cuối cùng chẳng thể lìa!” Nói xong Sư bèn thị tịch. Từ đó điện Vũ do Sư chỉ bày, ít người đến một mình. Lúc phải mở vào, không ai chẳng nổi ốc khắp mình. Đến sau trăm ngày, có một bà lão trong tâm muốn mang rượu và thức ăn đến dâng chư tăng, vừa đi đến cổng chùa liền bị thần hại, thân ngã chết dưới đất các vật văng lìa. Đó cũng là do sự nghiêm lệ gây nên, vì vậy tăng chúng đồng bạn của Sư rất kính sợ phong nghi ấy. Nếu có người tâm thô bỉ keo lận, đều khiếp sợ mà sửa

đổi chân chánh.

Từ lúc Sư nương vào đạo thì hơn hẳn các đồng bạn, mỗi ngày chỉ ăn một bữa để nuôi thân, tuy bị bệnh nặng mà chẳng biến đổi tiết tháo trước. đêm chẳng ngủ nhà thế tục, thường ở chốn tăng phường. Nếu đi xa thì nương gá vào chốn hoang vắng, ba pháp y thường đủ, bình bát tự mang theo bên mình, chẳng cầm nắm vật thế tục, chẳng xem âm nhạc. Năm Binh sáu pháp thề chẳng để vướng vào thân. Lý hợp với bậc Cao tăng, nghe liền tìm đến. Nên mỗi ngày hai lần giảng Pháp đều mang bình bát theo, trang nghiêm mà thành phong cách, chẳng lụy ràng nơi giáo điển. Sư ở trong chúng mà thọ trai, chẳng hề chứa để, nước thừa thức ăn cặn bã còn lại, Sư đều dùng bánh vét lấy mà ăn, chỉ một giọt cũng không để sót lại, sợ tổn Phước bố thí nên như vậy. Sư từng gặp bị bệnh nặng, mỗi lúc ăn còn thừa lại một vài thìa thức ăn, Sư cất trong nhiều ngày có thể được cả một thăng, đích thân xem xét hâm nóng lại và bảo tịnh nhân ăn. Nếu có người hỏi về nguyên do, Sư đáp: “Thức ăn của chúng tăng khó bỏ, không được vọng xem thường!”.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) chính mắt nghiệm xét cảnh hạnh của Sư lúc còn sống nên đặt bút ghi lại các việc hoằng hộ của Sư. Sư từng bị bệnh sốt rét, lạnh thì ngâm nước, nóng thì hơ lửa, khát nước thì vốc muối bít đầy miệng, bị bệnh lỵ thì bỏ ăn để hết bệnh. Những việc ấy rất nhiều.

15- Truyện ngài Thích Trí Sằn trụ chùa Long Cư ở Ích Châu:

Thích Trí Sằn tự là Tuệ Thành, họ Tứ, vốn người ở xứ Từ Châu, con của Pháp sư Huyễn. Thuở thiếu thời, Sư thông minh rất có chí tiết. Đến học ở đất Thục, Sư rất siêng học về giới Luật. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật giáo, Sư nhân có việc vào Quan nội không thành đạt sự mong cầu, bèn ẩn tại Nam Lãnh. Chung Nam, Thái Bạch, là nơi Sư thường đến.

Đến lúc nhà Tùy đổi thay vận mạng, mở sáng Chánh Pháp, mời các vị Thạc đức dẫn đầu chúng tăng. Sư bèn đến ở Trường An tuyên dương Luật tạng. Quan Tổng Quản Ích Châu là Thục Vương Tú tấu trình thỉnh Sư trở về đất Thục, Vương Tú tự ra đón rước Sư đến trụ chùa Pháp Tụ. Các hàng tăng tục đều quy hướng kính ngưỡng. Chùa thiết trai hội lớn, không vị nào chẳng đến dự, sắp đến lúc thọ trai, Sư nắm gân mà hỏi Pháp Sư Huyễn rằng: “Xứ này có hộ tịnh chăng?” Pháp sư Huyễn bảo: “Vừa về chưa xem xét được”. Sư nghe nói không có hộ tịnh bèn ném sợi gân đứng dậy bảo: “Thà ăn thức ăn của người hàng thịt, còn

nước đồng sôi này làm sao mà ăn được?" Chư Tăng có đến mấy ngàn vị đồng một lúc tan rã. Ngài nghiêm kỵ đến như thế. Nên Sư ở trong chúng có khí độ tĩnh lặng, tánh không thọ thí, chẳng vọng liên can đến vật. Có Sa-môn Đạo Khôi là người hung hiểm, xa trông thấy Sư bèn trốn lánh. Có người hỏi rằng: "Trước giờ ông chẳng sợ một người nào, sao lại khiếp sợ Luật sư Đạo sằn?" Đạo Khôi đáp: "Đó làVua trong Phật Pháp, chẳng sợ sao được!" Người ấy lại bảo: "Dùng sức lực của ông thì có thể địch nổi cả trăm người như Luật sư Sằn chứ?" Đạo Khôi đáp: "Dù cho địch nổi ngàn người, mà từ xa trông thấy Sư thì trăm mạch máu đã lặn, Tứ chi không cất nhắc nổi, làm sao địch lại được ư?" Về sau, vì người thỉnh cầu giới cấm mà hạnh cùng rầm rĩ nhiễu loạn, Sư từ giã vào ở chùa Long Cư, nương gá nơi sâu xa hiểm trở, vết tích chẳng thông, nếu có người thỉnh mời thì Sư viện cớ bệnh mà chối từ. Ý Sư muốn lên kiếm các mở rộng thoáng trong Tỉnh Lạc. Vương Tú gởi thư đến thỉnh Sư trở về vì nước nhà mà hoằng hóa, Sư bèn lược đáp rằng: "Sai sứ đến đây dùng lời thành thật, mở xem xoay vần một lời mà ba lần trở lại. văn trong nước lục, lý phá thu hào. Bần Đạo giới hạnh có nhiều khuyết sót, không có phương cách giáo hóa, gá thân trong hang hoang, hơn bốn mươi năm, quen với chim cá, vì tiều phu ngâm ca, tập hành Thiền-na, tư duy Bát-nhã. Lấy đó đến hết năm chia lấp đầy ngòi vực. Chẳng có tuổi già có may mắn, vận thuộc tốt lành sáng sủa. Cúi nghĩ Tướng Vương Điện hạ, đức trùm ba xưa, Đạo bày Trăm vua! Công thỏng tay mà trở về làng cũ, mặc áo gấm mà xoay lại ấp xưa. Trăm họ có hy vọng tái sinh, muôn vật khởi trông mong dừng nghỉ. Quân tử thượng lưu bưng ngọc lụa cùng đến, Trượng phu khảng khái duỗi can qua mà phục Đạo. Xưa kia, Trưởng Khanh trở về đất Thục nhọc chiếm Thanh Văn, Đặng Ngãi trước nay chưa thể xếp Võ Công thuộc giòng họ bậc nhất ở Hoa Dương, Gia đình tiếng tăm ở Lạc Tĩnh. Bưng mặt trời mà lên triều, ôm vàng đến hỏi Đạo. tất cả mọi người già trẻ ở Kiếm Nam đều đợi chờ sống lại. Há nương gió nhẹ, tự nhiên cỏ ngã theo. Nên khuyên các thủ lãnh nên vượt cảnh vức, tham dự đón rước!" Vương Tú được Thư của Sư liền chỉ bày cho tất cả Quân chúng, trước tiên làm lễ nói rằng: "Người vật tranh nhau quy hướng là do năng lực của Luật sư!"

Đến ngày mồng một tháng mười niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư an nhiên thị tịch, thọ tám mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 22 hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 23 A

CHƯƠNG IV: MINH LUẬT.

(TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG IV
(chánh truyện có chín vị, phụ có bảy vị).

1- Truyện ngài Thích Trí Thủ trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô:

Thích Trí Thủ, họ Hoàng Phủ. Sư vốn là con cháu của An Định Huyền Yến Tiên Sinh. Gia đình nhiều đời theo Khâu Viên, vốn ở ngoài vật, theo nghiệp làm Quan mà dời chỗ ở đến Chương Tân. Sư từ thuở nhỏ đã có tâm trong trắng, sớm nêu chí hùng kiệt. Mới độ tuổi búi tóc mà giã từ thế tục, tiếng tăm vang cùng cả xóm làng.

Đầu tiên, Sư đến chỗ Sa-môn Trí Mân chùa Vân Môn ở Tương Châu xuất gia. Ngài Trí Mân cũng là Bậc Long Tượng ở thiền phủ, tâm học chí thành, là đệ tử thần túc của Sa-môn Tăng Điều. Vì Sư đang tuổi bé thơ tập học, nên ngài Trí Mân bày cho cấm khoa, chỉ dạy năm môn để bít ngăn ba nghiệp. Nhưng thần tuệ, được chỉ bày, hàng Hạ lưu chẳng mến mộ. Sư xem kinh Di Giáo, biết giới là gốc, làm thầy, các pháp lành từ Định tuệ đó mà sinh ra, nghĩa lý phù hợp nhau, dám trái lời bảo trước, do đó mỗi lúc gặp được những vị chuyên luật, Sư lắng ngầm tiếng dò hỏi, tùy chỗ nghe hoằng Phạm, y như lời dạy mà tu hành. Từ đó năm chúng phân ra, không ai chẳng đến mà thưa hỏi, yết kiến.

Không bao lâu mẹ của Sư từ giã thế tục, lại vào cửa Đạo, pháp danh là Pháp Thí, ở tại chùa Quan, sâu tu pháp Bát kính, tuân trọng năm thức nghi. Chí muốn tham dự, có chế môn thệ nguyện kính phụng mà vâng thừa phép tắc. Nhưng Ni chúng ở Đạo, nhiễm cậy tình sâu, giới luật thì ném bỏ, đưa đến nhiều khinh hủy, mà Pháp Thí Cát ái theo Đạo, trải qua chánh chân nương gá tâm, oai phục Ni lưu, tiếng tăm vang đến đất Ngụy. Từ khi Huyền hóa lưu truyền về phương Đông, thì chưa có vết tích ấy. Vì có Sư dưới gối cùng gần gũi, vốn Chung Hoa Vọng. Pháp Thí muốn sớm phục Đạo, thấm được nước bọt giới tông, bèn thưa với ngài Trí Mân trao cho giới cụ túc. Nhưng chưa được chấp thuận, Pháp Thí bèn bên trong tư duy Chánh Kiểm, bên ngoài thưa hỏi Sài Chương, cung kính nương tựa vâng theo tu tập, hài hòa luân ngũ. Ngài Trí Mân xét nghi quỹ ấy, im lặng mà nhận biết. Biết pháp thí phong cốt bền sâu mới cho phép thọ giới. Sư vì duyên thành đối với pháp, việc gá nơi Minh hiền, sợ tan rơi hạnh môn nên có trầm Đạo khí, bèn thưa hỏi khắp cùng các bậc Thạnh đức thắng nhân ở Trịnh Châu, Vệ Châu, chẳng luận là bao lâu cứ đều mời đến, trải qua thời gian ba năm Sư mới toại được nguyện vọng.

Đến năm hai mươi hai tuổi, Sư mới bẩm thọ đại giới. Tuy theo thầy truyền trao mà được hay không chẳng biết, Sư bèn đến trước tháp Cổ Phật thỉnh cầu hiển chứng, được Phật giáng hiện đưa tay xoa đỉnh đầu, thân tâm an thái mới biết cảm giới có thật. Từ đó, đêm ngày Sư thưa hỏi, trội vượt thường nêu. Tuy giảng dạy điều chưa từng nghe mà hạnh nghi Sư trước đã hoàn bị. Đến lúc Sư tìm Luật bộ có lắm điểm hợp với văn ấy. Sáng tỏ như biết trước càng thêm đào luyện Thần phủ. Nếu có sự nghĩa trái ngược vướng mắc thì Sư đều lọc khơi tương dung, thầm vượt khế hợp. Sau, Sư đến Pháp tịch của Luật sư Đạo Hồng nghe giảng luật. Đồng Bạn có bảy trăm vị đều là bậc lanh lợi dĩnh ngộ đông như rừng.

Còn như tìm văn so sánh nghĩa, thì lời nói Sư nổi bật. Và cả như những vị Huyền Tư, Lệ dũng, thông suốt các tông, cứng rắn nghiêm minh thoáng vụt để lại đầu mối không ai chẳng chuộng ở Sư. Nên chưa đến tuổi ba mươi mà Sư đã từng khai mở Luật phủ. Các vị Đức lành hạnh giỏi đều quý trọng Sư. Pháp sư Linh Dụ, là người bày Đạo hùng bá, khuôn phép vượt thường, v.v... gần gũi cai quản đồ chúng cùng dự dưới Pháp diên. Bấy giờ cũng ngợi khen Sư, càng tăng thêm vinh quán.

Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy xây dựng chùa, xa thỉnh những bậc chuyên về Thiền tông, cùng muốn rộng bày Luật giải, lưu bố ánh sáng nơi đất Vua. Nếu chẳng nương Định mà thông giới thì thì hạnh học không chỗ kết quy. Sư bèn theo thầy vào Quan nội, trụ chùa Thiền Định. Tuệ giải đã thầm thông, tiếng sáng khắp ba phụ. Ban đầu Sư đến Thiên ấp, xem đủ Thiên Chương, bèn càng rộng Quán xét mới hiểu rõ thấm đượm những điều nghe trước. Có người thức ngộ Huyền quy ấy lại khai mở trường giảng, đã xứng hợp với Bổn Nguyện, cho nên vượt lên. Thường ngày Sư ở trong chúng tăng giảng dạy, thời gian còn lại quét tước, tìm xem. Với các kinh trong ba Tạng suốt bốn năm khảo định. Nếu có Văn từ yếu chỉ liên quan với Luật học, Sư đều đối sớ, so sánh những điều thiếu mất ở trước. Từ khi Luật Bộ truyền bá mở mang đến Phương Đông đã sáu trăm năm, nhưng những người truyền độ quy giới phần nhiều đều mê lầm thể tướng, năm bộ lẫn lộn không Phân, hai kiến rối rắm xen lẫn. Mọi người thọ giới trong nước đều đọc tụng văn luật của Ngài Pháp Chánh. Còn đối với bộ Hành Hộ thì tùy tướng phần nhiều ủy gượng, thầy trò nối nhau, yên để mặc tình lấy bỏ. Khinh trọng cắt đứt lẫn nhau. Sư bèn trình bày khái quát, thường khai mở cho người mới học. Thương lược xưa nay trình bày đầy đủ với người đời. Sư có soạn “Ngũ Bộ Khu phân sao” hai mươi mốt quyển, chỗ gọi là Ao cao sáng rỡ, lưới trời bày xa, lại mở thoáng văn khác, gồm sớ Dị thuật. Các luật được dịch hơn bốn trăm quyển, nhân đó Sư lần lượt giảng giải. Nguyên nhân là loạn lạc, nay gồm cả những điểm đồng dị, định lại sự phế lập. Bổn Sớ do chính Ngài Vân Sư soạn, nay Sư giải thích cả hai càng nhiều gấp bội. Nên được các Bộ mới nương gá ở thời Tiền Đường, bảy chúng đều được mở mắt nhìn trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627 - 650). Đó đều do năng lực của Sư.

Nhưng ở Quan Trung chỉ ưa chuộng, kính tin Luật Tăng Kỳ, từ khi Luật Sư Hồng Tuân bắt đầu khai giảng Luật Tứ Phần và gồm dạy kinh thì các hàng tăng tục đua nhau nương theo, cho đến truyền văn luật nghi đều bị xem thường như thế, Sư bèn lay động u cầu ấy, liền đối mở hai

thiết, lắng văn phục nghĩa, phô bày thông xưa mà chưa mở mang, nghi nạn lớn lao đè nén sự chưa mở hiểu của các Luật sư, Sư đều nêu Tông dẫn hội, Đại quán tan rã. Đó là do Lý tư trầm lắng dung thông, nên có thể gồm rõ ràng quyết định. Khiến khách hành trì luật ngày một đến đầy sân nhà. Luật sư Hồng Tuân cũng đích thân đến dự nơi pháp tòa, dạy chúng bắt chước theo. Đạo của Tướng Thành chẳng quên, công của Hoằng Tán không mất, bèn được biết quy hướng về đất Tần, không ai chẳng Tông du pháp cảnh.

Bắt đầu từ những năm cuối đời Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy (605) và đến cuối cùng là trước lúc thị tịch, hơn ba mươi năm Sư riêng bước nơi chốn kinh đô, không ai dám chống lại, giảng nói khắp cùng, thành những bậc tài giỏi chẳng phải một vài vị, do dó mà dấu vết tiếng tăm nổi tiếng ở thời Tiền Đường, đều do sự tưới tẩm dẫn dắt của Sư, thật là do công lao giúp đỡ. Lại mỗi lúc lên Pháp toạ dùng khuôn phép dạy răn đồ chúng, nếu có vị lạm trái thì Sư ngừng giảng. Hoặc có người bị rơi lạc sở học thì Sư đều gọi đến mà dạy răn dẫn dụ, khiến người nghe rơi lệ, không ai chẳng tự sửa đổi.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) lại tìm mời Sư đến trụ chùa Đại Thiền Định; nay là chùa Đại Tổng Trì. Mọi sự cúng dường càng thêm nồng hậu, càng thêm di tước, Sư bèn nhìn lại Đạo hòa mục khắp cùng đất vua, phong hóa dời tràn cả quan biểu, đất xưa cũ điêu tàn lưu thần chẳng nương. Sư bèn nhặt nhạnh tất cả mọi vật có hơn trăm thứ, đến nơi thành cũ chùa Vân Môn ở Tương Châu (nay gọi là chùa Quang Nghiêm) ở hai chỗ xuất gia và thọ giới mà xây dựng hai ngôi tháp, dùng châu báu tô điểm, lấy xanh đỏ mà trang sức, làm nghi biểu cho nhiều đời, cũng là chỗ giúp cứ của người hành học. Mỗi Bia minh đều dựng lập ở phía bên phải tháp.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có vị Tam Tạng Pháp sư người xứ Thiên-trúc mang phạm bổn đến phỏng dịch thành tiếng Trung quốc đời Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn ban sắc chiếu Sở ty tìm chọn đề cử những bậc tài giỏi, thêm bàn đề cập đến, đến ở đó phiên dịch truyền bá. Nếu có văn nghĩa liên quan đến Luật tông, đều dò hỏi Sư để lấy điểm chánh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, trên vì bậc Thánh Thiện sớm mất, xa cảm khó tỏ bày, tuy hoằng hóa khắp thiên hạ mà tình võng cực chưa bày. Kính vâng vì Thái Mục Hoàng Hậu đến phía Tây cung thành xây dựng chùa Hoằng Phước, rộng thỉnh mời các vị tài đức đều nhóm họp trong đó. Sợ họa may lúc vẻ vang vọng lên chỗ ngôi vị. Vì Sư Đạo vốn

nghiêm chánh, chẳng lạm đón mời. Trăm Quan đều tấu trình thỉnh Sư làm Thượng tọa chùa Hoằng Phước, cai quản giềng mối, nhặt nhạnh cất nhắc tăng chúng. Như có người dự được đón nước, không ai chẳng dò hỏi mà trở về nhà. Nên khiến tăng chúng nhóm họp v.v... đều cảm giác như Lan, không trang nghiêm thành khuôn phép, lưu tỏa hương thơm chẳng dứt. Từ lúc bắt đầu khai giảng, Sư thệ nguyện thấu cùng trăm biến. Nếu thành đạt tâm nguyện thì tối chết cũng được! Bắt đầu từ Chương biểu, cuối cùng đến Vị Tân, Sư tùy duyên đào luyện dắt dẫn, vừa hợp thấu với bổn nguyện, vui mừng với chỗ nhớ nghĩ. Không bao lâu thì Sư qua đời. Rõ ràng nhận biết các vật bàn luận, có thể gọi là biết mạng.

Đến ngày hai mươi hai tháng tư năm Trinh Quán thứ chín (635) thời tiền Đường, bệnh trước lại thêm nặng, Sư bèn thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi chín tuổi. Vua Thái Tông buồn thương viếng điếu. Ban sắc bảo trăm ty cung cấp, mọi việc cần thiết trong tang lễ đều chu cấp hoàn bị. Từ đời Tùy đến thời Tiền Đường, chư tăng thị tịch đều không có quốc táng, khai mở ra khuôn phép. Bấy giờ, cùng nhau kính trọng. Bộc Xạ Phòng huyền Linh, chiêm sự Đỗ Chánh Luân và các công khanh đều gần gũi rất mực, tôn kính giới Phạm. Đến ngày hai mươi chín, trang biện mới đầy đủ, lúc ấy đang mùa hạ nắng nóng mà nhục thân Sư chẳng thối rã. Mọi người cùng khen ngợi đó. Đó cũng là do Đức giữ giới. Học chúng của Sư ở các chùa đua nhau phướn ngập rợp các nẻo đường. Quan cấp mười mẫu đất ở gò Long Thủ thuộc ngoại ô phía Tây kinh thành, ba trăm huyền phu làm đất phần mộ, trồng ngàn gốc thông, đến nay rất tươi tốt. Các học chúng mến nghĩa cùng nhau dựng bia ở cửa chùa Hoằng Phước, do Hứa Kính Tông soạn Văn.

Mới đầu, Luật sư Hoằng hóa, trước sau rất có tiếng tăm, rộng được khen ngợi, xưa nay ít ai được như vậy. Từ khi các bậc giảng sĩ đua nhau nghiên tầm truyện xưa. Đáp xét các Tông thường trái với Danh thật, chẳng tích chứa nhân qua đời, nên được tình trời ban rãi, vài trăm năm trở lại đây thâu thập các tông mới định, Sư siêng năng nghe nói, chú trọng ở hành sự, tùy việc tạo nghi đều thi hành châm cứu. Mỗi khi đến ngày rằm, ngày ba mươi bố-tát thuyết giới, thì trước phải đầy đủ mọi pháp vật, hương hoa trang nghiêm sáng tỏ trong Phật đường. Thính chúng tham dự thảy đều chấp tay qùy ngồi, cả chúng cùng cung kính. Cuối cùng với việc trước Thuyết dục tỏ bày thanh tịnh, ngài riêng dạy răn kỳ vọng. Mỗi lúc giảng giải xuất tội mắc kẹt ở chỗ trầm lụy, nên các bậc Hiền Sĩ trì luật, phần nhiều đều đến tham dự. Từ khi Sư thị tịch

về sau, việc ấy dứt bặt.

Tôi (Đạo Tuyên) từng được dự ở cuối tòa trải qua mười năm thấy rõ sự khai hóa hưng thạnh của Sư, bất giác cho là lúc sống thì chưa muốn gặp, bèn nổi giận ra ngoài Quan biểu gần gũi đủ các Dị Đồ, tận mắt thấy ít có, sắp trở về Kinh Phụ, bỗng tiếp thừa ở đời thì hành tướng tự sụp đổ, lại mong ngóng đương thời thì vượt xa như trời vực. Than ôi! Rất đáng buồn thương.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Tấn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Tấn, họ Ngô, người ở xứ Giang Đô thuộc Dương Châu. Lúc mẹ Sư mang thai liền dứt bỏ mọi tham dục, với các thứ tanh nồng mùi vị thế tục, tự nhiên chẳng còn đoái hoài. Các hàng thức giả cho là bởi thai nhi khiến như thế, nên thân mẹ đồng như thân con.

Năm bảy tuổi, Sư sinh tâm kính mến chư tăng, đi đường thấy bóng dáng Sa-môn thì sau đó quên cả trở về. Cha mẹ Sư vui mừng sự kính tin ấy bèn cho Sư nương tựa Pháp sư Vinh mà xuất gia. Sư tỏ vẻ hiếu hạnh, kính cẩn tự nhiên, không do thầy chỉ dạy. Tùy theo phụng kính như lúc đầu không trái vượt. Sư thường theo Pháp sư Vinh đi đến các chùa, Sư chẳng dám lìa xa, bèn ở cạnh giường nằm của Pháp sư ngồi phủ phục dưới đất, cứ như thế chẳng phải chỉ một lần. Sư nghe Pháp sư Vinh giảng Nhiếp Luận, đại ngộ thời luân, liền giảng nói, được nhiều người khen ngợi, Sư bèn nói trong sáng thanh nhã, khéo hợp vật tình.

Vào khoảng niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, Sư theo Pháp sư Vinh được mời đến trụ chùa Thiền Định. Đến lúc thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên tinh về luật nghi. Nghe Luật sư Hồng Tuân giảng hai mươi biến. Lại nghe Luật sư Trí Thủ vài lần cùng đề cập. Ngài khiêm cung thành trị, lập luận chẳng nói. Giảng giải Nhiếp Luận mới phô bày Luật tướng. Bấy giờ mọi người cho rằng Sư nương tựa Đại thừa mà mở mang hành phạm.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, nơi biên giới có nhiều lo lắng, chúng tăng cả chùa Thiền Định cùng nhã ý suy tôn Sư khéo léo chống ngự kẻ địch. Bèn nhóm họp người vật ở các nơi đến đầy khắp trang trại Côn Trì, phần nhiều thiết bày lầu chiến để chống giặc. Riêng mình Sư ra hiệu lệnh, chẳng ai dám đương đầu. Bấy giờ bọn giặc ty trúc cổ xúy đi khắp ngoại ô hoang vắng, đến nơi nào đều giết hết, không ai dám chống cự. Binh lính đến nơi Trang thứ, trong ý muốn còn giết sạch. Sư lên lầu xem xét, chỉ thấy trương cờ khắp mười dặm, bèn gom bó cung dao, lại trói buộc tôi tớ, bày biện các thức ăn,, mở rộng

kho lẫm, tự chân Sư trước vào trong Quân trận, nhọc hỏi Quân chủ, dẫn đến trong trang trại và mời ngồi. Đã trông thấy dọn bày mọi thứ, bèn mỉm cười mỗi vị đều cầm lấy tay Sư, chúc tụng "Đạo nhân khỏe mạnh". Và ăn no nê rồi trở về, chỉ bắt lấy mười con bò, để đãi nhọc quân sĩ. Dẫn đi giữa đường, Sư từ sau đi theo xin lại, đem hàm trước nhìn lại và đều dùng hoàn trả đó. Do đó, mới đầu của Nghĩa Ninh, thông trang đều tan lở, chỉ có chùa Thiền Định vẫn như cũ không tổn hại gì. Liền sâu rõ cơ yếu, khéo thấu đạt mở ngăn, chỉ tại 1 người mà thôi. Lại vì Sư riêng có tánh khéo léo, không bố thí không được. Hoặc trang nghiêm tô điểm, hoặc xanh đỏ lẫn lộn, hoặc cắt may mặc vào vui chơi, hoặc ruồng đuổi người vật. Chúng tăng có cả bốn trăm vị đều cùng suy tôn sư là bậc Hiền. Còn như ngày tụng thuyết giới kinh, tiếng trong lưu loát. Từ trước đến nay những người lười biếng nghe Sư thuyết giới đều cùng đến dự ngồi nghe, chống tai ngồi thẳng kính sợ im lặng.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đảm nhậm chức Thượng tọa ở chùa Vân Hoa, thường giảng dạy Nhiếp Luận, khai giảng Luật bộ. Sau, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại ban sắc cho Sư đến trụ chùa Phổ Quang, quản lý tăng chúng, lớn nhỏ đều thanh tịnh hòa mục. Đến mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ hơn năm mươi tuổi.

Bấy giờ, lại có các Sa-môn Mãn Đức, Thiện Trí, Chân Ý, Kính Đạo đều đồng học với Sư, kính mến nghĩa theo bạn. Ngài Mãn Đức tuệ ngộ thiên khai, bàn nói mở mang. Ngài Thiện Trí rộng hiểu sâu mầu, tánh ưa thích hộ pháp. Ngài Chân Ý dắt dẫn, giảng nói rất có công phu hành hóa nhiều trở ngại. Ngài kính Đạo ôm giữ trong trắng tự dưỡng, tánh chuyên kinh sử, phần nhiều theo vật. Chỉ một mình ngài Chân Ý hiện còn giảng dạy tại kinh đô.

3- Truyện ngài Thích Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu:

Thích Pháp Lệ, họ Lý, người ở xứ Triệu Châu, vì làm Quan nên dời nhà đến ở Tương Châu. Từ lúc vừa mới sinh mà răng nứu Sư đầy đủ, mãi đến lúc tuổi già vẫn không bị hư gãy, bền cứng trắng sạch khác thường.

Đến tuổi đi học, Sư bèn mừng vui với Đại Pháp. Mới đầu, Sư đến quy hướng Pháp sư Linh Dụ và liền được độ cho làm đệ tử. Phong thái Sư trong trắng khoan thai, oai dung cao nhã, nói bàn rộng lớn, rất ưa chuộng huyền áo. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư cẩn trọng giới khoa,

Sư nương theo Luật sư Tĩnh Hồng thưa hỏi Luật Tứ Phần. Chỉ huy hình lưới qua hơn một năm, chấn bày công tích huy nhu, vẻ vang nổi bật ở đương thời. Công nghiệp đã hiển bày càng bắt chước vết khác, Sư lại theo Uyên Công ở Hằng Châu nghe học Đại Nghĩa. vừa mới tròn hai năm mà sơ lược cành lá, xét cùng gốc rễ. Ngay đó Sư liền rộng dẫn những điều đã nghe, mở giảng Luật yếu. Văn từ đơn giản nhưng đến chỗ kích nạn càng vững chắc nên được gần gũi, không bao lâu mà riêng bặt rất xứng hợp xưa nay. Sau, Sư lại đến Giang Nam xem đọc Luật Thập Tụng, đều do thầy trao truyền, đánh xét chưa giúp. Sư lại trở về Nghiệp Trung, gặp duyên khai giảng dẫn dắt. Vào đời vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy, Đạo tiêu núi đổ, bụi trần vấy nhiễu. Người học bít lấp, không nhờ đâu để thưa hỏi. Đến thời đại Tiền Đường dựng lập cơ nghiệp, Phật pháp lại được mở mang. Gặp được Lâm Chương lệnh Bùi Sư Viễn sớm tiếp thừa thanh huấn, dự bày Pháp diên, thỉnh Sư đến huyện mở mang nối nhau, trải qua nhiều năm khai ngộ rất nhiều. Khắp bốn phương những người kính mến Đạo nêu cao mạng giá, khế giải thăng đường, hạnh thuần nhập thất. Sư vì hàng mới học cùng hàng đã tụ tập từ lâu nương gá thưa hỏi chẳng kết quy, nếu không lưu suốt Văn Ký thì không đường thông tâm. Sư lại khai thác vốn nghiệp càng gượng gượng dị văn, bên cạnh thưa hỏi kinh luận, lấy đó làm bổn sớ. Bấy giờ, có Pháp sư Tuệ Hưu là bậc có tiếng Đạo trùm xa, được người đời kính trọng, tán đánh Thần lý, văn nghĩa tiếp nhau, nên được hợp thể cùng chiếu, luật quán cao xa. Ấy là ngài Tuệ Hưu rất có công phu.

Đến tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phổ Quang ở Cố Nghiệp, thọ sáu mươi bảy tuổi. Trước sau, Sư giảng luật hơn bốn mươi biến, soạn Tứ Phần Luật Sớ mười quyển. Yết-ma Sớ ba quyển, Xả Sám Nghi Khinh Trọng Tự, v.v... các quyển bộ nầy đều được quý trọng ở đương thời.

Bấy giờ, ở Vệ Châu có Sa-môn Đạo Thước cũng là bậc y cứ của Luật học, nghiệp giá xuất phát từ nơi ngài (Pháp Lệ), rất được người đương thời kính trọng.

4- Truyện ngài Thích Huyền Uyển trụ chùa Phổ Quang ở kinh đô:

Thích Huyền Uyển, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm, thuộc Hoằng Nông. Nhân tổ tiên xa xưa của Sư dời đổi nên nay ở tại Tân Phong, thuộc Ung Châu. Vừa mới độ tuổi học trò, Sư đã tỏ ngộ Đạo, tiết tháo xung minh. Chí đăng tuổi học, Sư rảo bước vào vườn Đạo, kính thờ Sa-

môn Pháp Sư Đàm Diên làm thầy. Ngài Đàm Diên chấn lãnh cao rộng, Pháp Chủ Di giáo, rất được vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng, xây chùa thỉnh mời Sư đến, thấy rõ trong biệt truyện. Mà Sư ở giai vị nhập thất, cung kính nhớ nghĩ.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn theo Luật sư Hồng Tuân, học Luật Tứ Phần, mũ, mão ngăn tánh, rèn đúc trì Phạm trải qua ba năm, Sư liền giảng dạy, khiến ở sau tiến tới ưa thích, suy tôn tốt đẹp khen ngợi. Sư bèn trở gót về lại với Bổn sư. Niết-bàn chân thể, nhặt nhạnh mới lạ, khéo viết chép chỗ sâu mầu. Sư lại muốn kính trọng, đeo mang Duy thức, bao gồm Lý tánh, bèn đến chỗ Thiền sư Đàm Thiên bẩm học Nhiếp Luận và tìm xem các căn cơ lanh lợi, thấu cùng tâm kế. Với các kinh luận như Pháp Hoa, Đại Tập, Lăng Già, Thắng-man, Địa Luận, Trung Luận, Bách Luận, v.v... đều giúp kế thừa. Sư nghiên xét điều mới nghe, xoay lại càng khảo cứu. Thới gian tìm hợp, cất nhắc huyền lý, nhưng nhìn lại phước trí, dẫn nhau có như luân trì. Tuệ nghiệp lược bày vạch đến cùng, nêu dựng khai mở ở đầu, trọn chỉ có Pháp sư Đàm Diên hiện còn!

Sư muốn tu tạo tôn tượng Đức Phật Thích-ca cao trượng sáu, kinh lược chưa tròn, lại bị trở ngại bởi vật, Sư phát chí thệ nguyện khắc tạo được như khuôn trước. Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, nhóm họp người có duyên, tiện lo việc khuôn lò. Chùa ở nơi Kinh Cao xung yếu, mong mỏi quy tâm, nên khiến cho rất cảm thầm thông, dắt dẫn đều toại nguyện. Đang lúc ấy giữa hư không sắc mầu trong sáng, mặt nhật soi chiếu, trên trời hoa tuôn rải như mưa, tướng trạng như mây che khắp giữa hư không vùn vụt rưới xuống, cuối cùng đều rơi ở trước tượng. Các hàng liêu thứ mừng vui điều ít gặp ấy, Pháp thuộc vui mừng với điềm vinh hạnh đó. Đến sau khi mở khuôn, nhã tướng càng viên mãn, tức là rường cột của Quan phụ. Tượng vàng lớn vẫn chưa có tượng nào hơn, nay hiện còn tại Bổn tự. Mỗi lúc giữa đêm tĩnh lặng hay sáng sớm trong lành, vang vọng âm hưởng của Bát âm mà chẳng lường biết từ đâu vọng đến. Sư lại tu tập bốn Tạng kinh rất mực trang nghiêm, các nơi có tiếp nối ghi chép đều giúp Bổn cứ. Đến sáng sớm ngày mồng tám tháng hai ngày tắm gội Đại Thánh tượng, truy tìm viết tích cũ, tôn kính mọi vật dụng, tắm gội. Mỗi năm đến sáng sớm ngày ấy, kiến lập giảng hội, bày biện Đại trai, thỉnh mời khắp cả bốn chúng, cúng dường hai thứ ruộng Bi và Kính, bày biện bảy vật khắp cùng chư tăng. Sư lại thường bùi ngùi cho thời tượng pháp, mạt pháp có thiếu sót quy cấm, còn việc trao truyền thọ, già nạn thêm rõ sáng mới tô điểm Đạo tràng. Sư tìm các

Sám Pháp, mỗi năm đầu xuân ở nơi thọ giới, y cứ nơi hai mươi lăm pho tượng Phật và đọc tụng ngàn biến thần chú, khiết trai hành Đạo, khiến những người hủy phạm cấm giới kia lắng nguồn trở lại thanh tịnh, đăng đàn nhận nạp pháp minh bạch không nghi, đồng thời truyền nối pháp đến nay, gìn giữ không để dứt. Theo đó mà cầu có thể gọi là Bồ-tát Hộ pháp. Nhưng Sư tôn trọng Pháp hạnh, sớm tối nối nhau, như gặp những bậc Thượng Đức dị nhân thì vái chào, đối đáp vui mừng, thăm hỏi vâng theo lời dạy. Tuy nghe là đồng học khi xưa trước nhưng Sư vẫn cung kính như mới. Từ đó về sau càng khiêm nhường, ít có dấu vết.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì Sư có giới hạnh vốn thành khuôn phép, nên khắp triều đình đến nơi thôn dã thảy cùng chiêm ngưỡng. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh Sư truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Thái tử và các Vương Công, v.v... Nên từ Trữ cung trở xuống đều kính trọng giữ lễ thầy trò. Vua có lệnh bảo xây dựng chùa Phổ Quang, thỉnh Sư đến ở đó, cúng dường mọi sự phong hoa, rộng đượm thọ hưởng. Vua lại riêng sắc ban thỉnh Sư vào Nội cung truyền giới cho Hoàng hậu, lục cung và các thứ phi, công chúa v.v... hỏi thăm Đức cấm, trao nạp pháp tài, ngày càng đông nhiều. Nhưng Sư khâm nhã tự giữ, chẳng đoái hoài có thừa. Mọi vật cúng thí Sư đều tu tạo công đức. Sau đó, vua lại ban sắc riêng thỉnh Sư vào trụ chùa Đức Nghiệp nơi Nội uyển, vì Hoàng hậu mà viết chép kinh tạng hiện tại. Đang lúc bấy giờ liền ban lệnh trụ chùa Diên Hưng cũng tu tạo Tạng kinh và đều giao phó Sư trông coi giữ gìn. Sư được hai cung nương tựa, nên đầu thành thật. Kỳ phụng chẳng khó, nghĩa phải rộng chọn. Từ cuối thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, đến đời Tùy lại phục hưng, truyền độ pháp bổn chỉ còn pho quyển. Còn như tìm xét Văn lý thì thấy có nhiều sai trái. Sư bèn nhóm kết các vị Sa-môn Nghĩa học đáp xét khuôn phép chánh, trong đó nếu có văn từ nghĩa chỉ chẳng thông đều thưa hỏi mà lấy sự quyết trạch, nên có được tạng Pháp bảo không xen lạm bởi si ngụy, mê ngộ có phân định gốc ngọn. Giềng mối rõ ràng bắt đầu từ Sư. Xưa kia, Vua A-dục lại nhóm họp ở thời nhà Chu, nay thì Sư định tông ở thời Tiền Đường. Kia đây thật khác, quyết đạt cùng ngang bằng nhau. Nhưng khéo răn dạy ở đời thì tam tạng gồm đủ.

Riêng vì Sư khổ tiết tự tu đức, do Luật nghi mà nổi tiếng. Nói vì làm khuôn phép cho đời mà kẻ tăng người tục đều quy hướng. Tăng ni ở các nước từ Trung Hoa đến vùng man rợ theo Sư cầu thọ giới Cụ túc có hơn ba ngàn người. Các hàng Vương Công liêu tả cho đến thứ dân theo Sư cầu thọ quy giới có hơn hai mươi vạn người. Anh em Tả Bộc Xạ

Tiêu Võ là người nhân luân phải noi, đã lâu nhàm chán cuộc đời phiền não, thường đến chỗ Sư cầu hỏi về Diệu Chỉ của Pháp Hoa hội ba, Giáo nghĩa trong lời dạy của Long Thọ, trầm ngâm đổi cảnh, kính vâng mà mang về. Hữu Bộ Xạ Đồ Như Hối lúc sắp qua đời ủy thác Di Mạng vì làm nghĩa thầy trò nhiều kiếp. Đại tướng Quân Tiết vạn Triệt Tỳ Quý cùng giòng họ của người mẹ đều kính trọng giới luật, ăn dùng rau quả thanh tố trọn đời.

Có Pháp Sư Đạo Nhạc ở chùa Phổ Quang, là bậc thấu suốt u quan, biện giải mở toang tuệ phủ, kính thờ giới hương, hành đạo Bồ-tát Đạo, mà cấp dẫn quên cả mỏi mệt, hoằng hóa suốt ngày. Nhân đó mọi người thay đổi, cố gắng tu tập, tính ra số lượng chẳng phải thường hằng cho nên các hàng sĩ thứ ở Kinh Phủ nối gót theo đến như mây ùn, mọi sự lễ cúng nối nhau ngày một đầy chật kho lẫm. Bấy giờ, có thầy đồng cốt bảo rằng: “Mỗi lần Sư đến truyền giới, giảng pháp có các loại quỷ thần khác nhau ở các phương tìm đến như tiếp nhận, lãnh thọ. Tự chẳng đến thì công phu âm thầm trùm khắp, ai có thể đạt được như vậy ư!” Sư đem giới pháp khuyên răn đó rất mực thành thật, vật và ta đồng kính chuộng, nghĩa đồng như gió lướt, sự hợp tợ cỏ rạp. Bèn gởi thư nói với Hoàng Thái tử rằng: “Nguyên chánh báo đầu tiên cảnh phước đổi mới, cúi xin Điện hạ nên phải thời cấp giúp khắp cùng, không ở đâu không cấp giúp. Chỉ vì Huyền uyển tôi sớm đắm chìm, chẳng được kính phụng vui vẻ, được ban giáng đợi hỏi, không nhận chịu trông mong, cảm đoái hoài ân lớn, không biết phải làm sao. Nay lược nêu việc trọng yếu trong kinh, tức có thể rõ bốn điều của hành giả, lưu ý tìm xét trọn tiếp nối vận may. Một là khuyên hành Từ; tức dẫn Văn trong phẩm Phạm hạnh của Kinh Niết-bàn, khiến khởi tâm hàm dưỡng, lại còn có cả sự cứu giúp. Hai là giảm giết hại, tức dẫn sách lễ của Nho gia là vô cớ chớ nên giết hại trâu dê, phải quý trọng mạng sống của nó, bỏ sự xâm lạm quá mức. Lại nói là Vương giả tu sửa cách giáo hóa chẳng đổi thay phong tục, chỉnh trang chính sách đó chẳng đổi thay điều thích hợp. Thấy nó sống không nỡ thấy nó chết, nghe tiếng kêu bi thương của nó không nỡ giết hại ăn thịt nó. Đó tức là Thượng Đế buồn thương sự mất của tổn hại, dựng lập đình chỉ sự giết hại dần dần. Nên trong Kinh Phật có thí dụ tự tha thứ mình để dạy răn về mọi sự đánh giết. Huyền Uyển tôi nghe Đông Cung thường ngày lo việc nấu ăn. Xét như chỗ tiếp thừa ấy rất có tổn hại. Điện hạ vì liệu tính chỉ 1 thân mình mà khắp nghĩ các quan liêu, đến nỗi có nguyên do để giết hại sinh mạng loài vật, không gì chẳng đều là suy trọng Điện hạ. Do đó kéo dài nhớ nghĩ sợ sệt. Tôn kính lòng từ hỷ

tha thứ, từ nay trở đi xin bớt sát sinh. Đông cung trong ngoài đề giảm thức ăn bằng thịt, thì trải dài vận mạng, đức Nhân dương dục ấy càng lớn! Ba là Thuận khí, như trong Kinh Bất Sát nói rằng: "Đức Nhân chủ chính tại gan, gan thuộc về Mộc (cây cỏ). Đang đầu mùa xuân, muôn vật đều mọc lên, nên tích dưỡng các phẩm loại dùng để đáp lại minh tạo. Nếu có giết hại tức là chẳng thuận khí. Điện hạ đang ở giai đoạn Thiếu Dương, Phước ở Xuân nguyệt, nên hành từ để hòa với chánh khí, ban tuệ để bảo dưỡng thiên linh, xin nên hằng năm đến cuối xuân dứt bỏ việc giết hại ăn thịt, xót thương các loài hàm sinh để thuận với dương hòa nầy! Bốn là vâng giữ trai giới. Như mỗi năm ba tháng sáu ngày trai giữ thanh tịnh sáu căn, là chứa nhóm năm phước, cúi mong vâng giữ thọ trì trai giới. Vì sao nay đang hưởng ngôi vị quý trọng này đều nhờ nhân xưa, lại có thể tiến thêm Đức, tôn sùng điều lành để thành tựu tốt lành ấy, cho nên thiện tri thức là nhân duyên lớn. Huyền Uyển tôi đạo đức sơ sài, cúi xin được đoái hoài, kính cẩn dẫn ra những điều thấy nghe, dám mong nghe xét!"

Thư đưa đến, Hoàng Thái Tử liền đáp rằng: "Nhọc mệt thầy chỉ bày bốn khoa Pháp mầu, lần lượt đọc xem đến cùng, dùng làm bài minh sâu mầu đeo mang. Pháp sư sớm trải khắp trần lụy, thần thức vượt ngoài vật, mở mang lời nhiệm mầu của Thứu lãnh, tham cứu Bí tạng của Long cung, khai mở Linh phủ, ngưng chiếu huyền môn, hẳn dùng cao bước đầy trời, gần bậc Sơ Địa, cho nên có thể lưu tình rộng thí, mở mang dắt dẫn hàng Sơ tâm. Lý thật nghĩa cùng, văn từ hoa nhã cao xa, bao gồm xưa nay, trùm khắp trong ngoài. Dạy răn dẫn dụ chí cực, phương cách xét bàn. Dù cho Thánh đạt lập ngôn thầy truyền mở đạo thì cũng chưa đủ để hời hợt bến bờ cốt yếu. Phỏng bàn cao luận chỉ là hành từ, giảm bớt giết hại, thuận khí và kính giữ trai giới. Đó mới là tâm của người Nhân, để thành hạnh Đại từ. Kính cẩn nên ngậm ở các tâm phủ, kính vâng để chu toàn. Mãi nhờ thắng nhân, để thầm giúp ấy!.." còn các phần văn khác ở đây không ghi. Sư có được những việc làm, lời nói đại khái như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc chiếu khắp nơi chấm dứt việc giết hại bắt đầu từ tháng ba đến hết tháng năm. Sư dùng Đức Nhân dương dục gồm cứu giúp, bèn dâng tấu khải văn lại thỉnh. Vua lại ban đặc ân chấp thuận đến hết tuổi già. Đến cuối mùa đông niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, vì bị bệnh, Sư dự biết về đời sau, nên lại dâng Khải Văn cùng Đông cung, thường đem Đại Pháp mà đề đạt

đến. Sư lại dâng tấu Di phong Văn Biểu với Vua rằng: "Huyền Uyển tôi nghe chân dung ẩn vết. Tượng giáo gặp phải tàn khốc, không ai chẳng cậy tăng tục để giữ gìn, thiết bày nội ngoại mà bảo hộ, bèn được mây pháp lại đượm nhuần, mặt trời trí tuệ thêm sáng. Soi chiếu hợp muôn thừa, tiếp nối mạnh mẽ suốt ngàn năm. Trộm tìm lý nghĩa trụ trì có nhiều cửa, phương thức mở mang giáo pháp, chẳng phải một. Nếu chẳng y theo sự lấy bỏ của Phật, thì vẫn sợ thưởng phạt sẽ trái Tông. Như khi chuẩn định giáo điển xem xét thì đơn giản mà đúng lý. Cúi vì các hàng tăng ni chẳng y cứ vào giới luật đến nỗi phạm phải hình luật điều chương, vang tới tận triều đình quyết định mảy trần nhọc nghe xét. Huyền Uyển tôi v.v... Tăng đồ không phải việc gì cũng khiếp sợ. Chỉ lo tháng ngày còn lại, mờ tối già nua, bệnh khổ nối nhau, mạng suy kém chẳng còn, ân đức lớn lao chưa đáp trả, bèn y cứ trong kinh mà soạn bộ "Phật Giáo Hậu Đại Quốc Vương Thưởng Phạt Tam Bảo Tháp", "An dưỡng thương sinh luận" và "Tam Đức Luận", mỗi thứ một quyển, cúi xin Thánh cung cùng bày xem xét. Bệ hạ rộng mở đường thượng thư, mong nhận nạp lời thô thiển. Kính cẩn hiến dâng kinh Bí yếu, xin xem kỹ lời dạy từ miệng vàng. Chỉ vì Huyền Uyển tôi đang truyền Pháp, ngõ hầu không lỗi lầm cùng vâng giáo, nâng đỡ kẻ yếu đuối, để báo đáp việc chung hậu, không dằn nỗi sự luyến mến kính ngưỡng, nên kính cẩn dâng kinh để tấu trình". Sư lại răn dạy môn nhân đối với Đạo kiểm, lời lẽ rất mực rõ ràng thống thiết, người đọc phải rơi lệ. Sư lại bảo rằng: "Ấm chất còn lại thí cho các chúng sinh, Di cốt còn thừa y theo pháp xưa mà thiêu đốt. Chế phục điếu Tang, mỗi thứ đều không để nơi cõi lòng!" Đến ngày mồng bảy tháng chạp (năm 636) Sư thị tịch tại phòng ở chùa Diên Hưng, thọ bảy mươi lăm tuổi.

Các hàng tăng tục mất nơi nương tựa, Hoàng Trữ buồn thương, Vua Thái Tông ban sắc chiếu rằng: "Luật sư Huyền Uyển giới hạnh trong trắng vững chắc, hoặc nghiệp thanh tịnh, nhờ Sư hoằng tuyên chánh pháp, lợi ích muôn loài. Không may, Sư đã thị tịch, tình sâu bùi ngùi!" Ban vật như ly biệt, mọi sự cần thiết trong trai hội lễ tang đều do thiên phủ xuất cấp. Xuân cung ý Thích Khanh tướng, quan lớn đếu thí xả vàng bối, dâng cúng hỗ trợ tu phước. Đến lúc trăm ngày. Đặc tấn Tiêu Võ, Thái Phủ Tiêu Cảnh, Tông chánh Lý Bách Dược, Đảm Sự Đỗ Chánh Luân, v.v... đều là những người gần gũi vâng giữ giới ước, tự thân rất mực ai lễ. Sau đón rước đến an táng nơi chùa núi, phướn lọng rợp ánh, hương hoa tung loạn giữa hư không, mọi người đi theo như mây bủa, chúng đông đến mấy vạn. Đầu đón rước đã đến Chung Nam mà

đuôi vẫn còn ở kinh thành. Hơn bốn mươi dặm các hàng tăng tục đông đầy đường. Mọi người đều bảo nhau rằng: “ Thầy ta mất như thế, giới nghiệp ai bảo hộ!” Nên Sư rất được người đương thời y cứ như thế. Các hàng đệ tử v.v... có hơn năm trăm người vâng theo di chỉ. Khi đó, mây cao gió lặng, nước sạch dầu thơm cả bảy chúng đến đầy núi đồng, một lòng buồn kết, bèn bảo châm lửa y như Pháp trà-tỳ, củi cháy hết tro tàn bay, tự nhiên trở về cội gốc. Bèn ở ngay chỗ trà-tỳ xây một ngôi tháp Phật, dùng để thấm nhuần linh thức, nghi tượng vẫn hiện còn. Đông Cung Tẩy Mã Lan Lăng Quân soạn bài minh. Tông Chánh Khanh Lý Bách Dược soạn văn bia dựng lập nơi tháp, bấy giờ là đứng đầu.

Từ đầu đến cuối, ý Sư là mở mang cứu giúp, sinh thiện phước trí, tiếp nối nơi tâm. Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, bấy giờ vừa trải qua thời vận xấu, gạo thóc hiếm quý, khách tăng không nơi nương gá, Sư bèn dốc hết sức thừa, hành hóa những nhà sung túc, hễ được bao nhiêu cúng dường, Sư đều sung vào cung cấp. Thường ngày Sư đến nơi bếp chùa gần gũi hỏi han mọi thứ, nên khách chủ đều vui mừng. Lại nữa, trong thời tượng quý, rất nhiều người xem thường giới luật, Sư mới đem thân mình tự làm khuôn phép cho mọi vật, dẫn dắt các Pháp thuộc. Đích thân cầm văn kinh, theo thời đến nghe, trải suốt mười biến, xa tiếp nối vết trước. có Luật sư Trí Thủ là bậc đức sáng vẻ vang cùng khắp đế kinh, thật giúp thành khen ngợi có thể quạt lên cơn gió thơm, tự thấy khiến thấu đạt, ít người có khả năng mở mang như người này. Nên khiến vào thời Tiền Đường tìm cử những bậc có tuổi tác đề bạt các vị Hiền lương phần nhiều thuộc ở Luật tông, thật là do từ Sư đúc nắn thành. Dung nghi Sư đạo mạo, khuôn phép trang nghiêm, tiếng nói sang sảng, mọi người tham dự, chiêm ngưỡng không ai chẳng kính sợ, nên Đồ Tượng Quyết tướng vẫn còn khiến người sợ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tăng-già, họ Nguyên, Sư là vị tăng thanh bạch tỏ ngộ ít ham muốn, thường theo ngài (Huyền Uyển) dẫn dắt mọi vật, lập chí chân chánh, với mọi sự dèm pha can ngăn chẳng hề biến đổi sắc mặt, Sư dùng pháp vị tĩnh lấng làm chính, lại chẳng mong cầu ở người đời, nương tựa nhàn tĩnh, chuyên tâm nghiệp đạo là chỗ toan tính. Lúc sắp thị tịch, súc miệng trong sạch, kiểm thúc oai dung, dạy răn rõ ràng rồi thị tịch. Há chẳng phải thầy trò có đức hạnh khiêm cung, dứt bỏ bụi trần! Chỉ tiếc rằng Sư tịch quá sớm nên thanh quy chưa được lan xa.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Tiêu trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu:

Thích Tuệ Tiêu, họ Lưu, người ở xứ Bành Thành. Gia đình dời đến ở Trường Cát thuộc Hứa Châu, nên lại làm người huyện ấy. Gia đình nhiều đời làm quan, xứng sĩ Đại Phu.

Năm mười tám tuổi, Sư đang là thư sinh, thông ngộ mẫn đạt, khéo nói thi lễ, khắp châu quận đều vì Sư thông hiểu kinh nên đề cử. Chẳng phải chỗ ưa thích, nên Sư bèn vào núi tung cao tìm thầy xin xuất gia. Tuy nhớ dai những việc trước, nhưng Sư nhờ giới hạnh mà nổi tiếng. Nên các bậc lão cựu minh đạt cùng bảo rằng: “Nếu người nào được như thế thì sẽ là Ưu-ba-ly ở đời nay vậy!”

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư đến học ở Nghiệp Thành rộng gồm các kinh luật, mới luyện suốt các bộ, nhưng chỉ y cứ Luật Tứ Phần. Nghe ngài u Thê chùa Linh Nham ở Thái Sơn là nhà khiết hạnh, Sư bèn đến nương theo. Sau vì Hòa-thượng già yếu, lại trở về Trung Nhạc. Bấy giờ, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581- 605) đời Tùy sáng lập cơ nghiệp, khắp bốn biển đều là nhà, cho nên được mặc tình qua lại, không hề trở ngại bó buộc. Bấy giờ, có Sa-môn Minh Lãng ở chùa Long Môn, là bậc rất mực trì luật ở Hà Đông, vì sự rất có tiếng tăm, nên chẳng ngại xa mà đến nương tựa. Ngài Minh Lãng tuy tuổi lớn hơn Sư mà thấp mình lễ sự, đồng thời sâu cùng thấm đượm, đạo hợp vui vẻ, lưu lại thời gian lâu, sau đó thỉnh Sư về Hà Khúc, Sư cũng chẳng ngại ta người, bèn cùng đến trụ chùa Định Lâm thuộc ở Long Môn. Trải qua nhiều nơi, chỗ nào thích thì ở. Tìm người đồng chí chẳng sợ hiểm nguy. Tại núi Mã Đầu, có Thiền sư Tăng Thiện, nhóm chúng kết nghiệp, Sư bèn đến đó tập học Định Pháp. Sau về lại chùa của ngài Minh Lãng mà giảng dạy Luật tạng.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư từng đến núi Hoàng Giáp, nương gá hang cốc mà kiết hạ. Có người bị mất mạng, nhân việc mà đến đó. Ngài không nỡ để lại qua thời gian lâu. Về sau sự việc bị phát hiện, dẫn kéo Sư là bạn, Đốc khóa sở tại bắt đến ngục. Gặp lúc các ngài Tăng Thiện, Minh Lãng đều đã thị tịch lại gồm bị ép tội, Sư bèn chống tích trở về phương Nam, trên đường ngang qua Bồ phản. Bấy giờ, các Sa-môn Đạo Tích, Thần Tố, Đạo Kiệt, v.v... đều là những bậc tài giỏi ở Tấn Châu, vốn cùng Sư chu toàn, qua lại nhiều năm.

Lại gặp lúc cuối thời Vua Dương Đế (Dương Quảng) nhà Tùy suy sụp, pháp lệnh hiển bày, tàng ẩn nghiêm khoa rất nghiêm khắc. Sư hứa đem thân vì Đạo tùy việc Đông Tây, danh suốt lâu trừ, gá ẩn nơi sâu xa hiểm trở, chẳng nguy hiểm nào không trải qua, như đi giữa sân nhà.

Mãi đến lúc Trung nguyên yếu thế, yêu khí rối loạn. Hà Đông Quận Thừa Dinh Vinh kính phục Đức âm, thỉnh Sư đến trụ chùa Nhân Thọ, mở mang Luật tạng, các học giả đến nương theo. Vào niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) đời Tùy, khắp cùng Tây Vực, không thiếu sót giảng nghiệp. Về sau, Sư lại an tĩnh, càng sùng Cao Pháp hội, khắp cùng các Châu Bồ, Thiểm, Tấn, Ráng, năm chúng đều bắt chước. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Nhân Thọ, thọ bảy mươi ba tuổi.

Từ lúc Sư phục tâm giới nghiệp, diễn giảng dắt dẫn làm chính, khi tiếp đối bạn đạo tốt không hề sai lầm ngờ vực. Mỗi lúc nhớ đến Sa-môn Tăng Thiện, Minh Lãng giao du tốt đẹp, bất chợt nước mắt tuôn rơi, chẳng hề cấm ngăn. Sư kính trọng mến mộ bạn lành như thế. Sư từng giảng Kinh Niết-bàn chỉ hai mươi biến mà còn tiếc không có công phu với Đại thừa. Sư tụng đọc Kinh Hoa Nghiêm, qua mấy năm mà miệng chẳng dứt tiếng, văn quyển chẳng lìa tay. Có người thỉnh Sư làm Phương Quảng giảng chủ, Sư bèn từ chối bảo rằng: “Tôi còn chưa hiểu ý kinh, làm sao giảng được?” Người đương thời cho rằng Sư rất trinh thuần mà lại luôn lường xét. Sư lại còn lo sợ sai lầm đối với hàng hậu học.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô:

Thích Tuệ Mãn, họ Lương, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Cha của Sư tên là Xán, từng làm quan từ đời Tùy đến thời Tiền Đường, làm Thứ sử các Châu ở Hải Điệp. Năm vừa mới sinh, Sư vốn thanh khiết, giẫm chánh nêu Tông. Từ tế hàm dưỡng gần như chẳng tu học. Với các thứ thức ăn ngon lành ở thế tục, trông thấy, Sư liền sợ hãi. Với Tăng nghi Đạo cụ vừa thấy, Sư liền kính ngưỡng.

Năm bảy tuổi, Sư ưa thích muốn được xuất gia. Cha mẹ vốn kính thờ Phật pháp nên chẳng trái chí nguyện của Sư. Cha của Sư đến Hải Châu, nhà Vua có ban sắc cho phép độ người xuất gia. Tiện đó, Sư được xuống tóc. Sư bèn theo cha trở về Kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, làm đệ tử Pháp sư Tiên. Pháp sư Tiên vốn là người có tiếng tăm ở Kinh ấp, Thức ngộ có lắm người theo, vì tăng tục đều nghe, nên cha của Sư đích thân đến gởi gắm. Sau dẫn đến trụ chùa Tam Thiện ở cung Nhân Thọ.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) thời Tiền Đường, Sư lại trụ chùa Đại Thiền Định, tấn đàn thọ giới cụ túc, kính thờ Đạo nghiệp nơi Luật sư Trí Thủ. Sư rất cẩn trọng oai nghi. Học chúng rất kính trọng. Sư nghĩ chọn Lý vị vì thấu đạt đến sáng tỏ là thường, mà chuyên cần với chính

sự, ưa thích thực hành khuyên giúp. Mỗi khi gặp lập giới thí thì Sư xướng bạch khoa cử, tự thân đứng trước chúng tăng hỏi xét nghi bàn. Đến khi thọ giới duyên tập có một số già nạn, vị Giáo thọ riêng đoán thật chẳng ít, Sư bèn dự khiến biết cùng, dẫn kéo vỗ tay. Đến nỗi có trường hợp gặp việc quên mất, luôn luôn nêu chánh. Nên mọi người đương thời đều tôn trọng Sư xét rõ của Sư, kính Sư thành tiến của Sư. Sư đến giảng dạy khắp bốn phương chẳng câu nệ thế lụy.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (639) thời Tiền Đường, Sư từng ở Viện riêng nơi nhà Ngụy Binh Tài thuộc Phu Châu, giảng Pháp Yết-ma. Chỗ Sư ở vốn là thất Cỏ tranh, bỗng nhiên nổi lửa, gió thổi lửa bốc cháy dữ dội sắp đến phía Tây. Sư bèn tìm nước mà dập tắt. Nhân đó, gió liền xoay trở lại, lửa tắt mất nên không bị đốt cháy. Đó là do oai lực của giới đức, rất khó tiếp nối.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông ban lệnh xây dựng chùa mới, chọn ra các vị Đại đức. Mọi người đều cho Sư có công hạnh như trước đã nghe, bèn dẫn Sư đến trụ. Năm đó, ngài vâng sắc nhận làm Thượng tọa ở chùa Hoằng Tế, chuyên mở mang Luật tạng, dạy răn dẫn dắt tăng chúng. Tiếp thừa có khuôn phép, lan tỏa đến chùa khác. Có Cô ni ở chùa Tập Tiên vốn không có Tuệ giải, vọng bắt chước tập học, đúc các tượng Lão tử chân nhân, để tự cúng dường, và mời các Đạo Sĩ phái Hoàng cân đến giảng đường mừng hội. Sư cùng chư tăng đồng dự trai tập. Đã gặp phải việc như thế, Sư bèn quở trách ngăn cấm. Liền bảo Đại đức Hiển Hạnh đuổi phạt, lại tìm lấy Đạo tượng đưa vào chùa Thái Nguyên sửa thành dung tướng tôn tượng Phật, để răn cấm các thói quen khác. Trước kia, Chu Triệu Vương đang trị vì tại đất Thục, có Đạo Sĩ tạo Lão Quân mà lấy tượng Bồ-tát đứng hầu, chư tăng đem việc ấy tấu trình, vua mới phán rằng: “Bồ Tát đã thành không thể phá hoại, Thiên Tôn nên đưa lên một Bậc”. Quan mới đón rước vào chùa sửa thành dung tướng tôn tượng Phật. Đó là trường hợp tương tự. Lại có cô ni Tuệ Thượng, có một thời qua lại nơi cung cấm, gặp lúc vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) đi xa, lìa nơi cung cấm kinh thự, bèn lấy chùa của Tuệ Thượng đang ở để đặt Hoàng Linh. Cô ni Tuệ Thượng bèn lấy chùa tăng làm nơi cho ni ở. Sự việc trái với chánh sắc, chẳng ai dám đả đụng đến. Ngài bèn nhóm họp các vị Tam cương Đại đức, v.v... ở Kinh thất hơn hai trăm đến nơi đuổi đi. Sư bảo rằng: “Từ khi Phật Pháp truyền bá ở đời, chưa có ni chúng nào cậy thế lực quan mà chiếm đoạt chùa tăng. Đã là trái Pháp nên ra ngoài chúng, không được dự trong bốn chúng và qua lại các Pháp sự. Nếu ai cùng

với ni chúng của Tuệ Thượng bàn luận, thì cũng phạt giống như vậy, chế lệnh đã ban hành, đúng sai tự hiển bày!" Tuệ Thượng không chịu nổi sự trách phạt đó, bèn mách bảo với Đông Cung và các Triều tể. Có lệnh sai Chiêm Sự Đỗ Chánh Luân giải việc tẩn đuổi ấy. Tăng chúng đã nhóm họp, phần nhiều theo tình để bàn nghị. Sư bảo: "Điện hạ giữ gìn Chánh Pháp, Tuệ Mãn tôi y cứ theo Pháp tình lý. Nay thì trái lý cậy tình, đó tức là khuôn phép bị đảo loạn. Đuổi đi là trị tội, tội vẫn chừa đổi, y cứ đó mà thấy rõ chưa dám nghe lệnh chỉ". Sư bèn cầm lấy đồ ngồi mà thối lui. Bấy giờ, tăng chúng sợ oai quyền bèn đồng giải mở tẩn đuổi. Sư nghe thế, than rằng: "Bạn tôi đã ít, nạn có thể sửa trị lại. Lại chẳng đồng giải mở, chỉ bày biết là tướng trái". sau đó, Cô Ni Tuệ Thượng sám hối lỗi lầm, Sư chẳng hề đoái hoài. Đến lúc Vua xa giá tuần du đến Đông Bộ, ban sắc cho Lý chúng ở trước. Sư nhóm họp chư tăng ở Kinh đô gồm hai trăm vị đến nơi cung quyết, trình bày can ngăn. Mỗi vị đều tự cởi áo ca-sa đặt để trên đảnh đầu, bắt chước theo năm tội nghịch của Điều-đạt. Cả triều đều chăm mắt nhìn chẳng dám thông biểu. Cho đến đầu Quan, Vua lại ban sắc mới xoay lại. Sư thường an nhiên mở mang cứu giúp, nhóm họp đồ chúng giảng dạy, thành tượng sau cùng có gần tiếng tăm hình thái.

Sư lại nguyện sinh về cõi An Dưỡng, tắm gội chúng tăng làm nghiệp chánh. Học tiếp nối đầu mối của An Công, chắc chắn thiết tha đau đáu tự cố gắng. Đến ngày hai mươi tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Sư bị bệnh nhẹ, biết sắp đến đời sau, Sư bèn bảo tất cả mọi vật đều thuộc của Tam Bảo. Ngồi ngay ngắn trên giường dây, tự co đầu gối, mời đại chúng ở các chùa, giã biệt từng người. Hơi thở từ dưới lên dần đến nơi tim, Sư nói năng đối đáp vẫn như lúc đầu, không mờ tối. Khí ấm dần đến miệng, Sư an nhiên thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi. Cử hành lễ trà-tỳ bên cạnh chùa Long Trì ở núi Chung Nam. Hài cốt đều cháy hết chỉ chiếc lưỡi không cháy. Lại chất củi đốt qua nhiều đêm, sắc mầu càng tươi thắm. Bèn an táng tại góc núi. Sa-môn Tuệ Ngang chùa Tịnh Trú ở Kinh đô soạn Minh tụng, sự tích nầy thấy ở Biệt tập.

Sư có soạn Tứ Phần Luật sớ hai mươi quyển, giảng hơn bốn mươi biến.

7- Truyện ngài Thích Tuệ Tấn ở Ky Sơn:

Thích Tuệ Tấn, họ Bảo, người ở xứ Thượng Đảng thuộc Lộ Châu. Từ thưở nhỏ, Sư đã giã từ cha mẹ, kính mến tăng lữ, tu tập giới luật

thực hành công phu. Sắp xuống tóc thì cha mẹ lưu luyến, bèn dừng ở làng tục. Sư nhân từ hiếu kính nổi tiếng. Đến năm Sư ba mươi tuổi, mọi người trong làng kính mến sự tinh thần khổ tiết, nghiêm khiết tự thân, đoạn dứt ân ái không nghĩ tưởng vợ con phiền lụy của Sư, bèn cùng nhau trình bày với cha mẹ của Sư mặc tình để Sư giữ trọn chí nguyện ban đầu. Sư mới được dự phần xuất gia, trụ chùa Phạm Cảnh ở Châu Trị.

Đến lúc đã thọ giới cụ túc, nghe nói thọ tịnh y mao ẩm, lại hỏi đến trì Phạm. Sư lại thiếu thưa hỏi tỏ ngộ, nghe ở Nghiệp Hạ giảng luật, đồ chúng có cả ngàn vị. Sư tự vui mừng đầy lòng, lấy luật gá duyên, cầu không phải Văn chẳng hợp. Nhân đó liền đóng cửa tự tụng đọc hơn tám mươi biến. Hành yếu tai mắt cũng rất đầy đủ mà nghĩa lý nguyên do vết tích phải theo thầy để thọ học. Sư bèn đến chỗ Luật sư Hồng ở Tương Châu, ngồi một nơi lắng nghe không rời khỏi chỗ trải qua tám biến. Thắng duyên lắng tĩnh bên trong nối nhau mà nghe lại trải qua tám năm. Sau đó, Sư lại vội vã theo thầy đi khắp Nam Bắc, hoặc chốn núi non, hoặc ở giữa đời, vân du tham tầm kinh luận để giúp cho Luật tông. Lược tính trước sau chỉ một Tông Tứ Phần nghe qua một trăm hai mươi biến, Sư lại tìm đọc đến ba trăm biến. Tự có đồng trần chuyên chí lắm công, ít có đồng bạn ngang bằng như thế.

Khoảng cuối đời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, có vị tăng ở cùng chùa có Học nghiệp kém dở, khó ngang bằng với Sư nên ngầm ganh ghét. Sư bảo: “Cùng là xuất gia, đồng vâng theo Luật nghiệp, ngầm thêm quạt ruồi, há vì thân danh mà hiềm ganh ư? Xưa kia, nghe hạnh Vô Tránh Chỉ có ở ngài Không sinh, Thánh lập khuôn phép tốt lành, nghĩa chẳng tự kết. Tôi tuy chẳng thông minh nhưng xin theo nhã dụ!” Ngay ngày đó Sư đến từ tạ, xả bỏ công danh, dơ cao xiêm bộc mà ra. Trong chúng tăng có người ngăn cản. Sư bảo: “Tôi chẳng vướng mắc ở sự đi lại. Chỉ vì Duyên nên như vậy!” Nhân xa nghe các phương nơi có đồ chúng tài giỏi, địa thế tốt đẹp như Ngũ Đài, Thái Nhạc, Đông Xuyên, Bắc Bộ, Thường Sơn, Nhạn Môn, tùy đuổi theo vết thiền, không nơi xa nào Sư chẳng đến.

Có Sa-môn Tuệ Toản là bậc Đạo Vương ở Sóc Xuyên, Sư lại đến theo học định sư tông phó. Đến lúc ngài Tuệ Toản vào Quan nội thì ngài bèn sang Ky Sơn, phỏng theo vết tích Sào hứa. Nơi Nham Thạch tiện lợi có ngôi chùa xưa, Sư bèn quét dọn để ở đó, chân chẳng bước xuống khe suối hơn ba mươi năm. Lời nói và việc làm trở thành khuôn phép, các hàng tăng tục bèn tìm đến. Xưa kia vốn ở nơi sâu kín hiểm trở, nay

thì thanh thái. Nên đối với Pháp thuộc Sư thường dùng cả thiền lẫn luật nối tiếp nghiệp.

Đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) đời Tùy, bị bệnh, Sư bèn ngồi kiết già mà thị tịch tại phòng ở núi, thọ tám mươi sáu tuổi.

Bấy giờ, ở cùng quê với Sư, có Sa-môn Đạo Toản là người giỏi Luật Tứ Phần, tâm thần trong sáng, giảng giải nối nhau, truyền đủ chương sao, thân hình cao lớn, người thường ít ai bằng. Sư trụ chùa Pháp Trụ, nhiếp chúng mở mang hoằng hóa. Khắp bốn châu Hàn, Lộ, Bí, Trạch mọi người đều theo khuôn phép. Về sau, bệnh phong của Sư chóng tăng, trái với nghi tiết, tuy y phục suy hoại nhưng ăn uống không hề gì. Tôi (Đạo Tuyên) nghe bèn đến đó. Sư vui mừng như gặp lại người đã quen xưa, tự tỏ ngộ vẫn còn rõ ràng. Tuổi Sư đã ngoài tám mươi.

8- Truyện ngài Thích Đạo Lượng trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu:

Thích Đạo Lượng, họ Triệu, người ở xứ Loan Thành thuộc Triệu Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư nhàm chán thế tục, bèn đến thiền phường Sa Thản ở Châu Giới chỗ Thiền sư Bị mà xuất gia. Thiền sư Bị là người rộng thấu đạt, đức hạnh vang khắp Lưỡng hà, chỉ giảng dạy Luận Đại Trí Độ, thần hiện trong xa. Từ năm mười sáu tuổi Sư đã lên pháp tòa, đến tám mươi tuổi, tiếng tăm mến động vật tình, từ vị không biến đổi. Sư cung kính hỏi bày trông dự vào thính chúng, Thiền sư Bị mới bảo Sư đến núi Phi Long, chuyên việc tụng kinh. Chúng tăng ở núi có đến ba mươi vị đều là theo vết Thiền pháp. Vốn thiếu Tịnh nhân, chỉ có một mình Sư mà thôi. Đã ở ngôi vị dưới, mọi việc của chúng đều đến, mỗi ngày Sư tự xay giã năm đấu thóc, gần đến sáu năm mà không một lúc nào Sư biếng lười. Đi chân không ba năm, mỗi ngày sáu thời theo chúng, thường mong được sai bảo. Tâm trong trắng chẳng theo ai, chứa nhóm đến bảy năm, siêng năng mới được toại ý.

Nghe ở Tinh Châu, có Thiền sư Toản nhóm chúng khai giảng, mở mang Phật pháp hưng thạnh. Sư dần đi đến Ky sơn, bèn tấn đàn thọ giới cụ túc, dần hồi đi đến Thái nguyên, quy hướng nương tựa Sa-môn Tuệ Toản. Niệm định là việc chính, lại kính mến Luật tông. Có Luật sư Nghiêm là bậc đức hạnh khuôn mẫu đáng quy ngưỡng, Sư bèn đến theo thọ học. Nhân đó mà trụ chùa Vô lượng Thọ, tức chùa Luật sư nghiêm đang ở. Từ đó, Sư chuyên nghiên cứu Luật Tứ Phần, đêm ngày chẳng

quên. Sư lại theo Luật sư Nghiêm đến Thạch Châu nghe học Luận Địa Trì. Trải qua thời gian dừng ở đã lâu, Văn Từ nghĩa chỉ thông suốt, đáp thuật nhận biết trước, càng tăng thêm Danh Thật. Có Viên Tú Tài ở U tổng, học theo Nho giáo rất có công phu, đến theo Sư học Luận Khởi Tín. Sư bèn vì Vạch bày mở phát tuệ ngộ, ôm giữ đức tin chẳng biến đổi. Nhân có Luật sư Kham đang dẫn đồ chúng giảng dạy hạnh nghiệp ở Lã Châu, Sư lại đến nương theo, nghe ôn lại những gì vốn đã học. Sau Sư về lại chùa y cứ thời khóa giảng dạy.

Khoảng đầu thời Tiền đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) ban sắc vì Luật sư Tuệ Mãn mà xây dựng chùa Nghĩa Hưng. Vì ngài (Đạo Lượng) vốn có Luật hạnh trong sạch, nên thỉnh Sư đến trụ ở đó. Nhân đó, Sư thường giảng dạy, trấn giữ đổi thay tập tục ở đời. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đến Bổn Châu, Thiền Sư Bị vẫn còn sống tại Loan Thành, vui mừng Sư từ xa về thăm hầu nên lập ra Luật diên. Sư lần lượt giảng dạy, tiếng tăm vang cùng Đông Hạ. Thính chúng có đến tám trăm vị. Mọi người đến thưa hỏi điều lợi ích ngày càng đông. Từ đó về sau, Sư thường mở Luật Phủ. Tính số lượng chẳng biết là số bao nhiêu. Thành giảng Học Sĩ có hơn bốn mươi vị. Sa-môn Pháp Hưng ở Tinh Châu, vốn xuất thân từ đó.

Đến nay niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đã bảy mươi bảy tuổi, hiện ở tại chùa Nghĩa Hưng. Đang trên đường mở mang giáo pháp. Có học sĩ Đạo Trụ, vốn sinh tại Thái Nguyên ở Tăng Quán thuộc Thượng Đông. Sư nghe học rất có công phu. Riêng giữ không quên, xem các chương trình sớ liền giảng nói được. Nay hiện ở chùa Kinh, thường luôn hoằng hóa.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Mân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu:

Thích Tuệ Mân, tự là Huyền Tố, người xứ Hà Đông. Chí tánh ngay thẳng, tiết tháo chẳng như đồng bạn, nhân ái trầm lắng vốn tự bẩm chất. Đạo vang khắp ba Ngô, danh truyền cùng bảy Trạch. Tánh ưa thích chỗ sâu lắng, thường ở nơi hang núi.

Năm chín tuổi, Sư xuất gia, siêng năng nghiêm khiết hạnh nghiệp, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, suốt năm tháng bèn được độ. Năm mười lăm tuổi, Sư nghe Pháp sư Quang người xứ Tân-la giảng Luận Thành Thật ở chùa Hồi hướng. Sư dẫn trước hỏi đáp, tài giỏi vượt cả huyền tân. Mạng che cả u tông, các bậc kỳ túc đều vui mừng. Năm mười bảy tuổi, Sư nhận thỉnh về quê cũ chùa Quang Hưng ở Hải Diêm, giảng Kinh Pháp

Hoa. Thính chúng nhóm họp đều tỏ bày điềm lành, có mùi hương lạ, chỉ búng ngón tay thường tụ kết giữa hư không. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư lại nương theo Luật sư Chí ở chùa Trúc Viên học Luật Thập Tụng. Văn từ nghĩa lý đều thông hiểu, cạnh đó thưa hỏi các bộ khác. Đến lúc Chí Công sắp thị tịch, ủy thác học chúng cho Sư. Sau khi việc tang đã hoàn tất, Sư bèn đi về hướng Đông đến Cối kê, vào đất Diệm đảnh lễ Thạch Phật, và đến các trường giảng ở Thiên Thai.

Vài năm sau, Sư về lại đất Ngô, trụ chùa Thông Huyền, nhóm họp đồ chúng giũa mài Đạo nghiệp. Suốt mười bảy năm, Sư chẳng bước ra khỏi cửa chùa, không nhận thỉnh riêng. Từ đầu đến cuối thường mặc áo vải thô, ăn dùng rau quả. Mọi việc vui buồn đã dứt bặt và bàn nói vui đùa cũng hết. Cuối đời Tùy, sụp đổ ly loạn, ở đất Ngô đói kém, các hàng tăng tục lánh nạn khắp đông tây. Sư bèn giữ lấy sự chết chẳng đổi dời, thiền tụng không nghỉ. Chim nhóm không phiền nhiễu, đàn thú chẳng náo loạn. Quan Tổng Quản Tô Châu nghe Sư vẫn bình an, bèn thỉnh Sư ra núi, nhưng Sư cố từ chẳng đến. Lại sai sứ mấy phen cầu thỉnh mà Sư không đến. Bấy giờ, Thứ Sử Lý Liêm, Tiết Thông, Vương Vinh v.v... rất kính trọng cúng hầu, mà Sư vẫn giữ chí gá ẩn, trọn ngày đau đáu. Văn Công thông xét, chẳng thể đoạt vậy, bèn rước Sư đến Cốc Hoa Đình ở núi Cán, xây chùa hành Đạo mấy năm. Đất ở đó thấp trũng, muỗi mòng rất nhiều, Sư lo sợ làm tổn thương chúng bèn sắp xếp việc di dời.

Đến thời Tiền Đường mở mang việc giáo hóa, Pháp sự rộng lưu bố, Sư lại vào núi Hải ngu ẩn cư hơn hai mươi năm. Mọi người từ khắp các phương xa đến cầu thọ học thường có hơn trăm vị. Đất ở đó thích nghi với cây Tử, Sư bèn khuyên gắng trồng vài mươi vạn gốc tùng, giúp công đức cho Tam Bảo ở tương lai. Đến tuổi trung niên Sư đến khe suối phía Nam, cất một am tranh, hai con thỏ một con hổ thân thiết ở chung, trong ngoài không hề lấn hại nhau. Đến như cầm thú thần kỳ đến xin thọ Quy giới. Trình bày những việc ấy không thể đầy đủ. Đô Đốc Tô Châu là Võ Dương Công Lý Thế Gia có gởi thư sai sứ đến thỉnh mà Sư chẳng đến.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Thứ Sử Giang Vương nhân dịp nước nhà độ người hành Đạo, bèn thỉnh Sư xuống núi. Giang Vương muốn thọ quy giới, dâng thí y pháp truyền các hương cúng. Sư bèn cố nhường các bậc Cao đức, chẳng nhận lấy một vật gì, từ giã trở về núi suối tiêu dao tự vui. Sư giảng các Kinh, luật, giới Bồ-tát, Luận Thành Thật số biến chẳng đồng nhau, với những bản luật xưa sớ cũ nếu có chỗ sót mất, Sư đều san định chánh bản mà truyền

bá. Sư soạn Bộ Thập Tụng Tư Ký mười ba quyển, Tăng ni hành sự hai quyển. Ni chúng Yết-ma hai quyển. Đạo Tục Bồ-tát giới Nghi Sớ, bốn quyển. Các vị học sĩ thọ nghiệp truyền hóa có hơn hai mươi người.

Đến ngày mười một tháng tám niên hiệu Trinh Quán cuối cùng (650) thời Tiền Đường, vào lúc sáng sớm, Sư thị tịch tại chỗ đang ẩn cư, thọ bảy mươi bảy tuổi. Trước đó ba ngày, có mùi thơm lạ lan tỏa khắp chùa, cả đại chúng đều lấy làm lạ bèn hỏi. Sư bảo: “Hôm sau ta sẽ đi, sinh tử là việc thường của con người. Sự sống ở đời vốn như mây bay, phải cẩn trọng chớ nên khóc lóc. Mỗi người phải nghĩ nhớ vô thường, sớm cầu tự độ. Mọi việc trong việc tang an táng, giới luật có nghi thường. bia chí trang sức văn từ, đều chẳng được làm. Nếu thực hành theo quyết biệt này, tôi đâu còn gì phải nói!” Đó chắc chắn lúc qua đời không nhiễu loạn, đáng gọi là Kiên Trinh.

Thử Luận bàn:

Từ khi Đấng Pháp Vương xuất hiện làm lợi ích cho đời, là muốn lắng trong hai thứ sinh tử, cắt trừ ba chướng. Do đó lập bày Đại giáo, bủa lưới khắp các dòng Hữu. Tuy là hoặc lụy tăng nhiều nhưng phát khởi chỉ do ba nghiệp. Tùy nghiệp mà lập giáo, ba học được đặt ra. Giới vốn là để ngừa quấy, xét hợp với Thân miệng. Định chỉ lắng trong loạn động răn bảo nguồn tâm. Tuệ để ngăn tà, tin rõ hết hoặc. Ba pháp cùng nương gá, nghĩa hình Thánh lượng. Cho nên trong luận nói rằng: “Giới như bắt giặc, Định như trói giặc, và Tuệ như giết giặc”. Giặc, nghĩa là phiền não hoặc nghiệp, không thể dứt ngay được. Công do dần dần hàng phục nên lập ra ý nhiệm mầu nầy. Chẳng ai không đủ giới, Định, tu sâu biết chướng hoặc. Bậc Minh Trí quán sát thấy rõ sự ràng buộc, Ngã đảo đã tiêu, các nghiệp chẳng nhóm họp. Suy về cội gốc thì tịnh giới là Công, nói về sửa trị thì Chánh tuệ là đức. Trải qua tốt lành hay sinh, đâu chẳng phải như thế, đó khiến cho năm thừa nương gá nơi Giới Đạo, các thánh gánh vác tuỳ ở đường ngã tư, ban phước lành nơi bốn loài, rộng tiếp nối lớn mạnh ở muôn năm. Nếu chẳng có giới đức thì lấy gì để đổi! Kể từ Kim Hà nhiều lời, bắt đầu tập Pháp tại Linh Sơn. Bấy giờ vâng theo hậu vị, Đạo trùm khắp nguồn, tuy là thiết giáo nhưng chẳng thường cùng nhau xét lựa khinh trọng. Nhưng từ khi Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ bắt đầu chia nơi kết tập thì năm bộ mười tám phái sau trăm năm, nêu bày đầy đủ ở truyện trước, bộ chấp v.v... tự rõ bày.

Vả lại, Luật tạng đã phân lâu, mới đầu truyền bá đến Đông Hạ thì Tát-đà-đa Bộ một bản Luật Thập tụng hoằng trì rất rộng, thật là do Luật sư Thanh mục mở mang ở thời nhà Tấn, Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô

Sơn xây dựng thành tông, Cừ Dĩnh phân lục làm mạng lộ, Hựu Viện vấy sóng nơi Thích môn, lắng một giang hoài không hai kính vâng, nhưng tiếc vâng thọ Luật Tứ phần, tuy phiên dịch từ thời Diêu Tần mà bắt đầu giảng dạy ở thời Nguyên Ngụy, là do Xích Tư luận chủ ban đầu mới tụng truyền, chưa xoay vần đàm trao, sau đó trở lại xứ khác, nên học chúng ở phương này chưa dứt bặt sự duy trì. Mãi đến thời các ngài Phú, Thông mới khai mở học tứ. Trong đời vua Văn Đế thời Tiền Tống có Di-sa-tắc Bộ chỉ một bản Luật Ngũ Phần mở dịch tại Dương Đô, do Ngài Giác truyền bá, ngài Sinh Nghiêm ghi chép. Văn rất nêu bày cốt yếu rất đáng truyền bá, các bậc tài giỏi không có ngày lưu đượm vị. Thật đáng buồn tiếc? Tuy nghe Hải Tân bày thuật, phần nguyện vạch từ, lên đó tìm cầu, danh thật trái lầm. Đáng tiếc Hoa Điển rỗng đạt đến Thần Châu. Ca-diếp-di Bộ chỉ một bản Luật Giải Thoát. Bản Phạm truyền bá đã lâu nhưng không người phiên dịch, chỉ lưu xuất giới bổn hiện truyền bá ở đời, các tụ, không khác với các tông khác, nên ở đời có câu ngạn ngữ rằng: "Vọng Tập riêng đủ Ngu Tùng". Bà-tha-la Bộ thì Luật bản chưa truyền, trong tạng thấy xếp vào Tăng-kỳ. Đó là do căn bản đại Chúng truyền, chẳng phải trăm năm năm tông phát sinh. Tổng cộng là năm Bộ chi phần thì Trung Quốc có được bốn Bộ. Nếu y cứ theo nhiếp ngọn về gốc thì hai Bộ là Tông chính, Trung Quốc cũng đã có được một. Ngoài ra các bộ khác phần nhiều là do các bậc Hiền Thánh ở Tây vực góp nhặt ghi chép hành sự. Trong đó, tụ loại tự phân riêng biệt, duyên tiếp nối khó bề xét, lựa nên nói lược về đó!

Nhưng mặt trời Tuệ đã lặng, dòng pháp trùm khắp. Điểm quan trọng của các hạnh không vượt ngoài kinh ấy. Xét nguyên do gá Tướng buộc tình, tâm sự dễ chuẩn. Động Tĩnh Khoa cứ thật hợp với oai dung. Phàm ngu vọng tập, thấy tướng hoằng Thiện, nên luật tuỳ duyên chế cuối cùng ít trái. Thử nhìn rõ các bậc khai sĩ giảng dạy dẫn dắt, hạng người minh đạt phụng trì, thấy tưởng rối vội cùng bày thần lược, Bộ khác Phế lập, lấy bỏ khó thường, Học Quán chưa bày dễ nêu mở khai bày. Vì sao mà biết? Vì như một pháp thọ giới cụ túc, vốn là nền tảng của ba Thánh, các bộ đều trình bày chỗ cốt yếu đầy đủ, có tướng theo nhau. Khác Tông hội hợp thọ sự loại, sao bày đang được sáng theo đồng vẫn khế hợp. Xét về đất của hành sự thì bộ phận Hương nhượng, thấu cùng nguồn của thọ giới thì tông quy về Luật Tứ Phần. Nay thì theo học bày tướng, chẳng mô phỏng theo khuôn phép trước, ức đoán thì theo, vọng tình thì gá. Có thể gọi là thầy trò dạy răn sai sót, dạy trao không có công phu, cũng là nguyên hạnh nói khác, cơ thấy hạn hẹp lẫn nhau.

Trấu tạp như thế hơn hai trăm năm. Há chẳng vì mất người truyền thông nên khiến tiếng tụng truyền nơi đất Trịnh.

Nay thì lẫn lộn một nhà, gồm cả đều thực hành theo tông của Luật Tứ Phần, nên được đầu cuối thọ tuỳ nghĩa, khó trái cách. Nhiếp hộ tuy rộng, nhưng nguồn ấy có thể tìm. Từ nơi bắt đầu giảng luật, Sa-môn hiệu Pháp Thông ở đời Vua Hiếu Văn Đế thời Nguyên Ngụy ở phía Bắc Đại mở mang giềng mối, miệng đọc truyền trao, là điểm vẻ vang ở thời ấy. Có Sa-môn Đạo Phú liền tiếp nối giềng mối của ngài Pháp Thông, ghi chép sớ giải thành sáu quyển, chỉ là Trưởng Khoa, còn như nghĩa cử thì chưa nghe ở đời. Thời bấy giờ, các Sa-môn Đạo vị còn thuần, lời nói và việc làm hợp nhau, hễ nghe điều gì thì vâng giữ điều đó, chuyên việc gá đức, chẳng rảnh mà cầu mong. Cuối đời Ngụy, đầu đời Tề, có Sa-môn Tuệ Quang là bậc Tông tượng Bạt-đà, là bậc sư biểu hoằng lý, lại tạo văn sớ rộng phân bày thuật. Học nói học nhìn trải liền như mây núi, hạnh sáng đức sáng vẻ vang soi tỏ tợ nhật nguyệt. Mỗi lần mở bày xiển dương thì dưới pháp tòa ngồi cả ngàn vị tăng, đua nhau cổ xúy Thanh ngôn, người phân khác biện, khắc thành pho quyển, gọi chung là Mạng gia. Nhưng mới đầu, ngài Tuệ Quang tu theo Định Tông, sau mới bắt chước theo nghi quỹ của Pháp luật. Huy du của Đại Thánh đều đầy đủ. Do đó, người đời khen ngợi người ấy, hạnh giải cùng suốt thật có chỗ theo.

Có các Sa-môn Đạo Vân, Đạo Huy và Pháp Nguyện là Tam tông Luật sư, nối gót truyền đăng, mỗi vị đều nêu Thanh giáo. Ngài Đạo Vân thì đầu tiên soạn sớ chín quyển, giảng nói cùng khắp ở đương thời. Môn nhân làm tỏ rạng cùng cả Đông Hạ. Kế đến ngài Đạo Huy soạn sớ lược bớt của ngài Đạo Vân hai quyển, yếu ước thật khéo léo, đi tất ít trái. Được ở phần lược bớt văn, nhưng mất ở phần mở trao. Nhưng ngài Đạo Vân mạnh mẽ đối với nghĩa Tông, bàn giải thật rộng, còn ngài Đạo Huy thì xét cắt Từ Tướng, Pháp Tụ suy cử, ở đời cólời ngạn ngữ rằng: "Đầu đuôi Tin xem xét phong cốt". Còn ngài Pháp Nguyện ở Phần Dương thì liếc xem hai nhà (Đạo Vân, Đạo Huy) ấy, lại mở ra từ hang cốc, soạn Sao Sớ chẳng giảm bớt so với trước. Xét nơi luật văn, phải quấy chính là đối với sự tướng, còn bởi chuyên gá vướng mắc u thông, hóa hành đều bít lấp, cho nên như thế. Ngoài ra, các bậc luật tượng như Sa-môn Hồng Lý, Đạo Hồng, Đàm Ẩn, Đạo Lạc, Hồng Tuân, Thâm, Đản v.v...hoặc đào luyện tại đất Trịnh Ngụy, hoặc mở lũy ở xứ Yên, Triệu. Hoặc dẫn dắt đến cả xứ Chu, Tần, hoặc vấy trần thấu cùng Tề, Lỗ. Không ai chẳng đồng quy về thuật của ngài Đạo Vân, ngang bằng ở đương thời.

Tuy lưu xuất ra sao ký, nhưng lược có thể nói. Ngài Hồng Tuân khai mở Nghiệp ở Quan Trung, thạnh hoằng dương ở Đế lý, kinh luật trao truyền cả hai, công phu ấy thật cao cả.

Bấy giờ, ở đời đang kính chuộng Luật Tăng-kỳ mà ngài Hồng Tuân chuyên thực hành Luật Tứ Phần, lên tòa trích dẫn, phán quyết suôn sẻ như dòng chảy. Những người kình địch mỗi lúc đến đều phải ngậm tên mà trở về. Nhưng Sư là một Thần Chí, Thanh sắc chẳng ai vượt hơn, do đó, nhân pháp đều kết quy, có thể gọi là hành đến khắp! Có Luật sư Trí Thủ được Sư giảng trao. Tông hệ rộng lớn, tham cầu càng sâu. Bấy giờ, gặp lúc mây sấm tiếp nối gồm cả Truyền hóa. Học chúng xa khắp, chế thuật toàn mong mỏi. Há chẳng rộng để trăm nhà cùng bắt chước một khuôn phép? Tuy muốn đặt bút mà không có từ nào để thông. Gặp lúc lại có các Luật sư như Sa-môn Pháp Lệ, Đạo Lượng, Đạo Hạnh, Phán, Thước,Thắng, Linh Tạng, Đạo Hưng v.v... hoặc Truyền Đạo ở Đông Xuyên, hoặc xướng lời ở Nam Phục. Trong đó, Cao Đế không vượt Ngụy Đô, soạn sớ mới thực hành tiếp nối thật ít. Ngoài ra thì Danh chiếm một phương, bởi không bút ký mà hóa thành gian nan ngăn trở, nhiều che lấp tâm ở đương thời. Đâu chẳng vì nên vùi lấp đó, chán ghét nghe sự mất mát ấy. Than ôi! Luật là Pháp mạng, mở mang thì mạng vẹn toàn. Nay không muốn mở mang thì chánh pháp ấy diệt, lại rất đáng buồn. Quán xét hai Tạng Định học, Tuệ học, Lý ở thông minh, một Tông giới luật bày tình buộc sự. Hạn cục Sự thì rối bày lẫn lộn. Trước sau khác điều, khai chế vừa duyên. Nêu bày làm sao chuẩn? Ngoài luận hai tạng, nghĩa lại ngầm thông. Thấu đạt hiểu biết tinh vi, gọi đó là Hội Chánh. Do đó, Trời, Tiên, Tiểu Thánh hợp cơ mà rõ Đạo. Thay nhau nói Tinh lý, mở sáng việc Tuệ đều gọi là Chí giáo, ấn định thành kinh. Nếu y cứ theo Luật tông thì chỉ vâng theo lời Phật dạy răn. Các Thánh lớn nhỏ đều chẳng vọng truyền dương. Vì sao? Vì, giáo hạn cục tại Nội chúng, khuôn phép thường nghi. Tăng Bảo kính vâng, trừ phi khuyên răn. Tự chẳng phải là ngôi vị cùng cực Chí Thánh, ai dám đặt để tâm. Do đó trong Văn kinh nói rằng: “Ta còn chẳng giao phó chúng tăng cho Thân Tử (Xá lợi Phất), huống gì người khác? Nên mọi sự chế định về khinh trọng đều vâng theo thành giáo. Giả sử như có người nghi hỏi, trở lại ủy thác Phật thông. Tuy có soạn luận rõ ràng, mà chẳng làm là khiến Di Ngôn tứ Mạng, giới là Đại Sư. Ba lần kiết tập Pháp Luân trước đều mở mang Pháp Điển ấy. Luận xưng là Pháp Thọ, há là luống dối ư?

Xưa kia, từ Hạc Thọ về trước, người hành trì luật rất nhiều. trong

đó, cao nhất, Ngưu Vương là người trước hết, do nghiệp trước chưa đổi thay nên dời đến ở nhà trời. Người kế đó, hiệu là Ưu-bà-ly. Năm trăm hiến công, phụng trì là trên hết. Đến nỗi khiến hơn bốn mươi năm. Hiến Chương trong bảy chúng tùy phạm khoa yếu, phần nhiều nhân diện kết. Còn như Trì Phạm, thông bít, nêu cử, trị nghi, đều khiến hiển dương, giao cho xét hộ. Tuy trải qua hai mươi bốn nương tựa, thông truyền khuôn phép chánh, mô phỏng lớp sau, phải noi theo văn ấy. Đến lúc tại Đông Xuyên mở khai giới nghiệp vào khoảng niên hiệu Gia Bình (249-254) thời Tiền Ngụy, mới mở rộng giới cụ túc. Từ đó về trước, Pháp chúng đều gọi là "Tức Từ". Thầy trò nghe rồi mới dời đổi tập tục vậy. Thực hành pháp Yết-ma thì nương chuẩn vào tông của ngài Pháp Hộ. Luận bàn về Bồ-tát thì phiên tụng giới của Luật Tăng-kỳ. Cương Giáo mới đầu tùy được vâng giữ, chưa có gì đáng lấy làm lạ. Vào thời Tây Tấn, chuyên pháp, ít thấm Cương Nhu. Tại Trung Nguyên tán loạn can qua, đua nhau tiếp nối. Ở Lạc Ấp điêu tàn, vị Âm hoang cháy. Chúng của Trúc Hộ Thanh Môn có thể cuộn mà ôm giữ, Đồ của Khương Tăng Hội, Hoàng Võ chưa đáng thâu thám. Lại vì Tôn Hạo khắc nghiệt, Nguyên Đảo bất nhân, đóng bít chùa, bày binh lính, giết tiệt tăng chúng. Bên cạnh Bình Thành cao còn phủ thây, đất xen Hoàng Hà Phạm tăng mất báu. Ném hài cốt chẳng chôn, Pháp luật sao thông?

Bấy giờ, gặp may có Di Thiên Thích Đạo An khôi phục, sắp bày lại nghi phạm, phép thường tăng chúng đều y cứ theo giới khoa. Binh lính đói khát giao đổi lẫn lộn, cương chế nghiêm mật, rộng như ở Truyện trước có nêu bày. Nên ngài Đạo An nêu cử ba chương, để cứu vãn cốt yếu ở đương thời. Nhiếp duyên thành cứu giúp được chuyên việc ấy. Chỉ vì giáo điển thiếu sót chưa được rộng rãi, phải nương gá sự truyền trao. Tỳ-nại-da Luật mới đầu do ngài Đạo An mở mang. Văn rất sơ giản lược, biết sơ về Đại Chỉ. Xét về Chánh thì thật là điều chưa từng nghe. Mở mang do người thì ngài Đạo An đáng nương cậy. Sau đó các Sa-môn Tuệ Viễn, Tăng Duệ, Nguyện, Dực đều tập thành môn phong. Ở hai Bang Tần Tấn, xướng minh Pháp hóa, thật do năng lực ấy.

Từ đó về sau, Nam Bắc chia thành hai, trú trì ngôi vị riêng. Mỗi miền tự trình bày, nêu cương mục, hỗ tương đề cử thanh đồ. Nên có Thê Hà ở Nhiếp Lãnh mở rộng tịnh địa, Linh Ẩn ở Thái sơn kiến lập giới đàn. Ứng cúng bày Tăng như nhạn bay, tiếp nối giới nghe mùa Hạ thì trở lại An cư, chính là việc ấy. Nếu Nhân Pháp đều ánh ngời thị hạnh giải phù hợp nhau, có ám muội thì mất tiệt cốt lõi. Bấy giờ, những vị không đức thì chôn vùi thần nơi đất. Nên trong đời có bốn hạng mê học.

Ở đây thử nêu lên, tưởng đáng quở trách: Hạng ưa thích Đại thừa thì chí chuộng phù hư, tình chuyên tham cậy, nên có bày gượng giới cương mà mất sủng oai nghi. Như thấy người vâng giữ giới luật thì xem thường, cho đó là Tiểu thừa. Với kẻ hủy phá tịnh giới thì coi trọng, cho đó là Đại Đạo, bèn dẫn lá vàng dụ cho là vàng ròng. Ngựa gỗ chẳng thể chạy xa, quở trách quất roi như quơ vào cỏ đất. Đều do hạnh thiếu sót nơi thân, bụi trần nhuốm bẩn cương lãnh, thẹn mình chẳng đạt được sâu, khinh mạn mình bị hệ lụy bởi nghiêm chế. Bèn xoay tình học Đại pháp, mở bày cõi lòng, lấn vết Thanh Văn, khen chuộng xiển dương Bồ-tát, thông tình thì sợ rơi xuống hang hố, bám lấy hiểu biết thì khúc mỵ nơi cửa cổng. Có tâm như vậy, chưa thể gọi là thường thông. Lấy đó mà cầu tâm thì tâm có thể biết. Sao chẳng rộng đọc pháp giáo Đại thừa mở bày đường tuệ, nêu dẫn Thánh ý có gá bụi trần ư? Do đó, trong Kinh Thắng-man có nói về khởi hành của người nữ. Vẫn biết Tỳ-ni là môn học Đại Thừa, nên chỗ rõ của đương thời là đủ tu của Sơ tâm. Chuộng biết Luật nghi tức Bồ-tát Tạng, huống gì thấu đạt lý giáo, hiểu hóa biết thần. Thấu hiểu chẳng rơi vào thượng Hiền, công hạnh sao thiếu sót ở hạ chúng. Chắc chắn hạnh (công phu tu hành) có trái, Giải (thấu biết rõ) chẳng phải Giải. được nói mà chẳng rõ nghĩa, bỏ trí mà theo các thức. Sinh tử không bến bờ, nên khó trình bày, hàng lưu tục thường ba lần soi xét mà lại thêm chín đợt nghĩ suy. Với hàng xuất gia thuyên giải bốn pháp nương tựa cùng tám đường chân chánh. Đè dập đó để đến là không đáng nói. Vậy nên biết Đại Giáo, Tiểu Giáo tùy tướng nhiếp tu, đều ở lìa đắm trước đâu chỉ ôm chấp. Nếu còn tính như thế thì không khác ngoại Đạo. Kinh Luận bán giáo, mãn giáo đều trình bày lỗi lầm đó. Thọ giới chỉ mà mở cửa hư nguyện, theo giới tức phải vâng chuyên thực hành. Biết thọ mà không rõ theo, tu nghiệp mà không hạnh ấy, thì đáng gọi là một cái bánh xe không thể lăn trên mặt đất. Chim gãy cánh sẽ rơi giữa hư không, đáng tin thay! Ở đời có những người khinh thường giới như thế, đều vì thân tâm phiền lụy, không rõ về Trì phạm,.. nên đồng khinh thường cho là Tiểu đạo, Tiểu thì có thể mất, nên liền xả bỏ, kính trọng tình nhiều, ngậm lời không báo. Thật vì nhiếp ngự học chúng, chẳng có giới thì không mở mang, khéo cùng trụ trì mà không giới cũng chẳng thể lập. Đó giống như đi thì phải qua cửa, nói phải có nguyên do. Nên Danh lợi sắp đến, tranh ngôi vị mà kiểm thúc dung nghi. Thầy trao khuôn phép tôn quý, bước đến đàn tràng mà sửa đai. Há chẳng phải tham quyết tình mạnh mẽ, kính giới như thầy. Hành bặt cương du, phó thác giới lấp đầy các hang ngòi. Chuyên chí ở nơi gốc độc, lấy bỏ khéo

tại thước tất. Dùng đó để mở mang cứu giúp, thật chưa dám nghe. Đó là mến Đại, ghét Tiểu, vì mê lầm một bên. Nếu có khả năng khóa chặt thân miệng, tựa tướng nhiếp trì, rỗng rang nghĩ biết, hiểu Đạo mến Đức, thì các Sa-môn Đạo An, Tuệ Viễn, Tuệ Quang, sẽ nhờ người ấy.

Các luận thế học các luận từ số phân khu, bên cạnh Đại thừa mà thông tắt với đường nhỏ. Gượng bỏ nôm gốc mà tìm chương cú, liền thời lắm giới chợt riêng sắc tâm, một hạnh cùng nhiếp của sáu lịch, Danh giáo có nhiều phức tạp. Hàng Thánh là ở nơi Đạo hạnh, Phàm học chỉ tại tên gọi. Do đó, đáp xét trọn đời rộng gồm từ nghĩa, xem thường giới răn, lấn phạm sắc thanh. Tà thuyết đầy nơi môi mép, tà cầu đầy cả cõi lòng, nghĩa là Bưng bát là độn đinh, gọi trì Bình là dựng tử. Cứ mỗi nửa tháng thuyết giới, chỉ bày lời thô, y bát thọ trì rất thành phiền toái, bèn tức điên đảo hình phục, trống sấm lời tiếng, dối lộng tôn nghi, xem thường kinh luật. Nên khiến y phục Pháp lạc thọ tịnh dứt bặt nơi thân, giới luật giữ gìn, sống ràng ở miệng. Đó há chẳng nghe đối với Bổn nghiệp hay sao. Biết nghiệp thì chẳng vậy, chỉ vì lửa cháy sáng ở đầu lưỡi, từng chưa tròn tâm ước. Ở đây thì tôn cao, khoe khoang coi thường nền gốc, vì mê cả hai. nếu có thể xét sâu, khiến tánh khéo biết hay sửa trị. Động niệm chỉ là sự đối đãi của Ngã nhân. Chỉ biết rõ Thần Thức thì chưa hẳn vị Thánh nào cũng đáng chú ý? Có Luận sĩ Tuệ Hưu dựng lập rất có tiếng tăm, nhưng ngài Chuyên Đại xét Tiểu, vọt bay thật tỏ sáng tốt đẹp. Lại có Hạnh phước mạt phàm, bẩm nhận trong trắng sơ dã, đọc rộng tụng nhiều, tình hiện đặc sáng, riêng lược về giới khoa, nghĩa là giảng sinh lệ chẳng như, thường uống thuần sữa no dưỡng tâm thần của ta. Ở chốn lặng lẽ u nhàn, có người nào hơn. Đó đều chẳng nghe giáo hạnh động việc nghi chậm, chẳng học thì không biết, tùy niệm mà giao tập. Do đó mỗi lúc giảng nghe thì chọn chỗ ngồi sắp xếp Chư tăng, đến chuyên nghiệp xét, người ấy chẳng bao nhiêu. Học còn không hiểu, huống gì chẳng học ư? Lông trâu sừng lừa rất là gần thật. Lại có Sa-môn Thành xây dựng chùa tháp, sửa sang ruộng vườn, tìm kéo các gỗ quý, chẳng nghĩ đến vật mạng, cháy lan, tưới thấm làm sao tránh khỏi sinh linh. Chỉ sợ phước nghiệp không thành thật, không có Từ tâm trắc ẩn, thì là chẳng nghe lời răn dạy của Đại Thánh. Thập Tụng tam tướng chính là ở người ấy. Hoặc có người cho là làm Phước làm tội, công và tội san qua sớt lại, đó là chẳng nghe duyên Luật cấm ban đầu. Duyên tu ở Phật đường mới chế Địa giới, ý tại tùy niệm nên nương tướng mà buộc tâm. Không phải chỉ sự nghiệp có lỗi vô ích. Nên ở đời những hiền sĩ tư duy mầu nhiệm, chuyên tĩnh lắng vời dẫn thật ít có, còn kẻ

xao động kinh doanh, chạy vạy thì rất nhiều. thô pháp dễ nhiễm, diệu lý khó mở, vì mê nơi ba cõi, nếu có thể y cứ vào giáo hạnh, chẳng vượt thường tình thì chỗ đồng của Hiền Thánh thật đáng mở mang. Còn như chùa Trừng có chín trăm Thần Đạo, ngời sáng nơi quận Triệu. Các Samôn Tuệ Viễn, Đạo Lâm chẳng khác giới Đức ở đời Tấn, đáng làm quy cách. Khách chuyên môn vâng giữ luật, trượng phu lập chí cứng rắn, rộng tụng giới duyên, biết sơ về văn cú. Khi lên ngồi đầu dẫn chúng mở mang nước mạn phủ tâm lại không y cứ học. Cho nên không nghe sự dạy răn trong sạch của giới luật trong sáng. Pháp Thân thành tựu đầy đủ mới khỏi thầy trò. Nay là dễ theo chỉ đủ, chưa nghĩ đến rộng giúp. Cá liếc nhìn mây Hán, Tước mừng nhảy tăng luân, chỉ có Luật sư ta, ngoài ra đều là bắt chước. Nhìn các Kinh Luận mọi việc đồng như ruộng đá, châm dáng cao danh ước đồng như cỏ Đề, cỏ bại. Biết pháp ở đời ít ai biện rõ về Huân du, mặc tình khoa trị, đúng sai lẫn lộn, khinh trọng do đó mà lường xử, họa phước từ tâm thần ấy. Mở lời thành hình, không còn che phủ. Truyền mà không tập, bị cửa Khổng xem thường, kinh thì bị nhà Phật quở trách. Đâu khác gì đọc sách Lễ mà còn cao ngạo, tụng Kinh Dịch mà sao nhãng âm dương. Khuyên gắng thay lời ấy! Khiến chung nên thỉ, chỉ vì gặp thời Tượng quý, giáo Pháp bạc bẽo. Luật bộ tà duyên, tông ngưỡng rất nhiều. Đều do vốn tìm học ngữ, nghĩa chỉ tụng văn. Lấy giấy hàng mỏng, đề roi ghi chép. Có thì y theo thuật, khuyết thì dứt lời. Nếu như có hơi khác lạ thì lấy thông không đường. Bèn nói Luật không chánh đoán, cho nên Thánh trước cho phép, bèn sinh khinh thường ở đời, xem nhẹ chương cú, uống nước ấm trái hạnh mà cho là Thanh Trai, chứa để tiền báu mà bảo là phạm nhỏ. Đồ ngồi không nhọc tiệt tịnh, Bát lượng chưa hẳn cơ chu. Đó đều là gượng nơi chì nhận, đổi lấy nghĩ bằng. Bốn sự mê ấy, nếu có thể rộng tìm các sách, xem đủ hành tạng, chước rót bốn ấn, chiếu dung ba chế, gặp cơ phẫu đoạn thì văn lý cùng theo, ẩn quát khắp bày thì vật ngã đồng hiểu. Nhiếp ngự chúng tăng như thế, ở đời có người ư? Tìm nơm của giới luật ở nơi Trì Phạm. Học của định tuệ thường chuyên ở Trị. Nếu trị được thì hoặc loạn sẽ tiêu. Nếu Định được thì Thần cơ trong sáng xa vời. Ngoài ra đều là chương cú phù du, đồng mất ánh trăng mà chấp lấy đầu ngón tay, khinh dối giáo tướng, đồng ngâm vịnh thuốc mà mê càng bệnh.

Nên, Luận là thử khai mở bốn học, trọn rơi bỏ hai mê. Không lời lấy gì đặt để văn từ, bày hoặc tâm sao hết. Nên trong kinh trình bày rằng: "Các thứ Pháp dụ đều do lìa chấp trước". Trong luật lại thuật rằng: "Nhất tâm thường vậy, niệm dứt các ngăn che". Cố nhiên lại ôm

hoài đầu mối dạy răn ấy, hơi có minh châm, đem dùng thể gương như dòng nước. Hơn nữa, lại rõ ràng ở sau.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 23A hết.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 23 B

CHƯƠNG IV: NÓI VỀ LUẬT

PHẦN CÒN LẠI TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG IV

(chánh truyện có bốn vị)

Mục ở bản không phải như thế này, nhưng xét thấy vừa thiếu vừa thừa so với bốn truyện hiện có, nên ở đây tạm nêu mục lục theo văn truyện hiện có, chứ không theo mục lục của Bản gốc.

1/ Truyện ngài Thích Đạo Trụ trụ chùa Diên Hưng ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Đạo Hưng trụ chùa Phước Thắng ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

3/ Truyện ngài Thích Minh Đạo trụ chùa Thiên Cung ở Lạc Châu, thời Tiền Đường.

4/ Truyện ngài Thích Đàm Quang trụ chùa Kính Ái ở Lạc Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Đạo Trụ trụ chùa Diên Hưng ở Kinh đô:

Thích Đạo Trụ, truyện nầy nêu đề là ngài "Đạo Trụ" mà nội dung đề cập nhiều về ngài "Đàm Sính". Có lẽ nói là Truyện Ngài Đàm Sính thì hợp hơn, Sư họ Phụ, người ở xứ Thỉ Bình thuộc Kinh Triệu. Cha của Sư tên là Nhậm, làm Thái Thú Thượng Đảng, nên ở tại Trưởng Tử. ngài tánh tình thông minh, ưa thích xa lìa. Năm 14 tuổi, gặp phải tang mẹ, ngài giữ chí Lục nga báo đáp ân khó cùng, vì mẹ mà xuất giá, chí thuần hiếu hạnh.

Năm hai mươi tuổi, Sư đến Tinh Châu, cầu thỉnh Pháp sư Ấn làm Hoà-thượng, được chấp thuận. Lúc đó Pháp sư Ấn đã tám mươi lăm tuổi, bảo Sư đưa đến cửa thành. Sư thấy có nhiều người mặc y phục mầu đỏ nhiều râu tóc đến đón rước v.v... Đó là chỗ phóng sinh của Miên Trúc,

nhờ đó được sống lại. Từ đó, Sư rộng khuyến hóa lập ao phóng sinh. Ở khắp các châu tạo lập hơn cả trăm chỗ, nay đều hiện còn. Lại nữa, thần Cam Đình ở Ích Châu oai lực nghiêm ác, ương phước lập ứng. Cầu nguyện mà dâng cúng các thứ máu thịt trâu dê thì khó kỷ. Bỗng nhiên thần giáng nhập vào thầy đồng cốt, nói muốn cho Ngài (Đàm Sính) thọ giới. Sư bèn đem tôn tượng Phật đến dưới tòa của thần. Khi ấy thần ảnh tự dời khỏi chỗ, hướng xuống dưới toà Phật. Ngài (Đàm Sính) bèn cho thọ giới. Từ đó về sau đến ngày húy kỵ chỉ cúng thức ăn chay tịch mà thôi. Sư lại đến chỗ Lưu Bị tiên sinh thọ giới, thần cũng đi theo. Do đó các chỗ thờ thần ở Thục Xuyên, nơi nào ngài (Đàm Sính) có đi đến thì đều cho thọ giới, đến nay cũng không bỏ. Vì thế mà các hàng tăng tục quy hướng về Sư.

Sư lại đến Huyện Bì thuộc Miên Trúc tu tạo một pho tượng lớn cao ba trăm thước, nay đều thành tựu, nên mọi điều mong cầu không điều gì chẳng toại ý. Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ tư (659) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi lăm tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương kính mến tiễn đưa đến ao phóng sinh. Trên đường đi trải qua ba cơn mưa lớn, mưa đều mầu trắng, vừa đến nơi an táng thì đất trời trong sáng.

2- Truyện ngài Thích Đạo Hưng trụ chùa Phước Thắng ở Ích Châu:

Thích Đạo Hưng, họ Lưu, vốn ở xứ Tần Châu. Năm khoảng tám, chín tuổi, Sư thường nghĩ đến việc xuất gia, bèn đến chùa tăng, chẳng chịu trở về, cha mẹ Sư sợ mất.

Năm mười chín tuổi, Sư nhất định đến chùa Đại Quang xin xuất gia. Tăng chúng rất xót thương. Cha mẹ Sư khổ tìm cầu mà Sư cố ẩn trốn lánh, tăng chúng giải thích, dẫn dụ, cha mẹ Sư liền chấp thuận cho Sư xuất gia. Bấy giờ, trong nước gặp lúc đại loạn, giặc cướp hoành hành, người chết chất như núi. Sư đang là Sa-di, nói với các đồng bạn rằng: “ Thân người khó được, giữ giới là bậc nhất”. Cha mẹ Sư bị giặc bắt dẫn đi cách xa thành đã sáu mươi dặm. Sư liều bỏ mạng tìm đuổi theo, đến nơi, mẹ Sư bị thương nhưng chưa chết. Giặc thấy thế bảo rằng: “vị tăng này thật là chí hiếu, đuổi tìm theo mẹ mà đến đây!”. Nhưng bà chưa chết, Sư bèn cõng mẹ trên lưng trở về thành. Mọi người trong thành đều lấy làm lạ, giữa đường giặc dã hung hiểm, vì sao mà trở về được. Sư lánh nạn tìm đến đất Thục, vừa tới huyện Hà Trì, gặp được Tán Hoàng Công chở che an ủi, dẫn đưa đến Lương Châu. Sư cùng một

vị Lão tăng đồng đi theo. Vị Lão tăng ấy có mười lượng vàng, bảo với Sư rằng: "Tôi có số vàng này, có thể mang đến đất Thục thì cùng chia nhau". Ngài bảo: "Đó là vật nguy thân, Phật lại chẳng cho phép, không thể cùng đi. Nếu không tin thì thiện ác sẽ có ứng nghiệm". Sư bèn bỏ mà sang đất Thục. Lão tăng ấy giữ vàng mang theo, vừa đi đến huyện Tam Tuyền, gặp giặc nên bị giết chết.

Khi đã đến Thục Xuyên, Sư đủ tuổi, bèn thọ giới cụ túc, thường hành trì hạnh Lan-nhã, Đầu-đà khất thực. Có Luật sư Trí Thuấn là bậc thông minh giảng tượng, Sư đến nương tựa nghe qua năm biến, bèn có thể đáp thuật. Sư thường có sự dị kiến, nên ngài Trí Thuấn rất lấy làm lạ. Sau, Sư lại đến kinh đô, dưới pháp tòa của Luật sư Trí Thủ trình bày Đại Nghĩa, như chỗ dẫn nêu riêng. Sau đó, Sư lại trở về Thục Xuyên, rộng nghe các kinh luận, chẳng để lỡ thời gian tấc bóng. Sư lại đến dưới Pháp tòa của Thiền sư Giang, thọ học Thiền pháp, lấy làm yếu thuật để răn trừng tâm.

Sau khi Luật sư Trí Thuấn thị tịch, Sư nối tiếp Luật diên, mỗi năm giảng tịch rất đông đảo, ba mươi hai lần đến thỉnh, Sư mới hứa Khai tông. Sư từng than rằng: "Phật Pháp dần tan, khinh mạn ngày một thêm nhiều. tôi chẳng dám khinh, do vì trọng pháp nên như vậy. Tức lấy ân cần trịnh trọng làm hạt giống của Pháp lành. Nếu không có hạt giống ấy thì chẳng do đâu gặp được ". Do đó, mỗi lúc giảng về Luật bộ và phát tâm Bồ-đề, ngài lấy đó mà khuyên chúng. Người nghe rơi lệ khóc nghĩ ân Sư dạy răn. Sư đợi chúng lắng tĩnh hết gào khóc, giây lâu mới bảo xướng văn. Như thế chẳng phải chỉ một lần. Mọi người khắp bốn phương xa tìm đến, chẳng kể chủ khách. Sư trông coi Đô Duy Na. Bấy giờ, Quan phủ cấp thiết không cho phép khách ở lại, các chùa không nghỉ ở được, mọi người đều tìm đến. Sư bèn vỗ về an ủi. Chủ chùa bảo rằng: "Y cứ vào phép Quan chế lệnh không cho phép, sao được nghỉ ở đó?" Sư bảo: "Quan không cho phép dung chứa kim khâu, lại riêng dung chứa xe ngựa, chủ chùa há chẳng nghe lời ta ư." Sư bảo: "Đây là Tam Bảo tôn kính thì được điều lành, ghét ganh thì chiêu cảm điều ác". Chủ chùa càng tức giận, trở về phòng, mắt nhìn áo ca-sa không thấy, lại đến Tam Môn Vương Gia hội, ăn cơm lại nói là ăn huyết. Mọi người thí dụ, rốt cuộc chẳng chịu ăn. Chủ chùa về lại chùa hướng về Sư xin sám hối. Sau đó suốt đời thực hành hạnh A-lan-nhã.

Bấy giờ, Quỷ lại làm não loạn, Sư bước ra giường dây, Quỷ thối lùi, Sư lại cho thọ Pháp Tam quy, rồi Sư về lạy Phật danh, quỷ cũng theo lạy. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Thanh

Thành Đái lệnh lại kính mến, muốn cùng Sư đồng ngủ qua đêm trong một phòng. Nửa đêm đang ngủ, bỗng nhiên kinh hãi chạy ra ngoài phòng, bảo rằng: “Thấy có một vị tăng mặc áo mầu đỏ cầm gậy đánh vào lưng hỏi “vì sao ngủ qua đêm ở đây?” Bèn lấy đèn rọi vào lưng, thấy có lằn vết như ba ngón tay lớn, có ẩn mầu đỏ. Nhân đó cầu xin sám hối lỗi lầm. Đang lúc Sư mắc bệnh rất nặng, nghe trong phòng nhà có tiếng nhạc, Sư tự nghĩ rằng: “Điều ta mong cầu vốn là thành Quả Phật, chẳng nguyện ở trời, người. Nếu điều nguyện chẳng luống dối thì các Quỷ loạn tự nên tiêu diệt”. Sư nói xong thì tiếng âm nhạc tự ngừng dứt. Từ đó Sư bèn lành bệnh. Sư thường đảnh lễ danh hiệu ngàn Đức Phật, mỗi ngày một biến.

Niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Pháp sư Huyền Trang đón rước Xá-lợi đến, bảo Sư cúng dường. Sư có được Xá-lợi rồi, bèn lập đạo tràng ở ngay trong phòng, phát khởi chánh nguyện rằng: “Nếu một đời hoằng truyền giáo Pháp và đảnh lễ ngàn Đức Phật trong Kiếp Hiền mà khế hợp với Thánh Tâm, xin phát ra ánh sáng!”. Đúng như lời Sư, trong phòng đều có mầu vàng ròng, các đệ tử đều cùng trông thấy. Đến ngày....tháng....niên hiệu Hiển Khánh thứ tư (659) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước Thắng, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Từ khi Sư nhập Đạo, hạnh tiết luôn giữ trong lòng. Ngày đêm thường ngồi, không hề nằm một chút. Sư chưa từng đến chợ, không thọ nhận lợi riêng. Ngoài việc khất thực, Sư chẳng ra khỏi cửa chùa, chẳng cưỡi trên mình loài vật, chẳng mặc đồ phi pháp. Ngũ tượng ở Ích châu rất kính trọng Sư.

3- Truyện ngài Thích Minh Đạo trụ chùa Thiên Cung ở Lạc Châu:

Thích Minh Đạo, họ Diêu, người ở xứ Ngô Hưng. Nhân làm Quan tại Hấp Châu, bèn dời nhà đến ở đó. Từ thuở nhỏ, Sư đã hiệp nhã điều, chẳng hợp bọn với chúng bạn. Cuối đời Tùy tán loạn, cha mẹ Sư đều qua đời. Sư phát tâm xuất gia, ý muốn Hộ Pháp. Ngay đó, Sư tìm theo giới đức của ngài Di-lặc.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đi đến Trần Châu, gặp được sắc ban tuyển chọn độ tăng chỉ ba mươi vị. Vì tiếng tăm đức hạnh của Sư vang khắp đã lâu, bèn ứng kỳ tuyển chọn ấy. Tuy vinh hạnh được chọn, nhưng ý Sư vẫn để đó. Sư bèn than rằng: “Xuất gia hoằng pháp cứu giúp, mục đích là hành Đạo, đâu thể vì Danh thật mà bó buộc vướng mắc ở một phương!”. Sư bèn đi xa, lìa bỏ chùa

vũ. Sư đến dưới pháp tòa của hai Luật sư Thước và Pháp Lệ, bẩm thọ sâu mầu, chưa đầy một năm mà tiếng tăm trội vượt. Nhân đó hai thầy bảo Sư đáp thuật, Sư tuôn nhã thấu đạt không sót. Học chúng bạn Đạo không ai chẳng suy tôn kính mến. Từ các chùa kết giận kiện tụng cho đến các hàng tăng tục kéo xin Sư giải quyết, đến lúc Sư ra mặt nhã lời thỏa phục, mọi người đều ngợi khen Sư khéo thấu đạt phương tiện không tranh cãi. Đó đều là do năng lực suy nghĩ của Sư.

Niên hiệu Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường, đạo hạnh Sư đã sớm ngời sáng, vâng sắc ban riêng trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô. Đến niên hiệu Lân Đức thứ nhất (664) thời Tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) tạo tượng Lão Tử, ban sắc đón rước đến Mang Sơn, bèn ra lệnh tại Lạc Hạ Văn vật khắp bày. Bấy giờ, Trưởng lại Hàn Hiếu oai vọng cậy Thiên oai, hoàng cân mê hoặc, riêng bảo tăng ni đồng phải đón rước. Hàn hiếu dùng oai lực buộc tất cả hai mươi hai huyện trong các châu bộ tất cả năm chúng đều nhóm họp về Lạc Châu. Mỗi người cầm phướn lọng cùng ngày đều cử. Sư đứng giữa chúng, bảo rằng: “Phật giáo, Đạo giáo từ trước đến nay cách nhau. Tà Chánh phương vì khác nhau vốn tự sai biệt. Vì sao hợp tạp hùa theo trích dẫn? Đã không có riêng ban sắc của Vua thì không dám vâng mạng”. Hàn Hiếu Oai tức giận bảo: “Đó là Đạo nhân nào mà dám chống Quốc lệnh như vậy?” Bèn sai người tước cởi áo Ca-sa của Sư. Sắp thực hành lệnh cấm, Sư bảo: “Ca-sa có sắc độ mới được mặc, chẳng có sắc lệnh không được vọng cởi. Không sắc lệnh buộc chúng tăng đón rước Đạo giáo, đó là trái với Quốc mạng”. Hàn Hiếu Oai tức giận bảo: “Đạo nhân nào không đón rước Thiên Tôn thì bước ra”. Sư liền đứng dậy một mình. Khi ấy, tăng ni đồng một lúc đều sang đứng ở chỗ Sư. Hàn Hiếu Oai tức giận bảo: “Đạo nhân muốn phản ư?” Sư liền bảo với Quan nhân cả lục tào rằng: “Trường lại vời tất cả tăng ni xướng phản, đó là Trưởng lại tự phản, chúng tăng không phản, phải báo với Ngự sử”. Sư cùng tất cả tăng ni v.v... cùng một lúc đổ ra, Hàn Hiếu Oai mệt mờ lo sợ bước xuống thềm cúi đầu, hổ thẹn tạ lỗi mà ngừng. Việc chống ngự như thế ở cuối đời ít có.

Nhân chúng tăng nhóm họp thử chọn độ người. Chùa Thiên Cung bày trai thực để cúng dường, quá nửa ngày mới đến. Trong chúng tăng có người chẳng lường xét thời gian bèn lấy mà ăn. Sư bảo: “Các Đại đức đều là nơi Phật Pháp nương cậy, là mẫu mực của Thiên hạ. Ăn phi thời mà còn đối trước người tục mà ăn. Các vị trái với pháp luật, hiện cái duyên tướng pháp diệt, mạo phạm đến Thánh Phàm đến như thế”. Tăng chúng đều hổ thẹn. Nhân đó Sư lấy nước trong súc ruột hơn một

tháng chẳng ăn. Sư buồn thương chánh pháp điêu tàn chìm đắm cùng cực. Các hàng tăng tục tha thiết khuyên cầu, Sư mới ăn dùng bánh. Lấy đó để lường. Nên các bậc Hiền sĩ vì hộ pháp chẳng đoái hoài thân mạng của mình. Ở đời chỉ có được Sư mà thôi.

Năm nay Sư đã ngoài sáu mươi tuổi. Các bậc anh đạt khắp xứ Đông hạ đồng một lúc đều nhóm họp. Sư ở giữa chúng thanh tịnh rất là cao xứng.

04- Truyện ngài Thích Đàm Quang trụ chùa Kính Ái ở Lạc Châu:

Thích Đàm Quang, họ Trương, người ở xứ Biện Châu. Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư khiết chí sống đúng với khuôn phép. Những nơi có đồ chúng tốt đẹp, không đâu Sư chẳng đến. Sư đến ở nơi hai Luật Sư Pháp Lệ và Thước thọ học Thành giáo. Mãi đến tuổi ba mươi, Sư rất thông hiểu Luật tạng, mạng tông Chương Nghĩa là chỗ kính trọng. Ngài Pháp Lệ khen rằng: “Khiến Đạo pháp ta lưu tỏa ở Hà Hữu, thật là người này!”. Sư lại đến chỗ Pháp sư Ngọc nghe học Kinh Pháp Hoa, Địa Luận. Cao đạt thắng thừa, huyền lý quyền thật thản nhiên. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tướng ở Tung nhạc học pháp tu Chỉ Quán. Nhân lắng bặt trần cấu não phiền, không bó buộc bởi danh lợi.

Gặp lúc ở Đông Đô thạnh đức, cần phải có vị Trú trì. Vì Sư là người vốn có giới đức, cảnh hạnh khó ai bằng, nên Vua ban sắc mời Sư đến trụ chùa Thiên Cung. Lại vì giáo thọ mới thành, đồ chúng đều nhóm họp. Những vị đảm nhậm cương quản chẳng phải người thì không truyền. Nhân đó, Vua lại mời Sư làm Thượng tòa ở chùa. Sư dẫn dắt vỗ về tăng chúng thanh tịnh, chẳng sửa đổi mà thành. Nhưng sự trầm ái của Sư thật từ xưa nay ít có người được như thế. Các bậc Luật học khắp bốn phương, không ai chẳng đến thưa hỏi. Nên nơi phòng nhà của Sư, môn nhân kề vai giẫm gót, thành tựu những điều nêu lên, xa gần vâng thừa. Có Luật sư Quân Độ ở chùa Tây Minh rực rỡ nêu cử một thời tuấn kiệt, cũng từ chỗ Sư mà tiến tới.

Hiện nay là niên hiệu Lân Đức thứ hai (665) thời Tiền Đường, Sư đang giảng dạy tại Đông Đô, thầy trò cùng dẫn đạt, càng được kính trọng.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 23B hết.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 24

CHƯƠNG V: HỘ PHÁP

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG V

(chánh truyện có sáu vị, phụ có bốn vị).

1/ Truyện ngài Thích Đàm Vô Tối trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô thời Đông Ngụy.

2/ Truyện ngài Thích Đàm Hiển sống bất định ở thời Bắc Tề.

3/ Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỵ Thế núi Chung Nam, thời Bắc Chu (Tuệ Tuyên).

4/ Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô, thời Bắc Chu (Tuệ Tuấn, Tuệ Cảnh, Bảo Quý).

5/ Truyện ngài Thích Tăng Miễn trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu, thời Bắc Chu.

6/ Truyện ngài Thích Tăng Mãnh trụ chùa Vân Hoa ở Kinh đô, đời Tùy.

1- Truyện ngài Thích Đàm Vô Tối trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô:

Thích Đàm Vô Tối, họ Đổng, người ở xứ Võ An. Sư là người linh ngộ thấu suốt sâu mầu, thấm đượm huyền bí. Thuở thiếu thời, Sư bẩm thọ đạo hóa, tiếng tăm tỏa khắp triều đình, thôn dã. Là vị tướng tốt của Tam Bảo, là nước vàng nóng trong thời Tượng pháp. Sư phúng tụng kinh luận, giữ vững Luật Bộ, riêng yêu thích Thiền-na, tâm rỗng tĩnh lặng. Bấy giờ, Sư thường hành cấp dẫn, mọi người đều suy tôn. Sư kiêm thông suốt cả Huyền nho, rất giỏi Luận đạo, nên khiến bảy chúng trông nhìn vết trần mà im lắng mọi ồn náo. Sư nhàm chán tình đời, sắp bỏ bốn bộ, hành thí dạy răn cứu giúp phần nhiều lấy giới cấm làm đầu, phát động căn cơ chúng sinh, tin dùng như mây bủa.

Sư từng thuyết giới chùa Sùng Tông ở Hàm Đan. Đồ chúng có hơn ngàn vị, đều thường theo học môn. Đến ngày ba mươi tháng tư, lúc Bồ-tát hành trù (phát thẻ) y cứ theo vị thứ mà trao nhận trù, thường tính đến ngoài thì có hơn sáu mươi mốt vị. Sư ngồi ở đầu tòa rất lấy làm lạ, đã không có chúng bên ngoài, suốt đêm Sư hoài nghi. Đến sáng sớm kiểm lại. có người thấy từ phía tây thành Hàm Đan mà đến, đều là những vị Đại đức khác thường, y phục ngay ngắn, dáng vẻ khoan thai. Cũng có người thấy từ mặt phía Đông núi cổ mà đến. Hoặc có người gặp ở giữa đường, đều bảo là: “Đi đến chùa Sùng Tôn nghe tăng thuyết giới”. Vài người tiết lộ cung cấp tin như thế, xét về tuổi tác, nhân số ít nhiều đều hợp đủ sáu mươi vậy. Cho nên biết Đạo hợp Thánh tâm là khiến u linh từ xa giáng đến. Quần ẩn Trúc Lâm rõ chẳng phải vọng tiếp thừa. Đức của Sư đượm hợp Thích tông thường vẻ vang ở đương thời.

Về sau, Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô. Chùa đó do Thanh Hà Văn Hiến Vương Dịch xây dựng. Hiên vũ rộng rãi vây quanh đến ba dặm. Sư giỏi mở mang dẫn dắt, khéo thông đạt các Kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm. Tăng chúng có hơn ngàn vị, thường hành trì Đạo nghiệp không biếng trễ. Có Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chi người xứ Thiên Trúc thấy Sư bèn kính lễ, gọi Sư là “Đông Đô Bồ-tát”. Và thường xem đọc Bộ “Đại Thừa Nghĩa Chương” do Sư soạn và luôn búng ngón tay ngợi khen là hay, đồng thời phiên dịch thành tiếng Phạm gởi truyền đến Đại Hạ. Ở phương ấy, những vị đọc xem đều hướng về phía Đông kính lễ tôn xưng Sư là bậc Thánh! Và thường lấy đó làm chính trong việc hoằng Pháp.

Niên hiệu Chánh Quang thứ nhất (520) thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thêm triều phục đại xá, thỉnh các vị Sa-môn và Đạo Sĩ vào điện. Sau khi thọ trai xong, Thị Trung Lưu Đằng tuyên sắc “thỉnh các vị Pháp Sư v.v... cùng các Đạo sĩ luận bàn Đại Nghĩa”. Bấy giờ, Đạo Sĩ Khương Bân ở Thanh Đạo Quán đối luận với Sư. Vua hỏi: “Phật và Lão tử có sinh đồng thời chăng?” Khương Bân nói: “Lão Tử đến phía Tây giáo hóa người Hồ thành Phật, Phật làm thị giả. Có Văn xuất xứ rõ ràng ở “Lão Tử Khai Thiên Kinh, y cứ theo đó tức là đồng thời”. Sư hỏi rằng: “Lão Tử sinh đồng thời với Vua nào? Năm nào đến Tây vực?” Khương Bân đáp: “Lão tử sinh đêm mười bốn tháng chín năm thứ ba (604 trước tây lịch) thời vua Định Vương nhà Đông Chu, người làng Khúc Nhân, ấp Lệ, huyện Khổ, quận Trần, nước Sở. Đến năm thứ tư (582 trước Tây lịch) thời Vua Giản Vương (Cơ Di) nhà Đông Chu, giữ chức Thủ Tạng lại. Đến năm thứ nhất (519 trước tây

lịch) thời vua Kính vương (Cơ Cái) Nhà Đông Chu, lúc đó Lão Tử đã tám mươi lăm tuổi, thấy nền Đạo đức nhà Chu quá suy sụp, bèn cùng Tán Quan lệnh y Hỷ đi về hướng Tây đến giáo hóa làm người Hồ, y cứ theo đó thì rõ". Sư bảo: "Đức Phật sinh ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn (977 trước tây lịch) thời Vua Chiêu Vương (Cơ Hạ) nhà Tây Chu, thị tịch ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm mươi hai (924 trước Tây Lịch) thời vua Mục Vương (Cơ Mãn) nhà Tây Chu. Tính từ ngày Đức Phật nhập Niết-bàn trải qua ba trăm bốn mươi lăm năm mới đến năm thứ ba thời vua Định Vương (Cơ Du), là năm Lão tử mới sinh. Sinh đã tám mươi lăm tuổi, tức đến năm thứ nhất thời Vua Kính Vương là đã trải qua bốn trăm năm mươi năm. Lão tử mới cùng y Hỷ trốn đến Tây Vực. Như vậy thời gian năm tháng cách nhau quá xa, há chẳng phải sai lầm ư?" về niên đại trên đây không được chính xác khi tính kỹ lại. Khương Bân nói: "Khổng Tử chế pháp bậc Thánh, đương thời Phật không có Văn ghi chép hay sao?" Sư bảo: "Họ Khổng có ba Bị Bốc Kinh, Văn từ của Đức Phật phát xuất từ trong bị. Kiến thức của nhân giả đồng như ống trúc mà nhìn chẳng được rộng xa, làm sao có thể thấu đạt được". Vua bảo Thượng thư lệnh nguyên Hựu tuyên sắc Đạo Sĩ Khương Bân luận đối không có Tông Chỉ, nên bảo xuống khỏi chỗ ngồi. Lại bàn luận về "Khai Thiên Kinh" do ai nói ra? Trung Thư Thị Lang Ngụy Thâu, Thượng Thư lang Tổ Oánh đến Quán lấy kinh. Thái úy Tiêu Tống, Thái Phó Lý Thật, Vệ úy Lý Bá Đào, Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan, Tán Kỵ Thường thị Ôn tử Thăng v.v... gồm tất cả một trăm bảy mươi người đọc kinh xong, tâu rằng: "Lão tử chỉ soạn năm ngàn lời văn, ngoài ra không có ngôn thuyết. Theo sự bàn nghị của chúng thần v.v... thì Khương Bân phạm tội mê hoặc quần chúng". Khi ấy, Vua phạt tội cực hình đối với Khương Bân. Tam Tạng Pháp sư Bồ-Đề-Lưu-Chi tha thiết can ngăn, Vua mới thôi và đày đi Mã ấp.

Sở học của Sư vô cùng tài giỏi, vẻ vang tiếp nối trong Ngụy Sử, sách vở rất nổi tiếng lan khắp các nước, khiến các hàng Đại Nho Triều Sĩ đều hạ mình quy y. Phật pháp Trung hưng chỉ có Sư khai mở. Không rõ về sau Sư thị tịch ở tâm.

2- Truyện ngài Thích Đàm Hiển sống bất định ở thời bắc Tề:

Thích Đàm Hiển, không rõ Sư là người xứ nào. Cuối đời Ngụy, Sư đến trụ quanh vùng Nghiệp Trung, tạm dừng ghé ở chùa tăng, không nơi cố định. Mỗi lúc nơi nào có pháp hội thì Sư có bước đến, và đều hỏi thông liễu nghĩa ẩn văn. Ngoài ra thì tự xướng dài, tán thuyết, liền bỏ

đến giảng hội khác. Mãi về sau, ngài thấu hiểu đến mật lý, nêu bày ở tại nghe. Người đương thời do đó mà lấy làm lạ. Nhưng nhìn hình nghi của Sư thì ăn mặc lam lũ, dung tướng chẳng sạch sẽ. Sư lại thô tháo nên mới đầu không ai đoái hoài, chỉ có Pháp sư Thượng Thống rất rõ biết sự nhận biết sâu xa của Sư, riêng ban cấp các vật dụng để Sư điều lượng uống ăn. Hoặc có lúc Sư bị mê nằm bên vệ đường, có khi lại trong sạch vượt trội, sửa sang thần khí.

Đến đời Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) thời vận nhà Bắc Tề hưng thạnh. Vào niên hiệu Thiên Bảo (550-560), Phật giáo và Đạo giáo đua nhau cạnh tranh hơn kém. Gặp lúc Đạo Sĩ Lục Tu Tĩnh vọng thêm lắm sự xuyên tạc, đặt ra nhiều trai nghi buộc ràng rất tốn phí, trong ý muốn các hàng vương giả vâng giữ. Cũng gặp thời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) nhà Nam Lương mở vận, niên hiệu Thiên Giám thứ ba (504), Vua ban sắc phế bỏ Đạo giáo. Tự tay Vua soạn sớ, văn từ rất khắp cùng. Lục Tu Tĩnh không dằn nỗi sự tức giận ấy bèn cùng môn nhân và những người ở vùng biên giới làm phản vào đất Bắc Tề, lại dốc hết vàng ngọc cấp tặng các hao tốn đi đường. Dùng việc cấm kỳ để giúp phục hưng Đạo Pháp. Vua Văn Tuyên Đế bị mê hoặc, mới ban sắc mời các Sa-môn cùng với Đạo Sĩ bàn về Đạo thuật. Khi đó các Đạo Sĩ chú nguyên cho y bát của các Sa-môn hoặc bay lên, hoặc chuyển động, hoặc chú nguyện cho rường cột ở các nơi nằn ngang, đứng dọc trên mặt đất. Các Sa-môn chẳng từng học về các phương thuật bèn im lặng không đối đáp gì. Các hàng sĩ nữ đua nhau ồn náo, mọi tầng lớp sang hèn thay đổi tâm tư, đều cho đồ chúng của Lục Tu Tĩnh là cao siêu. Lục Tu Tĩnh mới cao giọng khoe khoang huyễn hoặc Đạo thuật, nói rằng: "Thần thông quyền bày để đè bẹp sự khinh thường. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện. Nay mới thử nêu chút thuật mà đều từ khuất thối lùi, việc như vậy cũng đủ để thấy biết". Vua Văn Tuyên Đế bảo Pháp sư Thượng Thống sai người thi đấu với Lục Tu Tĩnh. Ngài Thượng Thống bảo: "Phương thuật là kỹ nghệ nhỏ mọn, hàng Tục nho còn xấu hổ với cõi lòng, huống gì là với người xuất gia ư? Tuy nhiên, Thiên mạng bảo thi đấu với nhau, đâu được không nói, bây giờ hãy sai vị tăng ngồi ở dưới cuối cùng để đối đáp". Bấy giờ, Sư đang ngồi ở sau cùng say mèm trong cơn vui chén, mọi người cùng đỡ lên tòa. Nhân đó, Sư đứng cười. Cả chúng đều lo sợ, nhưng vì ngài Thượng Thống sai bảo nêu không ai dám có lời ngăn cản. Ngài nói với các Đạo Sĩ rằng: "Vừa rồi khoe bảo ta hiện thuật một thì cùng hiện đến hai, điều ấy rất đáng có". Và ngay trên tòa, Sư đứng một chân, bảo rằng: "ta đã hiện một rồi, các ông hãy hiện hai

đi”. Các Đạo Sĩ không một người nào đối đáp. Sư bảo: “Vừa rồi chú thuật khiến các y vật bay lên là các ông thử thuật”. Sư bảo đem y bát của Thiền sư Tăng Điều đến và bảo chú thuật vào đó xem. Các Đạo Sĩ chú thuật đều không lay động gì cả. Vua Văn Tuyên Đế sai mười người nhấc lên, cũng vẫn như cũ không lay động. Sư nắm y đặt lên trên các xà gỗ vẫn điềm nhiên không ứng nghiệm gì. Các Đạo sĩ nhìn nhau thất sắc, còn cho rằng biện luận là hơn, bèn bảo rằng: “Nhà Phật tự xưng gọi là Nội. Nội tức là nhỏ. Gọi Đạo gia là Ngoại, ngoại tức là lớn”. Sư liền ứng tiếng bảo rằng: “Vậy thì Thiên tử ở trong (Nội) thì nhất định là hàng thứ nhân nhỏ”. Lục Tu Tĩnh cùng đồ chúng đồng ngậm miệng không nói được thêm lời nào. Vua Văn Tuyên Đế ngồi nơi tòa tự nghĩ nên ẩn tàng chăng? Đồ chúng Đạo sĩ ấy ngay ngày hôm đó đều bỏ tà theo chánh, cầu xin Sư tế độ, người nào chưa phát tâm thì Vua ban lệnh cho cạo tóc nhuộm áo. Nên người bị chém đầu chẳng phải một. Những người tự xưng là Thần Tiên, đều bước lên Tam Tước Đài, và bảo hãy tự nhấc mình bay đi, tất cả đều rơi xuống đất. Ngụy vọng ngay đó bị hàng phục ban sắc chiếu rằng: “Pháp môn không hai, Thật Tông chỉ một, cầu ở đường chánh, vắng lặng làm gốc. Đạo giáo cúng tế rượu là giả vọng trong đời, người đời chưa tỏ ngộ mới tôn sùng cầu kính. Men rượu Hoàng Bá là mùi vị thanh hư. Nao náu quá trưa là ngọt ngon. Từ bi xa cách hẳn. Trên khác với nhân từ, dưới trái với phép cúng tế. Nên đều cấm bặt chẳng được vâng thờ. Phân ban khắp xa gần, khiến đều nghe biết”. Còn các Đạo Sĩ quy phục đều giao cho Chiêu Huyền Đại Thống Thượng Pháp Sự độ cho xuất gia, có nói rõ như trong Biệt truyện. Bấy giờ, khắp xứ Bắc Tề đều nhất tâm kính thờ Phật. Trong nước không thờ hai tôn giáo. Mãi đến thời vận nhà Tùy dần dần Khai tông. Đến nay tại Đông Xuyên tiếp nối còn rất ít.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) có lời rằng: “Đạt hóa hộ trì dung thông còn nổi tiếng ở thời nhà Tần, nhỏ vì đạt đến xa. Ngài Đàm Hiển nổi tiếng công lao ở thời Cao Tề, biết được người khó thay! Ngài Thượng Thống suy lường về phong cốt thì như chân ngựa giỏi vượt xa ngàn dặm. Khác đời cùng giá cưỡi, dùng dung mạo mà lấy người. Mất đó từ xưa, thì nhọc trang sức đen vàng. Tại sao có thể kháng đối ư? Ngài Đàm Hiển rốt ráo là người phóng đạt lưu tục, thầm trốn giữa người đời, không biết ra sao.

3- Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỵ Thế núi Chung Nam:

Thích Tĩnh Ái, họ Trịnh, người xứ Vinh Dương. Sớm nêu vinh dự

thế tục, vì ôn nhuận mà nổi tiếng. Thần khí Sư giản dị nổi bậc ngoài vật. Vừa mới là Thư sinh mà rộng chí kinh sử, những bậc tài giỏi trong giòng họ Trịnh đều lấy làm lạ mà bảo là " Người làm hưng thạnh dòng tộc ta chính là đứa con nầy!". Sư cùng các bạn đồng hàng đi đến chùa, trông thấy hình vẽ địa ngục, Sư ngoái lại bảo các bạn rằng: "Kỳ lạ thay! Xét về nghiệp lý nếu hẳn như vậy thì ai có thể trách khỏi sự khốc liệt này?" Bèn gượng trái lời tha thiết can ngăn, cha mẹ Sư không thể đoạt hẳn chí khí, bà con giòng tộc cố giữ, mà Sư quyết xé lưới ái buộc ràng, tình phân như đá. Bèn một mình đến chùa Ngõa quan, nương theo Thiền sư Hòa được xuất gia. Lúc đó Sư vừa mười bảy tuổi.

Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư tiếp thừa kính ngưỡng luật nghi, hộ trì trong sáng đào luyện, rất được mọi người đương thời kính trọng. Sư lại đến chỗ Pháp sư Cảnh, nghe học Luận Đại Trí Độ. Chỉ một lần nghe qua mà thần trí tỏ ngộ, mở thoáng nhiều lớp sâu kín. Sư lại y cứ theo những hiểu biết trước, bèn rõ là lạm thuật. Ngài đi khắp đất Tề, thưa hỏi những vị biết luật, các trường giảng luận, đường Sư chóng tỏ bày qua lại, từ lệnh rõ ràng cao nhã, lý vượt trong sáng, đều lược không thừa tiếp dẫn dắt, trọn đời sống trong phiền lụy. Sư bèn tự vỗ vào tim, bảo rằng: "Ta sinh năm bất hạnh, gặp thời năm trược hỗn loạn, mất nơi vật bàn luận, được điều xem thường. tới lui chỉ hang núi, có thể bước xa chăng?" Bèn tâm miệng cùng buồn đuổi ảnh nơi Tung nhạc, tìm gồm các kinh luận để quên ngủ nghỉ. Nhưng đối với bốn bộ Luận Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận và luận Thập nhị môn, Sư rất có tâm kính chuộng. Ngoài ra thì gom nhặt Dị tông, trở thành thông chiếu. Sư nói năng thì văn vẻ như lụa tảo chuỗi nối châu liền, viết lách cũng thảo hành thông suốt nhau. Cao được đời kính trọng, ít chỗ không tốt lành. Sau, Sư tự tỏ ngộ rằng: "Trau chuốt văn từ trái với lý thật, thảo thật thì loạn chân. Há rong ruổi quên trở về, chẳng nghĩ trừng ngãi ư?" Từ đó Sư thệ nguyện đoạn dứt. Chỉ vì mở lối đường đi về hướng Đông và thưởng vị nghe trước. Sư sợ nhuốm vào bến tà, hối hận ở học muộn. Lại đến núi Bạch Lộc, xa trông xem Hoàng Lão, rộng đường nhiếp thọ. Trang Tuệ lừa dối ngự nêu luận ngụ ngôn, không được mến chuộng.

Nghe có vị Phạm tăng - người Tây-trúc là bậc thạc học cao hạnh người đời không thể lường biết. Đi về hướng Tây đến Hàm Dương, Sư cầu đạo tình mạnh mẽ, vui mừng với sự thấy nghe. Riêng qua quan ải, năm lìa nóng lạnh. Đã đến Vị âm, chưa kịp rửa chân, Sư liền tỏ bày thaam yết cung kính. Xưa nghe nay thấy, thấy nhiều hơn nghe. Cổ xúy mở mang, vốn thưa hỏi không chỉ. Sư bèn trầm mình trong hàng ngũ,

đào luyện hiểu biết xưa cũ, hoang phế nhường trốn, ít người biết ta, dồn nén mười năm, thấu đạt số cùng thông, hiểu rõ lý nhân duyên. Gá tiết tại núi Chung Nam, có chí muốn trọn đời ở đó. Mây mốc gió trăng che mờ quên trở lại. Núi ấy tên là Tỵ Thế, Sư gá nương đó mà thưởng vị tĩnh lặng, chỉ một giường dây dưới hiên, không có am nhà, sương lửa điều tiết, dứt bặt mọi tạo dựng, Sư kêu gọi số người bị bệnh cùi đến, đem chí lý mà dạy bày cho họ, cung cấp cho họ. Mỗi ngày đến ăn. Tuy gặp phải máu mủ dàn dụa, khóc lóc mà không nhờm gớm. Do đó các hàng muốn Tức tâm tìm đến nhóm kết trong rừng, Sư đem nghĩa phương mà trao truyền chỉ dạy. Học chúng rất đông đúc. Ở núi vốn không có nước, cần dùng thì phải uống nước khe suối. Có lần trong đêm tối, vị thị giả đang đứng hầu Sư, bỗng thấy một con hổ đi lại phía trước đưa chân bới đất rồi bỏ đi. Đến sáng ngày ra xem, dần thấy đất thấm ướt, bèn sai người đào bới thêm, tự nhiên có dòng suối vọt lên. Từ đó không còn phải xuống khe suối, nếu cần nước thì lấy ngay đó mà dùng. Nay chính là suối Hổ, ở bờ núi Tỵ Thế thuộc Cốc Tích.

Sư lập thân nghiêm kính, đạt giải vượt khác thường. y cứ nơi núi rừng mà giảng dạy đồ Chúng. Sư chuyên giảng bốn bộ luận trước. trong ý Sư với sự truyền trao là vui cùng dẫn lợi. Khuôn phép của Sư nói pháp, thì đối với người có tâm tôn kính mới diễn giải cho nghe. Hẳn nhiên khiến bảo học Chúng chắp tay cung kính, ân cần trịnh trọng, trải qua thời gian mới toại ý. Sư bèn bảo đem giường dây thiết đặt chung quanh, cung kính cùng ngồi xong, Sư từ từ lấy quyển luận văn, tự tay trích lấy một câu một kệ, nêu bày giải thích lấy sự tỏ ngộ. Nhìn lại hỏi thính chúng đã hiểu rõ như thế nào, khiến họ phải thấu đạt ý, ngài mới tiến đến bài kệ sau. Nếu có người chưa hiểu, Sư lại trình bày. Hằng ngày, Sư giảng pháp nầy, không hề biếng trễ. Sư thường tự tỏ bày rằng: "Bởi tôi nhàm chán giáo pháp, khinh mạn giáo pháp, nên sinh nhằm đời không gặp Phật. Dù nghe được lời di giáo nhưng tâm không kính tin vâng giữ, nên thường có tâm tấm tức, cuối cùng phải rèn luyện thân tâm này. Có lúc thử buông lung, chỉmuốn thật tâm làm điều ác. Có lúc nhiếp niệm, chỉ mong giả tu điều lành, như thế chẳng gọi là an thân, như thế chẳng gọi là thanh tâm. Cho nên ràng buộc chính mình mới dạy răn người được, thật chẳng phải chánh kiểm, nhưng ở trong đời mạt pháp, căn duyên phần nhiều tương tự, nếu ai nhàm chán phiền khuất thì phải ở, người chẳng từ cụ nghi thì lìa bỏ đây". Sư khai ngộ mê mờ, khuyến khích cố gắng đều giống như thế.

Có Sa-môn Trí Tạng thân tướng mạnh mẽ, trí tuệ thấu đạt, rất có

tiếng tăm. Vác hai thạch lương thực đến núi hỏi Đạo. Nhân thấy oằn nhánh chuyền cây, đùa tự xứng thân, tình cờ bị Sư trông thấy. Ban đầu, Sư không quở trách bảo ngưng, ba ngày sau, Sư mới gọi đến mà trách rằng: "Trong bụng thức ăn của người khác, sao được liền đùa bỡn? Nếu tự nuôi dưỡng như thế, thì gọi đó là chó hai chân." Ngài Trí Tạng khóc lóc sám hối lỗi lầm, nhưng ngài (Tĩnh Ái) không nhận lại, bèn bảo xuống khỏi núi.

Sa-môn Đàm Diên và Đạo An, ở đời tôn xưng là "Huyền môn nhị kiệt" (hai người tài giỏi trong nhà Phật) là đảnh lọng ở đương thời, danh đức đều cao quý. Đến lúc luận về giáo thể thì tranh cãi do đó phát sinh, bèn thưa hỏi Sư để lấy phán quyết. Sư khước nhường từ chối giây lâu mới khai tan cho. Cả hai vị kia tâm tình cùng vui vẻ, bất chợt mà rất mực kính lễ, mỗi gọi người qùy một chân mà thưa rằng: "Đại Sư thấu hiểu như trời soi xét, nên ở nơi Đời mà dẫn dắt. Nay chỉ làm cho tự tâm mình tốt đẹp, tan đức nơi suối đá, chưa thấy khả năng ấy!" Sư bảo: "Đạo qúi ở hành dụng, chẳng ở lời nói. Tôi xét quán thời cơ tiến thối, cho nên ẩn cư cầu chí." Về sau có sự cố, Sư vào thành rồi về lại nơi rừng chầm.

Vào thời vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) nhà Bắc Chu, Đạo Sĩ Trương Tân dối trá xem thường vua, mạo phạm thêm nơi vinh hạnh ân sủng, thầm đưa đẩy Đạo giáo lên trong ý muốn phế dẹp Phật giáo. Đã tha hồ nơi cửa tía, ruồi bay ở nhà vàng, cùng vị tăng trước kia là Vệ Nguyên Tung môi mép xứng hợp. Vua tinh ngộ sáng xét, bên trong nóng bừng bề ngoài giả bộ ôn hòa, mời chư tăng vào nội cung suốt bảy ngày đêm lễ sám, muốn đích thân trông thấy tội đã phạm, mong tỏ bày giữa Điện những lỗi lầm. Bấy giờ, chư tăng đã thầm biết nên đều vội đến. Vua cũng suốt bảy đêm cùng chư tăng không ngủ, vì chư tăng phúng tụng và tu các pháp sự. Tiếng kinh suốt bảy đêm vang vọng, không lời nào chẳng trong lành tốt đẹp. Pháp sự xong, Vua đặt bày trai hội, trình bày bổn ý. Có Pháp sư Mãnh là người khí điệu cao trội, đích thân chống kháng yếu chỉ của Vua, lời nói rất kích thiết. Mọi người đều sợ ương lụy vào thân, Vua chỉ thuật lại nỗi lòng, không hề tha thứ. Sư nghe thế mà than rằng: "Đỏ tím lẫn lộn, hạng cuồng triết giao xâm đến thế, có thể khiến cho năm chúng chia lìa, bốn dân điên đảo lầm hoặc thay!". Sư lại bảo: "Ăn dùng gạo thóc của nhà Chu, uống nước nhà Chu. Ăn quả dâu mà ngậm tiếng, sao không báo đáp ân đức? Lại là đệ tử Phật, đâu thể thấy sự đắm chìm này mà ngồi đây hình hài an nhiên tự tĩnh. Thà đại tạo ở thời Tượng Mạt, phân mâm thịt ướp nơi Đạo chích". Sư bèn đi tất

đến nơi cung quyết, dâng biểu văn nêu lý cáo xích. Được dẫn lên điện, Sư đưa tay xướng lời rằng: "Ý tôi đến đây có hai việc: Một là Báo đáp Từ Ân của Tam Bảo, hai là đền trả đức dày của Đàn việt". Và Sư xin dẫn kinh luận Tử sử, Truyện ký, bàn nói chánh nghĩa, chứng cứ hiển nhiên. Từ sáng sớm đến giờ ngọ, nói không lời nào chẳng đến, rõ ràng lý không thể phá diệt. Lời qua tiếng lại đối kháng như nước chảy. Từ ngữ mạnh sắc cứng rắn không nhiễu động. Trăm quan cận thần thay thế lo sợ, nhưng Sư thần khí vẫn tự nhiên, không trở ngại phong thái trắng trong. Vua Võ Đế tuy thỏa thích với Văn từ nghĩa lý ấy, nhưng tâm hủy diệt đã quyết. Đã không nghe lời can ngăn, cũng chẳng đuổi đi, nên Sư lại đến trình tấu rằng: "Phật và Đạo, tà và chánh, người pháp lẫn lộn, tức có thể dùng sự mà cầu, không phiền Thánh lự. Tình Bệ hạ hẳn không riêng ẩn, đục trong phải phân rành. Xin đem đặt vạc dầu ở giữa sân điện, lấy Nhân pháp của hai tông mà nấu. Bên nào không hại được thì vẫn đứng yên, có thể biết!". Vua khiếp sợ lời nói ấy, bèn sai dẫn Sư ra. Bấy giờ, lại có Sa-môn Đạo Tích ở Nghi Châu lại ra can ngăn, Vua đều không nghe lời. Ngài Đạo Tích bèn cùng đồng bạn cả thảy bảy người đến trước tôn tượng đức Phật Di-lặc, lễ sám bảy ngày. Đã chẳng ăn rồi đồng một lúc cùng qua đời.

Sư biết Đại Pháp sẽ bị diệt, không thể hơn nổi sự bạo ngược ấy, bèn dẫn môn nhân hơn ba mươi người vào núi Chung Nam, khắp đông tây xây dựng hai mươi bảy ngôi chùa, nương gá nơi núi non hiểm trở, giúp chư tăng lánh nạn còn được niềm tin sâu xa. Sau khi pháp diệt, Vua bèn phá hết chùa phật của Quan, của riêng khắp các vùng Đông Tây từ quan ải đến núi non đã được tạo dựng đời trước trong vòng hai trăm năm trở lại, quét đất sạch hết. Nạo gót thánh tượng, thiêu đốt kinh điển. Bốn ngàn ngôi chùa miếu ở khắp tám Châu Võ, Cống v.v... đều tặng cho các Vương Công, sung làm vườn nhà. Chư Tăng ở ba châu giảm còn ba trăm vạn đều trở lại lầm quân dân, trở về với biên hộ. Của cải ruộng phước Tam Bảo, vô số sổ sách đều đưa vào Quan, liền để thưởng phí, phân tán sạch hết. Mới đầu từ tháng năm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Chu, thực hiện bạo ngược tại Quan Trung. Họa ấy đã chấm dứt. Đến ngày mười lăm tháng sáu năm đó, Vua bãi triều. Có Kim Thành Công Nhâm thị Bộ ở tại chỗ tri phủ cùng mọi người chung quanh quanh nhìn lên trời, bỗng thấy năm, sáu vật tung bay giữa hư không ở đường chim. Vật lớn ở trên sát với mây xanh, lớn bằng mười hộc tròn, rồi dần dần nhỏ lại và biến mất. Ngoài ra vài vật nhỏ lại bay thấp dưới, mầu vàng nhạt, cuộn duỗi giữa hư không tương tự như lá phướn không

chân. Ngày đó trời trong khí lắng, mảy bụi chẳng động, chỉ tăng thêm hơi ấm nóng mà thôi. Nhân đó Nhâm thị Bộ đi đến Đông Quan phủ vườn đất Đạo Kinh, nhìn về hướng Bắc thấy trên vách tường có quyển sách mầu vàng trải dài trên lùm bụi gai. Khi đến thì thấy là Kinh "Maha Bát-nhã" quyển mười chín. Hỏi về nguyên do. Đáp là từ trên trời bay xuống, rồi rơi ở đây.

Bấy giờ, Tam Bảo mới bị hoại diệt, hình pháp lấn lướt, lược bày liên tịch của quan, Nhâm thị Bộ bèn cất giấu trong tay áo, đem về giấu kỹ trong hòm sách. Mãi đến lúc nhà Tùy mở vận, chuyển ra thâu nhận lấy Ký Châu, mới bảo Sở Bộ Tùng Sự Triệu Huyền viết lời tựa rằng: "Có Cư Sĩ thanh tịnh kính tin đang là Quan cụ nên thân bị ràng buộc trong tục lụy, mà tôn kính Pháp lý, tinh cảm Minh linh thần hóa điềm ứng ấy, bèn khiến các Bộ kinh bay lên, uốn lượn trên cao, riêng có một bộ gió cuộn trở lại, như quạ đỏ giáng xuống. Các kinh bay đi tức ý chỉ rõ không ở trong đời xấu ác, còn kinh trở lại là biết người lành sẽ nhóm họp. Ứng với điềm lành như kia, thánh trước như thế. Hoàng Đế triều đại nhà Tùy ta ra chấn tiếp thừa mạng trời lại bày cầm sắt. Thân gần nơi cửu phục, tự thân rảo cùng, tám xứ phế hoang. Biết Tam Bảo là chỗ đáng kính tin, hiểu bốn loài hẳn không bền chắc, vua bèn ban lệnh khắp trong nước sửa chữa thanh tịnh các chốn già-lam. Là muốn khiến trong thời tượng pháp chan hòa đồng như ở Xá-vệ, Tăng-ni quanh quẩn trở lại Hà Đề. Đặc biệt vì kinh tượng này là minh linh hiển trước. nếu chẳng tự chứa nhóm gốc lành thì làm sao có thể được như thế? Cảm sự tiêu biểu tán dương, truyền tỏa hương thơm cho đời sau!".

Mới đầu, Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu nhận biết chí khí mãnh mẽ của Sư, vui mừng muốn được trông thấy, bèn ban sắc các quan Tam Vệ hơn hai mươi người tuần rảo khắp núi, tìm kiếm y gia Đạo nhân, bảo là: "Trẫm sắp lên ngôi vì Thượng Khanh cùng trị vì Thiên hạ!" Sư vốn ở nơi núi sâu ẩn, tìm tông vết không được. Sau, Sư lại đến hang cốc Tích ở núi Thái Nhất ngầm trốn. Thấy Đại pháp bị bỏ phế, các hàng tăng tục không nơi nương tựa, thân bị bắt giữ buộc ràng, không có khả năng cứu vớt, Sư bảo với đệ tử rằng: "Tôi sống ở đời thật Vô ích, sắp muốn xả thân nên báo rõ trước!". Ban đầu, chúng không bằng lòng, kính mến muốn theo Sư để nghe pháp. Sư bèn mở xem các kinh điển Đại, tiểu thừa, soạn ra "Tam Bảo tập" hai mươi quyển, giả khởi chủ khách, nhóm họp để dứt trừ nghi tình. Dè nén, nâng bốc, bay liệng, nằm phục, Văn nghĩa rộng khắp, mở mang khen ngợi Đại thừa, làm tỏa sáng ở đời tượng pháp, và ghi chép mọi sự thấy biết như chỉ trong lòng

bàn tay dễ thấy, mong cất giấu ở các hang động, ngõ hầu đời sau trở lại hưng thịnh!

Từ khi Sư vào Đạo, chuyên thực hành pháp môn Đại Từ, đãy hoa gấm da không một lần mặc qua, chỉ mặc áo vải bố cho đến trọn đời. Sau, Sư nhàm chán thân tình, bèn một mình nương tựa nơi hang riêng. Sư bảo vị thị giả xuống núi sáng mai phải lên sớm. Sư bèn ngồi kiết già trên tảng đá, để lại một chiếc áo trong, tự điều thân thịt phân cắt từng mảnh để ra trên đá, kéo ruột treo lên trên cành cây thông, ngũ tạng đều đưa ra ngoài trông thấy, còn lại gân thịt tay chân đầu mặt đều chặt ra hết, và chỉ còn bộ xương nguyên hiện, dùng dao cắt quả tim, hai tay bưng lấy mà tịch. Vị thị giả trong tâm kinh hãi trọn đêm mất ngủ, sáng sớm chạy đến, còn thấy Sư chấp tay bưng giữ quả tim, mặt xoay về hướng Tây, những vết thương nơi hài cốt không một giọt máu, chỉ thấy sữa trắng chảy tràn ngưng đọng trên đá. Bèn chất đá bít lấp bên ngoài để liệm. Lúc đó nhằm ngày mười sáu tháng bảy niên hiệu Tuyên chính thứ nhất (578) thời Bắc Chu, Sư thọ chỉ bốn mươi lăm tuổi.

Các đệ tử Sư đều rất có tiếng tăm ở đương thời, đầy đủ như trong các Biệt truyện. Người thị giả gần gũi hầu Sư là Sa-môn Tuệ Tuyên. Nội ngoại giáo điển đều thông hiểu, đặc biệt rất có chí lực, đau xót chẳng kính ngưỡng được ngọn núi đã đổ, buồn thương rường cột gãy hoại không nơi nương tựa, cho nên kể lại sự tích Sư, lập bia nơi tháp.

Về sau có người hỏi Đạo, nghĩ nhớ đến Hiền giả, vào núi kính lễ, men theo các sườn núi hiểm nguy, mới thấy Sư viết di kệ ở vách đá. Đề rằng: "Ban đầu muốn dùng máu để viết, bổn ý chẳng cho là biến thành mầu trắng, tức mà Nghiệp Ma chẳng toại ý. Do đó dùng mực đen mà viết văn này!

Cùng tất cả các vị hữu duyên tại gia cũng như xuất gia, hoặc là Nam hoặc là Nữ, thảy đều khéo sống trong Phật pháp, chớ sinh tâm lui sụt. Nếu lui sụt tức là mất lợi ích lớn. Tôi vì ba nhân duyên mà xả bỏ thân mạng này: Một là thấy thân có lắm lỗi lầm, hai là không có khả năng che chở giữ gìn Chánh Pháp, ba là muốn chóng được thấy Phật, đồng với các bậc thánh xưa, nên nêu bày kệ sau:

Thân không ích lợi
Ghét phiền công người
Phanh hình trên đá
Tán thể mé thông.
Trời, người, Tu-la
Thần núi, thần cây

Có người cầu Đạo
Quán tôi bỏ thân
Nguyện cho chúng sinh
Thấy hài cốt tôi
Thuyền lớn phiền não
Đều bị đắm chìm.
Nguyện cho chúng sinh
Nghe tôi bỏ mạng
Thành tựu Thiên nhĩ
Rốt ráo Bồ-đề
Nguyện cho chúng sinh
Lúc nghĩ nhớ tôi
Báo thân này bỏ
Bốn Đại lạnh lùng
Suối rừng lắng tuyệt
Hang núi không lời.
Thí khắp chim thú
Cho đến côn trùng
Ăn thịt uống máu
Đầy đủ gốc lành.
Nguyện tôi tương lai
Mau thành Thiện Thệ
Thân tâm tự tại
Cần phải cứu giúp
Thân này dơ uế
Thấp hèn đãy phân
Chín lỗ thường chảy
Như bờ đê rỉ
Thân này đáng chán
Không đáng ngắm nhìn
Da mỏng chứa máu
Cấu bẩn bụi đầy
Thân này hôi hám
Giống như chó chết
Ba sáu (36) vật hợp
Chẳng từ hóa sinh.
Quán thân bẩn này
Vô thường gian hán

Tiến lùi chẳng khỏi
Gặp phải kiến, ruồi
Thân này khó giữ
Có mạng hẳn nộp
Chồn chó gặm ăn
Trọn thành giòi trùng.
Trời, người Nam nữ
Tốt, xấu sang hèn
Lửa chết thiêu đốt
Tạm thấy như sấm
Sư chết lấn người
Oán trọng các oán
Tôi lấy làm thù
Thề dứt cội nguồn
Thân này chẳng vui
Tráp chứa rắn độc
Bốn đại vây quanh
Trăm bệnh giao nhau
Tên là nhóm khổ
Rừng già, bệnh, chết
Thân tâm nóng bức
Nhiều các lỗi lầm.
Thân này không Ngã
Vì chẳng tự tại
Không thật tính rộng
Phàm phu chấp chặt
Lâu dài mê hoặc
Vọng trái sai sử
Tan mất gốc lành
Súc sinh đồng chết
Xả bỏ trăm ngàn
Huyết sữa thành biển
Xương chất núi lớn
Tương lai gấp bội
Chưa từng lợi ích
Luống chịu cần khổ
Không lợi chúng sinh
Không ích cho Pháp.

Chịu đau xả thí
Công dụng vô cùng
Thề không lui sụt
Lìa ra (04) bốn vực.
Bỏ thân uế này
Nguyện sinh Tịnh độ
Một niệm hoa nở
Chỗ Phật Di-đà,
Chóng thấy mười phương
Chư Phật, Thánh hiền.
Lìa hẳn ba ác
Chánh Đạo quyết định.
Thành tựu năm thông
Bay đi tự tại
Cây báu hưởng pháp
Chứng Đại vô sinh
Pháp thân tự tại
Chẳng dứt ba cõi
Trừ hết đạo ma
Hộ Pháp làm đầu.
Đầy đủ mười Địa
Thần hóa vô phương
Đức trùm bốn thắng
Xưng niệm Pháp Vương.
Nguyện xả thân này rồi
Sớm được thân tự tại
Pháp thân tự tại rồi
Nơi nơi trong các đường
Chỗ nào cũng lợi ích
Hộ pháp cứu chúng sinh.
Lại nữa, Nghiệp sẽ hết
Pháp Hữu vi đều vậy.
Ba cõi đều vô thường
Lúc đến chẳng Tự tại
Kia giết và tự chết
Trọn về chỗ như thế
Người Trí chẳng ưa thích
Nên phải nghĩ như vậy

Các duyên đã vận đến
Nghiệp hết ở ngày nay!"

4- Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô:

Thích Đạo An, họ Diêu, người xứ Hồ Thành thuộc Bằng Dực. Sư tỏ ngộ lý mầu, sớm nương tựa pháp môn, tánh học không thầy cố định, nghe đâu có giảng Đạo thì đến. Thêm vì, Sư điềm đạm tĩnh lắng, ngưng tâm thắng cảnh, khiêm nhường nghiêm túc, động tĩnh có độ lượng. Sư phán quyết thì bạn đạo học thiền không ai chẳng kính phục. Sau, Sư ẩn cư tại núi Thái Bạch, ẩn trong suối rừng, nung chí kinh luận, nghĩ trội định sâu, tuệ nghiệp tỏa khắp. Bên cạnh, Sư xem đọc tử sử lược trải qua đại cươn, thần khí ngài cao sáng, tiết tháo thanh bạch sâu xa.

Từ khi tấn đàn thọ giới Cụ túc về sau, Sư kính chuộng Kinh Niết-bàn, lấy đó làm Giáo điển Di Quyết, thông hiểu về luận Đại Trí Độ, để nuôi dưỡng nền tảng mở mang Đạo Pháp. Nên dưới thời Bắc Chu, tại Vị Tân, Sư ở mang hưng thạnh hai Bộ ấy. Sư lại bàn luận dạy răn lẫn nhau, không để thời gian luống qua. Sư ở tại chùa Trắc Hổ, lấy việc hoằng pháp làm chính. Các hàng sĩ tử ở chốn kinh đô thường đến nương để lắng trần. Nội ngoại giáo điển Sư đã thông hiểu, đặc biệt lại giỏi về Văn chương. Mở lời đặt bút đều hợp với Tài hoa, mà phong vận sơ thông, nhã điệu rõ ràng đơn giản. Giữ lễ kính tôn, nhân từ trùm khắp triều đình quan quý, nên các bậc Nho tể vinh đạt Đạo Sĩ nổi tiếng thường ngày đến bàn luận, đều phát tín tâm. Nên được nghĩa lưu thiên hạ, cỏ rạp nương theo.

Đầu thời Bắc Chu, Họ Võ mở thoáng trong thanh, trong ngoài đều yên phước, Vua từng ngồi kiệu đến kính lễ Sư. Đạo Sư tỏa sáng làm tông sư mọi vật, ngồi trấn cao quý, khiến Vua đến ngồi dưới đất, Sư vẫn an nhiên giảng nói như thường, Sư bàn nói chánh pháp, văn từ chẳng liên quan đến việc đời. Các hàng công khanh bên cạnh chú ý trông nghe vui mừng. Đến lúc thọ trai bữa trưa, Sư bảo bày biện thức ăn. Vua sắp cầm đũa bèn thưa rằng: "Đệ tử nghe nói người thế tục không được cùng ăn với chư tăng, vì sao Pháp sư đem tội lụy đến người?" Sư bảo: "Trong Phật giáo có quyền có thật, luật chế có khai có già. Vua, giặc, ác thần đều cùng cung cấp. Bần Đạo y cứ theo pháp mô phỏng thực hành, lý chẳng phải luống". Vua nói: "Xét lời như vừa nói thì chẳng Phật ý, chỉ sợ tổn hại đạo chúng. Lại cùng tặc thần đồng một chỗ ngồi, thật không tham dự". Liền ban sắc sắp đi. Sư lại luận bàn các Pháp khác, không hề

để ý. Đó là Cao lượng ở cuối đời.

Sau đó, Vua ban sắc thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Trung Hưng, thêm lễ đặc biệt riêng. Vua đến Nam giao, mọi Văn vật đều hoàn bị, các Đạo Sĩ Đồng Quán ra đông đầy giữa đường cái. Vua ban sắc riêng cho Sư, bảo xem coi nghi cụ lễ bộ của Thiên tử như thế nào? Sư đáp: “Bệ hạ vì dân nên xuất hiện, bần đạo vì Pháp nên chẳng ra”. Vua nghe mà búng ngón tay ngợi khen hồi lâu. Sư có năng lực soi xét tỏ ngộ khác người thường, Đạo phong đức hạnh lan xa. Tự lập hình nghi bình chuẩn, giữ đạo tự vâng hành, đại loại đều như thế!

Sư có bạn đồng học là Sa-môn Tuệ Tuấn, là người nổi tiếng khắp xứ Bắc Chu. Ngài Tuệ Tuấn họ Chu, người ở xứ Tam Nguyên thuộc Kinh Triệu. Bình thường Sư chẳng hề học sách, tai nghe qua liền tỏ ngộ. Hễ nghe một lần thì không quên, mãi ghi nhớ trong lòng, lưu lược khắp Nho Thích, bàn nói như suối tuôn. Các hạng người công kích, bén nhọn đông đúc như rừng. Một hôm, Sư đến chỗ Ngài (Đạo An) đang giảng Kinh Niết-bàn, Ngài (Tuệ Tuấn) bèn đặt chương bày hỏi, Sư đối đáp qua lại mãi đến chiều tối cũng chẳng hết Văn. Sáng sớm mai lại hỏi, Ngài (Tuệ Tuấn) hỏi vặn rất tinh bạt. Ngài (Đạo An) tùy tùy lời mà dứt trừ, nhưng người nghe cho là không tiếp nối lời hỏi vặn. Ngài (Tuệ Tuấn) cuối cùng lại dẫn Văn lý nêu bày và cùng đối đáp, bèn kéo dài nối nhau đến ba ngày, chỉ luận về một nghĩa. Về sau cả hai ngài đều xả bỏ điểm đạt đến của mình mới là sự Giải Văn. Nên khiến kinh hãi xướng tu trước, dự nghe vái kính. Về sau, ngài Tuệ Tuấn tìm đến Hoa thổ, học khắp các bậc danh sư, tất cả mọi điều đượm thấm vào tai đều thông hiểu văn nghĩa, thấu đạt yếu chỉ. Và cùng ngài (Đạo An) đồng ở một thất hơn ba mươi năm. Cùng nhau nói ngộ bay cao, thật vượt hẳn việc mắt thấy. Vì bị bệnh nên ngài Tuệ Tuấn thị tịch. Ngài (Đạo An) đến vỗ về thi thể Sư mà thương khóc bảo rằng: “Tuyên Ni có lời nói, tin là chẳng luống dối!”

Đến ngày mười lăm tháng ba năm Kỷ Sửu, nhằm niên hiệu Thiên Hòa thứ bảy (569) thời Bắc Chu, Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 59) ban sắc mời các bậc danh tăng tài đức cùng các hàng Nho Sĩ, Đạo Sĩ, Văn Võ Trăm quan hơn hai ngàn vị đến chánh điện. Vua lên ngự tòa đích thân muốn lường xét sự hơn kém của cả ba tôn giáo để bỏ và lập. Chúng luận bàn lăng xăng rối rắm. Mỗi tôn giáo đều tùy tình kiến, so sánh đại để. Sư chẳng đối kháng với họ. Đến ngày hai mươi tháng đó, Vua lại y theo trước mời tất cả cùng nhóm họp, chúng luận bàn trái lỗi, đúng sai thêm sinh khởi, đồng thời chẳng gỡ được vướng mắc trong tâm

Vua, tiêu điều lặng lẽ mà lui về. Đến đầu tháng bốn, Vua lại ban sắc mời tất cả các hàng Đạo Tục, bảo phải hết lời trình bày nghĩa lý. Lại ban sắc cho bảo Ty lệ Đại Phu Chân Loan là người có sự hiểu biết về Phật giáo và Đạo giáo phán định mọi sự trước sau, sâu cạn, đồng dị của hai tôn giáo như thế nào. Chân Loan bèn dâng Vua bộ "Tiếu Đạo Luận" ba quyển, tất cả gồm ba mươi sáu điều, để cười về tên gọi là "Tam Đổng" và cười về xưng hiệu "Tam Thập lục Bộ", Văn từ rất rõ ràng, y cứ mọi sự lắm điều bác bỏ. Đến ngày mồng mười tháng năm, Vua lại nhóm họp tất cả các quan định rõ Chân Loan tấu dâng bộ luận cho đó là Đạo Sĩ như con mọt làm tổn hại, bèn đốt ngay sân điện.

Sư bùi ngùi sự hỗn loạn trong thế tục ở đương thời, xót thương mành lưới chìm đắm của các sử tịch, bèn soạn bộ "Nhị giáo luận", để dâng lên vua Võ Đế, Văn từ gồm một quyển, chia thành mười hai chương. Chương thứ nhất là "Quy tông hiển Bổn". Có khách hỏi rằng: "Kẻ hèn tôi nghe" Phong lưu nghiêng đổ, sáu kinh do đó biên chép tu sửa, kheo chuộng thấm nhuần sáng tỏ". Qua chương hai do đó mà soạn. Nên ưu nhu thấm nhuần rộng đối với mọi vật cứu giúp thì gọi là Nho (giáo). Dùng đó mà chẳng hết, đối với mọi vật thông hiểu thì gọi là Đạo (Giáo). Đó đều là thần lực của Khổng và Lão. Có thể được rõ ràng. Gần đây xem đọc đến Thích (Phật) giáo, văn rộng, nghĩa dồi dào, xét về sự cấp dẫn thì chắc chắn khéo dẫn dụ. Cốt yếu chỉ thú ấy thì gắng gỏi đó mới tốt lành. Nhưng ba tôn giáo tuy khác, nhưng một đường khuyên tiện, giáo tích thì khác mà Lý hợp thì đồng. Còn như lão tử than về "Thân hoạn", Khổng tử than về "Cận Xuyên", là muốn sau ngoài lấy sự đạt đến tồn sinh cảm vãng để biết vật hóa, đâu khác gì thuyết " nhàm chán thân vô thường" của Sách Phật ư? Chỉ bởi dòng bó buộc ngưng trệ, chưa rong ruổi quán xét cao, nên không thể ngang bằng đất trời nơi một ngón tay, đều là đúng sai trong một hơi thở. Đến nỗi khiến ranh giới bàn luận mỗi thứ đều bất đồng. Đó gọi là giấu ngọc Ma-ni nơi Vỏ thai, ngăn ánh sáng rực rỡ trong đêm dài. Thương thuần phong không hai, bít lấp huyền chỉ suốt một. Cầu ở đó nhiều kiếp đâu thể gặp ư?" Người chủ đáp rằng: "Ông biện giải đã đến cùng mà lý chưa hết. Bởi vì muôn Pháp vốn ở nơi sinh sinh mà sinh, sinh là Vô sinh. Điểm của Tam tài ở nơi thỉ, thỉ mà thỉ, thỉ là vô thỉ. Vậy thì Vô thỉ vô sinh là tánh của vật, có hóa có sinh là nhóm họp của người. Nhóm họp tuy một hình thể, mà hình và thần là hai thứ khác nhau. Tan rã tuy hình chất khác nhau mà tâm sở chẳng mất. Nên thuộc về giáo cứu thân, giáo ấy gọi là Ngoại. Giáo để giúp tế thần thì giáo ấy gọi là Nội. Vậy biết trong Luận Đại

Trí Độ có hai Kinh nội ngoại. Trong Kinh Nhân Vương nói rõ hai luận nội ngoại. Trong kinh Phương Đẳng giải rõ về hai luật nội ngoại. Trong Bách Luận nói về hai Đạo nội ngoại. Nếu thông luận nội ngoại, thì gồm suốt cảTrung hoa và man di kia. Nếu hạn cuộc Mạng ở phương này thì có thể gọi đó là Nho Thích, Thích giáo là Nội, Nho giáo là Ngoại. Đầy đủ rõ ràng ở Thánh Điển chẳng phải là dối lầm. Rõ xem sách vở ghi chép, tìm xét nguồn dòng, Giáo chỉ có hai, đâu được có ba? Vì sao? Vì xưa kia, Huyền Cổ trong sạch, lời răn của Phần Điển chưa mở mang, thuần phong hơi lìa. Văn của khâu sách mới gồm trước. Cho nên bao gồm luận bảy điển, tổng quát cả chín học pháp, đều làm mưu để trị nước, đều là cách tu thân. Nếu mạch mà cách biệt thì nên làm thành chín giáo, gồm tất cả mà hợp lại thì đều thuộc Nho Tông. Luận về Quan viên đó thì một chức của mỗi Vương triều, bàn về sách vở đó thì đều là Sách của một Hoàng gia. Ông muốn ở trong một phong hóa, khiến cả chín dòng tranh nhau. Đại Đạo ở đời, khiến nhỏ thành đua tranh biện luận. Há không phải trên thì thương tổn phong hoá của Hoàng Cực không hai, dưới mở sự tệ hại của bó buộc về buông lung xem thường?Thật đáng gọi là mọt lớn mưu to làm mù lòa cả triều đình cho đến thôn dã! Phật giáo là cách ngôn cùng lý tận tánh, vết Chánh xuất thế nhập chân. Luận về văn thì bộ loại chia ra mười hai phần, nói về chí thú thì bốn thứ Tất-đàn là Diệu lý tại Vực trung. Chắc chắn chẳng tên gọi nào để gọi cho tương xứng. Hoằng hóa chuyên. Bên ngoài, lại chẳng phải chỗ tìm của tình trí. Còn như dứt lụy rơi nôm, đào luyện thần hết soi chiếu, gần thì vượt khỏi sinh tử, xa thì chứng đắc Niết-bàn, tiếp vớt các căn cơ sâu cạn, gần sáng tỏ cả sáu đường, phân tích rõ sự thăng trầm của thiện ác, xa mong cầu xuất thế mà lý không gì chẳng khắp. Gần kịp Vương hóa mà không việc gì chẳng cùng tận. Có khả năng rộng lớn và cốt yếu, không phù chất và văn hoa, nếu chẳng phải là bậc Chí linh trong thiên hạ, thì ai có thể hưng khởi giáo ấy ư? Tuy là ngàn nhà Nho Đạo, trăm họ Nông Kiềm, lấy bỏ, rong ruổi cũng chưa thể bằng. Chỉ có giáo lý của Họ Thích dồi dào Quyền Thật. Có thừa sự không rõ xưng gọi đó là Quyền, rõ nghĩa không thừa thì gọi là Thật. Vì sao gọi là Diệu hưởng?

Ông cho rằng: “Ba tôn giáo tuy khác nhưng khuyên làm lành thì chỉ một nghĩa.” Tôi cho rằng điều lành có tinh tế và thô thiển hơn kém nên khác nhau. Tinh tế thì vượt trăm hóa mà lên cao, thô thiển thì tu chín cư mà chưa dứt, đâu thể đồng năm mà nói về sự hơn kém ư? Ông lại nói: “Giáo tích tuy khác nhưng lý hợp thì đồng”. Xin dẫn sự dạy răn ở thế gian lấy làm phù hợp với huyền giáo. Đó bởi vằng vặc nơi chỗ

mờ tối chưa kịp đến cội gốc. Giáo là gì? Nghĩa là thuyên lý. Lý là gì? Là sở thuyên của Giáo. Nếu giáo quả thật khác, thì Lý làm sao đồng được? Nếu Lý là đồng thì giáo làm sao khác được? Nôm không mong cá, lưới chẳng vì thỏ, thì gọi tên là gì ư? Lý đồng ở đâu? Hễ sống dày dốc tình thì thân hoạn. Bèn dấy khởi, chẳng tỏ ngộ sự biến chuyển thì khen ngợi của dòng chết mới làm, đều là chỗ bàn luận rốt cùng trong nội vức, chẳng vượt xướng lớn phương ngoài. Vì sao? Vì đưa sắc hết nơi cùng cực nhỏ nhiệm, là chỗ chưa bàn luận nghiên cứu đến cùng tâm sinh diệt, còn với Tuyên Ni thì lại không hề nói đến. Có thể gọi là trông nhìn đó dường như hết mà quán sát đó thì thật chưa cùng tận. Trong Kinh nói rằng: "Phân biệt sắc tâm, lường tướng Hữu Vô, hàng Nhị thừa chẳng thể biết". Vả lại, sự hưng khởi đại hạnh của hàng Nhị thừa đều vượt khỏi làng Vọng tưởng. Bồ-tát thì trí tuệ gồm cả chín đạo, thanh văn thì chỉ làm cho bản thân mình được tốt. Đó dường như sương mốc thấm nhuần sánh với ngòi vực lớn. Mảy bụi ví với núi Tu-di, huống gì thức tưởng của hàng phàm phu đâu được ngang bằng ư? Nên trong kinh lại nói: "Không thể đem ánh sáng mặt trời sánh ngang bằng với ánh lửa đom đóm kia. Nếu cho là ngang bằng thì ngang bằng, chẳng ngang bằng là chưa ngang bằng. Lấy ngang bằng mà ngang bằng ở nơi ngang bằng là chưa ngang bằng. Tôi nghe nói khéo ngang bằng nơi Thiên hạ là vì chẳng ngang bằng mà ngang bằng Thiên hạ, đâu khỏi sang bằng với núi cao thật sâu sau đó mới bằng ư? Kế tục chim le giết hại chim hạc ở đó mới đồng. Đó bởi là kẻ hẹp hòi ở thôn dã bàn luận, đâu phải là sự quán xét trong trắng của hàng Đạt sĩ ư? Nên ngạn ngữ có lời nói rằng: "Mầu tím thật lầm mờ nơi mầu đỏ, ngông cuồng ấy lạm triết. Xin nói rộng về loại đó. Trên đến các bậc thiên tử dưới đến các hàng thứ nhân không ai chẳng từ sắc tâm lấy làm thành thân hình, bẩm khí âm dương mà hóa thể chất. Không thể lấy sắc tâm cho là ngang đồng mà lẫn lộn giữa trí và ngu. Nghĩa Âm Dương ngang bằng thì đồng với sang hèn, ở đây thì không thể. Chí lý rộng lớn mênh mông tuy gượng ngang bằng, nghĩa ấy làm sao tồn tại?"

Vua Võ Đế nghe lời Trương Tân sàm tấu, trong ý muốn phá dẹp Phật giáo, ban đầu xem luận của Ngài (Đạo An) bèn hỏi các Liêu Tể, Văn từ nghĩa lý xác cứ trội vượt, chẳng ai sám bác bỏ. Khi ấy mọi sự phế lập bèn tạm ngưng, thật có sự suy lường. Đến ngày mười bảy tháng năm năm Giáp Ngọ, nhằm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Tống, mới khắp đồng phá diệt cả hai tông Phật và Đạo, chỉ đặt Thông Đạo Quán chọn lựa những bậc hữu danh trong Phật giáo, đồng thời mặc

áo mão làm Học sĩ. Sự việc nói rõ đầy đủ trong Biệt truyện. Sư bèn dứt vết lắng tiếng, ẩn lánh nơi rừng đầm. Vua Võ Đế ban sắc tìm kiếm đưa Sư đến nơi Vương Đình, đích thân vua ra nhọc tiếp, ban tặng hốt ngà, gấm lụa và tôn xưng đặt để ở địa vị trong triều liệt, nhưng Sư chẳng đến. Sư thị tịch vào thời Bắc Chu!

Ban đầu, khi đang trụ chùa Đại Trung Hưng, Sư dẫn mẹ đến ở gần, mỗi sáng sớm Sư ra hầu mẹ, tự tay nấu các thức ăn, sau đó mới lên giảng, tuy có đủ người hầu hạ mà Sư chẳng cho phụ giúp. Cho đến những việc như bửa củi, múc nước đều tự thân tay Sư làm. Ngài tha thiết bảo với mọi người rằng: "Mẹ là người có khả năng sinh và nươi dưỡng ta, chẳng phải ta thì không gọi là cúng dường rốt cuộc ở đời mẹ như lúc đầu không một dứt nghĩ." Đó là y cứ theo tôn tượng Đức Đại thánh kề vai khiêng quan tài truyền bá khắp cùng. Đến lúc sắp tịch mới " Di giới" gồm chín chương để răn dạy môn nhân. Trong đó văn từ như sau:

"Kính tạ cùng các đệ tử! Hễ là người xuất gia hành Đạo là rất trọng rất khó, không thể tự xem thường, không thể tự lấy làm dễ. Sở dĩ gọi là trọng (nặng), bởi vì mang đạo đeo đức ràng nhân đội nghĩa, vâng giữ tịnh giới, chết mà vẫn còn. Sở dĩ gọi là khó, bởi vì dứt thế lìa tục, cắt dứt Thân ái, xoay tình đổi tánh chẳng đồng như mọi người, làm việc mà người chẳng làm được, cắt dứt việc người chẳng cắt dứt được, nhẫn khổ chịu nhục, vất bỏ thân mạng. Có nghĩa gọi người làm việc khó ấy được tức là Đạo Nhân. Đạo nhân tức là người hành đạo. Hành thì có thể giẫm qua, lời phải đúng Pháp, pháp phục xuất gia, hành động là phép tắc. Không tham không tranh, chẳng dèm pha chẳng giấu diếm, học hỏi cao xa, chí khí đặt để nơi huyền mặc, thì là danh xứng tham dự ở ngôi vị Tam Tôn, vượt ra khỏi hàng Hiền giả, bước vào bậc Thánh giả, tẩy trừ tất cả tinh hồn, cho nên chẳng mong quả báo quân vương, cha mẹ chẳng mong sức lực ấy. Khắp trong trời người không ai chẳng quy hướng kính bái. Lìa bỏ vợ con, giảm bớt thọ hưởng sự cung phụng ăn mặc, nén mình cúi ngưỡng, chẳng nề khổ nhọc, làm cho chí hạnh ấy trong sạch suốt với thần minh, đạm bạc trong trắng, đáng tôn đáng quý. Tự theo hoang lưu, thì Đạo pháp dần chìm, những người mới học chưa rõ biết phép tắc, bỏ chánh đắm tà, quên sự chân thật. Lấy chút sáng nhỏ cho là trí, lấy chút cúng nhỏ cho là đủ. Ăn no trọn ngày không chút dụng tâm, không tự quán sát, thật cũng đáng buồn thay! Tính đến nay thì xuất gia đã được thời gian dài, mà kinh nghiệp chưa thông suốt, văn từ chẳng quyết rõ, uổng mất một đời không thành danh gì. Với việc như thế không thể nghĩ sâu. Hạn định vô thường chẳng sớm thì tối. Đau khổ trong ba đường

không mạnh không yếu. Vì thầy trò tình nghĩa sâu đậm nên tỏ bày chỉ bảo, với những ai có tình cũng có thể lấy để tự răn bảo mình!

- Một là: Ông đã xuất gia, trái hẳn với sự sống, cắt tóc xem thường dung mạo, đắp mặc pháp phục che thân. Ngày giã từ thân thuộc, trên dưới đều khóc lóc. Cắt đứt ân ái tôn kính Đạo pháp, Ý vượt trên Thái thanh. Đáng vâng theo chí ấy, kinh đạo tu sáng, vì sao lại Vô tâm, cứ tại sắc thanh, lơ là qua buổi, kinh nghiệp chẳng thành, đức hạnh ngày một tổn mất, vết nhơ dần đầy. Thầy bạn xấu hổ, phàm tục xem thường. Xuất gia như thế, nhọc tự làm nhục thanh danh, nên nay khuyên cố gắng cần phải chuyên tinh.

- Hai là: Ông đã xuất gia, bỏ tục lìa Vua, phải tự cố gắng, chí quả thanh cao, không đoái hoài tài sắc, chẳng đồng với phàm tục, vàng ngọc không quý, chỉ Đạo là hơn. Bó buộc mình giữ tiết, chịu khổ vui nghèo, tiến đức tự độ, lại độ cả người. Cớ sao sửa đổi tiết tháo, rong ruổi theo phong trần, vừa ngồi chưa ấm chiếu, đã rong ruổi khắp đông tây. Làm việc nặng nhọc, Quan huyện kéo lôi. Kinh đạo không thông, giới đức chẳng toàn vẹn, bạn bè si lộng, đồng học lìa bỏ. Xuất gia như thế, nhọc mất ngày trời, nay dạy răn khuyên nên mỗi người tự thương xót lấy mình.

- Ba là: Ông đã xuất gia lìa hẳn dòng tộc, không thân không sơ, thanh tịnh Vô dục, tốt chẳng ham ưa, xấu cũng chẳng buồn, vượt hẳn thong dong, tự nhiên lìa nhiễm, chuyên chí huyền diệu, giữ gìn khuôn phép, chân chất thuần phác, được độ rộng cứu, khắp nhờ Phước duyên. Vì sao lại vô tâm đắm trước nhiễm trược, toàn tranh đua hay dở, cân lường thăng đấu, đồng lợi như thế tục, đâu khác gì tôi tớ. Kinh đạo chẳng rõ, đức hạnh chẳng có, Xuất gia như thế luống tự hủy nhục. Nên nay dạy răn chỉ bày, cần phải tự gột rửa.

- Bốn là: Ông đã xuất gia, gọi là Đạo nhân. Cha mẹ chẳng kính, vua thế gian chẳng thờ. Khắp trời, người đều kính thờ ông như thần. Cúi đầu chí kính chẳng kể nghèo giàu, chuộng sự thanh tịnh, tự lợi lợi người, giảm cất nặng nề. Một hạt gạo nặng đến bảy cân. Vì sao biếng lười khinh mạn, chẳng thể báo ân, ỷ lại buông lung, thân ý hư phiền. Không giới đức, thọ nhận sự cúng thí, sau khi chết đọa vào Thái sơn, ăn sắt nóng đốt, uống nước đồng sôi. Đau khổ như thế, trong Pháp cú trình bày. Nên nay khuyên răn hãy tự sửa đổi.

- Năm là: ông đã xuất gia gọi là Tức từ, chẳng nhiễm uế tạp, chỉ đối với Đạo thì kính trọng, chí luôn thanh khiết như ngọc như băng. Nên tu kinh giới để cứu giúp tinh thần, chúng sinh nhờ Phước, gần gũi mà

hóa độ. Vì sao lại vô tâm tùy theo thế tục nổi chìm, buông lung bốn Đại, chẳng kềm giữ năm căn. Đạo đức thì cạn cợt, việc thế tục càng sâu. Xuất gia như thế chỉ đồng với bụi trần thế tục. Nên nay dạy răn ước mong hãy tự mở thần.

- Sáu là: Ông đã xuất gia, bỏ hết hình hài thế tục, phải chuyên dốc sức tinh tấn, phù hợp với Niết-bàn. Vì sao nhiễu động chẳng ưa thích nhàn cư? Kinh đạo tổn mất, việc đời có thừa, thanh bạch chẳng theo, lại bước vào bùn sình, quá mạng của bóng hình chỉ tại phút chốc. Đau khổ chốn địa ngục khó có thể nói hết. Nên nay răn khuyên cần phải kính chuộng khuôn phép.

- Bảy là: Ông đã xuất gia không thể tự khoan thứ. Thân hình tuy xấu xí nhưng hành vi phải đáng làm gương, y phục tuy thô xấu nhưng đứng ngồi phải khoan thai, ăn uống tuy đơn sơ nhưng mở lời có thể đượm hưởng. Mùa hạ thì nhẫn đói, mùa đông thì chịu lạnh. Tự giữ tiết tháo, chẳng uống trộm suối nước. Không chịu nhận sự cung phụng của kẻ chẳng ra gì, chân chẳng vọng bước đến, ở lâu nơi nhà riêng, như đến chỗ đấng Chí Tôn, Học tuy chẳng nhiều mà ngang bằng với bậc Thượng hiền. Xuất gia như thế, đủ để báo ân cha mẹ. Giòng tộc tri thức đều mang ân. Nên nay răn dạy các ông mỗi người nên tự thúc giục.

- Tám là: Ông đã xuất gia, tánh có tối sáng, học không kể ít nhiều, cốt yếu tại sự tinh tu. Với hàng Thượng sĩ thì ngồi thiền, trung sĩ thì tụng kinh, Hạ sĩ thì có thể lo việc xây dựng chùa tháp, đâu thể suốt ngày không làm được một việc gì. Lập thân mà không nghe học, thì gọi đó là sống luống qua không. Nên nay răn dạy ông phải tự trang nghiêm tâm mình.

- Chín là: Ông đã xuất gia lìa hẳn cha mẹ, nhờ đạo Pháp mà sửa đổi tâm tánh, thân lìa y phục thế tục. Ngày lìa người thân, chợt buồn chợt vui, xa gần đều bặt vết tục, vượt ngoài trần ai, phải tu học kinh đạo, khắc chế chính mình, bước đến nguồn chân. Vì sao vô tâm lại nhuốm bẩn theo nhân tục, Kinh đạo là mỏng manh, hạnh nghi không mảy phân, mở lời không có gì đáng quý. Giới đức chẳng gì đáng hơn, thầy bạn rất mực phiền lụy, nóng giận ngày một nhiều. Xuất gia như thế chỉ tổn hại đạo pháp, vấy nhục thân tâm. Hãy nghĩ nhớ điều đó, khéo tự dẫn dắt thân!”.

Sư có các đệ tử như Sa-môn Tuệ Cảnh, Bảo Quý, đều là các bậc nổi tiếng đời Tùy. Ngài Tuệ Cảnh truyền bá luận Đại Trí Độ, tiếp nối pháp luân. Trầm vết trong nhân gian, tình nhiều ngoài thôn dã. Sư có soạn ba bộ luận Thương Học, Tồn Phế và Yểm Tu. Thương Học là trừ

tội lỗi phỉ báng chánh Pháp, tồn Phế là phòng ý gian cầu, Yểm Tu là khiến sửa đổi lỗi lầm để đượm nhuần đạo pháp. Đều là Văn vẻ vượt xa như mây ráng, sáng ngời đáng vâng theo. Sau, Sư thị tịch vào khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy. Còn ngài Bảo Quý ưa thích xem đọc các kinh điển, chuyên giảng luật là việc chính, được Sa-môn Chi Mẫn Độ đời Tấn hợp năm nhà chuyên Kinh Thủ-lăng-nghiêm làm Thành một bổn tám quyển, lại hợp ba nhà chuyên Kinh Duy-ma làm thành một bổn năm quyển, đời Tùy có Sa-môn Tăng Tựu hợp cả bốn nhà chuyên Kinh Đại Tập làm thành một bổn sáu mươi quyển, Ngài (Bảo quý) bèn hợp cả ba nhà chuyên Kinh Kim Quang Minh làm thành một bổn tám quyển. Lại thỉnh Tam tạng Pháp sư Quật-đa phiên dịch Kinh Ngân Chủ Đà-la-ni đến phẩm chúc Lụy lấy đó làm thành bộ. Sa-môn Ngạn Tông xét lại Phạm bổn, phẩm bộ đến đây là đủ.

5- Truyện ngài Thích Tăng Miễn trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu:

Thích Tăng Miễn, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu.

Cuối thời Bắc Chu, lúc Phật pháp sắp bị phá diệt, đang sùng chuộng họ Lão, thọ học về Phù lục. Hễ những lúc tế lễ lớn thì Vua chỉnh trang khăn áo cùng bái phục. Mà kinh đạo luống dối, mọi lời đều không có gốc gác y cứ. Nước nhà tuy phụng sự nhưng chưa rõ về thù hiệu, Sư bèn chẳng ngại hương quan xa xôi, đích thân đến nơi cung quyết ra mắt trình bày Chí Lý với Vua. Đem tà chánh cùng tham, xu tình cạnh tranh. Chưa biện rõ chân ngụy liền đổi thay hủy dự, Sư bèn soạn luận văn gồm mười tám điều, cật nạn Bổn tông của Đạo giáo. Lại dùng ba Khoa giải thích các chấp ở trước, Hiền thánh đã tường tự, Phàm vị rõ ràng. Trong đó, Văn từ lược nói rằng: “Tăng Miễn tôi vì sự lạm của đời nên thuật rằng: “Lão Tử cùng Y Hỷ theo đi về Tây đến giáo hóa người Hồ và xuất gia. Lão Tử nói cho nghe Kinh giới, bảo Y Hỷ làm Phật, giáo hóa người Hồ. Lại xưng là Quỷ Cốc tiên sinh, soạn “Nam Sơn Tứ Hạo Chú”. Chưa khéo suy tìm thì không ai chẳng tin theo, cho là lời thật. Lạ thay truyện ấy! Quân tử còn chẳng thể vọng huống gì dèm chê Đại thánh ấy ư? Nay trình bày rõ ràng thuyết ấy chẳng chân thật. Người đời sai lầm gá vào Văn tự, cũng bèn nói chẳng kịp, nghĩa lật lại làm nhục Lão Tử. Ý cho là những bậc thắng nhân đạt sĩ chẳng vượt ngoài lời ấy. Cùng là Vô thức Dị Đạo khoe tranh Phật Pháp. Gá nương vào danh Tứ Hạo của Quỷ Cốc, cậy nhờ truyện sau của Y Hỷ, soạn ra dị luận này, để mê hoặc người đời

mờ tối. Tôi trộm nghe rằng Hoằng truyền mà chẳng tập học, thì Phu Tử không chấp nhận. Vọng làm là xấu. Lão quân can ngăn. Hoạn lớn này mở rộng ba đường, phải nên xét chánh để cứu lỗi ấy. Nhưng Giáo có nội ngoại, dụng sinh nghi giả, người có hiền thánh phần nhiều nói về Bổn tích. Nên trong Hán Thư của Ban Cố phẩm bình người có chín hạng. Như học trò của Khổng Khâu là loại Thượng Thượng, Học trò của Lão Tử là loại Trung Thượng, đều xếp vào bậc hiền. Vương Bậc ở Hà Yến nói là “Lão tử chưa đến Thánh thì là Hiền. Thánh trời chia ra hơn kém tự bày, cho nên sự rộng tỏ ngộ của Vua Văn Đế (Tào Phi) thời Tiền Ngụy vậy. Niên hiệu Hoàng Sơ thứ ba (222) thời Tiền Ngụy, Vua Văn Đế ban sắc rằng: “Báo cùng Thứ sử Dự Chương, Lão Đam Chỉ là Hiền nhân chưa nên vượt trước Khổng Tử. không biết Lỗ Quân xây miếu thờ Khổng tử thành chưa. Vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147 - 168) thời Đông Hán chẳng bắt chước thánh Pháp, chánh là vì Bế thần mà thờ Lão tử, mục đích là cầu Phước, việc thật đáng cười. Sự khởi dậy của Đền thờ ấy do từ Vua Hoàn Đế. Võ Hoàng Đế cho Lão Tử là Hiền Nhân nên chẳng phá hủy nhà của Ông. Trẫm cũng lấy đó làm nơi dừng ở giữa đường, mọi người qua lại bèn đến chiêm ngưỡng, nhưng phòng lầu nghiêng đổ đè lấp người, nên bảo sửa sang tu chỉnh lại, làm qua xem đó rất chỉnh đốn, sợ hàng Tiểu nhân cho đó là thần nên vọng đến cầu nguyện, trái phạm thường cấm. Nên tuyên cáo khắp cùng Quan lại muôn dân đều khiến họ rõ biết”. Căn cứ vào đó mà nói thì trình bày đã lâu. Ở đời phần nhiều là người ngu chẳng tìm tới bậc tiền đạt, cho nên khác biệt với người đời. Và trong kinh ngoài điển, và đối với điều lệ. Xem rõ Quyển đầu thì tà chánh tự hiển bày”.

Tuy Sư soạn luận ở thời Bắc Chu, vang danh khắp triều đình đến thôn dã, nhưng người thông hiểu ít gặp nên cứ theo sự lầm mê, và cuối cùng chẳng lưu hành sử dụng. Khi Phật pháp bị hủy diệt, Sư bèn lánh nạn, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

6- Truyện ngài Thích Tăng Mãnh trụ chùa Vân Hoa ở Kinh Đô:

Thích Tăng Mãnh, họ Đoàn, người ở xứ Kinh dương thuộc Kinh Triệu. Dáng dấp hoà nhã, thần khí nổi bật, ưa thích xuất gia, vốn biết mong cầu kính thờ, suốt mấy mươi năm tự thân phụng sự giảng dạy. Hễ có điều giải ngộ, Sư đều thông luyện.

Trước kia, vào thời Tây Ngụy, Vua Văn Đế (Nguyên Bảo Cự 535 - 552) đang ở ngôi, ban sắc mời Sư đến ở Tẩm điện, giảng Kinh Bát-nhã. Các hàng Quý Tể đều kính ngưỡng thấm nhuận sự dạy răn của Sư.

Đến thời Bắc Chu (557 – 568) Vua lại ban chiếu thỉnh mời Sư đến trụ chùa Thiên Cung, giảng Kinh luận Thập Địa. Vua lại ban sắc thỉnh Sư đến ở hai Điện Tử Cực và Văn Xương lần lượt giảng pháp. Lúc bấy giờ, yếu chỉ rộng mở hỏi đáp qua lại vô cùng. Các hàng Hoàng Cân Đạo sĩ rối loạn nhóm họp, Sư bèn từ từ vẫy gọi đàm bính, dẫn địch xoáy sâu, mới đến tà tông, mỗi mỗi Sư đều phá đến cùng. Kinh của Nguyên Thỉ Chân Văn thảy đều rách nát. Đồ chúng học trò của Thiên sư ngày trước cùng tan rã. Các hàng Đạo tục tự nhiên sửa sang đổi mới tai mắt. Ban đầu, Vua mới xem ngang bằng cả tam giáo, ngài chia làm thành chín mươi lăm môn, về sau, lùi lại Nhất thừa. Lại khéo tiến tới ba mươi hữu sinh. Văn từ rất cao siêu tinh túy, Học Quán đều quy hướng, đã chẳng đưa dự định dâng vua xem, bèn trầm lắng trong bạn tục. Sư thối lùi, tĩnh lắng mọi việc của người đời, nương gá nơi sâu xa, chờ đợi một sớm mai. Đến thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy đang làm tướng, Phật Pháp sắp sáng tỏ lại. Vì Sư tuổi tác và đức hạnh đều cao trọng. Các bậc Huyền Nho đều nhóm họp, thưa hỏi truy tìm đến kinh đô, giúp cho pháp vũ được hưng thạnh. Vào niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn) ban sắc mời Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, giảng dạy Kinh luận Thập Địa. Chùa Đó tức là chùa Trắc Hổ trước kia. Tiếng tăm Sư vang xa, rất hợp tâm Vua. Sau đó, Vua Văn Đế (đời Tùy) phong cho Sư Chức Tùy Quốc Đại Thống Tam Tạng Pháp Sư, uỷ thác Phật pháp, khiến mở mang che chở. Chưa đủ để lớn mạnh oai quyền, nhưng cũng đã tỏa sáng Thích chủng khi vua Văn Đế dời Đô đến hướng Nam, chóng xây dựng chùa, Sư cũng đổi chuyển đến làng Tuân Thiện, nay là chùa Hưng Thiện. Tuy thanh danh còn lệ thuộc mà Sư thường ở chùa Vân Hoa khuyên răn sách tấn đồ chúng chuyên theo khóa nghiệp.

Đến ngày mồng bốn tháng bốn niên hiệu Khai Hoàng thứ tư (584) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi hai tuổi. Ban đầu, khi sắp tịch Sư quán chiếu sâu về khổ không, đang nói bỗng nhiên muốn dứt bặt. Sư bảo đồ chúng: "Tôi đi đây!", và liền thị tịch. Mọi người đương thời quý trọng Sư ở chỗ tâm không tán loạn. An táng tại núi Mã Đầu thuộc phía Đông thành. Khắc đá lập Bia tại Chùa Vân Hoa, đến nay hiện còn.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 24 hết.

TIẾP THEO PHẦN 1 CHƯƠNG V: có 2 vị:

1- Thích Đạo Trăn.

2- Thích Trí Huyễn.

1- Truyện ngài Thích Đạo Trăn:

Thích Đạo Trăn, họ Ngưu, người ở phía Nam Thành Trường An. Sư xuất gia thanh tịnh trinh bạch, Sư chẳng giao hảo với hạng phi loại, khiêm nhường rỗng rang ít giao du, chỉ chuyên đọc tụng Kinh điển, nghe giảng là chính. Nên các vị Pháp sư đối với Nghĩa kinh có chỗ không hiểu đều tìm đến hỏi Sư. Vua Văn Đế (Nguyên Bảo Cự 535 - 552) thời Tây Ngụy nghe vậy nên kính trọng tôn xưng ngài là Sư Phó, bèn xây dựng chùa Đại Trung Hưng ở Kinh Đô, thỉnh Sư đến trụ ở đó, tôn xưng Sư làm Ngụy Quốc Đại Thống.

Bấy giờ, Đông Tây mới giao loạn, Vũ Văn Thái tổ bèn ghi chép Đế Đồ, nương cậy nhà Ngụy đi về hướng Tây xa muôn dặm đường bắt đầu dựng lập. Tăng Đồ cùng nhau nhóm họp tiếp nối. Sư đã ở ngôi vị Tăng thống, đại lập khoa điều, Phật Pháp được hưng thạnh trở lại, thật là nhờ Sư. Sau đó, các chùa Đại Thừa, Trắc Hỗ lần lượt xây dựng đều do Sư khơi dòng đức hóa. Sư lại đến ở phía Nam Côn Trí thiết đặt chùa Trung Hưng, ở phía trong thì có trang trại ao hồ, phía ngoài thì đồng ruộng cả trăm khoảnh, đều đem cung cấp. Các thứ lê táo tạp quả nhiều như mây hợp.

Đến lúc Sư thị tịch, Vua buồn thương mà bãi triều. Mọi sự cần thiết trong lễ tang đều xuất từ Thiên Phủ, đón rước đến an táng tại phía Nam của vườn, dựng lập mộ cao. Chỗ đất phần mộ được phong rộng đến một khoảnh. Nay gọi là Mộ Thống Sư. Gần đây, vào niên hiệu Trinh Quán (627 - 650) thời Tiền Đường, vẫn còn những cây cổ thọ.

2- Truyện ngài Thích Trí Huyễn:

Thích Trí Huyễn, là người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu, họ Từ. Lúc vừa mới sinh Sư, trong phòng có ánh sáng lạ.

Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, vào Kinh Đô tu học mấy năm, đã nổi tiếng khắp Kinh Lạc. Học chúng tôn sùng thỉnh Sư giảng lại, Sư giảng giải như nước rót từ bình nầy sang bình khác không sót. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, muốn chỉ còn lại Đạo giáo, bèn ban sắc nhóm họp tất cả Chư tăng và Đạo sĩ, hễ bên nào hơn thì giữ lại, còn bên kém thì phế bỏ. Khi ấy, sắc chiếu ban truyền khắp từ triều đình đến thôn dã. Các bậc Cao tăng

phương nhạc Đạo Sĩ chẳng kể xa ngoài ngàn dặm những ai có yêu thuật đều nhóm họp về kinh đô. Tại điện Thái Cực, thiết bày tòa cao, đích thân Vua Võ Đế đến tham dự, ban sắc Đạo sĩ lên tòa trước. Bấy giờ, có Đạo sĩ Trương Tân là người đứng đầu lớn nhất trong Đạo giáo liền lên tòa cao, tuyên bố rằng: “Đại Đạo (Đạo giáo) thanh cao, thuần nhất không tạp. Cầu ân thỉnh phước trên thông đến Thiên tào, giữa ban ngày bay lên Tiên, thọ mạng đồng như đất trời, phong giáo trùm khắp, trước tại Trung Hạ, Vô thỉ vô chung, muôn loài đều nhờ đó mà được sống mãi, ân lớn lợi dày chẳng thể sánh lường. Đâu phải như Phật Pháp hư huyễn, nói quá sự thật, chẳng dung tại bảo quốc, làm khách ngụ ở Trung Hoa. Trăm họ không biết, tin lời quỷ quyệt ấy. Ngày nay muốn định có che giấu chăng? Có thể xuất đầu ra xem? “Tương Thành Công Hà Thỏa tự hành Như Ý. Các Sa-môn Thủ tọa chùa Thiếu Lâm v.v... Thiền tức giận mà đứng dậy, Chư tăng ngăn cản bảo rằng: “Việc lớn hôm nay, Thiên Đế ở đây, không nên vội vàng! Biết các Thiền sư là biển lớn Phật Pháp, những giữa khoảng ứng đối cần phải có người đầy đủ căn cơ biện tài”. Chúng tăng cùng nhau mưu bàn: “Nếu chẳng phải là Sa-môn Trí Huyễn ở đất Thục thì không ai có thể đối đáp”. Cùng nhường chuỗi châu như ý để trao cho Sư. Sư đã vì chúng suy nhường, lại thêm vì tức giận Trương Tân nói lời càn rỡ, bèn an nhiên đứng dậy từ từ bước lên luận tòa, thân ngồi yên định, tay cầm xâu chuỗi như ý, bảo với Trương Tân rằng: “Như những điều Tiên sinh trình bày là “Đại Đạo thanh cao, thuần nhất không tạp” lại bảo là “Phong giáo phát khởi từ thời nào? Giáo của sở thuyết thuyết tại xứ nào? Lại bảo: “Phật pháp chẳng dung ở bổn quốc, làm khách ngụ ở Trung Hoa”. Vậy có thể biện rõ Đạo phát sinh từ thời nào, Phật xuất hiện ở thời nào chăng?” Trương Tân bảo: “Bậc Thánh xuất thế đâu cần phải định thời gian. Thuyết giáo hưng thạnh cần gì phải định nơi chốn? Đạo giáo từ xưa đến nay vốn có. Đâu phải như Phật Pháp gần đây từ Tây vực truyền đến?” Sư bảo: “Nếu nói không cần có thời gian thì lẽ ra không nên xuất hiện. Nếu không có nơi chốn nhất định thì lẽ ra không nên nói. Từ xưa đến nay vốn có chẳng cần phải thanh hư, trên cầu thỉnh tới Thiên Tào, không tạp sao được, thọ mạng đồng như đất trời, há được Vô thỉ Vô chung?” Trương Tân nói: “Đạo Nhân nói lời quá càn rỡ. Vì những bậc tiền Vương trước kia không biết nên lưu lại bọn các ngươi còn đến ngày nay. Ngày nay, Thánh Đế đều phải giết hết”. Vua Võ Đế ghét lý ấy sai lệnh Xá nhân nói với Trương Tân rằng: “Tân Sư hãy nên bỏ xuống”. Trương Tân đã lui về, Vua Võ Đế tự lên tòa cao bảo rằng: “Trong Phật Pháp có ba thứ

bất tịnh: 01- Là cưới Da-Du-Đà-La, đó là chủ bất tịnh. 02- Là trong kinh luật cho phép chúng tăng ăn dùng ba thứ tịnh nhục, đó là Giáo bất tịnh. 03- Là trong Chúng tăng có lắm người tạo tội ác, ưa thích hành Dâm dật. Khi Phật còn tại thế, Đồ chúng bất hòa, xúm quanh cùng kích phát tranh đấu nhau, đó là chúng bất tịnh. Như vậy Chủ, Pháp và chúng đều bất tịnh. Ý trẫm muốn trừ dẹp để chấm dứt sự hư huyễn. Trong Đạo giáo không có các việc ấy nên Trẫm lưu lại để giúp nước nhà tiến hóa". Vua nhìn lại Sư, bảo rằng: "Nếu có khả năng giải được ba nạn ấy mới thật là người tốt lành". Sư liền trả lời rằng: "Điều Bệ hạ trình bày đều dẫn từ trong kinh luận, thật chẳng sai lầm. Nhưng thấy trong Đạo pháp, ba thứ bất tịnh còn hơn như thế. Xét về Thiên Tôn lúc ở cung Tử Vi có năm trăm Đồng nữ thường hầu. Đó là chủ bất tịnh rất quá lắm so với Da-Du-Đà-La chỉ là một người. Trang Giáo của Đạo sĩ, lúc chương lễ cầu phước thì phải có trăm mâm nem nai, mười hộc rượu trong. Đó là giáo bất tịnh, lại còn hơn so với ba thứ tịnh nhục. Tội lỗi của các Đạo sĩ đời đời đều có, ngàn xưa loạn thường, Khương Bân phạm pháp. Đó còn hơn so với chúng tăng. Tăng chúng tự tạo tội lỗi mới nói phật pháp có công năng trừ bỏ. Giống như Chí tôn hưởng lộc nước nhà, nghiêm bày khoa điều, chẳng ngại nghịch tử phản thần nối nhau xuất hiện. Há đem tôi nghịch con phản mà muốn ở nơi ngôi vị của Đại Bảo ư? Ngôi vị của Đại Bảo chẳng thể đem Tôi con phản nghịch mà Không. Phật pháp chân chánh đâu thể vì chúng tăng Phạm tội mà phế dẹp?" Sư nhã nhặn đè nén, lời tiếng rõ ràng, thấm nhuần. Tuy ở nơi Đại tiết mà chẳng tỏ vẻ lo sợ. Vua Võ Đế kinh ngạc hồi lâu, bảo với Sư rằng: "Điều nói Thiên tôn có năm trăm đồng nữ hầu xuất xứ từ kinh nào?" Sư bảo: "Nói xuất xứ từ Kinh Tam Hoàng". Vua bảo: "Kinh Tam Hoàng không hề có nói lời ấy?" Sư bảo: "Tự vì Bệ hạ chẳng trông thấy, chứ đâu phải trong kinh ấy không có nói. Nay muốn phế dẹp Phật giáo, giữ lại Đạo giáo, cũng giống như lấy con Thứ thay con Đích tôn". Vua đổi sắc mặt mà xuống tòa, nhân đó đi vào nói điện. Các quan và chúng tăng đều kinh hãi bảo rằng: "Nói xúc phạm đến Thiên Đế, làm sao tự được an?" (Vì Võ Đế chẳng phải là con đích tôn). Sư bảo: "Chủ nhục thì bề tôi chết. Giết chết như trở về, có gì phải sợ. Chợt có thể sớm chết mà thần thức chóng sinh về Tịnh Độ, đâu cùng Quân Vô Đạo đồng sống ở đời ư?" đại chúng đều mạnh dạn lời nói ấy. Sáng sớm hôm sau, Vua Võ Đế bèn ra lệnh phế dẹp cả Phật giáo lẫn Đạo giáo. Nhưng cùng kính trọng Sư, hứa làm hôn nhân, mong cùng sửa chính.

Sư càng gắng chí khí tiết tháo cùng ba người bạn đồng học đến

kinh đô nhà Tề. Bấy giờ, giữa ranh giới của Bắc Chu và Bắc Tề đều đầy dẫy cọc rào dàn trải gai gốc. Ở đó có một bà lão nhà giàu họ Trương trải Đệm già dài ba mươi dặm thỉnh Sư bước qua đó mà đến Bắc Tề, trở thành Tam tạng, tiếng tăm vang đến Đông Quốc. Vua Võ Đế nhà Bắc Chu đánh phá Nghiệp thành, trước sai người đi tìm. Vua có người em là Việt Vương trước kia kết bạn lành nồng hậu với Sư, sợ Vua tức giận bày thêm khiển trách khác, bèn dùng roi đánh vào lưng có lằn vết, người thế tục đều thấy. Việt Vương trước nói rằng: “Thần hận ông ta trốn mạng lệnh nên đã đánh sáu mươi gậy”. Bảo cởi áo Vua xem. Vua đổi sắc mặt, và bảo: “Sợ ông ta có tâm hổ thẹn đi xa đến nỗi chết mất. do đó phải tìm gấp, bởi không có ý hại”. Và Vua trách Việt Vương rằng: “Kẻ sĩ trượng phu đâu được dùng roi đánh làm nhục như thế?” Đợi gặp càng sâu dày, nên cùng trở về kinh đô.

Đến lúc Vua Võ Đế băng (579), Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy đang làm tướng, mở mang Phật pháp, hai kinh đô đều quy hướng về một người mà thôi. Bấy giờ, tuổi Sư đã xế chiều, nhớ hoài quê cũ, dấy khởi ước mong. Lại vì ở Thục Xuyên xa xăm, áo nghĩa chưa được tuyên dương, Sư bèn dẫn đầu trở về hướng Tây, tâm vẫn còn chuyên việc giảng dạy. Thục Vương Tú chưa nhận biết về Sư. Bấy giờ, Trưởng sứ Chu Tuyên Minh vào triều xem xét. Vua Văn Đế - đời Tùy hỏi rằng: “Pháp Sư Trí Huyễn có được an hòa chăng?” Vua Tuyên Minh kinh sợ chẳng biết trả lời thế nào. Vua Văn Đế bảo: “Bậc danh tăng của cả một nước mà ông còn không biết, làm sao thành kiểm hiệu được?” Tuyên Minh cúi đầu sát đất tỏ bày tạ tội đáng chết. Đến lúc trở về, trước tiên Tuyên Minh đến chùa tham lễ. Chùa xưa vốn ở tại phía Động chật hẹp nơi vườn. Đó lại là chỗ Bà Dương Vương an táng mẹ. Vì Bà Dương Vương chí hiếu nên đặt tên chùa là chùa Hiếu Ái. Tuyên Minh dời đến chỗ ngày nay, cúng dường không thiếu sót. Đến khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605 - 617) đời Tùy đổi tên chùa là chùa Phước Thắng. Sư tuyên dương giáo pháp, cảm thấy mỏi mệt bèn vào ẩn cư trong núi Tam Học, mọi sự tiếp xúc trước mắt có nhiều cảm kích, bèn làm bài thơ “Du Sơn” rằng:

Đỉnh đẹp tiếp tầng mây
Cao ngất lên nửa trời
Bặt hang sâu càng rộng
Ngọn cao dứt lại liền
Cạnh đá khe nước vẹo
Xoay dòng rót suối cong

Đồng hồng biết cỏ lạnh
Xuân đến chim réo mừng
Cây gấm không máy dệt
Vượn hót há giả đàn
Lá dày gió khóthổi
Cành thưa ảnh dễ xuyên
Ôm quyển ngồi ao vắng
Roi gậy vui đồng hoang
Tâm đi ngoài thanh hán
Tưởng đặt bên mây trắng
Tiếng tăm ta chẳng đoái
Dứt ý lại tiêu nhiên."
Đến năm một trăm lẻ hai tuổi,
Sư không bệnh mà thị tịch.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 25

CHƯƠNG V: HỘ PHÁP

TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG V

(chánh truyện có năm vị, phụ có năm vị)

1/ Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự, ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thắng Quang, ở kinh đô thời Tiền Đường (Đạo Chương).

3/ Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở kinh đô, thời Tiền Đường (Phổ Ứng – Pháp Hạnh).

4/ Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Tuệ Tự).

5/ Truyện ngài Thích Từ Tạng là Đại Tăng Thống ở nước Tân-la, thời Tiền Đường (Viên Thắng).

1- Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự ở núi Chung Nam:

Thích Minh Thiệm, họ Đỗ, người ở xứ Thạch Ấp, thuộc Hằng Châu. Thuở thiếu thời, Sư đã có tiết tháo khác thường. Sư ở Thôn Lang Quý, ở đó có hơn hai ngàn nhà, mọi người cùng đề cao về Sư và lưu truyền đến lời thật. Năm mười bốn tuổi, Sư Thông kinh, năm mười bảy tuổi, Sư thông sử. Châu huyện bèn cử Sư làm Tiến Sĩ. Tánh Sư kính mến vượt hẳn phương xa, chẳng theo mạng nhỏ hẹp, Sư đến chùa Ứng Giác ở núi Phi Long mà xin xuất gia.

Thầy Sư thầm lấy làm lạ về thái độ của Sư, mới viết thư gởi Sư đến Pháp sư Đạo Tràng ở chùa Đại Tập, bảo Sư nương tựa nhiếp tâm. Sư chuyên học Luận Đại Trí Độ. Sau, gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn ngầm lánh mình đến Đông quận. Đến đầu đời Tùy, Phật

Pháp mở mang trở lại, Sư được mời đến trụ chùa Pháp tạng tại Tương Châu. Sư lập chí trong sáng, chẳng giao du với hạng phi loại, những lúc rảnh rỗi việc chánh, Sư không bao giờ làm những việc khác. Trong thông hiểu các kinh điển Đại, Tiểu thừa, ngoài thấu suốt khâu phần. Tử Sử Thư tố là chỗ tâm thường ưa thích, sắp việc Quán Quốc, Sư dời đến.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh các vị Sa-môn phiên dịch kinh điển đến trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đại chúng thấy Sư đức lớn đáng làm chủ, bèn đề cử Sư trông coi đảm nhậm việc chùa. Sư cố chối từ mà không được, Sư phải làm giềng mối cai quả ở đó.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) về lại Kinh Thất. Ở ngoại ô phía Nam dàn bày Quân kính. Bấy giờ có vị tăng lạm nhiễu Triều Hiến, sự việc được tâu lên Vua. Vua rất tức giận nhóm họp tất cả tăng đồ đều bày trước mặt vua, đứng trơ trọi mà kháng lễ. Vua ban sắc trách rằng: “Điều chế đã lâu, ban nghĩa phải trí kính. Khi ấy, các hàng Hoàng lão Sĩ nữ nghe liền kính bái, chỉ có một nhà họ Thích vẫn nghiễm nhiên chẳng cúi”. Bấy giờ, Sư là người Đạo lớn, đại chúng đồng suy tông, mới đáp rằng: “Bệ Hạ chắc chắn muốn kính vâng theo Phật Pháp, Chư tăng v.v... nghĩa không bày giáo. Nếu y cứ theo chế mà trái Đạo thì pháp phục không được kính lễ người thế tục”. Vua bảo rằng: “Nếu cho là Pháp Phục không được, vậy Vua Võ Đế (Lưu Tục 420 - 423) thời Tiền Tống là ai mà rất mực kính bái?” Sư đáp: “Họ Tống là vua Vô Đạo, không lễ bái thì vời lấy sự chém giết. Còn Bệ hạ là người có phép sửa trị, có tâm chân chánh, chẳng vùi dập người vô tội, nên không lễ bái”. Vua không bằng lòng lời nói đó, bèn sai xá nhân nói với Chư tăng: “Vì sao chẳng lễ bái?” Như thế đến năm lượt, các dòng họ của Hoàng Cân liền bái mà thôi, chỉ có Sư và chư tăng chỉ vái như cũ, lại tiếp tục dùng lời đối kháng không tỏ vẻ lo sợ. Vua bèn hỏi rằng: “Vừa rồi đáp ban sắc chư tăng là ai, ghi tên tấu trình, tiện xét xem ai bị giết”. Chư tăng đều vui mừng lui về. Sáng hôm sau, Hữu Ty xin dám chết nơi cung quyết trình bày tạ tội, Sư lại đến trước, tuy thấu đạt tỏ bày văn từ khiêm nhường. Vua vẫn an nhiên chẳng nói, chỉ ban sắc ở hai chùa Thiền Định mỗi chùa đều thiết trai cúng dường tất cả chư tăng ở Kinh đô. Lại tặng xấp lụa đặc biệt to lớn khác thường. Sau lại cấm đường ngoại ô phía Tây, Vua bèn nhìn lại kinh ấp bảo Triều tể rằng: “Ta cho rằng trong nước không có chư tăng, nay nghiệm ở một người cũng được.” Từ đó, Sư thường được chọn ở đầu, và bàn luận việc

hệ thuộc ấy. Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Thiền Định, vì tôn kính đức lớn của Sư nên như vậy. Đại chúng cho Sư là người chánh sắc, xử đoán sự việc chẳng kiêng nể cương ngự. Lại cử Sư làm Thượng tọa Tri Sự, chỉnh lý việc chúng tăng đầy đủ khắp cùng ở đương thời.

Đến thời Tiền Đường trị vì thiên hạ, bèn đặt ra chức tăng Quan, chọn các bậc Minh triết xứng đáng không trệ ngại. Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì Sư là người khéo nhận biết phương thức sửa trị nên có tiếng tăm nơi chốn triều phủ. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn mời Sư vào nội điện. Đích thân Sư lên giường, thọ trai xong thì đối đáp chiếu, rộng nêu bày từ xưa đến nay về phương thuật của các bậc Minh Quân hôn chúa chế ngự. Và trình bày sự rốt cùng của Thích giáo là lấy việc từ bi cứu giúp làm Tông. Vua rất vui mừng.

Ngày mồng sáu tháng ba năm đó, Vua ban sắc khắp nơi dứt bặt việc giết hại. Hễ nơi nào Vua hành trận đều thiết đặt xây dựng chùa Phật. Vừa mới lên ngôi, đồng một lúc cả bảy chỗ Vua đều xây dựng như chùa Chiêu Nhân ở Bân Châu, chùa Từ Vân ở Tấn Châu, chùa Phổ Tế ở Lã Châu, chùa Hoằng Tế ở Phần Châu, chùa Chiêu Phước ở Trị Châu, chùa Đẳng Từ ở Trịnh Châu, chùa Chiếu Giác ở Lạc Châu. Và đều do các quan cung cấp thợ xây, từ kinh đô đưa đến những người nô lệ làm việc. Đều do Sư khai phát. Lại riêng mỗi năm, Vua ban thí các vật cúng dường cơm cho cả ngàn vị tăng. Các kinh luận Đại thừa cần thiết thì biên chép quanh năm chẳng nghỉ.

Vì muốn báo ân mẹ và tuổi gài sắp đến. Sư bèn đến chùa Trí Cự ở núi Thái Nhất mà ẩn cư. Những người quy hướng kính tin từ chốn Kinh Liễn xa xôi đế ở núi rừng hỏi Đạo, giữ giới lại đông nhiều thường như xưa. Sư bèn tự nghĩ: “Nhiếp tâm trở về chốn tĩnh lắng còn tự phiền nhiễu ư?” Thử buông thả tháng ngày còn lại, Sư bèn về lại kinh đô, chỉ thời gian ngắn, Sư bị bệnh, còn có thể chữa trị. Sư bèn bảo rằng: “Mạng ta đã đến lúc cùng, có thể kéo dài đến một tháng, khô cốt phiền lụy đến người”. Sư bèn thỉnh các vị Đại đức đến chùa Hưng Thiện thiết trai cúng dường để giã biệt. Phòng Đổ Bộc Xạ cùng cả triều đình đều nhóm họp, mang theo mọi vật hỗ trợ cúng dường chất nhiều như núi. Sư xả thí tất cả, sám từ cáo biệt. Và ngay ngày ấy Sư tự gắng sức chống tích trượng ra khỏi kinh đô về lại chùa Trí Cự. Sư rất mực chí thành chuyên chú quán tưởng cảnh giới Tây phương, tâm đạo thông lợi. Sư bảo thị giả rằng: “Phật A-di-đà hiện tướng đến!”. Phút chốc Sư lại bảo: “Hai vị Đại Bồ-tát (Quán Âm, Thế Chí) cũng đến. Tôi đối với Quán kinh đã thành tựu mười hai pháp hạnh, còn lại thì chẳng rõ”. Sư đã đầy đủ các

tướng lành, nhan mạo vui vẻ, tự nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi bảy tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường.

Mọi người đương thời y theo sự ứng nghiệm của dự ghi, thì Sư thật là người biết mạng vậy. Ban đầu, trước khi thị tịch, Sư căn dặn thiêu đốt nhục thân, đến lúc Trà-tỳ xong mới thấy. Hài cốt nguyên vẹn hoàn toàn không đường vá đắp, ngay trên đảnh đầu có mầu tía làm mắt. Bèn an táng ở dưới hang núi.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thắng Quang ở Kinh đô:

Thích Tuệ Thừa, họ Lưu, người ở xứ Bành Thành thuộc Từ Châu. Tổ tiên Sư nối tiếp đều mối rực rỡ. Ông nội Sư tên là Hàn làm trực tiền tướng quân Thái thú Lang Da đời Lương, cha của Sư tên Nhã, làm Binh Bộ Lang Trung đời Trần. Ông chú Sư là Sa-môn Trí Cường xuất gia từ thuở thiếu thời, làm Quảng Lăng Đại Tăng Chánh vào đời Trần, thông hiểu Luận Thành Thật và Kinh Đại Niết-bàn.

Năm mười hai tuổi Sư phát tâm muốn nhập Đạo, kính thờ Sa-môn Trí Cường làm thầy, Sư được gội nhuần dưới luận tịch, tham cứu đủ các tinh lý. Năm mười sáu tuổi, Sư thưa với Sa-môn Trí Cường rằng: "Lìa xa Nhà ngàn dặm mà vẫn gọi là Sa-môn tại gia. Xin được phép đi khắp các Đô quận cầu học ở những bậc tài giỏi". Ngài Trí Cường liền chấp thuận. Sư bèn đến Dương Đô nghe Pháp sư Trí Tước chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật. Mới thọ giới Cụ túc, Sư liền dự trai hội Nhân Vương do vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557- 560) đời Trần thiết lập. Sư đối trước vua luận nghĩa, ngôn từ bàn biện khác thường. Trong mấy ngàn người, chỉ mình Sư được Vua chăm chú. Đến ngày mồng tám tháng bốn, Trần Chúa (Hậu Chúa – Trần Thúc Bảo 583 – 589?) đến chùa Trang Nghiêm, khắp ban lệnh nghiã tập Thừa. Bấy giờ, Sư dựng lập nghĩa "Phật Quả vượt ngoài nhị Đế". Có vị Pháp sư tài giỏi nổi tiếng ở xứ Giang Tả, trước kia trụ chùa Khai Thái, sau dời đến chùa Kỳ Hoàn, hỏi rằng: "Phật quả vượt ngoài nhị Đế hay Nhị Đế vượt ngoài Phật quả?". Sư bèn hỏi vặn lại rằng: "Pháp sư ra ngoài chùa Khai Thái, hay chùa Khai Thái vượt ngoài Pháp Sư". Vị Pháp sư ấy nói: "Như chim uyên ương chẳng đậu nơi nhà xí". Sư liền bảo: "Thích-đề Hoàn-nhân chẳng ở với quỷ ". Vị Pháp sư ấy bảo: "Chim Cưu-sí-la chẳng đậu cây khô." Sư liền bắt bẻ rằng: "Thí như biển lớn không dung chứa thây chết". Bấy giờ, ngài Trí Tước ngồi trên pháp tòa ngợi khen rằng: "Biện tài vô ngại, sự nhạy bén ấy khó

người đương đầu nổi." Tự thân Sư ở trước vua được ban thưởng áo nạp Ca-sa Thiên Trụ. Nhân đó mà khiến tiếng tăm vang vọng lan tỏa khắp các nước láng giềng. Trần Quế Dương Vương, Thượng Thư Mao Hỷ, Bộc Xạ Giang Tổng, v.v... đều tỏ bày sự quý kính từ lâu và đều kính mến đức âm.

Cuối đời Trần, Đạo lìa, cơn gió thời vận nhà Tùy thổi xa. Thái úy Tấn Vương đến Giang Đô xây dựng Đạo tràng Tuệ Nhật, rộng tìm các bậc thạc đức, Sư vâng sắc được thỉnh mời đến ở, được tôn xưng hiệu là "Gia Tăng". Sau, Sư theo Tấn Vương vào triều, từng được nội kiến. Bấy giờ, Sa-môn Tuệ Viễn chùa Tịnh Ảnh là bậc có đạo hạnh tiếng tăm vang xa, mà từ trước đến nay Sư chưa từng diện kiến. Nhân đó, bèn đến, gặp lúc đang giảng, Sư liền trình bày ngôn luận. Nghĩa cao từ sáng, tiếng vang làm kinh hãi cả thính chúng. Ngài Tuệ Viễn ngoái nhìn lại bảo: "Vị tăng ở xứ nào mà môi mép lấn lướt người, đâu còn ai hơn như thế?" Tấn Vương nghe vậy, càng kính từ biện đó. Bấy giờ, đạo tràng Tuệ Nhật vừa mới xây dựng, tìm chọn đồng một phong hóa, đều gọi là Long ượng và đều mở Nghĩa môn. Đã bày hưng thạnh từ đầu nhóm họp, bánh xe Chánh Pháp bắt đầu xoay chuyển. Tấn Vương bèn thỉnh Sư hết lòng, lời nói chẳng có thấy tôn trí kết. Sư đã được giúp khả năng chứa nhóm biện luận không ai vượt trước, bẻ trừ nghi ngại, đều nghiêng đổ hang huyệt, rất xứng với ước mong của Tấn Vương, nên tặng riêng Sư trăm tấm lụa.

Mãi đến lúc Vua Cao Tổ (Văn Đế - Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy tuần du đến phương Đông qua Đại Tông, loan giá tới y lạc, ban sắc thỉnh các vị Ngô tăng ở Giang Nam cùng các vị Đại đức ở Quan Đông lên điện dựng lập nghĩa. Sư vâng chiếu chỉ bước lên đầu, bày chương đối luận, khéo hỏi chợt phát, tất cả đều nhóm họp lẫn lộn, ngang dọc Lạc Dịch không gì chẳng tan, phép tắc mất mưu đồ. Vua Văn Đế rất mực chăm chú ngợi khen, các bậc anh tài đền tán thán khác lạ.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, tại chùa Vĩnh Phước ở Dương Châu có dựng lập một ngôi Hương đài, trang sức bằng các thứ vàng ngọc đẹp tuyệt, trong đời không gì sánh bằng. Đến lúc Tấn Vương (Dương Đế - Dương Quảng 605 - 617) lên ngôi, càng tôn trọng hơn, theo giá cùng đi, không đâu chẳng trải qua. Niên hiệu Đại nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Vua Dương Đế ban sắc mỗi quận chọn ra ba vị Đại đức vào Đông Đô ở Tứ Phương Quán, hành Đạo Nhân Vương. Riêng ban sắc cho Sư làm Đại Giảng Chủ. Suốt ba ngày ba đêm hưng khởi sự luận đạo, Sư đều vì phân chiết cao sướng, không gì chẳng rõ

ràng. Sư lại theo giá bày giúp, Phiên Vương thảy đều đến. Sư lại vâng sắc giảng Kinh Kim Quang Minh cho Vua Cao Xương Khúc Thị nghe. Sư tuôn lời nhã, trong sáng đặc biệt, người nghe đều ngợi khen. Khúc Thị trải tóc dưới đất để Sư bước qua.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, Vua Văn Đế đang ở tại Đông Đô, vì nhị Hoàng mà dựng xây hai ngôi tháp; tháp bằng gỗ ở Tây Kinh. Lại ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến an táng nơi tháp. Bấy giờ, khắp bốn phương các hàng đạo tục trăm quan chư hầu mỗi vị đều ban suất mọi vật quý báu đến đường phía Nam Thiên Môn, thuộc phía Bắc chùa Hưng Thiện, bày lập Thắng Tràng hơn ba mươi ngôi cờ cao phướn đẹp tiếp nối ảnh nổi giữa hư không, cây báu hương khói cao đồng như mây mốc. Rước linh cốt đến chùa Thiền Định, đều cùng thỉnh Sư khai giảng Kinh Nhân Vương, thấm đượm khắp các hàng sĩ thứ, Chánh Đạo tự lên, đều vui mừng tán thưởng. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy, tại Đông Đô, Sư lại Đồ họa tôn tượng Đàn hương của nước Quy tư cao một trượng sáu. Tôn tượng đó là do Ngài Cưu-ma-la-thập mang đến và có cảm ứng các điềm lành, nên được truyền trì. Nay hiện được thờ tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Châu.

Đến lúc thời vận nhà Tùy ly loạn sụp đổ, nhà Tiền Đường lên ngôi. Niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) đánh dẹp Đông Hạ, có ban sắc vì đất nước loạn lạc, chư tăng phải quấy khó nhận biết, nên mỗi châu riêng lưu lại một chùa ba mươi vị tăng, ngoài ra, số còn lại đều phải hoàn tục. Vua vì ở Lạc Dương là nơi nhóm họp rất nhiều vị có tiếng tăm, tấu thỉnh được phép ba trăm vị tăng đồng ở chùa Đồng Hoa. Sư v.v... cùng với năm vị nữa được ban sắc cho ở tại Kinh Thất. Bấy giờ, Sư theo Ngụy Trịnh nên là bị liên luỵ, chúa thượng vốn vâng thừa tiếng tăm đạo phong, riêng được đoái hoài đặc ân an ủi vỗ về, bảo trụ chùa Thắng Quang. Tần Quốc công đức đều quy hướng về chùa ấy.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Vua đang độ tuổi sức đượm, nên xe giá đến Quốc Học, sắp hành Thích Điện, ngay nơi Pháp đường đặt ba chỗ ngồi thứ lớp theo Tam Tông. Chúng lại ưa thích suy cử Sư dẫn đầu. Bấy giờ, các bậc tài học ở khắp năm Đô, những người thông hiểu cả Tam giáo, như Sao bày nghĩa học, mây bày chiếu hoa. Vua Cao Tổ ban sắc chiếu rằng: "Lão Giáo, Khổng Giáo là tiên tông ở xứ này, Phật giáo về sau mới hưng khởi, nên tôn sùng kính giữ lễ khách, bảo đứng đầu là Lão, tiếp theo là Khổng, và sau cùng là Thích Tông". Lúc bấy giờ, cùng trông nhìn không tỏ thái độ gì. Sư tuy lên chỗ

ngồi mà trong tâm không an. Nay lúc lên vì Tần Vương đích thân đến chỗ ngồi, nhìn thẳng vào mặt mắt Sư không hề xoay đi hướng khác, có bảo Trung Sử đến mười lần đến nóivới Sư rằng: "Chỉ nói về Phật Tông, trước nên phô bày đức hạnh của Vua. Ngoài ra không một thứ gì phải lo toan." Đã đến lúc cuối cùng nêu bày chân Đế thấu triệt thông ở trước, bèn bảo tông rằng: "Trên trời dưới đất, được người Vinh quý giúp đỡ, Duyên nghiệp có nguyên do, hẳn y cứ vào Phật Thánh. Nay sắp thứ tự lớn đến cùng, lý đủ lễ nghi. Và đều chấp tay qùy gối, khiến thầy trò có chứng cứ". Tiếng ban bố vừa dứt, Từ Hoàng Trữ trở xuống cho đến các Quan liêu, mỗi vị đều rời khỏi ngỗ ngồi, qùy gối đợi nghe nhận. Sư liền trước trình bày đức hạnh của Vua rằng: "Bệ hạ cao vời lớn lao như ánh trăng giữa muôn vì sao v.v...!" Tiếp đến, ngài nói về Thích Tông. Sau vì hai nạn đều thấu triệt cả hai giáo. Thần thang cao riêng bày, lưới nghĩa giăng cao, không ai chẳng bước theo ảnh hưởng phong thái vẻ vang. Ứng Cơ như mây tuôn vọt. Thế rồi, Vua xoay tỏa ánh sáng, kính khen lời nói ấy. Các hàng công khanh đều vái chào xin theo nghiệp lớn. Hoàng Cân Lý Trọng Khanh im lặng không đáp được, Bác Sĩ Thái Tửu, v.v... bó buộc lễ nơi Viên Môn. Mặt trời trí tuệ lại tỏa sáng, mây phép rộng tỏa ban. Ngay lúc đó, Vua lại ban chiếu hỏi Sư rằng: "Đạo sĩ Phan Đản tấu trình cho là Thái tử Tất-đạt-đa không thể thành Phật, sáu năm cầu Đạo mới được thành Phật. Vậy thì Đạo có khả năng sinh ra Phật, Phật do từ Đạo mà thành. Đạo là thầy là cha của Phật, Phật là con của là em của Đạo. lại nói thấu hiểu Đạo Lớn, phát ý Vô Thượng. Tiếng Phạn là A-nậu-bồ-đề, đời Tấn dịch là Vô thượng Đại Đạo. lấy đó mà nghiệm thì Đạo lớn Phật nhỏ, với việc ấy có thể biết". Sư liền lược đáp rằng: "Chấn Đán (Trung Hoa) đây cùng với Thiên-trúc còn xoay quanh trong biển, sánh như Lân châu. Lão Đan vào cuối thời nhà Chu mới dấy khởi, Đức Phật thì đầu thời nhà Chu đã xuất hiện. Tính về sự cách nhau có đến hai mươi đời Vua, bàn về thời gian đã trải qua hơn ba trăm năm. Đâu có Phật ở thời Vua Chiêu Vương (1000 - 976 trước Tây lịch) mà trở lại cầu đạo ở thời Vua Kính Vương (519 - 476 trước Tây lịch) ư? Câu nói luống dối nghiệm thật, đủ có thể biết. Lý trọng khinh hướng theo thứ lớp. Nói Đạo thì có Thái Thượng Đại Đạo, sinh trước trời đất, chứa nhóm bộc khởi trong sự trống rỗng. Đỏ rực chói loà trên Ngọc thanh, là thầy của Phật, chẳng nói là Lão Đam ở thời nhà Chu. Vả lại, trước Ngũ Đế chưa nghe có Đạo, cuối thời Tam Vương mới có tên Lão Đam. Đến thời nhà Hán về sau mới dấy khởi Đạo Học. Suốt cùng ngày nay, bàn xét thuở xưa, Đạo ấy là ai? Căn cứ theo bảy Điển tịch

chín Học phái, Điển tắc của Kinh Quốc, Tông Sư Chu Dịch, năm vận tương sinh đã mở Lưỡng nghi. Âm Dương từ đó được phán định, nên nói một Âm một Dương, gọi là Đạo. Âm Dương chẳng thể lường biết, gọi là Thần. Trời đất ở nơi sự việc có thể rõ biết. Âm Dương tại sinh mà có ứng nghiệm. Lý ấy rõ ràng, chẳng nói có Đạo sinh trước Trời Đất. Đạo đã chẳng thể lường biết thì từ đâu mà có thể sinh Phật? Nên Xa Dận nói rằng: “Ở mình là Đức, rộng đến chúng sinh là Đạo”. Ân trọng văn nói rằng: “Đức là Đắc. Đạo là Do, nói đắc Hiếu ở tại Tâm, do đó mà thành”. Luận Hành nói rằng: “Lập Thân thì gọi là Đức, thành Danh thì gọi là Đạo”. Đạo Đức là như thế. Đạo do Lý Trọng Khanh nói sao khác ấy ư? Nếu khác thì chẳng đáng để quy hướng kính tin. Đâu có đầu đội mũ vàng ròng, thân mặc áo hạt mầu vàng, mai rủ tóc bạc trắng, tay cầm Ngọc Chương, biệt hiệu là Thiên tôn ở trên Đại-la, riêng gọi là Đại Đạo sửa trị trong Ngọc Kinh, chỗ của núi biển chưa rõ ràng, điều mà trong Kinh Sử không ghi chép. Đại La đã không có nói, Ngọc Kinh vốn chẳng có chỗ bàn!” nói xong, Sư liền xuống tòa, cả triều đình đều chú mắt nhìn. Bấy giờ, riêng y cứ Từ tông, ngoài ra các thuật khác không vì lý do gì mà thối lùi. Một chỗ ngồi phẩy quật, muôn đời làm thuyền bè, đáng kính chuộng, đáng bắt chước, lập công phu, dựng sự nghiệp. Gần thì nhờ sức may mắn, xa thì đội nhờ ân hộ niệm!

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư vì vâng mang đặc biệt, nghĩa phải chuộng điều lành, kính vâng vì Thánh Thượng mà xây dựng tháp Xá-lợi tại chùa Thắng Quang, thiết trí tôn tượng trang nghiêm, đầy đủ các thứ thần biến. Và lập đạo tràng Phương Đẳng, ngày đêm sáu thời ngồi thiền giữ gìn ba nghiệp. Đến ngày hai mươi tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng cũ, thọ bảy mươi sáu tuổi. Môn nhân đệ tử Sư là Sa-môn Đạo Chương trước đã kính vâng Di Chỉ, bèn cử hành lễ trà-tỳ tại cửa hang Nam Sơn, gom tro tàn còn lại đem về chùa Thắng Quang xây tháp thờ Sa-môn Pháp Lâm soạn Văn bia, sự tích nầy thấy ở Biệt tập.

Chỉ mình Sư giải tỏa sự mờ tối, vào Đạo, hộ trì Chánh Pháp lấy đó làm tâm. An ủi chúng sinh, giúp đỡ kẻ khốn cùng, càng lưu tình khúc từ biện Sư không đuối lý, văn nghĩa đều dương cao, Viết đưa như dòng chảy có hơn cả tụng tập trước. Chỉ một thuật ấy hết đời Sư là bặt vết. Đích thân Sư trải qua ba triều đại, chính sách đổi thay có sáu đời vua, Sư từng đến trong điện đối mặt với các vị Vua, thần khí tiêu tán, sáng suốt cả tường nhận. Tự thấy đức sáng, không ai chẳng suy tôn. Lại nữa, các hàng Khanh Sĩ Vương Công phi tần thứ tộc đều bẩm hương xoa, bày

sáng cúng lễ. Sư giảng các kinh luận như Niết-bàn, Bát-nhã, Kim Cổ, Duy-ma, Địa trì, Thành Thật v.v... mỗi bộ đến mấy mươi biến.

Sa-môn Đạo Chương giống như đệ tử của Sư. Thuở thiếu thời rất được cung phụng. Sư lập tánh rất thành thật, có tài tán tụng, lời tiếng trong sáng êm ái, rất có thế ở đương thời. Mỗi lúc Ngài Tuệ Thừa vì Đô giảng pháp, Sư cũng tùy thuộc theo khuôn phép thường. về sau, ở Kinh ấp mọi người nương tựa rất đông, ảnh hưởng rất nhiều.

3- Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh đô:

Thích Trí Thật, họ Thiệu, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Thuở nhỏ, bọn trẻ nhóm họp hẳn quỷ quyệt dua dối vượt khác, Sư có dự cùng bàn luận, ắc đem Phật lý nói trước.

Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, trụ chùa Đại Tổng Trì. Nghe giảng thứ lớp đến chỗ sâu mầu. Mọi người cùng dự đều mến quý Sư. Tuỳ dùng duyên nhỏ mà thông sướng xa rộng. Từ các kinh luận như Niết-bàn, Nhiếp Luận, Câu-xá, Tỳ-đàm, Sư đều soi xét nghĩa sâu, mở toang các then chốt. Thêm vì năng lực Tư duy bền vững trong sáng, tài khí hùng hồn. Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) bình trị nước Trịnh. Có ba vị Đại Pháp sư như Sa Môn Tuệ Thừa, Đạo tông và Biện Tướng đi về hướng Tây đến Kinh đô. Chúa thượng lúc bấy giờ làm Tần Vương oai minh vũ nội, Tâm chí rất kính thờ Thích Môn, bèn thỉnh ba Pháp sư nói trên đang ở kinh ấp cùng các vị có khả năng luận đạo hơn hai mươi vị tăng đến tại cung Hoằng Nghĩa, suốt đêm pháp tập. Bấy giờ, Sư vừa mười ba tuổi, được dự ngồi ở cuối tòa. Chúa thượng bảo sai Sư Đối luận. Sư mở lời trong sáng trội vượt, kinh hãi vượt ngoài mọi điều học trước. Chư tăng mới đến không dám tiếp hưởng. Chúa thượng cùng các Vương hầu khác lời đồng ngợi khen Sư rằng: “Vị Pháp sư nhỏ này rất tài giỏi. Sau này sẽ tiếp nối làm ngời sáng Tam Bảo!”. Giữa hai đầu chân mày của Sư có sợi lông hào dài đến mấy tấc, có ánh sáng chiếu soi giữa vầng trán. Sa-môn Cát Tạng từng xoa đảnh đầu Sư và sợi lông trắng ấy bảo rằng: “Ông có tướng khác lạ, sẽ tiếp nối gót của bậc Năng nhân. Chỉ tiếc là nay tôi tuổi đã già suy không thấy được ông thành đạt đức hạnh.”

Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, bọn rợ Hiểm Duẩn Khổng Xý thường đốt lửa doanh trại, trước đến đất Bắc. Quan quân cùng chống cự. Có Sa-môn Pháp Nhã là người sớm được biết trước. Võ Hoàng rất mến trọng, ban cấp cho người vợ lẻ, mặc tình để tạo tội trộm cướp. Tăng chúng đều lo sợ không ai dám trình bày cản

ngăn. Pháp nhã tấu trình xin ngàn vị tăng mạnh khỏe tại các chùa ở kinh đô sung vào quân lính, có sắc lệnh chấp thuận đó, Pháp nhã liền nhóm họp tất cả, chọn lựa lập Đoàn Đội riêng. Đã bức bách bằng Vương oai, mọi người im lặng, không kháng cự. Bấy giờ, Sư mới hai mươi mốt tuổi, tìm hiểu sâu xa về nỗi lòng của Pháp Nhã, sợ dấy khởi dị độ, sự việc rõ ràng thì sẽ phiền lụy đến Đại Pháp, Sư bèn gởi thư đến cùng Pháp nhã rằng: “Tôi và ông đồng sinh trong thời Tượng quý, cùng gặp lúc bị lấn bức. Buồn thay sự rối ren trong sáu đường, xót thương cho sự chưa tỏ ngộ của bốn sinh! Ông thường đến chốn Phụng quyết, từng đối diện với Long nhan, lý đáng nên rưới nước Cam lộ vào tâm thức Vua, giăng bủa mây lành cho các loài chúng sinh, sao lại khởi chợt kiến chấp đối với Sao lành mà cổ xúy tâm xấu ác của Điều-đạt, khiến ảnh hưởng đến thánh thiện, chìm mất ở đương thời, vết xấu lan tỏa ở đời sau. Há chẳng vì triều làm sao nhẫn xét nạp rơm củi? Buông lung tình ngu này, thuật bày sự thấy biết chưa rõ ấy. Than ôi! Đáng buồn, thật thương cho loại đó. Vả lại, từ khi kinh điển đã dứt đoạn, thì chẳng hề sinh lại, chẻ đá đã phân, nghĩa không hợp lại. Gấp mang y bát sớm ra khỏi chốn Già-lam, khiến trong đục khác dòng, lan ngãi khác biệt, khiến cho các quan chấm dứt sự bàn luận chê bai, Phạm chí vắng bặc tiếng phỉ báng. Nước Định nghẽn mà được thông. Đèn tuệ tối lại soi chiếu. Lời này đến mức, tưởng thấy như nước chảy!” Pháp Nhã nhận được thư càng tức giận, khoa đốc càng tha thiết, chuẩn bị đầy đủ các thứ Quân khí, định ngày phát khởi. Sư vào trong chúng đó, gào khóc lớn, kể lại điều trái nghịch ấy. Phá hoại Đại Pháp Luân tức là việc ma. Cùng dự tại đó có ngàn vị tăng đồng một lúc gào khóc, khiến người nghe chạnh lòng rơi lệ. Sư bèn túm lấy Pháp Nhã, vung đánh mấy đấm tay bảo rằng: “Nay ta hàng ma, tà chánh có được nơi y cứ”. Pháp Nhã đem việc ấy tấu trình lên Vua rằng: “Đạo nhân này rất thô lỗ, giao phó pháp tìm khắc, liền bị gông cùm giam cấm”. Ban đầu, Sư không tỏ thái độ khiếp sợ. Đến lúc sắp hành tội, Bộ Xạ Tiêu Võ v.v... tấu trình rằng: “ Sư là người rất tinh tấn, có tiếng tăm.” Vua bèn ban sắc bãi bỏ và buộc Sư phải hoàn tục. Và ngàn vị tăng bị chọn lựa ấy được đình chỉ và trở về chùa. Sư tuy trở về thế tục mà việc binh dịch được bãi bỏ, trong cõi lòng vô cùng vui mừng thanh thái, chẳng hề có niệm tưởng kết hận.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc cho Trị thư thị ngự sử Đỗ Chánh Luân xem xét trong Phật pháp có được thanh tịnh chỉnh túc chăng, hay có phi lạm. Sư lo sợ Pháp Nhã còn cậy vào chấp trước xâm lạm đến tăng chúng

thanh tịnh, bèn gởi thư đến nói với Đỗ Chánh Luân rằng: “ Trí Thật tôi là vị tăng bị vùi dập giữa thế tục có lời trình rằng: Thật tôi ở tuổi nhớ quýt được gọi là thanh tín, đến tuổi hái mận đã thấm được nơi vị Tức Từ. Tuy trí cạn, khả năng nhỏ hẹp, nhưng dám cầu mong tiên đạt, trộm thấy ở chùa Hóa Độ có Sa-môn Pháp Nhã, do nhân lành đời trước nên được quả ở đời nầy, như An thượng đến đất Tần, Viễn Công vào xứ Tấn. Đúng lý nên giữ hạnh của Hộ Nga, gìn tâm của kết thảo, nghĩ báo ân của Hoàng Vương, kính thờ đền đáp ân đức che chở. Sao ở nơi viện lắng Chi-đề thường làm kẻ giết hại trong rừng tinh xá trấn làm nhà cho vợ con, tước cởi pháp phục của ngàn vị tăng. Bốn biển xót thương buồn cảm đến động đất, phỉ báng kinh pháp củabảy Đức Phật, muôn nước đồng than oán mách báo tới trời. Từ khi Vua Minh Đế (Lưu Trang 58 - 76) thời Hậu Hán mộng thấy người vàng, Tôn Giả Ma Đằng vào Lạc Đô cho đến ngày nay, vô số bậc danh nhân đều có nghe. Hoàng Đế (Thái Tông) lên ngôi vỗ về nuôi dưỡng muôn phương, muốn cho Vương Đạo trong sáng, biển Pháp không dơ tạp. Công (Đỗ Chánh Luân) răn kính Danh phụng tiết, hứa vì Đạo mà quên mình, trừ tai ương của Cam Giá, nhổ bỏ cây rỗng ruột, khiến rừng thiền rậm rạp, vườn tuệ mở thoáng, kính mến thật vui mừng tiếng tăm vang động đến Bang Quốc. Đâu nỡ để tà nịnh ấy, vẫn bưng bát ở Kỳ-hoàn, bỏ sự liêm khiết trong trắng của mình, dứt bặt kinh hành nơi linh tháp, cửa Rồng sâu thông, kính thấy không do đâu được? Ý trời cao vợi, trở lại hỏi biết ngày nào! Chỉ có Công soi đồng như gương nước, trí xét thấu sâu xa nhỏ nhiệm. Ngưỡng mong cứu vớt, kinh hãi giúp ở hàm hoa, tế độ vãy cạn nơi vết cùng. Khinh tỏ bày liên can, càng thêm lo sợ!”. Về sau, Pháp nhã vì tánh tình nhỏ hẹp cuồng rồ nên bị giết. Đỗ Chánh Luân đem tấu trình lên sự việc ấy, Vua Thái Tông bèn ban sắc rằng: “Sa-môn Trí Thật dùng kinh luận cáo giác pháp nhã, tự dự biết thô xẳng. Kể từ khi hoàn tục đến nay lại không hề khuyết phạm giới hạnh, nên y như cũ mà xuất gia”. Nhân đó, Sư bèn trở lại phòng xưa chùa cũ, bao gồm đạo nghiệp xưa trước, nhặt nhạnh bàn xét đến chỗ sâu mầu, rất có tiếng tăm ở Kinh thất.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Vua xe giá đến Lạc Châu, bèn ban sắc rằng: “ Lão Quân ban trải khuôn mẫu, nghĩa tại thanh hư, Thích-ca để lại phép tắc, Lý còn nơi nhân quả. Tìm cầu về giáo ấy thì cấp dẫn khác đường, suy xét về Đạo phong thì cứu giúp đến tận cùng. Nhưng hạnh của Đại Đạo, mở đầu xa xưa, nguồn phát xuất mới đầu không tên gọi. Sự cao vượt ngoài hữu hình, xa hẳn lưỡng nghi mà vận hành, bao gồm muôn vật mà hưởng dục, nên có khả

năng kinh bang đặc trị, trái lại chất phác đơn thuần. Đến như nền tảng hưng khởi của Phật giáo phát xuất từ Tây vực, mãi đến thời Hậu Hán mới truyền bá tới Trung Hoa. Lý của thần biến có lắm phương, duyên của Báo ứng chẳng phải một. Đến thời đại gần đây, mọi người kính tin thấm sâu, người mong phước ngay năm nầy, nhà lo sợ họa ở đời sau. Do đó mà những người vướng mắc bởi dòng tục nghe Huyền tông mà cười lớn. Kẻ ham thích khác lạ thấy Chân Đế mà tranh nhau quy về. Mới đầu gợn sóng tuôn trào nơi đầu làng xóm, rốt cùng lan tỏa đến tận chốn triều đình. Khiến cho Điển tịch khác tục chứa nhóm làm trước các thứ nhiệm mầu, giáo nghĩa ở Chư Hoa phiên dịch rất nhiều sau Nhất Thừa. Ngầm trốn quên trở lại, đến nay đã nhiều đời. Nay thời vận khắc xương, đã nương nhờ sự tốt lành của Thượng đức. Khắp đất nước được an định cũng nhờ công của Vô Vi. Nên có giải thích mở bày huyền hóa ấy, từ nay về sau, thực hiện trai cúng đi đứng và đến cả như xưng gọi thì Đạo Sĩ và nữ Đạo Sĩ được ở trước Tăng ni. Ngõ hầu thuần trở lại phong tục của gốc gác, thỏa xứng nơi cửu hữu, để lại đến muôn đời". Bấy giờ, chư tăng ở Kinh Ấp rất mực can ngăn, có nói rõ trong Biệt Kỷ. Sư chỉ vì Tượng vận chìm đắm mà mở sáng là mục đích, bèn dẫn Đại đức Pháp Thường, v.v... tất cả vị người theo giá đến cửa cung, dâng biểu văn tấu trình rằng: "Pháp Thường, v.v... chúng tôi tuổi đến xế bóng mới gặp được đời thái bình, nhan mạo đồng như Bồ Liễu mới gặp được Quân Vương minh thánh! Trộm nghe cha có can ngăn con, Vua có can ngăn thần. Pháp Thường, v.v... chúng tôi tuy dự phần xuất gia, nhưng vẫn thuộc hàng bề tôi, con cái, có sai phạm không ẩn lấp, chẳng dám tỏ bày. Kính thấy chiếu thư, nước nhà vốn xuất phát từ Trụ hạ, tôn kính Phong hình của Tổ ở nơi phép điển trước, ban cho thiên hạ chúng ta không đức mà xưng. Bảo các hàng Đạo Sĩ đứng trên trước chúng tăng, kính khắp thi hành, đâu dám kháng cự sắc chiếu. Tìm xét Lão Quân, ban trải khuôn phép trị nước trị nhà, đeo mang chương phục cũng không đổi khác, chẳng lập Quán Vũ, chẳng lãnh đồ chúng, ở Trụ Hạ để toàn chân, ẩn Long Đức mà dưỡng tánh. Người trí thấy đó cho là Trí. Kẻ ngu thấy đó cho là Ngu. Chẳng phải Lỗ Tư Khấu thì không thể nhận biết được. nay đây các Đạo Sĩ chẳng vâng theo pháp ấy, đắp mặc y phục đều là đồ thừa của Hoàng Cân, vốn chẳng phải là con cháu của Lão Quân, thực hành các phương thuật sai trái của Tam Trương, bỏ đi năm ngàn pháp môn mầu nhiệm. Trái lại đồng như Trượng Võ, mạn thực hành chương cú. Từ thời Hán Ngụy về sau thường dùng Đạo quỷ giáo hoá người thế tục. Vọng gá sau Lão quân, nhưng thật là mầm mống của Tả

Đạo. Nếu đặt để địa vị trên trước chúng tăng, thật sợ chân ngụy đồng dòng, tổn hại đến phong hóa nước nhà. Nếu chẳng trình tấu, lấy gì phô bày tình của tôi thần con cái? Kính cẩn ghi chép Đạo kinh và các Sử từ thời Hán ngụy, những việc Phật trước Đạo sau. Cúi xin y như trước, mong Thiên từ rủ lòng nghe xét!" Vua ban sắc sai Trung thư thị Lang Sầm Văn Bổn tuyên sắc bảo cùng chư tăng v.v... rằng: "Minh chiếu ban hành đã từ lâu, nếu ai chẳng vâng phục thì bị đánh bằng gậy". Khi đó, các vị Đại đức v.v... đều nghĩ mạng khó nên đành nuốt khí ngậm lời. Riêng mình Sư mạnh dạn đứng dậy, trước Sư bảo rằng: "Chẳng phục lý ấy, dưới muôn nhận đành lòng chịu tội". Sư bèn bị đánh bằng gậy và được thả trở về. Sư nghĩ đi quanh kinh đô rồi ẩn vết ở Hoa ấp, đến ở Tam Nguyên thuộc Vị Dương. Các Đồng bạn có tín tâm tìm đến như mây nhóm, tình chấp chẳng có nguyên nhân phát sinh. Sư bị cảm bệnh khí, tự biết mạng sống còn chẳng bao lâu, muốn giã biệt với mọi người quen biết cũ, mà bình thường Sư chẳng gần gũi, bèn bảo bốn vị đệ tử mỗi vị khiêng lấy một góc giường đi đến nơi chùa cũ, Sư vẫn tỉnh táo sáng suốt chẳng tạp loạn. Vời gọi các người bạn cùng biết đến nắm tay mà nói lời từ biệt rằng: "Trí thật tôi thực là hư bạc vọng xen vào trong chúng tăng, hoài mong một đời đã đến, biết nói lời gì? Chỉ tiếc thân này chết rỗng, chẳng hề vì Pháp, rất lấy làm bùi ngùi! Gần đây mộng thấy vị tiên A-tư-đà đến bảo là thường được xuất gi, nghĩ rằng chẳng phải nói suông!". sau đó chỉ thời gian ngắn. Sư thị tịch tại chùa Đại Tổng Trì, thọ ba mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638)!

Từ thuở bình sinh, Sư đã chẳng hay vào Phố chợ, không cầm giữ tiền bạc vật báu, chẳng cầu liên quan đến danh lợi. Ba y bình bát thường chẳng lìa thân, tuy thường ngày qua lại mà từ đầu không tạm lìa. Chí hạnh nghiêm túc rất có khuôn phép, nhiếp trì dẫn dụ có nhiều phương cách. Nên các hàng đạo tục ở bốn phương xa cũng như chư tăng ở ẩn phần nhiều đều đến nương tựa Sư. Ngài có bảy vị Sa-môn thân gần gũi hầu hạ, đều cung cấp tiếp thừa có thứ lớp và đều cùng vui mừng. Tháp cũ ở chùa Đại Tổng Trì ít có người sửa sang phụng thờ, Sư thường lo hương đèn cúng dường lấy làm việc chính. Lúc bệnh đã trở nặng, nhỏ giọt nước chẳng thông đã trải qua mười ngày, vị thị giả trái thời đem nước trái cây đến. Sư bảo: "Đức Đại Thánh ban chế giới pháp ấy có thể xem thường ư? Tôi thấy lúc sắp qua đời có nhiều người phạm giới, há khiến cho công phu nhiều đời bị vùi lấp nơi một cổ họng hay sao!". Sư bèn ngăn lại. Có người hỏi về hậu sự, Sư đáp: "Thí như dây cung bắn

mũi tên hết lục liền rơi. Trông khắp chốn núi sông, không hề có tâm thân sơ. Tùy thời lường chỗ, xét sự lấy làm cốt yếu”. Bèn an táng trong mộ tháp của chư tăng tại ngoại ô phía Nam. Đó cũng là một phương thức của những người đã thấu đạt tánh. Sau khi Sư thị tịch các hàng Tín Sĩ ở Tam Nguyên trong khoảng hơn ba trăm dặm đều vì xây dựng linh miếu, mỗi đêm có bốn, năm trăm người nhóm họp đến như chịu tang người thân, mãi đến sau trăm ngày chúng mới phân tán!

Ban đầu tại chùa Đại Tổng Trì có Sa-môn Phổ Ứng cũng là bậc tài sĩ ngời sáng, thông hiểu Kinh Đại Niết-bàn và Luận Nhiếp Đại Thừa rất thấu đạt yếu lược. Vì Phó Dịch tấu trình sự việc, chư tăng mịt mờ không người nào dám ngăn cản. Ngài mới vào Bí thư Đại Cục Công Tập. Lang Giám bảo Phó Dịch đối luận. Phó Dịch không lời đối đáp, chỉ nói rằng: “Kẻ ngu ngốc nói lời yêu mị, không nhọc phải lần lượt tiếp”. Sư bảo: “Yêu nghiệt tạo tác, thì nước nhà đồng diệt mất. cớ sao Hiền Thánh đồng tôn kính mà riêng ông lại xem thường khinh mạn?” Phó Dịch chẳng đáp, Sư trở về soạn “Phá Tà Luận” hai quyển, lưng mang chiếu trúc đi tắt đến triều Đường đểu tấu trình. Bấy giờ, người coi việc vì Thánh thượng mở Trị thông gián. Rơm củi tuy nhận nạp mà biểu của Phó Dịch chưa đưa đến. Lý đáng chẳng vì trình Đạt, Sư bèn viết chép nhiều bổn luận, hằng ngày đến triều xét, khanh tướng Lang Thự cổ xúy lời biểu của Phó Dịch, nắm tay Phó Dịch cùng bàn về Chánh lý. Sở học vốn cạn cợt, nương gá vào ngôn từ ở người, ngậm miệng chẳng đối đáp. Đó cũng là Bành hưởng mạnh mẽ, chư tăng tài giỏi chẳng thể đè nén họ. Thầy Sư là Sa-môn Pháp Hạnh cũng là vị tăng trong trắng, đều trụ tại chùa Đại Tổng Trì, đứng đầu trong chúng tăng, tự lập tiết tháo cao trội chẳng đồng với mọi vật. Mỗi ngày sáu thường đứng tham quán tượng, tự hỏi tự đáp, vào trong Tiến điện, cho đến nhọc để lại ứng tiếng như hiện có, tinh thuần thành thật, riêng lập chúng khó thêm được. Nên lại chăm chú vào đó lấy làm cao hạnh. Ngài Pháp Hạnh thấy các tháp miếu thì gia công sửa chữa giữ gìn, dùng bột đỏ để làm cho chúng sinh tôn kính. Các điện ở các chùa tại kinh đô nếu có điện nào chưa họa vẽ thì đều vẽ, ghi chép họ tên, như các chùa Thắng Quang, Bao Nghĩa v.v...

Vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, chưa được một năm thì các chùa thiếu thốn đói kém, khói lửa chẳng nối nhau. Chỉ có chùa Tổng Trì là danh thắng, mà Sư là người dẫn trước, bèn nhóm hội Tăng luân, thệ nguyện mở đường lương thực, người lường một thưng, chủ khách đều vậy. Bấy giờ, mọi người tìm đến, thường ngày có cả trăm.

Sư kính cẩn có được chút vui mừng không hề nói là mỏi nhọc, mà ngài Pháp hạnh khởi niệm nhỏ nhiệm phơi bày nỗi lòng, nhàm chán biếng trễ. Sư liền hối bảo người mở lớn nghiệp Quỷ, cớ sao tự khổ lụy mến tiếc thức ăn của người khác ư? Mỗi sáng, Sư ra cửa, chóng mời khách bạn, vui vẻ nói cười, trông nhìn hỏi han đón tiếp, thường bày Bình bát úp đặt trên vải. Lúc trúng mùa màn, Sư vẫn như lúc đầu, chẳng nghỉ ở nhà. Sau, Sư đến nước Sở giảng Luận Di Giáo, cho đến lúc qua đời.

4- Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam:

Thích Pháp Lâm, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Tổ tiên xa xưa của Sư theo nghiệp làm quan nên đến ngụ ở Tương Dương. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, đi khắp nơi tìm học cả Nho giáo Thích Giáo, rộng thấu suốt từ nghĩa. với các xứ Kim Lăng, Sở Dĩnh, Sư đều theo đường hỏi đến bến bờ, từ vườn văn rừng tài, không đâu Sư chẳng tìm đến, mà trong ý vẫn còn giềng mối cứng rắn, chẳng doanh tạo nổi trôi thêu dệt, nương gá với hoang vắng, ăn dùng lá cây ở núi Thanh Khê v.v... Ngày thì Sư tiếp thừa dạy răn kinh Phật, đêm thì ngâm vịnh, xem sách thế tục. Nên đối với văn từ ý chỉ nội ngoại giáo điển, Di Văn Kinh vĩ, Sư đều tinh thông được chỗ kết quy và bao quát được chúng phong vận Sư nhàn nhã, giấu đức ngầm âb, khí mạo sắc thái dương cao, tỏ bày thần lược.

Cuối đời Tùy loạn lạc, Sư vào Quan nội quán sát giáo hóa, dòng lìa tám nước, đoái hoài rão bước khắp ba Tần, thường dùng hoè lý Tiên Tông trình bày lẫn nhau về Danh thật. Xưa kia ở tại Kinh sở cứng rắn văn ấy, mà Bí pháp Kỳ Chương vẫn chưa tham cứu bao gồm, tự chẳng đồng hình phục ấy. Bày tỏ bổn tình ấy mới thể nhận được Tông Sư đó, vắng lặng, lăng xăng. Sư bèn tạm xả Pháp phục, để tóc dài nhiều năm, ngoài gồm thông Nho môn, trong mong cầu thuật của Lão Đam. Khoảng đầu niên hiệu Nghĩa Minh (617) đời Tùy, Sư bèn giả đội mặc đai khăn áo hạc, theo đến ở Quán. Sư vốn thông hiểu Trang Lão, bàn nói tuôn nhã trong sáng, nên các hàng Đạo tục đượm phục tinh hoa ấy, kính bái mà theo Sư. Tình khế hợp chẳng hai, cùng thứ lớp với Kim Lan. Nên đối với Văn từ kia cấm, mọi người đều đem hỏi Sư để lấy sự quyết định. Đến nỗi khiến cho LýTông (tín đồ Đạo Giáo) kính trọng đạo Phật mà bỏ đạo mình. Bày lời dối của Ngụy Cát giải thích tựa đề phẩm lục.

Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư xoay trở lại với Thích Tông, ôm quyển đến trụ chùa Thê Hoàng hỏi Đạo. Vì đất Vua đồng quy về Danh Giáo thì cổ Xúy lời Trịnh Vệ, Dịch có thể làm

khuôn phép. Sư bèn trụ chùa Tế Pháp ở kinh đô.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, có Thái sử Lệnh Phó Dịch trước kia vốn là Hoàng Cân rất chống đối Phật Pháp, tấu trình việc phế dẹp Phật Pháp có nói một điều trong mười: "Kinh điển Phật giáo luống dối, lời lẽ yêu mị, sự việc ẩn khuất, tổn nước hại nhà, chưa nghe nói có lợi ích cho đời, xin thỉnh phật - người nước Hồ và tà giáo lui trở về Thiên-trúc, phàm những ai là Sa-môn thì phải trở về quê cũ được như vậy, thì nước nhà xương thạnh mở lớn, giáo điển của Lý Khổng mới lưu hành". Võ Hoàng dung có lời tiểu biện ấy, Triều Phụ không thể chống đối. Bấy giờ, đó gọi là đi theo lối tà mà bỏ phế đường rộng, không ai chẳng lo sợ. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) mới ban sắc hỏi rằng: "Cạo bỏ râu tóc của cha mẹ, vất bỏ chương phục của vua tôi, lợi ở trong khoảng nào, ích ở ngoài tình nào, hai thứ tổn hại và ích lợi, xin sự khéo giải thích". Sư tức giận khơi từ của Phó Dịch, bên cạnh lại nghe minh sắc, thừa dịp có điều hỏi ấy liền đáp rằng: "Pháp Lâm tôi nghe: Chí Đạo dứt bặt ngôn từ, chín Học phái đâu thể biện rõ được. Pháp thân không có ảnh tượng, mười dực chẳng thể giải thích được. Chỉ vì bốn đường mênh mông đắm chìm trong biển Dục, ba cõi khuấy động điên đảo vùi lấp trong núi tà. Các đệ tử mê nên tự thiêu đốt, phàm phu đắm chìm chẳng thể thoát ra. Nên Đức Đại Thánh vì thế mà xuất hiện ở đời, các bậc chí nhân do đó mà giáng hiện điềm linh, mở cửa giải thoát, chỉ bày cho con đường an ổn. Từ đó, Vương chủng ở Trung Thiên, giã từ ân ái mà xuất gia, ở Đông hạ quý Du nhàm chán vinh hoa mà nhập Đạo, thề vượt ra khỏi hai thứ sinh tử, chí nguyện mong cầu nhất diệu Niết-bàn, mở rộng điều lành để báo đáp bốn ân. Lập đức vì giúp ba cõi, đó là lợi ích. Hủy hoại hình sắc để thành tựu chí khí nên xem thường dung mạo xinh đẹp của râu tóc, biến đổi hình tục để hợp với Đạo nên vất bỏ y phục đẹp vua tôi. Tuy thân hình thiếu sót nhưng kính phụng gần gũi mà trong nhớ hiếu nghĩa. Lễ trái thờ chủ mà tâm cất giấu ân ấy. Đượm nhuần khắp kẻ oán người thân vì thành Đại thuận, Phước thấm nhuần u hiển đâu bó buộc bởi trái nghịch nhỏ. Người thượng trí y theo lời Phật cho nên làm điều lợi ích. Loại hạ phàm thiếu điều Thánh giáo cho nên làm việc tổn hại. Trừng trị kẻ ác thì kẻ lạm tự đổi mới, khuyên làm điều lành thì mọi người được cảm hóa, đó là Đại lược". Điều Phó Dịch tấu trình tại ty phủ chưa thi hành. Phó Dịch bèn viết nhiều Biểu Trạng, xa gần ngang nhiên truyền bá, từ Kinh thất cho đến thôn dã, đều lưu truyền lời chê bai là ngu ngốc, bàn luận dữ dội nơi quán rượu, xướng lời bịa đặt của Hồ quỷ. Ánh sáng mặt trời Phật bị ngăn che chẳng sáng, Tăng

oai ngăn trở ngại không thế lực. Bấy giờ, các hàng Đạo tục đạt lường, huân hào thành luận chẳng phải một, mỗi người đều trình bày phật lý, dẫn nêu đầy đủ Văn Phạm, gá bày nghiệp duyên, xét rũ Tà Chánh, chỉ đều là chỗ dẹp của Phó Dịch. Đâu có dẫn phế bỏ chứng thành, tuy nói là phá tà mà cuối cùng bị tà phá.

Tâm tình Sư chính là ở huyền cơ, riêng nhận biết suốt ngàn năm, khí cục Sư do trời truyền trao, rộng tỏ ngộ, mới sinh ra đã tỏ biết, trông thấy các tác phẩm đều không công hiệu, tin có thừa Quyền phải có y cứ, bèn soạn "luận Phá Tà ". Trong đó, Văn từ Sư viết rằng: "Trang Chu nói " Trong sáu Hợp, bậc Thánh luận mà chẳng nghị bàn. Ngoài sáu Hợp, bậc Thánh còn mà chẳng luận". Lão Tử nói: "Trong vực có bốn Đại, mà Đạo là bậc nhất". Khảo xét chỗ rốt cùng của Thi, Thư, Lễ, Nhạc. Trước trung liệt, hiếu, Từ chỉ muốn sửa sang rõ ràng về luân thường. Ý còn kính thờ Vua cha. Chí Đức chỉ là trên an trị Dân, Yếu Đạo chẳng ra khỏi dời đổi phong tục. Tự giữ gìn trái Lỗ, há ghi thuật lời của giải thoát. Sáu phủ chín loại chưa hoằng tuyên yếu chỉ rốt ráo. Căn cứ vào Nghệ Văn Chí thời Tiền Hán ghi chép các sách có tất cả mười ba ngàn hai trăm sáu mươi chín quyển, không gì chẳng phải là công hiệu ở lợi ích gần, đều chưa hợp với đường xa, thật tự hạn cục trong một đời. Chẳng xoay lại nhổ vượt ngoài ba đời. Bèn giúp cho thấy lý nhân quả trải qua sáng mà vẫn mờ tối, nghĩa của nghiệp báo tốt xấu trải qua gò đồi mà chưa hiểu. Đó đều là chứa nhóm xoay vần của sáu hợp, khuôn tục của năm thường, há khỏi bốn dòng sôn lớn làm nơi sinh ra phiền não, sáu đường ồn ào tạo nghiệp trần lao. Thật Tướng mịt mờ vượt hẳn Đạo của yếu Đạo, Pháp thân vắng lặng ra ngoài cao huyền lại huyền. Chỉ có Đại sư của ta mới thấu suốt Diệu giác ấy, hai bên chóng dứt trừ, muôn đức đều dung thông, không thể dùng cảnh trí mà tìm cầu, không thể dùng hình danh mà chấp lấy, cho nên pháp giới năng lường mà hưng khởi tâm Bi, xét đo hư không mà lập thệ nguyện, do đó, hiện sinh vào cõi nước do uế, ra đời nơi cung vua, bày thân vàng ròng, nhã tướng ngọc hào. Ban rải mây từ nơi đường tối sương mốc cuộn. Đi thì sen vàng đỡ gót, ngồi thì tòa báu nâng thân, ra thì chúa trời dẫn trước, vào thì Phạm vương theo sau. Các hàng Thanh Văn, Bồ-tát nghiễm nhiên như triều nghi, Tám bộ hiện sáu thứ rung chuyển, nói pháp Bát-nhã thì trời tuôn bốn thứ hoa như mưa, trăm phước trang nghiêm, tướng trạng dường như trăng tròn soi rọi biển xanh, ngàn ánh sáng chiếu diệu tợ nhóm tụ ánh ngời của mặt trời nơi núi báu. Cất một tiếng rống sư tử thì ngoại đạo bẻ gãy mũi nhọn. Trống pháp tạm gióng lên thiên ma cúi đầu, nên gọi

là Phật, là Pháp Vương. Há cùng với Lý Nhĩ ở cuối thời Chu suy sụp mà sánh đức, tranh quyền hành ư? Khổng Khâu ở thời mạt thế cùng là một loại. Do đó trên trời dưới trời, riêng tôn xưng là đấng Điều Ngự, cõi Tam thiên đại thiên đều kính ngưỡng thấm nhuần Từ Bi. Nhưng lý thú sâu xa, nhờ nơm lưới mà tỏ ngộ sâu, Giáo môn phương tiện khéo léo, nương thầy bạn mới thông hiểu. Bao gồm về giáo thì cả tạng gồm có tám mươi bốn ngàn, Văn từ của Nhị Đế và Thập Địa, Yếu Chỉ của Hải Điện long cung, lượng của điệp xưa sách nay, không gì chẳng trôi chảy cam lồ đến muôn đời, duỗi Chí Đạo ở trăm vua. Gần thì an quốc lợi dân, xa thì vượt phàm chứng Thánh. Chỉ vì thời vận chưa dung thông, đến nỗi khiến Hán Phạm khác cảm, nên ở Tây vực trước kính phụng âm giáo, hình tướng, ở đông độ sau được ích lợi thấy nghe. Và đến lúc mây từ cuộn đượm, mặt trời tuệ nhật rút thâu ánh sáng, thì có Vua Minh Đế (Lưu Trang) mộng thấy người vàng vào niên hiệu Vĩnh Bình (58 - 76) thời Hậu Hán, quán thấy linh cốt vào niêu hiệu Xích ô (238 - 251) thời Đông Ngô, từ đó giữa chính sách của các thời Hán, Ngụy, Tề, Lương, Tượng giáo chợt hưng khởi. Ở các xứ Yên, Tần, Tấn, Tống lại có danh tăng xuất hiện. Hoặc dùng thần lực mà cứu đời, hoặc hiện dị tích khiến người phát tâm, hoặc tuệ giải mở thần, hoặc thông cảm vừa hóa, cho đến cả chân không đi trên mũi nhận chẳng bị thương, Di Pháp nhờ đó mà trở lại bắt đầu, Chí thượng phân thân nơi Viên hộ, Đế vương do đó càng thêm niềm tin. Đầy đủ trong các sử sách ấy có thể rõ ư? Và giúp cho công hiệu tràn khắp cả tương lai, truyền đăng đến trọn kiếp. Có người nghị bàn nói thêm rằng: "Tăng chỉ tiếp nối dòng giống Phật, Phật thầm hộ vệ nước nhà, phước lớn nền tảng của Hoàng đế chắc chắn không có lý do gì mà phế bỏ. Thời vận nhà Tiền Đường chúng ta có được thiên hạ, ứng theo thời của Tứ thất, an trên vị cửu ngũ, bèn muốn thổi lên ngọn gió của Thượng hoàng, mở đạo của chánh giác. Sửa trị đặt để thái bình, trọn lớn mạnh thuần hóa, nhưng điều Phó Dịch nói tàn khốc ác độc uế từ, đều là chỗ đất trời chẳng dung, chỗ đồng vất bỏ của người thường. Sợ vấy lấm phiền Thánh đọc xem, chẳng thể quán xét đầy đủ, cúi mong Bệ hạ ban ân hàm dưỡng rộng lớn, rũ tuệ cúc dục, xét mọi điều thuận nghịch bàn luận lấy thật hư. Phật từ xa uỷ thác chánh pháp cho Quốc vương. Bệ hạ thật đáng với phó chúc ấy!" Kính cẩn luận Phá tà một quyển trêb đây, dùng phỏng theo truyện từ, Văn ghi có hơn ba mươi trang giấy. Từ khi Sư gom nhặt, xuyên suốt các thiên, từ chốn hoang vắng không ẩn người hiền, nơi triều đình chẳng sót kẻ sĩ, mỗi nhà cất lấy một bản, đều tụng ở tại tâm, đều là thanh hoa lưu lược, mũ miện

Văn Chương, tốt lành vẻ vang từ đó mà vượt rộng. Kẻ hôn tình nhờ đó mà nghe chuộng. Sư lại đem quyển Luận đầu tiên lưu xuất, trong ý muốn mở rộng, tự chẳng rộng tỏ bày tình ấy, thì Dân đen chẳng nhuốm Đạo ấy. Sư bèn dâng trình Khải Văn lên Trữ Hậu, Chư Vương và các hàng công khanh Hầu Bá v.v... đều là Văn lý rộng khắp, ngõ hầu tiếp tục hàm hy, bủa rộng cùng khắp. Nên trạng văn của Phó Dịch tấu trình nhân đó văng bặt. Phật giáo trở lại mở thoáng, ấy thật là do công của Sư. Đông cung Thứ Tử Ngô Thế Nam biết Sư soạn Luận Văn bèn viết lời tựa, Phó Dịch chẳng vui với việc đó lại ngầm dèm pha, lôi kéo Hoàng Cân làm bạn đảng, thường tạo ra tà luận, chê bai Phật thánh, mờ tối mạo phạm sinh linh, tự khoe khoang sáng rỡ từ triều đình đến thôn dã, huân du đã lẫn lộn, là chỗ nghi của đương thời.

Đến mùa xuân niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ lại ban sắc tại kinh đô chỉ để lại ba ngôi chùa và lưu lại ngàn vị tăng. Ngoài ra, các chùa còn lại đều cấp tặng cho các Vương Công, còn Chư tăng v.v... đều phải về quê cũ. Nghiêm sắc đã ban hành, không ai dám đặt để Văn từ nào cả. Năm chúng buồn khóc nơi ngã tư đường khô ráo, bốn dân nhìn lại thở than nơi phố chợ. Bấy giờ các hàng đạo tục mịt mờ, thân không nơi nương tựa. Nhờ chấn phương ra trước Vua, khí độc mới mở trong, Sư vốn tiếp nối Khải Văn tấu trình rộng tham cứu về các tông lãnh, lên liền đại xá, lại trở về thần cư, cho nên mặt trời Phật trở lại tỏa sáng ở đời Đường. Đó cũng là do công đức của Sư. Sư từng gặp phải thăng quan bãi chức, thề kết giữ gìn, Đạo khuất nhục thế tình vốn do ít học. Sư bèn tham cứ tìm tòi các Điển tịch, ẩn gồm sâu mầu, soạn “Luận Biện Chánh”, gồm tám quyển. Có Trần Tử Lương, người xứ Dĩnh xuyên phụ ghi chú và soạn lời tựa rằng: “Xưa kia, Tuyên ni vào mộng, lý Thập dực khắc rõ ràng. Bá Dương ra khỏi quan ải, nghĩa nhị thiên liền hiển rõ. hoặc móc sâu vào hệ tượng, hoặc tham trách Hy Di. Chỗ của các lời nói chẳng tuyên bày. Chỗ âm dương chẳng thể lường biết. Còn có thể tràn khắp trời đất, bao gồm cả Quỷ thần. Đạo không hợp với Đại thiên, lời chưa vượt khỏi vực nội. Huống gì Pháp thân tròn đầy vắng lặng, khéo vượt khỏi Hữu Vô, chí lý lắng sâu, hết vết chân tục. Thể dứt bặt ba tướng, luỵ hết hẳn bảy sinh. Vô tâm tức là tâm, chẳng phải sắc là sắc. Ngoài nơm lưới đâu thể nào nói được? Nếu như Tây Bá trói buộc Khương thì hiển bày Tinh Vi, Tử Trương buộc ràng cuối cùng thành chí trước. Nên trong sách Dịch nói “Xưa kia, người soạn sách dịch có lo toan ư? Đó là là lý do hưng khởi của luận. Đạo Sĩ Lý Trọng Khanh, Lưu Tấn Hỷ, v.v... đều là những kẻ

soạn ra văn từ tầm thường phỉ báng chánh pháp, đối với nhân sĩ ở thế tục có thể phát sinh tà tín. Pháp sư vì xót thương sự mù tối ấy, bèn soạn luận này. Có thể gọi là Cổ xuý biển pháp nầy, lay động văn từ bén nhọn kia. Sự nhạy bén của Bích Khê, nghiêm ngặt của Hoàng Mã tranh nhau nhanh chóng, không gì chẳng lá rơi cành gãy, mây tan sương cuộn. Chỉ bộ luận ấy thấu nhiếp tận cùng nguồn giáo của Thích Lão, hết tận danh lý của phẩm tảo, sợ hậu sinh ưa thích việc, ý còn chưa hiểu. Đệ tử gần gũi tỏ bày mà đảnh lễ, theo mà dò hỏi bến bờ, sáng rực tràn cả mắt mũi, như ánh trời trăng soi rọi vào lòng vắng lặng thay ứng cơ, thì như ngọc báu, đến đuốc chiếu soi mọi vật. Đã tỏ ngộ huyễn hóa của đường ngã tư, bèn dứt rảo bước khắp trăm thành. Do đó, xin tỏ bày điều chưa nghe, vì đó mà chú giải ...!" Do sức Văn học của Hùng Bá, các nho sĩ đều kính trọng, dẫn dụ khuyên răn thành khuôn phép nên mọi người nương theo như mây nhóm.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) tại vườn nhà cũ của Cung Đại Hòa ở Nam Sơn xây dựng chùa Long Điền. Vì Sư vốn tánh ưa thích sự yên tĩnh nên đến đó ở. Chúng đều suy tôn tốt lành, đặt cử Sư trông coi việc chùa. Sư thong dong trong sơn phục, ca vịnh giữa rừng hoang.

Đến mùa Đông niên hiệu Trinh quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, có Hoàng Cân Tần Thế Anh, cậy thế phương thuật để được vinh hiển, bèn trình khí với Thái Tử. vốn ganh ghét Phật giáo nên ngầm tỏ bày về luận của Sư là phỉ báng dèm chê Hoàng tông, tội đáng khinh thượng. Vua bỗng nhiên ban sắc sa thải tăng ni. Thấy có chúng sinh mới nương theo di giáo, bèn phỏng dò thân Sư y cứ vào chánh pháp mà suy khám. Sư nắm lấy cổ tay mạnh dạn, chẳng đợi truy tìm trừng phạt, một mình đến nơi cung đình, xem thường mạng sống, chỉ biết theo lý, bèn dùng xiềng xích trói buộc. Vua ban chiếu hỏi rằng: "Tông minh của nhà Chu khác với giòng họ về sau, tôn kính Tổ, xem trọng người thân, thật là do xưa trước. Cớ sao tìm móc chỗ dở ấy, đầu chuột hai mối, rộng dẫn lời của hình tự, trình bày đầy đủ thí dụ chẳng vâng, hủy báng tổ nể của ta, xem thường tiên nhân của ta, ông làm như thế, tội chẳng thể thứ tha." Sư đáp rằng: "Văn Vương là bậc Đại Thánh, Chu Công là bậc Đại Hiền, tìm xét xa xưa mà cẩn thận lúc sắp qua đời, trời xanh chẳng đáp. Hiếu để rất mực thông cả Thần Minh, tuy có Tông Chu, nghĩa chẳng tranh hay giỏi. Cớ sao Hoàng Thiên không thân gần, không hề nương cậy đức. Người xưa thỏa theo lý mà chẳng thỏa theo thân. Chẳng tự trước ta, chẳng tự sau ta. Tuy người thân có tội cũng phạt, tuy kẻ thù mà

có công cũng thưởng. Thưởng phạt đúng lý nên đất nước thái bình. Lão Tử tu hành và răn dạy theo Đạo Tông. Đức giáo dưỡng tỏa cùng trăm họ. Tha thứ cho chính mình, khiêm nhường lẽ sáng tỏ. Phong cách nhân từ in bóng nơi bốn Biển, lại bảo rằng: "Thầy của ta tên là Phật. Phật nghĩa là giác ngộ cho tất cả mọi người". Vua xưa trời Thiên trúc thăng hướng Tây mà đi, xét tầm về Lão giáo đầu đuôi có thể tìm biết. Một hôm trao truyền, trong kinh, có dạy răn đệ tử rằng: "Thầy ta khéo vào Niết-bàn nhưng mãi mãi thường còn. Nay ta đi!" Ở đây, những điều bày thuật của Lý Trọng Khanh, là phỉ báng phá diệt thầy của họ Lão, người đời chẳng thể nhận biết. Tôi soạn "Luận Biện Chánh" gồm tám quyển, lược đối với các Đạo Sĩ, có hơn sáu mươi điều đều trình bày theo sử sách". Lời trước thật chẳng phải phỉ báng nước nhà, từ đó về sau đối biện có hơn hai mươi điều, đều y cứ vào Văn từ của Sư. Và đầy đủ trạng văn tấu trình. Vua ban sắc hỏi rằng: "Luận Biện Chánh do Sư soạn, trong chương "Tín Huỷ giao báo" có nói "có người xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, thì giẫm trên mũi nhận cũng chẳng hề thương tổn". Vậy, tạm tha ông bảy ngày để ông tự xưng niệm, thử xem đến lúc hình quyết có thể chẳng thương tổn chăng?" Sư bên ngoài thân thì bị trói buộc gông cùm, trong tâm thì bức bách kỳ hạn hành quyết, như nước trôi lửa đốt, không đường nào để mong ngóng mách bảo! Sư bèn duyên theo các kinh giáo cùng tôn danh Tam thánh đã được nghe biết từ trước đến nay, tụng rõ nơi tâm phủ, mong được hiển ứng. Đến lúc mãn hạn, bỗng nhiên thần thái tâm tư vụt mạnh mẽ tràn ngập cõi lòng, vừa vui vừa mừng, quên hẳn sự sợ chết, đứng chờ đợi đáp hỏi. Bỗng chốc sắc lệnh đưa đến hỏi rằng: "Nay đã mãn kỳ hạn ân xá, đã đến kỳ hình quyết. Ông có niệm gì chăng? Niệm có linh nghiệm chăng?" Sư cầm lấy bút mực ghi chép đáp rằng: "Từ cuối đời Tùy nhiễu loạn, khắp bốn biển đều nhảy vọt, bệnh dịch độc hại lan tràn, giặc giã đua nhau dấy khởi, nhóm binh đánh nhau, nhà Đàn binh oai, tôi nịnh hót, vua hoang đàng, chẳng vì chánh trị, ngăn bặt đường vua, nên chấp giữ lấy một góc. Từ khi Hoàng Vương đến đánh, chuyển đổi thanh bình khắp núi biển. Đó thật là do năng lực của Quán Âm, đều vốn nhờ ân của Thế Chí. So sánh đức liền gót, Đạo ngang thượng Thánh, cứu giúp cái chết ngang trái nơi sân vua, khỏi dâm hình nơi phố chợ. Pháp Lâm tôi bảy ngày đến nay, chẳng xưng niệm Quán Âm, chỉ nghĩ nhớ Bệ hạ". Vua lại ban sắc sai Trị Thư thị Lang ngự sử Vi Tông hỏi Sư rằng: "Có chiếu lệnh bảo xưng niệm Quán Âm, do nhân gì mà chẳng niệm, lại nói là chỉ nhớ nghĩ Bệ hạ?" Sư đáp: "Cúi vâng tiếp thừa Quán Âm đại thánh xét soi trần hình nơi sáu đường, trên trời

dưới đất đều khuôn phép. Nhưng thời vận nhà Đường sáng tỏa khắp bốn biển, chín rợ vâng phụng chức, tám biểu hình trong sạch. Vua thánh tôi hiền chẳng sống uổng mạng. Nay Bệ hạ nuôi dưỡng con hằng phẩm như kinh, tức là Quán Âm. Đã là linh hiển soi xét hợp nhau, do đó chỉ nhớ nghĩ Bệ hạ! Vả lại, chánh luận do Pháp Lâm tôi soạn đều cùng giống như các sách sử. Một câu có sai sót, mặc tình theo búa rìu. Nếu bệ hạ nếu thuận trung thuận chánh, thì Pháp Lâm tôi đây chẳng tổn hại đến một mảy lông, nếu Bệ hạ hình quyết sai lạm kẻ Vô tội thì Pháp Lâm tôi đây có đau khổ phân thây!" Mọi điều Sư nêu đều tấu trình đầy đủ, vua bèn chẳng gia tội, có ban sắc bảo Sư dời đến trụ chùa tăng ở Ích Châu. Sư vừa đi đến chùa Bồ-đề ở Bách Lao quan, vì bị bệnh nên thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Có Sa-môn Tuệ Tự là người khổ cầu lý kinh, tình kết đoạn vàng, sớm tối đồng đắp chung chăn, an ủi vỗ về thừa tiếp. Đến lúc Sư sắp thị tịch là đang nghiêng mình trên đầu gối ngài Tuệ Tư. Ngài Tuệ Tư thương cảm gào khóc như đổ gãy, lệ tuôn như mưa rơi, bèn vời gọi các hàng Đạo tục ở nơi Quan bàng, cùng nhau đưa đến an táng trên đảnh Đông sơn, xây tháp trắng cao, có khắc bài Minh. Người đi đường nhìn thấy biết mà rơi lệ!

Ngài Tuệ Tự vốn người xứ Võ Công thuộc Ung Châu, rất giỏi các kinh, thông hiểu Phật lý. Thấu suốt luận Nhiếp Đại thừa, chuyên lấy đó giáo hóa răn dạy, hiểu rõ Đạo lý, mở dẫn phàm tục, nói năng không Văn vẻ. Giúp đỡ du tăng, lấy đó làm tiết tháo như việc nhà. Sư vốn ở chốn kinh đô, sau dời đến ở Lương Ích. Vì Bách Lao quan là nơi đường thông là chỗ quy tụ của cả bốn phương. Các hàng đạo tục qua lại nương náu không nơi cậy nhờ, Sư bèn tạo dựng vườn chùa tại cửa ải, để tiếp đón khách xa, nên người đi đường nương nhờ vào đó, ca vịnh vui mừng!

Bấy giờ, Trị thư thị Ngự Sử Vi Tông xét Tần Anh dối trá, bèn tấu đàn rằng: "Trộm vì Đại Đạo chứa nhóm hưng thạnh. Vết tích xung hư nhờ đó mở mang, huyền phong đã lan tỏa, giáo nghĩa Vô vi thật rộng lớn, chưa có thân dự vào Hoàng Quan, chí đồng với phàm tố". Đạo sĩ Tần Anh giỏi về y phương, không giỏi chú cấm, thân thích cậy mạng, mọi người suy yếu bệnh tật mang thân đến, thì gian dâm với vợ người ta, chẳng khác cầm thú, như tình trái với chánh giáo, tâm giống như lang sói, chỉ nhớ nghĩ tham ganh, buông lung hạnh tà uế, trong nhà cất giấu vợ con, nơi cửa có nàng hầu trẻ. Nhân béo phì mặc áo nhẹ vào ra nơi đường thông, nhướng mày, phẩy tay áo, không sợ giềng mối hiến chương, dáng dấp mạnh khỏe chưa quên quán xét lo toan. Ấy vốn chẳng

hết, chí giáo hình thức thiếu sót, xin đặt nghiêm khoa để trừng trị dâm dật xa xỉ, bèn đến Đại Lý, cuối cùng vì điên rồ cuồng loạn nên bị giết. Công Tư đều lấy làm lạ về sự chết muộn ấy.

Sư soạn các thứ Thi, Phú, Khải, tụng Biểu, Chương, Lụy, giáo pháp Đại thừa và các luận ký truyện v.v... tất cả hơn ba mươi quyển, đều là vàng đá đánh nên phong vận ấy, gấm lụa họa dệt thành văn tư đó, lưu bày xinh đẹp trang nhã, sáng vượt hòa mục. Sư lại khéo ứng cơ giảng dạy, ngay nơi sự tuôn từ trôi chảy, nói năng hợp với cung thương, nghĩa lý phù hợp với huyền tịch. Đó cũng là ít có ở đời, ít có người tiếp nối được.

5- Truyện ngài Thích Từ Tạng ở nước Tân-la.

Thích Từ Tạng, họ Kim, người nước Tân-la. Tổ tiên của Sư là con cháu của Tam Hàn, Vào thời Trung Cổ, Thần Hàn, Mã Hàn và Biện Hàn, dẫn theo Bộ thuộc, mỗi người đều có Khôi Trưởng. Theo Lương Cống chức Đồ thì nước Tân-la đời Ngụy gọi là "Tư Lô", đời Tống gọi là "Tân-la", vốn là nước Thần Hàn thuộc Đông Di. Cha của Sư tên là Võ Lâm, làm quan giữ chức Tôn Phán Dị (Theo Vương tộc ấy thì sánh ngang bằng quan Nhất Phẩm của nhà Đường). Đã hưởng địa vị cao quý, mọi sự tính toán bàn biện đều quy, mà không con cái nối dõi, trong lòng thường lo buồn. Vốn kính ngưỡng giáo lý Phật-đà, bèn cầu che chở, rộng thỉnh cúng dường lớn, tâm cầu Phật Pháp đồng thời tạo ngàn bộ Quán Âm. Mong sinh một người con, sau nầy khi lớn khôn, nguyện phát Đạo tâm, độ các chúng sinh. Điềm lành thầm ứng hiện, mộng thấy ngôi sao rơi vào bụng, nhân đó mang thai, đến ngày mồng tám tháng bốn thì sinh ra Sư vào ngày tốt, các hàng đạo tục đều vui mừng mong có điềm lành. Năm qua khỏi bậc tiểu học, thần khí Sư khơi sáng lắng trong nhuần đượm, tâm thường vượt trội, mà đối với mọi thứ thế số sử sách, ngài đều xem khắp, tình ý cao vợi, không có tâm đắm nhiễm.

Gặp lúc cha mẹ Sư đều qua đời, Sư càng thêm nhàm chán sự phù hoa, thấu hiểu sâu xa về mọi sự vô thường, trọn kết quy về không tịch, Sư bèn bỏ tất cả vợ con, cửa nhà, ruộng vườn, tùy mọi người cần gì thì bèn cung cấp, thực hành hạnh nghiệp Bi kính. Sau đó một mình Sư đến nơi hang rừng, mặc áo thô xấu, chân mang dép cỏ, luôn thực hành như thế cho đến trọn đời. Sư bèn lên chỗ sườn núi nguy hiểm, yên ở tĩnh lắng hành thiền, chẳng trốn lánh các thú dữ như cọp beo, thường nghĩ khó hành trì. Hoặc có lúc tệ hại ngủ nghỉ, tâm hành sắp bày, Sư bèn ở nơi thất nhỏ, chung quanh chướng ngại bởi các thứ gai gốc. Sư để mình

trần, ngồi thẳng, nếu cử động thì bị châm chích da thịt, buộc tóc lên xà nhà, bằng cách đó để dứt trừ bệnh ngủ gật, chuyên tu pháp quán tưởng bộ xương trắng, dần dần chuyển hướng sang lanh mà thầm hành hiển, được mọi vật ngóng trông quy hướng. Sư đáng giữ địa vị Tể tướng nhưng thường mời mà chẳng đến. Vua nước Tân-la vô cùng tức giận, ban sắc sai người đến núi, sắp ra tay đâm chích bằng mũi nhọn. Sư bảo: "Tôi thà giữ giới một ngày mà chết, chứ không mong phá giới để được sống một đời". Kẻ sứ thấy thế, không dám đâm mũi nhận, trở về tấu trình việc ấy lên vua. Vua hổ thẹn khiếp phục, bèn ra lệnh phóng thả để Sư xuất gia, mặc tình tu hành đạo nghiệp, Sư liền ẩn sâu, bên ngoài dứt bặt mọi sự qua lại, lương thực đều đã hết sạch, Sư bèn lấy cái chết làm hạn. Bèn cảm có loài chim lạ, mỗi con đều ngậm các thứ trái cây đến dâng tận tay Sư, chim lại đậu trên tay Sư để cùng ăn. Thường ngày đến giờ thì như vậy, y như lúc mới đầu không trái với thời gian. Đó cũng là hành cảm huyền chứng, ít có người được như thế. Nhưng Sư trong lòng thường luôn lo lắng, xót xa nghĩ đến các loài hàm thức, không biết dùng phương tiện gì để giúp chúng thoát khỏi sinh tử! Trong lúc đang ngủ, Sư thấy có hai người dáng vẻ trượng phu đến bảo với Sư rằng: "Ông ở nơi u ẩn, muốn làm điều lợi ích gì?" Sư đáp: "Chỉ muốn làm lợi ích cho chúng sinh!". Hai người ấy bèn truyền cho Sư năm giới rồi bảo rằng: "Hãy dùng năm giới ấy mà làm lợi ích cho chúng sinh!" Và lại bảo Sư rằng: "Chúng tôi từ cung trời Đao lợi đến đây, trao giới pháp cho ông". Nói xong liền bay vọt lên hư không và biến mất. Khi đó, Sư bèn xuống núi, chỉ trong vòng thời gian một tháng, mà các hàng sĩ nữ trong nước đều đến theo Sư cầu thọ năm giới. Sư lại suy nghĩ sâu xa rằng: "Sinh ở chỗ đất biên địa, Phật Pháp chưa được mở mang. Nếu chẳng tự chăm chú xem xét thì không do đâu mà tiếp thừa vâng phụng." Sư bèn tấu trình khải văn với Vua, nước Tân-la nhìn về Tây Phương (tức chỉ Trung Hoa) Phật Pháp đang hoằng hóa hưng thạnh.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư dẫn đầu các môn nhân như Tăng Thật, v.v... tất cả hơn mười người giã từ phương Đông (Tân-la) tìm đến Kinh đô (nước Trung Hoa). Sư được vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc an ủi vỗ về, thỉnh ở riêng một phòng viện tại chùa Thắng Quang, cúng dường mọi thứ lễ hậu, người vật tìm đến đông nhiều tấp nập, của cải đã chứa nhóm, bèn có kẻ bên ngoài đến muốn trộm cắp. Kẻ trộm sắp lấy thì trong tâm tự nhiên lo sợ kinh hãi, trở lại bày tỏ ăn năn lỗi lầm. Sư bèn trao cho quy giới. Có người bị bệnh từ lúc mới sinh đã mù hai mắt tìm đến chỗ Sư tỏ bày sám hối, sau

đó liền được sáng mắt. Do những điềm ứng tốt lành như thế, nên mọi người tìm đến nơi Sư cầu xin thọ giới, thường ngày có cả ngàn.

Tánh Sư vốn ưa thích ở nơi tĩnh lắng, bèn tấu trình khải văn và được ban sắc vào núi, Sư bèn lên đỉnh núi cao vợi hiểm nguy ở phía Đông chùa Vân Tế, thuộc núi Chung Nam xây thất để ở. Sớm tối người Thần quy hướng cầu thọ giới đến nhóm họp. Bấy giờ, vì nhiễm chút bệnh sởi, thấy vị thần thọ giới xoa nhẹ vào chỗ đau, sau đó liền khỏi. Qua lại suốt ba mùa hạ, Sư thường ở tại núi ấy. Sắp có việc trở về đông phiên, Sư bèn từ giã xuống núi Vân Tế, thấy Quỷ thần lớn chúng đông vô số, thân mặc áo giáp, tay cầm gậy đến bảo rằng: "Đem kiệu vàng này để đón rước Sa-môn Từ Tạng". Lại thấy Đại Thần đánh nhau với Quỷ Thần ấy, không bằng lòng cho đón rước Sư. Sư nghe có mùi hôi thối nồng nặc tỏa khắp cả hang núi. Sư bèn lên ngồi trên giường dây, thông báo từ biệt mọi người. Sư có một vị đệ tử bị Quỷ đánh vào chân chết đi sống lại, Sư liền xả thí các thứ y phục tài vật, thực hành cúng thí chúng Tăng tu tạo công đức. Lại nghe có mùi hương thơm xông ngát khắp cùng thân tâm. Thần nói với Sư rằng: "Nay không chết thì tuổi thọ phải hơn tám mươi!". Thế rồi, Sư trở vào Kinh đô, được Vua ban sắc an ủi thăm hỏi, ban tặng hai trăm xấp lụa, để may sắm y phục.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, tại nước Tân-la thỉnh cầu Sư trở về, Sư tấu trình khải văn và được ban sắc chấp thuận. Vua dẫn Sư vào cung, ban tặng một bộ áo nạp, năm trăm xấp lụa nhiều mầu. Thái tử ban tặng Sư hai trăm xấp. Sư bèn vì nước nhà mà lập Đại Trai hội tại chùa Hoằng Phước. Các vị Đại đức nhóm họp. Và độ tám người xuất gia. Vua lại ban sắc cho Thái thường chín bộ cúng dường. Ngài vì Bổn triều (nước Tân-la) các thứ kinh tượng lưu lạc chưa đầy đủ, bèn thỉnh được một Bộ Kinh tạng và các tôn tượng xinh đẹp, phướn hoa lọng cụ để làm Phước lợi, thỉnh mang về Bổn Quốc. Khi Sư đã về đến quê cũ, mọi người khắp cả nước đều ra đón rước, một thời Phật Pháp nhờ đó hưng khởi. Vua nước Tân-la vì Sư là người cảnh ngưỡng nước lớn, hoằng trì Chánh giáo, nếu không có giềng mối sửa trị thì chẳng do đâu mà trang nghiêm thanh tịnh, nên mới ban sắc cho Sư làm "Đại Quốc Thống", mời trụ chùa Vương Phân, chùa đó do vua xây dựng. Lại riêng xây dựng Tinh viện, độ riêng mười người thường sung vào cấp hầu. Vua (nước Tân-la) lại thỉnh Sư vào cung, suốt một mùa hạ giảng luận Nhiếp Đại Thừa. Sau đó, Sư lại trụ chùa Hoàng Long giảng Bồ-tát giới Bổn, suốt mười bảy ngày bảy đêm trời giáng cam lộ, mây mốc sương ráng trùm phủ giảng đường, bốn Bộ hưng thạnh

khen ngợi tiếng tăm vang khắp. Đến lúc bãi giảng, người theo thọ giới số lượng như mây nhóm, nhân đó đổi lệ mười thất làm chín. Sư thuộc vận tốt lành ấy, mạnh mẽ từ trước đến nay. Mọi thứ y phục vật dụng có được, Sư đều sung vào việc cúng dường xả thí, chỉ chuyên thực hành hạnh Đầu-đà, sống chốn Lan-nhã, giữ gìn Đạo nghiệp.

Chánh vì Phật Pháp ở Thanh Khâu dần dần truyền về phía Đông khoảng trăm năm, mà trú trì tu hành kính phụng có thiếu sót. Sư bèn cùng các Tể Bá bàn định rõ về kỷ chánh, bấy giờ các hàng Vương Thần trên dưới đều bàn bạc việc kết quy, tất cả Phật pháp phải có khuôn phép, đồng thời giao phó cho Sư, khiến năm Bộ tăng ni đều tăng thêm sự tu học lúc trước. Lại đặt ra giềng mối coi sóc, xem xét giữ gìn, mỗi nửa tháng thuyết giới, y cứ theo luật sám trừ. Mùa xuân, mùa Đông, thử gồm tất cả để khiến biết trì phạm. Lại đặt ra Tuần sứ đi khắp các chùa, khuyên răn nói pháp, trang sức tượng Phật, tu tạo sửa sang các hạnh nghiệp, trấn giữ làm lệ thường. Nói theo đó thì Bồ-tát Hộ pháp chính là người ấy. Sư lại riêng xây dựng chùa tháp có hơn mười ngôi, mỗi lúc xây dựng thì cả nước đều tôn kính. Sư bèn phát thệ nguyện rằng: "Nếu việc xây dựng chùa tháp có linh ứng thì xin hiện tướng lạ". Bèn cảm có xá-lợi nơi các khăn bình bát. Đại chúng buồn vui, cúng dường chứa nhóm cao như núi. Sư liền cho họ thọ giới, hành thiện càng rộng khắp.

Lại vì tập tục vận mặc ở Trung Hoa so với Tân-la có đổi khác, ngài chỉ quy sùng chánh sóc, nghĩa chẳng hai lòng, đem sự việc ấy thương lượng thì cả nước đều đồng ý bèn sửa đổi biên phục mỗi mỗi đều y cứ theo phục nghi đời Đường. Do đó mỗi năm đều triều tập các vị tại Thượng phiên, nhậm nhiệm quan viên đi đều đồng như Hoa Hạ. Y cứ vào việc ấy để lường thì xưa nay khó nêu bày. Sư soạn các Kinh giới sớ có hơn mười quyển, lưu xuất "Quán Hạnh Pháp" một quyển, truyền bá tại nước ấy.

Lại có Sa-môn Viên Thắng, ngài vốn chủng tộc Thần Hàn, là vị Tăng thanh tịnh cẩn trọng. Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Quán thời Tiền Đường, Sư đến Kinh đô (Trung Hoa) rảo khắp các Pháp tịch. Văn trì soi rõ, chí nhiếp trong định, tâm chuyên Hộ pháp, ngang với ngài Từ Tạng, vâng giữ làm giềng mối bờ lũy. Đến lúc hai ngài đồng về lại nước Tân-la, mở thoáng đường đi, giảng khai Luật Bộ. Chỉ có Sư là người trước tiên. Từ xa xưa những vị từ Đông phiên đến Trung Hoa cầu học, Kinh thuật tuy có nghe mà không thực hành giới kiểm, duyên gây dựng đã trọng. Nay thì ba pháp học đều đầy đủ. Đó đủ biết bậc Thông Pháp hộ trì giáo Pháp ở đời chỉ có người ấy, bên trong cấu đục, ở ngoài

sạch trong, do đó mà nghiệm biết.

Thử Bàn luận:

Quán xem bậc chí nhân xuất hiện ở đời, hoặc là Tam Luân ngự trị thế gian, hoặc là sáu thông dẫn dắt muôn vật, người y cứ, Pháp y cứ, vốn hộ pháp, mà bày giáo vừa quyền, vừa Đạo, thật gồm cứu giúp mà thành bến bờ. Do đó, Tam tạng lập ra ngôi vị, cứu vớt khi chưa bị đắm chìm. Một khoa Hộ Pháp dựng lập bị giềng mối Chánh đã nghiêng đổ, nhưng tướng của hoằng dụ cành nhánh đầu mối hơi nhiều, thường hiển bày, biết vi diệu, chợt nâng bốc Thần võ, thích Biện tài kỳ đặc nơi chúng tà, làm sáng tỏ tâm mờ tối, hiển bày Đại nghĩa ở đương thời. Xướng Lý nhiệm mầu gá oai quyền mà giúp Đạo. Các bậc hữu đức riêng chiếm tiếng tăm ấy, nhờ truyền trao mà ngầm thông, khắp bảo thường hành việc đó, bèn đánh kiền chùy ở núi Linh Thứu, âm thanh chỉ là nhậm trì. Nhập vào Luận Đại thừa thì chín ức vị Vô học trú Pháp cả muôn năm. Theo sự giải thích của kinh luật thì La Hán Tân-đầu chưa chứng Niết-bàn. Đó đều là giúp sức mở mang Đạo hóa, thông ngộ chưa nghe, vắng lặng các hoặc điên đảo ngay đời nay, tiếp nối dòng Chánh Pháp ở tương lai. Cho nên khiến chìm mất thường nhiễm, sau đó trở lại hưng thạnh, đâu chỉ mưu tính của Phàm tình mà bởi sức lực ấy. Huống gì Tôn giả Ca-diếp ngưng thần tại núi Kê Túc, Bồ-tát Kiên Tuệ khoanh tay nơi hang Tu-la. Đó đều là dẫn dắt chúng sinh về diều lành, vì chúng sinh mà giữ gìn thân, đến lúc Đức Từ thị xuất hiện ở đời thì cùng mở mang, hoặc xé rách lưới ái, hoặc xô ngã cờ mạn, hoặc giải quyết nghi sâu, hoặc mở mang Đạo vụ làm hạnh nghiệp ứng tiếp, như sự rơi xuống của mây mưa, vì công rất nặng, ngang bằng với sự rộng lớn của mặt đất. Do đó, ngài Thân tử (Xá-lợi-phất) nổi tiếng là bậc Đại tướng hiển bày pháp luân, Tôn giả Cúc-đa vang hiệu, nêu Phật sau vô tướng. Năm trăm môn học hiệu chung là Nhậm Trì. Hạnh đức cùng cao đều xưng là bậc nhất. Còn như tiếp thừa thời cơ Ngự hóa, mở thông Pháp Khai Tông, cùng cực của hoằng cứu chẳng cao bằng ngài Thân Tử. do đó mở mang vườn cây nơi đất Phước, đánh bạt giặc tà ở núi cao, đè nén thần lực của ngài Mục-kiền-liên, che khuất biện tuệ của ngài Phú-lâu-na. Đó tức là duyên Hộ Pháp, chỉ là như thế.

Kể từ khi Đạo phong lan tỏa đến Đông hạ, bắt đầu từ ngài Ca Diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan, trước chuyên chú trọng ở mở bày, nên đưa vào mục phiên dịch kinh điển. Nhưng truyền dịch kết quy về đức tin. Chưa tin thì không thể mở mang Văn kinh. Hộ trì là đặt nặng ở tà chánh. Tà chánh mới mở ra gốc gác đức tin, kinh nêu bày như thế,

há là luống dối ư? Đạo vốn là mẹ để công đức, thực là ở Đức tin. Do đó khai mở mờ tối để giáo hóa, ứng tiếp tâm tánh thời cơ, lại từ không mà hiển bày đức sáng ấy. Đại chúng kinh hãi cả tai mắt, đến nỗi chỉ cúi đầu kính bái thọ Đạo, khâm phục tắm gội dòng Pháp, chẳng phải dối bày. Tốn phí tài vật đều cảm trọn bên cạnh Đàn. Chứa đựng đức tin, cạo tóc đảnh đầu ở trong trường. Hiển tông ngộ lý biết quy hướng, Thị trung xả bỏ thế tục vào Đạo. Việc lớn một thời làm thuyền bè cho muôn đời, ánh sáng mặt trời Phật do đó mà lưu tỏa, mây Pháp do đó mà chẳng biến mất. Đức ấy có thể ghi chép, lời ấy có thể rõ ràng. Mà Mân Việt ẩn sự cao bày, nương gá vào truyền dịch xưng thuật, trộm so sánh thì sự nghiệp khác nhau, xa hoằng hóa thì tiếp thừa phương tiện, khó phỏng theo tính công xếp bày thứ tự, nên trước là Dịch truyền, hơi chẳng trải qua việc chuyên cho nên sau là ba học, đến thời Diêu Tần vì mê theo phương ngoại, Sa-môn Đạo Dung vạch rõ đúng sai. Trong thời Nguyên Ngụy lại xem trọng tà, nên ngài Đàm Thỉ dặt ra cường ngự ấy. Truyện trước đã rõ bày, tông ấy có thể ghi chép. Thi hành vào thời Bắc Tề, Bắc Chu hai lối sửa trị, quyết chính khác phong hóa. Giòng họ Cao - Bắc Tề chỉ làm hưng thạnh Phật giáo. Giòng họ Võ - Bắc Chu chỉ mở mang Đạo giáo. Nhưng Tà bức ngặt chánh, tà ngụy mà Chánh Thông, Vọng làm thì loạn chân, không có hai tâm, chư tăng đông đầy khắp bang, chùa tháp khắp cùng cả nước, có đến hai trăm muôn chúng. Giềng mối thống ngự đều là lời của Sa-môn Pháp Thượng Đại Thống, bốn mươi ngàn ngôi chùa đều thuộc về chùa của đạo Phật. Y cứ theo Diệm Châu thì hóa cảnh bao gồm Tượng Chánh nhậm trì. Sự lớn của con thuyền chưa thể phỏng biết, há là năng lực của Pháp, chỉ có người mới nói được? Hoằng truyền đó là vốn ở tại sức người thì Hiển Công y cứ ngay ở đầu, bít nén hoa sức, tung sáng bụi trần, Đại chúng đều xem nhẹ mà chẳng nghĩ, có thể gọi là khơi thông Đạo ấy. Đến lúc ngài Pháp Thượng dẫn chúng đi vấn nạn, thì say tỉnh gồm đủ cả. Người tỉnh thì nhận lãnh ngôn từ căn dặn của ngài Pháp Thượng, kẻ say thì nêu bày luống dối nơi tà địch. Tuy là Bí thuật của hòm vàng túi ngọc, chưa thể trao lời, mưu kỳ của Tôn Võ Ngô khởi, đâu từng đáng nói. Do đó mới lên chỗ ngồi, lay động tâm chúng sinh, Dị chúng ngang bằng với núi đồi, Cổ luận đồng với mây vật, đến nỗi khiến vừa mới khua mũi nhận để biện luận thì liền ngăn cản khí yêu, định phương thuật ở trước mặt, dựng lời mầu ngay đời nay, cho nên có Đàm Tiên gieo hình hài nơi Đài hạm, Tông hư cắt bỏ râu tóc nơi sân vua. Minh Chiếu được ban hành, nước nhà không hai tin tức. Tuy Trù Công nêu lên Định Đạo, Hiền thượng thống quản ở Nghĩa

Môn, vui mừng của một thời, hẳn chẳng đồng năm mà nói. Giòng họ Võ ở đất Tần trong đời gọi đó là Võ Khanh, lời thô tục của hạng lang sói tưởng chẳng nương gá suông. Nghĩ nhớ văn ấy ít tập, mạnh mẽ càng lớn, chước sấm từ của Vĩ Hầu, nạp thuật nịnh của Quyệt cuống. Vệ Tung vốn là con cháu của ta, Trương Tân mới là thừa thải của kia, khác ảnh hưởng mà đồng tâm, môi răng mà cách biệt, đua tranh bày đối biểu, quanh dẫn lời đi, mạo phạm khinh thường tâm vua, che lấp dứt bặt nhân tự. Bấy giờ chưa nghĩ đến họa ấy, mới đầu họa nảy mầm dần, trăm quan chẳng hề hay biết. Đến lúc Phước hết của Vọng Di, khơi phát chảy tràn, trời không cách nào sửa đổi chính sách trước. than ôi sao kịp! Sa-môn Tăng Kiệt, Đạo An danh khác với Vệ Tung, Phong cách cao vợi sánh cảnh với Đạo An. Hai luận đã bày, dị kiến sắp dứt, mà thư dối ruồi khéo trọn rơi vào điều trước. Sa-môn Tĩnh Ai thượng hiền ngay lúc thời vận suy đồi mà phấn phát chống cự can ngăn, giữ lấy trắng trong, ở ẩn nơi hang cùng, bùi ngùi sự hoang tàn của Chánh Đạo, thật không có năng lực Hộ pháp, bỏ thân hình nơi thông đá, bỏ mạng quy Tây. Bấy giờ đồng dấu vết để lại hình hài cũng có đến mười người, tự chẳng nhớ nghĩ cứu giúp lớn lao ở thời mạt tục, chỉ trông thấy Pháp diệt mà thêm lo buồn. Đâu thể xả bỏ chỗ quý trọng nơi rừng sâu, làm nương tựa cứu vớt mà dứt đời. Thật đáng gọi là tốt đẹp! Thật đáng buồn thương! Rõ trông xem các bậc Hiền giả ở trong nhiều đời thì dấu vết tiếp nối làm sáng tỏ lớn mạnh có thể thấy, soi rọi văn vẻ thì trời trăng đồng quy ngưỡng, khuôn phép thanh tịnh thì núi cao khâm phục, đầy đủ rõ ràng về Bổn Kỷ thì tiếp tục xương minh.

Có thời vận nhà Tùy thống trị đất nước, tin sâu Phật giáo, gồm trình bày lý quán, vì thâu hằng tục, hai đời tiếp nối đồng chính sách của triều đại trước. thương tiếc huy du của Tượng hóa, tiếp nối trí kính của Tống Hoàn. Bấy giờ, các hàng tăng tục cùng ngóng trông ngạc nhiên. Pháp sư Minh Thiệm quật khởi đến đối luận, trước chưa bày thuật, tăng chúng hoặc có người nói lời, đến lúc đến thăm Sư gắng sắc cách đổi từ kháng bốc nghiêm chiếu, mọi người đều cho là họa tan nát thân đầu. Giúp sợ chẳng an chân đứng, mà Sư vẫn thư thả, nhan sắc vui vẻ mạnh khỏe an nhiên. Sau đó Vua bèn nói Phật giáo có người. Chúng tăng liền tỏ ngộ sự mở thoát cao vợi ấy, biết người là khó, người thật khó biết. Người biết được sự khó ấy ngàn năm chỉ có một, tin chẳng luống dối. Đến lúc nhà Đường mở vận ở đời có người ấy, Sa-môn Phổ Ứng mang chiếu đến nơi Thiên môn, ngài Tuệ Mãn đội y tại Triều Ngũ, ngài Trí Thật mạnh mẽ chê trách đương thời nặng nề, ngài Pháp Lâm bùi ngùi

tỏ lời cùng cực với Minh chiếu, khác đời mà đồng phong cách, chẳng đồng với người xưa, ai ai cũng có lời nói và việc làm đồng thời, sống chết cùng ngày, nên được tên tuổi lưu lại muôn đời, tiếp nối Hoằng du của tiên Thánh. Chỉ có kinh luận Đạo nghiệp là mục đích của tâm thanh tịnh, mở mang giềng mối giáo Pháp, thật thuần chí xa. Chí xa thì chẳng nghĩ hoạn nhục, tâm lắng trong thì không sợ giết hại, thấu đạt ba tướng như rong ruổi, nhận biết chín cõi chẳng phải là nhà, chưa từng vì Pháp, luống mất năm tháng còn lại, há chỉ vãng sinh mới tận cùng lai âm. Do đó, nương cậy Phước Trí mà tan mặt thấy Chư Phật, thấy hình hài như giao phó mảy trần, nhảy vọt thần lược mà thẳng đến trước, cổ xúy hoành biện rộng lớn chỉ muốn chánh Pháp tồn tại lâu dài, ném bỏ đảnh vạc ấy như trở về, đã thuộc tuệ minh, ở trong đời uế trược ấy như mộng, nên có thể chẳng phụ để lại gởi gắm. Truyện ấy vốn đã có dấu vết, ai trông thấy mà chẳng giũa mài chí hướng suốt đêm ư!

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 25 hết

TIẾP THEO CUỐI PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG V có năm vị:

1- Truyện ngài Thích Đàm Tuyển
2- Truyện ngài Thích Pháp Thông
3- Truyện ngài Thích Hoằng Trí
4- Truyện ngài Thích Đạo Hội
5- Truyện ngài Thích Trí Cần

1- Truyện ngài Thích Đàm Tuyển:

Thích Đàm Tuyển, họ Thôi, người ở xứ Cao Dương. Sư có được thần tuệ khôn khéo mà chẳng gặp thời. Tuy thông hiểu kinh thuật, nhưng nhờ Kinh Niết-bàn mà nổi tiếng. Chẳng còn lại Văn cú, chỉ vốn lo toan về hộ pháp. Về sau, Sư trụ tại chùa Hưng Quốc ở Tinh Châu. Khắp kinh ấp mọi người đều kính phụng, tôn xưng Sư là Sư Phó. Mỗi lúc có chúng nhóm họp, Sư đều ngồi ở đầu tòa, hỏi đáp qua lại lấy hệ tiết làm chính. Sư nói lời làm khai mở trọn xưa. Tăng chúng tuy đông mà không ai dám đốn phá. Bấy giờ, mọi người đều gọi Sư là Báo Tuyển.

Đến lúc Dương Lượng nghịch tiết, trong ngoài đều làm phản, chiêu mộ quân lính gom góp tạo mâu giáp, lấy chùa Hưng Quốc làm

Giáp Phường, lấy chùa Võ Đức làm Thực phường. Sau thiết trận ở Võ Nam. Dương Tố bị bại trận, quan quân vào trong Quách tìm cầu nghịch đảng, nhóm họp tất cả chúng tăng trách cung kẻ phản. Chư tăng v.v... từ rằng: "Sức Vua nghiêm thiết, không dám can ngăn". Dương Tố bảo rằng: "Có bao nhiêu vị Tăng can ngăn Vua mà bị giết, mà bảo là sức Vua nghiêm thiết, đây đều là đồng phản, chẳng nhọc phải phân sơ, hãy y theo Quân pháp". Bấy giờ, Sư đang ở trong chúng, không nỡ làm lơ họa ấy, bèn bước ra đối đáp rằng: " Việc Phật pháp bị chèn ép tàn khốc, đặc biệt là do tăng không có đức để xoay chuyển người thế tục, vật tình, đến nỗi xảy ra loạn lạc. Kết tụ không thể dùng Trung Tín để dạy răn, điều thật như lời ông nói. Nay bị trách phạt không có đất để vùi thân". Dương Tố bèn xịu mặt nói: "Chư tăng hãy thể trở về, chỉ ở lại vị tăng vừa ra đối đáp, để bàn luận các việc". Từ đó, ban ngày thì ngài tham dự vào việc Quân tướng, khai mở Chư tăng không bị giết, chiều tối Sư trở về chùa để nghỉ. Không bao lâu, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy ban sắc thả tất cả. Nên tất cả chúng tăng đều được an ổn, đó thật là do công của Sư.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, nạn giặc giã đói kém kéo dài liên tiếp, chư tăng khắp bốn phương không có nơi khất thực. Chùa Hưng Quốc tuy giàu có mà rất lận tiếc, mỗi lúc đến giờ ăn thì có người canh cửa tự giữ, khách tăng không vào được. Sư không dằn nổi sự phá diệt Phật Pháp, thân tâm bừng bừng tức giận, mỗi ngày chống tích trượng đến đứng nơi cửa, xua đuổi những người canh cửa, dẫn dắt chư tăng đến nương nhờ, cấp cho bình bát dẫn đến trai đường. Trong chúng phần nhiều là hàng con em nên không ai dám trái nghịch. Do đó đại chúng khai tăng chế, chấp thuận để Sư lưu giữ khách tăng, những người khác đều không được. đó thật là do sự cảm thông sâu sắc của năng lực Từ Tế khơi động phủ dụ. Trong phòng Sư ở rỗng rang, không cất giữ vật gì, chỉ đặt một bình bát lớn, thường ngày dẫn dắt các vị hành khất, nếu có được thức ăn thì trộn đều trong bát. Sư xin phân thức ăn cũng hòa đồng trong đó, nếu lẫn có cháo thịt thì để cho người khác đi xin, tự tay Sư lường chước. Thấy có lẫn lộn những người dơ bẩn da thịt nưt nẻ, phô ra hình dung suy yếu tật bệnh thì Sư rơi lệ đầy má chẳng thể cầm được. Sư cũng y theo thứ lớp nhận cháo mà ăn, mỗi ngày đều như thế, suốt đến cả năm, Hoàng vận ấy mới bắt đầu, tình người an thái. Tại chùa mới Nghĩa Hưng giềng mối giảng pháp đang mở bày, có Sa-môn Trí Mãn là bậc chủ chúng dẫn đầu, khắp cả xuyên hương đều mong ngóng, vua quan kính trọng, xây mới các phòng nhà, trang

nghiêm đạo tràng. Có hơn ba trăm vị tăng thọ nhận chế ước ấy. Trong mùa hạ giảng Kinh Phương đẳng, đại chúng thanh tịnh trang nghiêm, tiếng tăm Đạo phong lưu tỏa đượm nhuần xa gần. Sư nghe thế, bèn đến chùa ấy. Nơi sân cửa đồ chúng đến nghe rất đông, Sư bước đến bảo rằng: "Các ông nhóm họp để làm gì? y cứ kinh nào đã dạy răn, chẳng có mạo phạm khinh thường hàng hậu học ư? Ngài Trí Mãn nói: "Y cứ theo Kinh Phương Đẳng, hành trì Pháp sám Phương Đẳng". Sư bảo: "Kinh hiện ở đâu? đem đến đọc xem". Bèn lấy đến một quyển. Sư lại bảo: "Kinh có bốn quyển, sao chẳng tụng đọc cùng lúc?" Sa-môn Đạo Xước nói rằng: "Văn Kinh theo thứ lớp, sự nhận biết chẳng được cùng một lúc". Sư bảo: "Ta nhận biết có thể cùng một lúc, ông có thể nhận biết cùng một lúc chăng?" Chỉ bốn quyển, đồng mang ra đọc, lời văn chưa hết, Sư bèn bảo: "Y theo thần chú mà diệt tội, hãy thôi nghĩ ". Sư lại bảo: "Từ khi Phật pháp truyền đến phương đông này, các thứ lừa đảo dối trá chẳng phải ít. Đời trước thì giặc của Đại thừa, gần đây thì yêu quái của Di-lặc, lừa dối không nhận biết, hạng người ấy chẳng phải một. Nghe ông nhóm kết đồ chúng, sợ làm tổn hoại pháp của ta, nên dốc hết sức lực vội đến hỏi. Nếu ông tay ôm bình bát, nương tựa bên cạnh thì còn có thể!" Sư bèn chống gậy trở về.

Đến niện hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh nhiễm đã lâu. Người thăm bệnh vào tận nơi phòng, Sư nằm kéo y lộ chân bảo rằng: "Mạng tôi sắp hết, nơi nào đáng sinh đến ư?" Có Sa-môn Đạo Xước là vị tăng danh hạnh nói rằng: "Ở phương Tây có cõi nước an vui tên là An Dưỡng, hãy nguyện sinh về đó!" Sư bảo: "Ôi! Vì thân mà cầu an vui, tôi chẳng như các Ông". Ngài Đạo Xước hỏi: "Nếu vậy thì có thể không sinh ư?" Sư bảo: "Cần phải thấy ta mà vì sinh ư?" Sư bèn ngầm lắng hơi thở giây lâu, bất chợt, Sư liền thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Các hàng Đạo tục buồn thương thảm thiết, bèn đón rước đến an táng tại phía Bắc của Tây Sơn.

Người viết Truyện (Đạo Tuyên) tôi ở gần, đến chùa ấy chẳng kịp trông thấy Sư, chỉ thấy hành sự di tích, ngõ hầu có thể rửa sạch thân tâm, chóng dứt trừ bỉ lận, bé nhỏ tiếp nối Khai Sĩ Hộ Pháp, chính là người ấy.

2- Truyện ngài Thích Pháp Thông:

Thích Pháp Thông, người ở xứ Thạch Lâu thuộc Long Tuyền. Mới đầu ở tại làng Thấp, chưa đượm nhuần chánh pháp. Chúng tăng qua lại không vào đến tận xóm. Nếu có người đến thì rưới tro vào mặt. Sư tuy

ở trong thế tục mà tâm tình nhàm chán thế tục.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư hoài bão khái tiết cao vợi khác vượt ngoài ý, cạo tóc cho hai người con trai, hai người con gái và cả người vợ, rồi đắp mặc cho pháp phục, sau đó dẫn đến Châu gởi gắm vào chùa tăng, chùa Ni. Bấy giờ, nếu có người hỏi lý do, Sư đáp: "Ta xả bỏ gông cùm, chí muôn thông hiểu pháp". Đã đến chùa ở châu, giao phó như trước, Sư bèn xin Pháp sư Minh ở chùa Thông Hóa độ cho xuất gia. Liền đó, Sư du hóa khắp xứ Kê Hồ, phía nam từ Long Môn, phía Bắc đến Thắng Bộ. Khắp vùng nham thạch phần thấp, không ai chẳng theo Sư dạy răn. Phần nhiều, Sư thiết đặt nghĩa ấp, mỗi tháng riêng kiến lập trai hội. chỉ có Sa-môn đều mời đến nơi thôn ấp, hoặc có người ở lại qua đêm, đến sáng sớm thì giải trai hội. nơi phòng riêng có một cái bàn riêng để làm thông cúng. Nghi thức ấy chẳng mất, cho đến nay vẫn lưu hành. Các Châu như Hà Nội, v.v... nghe Đạo phong của Sư mà nhuần nghĩa vị. Có vị tăng đi thẳng đến trong phòng Sư, dáng vẻ thừa tiếp dường như gần gũi nhận biết, cho nên sự dẫn dắt của Sư, đức hạnh ấy khác mọi người. Sư từng vào trong Bổn ấp, Huyện Lệnh gặp, hỏi Sư là ai, đáp đối là khách ở núi, Huyện lệnh bèn cấm giữ không cho đi. Sư liền bỏ ăn, dốc sức chí thành nhiễu quanh trong ngục để hành Đạo. Đêm đó, nghe có tiếng chồn hoang kêu réo. Tướng lạ nhóm họp, suốt đêm chẳng an. Đến sáng sớm, Huyện lệnh bèn thả, Sư bảo: "Ta nhiễu quanh trong ngục hành Đạo, Chánh được Đạo Lý, vì sao được thả". Đã trải qua một ngày Sư không ăn, ban đêm lại nghe tiếng chồn cáo kêu réo, nên các hàng cung thứ trở xuống không ai chẳng kinh động sợ hãi, khổ khuyên dẫn kéo, Sư bèn theo sự thỉnh cầu ấy. Từ đó về sau, Sư tuần hành bất kể thời gian. Sư từng đến nghỉ qua đêm ở nhà người, bị chó cắn chân, bỗng chốc chó bị sét đánh chết, tiếng tăm như gió càng vung xa. Sau, Sư thị tịch tại Long Tuyền.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tôi (Đạo Tuyên) nghe được đạo tích ấy, bèn đến tìm. Có Sa-môn Cương Trú là bậc danh tăng gần gũi nói lại hạnh trước của Sư cao đáng chiêm ngưỡng. Mừng có được các bộ luận còn lại của Sư, thử sau xem đọc. Phàm đem lượng của đời cao thì tùy việc không gì bằng. Gồm về Đại Quy không gì chẳng thông Đạo. Do đó, tất cả chín mươi sáu bộ gồm tất cả bến bờ của tà chánh, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị hiện hóa tích cơ duyên, nên có khả năng tỏa sáng mặt trời Phật, dẫn dắt kẻ mờ tối bụi trần, nhiếp hóa kẻ ngu phu bị chìm đắm, tiếp giới đầu người vẩn đục, đều được mở trí tỏ ngộ thanh tịnh, thông thánh đổi phàm, mở Đạo lợi sinh là nhờ đó.

Nay có những người không thấu đạt như thế, cùng ở trong đời mà xem nhẹ lẫn nhau, trông thấy gia nghiệp ấy lẫn lộn xen tạp, xét xem hình hài ấy bụi trần lấm bẩn, bèn nổi sấm sét đồng khinh hủy, không hề xét xem rộng lớn, do đó mà tự vùi lấp, đầy đủ nơi thành giáo. Nên trong Văn, người trước có nói: “Chớ căn cứ vào Pháp sư thuộc giòng họ hình hữu, chỉ thọ nhận Pháp ấy để khai mở tinh linh của ta.” Lời nói ấy thật đáng quy hướng tựa nương. Sư thật có được như thế.

3- Truyện ngài Thích Hoằng Trí:

Thích Hoằng Trí, họ Vạn, người làng Hoè thuộc Thỉ Bình. Trong niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, đức cẩu Sư vang khắp xóm làng, tạm làm Đạo Sĩ, nhân vào núi Chung Nam, tuyệt thực, ăn uống hơi khí cầu thần Vũ hóa, hình hài khô héo, tâm dụng xao động, Sư bèn vào kinh đô, đến chùa Tĩnh Pháp, gặp được Pháp sư Tuệ. Sư bèn hỏi về phương thức dẫn dụ Đạo, Pháp sư Tuệ bảo: “Gốc của sự sống, lấy việc ăn làm mạng. Nương gá vào lương thực để nuôi dưỡng thân, mượn nhờ bến bờ thông để đạt đến Đạo. Do đó, từ xưa có thuyết buộc gió bắt ảnh, có thuyết Tiên rỗng thuốc lầm, nói việc ấy đáng tin, mong không vấp phải mê hoặc!” Bèn đem yếu pháp an tâm để chỉ bày cho Sư, khiến dứt trừ phương thức khổ lụy.

Đến niên hiệu Nghĩa Minh thứ nhất (617) đời Tùy, Sư bỏ Hoàng quan, vào núi tu nghiệp. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, khắp thiên hạ Đại đồng, Phật giáo, Đạo giáo chia rẽ thành hai, Sư bèn đến xét bày mách báo, xin được thuộc vào hàng Thích môn và trình bày lý lệ. Cả triều tể đều vui hòa, Sư bèn nhập vào các hàng ngũ xuất gia, mặc tình chọn chùa để ở, nhưng tánh Sư ưa thích nương gá nơi sâu lắng, bèn đến núi Chung Nam vào chùa Chí Tướng để ở. Trải qua các giảng hội, được sự hun đúc, thần dụng của Sư thông suốt, không gì chẳng tinh rành, nhưng tánh Sư vẫn giữ sự rỗng rang thông dung, từ hòa kính ái lấy làm chuyên. Các hàng sĩ tục đào luyện mời nhận vào khách núi, những người thiếu thốn ẩn núp ở núi hang, những loài bay chạy đói khát Sư đều giúp cho lương thực, ban cho Bối tuyền. Tuy Công Cách nghiêm đoán, phép tắc chùa nghiêm nhặt, mà Sư hay dẫn dắt đến phòng, đồng ở nơi hang huyệt an bình, đó cũng là bậc khai sĩ nhỏ bé thay giúp gìn giữ. Sau khi Sư thị tịch, dấu vết ấy bèn dứt mất, thật đáng tiếc! Nên Sư có được các thứ Pháp lợi, chứa nhóm ban rải chẳng cùng, Sư là người mở mang, có lòng thương rộng lớn mà không ỷ lại. Thêm lại nữa Sư dùng đức nhẫn để hành sự khắp nơi, tiếng tăm như lúc đầu, mở chuyên thông thức, không

gì chẳng hiểu. Cho nên những nơi có Phước hội đều lấy tiêu trống làm đầu, đến nối khiến người theo như mây nhóm, các hàng chân tục chẳng lầm nơi duyên ngộ. Sư thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, luận Nhiếp Đại Thừa, v.v...

Đến ngày mồng chín tháng năm niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi mốt tuổi, nhục thân Sư được đem vào rừng, sau đó, thâu nhặt di cốt thiêu đốt an táng, vâng theo Di lệnh. Môn nhân của Sư rải ra trụ ở các chùa, đều kính cẩn chánh hạnh cao vời chẳng để lạc mất Di phong, trọng đức cù lao răn dạy, đoái hoài đáp lại sự đã mất hẳn, bèn cùng nhau biên chép tám bộ Kinh Bát-nhã để kính sùng ân của mẹ cha. Lại lập một tấm bia dựng lập ở ngoài chùa Chí Tướng, tại trang sở chùa Bảo Đức.

4- Truyện ngài Thích Đạo Hội:

Thích Đạo Hội, họ Sử, người ở xứ Võ Dương thuộc Kiền Vi. Lúc mới xuất gia, Sư trụ chùa Nghiêm Viễn ở Ích Châu. Khí vũ Sư cao vời đơn sơ, nhã điệu vượt khác các bạn đồng tu. Các hàng Đạo tục khắp phương suốt đêm ngày thường tham hầu. Sư còn cho rằng vì đất Thục nhỏ hẹp nên mọi sự thấy biết chưa được rộng rãi, bèn vào chốn kinh đô thưa hỏi đạo lý trải qua hơn mười năm. Các kinh luận, sử sách ngài đều nghiên cứu tông lãnh, sau đó về lại đất Thục, Sư muốn mở mang Thích giáo, dẫn dắt hàng hậu duệ.

Bấy giờ, gặp lúc ly loạn, Sư chưa toại nguyện tâm thuật. Gặp được Hoàng Vận mới hưng khởi, Sư dẫn đầu vời gọi vỗ về, Chiêm Tuấn Lý Cổn là người người thủ lãnh tại Ba Thục, Sư bèn dâng sớ tấu trình rằng: "Đạo Hội em đây tánh tình không ra gì. Gia phong sa đọa, phong tước tuy trừ, chiếu sắc vẫn còn, Môn sinh lại cũ, con cháu thành hàng, đều sánh vai khắc răng, định bất chước lực dụng." Ngay ngày đó kiếm môn tuy mở, Vu hạp mang chặt. Sư xin tự thân dẫn dắt đồ đệ, chống gậy mở đường, chiết chọn Tuyên Oai, mở lòng nhận nạp, quân không nhọc mang mũi tên đá kết, chủ có vượt xa đợi thành. Đó cũng là lợi ích cho một thời, nhưng mưu đồ của Sư, vì khiến ngầm lưu giữ nên chẳng thi hành.

Bấy giờ, nước nhà mới mở mang, tăng ni Đạo sĩ tại đó được độ rất nhiều. Có Đạo Sĩ Tống Ký là bậc rường cột ở đó, đến dưới huyện Long Sơn bèn dựng lập Đạo Quán, phòng nhà thành tựu, có ba mươi người ở, Sư đến chỗ Quan Tổng Quản Đoàn Luân trình bày điệp Văn muốn sửa Quán thành chùa. Người ở tại Quách nội đều là Đạo tông nên

chẳng thuận phục, dời đổi an ủi vỗ về Đại Sứ Lý Tập Dự đi tuần dò xét châu huyện. Sư thấu đạt sự việc ấy bèn dẫn binh lính qua thành, khắp bốn phía đều kêu réo cổ xúy đồng một lúc xua đuổi ra. Khắp cả tông oán trách mách cáo, lời oán than vang khắp đầy đường. Sư bèn bảo rằng:"Chưa thể khiến cho thiên hạ sửa quán thành chùa, một trong các cơ sở nầy rốt cuộc không thể chiếm đoạt, bèn nương tựa mà xây dựng lập chùa, đến nay vẫn còn không bị phá trủy.

Đến lúc Võ Hoàng lên ngôi. Sư vào kinh đô thăm viếng, nhân cùng với Pháp sư Lâm cùng sửa sang Biện Chánh. Lại có Pháp sư Hạo người xứ An Châu, đang ở tại đất Thục giảng dạy. Có người ganh ghét dâng biểu tấu trình rằng: “Kẻ phản mà lại giảng Pháp.” Sư đang lắng dò chờ đợi tin tức, bèn bị bắt giữ, thân tuy ở trong chốn ngục tù mà Sư vẫn cười nói như thường, giảng thích Kinh luật cho mọi người đang ở trong tù ngục nghe, suốt từ mùa xuân đến mùa Đông, chư tăng có đến mười vị, y phục dơ bẩn rách rưới, chẳng chia nỗi sự giá rét dữ dội. Tại kinh đô, có sa-môn Vô Tận Tạng là người chuyên làm việc cúng thí, Sư bèn gởi thư đến nói rằng: “Từ lúc Đức Thích tôn vắng bóng tại Tây Vực đến nay có hơn ngàn năm. Chánh pháp truyền đến Đông Độ có được năm trăm năm, tuy là người râu đỏ mắt xanh mở cửa Phương tiện lớn, người chân trần, không sơn phết thân hình rộng chỉ bày con đường nương tựa, mà còn chưa ra khỏi biển khổ, còn lấn lướt đắm chìm trong đường nguy hiểm. Huống gì các bậc danh tăng trong năm chúng, hạng giáo đầu của Tứ thiền, tu hạnh Đầu-đà ở nơi xóm làng, chỉ chuyên một việc thọ hưởng, ngồi yên trong rừng núi chỉ đắp mặc ba pháp y. Thêm vì từ tưởng vô duyên lên quả cân để thay mạng chim bồ câu, giẫm hạnh của ngài bất khinh, chống gậy để tránh côn trùng. Nay có Pháp tử tinh tấn, sa-môn thanh tịnh, bị bó buộc bắt giam nơi ngục tù, thật chẳng phải tội ấy. Bèn khiến trùng quan sớm rơi rớt, trông thấy người giữ ngục mà hồn bay, phòng thất mở muộn, thấy Hình Quan mà nghĩ hết. Gió rét sáng sớm thổi qua vạt áo và trong bày đều vụt bay. Sương dày đêm lạnh rét lòng cùng tro tàn đồng hết. Nếu trọn chẳng khỏi khơi ngòi, ước cũng là điều xấu hổ của nhân giả!” Thư đưa đến nơi, ngài Vô Tận Tạng bèn đưa đến áo cừu giày dép để cung cấp. Đến lúc được thả trở về quê cũ, các bậc danh tăng ở Tam Phụ đều tiễn Sư ra ngoài Quách Môn. Sư cùng chư tăng xa giã biệt với lời thơ rằng:

“Đi ở đều là khách
Chia buồn mất tính tình
Cùng làm không mong biệt

Thường hay hỏi tử sinh!"

Các hàng đạo tục nghe vậy đều rơi lệ.

Bấy giờ, tại Ích Châu có Pháp Tào Bùi Hy Nhân tự khoe khoang với môn học, Sư bèn đến diện kiến. Bùi Hy Nhân xem thường, có lời chê bai. Sư bảo rằng: "Tại đất Thục Xuyên tuy nhỏ hẹp mà các bậc Hiền đức đông như rừng, chốn Hán triều tuy Bát tuấn đồng xuất hiện mà chỉ bày mảnh lưới vòng vây gò mả. Đông Lạc than rằng: "Chó sói đang đứng trên đường sao lại hỏi về chồn cáo!" Người tấu giết Lương Ký, oai phong nhiếp cả bốn biển, vốn là người Võ Dương thuộc kiền Vị. Ở thời Hán, có người hỏi Dương Tử Vân rằng: "Lý Trọng kham là người như thế nào?" Dương Tử Vân đáp: "Ở ẩn mà chẳng trái với người thân, trinh thuần mà không dứt bặt thế tục. Chẳng làm bề tôi Thiên tử, không làm bạn với Chư Hầu. Vốn người giúp trung ở Ba Tây Mân Thục, Bá Vương đều kính ngưỡng, Ích Châu Bì huyện, tiếng tăm chấn động khắp Hoa Di. Minh Công ngõ hầu có thể rỗng tâm chờ đợi Quốc Sĩ, đâu được vì đất đai mà bó buộc con người ư!" Sư nói xong, bèn đi ra, Bùi Hy nhân trở lại hổ thẹn tạ lỗi. Khi Sư trở về, bèn nói với mọi người rằng:"Tại Giang Hán có nhiều linh, đó là người ấy!".

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

5- Truyện ngài Thích Trí Cần:

Thích Trí Cần, họ Chu, vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, nhà của Sư dời đến Lợi Châu, riêng lập chùa Đại Hưng Quốc để độ tăng. Thuở thiếu thời, Sư chuyên lấy sự giúp đỡ làm tâm. Mỗi lúc ở trong chúng, Sư mở lời, không gì chẳng hòa mục, ngài luôn tinh thành mạnh mẽ, mọi sự đều thầm được giúp đỡ. Mới đầu, mẹ của Sư bị bệnh nguy khốn, Sư vì mẹ mà xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, trên cây lá trong vườn nhà đều hiện hóa Phật, cả nhà đều đồng trông thấy, mẹ Sư liền được lành bệnh.

Lại vào cuối đời Tùy hoang loạn, các thứ giặc giã đua nhau dấy khởi, riêng một mình Sư ở giữ lấy chùa đó, bọn giặc không dám xâm phạm, nên chùa chiền kinh tượng không bị tổn hại gì, còn những ngôi chùa khác bị phá hoại không còn gì! Lại có một thời gian, Sư tạm mặc y phục thế tục để lánh giặc, bị giặc vây quanh sắp giết hại, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Sư hãy cởi bỏ y phục thế tục". Ngài bèn cởi bỏ áo ngoài, bọn giặc trông thấy liền kính lễ, xin được cúng dường, trải qua như thế vài tháng, sau đó, Sư về lại đất Thục, nghe Pháp

sư Hạo giảng pháp, thính chúng có đến ba ngàn vị, Pháp sư giao phó cho Sư xem xét, được an ổn vui hòa, trong ngoài không xảy ra việc gì. Đó là do năng lực của Sư.

Lại đến đầu đời Đường, Sư về lại Đặng Châu, giảng kinh Duy-ma và Tam Luận hơn mười biến. Sau đó, Sư lại đến ở ẩn tại Bắc Sơn, nương tựa hơn mười năm, ba chỗ Sư ở đến nay vẫn hiện còn. Có lần nghe trong hang có tiếng chuông, sau đó Sư rảo tìm khắp núi, bỗng tháy một ngôi chùa nguy nga tráng lệ khác thường. Sư vào trong đó lễ bái, dường như có người đang ở đó, như thế có đến mấy lần. Về sau, Sư lại tìm đến nhưng chẳng biết chùa ấy ở đâu. Lại nữa, lúc Sư ở trong núi, lương thực sắp hết, ngay chỗ Sư thường hành đạo tự nhiên đất nổi lên. Sư bèn phá bỏ, sáng hôm sau lại hiện như thế, cứ như vậy đến vài ba phen, thì có lúa thóc hiện bày. Nhân đó Sư bèn đào xuống sâu có được hơn hai mươi thạc thóc, hạt thóc ấy lớn mầu đỏ hơi khác hạt thóc thường. Bấy giờ, ở Đăng Châu, Phật Pháp bị chèn ép tàn khốc, các hàng đạo tục khắp cả châu đều đến núi lễ bái cầu thỉnh, xin mời Sư ra trú trì. Sư bèn cảm mộng mà ra. Mộng ấy không được biết rõ tường tận. Sau khi Sư thỉnh tượng ra núi, giữa đường bỗng nhiên tối mịt, không còn nhận biết đường đi nên không thể tiến tới trước, không bao lâu có hai ngọn đước với ánh lửa khác thường soi chiếu giữa đường rất sáng, nhân đó mà thấy được đường đi. Đưa Sư về đến trong thôn, ánh lửa ấy mới lại tắt mất, người trong thôn thảy đều trông thấy, không ai chẳng kinh lạ. Nhân đó, Sư ra trụ chùa Đại Hưng Quốc. Trước sau các Vương hầu, Thứ sử đều đến chùa đảnh lễ, xin thọ quy giới. Sư thường được giao phó việc tăng ni làm người xem xét, tiếng tăm vang xa đến Ngô Thục.

Lại đến đầu niên hiệu Vĩnh Huy (650) thời Tiền Đường, vì thấy việc đời phiền tạp, nên Sư đóng cửa ở trong phòng chẳng ra, suốt ba năm như thế, đọc Nhất thiết kinh đến hai biến. Mỗi lúc Sư đọc kinh thì thấy có vị thần đến lắng nghe. Đầu hôm, nửa đêm cũng như gần sáng luôn nghe có tiếng búng ngón tay khen ngợi.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ tư (659) thời Tiền Đường, Tỉnh phù mời Sư đến trụ chùa Từ Ân, nhưng Sư không đến. Đến tháng năm năm đó, trước lúc thị tịch, bao nhiêu pháp tài công đức có được, Sư đều chu cấp cho mọi nơi, sớm tối lo liệu cho mau xong xuôi, có người hỏi Sư về lý do tại sao mà thúc giục gấp như vậy? Sư bảo: “Các pháp Vô thường, đâu thể giữ lâu?” Đến ngày mười lăm, cành lá cây cối trong vườn chùa đều khô héo, tự nhiên gãy nhánh, chim thú kêu buồn khắp trong chùa, Chư tăng đều kinh hãi hỏi nhau, nhưng chẳng ai biết lý do.

Đến sáng ngày mười sáu, bỗng thấy vị thần nghe kinh trước kia đến lễ bái, nói rằng:"Chớ lễ bái người bên cạnh không thấy". Khi đó, Sư cạo tóc, tắm gội, đắp mặc pháp y, vào trong giường dây, tay bưng lò hương ngồi kiết già, bảo với các đệ tử rằng: "Các ông hãy đem kinh Đại Phẩm ra đọc tụng", đến hết phẩm vãng sinh, Sư bèn chấp tay ngồi yên mà thị tịch. Lưu để nhục thân Sư lại mấy ngày mà nhan sắc vẫn y như cũ, thường có mùi thơm lạ thoảng khắp chùa. Các hàng đạo tục khắp cả châu đến buồn thương ai cảm, khó nỗi cản ngăn, Quan nhân cả châu huyện đều cùng nhau tiễn đưa đến nơi đồng trống để an táng. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 26 A

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG VỊ

(chánh truyện có ba mươi ba vị, phụ có ba vị).

1/ Truyện Sa-môn Lặc-na-mạn-đề người xứ Thiên-trúc, trụ chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh, thời Nguyên Ngụy.

2/ Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương, thời Nguyên Ngụy.

3/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành, thời Nguyên Ngụy.

4/ Truyện ngài Thích Đạo Thái trụ tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn, thời Nguyên Ngụy.

5/ Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm ở Cửu Giang, thời Nam Lương.

6/ Truyện ngài Thích Pháp Lực trụ ở quận Mạt Lỗ, thời Nguyên Ngụy.

7/ Truyện ngài Thích Thực Tướng trụ chùa Thanh Thành ở đất Thục, thời Nam Lương.

8/ Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu, thuộc đất Thục, thời Nam Lương.

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu, thời Nam Lương.

10/ Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu, thời Nguyên Ngụy.

11/ Truyện ngài Thích Tăng Ý trụ chùa Lãng Công Cốc ở Thái Sơn, thời Nguyên Ngụy.

12/ Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn, thời Nguyên Ngụy.

13/ Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu,

thời Bắc Tề.

14/ Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề.

15/ Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên, thời Bắc Tề.

16/ Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề.

17/ Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu, thời Bắc Tề.

18/ Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đảng, thời Bắc Chu.

19/ Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu đời Tùy.

20/ Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên, đời Tùy (Phó Đại Sĩ).

21/ Truyện ngài Thích Pháp Lãng ở Ngạc Châu, đời Tùy.

22/ Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu thuộc Thục Châu, đời Tùy.

23/ Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, đời Trần.

24/ Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu, đời Tùy.

25/ Truyện ngài Thích Pháp An trụ tại Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô, đời Tùy (Pháp Tế).

26/ Truyện ngài Thích Tuệ Khản trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu, đời Tùy.

27/ Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

28/ Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu, thời Tiền Đường.

29/ Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện ở Ung Châu, thời Tiền Đường (Trí Nghiễm).

30/ Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.

31/ Truyện ngài Thích Hựu Đức trụ ở Lương Sơn thuộc Ung Châu thời Tiền Đường.

32/ Truyện ngài Thích Trí Tắc trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

33/ Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

1. Truyện Sa-môn Lặc-na-mạn-đề:

Sa-môn Lặc-na-mạn-đề, người ở xứ Thiên Trúc. Trong thời Nguyên Ngụy, Sư đến trụ chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh. Sư rất giỏi về Ngũ Minh, thông hiểu Đạo Thuật.

Bấy giờ, Thứ sử Tín Châu Kỳ Mẫu Hoài Văn, là người khéo tư duy, hiểu biết nhiều. Thiên tánh có nhận biết rộng rãi, mỗi lúc nước nhà tạo dựng cung thất, khí giới không chỗ nào chẳng liên quan, ích lợi cho cả công tư, Sư rất ưu việt suốt cả một thời. Vua lại ban sắc bảo sửa sang chùa Vĩnh Ninh, thấy Sư có Dị thuật, thường dâng cúng lễ vật, mong được sự thấy nghe, nhưng Sư vẫn bình thường như lúc đầu không có thừa tiếp. Hoài Văn trong lòng rất tức giận. Bấy giờ, tại Huyền Võ Quán ở Lạc Nam, có một người khách nhuyễn nhuyển (giống mọi rợ) đã từng tương giao với Sư tại Tây vực từ trước, cưỡi ngựa, mặc áo da, khi đi đến chùa, hai người tương đắc nói cười chỉ chỏ vỗ tay, suốt ngày không mỏi mệt. Hoài Văn đứng bên cạnh trông thấy mọi rợ nói, không hiểu để đáp, bèn nói với Sư rằng: “Đệ tử khéo kính thờ người, mọi việc từ trước đến nay cung thừa chỉ mong Sư cho biết ý, mà Sư không hề nói một lời. Còn đây là kẻ Bắc Địch (chỉ vị khách ấy) tâm thú mặt người, giết hại sinh mạng, uống máu ăn thịt, đâu đáng mến chuộng, chẳng mong gặp mặt, bèn thành Đây Kia!”. Sư bảo: “Ngươi chớ khinh thường người khác, dù có đọc muôn quyển sách, thì tự dùng chưa hẳn là hơn”. Hoài Văn nói: “Tôi đây có sự nhận biết có thể cùng đánh cá ngựa”. Sư hỏi: “Ông có tài thuật gì?” Hoài Văn đáp: “Có khả năng về toán thuật. Bất kể là nhìn núi ngắm sông, suy lường cao sâu, vây đố đạp hố, chẳng sai lầm thăng hợp”. Sư cười bảo rằng: “Đó là trò chơi của trẻ con”. ngay trước sân có một cây táo rất lớn, trái rất sum suê, lúc đó là đầu tháng bảy, đều đã già chín. Sư ngửa mặt nhìn cây táo mà bảo rằng: “Ông biết trên cây có được bao nhiêu trái táo chăng?” Hoài Văn lấy làm lạ cười mà bảo rằng: “Chỗ biết của toán thuật hẳn y theo tiêu chuẩn ngang dọc, thì thiên văn địa lý cũng có thể suy lường. Cỏ cây lắm hao hụt có hình dáng gì, xét đó thật làlời nói buông tuồng”. Sư chỉ vị khách nhuyễn nhuyễn mà bảo rằng: “Đây là người đã nhận biết”. Hoài Văn nổi khí tức giận không tin, liền lập khế ước cá ngựa. Chư tăng, những vị lão túc trong chùa đều đến xem, đứng bên cạnh để làm chứng. Sư lại bảo Nhuyễn nhuyễn, Nhuyễn nhuyễn cười mà vâng lời. Hoài Văn lại đòi yêu sách rằng: “Phải biết bao nhiêu trái đã có hạt, bao nhiêu trái bị hư không có hạt”. Đoán bao nhiêu trái đã xong, nhuyễn nhuyễn lấy từ đãy da nơi lưng ra một vật tợ như quả cân ngày nay vậy, xỏ suốt bằng chỉ năm mầu, chỉ riêng xỏ hạt

châu mầu trắng, dùng đó để tính về cây, hoặc trên hoặc dưới, hoặc các góc cạnh, kéo chỉ nhắm mắt, xoay chuyển giây lâu, rồi hướng về Sư hồi lâu. Vừa rồi Sư lắc đầu mà cười, mà thuật lại số lượng. Sư liền sai người trút trái xuống hết, mỗi trái đều xem xét, nghi rằng Hoài Văn sẽ vạch ra xem so lường lại số trái có được thành chăng, cuối cùng không bị thiếu thừa, nhân đó, nhuyễn nhuyễn thắng được ngựa mà trở về.

Sư mỗi lúc nhìn thấy mọi người từ xa đến Tung Cao Thiếu Thất để hái củi, Sư tự bảo rằng: "Trăm họ như đất, mang vác khổ cực. Ta muốn tạm kéo lấy hai ngọn núi gối đầu xuống sông Lạc, đợi người chặt đủ củi rồi trả lại bỏ đi, việc ấy chẳng lấy làm khó, đó chỉ là số thuật vậy. Chỉ vì người không biết, nói xằng cho ta là Thánh, vì thế mà không dám".

Đến lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử rằng: "Ta còn nghỉ lại chừng, năm, ba ngày nữa, sẽ đi đến xứ khác. Các Ông phải luôn nhớn nghĩ tu hành Chánh Đạo, chớ có tâm quyến luyến!". Sư bèn hiện tướng bệnh, đóng cửa thất mà nằm. Đệ tử lén nhín qua lỗ hỏng cánh cửa, thấy Sư thân chẳng dính nơi giường, mà chỉ nằm ngửa giữa khoảng hư không, bèn mách bảo nhau cùng đến xem, có một vị tăng bỗng nhiên cất tiếng ho. Sư đặt thân mình xuống lại giường như cũ, từ xa nói rằng: "Người ngoài cửa là ai, sao chẳng đi vào? Vì giường nóng nên ta tìm lấy chút mát dịu. Ngươi chớ lấy làm lạ!" Sau đó vài ngày, Sư bèn thị tịch.

2- Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương:

Thích Siêu Đạt, không rõ Sư họ gì. Trong thời Nguyên Ngụy, Sư hành nghiệp làm tăng. Sư là người học vấn nhiều, có sự hiểu biết rộng. Vua thời ấy cấm triệt Đồ sấm rất dữ, đang lúc truy tìm, có người nói xằng bảo Sư thật có, nên bị bắt giam giao vào ngục Vinh Dương. Bấy giờ, Ngụy Bác Lăng Công khám xét, Sư bèn trình bày sự thật, Bác Lăng Công rất tức giận, buộc bánh xe vào cổ Sư canh giữ nghiêm mật. Sư tự biết không còn con đường sống, nên liền chuyên tâm xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, đến canh tư trong đêm, bỗng nhiên không còn trông thấy bánh xe, chỉ thấy những kẻ canh giữ đều ngủ say. Nhân đó, Sư chạy ra ngoài, muốn trốn đi xa. Vì từ lâu bị trói buộc trong ngục, hai chân suy yếu không thể đi xa. Đến lúc trời sáng, bọn tù binh cưỡi xe bốn ngựa ra truy tìm. Sư suy nghĩ trốn lánh chắc không thoát khỏi. Nhân đó nép mình trong cỏ, bọn tù binh cưỡi ngựa đến đạp lên cỏ mà không hay biết gì, tuy đi ngang qua gần bên cạnh đối diện mà không thấy. Sư ngước mắt nhìn bọn tù binh thì đều bị dùng da trâu che mắt. Sư nhất tâm chờ chết, chí thành xưng niệm, nửa đêm bọn tù binh đi Sư khỏi rồi, sau đó,

Sư liền được thoát khỏi.

Lại có Đạo nhân Tăng Minh là tự chủ chùa Thạch Quật ở Bắc Đài. Họ Ngụy làm Vua trong Thiên hạ, thường nghi ngờ các vị Sa-môn làm giặc, bắt cả mấy trăm vị tăng, trói buộc từ đầu đến chân, đã định kỳ hạn đem ra chém đầu, Sư rất kinh sợ, nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Đến nửa đêm, bất giác thấy sợi dây trói buộc nhỏ dần, riêng trong lòng vui mừng, mong cầu càng tha thiết, đến gần sáng tự nhiên dây đứt, được thoát khỏi Sư liền trốn chạy xa. Đến sáng hôm sau, người giữ ngục đến tìm không thấy Sư, chỉ có sợi dây đứt đang nằm dưới đất, biết đó là do sức thần gia hộ, liền đem sự việc ấy tấu trình. Vua mới tin Đạo nhân không có làm phản, bèn cùng lúc phóng thả tất cả.

3- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành:

Thích Tuệ Đạt, họ Lưu, tên là Tốt Hoà,vốn người xứ Đông Bắc thuộc Hàm Dương, tức Kê Hồ thuộc Định Dương ở Tam Thành. Tổ tiên Sư chẳng kính tin Phật Pháp, mắt chẳng nhận biết chữ, là người hung dữ, khỏe mạnh, thích săn bắn. Làm Lương thành Đột Kỵ đến trấn thủ ở Tương Dương. Cha mẹ, anh em có tất cả ba người đều hiện còn, gia đình giàu có, hào hoa xa xỉ trong xóm làng, tung hoành không theo lý. Sau nhân tiệc rượu, bị bệnh, chết giấc thần thức trông thấy các thứ khổ nơi địa ngục, nói rộng trong Biệt truyện, có đủ các Thánh Tích.

Về sau, Sư xuất gia tại quận Văn Thành. Nay là bình nguyên Cao Bình ở phía Đông Nam Từ Châu, tức là nơi Sư đã sinh ra. Thấy có miếu tượng, Nhung Hạ lễ kính đặt để ở trong chùa, trị hạ an dân. Sư từng đến xứ Ngô Việt. Đầy đủ như ở truyện trước. Đến niên hiệu Đại Diên thứ nhất (435) dưới thời Vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào) nhà Nguyên Ngụy, lưu hóa sắp xong, tiện việc Sư về lại phương Tây. Vừa đến hang vọng ngự ở phía Đông bắc quận Phiên Hòa thuộc Lương Châu, từ xa kính lễ. Mọi người không ai hiểu, bèn hỏi lý do. Sư bảo: “Ở sườn núi này sẽ có Tôn tượng xuất hiện, nếu như linh tướng tròn đầy thì đời an vui, thường hưng thạnh, nếu như tôn tượng bị thiếu khuyết thì trong đời loạn lạc, dân chúng cực khổ”. Sư đi đén huyện Tửu Tuyền thuộc Túc Châu, cách phía tây Thành chừng bảy dặm thì thị tịch trong khe đá, xương cốt Sư đều nát như qùy tử lớn có thể xuyên qua. Nay trong ngôi chùa cổ ở phía Tây Thành đắp hóa tôn tượng Sư ở phía trên. Tại chùa đó có văn bia ghi rằng: “Tôi chẳng phải là Đại Thánh, chỉ du hóa lấy làm việc chánh” văn chẳng đầy đủ.

Sau đó tám mươi bảy năm, tức đến đầu niên hiệu Chánh Quang

(520) thời Nguyên Ngụy, bỗng nhiên trời nổi cơn mưa gió lớn, sấm sét đánh làm nứt ngọn núi, xuất hiện một pho tượng bằng đá, cả thân cao trượng tám, hình tướng trang nghiêm, chỉ không có phần đầu, mọi người bèn chọn đá, bảo thợ chạm trổ thành một cái đầu riêng để gắn lên, xong rồi phần đầu ấy lại rơi xuống, nhân đó bèn để mặc như thế, đến lúc ngụy đạo lấn lướt, lời nói trước kia của Sư thật ứng nghiệm. Đến những năm đầu thời nhà Chu, ở phía Đông thành thuộc Lương Châu, cách chừng bảy dặm, trong khe suối tự nhiên có ánh sáng hiện, soi chiếu thấu u hiển, người trông thấy lấy làm lạ bèn đến xem kỹ, thì thấy đó là phần đầu của pho tượng, bèn đón rước về tôn trí trong hang núi, uyển nhiên phù hợp, nghi dung điều quyết. Hơn bốn mươi năm Thân Đầu nằm hai chỗ khác nhau cách xa hơn hai trăm dặm. Tướng tốt của pho tượng hoàn bị, thái bình có được ngay thời bấy giờ. Đến niên hiệu Bảo Định thứ nhất (561) thời Bắc Chu, đặt tên chùa là "Thụy Tượng", mới có ánh sáng soi chiếu, tiếng chuông vang vọng nối nhau không dứt đoạn. Chẳng lường biết được nguyên do. Đến đầu niên hiệu Kiến Đức (572) thời Bắc Chu, phần đầu tôn tượng bị rơi nhiều lần, Đại Trủng Tể và Tề Vương đích thân đến đó xem, bèn bảo người tôn trí lên lại, đêm đến cũng vẫn rơi như cũ, trải qua đến mấy mươi lần như thế, lại dùng vật khác làm phần đầu để thay thế, cuối cùng cũng vẫn rơi xuống đất. Sau đó, nhà Bắc Chu phá diệt Phật pháp, chỉ được bốn năm mà các nước lân cận đều bị diệt mất. các hàng thức giả xét xem mới biết trước có soi xét, tuy gặp mọi sự phá hoại mà đặc biệt tôn tượng vẫn hiện còn. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, kinh tượng lại được mở mang, trang sức tôn nghi, càng mở cao chùa Viện. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (610) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) đích thân đến đó kính lễ, cúng thí rất nồng hậu, lại tăng thêm sự rực rỡ. Nhân đó, vua đổi biển ngạch cũ, đề lại là chùa "Cảm Thông". Nên nay mô tả về truyền hình thì lượng thật chẳng lường biết, chỉ cao khoảng trượng tám, nhưng khi đến đo đạc thì hoàn toàn khác, khiến cho đức tin phát khởi ngày càng thêm mới.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường. Tôi (Đạo Tuyên) vân du ngoài quan ải, nên đến bái kiến Bổn miếu thờ Sư, thấy đồ tượng trang nghiêm, hằng ngày thêm lớn mạnh sự kính ngưỡng. Từ Thạch Thấp Từ Đan cho đến các Châu như Oai Lam v.v... đều đồ tả hình tượng ấy, đem về tôn trí cúng dường, tôn xưng hiệu là "Lưu Sư Phật". Nhân đó răn bảo thay đổi Hồ tánh, mọi người vâng hành giới luật rất đông, thấy có văn bia nơi tôn tượng do Diêu Đạo An chế tác.

4- Truyện ngài Thích Đạo Thái ở Tinh Xá Hành Đường:

Thích Đạo Thái, là người sống vào cuối thời Nguyên Ngụy, trụ tại tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn. Sư mộng thấy có người bảo với Sư rằng: “Đến năm (...) đó, ông sẽ mạng chung vào lúc bốn mươi hai tuổi!”. Trong tâm Sư rất nhàm chán. Đến năm đúng kỳ hạn, Sư bị bệnh rất nặng, vô cùng lo buồn, đều đem tất cả mọi vật vốn có của thân ra để làm phước. Có người bạn bảo Sư rằng: “Tôi nghe trong kinh nói cúng dường sáu mươi hai ức vị Bồ-tát ngang bằng với một xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, sao bạn chẳng dốc lòng quy y, sẽ được tăng thêm phước thọ.” Sư bèn cảm ngộ, bèn suốt trong bốn ngày bốn đêm chuyên tinh xưng niệm không dứt. Phía dưới tấm màn chỗ Sư ngồi bỗng nhiên thấy có ánh sáng từ phía ngoài cửa chiếu vào, thấy khoảng giữa mắt cá và mu bàn chân của Bồ-tát Quán Thế Âm có ánh sáng mầu vàng ròng soi chiếu, bảo với Sư rằng: “Ông xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm ư?” khiến Sư vén màn lên xem, thì không còn thấy, Sư vừa vui vừa buồn đến nỗi đổ mồ hôi, liền cảm thấy nhẹ nhàng, cơn bệnh liền lành hẳn. Đến năm bốn mươi bốn tuổi, Sư bèn nói việc ấy với người đồng ý hướng. Sau, Sư thị tịch lúc năm mươi tuổi.

Lại có một vị Sa-môn khác, nhân duyên cũng giống như Sư, nên ở đây chẳng ghi.

5- Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm:

Thích Tăng Dung, là người sống vào đầu thời Nam Lương. Sư trụ chùa Đông Lâm tại Cửu Giang. Dốc chí trầm lắng sâu rộng, lấy sự du hóa làm việc chính. Sư từng khuyên hóa một gia đình nọ ở tại Giang Lăng thọ trì quy giới, kính thờ Phật pháp làm chánh nghiệp. Nhà đó trước kia vốn có miếu thờ thần, nhưng chẳng còn thờ nữa, mọi vật đều đem cấp thí, Sư bèn lấy đem về chùa để làm việc phước. Sau đó bảy ngày, mẹ của chủ nhà thấy một con quỷ cầm sợi dây màu đỏ muốn trói Bà, Bà rất kinh sợ bèn bảo thỉnh chư tăng tụng kinh hành Đạo. quỷ lấy làm lạ bèn thôi. Sau đó, Sư trở về Lô Sơn, riêng trong đêm nghỉ lại quán trọ, khi đó trời mưa tuyết, trong đêm mới vừa ngủ, Sư thấy một đoàn binh lính loài quỷ số lượng rất đông, trong đó có loài quỷ tướng thân mặc áo giáp tay cấp mũi nhận, hình tướng cao lớn, có mang theo chiếc giường người Hồ, bèn đến trước mặt Sư ngồi xoạc xuống, đanh sắc mặt, cất tiếng bảo rằng: “Vì sao ông cho là Quỷ thần không linh?” và liền kéo Sư xuống đất, các lính quỷ sắp ra tay làm hại, Sư nín lặng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, lời tiếng chưa dứt thì thấy ở phía

sau chiếc giường có một vị thiên tướng thân hình cao hơn một trượng, thân mặc khố da mầu vàng, tay cầm chày Kim Cương đứng đợi. Đoàn Quỷ bèn kinh hãi chạy tan, các thứ áo giáp mũ trụ vỡ nát như bụi.

Ở tại Giang Lăng Sư từn khuyên hóa hai vợ chồng nhà nọ đều thọ trì năm giới, sau hai người ấy bị bọn giặc cướp bắt dẫn đi, người chồng bèn chạy thoát, còn người vợ bị trói giam vào ngục. Đang trên đường đi người chồng gặp Sư ở vệ đường, cầu xin cứu giúp. Sư bảo chỉ nên dốc lòng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, không còn tin theo Đạo nào khác". Người vợ ấy sau khi đã bị nhốt vào ngục, bèn xưng niện không dứt. Nhân đó mộng thấy một vị Sa-môn đứng trước mặt, giậm chân bảo đi, bỗng cảm thấy thân mình xuyên suốt ba cây gỗ, tự nhiên được mở thoát, nhưng thấy cửa còn đóng, lính canh cửa có nhiều lớp đang trông giữ, nghĩ không cách gì thoát khỏi, bèn ngủ trở lại, bỗng mộng thấy vị tăng trước đó đến bảo rằng: "Sao chẳng sớm thoát ra, cửa sẽ tự mở". Đã nghe thế rồi liền tỉnh dậy, các lớp cửa đều mở suốt, liền vượt khỏi chỗ mà chạy ra, đi theo hướng Đông nam được vài dặm, gặp được người dân trong xóm, bấy giờ trời đang còn mờ tối. Người chồng trước kia chạy trốn, ban đêm thì đi, ban ngày ẩn núp, hai người bỗng nhiên gặp nhau đều rất kinh hãi, giữa khoảng lao sậy xét hỏi, người vợ mới biết đó là chồng mình. Hai người bèn cùng nhau trốn theo khách buôn đi xa, cuối cùng được thoát nạn.

6- Truyện ngài Thích Pháp Lực ở quận Mạc Lỗ.

Thích Pháp Lực, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là người tinh tấn, rất có chí đức, muốn ở tại quận Lỗ xây dựng tinh xá, mà tài vật không có đủ, bèn cùng Sa-di Minh Sâm đến Thượng Cốc, quyên góp suốt một năm, chuẩn bị về lại chùa, đang đi đến trong đầm trống, bỗng nhiên gặp phải lửa đồng, xe đi dưới gió, nên không cách gì thoát được, khi ấy Sư đang mỏi mệt thiếp ngủ, bỗng nhiên tỉnh giấc mà thế lửa đã kịp đến nơi, nhân đó Sư cất tiếng xưng niệm chữ "Quán", chưa kịp đến hai chữ "Thế Âm", thì ứng theo tiếng, gió liền chuyển hướng, lửa dữ liền tắt, Sư được an ổn trở về.

Lại có Sa-môn Pháp Trí, Sư vốn là Bạch y (cư sĩ) đi một mình giữa đầm lớn, lửa dữ bốn phía đồng một lúc cháy lên, Sư tự biết phải chết, mới úp mặt xuống đất xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Sư lấy làm lạ không bị lửa thiêu đốt, bèn ngẩn mặt lên nhìn thì cây cỏ nơi đầm không còn lại một mảy may, chỉ tại chỗ Sư núp in dấu thân hình Sư. Nhân cảm ngộ ấy mà Sư bèn xuất gia hành đạo, tinh tấn mạnh mẽ,

mọi việc luôn dẫn trước chúng.

Lại có Sa-môn Đạo Tập đến núi Tây Sơn ở Thọ Dương, bị bọn cướp bắt trói vào thân cây, sắp giết hại Sư. Sư chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm để chết mà thôi, giặc cướp đưa dao chặt đều không thương tổn, tự kinh sợ mà bỏ chạy. Sư nhờ đó được thoát khỏi, lưu truyền rộng việc ấy.

Lại có các Sa-môn Pháp Thiền, v.v... đang đi giữa núi, gặp bọn cướp, các ngài chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Bọn cướp kéo cung tên muốn bắn nhưng thả tên không được. Bọn cướp lại quy hướng kính thành, ném bỏ cung tên dưới đất, cũng không được, biết là thần nhân, bèn bỏ chạy trốn. Các Ngài nhân đó được thoát khỏi. Các ngài trong câu truyện trên đây đều là người ở cuối thời Nguyên Ngụy, riêng có bộ "Quán Âm cảm ứng truyện", văn sự bao gồm đầy đủ, nên ở đây không ghi đủ.

7- Truyện ngài Thích Thực Tướng ở chùa Thanh Thành:

Thích Thực Tướng, họ Hác, người ở xứ sông Phù thuộc Tử Đồng, từng nhậm chức Quận lại ở Ba Tây. Thái thú Trịnh Trinh bảo Sư mang các lễ vật hiến cúng xuống Dương Đô. Sư thấy Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương cùng các Vương Công tôn kính Tam Bảo, bèn phát nguyện muốn xuất gia. Đến lúc về lại Thượng Thục, giã biệt gia thuộc, và vợ con Sư đã cùng chí nguyện như Sư, nên đồng một lúc cạo tóc.

Sau khi đã xuất gia, vào niên hiệu Đại Đồng (538-546) thời Nam Lương, Sư chuyên tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường ngồi giữ chánh tâm suy nghĩ niệm Phật lý, lấy mạng sống làm kỳ hạn. Bấy giờ ở quận Nam Võ, nay tức là huyện Hiếu Thủy, có Đạo nhân Pháp Ái là người có đạo thuật cao huyền, Sư bèn đến đó xem. Đang trong đêm, ngài Pháp Ái dùng năng lực của thần chú hiện ra một thần to lớn, thân mặc áo mão dung tướng kỳ vĩ, đến nâng giường dây cách đất bốn –năm thước, Sư bèn đọc tụng giới bổn. Thần liền bỏ đi. Giây lát thần lại đến đứng trước mặt ngài. Ngài vẫn giữ chánh ý tinh bạch như mới đầu không chút lay động. Sau đó, Thần lại bỏ đi. Ở nơi đầu góc phòng nhà, thần hiện ra khuôn mặt, đánh phá xé trần nhà, tiếng động rất lớn, Sư vẫn không khiếp sợ. Thần thấy Sư không lay động bèn đến lễ bái cầu xin sám hối. Đến sáng sớm, Sư bảo với ngài Pháp Ai rằng: "Điều quý trọng của ông, đó là tà thuật, chẳng phải là Chánh Pháp, ông nên xả bỏ."

Sau, Sư đến Ích Châu nghe giảng pháp. Vì Sư sinh ở chốn Biên Bỉ, nói năng quê mùa, tuy bị khinh thường, mà không nhớ nghĩ, chỉ hướng về Đạo. Lại nhân trên đường đi, Sư vào nghỉ qua đêm tại Đạo quán. Có Đạo sĩ vốn biết tên tuổi Sư, sợ Sư giáo hoá đồ chúng quyến thuộc của mình nên chống thuận với Sư. Đêm đó, có đàn hổ đi nhiễu quanh viện cùng nhau gầm rống. Các Đạo sĩ v.v... suốt đêm chẳng an. Đến sáng bèn đi tìm, và đều theo Sư xin thọ giới Bồ-tát.

Sư lại từng đến xứ Hoằng Nông, bên cạnh bờ sông, thấy có người buông cần câu cá. Sư khuyên bỏ việc đó, người ấy không nghe lời. Sư liền nhổ nước miếng xuống dòng nước, bỗng nhiên có một con rắn lớn ngóc đầu lên xoay nhìn bốn phía rồi bơi thẳng đến người ấy. Người ấy nhân đó liền quy mạng theo Sư xin xuất gia.

Bấy giờ, gặp lúc thời vận nhà Lương dần suy, và tại đất sông Phù quân lính dấy động. Sư cùng Pháp sư Triện phân phi khác vực. Pháp Sư Trien vào núi Tĩnh Lâm. Còn Sư vào núi Thanh Thành, nhóm kết đồ chúng. Vương Tiêu Huy đời Lương vốn kính trọng Sư, cung cấp cho dân lão để làm doanh lý. Sư chưa đến đó thì đã bị bệnh nặng, biết mạng không thể cứu, nên Sư bảo đệ tử rằng: "Tôi thường nguyện sinh về cõi Tịnh độ, mà không có hạnh nghiệp gì cao quý. Tuy chẳng đọa vào ba đường xấu ác, mà cũng không sinh lên cõi trời. Tôi sẽ sinh trở lại nơi đất sông Phù này để làm Sa-môn. Các ông phải cố gắng hành Đạo mới có thể gặp được tôi!". Nói xong, Sư ngồi kiết già nghiễm nhiên thị tịch. Lúc đó Sư mới bốn mươi bốn tuổi. Ở bốn phía núi ấy toàn giống dân Lão, thấy Sư ngồi mà thị tịch thảy đều kéo nhau đến khen ngợi việc lạ, lễ bái cúng dường, sửa đổi tập tục mà làm việc lành. Các đệ tử Sư vâng theo Di mạng, bèn đón rước nhục thân Sư tôn trí lộ bày dưới gốc thông.

Xưa kia, mới đầu Sư đặt chân đến Miên châu, trụ chùa Bách Lâm ở phía Tây thành. Phòng viện xây dựng hoàn bị, ngay đầu căn phòng có trồng một cây ngô đồng rất tươi tốt. Bỗng nhiên đến ngày mười lăm tháng tư, vô cớ lá bị rụng hết. Thêm nữa, sáng hôm đó, vị Duy-ma đánh chuông, mới đầu chuông cũng không phát ra tiếng. Mọi người lớn nhỏ đều sinh nghi lấy làm lạ chẳng hiểu nguyên do thế nào. Thượng tọa Tăng Siêu bảo là sẽ có biến động lớn, bèn chống tích trượng mà trốn lánh, chốc lát sau, có tin đưa đến báo là Sư đã thị tịch. Cây khô, chuông câm là tượng trưng cho ngày Sư thị tịch. Chùa Bách Lâm ấy cách núi Thanh Thành hơn bốn trăm dặm mà thầm có cảm vận, hẳn chẳng phải là mưu của con người.

Ở đầu thời Nam Lương, lại có các Sa-môn Đạo Hương, Tăng Lãnh đều là những vị có năng lực thần dị, vết tích hơi giống nhau, cùng loại với Hoà-thượng Chí Công.

8- Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu:

Thích Tăng Lâm, là ngài người đất Ngô, rất có đức trong trắng, mọi hành vi thường cảm động đến vật tình.

Vào niên hiệu Đại Đồng (535-546) thời Nam Lương, Sư lên đất Thục, đến Đồng Châu. Ở phía Tây bắc thành cách một trăm bốn mươi dặm có núi Đậu Thùy, trên núi có đền thờ thần, dân chúng tại vùng ấy rất kính trọng, thường đến cúng tế bái yết. Sư đến ở đó, thiền quán im lặng trải qua nhiều ngày, bỗng có một con trăn lớn đến quấn nằm trước giường, ngẩn đầu như kính vái hộ trì vậy. Sư truyền pháp Tam quy cho nó, trăn lãnh thọ quy giới rồi bèn bỏ đi. Nhân đó mà được bình an, không hề có ương họa gì. Phía Bắc núi đó là thuộc phía nam sông Phù, từ trước đến nay vốn không có loài vượn sinh sống, từ khi Sư đến ở thì tự nhiên có hai con vượn đến nương tựa Sư mà ở. Có người mới đầu trông thấy cho là chúng lội qua sông mà đến. Sau này, Sư ra cửa núi, vượn xoay ngược dòng nước mà bơi đi, như thế chẳng phải một lần. Vì trải qua năm tháng lâu dài nên vượn sinh sản đến mấy mươi con. Có lúc vượn đưa Sư đến cửa Long Môn, đứng đợi Sư trở về. Về sau, Sư đến ở trong chùa xưa nơi hang Xích Thủy, ở đó các phòng đều đổ nát chỉ còn có tòng lâm, Sư liền ngồi ngoài chỗ trống, có một con hổ đến ngồi trước mặt Sư, đưa mắt nhìn. Sư bèn nói Pháp cho nó nghe, giây lâu hổ bèn bỏ đi. Từ đó về sau một mình Sư đi khắp nơi, mạnh dạn không lánh né các loài thú dữ. Sư thường thực hành nhân từ cứu giúp nên cảm hóa rất nhiều.

Về sau, Sư thị tịch tại Đồng Châu.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Giản, không rõ Sư là người xứ nào. Sư hành đạo ở đầu thời Nam Lương. Giới nghiệp Sư rộng thoáng cao vợi, có điểm đặc biệt là mạnh dạn cấp giúp. Phía đông Sảnh sự ở Kinh Châu, trước kia có ba gian riêng lập trai hội, do đó thường có nhiều việc quỷ quái. Bấy giờ, Vương Kiến Võ đến sửa trị, như không một ai ở được, chỉ mình Sư là bậc thầy của các Vương quân chuyên nhậm ở đó. Sư tự ở một gian phòng, còn lại hai gian Sư tôn trí kính tượng. Bỗng nhiên thấy có một người mặc áo đen không có mắt từ trong vách tường đi ra, đúng tựa vào

cửa phòng của Sư. Khi đó, mắt Sư mở, tâm biết rõ nhưng miệng không nói được, trong ý vẫn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, giây lâu, quỷ bảo rằng: “Vì nghe ông tinh tấn nên đến thử xem, nay thần sắc ông bất động, chẳng lẽ ta lại bức hại ông sao?” Quỷ trở vào trong vách tường, Sư từ từ đứng dậy tắm rửa súc miệng, lễ tụng xong trở lại ngủ yên như thường. trong giấc ngủ ngài mộng thấy người trước đó lại bảo rằng: “Kẻ hèn này ở đây từ cuối thời nhà Hán đã qua mấy trăm năm, vì tánh tình cứng rắn ngay thẳng nên có lắm sự chẳng kham. Ông là người tịnh hạnh tốt lành, tướng mạo đặc biệt”. từ đó bèn dứt bặt. Sư ở tại đó nhiều năm vẫn an ổn như mới lúc đầu. Nếu Sư đến nơi khác, thì không có người nào có thể ở đó được.

10- Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu:

Thích Tăng Lãng, là người xứ Lương Châu. Khi quân Lỗ nhà Ngụy đánh chiếm Lương Châu. Tại thành đó, dân chúng vốn thiếu, nên bức bách Đạo nhân sung vào quân đội, bày xếp riêng gần đó, đến lúc định án của xe đánh thành phá trận. Cả thành ấy đều bị vùi lấp, bắt lên thành có ba ngàn vị tăng, đến chỗ Quân tướng Ngụy chúa bảo rằng: “Đạo nhân đáng lẽ phải ngồi thiền hành đạo, mà lại làm giặc, rất đáng giết chết, sáng mai hãy chém đầu tất cả”. Đến kỳ hạn lúc giờ ăn, bỗng nhiên có hơi khí mầu đỏ dày đến mấy trượng xuyên suốt qua mặt trời mà chiếu thẳng đến. Thiên sư Khấu Khiêm Chi là người rất được vua tin trọng, tấu trình rằng: “Trên đời ban giáng điềm lạ, chánh vì Đạo nhân thật chẳng có bổn tâm muốn làm giặc, xin chẳng cần phải giết”. Em của Vua là Xích Thụ Vương cũng đồng can ngăn. Vua bèn ban sắc đình chỉ việc giết hại đó, xem như tù binh nên đánh bằng gậy rồi giải tán, bắt làm những việc nặng nhọc. Chỉ có vài vị tăng như Sư, v.v... riêng giao phó trướng hạ. Đến lúc Quân lính nhà Ngụy trở về phương Đông, Sư cùng bạn đồng học đang đi đường thì cùng nhau làm phản, trận phòng nghiêm bày lại không chỗ chạy, hai phía đông tây chẳng có tường vách, không thể lường biết là sâu hay cạn. Phía trên có cây Đại thọ bên cạnh rủ nhánh sát sườn núi, Sư bèn dùng dây buộc cán trống cờ để buộc vào thòng xuống, khi ấy trời tối mịt, dưới đáy sườn núi toàn gai góc, không chỗ đặt chân. Sư muốn trở lên trên đầu bờ lại sợ quân lính phát hiện, đang lúc tính kế bàng hoàng nắm lấy dây treo đứng, thế chẳng thể giữ lâu, bèn nói với nhau rằng: “Nay nguy ách đã đến, chỉ nên xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm!” liền đưa đầu gõ vào đá, nhất tâm chuyên chú xưng niệm. Chỉ phút chốc có ánh sáng chiếu ra từ chỗ mặt

trời mọc soi khắp đất trời, mới thấy trong khoảng gai gốc có chỗ xuống được, nhân đó theo ánh sáng xuống được tới đất, bỗng nhiên trở lại tối tăm, Sư biết đó là nhờ sức thần, cùng nhau vui mừng cảm ngộ, bèn thiếp ngủ yên, giây lâu mới sáng, nghe đoàn quân lính cảnh giác sắp khởi hành. Và núi hang nhiều lớp, chẳng biết đường ra, chỉ ngẩng nhìn mặt trời mà đi, gặp một con hổ lớn xuất hiện đứng trước mặt, mọi người bảo nhau: “Tuy thoát khỏi nạn tù binh, lại rơi vào miệng cọp”. Sư bảo: “Không như lời các người nói, Chánh vì chúng ta có cảm do đó mà hiện tỏa ánh sáng. Nay gặp được hổ đây há chẳng là bậc Thánh chỉ đường ư?” Khi đó hai người đi về phía hổ, hổ liền bước đi trước, nếu Sư nhỏ đi chậm, hổ cũng tạm dừng lại, đến sáng được ra đường, thì hổ biến mất chẳng biết nơi nào. Bèn men theo đường đi thẳng đến trước. Bảy ngày sau thì đến ao Vu Cừu, lại đến Lương Hán, ra tới Kinh Châu. Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

11- Truyện ngài Thích Tăng ý ở chùa Lãng Công Cốc:

Thích Tăng Ý, không biết Sư là người xứ nào. Sư là người trinh thuần xác thực rất có năng lực tư duy. Mỗi lúc Sư lên pháp tòa giảng dạy thì liền có hoa trời tuôn rải xuống tòa.

Trong thời Nguyên Ngụy, Sư trụ tại chùa Lãng Công Cốc, nhóm chúng giảng dạy, đến lúc tuổi già, Sư vẫn tinh tấn không hề mệt nhọc. Tại chùa đó có pho tượng nước Cao-ly, Tượng Tướng Quốc, Tượng Hồ Quốc, Tượng Nữ Quốc, Tượng Ngô Quốc, Tượng Côn Lôn, Tượng Đại Kinh, bảy tôn tượng ấy đều bằng đồng mạ vàng, đều tôn trí ở chùa và giảng đường, cửa giảng đường thường mở mà chim thú không dám bước vào, đến nay vẫn còn như vậy. Nên Tượng ngài Linh Dụ có lời khen ngợi rằng: “Ứng cảm mà đến, thật không chỉ thuộc, há thần thông ngầm hiển bày và sự bàn luận lý cách tầm thường ư?” Sư kính thờ pháp, tự nuôi dưỡng, đích thân cúng dường. Trước đêm Sư sắp tịch, có một vị Sa-di qua đời trước đã lâu hiện hình đến lễ bái mà thưa rằng: “Từ lúc trái ngược vâng thờ đến nay, con thường bị Thiên đế sai sử, ngừng nghỉ vội vàng không rảnh rỗi, nên phế bỏ tu hành Đạo nghiệp, không bao lâu nữa Vua trời sẽ thỉnh thầy đến giảng kinh. Xin thầy nhân đó mà nói một lời để con được khỏi hình khổ!” Sư bèn tắm gội, đốt hương, ngồi thẳng nơi phòng thất tĩnh lặng chờ đợi thời gian đến. Đến đúng kỳ hạn, quả nhiên có vị trời đến chùa và vào phòng Sư, áo mão vũ tùng rực rỡ đặc biệt. Chúng tăng lúc mới trông thấy chỉ cho là người sang trọng trong đời vào núi tham quan bái yết, nên chẳng lấy làm lạ, và trong ngày đó

tự nhiên không bệnh mà Sư thị tịch, mới biết là Linh cảm. Đô Giảng của Sư ở tại Duyên Châu, ngoài ra hương hỏa bối nặc ban rãi nơi các ấp khác. Sau thử xem xét thì đều qua đời cùng ngày.

Có thuyết nói rằng: "Sa-môn Tăng Ý, Chí Trạm là đồng bạn với Lãng Công". Ở truyện trước ghi chép có thiếu sót, nên ở đây ghi chép lại, ngài Chí Trạm đã chứng đắc Sơ Quả, thấp thờ ngài vẫn hiện còn ở bên cạnh chùa Linh Nham ở Thái Sơn, thấy chép ở Biệt truyện.

12- Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn.

Thích Tăng Chiếu, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn. Tánh tình rỗng rang phóng khoáng, ưa thích tìm kiếm vật lạ, mỗi lúc nghe đến các linh tích lạ lùng, thì không nơi nào Sư chẳng tới.

Nhân phía dưới ghềnh nước có nhiều hang động, là nơi tiên thánh thường dừng ở, nên vào niên hiệu Phổ Thái (531) thời Nguyên Ngụy, Sư đi đến Vinh Sơn, thấy dưới dòng chảy có hang, Sư men theo hang mà vào. Đi được chừng năm-sáu dặm bèn ra khỏi hang, Sư lại đuổi theo đường tắt nhỏ hẹp về hướng Đông bắc leo lên được mấy dặm, gặp một tảng đá lớn rộng chừng vài ba bộ. Có dòng nước từ phía Tây chảy về trong suốt, mang cỏ thuốc lớn trải dài rủ xuống đất. Phía bắc tảng đá lớn có ngôi nhà bằng gạch ba cửa hình dáng rất cổ xưa xấu xí, trước sân bông lúa tung hoành, chim sẻ ăn thức ăn thừa, ở đầu phía đông ngôi nhà có vài cái giá túi vàng, khoảng giữa có hai cái cối sắt cũng có chày giã đều dính bụi bám và đều không có dấu vết nấu thổi. Trong đầu phía Tây ngôi nhà có một vị Sa-môn ngồi thẳng an nhiên bụi bay phủ lấp đến gối. Trông nhìn bốn phía chỉ thấy cây rừng tươi tốt, khe suối chảy dài, lại chẳng có người ở. Chỉ phút chốc Sư gặp một vị thần tăng khoảng sáu mươi tuổi, lông mày dài hơn cả trượng cuộn quanh máng trên lỗ tai, cùng trông thấy vui mừng như gặp người quen cũ. Sư hỏi vị thần tăng ấy từ đâu đến? Vị ấy đáp: "Tôi cùng Bạn đồng học tất cả ba người đến đây để lánh đời, một người hiện ra phía ngoài chưa trở lại, một người chết đến nay đã lâu lắm rồi mà dường như Nhập diệt định, nay đang ở phía Tây trong ngôi nhà, ông thấy chăng? Ngày nay giòng họ nào là chính?" Sư đáp: "Nhà Ngụy". Vị Tăng ấy bảo: "Nhà Ngụy hưởng vận nước nhà đã lâu, có phải chẳng là họ Tào ư?" Sư nói: "Họ Nguyên) Vị tăng ấy bảo: "Tôi không biết!" Bèn lấy bông lúa giã nhuyễn nấu cháo. Lại đi vào rừng, lấy các thứ trái lê táo trao cho Sư và bảo ăn, Vị Tăng ấy nói: "Ông hãy ăn đi, Tôi không ăn loại ấy". Lại hỏi Sư " Ông thường

tụng kinh gì?" Sư đáp: "Tụng Kinh Pháp Hoa". Vị tăng ấy gật đầu bảo rằng: "Lành thay hạnh nghiệp tinh tấn! Nay ở phía Đông trong nhà như có kinh ấy, đồng thời tự đọc tụng. Ông muốn nghe chăng?" Sư chắp tay nói: "Xin được nghe!". Vị Tăng ấy bèn phân vạch ra riêng tụng đọc, hơi tiếng rõ ràng thấu suốt, cho đến gần suốt đêm, Sư mệt ngủ thiếp đi. Vị tăng ấy bảo: "Ông cần nên ngủ, đây là hạnh nghiệp thường hằng của tôi, đến sáng vẫn chưa buồn ngủ." Sau đó, lại làm các thứ thức ăn, Sư bèn cảm tạ rằng: "Hân hạnh được được kính phụng bái yết, nay tạm trở về, mong sau này sẽ được tiếp việc!". Vị tăng ấy cũng không lưu giữ Sư lại, chỉ nói rằng: "Bạn đồng học của tôi đã đi vắng, nếu ông có gặp thì sẽ được khai ngộ lớn. Chỉ tiếc không được trông thấy! Đã nói phải trở về là tốt". Sư bèn tìm men theo đường trở về nước. Sau đó, Sư nhóm kết đồng bạn cùng đến, nhưng ghềnh nước và hang huyệt ấy không lường biết được là ở nơi nào!

Nay các núi ở Chung Nam cũng có việc ấy, đã lắm sự liên quan, không gì chẳng hợp lý.

13- Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu:

Thích Đạo Phong, không rõ Sư họ gì. Ở đời tôn xưng Sư là người Đắc Đạo. Sư cùng ba vị đệ tử trong chùa Cổ Sơn ở Tương Châu, chẳng mong cầu lợi dưỡng. Hoặc bảo là: "Luyện đan vàng trắng, thuốc trị chiêm tướng". Với các nghệ thuật trong đời không thứ gì Sư chẳng thấu hiểu. Vua Tề qua lại nơi Tinh nghiệp, thường sang hỏi thăm Sư, Sư ứng đối chẳng cần phải suy nghĩ, tuỳ việc nêu bày. Vua từng bảo người đem rượu và thịt chưng đến để trước mặt Sư và mời Sư ăn uống. Sư liền không từ chối, dốc ý ăn uống no nê. Vua cười lớn hả hê, nhưng chẳng nói năng gì. Sau khi xe giá Vua đi rồi, Sư bảo đệ tử rằng: "Hãy đem vất bỏ ở đầu giường". Đến lúc mở vật ấy ra thì thấy thịt chưng hồi nãy vẫn còn, đều chẳng bị ăn nhằm.

Bấy giờ, tại chùa Thạch Quật có một vị tăng ngồi thiền, mỗi ngày đến phía Tây thì nhìn về đảnh núi phía Đông thấy có hiện tôn tượng vàng ròng cao trượng tám. Vị tăng ấy vui mừng cho là thấy được điềm lành. Ngày ngày cứ lễ bái như thế trải qua khoảng vài tháng. Sau đó tại nơi phòng nằm nghỉ, bỗng nghe ở gối có tiếng bảo rằng: "Trong nước lại ở xứ nào có Phật, nay ông đã thành đạo, tức là Phật! Ông phải khéo làm thân Phật, chớ tự xem thường." Vị tăng ấy nghe rồi liền khởi gìn giữ nặng nề, trông xem chư Tăng bên cạnh như cỏ rác, bèn ở trước

đại chúng chỉ tay vào ngực mình bảo rằng: "Bọn các ông có biết được Phật thật chăng? Tượng họa nơi khám bùn lời nói chẳng thể phát ra từ môi, trí suy nghĩ thế nào? Các ông thấy Phật thật mà chẳng biết kính lễ, sẽ đoạ vào địa ngục A-tỳ". Lại nơi tròng mắt đỏ ngầu, kêu réo khác thường, chư tăng cả chùa biết đó là Kinh Thiền. Và trước lúc chưa phát khiêng đến chỗ ngài (Đạo Phong). Vừa đến, ngài liền hỏi rằng: "Hai tháng trở lại đây ông thường thấy trên núi phía Đông có hiện tướng pho tượng bằng vàng ròng phải không?" Vị tăng ấy đáp: "Thật có thấy". Ngài lại hỏi: "Ông có nghe nơi gối có tiếng bảo thành Phật chăng? Vị Tăng ấy đáp: "Thật có". Sư bảo: "Đó là gió động mất tâm, nếu chẳng sớm chữa trị, hoặc sẽ bị cuồng loạn khởi, khó có thể ngăn được". Ngài bèn lấy kim châm vào ba nơi. Nhờ đó mà chẳng phát loạn.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư bảo với đệ tử rằng: "Ta ở núi nầy đã lâu, khiến các ông phải khổ nhọc gánh nước nơi hang động. Nay ra đi không có gì lưu lại, chỉ để lại cho các ông một dòng suối. Đã khỏi phải leo trèo lên xuống khổ nhọc, các ông nên phải gắng sức siêng tu Đạo nghiệp!" Nói xong Sư đưa tay búng ra một viên đá vuông bên cạnh khám, bèn có dòng suối huyền lấng óng sánh chẳng đầy chẳng vơi, đến nay vẫn hiện còn.

14- Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm:

Thích Viên Thông, không rõ Sư họ gì. Ngài xuất gia từ thuở thiếu thời, có lòng thương và sự hiểu biết sâu rộng, rất nổi tiếng ôn hoà thông minh. Sư trụ chùa Đại Trang nghiêm ở Nghiệp Đô, nghiên cứu đọc tụng kinh Niết-bàn, xét tra rõ ràng văn từ yếu chỉ.

Niên hiệu Võ Bình thứ tư (573) thời Bắc Tề, đang trong mùa Hạ, dưới giảng tòa có một vị khách tăng hình tướng ăn mặc sơ sài mà tiết tháo hoà nhã, vì bị bệnh nên đến các chùa, chư tăng thấy sự bệnh hoạn, thoảng mùi hôi hám nên đều nhàm chán không ai dám giữ lại. Sư xét thấy thức lượng của vị tăng ấy rộng xa, khí độ sâu sắc khác thường, bèn mời ở trong phòng mình. Tuy có sự dơ bẩn, nhưng ngay từ đầu, Sư không hề xem thường lo sợ. Ngày một chứa nhóm tình thật, mở mang ý lượng đó. Sư hỏi vị tăng ấy về sở học thế nào. Vị tăng ấy đáp: "Tu học Kinh Niết-bàn". Sư bèn đem các yếu chỉ sâu mầu trong kinh và những điều mê hoặc chứa nhóm từ các bậc tiên đức chưa từng được giải thích đều tuần tự luận bàn. Vị khách tăng ấy cũng đồng với điều nêu dẫn ấy lại làm thành chương cú, giải thích rõ ràng cao nhã, rất có sự rốt ráo. Sư vui mừng bởi hợp Đạo, càng tinh tấn gấp bội so từ trước đến nay,

trải qua chữa trị thuốc thang, sớm tối chăm sóc gìn giữ. Có lần ở trong đêm Sư bưng một bát rượu nói với vị khách tăng ấy: "Có người khách gởi cho, lúc bệnh uống thuốc này đều tốt!". Vị khách tăng ấy bèn nhăn mày mà nhận uống, chỉ một ngụm bèn thôi. Đến lúc mãn hạ, vị khách tăng ấy bệnh cũng vừa lành, bèn giã biệt Sư để ra đi. Sư bảo: "Nay trao y phục để cách biệt, chùa Quan có lệ được ban tặng y phục, hãy chờ đợi năm-ba ngày sẽ có tặng một áo lót mặc lúc trời lạnh". Vị khách tăng ấy nói: "Chiếu loạn chẳng thiếu sao phải dung chứa thêm phiền". Ngài cố giữ vị khách tăng ấy để tặng áo đã. Đến lúc giã biệt, vị khách tăng ấy nắm tay Sư căn dặn rằng: "Hễ là người tu đạo, không nên xem thường lúc một mình trong nhà vắng. Pháp sư trước kia đem rượu ban tặng, vì sợ tổn thương ý tưởng đem đến, nhưng đó chẳng phải chánh lý. Từ nay trở đi, việc ấy nên chấm dứt! Vả lại, Pháp sư đã từng đến chùa Thạch Quật ở Cổ Sơn chăng? Tiểu tăng tôi ở dưới chùa nhà nhỏ thuộc phía Bắc cách chùa Thạch Quật chừng năm dặm. Phải đi vòng quanh, phía Đông khe dịch có một hang nhỏ, đi ra phía Đông tức là chùa Trúc Lâm. Lúc nào có duyên sự nghĩ tưởng nên cùng đến hỏi thăm!". Sư cung kính cảm tạ lời dạy răn trước và hứa sẽ đến thăm. Từ đó bèn từ biệt nhau.

Đến đầu mùa Hạ năm sau, vì chùa Thạch Quật chư tăng đến an cư tu niệm ít nên giảm bớt sự trang nghiêm. Các chùa Quan như Định Quốc, Hưng Thánh, Tổng Trì, v.v... hơn trăm vị tăng là một phiên. Bấy giờ Sư tham dự an cư kiết hạ tại chùa Thạch Quật, trong ý muốn hỏi thăm đến chùa Trúc Lâm, bèn nhân lúc khách chủ nhóm họp đông đảo, Sư bèn hỏi chỗ chùa. Chư tăng đều cười rộ bảo Sư rằng: "Chớ rao truyền lời yêu quái ấy, chùa Trúc Lâm không có thật. Đó chỉ là lời thường lưu truyền trong thế tục." Sư suy nghĩ suy vị khách tăng năm trước hiện đến chẳng thường gặp, nói đến việc ấy, tính chẳng dối bày. Chúng tăng cũng lấy làm lạ. Nên mỗi người bàn cùng Sư mang hương hoa đồng đi. Đến phía Bắc chùa cách chừng năm dặm, có một hang nhỏ rồi ra phía đông có một đường hẹp chỉ một người đi được, đi khoảng năm dặm leo lên gò núi, thấy một ông lão tay cầm khăn bịt trán, mặc quần đùi áo hạt ngắn, cầm cái bừa lớn khai mở đất hoang hơn mấy mươi mẫu. Xa thấy chư tăng thả ngựa mà đến trước mặt bảo rằng: "Các Đạo nhân ở xứ nào mà không đi theo đường tắt?" Chư tăng đáp: "Ở tại chùa Thạch Quật, muốn đến chùa Trúc Lâm". Ông lão ấy tức giận bảo: "Năm trước chùa Quan thả ngựa ăn phá lúa mạ của tôi, con tôi cản ngăn gìn giữ bèn bị đánh đến chết, nay lại cùng nhau mang mặt mũi đến đây ư?" bèn kéo bừa lại rượt đuổi. Chư tăng có hơn mười vị nhìn lại hang bỏ

chạy, riêng ông lão chẳng rượt đuổi Sư, mà bảo với Sư rằng: "Ông là người khoẻ mạnh chẳng trở lui, thả ông vào núi cho hổ ăn." Sư liền đi về hướng Đông khoảng vài dặm, gặp một khe nước cạn mà cây cối rất tốt tươi, rậm rạp. Sư tìm theo khe cứ đi thẳng về hướng Đông. Chỉ nghe trên ngọn núi phía Nam có tiếng phúng tụng. Sư bèn hỏi "Chùa Trúc Lâm ở nơi nào?" Liền có tiếng hỏi lại rằng: "Từ xứ nào đến đây?". Vị ấy liền vén rừng giẫm qua hiểm trở đi đến chỗ Sư, và Sư cũng lần lượt mở thoáng tràn đầy vui mừng, nói năng tâm tình. Vị ấy bảo: "Ở dưới núi chùa nhỏ hẹp, tăng đồ ô hợp, tâm tánh nhiều xao động, thật chẳng xứng đáng để chiêm ngưỡng. Tuy nhiên, đã giáng trọng, thì trọn phải đến núi." Bèn cùng nhau đi về phía trước chừng mấy dặm, bỗng thấy có cửa cao hai cánh, hàng hiên dài nhiều lớp đường đi, trúc cao đến tận mây xanh, thông che ánh mặt trời. Phía ngoài cửa sơn đen, có máng dài hơn trăm thước, tất cả có đến mười hàng, đều bày đầu ngậm vòng, vàng đồng xen lẫn trang sức, để đựng các thứ thóc đậu. Bên cạnh có dấu chân ngựa mà được quét rưới sạch sẽ. Vị ấy bèn để Sư dừng lại bên trái cửa mà bảo rằng: "Trước nên hỏi ý Hoà-thượng đã." Chỉ phút chốc liền dẫn Sư vào trong giảng đường, đến phía Tây dưới hàng hiên. Hòa-thượng ngồi trên giường cao. Người hầu toàn là trẻ nhỏ khoảng năm sáu mươi người. Hoà-thượng tuổi khoảng ngoài bảy mươi, mặt mày phong nhã trang nghiêm, tướng trạng như Phạm tăng, tựa án sửa văn thư. Bên cạnh có người thông sự. Sư bèn lễ bái kính yết rồi đứng yên. Hoà-thượng bảo rằng: "Đã ở tại chùa Quan, thì mọi sự cúng dường nồng hậu khó bỏ, đâu thể tự nhận chịu? Chùa này thật không có gì đáng chiêm ngưỡng. Sư bèn trình bày đầy đủ tâm ý của mình. Hoà-thượng bèn bảo an đặt, dẫn Sư nhiễu quanh thăm viếng, lễ bái các phòng. Thấy ở hai phòng, chư tăng mỗi vị đều ngồi nơi màn trướng quý báu, các thứ đan xen giao kết trang sức ánh ngời hơn cả ánh sáng mặt trời. Chư tăng nói với vị tăng dẫn Sư đi rằng: "Đó là ai mà dám vào đây?" Và xua tay bảo vị tăng dẫn Sư đi, tăng tỏ vẻ hổ thẹn ngoái lại bảo Sư rằng: "Tình ý chẳng đồng, cản trở sự trông mong của người, hãy đến phòng của tiểu Tăng để nghỉ ngơi!". Bèn dẫn Sư vào phòng, kể lại đầy đủ duyên xưa, và bày thức ăn bữa trưa. Thức ăn toàn là mùi vị bình thương như ở Nghiệp Đô. Sau bữa ăn, lại dẫn Sư đi xem các đồ tượng trang nghiêm, ao vườn đài các, rảo bước chung quanh ngắm nhìn nhưng chẳng thể cùng khắp. Nhân đó, Sư tự tỏ bày rằng: "Nếu được ở bên cạnh vết tích phong trần này, thường quét tước, nguyện trọn đời hết lòng!". Vị tăng ấy bảo: "gặp nhau liền vừa ý. Chỉ cần phải thưa hỏi Hoà-thượng, chưa biết kết quả như thế nào." Đêm

đó, giữ Sư ở lại. Đến sáng sớm vị tăng ấy vì thưa hỏi với Hoà-thượng. Hoà-thượng bảo: “Rất hiểu ý muốn lại nói, và cũng chẳng tiếc gì một phòng. Nhưng vì hễ nhận thọ Quan mời là vì phước báo chẳng phải cạn. Nếu y theo Tăng Pháp, thì không được tên sống ở hai xứ, nên nay hãy trở về, bỏ tên Quan rồi lại đây sẽ dung chứa, chớ lấy làm tiếc!”. Và liền sai đưa Sư đi ra. Đến bên cạnh máng ngựa, Sư nhìn lại mến mộ rơi lệ, tự thương tội nặng chẳng được giữ lại, Sư nắm tay vị tăng ấy mà giã biệt. Đi đến phía Tây chừng trăm bước, xoay nhìn lại vẫn còn nhìn thấy cánh cửa nghiễm nhiên, Sư vừa lần bước đi vừa nhìn lại, đi khoảng chừng vài dặm, tự nhiên thấy núi non cao vợi hiểm hóc, chẳng còn là chùa viện. Sư buồn bã tìm đường đi, đến chỗ đất khai hoang, bèn không còn dấu vết tiếp nối, chỉ có cây bụi vướng vít.

Có những vị thức giả bình luận rằng: Người trước mang bừa xua đuổi chúng tăng, giả làm thần quái lạ để khiến một mình Sư đi đến, đó là chỉ bày hữu duyên. Nói Đại Hòa-thượng, há chẳng phải ngài Tân-đầu-lô ư? Như trong Luận Nhập Đại thừa nói: Các Tôn giả Tân-đầu-lô, La-hầu-la v.v... tất cả mười sáu vị Đại Thanh Văn rải rác ở trong các núi bãi. Lại trong các kinh điển khác cũng có nói đến chín mươi lăm ức Đại A-la-hán đều ở trước Đức Phật nhận thẻ, sống lâu ở đời và rải rác khắp các núi biển trong ba phương để giữ gìn chánh pháp. Nay chư tăng ở chùa Thạch Quật thường nghe tiếng chuông lạ và tiếng vang Phúng tụng phát ra khắp cả núi rừng. Nên biết cung thần chùa tiên đều là thật.

Tôi (Đạo Tuyên) đến Tương Châu, tìm đến Cổ Sơn, ở phía Tây Bắc đất Nghiệp xưa trông thấy Đá nằm ngang, tướng trạng như hình chiếc trống. Nên ở đời có lời tương truyền rằng: “Nếu trống đá kêu thì các phương chẳng yên tĩnh”. Vào cuối đời Tùy, đã thường nghe tiếng ấy, bốn biển đều sôi sục. Đó chẳng phải luống dối. Tả Tư Ngụy Lang nói rằng: “Thần Chiêng xa xôi thay đổi nơi núi cao, vọng hưởng thầm linh khi ấy cảnh tĩnh ra ngoài bốn cõi.” Sau khi Thần Võ dời Nghiệp Đô, nhân đó trên và dưới núi đều xây dựng Già-lam. Hoặc tiều phu hái củi lăng di, hoặc thầy thợ vào cùng đục tạc, thần nhân nhàm chán sự ồn ào nhiễu loạn ấy nên vất bỏ rất nhiều, cho nên đời gần đây đến núi ít gặp các linh tích, mà truyền thuyết về Trúc Lâm thường thường khác lạ. Bởi vì Nghiệp hạnh của mỗi người có tinh thô khác nhau, nên sự cảm thấy có nhiều hình thái. Gần đây có người từ Lỗ Sơn đi lên theo hướng Đông, xa thấy trên đỉnh núi có đường lớn, thông xanh từng hàng, tìm men theo đường đến nơi cung, dệt hoa khó gỡ, cây báu, mỹ nữ cùng lần

lượt đua vui, hỏi những bậc trượng phu, đều bảo là “. Vừa đến Thiếu thất, vì gấp chiều tối nên phải trở về”. Lại đi thêm mấy dặm nữa, toàn là rừng trúc, tìm theo con đường tắt đi đến hướng Tây mới tới được chùa đó. Chúng tăng thấy khách đến, mừng gặp tiếp đón niềm nở, cung cấp cho thức ăn uống rồi chỉ cho người ấy đi đường về. Người ấy bèn từ núi đi theo hướng Tây Bắc mà xuống, cách huyện Võ An không quá mười dặm.

Đến thời Bắc Chu phá diệt đánh chiếm Bắc Tề, không có y phục riêng khác, tại phường Đông hạ ở Nghiệp đô có cấp sự Quách Di, lấy cớ bệnh nên từ tạ về nhà để tĩnh dưỡng tại Lư Cảng, thấm nghe trong ngoài từ tế ở nỗi lòng, trước phế lão tăng thảy đều gồm thâu dưỡng, tụng đọc nơi vườn nhà. Bỗng nghe có tiếng gõ cửa, liền bảo kẻ tớ ra xem, thấy một vị Sa-môn cầm tích trượng bưng bình bát, bảo là: “Bần đạo trụ chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn gấp đi khất thực”. Quách Di ở gần cửa bèn vọng tiếng đáp từ xa rằng: “Chúng tăng chỉ nói là khất thực, cần gì phải dối là Thánh?” Và tự thân ông ta đến xem, tìm khắp bốn phía mà không thấy, mới biết đó là người phi thường, bèn hối hận vì lời nói khinh thường của mình nên đến nỗi khiến bậc Thánh ẩn đi!

Vào những năm đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, tại hang Bảo Phúc ở Giới Sơn, có Sa-môn Tuệ Lâm là vị tăng Cao Khiết, sống riêng nơi tĩnh lắng tu thiền. Bỗng thấy ba vị thiền tăng đến bên cạnh Phật đường, ngài Tuệ Hưu lấy làm lạ, cho là chư tăng ở núi, bèn vào phòng lấy tọa cụ đến lễ bái yết kiến, khi đến thì hai vị thần tăng vừa và nhỏ ôm hòm sách đứng phía trước, còn một vị lớn ở sau nương hư không từ từ theo hướng Nam bay lên đỉnh núi cao. Mây trắng từ phía Bắc đón rước che phủ không thấy. Trải qua sau đó một thời gian ngắn, lại thấy một vị tăng từ phía Đông đi thẳng vào vách hang. Ngài Tuệ Hưu bèn đuổi theo đảnh lễ, vị ấy liền lẫn vào trong đá. Tại hang núi ấy thường có tiếng chuông ngân vang, theo đúng thời khắc mà gõ, tuy nghe tiếng mà không được nói. Đó cũng là những sự cảm thấy khác nhau, không thể nhất định. Đại lược mà nói thì những nơi hang hóc linh dị chỉ nên tĩnh lắng rỗng rang. Nếu có sự ồn ào huyên tạp thì ít nghe thấy được các tướng lạ.

15- Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên:

Thích Tuệ Bảo, không rõ Sư họ gì. Sư đọc tụng kinh hơn hai trăm bộ. Những bậc ưu đức tiên đạt thời bấy giờ đều nhận biết tiếng tăm Sư.

Niên hiệu Võ Bình thứ ba (572) thời Bắc Tề từ Tinh Châu đến Nghiệp Đô, Sư đi tới Ngãi Lăng Xuyên, bị lạc đường, Sư bèn đi tắt vào núi. Chiều tối, Sư nghỉ lại dưới hang núi. Có một ngôi thất dường như có người ở, nhưng nhìn chung quanh không thấy gì cả. Sư ngồi trước thất nhìn lên cây thông, nơi tàng nhánh rộng, có trên một chiếc khánh, cách đất hơn một trượng. Đêm đến, vào khoảng canh hai, có người mặc áo cỏ từ ngoài đi vào, bảo rằng: "Trong đây vì sao lại có hơi hám người thế tục?" Sư liền kể lại đầy đủ và tỏ bày cung kính, người ấy nói chuyện với Sư và hỏi Sư rằng: "Ngày nay, giòng họ nào thống trị nước nhà?" Sư đáp: "Giòng họ Cao, nước hiệu là Tề". Sư lại hỏi: "Tôn sư ở núi nầy được bao lâu rồi?" Vị ấy đáp: "Ở từ thời Hậu Hán đến nay! Trưởng lão đã được kinh nghiệp gì? Sư cậy mình tụng đọc thông rộng nên rất lấy làm tự khoe. Vị Sơn tăng ấy bảo: "Người tu Đạo không nên như thế, muốn nghe kinh gì, tôi sẽ tụng cho?" Sư nói: "Thích nghe Kinh Hoa Nghiêm". Vị tăng ấy chỉ trong thời gian ngắn đọc tụng văn kinh đã xong, lời tiếng hài hòa, ở đời chẳng thể nghe được. Sư lại bảo tụng tiếp các phần khác, vị tăng đều thực hành như thế. Sư kinh hãi ngợi khen rằng: "Do nhân gì mà kinh văn bộ lớn không bao lâu đã đọc xong?" Vị tăng ấy bảo: "Ông có tác Tâm, Tôi không có tác tâm. Hễ quên sự nhớ nghĩ đối với muôn vật thì đây kia tự được". Sư biết đó là Thần dị, bèn cầu xin ở lại, vị tăng ấy bảo: "Lợi dưỡng trong nước vời gọi ông, làm sao có thể tự an được. Vả lại, tình lụy ông chưa dứt trừ, ở cũng không ích lợi gì". Đến sáng, vị tăng ấy bèn bỏ đi, Sư liền tìm lối vết để đi. Đến Nghiệp Đô Sư kể lại việc đó.

16- Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ:

Thích Tăng Vân, không rõ Sư là người xứ nào. Sư biện giải thông rành từ lệnh, thấu suốt đầy đủ cả Đại, Tiểu thừa. Sư tôn kính, nương nhờ trai hội giảng pháp, thường lấy làm việc chính. Dưới thời Bắc Tề, tại Nghiệp Đô mở mang Tam Bảo hưng thạnh. Sư rất được nổi tiếng. Sư trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Đô coi sóc Đại chúng.

Vào ngày mười lăm tháng tư, đến lúc thuyết giới, chúng tăng đều nhóm họp tại Phật Đường. Sư ở ngôi vị Thượng Thủ, bèn bạch với chúng rằng: "Giới bổn là ngăn quấy, mỗi người đều tụng được, sao nhọc phiền chúng tăng tất cả phải ngồi nghe? Hãy bảo một vị tăng lập nghĩa giúp người hậu sinh khai ngộ". Sư là người khí khái có phong cách ở đương thời, nên không ai dám chống cự, tất cả đều vâng theo. Dần dần đến

cuối Hạ thường bỏ phế việc tụng giới. Đến sáng sớm ngày mười lăm tháng bảy, sắp lên tòa cỏ, bỗng nhiên chẳng thấy SƯư đâu. Đại chúng và tuổi mới đầu chưa thọ thay nhau phế bỏ pháp Tự tứ, đồng một lúc tuôn ra khắp bốn phía tìm kiếm Sư, bèn đến nơi cách chùa chừng ba dặm, ở trong gò mã cũ thấy Sư ở đó. Khắp thân thể Sư máu huyết rướm chảy như bị dao cắt. Hỏi về nguyên do, Sư nói: "Có một người cao lớn cầm con dao lớn dài ba thước, sắc mặt nổi giận bảo Sư rằng: "Thay đổi Bồ-tát, vọng sung lập nghĩa". Dao cắt vào thân đau đớn khó chịu nổi. Nhân đó, bèn dẫn Sư về lại chùa, dốc tận tâm tình, chí thành sám hối. Mới trải qua mười năm thuyết giới Bồ-tát, đọc tụng các kinh, Sư lấy đó làm hạnh nghiệp thường xuyên. Đến ngày Sư thị tịch, có mùi thơm lạ đến đón rước, thần sắc Sư không tán loạn, vui vẻ an nhiên mà thị tịch. Người đương thời đều vui mừng về sự việc của Sư ngay trong đời nay tự sửa đổi, không rơi vào vòng khổ.

17- Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu:

Thích Tăng Viễn, không rõ Sư là người xứ nào. Sư trụ chùa Tiết ở Lương Châu. Tánh tình Sư hời hợt buông lung, chẳng tu tế hạnh, ưa thích truy tìm theo lưu đảng, ham vui với yến tiệc là việc thường.

Niên hiệu Võ Bình thứ ba (572) thời Bắc Tề, Sư nằm mộng thấy có một người thân hình cao lớn, nghiến răng quở trách Sư rằng: "Ông là người xuất gia, mặt mày như thế, còn buông lung tạo ác, sao chẳng lấy kiếng mà tự soi chiếu?" Sư bỗng nhiên tỉnh giấc kinh hãi sợ toát mồ hôi. Đến sáng sớm đem một bát nước để tự soi rọi mới thấy bên cạnh khoé mắt có chấm đen cho là mồ hôi bẩn, bèn chùi thử, lông mày đồng 1 lúc theo tay mà rơi rụng hết. Nhân đó tự trách lỗi lầm, cớ sao ương họa đến nỗi này! Bèn thay đổi thói quen thường, ngày sửa thân đổi tánh, thân mặc áo thô xấu, chân mang dép cỏ, mỗi ngày ăn một bữa chay trường, vâng hành kính thờ Luật nghi, sớm tối sám hối, tự buồn thương ứa lệ. Trải qua hơn một tháng sau, Sư lại mộng thấy người trước kia mỉm cười, bảo ngài rằng: "Biết được lỗi lầm mà sửa đổi, đó là người Trí! Nay tha thứ lỗi lầm xưa của ngươi, chớ nên lại tiếp tục". Bỗng nhiên Sư kinh hãi vui mừng tỉnh giấc, mồ hôi đổ khắp thân, mặt mắt đượm nhuận, lông mày dần dần mọc lại.

Sư thường cảm hai báo, tin biết được ba đời. Từ đó về sau, Sư dốc tâm tinh thành, vâng hành chánh pháp, trong suốt thời gian chẳng hề tạm biếng trễ. Sau cùng Sư trở thành vị tăng luyện hạnh. Sư về lại Hưng Xuyên, và thị tịch ở quê nhà.

18- Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đảng:

Thích Tuệ Chấn, là người xứ Thượng Đảng. Sư vâng giữ giới luật chánh chân, trinh thuần xác thực, khó ai vượt hơn. Sư trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở trong quận, riêng sống tĩnh lặng trong một phòng, thiền quán, sám hối là hạnh nghiệp chính của Sư.

Vào niên hiệu Kiến Đức thứ sáu (577) thời Bắc Chu, Tam Bảo bị phá diệt. Sư bèn mang kinh tượng vào ở ẩn trong núi sâu. Gặp giặc muốn đến cướp, ban đầu, Sư chưa nhận biết, bỗng nhiên thấy một người thân hình cao lớn hơn một trượng, râu tóc đẹp xinh, mặt che khăn sa, mặc áo bào mầu xanh, đeo chín vòng bằng vàng, mang giày da, cưỡi ngựa trắng, bờm đỏ, từ trên đảnh núi đi tất đến trước mặt Sư, xuống ngựa, bảo với Sư rằng: "Đêm nay giặc sẽ đến. Sư hãy gấp trốn lánh!" Sư ở dưới bờ vực sâu thẳm, dứt bặt không đường nào đến, nên nghi đó là thần núi, bèn nói rằng: "Nay Phật Pháp bị hủy diệt, bần đạo không nơi dung thân, nên lại nương tựa đàn việt, nhưng nay có giặc đến, chánh là có thể nhận lấy sự chết ở ngay đây, chứ đâu còn có nơi nào để trốn lánh!" Thần bảo rằng: "Sư từ xa đến nương nhờ đệ tử, đệ tử cũng có thể bảo hộ Sư, hãy nên ở đây". Nói xong, bèn biến mất. Ngay trong đêm bỗng giáng hiện tảng tuyết lớn dày hơn cả trượng bao phủ lấy Sư, nhờ đó mà khỏi được nạn giặc. Về sau, bọn giặc lại tìm đến, thần bèn mách bảo dân chúng các thôn ấp dưới núi rằng: "Giặc muốn giết hại sư Tuệ Chấn, phải gấp đến cùng cứu". Mỗi người tự cầm nắm khí trượng vào núi, giữa đường gặp giặc bèn chống cự, đánh cho tan rã. Từ đó mỗi ngày Sư thường nương nhờ nhờ đó mà an tu Đạo nghiệp nơi núi rừng.

Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

19- Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu.

Thích Hồng Hiến, là người xứ Nghiệp Đô. Thuở thiếu thời, Sư có vào Đạo Môn, sớm tỏ ngộ Luật Kiểm, nghe trải qua khổ nhọc, hai mắt đều mờ tối. Sư trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu, đã không có người dẫn dắt trước, nên thường ở trong phòng, lễ bái trì tụng làm đầu, chẳng phế bỏ sớm tối.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, bỗng nhiên chiêu cảm có một vị thần tự xưng là Đàn Việt Bát-nhã đến xin Sư thọ giới. Qua vài lần đến cùng bàn nói, tại đồng phòng có Thiền sư Tăng Cương, lúc vào trai đường thọ thực, Bát-nhã bèn lấy một chiếc áo xiêm

của Ngài Tăng Cương đến cúng dâng. Sư mà nói rằng: "Luống nhọc tỏ bày Pháp sự, lợi ích chẳng ít, nên xin kính dâng y vật, mong nhận lấy cho!". Sư nhận lấy và cất vào trong hòm. Sau khi thọ trai xong, ngài Tăng Cương trở về lại phòng lấy làm lạ bị mất áo xiêm, tìm khắp trong chùa, bèn thấy được ở chỗ Sư. Sư trình bày đầy đủ sự việc ấy, nhưng ngài Tăng cương không hề tin. Thần bèn vất mọi thứ y vật của ngài Tăng cương đầy trên bàn, bừa bãi khắp sân, bút viết cân thước bị gãy mấy khúc. Thần ở giữa hư không bảo rằng: "Sa-môn Tăng Cương chẳng khéo thiết lập trai hội cúng dường Tam Bảo, ta gieo tai họa đến ngươi mà chưa hết". Sư mắt mờ bèn cùng Bát-nhã nói về việc mắt đồng trông thấy. Thần nói với Sư rằng: "Các bạn rất đông và đều ở trên sông Tử Bách, chỉ có ba mươi người cùng đi theo, hãy bảo nhà chùa dọn bày thức ăn". Chúng tăng bèn bày hội ở phía Tây Viện. Thần bảo rằng: "Tốt lành thay các thứ ăn uống! Nhọc tốn phí của các Sư v.v... Tuy nhiên Thiền sư Tăng Cương không bày trai cúng, sau traihội này sẽ khiến cho biết". Ngài Tăng Cương không hiểu tại sao mà cứ bị bức bách làm cho sợ hãi chẳng thôi, bèn đem tất cả của cải tài vật riêng tư tạo lập các trai phước. Bát nhã lại bảo rằng: "Đã làm việc Phước, nay sẽ phóng thả". Và bèn đem hai xấp lụa giao cho Sư mà nói rằng: "Nên cúng thí một xấp cho đại chúng, còn một xấp tặng cho Thiền sư Tăng Cương". Sư đối trước chúng nhận được và mọi người thảy đều nghe thấy, Sư bèn y theo sự giao mà nhận. Từ đó về sau, Sư càng siêng tu bổn nghiệp. Sư thị tịch ở chỗ Sư ở.

20- Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên:

Thích Tuệ Vân, là người xứ Phạm Dương, xuất gia năm mười hai tuổi. Sư đi khắp nơi nghe giảng lấy làm việc chính. Năm mười tám tuổi, Sư cưỡi lừa đến dừng ở nhà người chú. Người chú trông thấy con lừa ấy rất ưa thích, nên bày kế muốn làm hại Sư. Vừa mới mang dao đến, bèn thấy dưới tường phía Đông có người mặc áo vàng nắm tay đi ngược lại quát mắng rằng: "Đạo nhân nầy mới là bậc Đại Sĩ thông pháp, sao dám làm hại như thế?" Người chú kinh sợ, nói với người vợ. Người vợ bảo:" Tâm ông không cứng rắn, chánh vì hoa mắt nên khiến như thế". Nghe thế, người chú lại tìm đến, lại thấy ở dưới tường phía Tây có người mặc áo vàng bảo rằng: "Chớ giết hại Đạo nhân, nếu giết hại thì họa lớn sẽ đến". Người chú kinh sợ bèn thôi. Đến sáng sớm, Sư từ giã để đi đến nhà người chị gái. Người chú lại mang dao đi theo, bảo với Sư rằng: "Con đường này tối khuất hiểm trở, nên chú sẽ đưa cháu ra khỏi chỗ

khó khăn." Sư đi trước, vừa đến chỗ sâu thẳm hiểm trở, người chú đi sau lưng hươ dao muốn chém, bỗng thấy chồng người chị gái của Sư bên cạnh. Nên được thoát khỏi sự gia hại mà Sư đều không hay biết.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đi khắp Thương ấp, xem đủ các thứ kinh luận. Tiếng tăm vang khắp Đông hạ, vẻ vang suốt một thời. Sau đó, Sư dẫn đồ chúng có cả năm trăm vị lại đến nhà người chú. Người chú thấy Sư đang mở mang giáo hóa ở giữa đường ngã tư, bèn nhớ lạo việc gây hấn ngày trước, bèn dâng cúng Sư mười xấp lụa, vợ chồng cùng nhau tỏ bày hối lỗi. Sư mới biết việc đó. Và liền nói pháp để dứt bỏ, an nhiên không hiềm hận. Sư thường đem việc ấy mà răn dạy các môn nhân đệ tử rằng: "Tôi khi xưa nếu chẳng cưỡi vật tốt đẹp thì việc gì phải khổ lụy đến người. Từ khi dự phần vào học chúng thì không trang sức phù hoa, chỉ được giữ gìn thân mạng lâu dài". Trở thành lời tụng nơi miệng Sư. Về sau không biết Sư thị tịch ở đâu.

Dưới thời Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần, ở Song Lâm thuộc Huyện Ô Thương, Quận Đông Dương, có Đại Sĩ Phó Hoằng là người thấu suốt quyền xảo ứng đạo, tiếp nối vết chân Cư sĩ Duy-ma cật. Bấy giờ, có lúc Sư phân thân cứu giúp lấy làm việc chính, nương ở tại Song Lâm, dẫn dắt hóa độ pháp tục, hoặc mầu vàng ròng biểu hiện ở ngực. Có mùi thơm tỏa trong lòng bàn tay, hoặc hiện thân cao hơn một trượng, cánh tay dài quá đầu gối, chân dài hai thước, ngón tay dài năm tấc, hai mắt sáng rực, có hai con ngươi tỏa chiếu ra ngoài. Hình sắc dung mạo trang nghiêm cao vợi, rất có tướng của bậc Đại nhân.

Khi Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương dẹp loạn mở Đạo, riêng chú ý đến Thích Môn, tâm tánh trinh thuần cảm khắp đến các Hiền Thánh. Sa-môn Bảo Chí là người mở dẫn vết tích ở Kim Lăng, nhưng Phó Công (Đại sĩ Phó Hoằng) ở Song Lâm là người thấu suốt dẫn dắt. Người đương thời xướng lời chẳng biết địa vị của Sư, Sư bèn sai sứ mang thư đến tặng vua Võ Đế rằng: "Đại sĩ Thiện Tuệ là người sẽ giải thoát ở tương lai, hiện ở dưới tàng cây nơi Song Lâm, kính bạch với Quốc chúa là bậc Bồ-tát cứu đời, nay chia điều lành có ba bậc thượng trung hạ, mong có thể thọ trì. Điều lành bậc thượng là lược dùng cõi lòng rỗng lắng làm gốc, chẳng đắm trước làm Tông, quên mất tướng làm nhân, lấy Niết-bàn làm quả. Điều lành bậc trung là lược lấy giữ thân làm gốc, trị nước làm Tông, quả báo ở cõi trời và ở nhân gian đều an vui. Điều lành bậc hạ là lược dùng để che chở nuôi dưỡng chúng sinh." Vua nghe đó, bèn thỉnh Sư đến trụ ở Kiến Nghiệp, bèn xây dựng chùa Định Lâm ở Chung Sơn, ngồi phủ dưới tùng cao, nằm nương trên

tảng đá, suốt cùng bốn phía cả sáu tuần, hoa trời cam lồ thường tuôn chảy trên đất. Về sau, Vua đến điện Trùng Vân 73 vườn Hoa Lâm Khai giảng đề Kinh Bát-nhã, bày riêng một tòa, thỉnh Sư cùng Thiên chỉ đối dương. Khi kiệu ngọc lên điện mà Sư vẫn an nhiên ngồi đó. Hiến Tư cơ hiềm hỏi rằng: "Chỉ nói là Pháp Địa bất động, nếu như động thì tất cả đều chẳng an!". Sư nhận biết thời vận nhà Nam Lương sắp hết, nên xót thương cứu khổ binh tai, bèn đốt cánh tay làm đuốc để cầu nguyện xua đuổi họa đến.

Đến giữa mùa Hạ niên hiệu Thái Kiến thứ nhất (569) đời Trần, Sư ở tại Bổn Châu, nằm nghiêng hông bên phải, lắng dần đến thị tịch. Bấy giờ, gặp lúc trời nắng nóng mà thân thể Sư vẫn ấm, hình sắc dung mạo phô bày nét mặt vui vẻ, ngời sáng trạng thái sạch đẹp. Mọi người cùng nhau đón rước đến an táng trong hang núi, qua mấy tuần hương hoa tán rải chứa nhóm. Sau đó bỗng nhiên mất hẳn dấu vết, những người đến tìm thăm mà không thấy, gào khóc kính mến càng sâu sắc. Tiếng khóc buồn thương quyến luyến nấc nghẹn cả hang núi. Bộc Xạ Từ Lăng đời Trần soạn bài Minh, thấy ở loại văn.

21- Truyện ngài Thích Pháp Lãng ở Ngạc Châu.

Thích Pháp Lãng, ngài còn có tên là Tăng Lãng, họ Hứa, người ở xứ Nam Dương.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Sư mừng vuimuốn xuất gia, sau đó được dự phần xuống tóc, không có nơi nương ở cố định, phần nhiều Sư ở tại Ngạc Châu. Hình mạo Sư giống như thế tục mà rất có kỳ tướng, Sư uống ăn đồng như thế tục, nên mọi người đương thời đều xem thường Sư, Sư thường nuôi một con khỉ và một con chó, tướng mạo to lớn mạnh khỏe, màu lông đều vàng đỏ, chẳng quen đùa bỡn với người khác, chỉ nương tựa nơi Sư, ngày đêm cùng đi theo Sư không hề tạm xa rời. Như đến giờ ăn, Sư dùng bát gỗ thọ thực. Sư ăn no, còn dư cho chó dùng, chung một đồ dùng với Sư. Con khỉ liền lấy bát đội lên đầu và cưỡi lên trên lưng chó, dẫn trước Sư mà đi. Nếu có người muốn cướp đoạt, chó liền lớn tiếng gầm gừ. Sư mặc tình để chó dẫn đi vòng quanh, không có thường độ.

Khoảng cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư đi đến ngoài giang lãnh, mặc đồ thô xấu, oai nghi thoát vượt thứ lớp, giữ gìn roi gậy mang theo che chở nuôi dưỡng thân mạng. Bấy giờ, Sư lại đọc tụng các kinh, nhưng chỉ lấy Kinh Pháp Hoa làm chỗ đặt để chí nguyện. Vốn thiếu tiếng như chim hót, trong trẻo, dồi dào, Sư bèn thanh khiết lập thệ nguyện trì

tụng, mỗi lần ngồi tụng suốt bảy biến, như thế chẳng bao lâu, âm thanh Sư vang như sấm động, biết rằng Phước lực ấy có thể lần lượt nương tựa lên, nên Sư trì tụng lấy số bảy làm kỳ hạn, mới dần lên đến bảy mươi biến, bảy trăm biến, bảy ngàn biến và đến cả bảy mươi ngàn biến, âm vận tiếng tăm hài hòa, mặc tình tuôn nhã. Nên với các loại đàn tranh, tiêu sáo, tỏa phát ra rõ ràng nên kinh đã tụng. Bấy giờ, những người bên cạnh sự xem nghe đều mất, môi mép Sư không lay động mà lời tiếng phát ra từ cổ họng, xa gần đều rõ suốt, nhân đó mà nổi tiếng. Nhưng cánh tay, cẳng chân và tay Sư cứ duỗi thẳng mặc lòng, có khi như rùa thụt vào mai, có lúc Sư đồng tụ hội nơi hàng thịt, hoặc vào trong quán rượu, cùng với mọi người, uống rượu ăn thịt, chẳng lường biết là như thế nào. Nên trong đời có lời nói rằng: " Pháp Hoa Lãng, năm nơi cùng lúc co, thịt heo đầy miệng má." Hoặc Sư lại đi tuần ngược dòng sông đến đất Biện, khoanh tay ngồi dưới thuyền, khỉ và chó ở bên cạnh, đều không có mái chèo quẫy bơi, tùy ý chỗ nào muốn đến thì đến, tuy lướt giữa sóng gió mà chỉ khoảnh khắc là đến nơi.

Có vị Tỷ-khưu-ni bị Quỷ mỵ dựa nhập, siêu ngộ huyền giải, biện luận khắp các kinh văn, ngồi ở Tông chủ Giảng Đạo, mọi người đến nghe học như mây nhóm, đều không ai lường biết, không ai chẳng khen ngợi sự thông minh tỏ ngộ ấy. Sư nghe thế, bảo rằng: "Đó là tà quỷ gia nhập, đâu phải chánh lý, sau này phải xem xét". Một hôm, vào buổi sáng, chó và khỉ dẫn thẳng đến chùa ni, Sư theo đến lễ phật, nhiễu tháp, rồi đến trước giảng đường. Cô ni ấy còn đang giảng nói. Sư bèn gằn tiếng quở trách rằng: "Kẻ tiểu tỳ kia, nay ta đã đến, sao chẳng xuống tòa?" Cô ni ấy vâng theo tiếng vội xuống tòa, chạy ra trước giảng đường, đứng đối diện chỗ Sư từ sáng sớm giờ mão cho tới giờ Thân, sừng sững chẳng rời khỏi chỗ, mồ hôi tuôn đổ xuống đất vẫn nín thinh không nói năng gì. Hỏi đến năng lực tuệ giải thì im lặng như ngây như điếc, một trăm ngày sau mới bình phục lại bản tánh. Sư có năng lực hàng phục cảm thông đều đại loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, vẫn còn chưa có một hạt bụi bay mà miệng Sư luôn bảo "Giặc" sớm tối không nghỉ. Quan nhân đều lo sợ cho đó là Sư mê hoặc quần chúng, bèn thầm giết hại Sư. Có Sa-môn Pháp Lâm ở Tương Dương là người vốn giao du với Sư, kính quý sự thấu đạt sâu xa của Sư, nhân sự việc mà trình bày, nên liền tuần tự mà ghi chép.

22- Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán

Khẩu:

Thích Đạo Tiên, ngài còn có tên khác là Tăng Tiên, người nước Khương Cư. Sư làm nghề buôn bán, thường qua lại xứ Ngô Thục, cũng như trên dưới sông biển chứa nhóm các thứ của báu, nên của cải Sư có được đầy ắp cả hai thuyền. Bấy giờ, có người tính rằng tiền Sư có đến mấy mươi quan, còn vàng báu thì đầy ắp. Tham gá càng sâu, chỉ tiếc chưa được nhiều, lấy nghiệm muốn nuốt luôn biển cả. Sư đi buôn đến tận núi Ngưu Đầu, ở quận Tân thành, thuộc Tử Châu, gặp được Thiền sư Tăng Đạt đang giảng pháp, ngài Tăng Đạt nói rằng: "Sinh tử dài lâu, không ái nào chẳng lìa, tự thân còn như vậy, huống gì các thứ của cải, tài vật". Ban đầu, Sư mới nghe qua, vui mừng mạnh mẽ chớm phát bên trong. Sư nghĩ sâu xa rằng: "Ta đời nầy tham nhiều, chí ưa chứa nhóm, vừa rồi nghe chánh pháp, thuyết ấy rất cùng cực. Hoặc mất, hoặc lìa, tất yếu phải như thế. Chẳng bằng nhận đắm tất cả vật báu giữa sông sâu để xuất gia, lìa đắm trước, tự nhiên không nhiễu não, như thế há chẳng vui ư?" Ngài liền nhận chìm cả thuyền xuống giữa sông sâu. Sư lại muốn cho chìm tiếp thuyền nữa. Mọi người đều cùng nhau ngăn cản, khuyên Sư nên lấy đó để tu tạo phước nghiệp. Sư bảo: "Đều là rối rắm nhiễu não, khổ nhọc cho chính mình và kẻ khác". Và Sư liền nhận chìm luôn. Đi thẳng vào chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu xuất gia.

Ngày đầu tiên vừa xuống tóc, Sư đối trước chúng tăng phát lời thệ nguyện rằng: "Nếu chẳng đắc Đạo thì không bao giờ ra khỏi núi này". Sư liền dứt bặt vết tích người đời, dựng lập am thất nơi hang núi quanh co. Đồng bạn học thiền cùng nhau lần lượt kéo đến. Mỗi lần Sư xem kinh, mới đầu mở thấy như Phật ở chỗ ấy, không lúc nào chẳng nghẹn ngào tự nghĩ "cớ sao ta chẳng được gặp mà chỉ thấy di văn!". Mà Sư vượt trội khác thường so với đồng bạn. Sư nương náu nơi hoang vắng với các cầm thú. Hoặc có người đến hỏi phương thức học, ngài đều đối đáp khéo léo, thầm hợp với khuôn phép chánh. Từ đầu, Sư nhập Định, mỗi lần ngồi đều lấy khoảng thời gian bốn –năm ngày làm hạn thường. Chỉ có lúc khách đến cửa, Sư ngầm nhiên tự nhận biết, đứng dậy tiếp đón nói năng. Nếu không có người đến, thì Sư ngồi thẳng nơi tĩnh thất vắng lặng như hư không, có lúc Sư biết trước ngày mai có khách đến, hoặc đến cả trăm ngàn vị thầy đều như lời Sư nói, không hề có sự dư thiếu.

Đầu thời Nam Lương, Thỉ Hưng Vương Đạm vén màn Tam Thục, kính thờ Sư theo lễ thầy trò mà, cùng dẫn đến nơi Thư Khúc thuộc Thiểm phục. Niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (517) thời Nam Lương, Sư đến núi Thanh Khê, có chí hướng muốn ở trọn đời ở đó. Bấy giờ, Đạo

Quán cao thoáng, cân hạc lẫn lộn đông nhiều, thường cùng chê trách rất cậy, làm tâm lo lắng. Sư bèn an nhiên không hề để ý. Một đêm nọ, bỗng nhiên Đạo Sĩ trông thấy ở sườn núi phía Đông có lửa bốc cháy, sợ lửa đồng đốt hại Sư nên mỗi người đều mang bình nước đến cứu giúp, nhưng đến nơi, thấy Sư ngồi ngay ngắn, lửa lớn đang cháy mạnh, đều cùng nhau khen ngợi là "Hỏa Quang thần Đức". Đạo Sĩ Lý Học Tổ, v.v... xả thí ruộng vườn tạo lập tôn tượng, chùa tháp thành tựu, xa gần đều quy hướng kính tin, mười nhà có hết chín. Châu thứ Sử là Bà Dương Vương Khôi đích thân đến kính lễ thọ pháp.

Đến cuối niên hiệu Thiên giám (520) thời Nam Lương, Thỉ Hưng Vương thầm cảm, nên đến chùa Lương Thái tạo tôn tượng Tứ Thiên Vương, vào sáu ngày trai thường thiết lễ thanh tịnh cúng dường. Sau đó, Sư đến dự trai hội, trên đảnh đầu tôn tượng Tứ Thiên Vương phát ra ánh sáng năm mầu, lò hương Sư bưng tự nhiên khói tỏa. Thái úy Lục Pháp Hòa khi trước vào những ngày vi tàn có mấy lần đến núi cúng dường Sư và làm cấp sứ. Trong chúng tăng có người quở trách. Sư bảo: "Đó là Tam Đài Quý Công, do duyên gì mà lại nhục mạ?" Bấy giờ không ai lường biết hậu quý. Lục Pháp Hòa quả nhiên bèn lên viên phục. Hoặc có những lúc Sư tật bệnh, thấy có đồng tử mặc áo lụa từ dòng nước Thanh Khê lấy ra một bát đầy thuốc nhiệm mầu đến qùy dâng Sư uống, không bao lâu liền khỏe mạnh. Sư ở tại núi suốt hai mươi tám năm, lại đến Tĩnh Lạc, hoằng hóa Đạo pháp.

Bấy giờ, gặp lúc nắng hạn tàn khốc, trăm họ đều cầu thỉnh Sư liền đến hang rồng, gõ gậy vào cửa mà bảo rằng: "Chúng sinh đang đau khổ, vì sao đam mê ngủ như thế?" Sư nói vừa xong, liền có mây đen kéo khắp bốn phía, mưa lớn tràn đầy, muôn dân đều đội ân đượm nhuần ấy, cùng nhau đến cầu nguyện, kính trọng như thiên thần.Nếu có cầu Xá-lợi, Sư liền vì cầu thỉnh, ứng niệm liền đến đúng như sự mong cầu.

Đến đời Tùy, Thục Vương Tú trấn thủ tại Mân Lạc có tấu trình lên Vua, sau đó Vua bảo Sư truy tìm thỉnh. Nhưng Sư không vâng mệnh. Bỗng nhiên vua đổi sắc mặt đích thân dẫn đầu Binh lính mang theo gậy trượng đến để bắt Sư. Nếu như cố ý không chịu thì có thể giết chết ngay. Sư nghe binh lính đến, đều không tỏ vẽ lo sợ, đòi lấy y Tăng-già-lê đắp mặc, sau đó ngồi thẳng niệm Phật. Vua vừa đi đến chân núi, bỗng nhiên mây mưa tuôn đổ, bão tuyết rơi xuống, nước tuôn vọt tràn khắp sông rạch, lấp phủ quân lính, chưa biết tính toán thế nào, sự tình đã quá quẫn bách, Vua bèn xa quy hướng sám lễ. Nhân đó, trời trong sáng trở lại, mưa gió ngừng dứt, đường núi mở thoáng. Vua và binh lính đến được

nơi chỗ Sư. Vua đích thân rất mực cung kính. Sư giảng Pháp cho nghe. Vua lại phát khởi tín tâm, bèn thỉnh Sư về Thành Đô trụ chùa Tĩnh Chúng. Vua rất kính ngưỡng, cúng dường lễ hậu, cả thành quách mọi người đều cung kính gọi Sư là "Tiên-xà-lê". Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư về lại chùa núi. Đường đi tự nhiên sạch sẽ, bởi có thần núi quét dọn trước. Một đêm, có vị khách tăng đến nghỉ ở trong phòng, Sư đến kéo vị ấy ra, liền đó, căn phòng sụp đổ.

Đến lúc ngoài trăm tuổi, Sư ngồi thẳng mà thị tịch, sau đó an táng tại núi đó. Ở Ích Châu còn có mộc cảnh Bạch Điệp đến nay vẫn hiện còn, mọi người gọi đó là "Thánh Nhân Tiên Xà-lê".

23- Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn:

Thích Tuệ Phong, không rõ Sư là người xứ nào. Sư trụ chùa Thê Hà, nghe học Tam luận với ngài Thuyên Công, bèn tỏ ngộ sâu xa diệu chỉ đó, rất lấy làm đắc ý, tiếng tăm vang tỏa khắp xa, mọi người đều suy tôn. Thuyên Công có nói rằng: "Sức lực tư duy thấu hiểu của Tuệ Phong, tôi đây không thể sánh bằng. Vì tôi tuổi tác già suy, nên đến cùng nương tựa đó". Sư đặt tâm nơi Chánh Lý, thân làm khuôn phép luật nghi, nhiếp tĩnh ở chốn tòng Lâm, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, mặc y phục thô xấu, lược không chứa để mảy may, nhìn dáng bước khoan thai rất có phong thái. Sư không hề đến Giang Đô, chỉ giảng dạy Luật Thập Tụng, khen ngợi dẫn dụ tu trước, người đến nghe học rất đông, có người hỏi rằng: "Nay học Đại Thừa, vì sao lại giảng luật?" Sư bảo: "Đó là sự thấu đạt tận cùng, ông chẳng thể biết được. há học Chánh Pháp mà Đại tiểu chống trái nhau ư?"

Vào niên hiệu Thiên gia (560-566) đời Trần, Sư thị tịch, thọ sáu mươi tuổi. Lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Trí Côn rằng: "Tôi đi đến chỗ xa xôi, nơi các ông không biết được!". Sau khi Sư tịch, có một ngón tay co quắp lại, tuy kéo thẳng ra nhưng lại co trở lại, bấy giờ mọi người bàn với nhau cho là Sư đã chứng đắc Sơ Quả.

24- Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu:

Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu, tướng trạng Sư như si cuồng, chẳng tu giới luật. Người đương thời chẳng hề đếm xỉa. Sư thường ngồi trong phòng, chẳng đồng mọi vật bàn nghị. Bỗng nhiên

riêng một mình Sư vui vẻ nói cười đùa bỡn, vào chùa nắm vật chỉ chỏ, bảo rằng: “Chỗ này làm chánh điện, chỗ ấy làm phòng nhà, cho đến hàng hiên, lang vũ, nhà trù, nhà kho, không thứ gì chẳng đầy đủ. Sau đó hơn một tháng, nhân Sư bảo chúng tăng rằng: “Muốn biết được Tuệ Nham tôi, thì khi linh trên tháp rơi xuống, tôi sẽ qua đời”. Đến lúc quả nhiên như thế, Sư trở về khóa cửa phòng, đập phá cửa mở thì thấy Sư ngồi thẳng mà thị tịch. Xa gần nghe thế đua nhau kéo đến đông đầy, mỗi người tự xả thí vàng lụa cúng dường, thành một đống lớn. Mới y theo lời Sư nói trước kia xây dựng thành ngôi chùa nổi tiếng. Mọi việc thảy đều phù hợp. Từ lúc Sư thị tịch đến nay đã hơn bốn mươi năm, mà vẫn như lúc còn sống, hiện tôn trí tại Phật đường, để mọi người chiêm lễ, bái yết.

25- Truyện ngài Thích Pháp An trụ Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô.

Thích Pháp An, họ Bành, người ở xứ Thuần Cô thuộc An Định. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời tại tinh xá Cửu Lũng ở núi Thái Bạch, kính mến Thiền pháp làm chính nghiệp, ăn uống sơ sài, mặc áo thô xấu đến tận tuổi già.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đến Giang Đô, bảo thông Tấn Vương. Bấy giờ, vì hình dáng Sư thấp xấu, nói cười khinh xuất, nên chẳng lấy làm thông. Một hôm, Sư đến trước cửa, mọi người xua đuổi mà chẳng đi, thử lấy làm Thông. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) nghe thế, bèn mời vào cung diện kiến, y như đã quen biết xưa cũ. Nhân đó, Sư trụ ở chùa Tuệ Nhật. Những nơi nào Vua đến, thì cùng có ngài đi theo. Lúc xa giá Vua đến Thái Sơn, bấy giờ gặp lúc khát nước thiếu thốn, nhìn khắp bốn phía toàn là đá núi không do đâu có được nước. Sư dùng dao đâm vào đá thì có nước tuôn ra, lấy đó dâng cho Vua. Khi ấy, Vua vui mừng khen ngợi, hỏi Sư: “Bởi năng lực nào vậy?” Sư đáp: “Sức lực của Vua”. Sư bèn theo Vua vào bãi sa mạc, đến biển bùn sình, trong đó nếu có gặp biến cố, thì Sư đều dự biết mà lánh, nên không bị tổn hại thất bại gì. Sau, lại đến Thái Sơn, Chư tăng chùa Thân Thông đến mời Đàn Việt. Sư thấu đạt việc đó, Vua bèn viết tay trên vách chùa để mở mang hộ trì. Mới đầu, cùng Vua vào hang, Sư thấy một vị tăng thân mặc áo xấu, cưỡi con Lừa trắng đi đến, Vua hỏi: “Đó là ai?” Sư đáp: “Đó là Lãng Công. Tức mới lần đầu tiên đến chùa Thần Thông nên đến đón rước dẫn đường”. Đến lúc vào tới trong chùa, lại thấy một vị thần tướng trạng cao lớn hùng vĩ đứng trên giảng đường, tay tựa vào miệng chim si nhìn xuống đại chúng. Vua lại hỏi, Sư đáp: “Đó là Thần

núi Thái Bạch, là người theo vua." Từ đó về sau, có nhiều việc kỳ đặc, ở đây không chép rộng!"

Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) càng rất mực kính trọng Sư. Các hàng oai vệ Vương Công hễ trông thấy Sư thì đều quy gối kính chào. Thường Thị Tam Vệ kính thờ Sư như thần. Sư lại đến các danh sơn thỉnh các vị ẩn dật như các ngài Quách Trí, Biện Thích, Chí Công, Trạm Công, Bôi Độ, v.v... đồng một lúc cùng đến trụ chùa Tuệ Nhật, các hàng Đạo nghệ có hơn hai ngàn vị, cung cấp bốn thứ cần dùng vốn do từ Sư mà lập. Vua lại vì xây dựng lập Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô, chỉ một chúng của Sư ở trong đó dựng lập đạo nghiệp.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư tấu trình rằng: "bốn phương nhiều nạn!". Sư không bệnh tật gì mà thị tịch tại chùa đang ở, thọ chín mươi tám tuổi. Trước lúc sắp tịch, Sư thưa với Vua về Hậu sự rằng: "Sau khi Pháp An tôi qua đời khoảng một trăm ngày sẽ có lửa cháy ở nội cung, Vua càng phải thận trọng". Đến tiết Hàn Thực, dầu vọt lên thiêu đốt, đang đêm cửa đóng nên cung nhân cả ba viện cùng mỗt lúc bị giết bởi lửa thiêu. Khi đó, Vua Dương Đế chẳng lấy làm lạ, tiễn đưa kim quan Sư đến an táng ở núi Thái Bạch, mọi chi phí cúng dâng đều do Quan cung cấp.

Sư vốn có đức hạnh trầm lắng bên trong, ở ngoài đồng như người tục, chỉ có lúc ngủ, Sư không kê gối, cổ không co cong, chỉ nghiêng cổ tựa bên mép giường, miệng chảy nước dãi thường có cả thăng. Đó mới là lạ.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Thích Pháp Tế là vị Tăng thấu suốt nhận biết khác lạ. Sư phát xuất dấu vết từ thời nhà Trần cho đến cả 2 đời Vua (Văn Đế, Dương Đế) đời Tùy. Sư đều nghỉ qua đêm trong cung cấm. Tuy cùng sống lẫn lộn với các hàng phi hậu, nhưng Sư tinh tấn ít dục thật ít người đạt được như thế. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, lúc còn ở Trường An vì Sư mà xây dựng chùa Hương Đài. Sau, Sư đến trụ ở Đông Đô, lại xây dựng Đạo tràng Long Thiên. Vua cấp cho Sư một con ngựa trắng, Sư thường cưỡi trong cung. Nếu có ai bị bệnh hoạn gì, Sư chú nguyện vào nước rồi cho uống, không bệnh gì chẳng lành. Sư lại thấy được Quỷ vật, thấy trước những điều chưa xảy ra.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, bỗng nhiên Sư giã biệt Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) rằng: "Thiên mạng chẳng thường, lại phải đến đời sau, cúi mong che chở, gánh vác chúng sinh!". Liền đó, Sư bèn ngồi mà thị tịch. Cạo tóc sắp tẩn liệm, bỗng chốc tóc

mọc ra dài cả nửa tấc. Vua bảo: "Thiền sư diệt Định, đâu được cạo tóc như thế". Và bảo mang chuông lớn đến đánh. Sau hơn một tháng, Sư không xuất định, thân tướng Sư vẫn như lúc còn sống. Vua bèn bãi triều, trăm quan đồng mặc sắc phục mầu trắng. Vua ban sắc tiễn đưa đến Tương Châu. Lại lực do Quan cung cấp, đi đến đâu thì thiết trai tại đó. Mọi vật đều lưu xuất tại đó, mỗi ngày cúng dường trai hội cả trăm vị tăng, suốt đến bốn mươi chín ngày. Mỗi người riêng một ngày cúng dường hai mươi lăm xấp, tính gồm tất cả có hơn mười vạn xấp. Đó đều là phước lực của Sư, nên mọi người đều dốc bố thí báu trong nhà.

26- Truyện ngài Thích Tuệ Khản trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu.

Thích Tuệ Khản, họ Dương, người ở xứ Điển Hà thuộc Tấn Lăng. Từ thuở thiếu thời, Sư thọ học với Sa-môn Xà-lê Hòa.

Xà-lê Hoà là người Linh Thông u hiển. Người đời chẳng ai lường biết được tâm Sư cạn sâu thế nào, nhưng Sư cung kính tôn tượng, kính thờ đồng như Phật thật, mỗi lúc thấy tôn tượng đứng thì Sư không dám ngồi ở trước, khuyên người tạo tượng chỉ nên tạo Tượng ngồi. Đi giữa đường nếu gặp các duyên sự nguy ách, Sư đều cứu giúp. Hoặc thấy heo bị trói buộc, Sư liền bảo: "Giải thoát thủ Lăng Nghiêm". Heo liền được mở trói, chủ nhân đó mà thả. Từ đó, Sư chỉ lấy sự từ bi cứu giúp làm chánh nghiệp. Mỗi lúc đại chúng nhóm họp một nơi, Sư liền nói pháp cho nghe, và đều tùy việc mà khen ngợi dẫn dụ, tức ngay sự vật thành việc chuyên. Đại chúng không ai chẳng tỏ ngộ mà quy hướng về với Chánh đạo, sau cùng, Sư đến Nghiệp Hạ, mở mang Chánh Pháp. Đồ chúng quy hướng mãi đến nay vẫn lưu truyền ngâm vịnh. Sư thị tịch tại Nghiệp Đô. Có người hỏi về quả vị chứng đắc của Sư, Sư bảo: "Đạt được gốc lành thành thục."

Sư kính thờ sức thần hóa của Xà-lê Hoà được mấy năm. Đại chúng biết Sư có năng lực linh dị, ban đầu chưa được rộng lớn, sau, đến Lãnh Nam, Sư quy tâm thọ học với Sa-môn Chân Đế. Nhân đó, Sư được truyền trao pháp Thiền. Sư tinh chuyên thực hành, không bao lâu, đã có sự tỏ ngộ sâu xa. Sau cùng, Sư đến trụ chùa Thê Hà, an chí rỗng lắng, qua lại tự tại, không bị bó buộc bởi núi đồi. Bấy giờ, Sư đến Dương Đô, chỗ Pháp sư Ti. Pháp sư Ti vốn biết đạo hạnh của Sư nên lấy lễ đặc biệt để tiếp đón. Lúc Sư sắp về lại chùa núi, Pháp sư Ti thỉnh Sư ứng hiện thần lực. Sư bảo: "Đâu có gì khó". Liền từ trong cửa sổ đưa cánh tay ra dài mấy mươi trượng mở ngang sáng ngời cả chùa lên đến trên tấm biển

điện Phật, rồi trở lại trong phòng, Sư bảo với Pháp sư Ti rằng: “Người đời không nhận biết được sâu xa, thấy vậy bèn sinh tâm kinh dị. Vì vậy nên tôi không làm”.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu, thọ tám mươi hai tuổi. Ngày thị tịch, Sư đem ba y xiêm từ xa kéo đến trong giảng đường, tự nói: “Ba y hoàn trả lại chúng tăng. Nay tôi chết đi!”Bèn trở về phòng. Đại chúng kinh sợ đến tìm, chỉ thấy xương trắng đầy đủ hình tướng ngồi kiết già trên giường, cùng nhau xúm lại lay động nghe tiếng leng keng mà chẳng tan.

27- Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô:

Thích Chuyển Minh, họ Lộc, không rõ Sư là người xứ nào. Sư mặc Tăng Nghi, diện mạo chẳng to lớn, dung chỉ ngài trầm lắng, không tỏ vẻ mừng giận.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, tự nhiên Sư đến trụ Lạc Ấp, bảo là có giặc dấy loạn. Đến lúc xem xét, tất cả không dấu vết gì, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) bấy giờ cho là Sư mê hoặc quần chúng, nhưng chưa thể gia tội, tạm bảo bắt giam. Mới đầu chẳng ai lường biết tại sao vậy, qua đến tháng sáu năm sau (613) quả nhiên gặp phải Kiêu Cảm phản nghịch, đuổi bức hung ác sung vào dò xét Đông Đô, giết hại rất nhiều. Vua mới gượng tin lời Sư nói có chứng cứ, bèn ban sắc thả ra. Tuy bị ràng buộc hay được thả, tâm tình Sư vẫn như thường, nói bàn với mọi người, không gì chẳng đề cập đến. Gặp lúc Vua đến Giang Đô, đi đến Yển Sư, bấy giờ trong ngục có đến năm mươi tử tù đã định thời gian hành quyết. Sư nghĩ ngày mai ta phải thả những người bị tội chết này”. Liền đến chỗ ngục, giả làm người thăm nuôi, gặp gỡ các người tù mà bảo rằng: “Ngày mai xe giá nhà Vua sẽ đi ngang qua đây, các ngươi đồng một lúc phải hô lớn “Có giặc đến”. Nếu có ai hỏi về nguyên do thì nói là tôi bảo như vậy thì sẽ thoát khỏi tội chết”. Đến lúc Vua đi ngang qua, các người tù bèn thực hành như lời Sư bảo. Vua liền ban sắc thả tất cả các người tù, bắt Sư vào giam cầm. Sư cười lớn mà chấp nhận, không hề tỏ vẻ lo sợ. Lúc bấy giờ khắp bốn phương đều gặp phải nạn đói kém trộm cắp, dân chúng không nơi nương tựa để sống, thật đúng như lời Sư nói.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư vẫn còn bị giam cầm. Khi Việt Vương lên ngôi, Sư mới được thả. Tuy qua lại tự do,

mà Sư thường ở trong cửa Càn Dương, nơi phòng viện riêng cung cấp, nhưng sợ Sư ngầm vượt ngục nên thầm sai ba người gìn giữ, riêng canh giữ Sư. Đến lúc quân quốc của Hoàng Thái Kiến Nghị mưu bàn, Sư thường dự cùng nơi màn trướng, trù tính lợi hại. Ngụy Trịnh Thế Sung càng gấp bội kính tin nên gìn giữ nghiêm mật lại kiêm thường độ. Đến niên hiệu Khai Minh thứ hai, tức niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư từ Lạc Cung an nhiên mà ra, chung quanh vây bọc đến năm lớp mà ban đầu không thấy dấu vết. Xét tướng của Ngụy Đô bị thất bại. Sư đi về hướng Tây, đến Kinh đô. Thái Võ Hoàng Đế (tức Vua Cao Tổ-Lý Uyên) sớm kính thờ âm văn, rất tin Thần Dị, thiết bày lễ lớn kính trọng Sư, ban sắc mời Sư trụ chùa Hoá Độ. Có mấy lần thỉnh Sư vào trong cung cấm. Sư trình bày đầy đủ những điều ứng, về sau mọi việc đều khế hợp.

Đến tháng tám năm đó (620) bỗng nhiên không thấy Sư đâu cả. Y phục mọi vật vẫn còn nguyên trong phòng. Sau đó, Vua ban sắc đi tìm, hỏi thăm khắp cả nước nhưng không được. Tìm Sư trên bước đường hành Đạo thầm trải qua điềm lành. Như có người hỏi về sở học, Sư thường dùng một Pháp Bình Đẳng chuyên chí phụng trì. Nhìn lại, Sư trải qua bốn triều đại, với các hạng sang hèn đều là thông thuộc, vì Đạo Sư suốt cùng u cực, nên đều đến sang thọ học. Mà tâm tình Sư bất kể là tươi hay héo, đều thật vâng theo bình đẳng. Nếu người nói năng quỷ quyệt chẳng thường hòa vận thì Sư bảo: “Pháp sư ấy từ trong loài dê mà sinh ra”. Sư dự ghi nêu bày mọi sự chẳng phải một. Đến chùa Tổng trì, nhìn chúng tăng ở đó, Sư bảo: “Không bao lâu nữa, nơi đây sẽ gặp nạn đổ máu, nên phải cùng nhau thận trọng”. Bấy giờ, mọi người cho đó là lạ, cùng nhau xem thường. Đến lúc gặp phải những sự việc như Pháp Cai, v.v... tìm khắp đô thị bị giết chết tại Đô thị, mới hối hận lỗi trước.

Vào cuối đời Tùy, có Bào Tử Minh, không rõ là người xứ nào. Khi ấy, Vua Dương Đế xa thỉnh những bậc danh tăng tài nghệ. Nhưng Sư thấm đượm mặt trời trí tuệ, thường đến các chùa viện chẳng ở phòng nhà, hễ đêm đến thì dừng nghỉ không nơi cố định. Đã nhận lời Quan thỉnh cúng dường nhưng Sư không hề đến dự. Chẳng đắp mặc ba pháp y, chỉ mặc áo tràng, hoặc có lúc kinh hãi kêu réo chạy quàng, nói năng không chuẩn định. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư dùng áo dài bịt trán, xướng bảo: “Giặc giặc” mà chạy, người đương thời cho đó là hiện điềm. Đến lúc Kiêu Cảm dấy khỏi phản nghịch, các quân lính đều quấn truân ở cổ, bịt trán tướng trạng như Sư, đều vây quanh Đông Đô. Vời hỏi Sư về mọi sự thông bít, Sư liền mắng nhiếc rằng:

"Giặc hại thiên hạ, làm gì có nước nhà ư?" Khi đó, Vua đang ở tại quận Trác, nghe thế rất vui mừng, vời đến mà nhọc đuổi trừ. Sư lại dùng sọt đựng đầy đất, đang lúc gió thổi mà phủ sau. Bọn Kiêu Cảm nghịch đảng đều bị chém giết ở ngoài cửa Trường Hạ, mỗi ngày riêng có đến mấy ngàn xe cùng ứng khắp. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, vô cớ mà Sư qua đời tại Lạc ấp.

28- Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu:

Thích Giả Dật, không biết Sư là người xứ nào. Khoảng đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Sư đến ở đất An Lục. Sư nói cười úp mở chẳng vượt quá phù sấm. Sư vận mặc luôn biến đổi, lúc đen lúc trắng. Sau, có một thời gian ngài phân thân đến các huyện, đến lúc suy nghiệm, mọi người mới kính trọng đức hạnh của Sư. Hành tích chẳng trải qua mà vì không biết nên xấu hổ.

Có Sa-môn Tuệ Hạo ở chùa Phương Đẳng, là người học hành sâu rộng, Sư nhân có việc nên đến đó, đem năm mươi giấy tặng cho và bảo: "Pháp sư nhờ đây mà được giải mở". Mới đầu, ngài Tuệ Hạo không biết việc ấy là gì, sau có sự tranh luận khởi lên, ngài Tuệ Hạo bị dẫn vào cung cấm, Quan Ti trách hỏi, ngài dẫn biện mà đáp, giấy vừa hết thì sự việc được xong, đúng như điều Sư nói. Nên điều trưng ứng Sư nêu đại loại đều như thế.

Sau đó, Sư đến một nhà nọ, bảo rằng: "Nhà ông có một cô gái sắp đi lấy chồng". Nhân đó vào chợ, Sư xướng lệnh xong, bảo rằng: "Nhà kia gả vợ cho ta, cần có được lễ tặng, đòi nhiều tiền gạo, định ngày thành tựu". Mấy lần, Sư đến cửa nhà người lớn tiếng trình bày. Nhà có cô gái lấy làm xấu hổ, bèn âm thầm giết chết cô gái chôn vùi dưới hầm phẩn. Qua ba ngày sau, Sư đi đến trong chợ, gặp người, bèn nói cho người nghe sự việc bị giết hại.

Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, trong nước đang thanh bình an thái, Sư cùng bọn trẻ nhỏ vui đùa bên bờ sông, hoặc cưỡi trên cầu ván, múa tay mà bảo rằng: "Bẻ đầu Dê, quay đầu Dê". Mọi người thấy vậy chê cười mọi hành động của Sư. Đến lúc tại Giang Đô bị họa loạn, mọi việc đều hợp với lời nói trước của Sư. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

Bấy giờ, tại Thục Quận lại có Sa-môn Dương Hựu như người rồ dại ở xứ Mân Lạc. Có những vị già cả bảo là: "Từ lúc đầu trông thấy Sư cho đến nay dung mạo vẫn như xưa không thay đổi, tuổi khoảng chừng bốn mươi". Sư mặc áo sam mầu vàng cũ, ăn uống đồng như người thế

tục, không nơi ở cố định. Mỗi lúc có nhóm họp lớn, thì ngài đều tham dự trước. Sư nói cười ứng biến, bàn luận không thương tổn vật. Sư dự ghi những ứng nghiệm về tương lai, người đương thời đều cùng khen ngợi. Mãi đến đầu thời Tiền Đường, vẫn còn thấy Sư ở xứ đó, nhưng về sau, không biết Sư ở đâu!.

29- Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện:

Thích Pháp Thuận, họ Đỗ, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Bẩm tánh Sư nhu hòa, không hề nghĩ duyên men theo việc ác. Sư giã từ cha mẹ làm lính ở phương xa, không sợ gian nan khó khổ. Năm mười tám tuổi Sư bỏ tục xuất gia, kính thờ Thiền sư Tăng Trân ở chùa Nhân Thánh, thọ trì Định Nghiệp.

Ngài Tăng Trân họ Ngụy. Chí luôn giữ kiệm ước, sống nơi đồng nội quen dần thành tánh. Ở phía Đông Kinh thất có gò đất tên là Mã Đầu, bờ không sâu lắm, có thể làm hang Linh. Ngài Tăng Trân bèn bắt đầu xây dựng nền tảng ở đó, khuyên người thế tục sửa sang. Sư ngồi thẳng chỉ huy, nêu bày phép tắc, bỗng nhiên cảm có một con chó không biết từ đâu đến, chân trắng mình vàng tự nhiên thuần quen, đi thẳng vào trong hang, miệng ngậm đất ra, qua lại chỉ trong chốc lát, làm việc nặng nhọc mà không mỏi mệt, ăn thì đồng như chư tăng, qua khỏi bữa trưa thì không ăn. Đã có sự kỳ lạ ấy, nên mọi người ở khắp bốn phương xa đều ảnh hưởng quy hướng. Bèn đem sự việc ấy tấu trình. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy rất kính trọng, mỗi ngày ban tặng ba thăng gạo để chu cấp theo hạn định thường xuyên. Đến lúc khám hang hoàn thành thì tự nhiên vô cớ con chó ấy chết. Nay gọi đó là chùa Nhân Thánh.

Bấy giờ, Sư đích thân trông thấy việc ấy, càng gấp bội quy y, gắng sức giúp đỡ cùng tạo dựng, tùy tiện thưa hỏi. Sau, Sư hành Đạo hoằng hóa ở Khánh Châu. Khuyên dân chúng thiết hội cúng dường, mới đầu chỉ hạn định năm trăm vị, nhưng tới lúc thọ trai thì gấp bội người đến, nên người chủ cúng dường lo sợ. Sư bảo: “ Không có gì phải lo sợ, cứ việc cung cấp khắp cùng mà đừng sợ số người dự cúng dường, do đó đến cả ngàn vị cũng đều đủ cả”. Từng có Trương Hà Giang và Trương Hoằng Sướng ở nhà chăn nuôi trâu ngựa, tánh tình vốn xấu ác, mọi người đều sợ. Bán không người mua. Sư bèn vì chỉ bày nói năng từ thiện, như có người nghe theo. Từ đó về sau không còn xúc chạm nữa. Sư dẫn dụ khai hóa các hàng dị loại, đại khái đều như vậy.

Sư thường dẫn chúng tăng đến Ly Sơn, trong mùa hạ nương ở nơi

vắng lặng. Đất ở đó có nhiều trùng kiến, nên không trồng rau được. Sư sợ có sự tổn hại, nên đến chỗ đất mà chỉ bày, bảo các loài trùng kiến dời đi ở nơi khác, sau đó không lâu đến xem thì như có phạm vi không còn có trùng kiến. Bấy giờ, Sư bị bệnh ung nhọt, máu mủ tanh hôi rỉ ra ngoài, có người kính trọng Sư nên mút lấy, có người dùng bông mới để lau chùi. Sau đó liền lành hẳn, các thứ máu mủ tanh hôi tỏa ra mùi thơm lạ, khó thể sánh ví. Các tấm bông lau chùi ấy cũng còn có mùi thơm không ngớt.

Tại huyện Tam Nguyên có Điền Tát-đỏa từ lúc mới sinh đến nay tai bị điếc, lại có Trương Tô cũng bị câm từ thuở mới sinh. Sư nghe bèn đến cùng bàn luận, liền được như ngày thường, liền khỏi hẳn. tại huyện võ công có vị tăng bị rồng độc quấy nhiễu. Chúng tăng dẫn đến chỗ Sư. Sư bèn khoanh tay ngay ngắn ngồi đối diện. Rồng gá vào vị tăng mắc bệnh nói rằng: "Thiền sư đã đến, nghĩa là không còn được ở lâu". Rất nhọc quấy nhiểu, sau đó liền được mở giải. Do đó mọi người ở khắp xa gần mắc phải các chứng bệnh chướng độc dịch lệ, dâm tà não loạn ở đâu cũng dẫn đến chỗ Sư. Sư chẳng làm những thuật gì khác lạ, chỉ ngồi đối đáp. Nên những hàng thức giả cho đó là có điều cảm của âm Đức, nên u hiển riêng kính đến cùng, những điều Sư thiết bày nói dạy, phần nhiều không dùng lời suông vô bổ mà nêu chánh lý. Cây thần miếu quỷ đều bị đốt phá. Mọi việc thầy Đồng cúng vái, đích thân Sư thâu nhặt. Thường thấy điềm lành, không hề ngăn ngại, Sư kính thờ Chánh giáo, đại loại như thế. Sư dốc tánh miên mật, tình gồm trầm ái. Các hàng đạo tục sang hèn thảy đều kính thờ, mà Sư chỉ một lời, cõi lòng chẳng hai. hoặc lại có người bị bệnh nặng khó chữa trị, nguyện sâu chưa thành đạt, Sư đều tuỳ thời chỉ bày, và đều được toại như tâm ý. Bấy giờ, có người ngợi khen, có người hủy hoại, nghe đến nơi tai, dường như không biết, cho là lời khác.

Nhân đi đến Nam Dã, sắp vượt qua Hoàng Cự, nước ở đó bị ngập nước, cố gắng vượt qua, bờ đã cao nhẫn dù có lên được cũng lại rơi xuống, bỗng nhiên dòng nước ngừng chảy bèn tùy theo đất mà qua. Đến lúc Sư đã lên lên bờ, thì nước tuôn lại như cũ. Môn nhân đệ tử Sư đưa mắt nhìn mà chẳng lường biết vì sao như vậy. Do cảm thông cả u hiển nên tiếng tăm vang khắp từ triều đình đến thôn dã. Có nhiều những kẻ bỉ phu tham lợi tài thực đó. Lời nói của Sư không dính mắc thế tục, hoàn toàn không lưu tâm. Tùy có sự nhậm dụng mà tình chí rỗng xa, Sư chỉ mặc áo thô xấu, không có gì phụ thêm. Tuy nghe có lời xì xầm nhưng Sư chỉ cười lớn, không hề đua tranh với chúng sinh. Sư có những việc

đại lại như thế thế.

Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường kính phụng đức hạnh Sư, khâm ngưỡng sức thần của Sư nên dẫn vào nội cung, ban lễ cúng dường sùng kính. Các hàng Trữ Hậu, Vương Tộc, đều cung kính như trọng thần, đều theo giới luật, không trái với quy cấm.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, tự nhiên không tật bệnh, Sư răn dặn môn nhân đệ tử, pháp từ thuở bình sinh đến nay Sư thực hành phải nên tiếp nhận hành trì. Nói xong, Sư bèn thị tịch như thường ngồi thiền tại chùa Nghĩa Thiệu ở Nam Giao, thọ tám mươi tư tuổi. Khi Sư thị tịch có hai con chim bay đến phòng Sư buồn sợ kêu rất thảm thiết. Nhân đó tiễn đưa Sư đến gò đất phía Bắc Phiền Xuyên, đào hang mà an táng. Khắp cả kinh ấp mọi người đồng khen ngợi, tang phục khắp cùng thôn dã. Nhục thân Sư không biến đổi sắc mầu qua hơn một tháng lại càng đẹp tươi tấn, an tọa tam châu mà xương khô chẳng tan. Từ khi Sư thị tịch đến nay thường có mùi thơm lạ tỏa ra từ nhục thân Sư. Nên các bạn đồng học của Sư v.v... sợ có kẻ bên ngoài cướp đoạt bèn tôn trí cất giữ vào trong khám. Vào những ngày tốt, bốn chúng thường đến cúng dường đông đúc.

Sư có đệ tử là Sa-môn Trí Nghiêm là bậc nổi tiếng ở chùa Chí Tướng. Từ thuở nhỏ, ngài (Trí Nghiễm) phụng kính nhã nhặn, vâng theo thừa độ, mà thần dụng trong sáng vang đến chốn Kinh đô., với các kinh luận như Hoa Nghiêm, luận Nhiếp Đại thừa về sau Sư thường giảng dạy, điều được Sư giáo hóa, dẫn dắt xóm làng, mảy trần ấy chẳng dứt.

30- Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu.

Thích Đạo Anh, họ Trần, người ở xứ Ỷ Thị thuộc Bồ Châu. Năm Sư mười tám tuổi, người chú của Sư là Luật sư Hưu dẫn dắt Sư xuất gia nhưng cha mẹ Sư vì thương con nên cưới vợ cho Sư. Suốt năm năm đồng chung giường mà thề nguyện trọn không hề xúc chạm Sư vốn buôn bán ở chợ, cùng chung của cải với người, Sư bèn bảo vợ cầm đuốc, Sư phân phán văn sớ, giao phó lưu lụy rồi trốn đi xuống tốc, đến chỗ giảng tọa của Pháp sư Cự nghe học các Kinh Hoa Nghiêm, v.v... Sau khi học đã thành đạt, Sư về lại thôn ấp. Người vợ Sư vẫn còn.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Sư mới được Đại độ, bèn suy nghĩ sâu xa rằng: “Pháp tướng có thể nhận biết, tâm mê hoặc phải hiểu rõ”. Bèn đến chùa Bách Thê ở núi Thái Hành, huyện giải, tu hành pháp Chỉ Quán, bỗng nhiên thấu hai thứ không là Nam Đỏa ngộ nhân, Bắc Lãnh ngộ pháp, soi chiếu sâu xa ngồi dưới tỏa cành

cây sáng bốn phía, nay đây thấy hiện tại. Nhân đó Sư coi sóc việc chúng tăng, dùng sự để xét Tâm. Sau, Sư đến Kinh đô trụ chùa Thắng Quang, nương tựa Thiền sư Đàm Thiên, thọ học Nhiếp Luận. Ngài Đàm Thiên giảng ngộ mới mẻ nên đại chúng đông đảo có tới năm trăm vị, nhưng phần nhiều là gặt hái Danh giáo mà ít ai có thể đúng như lý. Riêng Sư lựa chọn hợp thời để thưa hỏi Nghĩa, chỉ nêu bày "Chỉ Quán", không cùng tư duy các Trần, các thiết yếu bàn tiết, Sư hiểu sâu Đại Chỉ. Ngài Đàm Thiên rất mến quý Sư, bảo với môn nhân quyến thuộc rằng: "Các ông tuy khảo xét thông hiểu Văn nghĩa, mà không phân biệt tối sáng. Người thấu đạt được Diệu chỉ ấy, chỉ có Đạo Anh đây". Từ đó, đối với nghi phục uống ăn, chưa từng chương cú, rất vì thời chăm chú làm người thấu đạt, những lúc rảnh rỗi nghe giảng, ngày thường y cứ theo Kinh Hoa Nghiêm mà phát nguyện cung cấp cúng dường chúng tăng. Nếu có người kính mến Đạo, theo việc Sư làm thì Sư nhân nơi sự mà trình bày lý, điều phục tâm hành, nương cậy để hoằng pháp. Sư thường bảo: "Tôi nhắm mắt ngồi thiền cùng tìm lý tánh, nếu có chỗ thấu đạt thì đến sau khi mở mắt lại hợp như thường nhận biết. Nên đối với việc chuyên du quán sai khiến Tâm, có nhiều huân tập". Nhưng Sư thường ngồi mở mắt như thức, động vượt qua mấy đêm, mới đầu không chóng máy động. Sau Sư nhập vào thiền định hơi lộ bày vết tích khác lạ.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư từng đảm nhận việc trị tuế, tranh đất với người thế tục, đấu tranh không dứt. Bèn nói với người kia rằng: "Tôi chết đây!". Bỗng nhiên Sư té ngã cứng đờ như chết. Các người thế tục bàn với nhau rằng: "Đạo nhân có lắm sự dối trá, hãy lấy kim châm vào áo giáp". Tuy kim châm vào sâu nhưng Sư vẫn không lay động, hơi thở ngưng dứt, mầu da biến đổi, sắp muốn sình trướng lên. Bên cạnh đó có người hiểu biết bảo những người thế tục thảy đều nên quy mạng, thề không dám tranh giành nữa, cầu mong Sư sống trở lại, Sư liền ngồi dậy nói cười như thường.

Sư lại đi đến bên cạnh ao Long Đài, thấy cá bơi lội. Sư bèn bảo rằng: "Ta và ngươi cùng đua xem ai là kẻ thắng, ngươi chẳng thể bằng hay ta chẳng bằng ngươi ư?" Sư liền cởi áo nhảy xuống nước. Đệ tử giữ áo Sư đứng đợi. Trải qua sáu đêm Sư mới ngoi lên khỏi mặt nước, bảo rằng: "Dù ở dưới nước nhưng còn tệ hơn ở dưới đất". Lại gặp lúc giá lạnh, nước băng đóng dầy tướng trạng như tuyết, Sư bèn bảo: "Ở chỗ bằng phẳng sạch sẽ như vầy, vì sao được không ngủ?" Ngài bèn cởi áo nằm ngửa trải qua ba đêm mới thức dậy, bảo rằng: "Vừa mới bị lửa đốt giết hại ta". Cứ như thế, Sư tùy việc mà dùng pháp đối trị, túng nhậm

tự tại thật khó gặp.

Về sau, Sư trở lại Bồ Châu, trụ chùa Phổ Tế, lập ra ba khu vườn. Ruộng lúa thóc mè đều ở tại chỗ sâu ẩn nơi Đông Sơn thuộc huyện Hạ. Chẳng tranh giành với người thế tục, dùng tiếp gởi xa. Nên khiến tám phương bốn bộ, người quy tụ về như rừng. Ban ngày thì Sư dẫn dắt làm việc chúng tăng, đích thân lo việc mang vác chuyển vận, gặp những duyên cớ khó khăn hiểm trở, thì Sư xông vào trước. Đêm đến thì ngồi kiết già giảng nói Pháp Thiền Quán cho chúng nghe, bấy giờ nếu có người mệt nhọc thì nghe pháp không biết mệt nhọc. Một hôm, Sư Luận Khởi Tín đến phần "Chân Thật Môn" tự nhiên Sư nín lặng không nói. Mọi người lấy làm lạ bèn đến xem xét, thấy Sư đã tắt thở, thân lạnh. Đại chúng biết Sư diệt tưởng nên mặc tình để vậy. Trải qua nhiều đêm, Sư mới xuất định.

Bấy giờ ở Hà Đông có Sa-môn Đạo Tốn là bậc danh tăng nổi tiếng ở đời, tu tập tâm đạo, vốn là bạn đồng học của Sư. Ban đầu Sư ở tại huyện Giải, thống lãnh đồ chúng giảng đạo, đến lúc ngài Đạo Tốn thị tịch, cách xa nơi Sư ở một trăm năm mươi dặm chưa kịp báo tin đến. Đêm ngài Đạo Tốn thị tịch thì Sư bảo đại chúng ở đó rằng: "Ngài Đạo Tốn đã thị tịch, hãy đến đưa tiễn?" Mọi người hỏi về nguyên do. Sư đáp: "Đó là việc thế tục, chính là do tâm chuyển."

Trước đêm Sư thị tịch, Sư nhóm họp đại chúng bảo rằng: "Phải gấp thâu gom chứa nhóm, sáng mai có lắm người nhóm họp ăn uống hao tốn gạo thóc rau trái". Đại chúng chẳng ai lường biết được lời nói đó. Sư cũng tự thân vận chuyển, thúc giục rất gấp gáp. Đến đêm tối mọi việc đều xong, Sư bảo lấy nước cạo tóc tắm gội, rồi trở về chỗ ngồi, đắp mặc Đại y. Sư bảo rằng: "Người ta cho rằng tôi là Thiền sư Đạo Anh. Tướng của Thiền sư không thể trái nghịch với Đời". Sư lại bảo môn nhân là Sa-môn Chí Bao rằng: "Thiền sư biết Đạo Anh tôi hơi thở còn bao nhiêu chăng?" Ngài Chí Bao dùng sự để trả lời, Sư tự nói đúng thế. Nhân đó, Sư liền giảng nói Pháp yếu cho Sư nghe. Sư lại bảo: "Vô thường tức là thường, không thể tự xem thường, không thể để chết luống uổng". Sư bảo đọc kệ tụng của ngài Hiền Thủ trong Kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn "Lúc sắp qua đời khuyên nghĩ nhớ chỗ tốt lành", Minh tướng đã xuất hiện, Sư bèn lặng lẽ thị tịch, mọi người đưa đuổi tay dần theo xuống mà lạnh. Lúc ấy nhằm trong tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi.

Mới đầu, Sư sắp thị tịch,có người hỏi về hậu sự. Sư bảo: "Phật có chỉ dạy rõ ràng, chỉ y cứ theo đó mà thực hành thì không khổ lụy, Đạo

Anh tôi đâu cần nói“. Khi ấy cảm có một đàn chim bay đến nhóm họp nơi phòng Sư số đông cả vạn con, buồn kêu thảm thiết. Và trong đêm Sư thị tịch, Sa-môn Chí Bao đứng hầu bên cạnh thấy có hai đồng tử mặc áo xanh cầm hoa đi vào, có hơi mầu tím như ánh sáng từ nơi thân Sư phát ra ánh lửa lên nóc nhà. Đến lúc sáng sớm, sương mốc kết tụ chung quanh hai mươi dặm. Người vật đều mất ánh sáng, qua ba ngày sau mới hết. Ở Bồ Châu và Tấn Châu là nơi Sư hành hóa, mọi người nghe thế, buồn thương đua nhau kéo đến như chịu tang người thân. Xa nghiệm xét lời Sư nói chẳng hề sai chạy. Lại cảm có tăng Ngưu hống kêu rống vang xa mấy dặm, hai mắt tuôn lệ, chẳng ăn uống cỏ nước, suốt bảy ngày. Sắp đến lúc an táng, kẻ tăng người tục đua nhau tranh giành, và đều bảo: “Sư không ưa thích ồn ào náo động, chỉ nên còn giữ đạo nghiệp”. Liền đến chỗ trang trại phía nam, đục đá mà an táng Sư. Vừa đục một cái thì bỗng nhiên đất trời rung chuyển dữ dội, mọi người quấn cỏ nằm rạp xuống đất kinh sợ. Chung quanh mười lăm dặm đều rung chuyển kinh sợ. Lại cảm có ba vầng cầu vồng nối liền phát ra từ nơi khám tôn trí kim quan. Có hai con chim mầu trắng liệng bay trên kim quan, đến lúc mọi việc chỗ khám hoàn tất thì bèn chết. Rõ ràng Sư có khả năng mở Đạo khai ngộ cho chúng sinh, tuệ giải nhập thần, nên được linh tướng khí trời khí đất, còn mất đều nhóm họp, chẳng phụ thân sống ở đời, thật chỉ có người ấy.

31- Truyện ngài Thích Hựu Đức ở Lương Sơn thuộc Ung Châu:

Thích Hựu Đức, họ Từ, người ở xứ Lễ Tuyền thuộc Ung Châu, thân tướng Sư cao lớn, mặt mày cốt cách khôi ngô, đi đứng khoan thai, mặc y phục thô sơ, Sư mở lời nói về mọi việc tương lai thường là chỗ rộng giúp. Gặp năm có những sự hung bạo độc lệ lan tràn, thì trước tiên Sư khuyên dân chúng khắp bốn phương kính thờ Tam Bảo. Những việc Sư thi thiết như là lễ phật, thiết trai cúng dường, xưng danh niệm tụng. Những người thực hành theo lời Sư chỉ bảo thì đều xua trừ được tai họa. Còn những người không tin đều bị ương họa, đến cùng Sư dự nghi mọi điều ở tương lai đại loại như ở trước mắt.

Bấy giờ, gặp lúc rất nắng hạn, mọi người lo sợ bèn đến thưa hỏi Sư. Sư đưa tay chỉ, bảo rằng: “Ngày ấy trời sẽ mưa, và chỉ mưa đến ngang chỗ ấy v.v.” Xét thời gian và nơi chốn mưa đến, đều đúng như lời Sư nói. Hoặc là sâu độc phá hại lúa mạ rộng hẹp, thấm đượm sâu cạn v.v... mọi việc đều phù hợp như gương sáng soi chiếu chẳng sót mất mảy may. Sư giữ chí thanh bạch thận trọng, chẳng lạm đến hình khoa. Điều mà năng lực chưa thực hành được thì chưa thọ nhận pháp ấy. Nên

trong độ tuổi tráng niên, đối với Đạo pháp Sư chỉ vâng giữ mười giới, nhưng đối với thiên tụ tạp tướng Sư thường thực hành theo.

Về sau, Sư đến phía Nam núi Cửu Tuấn ở hồ A-nậu-đạt, đồng thời khắc bình bát bằng đá, ở bên cạnh hồ để cứu giúp chúng sinh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng ở núi. Mọi người đều cảm kính, xây tháp trắng thờ Sư.

32- Truyện ngài Thích Trí Tắc trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô:

Thích Trí Tắc, họ Phùng, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia tại chùa Biện Tài, nghe Pháp sư Ngưng giảng luận Nhiếp Đại thừa hơn bốn mươi biến. Tánh thức Sư thấu đạt vượt trội, chỉ quán tìm. Sư thường mặc áo nạp rách rưới, quần rủ trên gối. Có người hỏi lý do, thì Sư bảo: “Y phục dài thì thường đứng”. Sư rảo bước khắp nơi phường chợ, đêm đến nghỉ trong chùa, tiếng tăm khắp cùng kinh ấp gần năm mươi năm. Với mọi thứ pháp tài ăn ngủ, Sư đều đồng như chư Tăng. Trong phòng Sư chỉ đặt một chiếc giường đơn, phía trên trải chiếu cỏ, một bình bát bằng đất, thìa bằng gỗ, ngoài ra không chứa nhóm thêm một vật gì. Hoặc có người thấy Sư lam lũ khổ cực nên sắm sửa cho, Sư có được vật gì thì mặc dùng vật ấy, nói trọn chẳng hết. Sư đồng với chúng tăng là thân hình có qua lại, cửa không mở đóng. Có vị tăng ở chung phòng, không biết Linh dị, gọi Sư là kẻ cuồng. Sư nghe thế, ngửa mặt cười lớn bảo rằng: “Nói kẻ khác là cuồng, mà chẳng tự biết mình là cuồng. Xuất gia lìa tục chỉ vì ăn mặc, đi đứng ngăn ngại, tiêu cửa nát rương, tốn phí thời gian, loạn mất hạnh nghiệp, lắm thứ chứa để, sai khiến chẳng an. Đó mà chẳng phải cuồng, càng chẳng phải cuồng”. Sư vỗ tay cười lớn, tánh Sư thường ưa thích ăn bánh bột, ở phía Bắc chùa có nhà Vương Ma-ha, Sư thường bảo nhà ấy làm, nếu cần thì liền đến. Nhân việc ấy mà dò xét thời gian, cả hai nơi đều thấy, mới gượng cho là Sư phân thân. Sư lời nói và việc làm hợp nhau, không mảy may vết lầm. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Sư thường ở riêng trong phòng. Đêm đến, Sư ngồi thẳng trọn đêm, ho khạc mãi đến sáng.

Tôi (Đạo Tuyên) đích thân trông thấy, nên lược ghi chép lại việc ấy v.v...

33- Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô:

Thích Thông Đạt, người xứ Ung Châu. Năm ba mươi tuổi Sư xuất

gia, không có nơi ở cố định. Ban đầu Sư giã từ thế tục, đi khắp nơi tìm hỏi minh sư, gượng hỏi Đạo phương mà đều không xứng ý. Sư bèn vào núi Thái Bạch, không mang theo lương thực, chẳng chọn lựa hang rừng, đói thì ăn lá cỏ, ngủ thì tựa cây. Sư ngồi thẳng tư duy cao xa, trải suốt tối sáng, ý dụng mịt mờ, sự hiểu biết không nơi quy hướng, trải qua như thế năm năm, lo sợ chẳng dứt. Nhân lấy nhánh cây đập vào cục đất. Cục đất bị vỡ hình dáng tiêu tan. Thấy được duyên ấy, bỗng nhiên Sư đại ngộ.

Sau đó, Sư đến trụ chùa Luật tạng ở Kinh đô, đi các nơi nghe giảng giáo pháp Đại thừa, Tánh lượng Sư rỗng thoáng, chỉ mặc một chiếc Quần và một áo tràng vải bố chằm vá nhiều lớp, chân mang đôi giày cỏ suốt ba mươi năm. Với các thứ lụa gấm nhiều mầu Sư không hề khoác vào mình. Bất kể mùa đông, mùa hạ Sư chỉ mặc một bộ, không ngại nóng lạnh. Sư thường ở nơi trường giảng mà bình luận nói bày chỗ sâu mầu. Mà những kẻ bất tiếu ngu phu nói năng hành động mâu thuẫn, cho đến uống ăn chẳng khác người thế tục. Sư bảo rằng: "Học Đại thừa, mà hạnh nghiệp như thế ấy ư? Nếu được bậc Thánh nhớ nghĩ thì thật là phàm thứ. Tôi chẳng đồng như vậy". Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh nghe thế bèn kinh lạ, đón rước Sư đến trông Đệ, đích thân tôn thờ kinh trọng. Sư thấu hiểu Đạo là công phu tánh chẳng bó buộc, hoặc mặc quần đơn để bày bụng, hoặc nói những lời khác. Huyền Linh vì Đạo phong của Sư vượt ngoài mà đối xử, chẳng vì hình tướng, lời nói mà gây ra sự ngăn cách. Sư rất được quý trọng đại loại như vậy.

Sư thường uống nước ăn rau, mặc tình đi khắp nơi hoặc nhổ rau cỏ còn sống mà ăn, đến như Đào mận dưa quả Sư đều ăn sống hết cả vỏ hạt. Có người hỏi lý do, Sư bảo: "Của Tín thí khó vất bỏ."

Từ niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, về sau, Sư hơi hiển bày thần dị. Đến nhà người mà Sư nói cười thì là điềm lành, còn tỏ vẻ buồn bực tiết tháo thì đó là điềm xấu. Hoặc Sư cần tiền của, hoặc cần công sức thì tuỳ theo Sư bảo ít nhiều liền phải y theo mà đưa, còn nếu trái ngược lời Sư bảo thì sau sẽ hao tốn hơn cả số, Sư bảo. Có người cưỡi con lừa đến chùa tham quan. Sư đến xin, người ấy tiếc nên chẳng cho. Con lừa ấy chẳng bao lâu liền chết. Đại loại Sư có lắm việc như thế, chẳng phải chỉ một lần. Nên khắp chốn Kinh thất các hàng sang hèn đều tôn kính Sư. Mọi việc họa phước đều do nơi một lời nói của Sư. Sư giảng nói dẫn dụ, chỉ giữ lấy sự chẳng đắm trước. Các thứ tài lợi Sư có được do Đàn Việt cúng dường, đều dùng để xây chùa viện.

Đại tướng quân Tiết Bạn Quân ban đầu nghe Sư có Dị hạnh bèn

thỉnh Sư đến vườn nhà để cúng dường. Hơn trăm ngày, Sư chẳng trái khuôn phép chánh Đạo, bỗng một đêm, Sư đòi thức ăn muốn ăn, mới đầu Tiết Vạn Quân không dâng cấp, nhưng Sư đòi mãi không thôi, đành phải dâng cấp, Sư bèn ăn. Từ đó về sau, Sư hơi biến đổi dấu vết trước, chuyên hiển bày biến ứng, hành động có lắm nhỏ hẹp, Sư muốn vào bên trong nghỉ qua đêm. Anh em của Tiết Vạn quân vô cùng tức giận, đánh Sư gần chết. Sư ngửa mặt mà bảo rằng: "Các ông đánh ta thân thịt đều rách nát, máu me dơ dáy bất tịnh, nên cho ta nước nóng để rửa". Đến lúc nước nấu sôi sùng sục, Sư cởi áo, nhảy vào trong vạc, coi như nước lạnh. Mọi người đứng bên cạnh vô cùng kinh sợ, Sư còn đòi cho thêm lửa. Khi ấy, cả nhà Tiết Vạn Quân bèn kinh sợ, cầu xin Sư tha thứ lỗi lầm ấy.

Sư có nợ tiền người hơn trăm quan, khi Sư có đủ thì không có người để trả. Sư bèn đem tiền đến cửa chùa, dò xét mọi người qua lại, tuỳ theo nợ ít nhiều mà trả, Sư đến thấu phía Tây chợ, mọi người đều thôi nhưng Sư vẫn giao trả và chẳng cấm. Đến lúc tới khám xét Sư trả nợ, thì chẳng thiếu mất một đồng. Thật, Sư có được khả năng đạt lượng hư hoài, định lượng khó có thể chuẩn xác!

Bấy giờ, lại gặp lúc lúa thóc khan hiếm mà Sư muốn thiết cúng Đại trai hội, bèn bảo nhà chùa viết nhiều sở thỉnh mời chúng tăng. Đến sáng sớm Sư đã định, chư tăng đến dự hội có cả ngàn vị, mà người cúng thì mất tăm chẳng biết ở đâu. Đại chúng quở trách lỗi ấy. Sư bảo: "Người ta hứa đưa đồ vật đến cúng dường, thì chẳng phải nói dối." Đến giờ thọ trai, chư tăng sắp giải tán, bỗng nhiên thấy những thức ăn nấu chín ngon lành được vận chuyển bằng xe, bằng kiệu tiếp nối đầy đường đưa đến, liền lấy đó mà thiết bày cúng dường, bèn thừa thải rất nhiều và đều cúng vào kho của chúng tăng, đều không ủy thác từ nơi nào đưa đến. Lúc thọ trai xong, chỉ phút chốc người xe đều biến mất.

Hiện nay, Sư đang giáo hoá hưng thạnh ở Kinh Liễn. Từ triều đình cho đến thôn quê, mọi người đều chiêm ngưỡng. Trình bày mọi việc rất nhiều nên chẳng ghi chép hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 26A hết.

TRUYỆN NGÀI THÍCH MINH SÂM (TIẾP TỤC SAU PHẦN MỘT CHƯƠNG IV)

Thích Minh Sâm, người ở đất Tề. Thuở thiếu thời, Sư đi học ở Lưỡng Hà. Nhờ thông minh mà nổi tiếng. Nhưng kinh luận tuy nhiều nhưng Sư chỉ lấy trưng nạn làm tâm. Dưới thời Ngụy Minh, Phật giáo rất hưng thạnh nhưng Sư chỉ có đi học ở các trường giảng mà thôi, nên sự nhã lượng của Sư chẳng phải nghiệp lớn.

Bấy giờ, có Sa-môn Trí Dực là người có tiếng tăm đạo hạnh hòa mục, xa gần đều trông ngóng, học chúng rất đông đảo. Sư chẳng dằn nỗi u tình, rất kỵ tiếng tăm, riêng thầm kết giao, rộng tìm luận Đạo. Ban đầu, Sư làm "Nhà để luận nghị pháp", lập biểu đồ, soạn văn. Ngoài thì bày Danh giáo, trong cấu kết ngôn dẫn, trích dẫn ra vào, xem thường mạo phạm tiếng tăm, nghe lời có thể lãnh hội. Đến lúc ghi chép mịt mờ, những người có ý chí mạnh mẽ cùng nhau nương theo như mây nhóm, nhìn vào biểu đồ, đọc xem kinh công lớn như mây mộng. Một lần theo chỉ bày truyền trao vở tan như băng tiêu, nên người đến học, trước phải sắm sửa lụa truyền. Pháp Ốc tử ấy, người vào học rất nhiều. Ngoài ra, nếu có người thành đạt thì không thể ẩn bí, nên tiếng tăm Sư vang vọng ít ai vượt hơn.

Sư lại soạn thuật "Xà Thế Pháp". Thế ấy giống như đồ trận của Gia Cát Lượng. Thường thì Thế của rắn núi đánh Đầu thì đuôi đến, đại khái như vậy. Lại dùng Pháp so sánh với rắn, chợt độ chợt bỏ, trước sau không đồng nhau. Tôi (Đạo Tuyên) từng trông thấy biểu đồ ấy rất đáng sợ. Họa vẽ làm một con rắn dài ba thước, lúc khuất lúc bày, bên cạnh còn thêm Đạo phẩm. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, có nhiều người học theo, nay thì chẳng còn thực hành. Tưởng cùng nên bặt dứt. Ban đầu, Sư thực hành Xà Luận khắp vùng Đông Xuyên, có người đạo hạnh rất can ngăn nhưng Sư quyết ý thực hành rộng khắp để làm Đạo nghệ.

Tại Thượng Ấp ở Lộ Châu, Sư nghĩ mở mang Kinh Pháp Hoa, bèn đến chùa Hồng Cốc ở huyện Lâm lự thuộc Nham Châu thỉnh chư tăng (quên tên vị Tăng ấy) đến giảng. Sư vốn có quen biết, nghe thế bèn tìm đến. Vị tăng ấy nghe Sư đến, trong tâm lo sợ như lửa đốt, biết năng lực luận đạo của Sư, không thể nào đối địch lại được, bèn đem tâm tình nói với Sư rằng: "Ở ấp này phần nhiều là những người mới tin. Nên sự việc cần phải quy phục các hàng sĩ tục v.v... đã có khuynh tâm. Mong Pháp sư nể tình xưa cũ, mà cùng thành thật khen ngợi. Nay có ít y tài xin cúng

dâng Sư, mong thấu hiểu nỗi lòng nầy!”. Bèn dâng cúng mười xấp lụa. Sư bảo: “Mục đích tôi đến đây, chẳng lẽ có ý như thế sao, mong hãy dứt bỏ ý nghĩ đó!”. Nhưng vị tăng ấy chẳng chịu đi, muốn được một lần lên. Vị tăng ấy càng khiếp sợ, nhưng sự tình chẳng đặng dừng, bèn phải như thường lệ lên giảng. Sau cùng, Sư vào trong giảng đường, mang theo bó lụa nhặt lấy ở trong chúng, mà bảo rằng: “Pháp sư trên tòa cao hôm qua đem lụa quyên này dâng tặng, xin khỏi phải luận bàn. Nhưng phật pháp sâu rộng, phải quấy phải phân biệt. Nếu như đem tà pháp mà chỉ dạy cho người thì biết có bao nhiêu người thế tục mắc sai lầm. Pháp sư trên tòa cao nghe thế có khiếp sợ không? Nên y cứ theo văn thường xướng, như sớ mà giải thích”. Sư liền gọi đứng, muốn luận bàn về chí lý. Khi ấy, pháp sư ở trên tòa cao thần ý mạnh mẽ an nhiên đợi hỏi. Sư bèn nêu bày câu hỏi. Pháp sư tùy theo điều hỏi mà giải thích, lớp lớp nhiều mà không gì chẳng thông nghĩa. Tinh thần Sư bỗng nhiên nhiễu loạn, nghĩ khó có thể không theo, liền từ tòa đứng dậy bảo: “Pháp Sư ở trên tòa cao từ nãy đến giờ mờ tối bế tắt, bây giờ vì sao lại chóng giải mở như thế? đúng là do Thần quỷ trong núi giúp đỡ niệm lực, nếu không như thế thì làm sao có khả năng như vậy?” Pháp sư ở trên tòa cao và mọi người trong giảng đường đồng một lúc cười lớn.

Sư liền ra khỏi ấp cùng hai người bạn đến nhà thế tục khất thực. Đã bị đầy khí nghẹn ứ mà chẳng xuống. Còn các giải dụ khác tranh luận ở đâu ư? Luận nghị chẳng đến, trời thường có lý lớn, do nhân gì chóng khởi phiền não như vậy? Sư chẳng trả lời, đi theo ra hướng đông, từng bước than trách, leo lên đảnh núi, rất mực khốn khổ nên dừng nghỉ dưới gốc cây. Sư nói với hai người bạn rằng:” Nay Tôi bị phiền não thiêu đốt không thể nói. Trong ý sợ sẽ hóa thành rắn”. Liền cởi y, nằm ở trần, lăn lộn bất định, duỗi hai chân. Chỉ phút chốc, hai chân bỗng nhiên hợp thành một, làm thành đuôi rắn ngất nghểu vắt lên, bèn tự chuyển động. Nói với hai người bạn rằng: “Ta soạn luận Xà Thế, nay quả báo đã đến, các ông hãy mau leo lên cây, tâm ta vẫn chưa biến đổi.” Hai người bạn liền leo lên cây, vẫn nói với nhau rằng: “Hối hận soạn xà luận, quả báo đến như thế sao?” Trong lúc đang nói tự nhiên toàn thân Sư biến thành rắn, chỉ còn cái đầu chưa biến đổi mà cũng không còn nói được, bò ngoằn ngoèo dưới đất, ngẩng đầu tự đánh, đánh không ngừng nghỉ, đến lúc nát bỗng nhiên biến thành đầu trăn. Thân hình bỗng biến dài năm trượng, ngẩn đầu nhìn bốn phía, mắt sáng như sao. Khi đó khắp bốn phía các loài rắn đồng một lúc đua nhau kéo đến. Con trăn ấy cất đầu cách đất năm-sáu thước, tìm hang mà chui xuống. Các loài rắn cùng

nương theo mà đi. Hai người bạn ấy chính mắt nghiệm thấy quả báo đó, khi đến Nghiệp Đô bèn kể lại.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 26 B

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG VI

(chánh truyện có ba mươi chín vị, phụ có bốn vị)

1/ Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu, thời Bắc Tề.

2/ Truyện ngài Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành thuộc Ích Châu, thời Bắc Chu.

3/ Truyện ngài Thiền sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu.

4/ Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu.

5/ Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu.

6/ Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu, thời Tiền (Nam) Lương.

7/ Truyện ngài Thích Pháp Hạnh trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, thời Hậu Lương.

8/ Truyện ngài Thích Đạo Mục trụ Thần Sơn thuộc Kinh Châu

9/ Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng thuộc Kinh Châu, đời Tùy.

10/ Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu

11/ Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đẳng Hạnh ở Lự Châu

12/ Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu

13/ Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu

14/ Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ núi Trường Dương ở Ích Châu

15/ Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà Lê ở Đại Châu

16/ Truyện Xà-lê Sầm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu

17/ Truyện Xà-lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương

18/ Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngưng Quán ở Kinh Đô (Đơn Đạo Tông)

19/ Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu (Húc Thướng)

20/ Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu

21/ Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu

22/ Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc (Thần Biến)

23/ Truyện ngài Thích Tuệ Lâm ở chùa Kiến Minh thuộc Ích Châu

24/ Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh Đô

25/ Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu, thời tiền Đường.

26/ Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh Đô

27/ Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu

28/ Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiển An ở Ba Lăng

29/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên

30/ Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu

31/ Truyện ngài Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Địch, thuộc U Châu

32/ Truyện ngài Thích Trí Hiển trụ chùa Hộ Minh ở Ky Châu

33/ Truyện ngài Thích Pháp Thông ở núi Thường Lạc thuộc Tô Châu

34/ Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Chiêu Quả ở Đại Châu

35/ Truyện ngài Thích Minh Ẩn ở núi Ngũ Đài thuộc Đại Châu

36/ Truyện ngài Thích Pháp Không trụ núi Ngũ Đài ở Đại Châu

37/ Truyện ngài Thích Minh Tuấn trụ chùa Định Thủy ở Kinh Đô

38/ Truyện ngài Thích Minh Giải trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô (Tống Thượng Lễ)

39/ Truyện ngài Thích Pháp Xung trụ chùa Pháp Tập ở Duyện Châu.

1- Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu:

Thích Tăng An, không biết Sư là người xứ nào. Ngài tinh chuyên giới nghiệp, siêng năng ngồi thiền, giảng dạy. Người đương thời gọi Sư là bậc Đa năng.

Dưới thời vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) Bắc Tề, Sư ở núi Vương Ốc, nhóm họp đồ chúng khoảng hai mươi người, giảng Kinh Niết-bàn. Lúc mới khai giảng đề kinh, có con chim Trĩ mái bay đến cạnh tòa nằm nghe, đến lúc chư tăng thọ thực thì chim ra ngoài kiếm ăn. Buổi chiều Sư lên tòa giảng, chim lại đúng giờ bay đến. Sư giảng đến chưa hết quyển ba, thì không còn thấy chim đến nghe nữa, đại chúng đều lấy làm lạ. Sư bảo: “Chim trĩ nay đã sinh lên làm người, chẳng có gì lấy làm lạ”. Đến niên hiệu Võ Bình thứ tư (573) thời Bắc Tề, Sư dẫn đồ chúng đến Việt Châu, thực hành hạnh đầu-đà. Bỗng nhiên Sư bảo: “Chim trĩ mái năm xưa sinh ở xứ này.” Sư bèn đi thẳng đến một nhà, xa gọi: “Chim trĩ!” có một bé gái chạy ra, dáng vẻ như đã biết nhau từ trước. Bé gái lễ bái vui mừng. Cha mẹ bé gái lấy làm lạ, mời Sư vào nhà, thiết trai cúng dường. Sư hỏi: “Vì sao bé gái này tên là Thư Trĩ?” Cha mẹ đáp rằng: “Vì khi mới sinh thấy tóc trên đầu bé gái như lông chim trĩ. Lại vì là con gái nên đặt tên là Thư Trĩ!”. Sư cười lớn và kể lại cho ông bà nghe về Bổn duyên. Bé gái nghe thế rồi ứa lệ gào khóc, xin được xuất gia. Cha mẹ vui vẻ bằng lòng. Sư liền giảng Kinh Niết-bàn cho nghe. Bé gái nghe liền nhận hiểu không sót mất chút nào, nhưng đến sau quyển ba, thì mịt mờ không hiểu.

Bấy giờ, bé gái mới mười bốn tuổi đã lên toà giảng kinh, mọi người xa gần đều dự nghe, ngợi khen trước có chứa nhóm. Nhân đó đích thân Sư cùng khuyên, mọi người theo học rất đông.

2- Truyện Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành:

Xà-lê Hương, không biết Sư từ đâu đến. Đầu thời Nam Lương, Sư đến trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành thuộc Ích Châu. Sư vui mừng như có ý chí muốn trọn đời ở đó.

Bấy giờ có tục lệ mỗi năm đến ngày mồng ba tháng ba, mọi người đều lên núi thưởng ngoạn, thường mang theo rượu thịt cùng nhau chén tạc chén thù mua vui, trước sau Sư nhiều lần khuyên dụ nhưng chưa thể dứt bỏ. Đến tháng ba năm sau, mọi người cũng nhóm họp như trước, bày biện và ngồi xong. Sư sai người ở phía sau tòa đào một cái hầm vuông một trượng. Mọi người không ai biết ý Sư thế nào. Sư bèn nói với mọi người rằng: “Các Đàn Việt v.v... thường tổ chức ăn uống, nhưng

chưa từng ăn uống với Hương tôi lần nào, hôm nay vì đông đảo, phải tận hưởng một bữa". Mọi người tranh nhau dâng rượu hiếm quý. Sư hễ được bao nhiêu thì ăn uống hết bấy nhiêu như lấp hang lớn. Các vị thức giả lấy làm lạ. Đến chiều, Sư bảo rằng: "Ta no say quá, hãy đỡ ta đến chỗ hầm, không thôi bẩn đất!" Khi đến chỗ hầm, Sư há miệng ói, thịt chim trĩ từ miệng tuôn ra, liền bay nhảy ca hót, thịt dê từ miệng tuôn ra liền chạy ngay. Rượu và thức ăn lẫn lộn tuôn ra sắp muốn đầy hầm, Cá Lươn, Ngỗng Vịt bơi lội loạn xạ, mọi người đều kinh hãi, thề nguyện dứt bỏ việc giết hại. Mãi đến ngày nay, rượu thịt dứt hẳn không mang lên núi. Đó đều là do phong thái đức hạnh của Sư.

Tại Ích Châu, Biệt Giá La tên là Nghiên Triều, ở thời Nam Lương, ngài Chí Công hỏi rằng: "Sa-môn Hương ở Ích Châu là người sang hay hèn?" Nghiên Triều đáo: "Rất hèn, mới đầu chẳng thể gọi là người". Ngài Chí Công bảo: "Đã là người quá hèn, cớ sao lưu lại lâu vậy?" Nghiên Triều cũng không lường biết lời nói ấy, chỉ nói cho người hiểu biết nghe. Hoặc nói: "Sao không chỉ cho Xà-lê Hương ở Thanh Thành ư?" Nghiên Triều bèn đến núi kể lại đầy đủ. Sư bảo: Đàn Việt từ xa đến, chắc chắn là chẳng nói dối". Đêm đó, Sư bèn thị tịch. Các hàng đệ tử v.v... xây tháp, sắp đến lúc an táng, mọi người đều lấy làm lạ vì Kim quan rất nhẹ, đến lúc phá ra chỉ thấy chiếc gậy mà thôi.

3- Truyện ngài Thiền Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu:

Thiền Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu tức là Lâm Tất Đạo nhân, họ Dương. Sư siêng năng đọc tụng hơn bốn mươi năm, ngày đêm không bỏ. Phía sau tường vách phòng viện, Sư họa hình cửu tưởng biến, đặt giường dây, dùng chăn Tông phủ lên. Ban ngày Sư y theo khuôn phép chúng tăng, đêm đến thì vào ngủ trong đó. Mỗi ngày mới ra ăn một bữa, như thế dần dần đến bảy ngày mới ăn. Tăng chúng cho đó là thường, chẳng lấy làm lạ. Cứ như thế, trải qua hơn hai mươi năm. Bỗng nhiên trải qua một tháng mà Sư không ra, trong phòng cũng chẳng nuôi người hầu. Mọi người đều bảo Sư không ra tức là đang nhập định, chẳng nhọc phải xem. Bỗng một đêm, mưa to gió lớn, bức tường vách đồ họa bị đổ, sáng sớm mọi người đến xem, thử vén chăn tông lên thì không thấy gì, chỉ có giường dây đệm ngồi mà thôi.

4- Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu:

Thích Tăng Độ, không biết Sư là người xứ nào. Sư thường qua lại nơi thôn ấp, chỗ hoang vắng, không có nơi ở cố định. Nói năng úp mở

như có dự biết. Người đương thời gọi Sư là kẻ cuồng.

Chu Triệu Vương ở tại Ích Châu. Có người ở huyện Bì kết giao với Triệu Vương rất nồng hậu, bèn muốn làm phản. Lúc đó có người mách bảo mà Việt Vương không tin. Đến sáng, binh lính của người huyện Bì quả nhiên kéo đến, rất thân với Triệu Vương nên là làm chủ, bèn tại ngã tư đường lớn ở phía Tây Thành, vừa mới ngồi xuống trên toà lớn. Khi đó, Sư mang đội một chiếc giày da dính phẩn từ phía Tây Thành chạy đến tháp Bàn-đà, vất bỏ giày mà quay trở lại. mọi người đều lấy làm lạ nhưng không ai lường biết. Lại đến lúc sắp làm phản, đem giấy bút thỉnh Sư đoán định tốt xấu, Sư bèn cầm bút viết hai chữ “Châu Độ”. Kẻ làm phản vui mừng bảo: “Châu Độ cho ta, đó là tốt lành. Chọn ngày đến mất. Ta sẽ đến đó mất. Chắc chắn là chế phục được đó.” Bấy giờ, Triệu Vương đóng tại lầu Tây Môn bảo ba ngàn lính tinh duệ cưỡi đến, vừa mới giao chiến liền rút lui, theo sau mà giết. Đến tháp Bàn-đà, chém giết hơn ngàn binh lính của người huyện Bì, làm thành Kinh Quán. Nay đặc biệt cao ở phía Đông tháp. Về sau mới nghiệm biết, Sư mang chiếc giày da để dính phẩn mà chạy nơi đất tháp. Cái gọi là “Châu Độ”. Hai chữ “Đồ Các” nói láy lại tức là “chước”, nghĩa là “chém đầu”. Nhìn thấy trước mắt mà lấy điều nghiệm nhận định về sau. Có người tấu trình sự việc ấy với Triệu Vương. Triệu Vương sai người tìm khắp bốn phương, nhưng không biết Sư ở xứ nào.

5- Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu:

Thích Vệ Nguyên Tung, là người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, làm đệ tử Pháp Sư Vong Danh. Sư thông minh dĩnh ngộ ít ai bằng, thường trong đêm vắng đứng hầu bên cạnh nói với thầy rằng: “Người đời quý lỗ tai mà xem thường con mắt, tức biết trắng đen có thể được”. Ngài Vong Danh bảo: “Ông muốn có tiếng tăm, nếu chẳng ngông cuồng thì không thể được”. Trong tâm Sư cho là đúng, bèn ngông cuồng chạy loạn, mọi người đuổi theo thành đoàn. Xúc chạm vật vội bất ngâm vịnh, rảo khắp mọi nơi hơn hai mươi năm.

Đến lúc ngài Vong Danh vào Quan Nội, Sư bèn dời đến trụ chùa Dã An. Tự chế ra tiếng đàn cầm, bị thiên nữ có oán tâm phá chọc, cũng có người truyền tiếng tăm ấy. Sư từng nói với người anh rằng: “Đất Thục nhỏ hẹp không đủ để bày trải nỗi lòng, muốn đi đến Thượng Kinh, đối kháng với các bậc Quốc Sĩ, ý anh thế nào?” Anh Sư bảo: “Hiện nay Vương Bao Sưu Tín tiếng tăm vang dội khắp nơi, ông biết được gì, chỉ tự chuốc lấy sự tủi nhục”. Sư đáp rằng: “Người ấy đọc nhiều sách, tự làm

các Văn. Còn như Thiên tài đại khái chẳng phải la phần ấy ư? Anh hãy nghe xem." Sư liền coi thường đó mà đến Quan ải, vì không chỗ qua, nên Sư bèn mặc y phục thế tục. Ở tại Quan trung trở về, bị người canh phòng bắt giữ, Sư nói dối rằng: "Tôi là người nhà của Vu Trường Công ở Trường An muốn trốn đến đất Thục". Quan gia vội đưa Sư đến Kinh đô, Vu Trường Công từng biết Sư ở đất Thục, bỗng nhiên nay được gặp gỡ, nên giao du với ngài. Các nơi thắng địa, không chỗ nào Sư chẳng đến, tấu trình việc phế hoại Phật Pháp, từ đó, Sư hoàn tục. Chu Tổ chấp thuận. Sư lại cùng Đạo Sĩ Trương tân âm thầm thêm sự phiến hoặc. Vua tin theo chẳng hề nghi ngờ, bèn thực hành phá diệt. Sư lại soạn thơ "ngàn chữ" tức như: "Đầu Rồng khói xanh nổi, Trường An loạn một đời". Và đều phù hợp với sấm vĩ, mọi sự việc về sau mới hiểu.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, tại Kinh Triệu, có Đỗ Kỳ bị chết, ba ngày sau sống lại kể rằng: "Thấy Vua Diêm Vương hỏi rằng: "Cha của ông làm quan giữ chức gì?" Đỗ Kỳ đáp: "Cha của tôi làm Tư Mạng Thượng Sĩ ở thời Bắc Chu". Diêm Vương bảo: "Như vậy là bắt lầm, hãy mau thả trở lại dương gian. Nhưng ông có biết Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu không?" Đỗ Kỳ đáp: "Tôi từng làm chức Tả Võ Hầu Tư Pháp, thường ở nơi giai bệ nên biết rất rõ". Diêm Vương bảo: "Vậy hãy đến xem Vua Võ Đế của ông đi". Có người dẫn Đỗ Kỳ đến một nơi, cửa sổ ở duyện ngõa đầu làm toàn bằng sắt. Ở trong cửa sắt, thấy có một người rất gầy ốm thân hình mầu như sắt, mang gông cùm bằng sắt. Đỗ Kỳ vừa trông thấy liền òa khóc gọi rằng: "Đại gia! Do đâu mà khốn khổ như vậy?" Võ Đế đáp rằng: "Ta chịu khốn khổ dữ dội, ngươi không thấy hay sao? Nay được đến đây rất là vui mừng". Đỗ Kỳ hỏi: "Vì tạo tội nghiệp gì mà phải chịu khốn khổ này?" Võ Đế đáp: "Ngươi không biết ư? Ta vì tin theo lời của Vệ Nguyên Tung mà phá huỷ Phật pháp nên phải chịu khốn khổ này." Đỗ Kỳ hỏi "Đại Gia! Sao không dẫn Vệ Nguyên Tung đến đây?" Võ Đế đáp: "Ta tìm kiếm, nhưng Tào sư tìm kiếm khắp mọi nơi, khắp cả ba cõi, nhưng nói là không thấy. Nếu như Vệ Nguyên Tung đến buổi sáng thì buổi chiều ta sẽ được thoát, đâu có gì phải luận bàn. Ông trở về nói với người ở thế gian hãy làm phước cho Nguyên Tung, sớm đến cứu giúp. Nếu Nguyên Tung chẳng đến thì ta không có kỳ hạn được giải thoát". Đỗ Kỳ sống lại, không quên việc ở Minh phủ, khuyên người làm việc phước để cứu giúp v.v.

6- Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu:

Thích Thượng Viên, họ Trần, người ở xứ Hán Lạc thuộc Quảng Châu. Sư xuất gia chuyên dùng chú thuật để cứu chúng sinh. Võ Lăng Vương Tiêu Kỷ thời Nam Lương, trong cung bị các hàng thể nữ quỷ quái yêu mị, hoặc ca hát hoặc khóc lóc, lăng xăng rối loạn cả lên. Vương Tiểu Kỷ bèn bảo người bắn giỏi cầm Đàn giả bộ khảy, Quỷ bèn hiện hình, liền phóng tên bắn, Quỷ liền từ xa tiếp lấy, ném trở lại người. Cứ như thế mãi không thôi. Nghe Sư trì chú nên Vương Tiêu Kỷ thỉnh vào trong cung. Các loài quỷ đua nhau đến trước làm ra các thứ biến hiện. Rồng rắn trăm thú, chợt trước mặt, chợt sau lưng, hoặc giữa hư không hoặc dưới đất, biến thành trăm thứ. Sư ngồi an tĩnh bảo rằng: "Loài Quỷ nhỏ các ngươi do nhân gì dám vào cung vua, nếu có khả năng biến thành thân hình ta thì hãy tự biến ra muôn thứ, chỉ là Quỷ nhỏ, thì hãy đứng nghe ta nói một lời". Các Quỷ đều chấp tay đứng yên. Sư bèn mở miệng xướng rằng: "Nam-mô Phật-đà". Các Quỷ đều biến mất, từ đó được yên lặng.

Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương nghe thế thỉnh Sư vào cung. Ngài được thưởng ngộ lớn. Đến lúc nhà Lương nhiễu loạn. Sư bèn đến đất Thục, với những nơi có các thứ khổ não, Sư nhân đó cứu giúp. Đến năm tám mươi mốt tuổi, Sư thị tịch tại chỗ đang ở. Trị Thành nay đã bị hoại diệt.

7- Truyện ngài Thích Pháp Hành ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu:

Thích Pháp Hành, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là đệ tử tài giỏi của Pháp sư Luận. Pháp sư Luận vốn ở tại Ngọc Tuyền. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy rất kính trọng Ngài. Sự tích ngài thấy trong Biệt truyện.

Tánh tình Sư vốn chẳng thường, nói năng khác với mọi người. Hoặc có lúc ở hang núi, có lúc vào trong chợ ly. Sư từng đến núi Thanh Khê, đường đi phát xuất từ đảnh núi Phúc Thuyền, trông thấy suối nước, cây cối tốt tươi. Sư bèn nhìn lại bảo rằng: "Mười năm sau, sẽ có người đầy đủ phước đức và trí tuệ rộng lớn đến đây xây dựng ngôi Già-lam". Đến lúc ngài Trí giả xuất hiện, quả nhiên thành tựu như lời Sư báo trước.

Sư lại từng đến thành Đương Dương, cầm cung tên bằng trúc bắn vào đó. Về sau có giặc núi đến vây quanh thành, tướng trạng đều như Sư thi vi ngày trước. Nhưng Sư từng mở lời nói lạ, bảo rằng: "Lỗi của

nhà Lương". Vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) thời Hậu Lương rất ghét lời nói đó, bảo người tìm bắt Sư để giết. Sư theo sử đến, không chống kháng như trước, Sư nói: "Ta thường mạng ở tại đất này." Sau đó, có người sứ đến, Sư nộp mạng, bèn bị chém, nhưng không chảy máu. Khi sắp tịch, Sư nói những bài kệ tụng quan trọng, Văn từ nghĩa lý rất tha thiết, không thể chép đủ, nếu nói về Nghiệp Báo không thể trốn lánh. Giết xong, trong thời gian ngắn, thi thể Sư bèn biến mất. Bộc Xạ Tiêu Võ đi đến núi Tứ Vọng chỗ Thiền sư Nhân vì vua Tuyên Đế mà sám hối rằng: "Tội tiên nhân giết hại bậc Thánh xin lễ bái sám hối, nguyện tha thứ".

Người viết truyện (Đạo Tuyên Tôi) nghĩ rằng: "Vì thời Hậu Lương tiếp nối vận nước, oai thế chẳng trội vượt, chỉ riêng giữ một thành, bên cạnh đó lại bị chế ngự vây quanh, đâu có vinh hạnh vẻ vang gì, theo vọng mà tạo tội lỗi, nên giết hại bậc Thánh, trông mong kéo dài vận mạng sâu dày. Cái gọi là Trông mong trước, đã bị mất ở đường sau. Sau đó không lâu bị truy đuổi lưu lạc vào quan ải. Trách người vô tội, thật không thể xem thường.

8- Truyện ngài Thích Đạo Mục ở Thần Sơn thuộc Kinh Châu:

Thích Đạo Mục, người xứ Tùng Tư, tánh tình ưa thích núi rừng, ban đầu, Sư vào Thần sơn ở Kinh Châu. Sắp có việc đi đến nham ẩn, bỗng cảm sấm sét gió lớn nổi dậy rung núi gãy cây. Thần rắn nhiễu quanh giường, bầy hổ tung hoành gầm rống. Tâm Sư vẫn an nhiên thư thái, không nghĩ tưởng cảnh vật bên ngoài. Bảy ngày sau chắc chắn Rắn Hổ sẽ ẩn, Sư mới leo lên núi, nhìn ra xa, thấy phía đông núi đó y theo Lăng hác, phía Tây nhìn lại có dòng sâu, bèn có ý định muốn trọn đời ở đó.

Sơn Thần biến hình sám hối tội lỗi rằng: "Đó là Điền Bá Ngọc đến xin thọ giới". Đến lúc thực hành Pháp thức, các chất Độc ngầm biến mất. Cúng tế dứt hẳn dâng cúng rượu thịt, cầu đượm ân trạch ứng thời mây mưa. Vệ hầu như thế chẳng phải chỉ có một. Nêu bày có thể biết. Sư ở tại núi hơn ba mươi năm, tiếng tăm vang xa, Tân khách du tuần đều quy hướng cầu thỉnh. Về Sa-môn thì có ngài Tăng Triển, Tăng An. Về các bậc cao sĩ thì có Lưu Cầu, Xa Xuyết, tiếp nối lời mạng đích, không hề trái phong thanh. Sương Đông Vương Tiêu Dịch thời Nam Lương kính trọng đức hạnh Sư nên đến chỗ Sư xây dựng một Đài cao, lập Văn Bia trình bày sự nối pháp. Vua Giản Văn Đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương làm bài tụng, lập Bia ở đảnh núi. Đến lúc Sư sắp

thị tịch, vui mừng nhìn ra xa, bèn lên núi mà tịch, thọ bảy mươi tuổi.

9- Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng:

Thích Trí Khoáng, họ Vương. Giòng họ Sư vốn ở Thái Nguyên, có một thời gian dời đến Từ Châu. Về sau cha của Sư lại dời đến ở huyện Tân Phong thuộc Kinh Châu. Mẹ của Sư ban đầu sắp mang thai, mộng thấy xuống tắm dưới dòng nước, có một đứa trẻ ngồi thuyền báu đến lao thẳng vào người bà, bèn tỉnh giấc và mang thai Sư. Đến lúc sinh ra, Sư rất thông minh mà trọng hành.

Đầu niên hiệu Thái Thanh (547) thời Nam Lương, chiến loạn không ngừng. Vua Nguyên Đế đang ở ngôi, bấy giờ Sư đang tuổi thiếu thời rất mạnh mẽ, chiêu mộ các tráng sĩ theo quân lính đi đánh dẹp phương Đông, không bao lâu bèn bị lấp vùi, Sư tỏ ngộ sâu sắc về mọi sự luống dối, nên không cưới vợ, chỉ mong cầu thoát tục. Ban đầu, gặp được Đạo Sĩ Hoàng Cân đem pháp thần tiên dẫn dụ Sư. Trước hết, Sư thọ học Phù lục, tiếp theo là trình bày Chương tiếu. Sư bèn hỏi: “Thuật này có thật đắc đạo hay không?” Đạo Sĩ đáp: Lục đã hộ thân, Chương cũng chiêu vời của cải”. Sư hỏi tiếp: “Đó là bảo trọng khổ khí này, được gọi là Đạo ư?” Sư lại thỉnh cầu Pháp Độ đời, Đạo Sĩ bèn chỉ bày Sư cách thức ở hẳn không ăn gạo thóc sẽ đến được Ngọc Thanh, chỉ bảy ngày sẽ có khả năng bay được. Sư thực hành đúng kỳ hạn mà không ứng nghiệm. Đạo sĩ bảo: “Vì ông còn uống nước, nên cuối cùng chưa đến được”. Sư lại trải qua bảy ngày, môi miệng không hề uống một giọt nước, mà vẫn không ứng nghiệm. Đạo Sĩ lại bảo: “Vì ban đêm ông vẫn còn ngủ nên không được cảm ứng”. Sư lại trải qua bảy ngày thường ngồi không nằm. Ba kỳ thường đầy đủ, nhưng chẳng được bay lên trời, mà khí lực của Sư càng yếu đi, xa gần mọi người đều kinh hãi. Sau đó, Sư gặp được bậc Cao Tăng truyền cho giới pháp, làm đệ tử Phật.

Đức hạnh Sư cảm động đến người, dần dần bày hiện dấu vết ngầm. Bấy giờ ở Giang Lăng, có gia đình Trương Thuyên hai đời bị mù mắt. Sư bảo: “Trong nhà ông có phần mộ mà cái hòm gối lên miệng giếng xưa, nên dời phần mộ và khai mở thành giếng, chắc chắn sẽ được khỏi”. Nhân đó, Trương Thuyên bèn y theo lời Sư mà làm. Người bị mù liền thấy được đường đi, nên xin cạo tóc xuất gia. Mọi người đều kinh sợ, bèn chặt củi cúng cúng dường chúng tăng, Sư trụ nơi không nhàn tĩnh lự.

Sư lại nói dưới khe suối có cái chuông xưa, hãy đào lên đem về

treo ở chùa. Thứ sử Nhân châu cho là Sư dối trá, lừa hoặc quần chúng, nên dùng roi đánh vào lưng Sư cả trăm roi, mà Sư không buồn thảm, không tức giận. Bèn đưa ra xứ Đài, giam giữ ở Thượng phương. Người có sức mạnh thử dùng chiếc gông dài tám thước treo làm gối đấm. Mọi người đứng bên cạnh nhìn đều cho là sẽ nát nhừ, nhưng dung mạo Sư chẳng những không nhiễu não, mà thân thịt cũng không thương vết. Người giữ ngục lại bảo rằng: "Tiếp theo cư sĩ phải chịu chịu đói". Ngài bèn bỏ ăn bảy ngày, mà thân sắc vẫn như lúc đầu. Lại có người thấy Sư đi trong chợ hoặc ở đường ngã tư, nhưng xét trong ngục vẫn có Sư, mới cho là Sư phân thân.

Đến niên hiệu Đại Định thứ ba (559) thời Hậu Lương, Sư xin người giày cỏ, nói là đêm nay phải đi gấp. Đến canh ba cả thành bị lửa cháy, bốn phía cửa người ra không lọt hết nên bị thiêu chết đến bảy ngàn người. Sư ở trong ngục, dẫn hai trăm người thản nhiên đi bộ mà ra.

Đến năm gần bốn mươi tuổi, Sư mới được cạo tóc, sau khi tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư tu hạnh đầu-đà ở núi Tứ Vọng. Xưa kia, đất ấy phước đức mới an đặt Thiên Tử, cách thành có sáu mươi con thú dữ đang ở, từ khi Sư đến ở về sau, chúng dần đến nghỉ bên cạnh giường Sư. Ban đêm ở góc núi có bốn ngọn đèn soi chiếu, các hàng sĩ tục đua nhau nhóm họp đông đảo thành chùa Hoa.

Sau, 2 Vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) và Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, thì Bình Lăng và Hiển Lăng đều ở trước chùa, nghiệm đúng với xưa. Còn như đầu thời Nam Lương thất bại, Vương Lâm lên bức bách, thời Hậu Lương dời nước, Sư đều dự trước Biểu biệt. Có một con vịt đầu đàn bị giết để thiết trai. Vịt thần ban đêm bách bảo, Sư bèn nói: "Sao lại giết hại sinh mạng mà sung vào tịnh cúng ư?" Từ đó về sau, bèn dứt hẳn. Sư từng đến sông Hạ Thủy, đồ chúng đồng bạn có mấy mươi người, muốn ở lại cũng không được, muốn đi cũng không theo. Ở bờ phía trước có hai chiếc thuyền không có người, Sư cười mà cất tiếng gọi đến, thuyền tự cắt dòng nước mà đi thẳng đến, nhân đó mà cả đoàn bèn qua sông. Sư căn dặn chớ loan truyền việc ấy.

Lại, lúc ở Hàm Dương, Sư đến chùa Phật Tích, có một con trâu mẹ sinh nghé con, nó vừa trồi đầu ra lại thụt vào, đã qua mấy đêm, trâu mẹ sắp lìa đời. Chư tăng báo với Sư không biết tính liệu thế nào. Sư bảo rằng:"Con nghé ấy là vị Cư sĩ ở chùa này, vì xâm lạm dùng vật của chúng tăng, nay phải sinh trở lại nơi đây để đền trả, nhưng vì nó xấu hổ nên chẳng chịu ra, còn trâu mẹ thì không sao." Nhân đó, Sư cầm lò hương, quở trách răn bảo nghé con rằng: "Hãy mau đền trả quả báo,

cớ sao xấu hổ mà chẳng chịu sinh ư?” Ứng theo lời ngài nói, trâu nghé liền ra. Nên những điều Thần dị thầm ứng của Sư, không thể ghi chép đầy đủ.

Đến ngày hai mươi bốn tháng chín niên hiệu Khai Hoàng thứ hai mươi (600) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng, thọ bảy mươi lăm tuổi. Sư tự định kỳ hạn qua đời, có mùi hương trời xông khắp thất. Cả chùa đều nghe có tiếng nhạc từ phía Tây Nam vọng đến. Trước lúc chưa thị tịch hai năm, Sư đã dự báo mọi sự sau khi qua đời, thị hiện bã vai bị đau nhức, Sư hỏi Luật sư rằng: “Người đã chứng đắc quả A-na-hàm còn bị bệnh hay không?” Vị Luật sư chưa trả lời, Sư lại tự nói: “Báo thân, pháp hẳn nhiên như thế” Sau khi Sư thị tịch, có ba ngón tay co quắp lại.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, tại chùa Pháp Tế có Sa-môn Pháp Quý chết, sống lại kể rằng: “Được Vua Diêm-ma thả trở lại, nhờ gặp được Sa-môn Trí Khoáng nương cung điện từ hư không thẳng xuống, các người tội vui mừng cùng nhau bảo là “Thánh tăng Tam Quả đến cứu chúng ta, v.v.” và ở tám ngôi chùa do Sư xây dựng đều có linh kỳ, hoặc như nước suối vọt lên, có lúc giáng hiện dấu chân Phật. Có Sa-môn Pháp Luận ở đạo tràng Tuệ Nhật đời Tùy thấy biết đầy đủ, vì đó làm bia tụng, rộng nêu bày đức hạnh của Sư.

10- Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu:

Thiền sư Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu, Sư không phải người xứ Ba Thục, không biết Sư ở từ đâu đến. bỗng nhiên Sư đến núi theo chúng tăng mà thôi. Sư chẳng khác người thường. Chùa đó ở thượng lưu Phù Châu, tại phía Bắc một dòng sông lớn. Bên cạnh sườn núi có một tấm bia hình vuông cao khoảng năm thước, chữ viết lớn như bàn tay, mọi người không ai biết. Phía dưới có dấu chân Phật cách chừng chín thước, dài ba thước. Giẫm lên đá như bùn, các hàng Đạo tục thảy đều kính trọng.

Có một lúc nọ Sư qua sông, khi trở về không có thuyền. Sư bèn đặt bình bát trên dòng nước mà bảo rằng: “Vì sao ta phải thường ôm lấy ngươi? Ngươi hãy tự qua sông”. Và Sư liền trải lá chuối trên nước rồi bước lên mà qua sông trở về. Bình bát cùng theo sau, chỉ phút chốc liền đến bờ. Khi đó, có người hái củi trông thấy như thế. Sư tự nói: “Đã có người nhận biết về mình nên giã từ mà đi”. Đại chúng tha thiết muốn giữ lại mà Sư chẳng ở. Đến sông, Sư xuống thuyền, mọi người đi theo

lễ bái cầu thỉnh không cho Sư chèo chống. Sư bèn nắm lấy mạn thuyền, thẳng theo dòng nước không nhìn lại mà đi. Mọi người liền đuổi theo nhưng chẳng ai biết Sư đến xứ nào.

11- Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đẳng Hạnh ở Lự Châu:

Thích Đồng Tấn, họ Lý, người ở xứ Miên Châu. Khi xưa, Sư xuất gia vào thời Bắc Chu. Sư chẳng bó buộc bởi lễ độ, chỉ ưa thích uống rượu. Sư nói với mọi người rằng: "Rượu nầy có thể rưới khắp thân". Sư chén tạc chén thù qua lại, tiểu dãi dơ uế. Mọi người đều chẳng chấp nhận như thế. Có người nhận biết sâu xa bảo rằng: "Đây là Hiền hay ngu khó mà biết được." gặp lúc họ Võ nhà Bắc Chu đánh chiếm phương Đông, nói là cần có thuốc độc, ban sắc chế tạo tại Lự Châu. Đặt Giám Lại lực khoa săn hái thuốc như đầu Rắn độc, đười ươi sắt, ong lớn, dây sắn đồng hoang, lông chim trấm v.v... tất cả mấy mươi thứ, dùng bình sắt để gây men. Khi thuốc đã thành thì mặc áo da, mắt đeo kiếng lưu ly mới được đến gần. Nếu không thì khí độc xông lên thành bệnh nhọt sẽ làm cho chết, nếu thuốc dính vào thịt người vật xuyên qua thì chết liền. Sư nghe thế bèn đến chỗ cất giữ. Quan nhân đùa bảo: "Nếu uống được một bát thì sẽ được gọi là Tửu Sĩ?" Sư bảo: "Được một thăng để tỉnh rượu cũng cần". Quan nói: "Tha hồ uống ba nhiêu cũng được, đâu luận gì một thăng". Sư liền cầm muỗng sắt đến chỗ bình rượu múc ra một muỗng và uống, nói cười tự nhiên, đều không bị độc hoạn gì. Các Đạo Sĩ v.v... nghe thế đều đến xem. Sư lại múc thêm một muỗng để mời họ, mọi người đều bỏ chạy. Hoặc có người nói: "Đây là cố ý giết người, làm sao không có tội được?" Sư nói: "Không có khổ vui." Và Sư tự uống nếu có ai khuyên thì than rằng: "Hôm nay được một bữa say nằm trên tảng đá vuông". Không bao lâu Sư tiểu dãi, nước tiểu dính vào đá đều bị vỡ. Hồi lâu ngủ thức dậy, Sư tỉnh táo như thường từ đó về sau, Sư uống rượu càng nhiều, ăn cũng gấp bội.

Đến đầu đời Tùy, Sư được độ xuất gia và phối vào chùa Đẳng Hạnh. Ngài bị bệnh hơn một tháng thì thị tịch, thọ hơn chín mươi tuổi. Các đệ tử, đàn việt v.v... sau khi Sư tịch xem xét các y phục và giường nệm của Sư đều có mùi thơm, không hề có mùi rượu.

12- Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu:

Thích Phú Thượng, không biết Sư là người xứ nào. Sư thường nghỉ qua đêm tại chùa Tịnh Đức ở Ích Châu. Sư thường chôn một chiếc nón

lớn ở đường đi, ban ngày ngồi dưới nói đọc Kinh. Mọi người tuy qua lại nhưng Sư không kêu gọi cúng thí. Có người ném cho một tiền, Sư cũng chẳng chú nguyện, ngài thường ở nơi đường vắng, không vào chốn ồn náo. Tướng trạng ngài như độ tuổi năm mươi, tuy qua nhiều năm mà không được gì. Có người tín tâm nói với Sư rằng: "Ở phía Tây thành phía Bắc Thành, người đông cúng thí nhiều, Sư ở đây làm gì?" Sư đáp: "Một tiền hai tiền đủ nuôi thân mạng, đâu cần nhiều." Thứ sử lăng Châu là Triệu Trọng Thư làm quan suốt ba triều đại, rất không kính tin, nghe nói Sư như thế nên đến thử. Bèn cưỡi ngựa đi thẳng qua, giả vờ rơi một Quan tiền. Sư chỉ đọc kinh, mắt không hề nhìn lại. Đi đã xa, Triệu Trọng Thư gọi bảo Sư nhặt lấy tiền, Sư cũng chẳng đoái hoài. Triệu Trọng Thư bèn quay trở lại bảo: "Ông có thấy tiền của ta rơi dưới đất chăng?" Sư đáp: "Thấy". Triệu Trọng Thư hỏi: "Vậy hiện giờ tiền ở đâu?" Sư đáp: "Thấy có một người nhặt rồi". Triệu Trọng Thư nói: "Suốt ngày ông ngồi ngoái đường chỉ xin một tiền, chẳng lẽ có một quan tiền dưới đất mà không nhặt lấy? Lại thấy người nhặt đi sao không ngăn lại." Sư đáp: "Vì chẳng phải vật của bần đạo. Làm sao nhận bừa được? "Triệu Trọng Thư bảo: "Ta cần chiếc áo ca-sa trên mình ông". Sư nói: "Muốn thì hãy thử, ông dám mang đi thì tôi cũng có thể tặng cho, có thể gọi là được mất một thứ". Và Sư liền quấn lấy áo mà trao cho. Triệu Trọng Thư liền xuống ngựa mà sám hối rằng: "Đệ tử là người ở triều đại Bắc Chu, làm quan trải qua ba đời vua, thường qua lại với chúng tăng, nhưng ít người chẳng Tham. Nay nghe danh Sư nên đến bái yết, vốn chẳng có ý xấu. Xin thỉnh Sư đến ở Lăng Châu!". Sư bảo: "Lành thay! Nhưng vì bần đạo muốn kết duyên rộng với Nguyện Công, giúp nước nhà an ủi vỗ về, tức là mãi được cúng dường!". Triệu Trọng Thư giã từ, khen ngợi rằng: "Trong Mao có người không thể xem thường đó!". Sau đó, không còn thấy Sư nữa. Có Tô Tương là người xứ Ích Châu từ Dương Châu trở về lại thấy Sư ở xứ đó, cũng chôn chiếc nón bên cạnh đường đi. Nhan sắc tướng mạo Sư vẫn như thế.

13- Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu:

Thích Minh Cung, trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu. Xưa kia khi còn là người thế tục, Sư làm Cao Hạ Chước Kỵ ở đời Tùy, Sư kết bạn tất cả ba người ngang sức tương tự, mà là chỗ rất kỵ ở đương thời. Vua rất lo nghĩ dùng sự để dứt trừ, bèn làm hai gói bánh để dụ, một gói bánh có sừng nai sống, một gói bánh có năm thăng muối, đều ban cho và đều

ăn hết. Người ăn muối ra đến Triều Đường, ruột xé mà chết. Còn Sư ăn gói bánh có sừng Nai, hoàn toàn không có cảm giác gì. Sư bèn nhàm chán thế tục mà xuất gia trụ chùa Hội Thiện.

Sức lực Sư mạnh như thần, không ai sánh bằng. Sư từng giành đất với chư tăng chùa Siêu Hóa. Chùa ấy gọi hạng Vô lại có hơn trăm người đến chiếm đoạt lúa thu của chùa Hội Thiện. Tăng chúng chùa Hội Thiện đều lo buồn, Sư bảo: " Chớ nên lo buồn!" Sư một mình đến chùa Siêu Hóa, tháo chuông lớn ở chùa đó bít lỗ, bỏ sáu thăng cơm khô vào chuông, dùng nước hòa vào có thể ăn được, một tay nâng chịu ở đáy, một tay vốc lấy mà ăn. Chỉ phút chốc, Sư ăn hết cả. Bèn lấy một tảng đá lớn khoảng ba mươi người mới dời nổi mà chỉ riêng mình Sư nhặt lấy như viên đá nhỏ, đứng từ xa ném xuống đất. Mọi người ở chùa Siêu Hóa thấy thế, đồng một lúc kinh sợ, bỏ chạy tán loạn.

Thêm nữa, đến cuối đời Tùy, giặc giã dấy khởi, rảo khắp bắt bớ. Sư bảo trước ở chùa rằng: "Ngày mai sẽ có binh lính đến, nên sửa soạn đầy đủ thức ăn và một con heo lớn". Chư tăng trong chùa không dám chống chế, bèn theo lời Sư chỉ bảo mà sắm sửa. Đến giờ, sắp đặt chỗ ngồi, bày biện đủ các thức ăn. Sư bất nhẫn với việc ấy, bèn chống gậy đến nơi cùng bọn giặc nói bàn, bọn giặc nhường ăn trước, Sư bèn bày ra vài mươi cái bánh, đặt con heo gói vào trong đó, từ đầu mà cắn ăn, chỉ phút chốc hết cả, bọn giặc kinh sợ khiếp phục, sư bèn vời về làm đàn việt giữ gìn chừa. Bọn giặc chấp nhận. Nên từ đời Tùy đến đời Tiền Đường giặc dã giao chiến lẫn nhau, nhưng chỉ riêng chùa Hội Thiện không hề có một bóng giặc qua lại. Đó thật là do năng lực của Sư!

Lại có lần Sư đang đi giữa núi có một con hổ và một con heo đang giao đấu với nhau, con heo dần dần thua thế. Sư bảo con hổ rằng: "Hãy buông tha cho nó đi." Nhưng hổ chẳng chịu nghe lời. Sư bèn một tay bắt lấy đầu hổ, một tay nắm lấy đuôi hổ, kéo vào hang sâu. Khí lực của Sư, nói ra có nhiều việc không thể tin được, nhưng thật có.

Sư giữ giới thanh khiết trang nghiêm, thường nương theo chúng tăng thọ thực, thức ăn cũng chỉ như người thường. Có lần Sư ăn mà gặp được cơ hầu, bèn ăn hết phần ăn của cả hai trăm người. Đại chúng chỉ rất nghi ngờ, chẳng ai nhận biết lý do. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Thiện, thọ tám mươi lăm tuổi.

Có thời gian tại chùa Hội Thiện, có vị Sa-di du khách, miệng nói tiếng người đất Ngô, vào nhà trù đốt lửa, lấy khúc tre khô lớn như cánh tay mà chỉ dùng hai tay bẻ gãy để đốt. Khi ấy, Sư lấy làm lạ, cùng dùng

tay bẻ thử mà không được. Sau khi vị Sa-di ấy đi ra ngoài, Sư ôm chân cột nhà trù nhấc hổng lên và lấy áo của vị Sa-di ấy đặt lên trên tảng đá rồi để cột nhà trù đè lên đó, vì Sa-di trở vào tìm áo không được, thấy ở dưới cột nhà, muốn lấy mà không được. Sư cười và nhấc cột nhà hổng lên cho vị Sa-di lấy áo. Đó cũng là việc khó suy nghĩ.

14- Truyện ngài Thích Pháp Tấn ở núi Trường Dương thuộc Ích Châu:

Thích Pháp Tấn, người ở xứ Tân Phiền thuộc đất Thục. Khi còn ở thế tục, Sư đã rất mực tinh tấn, chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng. Tại chỗ làm ruộng nông, Sư dùng cái mai nhọn làm chuông khánh, đo lường tấc bóng mà dùng bữa, có lúc đưa thức ăn đến muộn, Sư chỉ uống nước mà thôi. Ở chỗ đất ruộng Sư cày không tổn hại thân mạng trùng kiến. Có một lúc, ở giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Xà-lêTấn thời cơ xuất gia đã đến!”. Cứ như thế, gọi đến năm-sáu tiếng. Cả nhà đều nghe. Nhân đó, Sư đến núi Lạc Khẩu xuất gia, tu hạnh đầu-đà, chẳng ở nơi phòng nhà chùa viện.

Bấy giờ, Thục Vương Tú đời Tùy nghe tiếng tăm Sư nhưng biết là khó thỉnh được, bèn sai Tham Quân úc Cửu Lư Trưởng Khanh đến thỉnh. Trưởng Khanh cùng dẫn theo tùy tùng có khoảng mười người từ giã nói với Vương Tú rằng: “Vâng thừa có đạo đức, nếu thỉnh mà không đến thì sẽ bày ra tục pháp để ứng xử”. Vương Tú bảo: “Không nên dùng oai thế để bức bách, chỉ nên dùng lý để thỉnh ngày mai phải đến đây!”. Trưởng Khanh ra khỏi cửa thành, nhìn lại bảo rằng: “Ngày nay tôi và các ông lên cung trời Đâu suất thỉnh Đức Phật Di-lặc cũng còn hy vọng được, huống gì Đạo nhân ở trong núi có gì mà không đến”. Mới vừa đến dưới chân núi Cát Dương, mặt trời đã chiều tối, thấy hổ ra ngồi xổm trên đường, Trưởng Khanh bảo người bắn. Đoàn ngựa đều trốn chạy hết. Muốn đến trong thôn nghỉ lại thì sợ trái với lệnh vua. Không bao lâu thì thấy một vị tăng mang xiêm lên núi, Trưởng Khanh bèn bảo ở lại làm bạn. Những người đi theo đều ở lại, đi bộ đến chùa, Sư gọi vào đến giường. Lại thấy hổ nằm dưới giường, Trưởng Khanh kinh sợ chẳng tự an tâm. Sư bảo hổ ra ngoài. Trưởng Khanh trình bày lại đầy đủ ý của Vương Tú, tuy có đối đáp mà sợ hình luật nơi tướng trạng. Sư bảo: “Đàn việt mới vừa ra khỏi cửa thành rất hùng dũng, nay đã đến đây vì sao lại khiếp sợ?” Trưởng Khanh đảnh lễ Sư mà im lặng. Nhân đó nghỉ lại đến sáng. Sư bảo: “Đàn việt hãy trở về Ích Châu trước, bần đạo sẽ đến sau”. Trưởng Khanh về tới Đài Vọng Hương, ngoái nhìn lại thì Sư đã đến

kịp, bèn cùng nhau ra mắt Vương Tú. Sư vào nội cung, Vương Tú cầu thọ giới pháp, xong rồi, liền trong ngày đó Sư từ giã trở ra. Với mọi vật Vương Tú dâng cúng, Sư không nhận lấy một thứ gì, Sư nói là đến dừng nghỉ ở chùa Pháp Tụ. Vương Tú ngoái nhìn lại mọi người chung quanh và bảo rằng: "Nhìn thấy vị tăng ấy, khiến khắp mình Quả nhân nổi ốc. Thật là do giới thần giúp đỡ!". Về sau, Vương Tú lại thỉnh Sư vào Thành, Vương Tú từ xa trông thấy Sư liền đảnh lễ. Sư bảo: "Vua hãy tự an lạc, Pháp Tấn tự an vui. Vì sao lại não loạn nhau, làm nhhũng việc vô ích như thế?" Chư Tăng can ngăn Sư rằng: "Vua người đứng đầu đất nước, nên khéo thăm hỏi, vì sao lại quở trách". Sư bảo: "Các Đại đức sợ chết nên phải cầu ý Vua. Mắt đã trông thấy việc xấu ác mà đều không dám khuyên răn. Như vậy sao gọi là Hoằng Pháp được? Pháp Tấn tôi không sợ chết, trách lỗi thì đâu có gì hiềm ngờ ư?" Tuy Vương Tú lập bày các thứ ghế ngồi trang sức, thức ăn mùi vị đượm hậu, mà Sư chỉ ngồi trên giường dây xấu cũ, ăn bánh dở mà thôi. Cho đến các cung phi cầu xin thọ giới, Sư chỉ trách buông lung không nghĩ nhớ vô thường. Sư lại giã từ trở về núi. Sau Vương Tú lại mời Sư vào nội cung ba ngày, mãn hạn, Sư trở về lại nơi cũ.

Các hàng Thanh tín đều thiết bày vật thực mà thỉnh Sư. Đến giờ, mọi nhà đều xưng gọi là Sư đến chứng trai, tất cả có đến mười hội, mới là Sư bèn phân thân đến mười nơi. Có lần, Sư cùng chư tăng xuống núi để chứng trai, bỗng nhiên Sư phát cười, có người hỏi về lý do. Sư bảo: Ở chùa núi hiện có tịnh nhân duyên qua vách tường vào trộm đường mật". Khi trở về quả nhiên đúng như lời Sư nói. Mọi việc như thế chẳng phải chỉ một lần. Ở đây chỉ nêu sơ lược.

Ban đầu, nơi Vương Môn có Sa-môn Từ Tạng làm Tăng Quan ở Châu, lập ra chính sách nghiêm khắc, bình bát y phục hương hoa nếu thiếu sót thì liền bị đánh, nên chúng tăng rất khổ sở. Nhưng vì Sư được Vua kính trọng, nên không ai dám cản ngăn, chỉ thưa trình sự việc ấy với Sư, xin Sư cứu giúp. Sư bảo: "Từ Tạng oai lực như thế, đâu thể nghe lời ư?" Chúng tăng tha thiết cầu xin thưa thỉnh không thôi. Sư bèn đến cửa phòng ngài Từ Tạng. Ngài Từ Tạng đi ra. Sư bảo rằng: "Pháp môn không thể như thế, Ngài thật quá lắm." Ngài Từ Tạng bèn trở vào phòng. Từ đó, ngài Từ Tạng bèn dứt lời, tăng chúng nhờ đó mà được an.

Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư thị tịch tại núi, thọ chín mươi sáu tuổi.

15- Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu:

Thích Đạo U, Sư là vị Tăng trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu, rất giỏi về giảng giải kinh luận. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư đang ở tại chùa, giảng "Bà-già" Bát-nhã Tinh luận", thính chúng có hơn trăm người. Vào giờ ngọ, ngồi trên giường dây, Sư bỗng thấy một vị trời rất cao lớn lạ thường, tự nói rằng: "Ta là Thích-đề Hoàn-nhân đến xin cầu thỉnh Sư lên cõi trời giảng kinh!". Vừa nghe, trong tâm Sư không chấp thuận, nhưng vì sợ chết, nên Sư đáp rằng: "Vì đang xây dựng Phật đường chưa hoàn thành, vì vậy nên không thể được". Đến lúc tỉnh giấc, Sư kể lại cho vị thị giả là Pháp sư Như nghe, Pháp sư Như nói: "Việc ấy ít có, người sống cuối cùng sẽ phải chết, lúc chết không biết sinh vào loài nào, nay được sinh lên cõi trời thì tốt đẹp hơn cõi người. Khai thông pháp lợi thì các vị trời thấu hiểu hơn loài người, Sư chẳng đến sao được? Còn công đức xây dựng Phật Đường chẳng đáng nói". Sư nghe theo. Sau đó không lâu, Sư lại mộng thấy như trước, y như lời vị trời thỉnh mời. Thiên đế bèn rót ít hương vào lòng bàn tay Sư định thời gian đến đón rước. Đến khi Sư tỉnh giấc thấy trong tay có mùi hương xông ngát cả chùa. Sau đó, Sư vẫn như trước nói pháp. Sau khi xuống giảng tòa, Sư đến dưới hàng hiên, Chư tăng ở trên ghế xa thấy hơi khói hương khắp một bên ghế, kinh lạ, bèn cùng nhau đến xem, thấy trên tay Sư đang bưng lò hương, thân tâm an trú trong chánh niệm mà thị tịch. Khi đó, các hàng đạo tục ở phía ngoài chùa trông thấy hơi mây từ chùa tỏa ra như một ráng mây vọt thẳng lên giữa hư không vùn vụt mà biến mất.

16- Truyện ngài Xà Lê Sầm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu:

Xà-lê Sầm, trụ ở chùa Thiện Cư thuộc Tương Châu. Không rõ Sư là người xứ nào. Sư ở trong chùa chuyên thiền quán tụng niệm là chánh nghiệp, Sư có sự sáng suốt thấy biết trước, mà chùa ở nơi chốn núi chầm nên mọi sự cung cấp cúng dường vốn thiếu thốn, gạo thóc vật thực không có liên tục. Thường ngày Sư mang chum vào thành xin rượu để uống. Lại xin đầy chum có thể nhiều đến ba đấu, khi trở về trên đường vừa đi vừa uống. Về đến chùa thì chum cũng hết rượu, ngày hôm sau, Sư lại tiếp tục như thế.

Ở chùa mở trai, Sư mang chum đến nhà trù xin cháo khoảng ba thăng, rồi cầm tích trượng đi vào trong chúng, dùng trượng đánh vào đầu chư Tăng từ trên xuống dưới, thường ngày cứ như thế, mỗi người đánh một cái. Mọi người đều cho Sư là người trác việt lạ thường, hoặc

nghi là đánh để tan mất tai ương nên chẳng từ chối nhận chịu. Sư đem cháo vào phòng, Ngài có nuôi một cho chó lông mầu đen sạm, và trong chùa có đến mấy ngàn con chuột. Mỗi sáng nhóm họp, chó và chuột cùng ăn chung đầy kín cả sân. Các hàng đạo tục cùng nhau đến xem. Một hôm, mất một con chuột, Sư buồn thảm không thôi, cho là do chó giết, Sư bèn trách phạt chó, chó ngậm mang con chuột đến, Sư trông thấy mà áo não, lấy gậy đánh chó. Sư đem chuột chôn cất rồi buồn thương khóc ròng. Chư tăng trong chùa bị chuột cắn gặm y phục và cả hòm rương, đem việc đó báo mách việc đó với Sư. Sư bèn gọi cả đàn chuột đến, răn bảo mỗi con phải cùng gìn giữ. Có một con chuột không chịu gìn giữ. Sư bảo: "Sao ngươi cắn gặm y phục của người?" Và dùng gậy đánh đó.

Khi ấy vì chua đông nghèo khổ, Sư xuống dưới mé suối Bạch Mã thuộc phía Đông bắc của giảng đường, dự ghi nơi này làm nhà trù, nhà khố, chỗ kia làm kho lẫm, v.v... Mọi người đều cười nhạo. Qua đêm bỗng nhiên nước cuộn lùi đất ra, nên y như lời Sư nói mà làm, bèn khiến cho dồi dào. Sư lại xa dự ghi rằng: "Mười sáu năm sau sẽ có người ngu đến ở phía nam của chùa xây dựng lầu nhiều tầng. Tuy cơ nghiệp của chùa không thiếu, nhưng có sự tranh tụng không thể ở yên". Đến niên hiệu Vĩnh Huy (650-659) thời Tiền Đường, thì có người đến xây dựng lầu nhiều tầng, do đó kiện tụng lẫn nhau. Thật đúng như lời Sư nói.

17- Truyện ngài Xà Lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương:

Xà-lê Thông, trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương. Vào cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, khi đó Sư đã tám mươi tuổi, mà khí lực vẫn còn khoẻ mạnh, nghi dung khoan thai. Sư thường mặc áo nạp, áo dày một tấc, sợi chỉ lớn bằng ngón tay được dùng để vá nạp, rất là thanh khiết. Sư chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa, vào chợ khất thực, vật xin được chẳng khác thế tục. Có được tiền của thì Sư tu tạo sửa sang chùa viện phòng nhà.

Giảng đường chánh điện chùa đó được xây dựng từ đời Lương. Cát đỏ rưới rửa, tô đắp rất dày. Đến đầu thời Tiền Đường, Thiền sư Thiện khảm tượng đồng lớn, cần có Thủy ngân nên đến xà nhà nạo lấy mà sử dụng đầy đủ, ngoài ra dưới chân cột vẫn còn mầu đỏ. Như thế đủ biết người xưa làm phước rất mực quý trọng, không hề từ nan, nếu chẳng dùng đó thì vật xưa đâu còn. Đến lúc nền chùa cần sự sửa sang tu bổ thì Sư bảo: "Có vàng để giữ nước xưa hãy lấy để sửa chữa". Bèn đến phía Bắc chùa chừng bốn mươi bộ, y theolời bảo mà đào bới lấy mười

cân, dùng hết, lại lấy được ba mươi cân cân. Sư bèn nói: "Dưới đất lớn có nhiều vàng nhưng càng lấy thì phải giết người". Lúc ấy bèn thôi.

Về sau, Sư tự tạo một cái hang đất ở phía Bắc chùa, để sẵn khi qua đời. Khi đó, chưa ai nghiệm biết. Không bao lâu, Sư bảo với chúng tăng rằng: "Bình thường đến lúc qua đời phải có sự phó chúc, đem các thứ của cải ra chỉ định trao truyền rất rõ ràng". Sau đó ba ngày, thần khí Sư vẫn sáng suốt khỏe mạnh, nhưng Sư bảo là "Sắp đi!" Bỗng nhiên không thấy Sư đâu cả, mọi người bèn đến xem chỗ hang đất thì cửa đã lấp, chỉ mở một lỗ nhỏ. Ngài nằm dúm nơi đất, hơi thở đã dứt. Sư thọ hơn chín mươi tuổi.

18- Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngưng Quán ở Kinh Đô:

Tai phía Tây Bắc kinh đô có chùa Ngưng Quán bị hoang phế. Chùa đó có một pho tượng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đứng cao trượng sáu, nghi dung tôn tượng khác lạ, thường phát ra ánh sáng. Pho tượng đó do Sa-môn Thích Pháp kháng ở tại chùa đó đắp vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy.

Khi đắp tôn tượng vừa xong, chưa kịp sơn phết thì ngài Pháp Khánh bỗng nhiên thị tịch. Cũng trong ngày đó tại chùa Bảo Xướng có Sa-môn Đại Trí cũng thị tịch, ba ngày sau sống lại kể rằng: "Ban đầu đi vùn vụt như cưỡi giữa gió mưa, có thể đi khoảng trăm dặm, thấy một cung điện, người vật xinh đẹp khác thường. Lại thấy có một người giống như vua, hai bên nghi trượng rất oai hùng, chỉ trong khoảnh khắc thì thấy ngài Pháp Khánh đi đến mà nét mặt tỏ vẻ u buồn. Lại thấy có một pho tượng lớn nói với người trên điện rằng: "Sa-môn Pháp Khánh đắp tạo tôi chưa xong, vì sao lại chết đi?" Người đó vội bước xuống điện bái lạy xong, gọi người dưới thềm cấp mà hỏi rằng: "Ông Pháp Khánh đã hợp với cái chết chưa?" Người dưới thềm cấp đáp rằng: "Mạng chưa hết mà thức ăn đã hết". Người ấy bảo rằng:"Hãy cấp lá sen để kết thúc phước thọ của người ấy!". Nói xong, pho tượng và ngài Pháp Khánh liền biến mất".

Khi đó, ngài Đại Trí hỏi chư tăng ở chùa Ngưng Quán rằng: "Ngài Pháp Khánh tịch đến nay đã ba ngày, pho tượng cao trượng sáu do Ngài đắp tạo đêm đó cũng biến mất qua đến rạng sáng hôm sau mới thấy lại". Khi đó, mọi người đều khen ngợi lấy làm lạ. Đang bàn nói chưa xong, thì có người đến báo ngài Pháp Khánh sống lại. Đại chúng đều đến thăm hỏi, thì Sư nói giống như ngài Đại Trí. Từ đó mỗi mỗi sáng mở trai, Sư lấy sáu lá sen, bữa trưa thì tám lá, hễ lúc nào muốn ăn thì

trước rót nước nóng vào cho ướt mềm rồi mới ăn. Ngài (Pháp Khánh) đi khắp mọi nơi xa gần khuyến hóa các hàng sĩ tục cúng dường để đắp tạo pho tượng đó. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy (605) Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi.

Gần đây có Đơn Đạo Tông người ở Vị Nam thuộc Ung Châu, trong niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) thời Tiền Đường, vì bị bệnh phong, nên dung nghi Sư biến đổi, dần dần về sau, với mùi vị các thức ăn uống đều hôi thối, nên Sư chỉ ăn đất uống nước. Người đương thời gọi Sư là " Nhân Đàn ". Đến nay đang rảo bước khắp nơi để xin ăn, tuổi có thể đã ngoài bốn mươi.

19- Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu:

Thích Đức Sơn, họ Sơn, không biết Sư là người xứ nào. Bỗng nhiên Sư dứt bỏ vợ con, vào núi tu đạo, râu tóc không rảnh mà cạo, ăn mặt cũng không rảnh để coi sóc, Sư chỉ dứt duyên lắng niệm lấy làm đắc tánh. Mọi người đều không biết về Hành Quán của Sư như thế nào, thấy tướng trạng Sư như người đắc Định.

Bấy giờ, ngài du hóa ở vùng Long Trì thuộc Trúc Lâm, Khai ngộ các hàng đạo tục, lấy sự thanh tịnh đơn giản làm gốc. Sư thường nói rằng: "Pháp phiền loạn thì đạo tục đều tệ xấu. Nên chính sách hà khắc thì nước loạn, tâm phiền não thì ý loạn. Nước lắng trong thì cá, đá đều thấy được, thần lắng trong thì ý tưởng điên đảo nhận biết được. Người học thanh tịnh đơn giản còn tự ồn ào phiền nhiễu, huống gì loạn sứ mà có thể đắc Đạo ư?'

Về sau, Sư vào núi Mã An, ở đó thường có nhiều rắn độc, cắn người thì chết ngay, nhưng Sư qua lại đều không bị làm hại, còn như các trẻ nhỏ theo hầu sớm tối đi lại cũng không lo sợ gì. Có lần đạp phải nên bị cắn, Sư dùng nước tẩy rửa, tự nhiên được bình phục. Sau, Sư lại trở về ở núi Thiên Sắc, an cư kiết hạ dưới gốc cây. Có người đến chỗ Sư, bị hổ rượt, bèn chạy vào dưới giường Sư, hổ đến ngồi đợi trước giường. Sư bảo hổ rằng: "Thịt của Phật từ ở dưới giường mùi vị có hơn thịt bần đạo đây chăng?" Và liền cởi áo để thí xả, hổ bèn đứng dậy đi thẳng. Sau đó, có một đứa trẻ đến thưa hỏi Sư. Sư bảo: "Ngươi đến đây làm gì?" Đứa trẻ đáp: "Từ lâu không được trông thấy, không biết sống chết thế nào, nên đến xem thử?" Sư bảo: "Ngươi hãy đi đi, mỗi người hãy tự tìm sự sống, nếu còn đến đây ta sẽ cho ăn gậy đó." Đứa trẻ bỏ đi, sau đó mấy năm lại đến. Sư cầm gậy định đánh, đứa trẻ lùi lại nói rằng: "Xà-lê gặp con mà như người khác. Người khác có thể chịu đánh ư?" Ngài cười lớn

và bảo: “Ta không đánh ngươi, thì ngươi sẽ làm hư hại Đạo ý của ta!”. Đức trẻ bèn đi thẳng. Đến lúc hơn chín mươi tuổi, Sư thị tịch tại am cốc ở núi.

Bấy giờ, tại chùa Thảo Đường ở Ích Châu, có Sa-môn Húc Thưởng, không biết Sư là người xứ nào. Từ thuở thiếu thời Sư đến trụ chùa Thảo Đường, chỉ lấy sự thiền quán, tụng niệm làm việc chính, ngoài ra không tạo tác một việc gì. Ở đất Thục rất chuộng hai ngày mồng tám tháng hai và mồng tám tháng tư, mỗi lúc đến hai ngày ấy, mọi người khắp bốn phương đều nhóm họp thư thả vui chơi, còn chư tăng thì bận rộn vội vàng không chút nhàn nhã. Nhưng Sư vẫn ngồi thẳng bên rừng trúc, điềm nhiên lắng tưởng, bình nước vẫn tự đầy tràn, lò hương vẫn tự đốt cháy. Mọi người ở phía Tây Thành thấy vậy nên cùng theo tham dự. Sư vẫn nghiễm nhiên bất động đồng như vàng đá, sau ba ngày Sư mới trở lại như thường. Bốn chúng thảy đều kính trọng mà lấy làm lạ, nên xem Sư như mặt trời vừa xuất hiện lúc sớm mai, cùng gọi Sư là Húc Thưởng. Sư thọ đến chín mươi tám tuổi mới thị tịch.

20- Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu:

Thích Đạo Duyệt, họ Trương, người ở xứ Chiêu Khâu thuộc Kinh Châu. Năm mười hai tuổi, Sư đến chùa Ngọc Tuyền xuất gia thọ giới. Ngài chịu nghèo khắc khổ, rất hay trì niệm các Kinh Đại Phẩm, Pháp Ho, thường tụng làm chánh nghiệp. Tùy chỗ nào có kinh giới, mỗi ngày Sư tụng một quyển. Mọi người đều lấy làm lạ.

Ban đầu, ngài Trí Giả vào trụ chùa Ngọc Tuyền, chưa có chuông Khánh, ở dưới suối nhặt được một mẩu đá lạ, treo lên để đánh, âm thanh vang hưởng trong suốt. Ngài (Đạo Duyệt) trụ tại chùa đó, mỗi lúc tụng xong quyển kinh, đánh một tiếng khánh mà xuống, người nghe thảy đều cung kính. Vả lại, tiếng Sư tụng kinh trong suốt như âm vận của dòng nước chảy, người nghe quên cả mệt nhọc. Do đó, trong cõi sáng tối thường có điềm lành. Có một thời gian Sư bị bệnh nước, bụng trương lên như cái trống. Nhưng Sư không hề cầu cạnh gì, chỉ xưng niệm kinh Bát-nhã, một đêm tụng kinh một biến, bỗng nhiên bụng như xé rách, nước tuôn đổ tràn đầy, bèn thử đưa tay sờ tìm thì chiếc bụng trướng đã tiêu mất, bệnh liền tan biến. Đó gọi là chuyển chướng mà thọ khinh.

Xưa, bọn giặc Chu Sán đến phá nhiễu chùa, chỉ một mình Sư ở lại giữ núi, kẻ trộm đến xin, Sư giảm bớt phần ăn mà ban cấp cho. Kẻ trộm lại lấy thêm để nấu mà không chín, bèn xấu hổ mà bỏ đi. Ngày khác bọn

giặc lại đến, định hại mạng Sư, Sư vẫn ngồi dưới đất không lay động, bảo rằng: “Hại ta chỉ ở đây, ta muốn chính mắt trông thấy chùa chiền phòng nhà lấy hết”. “Giặc bèn thả bảo dẫn đường. Đi được vài bước, Sư lại ngồi xuống đất bảo rằng: “Ta là Sa-môn, chẳng phải là người dẫn đường. Với hình hài phù huyễn, mặc tình theo cùng bạch nhận”. Bọn giặc lấy làm lạ về sự cao thượng ấy, bèn đưa Sư trở lại chùa.

Trọn một đời, Sư chẳng mặc áo bằng tơ tằm, chỉ mặc áo vải gai bố. Hán Dương Vương đến núi, thấy phong nghi của Sư mặt mày tuấn tú bèn xin thọ giới phẩm, lại cúng dường dâng tặng nồng hậu. Sư không nhận lấy một vật gì. Hán Dương Vương làm ba pháp y bằng vải bố lớn và một chiếc áo lót để dâng cúng Sư, nhân đó hỏi Sư “Vì sao không mang mặc các thứ gấm lụa ư?” Sư đáp: “Y phục bằng tơ tằm phải tổn hại sinh mạng mới có, trái với tâm của nhẫn nhục, y phục bằng vải bố sạch sẽ tiết kiệm biểu thị tướng từ bi!” Hán Dương Vương nói: “Trọng Do chẳng xấu hổ, Phu Tử được tôn xưng, Sa-môn từ bi nhẫn nhục hẳn là như vậy!”. Sư lường tấc bóng mà ăn, ít khi khạt nhổ, thức ăn Sư lưu lại một phần để thí cho các loài bay chạy bơi lội. Nên do sự xông cướp của đức hạnh từ thiện mà hoặc chim bay lại đâu trên vai Sư, cá bơi nổi vào trong lòng bàn tay Sư. Tuy Sư mặc y phục thô xấu mà không hề có rận rệp. Bấy giờ, ngài lại đi quanh trong thôn ấp xin chấy rận để nuôi, Sư răn bảo mọi người chớ nên giết hại chúng. Sư ở tại núi hơn năm mươi năm, Sư thị tịch trong hang núi, thọ bảy mươi hai tuổi.

Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-655) thời Tiền Đường có người ở núi Thanh Khê thấy một vị tăng, tay cầm tích trượng, đi chân không, tự xưng là “Bát-nhã Sư”, nói xong bèn biến mất. Vì lúc còn sống, Sư thường trì tụng Kinh Bát-nhã, nên mọi người đều gọi như thế.

21- Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Duệ, họ Kỳ, người ở xứ Tương Dương. Thuở thiếu thời, Sư trầm lặng, nói năng chậm rãi, việc làm nhanh nhẹn, mọi người đều quý trọng. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đi khắp nơi hỏi Đạo, đến chỗ Pháp sư Mạng ở Trịnh Xuyên, Sư lại đến chỗ Thiền sư Tuệ Tư ở Hành Nhạc, và đều hết lòng thưa hỏi điều lợi ích, quán dụng rõ ràng. Ngài Tuệ Tư ở giữa đại chúng bảo Sư rằng: “Đối với Thật Tướng Quán, ông khéo có được huyền thú”

Ở núi được mấy năm, gặp lúc ngài Tuệ Tư thị tịch, Sư muốn dứt vết ở Võ Đan để mong cầu Tố Thượng, vừa đi đến Ba Khâu, Sư tự bảo rằng: “Ở xứ này, thiền luật ít được nghe, có thể tùy duyên mà hành

hóa". Có Pháp sư Đạo Ý trụ chùa Đạo nhân ở Giang Lăng, nghe chí khí của Sư bèn đến kết giao. Theo hướng Tây, Sư lên trụ chùa Đạo nhân, suốt mười bốn năm Sư không ra khỏi sân cửa chỉ thưởng vị Thiền tĩnh. Gặp lúc ngài Trí Khải trở về quê cũ, than rằng: "Quê cũ không có bạn hiền đủ để làm khuôn phép cho Di pháp!". Do đó, các hàng Đạo tục ít đến lễ yết. Sư đóng bít cửa chuyên trì mật hạnh chẳng gặp gỡ người thế tục đương thời.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy. Sư nói với mọi người rằng: "Ta không muốn làm phiền hà chúng tăng ở đây, muốn đến ở chùa Nội Hoa để có thể thư thả hơn". Tăng chúng cố lưu giữ mà ngài không chấp thuận. Đến tháng hai niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Sư bị bệnh nhẹ, thấy hai thầy Tuệ Tư và Mạng đến đón rước. Qua ngày mồng sáu tháng ba, Sư ngồi kiết già thẳng lưng mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Được an táng tại chùa Nội Hoa.

Lúc Sư chưa tịch, trong chùa có ba mươi người đều nằm mộng thấy chùa bị nghiêng đổ, đến sáng sớm mọi người khác miệng đồng lời mà nói lại điều đó. Xưa kia gọi là chùa Đạo Nhân tức nay là chùa Thiên Hoàng. Thấy có Bách điện năm gian hai tầng. Hữu Quân Tuống Quân Trương Tăng Dao đời Lương tự cầm bút vẽ. Tại điện đó, người thợ, đắp họa tôn tượng Đức Lô-Xá-Na ở phía Bắc, tướng tốt trang nghiêm, ánh sáng thường phát ra. Phía trước điện có năm thềm cấp cũng phát ra ánh sáng. Điềm lành rất nhiều nên chẳng ghi đầy đủ. Do đó điềm lành luôn gá ở đó.

22- Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc:

Thích Đạo Biện, Sư là Danh nhân đất Tề, Sư trụ chùa Linh Nham ở Thái Sơn, dừng ở không nơi nào cố định, Sư chuyên đi khắp các nơi lấy làm việc chính. Sư thấu suốt Kinh Sử, giải rành về số thuật.

Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư đi đến Tương Châu, lúc đó tuổi đã ngoài bảy mươi. Sư lại cùng Sa-môn Thần Biện người cùng ấp, theo nhau roi gậy lên núi nhìn ngắm núi sông. Có nhiều chỗ Sư đi đến như đã từng thấy nghe. Ngài đi đến Lãnh Vọng ở phía Nam chùa Thiền Cư nói rằng: "Chùa đó do Sa-môn... Đạt xây dựng cùng tận thế núi, tăng chúng rất đông rất mực thanh tịnh, trang nghiêm. Vì sao hàng Hậu duệ lại xây dựng lầu gác ở phía trước chùa, chư tăng trong chùa chẳng những giảm ít mà còn thêm tranh chấp, hai nơi liền nhau nhưng không hề bước qua, rất đúng như lời Sư nói. Bấy giờ, Sư đến các chùa nói rõ mọi sự hơn kém. Không đâu chẳng U thông, trước nhận

biết soi xét tinh linh, Ngài lại đến các chỗ Tháp mộ, cũng trình bày mọi sự tốt xấu. Có một vị sĩ tục quên mất họ tên. Thỉnh Sư tô lại phần mộ ấy. Sư đi qua các bình nguyên, chỉ chỉ một nơi và bảo rằng:"Trong đây có thể an đặt Phần mộ, đầy đủ ăn uống, giàu có của cải. Đào sâu xuống đất khoảng ba thước được một thăng lúa thóc, lại sâu thêm 1 thước có phiến đá năm mầu ánh ngời. Đó gọi là Tài Duyên". Người ấy y theo lời Sư mà đào, quả nhiên có được lúa thóc và đá, bèn thực hành bốc táng, đến nay có sự hưng thịnh lớn.

Tại Tương Châu, có Viên Sơn Tùng là người xem rộng các kinh cáo, người đương thời gọi đó là Nho Tông. Nghe ngài học rộng nên lại tìm đến, đem Dương Tử Thái Huyền Vương Bật là Dị Đạo để cùng tham cứu sâu mầu. Sư bảo: "Đạo thuật của Dương Vương chưa đủ để tham tầm, hãy ban tặng cho kẻ ngu, không học, không trí tuệ". Viên Sơn Tùng biến sắc, mặt cười trước sự đè ép và tâng bốc của Sư. Sư bảo: "Ông học chưa khắp cùng, nên tin theo thuật trước đó, hãy trừ bỏ sự bền bỉ của ta, ta sẽ chỉ cho lối trở về". Bèn viện dẫn Kinh Thái Huyền v.v..., lại đến chỗ lưu tâm riêng của Huyền Tượng, chẳng hề nằm ngủ, ban đêm thấy bày, xét thứ lớp của Tú Đạt, xét quang cảnh của Bột tuệ (sao chổi), Sư bèn nói với người rằng:"Xưa kia, tôi ở chỗ Pháp sư Dụ, học Quán về Thất Diệu. Pháp sư Dụ bảo tôi rằng: "Sa-môn Đạo An đời Tấn rất giỏi về thuật này. Người tuy đã thị tịch mà di Văn vẫn hiện còn". Sư có chú giải kinh về Tố Nữ rất là quan trọng, chỉ tiếc là mất bổn văn ấy, làm sao có được!" Khi đó có một vị tăng tình cờ có được bổn văn ấy, nên thỉnh Sư bày giải. Sư thấy có được nên rất vui mừng, liền giải thích rõ. Vị tăng ấy mịt mờ, tình ý giống như biển mộng, bèn đem cho. Sư bảo: "Sao gọi là Di Thiên (cùng khắp đất trời) thật chẳng dối xưng, học gồm Di Luân, sốt thuật cùng tận. Đây tuy chỉ bốn trang giấy mà văn từ bao gồm không sót, yếu ước bao gồm dồi dào hết cả linh đài:. Khi đó, trăng soi đến sao Tỉnh, Sư bèn bảo rằng: "Việc ở Tây Sở, hãy báo cho các hàng Đạo tục biết, nên chuẩn bị nước đầy đủ". Chưa đầy hai đêm, sông Hán bỗng nhiên nước dâng lên tràn ngập, Tương Ấp Thành Hoàng sắp chìm đắm. Sư có được sáng suốt dự kiến đại loại như thế. Các tài vật có được, Sư đều sung vào dùng làm vàng chợ, dùng việc hợp thuốc để kéo dài thọ mạng. Người báo đến trộm không thể thực hành. Sư bèn nói: "Trộm giả động giáp sáu Đinh, tôi rất rành về thuật ấy, thường đầu tháng thêm khí, sao được xem thường nhau, Tôi không hề sợ".

Vào niên hiệu Nghĩa Ninh (617-618) đời Tùy, Sư cùng ngài Thần

Biện đi về hướng Nam đến Lãnh Biểu, sau đó không biết Sư đến xứ nào.

23- Truyện ngài Thích Tuệ Lâm trụ chùa Kiến Minh ở Ích Châu:

Thích Tuệ Lâm, họ Tiết, người ở xứ Thần Tuyền thuộc Miên Châu. Vào đầu đời Tùy, Sư ẩn cư tại chùa Kiến Minh, thanh bạch rỗng rang, Sư chỉ giữ sự tĩnh lắng, chẳng giao tiếp với mọi người. Chùa có một pho tượng đắp, thường được cúng dường, tượng vì mọc ra ba mươi sáu sợi sâu. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư quét tước nơi một phần mộ cổ, trồng hai cây tre và bảo rằng: "Đây là Thiên nhãn". Sau đó, bỗng nhiên Sư nhổ bớt một cây, bảo rằng: "Hoằng Nông Dương bị ma nhổ". Không bao lâu thì đổi sang niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) cũng đời Tùy, có lúc Sư mặc áo kép an cư kiết hạ ở trên gò mả cao. Ban ngày tuy nóng như lửa đốt nhưng thân Sư không tỏ vẻ nóng bức. Miệng tuy nói Đạo mà thân đồng với thế tục. Mỗi lúc nói bàn đều lấy lý làm trước tiên. Tại huyện Lạc xưa có một ngôi tháp của vua A-dục, có một lúc bỗng nhiên Sư đi ngang qua xóm dẫn theo ba trăm cỗ xe, nói "muốn đến huyện Lạc rước tháp đến tôn trí nơi đây". Chưa được mười ngày, thì tháp lửa thiêu đốt.

Đến niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư ngầm lắng giữa đồng cỏ, mọi người không ai biết, ở đó có Sa-môn Dương Hựu, không biết Sư là người xứ nào, đi thẳng đến trong đồng cỏ gặp Sư. Từ thuở bình sinh chưa từng gặp gỡ mà hai ngài đối diện nhau vui vẻ như bạn bè xưa cũ. Mỗi người tự nói: "Từ lúc cách biệt đến nay đã tám trăm năm." Sư từng vì người mà chú nguyện cho lành bệnh, người bệnh bảo người con gái mang khố đến cúng thí, người con gái bèn để lại áo mà đưa thẳng đến. Sư từ xa thấy bảo rằng: "Chỉ đem khố lại, ta không cần tiền". Cô gái kinh hãi cho là bậc Thánh.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch.

24- Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh đô:

Thích Hồng Mãn, họ Lương, người ở xứ Nam Định. Khi đang còn ở thế tục, năm mười lăm tuổi, Sư bị bệnh hai chân co quắp. Sư thường niệm tụng kinh Quán Thế Âm suốt ba năm, bỗng nhiên có một vị tăng cầm lọ nước tắm đến đứng trước mặt Sư mà không nói gì. Sư hỏi: " Sư từ đâu đến?" Vị tăng đáp: "Vì Đàm Việt thường kêu gọi nên tôi đến!". Sư cúi đầu hỏi rằng: "Đệ tử vì tội báo gì mà nay phải bị co quắp thế

này?” Vị tăng ấy bảo: “Thân trước của ông thường trói buộc các loài vật, nên ương họa còn lại như thế. Ông cứ việc nhắm mắt, ta sẽ trị liệu cho”. Sư bèn theo lời bảo mà nhắm mắt, và chỉ cảm giác ở trên hai đầu gối mỗi bên nhổ ra đinh gai chừng nănm – sáu tấc. Đnh đã vất bỏ rồi, Sư mở mắt ra, định tạ ân, thì vị tăng ấy đã biến mất. Sư đứng dậy đi lại bình thường như xưa. Và Sư mới biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, nhân đó Sư tinh tấn chí thành, thề không cưới vợ. Sau bỗng nhiên Sư tự thông hiểu Thiền Quán, Sư chỉ ngồi yên không lay động suốt ba ngày, rồi đến bảy ngày.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư lìa thế tục xuất gia theo đạo, trụ chùa Cứu Độ. Đến niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư đến trụ chùa Pháp Hải. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi.

25- Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu:

Thích Tuệ Thông, họ Vương. Sau khi xuất gia, Sư đi khắp các trai hội, trường giảng, tay Sư không hề rời quyển kinh. Sư tìm xét chỉ thú trong kinh, tâm sự vui mừng hớn hở. Sư chuyên khổ hình tiết thực, thực hành hạnh tri túc. Sư tự bảo: “Trong Kinh Pháp Hoa nói: “Bồ-tát thường Bất Kinh chẳng chuyên tụng đọc kinh điển, chỉ thực hành lễ bái bốn chúng “còn được thanh tịnh sáu căn, ta đây vì sao chẳng kính lễ Chư Phật, Thế tôn?” Liền ở nơi Viện riêng đóng cửa, thường đảnh lễ danh hiệu mười lăm ngàn Đức Phật, y theo kinh mà tự xướng, mỗi danh hiệu mỗi lễ bái. Chư tăng trong chùa lấy làm lạ về việc làm của Sư, bèn đến chỗ vách tường có lỗ hổng trộm xem xét, thấy lúc Sư lễ bái đầu cúi xuống thì tám bộ trời rồng, v.v... cũng đều cúi đầu. Qua nhiều lần như thế chẳng phải một, mọi người đến chỗ phòng viện ấy không ai trong tâm chẳng kinh sợ nên bỏ chạy ra ngoài, thường nghe có mùi thơm lạ thoang thoảng, đến lúc Sư thị tịch. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, thì phòng viện ấy không hề có người nào đến. Hằng đêm thường nghe thấy các tướng búng ngón tay lễ bái hành Đạo.

26- Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô:

Thích Pháp Thông, họ Quan, người ở đất Ngạc thuộc Kinh Triệu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, thân hình rất yếu đuối, gió thổi có thể té ngã dường như lưới dệt. Do đó mà các bạn đồng học rất xem thường, Sư liền rơi nước mắt. Một buổi sáng, Sư đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán

Thế Âm, khẳng khái bạch rằng: “Pháp Thông con nghe” Bồ-tát là bậc Thánh soi xét các điều ước nguyện đều làm cho toại ý, xin rủ lòng từ dẫn dắt cho con khỏi bị sự khinh thường ấy!”. Nhân dó Sư trì tụng Kinh Quán Thế Âm, ngày đêm không nghỉ. Hơn năm sau, Sư trở về quê cũ hầu thăm mẹ. Sau bữa ăn sáng xong, Sư nằm ngủ dưới bóng cây trước sân, chỉ giây lát từ trong miệng nước dãi tuôn ra nhiều chừng ba thăng, mẹ Sư cho Sư là có sự trái nghịch, vội gọi Sư thức dậy hỏi vì sao như vậy, Sư đáp: “Vừa rồi, thấy có người đem đến cho ba con lừa, chỉ mới ăn được một con, vì mẹ gọi thức dậy nên hai con còn lại biến mất”. Từ đó Sư cảm thấy trong thân sức lực mạnh mẽ, da thịt rắn chắc, Sư gỡ cây gỗ lớn, hoặc tảng đá lớn chẳng lấy làm nặng nhọc.

Trong chùa có Sa-môn Tăng Kham là người rất có sức lực, Sư trộm lấy chiếc áo ca-sa đem để dưới cây cột. Ban đầu không thấy nên ngài tăng Kham cho là thần quỷ làm như thế. Sư bèn cười mà nâng xà nhà lên để kéo lấy áo ca-sa, Ngài Tăng Kham vô cùng kinh phục. Có một cái cối đá lớn nặng hơn năm trăm cân, Sư vác từ Nam Sơn về cúng dường cho chúng tăng sử dụng, nay hiện đang còn chứa nước thí cho các loài chim muông. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy rất kính trọng Sư. Có người ở Tây phiên cống được gọi là “Đại Tráng” ở cửa phía Bắc muốn thử đấu sức mà không có ai. Vua rất xấu hổ mà nói rằng: “Nước Đại Tùy không có người tráng kiện!”. Bèn mời Sư đến thử cùng đấu sức. Sư bảo: “Đâu có nơi nào mà người xuất gia làm việc này, nếu muốn biết sức lực thì nắm tay sẽ biết ngay”. Sư bèn gọi người kia đến và mặc tình để cho nắm bóp. Người ấy dùng hết sức lực để nắn bóp mà Sư không cảm thấy gì. Sau đó, đến lượt ngài nắm bóp, Sư nắm cả hai tay, bỗng nhiên co quắp, cùng một lúc máu chảy ra ngoài, người ấy liền nằm khoanh dưới đất cầu xin tha mạng. Sư thả người đó, và bảo rằng: “Ta không dám giết hại, sợ tay ngươi dập nát”. Từ đó rất kính phục, khắp cả triều đình đều khen ngợi vui mừng. Các vị lực sĩ ở kinh ấp nghe thế bèn cùng nhau tìm đến. Sư nắm một nắm đậu thóc bóp chặt liền nát vụn, nên những kẻ ấy đều bỏ xe ngựa mà chạy. Bấy giờ, các hàng tráng sĩ đều gọi Sư là “Thiên Lực Sĩ”.

Đến cuối thời Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, vì lánh loạn lạc nên ngài đến ẩn cư tại Nam Sơn, mang theo một cối xay và con trâu nghé. Thật là Đại Thần Thông! Sau đó không lâu, mẹ Sư qua đời, nên Sư xuống núi trở về chịu tang, mọi việc xong xuôi, Sư trở lại núi. Tuy sức lực Sư địch nổi trăm người mà Sư không hề trái ngược với mọi vật, tinh tấn chí thành tiết ước, đồng bạn đương thời đều suy

tôn, kính trọng Sư.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ năm mươi sáu tuổi.

27- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Nhân, họ Trương, người ở xứ Võ Thành thuộc Thanh Hà. Xưa, Sư nương tựa Pháp sư Hiền. Sau, vì Sư có chí khí thanh nhã, cao vời nên rất được tăng chúng suy phục, muốn đề cử Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư bèn rảo bước đến Thục Xuyên, thưa hỏi cầu học Thiền luật. Bất kể nơi gian nguy hiểm trở, Sư đều tìm đến tham thỉnh. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường mở thoáng, từ đất Thục, Sư trở về. Bấy giờ, mỗi châu đặt riêng một ngôi chùa, chỉ có ba mươi vị tăng. Sư là một trong các vị đó, giữ gìn chí tiết trước sau không quên. Sau, vì chùa Khai Thánh cách Kinh Châu hơn năm mươi dặm, nơi chốn núi chầm rộng thoáng, dứt bặt gió khói. Sư bèn ở một mình tại núi đó, dựng am tranh cỏ làm lan-nhã, hơn hai mươi năm. Mọi người khắp bốn phương xa thảy đều đến nương tựa. Xưa kia, ngài Trí Giả có để lại Di ngôn, nay thật phù hợp.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, gặp lúc hạn hán mà suối đá trong chùa không hề khô cạn. Sư bèn tự gánh nước ra ngoài cấp thí. Các loài cầm thú do đó được cứu giúp. Giang Lăng lệnh là Lô hành Dư, nhân nghe tiếng tăm Sư bèn đến đó xin nước cho ngựa uống. Sư bèn mang đến cấp cho. Lô Hành Dư cho là thiếu, lại tuôn lời dơ uế, bèn xua ngựa đến chùa, bỗng chốc gặp một đàn đàn heo chạy đến, mọi người đi đường không dám xâm phạm. Sau đó có hai người trộm bắt lấy làm thịt ăn. Có hổ đến vây quanh gầm gừ, muốn ăn thịt người đó. Bị quẫn bách không phương trốn thoát, Sư nghe bèn đến cứu giúp, hổ mới ngầm bỏ đi. Sư có những việc do giới đức từ bi tỏa sáng đại loại như thế. Chỉ một Bộ Kinh Pháp Hoa, và giới Bổn Tỳ-ni, qua lại Sư thường tụng, không hề quên nơi tâm miệng.

Đến năm bảy mươi lăm tuổi, Sư thị tịch tại chùa Khai Thánh.

28- Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiển An ở Ba Lăng:

Thích Pháp Thí, họ Giang, người ở xứ Võ Đang. Từ thuở thiếu thời, mà Sư đã rộng rãi thẳng thắn. Thần trí khó lường biết được, thân không có nơi ở cố định, đi ở chẳng vướng mắc. Sư đến Ba Lăng, trụ chùa Hiển An, yên lặng dưới cây sa-la, mà mọi người chẳng lường biết

Sư đoái hoài điều gì.

Theo bộ Kinh Nam Ký nói rằng: “Khoảng niên hiệu Vĩnh Khương thứ nhất (300) thời Tây Tấn, dưới giường trong tăng phòng, bỗng mọc lên một cái cây, hễ chặt thì mọc lại, cứ như thế chẳng phải một lần. Cây lớn lên càng nhanh chóng, mọi người đều lấy làm lạ bèn để tự nhiên chẳng cắt nửa, chỉ khoảng mười ngày mà cành nhánh lên đến tận nóc nhà. Bèn dời phòng khỏi chỗ đó. Từ đó về sau, cây phát triển chậm lại, đến cuối mùa Hạ mới trổ hoa. Lá thì rụng vào mùa thu chẳng khác những loài cây khác. Trải qua nhiều năm mọi người không nhận biết được. Về sau, có một vị tăng người ngoại quốc thấy cây nầy liền rơi lệ nói rằng: “Đây là cây Sa-la, Đức Phật đã nằm dưới tàng cây nầy mà nhập Niết-bàn, tôi nghĩ nhớ về Bổn sự mà rơi lệ. Và hoa nở ra nhỏ trắng không đủ để nhặt xem”. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một (434) thời Tiền Tống, bỗng có ra một bông hoa hình sắc như cây hoa sen. Nay vẫn hiện còn tại đây, cũng là kỳ tích của một phương.”

Đến cuối đời Tùy, tan loạn, giặc dã dấy khởi chẳng chỉ một phương. Khi ấy, Tiêu Tiển đang làm La Huyện lệnh. Sư vỗ vào lưng và chỉ thành Ba Lăng mà nói rằng: “Đó là thành của Thiên Tử. Về sau, quả nhiên gạo thóc của Vua rất bình tiện”. Sư răn bảo cất giữ cho kín, mọi người chẳng lường biết được lời nói ấy. Về sau, một đấu thóc gạo giá trị đến mười lăm ngàn quan, dân chúng đói kém rất nhiều. Sư dự ghi như thế, mọi sự việc về sau đều rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Khi Triệu Quân Vương đánh chiếm Ngụy Lương, Tiêu Tiển hỏi Sư: “Việc ngày nầy như thế nào?” Sư bèn đưa cho hai chiếc đũa đồng. Tiêu Tiển nói: “Khiến tôi cũng đồng”, bèn dẫn cả chúng qui hướng hoằng hóa, trăm họ đều được nhờ. Sư có được đức hạnh rộng lớn như vậy.

Ngài từng ở tại phía Bắc Giang Lăng tu hạnh Đầu-đà, hổ đến nằm bên cạnh giường, có người đến, Sư bảo Hổ rằng: “Phật tử nhắm mắt”. Hổ liền cúi đầu nhắm mắt. Sư gặp thú dữ cũng như chó nuôi trong nhà. Người ấy ở tại đó tụng một Bộ Kinh Thắng Thiên Vương, lắng niệm xuất quán, tụng được tốt lành, tinh tấn vững bền, vượt hẳn hạng thường. Sau Sư trầm hình ở nơi cao xa.

29- Truyện ngài Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên:

Thích Tuệ Ngạn, không rõ Sư là người xứ nào, mặt mày tợ như người Hồ, nói năng giống như người Hán Thục. Sư qua lại nơi xóm chợ, nói nín không chuẩn định, mọi người chẳng lấy làm lạ.

Niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, buộc đóng thuế

đến tận Mân Châu, kỳ hẹn rất bức ngặt. Người đất Thục ban đầu chẳng nghe, cho là mình thuộc ngoại lệ. Người có thuê mua đòi đến vạn tiền, lại càng thêm kinh gấp, cho là đến nước quỷ bị bỏ, đều vì kế chết, hao tốn của cải vì chẳng có kế thực hành. Sư ở trong chợ mới đông đúc cười mấy cái. Mọi người vừa đi đến đường Lộc Đầu, gặp được sắc ban đình chỉ. Đó là ứng nghiệm lời nói trước của Sư.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, Sư lại buồn khóc chẳng tự ngăn được, bảo rằng: "Ai thấy được nhân của phiền não, nhỷa xuống nước tìm cái chết". Mọi người đua nhau nahỷ xuống nước để cứu. Sư bèn an nhiên ngồi thẳng dưới đáy nước mà thị tịch. Sau khi Sư tịch, năm đó hạn hán, mùa màng không thâu hoạch được gì, mọi người bị bệnh dịch mà chết rất nhiều.

30- Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu:

Thích Pháp Vận, họ Đặng, người ở xứ Trường Lâm thuộc Kinh Châu, dung nghi Sư tuấn tú, khôi ngô khác thường. đối với các thứ như Toán, Lịch, ngũ hành, Sư đều thấu suốt. Truyền thuật Sở, Nhị Hối tinh, Sư lấy vận là một. Sau, Sư gặp được Thiền sư Trí Khoáng khuyên xuất tục, Sư bèn dứt bỏ mọi thứ đua vui ở đời, cạo tóc vào Đạo, tu học Thiền yếu. Sư ưa thích nhàn tĩnh, riêng ở phía Tây bắc chùa Khai Thánh, Sư thiết lập một đạo tràng, như thường Quán hành chẳng cách sớm tối. Sư thường trì tụng Chú Thất Phật, v.v... để cứu giúp, không gì chẳng liền ứng cảm.

Đến cuối đời Tùy, có nạn hổ hung bạo, Sư xoa đầu hổ mà bảo rằng: "Thiên hạn đang lúc loạn lạc, trăm họ lo sợ, ngươi hãy nên ẩn tàng cho xa, chớ làm kẻ khác chán ghét". Đến lúc Bát Doanh giặc chủ nghe tiếng tăm Sư, thỉnh Sư an đặt cung cấp. Kế tiếp có Tiêu Tiển an lập, lại thêm sùng kính, với mọi vật thí có được Sư đều sung vào hai thứ ruộng Bi Kính.

Sư lại đến Châu Nội, lập riêng một Đạo tràng, lấy tên là tinh xá Long Quy. Tiêu Tiển bèn thỉnh hỏi Sư về mọi sự hưng vong. Sư đáp: "Bần đạo đức mỏng chẳng được sống lâu cùng làm bạn lành, thời vận chẳng thể lường biết lời nói ấy vậy, sau đó không lâu, Triệu Quận Vương Cung lại kêu gọi binh lính đến, lại thêm đảnh yết binh lính. Sư lại theo hướng Đông mà đi xuống. Đồ tượng luôn mang theo bên mình. Lại để một bức khiến Sư từ hòa chăm chú. Đáng chỗ gọi là sự cảm động của đạo đức. Sư thường có những vị tín tâm sĩ tục sớm tối cúng thí, yêu

tà quỷ quái trông thấy Sư liền hồi tâm, Xã Miếu Thần kỳ đều tham dự lãnh thọ quy giới.

Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường. Sư thị tịch, thọ sáu mươi tuổi, an táng bên cạnh tháp Thiền sư Trí Khoáng tại chùa Khai Thánh.

31- Truyện Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Định thuộc U Châu:

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, cách thành Liêu Tây có giống dân Mạt-hạt, trong đó có một người tên là Đế Thị Giai. Năm mươi tám tuổi Sư trốn vào xứ Cao-ly, nhặt được một pho trượng bằng đồng cao khoảng hai tấc, không biết đó là thần minh gì, Sư cất vào trong đẫy. Mỗi lúc có sự ăn uống rượu thịt, Sư bèn đem ra cúng tế. Bị người xứ Cao-ly bắt được, Sư kể lại đầy đủ " Tôi là người dân Mạt-hạt ở biên giới phía Bắc". Người xứ Cao-ly không tin, cho Sư là kẻ trinh thám trong quân, bèn chặt ba nhát dao, nhưng không thương tổn gì đến da thịt Sư, nên nghi Sư là vị thần, hỏi Sư có Đạo thuật gì chăng? Sư đáp: "Không có. Tôi chỉ cúng dường thần minh mà thôi." Sư bèn đem pho tượng ấy ra cho mọi người xem và nói: "Trong nước tôi gọi đây là Phật". Nhân đó, Sư nói rõ đầu đuôi ngọn ngành, xem sau lưng pho tượng phía trên có ba vết sẹo dao. Người xứ Cao-ly bèn thả, bảo Sư đến Đường quốc (Trung Hoa) vì ở đó có nhiều Phật sự lớn, đáng để thưa hỏi. Sư được tin tức ấy nhớ mãi trong lòng, lại rất nhàm chán mành lưới thế tục. Nay xuất gia ở tại U Châu, rất thông minh có nghi chỉ, Sư đi khắp các trường giảng để tham thính, hễ nghe điều liền thấu hiểu, nếu có chỗ nghi ngờ liền ghi ra. Những điều Sư hỏi đều là sâu ẩn, tư duy cao xa thật khó

32- Truyện ngài Thích Trí Hiển trụ chùa Hộ Minh ở Ky Châu:

Thích Trí Hiển, trụ chùa Hộ Minh ở Liêu châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, giới hạnh tiết tháo trinh thuần cao vợi. Sư lập tiết tháo sáng ngời, cõi lòng mạnh mẽ. Nghe sông nghe núi không gì chẳng cao thưởng. Sư chuyên việc ngồi thiền. Mọi người chẳng lường biết chỗ Sư đến.

Cuối đời Tùy, giặc giã loạn khởi, khắp nơi giao đánh liên tục không thôi. Chuyển động suốt cả tháng trời, Sư đến chỗ hai quân trận dùng đạo lý mà hòa thông, qua lại nhiều lần, đều tùy theo hòa tan. Cả Quận đều vui mừng đó và kính trọng. Sau, Sư cùng các hàng đạo tục tất cả mười người đi thẳng đến Đột-quyết và bị đuổi bắt, Sư liền ẩn thân

không trông thấy. Sau, có người hỏi, Sư bảo: “Tôi xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm nên không gặp giặc”. Có người bạn đồng học chuyên giữ sự tĩnh lắng ở tại Ky Sơn, bị kẻ săn cướp đoạt hết lương thực, từ xa Sư nhận biết việc ấy bèn sai người đưa gạo đến cho. Sư có những sự thông u mở lưới, mà mọi người chẳng thể cứu giúp. Nên biết năng lực Đại Bi cứu giúp tùy cách mà làm việc lợi sinh. Tuy hạnh vị khác thường nhưng tâm Sư chẳng khác. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

33-Thích Pháp Thông ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu:

Thích Pháp Thông, ngài giòng họ Trần, ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu. Mới đầum ngài mang pho sách vân du khắp các pháp tứ tham thính. Tùy chỗ nghe, tuy hiểu nhưng chưa thấu đạt Bổn ý. Ý tại nơi dứt lời, nhưng lời là Lý thuyên, sự cần phải rộng xem, chẳng đắm trước lấy làm gốc, không được rỗng kéo dài. Thí như Tro trừ bụi sdơ, tro cũng phải sạch.

Sau đó, ngài sang chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn tại Kim Lăng quán nhìn suối đá, Tăng chúng thanh tịnh trang nghiêm, chỉ 1 lần thấy mà liền phát tâm xuống tóc. Bấy giờ, gặp được bạn lành, ngài y theo lời Độ thoát. Bèn trì tụng Kinh Đại Phẩm, không bao lâu được thông. Ngài lại sang cối kê, nghe Pháp Sư Tuệ Mẫn ở chùa Nhất âm giảng đạo. thành đạt tự nơi Tâm, rỗng thoáng không bức lụy.

Đến năm Trinh quán thứ 15 (641) thời tiền Đường, ngài trở về lại Hàng Châu, Tô Châu v.v... khai giảng dẫn dắt nhóm tập chúng, đến thọ học Đạo có hơn 300 người. Từ đó, các Kinh Hoa Nghiêm, Niết Bàn ngài giảng liên tục hơn 20 biến. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) thời tiền Đường, Cao Vương thần ở huyện Gia Hưng ban giáng lời cầu nguyện rằng: “Hãy nên vì Ta mà Thỉnh Pháp Sư Pháp Thông truyền cho Thọ giới Bồ-tát”. Ngài y theo lời cầu thỉnh mà vì truyền trao. Thần lại ban lời cầu nguyện rằng: “Từ nay về sau, với các thứ rượu thịt ngũ tân thảy đều đoạn dứt. Như có người muốn cầu Phước thì nên thỉnh chúng Tăng đến tại miếu thiết trai hành Đạo”. lại đến năm Trinh Quán thứ 21 (647) thời tiền Đường, Bà Dương quận phủ thần ở huyện Hải Diêm, nhân thường có tế hội, mới ban giáng lời cầu nguyện rằng: “Hãy vì Ta mà thỉnh mời pháp sư Pháp Thông giảng Kinh Niết Bàn”. Các hàng Đạo tục kính nghinh phan hoa tương tiếp, ngài bèn sang đó để giảng. Đến lúc còn lại khoảng vài trang kinh, thần lại ban giáng lời cầu nguyện rằng: “Nhớ Pháp sư giảng thuyết, được bẩm thọ giáo pháp. Ở trong Thần Đạo, nghiệp chướng có lắm sự khổ não, từ khi được nghe pháp

trở lại, các loài trùng nhỏ gặm ăn đau khổ nơi vi vảy trong thân đã được nhẹ lên. Mong các hàng Đạo tụ chãy vì Ta mà đảnh lễ cầu thỉnh Pháp Sư tiếp giảng cho 1 biến Kinh Đại Phẩm". Ngài bèn thẳng trái lời ước nguyện ấy.

Đến năm Hiển Khánh thứ nhất (656) thời tiền Đường, ngài thị tịch, trước đó, ngài bảo cùng các Đệ tử rằng: "Không bao lâu nữa Tôi sẽ xả bỏ Báo thân, có thể đem thí cho các loài chum muôn". Mà ngài vẫn thường giảng, không dừng nghỉ. Sau, ở nơi cao tòa, bỗng nhiên phất trần rơi rớt xuống, ngài bèn thị tịch, hưởng thọ 71 tuổi.

34-Thích Tăng Minh ở chùa Chiêu Quả tại Đại Châu:

Thích Tăng Minh, không biết ngài là người xứ nào. Ngài ở chùa Cổ Sa Bà tại Ngũ Đài, tạo dựng phòng nhà hơn 20 gian, giữ gìn tất cả Kinh tạng. Ngài chuyên Thiền Quán lễ tụng lấy làm nghiệp chính. Ngài tự bảo rằng: "Lúc 17 tuổi, theo Thầy lên núi Ngũ Đài, theo hướng đông đến đảnh lễ núi Hoa Lâm, phỏng hỏi Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Đến trong hang đá, dần vào sâu, thấy có 1 Cối Đá chày gỗ. Lại thấy có 2 người thân hình rất lớn mà không ảnh bóng, mày dài, vén tóc phủ trên mí mắt. Thần đến đảnh lễ và thỉnh cứu. Người ấy bảo: "Ông ăn thứ gạo thóc nhỏ hôi thối từ đâu xa lại?" Thầy đáp: "Chúng con là Tăng ở chùa Chiêu Quả, u tập thiền pháp vui thích sống Đạo, ẩn cư tại Sa Bà đã vài mươi năm, nhưng ăn dùng ngũ cốc, xin nguyện chân nhân cứu giúp khổ báo!". Người ấy bảo: " Hãy chờ đợi cùng chúng bàn nghị đã". Bỗng chốc có người lại, thân hình cao lớn, mặc áo vỏ cây, bảo rằng: "Ông đến đã lâu, có theo Ta đến chùa". Đi đến bên cạnh 1 tảng đá lớn, bỗng thấy hang núi khác thường, hiên viện vây quanh, tướng trạng như ở Thiên cung. có 14-15 người đồng ngồi nói cười, hỏi từ đâu lại. nói bàn giây lâu, rồi đưa tiễn ra. Sau đó lại tìm bèn mất dấu đường. Bèn trở về lại theo hạnh nghiệp Thiền định xưa cũ". Đến năm Trinh Quán thứ 16 (642) thời tiền Đường, ngài thị tịch, hưởng thọ 81 tuổi. Nay tại chùa Sa Bà có 2 ngôi Tháp gạch hiện còn.

35-Thích Minh Ẩn ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu:

Thích Minh Ẩn, thủa thiếu thời ngài chuyên hành tập Thiền Học. Thứ đệ Quán, Thập nhập. Ngài ở tại chùa hang Mộc Qua phía bắc Trung Đài suốt 30 năm, chỉ chuyên Định nghiệp, ngoài ra không nhớ nghĩ gì. Ngài lại sang ở chùa núi Phật Quang 7 năm, lại sang ở chùa Đại phu 9 năm. Các hàng có Chí Đạo cùng tìm đến nương theo chẳng dứt.

Các hàng Đạo tục cúng dường mọi sự chất đầy cả núi rừng. Đến năm Vĩnh Huy thứ 2 (651) thời tiền Đường, Đại Châu Đô Đốc vì Tăng Đồ ở chùa Chiêu Quả mọi sự cần phải có người làm giềng mối, nên truy tìm thỉnh mời ngài về đảm nhận việc chùa. Ngài cố khước từ nhưng không khỏi được. đến tháng 10 năm Long Sóc thứ nhất (661) thời tiền Đường, ngài thị tịch tại chùa Chiêu Quả, trong dáng vẻ đoan tọa điềm nhiên như dang nhệp Định.

Tại núi Ngũ Đài có chùa Đẳng Xương xưa cũ, ở đó suối ngọt núi đẹp, hễ đi sang đó bèn quên trở về. Có vị Tăng uống nước suối mà được Tiên, thân như xác lưới, thấy suốt cả tạng phủ cốt tủy. Cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời tiền Đường đi đến nơi núi đầm, nay tại trong thôn cònc ó hơn 10 người già lão nói đó là "Núi Ngũ D(ài là nơi dừng nghỉ của các vị Thánh Thần". Tại Trung đài rất cao, đứng ngay đó, trông nhìn các núi đều thấp cả. Trên đó có dòng suối lớn tên là "Thái Hoa". Bên cạnh có 2 ngôi Tháp, phía sau các Tháp đá nhỏ có cả trăm ngàn ngôi v.v... là do Hiếu Văn (?) từ phía Bắc thường an nên đến đó dựng lập. Trên đá có dấu chân người ngựa chó nghiểm dặm, là đến chùa Đại Phu, Linh Thứu, ở phía nam có vườn Hoa. Trước sau gặp Thánh phần nhiều ở tại xứ đó. Có 2 Đạo tràng ở 2 phía Đông Tây. Ở giữa có 1 hạng, theo hướng Tây Bắc đi lên 8 dặm, có tháp của Vương Tử thiêu thân. Chùa đó vốn do người con thứ 3 của Vua (?) thời nhà Tề dựng lập. Vương Tử có tánh ưa thích Phật Pháp, nghĩ muốn được trông thấy Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, nên lại núim tìm, y như sở nguyện thiêu thân để cúng dường. Nhân đó mà có xây dựng Tháp. Chỗ cùng Nội thị Lưu Khiêm Chi ở trong chùa đó 7 ngày hành Đạo, cầu thỉnh Bồ-tát Văn Thù. Đạ gặp được Thánh Giả, che phủ Trượng Phu, hiểu ngộ nghĩa Kinh Hoa Nghiêm, mới tạo "Hoa Nghiêm Kinh luận" 600 quyển. Nay ở các chùa tại núi Ngũ Đài gom góp lại còn có 300 quyển.

Gần đây, trong niên hiệu Long Sóc (661-664) chúa thượng (tức Vua Cao Tông-Lý Trị) bảo Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương 2 lần đem vật công đức sang đó tu bổ Tôn nghi bảo tháp. Cùng các Quan ở Huyện Ngũ Đài đồng sang, đều trông thấy Thánh tích, có mùi hương thơm khác lạ, tiếng chuông ngân vang tương tục chẳng dứt.

36-Thích Pháp Không ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu:

Thích Pháp Không, không biết ngài là người xứ nào. Cuối thời nhà Tùy, ngài đảm nhậm chức Nhạn Môn Quận Phủ Ưng Kích Lang Tướng. Khi ấy ngài 40 tuổi. Bỗng nhiên ngài tự sinh nhàm chán muốn

xa lìa, trông nhìn vợ con nhà cửa như là tù ngục gông cùm. Chí ý ngài mến mộ Phật Pháp, nghĩ nhớ không thôi, ngài mới vời gọi tất cả gia thuộc đến bảo: “Tôi cùng các người đắm chìm lâu ngày sớm tối mãi khư khư chỉ là cung cấp. Nên nay mỗi tự tính lấy phương kế, tôi tự quyết định lấy đời Tôi!”.

Ngài bèn bó mạng lương thực, quấn theo chăn xiêm, 1 mình đến núi Ngũ Đài. Đói thì ăn vỏ cây Tùng đọt lá cây bách, lạnh thì vào hang dùng cỏ thiêm phủ che thân hình, chuyên nghĩ tưởng các kệ tụng cốt yếu trong Kinh, cũng không có chỗ để tham hỏi! Bấy giờ giặc cướp dấy khởi khắp nơi, đuổi đánh, chợt bắt ngài đem về Phủ Ty Quận quan sở tại giam giữ, sắp đến nơi chỗ cấm, ngài vẫn giữ Chánh niệm, không nói năng gì. Chí khí lại càng thêm hăng hái, ngồi kiết già không lay động, không ăn không ngủ đã trải qua 5 ngày. Từ thỉ lĩnh trở xuống thảy đều kinh ngạc. Nhân đó, phóng thả mặc tình ngài đi đâu thì đo. Ngài ngồi ở 1 nơi hơn 30 năm, chim thú lấy làm thân gần. Vợ con tìm kiếm gặp gỡ được, muốn mang lương thực đến, ngài bảo: “Tôi nhàm chán thế tục mới sống Đạo, lấy sự giải thoát làm đầu. Từ nay trở đi chỉ xin nguyện làm Thiện tri Thức. Nếu chẳng phải các người ràng buộc, tôi sao giải mở đó? Lại chẳng cần cùng trông thấy”. Từ đó, bèn dứt tuyệt. Ngài ở nơi chỗ sâu xa lâu ngày, thường có tiếng trong trẻo gọi rằng: “Không Thiền!” cứ như thế chẳng chỉ 1 lần. Ngài biết là do cảnh giới nơi tự Tâm, mới dùng pháp dứt trừ đi. Sau đó bèn được an tịnh. Mới đầu, ngài tập học pháp “Cửu thứ Đệ Định”, đem Thiền dụng mới tỏ sáng, sau cùng vì đối trị chướng ngại, ngài bèn học Pháp “Đại thừa ly tướng”. Như có người theo học, ngài cũng lấy đó để dạy răn.

Không biết về sau ngài như thế nào.

37-Thích Minh Tuấn ở chùa Định Thủy, tại Kinh Đô:

Thích Minh Tuấn, ngài giòng họ Tôn, người ở đất tề, khéo giỏi Chương thảo, ngài thường lấy Kinh Kim Cang Bát Nhã làm hạnh nghiệp chính.

Ngày 12 tháng 2 năm Vĩnh Huy thứ nhất (650) thời tiền Đường, tối đó bỗng nhiên ngài chết ngất, trên tim vẫn còn nóng ấm, qua giờ sau sống lại, ngài nói rằng: “Mới đầu có 2 Đồng tử mặc áo xanh dẫn đến chỗ Vua hỏi rằng: “Trọn 1 đời làm hạnh nghiệp gì?” Ngài đáp: “Chỉ tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã”. Vua nói: “Không thể nói Sư có thể trở lại tụng đủ 20 vạn biến, năm sau hẳn sinh về Tịnh Độ. đệ tử không thấy sư nữa vậy!”. và trở lại sai 2 Đồng tử mặc áo xanh đưa ngài trở về lại

chùa". Từ đó, ngài tinh cần khổ tiết gấp bội trăm vạn lần. Qua tháng 3 năm Vĩnh Huy thứ 2 (651) thời tiền Đường, ngài thị tịch. Chúng Tăng trong chùa đều nghe có mùi hương thơm khác lạ.

38-Thích Minh Giải ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô:

Thích Minh Giải, ngài giòng họ Diêu, ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô. Ngài có Thần Minh rộng rãi, hiểu biết tài học, đàn thơ họa viết nổi tiếng tại Kinh ấp. Nhưng ngài điệu tình thoáng hoảng, rất vì hiểu biết mà tự ngạo, đối với mọi người lớn nhỏ, ngài không tâm kính trọng, đến như mọi sự ăn uống cũng không khác thường tục.

Gặp trong khoảng niên hiệu Long Sóc (661-664) thời tiền Đường, Vua Cao Tông (Lý Trị) có nêu mời ở trong Tam giáo những ai có khả năng Quán Quốc, sách để Tân Vương. Nhân lúc đó, ngài đến Đông Đô, sách đệ kịp đó, hàng thứ tướng sĩ, mới cởi áo ca sa, nói rằng: "Nay Tôi cởi bỏ da lừa này, dự tại nơi các người vậy!" Bèn thiết đặt rượu, nhóm tập các hàng sĩ tục, ngâm phú lời thơ rằng: "Nhất thừa vốn chẳng có, Tam Không về chỗ nào v.v..." sau đó không bao lâu, ngài mắc bệnh mà tịch.

Có vị Tăng bạn ngài mộng thấy, ngài bảo rằng: "Minh Giải Tôi vì không tin, nên nay sinh trong ác đạo, rất khốn khổ đói khát, cớ sao chẳng vì tình xưa cũ mà thiết đặt cho 1 bữa ăn ư?" Đến lúc tỉnh giấc, vị Tăng ấy bèn bày các thứ ăn nơi đồng trống mà cúng tế đó. Lại mộng thấy ngài tỏ vẻ rất hổ thẹn v.v... Ngài lại giáng mộng gá cùng người thợ họa mà từ trước đồng cùng làm việc, ngài nói rằng: "Ta vì chẳng kính tin, nên sinh nơi rất xấu ác, nghĩ muốn được công đức không do đâu có thể tạo tác. Ông xưa trước cùng với ta là chỗ quen biết, sao chẳng thể biết giúp cho 1 vài quyển Kinh ư?" Ngài lại để lại cho người thợ họa 1 bài thơ rằng:

"Nắm tay chẳng thể lìa
Vỗ ngực liền tự đau
Khổ thay thời gian ngắn
Buồn thay đường suối dài
Gió Đông thổi chiều sợ
Mã hoang sương lạnh rơi
Lưu tình có gì Tăng
Chỉ Nội điển chương này!"

Người thợ họa ấy không biết viết, bảo tụng 18 biến đã tiện đi. Sau khi tỉnh giấc, người thợ họa đến nói cùng các hàng Tăng tục về việc đó.

Than ôi! Sa-môn Minh giải đáng tiếc 1 đời vọng còn ư? Ta tự lấp vùi ngàn năm. Đó có nghĩa là nhọc sống nhọc chết. Bậc Đại Thánh đâu nói lời hư dối ư?

Lại nữa trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, tại Lạc Châu có Tống Thượng Lễ là người học rộng rất có Thần minh, khéo giỏi làm thơ phú quỷ quyệt. Đến lúc bải quan huyện trở về, nghèo khổ không có ăn. Lại khéo giỏi xin vay mượn gánh chịu đó, chỉ mong cúng thí lương thực cho chư Tăng thì trọn có được phước lành." Các quan thái thú, Tể Tướng v.v... mừng cái nghĩa cửa cao đẹp của ngài, bèn chu cấp cúng thí khắp cùng. Ngài mới phân định chư Tăng ở 2 nơi, mỗi nơi đặt để cho 1 bịch gạo, có khoảng 10 hộc. Trong đó, 1 chỗ, Đồ chúng có hơn 40 người thuần học kinh giáo Đại Thừa và tu hành Thiền nghiệp, trải qua cả năm mà gạo ăn vẫn như nguyên vẹn không hao giảm. Và 1 chỗ có khoảng 50-50 vị Tăng, vừa mới qua 2 ngày mà gạo ăn bèn đã hết, do vì chẳng tu Thiền Nghiệp lại chuyên học hành Ngoại giáo/ ngài bảo rằng: "Không có gì đáng lấy làm quái lạ, người hay hành Đạo thì có sự ban huệ của Bạch Hào. Bởi vì Đạo nghiệp, Lý hẳn thường không". Khi đó, những vị lánh nạn càng thêm đông nhiều, lại gặp tệ hại mưa dầm, không nơi dừng nghỉ. Tại núi có 1 hang lớn là nơi sinh sống của Thú dữ, ngài sang đến hang huyệt ấy, bảo rằng: "Ngày nay, những khách khốn cùng cùng nhau tìm đến, có thể được dung chứa chăng?" Hổ mới cùng dẫn nhau đi chỗ khác. Chư Tăng bèn được có nơi nương tựa. Nhưng nghe các Kinh Hoa Nghiêm v..v. đến những nơi khó hiểu, ngài lại đến An Châu. Tại đó, có Đạo Sĩ Thái Tử Hoảng là người nhàn rồi tập học nội ngoại giáo điển, thực xem thường chư Tăng. Các hàng Đạo tục nhóm tập đông nhiều tại chùa Tăng, mới mới Thái Tử Hoảng khai giảng Kinh Phật. Ngài bảo: "Ông hình tướng đồng với Ngoại Đạo, Tà thuật ràng buộc nỗi lòng. Giả sử có giảng Kinh Phật trọn kết quy vì danh lợi. Tôi đây không tên tuổi trong các hàng Đạo Tục, cốt yếu chỉ là Thích Tử. thân đã đến đây, chẳn không thể đi. Ông sớm có thể nhận biết căn cơ trước, không thì sẽ hối hận ở sau". Thái Tử Hoảng nghe thế, nín lặng thùi thụt giây lâu rồi rút lui. Khi đó Đại chúng đều tán thán rằng: "Bồ-tát Hộ Pháp, thật là người này đây vậy!".

Ngài cho rằng áo điển Kinh Lăng Già bị trầm lắng đã lâu ngày, do đó ngài cố truy tìm, không sợ gian nguy hiểm trở, gặp được hàng hậu duệ của Thiền Sư Huệ Khả đang hưng thạnh tập hành Kinh ấy, ngài liền đến nương tựa nghe học, và thường khơi kíc Đại tiết. Vị ấy bèn xả bỏ Đồ chúng, mặc tình ngài chuyển đổi giáo hóa, ngài liền liên tục giảng

hơn 30 biến. Lại gặp được Thiền Sư Huệ Khả thân gần truyền trao cho Ngài. Ngài y cứ theo nhất thừa Tông của Nam Thiên Trúc mà giảng đó, lại được 100 biến nữa. Kinh ất vốn do Tam Tạng Pháp Sư Cầu-Na-Bạt-Đà-La phiên dịch ở thời nhà Tống, và do Pháp sư Tuệ Quán bút thọ, nên Văn từ nghĩa lý đều hài hòa, hành chất cùng suốt, chuyên chỉ Niệm huệ chẳng chú trọng nói bàn. Về sau Thiền Sư Bồ Đề Đạt Ma đem hoằng truyền ở Nam Bắc, lấy "mất lời, mất nghĩ nhớ, vô đắc chánh Quán" làm Tông, tiếp sau đó lại hành hóa tại Trung Nguyên. Thiền sư Huệ khả là người mở đầu thành đạt được then chốt. Tại Đất Ngụy về phần Văn học đại đa số chẳng đếm xỉa đó. Những người lãnh tông đắc ý ở thời bấy giờ hay khải ngộ. Nay vì con người thời đại dần cách xa nên khiến sai lầm ở hàng Hậu học, tại Biệt truyện của ngài Huệ Khả lược có thể rõ ràng đó, nay theo tuần tự từ Thầy thừa truyền để làm tiếp nối, chỗ học rõ ràng có được chứng cứ như sau:

Sau Thiền Sư Bồ-Đề-Đạt-Ma thì có 2 người là Thiền Sư Huệ Khả và Huệ Dục. Thiền Sư Huệ Dục thì thọ học Đạo tâm hành, miệng chưa từng nói. Còn sau Thiền Sư Hiệ Khả thì có Thiền Sư Sán, Thiền Sư Huệ, Thiền Sư Thạnh. Lão Sư Na, Thiền Sư Đoan, Thiền Sư Trưởng Tạng, Pháp Sư Chân, Pháp Sư Ngọc (Những vị trên đây đều dùng miệng giảng truyền Huyền lý, chẳng lưu xuất Văn ký) nên sau Thiền sư Huệ Khả thì có Lão sư Thiện (xuất sao 4 quyển), Thiền Sư Phong (xuất sớ 5 quyển), Thiền Sư Minh (xuất sớ 5 quyển), Thiền Sư Hồ Minh (xuất sớ 5 quyển). Còn tiếp nối cách xa sau thiền sư Huệ Khả thì có Thiền Sư Đại Thông (xuất sớ 5 quyển), thiền sư Đạo Âm (xuất sao 4 quyển), Pháp sư Xung (xuất sớ 5 quyên, Pháp Sư Ngạn (xuất sớ 5 quyển), Pháp Sư Sủng (xuất sớ 8 quyển) Pháp Sư Đại Minh (xuất sớ 10 quyển). Ngoài ra còn có những vị không tiếp thừa từ Thiền sư Huệ Khả mà chỉ tự y theo Nhiếp Luận thì có Thiền sư Thiên (xuất sớ 4 quyển). Luật sư Thượng Đức (xuất nhập) (Lăng Già sớ 10 quyển). Sau Lão sư Na thì có Thiền sư Thật, Thiền sư Hụê, Pháp Sư Khoáng, Thiền sư Hoằng Trí (Tên ở chùa Tây Minh tại Kinh Đô, nhưng sau khi tịc thì pháp tuyệt). Sau Thiền sư Minh thì có pháp sư Già, Pháp Sư Bảo Du, pháp sư Bảo Nghinh, pháp sư Đạo Oánh (đều lần lượt truyền đăng, mãi đến ngày nay vẫn còn xiển dương hoằng hóa).

Còn ngài (Pháp Xung) tự theo Kinh thuật, chuyên lấy Lăng Già làm mạng gia, trước sau phu tuyên xiển hóa gần 200 biến. Nếu cần liền vì giảng, chưa từng giẫm trải qua văn, mà thông biến vừa duyên, nươngThế đào luyện dẫn dụ, đắc ý như nhất, tùy nói liền khác. Những người cầu học khổ nhọc thỉnh cầu ngài lưu xuất nghĩa giải. ngài bảo:

“Nghĩa tức là Đạo Lý vậy. lời nói đã thô, huống hồ buông tuồng trên giấy, lại là Thô của trong thô vậy”. song, sự chẳng thể đừng, nên ngài bèn phải soạn thuật sớ 5 quyển, nêu đề là “Tư Ký” (ghi nhận của riêng) nay đang hưng thạnh hoằng truyền đó.

Mới đầu, ngài du hành khắp Đông Xuyên, chẳng nhận Quan quán, từ có lần độ, nhưng ngài cao nhượng chẳng nhận. Đến lúc gần 50 tuổi, có được sắc ban Độ người. Duyên Châu Độ ức khiến vào Độ, lệ thuộc ở chùa Pháp Tập trong Châu Độ, tuy Danh dự nơi Công Quán mà ngài thường nương náu nơi suối đá. Vỗ về tiếp nối thiếu thừa, lấy đó làm tâm. Phòng Công với ngôi vị ở Đài Phụ, gởi thư thỉnh mời ngài vào. Nhận được thư, ngài để lại sau lưng rằng: “Nơi Tam giới, Ta không chỗ cần. Đến Tam Hoè chỗ ông đã hết”. Phòng Công lại tiếp thỉnh mời. Ngài không còn giữ thái độ thường hằng, vùn vụt đến nơi Đô ấp, tức hoằng dương Đại Pháp, sáng rực lay động các bậc anh tài, mũ lọng may ùn ngợi khen là điều chưa từng có! Trung thư Đổ Chánh Luân đích thân đến nơi pháp tịch, bình luận rõ ràng Pháp Nghĩa. có Pháp Sư Nhuận ở chùa Hoằng Phước mới đầu chưa nhận biết về Ngài, mới hỏi rằng: “Lão Đại Đức ở xứ nào?” Ngài đáp: “Lão Tiểu Tăng ở tại Duyên Châu vậy!”. Pháp sư Nhuận lại hỏi: “Từ xa đến có việc gì?” Ngài đáp: “Nghe ở đây thiếu Pháp nhất Thừa, nên muốn phô bủa lưới Pháp nhất thừa để lọc bắt cá rồng Tín Địa, nên đến đây vậy”. pháp Sư Nhuận tự bảo: “Đây thật là bậc Khai Sĩ Đại Tâm vậy!”

Nhân đi đến chùa Đại Hưng Thiện, gặp lúc Vạn Niên lệnh Trịnh Khâm Thái đến chùa đánh người. Ngài cản ngăn đó và bảo rằng: “Ông chớ được đánh người ở nơi chùa chiền”. Trịnh Khâm Thái nói: “Tội đánh người, Tôi đây tự nhận lấy”. Ngài bảo: “Đạo chẳng tự nhận lấy, có thể khiến kẻ khác nhận. Nhưng, nước nhà dựng lập chùa chiền, vốn muốn an ninh xã tắc, chỉ có hành Thiện ở đó. Nay Ông lại đánh người nơi chốn chùa chiền. Đâu thể gọi là vì nước nhà mà cầu Phước ư?” Trịnh Khâm Thái liền đảnh lễ sám tạ.

Lại nữa, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang không chấp thuận giảng truyền các Kinh pháp đã phiên dịch xưa cũ. Ngài bảo: “Ông y cứ theo kinh điển phiên dịch xưa cũ mà xuất gia. Nếu chẳng hứa thuận hoằng truyền Kinh điển ấy. Ông nên hoàng tục rồi y cứ theo Kinh điển mới phiên dịch mà xuất gia. Tôi mới chấp thuận ý ấy của ông vậy!”. ngài Huyền Trang nghe thế bèn chấm dứt. Đó cũng là bậc sĩ sống ở đời hoàng dương Kinh điển hộ pháp, cường ngự cũng không thể kịp vậy! Nhưng cuộc đời ngài vân du hoằng Đạo lấy làm việc chính, không từng

có bến đậu, nên Bộc Xạ Vu Chí Minh nói: “Pháp Sư đây mới là vị Tăng Pháp giới Đầu Đà vậy, không thể lấy Tên thật mà bó buộc đó!”

Trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh (656-661) thời tiền Đường, ngài nói trở về lại Đông Hạ. Đến nay đang trong niên hiệu Lân Đức (664-666) thời tiền Đường, ngài đã 79 tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 26 B hết.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 26 C

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG.

TRONG PHẦN 3 CHƯƠNG VI

(chánh truyện có 45 vị, phụ có 2 vị)

1- Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

2- Thích Trí Ẩn ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô, thời tiền Đường.

3- Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na người nước Trung Thiên Trúc, thời nhà Tùy.

4- Thích Minh Đản ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

5- Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

6- Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

7- Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

8- Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

9- Thích Đạo Sán ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

10- Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

11- Thích Tăng Cái ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

12- Thích Đàm Giai ở chùa Nhật Nghiêm tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

13- Thích Đạo Quý ở chùa Tùy Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

14- Thích Tăng Thuận ở chùa Huyền Pháp tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

15- Thích Pháp Hiển ở chùa Sa-môn tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

16- Thích Tăng Thế ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

17- Thích Pháp Châu ở chùa Tĩnh Giác tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

18- Thích Tuệ Đảng ở chùa Diên Hưng tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

19- Thích Trí Quang ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

20- Thích Trí Giáo ở chùa Hoằng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

21- Thích Viên Siêu ở Kinh Đô, thời nhà Tùy.

22- Thích Tuệ Tạng ở chùa Quang Minh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy (Pháp Thuận).

23- Thích Bảo Hiến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

24- Thích Pháp Lãng ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

25- Thích Đàm Toại ở chùa Chân Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

26- Thích Đàm Quán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

27- Thích Linh Đạt ở chùa Diên Hưng tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

28- Thích Tăng Hân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

29- Thích Huyền Cảnh ở chùa Không Quán tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

30- Thích Trí Qũy ở chùa Hoằng Tế tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

31- Thích Tăng Phạm ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

32- Thích Bảo An ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

33- Thích Bảo Nham ở chùa Nhân Giác tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

34- Thích Minh Ngự ở chùa Vô Lậu tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

35- Thích Đạo Sinh ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

36- Thích Pháp Tánh ở chùa Thăng Quang tại Kinh Đô, thời nhà

Tùy.

37- Thích Biện Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

38- Thích Tĩnh Ngưng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

39- Thích Pháp Khải ở chùa Dương Hóa tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

40- Thích Trí Năng ở chùa Chuyển Luân tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

41- Thích Đàm Lương ở chùa Chân Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

42- Thích Đạo Tung tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

43- Thích Trí Nghi ở chùa Tĩnh Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

44- Thích Đạo Nhan ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

45- Thích Tịnh Biện ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

1- Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Đạo Mật, ngài giòng họ Chu, người xứ Tương Châu. Mới đầu, ngài đến nương tựa Tam Tạng Pháp Sư Da Xá, tập học Phương nghe. Sau, ngài lại đến Nghiệp đô, rộng nghe giảng các Kinh giáo Đại Thừa, Thần thức Tâm Tư đã khai mở, Lý đạt suốt cùng, đến như Tây Phạm Văn Ngôn, ngài tiếp gót những bậc anh tài xưa trước. dị thuật tài năng ưu thắng của ngài vang vọng từ thời nhà Tề. Đến lúc thời vận nhà Tùy mở thoáng, sự nghiệp hoằng truyền Phật pháp lấy việc phiên dịch làm đầu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) thời nhà Tùy ban sắc thỉnh mời ngài đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô. Thầy trò đạo thành lại hoằng dương Phạm ngữ, nhân đó, ngài theo Pháp bổn để ý truyền trì.

Gặp lúc trong niên hiệu nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, mở đầu công việc tạo dựng các Bảo tháp, chọn lựa những bậc đức hạnh cao vời, Vua Văn Đế lại ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Đại Hưng Quốc tại Đồng Châu. Chùa đó vốn là nơi Vua Văn Đế chào đời. Chỗ đó vốn là nền móng chùa ni Bát Nhã vậy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) sinh ngày 13 tháng 6 năm Đại thống thứ 7 (541) thời Tây Ngụy tại trong chùa đó. Lúc ấy có ánh sáng sắc đỏ soi chiếu trong phòng nhà lưu tràn ra ngoài cửa. Hơi khí sắc tía đầy khắp sân, tướng trạng như lầu các, sắc nhiễm vào áo người, trong ngoài đều kinh cấm. Khi ấy mẹ vó nóng bừng, phải đến để quạt, lạnh dứt tuyệt hẳn, khốn khố chẳng thể khóc. Có 1 vị Thần Ni tên là Trí Tiên vốn con gái nhà

họ Lưu ở Bồ Phản, Hà Đông, xuất gia từ thủa bé, rất có giới hạnh. Hoà thượng vị mất đó, sợ lo rơi vào giếng, nhưng lại tìm thấy ở trong Phật Thất, nghiểm nhiên tọa Định, khi ấy, Thần Ni chỉ mới vừa 7 tuổi bèn lấy pháp Thiền Quán làm hạnh nghiệp chánh. Đến ngài Vua Văn Đế chào đời, tự nhiên mà đến, Trí Tiên nói cùng Thái Tổ rằng: "Đứa bé được sự che chở của trời Phật, chớ nên lo sợ vậy." lại bèn đặt gọi tên Vua là "Na La Diên", nói nghĩa là như Kim Cang, không thể hư hoại vậy. lại bảo: "Trong tương lai, đứa bé sẽ sống khác thường." và cho là ở nhá thế tục uế nạp, nên Tự vì dưỡng nuôi đó. Thái Tổ mới cắt đất vườn nhà để làm chùa, bên trong trô thông 1 cửa nhỏ. Và đem đứa bé giao cho Thần Ni, không dám hỏi han. Sau đó, có lần Hoàng Tỷ lại muốn bền ẩm, bỗng thấy đứa bé sẽ có được Thiên hạ. Đến lúc Vua được 7 tuổi, Trí Tiên bảo cùng Vua rằng: "Con sẽ được đại quý từ Đông quốc mà lại. phật pháp đang lúc bị hoại diệt, ắt phải do nơi con mà phục hưng lại!". và, Trí Tiên thường luôn trầm lắng ít nói, nhưng khi nói đến mọi sự thành bại tốt xấu, không gì chẳng phù hợp. Mới đầu, Vua được dưỡng nuôi tại chùa, năm Vua 13 tuổi mới được đưa về nhà, suốt hơn 30 năm, Vua chưa từng bước ra khỏi cửa nhà. Kịp đến lúc thời Bắc Chu phá diệt Đạo Giáo và Phật Giáo, Trí Tiên ẩn cư tại Hoàng Gia, bên trong đắp mặc pháp y, giới hạnh vẫn không cải đổi. Về sau, quả nhiên Vua Văn Đế từ Đông Sôn vào làm Thiên tử, trùng hưng Phật Pháp, đều đúng như lời nói của Thần Ni Trí Tiên vậy. sau khi lên ngôi, Vua thường đoái hoài với Quần thần, nghĩ nhớ đến A Xà Lê (Trí Tiên) lấy làm lợi thật. Vua nói rằng: "Ta được ngôi vị do từ Phật Pháp, mà khéo ăn các thứ mè đậu, Thân trước tợ như từ trong Đạo nhân mà lại. do vì lúc bé thơ ở tại chùa, nên đến nay vẫn luôn ưa thích nghe tiếng chuông". Mới bảo Sử Quan Vương Thiệu vì Thần Ni Trí Tiên mà viết thuật truyện. trước lúc lên ngôi, Vua ngầm ở trải qua cả 45 châu, nên đồng 1 lúc đều làm chùa Đại Hưng Quốc. Nhân đó, mà cải đổi 1 nơi này là chùa Bát Nhã vậy. năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùym Vua Văn Đế và Hậu cung đồng cảm có Xá lợi và đểu tỏa phóng ánh, sáng, dùng chày đá đập thử nhưng vẫn uyển nhiên không vỡ mát, bèn ban rãi nghinh thỉnh đến các Châu Quận, trước sao tạo dựng Bảo tháp có hơn trăm ngôi. Tùy những nơi có đặt hạ Bảo tháp, Vua đều bảo đồ họa ảnh tượng Thần Ni, và có lắm Linh tướng. Nên trong bài Minh viết rằng: "Duy ngày...tháng...năm, Dương Kiên (Khiêm) Hoàng Đế thời nhà Tùy là Đệ tử Phật thọ giới Bồ-tát Kính bạch 10 phương 3 đời hết thảy Phật Pháp Tăng! Đệ tử nhờ phước lành chở che của Tam Bảo, làm Vua cha của muôn dân, nghĩ

cùng các các hàng dân thứ đồng kiến lập Bồ Đề, nên nay phân bố Xá lợi đến các châu quận để cúng dường, muốn khiến mọi người khắp nơi đồng tu thiện nghiệp, đồng chứng Diệu quả. Nhưng vì Đệ tử và cả Pháp giới u hiển, 3 đường 8 nạn, sám hối hành Đạo, phụng thỉnh 10 phương thường trú Tam Bảo, nguyện khởi Từ Bi, ghi nhận sự cầu thỉnh của Đệ Tử v.v... mà ứng hiện nơi Đạo tràng chứng minh cho Đệ tử vì các loài chúng sinh mà phát lồ sám hối...!" Văn dài không ghi chép hết.

Ngài (Đạo Mật) vì tiếng tăm vang khắp, nên nghinh đưa Xá lợi đến trong chùa đó, mới đầu lúc hạ Tháp, trong cả 1 Viện ánh sáng tỏa khắp, giữa khoảng sắc màu vàng trắng lẫn lộn sắc đỏ, vây nhiễu suốt cùng, lâu sau mới diệt. Các hàng Đạo tục trong ngoài đều đồng 1 lúc trông thấy. Tại chùa đó có 4 cửa, mỗi cửa dựng lập 1 Văn bia. Nơi Điện-Tháp hiên vũ cho đến chỗ đất sinh sống thảy đều trang nghiêm tráng lệ ngời sáng khắp cả thành ấp.

Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Phổ An tại núi Hoàng Hộc. Lúc đào nền móng tới nước, có được 1 Tôn tượng bằng vàng cao 1 thước, nghi chế đặc dị. Ngay lúc hạ Tháp có 1 đàn chim ở đồng hoang đến bay liệng phía trên Tháp, mọi sự hoàn thành bèn liền tản mát. Lại thấy có cành hoa bằng vàng vọt hiện giữa hư không, giây lâu mới ẩn xuống mất. Ở trong nền móng tháp lại tỏa phóng ánh sáng, sau dần rộng lớn ra nhiễu quanh tháp 3 vòng. Chùa đó ở nơi cao vợi, vốn không có suối nước, mỗi lúc cần dùng thì phải xuống gánh múc dưới xa. Chỉ trong 1 đêm nọ, cách nơi tháp khoảng 5 bước, tự nhiên có hơi khí nước suối tuôn vọt ra có đồng như làm sóng ở giếng, rộng như chỗ ghi thuật của Vương Thiệu vậy.

Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) thời nhà Tùy, ngài lại dời đổi từ Lạc Dương đến Vườn Thượng Lâm, thiết đặt Phiên Kinh Quán, nhân đó mà chuyên việc truyền dịch và Ngài bèn thị tịch tại đó. Các kinh điển ngài phiên dịch như ở sự ghi chép của Phí Thị vậy.

2-Thích Trí Ẩn ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô:

Thích Trí Ẩn, ngài giòng họ Lý, người xứ Bối Châu. Ngài tức là Đệ tử của Tạng Công Hoa Nghiêm (Pháp Tạng). Từ thủa thiếu thời đến lúc trưởng thành, ngài tuân hành hoằng truyền Đạo nghĩa với mọi sự Tuệ giải được truyền trao, ngài đã nhận thọ thì không cầu thỉnh hỏi lại. mà Thần khí ngài tuấn tú trác việt cao nhã, mến chuộng thanh hư. Bấy giờ, những lúc ngài đáp thuật đàm nói, người nghe quên cả nhọc mệt.

Năm Khai Hoàng thứ 7 (587) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời chư vị Đại Đức cùng Tạng Công đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, để luyện thông các bộ Đại Trí Độ Luận. A Tỳ Đàm Tâm Luận và Kim Cang Bát Nhã Luận v.v... thấu suốt hang huyệt. Đến năm Khai Hoàng thứ 6 (596) thời nhà Tùy, vì thấu hiểu gồm cả thường lệ cần phải có người tiếp nối làm ngời sáng lớn mạnh, nên Vua lại ban sắc bổ sung các giảng chúng chủ. Và ở tại chùa Kinh Tạng xiển dương các Bộ trước.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, mở đầu tu tạo phước nghiệp, Vua Văn Đế ban sắc nghinh đưa Xá lợi đến chùa Pháp Tụ tại Ích Châu. Chùa đó do Thục Vương Tú tạo dựng nên. Trên đường vừa đi đến Ngang Thục, khai hóa càng xương thạnh, nghiêng dốc cả Kim bối ấy, sau đó tức liền thành tựu. Về sau lại vâng phụng sắc chiếu nghinh đưa Xá lợi đến thiết đặt Bảo tháp tại Tân Châu. Trời mưa hoa lạ, mọi người được 1 nữa hợp. Lại tỏa phóng ánh sáng sắc tía, biến thành 5 sắc. Người mù đến lễ sám, bỗng nhiên liền được sáng cả 2 mắt, vất bỏ gậy mà trở về. Những người bị các chứng bệnh phong liệt co quắp v.v... các loại thảy đều được như vậy. đến lúc sắp hạ tháp, trời mưa hoa bạc, tỏa phóng ánh sáng sắc trắng trước sau không chỉ 1 lần. Ngay lúc nhập Tháp, có 6 con chim lớn liệng bay lẫn lộn giữa khoảng mây, khi bít lấp hoàn thành, thì đều tan mác.

Ngài (Trí Ẩn) đem những sự việc ấy tấu trình, Vua Văn Đế rất vui mừng, giao phó ngài trước thuật lại. sau đó, ngài thị tịch tại Kinh Đô.

3- Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na:

Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na, ngài ở nước Ma Kiệt Đà thuộc Trung Thiên Trúc. Ngài học gồm các tạng, có tài năng khác lạ nghệ thuật lắm nhiều luyện thông ở đời. Khi đang ở tại Bổn quốc quả đất bỗng nhiên chấn động nức nẻ, nơi chỗ mở tung ấy rất sâu không đáy, đến bên cạnh bờ mé có được 1 Bia đá, có lời văn ghi rằng: “Ở phía đông nước Chấn Đán có nước tên là Đại Tùy, thành tên là Đại Hưng, Vua tên là Kiên (Dương Khiêm-Văn Đế) ý muốn kiến lập Tam Bảo, tạo dựng các tháp phụng thờ Xá Lợi”. Vua tôi nước ấy vui mừng cảm điềm tướng tốt lành, hỷ hoan với điều hiếm có, mới chiêu mộ các hàng Đạo tục có hơn 50 vị, vẫn từ Linh tướng ấy, mới đầu nghinh đưa đều ra Vương Phủ, trên đường đi gặp phải giặc dã bắt bớ tản mác gần hết. Chỉ còn được vài người lánh trốn đến đây (Trung Hoa). Tức năm Nhân thọ thứ 2 (602) thời nhà Tùy, vừa đến cung Nhân Thọ. Tính lại mới đầu từ lúc chỗ đất

nứt nẻ có được Văn Bia tức là năm Khai Hoàng thứ 14 (594) thời nhà Tùy, rồi đi đường trải mất 9 năm mới tới Đông Hạ.

Khi đó gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) cảm được Xá lợi, các châu quận khởi tạo Bảo Tháp. Điềm lành từ trời rơi xuống, điềm lành từ đất vọt lên, trước sau mọi sự linh cảm có cả trăm lần, khắp cả nước ngợi ca vui mừng, Phật Pháp trở lại hưng thạnh. Quan Hữu Ty đem mọi sự việc tấu trình, Vua cho đó là sự nơi Đại Hạ nêu bày vết tích Đông hoa. Tốt lành đó từ xa đi đến, nên nghi Ngài là bậc đã chứng Thánh Quả. Lại dẫn mời ngài vào Điện Đại Bảo, tự thân Vua co quắp 4 ngón tay, trông nhìn lại các hàng Quan liêu rằng: “Có hiểu được ý của Trẫm chăng?” Mọi người đều chẳng hiểu gì. Nhân đó Vua hỏi ngài: “Có hiểu ý chăng?” Ngài bảo: “Ý Đàn Việt cho rằng Bần Đạo là người đã chứng đắc Tứ quả ư?” Thật chẳng đứng vậy!” Vua rất lấy làm lạ đó, mới thiết đặt ngài ở vào nơi Biệt quán, cung cấp hoa trọng cổ ăn, dùng men rượu hòa với bột gạo phỏng làm thành bánh điều hòa thời gian mà chẳng dậy. Nhân đó đem hỏi ngài. Ngài đáp: “Đó chẳng hợp thức ăn”. Bèn dùng nước ngào bột nấu đó cùng với men thường chẳng khác. Vua hỏi ngài: “Nay tạo các Linh Tháp ở khắp các Châu. Ở tại Tào Châu và Thiểm Châu có lắm điều ứng tốt lành, ai có thể đến đó ư?” Ngài đáp: “Tại Thiểm Châu hiện cây Bồ-tát Địa Tạng, tại Tào Châu Hoa sáng Hư Không Tạng”. Vua lại hỏi: “Hoa trời tợ vật gì?” Ngài đáp: “Tợ như men mây mỏng, hoặc bay hoặc rơi rớt nơi đất. Tuy rơi rót nơi đất mà ánh sáng vẫn kỳ đặc ưu thắng”. Vua kín đem men may xinh đẹp và chỗ dâng hoa trời mỗi thứ 1 sọt, dùng để chỉ bày cho mọi người, không có khác biệt. Vừa mới đem hỏi Ngài ngài liền nhận biết hoa trời mà thua kém men mây. Kịp đến lúc Hiến Hậu qua đời, giữa không trung có vang vọng tiếng âm nhạc và cảm nghe có mùi hương thơm khác lạ. Vua đem đủ mọi sự việc ấy hỏi ngài. Ngài bảo: “Ở cõi Tịnh Độ tại phương Tây có đức Phật hiệu là A Di Đà. Hoàng Hậu vãng sinh vậy”. vua rất lấy làm kỳ lạ về sự nhận biết soi xét của ngài, nên ban tặng hơn 2000 xấp lụa quyên. Ngài cố khước từ không nhận, nhưng vì Vua quá cưởng thỉnh, ngài mới nhận lấy và ban thí khắp cùng các phước địa. Thấy ở truyện cảm ứng vậy.

4-Thích Minh Đản ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô:

Thích Minh Đản, ngài giòng họ Sử, người ở đất cấp, Vệ Châu. Ngài chuyên hành Luật nghi, giẫm bước trông theo các bậc tiền Hiền. Thông rành các Kinh Thập Địa, Địa Trì, tùy cơ giảng giải. với Nhiếp

Đại thừa luận thì càng thấy ngài hoằng dương rộng rãi. Sau, vào Kinh Đô, ngài ở chùa Thắng Quang, ngài luôn ôn hòa thuần hậu, tánh không bức bạo.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) thời nhà Tùy có ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến Tương Châu lên ở chùa Phụng Lâm. Nền tảng chùa đó được xây dựng từ thời Nam Lương, nhưng đến thời nhà Tùy càng mở thoáng rộng. Rừng cao giẫm đến hang cốc nối liền phòng viện, Tùng trúc giao nhau ngời ánh, suối đá nước đổ rì rào, ấp thất cùng trông hết cả nhàn cử. Như có người vân du đến trông xem thảy đều quên cả trở về. Ngày Vua Văn Đế đang còn ẩn dật, nhân sang chùa lễ bái, xin nguyện hoằng hộ, kịp đến lúc lên ngôi báu, nhờ nghĩ phước duyên xa xưa, nên hằng năm Vua thường đến chùa thiết bày cúng dường lớn. Và bèn cải đổi tên hiệu chùa là Đại Hưng Quốc. Kịp đến lúc ngài đến đó thiết đặt nền tháp, tại viện phía đông của chùa đào đục đất đá xuống vài thước, có được 1 Bình Lưu Ly, trong bình có 8 viên Xá Lợi tán tụ phô bày tướng tốt lành. Hình chất chẳng nhất định, hoặc hiện toàn vỡ nát, hoặc hiển phát thần kỳ, ngài liềncùng bảo nghinh đưa về đồng chỗ tạo dựng Bảo tháp. Lại đục xuyên sâu xuống, có được 1 tảng đá, có bài minh ghi rằng: "36 năm sau niên hiệu Đại đồng, khai mở hoằng hóa của Nhân thọ". Y cứ theo đó mà nghiệm xét thì trong thời Nam Lương có niên hiệu Đại Đồng (535-546) cho đến nay, về niên kỷ có phảng phất phù hợp. Ngài vui mừng cảm được điềm tốt lành ấy mới dâng Biểu Văn tấu trình. Tại chùa đó có 1 Tôn tượng bằng vàng cao trượng 6. Diện Bộ viên mãn, nghi tướng hoàn vị, tôn trí cao vợi giữa Điện Đường, các loài chim không dám giẫm bước chân vào. Trước sân có dựng lập 1 Văn Bua do Sưu tín Văn Tiêu Vàn viết thuật, ở đời xưng gọi đó là Quán tuyệt. Ngài vân du rão bước trông xem Huy du, giảng trao tương tiếp.

Về sau, ngài thị tịch tại chùa Thăng Quang.

5- Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Minh Sán, ngài giòng họ Vi, người xứ Nghi Thủy, Cử Châu. Năm 10 tuổi, ngài xuất gia. Năm 20 tuổi, ngài thọ giới Cụ Túc. Trong suốt 10 năm đó, ngài tìm tòi đọc học thông rành các Kinh Sử. Bẩm tánh ngài điều hòa nhu nhuyến, ngay từ đầu chẳng tỏ bày tức giận. Chưa đầy 3 mùa Hạ mà ngài đã từng giảng giải hoằng dương luận Thành Thật và Kinh Niết Bàn.

Gặp lúc phế hoại Phật giáo, ngài trầm ẩn lánh đời, ở nơi rừng

chầm, trở lại dưỡng nuôi Đạo nghiệp cũ, nghiên tầm sâu mầu. Đến lúc Vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân 579) thời Bắc Chu tạo lập chùa Trắc Hổ, Sa-môn Tuệ Viễn dẫn đồng bạn đến đó. Khi đó, ngài theo gót trở về Kinh Đô, đến các Châu Bộ, sau đó không lâu, ngài tỏ ngộ sâu sắc, bèn diễn giảng nơi đời. Đồ chúng có cả số trăm, tâm kế sáng tỏ. Ngài khai giảng những điều u ẩn, vạch bẻ điều nghi ngờ, khéo thông cật nạn, tinh cần tư lự thường luôn bộc phát chưa từng lắng ẩn. Lại thêm phước đức tràn đầy, khiến mọi người thấy nghe thảy đều vui mừng.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) ban sắc mời Ngài đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô. Đầu niên hiệu nhân thọ (601) thời nhà Tùy. Vua lại thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Thê Hà tại Tương Châu, nay tức là chùa Nhiếp Sơn vậy. vốn nơi nền tảng linh dị, ở truyện trước đã trình bày rõ ràng, mà ngài trông tâm tình vẫn chuyên việc hoằng pháp, trên bước đường tìm cầu phỏng hỏi mới đến tại Giang Biểu, ngài gom nhặt được hơn trăm quyển Kinh, đều là phần sót lại của ghi lục trước, cho đến những nơi khuyết thiếu bổn văn. Tùy được các thứ Phước lợi ngài đều tùy mọi nơi mà truyền trao ghi chép. Sau cùng, ngài lại đến ở chùa Đại Thiền Định, lấy việc hoằng pháp làm sự nghiệp chuyên, xuân thu tốt lành tuần tự, ngài từng đến Lam Điền, leo núi vượt sông, vui mừng với mọi sự đắc tánh. Đến đầu thời tiền Đường thì ngài thị tịch.

6- Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Tuệ Trọng, ngài giòng họ Quách, người xứ Ung Châu. Chí khí ngài cứng rắn oai linh, chẳng sợ tà chướng. Quỷ thần ở chốn rừng ốc. Nghe có nơi nương náu, ngài không sang chẳng chịu hàng phục. Ngài nghiêm trì thanh tịnh Giới Địa, thống rành về Nhiếp Đại thừa luận, giẫm trải Danh giáo, thanh bạch trội vượt khác thường. ngài ở chùa Đại Hưng Thiện, rộng thông cơ yếu. Các hàng vinh đạt đều tuần tự đoái hoài. Ngài bày chương ngôn lệnh, dốc ý dẫn đưa rất có phương pháp.

Trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, với công việc thiết đặt tạo dựng các Bảo Tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Đại nhạc tại Thái Sơn. Ban đầu mới đến, tỏa phóng ánh sáng, cho đến lúc nhập Tháp liên tục thường luôn soi chiếu. Từ trên đảnh núi có 3 luồng khí trắng lưu tỏa xuống nơi nền móng. Cửa Miếu Nhạc Thần vô cớ tự mở, như thế đến 3 lần. Các hàng Thức giả cho đó là Thần Linh quy kính nên vậy. năm Nhân thọ thứ tư (604) thời nhà Tùy, kiến tạo Bảo tháp, ngài lại nghinh

đưa Xá lợi đến chùa Thiền Tịch tại Long Châu. Mới đầu đến thiết trai, bỗng nhiên có nai đồng dã từ Nam Sơn xuống bơi lội qua sông Gia Lăng thẳng đến nơi chỗ Tháp. Có người đưa tay sờ xoa, nai vẫn tự nhiên gần gủi, cho đến lúc hạ Tháp xong, nai mới bỏ đi. Ban đêm có ánh sáng lớn tỏa phóng từ trên điện Phật, sáng rực cao đến vài trượng. Các màu xanh đỏ thảy đều xen tạp, mọi người đều đồng trông thấy. 3 ngày đánh sát, cả chậu đến hỷ xá, mây tía che phủ nơi tháp, mưa hoa vàng bạc khắp cùng thành ấp. Có người lượm nhặt được mới là 5 sắc cùng khắc chạm. Lại có được 5 viên Xá lợi ở trên Hoa Trời, ẩn hiện xoay chuyển, hợp tan tùy tâm. Trong châu ấy có chùa Tu Phạm. Trước kia là do Vua Văn Đế (Dương Khiêm) tạo lập, có được 1 phần Xá lợi, muốn cùng với Bảo tháp nay đây đồng 1 ngày hạ nền móng. Đêm đó ở cả 2 Bảo tháp tỏa phóng 2 luồng án h sáng soi chiếu khắp cùng u hiển, mãi đến sáng hôm sau mới dứt mất. đồng cùng trông thấy điềm tướng lành đó có cả ngàn người. Buổi sáng sớm sắp hạ Tháp, lại mưa hoa bạc, biến chuyển chẳng chỉ 1 lần.

Sau đó, ngài trở về lại Kinh Thất, cải đổi quy cách trước, chuyên tu Thiền Quán sám hối, mỗi một ngày đêm có đến 12 thời, ngài đảnh lễ danh hiệu 53 vị Phật, ngoài ra còn thêm tọa Thiền Chánh niệm, chuyên trì hạnh nghiệp cho đến lúc thị tịch.

7- Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô:

Thích Bảo Tích, ngài giòng họ Chu, người xứ đất Điều, Ký Châu. Ngài cắt dứt lưới ái, chuyên tâm phỏng hỏi Đạo, Vân du bất định, không nơi thường dừng. Khi nhà Bắc Tề sụp đổ, Phật Pháp bị phá diệt, ngài đến ngầm ẩn tại Thái Sơn, xoay qua trở lại tại những nơi Lỗ Châu, Duyện Châu trải nhiều năm tháng.

Đến năm Khai Hoàng thứ 14 (594) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) xa giá tuần du đến phương Đông, mới cùng thỉnh yết. Chỉ 1 lần trông thấy, Vua bèn rất vui mừng, ban sắc mời ngài vào Kinh Đô ở chùa Thắng Quang, giảng truyền hoằng dương luận Đại TRí Độ và luận Nhiếp Đại Thừa, mà thể lượng ngài rỗng rang chẳng tính tức giận hẹp hòi. Từng có người ngăn ngại hủy hoại tiếng tăm thấu đến Tai ngài ngài mới cởi áo dâng tặng đó và nói rằng: "Ông thấy được lỗi quá của Tôi, thật là Thầy Bạn của Tôi vậy."

Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế ban sắc đặt cử Ngài nghinh đứa Xá lợi đến chùa Tư Giác ở Hoa Ngạc. Chùa đó vốn do Tả Bộc Xạ Dương Tố dựng lập nên. Buổi sáng sớm mới hạ

Tháp, mây bủa khắp 4 phía, tuyết phủ cùng núi ấp, đất trời đều mịt mờ, ngăn cách mắt không thấy, cho đến lúc giờ Ngọ, bỗng nhiên trời trong xanh, mặt nhật tỏ sáng, hiện mày 5 sắc ở trên nền Tháp cách đất khoảng 5 tượng, xoay tròn như vòng xe lọng. Từ xa có người trông nhìn, thấy ở trên lọng có ánh sáng đỏ rực, tròn trặn thẳng lên xa liền giữa ngằn mé trời. Kịp đến lúc lấp phủ xong, mây hợp ánh sáng thâu. Bầu trời trở lại như lúc sáng sớm.

Về sau Ngài thị tịch tại Kinh Đô.

8- Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô:

Thích Đạo Đoan, ngài người xứ Lộ Châu, xuất gia thọ giới Cụ Túc, nghe xem luật tạng. Đến như mọi thứ khinh trọng khai chế, cân nhắc định liệu cương du, nhã làm Tông tượng. Về sau, ngài vào Kinh Đô ở chùa Nhân Pháp, giảng tam Tỳ Ni, thần dụng không hết. Bấy giờ lộ bày các hàng Tuấn cử hậu học đều khâm trọng đó. Lại thêm ngài có được Thể chuộng phương ngôn, phạm văn thư ngữ, mở sách thấu triệt trọn đạt ý thú sâu, chuyên tâm hộ pháp rất có công giúp nhiếp.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Phạm Cảnh tại Bổn Châu. Khi mới vào ranh giới của châu ấy, núi non ở đó phần nhiều không có nước, bỗng nhiên Thần suối tuôn vọt lên đảnh, chảy đổ thành dòng chẳng phải chỉ 1. những người mắc bệnh trầm kha cố tật uống được nước ấy không ai chẳng lành. Riêng có 1 dòng suối, người bệnh uống tiếp liền sâm sai, như nghẹn rượu thịt, hẳn lại phát động. Xét lường trì giới, trọn dứt trừ mà mạnh khỏe. Ngài đem sự việc ấy tấu trình cùng Vua.

Sau đó, Ngài trở về ở chùa tại Kinh Đô, thường vui thích hoằng dương diễn giảng Pháp. Cuối cùng ngài thị tịch tại chùa Nhân Pháp.

9- Thích Đạo Sám ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô:

Thích Đạo Sám, ngài người xứ Hằng Châu. Tuệ học như Thần, tiếp nối tìm cầu các thứ Nhiếp Đại thừa luận, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Thập Địa. Nghi sâu đượm phục diệu chỉ, thấu suốt nguyên do tuần tự. Chỉ ngài mến chuộng nơi sâu xa tĩnh lặng, chẳng việc xa hoa, trọng đạo nghĩa, khinh tiền của, từ nhỏ đến lớn. Sau, ngài vào Kinh Đô, ở chùa Thắng Quang, phỏng hỏi Đạo, tìm cầu người hiền. Nơi nương náu vội vã, ngài chẳng từng gá thác.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, với công

việc tạo dựng Bảo Tháp, vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Biện Hành ở Hứa Châu. Mới đầu vừa đến nơi chùa Tháp, Tôn tượng Đức Phật ở trong chánh điện vốn không Linh dị bỗng nhiên tỏa phóng ánh sáng lớn khắp cùng Viện Vũ. Xá lợi tuôn nhảy ra ngoài bình vàng, lại tỏa phóng ánh sáng xoay chuyển nhiểu quanh Bình. Đã gặp lúc nóng đốt nhưng khi sắp nhập Tháp bỗng cảm mây giăng che mặt nhật đến lúc lấp phủ xong mới tan mất. lại ở bên cạnh tháp làm Hồ để cúng dường,nhân đó có được giếng nước xưa cũ, nước sâu và trong sạch, ngọt ngon dịu dàng. Khắp cả châu đều sai phái đến lấy nước từ giếng đó mà không khô cạn hay vẩn đục, mọi người đền tán thán! Về sau, không biết ngài như thế nào.

10- Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô:

Thích Minh Phân, ngài người xứ Tương Châu, là Đệ tử Thần Túc của Tam Tạng Pháp sư Da Xá ở thời nhà Tề. Ngài thông hiểu phương ngôn tục ngữ, khéo biết về Phạm văn, truyền đạt u chỉ không gì chẳng là cổ họng môi lưỡi.

Trong công việc phiên dịch Kinh Điển suốt thời gian niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm mời, bảo ngài cùng các vị Phạm Tăng đối truyền Pháp Bổn. Mà ngài chuyên kiểm lỗi thất, ưa thích ở chốn không nhàn, đượm vị ngâm vịnh kinh Thập Địa, hễ nói năng bèn liền dẫn cứ. Hỏi luận suốt tài, thông giải nghi trệ khác thường.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế ban sắc mời ngài đến thiết đặt Bảo tháp tại chùa Thanh Quậc ở Từ Châu. Chùa đó tức do Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề tạo lập. Phía sau Tôn Tượng nơi hang lớn là lăng tẩm của Vua Văn Tuyên Đế, trong đó ẩn tàng các thứ điêu khắc kinh động người quỷ. Ngài nghinh dẫn Xá lợi đến cách châu khoảng 30 dặm, có mây trắng ùn nổi dậy từ chùa đến nơi kiệu kéo dài không dứt, lấp lánh ngang giữa khoảng không, trong đó có trời tiên bay nhảy, trọn ngày mới dứt. Sáng sớm hôm sau khi mặt trời vừa ló dạng, trở lại có mây trắng kéo dài đến nghinh. Trong mây cũng có Trời Tiên như hôm qua không khác. Mọi người đồng trông thấy, chăm mắt chẳng thể luận bàn. Các hàng Thức giả cho rằng Thạch Quộc và Cổ Sơn liền tiếp kín xa, Tiên Thánh ở Trúc Lâm hưởng ứng nên vậy. đến nơi núi Tháp, ở phía đông có dòng suối, chúng sinh uống nước ở đó đều lành Bệnh.

Về sau, ngài thị tịch tại chùa Đại Hưng Thiện. Các Kinh điển do

ngài dịch phiên ghi trước, đều như ghi lục của Phỉ thị vậy.

11- Truyện ngài Thích Tăng Cái trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô:

Thích Tăng Cái, là người xứ Hằng Châu, có đến Thái Nguyên, nghe giảng Kinh Niết-bàn. Về sau, Sư đến Lạc hạ, lại gồm thâu các nghiệp trước. Sư nghe rằng: "Kinh nêu bày niệm Tuệ, nhiếp tâm tĩnh lự làm đầu". Sư bèn phế bỏ việc nghe giảng, chỉ chuyên tư duy Định học. Đào luyện tư duy càng sâu thì càng phô bày lỗi lầm của tâm. Sư bèn trọn thực hành việc đó. Về sau, Sư vào Kinh đô, đến thưa hỏi tất cả các vị tu Thiền. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện buông màn xếp gót, chẳng tham dự thế đàm, gần như hạn cục Dị thừa, lược chẳng thấm miệng, mở lời thanh tịnh, không gì chẳng cao.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đón rước Xá-lợi đến Thương Châu. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua lại ban sắc mời Sư đón rước xá-lợi đến chùa Pháp Tướng ở Chiết Châu. Ban đầu làm hòm đá vốn chỉ mầu xanh, đến lúc mài gọt xong biến thành gấm đẹp, bày hình xoáy ốc, lại thấy hình bóng vị tăng chỉ có nữa thân hình. Đến sáng hôm sau đến xem thì hình bóng vị tăng biến thành Phật, ánh sáng soi chiếu thần nghi đều đầy đủ rõ ràng. Lại hiện nổi ba chữ " Nhân Vương Tử". Trước Phật lại hiện ra hình ảnh một con gà trống đầu đuôi đều có đủ. Hoặc hiện ra tiên phụng, trời người, các tướng rất nhiều. Dân chúng ở huyện Nam Hương phần nhiều sống bằng nghề săn bắn giết hại, nhờ thấy điềm lành đó mà phát tâm thọ giới, thề nguyện dứt hẳn sát sinh. Sau đó, vào ngày khác có người đi lượm củi đến phía Nam chùa Pháp Tướng, thấy có cây phác mới sinh quả kỳ lạ chỉ có trăm quả, mầu hồng đỏ như hoa sen sắp nở, bèn hái hai quả đem đến cúng dường nơi Tháp. Các hàng Quan thứ Đạo tục có hơn ngàn người đồng đến bẻ hái lấy, mùi vị giống như nho, và sau cùng dâng biểu tấu trình. Vua kinh lạ về điềm ấy.

Sau đó, Sư lại về trụ chùa Đại Hưng Thiện, đến đầu thời Tiền Đường, Sư mới thị tịch, thọ ngoài chín mươi tuổi.

12- Truyện ngài Thích Đàm Giai trụ chùa Nhật Nghiêm ở Kinh đô:

Thích Đàm Giai, là người xứ Giang Đô. Lúc còn nhỏ, Sư học Luận Thành Thật và các kinh luận như Niết-bàn, Đại Phẩm, chất chứa nơi tâm mắt. Bấy giờ tuy giảng đạo thiếu sót, nhưng nhờ tuệ giải nên Sư

nổi tiếng. Sư từng đến các Pháp diên, chóng nêu bày luận quyết, xin cứ văn từ yếu chỉ, khiến các hàng học giả đều kinh sợ. Sư thường xem đọc rất nhiều kinh sách, ghi chú những điều u ẩn đem hỏi các bậc Lão túc. Các vị đều khoanh tay kính nể sự tinh vi ấy, trở lại khai mở chí khí nơi mình, Sư bèn vì châm chước hỏi chung đại khái. Ở Tả hữu Giang đô Sư trải qua rất nhiều năm nên tiếng tăm chẳng sai lầm, thật là chuông hoa vọng.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, xưa làm Tấn Vương, xây chùa ở Kinh thất, tìm chọn khắp các phương, thỉnh Sư đến ở. Nội Sứ lệnh Tiêu Tông, em út cả nhà tố tầm theo nghĩa học, đều khuất lễ quy tâm, kính thỉnh Sư làm Gia tăng. Dẫn hiện lớn nhỏ, thường ở trong Để Nội, sớm tối cùng thưởng vui. Sư giảng luận Chánh lý chỉ chuyên khai ngộ.

Cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc mời Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Sơn Cốc ở núi Hoàn Công thuộc Hy Châu. Xưa tương truyền rằng: “Vào đời Tề có người tên là Quách Trí Biện từng đến phía Nam núi Hoàn Công, người đời rất kính trọng, nhân đó lấy tên ông để gọi. Chùa đó do Vua Cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề xây dựng, mé rừng ngời ánh thông trúc đan xen, trước có một dòng sông bao quanh, lưng phía bắc là đảnh núi cao vợi, dòng sông nhiễu quanh thật thanh nhã. Sư đi khắp xứ đó để xây tháp. Ban đầu, trong tháng giêng đang phỏng nghĩ tìm chỗ đặt nền, thường phát ra ánh sáng vàng ròng như một xấp lụa. Trước chẳng mưu tính mà đồng khế hợp, mọi người đều rất vui mừng. Lại, ban đầu khi vừa đến làm, trời vốn nắng hạn, người vật đều khô khát, đêm đến đổ một trận mưa lớn, cao thấp đều đượm nhuần, không ai chẳng đội nhờ may mắn ấy. Lại phát ra ánh sáng mầu đỏ rực rỡ như đuốc lửa, hành đạo bảy đêm, lại phát ra ánh sáng rực rỡ trùm khắp cả núi. Có hơn năm ngàn người đều nhờ điềm lành ấy, mà sám tội tạo phước, không thể nói hết.

Về sau, Sư lại nối tiếp hạnh nghiệp xưa, cho đến hết đời Tùy. Sau đó, Sư đến trụ chùa Hoằng Thiện. Vì bệnh nên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Lúc đó là đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Đạo Quý trụ chùa Tùy Pháp ở Kinh đô:

Thích Đạo Quý, là người xứ Tinh Châu, chuyên học Kinh Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp. Từ nghĩa tánh độ khoan nhã, đối với ý sâu trong kinh Sư rất có ý sâu, thường phát tinh thể, được tiếng khen ở

đương thời. Thêm vì Sư nhàn cư buông tâm, chẳng can thiệp đến phiền nhiễu. Quán chợ hát hò không hề ghé mắt, Danh lợi sang hèn hẳn tự dứt lời, tinh thuần thanh khiết giữ sự trắng trong, thật đáng là bậc chân sĩ. Về sau, Sư đến kinh đô trụ chùa Tùy Pháp, lắng ẩn đạo đức, nhàn giữ thân tâm.

Lúc mới đầu xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) nhà Tùy ban sắc tìm hỏi, đặt cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Hội Thông ở Đức Châu. Ngày mới đến bắt đầu làm, phát ra ánh sáng mầu đỏ như chiếc bình lớn, lâu sau mới tan. Có một người phụ nữ bị bệnh co quắp đã nhiều năm, nghe Xá-lợi đến, bèn đòi khiêng tới chỗ tháp, khổ tâm phát nguyện cầu xin được đi bằng gậy. Y theo lời nguyện liền lành mạnh nhanh chóng trở về. Đến lúc sắp hạ tháp, bỗng có hình tướng mười hai con chim lớn ít có ở đời, không biết tên là gì, lần lượt xếp hàng bay liệng giữa hư không ở ngay trên tháp, đến lúc lấp xong mới bay đi mất dạng.

Về sau, Sư trấn nghiệp ở kinh đô, sau không biết Sư thị tịch ở đâu.

14- Truyện ngài Thích Tăng Thuận trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô:

Thích Tăng Thuận, là người xứ Bối Châu, Sư chuyên tu học Kinh Niết-bàn, Văn sớ tinh tường, ý chí siêng năng xác lập, chịu đựng gian khổ. Sư thường ưa hoằng pháp ở chốn lao tù, không có nhân duyên bó buộc, bèn giả dèm pha những người lương thiện, Văn thư đã xét duyệt, Sư có được phương tiện rửa sạch tội lỗi người khác, gieo thân vào chốn gông cùm, mà tình chí vẫn vui mừng thư tthái. Người coi ngục xót thương nguy ách đó, định thả họ ra. Sư bèn lấy kinh sớ phô bày đọc rõ, vì những người tù bên cạnh mà nói pháp khuyến hóa, sự việc vốn không dấu, nên lại được thả. Ngày ra khỏi ngục, Sư còn tiếc quá sớm. Có người hỏi lý do. Sư đáp: “Tôi nghe các bậc Thánh vào chốn địa ngục giáo hóa chúng sinh. Tuy chẳng bằng với những vị ấy nhưng về thông suốt”.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, chánh pháp được phục hưng, Sư bèn đến Quan nội, tham tầm thưa hỏi kinh thuật, và dừng ở tại chùa Huyền Pháp. Mãi đến sau này, khi xây dựng các ngôi tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tống Châu. Ban đầu, lúc vừa đến Tống thành, trong chợ có một cái giếng cũ từ trước đến nay mùi vị chua đắng, mầu nước đỏ au, không ai dám sái dùng, đến lúc xá-lợi vừa đưa đến, thì mầu nước bỗng biến thành mầu trắng, mùi vị như mật ngọt. Đến chỗ xây tháp, mới đầu phát ra ánh sáng mầu đỏ, lại phát ra ánh sáng mầu trắng chiếu khắp trong chùa. Vào giờ

thìn suốt cả bảy ngày, trời mưa hoa trắng như tuyết tuôn rơi lẫn lộn giữa hư không. Đến lúc hạ thấp, có chín con hạc trắng bay liệng trên tháp, khi hạ hòm xong, hạc mới bay thẳng về hướng Bắc.

Về sau, Sư trở lại kinh đô, rảo tìm hạnh nghiệp. Đến đầu đời Đường vận nước mới hưng thạnh, Sư bắt đầu đến núi để nương náu, tuổi tác đã xế chiều, muốn gá tâm trọn đời. Vừa đi đến Bá Xuyên, dưới chân phía nam Ly Sơn, gặp được một ngôi chùa xưa, khám hang đều đổ nát, hình tượng ngã nghiêng. Sư bèn dừng ở lại đó mà sửa sang, trước tiên có chủ gìn giữ, mới tấu trình Biểu Văn xin Võ Hoàng đặc ân chấp thuận, bèn được an phục, nay là chùa Tân Lương. Bộc Xạ Tiêu Võ làm Đại đàn việt, mọi điều cần thiết của Phước sự đều lưu xuất từ nước Tống, tăng chúng đông đúc rất có khuôn phép.

Sau, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ hơn tám mươi tuổi.

15- Truyện ngài Thích Pháp Hiển ở Kinh Đô đời Tùy:

Thích Pháp Hiển, là người xứ Phù Phong thuộc Ung Châu. Họ Ninh. Lúc bình sinh, chí Sư mến chuộng thiền tịch là chính. Với Văn tự giấy bút, tánh Sư chẳng từng trải qua. Sư luôn trầm lắng ít muốn, chẳng bị thế tục phiền lụy. Thầy của Sư là Sa-môn Pháp Khai là bậc thâm sâu trong Định môn, rất chẳng thể lường biết.

Vào cuối thời Nguyên Ngụy, Sư trụ chùa Vua ở Kinh Triệu, nổi tiếng ngang với Thiền sư Thật từ chốn triều đình đến thôn dã. Kiêm vì giản ước trắng trong, hoa quý khuynh chúc, nên Sư gặp được bậc Minh tượng ấy, kính thờ nhiều năm, truyền tập Sư Tông tiếp nối đầu mối sâu mầu. Sư đến trụ chùa Nhật Nghiêm.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, xây tháp tại Lũng Châu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư đón rước Xá-lợi đến đó. Sư phát xuất từ kinh đô rước kiệu đến chùa Dược Vương ở Lũng Châu. Nhưng chùa ấy cách châu hơn mười dặm, nhỏ hẹp nghiêng đổ chẳng có hình thế cao rộng. Sư bèn dời đến gần dưới chân núi Tam Vương ở phía Bắc Châu. Lưng dựa sườn núi đến gần sông nước, cao lớn rộng rãi. Sư bèn xây dựng tháp lớn tại đó, phát ra ánh sáng rực rỡ khắp địa vực đồng trông thấy, vui mừng tội diệt. Sư nhân chỗ lợi ấy liền làm lợi ích, rộng giảng nói Pháp yếu, dốc sạch tâm não đó. Ngay nơi một hội ấy, được vinh hiển thành tựu.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, nhóm chúng kết tập hạnh nghiệp. Mỗi năm vào lúc đầu Xuân, người đến cầu thọ giới cụ túc rất đông, Sư bèn khai phát giới duyên, cổ xúy thực hành Đàn sám, dẫn nhóm chúng thanh

tịnh, liền vì đó mà thí giới. Sau, lúc Sư thị tịch, thọ gần tám mươi tuổi.

16- Truyện ngài Thích Tăng Thế trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Tăng Thế, là người ở xứ Thanh Châu. Sư mang kinh tìm hỏi đạo, chẳng sợ hiểm nguy. Bước chân Sư gần như cùng khắp Phương Nhạc và chỗ chỉ hướng của hùng khí của mũi nhận bén nhọn cũng khó đương đầu. Bấy giờ, đàm luận là sở trường của Sư riêng mến thích Sư nói năng, Văn từ phong nhã nhiều lớp cật nạn, nêu tiếng tăm Sư vang khắp các xứ Tề Châu, Lỗ Châu.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đến kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, đến khắp giảng hội và chuyên về luận quyết. Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến tôn thờ tại chùa Hoằng Tạng ở Lai Châu. Qua niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604), Vua lại ban sắc mời Sư đưa Xá-lợi đến chùa Mậu Thắng ở Mật Châu. Vừa đi đến Thanh Châu, dừng nghỉ tại chùa Đạo Tạng, ban đêm phát ra ánh sáng mầu đỏ từ trong phòng lưu xuất ra, chiếu thẳng về phía Đông Nam. Đêm đó ở trong thành Mật Châu lại thấy có ánh sáng từ phía Tây Bắc chiếu đến, nhìn như cây đuốc lớn chẳng phải một, bao quanh khắp trong ngoài thành, sáng rực như ban ngày. Mọi người cùng tham dự không ai cũng trông thấy. Về sau đến lúc dò xét mới biết là dự báo trước. Khi đã đến chỗ làm, suốt hai đêm phát ra ánh sáng, nhiễu quanh thành sáng rực như trước không khác. Và lúc Sư nâng bình muốn đưa cho đại chúng xem thì bỗng nhiên không thấy. Sau đến chỗ tháp chùa, lại phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp cùng chùa viện. Ngày đầu tiên mới hành Đạo, đả sát giáo hóa, có hai Viên Xá-lợi hiện ở trong bình, đến lúc tạo hộp đá bỗng biến thành vàng, lớn như hạt táo, hạt đậu lẫn lộn nằm dưới đáy hộp, còn các chỗ khác đều biến thành lưu ly mầu xanh. Nhân đó, Sư tấu trình đồ biểu đầy đủ, Vua rất vui mừng.

Về sau, Sư trở lại kinh đô chẳng bao lâu thì thị tịch

17- Truyện ngài Thích Pháp Châu trụ chùa Tĩnh Giác ở kinh đô:

Thích Pháp Châu, không rõ Sư là người xứ nào, thân Sư cao to, nói năng lớn tiếng. Với Kinh Niết-bàn và Luận Nhiếp Đại Thừa là chỗ Sư hằng lưu tâm. Điều hội thắng tập, Sư thường tham dự, thân tướng Sư cao vợi, lắm người trông nhìn vặn hỏi, do đó mà nổi tiếng, lại có đức hạnh.

Ban đầu, Sư trụ chùa Tĩnh Giác ở Khúc Trì, rừng trúc um tùm tươi tốt, ao sen bao quanh, thanh thân một phương, lấy đó làm tự đắc. Bấy giờ, ở Kinh Hoa tình cờ gặp được những vị hình tướng nghĩa học như Sư có đến mười người, đồng khí tương cầu, thường đến nhóm họp vui vẻ, ngửa nghiêng nơi rừng tươi tốt thi phú ngâm vịnh gió trăng. Bấy giờ, mọi người gọi là "Khúc Trì Thập Trí".

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng các tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Tu Tịch ở Hàn Châu. Lúc đầu, mới làm hộp đá, bỗng có một con chim bồ câu bay vào trong hộp, tự nhiên thuần quen, hồi lâu mới bay đi. Tại chùa đó có bốn ngôi tháp gạch, hình dáng cao lớn, mỗi ngôi đó lại có bốn ngôi tháp nhỏ trấn ở bốn góc, được làm bằng sứ xanh. Ở phía trên có đồ họa về Bổn Sự. Trong đêm Xá lợi vừa đón rước đến, mỗi ngôi tháp đều phát ra ánh sáng như lửa xung thẳng lên. Mọi người ở bốn phương cùng một lúc trông thấy, thường phát ra ánh sáng như ráng đỏ dài khoảng ba trượng, đủ các hình tướng Chư Phật, Thánh tăng chẳng phải một, đều hiện bày trong đó.

Về sau, Sư lại đến trụ chùa Đại Thiền Định, khi thời vận nhà Tiền Đường mới đặt nền tảng, vì Sa-môn Cảnh Huy xây dựng chùa Thắng Nghiệp ở Phường Nhân Thọ, thỉnh Sư đến đó đầu tiên. Ban sắc đặt cử Sư trông coi việc chùa. Lại đổi lại tên Phường để hợp với hiệu chùa. Ban đầu, Sa-môn Cảnh Huy cùng chư tăng Đạo bạn ở tại Trường An, về sau thay đổi thường độ, thân mang mặc y phục thế tục nhưng vẫn thường ngơi nghỉ ở chùa, chẳng xả giới nghiệp. Nói năng ẩn phcụ thường hợp với sấm ký.

Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) thời Tiền Đường, lúc xưa ở tại Kỳ Châu đã có dự biết trước, nên khi đã tiếp thừa ngôi báu, nhớ nghĩ lại lời xưa, bèn đắp họa hình tượng, tạo lập miếu vũ, làm sáng tỏ huy hiệu. Từ khi Sư đến đó ở trải qua nhiều năm, mà không hề xa hoa, phòng nhà thú sung, mọi việc chúng tăng đều cẩn trọng đầy đủ. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

18- Truyện ngài Thích Tuệ Đản trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô:

Thích Tuệ Đản, là người ở xứ Ung Châu. Sư nghiên cứu, tu học Kinh Niết-bàn và thông hiểu Luận Nhiếp Đại Thừa, do thường lên toà giảng tịch nên có tiếng tăm ở kinh đô. Sư là học sĩ của Pháp sư Đàm Diên, trụ tại chùa Diên Hưng.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đến xây dựng ngôi tháp tại chùa Thiên trúc ở Hàng Châu thuộc núi Linh Ẩn, ở đó, rừng đá cao vợi, thật từ trước đến nay là nơi của Tiên Thánh. Lúc mới bắt đầu xây dựng nền móng ngôi tháp, gặp nhiều phiến đá nằm úp, đào được một chỗ là hộp đá xưa, có đặt hiệu bên cạnh, tinh tế chẳng thể lường. Nhân đó, Sư bảo đến đặt trong hộp đá cũ, lớn nhỏ hài hòa như đã lường tính trước.

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, giảng dạy bình thường, tuy chẳng phải bậc nổi tiếng, nhưng cũng thuộc về tài năng. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Diên Hưng, thọ hơn bảy mươi tuổi. Lúc sắp tịch Sư nói năng vẫn trong trẻo, thần sắc không đổi khác, Sư nhìn khắp tất cả pháp thuộc, dặn dò giữ gìn, và bảo tất cả hãy khéo an trụ, rồi Sư điềm nhiên thị tịch.

19- Truyện ngài Thích Trí Quang trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Trí Quang, là người xứ Giang Châu, là Học sĩ của Luận Sư Ni. Thuở thiếu thời, Sư học Luận nhiếp Đại thừa rất thành khí độ. Nói năng bàn luận trong trẻo văn hoa, lời tiếng hùng thế rõ ràng hòa mục, chí độ của Sư nhẹ nhàng khoẻ mạnh, vui vẻ với người nghịch lời tranh luận, khiêm nhường tự hạ mình, được người đương thời kính trọng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Luận sư Ni. Khi đó, Sư cùng theo vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp, Vua lại thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tuần Châu. Trên đường ngang qua Hứa Châu, vừa ra khỏi nam Thành. Mọi người đồng rước Xá-lợi đều trông thấy nơi kiệu, bỗng nhiên phát ra ánh sáng cao hơn một trượng, cả chúng đều vui mừng. Khi vừa đến Phiên Châu, dừng nghỉ trong chùa, đêm đó chuông đồng tự nhiên ngân vang suốt đêm cho đến sáng, làm kinh động cả người vật, mãi đến giờ thọ trai âm vang mới dứt. Lúc đã đến đạo tràng chùa tháp, ngay khi đặt Xá-lợi xuống thì trời tuôn rải cam lồ, trên cây bên cạnh tháp ngưng đọng sắc mầu như váng sữa, có ánh sáng mầu trắng soi chiếu giữa ban ngày.

Sau đó, Sư trở lại kinh đô, dùng giáo pháp để tự vui sống, từng khai giảng luận Nhiếp đại thừa, rất có tiếng tăm ở đất Tần. Đến lúc tuổi già, Sư nhàm chán bàn nói nên trở về nơi suối rừng tĩnh lắng. Rồi Sư lại đến Lô phụ, dứt bặt mọi việc của người đời, chuyên tâm thiền định, tự tiết chế lấy mình. Sư thị tịch tại phòng nhà ở núi.

20- Truyện ngài Thích Trí Giáo trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô:

Thích Trí Giáo, là người xứ Ung Châu. Sư tụng tập các kinh, nhưng ý vẫn chuyên thiền quán. Ban ngày thì tập đọc, đêm đến thì tĩnh tọa trầm lắng, an nhiên vô vi, chẳng còn phiền lụy sự đời. Sư trụ chùa Hoằng Thiện, nhàn cư tu nghiệp.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp tại chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến đó. Khi đã đến chỗ tháp, gặp ngay đêm Bồ-tát, có mùi hương lạ như sương mốc cuộn vào trong cửa. Cả đại chúng đồng lấy làm lạ về sự thấy nghe ấy. Lại ở trên tháp, phía trước sát trụ thấy có dấu chân người rất lớn dài một thước hai tấc, đạp lún sâu tới hai phân, tướng đường vân xoắn tròn của mười ngón thảy đều đầy đủ, tìm không thấy dấu vết tiếp nối, do điềm thần ứng nên như vậy. Lại giáng mây lạ đến kết tụ ở phía trên Tháp. Lại hoa trời tuôn rải như mưa, tướng trạng như vàng báu. Lại nghe giữa hư không có tiếng khen ngợi công đức Phật-đà. Các hàng quan dân đạo tục đều cùng nhau mừng vui hớn hở.

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, tiếp tục thực hành Đạo nghiệp cho đến năm thị tịch.

21- Truyện ngài Thích Viên Siêu ở kinh đô, đời Tùy:

Thích Viên Siêu, là người ở xứ Phụ Thành thuộc Quán Châu. Các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư từng học qua, mọi sự phô bày của nói năng và hành động thảy đều thưa hỏi Đạo. Về sau, Sư đến trụ chùa ở kinh đô, nêu danh nơi Đài Tỉnh.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư đến xây dựng tháp tại chùa Hóa Thành ở Quản Châu. Lúc mới đến châu, cách chừng hơn bảy mươi dặm, các hàng đạo tục đều đua nhau treo phướn dài, gió nam thổi mạnh, cây rừng nghiêng ngã về hướng Bắc, chỉ có chân phướn nam bắc cùng phân, tuy bị gió thổi mà không bị dời loạn. Đến lúc mới hành Đạo, lập hai bàn Phật, bỗng nhiên có hai con chuồn chuồn, mỗi con đến đậu trên một bàn tương đương, thân hình thô lớn dài cả năm tấc, mầu xanh lục sáng bóng, lớn như ngón tay người, suốt bảy ngày đứng tương tục như trước. Khi hành Đạo đã tan, bỗng nhiên nó bay đi. Đến sau lúc hạ tháp nó bay trở lại, khi chôn lấp đã xong thì tuyệt nhiên không còn thấy nó nữa. Nay lúc chánh thức hạ đặt, giữa khoảng không trên nền tháp có mây lành năm mầu tướng trạng như chiếc lọng, vuông vức ngay thẳng như do người

làm, phía dưới tán mây thấy một con hạc trắng bay liệng vòng quanh.

Sau khi mọi việc hoàn thành, Sư về lại kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

22- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ chùa Quang Minh ở kinh đô:

Thích Tuệ Tạng, là người xứ Ký Châu. Ban đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, về sau chuyên việc giảng dạy. Cấm giữ tham ganh, tuyệt vết dèm pha, rõ ràng an đặt từ lệnh, chẳng lệ thuộc nhan sắc. Sư đến kinh đô, thưa hỏi Đạo Pháp, trụ tại chùa Quang Minh.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc Sư đến đặt tháp tại Quán Châu. Mới đầu vừa đến nơi chỗ tháp, thiết trai hành đạo, ngay phía trên tháp, có cảnh mây xuất hiện, gồm năm mầu lẫn lộn, hình dáng như lọng hoa. Dệt thuê gấm vẽ cũng không thể hơn, từ giờ ngọ cho đến giờ Dậu mới tan mất.

Lại có Sa-môn Pháp Thuận trụ chùa Diên Hưng, học Kinh Niết-bàn, giữ chí căn cấm, khiêm nhường tự tiết độ, giữ gìn đức hạnh không kiêu ngạo, được Vua ban sắc đến trụ chùa Đông Lâm ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, đặt tháp thờ Xá-lợi, lúc mới vừa đến chỗ đất đó, có người cày ruộng thấy tỏa ra ánh sáng, bèn tìm ra ánh sáng và đào lên, được một pho tượng Đức Phật Di-lặc bằng đồng mạ vàng, hình dạng rất, liền làm lễ cúng dường.

Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

23- Truyện ngài Thích Bảo Hiến trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Bảo Hiến, là người xứ Trịnh Châu, là Học sĩ của Luật sư Bảo Trấn. Từ thuở nhỏ, Sư được nương tựa liền vâng theo khoa điều. Ngài Bảo Trấn xét khí lượng, trông tài năng chắc chắn đầy đủ để tiếp nhận Đại Pháp. Đến ngày thọ giới cụ túc, Sư chỉ còn kính phụng theo văn ngôn, còn như mọi thứ khuôn phép đều đã hoàn bị từ trước. Sư có được tình cảnh thầy trò như thế, và hạnh nghiệp rộng lớn như thế.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư theo thầy Bảo Trấn, đồng đến trụ chùa Đại Hưng Thiện, oai nghi điều thuận, nói năng không can dự đến thế tục. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, ngài vâng sắc đến đặt tháp ở Hồng Châu, là đất xưa của Dự Chương. Ban đầu, hướng đến châu đó, đường đi từ giang trở, dòng chánh đã mất, chỉ bùn sình bưng bít chẳng thông, sức người đã hết mà không thể tiến tới được. lộ trình kỳ lại bức bách,nên các hàng đạo tục đều lo sợ, Sư bèn

tựa nương vào tâm Xá-lợi xin rũ chỉ đường thông suốt, bỗng giáng hiện một con chim trắng bay liệng ở phía trước thuyền, chợt đến chợt đi như là dẫn lối, Sư liền bảo nương theo đó, bèn gặp được mạch nước, thâu đêm đầy thuyền, bình an đến nơi không chướng ngại.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, tiếp tục thực hành Đạo Nghiệp xưa, mãi đến ngày thị tịch.

24- Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô:

Thích Pháp Lãng, là người xứ Bồ Châu, Sư học qua Tam Tạng, riêng xét về Tỳ-ni, khai vạch thiên tụ, chẳng ngăn ngại bởi danh văn. Lại thêm khí tiết bình thản ngay thẳng, chẳng chịu xem thường, quyết đoán cứng rắn, không riêng ép buộc. Sau, Sư đến trụ chùa Thắng Quang, mở bày nghiên cứu luật điển, đi ngang qua cửa phòng Sư không ai chẳng kinh sợ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Đại Hưng Quốc ở Thiền Châu. Chùa đó vốn là nơi ra đời của Hoàng Khảo Võ Nguyên. Nên Vua xây chùa dựng tháp để cảm tạ duyên xưa. Lúc vừa đến trong cảnh vực châu đó, cả ba ngôi chùa Đại Thông, Thiện Pháp và Diễn Nghiệp, vào lúc ban đêm ở mỗi chùa đều phát ra ánh sáng, không biết từ đâu đến mà soi chiếu khắp cùng trong chùa, thấu suốt không ngăn ngại, trong chùa Thiện Pháp hiện ra cây có ba hoa, hình sắc rõ ràng. Vào này mồng hai tháng tư, trong chùa Linh Thắng, ban đêm bỗng phát ra ánh sáng năm mầu, hình thái như mây hợp thành một cái lọng, và đều biến thành mầu tím. Khi đón rước linh kiệu vào thành, mây lọng mới tan. Lại có áng thái mây năm mầu rực rỡ từ hai phía Tây Bắc và Đông Nam cuồn cuộn bay đến phía trên tháp hợp lại mà trụ. Đến lúc đào bới nền tháp, sâu xuống năm thước, có một con chim lạ hình dáng như chim Anh Dục, mầu xanh vàng, đi tuần nhiễu quanh viền tháp, mọi người chạm bắt lấy, chim không tỏ vẻ kinh sợ, chỉ ăn hoa vàng, ba ngày sau, chim bị chết. Lại dùng đá xanh làm hộp, bỗng sinh ra bóng sáng, trong ngoài đều thấu suốt, hiện các linh dị. Ở hai mặt Đông Tây đều hiện song thọ, dưới cây đều có lằn nước phát sinh. Mặt phía Tây trong hộp hiện ra hai vị Bồ-tát, vị đứng bên cạnh phía Nam mầu vàng vị, kệ đứng bên cạnh phía Bắc mầu bạc, cùng tương xứng nhau. Lại có hai vị Bồ-tát ngồi trên đài hoa, mỗi vị đều cao một thước và đều phát ra ánh sáng mầu hồng tím. Mặt phía nam trong hộp hiện tượng Thần ni, chắp tay nhìn về hướng Tây. Mặt phía Tây

mỗi hộp, hiện Đức Phật nằm nghiêng hông bên phải, đầu hướng thẳng về phía Bắc, mặt xoay về hướng Tây. Mặt phía Đông ở ngoài hộp hiện tướng chim chết ở trước, nằm nghiêng, chỉ phút chốc đứng dậy, ở phía trên đầu chim có ba hoa vàng. Chim ấy theo hướng Tây Nam bay đến dưới chỗ Phật nằm, rồi đứng yên không nhúc nhích. Những tướng sáng trên, từ đã hiện đến chưa hiện, tướng trạng rõ ràng, Sư bèn bảo người đồ họa ghi chép lại trên giấy xong rồi, mới dần dần biến mất. Đến ngày sắp hạ tháp, bỗng nhiên mây nổi như khói, như sương mốc, vây tròn che mặt trời, lại như vòng bánh xe, sắc mầu chia ra riêng biệt, lại như bánh xe ngân căm mầu mây đều như mầu hồng màu tím, mọi người đều ngửa mặt nhìn tướng ấy, ngợi khen lạ lùng ít gặp. Đến lúc phủ lấp đã xong thì bầu trờ trở lại toả sáng, mây mù tan biến. Ngay lúc ấy ở phía ngoài vách tường chùa viện đều thấy có phướn lọng vây nhiễu chung quanh, nói là từ chỗ khác đến cúng dường. Sự việc xong xuôi, tìm hỏi thì không có một dấu vết. Sư vui mừng vớinhững điềmlành thần biến ấy, liền tấu trình lên vua.

Sau đó, Sư trở về kinh đô, vì bệnh nên qua đời.

25- Truyện ngài Thích Đào Toại trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô:

Thích Đàm Toại, là người xứ Ung Châu. Ban đầu, Sư tập học Luận Đại Trí Độ. Về sau, Sư lại học Duy thức, nghiên cứu luận Nhiếp Đại thừa, chọn lý sâu kín, Sư thường nói: “Ba cõi luống dối, chỉ là nhất tâm, đuổi tìm cảnh ngoài, chưa ngộ khó dứt”. Nên rất được tôn xưng có Sư thông hiểu. Nhưng Sư lại rất cẩn trọng gìn giữ căn môn, chuyên cần tu trì giới hạnh. Sư trụ chùa Chân Tịch, đóng cửa giũa mài hạnh nghiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Pháp Hống ở Tấn Châu. Lúc mới đến dừng nghỉ ở Công quán thì phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cùng cửa tinh xá rõ ràng như màu vàng ròng. Lại phát ra hai lần ánh sáng mầu vàng nhạt từ nơi Đạo tràng lưu xuất, rất lâu mới tắt mất. Lại từ chỗ kiệu Xá-lợi đến tận chỗ nền móng ngôi tháp đều phát ra ánh sáng lành, có ba vầng cầu vồng bay bổng, mầu sắc như ráng trời lúc sáng sớm, rực rỡ giữa khoảng không cao vợi. Đến ngày hạ tháp, lại phát ra ánh sáng, lúc ẩn lúc hiện, nói chung thì trong bảy ngày, điềm linh xen lẫn các tướng biến hiện chồng chất không dứt.

Sau đó, Sư về lại kinh đô tiếp tục thực hành Đạo nghiệp. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

26- Truyện ngài Thích Đàm Quán trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Đàm Quán, là người xứ Cử Châu. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, rất kính mến Pháp tự. Mãi đến sau khi thọ giới cụ túc, Sư tìm xét nghĩa môn, chỉ y cứ vào Luận Thành Thật dứt bỏ mọi vướng mắc. sau cho rằng tuệ giải là gốc loạn thần, Sư bèn trở lại lắng nguồn, nhiếp suy nghĩ hang hóc. Với mười sáu pháp đặc biệt, Sư lại rất mực lưu tâm, Thần chí rộng khắp tiêu hết Tà chướng, vang vọng khắp xa đến tận Thiên quyết.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm hỏi, thỉnh Sư vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, mọi sự cúng dường đều nồng hậu, thường ngày hỏi han sức khoẻ. Sư thường lên sân tía ngồi ở nệm hoa. Vua gần gũi hầu cúng, kính trọng đức hạnh Sư mà cầu học đạo Pháp. Sư khoan dung thuần thoáng, nói năng không trau chuốt, rất được Pháp nhẫn rất sâu. Khổ vui đối với tâm hoàn toàn rỗng lắng, nên khiến danh lợi tuy ngày một tăng mà vẫn thường có khí tiết trinh thuần. Mọi vật tín thí cúng dường Sư đều sung nhập vào của chúng tăng, phòng nhà rỗng rang, chỉ có y bát mà thôi. Bấy giờ, các hàng lưu tục đều mến chuộng.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư vâng sắc đón rước Xá-lợi đến chùa Định Lâm ở Bổn Châu. Lúc mới, dừng nghỉ ở Công Quán, liền phát ra ánh sáng rực rỡ, đào bới nền móng sâu đến tám thước có được một ngôi tháp bằng đồng, trên đầu ngay bằng, dưới nền vuông vắn, có hai cửa đối xứng, thiết chế như thần tạo, khắc chạm đến kinh hãi người. Sư bèn dùng để đựng Xá-lợi đặt vào bình trong, rất tương dung nhau. Tại châu đó, có người tên là Cầm Cự Hải bị bệnh câm suốt trong sáu năm. Khi nghe đón rước Xá-lợi đến, bèn tự viết thư thỉnh cầu điềm ứng, thấy vốn một viên xá-lợi mà phân chia thành ba phần, mầu sắc như vàng ròng chợt trầm chợt hiện. Lại thấy ảnh tượng ba Đức Phật từ giữa hư không bay đến, tức liền bày thuật. Văn từ ngôn cú như dòng chảy.

Sau đó, Sư về lại ở kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

27- Truyện ngài Thích Linh Đạt trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô:

Thích Linh Đạt, là người xứ Hằng Châu. Lúc đầu, Sư học theo Nho Môn, tham cùng kinh sử, chỉ thấy càng thêm tướng đồ lược, bấy giờ tuy có tâm nhân nghĩa, nhưng cuối cùng lại đắm chìm trong các cõi, chưa thoát khỏi được vô thường. Sư bèn cắt tóc Đạo lưu, mong tôn thờ

khuôn phép chánh, nương tựa Ngài Viễn Công mà học Đạo nghĩa, đều nhận biết được đại ý. Nhân đó bèn nhất quyết nương theo, ba nghiệp không xả bỏ. Đến lúc Viễn Công vào chốn kinh đô vì kính mến nghĩa nên Sư cùng theo. Về sau, Sư trụ chùa Diên Hưng, lùi ẩn tự giữ, ngồi thẳng thúc liễm thân tâm, suốt ngày thiền mặc, ăn mặc chỉ thô xấu, chẳng mong cầu lòe loẹt.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Long Tàng ở Bổn Châu. Lúc mới định chỗ làm nền móng, nghe có mùi hương lạ, dần dần phân tỏa theo chiều gió lan tỏa khắp trong chùa. Trong dân chúng có một người tên là Kim Huyền Tán, ở bên cạnh chùa, từ trước bị bệnh tịt mũi, hơn hai mươi năm không hề nhận biết các thứ mùi thơm hôi, ngay ngày hôm đó bỗng nhiên ngửi được mùi hương, kinh hãi bèn tìm đến chùa, nhân đó bệnh tịt mũi được lành. Lại có mưa hoa trời từ giữa hư không tuôn đổ xuống, hình thái ánh sáng đẹp sạch rực rỡ như vàng bạc, trước tiên rơi xuống chỗ tháp, sau đó vào trong chùa viện. Các hàng đạo tục đua nhau tiếp lấy nhẹ mỏng như sợi. Sau khi hạ Xá-lợi xong, có hai con hạc trắng báy liệng phía trên tháp, giây lâu mới bay đi.

Sau đó, Sư liên tiếp tìm theo định nghiệp, thưa hỏi khắp núi rừng đồng trống, chẳng đoái hoài danh quán, thực hành hạnh đầu-đà, ở nơi rừng mả. Tuy gặp các thứ quỷ thần mà không hề khiếp sợ. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (601) đời Tùy, Sư thị tịch nơi mồ mả trong rừng rậm. Lúc đầu, không ai nhận biết, có người trong xóm lấy làm lạ vì không thấy Sư đi khất thực, bèn đến tìm xem thì thấy Sư đã tịch, thân tướng Sư ngồi kiết già như lúc còn sống. Nhân đó hợp làm chiếc giường vuông tẩn liệm và an táng trong hang Đỗ Thành.

28- Truyện ngài Thích Tăng Hân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Tăng Hân, là người xứ Thượng Đảng thuộc Lộ Châu. Từ khi Sư vào Đạo Pháp, nghe khắp cả Đại Thừa, Tiểu Thừa. Cho đến cả thiền luật, Sư đều trải qua. Dốc hết thân tâm, không pháp tịch nào Sư chẳng tham dự. Trong sự dạy răn các hàng ngu trí gồm cả ồn náo và tĩnh lắng. Sư một mực giữ gìn chánh độ, cung kính cẩn trọng Kinh luận, nhận hiểu vạch bày, không hề chợt quên. Lúc đầu, chúng tăng thấy sư cúi mặt ít nói, dứt bặt luận đạo nên đều gọi Sư là Lão già mờ tối. Sau, có bậc trí giả hỏi về Văn từ nghĩa lý, Sư đều trình bày áo nghĩa sâu xa. Xem thường chương cú, chẳng hề can dự trong lòng. Có người hỏi về

lý do, Sư đáp: “Chớ khinh kẻ chưa học, Diệu đức thường ẩn tàng, chỉ có bậc Đại Giác mới có khả năng tĩnh lắng và soi chiếu, hàng Thanh đức minh ước mới không có vết lỗi nhỏ. Kẻ ngu si theo khuôn phép mọi vật, có lúc sẽ thông ngộ. Chỉ hai mắt đều sáng mới lấy được Hội Tông, chẳng được vì Pháp mà làm khổ lụy tới người, đến nỗi trái với sự mong cầukính phụng!”

Đến lúc nhà Bắc Chu phá diệt Đạo giáo và Phật giáo, Sư bèn lánh ẩn vào Thái Sơn, đến khi thời vận nhà Tùy mở thoáng, Sư lại trở về học tập tu hành, rão bước chốn Lạc Hạ, theo học ở Viễn Công. Với các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư đều nghiên cứu tông lãnh. Sau, Sư vào Quan nội trụ chùa Đại Hưng Thiện, thể độ cao sáng, chẳng khuất phục trái lạm. Lúc giảng dạy, ngôn từ bày nêu, đè nén và nâng bốc rất có độ lượng. Còn như mọi việc của chúng tăng tu đạo, tâm tình Sư vẫn đặt trọng chuyên cần tha thiết, đích thân dẫn trước, gánh vác vận thiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Hộ Pháp ở Mao Châu để xây tháp cúng dường. Lúc mới đến dừng nghỉ nơi công quán, Có Sa-môn Đàm Nghĩa là bậc danh tăng cao hạnh, nói rằng: “Nghe các viên Xá-lợi đều phát ra ánh sáng, chỉ vì chúng ta, v.v... tội nghiệp quá sâu nặng nên không có ứng hiện gì!”. Sư bèn cởi áo làm lễ sám, đốt một ngón tay làm đuốc, suốt đêm cúng dường đến sáng sớm bèn phát ra ánh sáng soi khắp người vật. Lại lưu xuất ra bình vàng xoay chuyển hành đạo,có ánh sáng ba mầu xanh, đỏ, trắng soi chiếu khắp cùng, qua mấy đêm ánh sáng ấy mới tan mất. Đến đầu hôm mồng bảy tháng tư, lại phát ra ánh sáng đỏ rực như đốt đuốc khắp trong Phật đường, phút chốc lưu xuất ra ngoài cửa, soi chiếu khắp cả bốn phía mái nhà. Lúc sắp đặt để vào hộp lại phát ra ánh sáng mầu đỏ sáng rực hơn cả mặt trời, suốt đêm lại soi chiếu trong hộp. Qua ngày mồng mười tháng tư, Hoa trời như tuyết từ giữa hư không rơi loạn xuống, năm mầu xen lẫn, mọi người đều nhặt được. Lại cảm có có mùi hương lạ, theo gió nhẹ thoảng xông khắp trong chùa. Hộp đó bỗng nhiên biến thành Lưu ly mầu xanh, trong ngoài thấy suốt. Có người dùng lụa mỏng mầu trắng phủ bọc chung quanh mấy lớp, lại phủ mỏng lên trên hộp đó. Lại dùng tro bụi bùn sình phủ lên trên, sau đó ánh sáng lại soi chiếu qua lớp bùn đó, lại đồng như mầu của hộp. Lại ở trên lớp tro bụi bùn sình ấy vẽ mười bông hoa, dùng vàng mỏng để tô điểm đến sau khi thành tựu chỉ còn lại một mầu vàng ròng, ngoài ra các hoa đều rực rỡ. Lúc chưa hạ tháp, có Tín sĩ Trương Thế Khiêm là người thường tu trì bát Quan trai giới, lìa bỏ vợ

con tôi tớ, ở nơi phòng thất tĩnh lắng tụng kinh, bèn nghe có âm thanh phạm tán ở chỗ kiệu rước Xá-lợi, bèn ra cửa nhìn, thấy có chư tăng, mỗi vị đều cầm nắm hoa hương đi nhiễu quanh cúng dường, bỗng chốc bèn biến mất. Lại thấy có trời người cầm các phướn lọng và hương hoa từ hướng đông nam bay lại, ngay trên đảnh tháp biến thành vầng mây lớn, xoay chuyển giữa hư không giây lâu. Lại thấy có hơn trăm vị Sa-môn ở trên nền tháp, cầm chổi quét đất bù đắp thêm. Đến lúc sáng sớm thì vắng lặng không thấy gì. Bấy giờ, đang là mùa hạ nắng nóng, đất đai khô cằn, mọi người đều mong có mưa, ứng niệm liền tuôn mưa xuống, nước mưa dày bốn-năm tấc, khắp sông đồng đều dứt trừ đực lo khổ. Tại huyện Sa Khâu có Lệ Như Ý là người hồi tâm kính tin Phật, thấy tướng ánh sáng. Đường tuy xa mà ngời sáng, mắt thấy suốt thấu chư tăng trong chùa có năm vị đang ở trong Phật đường. Lại nghe bên cạnh Tháp có tiếng âm nhạc khen ngợi, tiếng vang rất xa. Lại hoa trời tuôn rải như mưa, khắp cùng bốn mươi dặm, nơi nền tháp thì nhìn gấp bội. Sư vui mừng với các điềm lành ấy, bèn dâng biểu văn tấu trình đầy đủ.

Sau đó, Sư trở về, tiếp tục thực hành Đạo Nghiệp, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

29- Truyện ngài Thích Huyền Cảnh trụ chùa Không Quán ở kinh đô:

Thích Huyền Cảnh, là người xứ Triệu Châu, Sư lập chí thanh bạch trinh thuần, chẳng can hệ với lưu tục. Đối với luật Tứ Phần, Sư tinh thông văn nghĩa, chẳng thích mở mang, thường tìm nơi dị Bộ, khơi phát trái thuận, phẩm chương phế lập, rất có thần thái. Sư trụ tại chùa Không Quán, nhàn tán ưu nhu, là vị Tăng vô vi.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc đặt ngôi tháp tại chùa Vô Tế ở Bổn Châu. Ngày làm nền móng, bỗng nhiên phát ra ánh sáng mầu đỏ biến chuyển chẳng thường, hoặc như hình tượng, chợt như lầu gác. Lại phát ra ánh sáng mầu trắng, có lúc ánh sáng lớn nhỏ, nhiễu quanh bên cạnh bình. Đến ngày mồng bốn tháng tư, lại phát ra ánh sáng rực rỡ mầu tím lục xen lẫn, đến ba lượt mới thôi. Lại trong ánh sáng ấy thấy có pho tượng Phật, thân cao hơn hai thước ngồi trên tòa sen, và có các vị Bồ-tát hầu cận ở bên cạnh nghinh dung trang nghiêm, từ giờ mão cho đến giờ dậu mới biến mất. Ngay lúc ấy, mọi người đều trông thấy.

Sau đó, Sư về lại chùa Không Quán, lại học Thiền tông, dừng ở nơi Đông Viện, nhóm họp các Bạn đồng tu, phần nhiều thực hành hạnh

đầu-đà. Sau, Sư thị tịch tại chùa đó.

30- Truyện ngài Thích Trí Qũy trụ chùa Hoằng Tế ở kinh đô:

Thích Trí Qũy, là người xứ Ký Châu, rất kính mến Niết-bàn, tịnh trì giới hạnh, chẳng màng vinh hạnh, thường biết đủ không mong cầu. Sư trụ tại chùa Hoằng Tế, đóng cửa, tu hành Đạo Nghiệp, tăng chúng kính phục trí đức của Sư nên rất xem trọng, thường đặt để Sư nơi chỗ cao quý, tôn xưng danh thật, nhưng Sư chẳng hề đoái hoài, bèn lùi ẩn tự tu, như không hề nghe thấy.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, ở khắp nơi đều xây tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Khai Giác ở Ngụy Châu. Lúc vừa đến chỗ làm, bèn phát ra ánh sáng rực rỡ mầu tím trắng cùng phô bày lẫn lộn, năm mầu tỏa phát. Có Tỷ-khưu-ni Trí Khoáng mắc bệnh sốt rét đã nhiều năm, nhân kính lễ phát nguyện, bèn thấy được ánh sáng mầu đỏ soi chiếu khắp phòng nhà, bèn nhả vật xấu ác ra, từ đó, bệnh được dứt hẳn. Lại có người mắc bệnh nặng nghe vậy vui mừng, cúi đầu trên gối mà phát nguyện, cũng được ánh sáng soi chiếu và bình phục lại như cũ. Khi đến chỗ tháp, các trình trạng bệnh hoạn được khỏi như thế rất nhiều, không thể ghi hết. Có Dương Đại Nhãn trước kia mắc bệnh hai mắt mờ không thấy, dẫn đến chỗ kiệu nguyện cầu, liền nhìn thấy Xá-lợi như mắt vốn sáng sạch, những trường hợp như thế lại rât nhiều. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc hạ tháp xong, từ phía Tây Bắc có mây nhóm lại, hoa rải trên tháp như mưa, lẫn lộn lã tả như mây, mầu tợ vàng ròng, khắp cùng cả chùa viện. Các hàng đạo tục nhặt lấy, hình dạng như hoa bằng vàng. Lại cảm có một con chó mực, chẳng biết từ đâu đến, đi thẳng vào nơi đạo tràng và nhiễu quanh hành đạo, mỗi ngày đến sau giờ ngọ, cho bánh, nó chẳng chịu ăn, cho nước thì uống. Đến lúc giải trai hội cho cháo mới ăn. Trong chùa có một đàn chó khác thường, cắn xé rất dữ, nhưng khi thấy con chó ấy liền cúi đầu kính sợ, không dám liếc nhìn. Ở chỗ tháp có dựng một bia đá dày ba thước rưỡi, bỗng nhiên phát ra ánh sáng trong vắt như lưu ly, soi chiếu mọi vật, đều thấy rõ ràng. Lại thấy voi sáu ngà đều hiện trong bia đá. Đến cuối tháng năm, ở trong bia ấy có bảy lần biến đổi tướng trạng, hoặc là pho tượng Phật, Thánh Tăng, Song Thọ v.v... các điềmtướng chẳng phải một, Sư đều tấu trình những việc ấy lên vua.

Về sau, Sư dời đến Chung Nam, trụ chùa Thiền Tịch, leo lên non chầm, ra đi chẳng trở lại.

31- Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô:

Thích Tăng Phạm, là người ở xứ Ký Châu, Sư học gồm các kinh điển Đại thừa, Tiểu thừa, lắng chuyên Tâm nghiệp, tìm thấy thiền niệm, dốc lòng kính lễ. Các pháp định yếu Sư thành đạt, hẳn gấp bội so với đồng bạn. Sư trụ tại chùa Thắng Quang, nhờ tuệ giải mà được suy tôn.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy xây dựng tháp, ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Giác Quán ở Bổn Châu. Mỗi ngày đến lúc chiều tối, thường phát ra ánh sáng, mầu vàng đỏ đan xen rực rỡ, biến hóa chẳng phải một. Có Sa-môn Tăng Biện bị bệnh tai điếc suốt bốn năm, nghe có tiếng như ở nơi tường vách, chỉ một lần trông thấy Xá-lợi, hai tai bèn được mở thông hơn thường ngày. Tại châu đó, có Tô Pháp Hội chân trái bị co quắp đã hơn mười chín năm. Tự chống gậy đến đảnh lễ cầu nguyện, sau đó bèn được lành mạnh, vất bỏ gậy mà trở về. Chính mắt Sư trông thấy những linh nghiệm thần đạo như thế, tin biết kinh giáo chẳng phải là thứ dối bày, chỉ do chí tiết thành thật chưa hiển bày, nên đến nỗi có sự sai lầm!

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, tiếp tục thực hành khuôn vết trước. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

32- Truyện ngài Thích Bảo An trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô:

Thích Bảo An, là người xứ Duyện Châu. Sư giữ chí an bần tu học. Mọi người trông thảy đều kính trọng. Lúc đầu, Sư nương tựa Sa-môn Tuệ Viễn, nghe học Kinh Niết-bàn, rộng nghiên cứu Tông lãnh. Đến lúc nhà Bắc Chu diệt, nhà Bắc Tề mất, Sư đi về hướng Nam đến nước Trần. Đến khi nhà Tùy thống nhất thiên hạ, Sư về lại quê cũ, sau đó Sư đến Triều Lạc, Sư lại theo Sa-môn Tuệ Viễn, nhờ đó mà học nghiệp xưa càng sâu xa hơn.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, vì kính mến Đạo nghĩa, nên Sư vào kinh đô trụ chùa Tịnh Ảnh. Lúc bấy giờ, ngài Tuệ Viễn hoằng dương Chánh Pháp đang rất hưng thạnh, dưới tòa thính chúng gồm cả ngàn người. Mỗi một chế ước ở trong giảng hội, ngài Tuệ Viễn đều giao hẳn cho Sư. Khi đó mọi người từ phương xa đều tìm đến, danh vọng rất nhiều, khó có thể tiếp nối hài hòa, nên ngay trách nhiệm đó. Sư bèn tùy cơ khuyên dụ, cứu giúp rất có khuôn phép. Tuy nêu bày đủ thứ trừng trị răn đe mà không hề có tâm oán cừu, mỗi người đều nhớ nghĩ kính mến, khen ngợi. Sư giảng các Kinh Thập Địa, Niết-bàn rất thuần thục, khéo léo ở đương thời, nhưng tánh Sư vẫn nhiếp giữ

sự im lắng, không thích giảng dạy. Nếu có hỏi đáp, Sư biện đối tợ dòng suối đổ.

Đến niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc thỉnh đến đặt tháp tại chùa Phạm Tràng ở Doanh Châu, tức là thành Hoàng Long. Xưa có ngôi tháp gồm mười bảy bậc cấp, ngăn che ở trong, đặt Xá-lợi. Đang lúc nửa đêm ở phần trên đều phát ra ánh sáng mầu trắng, tướng trạng như mây mù, ban đầu chỉ có một trượng, dần dần tỏa khắp viện, chói sáng rực rỡ, giây lâu mới dứt. Trước sau có đến ba lần, tướng loại đều đồng. Xưa có một con rùa bằng đá hình dáng rất lớn, muốn làm hộp dùng dẫn đặt rất khó, thợ đá theo quy mô đẻo gọt thành hộp, trong ba phần bỏ hết hai phần. Sư tự nghĩ: “Đá lớn mà hộp nhỏ làm sao chọn thành, sợ lỗi ngày với kỳ hạn, trong lòng lo lắng như lửa đốt”. Nhưng đến sáng sớm đến xem thì đá ấy rất xứng với hộp, tự nhiên phân chiết, chẳng nhọc khắc gọt, rõ ràng thành tựu. Hộp tuy do thần tạo, tính ra đáng rất nặng nề, nhưng kề gần cùng kéo thì nhẹ đi, nhanh như đuổi theo. Chẳng nhọc đến chùa, bèn đúng y như kỳ hạn, Sư rất vui với tình nguyện.

Sau đó, Sư về lại chùa ở kinh đô, không biết về sau Sư tịch ở đâu.

33- Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Nhân Giác ở kinh đô:

Thích Bảo Nham, là người xứ U Châu, Sư nêu ý Kinh Thập Địa, thứ đến học Tỳ-đàm, cuối cùng nghiên cứu về luận Thành Thật. Nên đối với Tông Bộ, Sư trải qua nghiên tầm rất nhiều, cửa nẻo huyền văn suốt cùng nguồn cội. Bấy giờ, đang truyền bá dồi dào rộng rãi mà tánh Sư rất suy xét mọi việc, chẳng ưa thích nói bàn. Mọi người tha thiết mong cầu giải bày, tinh lý lại tuyên dương. Sư trụ chùa Nhân giác ở Kinh hạ, giữ Đạo tự vui, không thích sự giao thiệp nồng hậu.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá lợi đến chùa Hoằng Nghiệp ở Bổn Châu. Chùa đó vốn do Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 471-500) thời Nguyên Ngụy xây dựng. Xưa đặt hiệu chùa là Quang Lâm, nương vào sườn núi, ở cạnh khe suối, diện thế cao thoáng. Phần nhiều khác lạ, mọi việc đều thanh tịnh trang nghiêm, nên khiến mọi người đi đường hẹp phải kinh sợ. Do đó chúng đây lạm vết mong qua. Từ cuối niên hiệu Khai Hoàng (....601) đời Tùy, Xá-lợi được rước đến trước núi, thường nghiêng vẫy không hề ngừng nghỉ. Đến lúc an trí tháp xong, núi mới dứt hẳn sự rung chuyển. Lại đến đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời

Tùy, từ trời tuôn đổ xuống ba mươi ba cây dao cạo, dùng rất bén nhọn, và hình tướng chế tác cũng rất khác biệt, nay chư tăng thường dùng để cạo gọt. Lại nữa, lúc mới tạo hộp đá, sáng ngời như gương nước, đường văn giống như mã não, sáng tợ lưu ly, trong ngoài chiếu suốt sắc tím rực sáng. Phía ngoài hộp hiện lên những đường vân như tôn tượng Bồ-tát, cho đến Chư tiên, cầm thú, sư tử, cây rừng lắm thứ tạp tướng chẳng phải một. Đến đêm mồng ba tháng tư, phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp đất trời, mọi người đều trông thấy.

Khi mọi việc xong xuôi, Sư về lại kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

34- Truyện ngài Thích Minh Ngự trụ chùa Vô Lậu ở kinh đô:

Thích Minh Ngự, là người ở xứ Doanh Châu. Lúc đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, về sau lại học Luận Nhiếp Đại Thừa, suy tìm nguồn lý, nghiên cứu gồm cả mọi sự vướng mắc. Sau đó, Sư đến Nghiệp Hạ thưa hỏi những điều chưa từng nghe biết. Với mọi nghĩa ẩn cao sâu, Sư đều vạch bày xem đọc.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Sư vào kinh đô, đến chỗ Sa-môn Đàm Diên, lại học tiếp Luận Nhiếp Đại Thừa. Ý lượng của Sư rộng thoáng, dáng dấp nho nhã, nếu có tức giận, cũng không biến đổi sắc mặt. Đại chúng kính phục sức nhẫn ấy của Sư. Sư trụ tại chùa Vô Lậu, lấy việc giảng tụng làm chánh nghiệp. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Sùng Phạm ở Tế Châu. Nền móng chùa đó mang thế núi hiểm nguy, có nhiều loại cây lạ, núi suối cuộn quanh, trúc cao phủ trời, thật là chỗ đất tốt đẹp. Định ngày sắp hạ tháp thì ở chùa đó có điềm lành của vua A-dục, phát ra ba luồng ánh sáng thần chiếu khắp trên thân tượng, vàng đá mầu đỏ sáng rực đoạt nét tinh anh, trải qua thời gian khoảng bữa ăn thì dần dần dùng hết. Lại nghe có tiếng khánh kéo dài, trên đảnh núi phía động chùa, có âm vang khen ngợi “Lành thay!” trong trẻo suốt thấu tâm người, nhưng tìm thì không trông thấy gì cả. Lại nữa, trên hộp Xá-lợi, ánh sáng phát ra cao ba thước, hình dáng như cây hoa. Vốn rước Xá-lợi phân thành hai viên, lưu xuất ra ngoài bình lưu ly lần lượt mà xoay chuyển và đều phát ra ánh sáng. Có mây mầu vàng trắng từ phía Tây Nam trôi đến, âm thanh như mưa cùng đổ trôi chảy, tiếng âm nhạc, đến ngay trên tháp, dừng trụ không lay động. Lại thấy có hai cành hoa từ trong mây lưu xuất, hoặc có lúc lên lúc xuống. Có đàn chim lớn bay đến vờn quanh phía trên tháp. Lại ở trong mây hiện ra

đầu vị tiên số nhiều đến vô lượng. Ngay lúc đó, người ở thành Tân Châu thấy các vị Tiên từ phía đông giữa hư không bay đến, hướng về Ngụy Châu. Ngài ở ngay vận ấy vui mừng thấy các điềm lành đó, mói không thể hết. Dân chúng đều xả thí tài của chứa nhóm như núi, Sư đều dùng vào công việc tại xây dựng ngôi tháp. Có năm vị Sa-môn thấy được điềm kỳ đặc ấy, bèn xả giới làm đứa ở, cúng dường Tam Bảo, nhân đó khắc vào Minh Ký, nói rộng như trong Biệt truyện.

Đến lúc Hiến hậu qua đời, Vua Văn Đế xây dựng chùa Đại Thiền Định, thỉnh Sư đến trụ ở đó, về sau Sư thị tịch tại chùa ấy.

35- Truyện ngài Thích Đạo Sinh trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Đạo Sinh, là người xứ Bồ Châu. Sa-môn Đại Thống Đàm Diên là thầy của Sư, con của Danh Phụ thuộc hệ vết tích Quyết Sư. Tuy nhã chuộng chưa ngang bằng, nhưng năng lực tư duy thấu đến phương xa. Nhân từ chân chánh, Sư thường đặt để nơi lòng, thanh sắc không hề đắm nhiễm. Sư thọ trì Giới hộ, thích vịnh văn ngôn. Luật Tứ phần rộng đượm nhuần Thanh giáo. Lúc giảng dạy nêu cao khí Pháp khó nghĩ. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, vời vợi nêu lạ, mắt không hề liếc nhìn, oai nghinh an tường điềm đàm. Đại chúng rất kính sợ.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Sở Châu. Ban đầu dừng nghỉ ở Công Quán, chiêu cảm một con nai hoang đi thẳng vào cửa tháp. Người canh giữ dẫn nó đến chỗ Xá-lợi, tự nhiên nói cúi đầu kính vái, thuần thiện an ẩn. Sư bảo con nai rằng: “Ngươi vì Xá-lợi, hãy bước lên bậc thềm. Còn như duyên khác thì tùy ý mà đi”. Nai nghe lời ấy bèn bước lên thềm cấp, ra vào trước màn trướng, qua lại không ngăn ngại. Sư bèn giảng trao quy giới cho nai, nai bèn cúi đầu nơi hương án tỏ vẻ như có nghe thọ. Nhân đó dùng lụa thêu buộc thất nơi nó, nai liền liếm tay người. Đêm đến nằm bên cạnh kiệu, hoặc đi sang nơi phòng Sư, dừng ở vài đêm, tự nhiên nói lui ra, trở về đồng hoang. Đến ngày hạ tháp có hai con hạc trắng bay liệng phía trên tháp, lúc lấp đất xong mới bay đỉ. Sư trông thấy các điềm lành ấy, bèn cùng các hàng liêu thuộc, viết lại biểu văn đầy đủ để tấu trình. Và khắc bài minh về việc ấy dựng ở chỗ Tháp.

Sau khi mọi việc xong xuôi, Sư về lại kinh đô. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

36- Truyện ngài Thích Pháp Tánh trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô:

Thích Pháp Tánh, là người xứ Duyện Châu. Thuở thiếu thời Sư thực hành Thiền học, siêng năng hành đạo, ít dục, thực hành hạnh đầu-đà, một mình Sư vân du nơi eo biển. Có lúc Sư lại vào trong thế tục để giúp hình hài rồi ẩn mình nơi rừng núi, lấy sự trầm lắng làm chánh.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Vua Văn Đế (dương Khiêm) tuần du phương Đông, thưa hỏi ở các hang hóc, nhân đó, thỉnh Sư vào kinh đô trụ chùa Thắng Quang. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy Vua Văn Đế ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Phổ Lạc ở Bổn Châu. Lúc đầu, làm hộp bên ngoài, có được một phiến đá xanh, gọt mài vừa xong, sắp khắc khảm, bỗng biến thành mã não, có năm mầu xen lẫn, đường vân hiện rõ. Ở phía trong hộp loang lổ tạp sinh ngọc trắng, ngưng nhuận sáng sạch khắp cả trong ngoài hộp, sáng như kiếng nước chiếu soi không chướng ngại. Ngay lúc đặt vào hộp, ở trên nền tháp có đôi chim trắng liệng quanh, lượn vòng quanh tháp. Cành lá cây Nại ở phía Tây tháp đều biến thành mầu vàng ròng. Đến lúc Vua Văn Đế băng (605), Vua Dương Đế (Dương Quảng) sắp đặt chùa Đại Thiền Định, thỉnh Sư đến trụ và cúng dường. Về sau, Sư thị tịch tại chùa đó, thọ hơn tám mươi tuổi.

37- Truyện ngài Thích Biện Tịch ở Kinh Đô đời Tùy:

Thích Biện Tịch, là người xứ Từ Châu. Thuở thiếu thời do nhờ năng lực tuệ học mà Sư nổi tiếng. Sư chìm nổi trong nhân thế, lấy việc đi giảng khắp nơi làm chánh nghiệp. Sau, Sư lại đến kinh đô nhà Bắc Tề, chuyên nghiên tầm Luận Đại Trí Độ và Luận A-tỳ-đàm tâm. Chưa hơn một năm mà đã thông hiểu đại khái.

Vào cuối niên hiệu Võ Bình (576) thời Bắc Tề, nước nhà sắp sụp đổ, đạo pháp bị diệt vong, theo hướng Nam, Sư đi về giang âm, lại học Tam luận, thần khí chăm chú soi xét nghĩa lý mới ấy. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư về lại quê cũ. Ở đó, có một số bạn lành đã mất, theo hướng Tây Sư lại đến kinh đô, tìm lại luận xưa là di phong của ngài Long Thọ. Lại từ niên hiệu Quang Viễn, Nhân Thọ (601- 605) đời Tùy, có xây Tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Lưu Câu ở Bổn Châu. Lúc mới đến, tại chỗ tháp Xá-lợi bỗng thấy có ánh sáng lạ chiếu soi ở đảnh núi phía Bắc chùa suốt đến phía Nam núi, sáng rực như mặt trời lúc sớm mai. Lại đến trong núi Thạch Phật tìm chọn đá làm hộp, mài gọt tô điểm vừa xong,

thì trong khoảng thể văn bỗng phát ra vần lửa sáng hiện núi biển chim thú, vị tiên, v.v... các tướng khắp đầy trong đó. Tuy là đồ họa, nhưng mười mà chẳng tấu trình một.

Về sau, Sư lại tiếp nối hạnh nghiệp trước, giảng dạy khắp chốn kinh hoa, mọi thứ phước lợi có được, Sư đều sung cúng vào chùa Phủ. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

38- Truyện ngài Thích Tĩnh Ngưng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Tĩnh Ngưng, là người xứ Biện Châu, là môn nhân của Thiền sư Thiên. Thuở thiếu thời Sư đã được nghe học, bít sâu Tà Chánh. Kinh luật Thập Địa là chỗ Sư chuyên tìm cầu. Về sau, Sư học luận Nhiếp Đại Thừa, thấu cùng sâu mầu, nhưng Sư thường ưa thích Chỉ Quán, bít cửa nghĩ chọn, duyên đến thì giảng, tiếng vang như sấm, sự việc xong rồi trở lại tĩnh lặng, hình dáng như lão già ngu dốt. Mọi việc trong đời Sư chẳng hề nói, mọi người không hiểu cho Sư là hạng ngu kém. Cùng ở chung lâu dài mới biết Sư là người có Đạo. Lại vì hành vi của Sư chẳng theo một nghi thức nào, miệng không nói lời ca tụng hay chia buồn, ngồi im tĩnh lắng dường như không biết nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, Sư theo Thiền sư Thiên vào Ung Châu trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Kỷ Châu. Lúc mới đến, thường phát ra ánh sáng mầu trắng như mặt trăng sáng sạch, lần lượt soi chiếu khắp cùng. Và đến ngày hạ tháp, giữa hư không có đàn chim trắng bay liệng quanh trên nền tháp, đến lúc chôn lấp xong xuôi nó mới bay đi. Lại còn có các điềm lành khác, Sư giấu tất cả, chỉ nêu bày một vài điều để biết là điềm chung của bậc Đại Thánh. Ngoài ra đều giấu không có ghi chép. Khi về đến kinh đô, lại bị trách cứ, Sư dùng phương tiện được giải mở. Sau đó không bao lâu, Sư thị tịch.

39- Truyện ngài Thích Pháp Khải trụ chùa Dương Hóa ở kinh đô:

Thích Pháp Khải, là người xứ Tào Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, nương theo Ngài HiềnThống ở Tướng Kinh làm đệ tử. Sư học Kinh Niết-bàn, hiểu thông Văn nghĩa. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn chuyên nghiên cứu Luật Tứ Phần. Bấy giờ, Luật sư Huy và Luật sư Vân là những bậc Tông tượng ở tại Tề đô, Sư tìm đến đó trải qua nhiều năm tháng thưa hỏi bẩm thọ, và đều được trao cho áo nghĩa sâu kín không

sót lại gì.

Đến lúc nhà Bắc Tề sụp đổ, chánh pháp bị diệt vong, Sư bèn đi về hướng Nam để lánh đến phía nam của Thọ Sơn thuộc Hoài Biểu. Đến lúc nhà Tùy mở thoáng Luật giáo, khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) mở rộng các Pháp môn, Sư về lại Tào Châu,có ý muốn trọn đời sống ở vùng sông núi, khi sắp đến bờ biển thì các hàng đạo tục cố thỉnh Sư ở lại không chịu để Sư đi về phía Đông. Tánh Sư rỗng lắng bèn đến núi Tả Khâu, cách phía Bắc thành ba dặm, xây dựng một ngôi chùa hiệu là "Pháp Nguyên", đất cao bằng phẳng, dưới đến tận thành ấp. Mọi người từ phương xa phát tâm đều đến thọ pháp. Chưa được an ổn mà lại đổi dời, được người xưa mến chuộng, lâu ở nơi cảnh trần nhàm chán, không ai chẳng lưu chuyển. Sư bèn vào Quan nội, xem xét phong hóa ở kinh đô, và Sư trụ chùa Dương Hoá mở mang giới luật.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư vâng sắc thỉnh xá-lợi đến Tào Châu. Vì nền tảng đầu tiên có nguyên do là muốn báo đáp xứ sở đó nên dâng biểu văn tấu trình xin xây tháp tại chùa Pháp Nguyên. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) không can ngăn mặc tình theo điều Sư cầu thỉnh. Lúc mới đến Tào Châu, kiệu đặt vào trong châu, thì hiện nhiều điềm lành rất tốt, đầy đủ như trong Biệt truyện. Chỉ vì học chưa trải qua, nên khó được biết khắp, vì vậy chĩ ghi chép sơ lược, tưởng chưa lắm phiền nhiễu, mỗi ngày riêng thấy khác lạ, nên kể lại đầy đủ như sau:

"Vào giữa trưa ngày mười bốn tháng ba, thấy pho tượng Phật bán thân, diện mạo trắng như ngọc. Trên đảnh Phật ở trước kiệu Xá-lợi hiện các tia sáng mầu vàng đỏ. Đến tối ngày hai mươi chín trời tuôn rải cam lồ, mùi vị ngọt ngon hơn mật. Lại thấy ánh sáng mầu đỏ soi chiếu khắp trên thành, phút chốc chiếu thẳng đến chỗ tháp. Đến ngày mồng năm tháng tư, Xá-lợi tuôn vọt lên mầu trắng sáng đẹp. Đến giờ thân ngày đó, ngay trên bức màn ở mặt phía Bắc chợt thấy bóng sáng, trong đó có hơi mây trắng, bên trong lại mọc một cây, tướng trạng như cây ngô đồng xanh, phía dưới có sư tử mầu xanh, ngồi xổm mặt xoay về hướng Tây. Đến giờ mão ngày mồng sáu lại thấy có bóng sáng, thấy trong hơi mây có ba hoa sen, nơi hai chái nhà ở dưới hai cây có pho tượng Phật, lầu gác cây rừng nhiều lớp xuất hiện. Phía trên có pho tượng Bồ-tát đứng. Đến giờ thìn lại thấy ánh sáng mầu vàng ròng, ẩn hiện lớn dần. Qua giờ Tỵ, lại thấy lầu gác nhiều tầng, phía trên lầu có cây lá hình dạng như lá cây Bối-đa, bên cạnh có vị Thánh tăng đang đứng. Đến giờ ngọ lại hiện hình ảnh Song Thọ, phía dưới có bảy Đức Phật. Đến giờ

Thân, từ nơi song thọ lại thấy một pho tượng Phật, hai vị Bồ-tát có ba cành hoa đỡ dưới chân, lại thấy người, trời cầm hoa giữa hư không, có sư tử vàng v.v... Đến giờ Hợi, phía sau trướng thấy có hình ngàn Đức Phật, xá-lợi trong phòng thất phát ra ánh sáng mầu vàng nhạt. Qua ngày mồng bảy tháng bốn, từ nơi song thọ, lại thấy một con chim sẻ mầu vàng và các ảnh tượng như mây sáng, sư tử v.v... Đến giờ Thìn lại thấy chim cánh vàng, rồng bay, cây rừng, lọng báu v.v... Bên cạnh hóa hiện hai vị Bồ-tát và Sư tử vàng. Đến giờ tỵ, lại thấy cờ báu, rừng cây, phía dưới có Bồ-tát cư sĩ áo vàng, có sư tử mầu trắng ngồi xổm trên đá. Lại có các ảnh tượng hơi mây, rừng cây. Lầu gác, Bồ-tát v.v... Đến giờ ngọ, lại thấy hơi mây mầu trắng, cờ báu, rừng cây, sư tử mầu xanh, đến giờ Thân, lại thấy Song thọ tốt tươi, phút chốc biến thành cung điện lầu các, Đức Phật ngồi trên đài hoa, mầu vàng nhạt. Đến giờ Hợi mây nổi từ hướng Tây Bắc, mưa thấm xuống ba tấc. Phía trên mây có sáu vị trời đồng một lúc hiện thân. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc sắp hạ tháp, từ lúc sáng Đến giờ mão, lại thấy các vị trời, lọng báu, bên cạnh cây có Bồ-tát và Sư tử mầu vàng. Đến giờ thìn lại thấy hai lớp lọng lớn, các thứ vật báu trang nghiêm và sư tử ngồi xổm trên đá. Phía trên màn trướng lại thấy bóng sáng và hơi mây, trong hơi mây có ánh sáng mầu vàng ròng chợt lớn chợt nhỏ, phía dưới có hoa sen lúc nở lúc úp, hoa trời lại tuôn rải như mưa, hoa lớn thì ở giữa hư không, bề mặt rộng hơn một thước, hoa nhỏ rơi xuống đất, tướng trạng như hoa đào. Đến giờ Tỵ, ở phía sau màn trướng, thấy có ba vị trời, ba con sư tử và ao hoa sen v.v... Đến giờ ngọ, lúc sắp hạ, lại thấy nơi song thọ đều có các vị Bồ-tát đứng, Xá-lợi bỗng nhiên phân thành năm viên lưu chuyển ngời sáng, qua ngày mồng chín tháng tư, sau khi khỏa lấp bằng, trên bản ở phía sau màn, trong bóng sáng có nhiều lớp đá nổi các đường vân tự. Lại thấy cây lớn, có vị Sa-môn mặc áo xanh, đứng tay bưng lò hương. Lại cảm có mùi hương lạ, thơm ngát mũi người”. Sư ghi thuật lại đầy đủ để tấu trình. Vua Văn Đế rất vui mừng, ban lệnh vẽ lại đầy đủ các hình ảnh đó, lưu truyền khắp trong nước.

Từ đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, với công việc xây tháp trước sau có hơn trăm ngôi, nhưng cảm ứng tốt đẹp thì không ai cao hơn Sư. Về sau, ngài vẫn duy trì thường nghiệp, và thị tịch tại chùa Dương Hoá.

40- Truyện ngài Thích Trí Năng trụ chùa Chuyển Luân ở kinh đô:

Thích Trí Năng, họ Lý, người ở xứ Hà Nội thuộc Hoài Châu, ý

mong xa rời cảnh trần, buộc tâm nơi Luật giáo. Nhờ nghe mà nổi tiếng, đạo phong trùm khắp Hà Hữu.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư tu đạo tại Vị Âm, tùy vâng phụng mà giúp hạnh, và trụ tại chùa Chuyển Luân. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, có xây dựng tháp, Sư vâng sắc rước Xá-lợi đến chùa Thắng Phước ở Thanh Châu. Đặt nơi núi cao, chóp đảnh đến tận trời xanh, cây gió giao kết, nhìn xuống xa cả ngàn dặm. Xưa gọi là Đạo tràng Nham Thế. Vào cuối thời Nguyên Ngụy mới đặt biển ngạch đó. Lúc đầu, ngày Sư đến thiết đặt nền móng, đục núi đào đất vào sâu chừng ba thước, có được một hộp đá xưa, dài chừng tám thước, sâu sáu thước, trong ngoài bằng phẳng trơn nhẵn, sức người chẳng thể chuyển vận, cái gọi là Chí cảm thầm thông, có cầu hẳn ứng. Đến lúc hạ Xá-lợi, bỗng phát ra ánh sáng rực rỡ vượt trội tràn khắp cả núi. Các hàng Đạo tục đều trông thấy, cho đến ẩn hiện lưu chuyển, tướng trạng biến đổi không thể nào nói được.

Sau đó, Sư về lại chùa Chuyển Luân, lại chuyên sùng định nghiệp, rồi nương gá chốn suối rừng, chẳng can dự vào việc chúng tăng, ẩn danh vĩnh viễn. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

41- Truyện ngài Thích Đàm Lương trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô:

Thích Đàm Lương, họ Lật, người ở xứ Lộ Châu. Năm mười sáu tuổi, Sư xuất gia, chuyên tầm kinh điển. Lúc lớn lên thành tựu đức hạnh, Sư chuyên nghiên cứu luận Đại Trí Độ mà nổi tiếng, kiêm giảng các Bộ kinh nhỏ, dẫn dắt lần lượt các hàng thế tục ở đương thời, chóng phát khởi tâm quy tín. Sư rất được các bậc Hiền giả khen ngợi. Sư vào kinh đô, đi khắp nơi nghe giảng, trụ tại chùa Chân Tịch.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy, ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Khai Tịch ở Hào Châu. Lúc sắp xây tháp, việc trước tiên là làm hộp đá, tại xứ đó chẳng phải là làng núi, nên tìm khắp nơi khó có được. ngài bảo: “Đợi tìm được đá, kỳ hạn khó thành. Chỉ nên phát tâm thù thắng thì duyên gì chẳng đến”. Bèn dốc lòng cầu thỉnh mong được ban cấp. Bỗng nhiên trong châu đó tìm được ba tảng đá, đáy, thùng và nắp mỗi thứ ở mỗi huyện khác nhau, nhưng đem đến hợp lại thì rõ ràng là một vật. Mọi người đều vui mừng lấy làm lạ. Tấu trình đầy đủ về Đài Tỉnh.

Tánh Sư lại rất ưa thích các thứ Dị tích, nên đi khắp để xem. Trong thành Cốc Dương thuộc Tây Bộ ở Hào Châu có ngôi nhà của Lão Quân, nay là miếu thờ, trước sân có hơn ba mươi gốc Bách. Văn Bia do Tiết

Đạo Hành soạn. Về phía đông của Miếu hơn trăm bước là nhà mẹ của Lão quân, cũng có nhà miếu, kế đến phía Tây khoảng mười dặm có thành Khổ, mà xưa nay trong các truyện ghi rằng: "Lý Đam là người ở huyện Khổ" tức là đó.

Sau đó, Sư về lại chùa Chân Tịch, chí thành lễ sám, ngoài lúc ăn ngủ ra, Sư thường đối diện trước Phật. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư mới thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

42- Truyên ngài Thích Đạo Tung ở kinh đô, đời Tùy:

Thích Đạo Tung, họ Lưu, người ở xứ Hà Giang thuộc Doanh Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia. Đến nghe giảng ở Lạc hạ, thưa hỏi những bậc Minh Triết, suốt ngày nương náu thảnh thơi, thân mặc áo đơn thô sơ, hoàn toàn không chú tâm. Gặp lúc Pháp sư Tuệ Viễn đang giảng các kinh luận, Sư trải qua thời gian đào luyện đượm nhuần, được thấu đạt sâu mầu. Theo ngài Tuệ Viễn đồng vào kinh đô, làm Học Sĩ Mộ Nghĩa, những vị đồng bạn đồng suy tôn Sư là người có đạo tâm.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, có xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tô Châu. Khi Xá-lợi sắp đến, nơi giếng nước bỗng phát ra tiếng rống suốt hai ngày mới dứt. Khi đào đất làm nền móng, có được một hộp gạch cổ, bên trong có hộp bạc, được một viên Xá-lợi đặt trong bình nước, xoay nhiễu vòng quanh hiện bày các điềm lành, đồng tôn trí nơi đại tháp.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, trụ chùa Tổng hóa, đượm nhuần Pháp vị của Kinh Niết-bàn, y cứ hành trì sám hối, thân giới tâm tuệ đều kính vâng, một bát ba y, ngoài ra không chứa để gì. Vâng hành trải qua thánh hạnh, dứt bặt mọi hiềm tật ở đời. Về sau, Sư thị tịch tại chùa ấy.

43- Truyện ngài Thích Trí Nghi trụ chùa Tỉnh Pháp ở kinh đô:

Thích Trí Nghi, họ Khương, vốn là con cháu của Vua nước Khương Cư. Khi đất nước loạn lạc tổ tiên Sư bèn đi về hướng Đông trở về nước Ngụy, được phong ở Tương Dương, đã trải qua hơn mười đời.

Năm bảy tuổi, khi mới bắt đầu học, Sư tự tìm văn nghiên cứu đến cùng, không thầy chỉ bảo mà tự ngộ. Sư rất mực kính trọng Phật Tông. Ban ngày tuy tạm theo tục duyên, nương theo bạn đồng học, nhưng ban đêm, Sư riêng tụng Kinh Pháp Hoa, cuối cùng Văn nghĩa thuần thục. Mới đầu cha mẹ Sư không hay biết. Đến năm mười ba tuổi, Sư lễ bái xin từ giã, bèn được chấp nhận cho xuất gia. Sư lại thưa hỏi Đại Bộ, dụng tâm càng hiển rõ. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư mới thọ giới cụ túc, mang

sách đến Lạc Tân, nương tựa tiếp thừa từ Pháp sư Tuệ Viễn và được trao truyền Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư đều có khả năng giảng dạy. Sau đó, vào Quan nội, Sư trụ chùa Tịnh Ảnh.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng các ngôi tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Sùng Kính ở Qua Châu. Lúc mới đến sắp đặt nền móng thì có con rồng vàng xuất hiện nơi hồ lớn bên cạnh châu, ngà sừng thân đuôi rõ ràng khắp cả vùng mọi người đều trông thấy, bèn dâng biểu tấu trình lên vua đầy đủ.

Sư trụ tại chùa nhiều năm thường tư duy định tuệ. nếu không phải việc lớn quan trọng thì Sư không bước chân ra khỏi cửa, nên mọi người đến tham hầu ít được thấy mặt Sư. Về sau, lúc tuổi tác càng cao, Sư Tinh tấn Đạo nghiệp, việc tăng trong chùa, Sư đều giao cho người khác. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi.

44- Truyện ngài Thích Đạo Nhan trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô:

Thích Đạo Nhan, họ Lý, người ở xứ Định Châu. Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Tuệ Viễn, tập học các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, lãnh hội được then chốt, rất phong phú đầy đủ. Sư thường giảng trao, người học nối nhau, Đạo khai giảng ở Đông Xuyên, mọi người nghe tỏ ngộ không ít. Sau, Sư đến kinh đô, trụ chùa Tịnh Ảnh. Đang lúc ngài Tuệ Viễn đang hưng thạnh ở đời, Sư được tiếp nối đạo nghiệp.

Đến Niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây tháp ở huyện Xích. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Quế Châu. Lúc vừa đến châu, có đàn chim mấy ngàn con bay ngang xếp thành hàng đến đón rước trên kiệu từ chỗ vắng vào đến trong thành, giây lâu mới bay đi. Và đến lúc an đặt, cảm có mây năm mầu kéo dày đặt đến tuôn đổ nhóm họp trên nền. Ngoài ra đều mở thoáng trời trong xanh, sáng rực cả đất trời.

Sau đó, Sư trở lại kinh ấp, thường giữ theo nghiệp trước. Đến đời Đường, thời vận đổi mới, Vũ nội đang còn nghẽn tắc, nên mọi sự thiết lập trai hội, giảng Đạo v.v... lần lượt theo chùa Tịnh Ảnh. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi. Lúc sắp tịch Sư tắm rửa sạch sẽ, tay bưng lò hương, như thấy được điều gì, và bèn an nhiên thị tịch.

Khi Sư còn sống, thường mặc y phục thô sơ, chẳng vọng theo bạn bè, hành vi đều hợp thời, lánh mọi hiềm tật xấu xa, nói năng thì rõ ràng xét sâu, suy nghĩ thì trái với chúng sinh. Lại cứu giúp các loài súc cầm,

từ bi nuôi dưỡng trong tâm. Hơi giẫm qua não hại thì Sư liền rơi lệ, chẳng sao nhãng đối với trẻ nhỏ, chẳng hành động quát rầy, giả sử như chúng có sự khinh thường, thì Sư xem đồng như gió thoảng. Sư thường nhìn các hàng pháp thuộc mà bảo rằng: "Không bao lâu thì đi rồi, sao lại phiền lụy đến mọi người?" Cho nên đối với pháp Vô thường, Sư rất được ý chỉ.

45- Truyện ngài Thích Tịnh Biện trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô:

Thích Tịnh Biện, họ Vi, người ở xứ Tề Châu. Thuở thiếu thời, Sư đã từng trải qua Nho môn, nghe giảng đầy đủ Khâu sách. Với Khổng, Mặc, Trang, Lão là chỗ Sư thường tìm học. Bỗng nhiên nhàm chán phù hoa hư giã, nên lấng vết xuất gia. Kinh Luật Sư đều tưởng thưởng, rộng thông sâu mầu. Sau, bị ràng buộc bởi Danh giáo, Sư lại lánh đời vào ở chốn núi rừng, thọ học thiền môn, dứt duyên tĩnh lự.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, mở thoáng giáo pháp, Sư bèn vào trụ kinh đô, nương tựa Ngài Viễn Công trụ chùa Tịnh Ảnh, càng tập học Định Cảnh. Sau, Sư lại theo Sa-môn Thiên, thọ học Luận Nhiếp Đại Thừa. Trải qua năm tháng nghiên cứu tìm cầu, bèn kết trọn ở Đạo Nghiệp ấy. Sư từng cùng ban thân cũ vì có sự trái ngược nhau, nên người bạn ấy có lắm lời chê trách. Sư chẳng hề phân trần, đến lúc hỏi, Sư đáp rằng: "Tôi nghĩ bạn ấy lúc đầu kết giao tình vui vẻ như dây đàn, đâu ngờ sau này xa nhau lại bày ra lỗi ấy!". Người đương thời đều cho đó là sự cao thượng của Sư.

Sau đó, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Nhạc ở Hành Châu, chùa ấy vốn hiệu là "Đại Minh", do Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần vì Thiền sư Tư mà xây dựng. Sư vừa đến Giang Lăng, sóng gió chập chùng ngăn trở, suốt ba ngày phải dừng nghỉ nơi bến, sóng vẫn chưa yên tĩnh. Lại bức bách qua lộ trình, lo sợ không phương kế bèn nhất tâm niệm Phật, vượt qua sóng gió mà thẳng tới, liền được gió ngưng, an ổn theo dòng men xuống. Khi đã vào sông Tương phân dòng rất khó khăn, Sư lại y theo trước mà xưng niệm, căng buồm nhanh chóng vượt qua. Chưa đầy nửa tháng, đã đến được Hành Châu. Khi đến chùa Nhạc, nương tựa sông nước không kham, men theo đường núi, dừng ở nơi bằng phẳng, có thể xây tháp. Ở phía Nam chùa có tảng đá nằm úp. Sư bèn bưng lò hương phát nguyện rằng: "Nếu có thể xây dựng tháp thì xin nguyện hiện điềm lành". Bèn thấy trên đảnh núi có mây trắng từ trên bủa xuống, rộng khoảng một thất, dài bốn mươi dặm, đến chỗ tháp xoay quanh ba vòng,

lâu sau mới tự hết. Lại cảm có thứ hương lạ, hình dáng như tước trầm, thâu nhặt được vài cân,hơi khói gấp bội khác thường các thứ hương ở đời. Các hàng đạo tục đều khen ngợi vui mừng. Nhân đó mà xây dựng hoàn thành.

Lúc đầu, tại chùa đó, có Thiền sư Tăng Khải là người tinh thông, trông coi tất cả chúng tăng, Sư có một viên Xá-lợi, rất muốn xây dựng một ngôi tháp lớn, tôn trí trong chùa trải qua mười năm mà chưa từng có tướng gì đặc biệt, đến nay. Ngài Tịnh Biện rước Xá-lợi đến, mới hiện khởi điềm ứng. Có các mầu vàng trắng, lớn nhỏ tan tụ bất định. Và ngay trong ngày đó, nơi tháp chùa Hiển Minh thuộc huyện Hành Sơn phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp cùng Thành Ấp, các hàng Đạo tục đều trông thấy. Các vị Cổ Lão tương truyền rằng: "Chùa ấy xây dựng đến nay đã hơn ba trăm năm, hễ có việc lành thì phát ra ánh sáng. Đến nay đã ba lần. Nếu chẳng phải Đế vương tạo ra phước nghiệp thì nghĩ đồng với chúng, việc chiêu cảm thấy, được thật có nguyên do". Sư vui mừng với các điềm lành ấy, tập hợp mọi sự nghe thấy trước sau làm thành một bộ Truyện "Cảm Ứng" gồm mười quyển. Sau, hưng khởi Thiền định, lại thỉnh Sư đến trụ chùa (Hiển Minh) ấy.

Vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, Sư thị tịch.

Thử Luận Bàn:

Phàm ngâm reo cổ xúy gió mây, luật điệu chung cho mưa nắng, vật lý gặp nhau có như tự trời, huống gì Thần Đạo huyền mưu, nghĩa trái thường ứng mà có thể suy nghĩ được ư? Nên những Bậc Thánh vì lợi ích, tạm bày các đường khéo léo để nhiếp sinh, vì đôn đốc hàng sơ tín hiện ánh sáng mà trao truyền vật. Tâm ở tại Ngộ tông, Đạo quy mô đã mở rộng, công lao dắt dẫn không rơi lạc. Còn như lẫn lộn nhỏ lớn chẳng phải có, đều là Bỉ ngã nơi thường nghi, ngang bằng sắc tâm với tánh không, dứt bặt hình hữu trôi lăn, u thông mà mở mang hoằng hóa cội gốc, cực biến để thấu đạt nguồn thần. Chẳng được như thế thì khó mở mang, trước dùng oai quyền mà khơi động, sau dùng lời tiến để dẫn dắt. Xoay chuyển phát khởi niềm tin do nhờ khơi mầm dần. Vào thời Tượng Mạt ghét ganh, giáo pháp dần sụp đổ lìa tan, thần lực lắng dòng, cảm thông dứt bặt. Ở đời Thạch Lặc, Thạch Hổ, mà ngài Phật Đồ-trừng được nêu danh. Đến thời Tiêu Diễn (Vua Võ Đế-thời Nam Lương), mà ngài Chí Công nêu đức, đầy đủ các ghi chép mà chưa dám rõ ràng. Khoảng đời mờ tối trần tục, tình nhiều phù lạm. Lúc bày linh tướng hoặc thêm trang sức, xét kiểm bổn cứ chóng rơi lạc dâm tà. Lời

đồn yêu dị ngùn ngụt như rừng, luận bàn đúng sai tợ ong vỡ tổ. Còn như Bồ-tát Quán Âm cứu giúp, tin mà có xác chứng. Đức Đại Thánh thông mộng hoa thật cùng một nửa. Cho nên gá sự gần gũi, mịt mờ khó khỏi, nói ý không liên can, ngoài ra là mong cầu tưởng tượng, thật giả ngầm duyên, cho nên có được luân hư chỉ. Nhân đó để mà nói thì rất có lý do. Viên Thông đi đến chùa Thánh, Chiêu Đạt giẫm tới cung tiên, rất đáng tin lời ấy mà khó thấu cùng sự việc ấy. Đầu mối của truyện trước, Bồng lai không trái Bỉ lệ. Xưa kia, hiển tông thông cảm, khai mở nền tảng của huyền hóa. Pháp vốn nội truyền đầy đủ bày ứng của Linh thông. Hoặc nhảy lên hư không mà hiện tướng kỳ đặc, hoặc phát ra ánh sáng mà hiện điềm lành, có tướng tốt lành ở đời Tấn mà lẫn lộn đến đây. Ngài Đàm Dực cảm tháp của Vua A-dục, ngài Đào Khản gặp được Bồ-tát Văn-thù, từ đó về sau phồn hoa khó trình bày đầy đủ.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy xâ dựng nhưng ngôi tháp cao lớn, vọt hiện các điềm lành rất nhiều, ánh sáng thần soi chiếu khắp mọi vật, đến nỗi đượm nhuần cùng khắp các thứ bệnh tật dịch lệ. Hoa trời và Cam Lộ đồng tuôn rải, linh chi lẫn nai lành đều hiện bày. Vân du giữa hư không Tiên Thánh nhóm sương mù cùng đến, loài thủy tộc rùa cá xếp thành hàng ra nghe. Có hơn trăm ngôi tháp thảy đều đủ sự ngầm thông. Vua tôi cùng vui mừng, tăng tục đều hân hoan. Đức ấy vẻ vang sáng ngời không thể thêm. Nhưng vào năm ấy ở đời hoặc rơi lạc lưu ngôn, thói quen thế tục thường bàn về năm thứ phước, hân hoan được thọ khảo, thần thông, đạt mạng. Ba thứ sợ ấy là chỗ mở mang của Quân tử. Đến thời Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, đúc nắn ở Cao Dương, mở ra khuôn phép, bắt mới đầu hình tượng ấy, trên đảnh nhóm kết búi tóc, thân phát ra ánh sáng mầu vàng tím. Ánh sáng linh thiêng soi chiếu khắp, phô bày năm mầu hiếm lạ. Hoa tốt lành đầy khắp sân, mở tướng khác biệt của sáu thể. Trên dưới đồng an thái, không đức nào sánh bằng, bèn ban sắc chiếu Đồ họa đó để ban khắp các quận trong nước. Nghĩa đáng hưởng ân dầy ấy, đội phước Vô Cương. Di quyết Tông Xã bền chắc như núi. Sau đó lại giặc giã đói kém nối nhau, khắp vũ nội đổ nát. Mất thời gian, tan ngôi báu, cuối cùng sự chết đến thân. Gồm rõ trọn xưa, năm vận đều đưa đẩy đổi dời. Gần thì dùng tình tìm cầu họa phước, mê lầm sự cậy phục ấy.

Lại như Thánh Mẫu lên cõi trời, công cao bèn khắp, Luân Vương xây tháp mà họa đến khi sắp qua đời. Làm sao rõ được việc ấy ư? Tin do Nghiệp mạng mỏng dày nên cảm Quả báo có tốt xấu, đâu thể dùng tai mắt của người thường mà xa trù tính Đạo của ba đời ư? Như làm lời

của Bốc Thương giả nghị, là trước luận của Ban Bưu Lý Khương, chỉ biết lẫn lộn mà gọi đó là Mạng, chẳng biện rõ Mạng vì sao như vậy, đâu khác gì thấy lưới tròn nơi rương tráp mà không biết nó được thành từ khung dệt. Thấy trăm thứ lúa nơi kho lẫm mà chẳng biết nó có được là do từ cấy cày, gặt hái. Điều Nho giáo gọi là mạng thì Phật giáo gọi là Nghiệp. Mạng lệ buộc bởi nghiệp, nghiệp hệ thuộc từ tâm. Tâm phát sinh đó đã lắm thứ sai biệt, nghiệp thành nên cũng không chuẩn định. Do đó, những bậc Khai sĩ thấu đạt về Mạng Nghiệp, biết quả báo đã thành thục nên không trốn tránh. Sư thường mê lầm nhân quả, cho là nói suông mà không ứng, cho nên Mã Thiên than rằng bố thí là sai lầm, chứa nhóm nghi ngờ mà chẳng thông, Phạm Bàng lầm tuyên thiện ác, ngậm tình mà không sao mở giải. đó đều là những kẻ trông thấy dòng mà không tìm xét đến nguồn, chỉ thấy một mà không biết hai. Xem xét Hoằng Giáo của Thích Môn đâu lại đắm chìm trong lưới ấy ư? Tạo nghiệp có muôn mối, cảm báo có muôn manh. Hoặc trước thiện sau ác nên có được trước tốt tươi mà sau xấu kém. Hoặc tốt xấu lẫn lộn cùng khởi, nên họa phước đồng một lúc cùng tới. Chì có Sắc là một, bình đẳng về hình về mặt khác nhau và khác nhau, chỉ có tâm là một, ngang bằng trăm hóa mà không chuẩn định. Nên Vô học hoặc Nghiệp dứt ngay đời nay, nghiệp xưa hết ở đời hiện tại, có buộc cảm do bởi đã đến thọ Báo, chưa dừng ở thời nay. Nên ngài Xá-lợi-phất là người thông minh ngộ lý mà thường bị tật não, ngài Mục-kiền-liên là người đạt sĩ oai hùng, song lúc qua đời vẫn bị buộc ràng nát thân. Đức Thích Tôn là bậc Chí Thánh chịu đựng lời Phỉ báng ở Kỳ Viên. Vương tử bị dèm pha giữa chúng thanh tịnh. Nho Tông bặt hết gạo thóc nơi Trần Nhưỡng, Nghiêu Thang gặp biến tại Trung Nguyên. Tuy tướng Huyền Sách hoặc trái mà duyên của Nghiệp Mạng không sai lầm. Vậy đủ biết ngôi báu của các Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) Dương Đế (Dương Quảng 605 -617) đời Tùy, phước xưa chung kết ở đời nay. Và đời nay tôn kính tạo dựng tháp tượng là hạnh nghiệp tạo khởi cho tương lai, giao vận cùng gieo. Không biết nhân nào đưa đến chiêu cảm, tùy gặp hai gương soi, thông mạng đâu ở tại đó? Lại như ngài Pháp Tế đến nơi cung sâu, nhờ Thần chú mà tiêu trừ tai ương, ngài Pháp An ở chùa Tuệ Nhật nhờ chẻ đá mà có dòng suối chảy. ngài Chuyển Minh vượt cự tẩm, ngài Thông Đạt tắm nước đun sôi, Quỳnh Công báy lạy mà tà tượng sụp đổ. Đạo Anh thị tịch mà đất liền rung chuyển. Các đức hạnh ấy rất nhiều và đồ chúng các ngài cũng rất đông.

Đã nói là Thần hóa, thì hẳn không thể lấy nguyên do từ trước đến

nay mà phỏng theo, liền tiếp nối trong thiên chương, biết tăng luân khó tình cợ được gặp.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 26 C hết

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 27

CHƯƠNG VII: DI THÂN

(Trong chương này chánh truyện có mười hai vị, phụ có hai vị)

1/ Truyện ngài Thích Pháp Ngưng trụ chùa Hội Châu ở đất Thục, thời Nam Tề.

2/ Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu

3/ Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu

4/ Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam đời Tùy (Phổ Tế)

5/ Truyện ngài Thích Phổ An ở Cốc Ngạnh Tử thuộc núi Chung Nam, đời Tùy

6/ Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang, đời Tùy

7/ Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh, thời Tiền Đường

8/ Truyện ngài Thích Huyền Lãm trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường

9/ Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô, thời Tiền Đường

10/ Truyện ngài Thích Hội Thông ở Cốc Báo Lâm, thuộc núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

11/ Truyện ngài Xà-lê Thiệu ở Tử Châu, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường

1- Truyện ngài Thích Pháp Ngưng trụ chùa Hội Châu ở đất Thục:

Thích Pháp Ngưng, là người xứ Hội Châu, họ Bàn. Lúc đầu, Vua Võ Đế (Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề mộng thấy đi đến núi Tề, mà không biết núi ấy thuộc ở châu huyện nào, bèn ban sắc trong thiên hạ tìm kiếm. Bấy giờ, có một cụ già ở Hội Châu tấu trình rằng: "Cách Châu Thành về hướng Bắc bảy dặm có núi Thần Nhân, xưa gọi đó là núi Tề." Vua Võ Đế bèn sai người lên đó xây dựng tinh xá, độ tăng xuất gia, ban cấp ruộng đất. Khi đó, Sư còn còn nhỏ, mà được độ trước tiên. Sư chuyên tâm giữ giới, đạo đức ngày một mới. Sáu năm ba tháng, trai cúng liên tục không dứt. Ngài chỉ lấy việc ngồi thiền làm niệm, xuất thiền thị tụng Kinh, thường xuyên nhập thiền. Mọi người đua nhau đến xem mà không ai dám vào, chỉ ở cửa sổ từ xa nhìn. Trải qua một tháng, Sư xuất thiền mà vẫn chưa chịu ăn, các bậc danh tăng đại đức phần nhiều đến khuyên nhủ Sư. Tuy Sư ăn nhưng dần dần giảm ít.

Về sau, đến lúc bảy mươi tuổi, ở trước tôn tượng Phật, Sư đặt tòa mà ngồi. Mới đầu, Sư đốt một ngón tay, suốt ngày đêm không lay động. Khi lửa cháy tới cánh tay, mọi người và các đệ tử muốn đến dập tắt. Cho đến có người kêu gào. Sư lại cấm ngăn không bằng lòng. Lửa từ cánh tay cháy rực càng mạnh, bèn cháy khắp cả thân Sư suốt bảy ngày bảy đêm. Khi đó trong đời các hàng nam nữ có người gào khóc tự đánh vào mình, có người đảnh lễ khen ngợi. Đến lúc thân Sư cháy hết chỉ còn hai nhúm tro, mọi người bèn gom nhặt, đưa lên đảnh núi xây tháp cúng dường. Đến nay chỉ còn có một tinh xá, ngoài ra đều bị đổ nát.

2- Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu:

Thích Tăng Nhai, họ Mâu, Tổ Tiên Sư vốn ở Phù Lăng. Niên hiệu Nghĩa Hy thứ chín (413) thời Đông Tấn, Chu Linh Thạch đánh chiếm cả ba trăm nhà ở Phù Lăng thuộc đất Thục, bèn theo Quân lính trị phạt, nhân đó đến dừng tại hang núi Kim Uyên ở Quảng Hán. Sư là con cháu nối dõi sau đó. Tuy tuổi còn nhỏ nhưng Sư ít nói, không chơi giỡn vui đùa. Mỗi lúc đi đến suối rừng thì Sư trước kính lễ, sau mới uống nước. Hoặc nhìn chăm chú không nháy mắt, ngồi suốt cả ngày. Có người hỏi lý do. Sư đáp: "Thân này đáng nhàm chán, ta suy tư về nó, sau nầy hẳn sẽ thiêu huỷ đó!".

Đến lúc trưởng thành, Sư theo binh lính, nghiêm nghị cương chánh. Sưtừng theo bạn đi bắt cá. Phần mình có được, Sư đều đem thả dưới sông, và nói với bạn rằng: "Giết hại không phải là nghiệp lành.

Nay khắp trên mình tôi đều mọc mụt nhọt, thề dứt bặt việc săn bắt". Và Sư đốt tất cả khí cụ săn bắn. Khi đó, Nhương Thủ lãnh mấy trăm người cùng lấp bít ao hồ để nuôi cá. Sư bèn dẫn các trẻ nhỏ trong nhà đến đó để xem. Bỗng nhiên có một con rắn lạ, thân dài cả thước, đầu đuôi đều mầu đỏ, chỉ trong phút chốc nó dài hơn cả trượng, vây quanh năm-sáu thước. Các thợ săn đều bỏ chạy tán loạn, rắn bèn đến chỗ có nước, cất đuôi vào trong mây, phát ra ánh sáng mầu đỏ khắp cả đồng trống, lâu sau mới biến mất. Sau đó, mọi người cùng nhóm họp luận bàn việc ấy. Sư bảo: "Đó không có gì đáng lo, chỉ nên dứt bỏ nghiệp giết hại thì rắn sẽ không hại người." Và Sư lại khuyên dừng bỏ việc đào ao hồ. Mọi người chưa bằng lòng, không bao lâu thì bờ đê phòng ngừa đều bị vỡ.

Khi đó, Sư đến nương tựa Thiền sư Tất, dốc sức cung phụng kính hầu, tuy sung cả thân mạng làm người sai sử, nhưng Sư nói năng chậm rãi, cử động như người ngu si. Nhưng một đối một lời mà hợp với Đại lý, trải qua lưu ở mấy năm mà không có gì đổi khác. Đến lúc gặp tháng giá rét, Thiền sư bị bệnh lạnh chân, bảo Sư lấy lửa sưởi ấm. Sư bèn đem lò lửa lớn than cháy đỏ rực vào để ở trước. Thiền sư quở trách Sư rằng: "Kẻ ngu si, sao ông lấy nhiều lửa như thế?" Sư nghiêm sắc mặt đáp rằng: "Cần lửa để trừ lạnh, có được lửa lại nói là nóng, vậy ai là người ngu si? Tánh tình như thế, làm sao đắc Đạo được?" Thiền sư bảo Sư rằng: "Ông không sợ lửa, vậy hãy thử đưa tay vào lửa xem". Sư liền dí ngón tay vào lửa, Sư hét lên thành tiếng, khói xanh bốc lên, nhưng Sư không biến đổi hình dung. Thiền sư thầm lấy làm lạ, nhưng chưa cung kính ngay. Lại đến hôm khác, các đệ tử của Thiền sư bảo rằng: "Tăng Nhai chịu được lửa". Bèn cùng nhau đẩy Sư đến chỗ lửa, các chỗ bị đốt đều thành vết thương mà Sư vẫn vui vẻ nói cười tự nhiên, không hề tỏ vẻ đau khổ. Các đệ tử đều thưa hỏi việc ấy với Thiền sư. Thiền sư bèn gọi Sư đến bảo rằng: "Ông ở đây học Phật Pháp, không được làm những việc khiến hoặc loạn mọi người". Sư đáp: "Nếu chẳng khổ thân thì làm sao đắc Đạo được? Nếu được xuất gia một ngày là đủ ". Thiền sư bèn độ cho Sư xuất gia, tự xuống tóc cho Sư, nhưng chỉ thấy tóc mai và râu là cạo bỏ, còn bao nhiêu đều tự rụng, Thiền sư liền để dao xuống đất, vén y, đảnh lễ mà thưa rằng: "Pháp sư Tăng Nhai đến làm thầy tôi, tôi xin làm đệ tử!". Sư khiêm nhường cảm tạ mà thôi.

Khi Pháp y đã mặc vào thân, bốn chúng đều tôn kính, quy mạng chí thành. Sư không hề tiếc lận. Ở những nơi có người tật bệnh, Sư đến, thì không bệnh gì chẳng được tiêu trừ. Suốt thời gian ba mươi năm, Sư chuyên rộng cứu giúp. Đến lúc ngoài bảy mươi tuổi mà tâm lực Sư còn

khoẻ mạnh. Tháng sáu niên hiệu Võ Thành thứ nhất (559) thời Bắc Chu, Sư đến đầu đường phía Tây thành Ích Châu, dùng vải bọc năm ngón của hai bàn tay mà thiêu. Có người hỏi: "Đốt ngón tay nào không đau đớn ư?" Sư đáp: "Đau đớn là do tâm khởi, tâm đã không đau khổ thì ngón tay đâu có đau khổ". Mọi người đương thời đều gọi Sư là "Bồ-tát Tăng Nhai". Có người hỏi rằng: "Dường như bị bệnh phong, sao ông không chữa trị?" Sư đáp: "Thân đều là không, biết chữa trị ở đâu". Người ấy lại hỏi: "Căn Đại có đối đãi, sao gọi là Không?" Sư bảo: "Bốn Đại, năm Căn trú ở nơi nào?" Mọi người đều phục lời nói ấy.

Có Pháp Sư Đoái ở chùa Hiếu Ái là người có kiến giải rộng lớn, nhân nghe Sư phát tích, bèn dẫn các đệ tử mấy mươi người đến chỗ Sư để lễ kính, cởi y dâng thí, và nhìn lại đại chúng mà bảo rằng: "Thật thấu suốt Bát-nhã, chẳng phải nói rỗng không." Từ đó các hàng đạo tục cùng nhau nhóm họp gấp bội, thêm sự kính tin. Cứ như thế, trải qua ngày sau, các ngón tay trái lửa cháy hết dần đến lòng bàn tay, xương tủy sôi trào vọt lên sắp tắt lửa dữ, Sư bèn đưa tay phải đã hết ngón cắp que tre mà khơi lửa. Có người hỏi nguyên do. Sư đáp: "Vì chúng sinh chẳng thể thực hành Nhẫm, nay khuyên những người không thể Nhẫn thì nên nhẫn, người chẳng thể thiêu đốt thì thiêu đốt." Sư lại nói pháp dạy răn, khiến mọi người thực hành từ, dứt bỏ ăn thịt. Tuy khói lửa đều cháy mạnh, suốt ngày liền đêm, thiêu đốt cả hai tay, mà mắt mày Sư không hề đổi thay. Sư lại vì bốn chúng giảng pháp tụng kinh. Đến những chỗ văn từ cần thiết, nghĩa lý cốt yếu, thì cằm đầu Sư hơi tỏ vẻ vui cười. Có lúc có người trong tâm biếng trễ nên nói chuyện riêng, Sư nhìn mà bảo rằng: "Ta ở trong núi, mới đầu không biết chữ, nay nghe lời kinh, mỗi câu đều tương ứng với tâm. Sao chẳng dốc lòng lắng nghe? Nếu trái với đây thì không thiêu đốt tay này, đâu khác gì khúc củi ư?" Từ đó đại chúng kính sợ, không ai chẳng chuyên chú. Sau đó, Sư lại bảo với đại chúng rằng: "Chúng sinh ở thời mạt pháp khinh mạn, tâm dần dần mỏng, thấy tôn tượng chỉ như cây gỗ, nghe kinh như gió thoảng qua tai ngựa. Nay vì ghi chép Kinh giáo Đại thừa nên đốt tay diệt thân, muốn khiến cho tôn trọng Phật Pháp." Khắp cả cảnh vức, các hàng sĩ nữ nghe thế đều đến nhiễu quanh mấy muôn vòng. Sư vẫn tự nhiên tĩnh lắng, dung nghi nhan sắc chẳng đổi thay. Thường nhóm họp nơi đường lớn ở phía Tây Thành, bàn luận Pháp hóa. Mới đầu có mưa nhỏ, sắp sửa thấm ướt, Sư bèn nhiếp tâm nhập định, liền đó, mây tan trăng tỏ, mà đốt lòng bàn tay năm ngón như tàn đuốc hết, bỗng nhiên mỗi ngón tự mọc dài ra ba tấc, mầu trắng sạch như ngọc kha, tợ như tuyết. Các hàng tăng

ni đều bảo nhau rằng: “Sau khi Bồ-tát thị tịch, xin nguyện được thỉnh Xá-lợi, xây tháp cúng dường”. Sư liền dùng miệng cắn đứt cốt xương năm ngón tay vừa mọc ra, nhả thí đại chúng và bảo rằng: “Hãy xây tháp cúng dường”.

Đến ngày mười bốn tháng bảy, bỗng có một tiếng động lớn, như đất trời rung chuyển, người vật thảy đều kinh hãi. Ở trên hư không hoặc thấy các hình tướng như chó, dê, rồng, rắn, quân lính, khí vật v.v... chỉ hiện ra trong thời gian ngắn, rồi liền tan biến. Có người đem việc ấy hỏi Sư. Sư bảo: “Điều đó không có gì đáng lo, đó là Tam-muội đánh thức ngủ sâu, nay tôi muốn xả bỏ báo thân, hãy sắm sửa các vật cúng!”. Khi đó, có Thiền sư Đạo ở chùa Hiếu Ái là bậc Đại đức lão niên, giới hạnh thanh tịnh khổ tiết, xả thí tích trượng sáu Độ và chăn đắp mầu tím đem dâng tặng Sư. Vào lửa càng mạnh làm. Sư từ xa đưa tặng áo nạp loang lổ, ý nguyện muốn tùy thân. Khi đó người vật ồn ào nhiễu động, cúng thí tài vật chất như núi. Ban đầu không biết vật của hai Đức đưa tặng. Đến sáng sớm ngày hôm sau bỗng nhiên, Sư bảo thị giả là Sa-môn Pháp-đà rằng: “Ông đến lấy tích trượng, chăn đắp mầu tím và áo nạp ca-sa của Thiền sư Đạo đến đắp mặc cho ta”. Xong rồi, Sư bèn đến chỗ thiêu thân. Lúc đó, các hàng Đạo tục có hơn mười vạn người che kiệu mà khóc. Sư bảo: “Chỉ nên giữ tâm Bồ Đề, nghĩa là không khóc”. Sư liền bước lên tòa cao, giảng pháp cho chúng nghe, và luôn luôn đưa mắt nhìn lầu củi, vui vẻ cười một mình. Sư bèn nằm nghiêng hông bên phải, đều không hơi thở, tướng trạng như tượng gỗ. Rồi Sư ngồi dậy bảo rằng: “Thời sắp đến”, bèn đưa chân xuống và bạch với chúng tăng rằng: “Phật pháp khó gặp, nên cùng hộ trì”. Trước nơi phía Đông nam huyện Đô Thành, chất củi nhiều lớp làm thành lầu cao đến mấy trượng, phía trên làm một cái thất nhỏ bằng cỏ khô, dùng dầu tẩm vào đó. Sư thư thả bước lên lầu, nhiễu quanh ba vòng, lễ bái khắp bốn phía rồi bước lên trên, tựa lan can nhìn xuống, bảo mọi người tụng Bát-nhã, có Thí Chủ là Vương Tuyển sợ rằng: “Nếu ta phóng lửa tức là thiêu đốt Thánh nhân, sẽ phải chịu tội trọng”. Sư thầm biết điều đó, bèn gọi Vương Tuyển lên lầu, đưa cánh tay xoa đảnh đầu Vương Tuyển và bảo rằng: “Ông chớ lo sợ làm lầu củi này sẽ đắc tội. Đây thật là phước lớn!”. Sư bèn thúc giục bảo châm lửa, mọi người đều sợ không dám châm nên đặt lửa dưới đất, Sư dùng cánh tay cắp lấy đuốc, trước tiên đốt ở phía Tây bắc, kế đến là phía Tây nam. Cỏ khô thấm tẩm dầu bừng bừng bốc cháy. Ở trong lửa dữ, Sư phóng lửa thi thiết lễ bái, đến lạy thứ hai, thân mặt Sư bị cháy, Sư lại lạy thêm một lạy nữa, thân Sư ngã trên than, đến lúc củi tàn lửa

tất, xương thịt Sư đều cháy hết, chỉ còn lại một quả tim mầu đỏ và ướt, gan, ruột, lá lách, dạ dày còn tự liền nhau. Lại dùng thêm bốn mươi xe củi để thiêu đốt. Ruột và lá lách tuy cuộn lại, mà trái tim vẫn còn y nguyên. Pháp sư Đoái mới bảo nhặt lấy đem đến an táng dưới tháp. Đến nay hiện còn trong chùa Bảo Viên.

Lúc đầu, khi chưa tự thiêu thân, có người hỏi Sư rằng: "Bồ-tát thị tịch, xin nguyện ứng hiện điềm lành!". Sư bảo: "Thân ta có thể cháy hết nhưng tâm (tim) ta không hề hư hoại." mọi người cho rằng: "Tâm thần không hình tướng thì chẳng do đâu mà đốt tan. Về sau, trái tim Sư vẫn còn, mới biết trước hiện lưu lại một tâm không hư hoại. Nhưng Sư từ thuở bình sinh mãi đến lúc thị tịch, từng hiện các tướng lạ có đến mấy mươi điều. Từng có một nhà nọ sắp thọ giới. Tự nhiên vô cớ, Sư cười, bảo rằng: "Sắp xả bỏ vật báu, sinh nghi lo ư?" Mọi người han hỏi, có người phụ nữ họ Dương muốn cúng thí xoa bạc, nhưng sợ người chồng quở trách. Nhân đó mà quyết xả thí. Có Sa-môn Phật Dữ ở chùa Hiếu Ái rất thích ăn uống, trôi lăn trong thế tục, nhân đi theo sau kiệu Sư mà tự phát nguyện rằng: "Ngày nay gặp được bậc Thánh, xin thệ nguyện dứt bặt rượu thịt." Đến lúc về lại chùa, thấy có một người thân mầu vàng bảo Phật Dữ rằng: "Ông hãy dứt bặt việc ăn thịt, đó là rất tốt. Nếu ông ăn thịt của một chúng sinh, tức là ăn thịt của tất cả chúng sinh. Nếu lại còn ăn tức ăn thịt của hết thảy cha mẹ bà con thân quyến, nếu muốn ăn thịt tức đang như trùng ở trong thây chết, vì trùng tức là thịt". Lại bảo: "Có sáu thời niệm lành rất tốt, nếu không thể đủ cả sáu thời mà chỉ một thời cũng tốt. Cứ như thế, chỉ một niệm tại tâm cũng tốt và đều có công năng diệt trừ tội ác!". Thấy ngôn từ ấy chân chánh, lời câu hòa nhã, Phật Dữ sắp muốn đến hỏi, chỉ giây lát bèn ẩn mất. Từ đó, Phật Dữ dốc lòng tinh tấn đi nhiễu quanh tháp mà niệm tụng. Lại nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Ông siêng năng trì trai, nguyện cho chúng sinh chẳng bị ăn thịt. Lại khiến cho thân ngạ quỷ thường được no đủ. Xem xét sự cảm hóa ấy tất cả đều do năng lực của Sa-môn Tăng Nhai."

Khi ngài (Tăng Nhai) mới lên lầu củi, có Sa-môn Tăng Dục ở tại cửa chùa Đại Kiến Xương thấy có ánh sáng lửa cao bốn, năm trượng, rộng ba-bốn trượng từ đất nổi lên xung thẳng bên cạnh lầu, lâu sau mới tắt. Lại nữa, trong ngày mới thiêu, có Đại đức Sa-môn Bảo Hải ở chùa Châu hỏi rằng: "Cùng là một thứ lửa, vì sao Bồ-tát chịu đựng sự thiêu đốt mà không có sự đau khổ?" Sư đáp: "Chúng sinh vì có tướng nên đau khổ". Lại hỏi: "Thường nghe nói rằng: "Thay thế chúng sinh chịu khổ

“, là thật có chăng?” Sư đáp: “Đã khóc Tâm thay chịu, cớ sao không được.” lại hỏi: “Bồ-tát tự thiêu thân, chúng sinh chịu tội nóng đốt, mỗi tự chịu khổ, vậy làm sao thay thế được?” Sư đáp: “Giống như đốt tay một niệm căn lành thì có công năng diệt tội ác, há chẳng phải thay thế ư?”

Khi ấy, có Pháp sư Phổ lại hỏi Sư rằng: “Có hai người tranh luận Đại Nghĩa, cuối cùng chưa dứt khoát. Một người bảo là “Trí Phật duyên với lý Vô tướng, lý là duyên cảnh, Trí là Năng duyên”. Còn một người bảo là “Trừ điên đảo, dứt loạn tưởng, tức là Chân Đế.” Vậy thế nào là Định?” Sư bảo: “Phật tức là Vô tướng, không khác với Dị tướng.” Pháp sư Hải nói rằng: “Phật tức Vô tướng, tướng của Vô tướng vốn không Dị tướng. Nếu như vậy thì Bồ-tát tức là Thích-ca, Quán Âm.” Sư bảo: “Ta là phàm phu, thề vào địa ngục chịu khổ thay chúng sinh, nguyện giúp cho họ thành Phật.” Pháp sư Hải nói: “Chư Phật xưa cũng có nguyện ấy, vì sao đã thành Phật từ lâu rồi?” Sư đáp: “Phật xưa cứu độ chúng sinh trong một thời đã hết ”. Lại hỏi: “Các bậc Thánh như Bồ-tát Dược Vương, v.v... vì sao đã thành Phật, riêng Bồ-tát nay còn chưa thành Phật mà cứu độ chúng sinh thì là khác đường với Phật xưa rồi?” Sư đáp: “Chúng sinh ở đoạn trước đã được ý của Bồ-tát Dược Vương, còn chúng sinh ngày nay chưa được ý của ta. Do ta mới giáo hóa, như hoa sắp rơi.” Sư ứng đối suốt một thời đều đại loại như thế. Rồi, Sư bèn bảo thị giả là Sa-môn Trí Viêm rằng: “Sau khi ta thị tịch, khéo nên cúng dường người bệnh, đều khó lường biết được cội gốc ấy, phần nhiều là Chư Phật, bậc Thánh nương phương tiện ứng hóa, nếu tự chẳng phải là Đại tâm bình đẳng, thì làm sao có thể cung kính? Đó là thực hành, ngồi ở trong nghi, Tăng Nhai tôi chẳng phải là bậc Thánh.” Bèn gọi đích danh người ấy bảo: “Chư Phật xuất hiện nơi đời, hình tướng không có cố định, hoặc là thân hình xấu xí lắm bệnh, cho đến thân hình súc sinh các loài thấp kém. Đàn Việt phải thân trọng, chớ nên khinh thường”.

Đến lúc sắp động lửa, mọi người đều thấy các tướng kỳ lạ, hoặc thấy lọng tròn che phủ lấy Sư. Có ba Đạo nhân đứng trên lọng ấy. Hoặc thấy ánh sáng năm mầu như hình tượng người ở bốn phía cửa. Hoặc thấy trên lầu củi như mặt trời ló dạng và rải các hoa như mưa, lớn thì như hộc hai đấu, nhỏ thì như miếng vú chuông, năm mầu đan xen lẫn lộn bay xuống, hứng lấy chẳng phải một, căn xúc chạm đến đều tiêu tan. Lại nghe có tiếng trống lớn ù ù sâu xa, hồi lâu mới dứt. Sau khi Sư thị tịch, tại huyện Bì có người ở bên sông Bì thấy giữa hư không có kiệu Do Lạc, Sư ngồi trên đó, thân mặc áo nạp loang lỗ mầu vàng, riêng hở

vai đắp chăn mầu tím, tay cầm tích trượng, phía sau có năm, sáu trăm vị tăng đều che tán trúc, nương giữa hư không theo hướng Tây mà ẩn mất. Lại có Sa-môn Tuệ Vinh trụ chùa Long Quả ở Đồng Châu, nhân vì Ngài (Tăng Nhai) thị tịch bèn lập Đại trai hội cúng dường trong chợ cũ. Khi chưa thọ trai, bỗng nhiên trông thấy mây đen từ hướng Đông nam bủa đến ngăn che mặt trời, tối thẩm trai hội. và có hai con rồng, đuôi năm mầu rõ ràng, dài năm thước, ngắn cũng sáu tấc. Lại rải mưa các thứ phướn hoa như mưa, khói hương khắp giữa hư không lẫn lộn. Đại chúng đều trông thấy. Lại lúc mới, thâu xá-lợi quả tim của Sư đưa vào trong chùa thường trụ thì đều thấy hoa nhóm hợp rất nhiều, sáng đẹp cả sân nhà.

Lại có Sa-môn Tuệ Thắng ở chùa A-ca- nị-tra, bị bệnh nằm trên giường, không thấy được Sư thiêu thân, trong lòng buồn bã. Mộng thấy Sư dẫn một vị Sa-di cùng đến, dùng khăn bọc ba hộc hương và mạt vụn Chiên-đàn chia thành bốn nhóm dùng nhiễu quanh nơi Tuệ Thắng và châm lửa đốt hương. Tuệ Thắng kinh sợ nói rằng: “Tôi là kẻ phàm phu, chưa dám thiêu thân”. Sư bảo: “Không nên khiếp sợ, đây chỉ dùng để xông trừ bệnh”. Khi tro nóng đã hết, liền cảm thấy mạnh khỏe, lại thỉnh cầu Sư hiện điềm lành. Sư bảo: “Ta ở tại Ích Châu, giã gọi tên là Tăng Nhai, kỳ thật tên ta là Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu bảo Tạng”. Tuệ Thắng sau khi tỉnh giấc, sức mạnh gấp bội thường ngày. Có lúc ở ngoài thôn ấp, vì Ngài (Tăng Nhai) mà thiết hội, Tuệ Thắng tự xướng dẫn rằng: “Ở Đồng Châu phước trọng, các hàng đạo tục đều thấy điềm lành. Còn chúng ta v.v... tội chướng sâu dày, không được thấy gì!”. Ngay sau câu nói ấy, có cả ahi trăm người đều thấy hoa trời như tuyết lẫn lộn đầy trời ánh ngời mặt trời mà rơi xuống. Đến lúc thọ trai bữa trưa xong, hình dạng hoa dần lớn như chiếc mâm bảy tấc, đều biến thành mầu vàng ròng, sáng lòa chói mắt. Bốn chúng đua nhau hứng lấy, nhưng đều không hướng được, hoặc có người men theo cây leo lên cao, nhìn muốn lấy đó, như hoa đều bay lên.

Lại nữa, dân chúng ở Thành đô, có Vương Tăng Quý, sau khi Sư thiêu thân, cả nhà đều dứt bặt ăn thịt. Sau do có sự cố, sắp bỏ chay tịnh, riêng tự bình luận. Khi đó đang lúc canh hai, bỗng nghe ngoài cửa có tiếng gọi “Đàn việt!” Lúc ra mở cửa, thấy một Đạo nhân bảo rằng: “Hãy cẩn thận chớ ăn thịt”. Nói trong tâm tình chua xót, dù đi dù khóc, Vương Tăng Quý bèn đuổi theo sau, dường như gần mà xa, rồi bỗng biến mất. Lại nữa, sau khi Sư thiêu thân, đến tháng tám, có người thợ săn tên là Mâu Nan Đang đến đảnh núi Tựu Kiệu để săn bắn, cầm tên

gương nỏ, đưa mắt nhìn theo con nai, bỗng thấy Sư cưỡi trên thân một con hươu cao cổ mầu xanh. Mâu nan Đang kinh hãi bảo: “Ông đã thiêu thân chết tại Ích Châu, cớ sao nay lại ở đây.” Sư bảo: “Ai nói dối ngươi vậy? Ngươi có thể thiêu thân, không nên săn bắn, vì mắc tội. Ngươi phải siêng năng dốc sức làm ruộng đi.” Nhân đó bèn bỏ đi.

Lại đến mùa đông, con của anh Sư ở trong kho nước, bỗng nghe trong hang núi có tiếng ồn ào náo động như có số người đông đến mấy muôn, bèn đưa mắt nhìn, thấy Sư có hai vị tăng đi theo, tay chống tích trượng mà đi, nhân đó, đuổi theo kịp được Sư, muốn nắm lấy áo ca-sa. Sư bảo: “Sao ngươi nhọc đuổi theo ta làm gì?” Bèn chỉ heo gà ở trước khe nước bảo rằng: “Những âm thanh ấy đều có giải thích, như tiếng nói của ngươi, v.v người khác không hiểu. Ngôn âm của các nước khác, ngươi cũng không hiểu. Người và vật tuy khác nhưng đều có Phật tánh. Chỉ vì nghiệp ác, cho nên phải chịu thân hình ấy. Ngươi chỉ nên dốc sức làm ruộng, chớ chứa nuôi các loài cầm súc!”. Sư nói trong ý tứ ủy thác khắp cùng.

Nên, Sư luôn luôn hiện hình, dự biết ý Sư, đại loại đều như vậy, đầy đủ như trong Sa-môn Vong Danh Tập, và “Tam Bảo Lục” của Phi Thị, và “Ích Bộ Tập Dị ký”.

3- Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu:

Thích Phổ Viên, không biết Sư là người xứ nào. Nghe nói thì dường như Sư ở Hà Hải. Đầu thời Bắc Chu, Sư đến Tam Phụ, dung mạo Sư khôi ngô, thân tướng cao lớn, nói năng rộng thoáng, rất có thần thái của bậc Trượng phu. Sư đi khắp nhiều Danh sơn sông lớn, thường lấy hạnh đầu-đà làm chí ý, ưa thích hành từ cứu giúp lấy sự ích lợi làm đầu. Nếu có người tìm đến, Sư liền vì cấp dẫn chỉ dạy, nêu bày ngôn ngữ hành vi cần yếu, khiến vâng theo khổ tiết. Sư chuyên tụng Kinh Hoa Nghiêm, ngầm lắng tướng âm thanh, không người nào biết, có vị đệ tử hầu độc, sau nhân đó mới biết. Nhưng Sư thường ngồi nơi giường dây, nghiêm chỉnh hình dung, an trú trong Định, Dụng tâm càng đến cùng, không còn nhận biết đã trải qua sáng tối.

Có thời gian, Sư đi khất thực, tạm đến trong xóm ấp, Sư thường nương nghỉ nơi rừng hoang mồ mả, lấy sự tĩnh lắng để tư duy. Ban đêm có con Quỷ sức mạng, thân hình rất đáng sợ, có bốn mắt, sáu răng, tay nắm gậy cong, lông trên thân mình rủ xuống đi thẳng đến trước mặt Sư. Sư trừng mắt nhìn nó, không tỏ vẻ khiếp sợ, không bao lâu, quỷ bèn rút lui. Đại loại như thế chẳng phải chỉ một lần. Lại có người ác tìm đến

chỗ Sư xin cúi cái đầu Sư, Sư sắp chặt đầu mình mà cho thì kẻ ấy lại không chịu lấy, mà lại xin tròng mắt Sư. Sư liền móc mắt cho, kẻ ấy lại theo Sư đòi xin cánh tay, Sư bèn dùng dây buộc cổ tay vào cây, chặt đứt ngang khủy tay mà cho, ngất xỉu ngã xuống đất, người trong làng đến sáng mới nghe biết, nhân đó, Sư thị tịch tại sông Phiền thuộc phía Nam ngoại ô. người trong các xóm ấp buồn thương đức tánh khổ hạnh ấy, tranh nhau muốn thâu nhặt để an táng, mọi người bàn nghị không dứt quyết, bèn phân thi thể Sư thành nhiều đoạn, mỗi làng tự xây tháp cúng dường.

4- Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam:

Thích Phố Tế, Sư là người xứ Bắc Sơn Hỗ thuộc Ung Châu. Lúc mới xuất gia, Sư nương tựa Thiền sư Viên, luôn theo nghi quỹ hành pháp, ở một mình chốn núi rừng hoang vắng, chẳng hề nghỉ lại trong nhà người thế tục, Sư thường ngồi kiết già tu thiền, mãi đến lúc tuổi già, nương náu nơi hoang vắng, Sư chẳng sợ hổ báo. Tuy du lãng ngoài vật, mà tay Sư không hề rời quyển kinh. Sư thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm, y cứ vào kinh mà kết hạnh nghiệp. Từ khi Phật pháp bị hủy diệt, Sư bèn đến các núi Thái Bạch, v.v... Đi không mang theo lương thực, cứ đúng thì ăn dùng cỏ lá, nhai nuốt uống ăn đều không bị bệnh hoạn. Sư tự lập nguyện đến lúc Tượng giáo được phục hưng thì xẻ thân để cúng dường. Sư tu theo hạnh Phổ Hiền, sinh về cõi nước Hiền Thủ. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Phật giáo lại được mở mang hưng thạnh. Sư suy nghĩ ước nguyện đã mãn, nên theo việc xả bỏ báo thân, bèn dẫn chúng nhóm họp nơi sườn núi phía Tây của hang Thán, phát thệ nguyện rộng lớn, gieo mình xuống vực sâu tự vẫn. Mọi người từ các phương xa tìm đến đông chật cả hang núi, bèn xây tháp trắng nơi đảnh núi cao để phụng thờ.

Gần đây, khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, có Sa-môn ở núi tên Phổ Tế. Ngài lập tiết tháo mạnh mẽ, trinh thuần bền bỉ. Sư thường đi khắp các danh sơn, tập tụng kinh điển, với các Kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa là các kinh sư thông hiểu. Hễ lúc nào đến nơi nhóm tập thì phần nhiều Sư tụng hai bộ kinh ấy. Nhưng tùy ăn cú, có lúc Sư phải giải thích lại, hơi tiếng của Sư vang khắp cả một dặm, nên khiến trong chúng đông khoảng mấy muôn người không ai chẳng được nghe. Vào niên hiệu Võ Đức thứ mười tám (?) thời Tiền Đường, Sư từ Phương Tây đến Quan nội, khi ấy Sư trải qua các Ấp lạc rồi về ở rừng vắng. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, độ tăng

xuất gia, lúc đó, vì Sư không quê quán nên xếp vào Sổ công, trụ chùa Quang Minh ở kinh đô, chúng nhóm họp như núi kết, ưa thích nghe yếu chỉ kinh pháp, Sư khốn khố bởi sự ồn ào nhiễu loạn đó, bèn để lại Tên mà trốn đi. Chẳng biết Sư đi đâu. Có người nói hiện nay Sư ở tại núi Chung Nam ngồi một mình nơi hang sâu thẳm, bên cạnh có nhiều núi quả, cần thì mang trở lại, nhưng trở lại truy tìm, thì mất đường đến.

Tôi (Đạo Tuyên) từng hội tụ, chính mắt thấy người ấy, áo mặc thì trăm mảnh kết với nhau. Bình bát thì vừa đủ thọ dụng, gánh múc nước rưới rửa thì bằng bình đất, dây gai buộc cổ. Ngồi thì tựa vào cỏ, hông không chạm đất, khoẻ mạnh quả cảm, ngủ nghỉ chẳng khi thường, tiết ước kiệm thối, giặc lợi ngầm vết, lời nói ý chỉ, lấy sự biết đủ làm đầu. Bàn trao chánh nghĩa, y như thực hành làm tối trrọng. Do đó ở nơi một chỗ ngồi giảng pháp mọi sự thí cúng chất chứa như núi mà Sư không hề đoái hoài để ý, mặc tình giao phó xem xét. Sư lại suy nghĩ rằng: “Cái thuộc thành thì năm thứ Dục là cội gốc. Nay ta sức lực đã suy yếu, không nên tự vùi lấp!”. Và bèn trốn đi.

5- Truyện ngài Thích Phổ An ở hang Ngạnh Tử, núi Chung Nam:

Thích Phổ An, họ Quách, người ở xứ Kinh Dươn thuộc Kinh Triệu. Thuở nhỏ, Sư nương tựa Thiền sư Viên xuất gia. Sư luôn khổ nhọc tiết chế thực hành hạnh đầu-đà, xả bỏ mọi việc thế gian, tánh Sư hòa nhẫn, chẳng hề mừng oán quá lắm. Hoặc thay thế giữ làm mọi việc mệt nhọc, chịu các cần khổ, mà tâm tình cam chịu, sợ việc ấy cùng tận. Về sau, Sư đến chỗ Pháp sư Ái, học thông ba Tạng, thường chuyên về Kinh Hoa Nghiêm, Sư đọc tụng thiền quán tư duy, lấy đó làm nêu phỏng.

Đến lúc thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn đến gá ẩn tại sườn núi phía Tây hang Ngạnh Tử ở núi Chung Nam, nơi rừng sâu tự che chở, làm gương cho đời. Tiết tháo thanh khiết như suối đá, nối gót Do phủ. Sư lại dẫn Pháp sư Tĩnh Uyên đồng đến dừng ở nơi rừng hoang, mở bày giải thích sâu mầu, đỡ giúp tiếp nối huyền lý. Thêm vì Sư vâng theo thi hành khổ hạnh, quên thân vì chúng sinh. Hoặc để trần hình hài nơi cỏ rậm thí cho các loài muỗi nhặng, máu chảy khắp thân, mà chẳng tỏ vẻ lo sợ. Hoặc gượng nằm lẫn lộn giữa các thây chết để bố thí cho các loài hổ báo, tuy đến nhưng chỉ ngửi mà chẳng ăn. Sư thường lo nghĩ phân vân, chẳng hợp với tình nguyện, bèn một mình giẫm theo vết chân thú, mong nó gặp mà ăn.

Bấy giờ, đất trời đã bít lấp, Tượng giáo đang mờ tối. Quốc lệnh

nghiêm trọng không chấp thuận lánh nạn. Các bậc danh đức ở Kinh ấp có hơn ba mươi vị tăng, trốn lánh tại núi Chung Nam, không nơi nương náu. Sư bèn mời gọi tất cả những người có tâm ấy ở khắp châu bãi đến nơi sâu kín an ở. Còn tự mình Sư hiển bày, thân hành cầu xin chẳng sợ luật nghiêm giết hại, nên có được các thứ ăn mặc đầy đủ, hạnh nghiệp tu trì không phế bỏ. Trong đời loạn lạc mà biết được kẻ sĩ, thì Sư chính là người ấy! Bây giờ, lại có chiêu mộ nếu ai bắt được một vị tăng sẽ được ban thưởng mười vật. Có người ứng theo sự chiêu mộ ấy đến muốn bắt Sư. Sư liền an ủi dẫn dụ rằng: "Xem ông rất khốn khó, đang muốn được giúp đỡ!." Sư bày thức uống ăn rồi cùng vào kinh đô. Vua nói với người ấy rằng: "Nước ta pháp luật nghiêm kíp không chấp thuận cho Đạo nhân ở trong Dân gian, Ngươi lại thầm giúp không cho Đạo nhân ở trong núi, nếu ngươi sai khiến người ấy đến ở xứ khác thì được sống", nên thả vào trong núi chẳng cần phải xem xét. Lại có kẻ bề tôi thời Bắc Chu là Liễu Bách Trạch vâng sắc đến nương tựa ở núi để tìm bắt các vị tăng lánh nạn, có Đảng báo rằng: "Trong cốc Ngạnh Tử có Đạo nhân Phổ An". Nhân đó bắt lấy, cùng dẫn Sư đến. Liễu Bách Trạch bảo với Đảng rằng: "Ta không được thấy". Nên liền được thả trở về. Từ đó Sư tự nhiên trở về lại chỗ cũ. Trước sau gặp nạn, Sư không hề ẩn trốn, mà đều được thả, đại loại đều như vậy.

Bấy giờ, Pháp Sư Ái lánh nạn đang ở nhà Đỗ Anh Thế ở Nghĩa Cốc, đào hang ẩn tàng trong đó. Sư nhân được thả trở về, bèn đến hầu thăm kính lễ. Pháp Sư Ái bảo rằng: "An Công rõ ràng thông hiểu Phật Pháp, chưa được khoan dung lắm, mà thần chí vượt trội khác thường, chẳng trốn lánh những cấm ngăn mạnh dữ, vì khó kịp!". Sư nói: "Ngày nay được thoát nạn, đó đều nhờ năng lực của Kinh Hoa Nghiêm, tất cả mọi sự mong cầu chí thành thì không gì chẳng được toại ý!". Nhân đó, Sư thỉnh Pháp Sư Ái trở về núi, và Sư gần gũi tự lo liệu. Mọi người khắp bốn phương xa nhân Phong hạnh của Sư mà tìm đến chẳng phải chỉ một vài vị. Pháp Sư Ái mới cùng Sư lại mở rộng chổ ở, đầy đủ như trong Biệt Truyện.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy lên ngôi (581) Phật pháp trở lại được mở mang hưng thạnh. Rộng chiêu mộ những vị tăng còn lại y theo xưa mà an trí. Bấy giờ, chỉ một hang Ngạnh Tử mà cón hơn ba mươi vị tăng ứng chiếu xuất gia và đều trụ ở chùa Quan. Chỉ riêng một mình Sư trở về lại, chẳng vì danh tiếng vẻ vang, nương tựa núi cũ ở giữa rừng hoang. Bấy giờ, có lúc Sư đến trong thôn ấp xóm làng, ban tạo mọi điều ích lợi cho sinh linh, hoàn toàn nương nghỉ nơi

khói mây, chẳng giao tiếp với thế tục. Về sau, có người đến nơi hai hang Tý Ngọ và Hổ Lâm ở bên cạnh khe suối đục khám làm am, thỉnh Sư cùng đến trụ ở đó. Lúc đầu, Sư đến dừng ở nơi khám mới một ngày, phía trên có một tảng đá lớn ngay chánh giữa khám, sợ nói bị rơi nên đào ra, gạt đẩy núi cao rơi đổ xuống. Sư tự tâm niệm rằng: “Nguyện dời đến chỗ khác, chớ nên vỡ nát khám hạng”. Đá bèn y theo lời Sư lánh đến nơi. Đại chúng đều lấy làm lạ. Sư bảo: “Đó là do năng lực của Kinh Hoa Nghiêm, chẳng đáng lấy làm lạ! Lại ở phía Đông Khám bên trái vách đá khe suối có Sách đầu-đà là người đi cùng khắp nơi, tung hoành chẳng phải một, ngầm ganh ghét đức hạnh của Sư, thường nghĩ muốn giết hại. Bèn cùng ba người bạn mang theo cung tên, cắp mũi nhận, cánh tay kéo cung sắp muốn phóng tên mà tên chẳng lìa khỏi dây cung, tay trương giá cung không nghỉ, trợn mắt đớ lưỡi đứng sững qua đêm, tiếng tăm chấn động, mọi người xa gần đều nhóm họp, người trong làng cúi đầu qui kính, chí thành cầu xin cứu giúp. Sư bảo: “Tôi hoàn toàn không biết, há chẳng phải do sức thần của Kinh Hoa Nghiêm ư? Nếu muốn trừ khỏi chỉ nên bảo sám hối, đúng như lời chỉ dạy đó mới mong thoát khỏi. Lại nữa, tại làng Ngụy ở phía Tây khám có Trương Huy là người sớm dấy niệm ác, chuyên trộm cướp để kiếm sống. Ban đêm đến chỗ Sư lén lấy bình dầu cúng Phật, chiết lấy năm thăng mang trên vai mà đi ra. Đã đến nơi cửa viện, tự nhiên mê hoặc mất hẳn bổn tánh, như bị trói không thể cử động. Quyến thuộc và người trong làng đồng đến sám tạ cho. Sư bảo: “Tôi không biết, bởi do năng lực của Kinh Hoa Nghiêm. Nên khuyên bảo sám hối, hoàn trả lại bình dầu”. Bèn y theo lời ngài mà thực hành nên được thoát khỏi. Lại nữa, ở phía Nam khám, có Trương Khanh đến trộm tiền của Sư để trong tay áo mang đi, đã về đến trong nhà, trút lấy mà không ra, miệng cứng đơ không nói được. Trương Khanh liền tìm đến chỗ Sư cầu xin sám hối, trở lại đường mà lui về.

Tại làng Trình Quách, có Trình Huy Hòa là người rất nghĩ nhớ tin theo, từng đến chỗ Sư nghe nhận Pháp yếu. Vì bị bệnh nên thân chết đã hai đêm, buộc thi thể để dưới đất, sắp tẩm liệm. Trước đó, Sư đến huyện Ngạc, trên đường trở về, Sư đến chùa Đức Hạnh ở phía Tây Nam, từ phía đông cách thôn của Trình Huy Hòa ở khoảng năm dặm, từ xa kêu “Trình Huy Hòa! vì sao không thấy đến đón rước ư?” Sư kêu gọi liên tiếp như thế không dứt. Có người đang làm ruộng báo rằng: “Trình Huy Hoà chết đã lâu rồi, làm sao đến đón rước được?” Sư bảo: “Đó là lời nói xằng, tôi không tin.” Sau đó, đến làng ấy, Sư lớn tiếng gọi, Trình Huy Hòa bèn nhúc nhích thân mình. Các người thân ở bên cạnh liền cắt

bỏ các dây trói, Sư bước vào trong sân, lại lớn tiếng gọi như trước, Trình Huy Hòa liền vùng bật dậy lăn lóc đến chỗ Sư. Sư bảo vất bỏ tất cả mọi thứ hòm rương vật dụng tẩm liệm, lại dùng một sọt tre để làm tòa Phật và bảo Trình Huy Hòa đi nhiễu quanh. Sau đó, được bình phục như xưa. Lại sống thọ thêm hai mươi năm. Sau, lại bị bệnh nặng, đến cầu xin Sư cứu giúp. Sư bảo: "Thả ngươi đi khắp nơi, ta chẳng biết được". Nhân đó mà Trình Huy Hòa qua đời. Bấy giờ, tiếng tăm Sư vang xa, các hàng đạo tục vẻ vang nhờ ơn rất nhiều trường hợp như vậy và đều đến thỉnh yết. Sư tạo lập phước hội, thường có cảm thông. Ở đây chỉ lược nêu một hai việc.

Tại làng Bạch ở phía Bắc hồ Côn Minh, có một bà mẹ già bị bệnh nằm liệt trên giường gối, mất âm tín đã trăm ngày, bảo các người con muốn được thấy hình bóng Sư. Hiểu được ý của mẹ, các người con thỉnh Sư đến nhà. Người mẹ đang bị bệnh được trông thấy, bất chợt tụt xuống đón rước, nói năng đi qua đi lại tự nhiên như ngày thường, bệnh liền lành hẳn. Khi đó tiếng tăm Sư lại càng vang xa. Mọi người trong làng nhóm họp, mỗi người mang theo các thứ âm nhạc đi quanh từng nhà để mách bảo, muốn lập trai hội lớn. Trong làng Đại Vạn có gia đình Điền Di Sinh có bốn người con gái. Người vợ Điền Di Sinh chỉ mặc vải bố thô xấu và ngắn ngang đầu gối mà thôi, bốn người con gái để mình trần trụi không một mảnh vải. Người con gái lớn tên là Hoa Nghiêm, đã hai mươi tuổi, chỉ có một tấm vải bố thô xấu dài hai thước, định sung vào bố thí. Sư dẫn chúng trong làng lần lượt đến nhà ấy, thương xót nhà ấy nghèo khổ bèn đi ngang qua mà không vào. Người con gái lớn tự nghĩ rằng: "Do ta nghèo hèn, không đến phước hội, nay lại chẳng tu, về sau sẽ khổ còn hơn như vầy." Bèn lục lọi khắp cùng đề tìm kiếm vật, nhưng xét xem chẳng có được vật gì, nên ngửa mặt buồn khóc, bỗng thấy trên rui ở mái nhà có một bó cây kê lẫn lộn dùng để bít lỗ hổng ánh sáng, bèn kéo xuống và lượm được hơn mười hạt thóc, liền lột thành gạo. Đồng thời đem tấm vải bố trước để tùy hỷ cúng dường. Vì thân không có áo mặc nên đợi đến đêm tối mới đến chỗ hội cúng, đem vật muốn cúng thí ấy từ xa để vào chỗ chúng tăng. Còn hơn mười hạt gạo ấy thì dâng cúng để nấu cơm. Nhân đó, phát nguyện rằng: "Con là thân người nữ mắc nghiệp báo nghèo cùng do từ lâu đã gieo trồng nhân xấu. Nay dốc hết sự nghèo cùng để làm cúng thí, mong cầu phước báo cho tương lai". Và liền đem hơn mười hạt gạo vàng ấy để vào trong nồi nấu cơm, và nguyện "nếu thật sự chí thành thì nghiệp nghèo nàn sẽ hết, thì xin nguyện nồi cơm nấu chín đều biến thành mầu vàng. Nếu không được

chiêu cảm thì đành chịu, chẳng biết làm sao”. Khi ấy, cả năm thạch gạo nấu cơm trong nồi đều biến thành mầu vàng, Đại chúng kinh hãi khen ngợi, chưa biết nguyên do thế nào, nên tìm xét khắp các duyên cớ. Sư bèn bảo: “Đó là do nguyện lực của con gái Điền Di Sinh!”. Sau khi trai hội hoàn tất, có được mười hộc thóc, Sư dùng để cứu giúp cho gia đình ấy. Sư sắm sửa Pháp y và bèn độ cho Hoa Nghiêm xuất gia, đưa vào ở chùa tại kinh đô, về sau tiếng tăm vang xa, hoằng ngộ khó trình bày.

Sư cư xử tuy trầm ẩn mà thường thực hành từ bi cứu giúp. Hằng năm ở hai xã giết hại máu thịt cúng tế rất nhiều, Sư đi khắp cùng thực hành cứu chuộc, khuyên tu pháp nghĩa. Mọi người không còn giết hại, trong thôn ấp số ấy chẳng ít. Từng có việc trong làng bên cạnh khám trói ba con heo, sắp giết hại, Sư nghe thế bèn đến chuộc. Người trong xã sợ không được giết nên tăng giá đòi tiền đến mười ngàn. Sư bảo: “Bần đạo hiện chỉ có ba ngàn, đã tăng giá gốc gấp mười lần”. Xin hãy giúp cho, mọi người đều bất đồng, cùng nhau tức giận. Bỗng có một đứa bé mặc áo da dê bọc tiền trong bụng đến chỗ Hội Xã giúp Sư cứu chuộc heo. Đã thấy tranh cãi, nhân đó liền theo xin rượu, vừa uống vừa nhảy múa, xoay chuyển rực sáng, tất cả mọi người già trẻ trong xã đều bị mù mắt, bỗng chốc đứa bé bèn biến mất, không biết ở đâu. Sư bèn dùng Dao tự cắt thịt đùi của mình và bảo rằng: “Đây và kia đều là thịt. Heo ăn các thứ phẩn uế, mà các ông còn ưa chuộng thích ăn thịt nó, huống gì con người ăn cơm gạo, đáng lý phải quý hơn nhiều.” Người trong xã nghe như thế, đồng một lúc phóng thả, heo đã được thoát, bèn đi nhiểu quanh Sư ba vòng, đưa mũi xúc chạm như tỏ sự kính ái. Nên khiến ở phía Tây Nam của ngoại ô trong khoảng năm mươi dặm dứt hẳn không còn nuôi heo gà. Mãi cho đến ngày nay sự cảm phát từ thiện ấy đều đại loại như thế.

Tánh Sư rất kính tin, thường trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, chuyên trì một bát ba y, đến lúc tuổi già càng tinh tấn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) có ban sắc thỉnh Sư vào kinh đô làm thầy của Hoàng Trữ Môn. Công chúa xây dựng chùa Tĩnh Pháp, lại thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tiếng tăm tuy ở nơi chốn Đế độ mà Sư thường nghỉ ở nơi núi non. Đến ngày mồng năm tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Sư thị tịch tại thiền viện Tĩnh Pháp, thọ tám mươi tuổi, Di hài Sư được đưa về an táng và xây tháp thờ ở núi Chung Nam, bên cạnh chùa Chí Tướng.

6- Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang:

Thích Đại Chí, họ Cố, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Từ thuở bé, Sư đã xuất gia, thờ Thiền sư Trí Khải ở núi Thiên Thai làm thầy. Ngài Trí Khải thấy hình tướng thần thái của Sư phóng khóng cao vượt ngoài vật, nhân đó mà đặt tên là Đại Chí.

Ngài lấy thiền tụng làm nghiệp chánh, tự chuyên khổ tiết. Với các bậc danh tượng ở khắp bốn phương không nơi xa nào mà Sư chẳng đến, tiếng nói của Sư trong rõ dịu dàng, nghi tướng trinh thuần, nghiêm mật, nên mọi người nhìn thấy thì biết Sư chẳng phải Phàm khí.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Sư đến Lô Sơn, ở chùa Phong Đảnh, chẳng lệ thuộc vào công danh, chẳng can dự đến chúng tăng, Sư chỉ chuyên tụng Kinh Pháp Hoa, tự nhiên nhàn nhã, Sư có khả năng giảng nói lời tiếng trầm bổng rõ trong, khiến người nghe quên hết mỏi mệt. Sau đó, Sư lại đến núi Liên Hoa, ở phía Nam đảnh Cam Lộ, thiết lập đạo tràng Tĩnh Quán, chuyên thực hành hạnh đầu-đà, ở một mình, Sư chẳng sợ các loài cọp sói. Nghe nơi nào có loài thú dữ, Sư liền đến và gieo mình đến chỗ chúng nó, nhưng các loài thú đều lánh né chẳng dám ăn. Ở núi gạo thóc hết sạch, suốt ngày Sư quên cả sự ăn uống, hoặc có lúc chỉ ăn dùng bánh trái để duy trì mạng sống mà thôi. Nên người ngoài trông thấy không nỡ làm não hại, nhưng Sư vẫn an nhiên, dung mạo nhan sắc vẫn như thường. Trải qua bảy năm, đạo nghiệp thiền quán Sư không hề xen hở. Về sau, Sư đến trụ chùa Phước Lâm ở núi đó.

Gặp vào niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, bắt giết các vị ẩn dật, nên Sư phải đổi dời ẩn dật, xót xa giáo pháp bị lấn lướt khốc tàn đến như thế, Sư bèn đổi thay sắc phục, hủy hoại hình hài, đầu đội Kinh Hiếu, dùng vải bố thô xấu làm y, vào trong điện Phật lớn tiếng gào khóc, suốt ba ngày ba đêm không dứt. Chư tăng trong chùa an ủi dẫn dụ. Sư bảo rằng: “Tôi thân vì nghiệp xấu ác mới khiến như thế này, muốn dốc hết hình hài này để làm tỏ rạng Chánh Pháp”. Và Sư bèn đến Đông Đô, dâng biểu văn tấu trình rằng: “Cúi xin Bệ hạ làm hưng thạnh Tam Bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở Tung Sơn, để báo đáp ân nước nhà!”. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy chấp thuận, ban sắc thiết Đại trai hội, thấy chúng đệ tử Phật đều đồng nhóm họp. Sư không ăn suốt ba ngày, leo lên gác lớn, đốt một tấm sắt đỏ bừng rồi áp vào cánh tay khiến cháy đen, lại dùng dao dứt thịt, bày ra xương cốt. Lại áp vào xương ấy cho cháy đen, mỡ trong bọc vải bố chảy xuống lửa, sáng rực cả núi hang. Khi đó, đại chúng thấy Sư khổ hạnh đều đau nhói trong

tim suốt đến tủy, chân đứng không yên, mà ngài tuy thêm lửa áp nóng, nhưng lời nói sắc mặt không biến đổi, nói cười tự nhiên như lúc đầu. Khi đó, Sư đọc tụng Kinh Pháp Cú, hoặc tán khen ngợi công đức Phật, hoặc nói Pháp cho chúng nghe, lời tiếng không dứt. Khi cánh tay đã thiêu hết, y như trước, Sư bước xuống gác, nhập định suốt bảy ngày, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Lúc đó tuổi Sư vừa mới bốn mươi ba tuổi.

Từ lúc mới xuất gia cho đến lúc thị tịch, ngài kết tiết tháo của thông trúc, mùa đông mùa hạ chỉa mặc một bộ y phục, không hề khoác mặc bông tơ lụa là, chỉ dùng vải bố ngải thô tự lấy đó làm thường, nhưng hình tướng Sư rất khôi ngô, môi như tô son, khố rủ xuống nửa đùi, chân đi giày cỏ, hơi tiếng rõ ràng, âm điệu vượt xa mây gió. Có người không biết, lấy làm lạ chẳng rõ Sư từ đâu đến. Sư vén mày mà bảo rằng: "Tôi là Tiểu Đạo Nhân Đại Chí trụ chùa Phước Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang." Sư lại giỏi về Văn tảo, biên từ rõ ràng tha thiết. Sư có soạn "Nguyện Thệ Văn" dài hơn bảy mươi trang giấy, lời ý muốn làmThiện Tri Thức với các chúng sinh. Chư tăng ai bị cưỡng ngăn khó kính tin hễ thấy lời văn thệ nguyện ấy, không ai chẳng rơi nước mắt. Mãi đến nay, tại chùa Phong Đảnh ở Lô Sơn mỗi khi đến cuối năm, thấy chư tăng ở các chùa nhóm họp một đêm, tụng đọc di thệ ấy, để dẫn dắt các hàng đạo tục. Đại chúng đều chua xót kết nhận.

7- Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh:

Thích Trí Mạng, họ Trịnh, tên Đĩnh, người ở xứ Vinh Dương. Giòng họ Sư cao sang ưu thắng, Văn hoa rực rỡ ở đời. Sư có văn từ bén nhọn, ít người đương đầu nổi.

Lúc đầu, dưới thời nhà Tùy, Sư làm Vũ kỵ úy, chức vị ấy mỏng bạc, Sư bèn trốn quan trở về tục, đến khắp các trường giảng, hưởng đượm pháp vị sâu kín, Sư đến làm ruộng ở Ninh Châu. Vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Bộc Xạ Dương Tố Nhân có công việc đi đến đó, bèn đến ra mắt, cùng nói chuyện suốt ngày. Dương Tố bảo: "Trông phong vận của ông thì người thế tục chẳng thể sánh bằng, mà là bậc hiên miếu vĩ khí, hãy tìm cách chịu đựng, về sau, sẽ gọi mời". Đến lúc Nguyên Đức làm Chức Phó, tìm kiếm các bậc Hiền giả tài năng, Dương Tố bèn đề cử Sư. Sư đối đáp nói năng tuyên truyền ứng biến chẳng phải một. Có lệnh thử cùng một lúc trao ba trăm câu đố cho Sư, Sư đáp lại không sai sót một điều, đến nỗi khiến mọi người rất kính trọng, bèn được làm Trung xá nhân, làm Quan đến Ngũ Phẩm. Đến lúc Nguyên Đức qua đời, Sư nghỉ chức quan ở đời, đi khắp nơi nghe giảng

Tam Luận, Kinh Pháp Hoa, nghiên tầm pháp vị nhiều năm, đức tin thành kính càng sâu.

Đến đầu niên hiệu Hoàng Thái, Việt Vương lên ngôi, Sư lại ra làm quan giữ chức Ngự sử Đại Phu. Đến trong niên hiệu Khai Minh thời Ngụy Trịnh, sư vẫn giữ chức vụ cũ không thay đổi, mưu sâu chước rộng, rất đáng là nơi nương cậy của nước nhà. Lúc bấy giờ, Hoàng thượng đang làm Tổng Thiên sách, ngự binh tại Tây Uyển, Lý Mật Si, Trương Nghị Cật nghỉ ở Lạc nhuế. Còn Thế Sung riêng cố nắm giữ ở một Đô thành, trong ngoài ngấm ngầm bức bách, trên dưới đều lo sợ. Sư khốn khổ với sự rối ren ấy, trong tâm tình kính mến sự xuất gia, nhiều lần thỉnh Trịnh Chúa vì nước nhà mà tu đạo. Đã không toại chí nguyện, nghĩ muốn cắt tóc chẳng phiền lụy đến luật hình. Ban đêm thì Sư thầm đọc tụng các Kinh Phương Đẳng, ban ngày thì tiếp nhận xử lý công chính. Phút chốc chẳng đổi thay, trải qua bốn mươi ngày đã tụng được Kinh Pháp Hoa, Sư thỏa thích tràn đầy cõi lòng nên quyết tâm xuất tục. Sư lại khuyến dẫn người vợ quy hướng Phật giáo. Lời nói tha thiết, đến nỗi người vợ liền y theo đó, lại giúp đỡ nhau cùng xuống tóc. Sư nói với vợ rằng: "Nguyện của tôi đã mãn, không chết mà lại sống, phải khai bạch với Trịnh chúa không nên như thế". Bèn mặc pháp phục đi đến cửa cung, nói rằng: "Trịnh Đĩnh đã xuất gia, nên đến bái yết". Thế Sung không ngăn nỗi sự tức giận, bèn ban sắc lệnh bảo giết Sư. Sư nghe thế vui mừng nói: "Nguyện của tôi lại viên mãn!". Hân hoan tươi cười thư thái. Đi đến Lạc Tân, khi đó đang lúc sáng sớm, chưa phải lúc hành quyết. Sư nói: "Nếu là Thiện tri thức, xin nguyện sớm được độ qua, nếu không như vậy thì sau sẽ được thả, không viên mãn bổn hoài". Khi đó các hàng đạo tục vây quanh khuyến khích đến chiều, mà Sư vẫn giữ dung sắc, nói lời không chấp thuận, nhân đó liền bị chém. Sau đó có sắc lệnh thả nhưng đã là việc không thể cứu vãn, cả triều đình đều oán hận. Lúc đó nhằm niên hiệu Khai Minh thời Ngụy Trịnh.

Lúc đầu, Sư nương theo Pháp sư Cát Tạng để nghe giảng. Có một vị tăng bảo Sư rằng: "Xem xét đầu sọ, vầng trán, cằm của ông rất có tướng giầu sang, chỉ vì ngắm nhìn nhìn cho kỹ thì oán chẳng được chung cùng." Sư bảo: "Há chẳng là bị thương mà chết ư? Nếu như sở tướng chính là Bổn nguyện thì từng thấy những người chết bệnh tật rất nguy ách, tâm không tự an, nhiễu động chẳng định, dẫn đến đời sau. Sinh tử suốt một kỳ hạn, nhất định không thể thoát khỏi. Sao bằng phát chánh nguyện duyên với thắng cảnh, tâm lực vững chắc tỏ rõ, không có rong ruổi. Dao vừa rơi thì mạng cũng hết chung, thần thái tự tại, há chẳng tốt

ư?" Nên đến lúc sắp hình quyết, Sư lễ bái khắp mười phương, miệng ngâm nga Bát-nhã, xin bút mực đề thư rằng:

"Huyễn Sinh, lại Huyễn diệt
Huyễn lớn, gì hơn Thân
An tâm tự có chỗ
Tìm người, chẳng có ai."

Rồi giã biệt mọi người quen biết xưa, sau đó Sư nhắm mắt, chỉ chốc lát Sư bảo rằng: "Hãy hạ Đao". Liền theo tiếng Sư mà chém, diện mạo Sư vẫn an nhiên, vui vẻ hơn thường ngày. Vợ Sư là một vị Tỳ-khưu-ni, hiện trụ tại chùa ở Lạc Châu.

8- Truyện ngài Thích Huyền Giác trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô:

Thích Huyền Giác, họ Lý, người ở xứ Phòng Tử thuộc Tùy Châu. Anh em tất cả có năm người, Sư là con út. Người Bác ruột của Sư làm chức Bồ Châu Vạn Tuyền Lệnh, đã lâu không có con, nên nuôi dưỡng Sư như con ruột.

Năm mười ba tuổi, tâm Sư muốn xuất gia, thấy sâu các lỗi thế tục, bèn trốn đến hang núi, theo hướng Bắc đi đến chỗ Thiền sư Siêu ở Phần Châu. Thấy Thiền sư Siêu nói năng tình lý rộng xa, Sư liền nương tựa Ngài mà xuất gia. Người bác đã mất Sư nên sai người đi tìm bắt. Tuy Sư được che giếu nơi hang núi, nhưng không thoát khỏi bị bắt. Miệng Sư nói rằng: "Thân con tuy thuộc của bác, nhưng tâm thuộc về Chư Phật. Con không hề có ý chí muốn ở thế tục, mong xét soi sâu xa!" Người bác bèn xót thương mà thả ra theo ý Sư.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư vào kinh đô và được độ chính thức làm tăng, phối tên ở chùa Hoằng Phước. Sư thường ưa thích thiền tụng, lấy việc lễ sám làm chánh nghiệp. Sư có nói với Pháp thuộc rằng: "Tuy đồng là thường nghiệp, mà thệ nguyện muốn xả thân." Đến tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ mười tám (644) thời Tiền Đường, ban đầu, Sư cởi tất cả y phục gói trọn trong một tấm chăn đem giao cho chư tăng trong chùa, chỉ mặc một chiếc y đơn, thầm đi đến cạnh phường Hồng Pha thuộc sông vị Âm ở phía Đông kinh đô, lại đến sông Vị, sau khi xưng niệm lễ bái xong, Sư gieo thân xuống dòng nước chảy quanh, mọi người trông thấy, vớt được Sư lên. Sư nhìn quanh tất cả rồi bảo với mọi người rằng: "Tôi thệ nguyện xả bỏ thân mạng đã lâu lắm rồi, ý muốn kính ngưỡng học theo pháp hạnh của bậc Đại sĩ. Với vật khó xả bỏ mà xả bỏ được. Đó là chánh hạnh trong các

kinh thường nói. Xin chớ cố ngăn cản hạnh nghiệp của tôi!". Mọi người mới tỏ ngộ ý Sư, nên bèn thuận theo ý. Sư liền đến bên sông, chắp tay xưng niệm Chư Phật ba đời trong mười phương và phát thệ nguyện rộng lớn, rồi gieo mình xuống dòng nước xoáy. Ba ngày sau, thi thể Sư mới nổi lên, người trong làng bèn vớt lên để an táng và xây tháp thờ tại Bổn Tự.

Chư tăng ở chùa lấy làm lạ không thấy Sư trở về và xét hỏi cũng không biết đi đâu, nên mở tấm chăn Sư gói y phục mới thấy di văn Sư để lại, viết rằng: "Kính bạch Chư Phật trong ba đời ở mười phương. Đệ tử Huyền Giác con từ khi xuất gia đến nay được mười hai hạ lạp, tuy đượm nhuần trong tăng số mà nghiệp lớn chưa thành. Nay muốn tu hạnh Bố thí Ba-la-mật. Như Tát-đoả xả bỏ thân, Thi-tỳ cắt thịt ở đùi, ngư vương chất núi thịt, trong các văn kinh ghi chép đầy đủ, xin theo tiền thánh, dạy giúp hậu trần. Với các y vật các thứ mặc y theo lời Phật dạy". Người đến lúc lâm chung phần nhiều chẳng giao phó chu tất. Các bậc danh học v.v... thấy di văn ấy bèn đến tìm nghiên cứu.

9- Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô:

Thích Pháp Khoáng, họ Lạc, người ở xứ Hàm Dương thuộc Ung Châu. Từ thuở thiếu thời, Sư đã có tiết tháo khác lạ, riêng ưa Nho Tố, đến nghe Pháp sư Vinh ở chùa Hoằng Thiện giảng luận Đại Trí Độ, Pháp Sư Vinh là đệ tử Sa-môn Đạo An thời Bắc Chu.

Ngài mới đượm nhuần huyền Nghiệp, đã tỏ ngộ vô thường, siêng năng tu học, chẳng ra khỏi cửa viện. Năm mười sáu tuổi, Sư giảng giải luận trước, Đạo sáng khắp chốn Kinh Hoa, đối đáp rạch ròi, không sai huyền lý. Sư chuyên tu niệm Định, không luống qua thời gian, với Kinh Vô Lượng Thọ, ở đời cho là khó đọc tụng, Sư nghe thế nên thử tìm, mỗi ngày tụng đọc hai quyển, lời văn hoàn toàn mờ tối. Nên khả năng tụng trì của Sư ít có ai hơn được. từ đó, với Kinh Tạng, ngài mở bày xem đọc, lấy đó làm việc thường, với những ý chỉ của Văn từ nghĩa lý, hỏi đến không thứ gì Sư chẳng biết. Sư nhìn lại những kỳ Bồ-tát, Chư tăng phần nhiều thuyết dục, Sư bèn tự cố gắng tâm lực, lập nguyện tụng ngàn biến, chỉ trong vài tuần liền được mãn nguyện. Tánh Sư thường thích kiệm ước, chẳng chuộng loè loẹt, nên trong phòng Sư không có các thứ chiếu nệm. Khắp viện đều trồng cỏ gấu, dùng để làm chỗ ngồi, thực hành hạnh đầu-đà. Sư răn dạy Môn nhân phải xa lìa đắm trước, vì văn cơ chúng sinh thời Mạt pháp thường tùy theo cảnh trần mà sinh nhiễm.

Năm năm mươi tuổi, Sư chỉ sử dụng ba pháp y, bình bát mà thôi, ngoài ra không chứa để một vật gì. Vời vọi chánh sắc, theo sạch gió sương, nói năng với người chỉ nói việc xa lìa đắm trước, đến giờ thì khất thực, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Sư từng nói: “Tôi chỉ vì sinh tử bít lấp, luân hồi từ vô thỉ. Chán sinh thì ít, chán chết lại ít hơn. Thường nghĩ nhớ ray rứt, muốn xả bỏ đi!”. Đến ngày hai mươi mốt tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Sư đến núi Chung Nam, vào hang Thán sâu bốn mươi dặm, cởi bỏ y phục máng trên cây, tự đâm dao vào cổ. Vì tự giết, nên chẳng do đâu mà biết chỗ. Đến tháng tám, các người quen biết ngày trước, bèn tìm được di thân của Sư, viết thuật văn tụng v.v...

Gần đây, có Sa-môn Vong Danh trụ chùa Đại Thừa ở Phần châu, thường nhàm chán sinh tử, ở trong đời vẫn đục khó độ, thệ xả bỏ thân mạng, trước tiên, Sư giảm ăn, chỉ uống các thứ nước thơm, đến kỳ hạn, các hàng đạo tục đều nhóm họp, dùng các thứ hương hoa, phướn lọng, sắp bày, đi đến sườn Hạ học thuộc núi Tây Sơn, xoay mặt về hướng Tây, chỉnh trang dung mạo, mọi người nói: “Lành thay!” và đều đưa tiễn tùy hỷ, Sư bèn gieo mình xuống vực sâu, đến tới mặt đất, Sư ngồi dậy, khi mọi người đến xem mới biết là Sư đã tịch.

Rộng tìm về những truyện di thân, đại loại có rất nhiều, tùy chỗ mà nêu ra để chỉ bày từng trường hợp một, ngoài rà còn có nhiều thiếu sót.

10- Truyện ngài Thích Hội Thông ở hang Báo Lâm thuộc núi Chung Nam:

Thích Hội Thông, là người xứ Ngự Túc Xuyên ở Vạn Niên thuộc Ung Châu. Thuở thiếu thời, Sư ưa thích Đạo Kiểm, đi khắp các suối rừng. Khổ tiết giới hạnh là điều Sư thường đoái hoài hành tập. Sư đến hang Báo Lâm ở núi Chung Nam, trầm ẩn để tu nghiệp. Sư tụng Kinh Pháp Hoa đến phẩm “Dược Vương” bèn vui mừng, nhàm chán muốn xả bỏ thân mạng, tự gom nhặt cây củi, thệ nguyện thực hành việc ấy.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, giữa đêm tĩnh lắng trong rừng, Sư chất củi thành hầm, tụng kinh đến phẩm Dược Vương, bèn nhóm lửa, gió mạnh thổi ùn ngọn lửa bốc lên, khói lửa đều cháy mạnh, Sư vẫn vững thân ngồi kiết già, tiếng đọc tụng kinh vẫn như thường. Sau đó, từ phía Tây nam có một tia sáng mầu trắng chiếu thẳng vào trong lửa nhóm, thân Sư mới ngã xuống. Đến sáng hôm sau, thân và lửa đều tàn hết, mọi người bèn thâu nhặt di cốt an táng và xây tháp

trắng, khắc ghi bài Minh.

Vào đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tại Kinh châu, có hai chị em Tỷ-khưu-ni đồng trì tụng Kinh Pháp Hoa, rất nhàm chán thân hình, đều muốn xả thân. Tiết chế ăn mặc, kính chuộng khổ hạnh, uống ướp các thứ dầu hương, dần dần bỏ cơm, sau cùng dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn uống mật thơm, mà tinh thần sức lực vẫn mạnh khoẻ, chí ý tinh thuần sáng suốt, thông báo khắp các hàng đạo tục, ước định ngày để thiêu thân. Đến ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, đến một con đường lớn ở Kinh Châu, đặt hai cái tòa cao, hai chị em mới dùng vải bố bọc sáp quấn quanh thân mình lên đến đảnh đầu, chỉ để lộ bày mặt mắt. Mọi người tụ lại rất đông, ngâm ca khen ngợi tợ mây ùn. Đọc tụng đến đoạn thiêu đốt, người chị trước bật lửa đốt trên đảnh đầu người em, rồi người em lại châm lửa trên đầu người chị, giữa đêm thanh vắng đồng một lúc hai ngọn đuốc soi sáng khắp cùng. Khi cháy xuống tới mắt, tiếng tụng kinh vẫn rõ ràng, dần cháy xuống mũi miệng mới lặng dứt. Vừa đến lúc sáng sớm, khắp toà đều cháy, cùng một lúc lửa cháy ra như hoa, hài cốt tiêu rụi, hai chiếc lưỡi đều còn, mọi người đều vui mừng khen ngợi, xây tháp cao để thờ.

Gần đây, tại phía Tây Tinh Châu, có một thư sinh tuổi khoảng hai mươi bốn- hai mươi lăm, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, thệ nguyện thiêu thân để cúng dường, bèn gom nhặt vài bó cỏ khô cất giữ, có người hỏi lý do, bèn lặng thinh không nói. Sau đó, vào lúc nửa đêm, phóng lửa tự thiêu thân. Khi mọi người đến cứu thì lửa cháy mạnh và thân đã chết, mọi người bèn chất thêm củi để đốt cháy hoàn toàn thân hình ấy.

Gần đây, lại có Sơn tăng Thiện Đạo, Sư đi khắp mọi nơi, tìm cầu thưa hỏi bến Đạo, Sư đi đến Tây Hà, gặp được Sa-môn Đạo Xước chỉ chuyên hành trì xưng niệm hồng danh đức Phật A-di-đà lấy làm tịnh nghiệp. Sau khi vào kinh đô, Sư rộng hành hóa pháp môn ấy, viết chép Kinh A-di-đà đến mấy muôn quyển, các hàng sĩ nữ kính tin vâng đến vô số lượng. Đến lúc đang nói pháp tại chùa Quang Minh, có người hỏi Sư rằng: "Nay xưng niệm danh hiệu Phật, có chắc chắn được sinh về Tịnh Độ chăng?" Sư đáp: "Chắc chắn được vãng sinh!" người ấy lễ bái xong, miệng tụng "Nam mô A Di Đà Phật" lời tiếng nối nhau phát ra ánh sáng khắp cả cửa chùa. Và leo lên trên đầu cành cây liễu, chắp tay xoay mặt nhìn về hướng Tây, tự gieo thân mình xuống, vừa đến đất thì chết ngay. Sự việc ấy được tấu trình đến Đài Tỉnh.

11- Truyện Xà-lê Thiệu ở Tử Châu:

Xà-lê Thiệu, là người xứ Huyền Võ thuộc Tử Châu. Họ Bồ. Khi chưa xuất gia, nhân đi đến núi thấy một con trùng lớn thân hình rất gầy ốm lại dẫn theo một con nhỏ ở khe nước muốn tìm bắt tôm, nhưng không bắt được. Sư mới than rằng: "Loài trùng này đáng lẽ ở trong núi sâu, nay lại ra đường tức là rất đói khát. Trước sau cũng đồng một lần chết, chi bằng sung vào cấp dưỡng sự đói khát này". Bèn cởi y phục đến nằm phía trước con trùng con trùng, ấy bèn bỏ đi nơi khác.

Sau đó, Sư xuất gia, chỉ chuyên tụng kinh hành đạo mà thôi, không hề có hạnh nghiệp gì khác. Vào đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, tại xứ Nhữ Châu, trùng độc bạo hành khác thường, dân chúng phải từ ba người, năm người, mười người cùng cầm roi gậy đồng đi, chẳng ai dám đi một mình. Trùng độc hại người đã rất nhiều, Sư bèn đến xứ đó, tạo lập am tranh mà ở. Trùng độc đều lánh bỏ đi xa, đường sá trở lại thanh thản.

Đến năm một trăm lẻ chín tuổi mới cảm thấy bị bệnh, Sư bảo các đệ tử rằng: "Tôi muốn để lộ bày thi thể, xin bố thí cho các loài chim thú, mà hổ con chê thân tôi, khi đang là thịt sống còn chẳng chịu ăn, huống gì đã chết mà thưởng thực hay sao? Nên hãy thiêu đốt thân tôi, không để lại gì!". Các đệ tử không nỡ nghe theo lời đó, nên sau khi Sư thị tịch bèn để lộ bày thi thể hơn một tháng, mà các loài chim thú không dám xâm phạm, bèn rước về an táng.

12- Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong:

Thích Đạo Hưu, không biết Sư họ gì. Sư trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong thuộc Ung Châu. Thường lấy hạnh đầu-đà làm chánh nghiệp. Sư đến hang sâu ở núi Ly, thuộc phía Nam chùa, bện cỏ làm am. Mỗi lần ngồi thiền suốt bảy ngày ngài mới xuất định, mang bình bát, chống tích trượng xuống núi khất thực. Khi bình bát đã đầy cơm, Sư tùy chỗ mà ăn rồi trở về am cũ. Cứ lấy bảy ngày làm kỳ hạn, như lúc đầu không thay đổi. Do đó những người có đức tin ở trong làng cứ định ngày đến núi, đứng đầu đường để đón rước Sư. Sư vui cười nói trước, mở lời thăm hỏi, thực hành, giảng nói cấm giới, thường dùng từ thiện để dạy răn. Mọi người chờ đợi Sư thọ trai xong, sau đó mới xin thọ nhận quy giới, rồi đón rước vào cửa núi. Sau đó mới trở về, suốt hơn bốn mươi năm thường thực hành như thế.

Đến giữa mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền

Đường, mọi người y theo thường lệ mà Sư chẳng ra, bèn đi đến am để xem, thì Sư đã ngồi thẳng khoanh tay mà thị tịch, mọi người cho là Sư nhập định, bèn ở lại bên cạnh am suốt đêm để giữ gìn. Qua mấy đêm bèn vào xem xét, thì thấy hơi thở Sư đã ngừng dứt mà vẫn ngồi kiết già không thối rữa, nghiễm nhiên như lúc còn sống, bèn đến che đậy, phía ngoài cửa lại dùng cây gai để rào ngăn, sợ các loài trùng đến làm thương tổn.

Đến đầu mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường Tôi (Đạo Tuyên) đến đó để hầu thăm, thì người trong làng ở phía bắc núi đã đón rước về trong làng, xây miếu để tôn trí Quyết hình. Tuy da bọc xương, mà dung mạo nhan sắc Sư không biến đổi, vẫn ngồi kiết già như cũ, bèn sơn phết thêm trên thân hình Sư.

Từ khi xuất gia nhập đạo về sau, Sư thường chỉ mặc ba pháp y mà thôi, không mặc các thứ gấm lụa, vì thương tổn sinh mạng. Sư lại mặc áo vải bố qua nhiều năm tháng, bám bặm rách rưới, ai thấy cũng đều chạnh lòng. Bấy giờ, gặp lúc mùa đông đang giá rét, bỗng nhiên Sư bặt rên rỉ, cởi bỏ cả ba y, ngồi để bày lưng. Lạnh buốt khó chịu nổi, Sư bèn lấy một lớp y đắp lên thân, bèn cảm thấy ấm lại. Sư bèn tự khuyên rằng: "Ngươi cũng dễ lừa dối, trước sau đều lạnh, đều là một chiếc áo, vì sao lại dễ cướp đoạt, bèn cảm thấy ấm. Ngươi không đáng tin, ta sẽ làm thầy ngươi". Hoặc có lúc Sư muốn vá áo, dùng vải đắp lên, muốn vá thêm, thì liền nhập định. Sau khi xuất định bèn thâu lấy mà đi khất thực. Trong đời Mạt pháp đem sự chết để sinh ra Đạo Nghiệp thì ít có người tiếp được dấu vết. Tôi (Đạo Tuyên) đã từng tham dự công việc phiên dịch, gần gũi hỏi han chư tăng vốn là người Tây Vực, đều dùng giạ bố mà làm áo ca-sa, không hề sử dụng các thứ lụa là, nếu như có dùng thì dùng ở các loại y phục khác, không được thêm thọ trì. Ở các nước Quy-tư, Vu-tuần, v.v... hiện nay nuôi tằm chỉ để lấy tơ, cũng không giết hại. Nên biết hạnh từ bi cứu giúp của Sư đồng với phong hạnh của Hành Nhạc. Trước kia đã nói rộng, sợ mê lầm nên nêu lại. Ngoài ra các thứ y phục khác, đâu thể nói được.

Thử Luận Bàn:

Trộm nghe rằng: xem thường sự sống, vì tiết tháo mà hy sinh tánh mạng. Từ xưa cho đó là khó, nếu được khỏi thì cũng không hổ thên. Ở đây cho là dễ. Lời truyền của người có chí khí hay người thường đều nêu bày phong du. Ngôn ngữ của các bậc Thượng đạt, Hạ đạt rõ nêu kinh điển. Đều do vì ẩn tàng khuôn phép dong độ, mở dẫn tinh linh, chỉ có Đạo là tôn quý, chỉ có Đức là sinh mọi vật nên có thể quên cả thông

bít, dứt bặt phải quấy. Hiểu được nguồn gốc của lưu chuyển, thấu suốt đầu mối điên đảo. Ấy là bậc Đạt nhân. Biết được sự giả hợp của thân mạng như bụi trần vô tánh. Xét soi mạng số như dòng chảy, chỉ do tâm sinh diệt. Từ đây trở xuống đều là sống Huyễn, làm sao có trí người mà thường giữ mãi được. Nhưng gá sinh ở đời, buộc lấy chưa mất, nương lấy nhân rộng để làm sạch tâm mê hoặc. Hoặc bẻ gãy để thêm sự não nhục, hoặc ức chế làm việc tôi hèn, hoặc thiêu đốt để nhổ nguồn tham, hoặc mở xé để thấu cùng gốc Si. Buộc thân làm đuốc để thấu đạt đường mê, đốt tay tỏ sáng để bày báo ân đức. Các tướng ra đèn vào sắt, dấu vết như rừng. Hay chất chứa núi thịt biển sữa, nghe đủ lời răn trước. Đó đều là nhổ ngược cội rễ rộng lớn của Ngã, hiển bày vùi lấp thân hình đáng nhàm chán. Đem nhà mục rã sắp đổ để đổi lấy pháp thân Kim Cương. Trong kinh chẳng nói đó ư? Thật là lời chí thiết!

Vật báu quý nhất trong sự sống, chính là thân hình, nhưng so so lường thì chỉ có mạng. Đức Đại Thánh lập ra giáo pháp chẳng lẽ dối bày ư? Nên Bồ-tát Dược Vương là bậc Thượng Hiền thiêu thân, do đó mà phát nguyện cùng khắp. Với hàng hạ phàm kính mến sự rực sáng thì thà không mất tâm. Nên Sa-môn Tăng Nhai vững thân trong lửa dữ, lời tiếng vẫn không đổi thay. Sa-môn Đại Chí áp cánh tay vào sắt nóng mà tinh thần tiết tháo càng mới. Sa-môn Huyền Giác gieo mình xuống dòng sông, tuy được cứu vớt ra nhưng ném mình vào lại. Sa-môn Pháp An bỏ mạng nơi tù tội, tuy được thả ra nhưng lại tự vào. Vậy đủ biết, tiết tháo không thể bị cướp đoạt, chí hạnh chẳng thể cản ngăn. Thật đáng mừng thay! Rất khó làm việc ấy. Lại có vị kéo ruột vắt lên cành cây, tướt thịt ở trong rừng, kề mũi dao mà sắc mặt vẫn an nhiên, mỉm cười mà nhận chịu sự khinh nhục, đều như trong Bổn Kỷ, lại đáng mừng thay. Nhưng bậc chánh sĩ chứng đắc Tứ Quả thiêu đốt thân mình mà lánh sự phỉ báng, đồ chúng tám ngàn nhận chịu hình quyết. Hộ pháp mà trốn cõi Nhẫn. Ấy do năng lực gì mà lên nguy hiểm, đây là tình gì mà thoát khỏi khổ? Tự chẳng nghĩ nhớ, làm sao rộng cứu giúp thực hành dứt bặt ngã nhân. Quán xét sắc tướng là bụi trần nhóm họp, thấu đạt tánh mạng chỉ như đèn trước gió nên có thể theo vết các bậc tiền Thánh. Thật đáng chỗ nương nhờ của thời Tượng Pháp, Mạt Pháp!

Hoặc có người hỏi rằng: “Người nhàm chán sự sống thì nên nhổ bỏ nhân sinh. Há dứt quả khổ mà bẻ gãy gốc Tập ư?” Đó là chưa nghe yếu chỉ nên xin vì trình bày. Hễ lập ngôn như thế thì không gì chẳng thường xảy ra. Vả lại, Nhân Tập kéo dài, như tướng thuộc của núi. Ngã là gốc Tập như chờ đợi sự dẫn dắt của mây khói. Sự sống chỉ quý trọng

ở Thân, tùy quý trọng mà thực hành đối trị. Như bệnh ở trong đời theo thân mà bày phương thuật. Cho nên thiêu đốt hay nhận chìm là để biết tham sân, ghét bỏ luống dối để đánh tan si mạn. Nghiệp hạnh ấy đáng chuộng đồng như Tĩnh quán mà duyên với Sắc tâm, Đạo ấy đáng tôn sùng. Ngang bằng với tức Hữu mà làm Không. Hẳn là do mê lầm dấu vết, nên cho là Ngã có khả năng hành động, đảo vốn càng nhiều mà luống hành nhóm khổ. Nên thọ trì một câu kinh hơn hẳn xả bỏ nhiều thân. Thực chất lời đồn ấy ở trong đời chính chỉ cho hạng người ấy. Chỉ bởi bệnh nghe mà không thực hành, lại thêm thường thất buộc, đâu như dứt bỏ dần các chi tiết, trừ từng phần trăm chấp trước. Thánh giáo bao la, nghĩa bao gồm tri lượng, tự có năng lực phân biệt hư liệt, vọng dám nghĩ ngang bằng. Hoặc rên rỉ gào khóc đến chết, hoặc nhanh nhẹn mà bị nạn. Lời bình trong tuyện trước, thì đời nào không có? Lại có chưa rõ về giáo tích, dâm não buộc ràng ngăn bít, sợ sai sót ở đầu chương, cắt theo yêm lệ, khoe dối lấy làm Đức, khinh thường tăng luân. Thánh giáo khoa trị phải có yếu chỉ sâu mầu. Chỉ bởi yêu thích mà sinh khởi dối vọng, biết vọng thì Ái Không thể theo. Không hiểu trở lại thất buộc nội tâm mà mê lầm vót bỏ ngoại sắc. Nên căn sắc tuy vót bỏ mà nhiễm ái càng tăng thêm, rất làm chướng đạo, hiện đầy giới nạn. Cần phải thêm đó mà ruồng đuổi tội, sao dám nương tựa đó mà sinh khởi phước.

Lại có người lúc sắp qua đời để lại di quyết, bảo bỏ nhục thân ở dưới rừng, hoặc bỏ chìm dưới dòng nước chảy, giúp cho các loài chim cá. Hoặc chôn vùi dưới lòng đất sâu, làm phần mộ cao lớn, dựng văn bia ghi chép đức hạnh, hoặc nhân nơi sườn núi để rơi vào hang sâu, trông mong xa biết người. Hoặc toàn thân thiêu đốt bằng lửa chẳng lụy phiền thần thức của Đồng sinh. Hoặc xương tro bôi đắp thoa tượng để bày thân phụng cúng. Hoặc lóc da cắt mũi xẻo tai, gọi đó làdứt trừ trần lao, móc mắt, tháo các chi phần nói đó là bỏ hết tình dục. Đường lối như thế có rất nhiều. Do đó mà thứ lớp trình bày. Hễ vất bỏ thi thể nơi rừng mỏng, ít dứt trừ tâm bỉ lận. Các loài chim bay thú chạy lấy đó mà dứt trừ sự đói khát. Các vật u hiển lấy đó mà luân xông. Được bù đắp lẫn nhau, ít gồm cứu giúp, nên có trùng nhặng nhảy vọt trong ngoài, chim quạ theo đó mà mổ ăn vung vãi, mỡ lênh láng nơi gò hoang, làm tổn thương lòng từ. Nhưng ở Tây vực nguyên tắc an táng gồm có bốn cách: Hỏa táng tức là đốt bằng củi. Thủy táng là bỏ xuống nước sâu. Thổ táng là chôn cạnh sườn núi, Lâm táng là vất chỗ hoang vắng. Các bậc Pháp Vương, Luân Vương đồng y theo lễ hỏa táng. Ở đời vì theo thói quen nên các cách ít thực hành. Còn ở Đông Hạ lưu truyền chỉ nghe hai cách

Lâm táng và Thổ táng. Còn hai cách Hỏa táng và Thủy táng ở đời ít thực hành theo. Nên dùng ngói bịt ngu quan là mở đầu cho việc phế bỏ đốt bằng củi. Đến thời Hạ Hậu Thánh Chu thì thực hành việc áo quan bằng ngói. Người thời nhà Ân dùng hòm gỗ nhỏ và lớn sơn bịt lại. Đến thời Trung Cổ, Vua Văn Vương đề xướng nhân dục thành phép tắc, tuy sáng tỏ việc chôn cất mà thực hành vẫn còn ít. Nên gọi bọc xương khô, chôn lấp thịt thối nơi bờ đê để cất giấu. Vào thời Thượng cổ, mộ không có phần, chưa thông nhiều loại, rõ ràng đợi đến sau Lô Lăng, hiện tức Nhân Sơn làm Lăng. Đến thời Hạ Cổ cùng noi theo đồng thực hành Thổ táng, lăng xăng lắm nhiều khó có thể ghi hết. Nên tạm vót bớt. Nếu mới có Bia hàng ghi lời dẫn đến sự tiếp nối giềng mối trong sạch của đời sau, giảng khắp xây tháp, nêu bày công lao của tiền đức. Theo sự chỉ rõ của Kinh A-hàm thì đời càng sáng tỏ, còn chôn thi thể bên cạnh tháp, ưa chuộng xa rải ở bên Phường, gần dùng thoa xương, thật mới rỗng thông xiểm gá. Lại nhàm chán cắt đứt người đời, sống đưa vào rừng sâu, rộng thông báo với bốn bộ, mong còn cửu thỉnh. Đã mất tình gieo, cố gắng theo sự, các hàng Đạo tục ngợi khen, giúp theo cùng thúc giục, nhăn mày lo lắng không thôi. Buông thân xuống hang vực, y cứ theo luật thì tội đáng ở nhóm tụ đầu, luận về tình thì tùy được tại xá. Ngoài ra còn có lược bỏ thừa thải rườm rà. Tuy phù hợp với Cực giáo mà tâm còn bất tịnh, còn nhiều nhiễm đời. Có khả năng mở mang rộng lớn, không cậy khai hóa hôn mê, cho nên chẳng phải điều mà luận nói rõ được. Tự hãy quy hướng kính ngưỡng thanh tịnh thấu đạt. Mà ở đời hoặc có lắm sự vọng hành, bỏ ăn luyện thân để mong Vũ hóa, ăn bánh bột để thân thể bớt nặng nề. Hoặc hít thở sương móc, hoặc nhả nạp âm dương, hoặc nhờ thuốc để kéo dài tuổi thọ. Hoặc hành khí để thấu cùng đất trời. Hoặc kéo dài sự sống để đợi Đức Di-lặc ra đời, hoặc sợ chết mà cầu tà thuật. Vết tích đó có rất nhiều, đâu có đáng nghe? Đều là then chốt của các bậc tiên thánh, là sự vất bỏ của hàng Hậu hiền. Bèn lại khắp chương mong cầu tìm thưởng. Lúc tưới, mang bừa lớn lên núi cao, nhìn khí tốt của năm chi, vác mai đến vực, hướng sáng ngời của tám thạch. Cho Tả Đạo là Ngô Hiền, lấy dâm từ làm trọn chí. Rốt cùng chỉ theo tiểu phác, chưa khỏi bờ sinh, nhọc nương cửa Phật, luống hành một đời, thật đáng buồn thay. Vậy nên biết, Sinh tử kỳ hạn lớn, tự có số thường, phải là hàng Sơ quả trở lên, ngoài ra chưa luận rõ. Lại lấy phàm tâm trù tính các Thánh Đạo, chung thành ngu kết, biết sao chẳng làm, thế nên sự lay động của rừng lạnh, ngu trí nhân tỏ ngộ vô thường, xả bỏ sự sống mà còn nghĩa lớn, để mở nỗi lòng nhớ Đạo. Tướng của toàn thân toái

thân, phương của Quyền hành thực hành, nêu bày biết cơ của Diệu Hóa, thông cùng rộng lược của Đại Thánh. Nước trong có in bóng, trọn phiền lắm lời nơi chôn dày, tâm rỗng không nương cậy, thì mặc sự hành tàng của mọi vật. Đạo ấy chẳng cùng, lá nói lược.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 27 hết

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 28

CHƯƠNG VIII: ĐỌC TỤNG

(Trong chương này Chánh Truyện có mười bốn vị, phụ có bảy vị)

1/ Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu thuộc Thái Nhạc, thời Nguyên Ngụy.

2/ Truyện ngài Thích Pháp Kiến trụ chùa Ngũ Tầng ở Ích Châu, thời Nguyên Ngụy.

3/ Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đề ở Ích Châu, đời Tùy.

4/ Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tỷ thuộc Long Sơn, My Châu, thời nhà Tùy.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngộ ở Lam Cốc, thuộc núi Chung nam đời Đường.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Hiển trụ chùa Đạt Noa, nước Bách Tế.

7/ Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường (Hồng Viễn, Tăng Ấn, Trí Diệp)

8/ Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước Thọ ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

11/ Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô, thời Tiền Đường

12/ Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường (Trí Chứng, Tống Công)

13/ Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Tuyền thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường

14/ Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La-hán ở kinh đô, thời Tiền Đường (Pháp Đạt)

1- Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu:

Thích Chí Trạm là người ở Sơn Nhâm thuộc Tề Châu. Là đệ tử của tằng tôn ngài Lãng Công. Sư lập hạnh thuần hậu, ít việc ít nói, lấy nhân từ cứu giúp làm mục đích. Sư thường đến chỗ các loài cầm thú nhưng bầy đàn của chúng không bị náo loạn. Sư trụ chùa Hàm Thảo trong hang Thuý ở núi Nhân Đầu, chùa nầy do ngài Cầu-na-bạt-ma đời Tống lập ra. Sư lấp việc đọc tụng Kinh Pháp Hoa làm thường nghiệp. Ngày Sư sắp qua đời, Sa-môn Bảo Chí tâu với vua Lương Võ Đế rằng:"Vị thánh tăng đã chứng quả Tu-đà-hoàn hiện trụ chùa Hàm Thảo thuộc huyện Nhậm núi Bắc Sơn, hôm nay đã nhập Niết-bàn!". Các hàng Đạo Tục ở Dương Đô nghe ngài Bảo Chí báo lời ấy, đều từ xa hướng về kính lễ. Nên Sư thị tịch trong sự tĩnh lắng không các dư não, an nhiên tắt thở, hai tay mỗi bên duỗi một ngón. Có vị Sa-môn người ở Tây Thiên Trúc giải rằng: "Nếu người chứng đắc Nhị quả thì duỗi hai ngón tay. Lấy đó để nghiệm thì Sư đã chứng đắc Sơ quả." bèn rước về an táng ở núi Nhân Đầu, xây tháp thờ, dùng than đá bùn đắp, các loài chm thú không dám đến làm dơ bẩn, đến nay vẫn hiện còn.

Tại chùa Ngũ Hầu ở Phạm Dương, có vị Sa-môn mất tên họ, thường tụng Kinh Pháp Hoa. Lúc mới tịch, tạm an táng ở dưới bờ đê, sau dời cải táng, xương cốt đều khô hoại, chỉ còn chiếc lưỡi không hư rã.

Dưới thời Vua Võ Thành Đế (Cao Chạm 561-565) thời Bắc Tề, cạnh núi Đông Phán ở Tinh Châu, có người đào đất, thấy một chỗ đất mầu vàng nhạt, so với bên cạnh có sự khác lạ, sau đó thấy một vật hình dáng như hai cái môi, bên trong có một chiếc lưỡi mầu đỏ hồng tươi đẹp, bèn tấu trình sự việc ấy lên vua. Vua hỏi các vị thông hiểu, không một ai biết được. Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng tấu trình rằng: "Đó là tướng của người trì tụng Kinh Pháp Hoa được quả báo sáu căn không hư hoại, tụng đủ số ngàn biến thì có điềm ứng nghiệm như thế." Vua bèn ban sắc cho Trung thư Xá Nhân Cao Trân rằng: "Ông là người tín hướng, tự đến đó xem chắc chắn có linh dị, nên rước về tôn trí chỗ thanh tịnh, thiết trai cúng dường." Cao Trân vâng sắc đến đó, nhóm họp các vị Sa-môn thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, khiết trai thanh tịnh, bưng lò hương đi nhiễu quanh mà chú nguyện rằng: "Bồ-tát nhập Niết-bàn thời gian đã lâu, lưu hạnh trong thời Tượng Pháp, mong không sai lầm, xin hiện cảm ứng: "Vừa nói như thế thì môi lưỡi ấy đồng một lúc chuyển động, tuy không phát ra tiếng, nhưng trông hình tướng dường như đang đọc tụng. Mọi người trông thấy không ai chẳng nổi ốc. Cao Trân bèn

viết trạng văn tấu trình lên vua, vua ban sắc bảo làm hộp đá, tôn trí vào trong đó rồi rước về hang núi.

Lại nữa, dưới thời Nguyên Ngụy ở Bắc Đại, có Thiền sư Thừa là người thọ trì Kinh Pháp Hoa siêng năng chẳng biếng trễ. Sau khi thị tịch thác sinh vào nhà Họ Tiết ở Hà Đông làm người con thứ năm. Vừa sinh ra đã nói được ngay, tự tỏ bày về việc ở đời trước, chẳng muốn sống trong thế tục. Cha Sư là người đang làm chức Thứ sử Tứ Châu ở phương Bắc, Sư bèn theo cha đến chùa Thất Đế ở trong núi, sau đó, gặp được vị đệ tử ngày trước. Sư bảo rằng: “Ông có nhớ việc theo tôi qua sông đến Lang Sơn không? Thiền sư Thừa tức là thân ta, bàn thờ trong phòng nên mau dẹp bỏ đi”. Cha mẹ Sư sợ Sư xuất gia, bèn cùng đưa về nhà. Sau đó, Sư quên hẳn mọi việc ở đời trước mà thường sinh tâm nhàm chán, thường sống trong sự tĩnh lắng.

Vào những năm đầu niên hiệu Thái Hòa(477) thời Bắc Ngụy, ở Đại Kinh,có vị Hoạn quan tự bùi ngùi xót thương dư hình, không bằng mọi người, bèn tấu trình xin vào núi tu đạo, vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành) có ban sắc chấp thuận cho vị Hoạn quan ấy bèn mang theo một bộ Kinh Hoa Nghiêm, ngày đêm đọc tụng lễ sám không nghỉ. Đầu mùa Hạ vào núi, đến cuối tháng sáu thì râu tóc đều mọc trở lại tướng trượng phu. Bèn từ xa viết trạng văn tấu trình về. Vua Cao Tổ tin kính, bỗng thấy kinh hãi ngờ lạ càng gấp bội thường ngày. Bấy giờ, cả nước chỉ một bộ Kinh Hoa Nghiêm nhờ đó mà càng hưng thạnh. Sự tích nầy thấy trong “Hầu Quân Tố Tinh Dị Ký”.

2- Truyện ngài Thích Pháp Kiến, ở xứ Ngũ Tầng ở Ích Châu:

Thích Pháp Kiến, là người xứ Lạc Huyên thuộc Quảng Hán, họ Chu. Sư đọc tụng một ngàn quyển kinh. Nhưng có lúc nhàn rỗi, Sư vào trong thế tục không khác biệt gì, bỗng nhiên Sư trở lại đóng cửa nhiều ngày không ra, chẳng ăn uống gì. Chỉ nghe Sư tụng kinh mà lời tiếng nhỏ nhẹ ngâm nga không vang ra ngoài. Có người đến kề tai sát vách trộm nghe thì chỉ nghe gắng gỏi lý trí dường như nhả sóng của dòng nước nằm úp. Lúc mới phát ra thì đuổi theo không nghe.

Bấy giờ, Võ Lăng Vương theo hướng Đông đi xuống, bảo em là Quy trấn giữ Ích Châu. Nhà Ngụy sai Tướng Quân Uất Trì Huýnh đến đánh đất Thục, quy đã hàng phục khoản. Khắp trong thành, các bậc danh tăng đều bị bắt cấm. Đến tối bỗng thấy phát ra ánh sáng rực rỡ. Huýnh bèn sai người tìm theo ánh sáng, mới thấy chư tăng đều ngủ chỉ riêng mình Sư ngồi thẳng tụng kính, ánh sáng đó từ trong miệng Sư

phát ra. Huýnh nghe thế, tự đến chỗ Sư, đảnh lễ ngồi nghe, đến sáng sớm mới nghỉ. Huýnh hỏi Sư rằng: "Đêm qua Pháp sư đọc tụng đó là kinh gì?" Sư đáp: "Tụng Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ mười trong pho hạ". Húynh hỏi: "Pháp sư tụng đã được bao nhiêu quyển?" Sư đáp: "Bần đạo phát tâm muốn tụng đọc một tạng kinh. Nhưng tâm còn nhiều biếng trễ nên nay mới được một ngàn quyển". Huýnh kinh nghi không tin, muốn thử Sư nên bảo rằng: "Chịu tụng tất cả một biến, không tổn nhọc ư?" Sư đáp: "Tương tục đọc tụng kinh điển là việc thường của Sa-môn, đâu sợ khổ nhọc". Húynh bèn bày tòa cao, bảo tất cả chư tăng đều cầm bản kinh dò nghe theo. Sư lên tòa đọc tụng, hoặc dường như dòng nước đổ mau từ núi cao xuống vực thẳm, Sư nhả nạp âm cú hít thở hơi khí như loại gió trong lành vào thông cao. Người thông minh vừa nghe được dư âm, kẻ sơ tình vượt ý như ngóng giữa hư không luẩn quẩn mảy trần. Suốt bảy ngày bảy đêm thì đủ số một ngàn quyển, Sư còn cố chẳng ngưng. Huýnh đứng dậy lễ tạ thưa rằng: "Đệ tử lo việc Binh tướng không được dừng ở lâu dài, xin ngay đây được từ giã!" Chư tăng nhân đó đều được thả hết. Sau khi ra rồi, Huýnh than thở rằng: Sau khi Đức Như Lai diệt độ, Tôn giả A-nan là người được gọi là Tổng Trì, há có thể hơn Sư ư? Trong đất Thục mới có người như thế, do đó, thường được bảo trọng an vui, thật kỳ đặc thay! Kỳ đặc thay!"

Về sau, Sư thị tịch lúc tám mươi tuổi.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đề ở Ích Châu:

Thích Tuệ Cung, là người xứ Thành Đô thuộc Ích Châu, họ Chu. Đến cuối thời Bắc Chu, lúc Phật pháp bị phá hủy. Sư cùng Sa-môn Tuệ Viễn ở chung chùa đồng kết bạn siêng năng tu học. Ngài Tuệ Viễn đi thẳng đến Trường An tìm cầu tham học. Còn Sư thì đến Kinh Dương hỏi đạo. Ngài Tuệ Viễn ở kinh đô, nghe học Luận A -tỳ-đàm, Ca-diên, Câu-xá, Địa Trì, Thành Thật, Tỳ-bà-sa, Nhiếp Đại Thừa, v.v... đều thông hiểu rồi về lại Ích Châu giảng dạy, cao vợi khác thường nên rất được các hàng Đạo tục kính trọng, dâng cúng rất nhiều.

Sau đó, Sư theo đường Giang Biểu trở về, hai người gặp nhau vui mừng hân hoan. Cách biệt nhau đã hơn ba mươi năm, nên cùng nghỉ lại qua vài đêm, nói chuyện đàm đạo. Ngài Tuệ Viễn nói năng như thác tuôn đổ, còn Sư nín lặng không hề nói một lời. Ngài Tuệ Viễn hỏi Sư rằng: "Xa cách nhau thời gian đã lâu, nay được gặp nhau, Sư mừng vui này hân hoan như hội, làm sao có thể bàn, nhưnh sao Nhân giả không nói năng gì, hay là chẳng được vô sở đắc ư?" Sư đáp rằng: "Vì tánh

ám độn yếu mềm nên đều không hiểu biết gì cả!” Ngài Tuệ Viễn nói: “Lớn lao thì không hiểu được, chứ há không tụng được một bộ kinh ư?” Sư đáp: “Chỉ tụng được một quyển Kinh Quán Thế Âm thôi.” Ngài Tuệ Viễn nghiêm sắc mặt nói: “Kinh Quán Thế Âm, trẻ con đều có thể tụng đọc được, đâu phiền nhọc đến người lớn ư? Vả lại, nhân giả xuất gia từ tuổ nhỏ cùng Tuệ Viễn tôi đồng lập thệ nguyện mong chứng đạo quả. Há lại hơn ba mươi năm chỉ tụng được một quyển kinh bằng cỡ ngón tay, đó chẳng phải là ám độn cũng bởi lười biếng tạo nên, xin đoạn giao và mong Pháp sư hãy sớm rời khỏi nơi đây để đỡ tăng phiền não đối với Tuệ Viễn tôi.” Sư nói: “Quyển kinh tuy nhỏ, nhưng từ miệng Phật nói ra. Nếu người vâng kính thì được phước vô lượng, còn người xem thường khinh mạn thì mắc tội vô lượng. Cúi mong tạm dừng tâm sân, tôi sẽ vì Pháp sự mà tụng một biến để giã biệt mãi mãi!” Kinh Pháp Hoa, Tuệ Viễn tôi đã giảng qua số trăm biến, vì sao lại muốn làm náo loạn tai người ư?” Sư nói rằng: “Ngoại thư có nói” người có khả năng mở mang Đạo, chẳng phải đạo mở mang người.” Chỉ nên dốc lòng lắng nghe lời Phật, đâu được vì người mà bỏ Pháp ư?” Bèn ở trước sân lập đàn, trong đàn an trí tòa cao, Sư đi nhiễu quanh đàn vài vòng, đảnh lễ rồi lên tòa cao. Ngài Tuệ Viễn bởi việc chẳng đặng đừng nên ngồi trên giường người Hồ ở phía dưới, để lắng nghe. Sư vừa xướng tựa Đề kinh thì có mùi thơm lạ lan tỏa khắp phòng. Đến lúc Sư tụng vào văn kinh thì trên trời trỗi nhạc, rải bốn thứ hoa như mưa. Nhạc thì xa rõ vang vọng giữa hư không, hoa thì như tuyết lả tả rơi khắp đất. Tụng Kinh xong, xuống tòa, Sư tự mở tòa phạm xong rồi thì hoa nhạc mới dứt. Ngài Tuệ Viễn liền ôm chân Sư mà đảnh lễ, dòng lệ tuôn rơi, sám tạ rằng: “Tuệ Viễn tôi như thây chết dơ bẩn dám đi dưới mặt trời, xin tạm lưu lại ban cho lời dạy răn!”. Sư nói: “Chẳng phải khả năng của Tuệ Cung tôi, mà là oai lực của Chư Phật!”. Và ngay ngày đó, Sư rũ áo vái chào, men theo dòng nước mà đi.

Sau đó, có người hỏi, nhưng không ai biết Sư đi đâu, ngôi chùa đó từ lâu đã đổ nát.

4-Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tỷ thuộc Long Sơn, My Châu:

Thích Pháp Thái, là người huyện Long Sơn, họ Lã. Lúc đầu, Sư làm Đạo sĩ hơn mười năm, đến tuổi trung niên, bỗng nhiên Sư tự ngộ hồi tâm về chánh giác, nhân đó bèn xuống tóc xuất gia.

Ban đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, bỗng nhiên được lanh lợi, bèn

tinh tấn viết chép được một bộ Kinh Pháp Hoa, có vài lần ứng hiện điềm linh, Sư muốn đem đến Ích Châu để tô điểm nên nhờ một người mang gánh đi, một đầu là rương tráp đựng đầy hai ngàn quan tiền, bó buộc kinh đặt để trên tiền, một đầu là y phục. Vừa gánh đi đến vùng đất tên là Tạc Kiều, bỗng nhiên cầu bị gãy, Sư đang đi theo sau, còn người mang gánh bị rơi xuống nước, người nổi được lên khỏi nước, còn gánh chìm mất không thấy. Sư đứng trên bờ đấm ngực gào khóc rằng: "Tiền bạc và y phục đâu phải là nhàn sự, sao bỗng nhiên chìm mất kinh?" và liền lớn tiếng tuyên bố rằng: "Nếu ai tìm vớt lên được, sẽ thưởng tặng hai quan tiền." Khi đó có người nghe thế, bèn cởi áo nhảy xuống nước tìm kiếm qua mấy lần, ra vào chỉ có được tiền và y phục, chứ không tìm thấy kinh. Sư lại càng buồn khóc, đi quanh trên dưới bờ, trông thấy trên bãi đất nhỏ có một cái khăn, bảo người đến lấy xem, thì đó chính là kinh được các thứ cây cỏ nâng đỡ lên, khô ráo không một chỗ thấm ướt. Sư không ngăn nổi sự vui mừng, liền đem hai ngàn quan tiền đó thưởng tặng cho người giúp vớt tìm. Người ấy nói: "Pháp sư buồn khóc quá lắm, như chịu tang cha mẹ, cho nên tìm gấp, chẳng phải đệ tử tham tiền. Tuy là hạng người tầm thường nhưng cũng biết phước báo, nên xin sung đặt số tiền ấy vào việc trang nghiêm." Nói xong liền trốn đi mất, Sư xoay lại muốn nói thì người ấy đã đi xa rồi. Sư bèn đến Thành đô để trang hoàng, dùng gỗ Đàn hương làm trục, bên ngoài mang đến pho và hộp, đem về trong Bổn tự thờ riêng ở một nơi. Đêm đêm có mùi hương lạ. Sư siêng năng trì tụng mỗi đêm một biến.

Bấy giờ, có Pháp sư Bưu đang giảng tại chùa đó, ban đêm muốn đến xem Sư đọc tụng, thường ganh ghét Sư náo loạn tâm mình, tự muốn sang xin Sư giảm bớt âm thanh, mới thấy trước mặt Sư có rất nhiều người đều qùy thẳng chấp tay. Pháp sư Bưu bèn lùi lại, khắp nơi đổ mồ hôi, và liền dời chỗ ở. Về sau, Sư tịch lúc tám mươi tuổi.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngộ ở Lam Cốc:

Thích Tuệ Siêu, họ Thẩm, người ở xứ Kiến Khương thuộc Đan Dương. Sư có bản chất ôn hòa rộng rãi, lập tánh hoài nhân.

Từ lúc còn nhỏ, Sư đã nhàm chán thế tục. Sau khi xuất gia, Sư chuyên đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Nghe Thiền sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô thuộc Quang Châu là người đã tỏ ngộ Nhất Thừa, khéo thông hiểu ba Quán, nên Sư cùng với ngài Trí giả ở núi Thiên Thai và Mạng Công ở Tiên Thành dốc chí tìm sâu, qua nhiều năm cầu học, Sư có được hạnh nghiệp ưu việt, trí tuệ cao xa, đức trùm cả các bậc Hiền giả đương thời,

nên ngài Tuệ Tư đối trước đại chúng bảo rằng: "Thần Phủ của Tuệ Siêu là người đắc Nhẫn!". Đến lúc đi đến Hoành lãnh, lại cùng đồng đường lưu lại tụng kinh. Sư dừng ở chóng đổi dời năm tháng. Từ đầu đời Tùy mở mang nghiệp định, từ phương Bắc Sư đến Tung Cao, chỉ ăn bánh bột thuốc, ngồi thiền, mong lời đến trọn đời già lão. Có Thái tử Dũng thỉnh mời nhóm họp các bậc danh đức đều tụ hội tại Đế thành, vì Sư là người có hạnh nghiệp cao vượt khác thường nên rất được đặc biệt lưu tâm cúng dường. Mà Sư cẩn trọng ngưng nhiếp, chẳng đoái hoài đến vinh hoa ở đời. Đến lúc Thái tử Dũng bị phế miễn, Sư không một liên can gì.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Định Thủy, cao bày đức âm, nên các hàng đạo tục đều quy về kính ngưỡng giới Phạm của Sư. Pháp Sư Tịnh Nghiệp dự định trụ chùa Chân Ngộ ở Lam Cốc kính trọng Sư có đạo hạnh nên đích thân đến đón rước, cùng ẩn cư suốt tám năm, Sư càng chuyên cần gấp bội về ba tuệ. Đến niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, chùa Đại Thiền Định bắt đầu xây dựng Vua Dương Đế (Dương Quảng) bèn phát chiếu thư thỉnh Sư vào hành đạo, Sư từng lấy cớ châm kim đá để chữa bệnh mà từ chối. Sau đó, Vua chấp thuận để Sư trở về núi. Đức hạnh Sư cảm đến chúng sinh, rất còn cấp dẫn, các hàng quý vọng ở Tứ Xuyên, Quan dân cả huyện không ai chẳng đầu thành thỉnh Sư lưu truyền hương đức, đồng thời làm Già-lam Kinh Thỉ kế tiếp hợp dâng gạo thóc. Đến đầu thời Tiền Đường, sự vẻ vang của Sư càng hơn trước, nên các bậc danh tăng ở Kinh Ấp như Sa-môn Tuệ Nhân, Bảo Cung, v.v... tâm kính mến đều đến nương náu, dưới bóng thông che nằm nghiêng trên đá luận bàn về Đạo nghĩa. Các vị đều nói: "Đây mới thật là Pháp Lạc xuất yếu!". Về sau, Sư bị bệnh một thời gian ngắn. Các Đệ tử qùy hỏi, Sư đáp: "Tôi vẫn thường, sống lâu không mừng, tối chết chẳng lo!". Bèn xoay mặt về hướng Tây, ngồi ngay ngắn, bảo rằng: "Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh Trí Quán". Nói như nhập Định, giây lâu thì Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng sáu tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường.

Để nhục thân Sư giữa khoảng thông đá hơn một tháng, mà sắc da không biến đổi. Thiên Sách Thượng Tướng nghe thế, khen ngợi ít có, và sai phái người đến xem, thấy Sư ngồi thẳng khoanh tay như lúc còn sống. Từ năm chín tuổi, Sư vào đạo, liền trì tụng Kinh Pháp Hoa suốt hơn năm mươi năm tất cả có hơn vạn biến, cảm ứng linh dị, có được các điềm lành không thể nói hết. Các đệ tử của Sư như Sa-môn Pháp Thành, v.v... xây tháp trắng trên núi ở phía bắc chùa.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Hiển trụ chùa núi Đạt-noa ở nước Bách-tế:

Thích Tuệ Hiển, là người nước Bách-tế, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư khổ tâm tinh chuyên, lấy việc trì tụng Kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp, cầu phước thỉnh nguyện có lắm điều thành đạt. Nghe có nơi giảng tam luận Sư bèn theo thọ học, giáo pháp vừa nhập thần thì càng thêm đầu mối.

Lúc đầu, Sư trụ chùa Tu Đức ở miền Bắc của bổn Quốc. Lúc có chúng đông thì giảng, không có chúng thì trì tụng. Mọi người khắp bốn phương xa nghe đạo phong của Sư kéo nhau đến núi thưa hỏi tiếp nhận. Sư bèn đến phương Nam ở núi Đạt-noa. Núi đó rất sâu hiểm, nhiều lớp xoắn quanh lên đảnh vững chắc. Giả sử có ai đến leo lên cũng lắm gian nguy. Sư tĩnh tọa trong đó, chuyên nghiệp như cũ, sau Sư thị tịch tại đó. Các bạn đồng học rước nhục thân Sư đến đặt trong hang đá, hổ đến gặm ăn hết cả thân cốt. Chỉ lưu lại đầu lâu và chiếc lưỡi, trải qua ba năm chiếc lưỡi ấy càng đỏ hồng mềm mại, về sau mới biến đổi sắc da mầu tím như đá. Các hàng Đạo tục lấy làm lạ mà kính trọng, bèn đem tôn trí bít lại trong tháp đá.

Sư thị tịch năm năm mươi tám tuổi, nhằm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường.

7- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu:

Thích Đạo Tích, là người đất Thục trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu. Sư tụng đọc thông suốt Kinh Niết-bàn, lúc bình thường, Sư lấy đó làm hạnh nghiệp thường.

Hễ lúc nào giảng dạy thì trước tiên, Sư tấm gội thân mình đắp mặc pháp y thanh tịnh, lên pháp tòa rồi mới mở bày. Sư lập tánh trầm lắng tư duy, chuyên làm việc nhân từ. Những nơi có các thứ bệnh tật dịch lệ thối tha, hơi khí ấy lại bốc nồng, mọi người đều bịt mũi, mà Sư cùng gần gũi để cung cấp chăm sóc, thân tâm không hai. Hoặc sử dụng ăn mặc chung với họ, hoặc vì đắp vá tẩy rửa. Lúc có người hỏi, Sư đáp: "Thanh tịnh hay dơ bẩn đều do tâm ưa ghét, tôi đâu một niệm thần lự ư? Phải nương cậy đó mà đào luyện". Mọi người đều kính mến việc làm của Sư mà bệnh hoạn chẳng hề xâm nhập vào Sư.

Đến tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước thành, thọ hơn bảy mươi tuổi. Bấy giờ, đang lúc mùa Hạ nóng đốt mà nhục thân Sư không thối rữa, lưu lại cả

trăm ngày mà vẫn ngồi kiết già như lúc ban đầu, mọi người đều khen ngợi kính ngưỡng, bèn đến sơn phết. Sinh tâm cung kính từ Ba thục đến Kinh ấp, chư tăng thọ trì Kinh Niết-bàn, số ấy chẳng ít.

Lại có Sa-môn Hồng Viễn, Tăng Ân đều là những vị trì tụng Kinh Niết-bàn, mà các hàng đạo tục đều quy hướng. Ngài Hồng Viễn chí chuộng thuần ân, tâm tình xả bỏ tất cả lợi danh, được cử vào chùa Hội Xương, cung cấp lễ trọng. Ngài Tăng Ân đạo tâm thanh tịnh trang nghiêm, tạo thành tiết tháo làm rung động lòng người. Cả hai chùa Hoằng Phước và Thiền Định đều tôn sùng đức hạnh của Sư. Mà ngài nhún mình tự xử, các hàng thế tục ít biết.

Bấy giờ, tại chùa Hoằng Phước cũng có Sa-môn Trí Hoa, Sư vốn giòng họ ở Giang Biểu, dưới đời Tuỳ được mời vào. Sư rất ưa thích Kinh Pháp Hoa, Trấn thường sao viết. Các vật ngoại lợi có được, Sư đều dùng bố thí cho mọi người. Trước sau, Sư xuất ra có hơn hai ngàn bộ kinh. Thân Sư tự cố gắng mỗi ngày viết chép năm trang giấy. Đến tuổi già yếu, hạnh nghiệp ấy Sư vẫn không biếng trễ. Hiện nay, Sư đảm nhậm tất cả công việc chùa, lại càng siêng năng hạnh nghiệp thường ấy, nay Sư đã hơn bảy mươi tuổi.

8- Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước thọ ở Ích Châu:

Thích Bảo Quỳnh, họ Mã, người ở xứ Miên Trúc thuộc Ích Châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, thanh bạch kiệm ước. Sư đọc tụng Kinh Đại Phẩm cứ hai ngày một biến, lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Sư đến khắp ấp lạc, không có phương thuật gì khác, chỉ khuyên mọi người quy hướng tôn kính Phật Pháp.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Phước Thọ ở Châu Trị, dẫn khuyên khắp thành quách, xóm ấp làm đầu. Sư thường kết mỗi ấp ba mươi người, cùng nhau hợp tụng Kinh Đại phẩm mỗi người một quyển. Mỗi tháng thiết trai một lần nhóm họp tất cả, mọi người đều y theo thứ lớp mà tụng, như thế tại Nghĩa ấp mới đủ ngàn kế. Khắp bốn phương xa mọi người nghe thế đều đến tham dự. Sư nhân cơ duyên mà trao truyền khai hóa. Nhìn đạo phong của Sư, không ai chẳng kính phục. Nhưng Sư nhún mình, tự giữ trước người sau mình, kinh hành bít chợ, mọi người dưới đường đều tránh né. Nói hỏi đối đáp, lời lẽ vui vẻ khiêm kính, đó là thật lượng, chẳng dua nịnh theo thời.

Bổn ấp của Sư giáp với các huyện Thập Phương, v.v... đều là Đạo Dân (tín đồ của Đạo giáo) chẳng kính tin Phật Pháp, Chư tăng có đến

nương nhờ, đều không dung chứa ban thí, đến nỗi khiến mọi người già trẻ đối với tôn tượng Sa-môn mà không nhận biết thì có rất nhiều. Sư tuy là người thuộc xứ ấy nhưng vì tập tục khó thay đổi, có nhọc khai ngộ cũng khó thọ nhận. Các dòng tộc họ Lý mở các Đạo Hội thỉnh Sư đến tham dự. Sư đến đã sau, lại không kính lễ mà ngồi. Mọi người đều cho rằng: "Sư kính lễ Thiên tôn tức là trái pháp." Sư bảo: "Đạo tà chánh có khác, nên sự kính trọng mỗi đạo cũng có khác. Đối với Trời tôi còn không lễ bái, huống gì là Lão Quân". Mọi người bàn luận lăng xăng rất đỗi xem thường. Sư bảo: "Tôi lễ bái người chẳng đáng lễ bái, sợ chuốc lấy điều nhục." Sư bèn lễ một bái, Đạo tượng và tòa đều lay động không an. Lại lễ thêm một bái, tòa liền sụp đổ xuống đất. Đạo dân thấy vậy là do gió thổi mạnh và sửa lại ngay ngắn. Sư bảo: "Đó là do tôi làm, chớ oán trách gió". Lúc đầu mọi người chưa tin, khi đã đặt lại ngay ngắn, Sư lại lễ bái, cũng đổ ngã tất cả như trước. Cả chúng đều kinh sợ, chắp tay lễ kính Sư, cùng một lúc xoay chuyển niềm tin, theo thọ quy giới. Các Đạo Đảng ở huyện lân cận đều khen ngợi, đều kính tin Phật pháp. Bấy giờ, đã mở đầu khai hóa Phật giáo, mọi người đều thọ giới Bồ-tát. Huyện Lệnh Cao Đạt vốn có tâm thành kính, nhân phong hóa ấy mà mở mang Phật Pháp dẫn dắt mọi người. Lại đến các chùa trong châu thỉnh mời chư tăng giảng dạy. Khắp vùng đều đượm Pháp vị, từ đó phát triển lớn mạnh.

Đến niên hiệu trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

9- Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn:

Thích Thiện Tuệ, họ Tuân, người ở đất ôn thuộc Hà Nội. Sư thông hiểu nhiều thứ sách vở, bao gồm tất cả Văn nghĩa, cho đến cửu chương Luật lịch, thất diệu doanh hư, Sư đều nằm lòng, chỉ lòng bàn tay phù hợp. Sư bèn tư duy sâu xa, tất cả mọi việc, ở đời cuối cùng đều rơi vào hoại diệt, bèn cởi bỏ áo đẹp, đồ trang sức, bắt đầu quy hướng Chư tăng.

Lúc đầu, Sư trụ chùa Bành Thành ở Trừ Châu, tụng đọc Kinh Pháp Hoa, học Luận Nhiếp Đại Thừa. Bấy giờ, gặp lúc giặc cướp lan tràn, đói kém hoành hành, nhưng Sư ân giữ sự đói khổ, tự cố gắng thanh tịnh, càng sáng sạch hơn ngày thường. Nhưng vì thôn ấp ở nơi biên địa, ít học chữ nghĩa, còn như âm cổ mà mọi người luận bàn rối rắm. Tuy là tục ngữ thì thông mà ý Sư lại nhã chánh. Thưa hỏi khắp các bậc thông minh tỏ ngộ thì lại đồng với nghi xưa. Nên khoảng cuối niên hiệu Đại

Nghiệp (617) đời Tùy, Sư mang tích trượng theo đi về hướng Tây, gặp phải bọn cướp lấy xiêm y sắp hết, Sư chỉ còn chiếc áo vải bố thô xấu để che mắt, vẫn ôm bình bát bị bể, thường sung vào vật tịnh để thọ dụng. Đã đến cửa quan ải, vốn thiếu dấu hiệu văn, Sư bèn giữ chánh niệm bước thẳng tới, đi theo cửa. Bấy giờ, trong ngoài đều sắp bày mũi nhận, không hề ngăn dừng.

Vào đầu tháng mười, Sư đến kinh đô, gặp lúc Sa-môn Cát Tạng đang giảng Kinh Pháp Hoa, rất xứng hợp với bổn đồ, Sư bèn nương tựa nghe học. Hình phục Sư đều rách xấu, mọi người đều không nhận, Sư bèn quét dọn đất, chỉ mặc quần đơn để ngồi. Đô giảng vừa xướng, Sư lắng nghe từ cú, phỏng định về văn Kinh. Ngài Cát Tạng đã nêu lên, tâm Sư mạnh mẽ tiếp nhận yếu chỉ, mong thông lý nghĩa, do tình còn hai được, chẳng rảnh chịu lạnh, vui cười hớn hở như mua được vật báu. Đến hết mùa đông, Sư vẫn thường như thế. Đại chúng bèn khen ngợi, hỏi về văn từ yếu chỉ, Sư không quên sót một mảy may. Sư nghe Pháp đồng thuộc chùa Thiền Định, Sa-môn pháp hỷ cởi áo đón đón rước dẫn đến trong phòng. Trí quán không lạm, Sư lại cùng ngài Pháp Hỷ, hai vị cùng nêu bày khuôn phép.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức thời Tiền Đường, Sư đến trụ chùa Tân Lương ở Lam Điền, phong tục ở đó vốn Ly Nhung, chống trái lẫn nhau, Sư bèn dẫn giúp đào luyện chuyển hóa, trong mười nhà có hết chín nhà. Nhưng tánh Sư mến thích anh hiền, ưa thích kéo đến, từ hướng tây đến hướng đông có hơn trăm dặm, các chốn núi rừng có tiếng tăm, vùng đất có thắng cảnh đều xây dựng Thiền phường. Do đó mà những người trốn lánh đều nương tựa đó mà an ở.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại tinh xá Lương Tuyền thuộc phía Nam Ly Sơn, thọ bốn mươi chín tuổi. Mới đầu, Sư ném bỏ sách vở thế tục, tới chỗ khuôn phép nầy, nói năng chẳng lặp lại, chuyên tâm với đạo nghiệp, ít nói giảm ăn, giữ luật, nhớ Nhân, đón rước lữ khách, nhã trọng kinh giáo, Sư không hề hầu thăm, cần tâm gần xét, như gặp hạnh yếu, nhiều ngày trì tụng để làm nền tảng của huân tập.

Bấy giờ, tại Thái Nguyên có Sa-môn Tuệ Đạt cũng tụng Kinh Pháp Hoa hơn năm ngàn biến, oai nghi cử chỉ âm thanh không ngưng nghỉ. Riêng bảo tồn vật mạng, đi thẳng nhìn xuống, nếu dưới đất có các loài sâu trùng thì Sư lánh mình tránh né. Không dám giẫm đạp qua. Nếu có người hỏi, Sư đáp rằng: “Các chúng sinh ấy cùng với tôi sinh tử bất định, nếu không trước thành Chánh giác, thì đâu thể vọng khinh thường?”

Đến tháng bốn mươi Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư ngồi kiết già thị tịch. Mọi người cho rằng Sư đang nhập định, bèn để yên trải qua năm đêm, dường như Sư đã thị tịch, lại chẳng thối rữa, bèn tôn trí trong hạng.

10- Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam:

Thích Pháp Thành, họ Phiền, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Từ thuở nhỏ, Sư xuất gia nương tựa chùa Vương Hiệu ở Lam Điền, thờ Sa-môn Tăng Hòa làm thầy. Ngài Tăng Hòa là người rất được mọi người trong hương tộc kính trọng, phụng thờ như bậc Thánh. Từng có người muốn hại, ban đêm đến phòng Sư, thấy phía trong cửa có lửa mạnh cháy sáng lên trên màn trướng, liền rút lui. Tánh ngài Tăng Hòa thích uống nước suối trong thanh khiết, có người đùa bỡn thầm đem xương Dê ngâm trong nước, ngài vốn không biết nôn uống vào liền bị ói. Đó là thầm cảm nhận biết là như thế.

Sư vâng theo sự dạy răn, siêng gắng đọc tụng Kinh Pháp Hoa làm việc thường. Sư lại đến bái yết Thiền sư Tướng ở chùa Thiền Lâm, học về Định hạnh, Đức của Sư lớn tốt, mọi người đương thời đều tôn kính, tu học lại ưu việt, đại chúng đều quy ngưỡng. Về sau, Sư đến trụ chùa Vân Hoa làm giềng mối chỉnh lý tăng chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng đức hạnh Sư, thỉnh vâng theo giới phạm, Sư bèn dâng biểu cố chối từ, buông lời kháng lễ, bèn mang tráp sách rong ruổi, đi khắp các Danh nhạc, tìm vết bạn ưu thắng, đều tiếp thừa chí đạo, nhân gặp được Siêu Công ẩn cư nơi sâu lắng, Sư bèn kết tâm mong nương gá ở Lam Cốc. Chỗ đất nhỏ hẹp, chỉ để được một chiếc giường, xoay chuyển kinh hành sợ nghiêng đổ xuống vực sâu. Sư bèn chẻ vết mở rừng, vạch mây gá cảnh, dùng cỏ tranh tu bổ rui cửa chỗ sơ, tình sự cùng nương nhau, an nhiên phù hợp. Nay gọi là chùa Chân Ngộ. Với Pháp Hoa Tam-muội, ngài dốc lòng phụng hành, gột rửa trong ngoài, ôn cùng sớm tối, Mộng Cảm Bồ-tát Phổ Hiền khuyên viết Đại giáo. Sư nói: "Đại giáo Đại thừa là trí tuệ của Chư Phật, đó chính là Bát-nhã." Liền ngay đó, Sư nhập tịnh hành đạo. lại ban cho Tượng nhân viết tám bộ Bát-nhã. Đài hương trụ báu trang nghiêm thành tựu. Lại đến đảnh núi rộng ở phía Nam chùa xây dựng giảng đường Hoa Nghiêm, phía hữu gần đến Tà Cốc, tuôn nhả mây mốc, nhìn xuống dưới là sấm sét, (Đạo Tuyên) tôi từng đi đến đó, thật là kỳ quan.

Sư lại dốc hết tinh chí viết chép thọ trì. Có Hoàng Văn Học Sĩ

Trương Tĩnh là người đương thời gọi là “Bút Công” (thợ viết) ít có ai hơn được. Sư bèn mời đến phòng nhà ở núi, bảo thọ trì trai giới, khiết tịnh tự tu, miệng ngậm nước thơm, thân mặc y phục mới, nhưng Trương Tĩnh đường dài viết kinh, chưa đầy năm mươi mốt. Sư liệu sự thấy ấy, vừa mới viết được vài trang giấy, liền đáp trả cho đó năm trăm. Trương Tĩnh có được lợi của vật ấy nên dốc sức ghi chép. Từ khi trọn Bộ hoàn thành đền nay, Sư thường mỗi ngày đốt hương cúng dường. Ở trước bàn án ấy, trong khoảng giây lát, tâm duyên mắt trông nhìn, tất cả không sai sót, nên Sư khắc tâm chuyên chú. Bấy giờ, cảm có một con chim hình sắc khác lạ ít có ở đời bay vào trong phòng nhà bồi hồi cổ vũ, sà xuống bàn kinh, lại nhảy lên trên lò hương, Sư vẫn nhiếp tĩnh trụ quán, tự nhiên con chim thuần quen ở lại sau mới bay đi. Qua năm sau, kinh hoàn tất, nhân việc mừng vui, chim ấy lại bay đến thuần nhiễu như trước kêu hót rõ ràng.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư tạo họa một ngàn pho tượng Phật, chim ấy lại bay đến đậu trên lưng người thợ, sau là thiết trai cúng dường kính mừng các kinh tượng. Đến giữa trưa hôm sau, lấy làm lạ vì chim không bay đến, Sư nhìn Sơm Sầm mà bảo rằng: “Chim đã không đến, Pháp Thành tôi không cảm, chẳng gồm các uế hạnh, đến nỗi có các điềm như thế.” Nói vừa xong, bỗng nhiên chim bay đến, xoay chuyển quanh, kêu hót trầm bổng, vào trong nước thơm nhảy nhót mà tắm, đến sau giờ ngọ, chim bèn bay đi. Trước sau có những việc như thế, chẳng thể ghi chép hết.

Sư vốn giỏi về bút mực, khắp cả Hương Khúc mọi người đều suy tôn như thế. Ở các nơi đường núi, vách hang đều khắc các bài kệ trong kinh, đều do nét bút của Sư. Sư tự tay viết chép kinh Pháp Hoa, đang để ở chỗ trống, vì có việc phải đi, chưa kịp gom cất. Gặp lúc mưa lớn tràn đầy sông ngòi khe rạch, bèn chạy đến xem mà cả bàn kinh đều khô, ngoài ra đều bị ngập nước. Sư từng nằm nghiêng trên cành thông, bị rơi xuống từ trên cao, chưa đến dưới khe nước, thì bất chợt vướng vào bờ cao, không tổn hại một mảy lông.

Lại nữa, bên cạnh phường Thanh Nê có một khám thờ Phật đã cũ, bị lấp vùi dưới thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, đến nay vẫn chưa tìm được. Ban đêm, Sư mộng thấy ở xứ đó có tôn hình lớn. Sau khi tỉnh giấc Sư bèn đến khai phá, quả nhiên có được khám tượng cổ, vì trải qua năm tháng đã lâu nên đều bị hư hoại rách nát. Sư liền đến để sửa sang. Các hàng đạo tục đều ngợi khen. Đó đều là công phu của minh thuật, do chính Sư khai phát.

Vào những ngày cuối mùa hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư chợt bị bệnh, tự biết sẽ qua đời, nên Sư nguyện sinh về cung trời Đâu-suất. Bèn xin nước tắm rửa xong, lại xin chuẩn bị kiệu và ở cạnh bên tự xem xét, không cho làm rực rỡ quá. Vừa đến lúc minh tướng xuất hiện của ngày cuối tháng, tự nhiên vô cớ Sư bảo rằng: “Muốn đến cửa vào, tôi không rảnh để đàn ca”. Và trông nhìn lại vị thị giả, Sư bảo rằng: “Tôi nghe các hành đều Vô thường, sinh diệt không ngừng nghỉ. Vãng sinh chín phẩm sen vàng, lời ấy thật ứng nghiệm. Nay có Đồng từ đến đón rước đứng ngoài cửa đã lâu, nên tôi đi đây! Các ông, v..v... nên nghĩ nhớ Phật có chánh giới, không được khuyết phạm, sau cùng sẽ ăn năn hối hận!”. Nói xong, từ miệng Sư phát ra ánh sáng chiếu soi khắp trong nhà. Lại có mùi thơm lạ thoảng đến. Chỉ thấy Sư ngồi thẳng an nhiên tư duy, bất chợt Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi.

Sự tụng tập của Sư chỉ trong một mùa hạ, với Kinh Pháp hoa tính ra có đến năm trăm biến, thời gian còn lại Sư đọc tụng gồm cả thực hành thì được hai biến. Giả sư như có khách đến cần phải nói chuyện thì trừ trong kinh Bộ ra, Sư không nói điều gì khác. Lược tính năng lực chuyên cần của Sư trong vòng mười năm thì có hơn vạn biến.

11- Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô:

Thích Không Tạng, họ Vương, Tổ Tiên Sư ở xứ Tấn Dương, nay tức là Tân Phong thuộc Ung Châu. Lúc đầu, ngày mang thai, mẹ của Sư tự nhiên chẳng ăn các thứ rượu thịt, năm thứ rau cay. Bấy giờ, cho là “Đồng Trần Thân Tử” nên thầm lấy làm lạ đó. Sau khi sinh ra Sư, linh giám ngày một tỏ bày, tình dụng cao xa, Sư đọc tụng kinh luận, tư duy chuyên cứu giúp.

Năm mười chín tuổi, Sư muốn xuất gia đồng như Phật, chỉ vì có một mình Sư, nên cha mẹ ngăn cản lưu giữ. Sư bèn đối trước cha, dùng thân tứ bố, suốt bảy ngày không đứng dậy. Cha mẹ lo sợ Sư tuyệt mạng mới đồng ý sở nguyện của Sư. Sư liền từ giã đi vào núi Phụ Nhi ở Làm Điền, tự xuống tóc một mình. Lúc đầu, Sư mang theo sáu hộc mì để làm lương thực ăn trong một tháng. Mỗi ngày Sư ăn hai thăng mà suốt ba năm vẫn không hết. Sư từng cảm có Thần Đảnh tự nhiên hiện đến. Do đó, Sư càng tăng thêm công phu thiền tụng, sớm tối không ngưng nghỉ. Sau đó, Sư lại đến nương tựa Pháp sư Phán trụ chùa Long Trì. Sư kính trọng kinh luận, mỗi ngày tụng cả muôn lời, tính gồm tất cả trước sau

có hơn ba trăm quyển. Với các thứ như Tam Luận, Kinh Niết-bàn, Sư tham cứu thấu cùng hang ổ.

Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, vì tiếng tăm Sư vang vọng, nên các hàng đạo tục ở các nơi xa đều nghe biết. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Thiền Định. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường hưng thịnh, sùng hưng Pháp Vũ. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) có ban sắc mời Sư đến phường Kim Thành, xây dựng chùa Hội Xương, và thỉnh mười tám vị Đại đức, Độ tăng xuất gia năm mươi vị, để dùng làm Trú Trì. Vì Sư đức hạnh sớm tỏ bày, nên lại thỉnh Sư trụ ở đó, mọi sự cúng dường càng lớn lao rực rỡ so với thường độ. Nhưng tánh Sư ưa ở chốn núi sông, chí thích thoáng rộng. Mỗi năm, đến tháng hai, Sư đi khắp cùng rừng đồi. Đi đến Ngọc Tuyền, Sư bèn nghĩ muốn trọn đời ở đó. Sư dừng ở chỉ khoảng một năm, Chúng tăng lại nhóm họp như núi. Sư giảng dạy dẫn dắt, quên cả mỏi mệt. Khai ngộ càng sâu rộng. Sau đó, bị hạn hán, các suối ở núi khô cạn, chúng tăng cả chùa đều than thở, Sư bèn dốc lòng cầu thỉnh, suối ấy liền có nước lại như cũ. Các hàng Đạo tục xa gần đều đổi sắc mặt cùng mừng vui. Sư lại gồm mở rộng tiết tháo như Nhạc Trĩ, khí cục tợ xuyên thuẩn. Chẳng ưu nhiễu bởi lợi danh, không nghĩ nhớ vì sủng nhục, cứu giúp các loài chẳng lược bỏ tấc bóng. Sư bèn sao trích các câu văn cốt yếu trong các Kinh Đại thừa làm thành pho quyển, có riêng ba kinh, năm kinh, quyển bộ ba mươi, năm mươi, tất cả có được mười quyển. Mỗi lúc giảng khai rất nhiều thêm thành học. Văn và nghĩa đều trì, riêng không mê vọng. Đến lúc Hạ phân, Sư thường hành trì pháp sám Phương Đẳng. Ngàn Đức Phật ở kiếp Hiền mỗi ngày Sư lễ bái một biến, thường ngồi chẳng nằm suốt ba mươi năm, siêng năng chuyên chú khó thêm dấu vết.

Đến ngày mười hai tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Xương, thọ bảy mươi bốn tuổi. Di thân Sư an đặt bên cạnh chùa Long Trì, thâu nhặt di cốt, xây tháp cúng dường. Xét về sự đọc tụng dồi dào của Sư thật ít người được như thế. Xét về lâu cốt của Sư thì hai tai thông minh, trên đảnh đầu có hai lỗ, vành mắt có lỗ, mỗi bên có ba, các đệ tử, v.v... truy tìm những gì đã qua, dựng lập Văn Bia trong chùa Hội Xương, do Kim lục Đại Phu vệ úy Khanh Vu Chí Ninh soạn lời văn.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô:

Thích Tuệ Thuyên, họ Tiêu, là con anh trai của Đặc Tấn Tống

Công Võ hiện nay. Cha của Sư làm quan giữ chức Lương Công đời Tùy. Ông nội Sư tức là Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, tánh độ rộng rãi đơn giản, ý chí cao vời, người cô của Sư là Hoàng hậu của Vua Dương Đế (Dương quảng 605-617) đời Tùy.

Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư thường ở trong cung, mến mộ ưa thích thoát tục mà không viết nhờ đâu để được thành đạt. Đến năm hai mươi tuổi, Vua bèn chọn Tần Hiếu Vương Nữ để làm vợ Sư. Đó chẳng phải là ước nguyện của Sư, do sự việc chẳng đặng dừng nên bấy giờ phải thực hành kết thành đôi lứa. Sau khi vợ qua đời Sư mới toại được tâm nguyện trước, lấy nhà họ Trịnh ở Đông Đô, để làm nơi xuống tóc. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư mới về lại kinh đô, trụ chùa Đại Trang Nghiêm, rộng nghe học các bộ, nhưng chỉ lấy Luận Nhiếp Đại Thừa làm tâm đắc. Sư rất ôm hoài thiên thập, giỏi về Thảo Lệ, hễ nét bút đặt để, đều lấy đó làm mẫu mực. Nên những lúc đề tựa kinh, Biển ngạch chùa, mọi việc đều nhờ Sư. Anh của Sư làm chức Đông Cung Trung Xá, cũng là người rất được nêu cử Văn tài, cả triều đình đều chăm chú, mỗi năm các mùa xuân thu cùng dẫn nhau đến chốn núi non, xúc cảnh hứng thú đề chương liền câu đồng vận. Lúc ấy là vấn nạn huynh đệ!

Lại có người em là Sa-môn Trí Chứng xuất gia ở chung, tức là con của Thái Phủ Khanh, anh của Sa-môn Tống Công. Qua sự tốt lành của Vinh vị, vui mừng nghĩ nhớ Đạo nghiệp, siêng năng tự theo thời khóa, không chọn sáng tối. Ngài Trí Chứng cùng người (Tức Tuệ Thuyên) lần lượt thị tịch. Vì gia đình đời đời tôn thờ Phật pháp siêng mở rộng Kinh Pháp Hoa. Đồng tộc trên dưới đều thành thục tụng đọc, cho nên sự mở mang Kinh Pháp Hoa của giòng họ Tiêu, các hàng Đạo tục đều khen ngợi rất dồi dào. Đặc Tấn soạn sớ, tất cả có hơn mười nhà, gặt hái thanh hoa, dùng cõi lòng để uốn nắn, khắc thành số quyển thường tự giảng dạy. Có lúc thỉnh mời các bậc danh tăng ở kinh đô chỉ cho những vết lụy, hoặc nhóm họp thân thuộc tăng ni gần mấy mươi vị, tùy theo thời để cấp ban tứ sự không thiếu sót, cho nên chỗ đến của Phong lục chỉ còn cứu giúp. Thái Phủ tâm tình tốt lành, lấy việc đọc tụng làm đầu. Nên từ lúc còn sống đến khi qua đời đọc tụng đến vạn biến, thúc giục người sao chép tất cả có ngàn bộ. Mỗi ngày đến triều tham thì sai người mang kinh đến trước. đến nơi công sự có được chút rảnh rỗi, liền đọc tụng. Triều đình kính ngưỡng cho là chẳng ai bằng. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, tỏa vị càng xa, nhưng người tiếp thừa thọ trì đọc tụng ở đời ít có được người như thế. Nên giòng họ Tiêu xứng đáng

làm mẫu mực cho thiên hạ.

13- Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Truyền thuộc Ung Châu:

Thích Di Tục, không rõ Sư là người xứ nào. Khoảng đầu thời Tiền Đường, Sư đến ở nhà của Dương Lục ở làng Mỹ Tuyền, phía nam huyện Lễ Tuyền thuộc Ung Châu. Trấn thường cúng dường thanh kiệm ít ham muốn, Sư chỉ tụng Kinh Pháp Hoa lấy làm chánh nghiệp. Ngày đêm nối nhau đến số cả ngàn biến.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh sắp thị tịch, Sư dặn dò người bạn là Sa-môn Tuệ Khuếch rằng: "Suốt thời gian qua tuy tụng kinh, trong ý mong có được linh nghiệm. Vì sống trong mông tục tín hướng đến sự tốt lành, sau khi tôi chết, chẳng cần phải tẩm liệm trong hòm rương, hãy để thi thể như vậy mà chôn, mười năm sau hãy phá ra, nêu chiếc lưỡi bị rã hoại thì biết là không thọ trì, nếu vẫn như lúc sống thì nên báo cho các hàng đạo tục xây dựng một ngôi tháp thờ để nêu bày cảm linh!". Nói xong, Sư liền thị tịch. Bèn y theo lời Sư mà an táng. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, ngài Tuệ Khuếch cùng những người có biết ngày trước đến chỗ mộ đào lên thì thân thịt đều tiêu tan, chỉ còn chiếc lưỡi không thối rữa. Các hàng sĩ nữ cả huyện đều cùng nhau kính ngưỡng truyền nhau, lưu tỏa việc trì tụng lại gấp bội hơn thường. Bèn làm hộp để tôn trí chiếc lưỡi đó, đưa đến sườn núi phía nam Cam Cốc, thuộc phía Bắc thôn Dương Lục, xây tháp gạch để phụng thờ, các hàng thức giả tôn nghiêm càng lớn mạnh, tin kính đọc tụng càng nhiều.

Lại có Sử Ha Đam ở thôn Sử, thuộc phía Nam Phước Thủy, làng Phong Cốc thuộc phía Tây Nam Kinh thành, từ thuở nhỏ ông luôn nghĩ nhớ niệm lành, thường đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hành trì hạnh An Lạc, từ nhẫn luôn ở trong tâm, chẳng cưỡi các loài súc vật. Lấy hư không làm tâm, danh đượm lệnh sử, qua lại Kinh Tỉnh. Vì tướng tụng tập sợ giữa đường gặp người quen biết. Nhân sự ấm lạnh, bèn phế bỏ việc tụng, nên sự hành trì của ông hẳn là nhỏ tất, nơi tả đạo thấp khí vui vẻ dáng mặt duyên niệm nối nhau. Lúc đầu không hề bảo là mỏi mệt, đến lúc qua đời cảm có mùi hương lạ, bèn an táng. Sau đó, mười năm, người vợ của Sử-ha-đam) cũng qua đời, bèn mở thi thể ông ra thì chiếc lưỡi vẫn còn sáng sạch. Ngoài ra các thứ đều thối rữa, mới nêu bày an táng riêng.

Lại nữa, ở chùa Tùy Hoa thuộc Hoàng Châu có Sa-môn Huyền Tú, tánh tình cẩn trọng ôn hòa, khiêm cung là ý chí. Sư luôn đọc tụng Kinh Pháp Hoa và có cảm điềm lành. Nhưng chưa lấy đó làm lạ. Bấy giờ, gặp

lúc nắng nóng, đồng bạn của Sư tìm đến chỗ mát, bèn sai người mời Sư đến muốn cùng nói cười. Khi người ấy đã đến trước phòng Sư, chỉ thấy vũ vệ nghiêm túc, người ngựa cao lớn, người ấy khiếp sợ mà lui báo, mọi người đến xem thì thấy vẫn như trước không khác. Chuyển đến cửa sau thì chúng ấy càng đông, nhìn lên hư không thì bít lấp không chút khoảng trống, phần nhiều là cưỡi voi ngựa, tạp loại quỷ thần, mới biết là Sư có được sự cảm thông, bèn đặt để rồi lui. Sáng hôm sau hổ thẹn đến sám hối. Bạn theo bèn dứt bặt. Sư bèn chuyên theo hạnh nghiệp ấy. Đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa.

14- Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La Hán ở kinh đô:

Thích Bảo Tướng, họ Mã, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Năm mười chín tuổi, Sư xuất gia, trong trắng trinh thuần, gá đức, trụ chùa La-hán, chuyên nghe giảng Luận Nhiếp Đại Thừa, tư duy sâu xa về vọng thức khó nhiếp phục, không lúc nào chẳng rầm rỉ. Đến lúc Sư vào Thiền phường, chuyên tu hạnh đầu-đà để tự lắng tĩnh. Mỗi ngày sáu thời lễ sám suốt hơn bốn mươi năm. Ban đêm tự dốc chí với thời khóa trì tụng Kinh A-di-đà bảy biến, xưng niệm danh hiệu Phật sáu muôn biến. Ban ngày thì đọc Kinh tạng, không lúc nào tạm bỏ. Về sau, Sư chuyên đọc Kinh Niết-bàn có đến một ngàn tám mươi biến và tụng cả Kinh Kim Cương Bát-nhã cho đến trọn đời. Thân Sư không hề có chút bệnh não, khỏe mạnh hợp tập, ăn dở mặc thô, thì thứ gì ăn được cũng dùng, tình Sư không sợ khổ nhọc, lại chí thường chuyên chánh nghiệp, chí thành chăm chú suốt đêm ngày. Chấy rận bò khắp nơi thân còn không rảnh để bắt. Gặp lúc hoạn nạn sắp cùng cực, Sư vẫn niệm tụng không bỏ. Khắc định đến kỳ hạn lớn, Sư căn dặn các hàng Đạo tục lấy việc niệm Phật làm đầu, tướng tốt Tây phương chờ đợi, chớ sống luống uổng qua ngày. Lại căn dặn nên thiêu đốt nhục thân Sư, chớ nhọc làm bia minh mộ tháp theo bụi trần dong tục. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, sáu mươi hai hạ lạp. Sư không chứa để một chút tài vật, chẳng nhọc tăng pháp.

Lại nữa, ở cùng chùa có Sa-môn Pháp Đạt, do sự chân thực thuần tố mà được tôn xưng, mọi sự cúng dâng đều dùng vào việc viết chép Kinh Hoa Nghiêm, tám bộ Kinh Bát-nhã. Sư đốt hương tự đọc tụng hơn một trăm biến. Lúc còn sống Sư thường thanh khiết, chẳng nuôi dưỡng môn nhân, một mình tự vui vẻ, ăn không gì ngoài cơm gạo. Đó cũng là bậc Cao sĩ khinh thanh. Năm bảy mươi tuổi, Sư bèn tặng các kinh thường tụng đọc cho các bạn Đồng hành. Chỉ bưng theo một Bộ Thắng

Thiên Vương để làm sống trọn tuổi già, xả bỏ công danh, tìm đến nơi mây ráng trong núi non, bít duyên tiễn đưa sự chết, trải qua bốn năm Sư bèn thị tịch tại núi ấy.

Trên đều là những truyện chính mắt trông thấy. Hơn nữa, những truyện đọc tụng được chứng cảm số ấy rất nhiều, nhưng đều có ghi truyện riêng, nên chẳng thuật lại hết, chỉ nêu dẫn vài điều, để chỉ bày ánh sáng tiếp nối.

Luận rằng: Hễ lấy đọc tụng làm hạnh nghiệp, chuyên nghiên cứu bổn văn. Kinh khen ngợi giảng nói hạnh, cốt yếu trước phải thọ trì đọc tụng. Vì sao? Vì do ngu thức chưa rạch ròi, nên phải nương gá Văn trì. Tre núi chưa chặt, làm sao tiếng Phụng rõ bày? Nghĩa đáng mới lên, vừa xuống tóc thì phải xem thông, hái chước kinh vĩ, tìm tận cùng danh lý, nghi ngụy tạp lục, đơn kép xuất sinh, xem khắp trước mắt, thuyên phẩm người đời. Sau đó, cần ước pháp cú, tụng trấn tâm thần, nói rộng về duyên bổn, dùng sơ qua mê kết, bèn có thể xuyên suốt cội cành, xua tan nghi trệ để thông hóa, gồm lược huyền chỉ, nương gá sự dùng để trừng trị. Nên trong kinh có nói rằng: “Thọ trì, đọc tụng, viết chép, giảng nói đúng như Pháp tu hành. Đó thật là sự răn dạy. Ở đời phần nhiều biếng nhác học hỏi, ngu chấp bị bít lấp, lấy tìm lý làm các Kiến chấp, bị Văn rộng làm chướng Đạo, nên Điều-đạt, Thiện Tinh rộng thông dồi dào chưa thoát khỏi đọa lạc địa ngục Nê-lê. Bàn đặc mỏng nhạt ít bị trói buộc, chuộng tham dự ở trung Thánh. Phàm những nghị bàn ấy, chưa thành Thông luận. Sư dấy khởi của chướng Đạo, khởi lên ở tâm hành. Đạo ở nơi không vướng mắc, vướng mắc là Chướng Đạo, làm sao có học rỗng làm chướng Đạo? Nghe vốn là giải thích, bít gá không thực hành, ấy chính là dính mắc ngón tay mà quên mặt trăng, thật là trái với pháp xuất yếu vậy. Do đó, những người tầm thường ngay nơi một kế, không ai chẳng học, đã chưa công phu nên tùy lời mà chấp trước kinh Luật Luận, ngay đời sống này chưa từng đượm nhuần. Hoặc vọng phát tâm, thề chẳng cầm kinh sách. Như thấy người học giáo lý thì tự cho đó là văn tự, nên khiến nước Mạn che lấp tâm. Bệnh mù lòa ai trừ? Cho đến như quyết đoán Thiên tụ, phân biệt chân ngụy, xưa nay chưa biết, sự việc còn hơn cả điếc mù. Đã xấu hổ đến hỏi, trở lại khai mở làm sao trình bày? Bèn ngay Duy tâm ức đoán, chìm nổi, không chuẩn định. Bên cạnh vì người mở, sao gấp như trước. lại có người chỉ đọc qua loa vài pho quyển, lược tụng vài chương ngắn, bèn cho là dừng đủ, trọn tuyệt mừng trọn. Bèn dẫn các Kinh như Đại Tập, Pháp hạnh, Tỳ-kheo Thập-trụ, chẳng quý đọc nhiều. Trộm cho rằng giáo môn rộng lớn để

đối trị trần lao, thuốc bệnh còn ném bỏ, đâu nhọc chứa để cho nhiều. Mục đích lập ra Tạng bộ là vâng giữ, nghe mà không y cứ, xét lường chẳng phải một. Nay, tư tưởng điên đảo như cỏ lan tràn, Mạn Ngã như núi đứng sừng sững. Cần giúp đọc xem rộng, thấy có khả năng rộng trị, tùy cảnh lưu quán, mục đích là dứt bỏ gốc vướng mắc. Chỉ vì nhận thức mờ tối chưa nảy mầm, tập huân giải đãi kết cấu, xứng tình mờ tối đảo điên, trái phước thành tội. Cho nên ở Trung Quốc thấy ghi quyển chỉ có sáu ngàn, còn sợ chẳng mong đủ bít lấp mê. Đâu luận bàn ở Thiên trúc Di Điển long tàng hiện Kinh. Dám mến mộ trộm cầu thông xem nghe như biển, phải có khả năng truy tìm công phu. Khởi quán còn không rảnh tìm rộng, phải nhổ bỏ vòng khổ mới nghe được làm trang sức. Đó là trang nghiêm đạo luận tuệ giải dẫn đầu. Chẳng đợi đè nén hay nâng bốc, tự nhiên hiểu lý. Lại có người quanh co, nịnh hót lời Phật, giả dối học Luận, bèn nói “Luận làm Tiểu Thánh, nói lời ẩn mật, khắc thuần phác tán, đạo vị đã lìa, nên ta tụng trì không có tâm ngộ nhập.” Lời đó là thế nào ư? Vọng có xuyên tạc, vốn là, Chư Phật nói Pháp, vốn chỉ có Đạo, tiếp phó Phàm tiểu, phương tiện nương quyền, Quyền Đạo lắm mưu, tùy cơ mà hiện. Hoặc dùng tiếng tăm ánh sáng mà chuyển động, hoặc dùng oai dung mà cổ xúy. Pháp và thí loạn nêu, duyên sự cùng mở khai. Lấy sự ngộ đạt làm lời gốc, lấy sự quên nôm làm được ý. Chỉ vì cách Thánh lâu xa, thời vận tiếp nhận trôi nổi, chỉ quý báu văn từ, ít hội thông u chỉ. Do đó, các Thánh Đại tiểu buồn xót Đại Đạo sắp băng hoại, nên rộng thâu thập Liễu Nghĩa soạn thuật Minh luận, lấy làm Thông giáo. Nên trong Văn có nói rằng: “Tùy theo lời tiếng mà chấp nghĩa có năm lỗi, đó là: phỉ báng Phật, khinh thường Pháp, lừa dối ngừa, lui sụt niềm tin.” Lời ấy rất! Chẳng lường xét thần phủ của chính mình mà liền so sánh với Thành giáo. Sánh với Phật mà xem thường Hiền Thánh. Ghét thương do đó mà sinh khởi. Than ôi! Các Bạn Pháp làm sao tỏ rõ! Vả lại, Hạ ốc chẳng tan bởi gỗ quý ấy làm thành. Đại trí đâu phải ngu tình cấu kết nên? Phải thông ngay nơi chỗ vướng mắc, phải tỏ ngộ từ chỗ mê lầm. Nếu không như thế thì bặc Chí Thánh do đâu mà khởi bi, hàng Chánh Sĩ do đâu mà thông hóa? Sự việc tiếp nối duyên nơi Bổn Kỷ, nên chẳng rộng bày.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 28 hết.

■

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 29

CHƯƠNG THỨ IX: HƯNG PHƯỚC

(Trong chương này, Chánh truyện có mười hai vị, phụ có năm vị)

1/ Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương

2/ Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu đời Bắc Chu (Tăng Hộ)

3/ Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Bạo Bố ở núi Thiên Thai, đời Tùy

4/ Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu, thời Tiền Đường

5/ Truyện ngài Thích Trú Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu, thời Tiền Đường.

6/ Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Thiện Nhân)

7/ Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, thời Tiền Đường

8/ Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô, thời Tiền Đường (Tĩnh Mặc, Đàm Hiến)

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiền ở kinh đô, thời Tiền Đường

10/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa núi Ngưu đầu ở Tử Châu, thời Tiền Đường

11/ Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Thông Tuyền ở Tử Châu, thời Tiền Đường

12/ Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương:

Thích Minh Đạt, họ Khương. Tổ Tiên Sư vốn ở nước Khương Cư. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, nghiêm trì trai giới. Lúc đầu, thọ mười giới Sa-di, Sư giữ giới năm căn. Đến lúc thọ giới cụ túc, hạnh nghiệp Sư càng cao vợi, hông chẳng dính chiếu, thường ngày chỉ ăn một bữa. Bên ngoài, hình nghi phép tắc, bên trong xây dựng Đạo nhân. Rộng cứu giúp lấy làm nỗi lòng, du hành là việc chuyên.

Trong khoảng đầu niên hiệu Thiên giám (502) thời Nam Lương, từ Tây Nhung, Sư đến Ích Châu. Bấy giờ, Ba Hạp loan di, cổ xúy đi bắt cướp, khắp các châu quận nêu binh định kỳ hạn đánh giết. Sư thương xót sự khổ ấy, ý muốn cứu giúp, bèn một mình đến nơi chỗ giặc, lên trên bờ lũy, ủy dụ vời dẫn, chưa quen tình ấy, bỗng chốc gió mưa tối mịt, sấm sét vang động. Bọn giặc kinh hãi, lo sợ ai cầu. Sư bèn dạy phải thắp đủ ngàn cây đèn, chí thành khẩn cầu với Tam Bảo. Sấm tạo đầy đủ, bụi mù tăm tối đều tiêu tan hết. Núi đầm thông khí, đất trời mở sáng, tự nhiên ngóng mong nước nhà đều theo Vương hoá. Đụi mang bày chầm thót dâng người rão trước. Đồ ấy đều sung vào Đầm, khiến sông nước đường xá sạch sẽ, qua lại không trở ngại. Bình oai chẳng bày mà muôn dặm thản nhiên. Đó đều là do năng lực của Sư! Sau đó, nhân có việc, ngài đi đến vấn trung, giữa đường gặp người trói con heo con dưới đất, nó nói tiếng người rằng: “Xin Thượng Thánh cứu tôi!”. Sư bèn cởi y phục chuộc nó mà thả. Có lần vào đêm, Sư đòi lấy nước rửa chân. Đệ tử y theo lời Sư bảo mà bùn dơ không sạchhết, lại dùng nước nóng để rửa, vẫn như trước không sạch. Sư bèn tự lấy nước rưới lên, chân ngài liền sạch. Sư bảo: “Đó là mỡ cá”. Nhưng không biết từ đâu mà dính vào chân Sư như vậy.

Sư đi đến núi Ngưu Đầu ở Tử Châu, muốn xây tháp và lập tinh xá, chẳng phỏng hỏi gỗ đá, thẳng tìm công thợ. Các hàng Đạo tục thảy đều lấy làm lạ lời nói ấy. Bấy giờ, đang lúc tháng hai, nước khô cạn, Sư bèn xuống tìm trong nước được một cây gỗ dài, chánh có thể làm trụ cột chùa, chiều dài vừa hợp độ, đều dùng làm vui mừng. Sư bèn chỉ dẫn xây dựng. Đến tháng tư, nước ở sông Bồi lớn tràn, cây gỗ trôi nghẹt sông, tự tấp vào bờ của làng, đều không trôi đi. Sư bèn dẫn hợp các hàng tăng tục tiếp đến vớt lấy, ngang dọc chất đầy núi, bắt đầu xây dựng sửa sang phòng nhà, làm giá tháp cao chín tầng, xa gần đều giúp sức, đồng một lúc mà tu tạo, làm chẳng vượt quá thời gian, không bao lâu đã thành tựu. Tự thân Sư thưởng mặc áo lót, ba pháp y đều là vải bố thô xấu, nếu bị rách thì liền vá đắp, bất kể nóng lạnh, không hề đổi thay. Có một lúc,

Sư đang nhập định nơi giường dây, bỗng nhiên hừng hực lửa cháy, đại chúng bèn đến muốn dập tắt, nhưng chỉ cảm thấy mát mẻ.

Có Sa-môn Tăng Cứu bị bệnh co quắp chân tay đã nhiều năm, đến xin Sư cứu chữa. Sư bèn trao cho chiếc gậy và bảo đi. Chưa dời tấc bóng tự nhiên ngài Tăng Cứu đi bộ mà trở về. Đó thật là do âm đức của Sư hiển bày cứu giúp, công phu thật chẳng thể lường biết được. Đại loại như thế có rất nhiều! Lại nữa, lúc đang Bồ-tát, thân Sư ngồi ở trước chúng, nhân có kẻ trộm đục tường vào mang vác đồ vật, khi ra được bên ngoài liền mê muội không biết phương hướng, đành trở lại chùa. Sư liền chỉ bảo cho rồi bảo đi. Nên Sư hành hóa ở các xứ Sở Thục, đức Sư đượm phục như gió thổi đè ngã rạp. Nên khiến dân chúng ở Tam Thục, hoặc có người bưng lò hương mà cầu thỉnh cúng dường, hoặc có người rải hoa trải y phục dưới đất để Sư bước đi, hoặc có người xả tục quy hướng sám tội, hoặc có người cắt tóc xuất gia theo học giáo pháp. Ngày nầy sang năm nọ, tính gồm thật không thể ghi hết.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ mười lăm (516) thời Nam Lương, Tùy Thỉ Hưng Vương về lại Kinh Châu. Tháng mười hai năm đó, Sư thị tịch tại Giang Lăng, thọ năm mươi lăm tuổi. Sư có được thân cao tám thước, dung thức kỳ vĩ. Sư mở mang luật huấn cho đến giảng tụng, chợt ngâm đọc sách tục để khai ngộ hôn thức, giải thích rõ ràng về tội phước, không đợi tìm đến, nên rõ ràng đại lược mà lưu truyền.

2- Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu:

Thích Tăng Minh, họ Khương, người ở xứ Nội Bộ thuộc Phù Châu. Sống nương gá nơi núi rừng, nhưng Sư lập tánh thuần tố, ngôn lệnh chất phác, tự ngộ chẳng nhậm. Giữ cấm giới tự tu, chẳng theo Bỉ tục. Tuy chẳng thông hiểu kinh cáo, mà tiết tháo Sư trinh thuần cứng rắn, rất có tiếng ở đương thời.

Nhân đến Ấp Lạc, qua lại nơi núi hang, thấy có một sườn núi gập ghềnh thường phát ra ánh sáng lạ. Sư lấy làm lạ mà bèn tìm xét, nhiễu khắp trên dưới, mới thấy trong đáy khe nước có một tảng đá ngã xuống, tướng trạng cao lớn, từ xa nhìn bên cạnh bờ khe nước, đá nằm như tượng, một nửa xuất hiện ở ngoài, Sư bèn ra công đào bới, thì ra là toàn thân Tôn Tượng, hình dáng giống như tướng Phật, thuần như quặng sắt, chẳng cần phải thêm đục tạc, rõ ràng tròn đầy, cao hơn ba trượng. Bấy giờ, vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đã băng, ngày mới tiếp nối, trong tâm tình Sư phấn chấn thêm lên, chẳng sợ nghiêm

hình giết hại, tìm hỏi những bậc cổ lão, không ai biết lý do, vì chỗ đất ấy từ lâu hoang tàn cây cối rậm rạp, vốn chẳng có chùa chiền. Sư bèn tự tư duy rằng: "Thật là di tượng do Vua A-dục đã xây dựng khắp trong nhân gian, ứng hiện đến đây." Bèn kêu gọi mọi người khắp nơi đến kéo nâng, sức lực đã hết mà không nhúc nhích nổi. Sư bèn bưng lò hương phát nguyện rằng: "Nếu Phật Pháp trở lại hưng thịnh, muôn dân được đội nhờ, thì mong hiện oai linh để toại tâm nguyện." Sư nói vừa xong, bỗng nhiên tôn tượng nhẹ đi và nâng lên được, từ núi thẳng xuống lỗ gót chân không cần phải đỡ nâng, đứng thẳng sừng sững. Đại chúng đều kinh hãi khen ngợi được điều chưa từng có. Nhân đó mọi người tấu trình. Vua Tĩnh Đế (Vũ Văn Diễn 579-581) thời Bắc Chu cho đó là điềm lành, bèn đổi niên hiệu là Đại Tượng (579). Từ đó, Phật pháp dần dần mở rộng, thật là do năng lực của Sư. sau đó, Vua lại ban sắc, ngay chỗ ấy xây chùa Đại Tượng. Nay gọi đó là chùa Hiển Tế. Ở phía Tây Nam của Phường Châu, cách hơn sáu mươi dặm, ngay nơi bóng râm, lại phát ra ánh sáng thần. Sư xuất gia, sống trọn đời tại để tu phụng, rất cảm với tâm vật. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đó!

Tôi (Đạo Tuyên) cho đó là lý do của hưng tạo phước đức là việc có cơ hội, cảm hiện kỳ tích, tướng trạng ấy rất nhiều, nên ở đây lược nêu dẫn năm, ba truyện để mở thần lý.

Xưa kia, vào thời Đông Tấn, có Sa-môn Pháp Hiển là người gắng sức quyết giữ tiết tháo, đến Tây Trúc tham quan các Thánh tích. Sau, đến một ngôi chùa nọ, mọi người lớn nhỏ đều đón rước Sư. Khi đó, Sư bị bệnh, trong tâm mong có được thức ăn của quê nhà (Trung Hoa), Thượng tọa chủ nhân gần gũi lo sự kinh lý bèn sai bảo một vị Sa-di vì Sư mà đi lấy cơm nước thức ăn của xứ Trung Hoa, để thiết trai dâng cúng Sư. Chỉ chốc lát, vị Sa-di ấy nói: "Đến Bành Thành đến nhà của Ngô Thương Ưng để xin thức ăn nên bị chó cắn." Sư lấy làm lạ, chỉ khoảnh khắc ra đi mà đã vượt ngoài muôn dặm, mới biết rằng chư tăng ở chùa đó đều là những vị phi thường. đến lúc theo thuyền trở về, nên Sư đến Bành Thành hỏi Ngô Thương Ưng, mới biết nguyên do đưa đến và máu chảy bởi con chó ấy cắn bôi ở cửa đến nay vẫn còn. Sư bảo rằng: "Đó là máu của Thánh tăng La-hán! Lúc ấy là lấy thức ăn cho tôi, sao bị con chó làm tổn thương ư?" Ngô Thương Ưng nghe thế bèn sám hối lỗi lầm, liền xả thí vườn nhà để xây dựng chùa.

Ngô Thương Ưng tự đi đến Dương Đô để tìm thỉnh các kinh tượng. Khi đang đi giữa dòng sông lớn, thuyền bèn nghiêng một bên, bỗng có

hai khúc xương, mỗi khúc dài một trượng, theo sóng vỗ văng vào trong thuyền, liền được an dòng lên đến bờ. Bèn đem sự việc ấy tấu trình, Hữu Ty xem xét thì cốt xương ấy là răng rồng. Tìm cầu kinh tượng chưa được, Ngô Thương Ưng lại ngược dòng đi thẳng đến hướng Tây, tạm dừng nghỉ trong rừng, gặp một vị tăng vốn giòng họ Bà-la-môn mang tôn tượng mà đi, và nói là: "Đến Từ Châu tặng cho Ngô Thương Ưng cúng dường." Ngô Thương Ưng nói: "Nếu đúng như lời vừa nói thì Ngô Thương Ưng chính là đệ tử đây." Vị Tăng ấy bèn trao tượng cho. Ngô Thương Ưng thỉnh tượng về kinh đô. Vua ban sắc bảo đắp theo khuôn tượng ấy làm thành mười pho tượng, dưới chân tượng đều khắc đặt tên chữ, tôn tượng mới cũ đều chẳng thể nhận biết, bèn giao cho Ngô Thương Ưng xét chọn. Tượng mới giáng ứng mộng chỉ bày cho biết gốc ngọn. Vừa đến, Ngô Thương Ưng lấy được tượng gốc rồi mới trở về Từ Châu. Và pho tượng ấy thường có điềm ứng như thần, dưới thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 471-500) thỉnh vào Cao Đài. Đến thời Bắc Tề, Hậu Chúa (Cao Vĩ 565-576) sai sứ là Thường Bưu đến thỉnh tượng về Nghiệp Hạ. Đến lúc nhà Bắc Tề sụp đổ, thời Bắc Chu phá diệt, được chư tăng cất giấu. Đến đời Tùy, mở mang Phật pháp, trở lại hưng thạnh ở đời. Nay hiện còn tại chùa Đại Từ ở huyện Nghiệp thuộc Tương Châu.

Lại nữa, tại chùa Sùng Nghĩa ở kinh đô có tượng bằng đá, thân cao một thước sáu tấc, tám góc có mầu tím, chiếu suốt trong ngoài. Pho tượng ấy vào khoảng niên hiệu Thanh Thái (547-550) thời Nam Lương, có vị Sa-môn từ Thiên-trúc thỉnh đến dâng tặng Vua Võ Đế (Tiêu Diễn), gặp lúc Hầu Cảnh làm loạn, bèn đặt trên đảnh tượng lớn tại chùa Tây Lâm ở Lô Sơn thuộc Giang Châu. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, khi ấy Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đang trấn tại Giang Hải, rộng sưu tìm những vật lạ, Văn nghệ thư ký, đều gượng đi tìm, ngay trong tạp truyện có được ảnh tượng ký, bèn sai Trung Sứ Vương Diên Thọ đến núi suy tìm được. Vương Diên Thọ mới tự chí thành đón rước vào Nội điện cúng dường. Trong suốt thời gian trấm nhậm tại đất Phiên, thường có qua lại đựng đầy lầy hộp dẫn ở trước, mới đầu không nhà nào yên ổn, sau lên Trữ Nhị mới rước vào chùa Nhật Nghiêm ở Khúc Trì, không để cho người ngoài chiêm ngưỡng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ 7 (624) thời Tiền Đường, phế bỏ đưa vào chùa Sùng Nghĩa, tôn tượng cũng theo chư tăng mà đến. Các hàng Đạo tục ở chốn Kinh ấp đều được trông xem kính ngưỡng. Trong đó, mọi sự biến hiện lượng định khó y cứ, hoặc là hình tượng Phật tháp, hoặc là Hiền thánh

trời người, hoặc là núi rừng phướn lọng, hoặc là ba đường xấu ác, hoặc là trước sau thấy đồng, hoặc bỗng chốc biến đổi khác lạ. Đó đều là do mắt mọi người trông thấy rõ ràng, tin tưởng Nghiệp Cảnh (gương soi hiện nghiệp) chẳng sai lầm. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh vào Nội điện, nên bên ngoài không còn trông thấy nữa.

Lại nữa, trụ chùa Kim Tượng ở tương Dương thuộc Lương Châu, có thụy tượng Phật Vô lượng Thọ cao trượng sáu, pho tượng ấy vốn từ ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Ninh Khương thứ ba (375) thời Vua Hiếu Võ Đế (Tư Võ Xương Minh (373-369) đời Đông Tấn, do Sa-môn Thích Đạo An tạo ra, qua mùa đông năm sau (376) thì trang nghiêm thành tựu. Bấy giờ, thứ sử Khích Khôi đến trấn tại phiên ấy. Pho tượng đó bèn đi đến Vạn Sơn, Khích Khôi bèn dẫn các hàng Đạo tục đến thỉnh về lại chùa cũ. Đêm đó, pho tượng lại ra đứng ngoài cửa chùa, khắp vùng mọi người đều khen ngợi, tấu trình việc ấy lên vua. Đến niên hiệu Phổ Thông thứ ba (522) thời Nam Lương. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc đúc đài hoa bằng đồng mạ vàng cao sáu thước, rộng một trượng tại vườn Kiến Hưng và thỉnh tôn tượng ai trí trên đó, dựng lập văn bia khen ngợi, do Lưu Hiếu Nghi soạn văn.

Lại nữa, tại chùa Trường Sa ở Kinh Châu có thụy tượng. Vào niên hiệu Thái Nguyên (376-397) thời Đông Tấn, pho tượng ấy xuất hiện tại phía Bắc thành, có ánh sáng kỳ lạ đầy đủ như truyện trước. Thân tượng kỳ lạ cao đến bảy thước. Xưa kia, vào ban đêm, tôn tượng ấy kinh hành, mọi người cho đó là phi loại, bèn cầm dao chặt, sáng hôm sau đến xem, mới thấy là pho tượng bằng vâng. Chỗ lát dao chém hiện lằn vết bên ngoài. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương thờ Phật kính pháp, tâm tình rất muốn gần gũi lễ bái, tuy thêm mọi sức phụng sự mà không hề đạt đến cùng, sau đó, Vua sai Thị Trung Quảng mang các thứ hương hoa đến cúng dường. Ban đêm bỗng nhiên phát ra ánh sáng tợ như theo người sứ mà đến. Sáng sớm lại đón rước thì lại ngăn ngại nên phải hết lòng cầu thỉnh mới được chấp nhận theo đến. Còn cách Thành Đô mười tám dặm, đích thân Vua Võ Đế đã ra đón rước, đến cuối đường lại phát ra ánh sáng nối nhau không dứt. Các hàng Đạo tục đều hân hoan vui mừng, đặt bày trong điện để cúng dường. Qua ba ngày sau, theo cửa lớn thỉnh đến chùa Đồng Thái. Cuối cùng gặp hỏa hoạn, chùa tháp đều cháy rụi, chỉ có pho tượng vẫn nghiễm nhiên hiện còn nơi điện thờ.

Lại nữa, dưới thời Vua Cao Tề, ở tại Định Châu, có thụy tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Kinh Cao Vương xưa kia. Vào niên hiệu Thiên

Bình (534-538) thời Đông Ngụy, Mộ Sĩ tôn kính Đức ở Định Châu tu tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngay trong phòng ở. Sau khi hoàn thành thường luôn kính lễ. Sau đó, bị giặc cướp bắt dẫn đi giam vào ngục tù ở kinh đô, chẳng qua sự tra khảo. Tôn kính Đức bèn vọng nhận tội và chịu xử cực hình. Đến buổi sáng sắp hình quyết, trong tâm đã tha thiết chí thành, lệ đổ như mưa, Tôn Kính Đức bèn tự phát lời thề rằng: "Nay bị uẩn khúc, đó là do từ quá khứ đã từng uổng hại kẻ khác mà ra, nay xin nguyện đền trả oan trái ấy cho hết. Lại nguyện xin vì tất cả chúng sinh có các sự hoạ hoạnh, đệ tử xin chịu thay." Nói xong, chỉ trong chốc lát, mường tượng như ngủ, mộng thấy một vị Sa-môn dạy bảo tụng Kinh Quán Thế Âm Cứu Sinh. Kinh có danh hiệu Phật, bảo tụng ngàn biến thì được khỏi nguy ách nạn chết. Khi tỉnh giấc, Tôn Kính Đức bèn duyên theo kinh trong mộng, đọc tụng không hề sai lầm. Đến lúc mặt trời tỏ rạng thì đã được trăm biến, Hữu Ty nắm dây trói buộc dẫn đi, Tôn Kính Đức vừa đi vừa tụng đọc. Lúc sắp hành quyết thì tụng đã đủ ngàn biến. Kẻ sứ cầm dao chặt, làm ba đoạn nhưng ba lần đổi dao, mà da thịt Tôn Kính Đức không thương tổn, lấy làm lạ đem việc ấy tấu trình. Thừa Tướng Cao Hoan dâng tấu Biểu Văn xin miễn gia hình. Bèn ban sắc truyền viết lưu hành ở đời, nay xưng gọi đó là Kinh " Cao Vương Quán Thế Âm". Sau khi được thả trở về, Tôn Kính Đức xem ở cổ pho tượng do chính mình tu tạo tại phòng có ba lằn dao, rất đỗi buồn cảm, khóc gào vang động cả Hương Ấp.

Lại nữa, tôn tượng bằng vàng ở Tương Dương của Di Thiên Thích Đạo An xưa kia đã trải qua các Triều Đại nhà Tấn, nhà Tống cho đến nhà Tề, nhà Lương, thường cảm ứng các Linh tướng, nghe thấy ở các ghi nhận trước. Mãi đến thời Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật giáo. Năm Giáp Ngọ nhằm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) Thái Nguyên Công Chủ Bính là phó trấn Tướng ở Kinh Châu tấu báo với Khai Phủ Trưởng Tôn Triết thấy mọi người cung kính rất mực chí thành, trong lòng tức giận càng tức giận dữ dội, bèn bảo người hầu theo phá diệt cho hết, bảo trăm người lấy dây buộc vào cổ pho tượng lôi kéo mà không nhúc nhích. Tôn Triết cho là vô dụng, bèn tăng thêm sức lực, và dùng gậy đánh người làm việc. Cả trăm người cùng lôi kéo mà tôn tượng vẫn như cũ, tự nhiên và càng vững chắc. Lại thêm đến số ba trăm người kéo vẫn không lay động. Tôn Triết càng tức giận, lại bảo năm trăm người cùng kéo pho tượng mới ngã đổ, tiếng vang rung chuyển cả vùng đất, mọi người đều kinh sợ, chỉ riêng mình Tôn Triết vui mừng, tự mình rong ngựa muốn đến báo với Thứ sử. Vừa

mới đi được chừng trăm bước, liền rơi ngã xuống đất và liền bị câm, tứ chi không cử động được, đến tối thì chết. Các hàng đạo tục đều xướng reo thỏa lòng. Khi phá hủy pho tượng, ở dưới nách tà áo rũ ngược xuống có khác bài minh rằng: "Năm Giáp Ngọ, tức niên hiệu Thái Nguyên thứ mười chín (394) thời Đông Tấn, Tỳ-khưu Đạo An tu tạo Tôn tượng bằng vàng cao trượng tám này, về sau một trăn tám mươi năm sau sẽ bị phá hủy." Tính xét về năm tháng tạo dựng nên và phá hủy đều phù hợp. Vì vậy cho nên phải tin biết thỉ ấn của bậc Thánh sùng tạo dung phạm, động phát tâm vật, kỳ hạn sinh diệt, tướng thế gian khó thay đổi, rốt cùng của Nghiệp lý đâu thể luống dối?

Và thụy tướng của Vua A-dục ở chùa Trường Can thuộc Dương Đô, phát ra ánh sáng từ dưới mu bàn chân và khắp thân tướng điềm lành cảm khắp. Suốt năm đời các bậc Vương hầu đều cùng tôn kính như nói đầy đủ ở truyện trước. Mỗi khi gặp năm phải hạn hán, thỉnh tôn tượng vào cung phải dùng xe giá ngự kiệu, phía trên thêm khăn che, Tăng chúng đi theo sau tượng dùng lọng tự che, lúc đầu tuy lửa đốt nóng bừng thấu trời, nhưng pho tượng ra đến giữa đường thì không đâu chẳng mưa tràn ngập, nước nhà may mắn. Có năm mong cầu, do đó các hàng Đạo tục thường cầu thêm thời gian mưa. Đến niên hiệu Trinh Minh (587-589) đời Trần, khuôn mặt tôn tượng xoay về hướng Tây, người lo việc Giám Đường trị Nguyệt từng xoay lại theo hướng Chánh Nam, đến lúc sáng sớm hôm sau thì pho tượng lại xoay về hướng Tây như cũ, bèn tấu trình sự việc ấy đầy đủ. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) ban sắc thỉnh đến điện Thái Cực, thiết trai hành đạo, trước có mũ bằng bảy báu đội trên đảnh pho tượng, dùng các thứ châu ngọc trang sức nặng đến cả trăm cân, trên đó lại phủ thêm mũ gấm, qua đêm đến sáng, mũ báu bèn móc ở tay, mũ gấm vẫn còn ở trên đảnh tượng, Vua (Hậu Chúa) nghe thế bèn đốt lò hương lễ bái và chú nguyện rằng: "Nếu nước nhà có điềm không tốt thì mũ lại rời khỏi!" Và bèn đưa mũ lên tôn trí lại trên đảnh tượng, đến sáng sớm hôm sau, mũ lại rơi khỏi đảnh tượng mà móc ở tay như cũ. Mọi người trên dưới đều lo sợ, không ai chẳng xót xa bùi ngùi điềm ứng đó. Từ khi nhà Tùy phá diệt nhà Trần về sau, cả triều đình đều phơi bày đầu mặt buộc trói nơi Kinh Thất, mới biết nguyên nhân ấy. Sau đó, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-601) đời Tùy nghe biết điều đó bèn sai người thỉnh tôn tượng vào Đại Nội để cúng dường. Vì Tôn Tượng đứng nên vua thường hầu dâng không dám ngồi đối diện, bèn ban sắc rằng: "Trẫm tuổi già sức yếukhông kham đứng hầu Phật được lâu, hãy bảo Hữu Ty tu tạo một pho tượng ngồi, hình tướng tôn tượng cũng y như

tượng gốc của Vua A-dục.” Rước đến tôn trí tại chùa Hưng Thiện. Khi đã đến chùa ấy, hình tướng tôn tượng to lớn không xứng hợp với tức cơ, bèn tôn trí ở mặt phía Bắc. Đến sáng hôm sau, thấy tôn tượng ở trong cửa mặt phía Nam, mọi người đều lấy làm lạ, bèn thỉnh đến mặt phía Bắc dựng yên và khóa cửa lại. Qua sáng hôm sau đến xem thì tôn tượng lại ở mặt phía Nam, mọi người đều hổ thẹn sám hối lỗi khinh thường ấy. Liền thấy tại chùa bức vẽ rất lớn.

Lại nữa, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương rất tôn kính chư tăng, ưa chuộng linh nghi. Tu tạo hai pho tượng bằng vàng và bằng bạc, tôn trí tại điện Trùng Vân, sớm tối lễ kính, suốt năm mươi năm không hề phế bỏ. Đến lúc Hầu Cảnh muốn cướp ngôi, vẫn còn cúng dường. Thái Úy Vương Tăng Biện giết Hầu Cảnh tại Giang Nam. Nguyên Đế Trữ cung lại mất, Vương Tăng Tiện bèn thông giao với nhà Tề, rước Trinh Dương Hầu về làm Vua. Bấy giờ, tại Giang Tả chưa yên định, lợi hại cùng tranh hùng, con rể của Vương Tăng Biện là Đỗ Khám làm điển vệ cung quyết, vì tánh tình hang hãn, không thấy việc đời sau, muốn phá hủy hai pho tượng ấy làm thành vàng thoi, bạc thoi, lúc đầu bảo vài mươi người lầm Tam Hưu đục khoét cổ tượng Phật. Hai pho tượng bỗng nhiên đồng một lúc xoay lại nhìn, những người bị sai bảo bằng trúc, khắm thân sưng bầm xanh tím, chỉ thấy hình tượng Kim Cương lực sĩ khủng bố đua nhau đến đánh không tạm ngừng nghỉ, bèn gào khóc ầm ỉ qua mấy ngày thối rửa mà chết. Đến lúc thời vận nhà Lương đã thuộc nhà Trần, Vua Võ Đế băng, con của người anh là Trần Thiến vối tiếp nghiệp lớn, sắm sửa sang táng cụ, tạo lập xe tang, nước nhà mới bắt đầu yên định, chưa vội kinh thỉ, ban sắc đến lấy các thứ tôn tượng Phật, màn trướng báu, ngọc hành ngọc bội, châu ngọc hoa oanh trang sức ở điện Trùng Vân dùng vào việc tống chung, sức người đã đầy bốn phía đều đến, mà chỉ thấy mây khí ùn kết vây quanh điện Phật, ngoài ra ở phía trái, có mặt trời mầu trắng tỏa sáng. Bách Các người thợ nghe lấy làm lạ cùng chạy đến xem, phút chốc mưa lớn tuôn đổ, sấm sét nổ vang rung chuyển, mây khói nhả bay, mồm chim Diệt phun lửa cháy dữ trong mây, phát ra ánh sáng, lửa cháy bừng trên dưới xen lạm lẫn nhau. Và thấy trong bóng điện Trùng Vân hai pho tượng cao vời, bốn bộ Thần Vương cùng một lúc đồng vọt bay lên, khói lửa cùng hỗ trợ, bỗng nhiên ra xa rồi biến mất. Mọi người đến xem đầy khắp Thành Đô, đều sinh tín sâu. Sau khi mưa tạnh, đến xem lại chỗ cũ, chỉ thấy đá tảng nâng đỡ cột trụ hiện còn. Đến hơn một tháng sau, có người từ Đông châu đến nói ngày đó cũng trông thấy bóng điện bay về hướng Đông ra

Biển. Nay có người nhìn ra biển thì cũng thấy.

Gần thời Cao Tề, có Sa-môn Tăng Hộ là người giữ Chí Đạo, tâm ngay thẳng, chẳng cầu tuệ nghiệp, nguyện tạo một pho tượng bằng đá cao một trượng tám. Cảm lạ lời ước nguyện ấy, về sau đến nơi hang cốc ở phía Bắc của chùa thấy một tảng đá nằm dài đủ trượng tám, bèn tìm kiếm các thợ để đục tạc tượng, qua một vòng thì khuôn mặt và bụng đã tạm xong, chỉ còn lưng dính nơi đất, bèn dùng sáu dụng cụ để bẻ nâng, nhưng vẫn y nhiên như lúc đầu không nhúc nhích. Qua đêm đến sáng bỗng nhiên bỗng nhiên tự vut bay, liền đến đục tạc xong dời vào tôn trí trong Phật Đường. Đến ngày Tấn châu bị vùi lấp, tôn tượng ấy đổ mồ hôi dưới đất. Binh lính nhà Bắc Chu vào đất Tề đốt phá các chùa Phật, riêng pho tượng ấy không hề biến đổi sắc mầu. Lại muốn xô ngã tượng, người và trâu có hơn sáu mươi cùng kéo mà vẫn không lay động. Bỗng chốc có vị tăng lạ đến dùng cây gỗ đất bùn đắp lũy vây quanh, chỉ khoảnh khắc công việc xong xuôi, vị tăng ấy biến mất. sau đó, pho tượng ấy giáng hiện mộng vào người có tín tâm, bảo rằng: “Tôi bị khổ hoạn nơi ngón tay đau nhói”. Người ấy tỉnh giấc bèn đến xem mới thấy cây gỗ làm tổn thương hai ngón tay của pho tượng, liền vá đắp. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, có kẻ trộm lấy phướn lọng nơi pho tượng, mộng thấy có người thân hình to lớn, trượng tám vào phòng chê trách, kẻ trộm bèn sợ hãi hổ thẹn sám hối mà trả lại. Pho tượng ấy đến nay vẫn hiện còn, đều thấy nêu bày Dị Ký ở trong các tăng lục. Những sự cảm thông ấy trong Phật giáo đều đầy đủ rõ ràng, nhưng là cửa Phước thì không gì chẳng linh ứng. Trộm lấy tượng lánh kéo lửa thiêu đốt, muôn thú kinh hãi Tà Đạo. Che lấp dị thuật, kinh thiêu đốt không thành tro bụi. Linh cốt phát ra ánh sáng thần, Mật Tích dấy khởi hoằng hộ. Những điềm tướng ấy rất nhiều, đầy đủ như trong văn trước.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, có người mẹ của đệ tử Sa-môn Tuệ quang trụ chùa An Dưỡng ở Lương Châu, vốn rất nghèo khổ, đến nỗi không có chiếc áo lót, nhân vào trong phòng người con lấy được chiếc áo ca-sa cũ cắt may để mặc, cùng các người mẹ chung quanh đồng nhóm họp nói cười. Bỗng cảm thấy nóng đốt từ dưới chân dần lên đến eo lưng, chỉ chốc lát sấm sét đánh ném các người chung quanh văng ngoài trăm bước, đất bùn bít cả hai tai, chết giấc qua hôm sau mới tỉnh lại, còn người mẹ ấy bị sấm sét đánh chết, lửa thiêu cháy co quắp, nơi lưng có đề chữ rằng: “Do dùng pháp y không đúng như Pháp.” Người con bèn tẩm liệm an táng, lại bị sét

đánh văng ra ngoài, thi thể lội bày dưới rừng về sau mới tiêu tan. Vậy đủ biết thọ trì pháp phục, tuệ ban đến loài rồng cũng thọ tam quy, Tin chẳng luống dối dối.

Gần đây có vị Tăng ở núi, ban đêm ngủ trong hang sâu dùng Pháp y ngăn che miệng trước hang, cảm có vị Dị Thần đến hình tướng rất đáng sợ, hiện bày đưa cánh tay vào trong muốn chụp lấy vị tăng, nhưng sợ xúc chạm đến pháp y nên ngăn ngại không thể vào được, nhờ đó vị tăng ấy được thoát chết. Các điềm tướng như thế không thể ghi chép đủ, như trong các trường hợp trên dưới.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Bạo Bố ở núi Thiên Thai:

Thích Tuệ Đạt, họ Vương, gia đình vốn ở tại Tương Dương. Từ thuở nhỏ, Sư đã nhập Đạo, khéo tu thành việc. Hoặc lên núi xuống sông, hoặc đi đến xóm ấp, chỉ nương nơi chỗ tốt đẹp đều gá tâm vào chùa viện, hoặc sửa sang chắp vá các nơi hư phế làm thành phòng nhà của Thích Môn.

Sau, Sư đến núi Thiên Thai trụ chùa Bạo Bố, tu thiền buộc nghiệp. Lại đi về hướng Bắc đến núi Võ Đang, tĩnh nhiếp như trước. dưới thời nhà Trần (557-589) có một thời gian, bệnh cảm dịch lệ lan tràn, trăm họ chết hơn một nửa. Sư bên trong mới dấy khởi lòng từ muốn bố thí, bèn đến nơi chợ lớn ở Dương Đô, lập ra kho thuốc lớn ai cần thì cung cấp, Sư cứu giúp càng ngày càng rộng lớn. Các chùa ở Kim Lăng có số lượng hơn bảy trăm ngôi, trải qua năm tháng, lâu dài, hư hoại gần hết. Ngài bèn khuyến hóa sửa chữa chắp vá hơn ba trăm ngôi, đều chỉnh trang ngời sáng nghiêm sức mở thoáng có khác bình thường.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư đến chùa Bạch Tháp ở Dương Châu, tạo lập tháp gỗ bảy tầng, gỗ đá đã đầy đủ giao phó cho người sau tạo lập, Sư bèn đi ngược dòng sông đi về hướng Tây, đến các Quận Bà Dương, Dự Chương, xem xét công đức, nguyện cùng các chúng sinh đồng phước duyên ấy. Nên các Phong Ấp nào Sư đến thấy ở phường nào có chùa chiền Thiền viện, linh tháp thần nghi, bất kể là bằng vàng hay cây gỗ đất đá, Sư cũng đều đốc suất khuyến hóa tạo thành, số lượng chẳng phải một vài nơi. Về sau, được Sa-môn Tuệ Vân thỉnh mời, Sư bèn đến trụ ở Lô Nhạc, xây dựng chùa Tây Lâm, lầu gác bảy gian đều xây dựng bằng gỗ Loan, Lô, sáng ngời cả thế núi. Ngày bắt đầu tạo dựng, thề nguyện phải sử dụng bằng gỗ Hoàng Nam (gỗ chò), khắp trong khu vực tìm kiếm mà không có được một cây. Mọi

người đều muốn thay đổi bằng các loại gỗ khác. Sư bảo: “Thành Tâm ở tại đây, đâu phải tìm cầu các thứ khác. Chỉ vì chí thành không cảm nên tìm kiếm không được toại nguyện. Hẳn tâm cầu mong quả quyết thì cây thông tán đều biến thành gỗ Hoàng Nam, nếu cầu tìm không được, thì thì gác sẽ không có ngày hoàn thành.” Mọi người đều sợ lời nói ấy của Sư, nên đi khắp bốn phía để tìm kiếm. Mới đến núi Hạ sào cũng thuộc trong địa vực cảm có một cái hang toàn là cây gỗ Hoàng Nam, mà lại nằm nơi sâu dưới cùng khe suối, không làm cách nào lấy đem ra được. Sư tìm đến bên vách sườn núi, thấy có một chỗ thoáng qua ánh sáng, nhìn thấy trong đó có thể làm đường thông đưa gỗ ra, mà chỉ có năm thước hơn, ngoài ra đều là chân trời. Sư bèn kéo gỗ đá đến nơi đầu dòng, giữa đường gặp dòng thác đổ nước xoáy, bè cặp đều hư hoại. Khi về đến non Lô, không mất một cây nào, do đó, các được tạo thành, rộng lớn hơn cấu kết trước. Sau đó, bỗng nhiên nghiêng về hướng Nam ba thước. Các thợ thiết kế không có cách naao sửa lại cho ngay ngắn. Có khe Thạch Môn ở phía nam gác, bỗng nhiên có gió mạnh thổi về hướng Bắc, gác trở lại ngay ngắn. Đến nay hiện vẫn còn.

Về sau, Sư lại đến Trường Sa, đúc chuông tạo tượng. Các nơi Sư đến đều như cỏ rạp theo gió, mọi người đều dốc lòng dâng cúng vàng bạc, đua nhau thực hành còn sợ Sư không nhận. Sư tùy Tánh tạo chân, nói năng không chải chuốt, y cứ vào kinh điển mà dẫn dụ, dốc lòng khuyên hóa vật tình. Nhưng Sư ăn mặc rách rưới thô xấu hết chỗ trông nhìn. Bên ngoài bao gồm mọi việc lớn lao, nhưng bên trong bền bỉ tu sửa tĩnh lắng. Người bên cạnh trông thấy Sư trầm mặc, dường như không thể nói được. Nhưng Sư chỉ huy ứng phụ lập có thành toại. Đó tức là ở nơi phiền mà không nhiễu, hẳn là người ấy.

Sư lại vì chùa Tây Lâm, gác đã hoàn thành mà còn thiếu tôn tượng, nên Sư lại men theo dòng tu tạo xây dựng đầy đủ, nên khắp gác đều đầy đủ, đó là do công đức của Sư.

Đến cuối tháng bảy niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, chứng bệnh cũ bỗng nhiên tái phát trở lại, suốt bảy ngày Sư nằm tựa, có mùi thơm lạ xông tỏa vào phòng nhiễu quanh như mây. Tôn tượng thiết trí trong gác đều đổ mồ hôi xuống đất. Đại chúng thấy điềm tướng ấy, biết Sư sẽ thị tịch, các quan nhân xem xét, tấu trình sự việc ấy đầy đủ, thần sắc chí khí Sư vẫn như thường, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi bảy tuổi.

4- Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu:

Thích Tăng Hoảng, họ Phùng, người xứ Nam Xương ở Phù Thành thuộc Miên Châu. Thân Sư cao tám thước, dáng mạo cao lớn, oai dung nghiêm chỉnh, mọi thi vi nằm trong khuôn phép, mà mắt như chim ưng, thân hình tợ hổ, đi như chim nga, bước tợ voi chúa, lời tiếng oai hùng rõ ràng, chí lược rộng xa. Giềng mối đảm nhận giáo pháp rất có tướng Thạch trụ, nên khiến cho các bậc lãnh tụ các xứ Mân Ba đều cùng kính ngưỡng.

Ngày trước, khi đang độ tuổi Chí học, Sư có văn tài bác đạt, người đương thời đều ngợi khen. Sư từng mộng thấy tay mình tự nắm lấy mặt trời mặt trăng, ngồi giữa thái hư, bỗng nhiên nhàm chán thế tục, vui mừng mến mộ muốn xuất gia, tự lấy tên là “Tăng Hoảng. Song Cha mẹ Sư không chấp thuận bèn xích hai chân Sư vào cột trụ nhà. Sư quyết chí đã dứt bặt, thệ tâm không thay đổi, chẳng dời sớm tối, vòng khóa tự nhiên mở. Sư bèn tự than rằng: “Chỗ mà chí khí nói đến, núi non vì đó mà lay chuyển, sông ngòi vì đó mà dứt bặt, thành đài vì đó mà sụp đổ. Biển khơi vì đó mà khô cạn, trời trăng vì đó mà thầm mất ánh sáng, Núi Tu-di vì đó mà sụp đổ. Huống gì cây vàng cùm trói chân gà mà đáng nói ư?” Cha mẹ nhìn thấy sự minh cảm ấy bèn mặc tình để Sư nương theo Đạo hóa, Sư bèn nương tựa Pháp sư Thoán mà xuất gia thọ nghiệp.

Sư học thông các Kinh Đại thừa, tiểu thừa, sớm tối chẳng biếng trễ, vào cuối thời Nam Lương, đầu thời Bắc Chu, trong Phật giáo rối ren, thực hành phần nhiều sơ lược, xa dối Tỳ-ni. Sư tuy chưa nghe đến giới cụ túc, mà vượt xa khác lạ, ít hay tinh cần khổ tiết, tánh tự giữ gìn, rốt cùng chẳng phải do thầy bạn thành lập cho. Đại chúng thảy đều kính vái thần vũ nơi Sư, thầm cùng cao chuộng. Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, Sư chuyên nghiên học về Luật Thập Tụng, chỉ qua vài năm khổ nhọc mà sáng soi tinh thục, tham cứu tinh vi đến cùng tận, cao sâu đáng tôn sùng. Từ niên hiệu Bảo Định (561-566) thời Bắc Chu về sau, Sư lại tìm đến Trường An, học Luật Tăng-kỳ, xét tìm yếu chỉ sâu mầu. Có khó khăn sẽ nghiên cứu, thì vướng mắc ấy sẽ thông. Sư lại đến chỗ Thiền sư Đàm Tướng bẩm thọ Tâm pháp, Quán Đạo tròn đầy thanh tịnh do đó càng khai mở. Lại đến chỗ Thiền sư Khai, hành đạo Phương Đẳng, đồng nhập vào thời luân, chẳng ai bằng Sư, từ đó ít có người truyền. Do vì Sư lo, tạo nhiều phước nghiệp, nhọc làm việc hữu vi, vì thế mà ẩn cư, đời không khen ngợi, đã là xa gần ngợi khen đức hạnh, tiếng tăm Sư vang

xa đến chốn Thiên Đình. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu ban sắc mời Sư vào điện Minh Đức. Sư nói bàn khai diễn rất xứng hợp với Thánh tâm, Vua mới phong cho Sư là "Bổn Châu Tam Tạng"!

Đến lúc thời vận nhà Tùy ngự trị thiên hạ, Vua Văn Đế (dương Khiêm 581-605) ban sắc giao phó Sư nhậm chức Tăng Chánh, giúp ngự trị Bổn ấp, nhưng Sư cương quyết thẳng thắng, thưởng phạt rất nghiêm túc bình đẳng. Nên mọi người khắp xứ Miên Châu, Ích Châu đều kính phục đạo phong. Các hạng sang hèn đều kính vâng. Trước sau làm chủ châu có hơn mười người. Sư đều truyền trao cho giới hương, bỏ ác làm lành. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, ở tại trong chùa, Sư lại thiết đặt chúng đầu-đà, mọi việc chúng tăng thảy đều miễn khỏi để dẫn dắt người rơi lạc. Từ niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư lại đốc suất chúng tăng trong chùa đọc tụng tạng kinh, xong rồi thì trở lại từ đầu không ngừng dứt. Mọi sự cung cấp cúng dường đều xuất từ tục duyên, và chính do Sư chỉ trao. Nên phước báo đạt đến như suối tuôn không khô cạn, Tăng nghiệp hưng thạnh, phương loại suy cử.

Đến mùa Đông niên hiệu Võ Đức thứ nhất (518) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Chấn Hưởng, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đầu, lúc ngài chưa tịch, hồ sen nơi Phật Đường tự nhiên khô cạn. Hàng Trúc bên cạnh hồ vô cớ tự nhiên khô chết, Tường Vi trong chùa trái thời tiết mà trổ hoa ngời sáng như tháng hạ. Tăng chúng trong chùa cho là hai điềm tươi khô không gì chẳng mang đức sinh diệt, khác với bình thường, nên cảm ứng như thế.

5- Truyện ngài Thích Trú Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu:

Thích Trú Lực, là người xứ Dương Cù thuộc Hà Nam. Lánh đất từ quận Ngô đi đến ở huyện Tiền Đường, nhân đó mà xuất gia. Sư trước đã gieo trồng nhân tốt, sớm tu tuệ nghiệp. Vừa mới tám tuổi, Sư xuất gia học đạo, khí vũ ngưng tụ cao vời, rỗng lòng tiếp ngộ. Tiếng tăm dần dần cao tỏa, vang khắp các hàng Đạo tục.

Dưới đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) xây dựng chùa Thái Hoàng ở phía trái kinh thành rất rộng lớn, hết bặt tuyền phủ, bèn ban sắc mời Sư trông coi trăm người thợ, nên được đo lường chỉ huy, thế rất nghiêm tịnh. Đến niên hiệu Chí Đức thứ hai (584) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) lại ban sắc thỉnh Sư làm chủ chùa. Bấy giờ, ở Giang Biểu đang chìm đắm, tăng chúng tán loạn. Sư bèn mang tích trượng đi khắp để tìm thắng địa. Đi đến Giang Đô, dừng trụ tại chùa

Trường Lạc, dừng tâm ở đó.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Sư xây dựng ngôi tháp năm tầng, vàng cuộn sáng chói vợi đẹp xinh. Khắp xa gần đều đến chiêm ngưỡng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, khi đó, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đang ở tại Tấn phiên lại đến Giang Hải, do Sư đảm nhận việc chùa, công phu khéo sửa tạo cho nên như thế. Xưa kia, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương có được pho tượng Phật do Vua Ưu-điền tạo dựng, thân tướng tốt lành khó thể ghi chép, ở tại chùa Long Quang thuộc Đan Dương. Đến lúc nhà Trần mất nước, đạo tràng bị đốt phá. Sư bèn thỉnh tôn tượng ấy và tôn tượng Phật Định Quang của Vương Mật đều đưa đến chùa Trường Lạc, dốc hết thân tâm cúng dường. Nhưng vì điện vũ nhỏ hẹp chưa thể trang nghiêm hết, nên Sư bèn khuyến hóa, chỉ dẫn bốn Bộ Vương Công thứ dân cùng nhau sửa sang lầu cao và cặp theo hai lầu. Tại chùa, Tăng chúng lớn nhỏ có hơn ba trăm vị, đều cùng vui mừng xả thí, cùng nguyện xây dựng. Sư bèn hướng dẫn các đồng bạn có hơn hai trăm vị tăng cùng đến Dự Chương chẻ núi, chặt gỗ. Sức người đã mạnh khỏe, khuôn thước Sư chỉ bảo khéo được hết vật tình, nên ngay năm đó lập thành. Chế đặt hoa nhã đẹp xinh, năng lực như thần, rộng thoáng cao bày, vượt trội trùm khắp vùng. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Sư lại xây dựng tăng phòng khắp bốn phía, hiện vũ, nhà trù, trai đường, kho lẫm thảy đều đầy đủ, nên khiến chúng tăng thường luôn nhóm họp. Không do đâu dứt sự tiếp nối. Sư lại đến kinh đô, rất được ban giáng ân lễ, Sư về lại Giang Đô lại đội ân sắc ban an ủi. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, Sư lại dốc hết của cải riêng mình mua sắm gỗ chiên Đàn hương mô phỏng thụy tượng Đức Phật và hai vị Bồ-tát, không bao lâu thì hoàn thành và đều được thờ trong lầu. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười bốn (niên hiệu Đại Nghiệp chỉ có mười hai năm (605-617) nhà Tùy tán loạn, các hàng đạo tục sống lưu vong, hài cốt héo khô đầy khắp các đường chợ, Sư nguyện đem Thân mạng để giữ gìn điện các. Chùa ở dưới ánh trăng đơn, Sư nhìn bóng làm bạn, ăn đậu uống nước, lại lìa nóng lạnh. Tuy tuổi tác già nua mà tâm lực Sư khỏe mạnh, bụi rơi trên áo, lửa đốt khắp bốn phía. Sư vẫn miệng tụng kinh không ngưng nghỉ, tự tay sửa lấp. Bọn giặc than khóc, người thấy buồn than, luôn thay đổi tâm cùng giúp nhau tu bổ. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường hưng thạnh, mở mang Đại pháp, Chư Tăng xưa và các chúng khác đều đến nương tựa. Nhà cửa khắp xóm ấp đều bị đốt phá, mà chỉ riêng chùa ấy vẫn còn.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, người cầm đầu bọn giặc ở Giang Biểu là Phụ Công Hữu cậy nơi hiểm trở sửa sang Binh Bị, ngầm muốn làm phản, có hơn trăm ngôi chùa quán đều đưa về Giang Nam. Sư bèn gởi thư đôi ba phen cầu xin nguyện thiêu thân ở trước lầu để lưu lại chùa viện. Phụ Công Hữu Nguỵ hiệu là Tôn Xưng trong ý muốn phá diệt hết, tuy đọc được thư Sư mà không hề đoái hoài. Sư bảo các đệ tử rằng: “Tôi từ vô lượng kiếp đến nay chứa nhóm tham ái, chẳng xả bỏ thân mạng để báo ân Phật Pháp. Nay muốn ở trước Phật tự nhận lấy tận quyết, không nỡ trông thấy tôn tượng đưa đến Giang Hà, hãy chất củi khô để tự thiêu thân cúng dường. Sau khi tôi qua đời, tôn tượng phải đi về phía Nam, các thứ y phục, của cải đều đưa vào tôn Tượng, than khóc thí linh theo lý nên thay đổi.” Sư bèn dùng nước nóng thơm tắm gội, xong rồi ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, bật lửa tự thiêu đốt. Sư thị tịch giữa đống lửa đó, thọ tám mươi tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng tám tháng mười niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường.

Sau khi Sư qua đời, lửa tắt, nhục thân Sư vẫn chắp tay an nhiên. Lại phải trà-tỳ, đồng một lúc đều tiêu tan hết. Lúc Sư ở trước tôn tượng Phật tự thiêu đốt, có đàn chim Thước kêu buồn, tiếng nghe rất thảm thiết, bay nhiễu quanh bên phải, bảy vòng rồi mới bay đi thẳng. Sau khi Sư thị tịch, quả nhiêu tôn tượng dời chuyển về hướng Nam, Điện gác, phòng hiên không bị thiêu đốt. Pháp Bảo, Môn Tuệ An, Trí Trách v.v... vì tình thầy trò nghĩa nặng, cậu cháu ân sâu, nên dựng lập bia cao ở trong chùa. Đông Cung Thứ Tử Ngu thế Nam soạn văn. Nay, tôn tượng ấy lại được rước về thờ tại gác cũ của Sư.

6- Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô:

Thích Trí Hưng, họ Tống, người ở xứ Lạc Châu. Sư có tánh hạnh khiêm cung kiệm ước thành việc, mài giũa đức hạnh bền bỉ sáng ngời. Sư trì tụng các kinh đến mấy mươi quyển và hành Pháp yếu có mấy ngàn hàng, tâm miệng cùng theo nhau không nghỉ lúc sớm tối. Sư ở tại chùa Thiền Định, nay tức là chùa Đại Trang Nghiêm. Lúc đầu, Sư nương tựa Luật sư Thủ, cùng theo đến các giảng hội, năng lực tư duy trong sáng, các bạn đồng tu đều đề cao Sư. Nêu lên câu hỏi, văn từ bén nhạy, lại khéo trôi chảy, chẳng thương tổn thứ lớp. Bấy giờ, mọi người cho rằng Sư thực hành vô tránh.

Tháng mười một Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, theo thứ lớp,

Sư lên đảm nhận công việc Duy Na, thời khoá hô chuông làm việc, Sư chăm chỉ siêng năng, không phiền nhiễu chúng tăng. Trong chùa có Sa-môn Tam quả, người anh theo Vua đi về hướng Nam tới Giang Đô, mới giữa đường bị qua đời, ban đầu không biết lành dữ, bỗng nhiên người anh ấy giáng mộng khi người vợ ngủ mà nói rằng: "Tôi đi theo vua vừa đến Bành Thành, không may bệnh chết, bị đọa vào địa ngục trải qua đủ năm thứ khổ dữ dội, khó thể nói hết, mà không ai hay biết gì về tôi! May nhờ vào ngày mồng một tháng nầy (11) được Sa-môn Trí Hưng ở chùa Thiền Định hô chuông, phát tiếng vang vọng rung chuyển chốn địa ngục, nên mọi người chịu khổ cùng một lúc được thoát khỏi. Nay tôi được sinh về cõi an lành vui sướng, nghĩ muốn báo đáp ân đức ấy. Nên sắm đủ mười xấp lụa để dâng cúng Sư và nên trình bày về ý của tôi!" Người vợ ấy thức giấc lấy làm lạ về nguyên do của điềm mộng, bèn kể cho mọi người biết, lúc đầu không tin. Sau lại giáng mộng tiếp, các thầy đồng bóng đều trình bày lời nói trước. Qua hơn mười ngày, hung tin chợt đến, hợp với điềm mộng. Sa-môn Tam quả bèn dâng cúng lụa cho Sư. Sư tự tỏ bày cho mình là kẻ Vô Đức, nên đều cúng thí cho đại chúng. Có người hỏi Sư rằng: "Do duyên gì mà hô chuông mới cảm được điềm ứng ấy." Sư đáp: "Tôi không có thuật gì khác, thấy trong Phó Pháp Truyện, Kế Nị Sất Vương Kiếm Luân Đình Sự và Kinh Tăng nhất A-hàm nói về Công Đức của tiếng chuông, tôi kính vâng việc đó, gắng sức thực hành. Mỗi lúc mùa Đông lên lầu, gió lạnh cắt thịt, chư tăng cấp cho áo da để cầm dùi chuông, giá lạnh rách thịt, trong lòng bàn tay máu ngừng đọng, tôi không vì thế mà từ nan. Lại đến các chùa, mới đầu hô chuông là nguyện cầu các vị Hiền Thánh đồng vào đạo tràng, sau đó ba lần gióng chuông rồi lần lượt gióng dài và rất mực chí kính như trước, nguyện cho các loài đang ở trong các đường xấu ác nghe tiếng chuông này, cùng một lúc được lìa khổ. Hạnh nguyện như thế, chí tôi thường vâng tu, đâu chỉ thành kính sơ sài mà có thể cảm ứng được xa!" Mọi người rất kính phục lời nói ấy của Sư.

Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, chỉ thời gian ngắn, mà tự biết trước ngày thị tịch, xả bỏ thân mạng của cải, mời tất cả các vị thầy bạn cùng đến, nhân lúc thọ trai mà nói lời giã biệt. Sau đó không lâu, Sư thị tịch chùa Đại Trang Nghiêm, thọ bốn mươi lăm tuổi, an táng trong hang Đỗ Thành.

Ngài có vị đệ tử là Sa-môn Thiện Nhân, là bậc Tông Sư giới Phạm, giảng Luật Tứ Phần, giảng Kinh Pháp Hoa, Phước tuệ thầm sáng, nổi tiếng ở Kinh Ấp.

7- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cửu ở Bồ Châu:

Thích Đạo Tích, là người xứ An Ấp thuộc Hà Đông. Họ Tương Lý, tên là Tử Tài. Khi đã vào huyền môn lại đổi tên là Đạo Tích. Sư là con cháu của Cái Trịnh Đại Phu Tử Sản. Xưa kia, khi Tử Sản mới ra đời lòng bàn tay nắm chặt, bèn mở tay ra xem thì có chữ Tương Lý", về sau nhân đó mà lấy làm họ. Sư có thân tướng cao lớn, khôi ngô rất có chí lớn, khéo học bao gồm, Tông chuộng nghiêm quân.

Sư sớm tập học Khâu Phần, thần khí ngời sáng. Năm mười hai tuổi muốn xuất gia mà Sư chưa biết đến đâu. Gặp được Luật sư Hồng Trạm thấy Sư có sự kỳ đặc, bèn xuống tóc cho, Sư ẩn tích nơi Song Nham. Sau đó, lại đến nương tựa Thiền sư Pháp Lãng cầu học Tâm Pháp. Sư ẩn bóng ba năm chẳng bước chân ra khỏi cửa núi, nhưng vì u chứng là khó, thánh giáo cần phải trải qua. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, ngài ôm bát đi khắp, tham cầu giáo nghĩa, trên đường đi qua Thương Hải, Ký Hải đến chùa Viễn Hành, Sư nương tựa Pháp sư Phổ Hưng, tìm học Kinh Niết-bàn, vui mừng được nghe pháp chưa từng nghe. Bốn năm sau, tinh thông ba việc, Sư rất được các bạn đồng học mến trọng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư vào kinh đô, nương tựa Pháp sư Minh Cập ở chùa Bảo Xướng, cầu học Địa luận. Lại đến nương tựa Pháp Sư Trí Ngưng ở chùa Biện Tài, học Luận Nhiếp Đại thừa. Đối với Thập Nghĩa Huân Tập sáu phần chuyển y, Vô Trần Duy Thức, trải qua một thời gian Sư đã tỏ ngộ. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư lại đến Tinh Châu, đến chỗ Sa-môn Pháp Lăng ở chùa Võ Đức, nghe giảng Kinh luận Địa Trì, nên Sư thành đạt được Thập Pháp Tam trì cùng tận cội nguồn.

Đến tháng bảy niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Dương Lượng làm loạn, Sư bèn cùng các Đồng bạn như Sa-môn Tố, Sa-môn Kiệt v.v... đi về hướng Nam, đến Bồ Phản. Khi đã đến quê cũ, Sư đại hành pháp hóa, trước tiên giảng Kinh Niết-bàn, sau ngài giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Và các Dị Bộ thường luôn truyền bá. Đến lúc gần năm mươi tuổi, Sư chỉ hoằng truyền Kinh luận Địa Trì, lấy làm điểm cùng cực của sự răn dạy khuyến hoá, đặc biệt gọi là yếu luận khai Tâm, nên các hàng Đạo tục thành tượng đều thấm nhuần ơn pháp hóa, kết tông từ huấn xa gần đều thông hợp. Nhưng Sư rất phòng giữ phiền não, lại cẩn trọng hiềm nghi dèm pha, nên đối với ni chúng đến nương tựa quy y, Sư chẳng từng đoái hoài dắt dẫn. Sư từng bảo với đồ chúng rằng: "Người nữ làm dơ bẩn giới hạnh, trong Thánh Điển thường nói, Đức Phật độ cho họ xuất gia làm tổn giảm Chánh Pháp. Chỉ mới nghe tên đã dơ bẩn tâm,

huống gì đối mặt mà không nhiễm ư? Vả lại, Đạo quý ở thanh tịnh hiển hiện, chẳng can dự phi lạm, tục trọng xa hiềm. Người quân tử phải kính phụng. Tôi tuy chẳng bằng, nhưng xin vâng theo độ ấy.” Do đó, mà việc cầu xin thọ giới dạy trao, đến lúc tuổi già Sư chẳng hề bước đến. Nếu có muốn tham yết thưa hỏi, Sư cũng chẳng cho vào phòng thất. Đó chính là cốt cách nghiêm khiết chính mình, trong sạch trinh thuần bước đi lên, nên các bậc tài giỏi ở Hà Đông hchẳng đồng với phong thái của Sư.

Trước tiên là có Sa-môn Bảo Trừng vào đầu đời Tùy ở chùa Phổ Cứu bắt đầu đắp tạo pho tượng lớn cao trăm thước. Cả muôn công thợ mới lên được một, chưa hoàn tất ước nguyện ấy mà ngài Bảo Trừng đã sớm thị tịch. Các bậc lão túc kỳ đức trong xóm ấp thỉnh Sư kế tiếp công việc ấy. Sư chỉ vì Đại tượng chưa thành, lại dắt dẫn bảy quý mà tạo dựng. Tu tạo dựng xây suốt mười năm điêu khắc điểm trang đã hoàn thành. Các hàng Đạo tục đều hoan hỷ vui mừng. Lúc đầu, vào tối hôm Sư nhận lời mời thỉnh thì nằm mộng đến bên sườn núi thấy có hai con sư tử ở bên cạnh Đại tượng liền nhả các gạt ngọc sáng tương tục không ngừng dứt. Khi thức giấc, Sư nghĩ rằng:”Thú Vương tự tại là biểu thị dòng Pháp chẳng mãi không vướng đọng. Châu báu tự phun nhả dụ cho Tài thí không cùng. Minh vận ngầm mở, công thành ở tại đây. Sư liền bảo công thợ đắp họa điềm thấy trong mộng ở trước Đại tượng Đức Di-lặc, đến nay vẫn hiện còn.

Chùa ấy nằm ở phía Nam Bồ Phản, cao sáng xinh đẹp, phía đông gần đến Châu Lý, phía Nam trông tới Hà Sơn. Tôn tượng được thiết trí ba tầng, hành lang khắp bốn phía, trên phường dưới viện. Vườn bền chặt ruộng raum vây quanh rủ lại, nhỏ mà thành lớn, đó đều là do công lao của Sư, chứa nhóm công đức, từ không dựng tạo có, đều là do năng lực của Sư, nhưng Sư vẫn thường mặc áo thô xấu, ăn dùng rau lá, xem thường vật chất, quý trọng tánh mạng. Khi chùa Phổ Cứu đã đầy đủ, Sư bèn tìm chổ tỉnh lắng để về nhàn, làm nên mà chẳng ỷ cậy, liền ở nơi u ẩn, ngày ngày giữ chí, chóng dứt việc người đời. Sư không hề bảo ban mà chúng tự nghiêm tịnh, chẳng bước ra mà chúng sinh tự tìm đến. Bộc Xạ Bùi Văn Chân Sủng Cư Thượng Tể kính trọng đức lệnh của Sư, từng dâng tặng hương hoa y phục. Thứ sử Đỗ Sở Dung biết Sư được người kính trọng nên đến xin cầu pháp. Sư có được những sự cảm động, đại loại đều như thế.

Đến cuối đời Tùy, bít lấp Hà Đông, Thông Thủ Nghiêu Quân Tố trấn thủ tại Hoang Thành, một mình cầm đầu, nên tha hổ hung bạo, người đương thời chẳng ai dám trộm nhìn. Muốn bàn nghị các Sa-môn

lên thành giữ gìn cho bền chắc, người nào dám can ngăn sẽ bị chém đầu. Các hàng tăng tục đều lo sợ, không ai dám trái nghịch. Sư tức giận từ bên trong phát ra, chẳng cần đoái hoài đến thân mạng, bảo với pháp thuộc rằng: "Thời thì có thạnh suy, nhưng pháp không có thạnh suy, khi trời chưa tan mất thì văn ấy vẫn còn tại đây. Vả lại, Sa-môn là khách ngoài trần, dấu vết vượt cao hơn đời, làm sao được cầm nắm giáo mác, ôm lấy áo giáp làm tên lính chế ngự ư? "Bèn dẫn các Sa-môn Đạo Tôn, Thần Tố bước lên thềm, giữ nghiêm sắc mặt mà can ngăn rằng: "Bần đạo nghe rằng: "Đối với người không sợ chết thì chẳng thể lấy sự chết mà làm họ sợ hãi." Nay xem cái chết như sống, chỉ sợ không được cái chết ấy. Vì chết mà có ích là điều rất đáng can tâm. Tính sự mất còn của thành là mưu lược của ông. Ở đời có Vinh thái chăng là vận của ông, đâu phải năm, ba hư tánh mà cứu giúp được ư? Xưa kia, nhà Hán kính trọng Tứ Hạo mà thiên hạ được thanh bình lớn mạnh, nhà Ngụy mến quý Can Mộc mà cả nước nhà được đại trị. Nay muốn ràng buộc để theo Quân dịch thì trái với trời thường lấy hội Linh Kỳ. Sợ sẽ chuốc lấy điềm chẳng lành, dám bày nỗi lòng, nguyện tỏ mưu sâu, không nên dối rỗng bày, một mai tự nghiêng đổ, sau đó sẽ bị Thiên hạ chê cười. Nếu ông đòi lấy đầu, tôi sẽ hiến dâng Đầu, nhưng vì bổn nguyện nên phải lấy sự sống thừa bức sung vào bộ giáp thì không biết sống làm sao, chết làm sao!" Sư trình bày lời ấy, những người đứng bên cạnh thảy đều sợ hãi. Lúc đầu, Nghiêu Quân Tố nghe lời can ngăn đó rất kính trọng từ khí của Sư, chỉ trố mắt nhìn thẳng mà bảo rằng: "Kỳ lạ thay người này! Cớ sao tâm khí hùng mạnh như thế ư?" Nhân đó mà xả bỏ chẳng hỏi han. Quả nhiên đến chỗ Sư mà tỏ bày sám hối, Nghiêu Quân Tố lấy sự giết hại, vô độ mà sánh với tâm độc hại, lại thêm nêu ý khinh thường lăng nhục, tuy đương thời có được sự an nghỉ mà họa tạo nên điềm ấy. Cuối cùng bị người trong Thành là Tiết Tông làm hại.

Từ khi, Sư lập tánh cứng rắn, chí quyết không đổi thay, gặp phải mọi sự tức giận động làm cá thịt. Sau khi xuất gia, Sư tự chê trách bổn duyên, bẻ gãy vô tình, càng tăng thêm hòa nhẫn. Đến năm ngài sáu mươi tuổi, hạnh ấy càng lớn, tu tập thành tánh, lời nói ấy thật chẳng sai lầm. Đến ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phổ Cứu, thọ sáu mươi chín tuổi.

Lúc đầu, Sư bảo: "Bệnh không phải là sự khổ." Tự biết cuộc đời của mình, nên bảo với môn nhân rằng: "Nay tôi đã bảy mươi lăm tuổi, tôi sẽ qua đời nội trong năm này!". Đồ chúng cùng thưa hỏi Sư rằng:

"Thầy mới sáu mươi chín tuổi sao vội từ giã thế?" Sư bảo: "Sinh tử là pháp như thị. Tôi không hề lo sợ. Vả lại, lão tăng (tôi) tuổi chỉ gần bảy mươi, mà Thứ sử trông diện mạo tôi tăng thêm sáu tuổi. Nên mạng sống đó chỉ trong sớm tối. Cố gắng khắc sâu, nên xem vào sở hành của tôi!". Sư lại bảo: "Trong kinh chẳng nói ư? Thế gian rất mong manh không được bền chắc". Khi Sư thị tịch, suốt ba ngày, chuông chùa gióng không phát ra tiếng, sau đó trở lại như cũ. Mọi người điều buồn than.

8- Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô:

Thích Đức Mỹ, họ Vương, người ở xứ Lâm Thanh thuộc Thanh Hà. Từ lúc nhỏ bẩm tánh Sư đã vốn thích điều lành, mở miệng giảng nói thường bày tán tụng, nhóm đất cát vui đùa thì trước là làm ảnh Tháp, mỗi lúc thấy hình tượng, nhận biết liền kính lễ. Do vậy mà quyến thuộc thầm lấy làm lạ, biết Sư không thể tiếp tục nối dõi, nên mặc tình để Sư theo thầy học tập. Năm mười sáu tuổi, Sư giã từ cha mẹ đến những nơi rừng núi đồng hoang, phỏng tìm Danh hiền, để làm thấy mình.

Đến năm mười chín tuổi, Sư mới được cạo tóc xuất gia, Sư cẩn trọng khiêm nhường cung kính, chuyên suy nghĩ hạnh nghiệp. Tuy các kinh luận, Sư đều học nhưng chỉ lấy luật làm cốt yếu trong tâm. Nên đối với luật Tứ Phần, Sư thông hiểu Tông hệ, tìm cầu bạnh lành chẳng kể gần xa, Sư nghiêm khiết tự cố gắng, chẳng đồng với phi loại. Vào những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Sư xét Phong hóa ở chốn kinh đô, Thọ Trì giới luật, lấy việc lễ sám làm hạnh nghiệp chánh. Nhân đến núi Thái Bạch, Sư trì tụng Kinh Phật Danh mười hai quyển. Mỗi lúc hành sám, Sư vừa tụng vừa lạy, mọi người cho đó là Tổng Trì Niệm lực, công cách Niết-bàn. Tại núi Thái Bạch Cửu lũng trước kia vốn có Thiền sư Tăng Ung, là vị danh tăng đạo hạnh, nhân đó, Sư lại đến kính thờ, tôn làm thầy, Sư theo thọ nghĩa nghiệp, chóng nhiễm ấm lạnh. Sau đó, Sư về lại kinh đô, trụ chùa Tuệ Vân.

Gặp được Thiền sư Tĩnh Mặc, Sư lại nương tựa cầu học. Ngài Tĩnh Mặc là đệ tử thần túc của Thiền sư Thiện Đạo, khéo vâng thừa Tín hạnh, rộng làm công đức chủ, khổ tiết kiệm ước thân tâm, không mặc y phục bằng lông da gấm lụa. Ngài Tĩnh Mặc theo học với ngài Thiện Đạo, thấy nghe học đó, vang vọng khắp kinh đô, riêng kết quy tục chúng. Sư nương theo ngài Tĩnh Mặc có hơn mười năm, ba nghiệp thuận theo, rất được mến đãi. Do đó, mỗi năm Đạo Tràng lễ sám sắp tan, cách kỳ hạn bảy ngày, gắng thêm mạnh mẽ. Với Kinh mười lăm ngàn danh hiệu Phật, mỗi ngày Sư trì tụng một biến, tinh thành đạt đến có nhiều

điềm lành, từ đó đến lúc qua đời, Sư trì tụng có hơn ngàn biến. Nên ngài Tĩnh Mặc rộng giúp cửa Phước Khai ngộ các hàng sĩ tục, rộng mời đại chúng, lớn bày đàn việt, lợi dưỡng kết quy ở chốn kinh đô thì đó là nơi tốt đẹp hơn cả. Tuy chứa nhóm mà lại hay tan, nên người đương thời lại quý trọng. Ngài Tĩnh Mặc từng đến trụ chùa Hưng Thiện nhóm họp ngàn vị tăng hành Đạo. đến lúc mãn kỳ, cúng dường riêng mỗi vị mười xấp lụa mỏng, gần đến giờ tan, bên ngoài đến đông gấp bội, vị tăng chấp sự sợ thiếu nên y cứ theo tên mà giao vật. Ngài Tĩnh Mặc nghe thế, bảo rằng: “Sao có lý ấy, chẳng thành nghĩa tăng, nếu như ước cắt thì Phàm Thánh khó biết, chỉ nên cúng dường chớ lo thiếu hết.” Trước đó, trong kho không chứa để một thứ gì, mọi vật đều đưa ra lúc tan hội. nhưng khi thiết Đại hội, bảy chúng đều nhóm họp, vật thí chất như núi, mới cũ đều sung vào. Khi đó mọi người đều kính trọng, cho rằng: “Ngài Tĩnh Mặc chí lớn mà đặt để xa nên khiến Linh kỳ thầm giúp đỡ. Nếu không như vậy thì ai nhìn thấy mà không sợ ư?” Nên từ những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (616) đời Tùy, mỗi năm có cúng thí lớn. Thể lệ đều như thế. Đến lúc sắp thị tịch ngài Tĩnh Mặc giao phó cho Sư nghiệp dụng ruộng phước rộng khắp ấy, Sư kính trọng thực hành. Nên đối với hai thứ ruộng phước Bi và Kính, mỗinăm thường cúng thí. Hoặc cấp cho y phục, hoặc cứu giúp bằng lương thực. Và những nơi tạo Phước phần nhiều hay thiếu thốn, Sư đều đến cầu tạo thông và đều cấp giúp cho. Lại đến cuối mùa Hạ, các chùa thọ Bồn (cúng dường Vu-lan) hễ nơi nào có Bồn, Sư đều đưa vật đến. Nên người đời gọi đó là “Phổ Bồn tiền”. Tại chùa Thiền Định thực hành việc ấy thường luôn chẳng dứt.

Vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp, vào mùa hạ Sư mời ngàn vị tăng suốt bảy ngày hành Đạo, bỗng cảm một người lạ hình phục sáng rỡ đi đến, báo với Sư rằng: “Trời đã trở nóng, sao không lấy bánh để cúng dường?” Sư nói: “Bột dễ làm, người nhiều bánh hư, làm sao có được?” Vị ấy bảo: “Dễ thì hãy làm, vả lại ngào ba mươi hộc bột, làm trong hai ngày, bánh không hư đâu!”. Sư bèn y theo lời mà cấp. Vị ấy lại chỉ nói: “Làm nhiều bình nước, các thùng phần nhiều chứa nước lạnh. Sáng mai thiết bày.” Nửa đêm thức dậy, lấy bột đánh nhồi trên bàn, cổ động người vật, các hàng tăng tục nhóm họp để xem, kinh loạn cả tai mắt, chỉ phút chốc đánh cắt bột xong, gần đến một nửa, bảo người đem nấu, tùy bánh chín trong nước, thì tự đến vớt lấy. Đến lúc sáng sớm dâng cúng bánh, đều ăn rất mềm, chọn lựa khó đoán, cả ngàn người đều no và cùng vui mừng thư thái, thử tìm người thợ, hỏi khắp không

biết đã đi đâu. Và bánh còn lại trong các thùng nước, ngày sau đem ra dâng cúng chư tăng, mới hết kỳ hạn mà không một cái thối hư. Cải đại chúng đều vừa buồn vừa vui cảm thông sự ứng hiện ấy.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Chùa Hội Xương mới bắt đầu xây dựng, lại thỉnh Sư đến ở đó. Sư bèn đến Tây Viện xây dựng sám hối Đường, tôn tượng thiết bày trang nghiêm rực rỡ, đường vũ rộng thoáng. Hành lang khắp bốn phía, phức điện lại nhiều lớp cao thoáng, Sư thệ nguyện cùng các chúng sinh dứt bỏ nghiệp ác, giữ gìn lâu dài lễ sám khiết tịnh phương đẳng. Hễ vị nào muốn tấn Đàn thọ giới cụ túc, thì trước tiên phải đến nương tựa tẩy rửa thân tâm mới lên đàn vị. Lại có lúc bỗng nhiên giếng nước tắm gội tự khô cạn. Tăng chúng đang ở tại chùa không làm sao cónước để tắm gội mà lễ sám. Sư bèn bưng lò hương đến giếng, tha thiết gia tâm cầu cáo, liền đó giòng suối tuôn chảy, trở lại giống như ngày thường. Bấy giờ, mọi người cùng tôn kính.

Sư chứa để Xá-lợi cất trong hộp báu, hễ đến nơi nào thì đều mang theo để cúng dường. Thường nơi nào tạo tháp đều thỉnh cầu để rải tán, trăm viên ngàn viên, hễ cần bao nhiêu thì Sư cung cấp. Bởi sự Tinh cần khổ thiết cảm nên, hễ tan liền đầy. Do đó, đức tin càng thêm lớn mạnh. Sư cầu khẩn không dứt. Lại nữa, mỗi năm sang mùa Thu hạ, Sư thường đi chân không, sợ giẫm đạp các loài trùng kiến. Từ tế luôn nằm trong ý Sư. Hoặc đi bằng thuyền bè, suốt một mùa hạ Sư không ngồi, hoặc học dứt lỗi, suốt ba năm không nói, hoặc bắt chước theo hạnh Bồ-tát thường Bất khinh, lễ bái khắp cùng bảy chúng,hoặc đồng tiết chế ăn uống một trong bốn phần. Những tạp hạnh như thế hình tướng rất nhiều, tức tự lược buông, rất khó nên đủ. Lúc còn sống Sư luôn nghĩ tưởng chuyên hướng về phương Tây, miệng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà cho đến lúc qua đời.

Đến ngày hai mươi sáu tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư chắp tay xưng niệm Danh hiệu Phật mà thị tịch tại phòng viện trong chùa, thọ sáu mươi ba tuổi, bèn rước đến Nam Sơn, chim cú Tai mèo kêu réo ở gò đồi. Sau đó, thâu nhặt di cốt và xây Tháp tại hang Ngạnh Tử để An táng. Các đệ tử Sư dựng lập Văn Bia nơi chùa Hội Xương, do thị trung Vu Chí Ninh soạn văn.

Lại nữa, tại Kinh Ấp có Sa-môn Đàm hiến cũng lấy hạnh nghiệp Hoằng Phước theo cách thức của các bậc Tiền hiền, tự thân tạo thành khuôn phép, mọi người đều suy tôn kính lạy. Chỗ Sư tạo phước nghiệp tùy nơi chốn đều thành, nên điện Phật chùa Từ Bi là chỗ Kinh dị của

đương thời. Do người đời kính đáo, nên chẳng nói rộng.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiền ở kinh đô: Thích Tuệ Trụ, họ Vương, người ở xứ Bồ Phản thuộc Bồ Châu. Thuở nhỏ ở trong cửa Đạo, Sư ưa chuộng phước nghiệp. Sau khi thọ giới Cụ túc thì Sư học Luật Tăng Kỳ. Đến năm ba mươi tuổi, Sư lại chuyên về Thiền tụng, sớm tối nối nhau, xem trọng Kinh Pháp Hoa. Sau, Sư đến trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh Ấp. Bắt đầu xây dựng cơ cấu đều giao phó Sư, hơn bốn mươi năm Sư không hề nói lời mỏi mệt, nên khiến tháp chín tầng nổi giữa hư không, mái hiên nhiều lớp, Điện đường Viện Vũ, mọi việc đều viên thành. Sở dĩ cây trúc rậm tốt, vường tược vây quanh, nước đất trang điền, kho lẫm bền chặt, trong kho cất chứa mọi vật thường đầy, không gì chẳng nhờ Sư ở kinh đô, không đâu hơn chùa ấy, coi sóc trước sau công phu thật chỉ do một người.

Đến năm sáu mươi tuổi, Sư bèn từ chức mọi việc của chư tăng. Đại chúng cho rằng Sư cần khổ đã lâu, hãy nên tạm nghỉ. Gặp lúc có cơ duyên đoán quyết đều đến hỏi han Sư. Trong chùa có đủ Tịnh nhân, không đáng phải làm việc. Sư bèn chọn lấy hai mươi người cho học về cổ vũ. Thường đến ngày lễ hội, bày nhạc trước tượng, khắp bốn phương xa hỏi xem lấy làm vui mừng. Nên nam nữ đều nối gót truyền nhau, âm thanh kỹ thuật tối cao so với thế tục. Gặp lúc khổ hoạn cùng khốn, Sư tự biết sẽ thị tịch, bèn dùng nước nóng thơm tắm gội, sửa sang y phục, bảo rằng: "Tôi có chút tội nhỏ, phải chịu bệnh nặng. Do việc tạo dựng đào bới đục tạc nên như vậy." Đến lúc Sư sắp tịch, hơi khí lời tiếng Sư không mờ tối, bảo với đệ tử rằng: "Trả nợ đã xong, giờ tôi đi đây!". Nói xong Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Lúc đầu để lộ bày di hài, sau mới thâu nhặt để an táng, xây ngôi tháp vuông, dựng lập bia minh.

Bấy giờ, ở chùa Hội Xương tại Kinh Ấp, có Sa-môn Pháp Tố là người lỗi lạc khác thường, tiết tháo kỳ đặc cao vợi, thường làm mọi thứ kỳ lạ. Bổn sư của Sư là Sa-môn Trí Khải, chuyên thực hành khuyên tu tạo. Xưa ở tại Giang Biểu, hễ Sư đến đâu thì đều thiết bày đại hội đông đến muôn người, đầu đêm mới báo, đến sáng ngày bèn đã làm xong. Đại loại như thế, chẳng phải chỉ một lần. Đến cuối đời Tùy, ở Kinh Đô Thành tự giữ vững chắc, xương người đói chất cao như khối. Tại chùa ấy có hai pho tượng bằng vàng, mỗi tượng cao một trượng. Sư không nỡ nhìn thấy sự khốn cùng nguy ách ấy, bèn lấy một pho tượng nung lửa phá tan để mua gạo nấu cháo cung cấp cho người đói. Chẳng bao lâu,

gạo hết, Sư lại muốn lấy phá như trước. Khi ấy, Sa-môn Biện Tướng cùng với Chư tăng v.v... chống cự gìn giữ không cho. Sư bảo: "Các Đại đức chưa biết chí lý. Xưa kia, Đức Như Lai lúc đang tu nhân địa, vì các chúng sinh mà còn chẳng mến tiếc đầu mắt tủy não, hoặc sinh làm núi thịt, hoặc chết làm cá lớn để cứu giúp mọi loài đói khổ. Cớ sao khi đã thành chánh quả lại tham tiếc thân biến hóa. Các Đại đức nên biết, nay một pho tượng này nếu chẳng tuệ cấp cho chúng sinh, thì sau khi thành cũng sẽ bị hủy hoại theo, như vầy vùi lấp lắm người, đâu bằng Pháp Tố tôi nay chỉ có một thân!" Chúng không chấp thuận, đến ngày Ngụy Trịnh đánh ập thì pho tượng ấy bị phân tán trước, đúng như lời Sư nói. Nhưng ngôn hạnh ấy quỷ quyệt, hiểm nguy mà khó mà vâng theo, những trường hợp ấy chẳng phải chỉ một lần. Sau, Sư đến Kinh Ấp và thị tịch tại chùa Hội Xương.

10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu:

Thích Trí Thông, họ Trần, người ở Từ Châu. Năm tám tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Pháp sư Chánh Đạo. Sau, Sư tụng kinh Pháp Hoa và giảng tại núi Ngưu Đầu. Sư khéo nghiêm trì oai nghi, kính giữ giới pháp, trinh thuần cần khổ. Sư hàng phục Hoàng lão, các hàng sĩ nữ tấu chương thảy đều nương tựa có đến năm mươi người, xa gần đều lo sợ. Chùa viện được thành tựu chỉ mình Sư suốt trước sau, cả đại chúng đều khiếp sợ, không ai dám chứa để của cải riêng. Có hai con chim oanh vũ cứ đúng thời đến nghe giảng Pháp. Sư giảng có hơn trăm biến, trong đó có hai lần phát ra ánh sáng.

Đến ngày mười ba tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường. Sư bảo tăng chúng rằng: "Tôi tạo lập chùa núi, cần dùng có thể đến mười vạn quan tiền, chỉ tiếc chưa được hoàn bị, nay phải vĩnh biệt rồi!". Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ chín mươi bảy tuổi. Sư tịch ngay lúc chúng tăng đang tiểu thực, khắp các chùa, các phòng nhà đều rung chuyển và biến thành mầu trắng khoảng chừng một bữa ăn.

11- Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Thông Tuyền ở Tử Châu:

Thích Tuệ Chấn, họ Bàng, trụ chùa Thông Tuyền ở Tử Châu. Thân Sư cao tám thước. Sau, Sư đến nghe Pháp sư Hạo giảng Tam Luận, và lãnh ngộ được huyền chỉ. Phước lực Sư trùm khắp đủ, Thục

Châu từ xa suy trọng. Khi Pháp sư Hạo về lại phương Nam, có được hai trăm bộ pháp phục ca-sa, Sư đem dâng tặng ở đầu đường. Mỗi năm vào tháng giêng Sư tổ chức tụng đọc Tạng Kinh, cả ngàn vị mặc pháp phục ca-sa, Sư dâng chúng không thiếu sót. Sư thường giảng dạy Tam Luận, thính chúng có hơn trăm người. Bỗng có một hôm đang ngồi trên toà cao mà tâm trí dường như ngủ gật, thấy có một người bảo với Sư rằng: “Ở đầu núi phía Tây khéo nên tu tạo tôn tượng Phật lớn.” Khi đã tỉnh giấc, Sư xuống tòa, dẫn chúng đi xem, quả đúng đáng tạo tôn tượng hai bên có dòng suối chảy. Sư liền bảo thợ làm đá đục tạc làm tòa và thân tượng cao một trăm ba mươi thước. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường thì công việc thành tựu mỹ mãn. Khắp bốn phương đều nhóm họp, các hàng đạo tục có ba mươi ngàn người đều vui mừng với tôn nghi ấy. Từ trong miệng pho tượng ấy phát ra ánh sáng mầu trắng rực rỡ xa gần mọi người đều đồng kính ngưỡng.

Trước đó có một con ngựa, mỗi ngày đi năm trăm dặm, từng trải trong các quân trận, các con ngựa khác đều chết, chỉ một mình con ngựa ấy sống còn trở về. Đến tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, bỗng nhiên nó tự kêu ré, bỏ ăn ba ngày. Sư nghe thế khắp mình nổi ốc. Có một vị tăng lạ tên là Thập Lực nói với Sư rằng: “Ngựa giã biệt chủ, Chủ sẽ đi trước, ngày mười lăm tháng giêng năm tới vào lúc giữa trưa sẽ nhập niết-bàn, Pháp sư nên ban trải tất cả tài vật không nên để lại về sau, đối với tự thân đâu có ích gì?” Nói xong, vị tăng lạ ấy biến mất. Sư chẳng biết nguyên do thế nào, nên việc trước tiên là Sư tạo Tạng kinh, thỉnh chư tăng thường xuyên đọc tụng, mở cửa đại thí. Những người thuộc hai thứ ruộng phước Bi và Kính ở bốn phương xa đến Sư đều dâng cấp. Đến cuối năm qua đầu năm, Sư lại thỉnh chúng tăng tụng kinh, hành đạo suốt hai mươi mốt ngày, các tục duyên côn quý trong ngoài đều nhóm họp. Đến ngày mồng tám tháng một (năm 641) có mùi hương thơm xông ngát khắp chùa. Các hàng Đạo tục khắp trong xóm ấp đều nghe được mùi hương thơm lạ nêu xả tán nhóm họp về núi. Đến ngày mười lăm hơi thơm vẫn còn chưa hết. Từ sáng sớm đến giờ Ngọ cây cối, đất đai trong vườn nhà đều mọc hoa sen. Đại chúng thấy điềm lạ, biết Sư sẽ thị tịch. Sư bảo: “Tướng tốt đã hiện, không chờ đợi đầy.” Bèn ban thí, dùng bữa sáng xong, tay Sư bưng lò hương đi nhiễu quanh tôn tượng Lô-xá-na ba vòng, rồi về lại trước tôn tượng Phật, qùy thẳng thân mình, giữ chánh niệm. Bất chợt Sư thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Lưu lại lễ tang đợi mãn mà mùi thơm vẫn còn, huynh độ còn có ba

người, mỗi người xả thí năm mươi vạn quan tiền đến chỗ Sư thực hành Tăng Đức thí và Bi điền, làm tháp đá cao năm trượng, nơi khám có đặt giường dây, nâng đưa nhục thân Sư vào tôn trí trên đó, qua hơn trăm ngày vẫn không ngã đổ. Các hàng đạo tục có hơn vạn người đều buồn khóc liên tục không thôi.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô:

Thích Tuệ Vân, họ Vương, người ở xứ Thái Nguyên. Tổ tiên xa xưa của Sư lánh đến ở Cửu Giang. Từ thuở nhỏ Sư đã ưa thích sống đạo, nên tìm đến chỗ Sa-môn Trí Giai chùa Đại Lâm ở Khuôn Sơn mà xuất gia. Ngài Trí Giai cũng là bậc tiêu lãnh ở đương thời, rất có tiếng tăm xuất thế. Nhưng Sư hăng hái với thời tục, siêng năng cố gắng nương theo, nên khác thường luân, chẳng bó buộc bởi vật lụy, từ đó đại tiết đại vụ riêng lưu tâm.

Bấy giờ, Sư vừa hai mươi lăm tuổi, có Thiền sư Đạt là người mà khắp các nơi trong ngoài Giang Hoài hễ có làm việc gì mà không được toại ý thì đều đến cầu thỉnh. Sư vì chùa miếu bị hủy hoại nên đến thỉnh mời, mà Thiền sư Đạt không hứa thuận. Sư đem nguyên do đến báo mà chẳng được giúp đỡ, bèn xin được chết. Thân ngã xuống đất, nước mắt nước mũi ràn rụa chảy đầy khắp cả năm thước. Lại gõ đầu xuống đất, sưng bầm xanh tím che phủ mắt, lại thệ nguyện rằng: "Nếu không thỉnh Sư đến được thì Tuệ Vân tôi cũng gieo mình xuống sông." Thiền sư Đạt thấy chí ý Sư lớn mạnh bỗng nhiên thay đổi ý. Sư liền báo trước với các hàng đạo tục tại đó đến đón hầu, làm sạch cỏ cây nhìn thẳng đến núi. Đường đi không có lối tắt, giữa đường gặp phải đàn hổ, cũng không rảnh để đưa mắt nhìn, thỉnh Thiền sư Đạt đến núi, phải có Kinh thỉ, nên ngược dòng đến các chỗ xem xét công đức. Bấy giờ, gặp lúc tiết động giá lạnh, băng tảng ngăn cản đường thuyền, đổ cát đổ ùn làm trở ngại người và thuyền. Sư bèn gấp buộc xiêm y, phá băng tuyết, kéo neo thuyền, từ eo khố trở xuống, váng băng xé rách thịt máu chảy ra ngưng đọng mà Sư chẳng hề biết khổ nhọc. Từ đó thuyền đi được hơn hai trăm dặm mới lên đến chỗ. Sư có sự khẩn thiết chí thành khó có ai bằng được, đại loại đều như thế.

Đến đời Tùy, khắp trong ngoài, giặc nổi loạn. Có Lâm Sĩ Hoằng nhóm chúng tại Dự Chương, xưng còn là vua nước Sở. Ngụy Thượng thư lệnh Bà Dương Hồ Tú Tài đích thân dẫn sĩ chúng đến đóng tại Cửu Giang, nhân cảm Phát tâm, mừng tả thụy tượng Bồ-tát Văn Thù ở chùa Đông Lâm núi Lô Sơn, khắp chỗ trong vùng đang trấn thủ tìm người

trông coi, các hàng đạo tục đều bàn cho là Sư người có sự đặc biệt xuất chúng, cao nhã đáng chọn vào ở đó. Lô bệ đã làm, chỉ còn nung đúc theo khuôn thì Quang nghi hoàn bị, nhưng ở hai chỗ nơi cổ và sườn hông tôn tượng cólỗ hổng. Mọi người lúc đó chưa tỏ ngộ điều gì. Năm đó, Hồ Tú Tài vâng sắc tìm chỗ có tôn tượng sắc vàng một trăm hai mươi lượng đựng đầy trong ống trúc. Sư vì bọn giặc đấy khởi như ong, không cách gì gìn giữ nên đều giao phó hết cho Hồ Tú tài. Và Sư lại đem một vòng chuỗi hạt bằng đồng và ngọc mà Sư thường niệm tụng giao phó cho Tú tài làm tin. Đi đến cung đình, các quân sĩ xin phước. Tú Tài tiện gió bèn căng buồm dẫn trước, đến giữa dòng gặp phải sóng gió, thuyền bị chìm, mọi thứ của cải đều trôi dạt hết, chỉ có người lên được bờ. Tú Tài không tiếc gì, chỉ tiếc mất tôn tượng sắc vàng nên phiền oán trên bờ sông, khóc than không dứt, thệ nguyện không thành thật là do nghiệp. Trong chốc lát ống trúc vàng theo sóng ngược dòng và vòng chuỗi đồng ngọc trước sau nối nhau trầm ẩn hướng theo bờ đến chỗ Tú Tài. Đã được lại tôn tượng sắc vàng, khắp mọi người đều reo hò mừng vui vô hạn. Tính từ chỗ bị đắm thuyền đến nơi ra khỏi bờ xa hơn ba mươi dặm, lại trôi ngược sóng cùng đến trao, Quân dân đều lấy làm kinh lạ linh cảm. Đến lúc Hồ Tú Tài gặp phải kẻ hại dùng mũi nhận đâm thủng ở cổ và sườn hông, thì rất hợp với tôn tượng.

Ban đầu, Hồ Tú Tài muốn đánh giặc, đem vàng gởi người chú là Thiền sư Hiểu. Đến lúc Sở đô đã lấp phủ, quân giặc giao xâm, Thiền sư Hiểu dùng vải bố thô xấu gói vàng mang vác theo cùng lánh nạn, chẳng khỏi bị giặc cướp lấy. Đã mất tượng vàng lại không có cách nào cầu lấy lại được, sau đó có người từ trong bọn giặc lại trộm lấy vàng đem đến cho Thiền sư Hiểu, nhưng không biết đó là vàng của Thiền sư Hiểu mang vác bị mất. Thiền sư Hiểu có lại được vàng bèn đem giao cho Sư làm thành tựu, tướng sáng vượt trội, nay hiện còn tại Sơn Các.

Lúc đầu, lúc đúc tượng, có Lý Ngũ giới phát nguyện rằng: "Nếu đến ngày đúc tượng vàng thì nguyện sẽ đốt một cánh tay". Vì Sư làm khuôn hoàn thành sớm bèn đúc trước ngày đã hạn định. Lý Ngũ Giới không biết đã đúc bèn mộng thấy tôn tượng bảo rằng: "Trước đây ông nguyện đốt cánh tay, vì sao lại trái với đức tin ư?" Sau khi tỉnh mộng, Lý Ngũ giới nhân đó mới biết là tôn tượng đã đúc xong, liền đối trước tôn tượng dùng dao chặt cánh tay, lấy vải bố bôi sáp buộc vào mà thiêu đốt. Lại cảm có nhiều điềm ứng, ở đây lược bớt việc ấy.

Sư vì sông nước quanh co, nhiều lần gặp bọn trộm cướp, kinh luận tuy chứa nhóm mà giới luật chưa sâu rộng, bèn từ xa đến chốn kinh đô,

đích thân tham dự học phủ, gặp được Luật sư Thủ đang mở mang giáo hóa, rất hợp với bổn chí, Sư vừa buồn vừa vui, bèn tìm tòi góp nhặt thực việc, rất có tiếng tăm nơi Triều tỉnh. Vua bèn ban sắc bảo Sư trụ chùa Hoằng Phước, mà dung mạo Sư cao lớn, mặt nhiều râu ria, nói năng thành chương cú, mọi người đều nhận biết. Sư lại riêng có tài năng đọc tụng, chững chạc oai dung, nên những nơi thiết bày trai hội tu phước thỉnh chư tăng đông nhiều, Sư thường ngồi hàng đầu. Các hàng công khanh sĩ thứ ngồi bên cạnh tâm rỗng không, một lần giở năm quyển chỉ chốc lát đã xong, không hề nghe Sư vấp váp, mọi người không ai chẳng ưa chuộng, nhưng Sư là pháp khí, ngay nơi mắt cho nên lược không trình bày.

Thử luận bàn:

Phàm, tướng Trú Trì, có nhiều trường hợp, nhưng bao gồm mà nêu nên tinh yếu thì chỉ có hai thứ, Đạo Pháp truyền bá rộng ở đời thì lắng tĩnh đảo điên, dứt bặt nguồn sinh. Tướng Pháp được giữ gìn thì dẫn dắt kẻ tối tăm, khai mở tai mắt cho họ vậy. Đường chung đã mở, muôn đời kính vâng phong hóa khuôn phép ấy, tuy hoặc khoảng giữa có nhỏ nhiệm nhưng chung cùng cũng y cứ đó mà thành phép tắc.

Xưa kia, Đức Như Lai mở đầu hoằng hóa, chùa viện khai mở từ nguồn của Tu-đạt (Cấp Cô Độc). Tháp hiện xư nay, ban đầu chỉ chứa đất đắp dần dần, duyên theo đó về sau việc Phước càng lớn. Mốc của Vô Ưu là rừng rậm, vườn của Hữu Tín là sao bày. Từ khi ngài Ca-diếp Ma-đằng vào đất Lạc Dương, mở mang tướng đó trước, dùng vườn nhà làm chùa, Tăng ni hiển bày cửa phước xuất tục, đồ họa để khai mở nương tin. Biết thần công của Hóa chủ, nên có xếp bày chùa có cả ngàn ngôi, tu sửa tháp có mấy trăm. Trước tu nêu lên hoa vọng, sau tiến tới lại cao kỳ. Nên có được chùa vàng xúc chạm tới mây, bốn phương xa nhìn mà nghĩ nhớ kính ngưỡng. Đài báu giá xoay, bảy chúng mong ngóng để biết chỗ trở về. Đều là bến bờ đầu tiên để mở Đạo, quyền thuật để nhiếp độ. Còn như dẫn gió sửa các, hiện bày sự chí thành sâu sắc của ngài Tuệ Đạt. Truyền tiếng để dừng độc, thật là thông cảm của ngài Trí Hưng. Ngài Tăng Minh chí khí mở bày di tượng gởi gắm. Ngài Tăng Hoảng tiết tháo cảm động cả U Minh. Đạt Công nhờ sông Phù mà nhóm họp được gỗ quý. Ngài Đức Mỹ nhờ Minh Thánh mà thiết lễ cúng dường, ngài Tuệ Vân trinh thuần oanh liệt, vàng ròng nhờ đó mà chẳng chìm mất. Xem xét như thế đều không có nguyên do đưa đến. Thế thì trông coi mọi việc, luận nêu bày lùi mất, đều do chí tiết vốn thiếu, tình chẳng khéo léo, đưa đến trải qua khó khăn trái nghịch, bèn thiếu thệ

nguyện, công bại duỗi thành, nghĩa đáng ở đó.

Xưa kia, Đức Như Lai còn ở đời, tự thân sửa sang cửa viện, nhóm tập công việc chúng tăng, chẳng phải Thánh mà không giẫm qua. Ngài Ca-diếp xây dựng năm ngôi chùa thường đạp bùn đất, ngài Mục-liên đảm nhận trị nguyệt, thường phải quét đất, do nhờ phước sự ấy lại mà dẫn dắt càng xa. Hàng hạ phàm noi theo nên là thường khoa, mà khoảnh đời thuận lưới, thường lắm luống dối, thấy tô đắp tháp cho là kẻ tầm thường, thấy kéo gỗ bảo là dựng hàng, người xuất Đạo không thích nghi, thực hành bố thí vào trong thế tục dứt mất tâm thanh tịnh. Lời ấy chẳng thường, rất trái với khuôn phép chánh. Nên quả báo ở cõi trời là quý, còn hành khất trong nhân gian. Quả Thánh là cao mà còn bị đóikhát trong Tăng Bộ. Hạng như thế thật có rất nhiều, chỉ lược nêu thì có thể biết! Cho nên Phước Trí hai thứ trang nghiêm, không Hữu hai đế, Đại Kinh Đại luận nêu bày cương du, thì có thể thừa tiếp, khó bác bỏ. Vả lại, tự ở đời có các thứ phước, lưu chỷa nhiều dòng, nương tựa kinh liễu nghĩa, trình bày nghi ngụy.

Vào đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Phật giáo phục hưng, chân ngụy lẫn lộn, sợ trái với Di Kỷ, vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban sắc cho Sa-môn Pháp Kinh xem xét phán định chánh bổn. Do đó, ngay trong mọi người tạo ra có hơn năm trăm quyển, đều thiêu đốt hết, những thứ khác chẳng hết thì tùy phương mà lưu xuất. Trở lại các Kinh tạng chỉ ghi chép chánh Bổn gồm tất cả thì có hơn ba mươi ngàn quyển, ngoài ra Biệt sinh tạp tập đều không ghi chép. Còn như Nghi Ngụy có lúc lại sao lục, đó là do chưa từng đào luyện, nên đến nỗi có xen lạm như thế. Thử vì luận bàn, thì như “Dược Sư hành sự” vốn lưu xuất từ triều đại Tiền Tống, lại xếp vào nghi ngờ, rất còn duyên theo thế tục. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, do ngài Ngạn Tông ở Lạc Thuỷ phiên dịch, nghĩa tiết hoàn toàn đồng nhau, văn nêu bày ít lược, đó thì Phạm bổn có chứng cứ, là cội gốc của phước đức. Nhưng vì ở đời “Duy tướng” có “Phi tướng” lấy đâu mà hiểu được tâm. Bậc Đại Thánh tùy hợp căn cơ, mặc tình vật loại mà phô bày pháp yếu. Người y như lời dạy mà thực hành thì rốt cùng sẽ dứt trừ, sợ xen lạm vào lòng mình tự thiếu sót danh thật. Nên trong văn ấy nói: “Miệng thì nói không, mà thực hành thì ở trong Hữu.” Thật là nói được. Hoặc có người siêng năng khổ nhọc, hậu cúng càng lớn mà sự mong cầu không ứng, thì do nghiệp ở quá khử bền chắc rõ ràng, nhất định phải đền trả. Nên trong Văn có nói: “Chỉ trừ ương trái đời trước, ngoài ra có thể thoát.” Cho nên nghiệp không cố định, đều có thể chuyển trừ. Mặc tình cho nghiệp tăng

sinh thì không thành Thánh nghĩa, cho nên trong kinh nói về Pháp sám là y cứ vào nội tâm. Nếu có tâm hổ thẹn thì mất, không có tâm hổ thẹn thì nghiệp ấy có. Ba quả báo nặng nhẹ đều hiển bày Niết-bàn, sáu căn thuần nhạt cũng nêu bày Thật quán. Vậy đủ biết ương trái xưa chẳng thỉnh cầu, trường hợp là khác thời. Thông ứng các lý giáo, nghĩa phải ẩn gồm. Lại còn có "Phổ hiền Biệt hạnh", "Kim Quang Tổng Sám", phần nhiều kết quy về chúng thanh tịnh mà sự thì trái với thông tục. Nếu có hành sự thì chấp trước rất nhiều. khắp bảo tuy đến, đều thiếu sót pháp lợi. Nên trong Văn ấy nói: "Các Biển Nghiệp Chướng từ vọng tưởng mà sinh, phải thấu rõ vọng mới dốc hết nghiệp trước." nay thì duyên niệm đây kia, Ngã và Ngã Sở cả hai đều còn, ý tưởng điên đảo càng thêm, nên khó ứng hợp với Thánh Nghĩa, thế trần không thể biểu đạt được chân, Thức có sáng thì mới tỏ suốt tục. Ở nơi phàm phu hạ vị mà thực hành dần như thế, thuận theo xưa thường huân, lý chẳng thuyên ngộ.

Pháp Sám Phương Quảng ở đầu thời nhà Lương, ở tại Kinh Tương, vốn bị dịch bệnh gây nên, chí thành khẩn cầu hối quá, xót xa nghiệp hạnh ngày trước, buồn thương chua xót, khiến tôn tượng đưa tay, sự đau khổ bỗng nhiên được bình phục. Nhân tật bệnh cùng nặng bèn rộng ban nơi đời. Bèn y vào các Kinh toát yếu thành Bộ, đánh tiếng thường hòa, động phát thường lưu bố. Bàn nói về tội duyên đủ khiến mồ hôi đổ, lệ rơi, bao gồm cả Phước mừng, khiến cho Tạng phủ đều dốc hết, trăm ty lấy để trị, một ngày muôn hóa, chỉ thông một Đạo, kịp thời giúp đời. Xét đáng vui mừng, nhưng tiếc là kinh lưu xuất chẳng phải Bổn, Sự cần phải phẩm Tảo sáu căn Đại sám, bổn ấy chỉ Vua Lương Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thân hành, tình kính lặng biết. Cho nên trong Văn nói: "Muôn phương có tội, chỉ tại mình tôi, đáng do căn thức chưa điều, cho nên khiến tình trần lạm nhiễm." Mỗi năm riêng rộng hành trì, bỏ vật báu lớn mà sung cấp cho kẻ tôi tớ. Tâm lực trùm khắp nên khiến đất đai rung chuyển mà trời giáng điềm lành. Đó là xứng với Phong mỹ, chứa Thành phép tắc thường hằng. Có Trần Chân Quán nhân đó mà rộng ra, chỉ vì Văn từ thanh hoa, tâm hành rất lợt lạt. Vốn là, thiết bày sám hối, việc tại chuyên thuần, muốn khiến can đảm lộ bày trước chúng, Hổ thẹn thành tựu ngay ngày đó, nên tội dứt phước sinh, lời nói việc làm đáng nương tựa. Như chế thuật Tịnh Trú của Văn Tuyên, ngôn từ đáng chú ý, dẫn kinh giáo như đối diện trước Phật. Thuật mừng ghét như mô tả khuôn mặt. tuy có đến ba mươi quyển mà người xem không thấy nhiều, văn là trùng sinh mà người đọc chẳng nagị. Lại có người vọng đọc sám văn, thực hành hối pháp. Tội sự phức tạp chẳng hiểu. Vị lấy mười điều,

nhân kết cấu phiền não. Chưa biết gốc tại ba não, tụng nhanh cho hết trang, tối tăm cho cả mình và kẻ khác. Làm thầy thật khó thay! Rơi mắc kết quy về đây kia, khiến lụy như thế chưa thể gọi là Thanh Trừng, cho nên y cứ vào luận trước, hãy tạm làm chuẩn đích. "Lục Đạo Từ Sám" vốn cũng đồng như trước, việc tại cuối năm mới thực hành lễ ấy. Đạo riêng mở cúng tế, vị của đất nước sẽ hiển bày. Tùy theo thú hướng thỉnh cầu, ý của Từ Bi rộng lớn. Quả cùng cực trong sáu đường, thú loại có khác trọng khinh. Loài người gồm có mười thứ khác nhau, ngoài ra thì nêu bày có thể biết hết. Như điều nói trong Kinh A-hàm thì vào đường Quỷ, có người thân cúng tế, tâm sinh vui mừng, do tâm vui mừng nên thân được no đủ, vì thế nên gọi là đầy đủ khỏi đói khát, chẳng phải do phước nghiệp cúng tế khiến cho tự thọ dụng. Vì nghĩa lý của chánh pháp thì có chỗ để theo, không có việc mình tạo tác mà người khác hưởng quả. Điều đó chính là việc Tôn giả Mục-kiền-liên đem cơm dâng mẹ. Ngoài ra, năm loài khác quả báo hạn cục ở chỗ gần thau, tùy địa vị Quả báo mà cách biệt, không do đâu mà thông hợp. Nay thì ở đường khác mà bày cúng, sợ chẳng đến thọ hưởng, nhưng quả báo thì được các thần thông. Sự gồm đường sinh về, chẳng chướng ngại tâm người khác, suốt xem đợi hội mà theo rượu cúng tế. Từ đó ngoài ra thể lệ khó thâu gồm. Hoặc Độ Tinh an trạch, quyết rõ tội phước, chiêm sát ném vòng hoài nghi kết chỉ, đồng quy về thế tục thấp cạn, chưa nhập vào kinh sâu.

Nhưng tội chứa nhóm từ trước đến nay, phước dấy khởi bắt đầu ngay đây, chỉ bởi vọng tưởng khéo mang theo khó hài hòa, chỗ phàm ngu trải qua, xét tham dụng đó. Lại có chẳng đo phân lượng, lên mạo phạm Thánh hiền, ngồi thẳng nghĩ về Đạo, khắc định thành Địa vị. đó đều là tưởng tâm nghĩ nhớ Đạo, chẳng biết Đạo là vọng tâm, biết vọng suy nghĩ thì tâm chẳng khởi, nếu có khởi thật kết quy về Duy thức. Thức tâm thấu đạt thế tục, biết sao chẳng làm? Y cứ vào đó mà ném vòng, nên phân ra Nghiệp tướng. Lại có các thứ Phương Đẳng, Phật Danh, Ban-chu, tụng chú. Phần nhiều lấy mộng Vương mà phô bày Tịnh, chuẩn cứ đó dùng để hiển bày rưới thuần. Vả lại, mộng chỉ thầm vọng tưởng tượng, còn lấy nương tựa, huống gì hiện tại xoay chuyển nêu ném tâm đó có thể y cứ. Nếu hoặc nghiệp khởi lên thứ lớp có nguyên nhân. Hoặc hẳn trái với Lý mà sinh, nên sám chuyên quán về Lý, Nghiệp sinh y cứ vào sự mà khởi, nên sám lại phải duyên. Sự Hối phải động thân doanh tạo cấu kết. Hổ thẹn là chỗ chính là chỗ ấy, đều như trong Biệt lục, pháp Hối sáng có nói rộng. Vậy đủ biết Đức Thích tôn một đời giáo hóa nói rõ về tam môn. Nếu lúc ưa thích tội, thì phải làm nhiều việc phước, nhân tu

phước nên khởi tưởng chấp trước thì cần phải phá trừ, dạy tư duy về Lý quán. Như thế để dứt bỏ Tập nghiệp, có thể mong. Nếu vướng mắc nơi ba thứ ấy thì hoàn toàn trái với ý Giáo. Cúi mong Đại Thánh xót thương đời, đời Mạt pháp muốn sống thêm, phước thuận thì tình vui mừng, lại giúp cho thói quen cũ. Nghĩa phải tư duy chọn lựa, dứt kiết sử để nhập Đạo. Lời đó rất cùng cực.

Ở đời, có người không thấu đạt, cho phước là Đạo, đam mê nương gá, tình cảm buộc ràng, lấy đó làm cao thắng, chánh là thuộc về giới kiết và kiến kiết, chấp Ngã điên đảo thường hành, làm sao dứt trừ ràng buộc. Do đó, người thông minh xét "có" của Quyền Thật mà theo, thấu đạt "không" của giới hệ là sai lầm, rõ tính chất trọng khinh của tánh hoặc, hiểu sự hơn kém của Phân lượng, không gì chẳng là tội chướng, người trời một bề phải xả, phước là có nền tảng, tuy hành chẳng khắp, do ở Bát thiền vướng mắc tình cảm, sáu độ bất tịnh, sự quán và thế thuận thiện đều là Hữu pháp. Trong luận Đại Trí Độ cho rằng lời nói chấp trước đều che lấp tâm, nên chẳng phải là Đạo nghiệp. Còn như Sắc có Sơ Định, phàm thánh đều thực hành, Phi Tưởng là ngôi vị cùng cực, Vô sinh chẳng dừng, hoàn toàn trái với pháp xuất yếu, chưa dứt luân hồi, chỉ là bít lấp mê mờ, chẳng nhàm chán, huống gì lấy loạn thiện để sung vào nghiệp tĩnh lắng, có thức tâm nghe đó, đủ để soi xét. Hàng lưu tục Nho Tố còn làm tổn tâm của Ngã kiên cố, nhưng cho là Ngã có khả năng thực hành, nên chẳng thuộc về thanh tịnh rộng lớn. Đâu được tâm dụng phù động, xúc cảnh thêm mê, vọng chấp là Đạo. Thật là đáng cười! Lại nghe Phước là gốc hữu, ngầm thần chẳng tu, thân hành ở đời, đâu thể vô sự? Sự trải qua tội phước, Lý hẳn biết thông. Như việc ăn mặc bốn thứ cần dùng không lúc nào chẳng nhờ cậy. Phật dạy nhận lấy, chỉ y cứ vào Quán Môn. Xem thường đối trị, đó thật là tội. Kính phụng chuyên cần thực hành, đó thật là Phước. có nghĩa là Ngã có khả năng thực hành, thì thành trái lý, còn Ngã chẳng thể thực hành thì lại là trái sự. Trái với sự thì nghiệp buộc trong ba đường, trái với Lý thì Phước buộc nơi các Dục. Ở Phàm thì sai sử tánh, làm sao có thể tịnh tâm. Nhập vào Chánh kiến mới thể dốc hết đường khổ. Nên biết, Nhân theo tướng ở đời, biết sao chẳng làm chỉ chuyên cần Quán dụng dần dần sẽ khuyết hữu. Nếu không như vậy thì đắm, lại trở về Vô thỉ. Nương vào đồng thuyền. Có thể chẳng cố gắng ư?

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 29 hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 30

CHƯƠNG X: TẠP KHOA THANH ĐỨC

(Trong chương này, Chánh truyện có mười hai vị, phụ có tám vị)

1/ Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Trần

2/ Truyện ngài Thích Đạo Kỷ ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề

3/ Truyện ngài Thích Pháp Xứng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô, đời Tùy (Trí Vân)

4/ Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trú ở núi Linh Ẩn, thuộc Hàng Châu, đời Tùy

5/ Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu, đời Tùy

6/ Truyện ngài Thích Lập Thân trụ tại Đạo Tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy (Tuệ Ninhl Quảng Thọ)

7/ Thích Thiện Quyền ở Đạo tràng Nhật Nghiêm tại Tây Kinh, thời nhà Tùy (Pháp Cương)

8/ Truyện ngài Thích Trí Quả trụ Đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy (Huyền Ứng, Trí Ương)

9/ Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Tuệ Thường trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở kinh đô đời Tùy (Đạo Anh, Thần Sảng)

11/ Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô, thời Tiền Đường

12/ Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô, thời Tiền Đường

1- Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô:

Thích Tuệ Minh, không rõ Sư là người xứ nào. Trông dung mạo dường như người Hồ. Cho nên ở học lấy Hồ Minh làm mục đích. Nhưng Sư có lợi khẩu biện tài đặc bén nhạy tuôn trào khó ai hơn, nắm bắt thấu hiểu gió mây, chí ghi chép những việc đã qua. Sư nghe và tham cứu kinh luận, cạnh đó tìm thêm sách sử, nhặt nhạnh Đại Nghĩa, chẳng chuyên nơi văn cú.

Dưới thời nhà Trần thường hay thiết lập trai hội tu phước, mọi người đều theo phóng hóa, thể lệ ấy bèn rộng ra. Mọi người đều cho rằng: "Sư là người khéo khoe môi mép, cơ biến chẳng thể suy nghĩ được." Nên các nơi có xướng Đạo, không đâu chẳng suy tôn Sư. Sư cũng tự thấy tài lực của mình có thừa, hễ nghe liền nêu dẫn dắt xưa nay bao gồm đến cùng, giúp cho người nghe vui mừng, sợ Sư thôi nghỉ. Niên hiệu Thái Kiến thứ năm (573) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) chuẩn bị đánh chiếm phương Bắc, dàn Binh lính trên sông, đã sai Đại Đô Đốc Trình Văn Quý vv.v... dẫn Quân lính đến sông Hoài, sông Bồ đối trận với nhà Tề. Hùng khí cùng dốc hết, Vua rất lo toan, bèn ở trong điện Thái Cực bảo bói rùa, thử bốc gặp quẻ đường Văn, dưới bụng rùa vụt chốc bị rách một đường dài, vua tôi đều biến sắc mặt, cho là điềm không tốt. Bèn thỉnh trăm vị tăng thiết trai cúng dường. Đồng một lúc đến trong trai hội, vội vàng chưa lường biết được nguyên do. Đến lúc hành hương xong, Vua mới trình bày ý quẻ bói, Sư đứng dậy lớn tiếng trình bày, lại nêu duyên rằng:"Bói quẻ đi đánh giặt, mai rùa bị vỡ, có nghĩa là ngàn dặm đường thông. Đã do Văn Quý dẫn đầu, há chẳng phải là một lúc thắng lợi hay sao?" Mọi người lúc ấy đều cho đó là lời nói chải chuột tô điểm. Đến tháng bốn, theo thứ lớp lớn nhỏ đáng nhau với nhà Tề, bắt được tù binh, viện trợ thêm hơn hai mươi vạn binh lính. Quân kế tiếp tiêu hợp. Các xứ Lã, Lương, Bành, Việt trước kia không bày trận, nên Vua lại ban sắc lệnh rằng: Năm nay xuất binh đánh phạt biên phục. Có được nhà Lương thì ở Xứ Giang Hoài có đến hai trăm thành, từ Đông sang Tây dài hơn năm ngàn dặm. Nhưng đường văn dài ở bụng rùa gọi là ngàn dặm." Xa nghiệm về lời nói của Sư thật rõ ràng phù hợp. Nên Sư thừa thế đó, làm cho hạnh nghiệp càng rộng lớn thêm. Riêng ý Tông du, đạt ngộ lên bạch, lượng ấy rộng lớn. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

2- Truyện ngài Thích Đạo Kỷ ở Nghiệp Hạ:

Thích Đạo Kỷ, không biết Sư họ gì. Trong khoảng đầu thời Bắc Tề, rất hưng thạnh về việc giảng dạy nhưng Sư chuyên lấy Luận Thành Thật làm sự thấy biết. Môn học thành sự nghiệp, phân bộ kết chúng. Sư rất vui mừng vì công giảng dạy tập học đã thành di Nghiệp.

Vào niên Hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề, đầu Thu một năm nọ lập giảng hội, Sư dẫn đầu chúng đi ra phía Nam Nghiệp Thành. Môn nhân cũ ở đó lại dẫn chúng vào. Ngay bên cạnh cổng ngoài bỗng nhiên gặp nhau. Sư bảo: "Ông từ đâu lại, rất là vô lễ vậy? Thế nào là khuôn phép mà chống cự ư? Đã không nghiêng cúi, đúng lý nên xuống đường". Vị ấy nói: "Trống pháp vang dòn, lập lợi tại đây, tiếng tăm vẻ vang cao xa. Thầy trò làm sao có?" Sư không đáp, tự bước xuống đường ra đến ngoài thành, xoay nhìn lại, bảo với Pháp thuộc rằng: "Tôi giảng luận Thành Thật hơn ba mươi năm, khai ngộ chánh đạo, trông nhìn rất có công phu. Giải hiểu gốc phỏng thực hành Di giới, nay hiểu mà chẳng hành, trở lại như gốc rễ chẳng hiểu. Nhọc mất công trước, không được lợi sau. Việc đã qua rồi không thể truy tìm, việc trong tương lai còn có thể đến. Xin đều nên về lại kinh đô, còn tôi phải tính kế riêng." Sư bèn lui về đóng bít cửa phòng, rộng đọc các kinh luận, vì các hàng sĩ tục kia mà thực hành khai hóa, nên tác phẩm của Sư đề hiệu là "Kim Tạng Luận", một pho gồm bảy quyển, theo thể loại tương tùng, nguuyên do của chùa tháp phướn lọng hương đèn, cội gốc của kinh tượng quy giới, trải đủ một phong hóa, mở lớn cửa phước. Sau khi bộ luận đã hoàn thành, Sư cùng bảy người bạn đồng hành ra phía Tây ngoại ô cách đất nghiệp chừng bảy dặm mà dừng, chu vi chung quanh gồm bảy dặm, các hàng sĩ nữ đều nhóm họp. Sư bèn giảng luận đó, cứ bảy ngày một biến. Sư đến sẽ cung kính, chẳng xấu hổ với việc làm nhỏ nhiệm. Kinh sách Tháp tượng để một đầu, mẹ già chổi quét để một đầu. Ngang qua trong đất Phật có tháp thì quét. Sư từng nói với mọi người rằng: "Trong Kinh chẳng nói ư? Quét đất chúng tăng ở rộng như cõi Diêm-phù chẳng bằng quét đất Phật chỉ bằng như lòng bàn tay. Do ruộng trí là thù thắng, gần gũi chăm sóc cho mẹ, vì phước ngang bằng với hàng Bồ-tát Đăng Địa." Nên Sư có tánh hiếu thuần sâu, vì mẹ già mà may vá áo mặc, chăm sóc uống ăn. Mọi việc đại tiểu tiện lợi của mẹ đều tự thân Sư lo liệu, không cho người giúp đỡ. Sư bảo: "Mẹ của tôi chứ đâu phải mẹ của người khác, hình hài di lụy đều là thân tôi, có thân thì có khổ, đâu được đem khổ để làm nhọc người. Do thân làm khổ trước, xin chớ giúp đỡ." Nhân đó, Sư khuyên răn các hàng đạo tục, người theo rất đông.

Sư lại khuyên người vâng giữ tám giới, thực hành pháp xả trai, không cho giết hại. Mọi sự mong cầu đã xong lại chuyển đến trước, Sư trở lại y như việc trên xoay vần hành hóa, chỉ trong thời gian mấy năm, nhiễu quanh nghiệp Lâm Giao, mọi người vâng hành theo sự chỉ dạy của Sư trong mười nhà có hết chín nhà. Có người bạn cũ đến thăm hỏi rằng: "Từ trước đến giờ hành hóa ở đời, là hành Đạo gì vậy?" Sư đáp: "Kia giảng có thể đuổi theo, nay thì không hối tiếc. Đã qua không lỗi lầm, còn biết nói gì!"

Về sau, gặp lúc nhà Bắc Chu thôn tính, huyền giáo đều phá hủy. Than ôi! Phong tục địa phương thường tôn sùng nghiệp đó. Đến lúc mở mang Phật Pháp mới lại rộng cửa ấy. Nên luận đó lúc đầu có người gọi là tà kiến. Vì lưu truyền ở đời, đâu thể che giấu luận sư soạn "Kim Tạng Luận", cuối cùng chỉ là Sư, nên Sư đổi tên, nhưng sự lưu xuất sao lược chánh văn, rất đáng y cứ. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

3- Truyện ngài Thích Pháp Xứng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô:

Thích Pháp Xứng, là người xứ Giang Nam. Sư đọc tụng các kinh tiếng vang trong suốt, cảm động mọi người. Sư hoằng hóa dưới thời nhà Trần, cả triều đình đều kính trọng. Sư lại khéo vạch bày dẫn dắt, ngay nơi sự việc nêu lên sự kỳ đặc. Tuy không thông hiểu về những việc ít có ở đời mà có yếu Pháp tùy cơ. Đến lúc thời vận nhà Tùy bình trị Nam phục, Sư cùng Kinh Sư Bạch Vân đồng trở về đất Tần, trụ chùa Hưng Thiện. Sư thường được mời vào Nội Cấm, giảng luận chánh nghĩa, khai mở xứng hợp Tâm Vua. Nên Vua Văn Đế (Dương Khiêm) sắc ban ở chánh điện thường thiết đặt kinh tòa, mỗi ngày riêng sai tụng kinh. Lời tiếng Sư tuôn chảy không ngừng dứt. Vua nghe xem như có lỗ hổng nhỏ liền hỏi yếu chỉ của kinh, Sư trọn đưa lên cao xa. Về sau, Sư đến trụ chùa Định Thủy, cùng Ngài Bạch Vân đồng tịch, và đều thọ hơn tám mươi tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Trí Vân cũng là người giỏi về Kinh Bối, đối với Bạch Vân thì người đời gọi Sư là Ô Vân. Danh vọng càng cao, nổi tiếng khắp Nam Bắc, mỗi lúc lúc Sư cầm kinh đối ngự thì tiếng vang rung chuyển như sấm. Có lúc buồn thảm trầm bổng, làm các loài bay chạy dừng trú. Đức của Sư rất lớn, nhưng kín đáo chẳng lộ bày, nên không việc gì có thể nêu bày manh mối. Sư lại khéo trên pháp tòa giảng nói kỳ đặc. Với Tử Sử Khâu sách, Sư đều ngầm thông, đối thời dẫn kéo như xưa trước đã từng kết cấu. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, trước đó, lúc đang ở tại đất Phiên, càng tôn kính mến mộ Sư

nên thỉnh đến trụ ở đạo tràng Tuệ Nhật, khóc vai như bạn, vì vui mừng từ lệnh của Sư. Đến lúc năm mươi tuổi, Sư thị tịch tại kinh đô. Vua vô cùng buồn tiếc, suốt ngày không ra, rộng vì tu tạo việc Phước, nhờ Sa-môn Pháp Luận vì Sư mà soạn Mộ Chí, thấy ở Biệt tập.

4- Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trú ở núi Linh Ẩn:

Thích Chân Quán, tự là Thánh Đạt, người xứ Tiền Đường, thuộc quận Ngô, họ Phạm. Ông nội Sư tên Diên, làm Chửng Cấp Sự Hoàng Môn Thị Lang. Cha của Sư tên Đoái, làm Thông trực Tán Kỵ Thường Thị. Mẹ của Sư họ Hằng, là người hiền hòa rất có đức hạnh. Thường buồn vì không có con nối dõi, nên khiết trai lập thệ, trì tụng các Kinh Dược Sư, Quán Thế Âm, Kim Cương Bát-nhã, cầu sinh được con trai Trí tuệ để tiếp nối danh gia. Bấy giờ, Ca-tỳ-la Vương do Hiến Tổng trong coi, ở chùa Định Lâm thượng là nơi rất linh dị. Mẹ của Sư đích thân đến đó cầu nguyện, khắc tả hình ảnh, phụng thờ tôn tượng như thật, y cứ theo Kinh Dược Sư, suốt bảy ngày hành pháp. Đến đêm thứ ba, cảm thấy có ánh sáng chiếu vào thân. Từ đó, chí tánh khác thường, nói liền đến đặt, há chẳng phải nương tựa cõi trời, gá cõi người, nương vào gia đình họ Phạm để mở mang Thích giáo hay sao.

Đến lúc sinh ra, tướng Sư kỳ lạ khác thường, trong lòng bàn tay trái có đường văn chữ “tiên”, lòng bàn tay phải có chữ “nhân”, trong miệng thường chảy nước dãi thấm vào làm tươi nhuần tạng phủ, từ lúc nhỏ đến khi qua đời, Sư không hề bị khổ khát nước, nên thân thể Sư da dẻ sáng sạch, tuy già mà không suy yếu. Trên lưỡi có đường văn nối liền nhau hình dáng như lưới dệt. Nên có được biện tài, mở thần sáng ngộ. Lại nữa, lời tiếng như chuông linh, lanh lợi tợ gió mưa. Với sự thấy nghe của Sư, không ai chẳng kinh lạ. Lúc nhỏ, Sư chỉ có đại khái. Khi năm tuổi, Sư đã hay chay, hoặc đứng trên rương tráp, hoặc cầm quạt, đùa như giảng kinh. Năm tám tuổi, Sư thông hiểu Kinh Thi, kinh Lễ, lại làm Thượng Thư, Lâm Cầm. Năm mười sáu tuổi, với các Kinh dưới trụ trên sông của Nho giáo, Đạo giáo, Sư thấu đạt không còn sót ẩn. Lại tham dự vào các thứ đánh cờ, đánh đàn, thỏa lòng Văn Tập, mỗi ngày thêm mới, mỗi tháng thêm lạ. Thầy bạn đều kinh quý vui mừng. Sư thường cùng người bạn vui đùa nơi bến bãi, có vị thấy Sư giỏi về Tướng mạng bèn đón rước vái chào Sư mà nói rằng: “Trong độ tuổi niên thiếu anh sẽ làm vị Đại Pháp sư!”. Sau đó, Sư liền chuyên tụng các Kinh Tịnh Danh, Bát-nhã, chỉ muốn vào Đạo. dò xét cơ duyên tiếp thừa sắc mạo,

cha mẹ Sư không chấp thuận, Sư bèn thưa rằng: "Ca-tỳ giáng mộng, con muốn mở lồng, xé toang lưới ràng, đây chẳng phải thông minh". Cha mẹ Sư đều mở tâm tùy hỷ.

Vua khải sắc ban lời và tặng cho y bát. Pháp sư Sinh trụ chùa Nghĩa Hưng là bậc hạnh khiết, đích thân xuống tóc cho Sư. Thỉnh Luật sư Trịnh là người có công đức lớn là Đạo ái Vân Dương, làm Hoà-thượng. Sư nghiên tầm tư duy về Luật Thập tụng qua một biến thì có thể trình bày lại. Sư lại theo Pháp sư nước Hoa Lâm, thọ học Luận Thành Thật, qua mười biến có mười lần trả lời vượt bày nêu trước, tự có nghĩa là giải hiểu thành đạt, có thể thay thế để thực hành. Lúc đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, hạn định mỗi ngày một quyển, nhân đó cảmmộng bảo Sư rằng: "Ông có Đại Căn, chợt theo Tiểu Đạo, thật là đáng tiếc! Sư bèn đến chùa Hưng Hoàng theo học giáo nghĩa Đại Thừa, chất vấn điều nghi, làm sáng tỏ vấn nạn, đi vào Huyền Môn. Lãng Công là bậc tinh thông cao vời, lại thêm hiểu rộng, nói với Sư rằng: "Tôi ra giảng đã tám năm, không một ai hỏi đến thế, làm cho diệu nghĩa mở thần. Thật đáng là bậc thầy của tôi!" Sư bèn theo giữ lễ thầy trò suốt mấy năm nghiên tầm.

Có Pháp sư Đại Nhẫn trụ chùa Khai Thiện, ẩn vết ở núi Chung Nam, đặt tâm nơi các Kinh Phương Đẳng, muốn thử trông xem, Tiên đạt hỏi bờ nơi Cao Sĩ, nhân tháo bè gõ, lắng dùng để bày huyền diệu, khen ngợi rằng: "Đạo của Tôn giả Long Thọ mới hưng khởi ở phương Đông, hai Pháp sư Biện, Dũng là Thượng Tướng đương đồ, từng có sự khai mở, chóng qua nhiều pháp tịch". Bấy giờ, có người nói rằng: "Đất Tiền Đường có Sa-môn Chân Quán, là bậc đáng một nửa trong Thiên hạ". Sa-môn Hồng Yển là bậc tài cao so với những vị tài giỏi trong Nho giáo, móc sâu sánh với các bật tuấn kiệt trong Phật giáo, nhưng đối diện với Sư thì nói rằng: "Quyền cao lắm Trí, Tai, mắt rất có tiếng tăm, Tôi có được bốn tuyệt, mà Sư có đến tám năng, đó là: Nghĩa, Đạo, Thi, Thơ, Biện, Mạo, Thanh kỳ!". Do đó, các hàng Vương Công quý thích phần nhiều đều biết rõ về Sư. Thỉ Hưng Vương đi về hướng Đông đến Võ Tỉnh, thỉnh Sư cùng đi.

Bấy giờ, tại chùa Hưng Hoàng có mở giảng diên, lựa chọn thỉnh mời những vị có khả năng Nghĩa Tập. Sư đến đường cần kíp, mọi người đều suy cử lên trước. Khi đã lên tòa cao, Sư Khai giảng Tông chỉ của Nhị Đế, một lời tung hoành như băng tan. Học Sĩ Phó Dịch ở tại chỗ ngồi khen ngợi rằng: "Ba ngàn xứng đầu, Bảy mươi đáng trước! Thật là Thượng Nhân đáng vì đối đáp". Các hàng Đạo tục ở Kim Lăng thấy biết

như thế. Khi đã đến Đông Hạ, Sư trụ chùa Hương Nghiêm, giảng Kinh Đại Niết-bàn, bốn phương các hàng Nghĩa tập lại thêm vinh quán. Chùa Hưng Hoàng lại ba lần truy tìm, Sư bèn nói rằng: "Với kinh luận Đại thừa, tôi lược đã được mở mang, mà các xứ Yên, Triệu, Tề, Tần được dắt dẫn cung kính, chuyên học tuy nhiều nhưng gồm thông thì ít, nên phải nhanh chóng về lại Đông phiên, pháp môn nhờ cậy." Lúc bấy giờ, chinh phạt Bắc Chu, mất luật, triều đình bàn nghị bắt ép chư tăng vô danh bỏ đạo, Sư bèn thương có sự mê mờ đó mà than rằng: "Phàm các hàng Sát-đế-lợi, cư sĩ đều gieo trồng Phước mà được giàu sang, mạnh mẽ, hàng thứ dân tôi tớ làm tội nên nghèo khổ, yếu đuối. Muốn tốt tươi cành lá mà lại chặt bỏ gốc rễ, đó thật là lầm hoặc! Mọi người đều tiếc mạng tham sống, tôi đây quên thân mình vì sự mất còn của giáo pháp." Bèn gởi thư đến cho Bộc Xạ Từ Lăng, văn thấy trong Biệt tập. Từ Lăng bèn gởi thư trình tấu. Vua kinh sợ đổi sắc mặt. Chư tăng bị bức ép nhờ đó được khỏi. Nói theo đó thì Sư không chỉ làm rường cột trong Phật Pháp mà còn là sách lược sáng ngời giúp cho thời thế.

Giang Hạ Vương ra trấn ở Đất Việt, nên thỉnh Sư cùng đi. Lăng Công nuốt nghẹn, giây lâu bảo Sư rằng: "Hãy dừng ở lại ba năm, giảng đường này sẽ giao phó, lại thuộc anh Vương, kính chuộng Pháp được lợi ích!" Nhưng Sư chẳng thể ở lại, bèn đến Võ Huyệt và thường quay bánh xe pháp. Đặc Tấn Đỗ Lăng thỉnh Sư về chùa Quang Hiển, truyền dạy học đồ. Đến lúc Vĩnh Dương Vương, Bà Dương Vương, Tư Không, Tư Mã tiêu nạn, đều cùng lần lượt đi theo đường biển thỉnh Sư đến Chiết Đông. Nên được hương xoa đuốc tuệ, vì hạnh nghiệp vì sưởi ấm nên đảnh lễ cung kính dốc lòng rất mực chí thành chí tiết.

Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên Thai là bậc danh hạnh không ai bằng, do nhân duyên đời trước thuần du chẳng nghịch, tuổi tác đã ngang bằng đáng làm anh em bạn đạo, cùng Sư đi đến Tần Lãnh ở nơi phòng cũ khuất trong mây. Sáng sớm cảnh trời lắng trong thì cao đàm tuệ chiếu. Chiều tối râm che khuất hình thể thì an sâu vào thiền tịch, đến lúc Ngài Trí Giả được đề cử lên khuyết đình. Sư bèn ở vườn riêng giảng dạy, ban trải pháp vị dần rộng nơi tâm thế tục. Vĩnh Dương Vương trở về Kinh Đô kính ngưỡng tấu trình thanh đức. Cả triều Tăng chánh đồng thỉnh ty luân, lại gặp lúc phước đức chung cục nên việc ấy phải dừng nghỉ.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính chuộng Phật Pháp rất sâu xa, ba lần ban sắc nhọc hỏi. Tần Vương đến đất Phiên hai lần thỉnh Sư đến Tổng Phủ, Sư đều lấy cớ bệnh mà chối từ, kỳ thật là Sư không muốn đến. Về sau, Tề Vương thỉnh Sư đến Giang Bồ, đích

thân đến đảnh lễ, dùng hương hỏa để truyền dẫn, rồi đưa Sư về lại chùa Chúng Thiện ở ấp cũ. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, khi ấy trời nắng hạn, Thứ sử Lưu Cảnh An thỉnh Sư giảng Kinh Hải Long Vương. Tựa đề kinh Sư vừa giảng xong, bỗng nhiên mưa đổ ngập tràn. Từ đó về sau, hễ có cầu thỉnh thì liền ban giáng, khắp xứ Ngô Việt kính ngưỡng Sư như Thần.

Ở phía Tây huyện có núi Linh Ẩn, xưa gọi là nơi tiên ở, trên đảnh núi có mọc hoa sen, trong hang động ẩn tàng huyệt rồng. Tin Tú Nhạc của Giang Đô, Sư bên trong đã ngầm Nhân Trí, bên ngoài lại quen với núi sông, cùng Thiền sư Đạo An tu hạnh đầu-đà nơi hang đá. Có đàn việt Trần Trọng hướng dẫn các đồng bạn mở kho đào móng, xây dựng tinh xá, lấy hiệu là Nam Thiên Trúc. Sư bèn rời ấp trở về hang cốc, nương náu ở đó đến cùng. Giảng đường chùa chúng Thiện, Sư giao phó cho môn nhân là Sa-môn Huyền Cảnh. Ngài Huyền Cảnh tiếp thừa như bình rót, theo nhau không dứt.

Đến lúc Vua Văn Đế xây tháp, nơi nào hình thế tốt đẹp thì sử dụng, chẳng mưu tính cùng nhóm họp, chỉ lấy sự quyết định ở Sư. Sư bèn chỉ nơi núi đá cao ngất có thể an đặt nền tháp. Tuy nói lời thật nhưng ai lấy làm tin, cúi ngưỡng đục thủng hang động, tự nhiên có vật hình dáng như cái hộp vuông, rõ ràng như đáy hộp gương, công trời thợ thần thầm mong phù hợp. Từ đó, Sư ở núi thường giảng Kinh Pháp Hoa, lấy đó làm tâm yếu, thọ trì đọc tụng, tự thân viết chép truyền bá năm loại Pháp sư thật ở tại đó. Lại nắm giữ ý chỉ kinh văn, mở sáng chí thú sâu mầu, giảng nói mới lạ, chẳng tìm nơi giấy mực, Trí tuệ tư duy khơi sáng, bay vượt ngoài văn. Lại cảm có cái chậu rửa để dưới đất mà chẳng bị thấm. Sự lý khác người, thật do năng lực của kinh. Thần ở đình Cao họ Trần tên Trọng giáng hiện thỉnh Sư giảng Kinh Pháp Hoa một Biến, dùng tiền vật mà dâng cúng, lại giáng hiện xin xả thí miếu đường năm gian đó để làm Điện Phật ở chùa Chúng Thiện. Nếu nói theo đây thì Sư có cảm ứng linh thông cúng dường, thật là ít có ở đời.

Đến ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Tư Mã Lý Tử Thâm lại thỉnh Sư ra Ấp giảng Kinh Đại Niết-bàn. Mới đầu đi ra chùa Thiên Trúc, Sư tự chỉ chỗ đất sau này an táng. Khi giảng đến phẩm "Hiện Bệnh", Sư mộng thấy có ba người dung phục rất cao lớn cầm phướn lọng cùng đến kính lễ mà nói rằng: "Trời Tịnh Cư sai đến đón rước!" Đến ngày mồng sáu tháng sáu, Sư bị bệnh mộng thấy cùng Sa-môn Trí Giả cùng ngồi chung kiệu, đến hầu tôn tượng, theo Phật mà về núi. Khi tỉnh giấc, Sư than rằng: "Khi xưa, lúc

sáu mươi hai tuổi đáng lẽ qua đời, nhờ năng lực giảng Kinh Pháp Hoa lại kéo dài thêm một kỷ, nay bảy mươi bốn tuổi lại đến chung cùng. Kỳ hạn đời sống này đã hết!". Sư liền nhóm họp nội chúng, dạy răn mọi việc trong tương lại, Sư bảo: "Muốn sinh về đường lành, muốn đầy đủ thần lực, muốn ra khỏi luân hồi, muốn đầy đủ Phật Pháp, thì nên phải giữ giới, tu định, học tuệ, mở mang chánh pháp, chớ để một đời luống qua không được gì!". Ngày đó, từ ở Thiên Thai có thư đưa đến và gởi theo các thứ bơ thơm, đường phèn. Xem trong thư đó viết rằng: "Nhân duyên đời trước, đây là thư cuối cùng!" Sư bảo hai chuỗi Châu Như Ý, một chuỗi đi về hướng Đông đưa đến núi thiên thai, một chuỗi để lại cho Tây Pháp. Còn các thứ tạp phục thì tự phân, một là trả lại cho tăng Yết-ma, hai là thành Đệ Ngũ Tăng Thí. Có người mộng thấy cung điện bay đến đón rước Sư. Sa-môn Bảo Tuệ lại nghe giữa hư không có tiếng trống nhạc.

Đến nửa đêm mồng một tháng bảy (năm 611) Sư ngồi kiết già, tẩy rửa súc miệng, sửa sang y phục rồi bảo rằng: "Có người đến thỉnh giảng giới, Bồ-tát." Và Sư ngồi thẳng an nhiên, bất giác thị tịch tại chùa cũ Chúng Thiện. Từ giờ Tý cho đến giờ Ngọ, ở ngực và đảnh đầu Sư vẫn ấm nóng, thân thể mềm mại, nhan sắc không biến đổi, bàn tay phải co lại ba ngón, qua vài hôm sau, mồ hôi đổ khắp thân, đến ngày mồng bốn dời vào trong thiền khám. Bấy giờ, khí trời rất nóng, nhưng Sư vẫn ngồi an nhiên như lúc còn sống, thật là nhờ thần lực. Từ đó, đến ngày hai mươi lăm, mọi người khắp bốn phương đều kéo đến, sáu quận đồng nhóm họp. Các hàng Đạo tục công tư đồng một lúc đến tấp nập, đều đến chỗ nhục thân truyền hương vào tay Sư, nói lên sự giã biệt, nói lên sự kính mến, lòng từ bi sinh khởi, chỉ có giới đức, khóc như mưa lạnh. Mang hoa hương đến cúng dường mỗi ngày có cả ngàn đoàn, theo thứ lớp thiết lập Đại trai hội, mở cửa khám chiêm ngưỡng kính thờ, Sắc tướng Sư sáng sạch, sợi lông giữa hai đầu chân mày càng dài ra gấp bội, khác với lúc còn sống, mọi người càng thêm khen ngợi! Đến ngày hai mươi sáu mới vĩnh viễn an táng nơi cốc Chân ở núi Linh Ẩn, lấp bít Phương phần. Tả họa dung trạng lưu lại chùa Thiên Trúc. Ngày đó bốn bộ kéo dài cả một do-tuần, lọng thơm thành bóng râm, cờ phướn che khắp đồng trồng, người còn người mất đều được vẻ vang vui mừng, thật chẳng thể nói hết.

Ban đầu, Sư có hùng khí thanh biện, rất xứng là Hoằng Phú, các Đại Quốc ở Giang Biểu không ai dám giành trước. Từ khi Phật Pháp truyền đến Phương Đô, công phu giảng dạy dẫn dắt, giữ gìn bình an thì

Sư xứng đầu. Do đó, mọi người không ai chẳng tôn kính Sư. Cho nên biết năm trăm một hiền, đời có ngày hưng thạnh. Phật pháp được vẻ vang rạng rỡ thật là nhờ Sư.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, ở Giang Nam làm phản, Vương Súy đến viếng thăm, bèn chống kháng Quan quân, Vũ hịch tranh giành rong ruổi, tiếng binh lính càng lớn mạnh. Bấy giờ, Nguyên Súy Dương Tố chỉnh trang quân trận nơi Nam khu. Sau đó bèn như ngói vỡ, bắt tù binh chém giết có hơn ba mươi vạn người. Vì Sư là người tiếng tăm vẻ vang sáng tỏa khắp Giang Biểu, nên Dương tố cho Sư là người tạo hịch, chẳng cần hỏi định giết. Sư đã bị buộc tội nghiêm khắc, không do đâu tỏ bày sự trong sạch của mính. Các bậc tài sĩ ở Kim Lăng như học trò của Bảo Hanh, Tạ Võ, v.v... đều bị giam giữ, sắp bị chém giết. Lại đi ngang qua trước Dương Tố, trách cứ Sư rằng: "Đạo nhân đáng lẽ ngồi thiền tụng kinh, tại sao lại vọng xen vào nơi binh giáp, làm ra hịch thư, tội đáng chết hay chăng?" Sư nói: "Sự học của Đạo nhân đúng như lời ông nói, nhưng Chân Quán tôi chẳng làm hịch thư, không tội mà chịu chết". Dương Tố càng tức giận, đưa hịch thư ra cho xem, hỏi: "Có phải ông làm chăng?" Sư đọc xong rồi nói: " Văn ấy cạn cợt, thấp kém chưa thể khơi động lòng người. Chân Quán tôi đây thật không làm, nếu làm thì còn hơn thế". Sư bèn chỉ trích năm, ba chỗ, và Sư bảo rằng: "Ngôn ngữ như thế, đâu đáng đặt để lên giấy?" Dương Tố đã hiểu rõ Văn, tin theolời Sư nói. Sư bảo: "Ở xứ Ngô Việt bắt đầu trộm cướp xuất phát từ kẻ thấp kém, các hàng sĩ học Nho lưu phần nhiều đều bị bắt giữ bức bách, tức số học trò như Bảo Hanh, Tạ Võ, v.v... có hơn ba mươi người, đều là xử đoán việc nước, tiếp đãi Vua, tài giỏi của đương thời. Xin ông nên nghĩ lại, không thì có tội oan!" Dương Tố bảo: "Đạo nhân chẳng lo cho mình mà lại lo cho kẻ khác." Sư nói: "Sống chết là việc thường, đã chết không thể không biết, Người do vì lo sâu". Dương Tố nói: "Bị trói buộc với thời gian dài có giải buồn chăng?" Và đòi lấy giấy đưa Sư và bảo làm sầu phú. Sư cầm bút viết như dòng chảy, chỉ phút chốc giấy hết, Dương Tố bảo đem giấy đến đưa thêm Sư một tờ. Dương Tố liền cầm giấy đọc, kinh lạ lời văn đó, miệng xướng "Thầy đến!" Và bất chợt đứng dậy tiếp, Sư liền bảo ngồi đối, mới hết văn từ ấy, cho nên bài phú Sư viết đại lược là:

"Tên gọi buồn chẳng phải một,
Lý buồn nhiều phương
Khó được tường tận
Thử nêu đại cương

Hoặc gọi là lo buồn rối loạn
Hoặc gọi là chua lạnh đắm xót
Người nuôi dưỡng Nó, khiến đổi dung mạo
Kẻ nghĩ nhớ nó, khiến trở lại hồi trường
Đó là Tướng trạng của sự buồn sầu
Nói chẳng phải vật mà là vật
Nghĩa là không hình tượng mà có hình tượng.
Tuy nhỏ mà là lớn
Cũng từ hẹp mà thành rộng
Thí như cao lớn của Sơn nhạc
Ví sự sâu rộng của biển khơi
Hoặc đứng dậy, hoặc nằm xuống
Có lúc qua, có lúc lại
Chẳng trồng mà tự mọc
Không gốc mà tự lớn
Hoặc thí như khói sương
Chợt đồng như lưới bủa
Tợ lá ngọc buông rủ ban ngày
In sáng vàng gợn lánh trong đêm
Đó là lỗi trái với Đạo lý
Rất sai với Pháp Độ
Không bảo gọi mà liền đến
Chưa lưu giữ mà bỗng ở
Tuy cắt chặt mà chẳng đứt
Muớn ruồng đuổi mà chẳng đi
Xét thì không thấy vết tích
Tìm thì chẳng biết ở chỗ nào
Mà cướp đoạt sự tinh sáng của người
Bãi bỏ sự vui thú củangười
Giảm bớt dung nhan của người
Tổn hại sự lo nghĩ của người
Đến như Kinh kha Dịch thủy
Tô Võ Hà lương
Linh Quân bỏ nước
Nguyễn Thúc rời làng
Vả như Mã sinh chưa đạt
Nhan Quân chưa gặp
Phu Tử vịnh núi,

Lương Trọng Văn an ủi cây đình
Đều là hãi hùng thắc mắc nơi cõi lòng
Đều là tán dương nơi đường tim
Cho nên, Ngu Khanh buồn mà soạn sách
Thúc Triết nương tựa mà làm thơ
Lại như, Đãng Tử theo binh lính
Xướng Phụ ở phòng không
Vằng vặc cửa ải phía Bắc
Mờ mịt sông Đông
Núi sông đã ngăn ngại,
Mộng tưởng liền thông
Lầu Cao đến vầng trăng
Vén màn gió đến
Buồn mi hết phấn
Lệ má tiêu hồng
Không gì chẳng cảm buồn
Gối chiếu kết oán phòng không
Mới có kẻ thi vi trái với khuôn phép
Tâm nghĩ nhớ nghi hoặc
Chưa biết phong hóa của Đường Ngu
Sao rõ được đức hạnh của Võ Thang
Sương đọng phía Nam của Trụ đồng
Mây nổi phía Bắc núi Yên
Mũi tên đã bắn tới tận Tấn Dương
Nước lại cạn khô ở Sơ Lặc ...!”

Văn nhiều chẳng chép hết. Dương Tố rất khen ngợi, ngay nơi chỗ ngồi được cởi mở. Các văn sĩ thành đạt khỏi bị chết mà làm tôi tớ, Sư nhờ có được tài học dồi dào, mở mang dẫn dắt chẳng nhọc mệt, giảng dạy khai ngộ, vẻ vang ngời sáng trong trần tục, đầy đủ như trình bày ở trước.

Ngài giảng Kinh Pháp Đại thừa suốt năm mươi hai năm, lại tạo Tạng kinh hơn ba ngàn quyển, đúc năm pho tượng lớn đồng mạ vàng, xây ngôi tháp năm tầng, năm vị Tăng Đức thí, xây dựng hai ngôi chùa. Soạn thuật các đạo văn hơn hai mươi quyển, Thi phú Bi tập hơn ba mươi quyển, gần đây, trong đời trộm dùng ngôn từ của Sư rất nhiều.

5- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu:

Thích Pháp Vận, họ Trần, người ở xứ Tô Châu. Sư tìm mến mộ

theo bạn, khéo giỏi trên Pháp tịch, thấu đạt cao xa, ít có người đạt được tiết tháo ấy. Sư đọc các bia chí và Đạo Văn xưa có hơn trăm quyển, đều là do các bậc Hiền giả như Vương Tăng Nhu v.v... soạn. Còn về đạo đạt thì khéo dẫn dùng, lại thông về Kinh thanh có hơn bảy trăm khế ước. Mỗi lúc có thiết trai, Kinh Đạo cả hai việc đều giao phó cho Sư. Đến năm ba mươi tuổi, Sư khó nhọc với sự huyên náo ấy, thỉnh mời ngày một nhiều. Vào ngày mồng một tháng giêng, Sư cắt dứt dây, liền nghe giảng Kinh Hoa Nghiêm, không bao lâu bèn đã đáp thuật được, Sư tiếc đã lãng phí bỏ công, vọng tiêu môi lưỡi. Nhân Tăng chúng thanh tịnh ở chùa Thê Hà được khắp chốn Giang Biểu đều suy tôn, Sư liền đến thọ học Thiền Đạo. lại nghe ở Linh Nham thuộc Thái Nhạc, liền đến đó tìm vết tích, thuyền bè khổ hạnh, đặc biệt lập chí cứng rắn thanh khiết, chẳng mong cầu tiếng tăm, vác đá bửa củi, cung cấp lấy làm việc của chính mình.

Sau đó, Sư về lại quê cũ, có pho tượng đá ở Phù giang như truyện trước đã nói, sau bị lửa thiêu đốt nhưng không mất Tướng lượng, không do đâu có thể dựng lập lại, Sư đến chỗ nền móng cũ của tượng đá, phát nguyện đảnh lễ tám mươi bốn ngàn ngôi tháp. Lập Công đã mãn, thì cảm gặp được một Bà lão nhà quê tặng cho một quyển sách, đến lúc mở ra đọc, mới biết rõ duyên của pho tượng xưa. Đã có dạng độ, Sư bèn y theo đó mà tạo thành, rất có điềm ứng nghiệm. Trong biển có đảo Dương Hổ, cách bờ khoảng ba dặm, Sư đến đó để ngồi thiền, chỉ mặc vải bố ăn rau ngải, thực hành từ bi. Lúc mới đến gặp phải gió lớn quỷ vật kỳ lạ, đã thấy như thường, tâm không lay động, sau chín mươi ngày điềm nhiên an ổn.

Sư tự biết việc mình sắp qua đời, bèn về lại chùa Thê Hà, không bao lâu thì thị tịch, thọ ba mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy.

6- Truyện ngài Thích Lập Thân trụ Đạo Tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Lập Thân, là người xứ Kim Lăng thuộc Giang Đông, Chí tiết hùng mạnh, quả quyết, không duyên theo phù hoa thêu dệt, oai dung trang nghiêm, khiến ai trông thấy cũng đều kính sợ. Sư rất có tài văn chương, khéo giỏi đối biện.

Bấy giờ, các Văn Sĩ ở Giang Tả phần nhiều hay lập Pháp Hội, thường nhóm họp danh tăng pháp tập suốt đêm, việc đạo đạt chỉ là dất dẫn tâm, đến lúc Sư lên tòa cao phát ra tiếng tằng hắng thì soang soảng

như sấm, tất cả mọi người đều sửa sang y phục, khắp mình nổi ốc, còn việc bàn nói về nghiệp duyên thì Sư bày dẫn đến quả, rõ ràng như ở trước mặt, khiến người nghĩ nhớ nhàm chán mạnh mẽ. Về sau, Sư vào ở đạo tràng Tuệ Nhật, ưu tặng ngày một nhiều. Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, tiếng nói Sư rất trọng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) vì công lao Sư biện làm cảm động lòng người nên ban tặng bốn mươi xấp lụa, bốn mươi giạ đệm, nhưng tánh Sư vốn thanh kiệm chẳng thích chứa để, nên liền bảo Môn nhân phân cấp hết. Sư theo xe giá đến Đông Đô và thị tịch ở đó, thọ hơn tám mươi tuổi.

Bấy giờ ở chùa Hưng Thiện tại Tây Kinh, quan cúng tầm thường cho kẻ sĩ Xướng Đạo, người phân Vũ Dực, trong đó người cao cả thì có các Sa-môn Tuệ Ninh, Quảng Thọ. Pháp Đạt, Bảo Nghiêm, với thế gầm rống thì có thừa, nhưng tài năng cơ biện chưa hiển lộ để người đời có thể hầu thăm, nên không rộng vậy.

7- Truyện ngài Thích Thiện Quyền ở Đạo tràng Nhật Nghiêm:

Thích Thiện Quyền, là người xứ Dương Đô, trụ chùa Bảo Điền. Nghe học tham cứu về Luận Thành Thật, rất có khả năng thấu đạt Nghĩa. Bỗng nhiên Sư xoay đổi tư duy, ưa thích thấu hiểu về người vật. Lời nói ra liền suốt như chuỗi ngọc châu. Đại chúng vì công phu tu học sắp thành tựu nên không mở mang nhưng quyền phát ngộ thời cơ, vì công chẳng thiếu nên đến, làm được bèn theo việc chuyên. Nhưng trong nước bao quát ngôn biện tối thắng, chẳng ra đến Giang Nam. Còn việc thuyên phẩm thời sự cơ đoán không thể suy nghĩ, chẳng có ai cao. Về sau, Sư có tài thuật vang khắp, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy biết được nên mời Sư vào kinh đô trụ chùa Nhật Nghiêm.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, Vua ban sắc hành đạo. các vị Đại đức tài giỏi có năm mươi vị, đều được tôn xưng là "Trí Nam" đồng nhóm họp tại cung nội, mỗi ngày sáu thời tu nghiệp, Vua hẳn đích thân đến dự. Sư cùng Sa-môn Lập Thân chưa phiên lễ dẫn. Đã dứt bặt Văn từ bút mực, chỉ còn lại tâm kế. Suốt bốn mươi chín đêm đều uỷ thác cho hai ngài, gần ba trăm lượt nói mà không lặp lại. Ngài Lập Thân thì âm thanh vượt hơn mọi người. Còn Sư thì cơ thần bao gồm cả đại Chúng. Hoặc chỉ ba lời thành một câu, là hết một thời, năm-bảy câu là một chương, trường hợp ấy cũng thế. Vua Dương Đế và học sĩ Liễu Cố nói với Gia Cát Dĩnh v.v...rằng: "Pháp sư bàn nói mô tả có thể cùng theo. Đạo đạt lời kỳ đặc có công năng đối đáp, rất đáng ngờ lạ." Gia Cát Dĩnh nói: "Trời trao anh biện, ở đời ít có người cao hơn." Bấy giờ, có người trộm

đọc lời ấy, viết thành pho quyển đem đến hỏi Sư. Sư bảo: “Cách xướng Đạo, việc ấy do biết được căn cơ. Tụng lời, hành sự, tự đánh bằng gậy. Tạp tạng có dạy rõ, đâu thể truyền ngay, liền mau thiêu đốt bỏ chớ để lọt vào miệng người.” Nên Đạo Văn của Sư không còn nơi giấy mực. Mỗi lần đọc đến Bi Chí phần nhiều có sớ giải các từ, người bên cạnh có nhìn thấy như mộng đi giữa biển. Đến lúc Sư lên chỗ ngồi để dắt dẫn, mọi người cho rằng: “Dứt tình chỉ thật khéo nương tựa.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Nhật Nghiêm, thọ năm mươi ba tuổi.

Sư có môn nhân đệ tử là Sa-môn Pháp Cương, là bậc thần sư Đạo pháp, sâu rộng phóng khoáng, tài biến lắm kỳ đặc, lời nói tuy chẳng nhiều mà tả tình đều hết. Tiêu Bộc Xạ Côn Lý bấy giờ gọi là Học Tông, thường tu tạp phước đức, đăng lâm chẳng đợi. Mỗi lúc có Đàn hội thì sai bảo thỉnh mời. Nhưng ngôn lệnh của Sư như vụt bay sớm qua, Thích môn che lấp, các hàng đạo tục đều thương cảm.

8- Truyện ngài Thích Trí Quả trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Trí Quả, là người ở đất Diệm, thuộc Cối kê, tánh Sư trong trắng nhẹ nhàng, từ bi thương xót mọi vật. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa, rất ưa thích Văn bút. Đối với Kinh sử thì là bổn ý cảu Sư, qua mắt liền được rõ suốt ý chỉ, thường hay xướng đọc, hân hoan cùng văn học. Ở đời lấy thế sách ấy để bức Sư làm Hữu Quân, tấu trình với Phiên Tấn Vương, bèn bảo Sư viết sách. Sư nói: “Tôi là người xuất gia, lại làm việc khác, đó là điều không đáng. Một là phụ rỗng sự phó thác của Thanh giáo, hai là trái với lời răn phát túc. Vua tuy bức bách thân tôi, nhưng tâm tôi thì không thể bức bách được.” Sư lại nói rằng: “Mắt mờ không thể cầm bút!” Tấn Vương rất tức giận, bảo giam lâu dài tại Giang Đô và sai giữ Bảo Đài Kinh tạng. Đến lúc vào kinh, Trữ Phó ra tuần ở Dương Việt, bèn lên Thái Tử Đông Tuần Tụng trình bày, đại khái rằng: “Sa-môn Trí Quả vén áo xuất tục, mến nghĩa đến đất Lương. Cảm sự nâng đỡ ngày xưa, vui mừng sự tốt lành ở ngày nay!” Bèn ban sắc phóng thả và ban tặng Sư một vạn đồng tiền vàng cùng hai quả chuông. Mời Sư đến trụ chùa Tuệ Nhật, Sư thị tịch tại Đông Đô, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tuệ Nhật, có Sa-môn Trí Ưng, Sư vốn là người xứ Giang Biểu, thấu suốt về nguồn gốc chữ, hiểu rõ về thông tục, về sau, vì sở học mà Sư mà tìm vào đạo tràng, từ Bí thư Chánh Tự, xem xét các tác phẩm. Văn nghĩa không thông, đều đem thưa hỏi Sư quyết định.

Sư liền về phán định xưa nay, xuất từ người đời, biến thể cổ huấn, rõ ràng như trước mắt. Sư thường bảo: "Đối với chữ học tôi đã biết khắp, còn người không biết chữ thì rất nhiều, không có người thông cùng phán quyết, tôi rất lấy làm tiếc!". Sư soạn "chúng Kinh âm" và "Thương nhã tự uyển" trình bày rộng khắp, các hàng Đạt giả rất đề cao. Mỗi nhà cất lấy một bản để làm của quý. Về sau, Sư chuyên việc Đạo thuật biến đổi khuôn phép trước. Đã dứt bặt đệm Văn lại rất bày rõ khí sâu, góp nhặt thành bổn hai quyển. Trình bày đạo mầu, người học giữ gìn, cho nên văn ấy gần như dứt bặt.

Bấy giờ, tại kinh đô, lại có Sa-môn Huyền Ứng cũng là người dồi dào về tự học (học về chữ), các hàng Đạo tục đều suy tôn, thông tạo "Kinh Âm" rất có khoa cứ.

9- Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô:

Thích Pháp Diễm, họ Nghiêm, người ở xứ Kim Lăng thuộc Giang Biểu. Sư vốn tên là Pháp Tạng trụ chùa Nguyện Lực. Nghe Tước Công ở chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật, Sư thâm nhập được nghĩa, biết chỗ trở về, bấy giờ mọi người đền khen ngợi. Mỗi lần nghe tiếng tụng tán kinh điển như xưa đã được đầy ắp nơi cõi lòng, Sư thử thầm đi tìm, lời ý đều thông thấu, liền đem sự hiểu đó, thưa hỏi các bậc thông đạt, các vị đều bảo: "Bởi ông đã từng tu học khi xưa, nên có duyên nay, không có gì lạ". Sư bèn lấy điềm ứng y theo âm thanh đến hết quyển. Nâng ném kéo ngược. Sư bèn nhân những lức rảnh giảng mà trình bày. Dưới thời nhà Trần, những lúc trai hội, có người cầm quyển, như chẳng tỏ bày ra tiếng, trai phước chẳng cứu giúp. Nên bảo mỗi người tuỳ theo sự nhớ nghĩ mà theo nghe hết. Âm tiết trong trẻo đầy tai, tiếng tụng tràn khắp, rộng lưu bố ở thế gian. Về sau, được Tấn Phủ thỉnh Sư đến trụ chùa Nhật Nghiêm, cuối cùng đến niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư lại đến trụ chùa Huyền Pháp. Tuy tuổi tác già nua mà lời tiếng của Sư không khàn hư. Tại Kinh thất tuy giàu có, mà Nghiệp hạnh tiếng tăm lại rất nghèo. Như trong các người tìm Pháp vị, không ai vượt cao như Sư. Nhưng tánh Sư sống thích biết đủ, chẳng hề chứa để của cải. Phước lợi tuy có quy tụ, nhưng Sư đều ban trải hết.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Huyền Pháp, thọ hơn chín mươi tuổi.

10- Truyện ngài Thích Tuệ Thường ở đạo tràng Nhật Nghiêm:

Thích Tuệ Thường, là người xứ Kinh Triệu. Do có công phu Phạm bái (tán tụng) nên Sư trụ chùa Nhật Nghiêm. Lời tiếng trầm bổng bay cao, kéo dài mênh mông, trong suốt chẳng khô cạn, nhưng âm thanh đó phát ra từ trong cổ họng, môi miệng không máy động, đứng chung với người nhưng suy nghiệm chẳng biết. Tự chẳng vốn biết mới rõ Sư làm.

Bấy giờ, dưới thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) hưng sùng chánh pháp, đến thời Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) lại càng làm hưng thịnh hơn, khắp bốn biển đều tìm về, đồng tụ hội tại Kinh Đô. Đến như Phạm Đạo tán thuật đều quý trọng gia phong, nhưng nghe Sư tán tụng đều sững sờ nghiêng tai, đều bóp tim tan mật, như là đói khát. Tiếng Sư tán tụng như thế, người có tâm nghe lam sao chẳng được tốt lành ư? Đại chúng tuy bắt chước học, phong cốt đồng thời tham dự, đến như dùng cho lôi kéo, đều chẳng ai bằng kịp Sư. Về sau, vào Đông Đô, gặp phải kiêu hoặc làm loạn, mọi việc trai phạm đều giao phó cho Sư. Sau khi bình diệt hết, Sư về lại Quan nhưỡng, bấy giờ có kẻ sàm tấu với Vua rằng: "Nghịch tặc tạo Phước, nói lạm vào nước nhà đều phải bắt hết". Nhân đó liền sai phái người tìm kiếm, Sư bị đưa đi vĩnh viễn. Đi đến Sa Sách, giặc giữ lại nói: "Đến đó chắc chắn bị giết, hãy dừng lại ở đây." Sư bảo: "Oan trái tạo tác vốn đã từ lâu, phải đền trả". Bèn đến Dương Đô, quả nhiên đúng như lời Sư nói, lúc đó, Sư hơn bốn mươi tuổi.

Bấy giờ, trụ chùa Hưng Thiện ở kinh đô, có các Sa-môn Đạo Anh, Thần sảng cũng là những vị do âm thanh tán tụng mà nổi tiếng. Ngài Đạo Anh cổ họng và vầng trán tướng trạng kỳ vĩ, từ khí hùng xa. Đại chúng mỗi lúc nhóm họp có hơn vạn người mà âm điệu Sư oai linh cao vượt ngoài chúng. Đại điện chùa Hưng Thiện bày nền rộng mười mẫu, lá quạt cao lớn chẳng thể lay động. Đến lúc Sư dẫn chúng đi nhiễu quanh lần lượt tới cửa song, tiếng ồn ào xung vào kích đánh đều bị rung chuyển. Ngài Thần Sảng xướng lời tán tụng càng khéo dẫn dài, du dương trầm bổng nối liền khắp cùng trong ngoài, gặp cơ duyên thừa thải nắm bắt thỏa thích, hợp tâm mọi người.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, trụ chùa Chiếu Cơ ở Trị Hạ thuộc Dự Châu, có Thiền sư Đàm Bảo bỏ ăn ngũ Cốc luyện thân, giới hạnh không dấu vết. Năm đã sáu mươi tuổi, mà Sư thường giảng Kinh Quán Âm, dẫn dắt các hàng Sĩ tục. Và, âm điệu của Sư vượt trội đặc biệt khác với người thường, tại chùa có nền tháp, trong đêm thanh vắng, Sư lên trên đó tán lễ, âm hưởng xông bay khắp

cùng ba mươi dặm, mọi người khắp bốn phương xa nghe thảy đều kinh sợ kính ngưỡng.

11- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô:

Thích Trí Khải, họ An, người ở xứ Dương Đô thuộc Giang Biểu. Gia đình Sư rất giàu có, tôi tớ rất đông. Lúc còn nhỏ, Sư đã thích hài hước, dẫn các trẻ nhỏ đồng trang lứa có đến trăm đứa cùng vui đùa giữa đường cái trống trải, rất lấy làm tự đắc. Cửa Đài Tỉnh của nhà họ Trần không canh giữ ngăn cấm, Sư bèn dẫn đồng bạn vui đùa đến trước điện Thái Cực, bày hiệu lệnh mà qua. Các triều tể Giang tổng v.v... nhìn Sư ước buộc bước đi, bèn dừng bước lấy làm ngờ lạ nhìn nhau cười, bảo: “Đứa trẻ này là Vua!” Đến tuổi vào học, Sư bỏ tất cả các manh mối trước.

Nhân Sa-môn Cát Tạng bày Tông tại Võ huyệt, đến đó giảng nói ngời sáng vang khắp gần xa. Sư bèn từ giã cha mẹ tìm đến, theo học Tam luận, riêng giỏi về lãnh điệp. Cho nên trong chương đầu, với các thứ Trung Giả phức từ dứt hết vướng mắc, người học khó khổ bởi phiền dẫn dắt, mà Sư bao gồm tất caʼ, tự nhiên chóng rõ ràng, tất cả đều có đi đến. Đến lúc ngài Cát Tạng vào Kinh Đô, nhân đi theo nên Sư cùng ở. Nghĩa nghiệp đều huỷ bỏ hết, chỉ chuyên tập học về Tử Sử. Xưa nay các tập truyện có mở ý bao gồm Sư liền điều sớ lại đó. Hễ nơi nào có phước hội, thì nhân đó mà nêu phỏng. Còn như xướng Đạo thì gần một nửa, lại có duyên đến, Sư liền dắt dẫn từ đầu, thầm phù hợp với điều chúng mong.

Cuối đời Tùy, dầu thời Tiền Đường, mưu tính tốt lành dần hiển rõ, mỗi lúc có điện hội, không đâu chẳng kính ngưỡng suy cử Sư, rộng đọc tụng lắm tài năng, ít có người nào được như Sư! Thường ở trong điện, Phật giáo, Đạo giáo trang nghiêm ở hai bên, hai cửa dẫn Sư, đồng thời mỗi bên tự xướng. Có Đạo Sĩ Trương Đảnh là người hùng biện khó có ai hơn, tự tiếc vì âm thanh nhỏ bị Sư lướt hơn, muốn đợi Sư dứt lời mới bày thuật. Khi nói đến đức của Vua, Trương Đảnh kéo dài ngôn ngữ ấy, Sư lường liệu mục kích ấy, biết độ ngậm nín của Trương Đảnh, Sư mỉm cười rộng dẫn các bậc Hoàng Vương xưa nay trị loạn cứu vời lầm than, được mất thứ lớp, lời nói không phù trọng, văn từ phô bày cốt yếu. Trương Đảnh kéo dắt đã cùng, Sư lại thâu dẫn tiếp. Một đời các hàng Tể Bá đồng khen ngợi nêu lạ. Sư khéo léo tùy cơ sắc nhọn như thế, mà tánh quân bình, giàu nghèo đến cúng chẳng thiên lệch, còn nghĩ nhớ đến khốn cùng, phần nhiều thi vi châm liệu.

Sau, vì vết ruồi bó buộc, không đường bày rửa, Sư bèn dời đến Nguyên bộ, bèn mang mặc áo mão cổ Hiền, giảng nói về Lão Trang. Bấy giờ, ở Giang Hạ có Vương Đạo Tông, xưa kia ở Kinh Tông, xưa kia ở Kinh liễn, thứ lớp có dự nhiều phước hội, đối với xướng thuật, không thể thông bằng Sư. Sau đến trông coi Linh Châu dẫn theo đến chổ đảm nhiệm, lưu luyến năm tháng vui mừng mến mộ có bạn theo, và Tuần phủ Yên Sơn, hỏi tội ở Nê hải, đều cùng Liên kỵ cưỡi tình đồng sánh bóng. Tại đất phiên cúng tế phải có dẫn đạt, bèn cách bức màn bảo Sư làm. Đến lúc ngôn từ cuối cùng không ai chẳng rơi lệ. Vua cũng đổi sắc mặt. Sư thị tịch ở tại đó.

12- Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô:

Thích Bảo Nham, trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô. Sư có khí điệu nhàn phóng, nói cười cuốn hút mọi người, tâm muốn dắt dẫn kẻ tục. Bấy giờ, mọi người cùng chú ý gọi Sư là Pháp sư. Sư cũng cùng giảng kinh luận, tên đồng mà việc khác. Vì chỗ nêu bày của Pháp Sư là chuyên ở chương cú, tiêu phán sinh thành diệt khởi, tham kết nơi từ nghĩa. Còn sự chế dụng của Sư là tuỳ tình trạng mà lập nghi. Nếu chỗ có cần trích dẫn, phần nhiều Sư lấy từ Tạp tạng, trăm thí dụ khác tướng như chuỗi ngọc xâu liền. Đạo Văn của Quán Công, Sám Pháp của Vương Nhụ, Lương Cao, Thẩm ước, Từ Sưu, qua các triều đại Tấn, Tống có đến mấy mươi nhà, Sư nhận nạp tất cả vào trong cổ họng áo kép, tiếp xúc ngẫu hứng đều khơi dậy, thường khiến khắp chốn Kinh Ấp những nơi nhóm họp chùa tháp mở đầu hưng khởi, của cải phí dụng không đâu chẳng như là suối tiền. Tuy ngọc đá đồng gom lại, tạng phủ khó mở bày, nhưng đến lúc Sư lên tòa tựa án trông nhìn, chưa vội mờ lời, ném vật mây tan, chỉ phút chốc ngồi chìm mất. Sư bèn bảo người dời vật, bàn nói cửa Phước, trước tiên nêu bày đường lành đáng vui mừng, giữa chừng Sư nói về U Đồ thật đáng nhàm chán, sau cùng Sư nói về sự Vô thường bức đoạt, cuối cùng trở về mất hẳn. Mọi người kéo tai vỗ tay đạt ngộ tự tâm ngay lúc ấy. Không ai chẳng bới tóc vạch áo ghi tên ký số khắc tế thành tạo, đó đều là do công lao của Sư! Bấy giờ, có người bảo rằng: "Hễ là người giảng pháp thì phải nói đúng như Pháp, chẳng nghe cái không của Âm giới, chỉ nghe về Bổn sinh Bổn Sự." Sư bảo: "Chỗ rõ ràng của Bổn sinh Bổn sự là ở Ấm nhập vô chủ, chỉ vì người trong đời uế trược, có tình thức ám độn, nói về Ấm giới thì đều mê muội, nên tùy theo chúng sinh mà mượn tướng để khai mở thần phủ, há chẳng tốt ư?

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch

tại chùa đang ở, thọ hơn bảy mươi tuổi.

Thử Luận Bàn:

Từ xưa các truyện phần nhiều lược bớt các chương khoa sau, khi họ Tấn dời về hướng Nam mới mở ra Danh Thật. Cho nên sự rộng lớn của lợi vật là do việc làm cao. Nhẫn giới tôn quý chỉ bởi tiếng tăm âm thanh đều hiểu rõ. Vả lại, lấy ân thanh để truyền thì Sư lưu tạp ngay, trong đời thường lưu hành, ít quy kết tìm tòi. Nay vì chưa tỏ ngộ nên thử nêu lên thử luận bàn.

Vin theo từ đầu, các vị Kinh sư làm đức vốn thật lấy tiếng tăm lẫn lộn với văn từ, giúp cho người nghe thần mở, nhân tiếng tăm để theo hồi hướng, khắp trong đời đều mất hết yếu chỉ ấy. Trịnh vệ phân bố, lấy ai uyển để nhập thần, dùng chồm nhảy làm thanh cử, đến nỗi khiến lời dâm êm tai tươi tắn đùa bỡn lắm nhiều, ở đời coi trọng đồng mê, ít tông làm được. Cho nên tiếng tăm tán tụng cùng trải qua, thì chính là hoàn toàn trái. Nếu như có sửa sang, mà bị thời gian phế bỏ, vật mong tham gá, có lợi xen lạm liền thực hành, chưa hiểu người nghe ngộ mê đều quý, và cùng lúc nghiêng tai. Đó đều là quy tông Nữ chúng. Song, chư tăng cũng rất gần, mà vượt rơi lạc, bền bỉ kiên trinh, rất thiếu nhã tố. Được chỉ do tùy tục, mất tại đùa bàn, hãy trở lại sai lầm sắp dứt, Tông tượng thì ít, xưa kia diễn bày ba ngàn, nay không một khế ước. Đã chẳng men theo Đời dời đổi, hẳn được hành tàng hữu nghi ư? Nhậm việc dẫn đạt hiện nay là việc trước tiên, ý tại tả tình sớ thông Huyền lý, vốn thật mở vật, sự việc thuộc biết cơ, không hẳn là tụng truyền do trái với thuyên ngộ. Nên Phật, được đời tôn xưng, cho nên ngài Xá-lợi-phất cho lời ấy là đầu. Xét chẳng phải người đó thì tạp tạng trình bày lỗi lầm, bao gồm sự lãng bạt ấy, trọn kết quy về cửa tuệ. Pháp sư có công nói Pháp, Luật sư có dụng biết Luật. Nay hãy tùy tướng phân vị, y cứ theo công việc mà kết nhóm thiên chương. Ở thế tục thì hữu vô thi vi chẳng thể, lại trình bày không có một người hoàn bị. Ở Đạo thì không khinh người chưa học, cũng khai mở bên ngoài phải rộng. Do dó, chỗ trình bày của truyện trước, ân cần bốn năng tức dùng để quán xét. Thật như trình bày rộng làm sao sáng tỏ ư? Nếu như Thanh học đã dồi dào, thì ôn từ cao nhã đầy đủ, tài biện rộng lớn, thì tuệ phát gần bao nhiêu. Hẳn che phủ dấu vết đó thì lắng dấu thành ở Minh Đạo. Nếu trái với Địa vị này thì làm lưới mở ở bến huyền. Chỉ vì trong đời tiếp nối năm thứ mờ tối, người bị ràng buộc bởi chín não. Tục lợi ngày một lớn mà đạo hoằng rất trở ngại. Do đó ngồi bày nơi Triều Tể hoặc đối mặt với Văn nhân. Nghiệp học lờ mờ hoang sơ, lúc trinh bày thì quê kệch, khen giúp đức

vua mới là loại A hành, khen ngợi khốn khó vụt đồng như cờ hiệu. Như trình bày trăng tròn thì bảo là Thánh Tử về cửa, mê lược ngọc chương thì đâu nghe đến giường ghế, như nói về phòng thất thì tụng yểu điệu ung dung, khiến cho gái trai chạy tránh lớn nhỏ động sắc. Tăng luân vì đó mà bít tai, Sĩ tục không ai chẳng sợ hãi. Không phải chỉ có nghĩa là điều Phước luống làm khiến cho lòng tin héo úa. Lại có kẻ vội vã khoe khoang môi mép không biết hổ thẹn, trang sức sân vườn, sáng nhuận chó ngựa. Đó đều là học chẳng phải từ thầy trao. Văn từ gá mượn từ kẻ khác truyền. Mạnh mẽ quả thật nghe trước không nghĩ đến lời răn bảo nên khinh trọng đồng vết. Thật lầm lẫn lộn dòng. Nhan hậu đã tăng, càng sâu si trệ, làm sao có nghĩa là Đạo Đạt? Há đều như vậy ư?

Còn như đối ngộ khéo léo gom nhặt lại có cả hai ngàn trang giấy, chẳng phiền nhiều hoa sức, dứt nạn trình Thần của Sa-môn Chân Quán, trăm câu càng mở tà tín ấy. Cho nên còn mất, nhất định phải tuân khảo. Qua nghiêm xét ở giao ấp ấy, từ điệu tuôn chảy bèn bừng bừng khó cùng. Dẫn kéo thường tông thỏa đáng tình sự. Có công khiến cho cứ ngạo bẽ gãy Thể, Nho Tố mở giải sâu mầu, khiến biết tin bền chắc, tiếng tụng chuyển tải khắp đường. Nay hãy lược làm sáng tỏ cơ cử, thì được người khai ngộ như thế. Có trái với lời ấy, thì lại chê trách bít hóa như kia, liền thử luận bàn. Gặp có thật khó!

Sự tạo tác của "Bối nặc" men theo Đời mà khác nhau, chuyển đổi cựu chương, phần nhiều dẫn theo thế mới, kiểm xét nguyên thỉ cùng giao ủy Ngư sơn, hoặc chỉ Đông A xưa để lại, chợt trình bày cánh lăng thầm trao, chưa rõ thuật xưa, lại trình bày nguyên do, há chẳng phải âm thanh trái với tượng lưu bố đã lâu, chỉ tin miệng truyền ở người là cao, rốt cuộc khó y cứ theo Đại ước. Thể loại ấy sắp bày rất nhiều. Còn như chỗ hành dụng của "Phạm" thì nhóm chúng hành hương, lấy tĩnh nhiếp ấy mà chuyên kính ngưỡng. Về danh thật thì "Phạm" nghĩa là "Tịnh". Thật chỉ là âm thanh của trời. Các trời ở cõi Sắc lúc lại hầu thăm Phật đều trình bày tán tụng. Kinh có việc ấy, vì bắt chước nên còn nhân gốc, chiếu âm thanh là Phạm, nhưng âm thanh của trời kia chưa hẳn là đồng với cõi nầy. Nên các Phạm ở Đông xuyên tiếng xướng rất nhiều, trong đó cao nhất thì có các loại tiếng mới giúp buồn, thuyền ngăn thế khuất. Đất chia ra Trịnh, Ngụy tiếng cũng khác nhau, nhưng với đường lớn chẳng trái với thường tập, Giang Biểu, Quang Trung há chỉ cách trời rất ít, đâu chỉ Ngô Việt chí dương tục khéo nổi dệt, đến nỗi khiến âm hưởng còn của tiếng tụng chỉ du dương khéo léo. Tần nhương Ung Lương âm từ hùng tráng vang xa, đến như chổ khắp cùng của ca vịnh

đều dùng cao sâu làm cao quý, nhưng mà xử sự khó thường, chưa thể cùng đoạn dứt. Nếu đều nhóm họp các hàng Đạo tục, hoặc khắp thành quách thiết đại trai hội, hành hương trường Phạm thì tiếng của đất Tần là được ý. Năm chúng thường lễ, bảy quý thường hưng, mở phát kinh giảng thì âm thanh của Đất Ngô đè nén ở lần đó. Há chẳng phải đêm trong lắng thì sáng sớm tốt lành, mờ tối cản trở nhau, cho nên dùng ân điệu trong nhã phát ra trầm tình. Tại Kinh Phủ thường truyền thì có hai phạm đại tiểu. Lời đùa ở Kim Lăng cũng truyền hai trích dẫn ngắn dài. Sự thuộc về đương cơ, không gì chẳng tốt đẹp. Kiếm Nam lũng hữu, gió ấy rõ được Tần, tuy hoặc đầy vơi, chưa đủ để bình luận. Nên biết một cảnh vực của Thần Châu, tiếng tăm thể loại đều khác nhau. Ấn-độ cùng với các Phiên, vịnh tụng hẳn nhiên tự khác nhau. Nghĩa chẳng vì thế, Đường Phạm dùng phỏng theo âm thanh của trời. Dám vọng lường xét, đoán định có thể biết. Tạo tác của Bối nặc trải qua khoa trước, còn như việc kỳ đặt vẫn sắp bày Phạm riêng, phát dẫn làm công, Bối-nặc cuối cùng nơi Pháp tịch. Tìm xét Bối nặc cũng vốn là âm thanh trời, thời Tiền Đường dịch là Tỉnh, rất được lý ấy. Nghĩa là lúc chúng sắp tan, sợ lẫn lộn với loạn duyên, nên dùng Bối chước không để vượt quá. Nhưng từ Bối dịch nghĩa đâu hạn cục ở tống chung, khéo lúc đầu thì nhiều, thận trọng cuối cùng thật ít. Nên tùy nhân khởi mà dạy răn, nhưng chẳng phải không thông nghị. Sư thiết bày Tụng tán lưu bố thật nhiều, riêng cảnh vực của giang hoài đã có nhiều hành tập ấy, khắc chạm trang sức văn dệt dùng lấy thanh hoa lẫn lộn. Tùy quyển Xưng dương, hễ khế hợp liền giất kéo. Nhưng âm thanh ấy thường che phủ Văn từ. Người nghe chỉ nghe bay thổi, rốt cùng mê mờ đâu là mắt nôm? Quan Hà, Tấn, Ngụy gồm quý trọng, chỉ vì lời phát ra chẳng phải Văn, nhã xưng vụng về. Vả lại, y cứ vào Văn từ ấy dồi dào dễ nghe mà mở niềm tin sâu. Chỉ bởi phía Nam ấy đượm phục Văn thanh như rừng, hướng như tiết đến trung hòa, lý phải hài hợp với những chỗ sâu xa, tùy rơi lạc khó ngoi trở lại cũng mong, còn như Vịnh Phật Duyên của Danh Nghiêm do năm lời kết vận, thì trăm tạng y cứ làm Sư hạt. Tán Tịnh Độ của Viễn Vận gồm bốn chữ thành chương thì bảy bộ kính trọng làm Phong tố, đó đều là không tiếng tăm, vì ở bên cạnh Bổn ấy nên được bày lưu truyền thay thế.

Hoặc có người hỏi rằng: "Vừa rồi nói về các tán bối, chứa nhóm do âm thanh. Tôi nghe chẳng phải âm thanh, không lấy làm thấu đạt tâm. Chẳng phải âm thanh không vụt bay huyền lý. Cho nên ca vịnh tụng Pháp lấy làm âm nhạc, lời nói ấy thế nào?" Hẳn có trình bày như

thế vì chưa nghe thí dụ trước. nghĩa phải hun đúc tiết ước mới được văn chất cùng tốt đẹp. Lỗi của từ ấy là thật. Đời gồm chỗ chẳng phải. Âm thanh che phủ Pháp Bổn, Phật có hoằng ước, đâu được che lấp âm thanh trong trẻo mà mong khơi dậy rõ ràng ư? Bỗng từ chúng cao nhã mà mạo phạm hôn phu, đó thật là hổ thẹn! Ở Kinh đô có người ngồi trong hội nghe âm thanh pháp sự, phần nhiều do người thế tục làm. Thông hỏi chổ theo, không do đâu mà gửi gấm, xướng lên hành sự nghĩa là có thường tông, đồng thời là sớ xưa của các bậc thạnh đức, không thể bác bỏ. Còn như Thánh triết thường dạy răn, hai bài tựa chung riêng lấy mạng chương để trình bày kinh, trình bày pháp của bậc Thánh, nêu đầu các kệ tụng. Tuy là lời tựa tụng của văn khác mà khai phát nghĩa thì đồng. Thánh xưa để lại khuôn phép ở nơi đầu mối giáo pháp. Hiền nay bắt chước tiếp thừa ở Sự biểu hiện. Đời cách xa chẳng thể lường, mặt mũi ấy nay suy tưởng được dấu vết đó, tin có nương tựa, chẳng phải luống dối. Vả lại, nhóm họp đông nhiều huyên náo hôn tạp sóng đông, cuối cùng muốn sửa lý, thì do đâu mà được tĩnh lắng. Chưa bằng như âm thanh vút cao quy y Tam Bảo, bỗng nghe kinh tai không gì chẳng khuynh tâm. Đó cũng là kỳ lược phát mầm mở đầu khai sáng niềm tin. Ở đời có Pháp sự gọi là "Lạc Hoa", dẫn dắt chung các hàng Đạo tục mở cửa Đại thí, đánh sát xướng cử buộc ném suối tiền, riêng thỉnh lập tọa nói rộng về thí duyên, hoặc xây dựng chùa Tháp, hoặc sửa tạo tăng vụ, tùy vật tán chúc lăng xăng như hoa. Các hàng Sĩ nữ đến xem nghe, ném tiền như mưa. Còn như bới tóc trăm số đều khác. Khác lời bày nguyện giống như sao giăng, kết câu đều hợp vận, âm thanh không tạm ngừng. Nói vô lượng thuật, đó thật là bén nhọn kỳ đặc biệt của lợi khẩu, một kỳ hạn nhanh chóng. Ngoài ra thì cảnh giới ược, chư Tăng được, hạng đó lại rộng nhiều. Tầm thường đạt sấn, khoa yếu dễ hết, cho nên không rộng. Nếu là thông hóa thì vô phương hun đúc bất nhất. Biết nhỏ nhiệm có bao nhiêu ai được tin? Nhưng đức tin vững chắc cuối cùng Ngã diệt mất. Biết nhỏ nhiệm cùng cực đến tưởng diệt, từ đó thềm cấp giáng tâm dần dần chẳng ai bằng, người Đạt hóa lấy thức biến làm sáng tỏ, người Thông pháp cho lạm giao là mờ tối. Nên ngài Xá-lợi-phất nói sai là không bước lên ngộ nhập. Chúng thủ vọng hối lỗi, cuối cùng bị chê trách. Ngoài ra hàng hạ phàm lường khó toan tính. Vả lại, Đạo mở vật ngộ, kính tin Công phu nói Đạo? Đã chẳng hội chánh làm sao có thể xét quán? Chỉ là việc có thể lên cơ, dùng ý thương lượng. Khả năng tiếp đãi tục còn ở việc nầy ư? Vẫn còn chấp văn tin độ, răn đổi rất hiếm, phỏng người lấy làm thường, hẳn chẳng phải lỗi, vằng vặc xa tưởng, thông

cùng ý ấy.

Tôi, Sa-môn Thích Đạo Tuyên người ở xứ Kinh Triệu, trụ núi Thái Ất, ở Chung Nam, dám bảo với các Pháp thuộc rằng:"Trộm nghĩ dòng pháp trùm khắp, không con người thì chẳng ai hoằng dương, khoảng đời bạc bẻo, thường trái với danh thật. Hàng hậu học đua ganh chưa hết toan tính, đến nỗi lẫn lộn thiên chương, sót mất rất nhiều. Từ thời nhà Lương về sau, lịch sử chư tăng hoang phế, tìm xét những bậc tài giỏi ít có đầu mối. Há chẳng phải gom nhặt biên tập ít tươi đẹp để sự thấy nghe được trầm lắng. Hạnh cao Đức sáng lấp vùi khó ghi, ngay không bờ mé đo lường, hãy chọn lọc ở ngôn từ. Còn như truyện thuật thì khuyết sót Sư chứa nhóm tốt đẹp, còn Hiền giả thì bặt rơi mất không nghe ở đời. Do đó tại Giang Biểu dưới thời nhà Trần các vị như Sa-môn Thống, Quỳnh, Hoảng, Diễm, Tước v.v... tại Hà Bắc nơi Cao Đô có các vị Dung, Sâm, Tán, Ngụy v.v... là những bậc tiếng tăm khuôn phép nơi trời Hán, hạnh lớn lay động tâm người, đều đáng làm mẫu mực phép tắc đều theo vật xưa cũ. Tôi, thường nhân những ngày rảnh rỗi thưa hỏi khắp các bậc Hiền giả ở kinh đô. Tên họ còn không nghe thì làm sao luận bàn về cảnh hạnh được! Vỗ về sự đau khổ của tim gan, tự chứa nhóm từ trước đến nay, cùng kết thành quy củ, lời ý hợp Đạo, kính nương thưa hỏi khắp công việc, sưu tìm nêu dương, chớ cho là nhiều mà trái với Hoằng lược. Ở đời có ba bộ sử hơn bốn trăm quyển, còn có sư tìm, đâu dụ với Thích Môn chỉ có ba, năm pho, nên phải hơi có phần tiết tháo hành trạng đáng dùng làm bậc thầy khuôn phép mẫu mực, liền phải chiết bút càng rộng loại ấy. Há chẳng phải nghe rõ chư tăng lướt thuyền thẳng theo vết Thánh, thì đạo Thích Môn cao quý, trông nhìn nghĩ suy làm sao cho bằng, hàng Thượng đạt trong lưu tục thêm cảnh ngưỡng đối với thường tà ư? Thôi buông lời cuối truyện, cầu mong Thần nhân biết có y cứ.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 30 hết
(TRỌN BỘ)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 185

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

SỐ 2061
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2061

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

TIẾN CAO TĂNG TRUYỆN BIỂU

(Dâng Biểu về Truyện Cao Tăng)

Chùa Thiên Thọ ở Tả Nhai, tháng mười niên hiệu Đoan Củng năm đầu.

Đại Sư Thông Tuệ, Tứ Tử thần tăng là Tán Ninh dâng biểu.

Thần Tăng Táng Ninh xin tấu rằng: "Kể từ niên hiệu Thái bình hưng quốc năm thứ bảy, kính vâng sắc chỉ, bắt đầu biên soạn Cao Tăng truyện và các Kinh mới dịch đồng nhập Tạng. Thần tìm tòi sự tích khắp nơi, rộng thu thập văn bia, nay đã soạn tập thành ba mươi quyển, đưa đến cung đình dâng lên Thánh thượng xét duyệt, mong được sự chỉ dạy thêm rộng, cho thêm thời gian để điều chỉnh, chúng thần rất lo lắng mà cẩn thận đến cùng. Nghe nói ngoài trời đất nẩy ra, còn có Đức Thích-ca, trong biển pháp sanh nhiều tăng bảo. Đức Thích-ca có pháp. A-nan ký sự ghi rằng: Tăng bảo đáng xưng trí tuệ sáng suốt, soạn thiên chương để lưu truyền, đẹp thay! Phật ta hiệu Đại Biến Tri. Biết giáo pháp không nói nương tựa, phải nhờ vào năng lực của Đế vương. Sau hai ngàn năm, thuộc khởi đầu của mười ngàn năm, cái mong ứng vận khắp trời đất, văn vẻ sáng suốt, anh dũng oai vũ, Đại Thánh Chí Minh Quảng Hiếu Hoàng đế Bệ hạ, thần Long trên trời, mặt trời lên cao, đất đai mở mang, tứ di thần phục, mà cống vật thường được đưa đến đều đều. Mùa màng cây trái đều mở hoa kết quả, nơi ruộng đồng, người cày cấy lại siêng năng, Bệ hạ ban cho ruộng vườn cùng hưởng thú vui được mùa. Nho thuật đặc

biệt hưng thịnh, Đạo giáo vì vậy mà phát triển. Kỳ lân không phải con vật của Trung Quốc. Chim Trĩ trắng cũng không phải cầm thú trong cỏ dại, nay dạo chơi trong vườn nhà, giống như thú nhốt trong lồng. Gần đây từ Thiên nguyên đến sông Hoàng Hà, khắp vùng nầy nước đều biến thành trong vắt, từ xưa đến nay sử sách ghi ngàn năm có một.

Đây đều là bệ hạ từ địa vị bất động, biểu thị vị vua trường thọ, phiên dịch thành kinh, dùng ngự bút viết thành bài tựa cao sâu, lời văn nhẹ nhàng làm tụng, diễn đạt pháp âm vô tận, lại hạ chiếu cho biên soạn tăng sử, thuộc vận Ung Hy nầy, tỏ ra phong thái của Trinh Quán (Đường Thái Tông), hợp chọn kiêm tài, đâu còn người ít học, chưa nắm được con Tê Ngưu mà muốn lấy sừng, chưa bắt được chim trả mà bỏ lông, chọn lọc người giỏi, lấy phép sử của biểu niên, đáng buồn là trong cửaPhật, người xuất gia ít học làm sao biết được, hoặc giả có xem sách vỡ đi chăng nữa, cũng chỉ xem sơ qua sử sách của Trần Thọ (Nhà sử học đời Tấn, biên soạn Tam Quốc Chí 233-297 C.N) làm mất kinh ngay trong bút hoa, đắc tội với Mã Thiên, hợp với lòng bệ hạ, chọn lấy người hiền, trợ giúp sửa chữa sách vở lại cho đẹp, nay gặp Càn Minh (Năm Hiệu Bắc Tề Phế Đế 560 C.N) thánh tiết, ra lệnh cho đệ tử Tứ Tử hiển trung đồng nguyên thụ sắc chùa Tướng quốc Tứ Tử Trí Luân tấn nạp, mong cầu bệ hạ xem sơ qua. Vì Thánh thượng là chúa của văn chương, vi thần chẳng phải là người hiểu rành về sử. Nếu có bại lộ gì về thiên cơ, thì xin hãy cho biết về nguyên tắc, như được Bắc đẩu mà châm chước, hoặc đưa ra đao Khuê (đồ đựng cực nhỏ), mà đo lường, lấy cái ky mà sàng lọc cặn bả, thần mạo phạm thiên nhan, vô cùng lo sợ mà kính lời.

PHÊ ĐÁP.

Ban sắc cho Đại sư là Thông Tuệ là Tán Ninh Tỉnh Sở, lệnh Tả Nhai chùa Thiên Thọ Tứ Tử. Tăng Hiển Trung Tiến biên tu Tống Cao Tăng truyện ba mươi quyển, được biết đều là nhất thừa diệu đạo sáu độ Huyền môn. Ở đời có người tài như vậy, làm cho Thánh giáo được khôi phục trở lại, nếu không có biên tập tường thuật rành rẽ, thì làm sao mà truyền bá được, chỉ có Ngài là chân lưu, tựa tâm nơi vườn pháp, biên tập thành bộ sách nầy. Đạt rất nhiều công lao trong cực nhọc, xem ra tập hợp được những điều hay. Thật đáng thán phục và ngợi khen sâu sắc, đã thành Cao Tăng truyện, cũng đã ra lệnh cho Tăng lục biên tập vào Đại tạng. Nay ban cho tơ lụa ba ngàn xấp, sẽ cho người mang đến, xin hãy nhận lãnh, mong hãy giữ sức khỏe trong mùa đông giá lạnh, trong thư không đề cập nhiều. Nay ban sắc ngày mười tám.

LỜI TỰA TỐNG CAO TĂNG TRUYỆN.

Thần nghe rằng: Hiền kiếp kéo dài, thế gian rộng lớn, không gian và và thời gian là vô tận, đất chứa nhận muôn vật mà dồi dào vô biên, tràn đầy tinh khí. Trong đó, bậc thầy của Đại thánh ở cõi bề trên, lớn thay! Đức Thích-ca đã ẩn, Đức Di-lặc chưa đến, trong thời gian ấy, người chào đời, phần nhiều là phân thân của Thánh, hiện làm tăng tướng Sa-môn, lời nói và hành vi đáng chiêm ngưỡng, bút với mực tranh nhau sao chép. Lấy khăn vua làm tăng sử. Tôn Xước đạo hiền phỏng theo Liệt truyện mà xoay vần, như dòng đời quý tộc mà ban cho lũ người ấy muốn đạt được lòng người mến mộ. Thành ứng chân của Phi Tích, làm du tăng thể như bậc cao sĩ trên núi. Lúc thì Bùi Tử Dã soạn Cao Tăng truyện. Thích Pháp Tế soạn Cao Dật Sa-môn truyện, Lục Cảo Thuật Sa-môn truyện. Thích Bảo xướng soạn Danh tăng truyện, đều là hà đồ làm khuôn phép rộng lớn. Trống đất là đồ gốm của Hàm Trì, đâu biết người đến trong ruột trống rỗng, người có trí tuệ sáng suốt, việc biên soạn phải dùng tầm mắt tiềm quang như tác phong của Đạo Tuyên tiếp nối lại sự nghiệp, tuy ở bậc cao mà không mang danh, làm cho người hành đạo sáu trăm năm nay đều kính phục. Vậy từ sau khi Trinh Quan đặt tên sách, Tây Minh tuyệt bút đến nay, những tác phẩm nầy không còn được nghe thấy, văn chương thiếu thốn, có lúc trở lại, mùa lạnh qua thì nắng ấm đến, đời không vắng lâu, đất trời giao nhau mà Thánh minh ra đời, ứng theo lòng trời, lời văn sáng suốt, oai Vũ của Đại thánh Quảng Hiếu Hoàng Đế, nêu cao đức đó, thực hành đại đạo, làm việc theo gương Phục Hy và hoàng đế, được nhiều nhân tài trong thiên hạ. Chu Công, Khổng Tử làm đệ tử, giảng tin tu mục sùng đức báo công, thống nhất không sót, các vương quan đều hổ thẹn, thấy bốn biển như nhìn trong lòng bàn tay, bệ hạ trân trọng muôn cơ đều xuất phát tận đáy lòng. Nhưng mà Huyền Tẩn lưu thần, Thích thiện Đạm Lư, dạy thuật sống lâu, hay mở đàn của Thái Nhất (Thiên đế), tục pháp kéo dài, giới của tăng độ gấp ngàn lần. Phật giáo truyền sang đất Hán. Sách Phật được dịch thành tiếng Hoa, đem phong tục của nước Phật cùng hòa hợp với kinh thành, chỉ than rằng tăng ni mỗi đời đều có, nhưng xét về đức hạnh rất ít, trong danh sách tuy có nhiều mà lại thiếu nhân tài. Thần hân hạnh được tuyển dụng, đều kém tài năng về môn dịch, trong cửa Phật không có ai hơn Đổng Hồ, tay yếu ớt khó mà thăm được Võ Huyệt, chỉ dựa theo lệ cũ của thập môn, biên tập thành tên mới của Vạn hạnh, hoặc khảo sát bia văn, hoặc tìm lấy chí ký, hoặc hỏi sứ giả

hay người tùy tùng của nhà Vua, hoặc hỏi tiên dân kỳ cựu, nghiên mài kinh luận, đối chiếu với nhau, ăn khớp với sử sách, làm thành ba dật, trên phụ chín tầng, phần trên nêu lên sự cao quý của Tăng bảo, biết sự giàu sang của nhà Phật, ngày xưa ở Gia Tường có sửa đổi, hoàn thiện ở Đông nam, Trừng Quan chiếu theo mà biên soạn, đủ nhận thấy yếu điểm ở thời nay, đều là lấy theo nguyên hư, truyền mà không tập. Há như hoàng triều, tám cực giăng ra, nêu lên thì không vật nào không đến, di tộc bốn phương đều nể phục, muốn cầu vật gì mà chẳng cung cấp. Thúy Thần chia ra nhiều cách tìm kiếm khắp nơi, thảy đều nhóm hợp, như thấy cái tốt của một nhà, mà không khác với các nước. Cho nên thành mười môn, dễ như nhặt lấy. Chính truyện gồm có năm trăm ba mươi ba vị. Phụ thêm một trăm ba mươi vị, cũng trở lại tận cùng của từng môn mở rộng như sử luận, khi nhân việc mà nói thì do hệ thống truyền thừa của các nhà bị đứt quãng. Nên có Tống Cao Tăng truyện, gần như lựa chọn cái hay, biên soạn thành sách vào niên hiệu Lục Hòa, người xem cầu tiến, người ngộ muốn được nghĩ làm sao cho bằng bước lên núi Tam-Mạo, đều nhập vào cõi Bồ-tát. Vĩnh viễn dựa vào Thánh lịch, trợ giúp nhà Vua, đều thích ánh mặt trời sáng ngời, ứng với Tung Sơn gọi thọ như thế.

Niên hiệu Đoan Củng năm đầu, tiết Càn Minh, Thần Tăng là Tán Ninh, kính dâng.

THẠCH KÝ TRUYỆN (BIA ĐÁ)

Luận rằng: Chẳng có biển chảy mà không có sóng động, nói chung về chữ Phạn, chưa từng nghe, như nghe tiếng dư âm trên bầu trời. Chưa hiểu thì hiểu rõ của thượng pháp bậc Thánh hiền như uống nhầm rượu ngon, bọn hèn như nuốt nhầm cặn bã; người có duyên thì gặp nhau. Kẻ vô đạo thì xa cách nhau; Tần ngục đã có khí giới để phòng ngự đây là vô duyên, nhà Hán đón rước tại Bạch Mã, đây là có sự cảm thông. Nghe tiếng bên ấy khác nhau, nhìn chữ thì lại viết ngang, tưởng là lộn nghịch với nhau, nhưng tuy có khác mà ý lại giống nhau.

Chu Lễ có Tương Tư biết sáu loại tiếng Mang. Địch Đề làm chủ Thất Nhung. Ký Ty cửu Di dịch biết Bát địch, nay quan của bốn phương, chỉ có quan dịch là nổi bậc, tại sao vậy? Hay là từ Hán đến nay phương bấc lắm chuyện tên dịch đã thuô5c lòng, lại như sứ giả Chu Tần biết được phương ngôn của nước khác, làm cho Quân vương không ra khỏi hộ đình, ngồi tại chỗ mà biết tiếng nói của dị tục khá xa. Nếu như Tượng Tư biết từ xa, phương ngôn biết ở gần thôi, đại khái chẳng qua là xét dị tục mà đạt viễn tình. Đẹp thay! Đông Hán bắt đầu dịch bốn mươi hai chương kinh, rồi lại phiên lại, phiên có nghĩa là lật lại, như rấm thêu lật lên bề trái cũng là bông hoa. Chỉ là phải trái khác nhau mà thôi, như vậy phiên dịch hai từ hợp lại mà lưu hành, ban đầu là Phạn khách Hoa tăng, nghe tiếng mà phóng ý vuôngtròn. Vàng đá mà khó hòa đồng với chén bát, bài Danh tam-muội, gần giữ xa với khó mà gặp mặt, mặt khác ta biết Hán ngữ, ông ấy biết Phạn văn được tám, chín phần, lắm lúc có sai ngược. Nếu mà chố mắt nhìn Thế Tôn, bến đó độ vô cực. Sau đó thì Mạnh Hiển đích thân đến nơi. Như Huyền Trang với Ngộ Không cả hai mặt đều thông suốt. Cầu xin chút mực của thầy như con nga được tí sửa trong nước, bên trong dựng vấn đáp của văn vương, được văn tuyệt vời của Dương Hùng, in tới in lui đều giống nhau, tiếng nầy tiếng nọ cũng không khác. Vậy mới gọi là đầy đủ. Địch Quan và Đạo An cũng luận về Ngũ thất tam bất dịch. Ngạn Tông cũng dựa vào tám cách, nêu rỏ nguyên tắc soạn Phiên kinh. Huyền Trang cũng lập ra năm loại không phiên. Nay lập ý mới thành lục bộ như sau:

1. Dịch chữ và dịch âm.
2. Tiếng Hồ và tiếng Phạn.
3. Dịch tròng và dịch thẳng.
4. Thô ngữ và tế ngữ.
5. Tiếng Hoa nhã và tục.
6. Trực ngữ và mật ngữ.

Về mặt nguyên tắc dịch có bốn câu như sau:

1. Dịch chữ không dịch âm, như: Đà La Ni.

2. Dịch âm không dịch chữ, như chữ ở trước ngực Phật.

3. Cả âm lẩn chữ đều dịch tức trong các kinh luật đều thuần là tiếng Hoa.

4. Cả âm lẩn chữ đều không dịch, như trên đề kinh: hai chữ như vậy.

Vấn đề thứ hai: Là Hồ ngữ hay tiếng Phạn. Ở khắp năm vùng Thiên Trúc thuần là ngạn ngữ. Phía bắc của Nhị Tuyết Sơn là phía nam của Hồ Sơn, tên là Bà-la-môn. Nước Ấn với Hồ tuyệt thư ngũ bất đồng, từ Kiết Sương Na quốc. Chữ gốc hai chục mãng chữ cái, lăn chuyển mà tương sanh, lưu bố rộng. Sách ấy đọc hàng thẳng như Trung Hoa vậy, đến Thổ Hóa La, tiếng và âm dần dần khác nhau. Chữ gốc có hai mươi lăm chữ cái, sách đọc hàng ngang. Vượt Thông Lỉnh phía nam Ca Thất Thí Quốc. Tiếng và chữ giống như Thổ Hóa La, tạp loại trên đây là Hồ. Nếu chữ nghĩa của Ấn Độ do Phạn thiên chế ra, bốn mươi bảy chữ cái diễn mà rộng ra hiệu là Thanh Tạng. Có mười hai chương vỡ lòng. Đại Thánh Ngũ Minh Luận, đại để với Hồ khác nhau. Năm vùng của Ấn Độ xa cách với nhau sao mà không có chút ít dị biệt được. Bên nầy từ đời Đông Hán truyền dịch đến đời Tùy, đều gọi các nước phía tây là Hồ. Vì truyền dịch mất gốc cũng gọi kinh sách của đất Hồ, riêng Ngạn Tông Pháp Sư, chỉ trong tạo lục chỉ trích. Di Thiên Phù Phật Địa mà hạp A Hàm, được ở bên ta dùng tên Hồ mà quên lẩn gốc Phạn, mất thì trách ai. Tuyên Công đời Đường cũng có đồng điệu. Từ đấy nếu nghe tiếng tặc lưỡi hoặc nhìn thấy mặt đến thì nhận định gọi là Phạn tăng, hễ nghe tiếng thì cho là Phạn ngữ. Tông sư bận về điều chỉnh, cứ chụp đầu nầy mà vuốt đầu nọ. Đã cho là phía tây có Phạn và Hồ. Sao không phân chia ra nam bắc, giản liệu gây ra ba mặt sai:

1. Sửa Hồ làm Phạn, không tách Hồ ra. Hồ vẫn thành Phạn.

2. Không hiểu Hồ, Phạn hai âm, gây nên Hồ cũng như Phạn.

3. Không biết có sai về trùng dịch, lúc ban đầu đều gọi là Hồ, cũng như từ đời Tùy đến nay gọi chung là Phạn. Theo bản gốc mà nói, lấy Phạn làm chủ. Nếu theo ngọn nhánh mà nói, tên gọi của Hồ cũng có thể tồn tại. Sao vậy? Từ ngữ Thiên Trúc, đến bắc Thông Lĩnh, luôn luôn dịch như vậy, tưởng rằng Tông Công lưu lại; cho đến nay không ai án sửa lại.

Vừa Hồ vừa Phạn, như Thiên Trúc kinh luật truyền đến Qui Tư, vì không biết tiếng Thiên Trúc, nên gọi là Ấn Độ Ca quốc, vì vậy mà

dịch nêu dễ giải vẫn còn âm tiếng Phạn. Như vậy Hồ, Phạn đều có xen lẩn nhau.

Về trùng dịch hay trực dịch, như Giáp điệp của Ngũ Ấn Độ trực tiếp mang đến Đông Hạ mà dịch ra gọi là trực dịch; nếu như kinh truyền đến bắc Thông Lĩnh, vì không hiểu tiếng Thiên Trúc mà dịch ra Hồ ngữ, như Phạn gọi Ô Ba Đà Da, Sơ Lặc gọi Cốt Xã. Vu Điền gọi Hòa-thượng, lại Thiên vương phạn gọi Câu quân La. Hồ gọi Bỉ Sa-môn v.v...

Vừa thẳng vừa trùng, như Tam Tạng mang thẳng Giáp Điệp mà đến trên đường kinh qua đất Hồ mà có mang tiếng Hồ, như Giác minh Khẩu tụng đàm vô đức trong luật có Hòa-thượng, tức mang kinh Tam Tạng, tuy kiêm tiếng Hồ đến đây không phiên dịch.

4. Thô ngôn tế ngữ, nêu rõ Nhất Tô Mạn Đa, gọi là tiếng của Phàm nhĩ Bình, Nhị ngạn Đa Đê, gọi là tiếng của Điểm Chánh. Phật nói pháp nhiều, y Tô Man nhiều ý, trụ ở nghĩa không dựa vào văn, nếu Ngạn để Đa không thể giải được, tên là Toàn thanh, thì âm tiếng nói rõ ràng, đây là Tế ngữ, Bán thanh thì tiếng nói không rõ ràng mà lại sai lệch, đây là Thô ngữ. 1. Như tiếng nói thời tục của Ngũ Ấn Độ. 2. Tế ngữ như Pháp Hộ Bửa Vân, Trang Sư và Nghĩa Tinh giải rõ âm luật, dùng Trung Thiên Trúc tế ngữ làm điển ngôn mà dịch ra. 3. Vừa thô vừa tế, như lời trong Phạn bản có quan hệ thô, tế, hoặc ghi chú: âm nầy sai lệch, tức thô ngôn.

5. Hoa ngôn nhã tục: Âm của sở hạ giống nhau, nhã ngũ tức lời văn của kinh sách. Tức lời nói thông thường trong hàng xóm, vừa nhã vừa tục, do người tầm thường chấp bút lời văn chưa kinh qua dũa đẽo.

6. Trực ngữ và Mật ngữ: Câu văn thuộc thô tục là trực; thuộc chân là mật, như bà Lưu Sư.

1. Trực không mật: gọi là Lưu Sư phiên làm ác khẩu chú, lấy ác khẩu với người, mọi người điều không thích.

2. Mật không trực: Bà Lưu Sư Phiên làm Bồ-tát, biết được bến bên kia, đã thông đạt tam vô tính lý, cũng không làm cho chúng sanh được gần gũi, vài ba câu, tức cùng thiện ác chân tục, đều không thể gần gũi được.

Lại có A Bỉ Trì Ha Lâu, Uất Bà Đề, Bà La Các tên trong kinh luận hiểu nghĩa trực lẫn trực mật. Càng có chữ Hồ Phạn, khái quát kinh ấy, người giải cũng chưa thấy được rõ ràng, hoặc rằng: Phiên phạn giáp cần dùng phương văn, chớ không cần phải dùng lời văn nho nhã quá, nhưng dùng để phiên dịch thành sách. Chẳng lẽ áp dụng lời nói trong hàng xóm vậy chăng? Cho nên đạo An tham vãn rằng: Muốn lấy lời nói tinh

vi trong ngàn năm. Truyền mà hạp với Bá vương vương cùng với phàm tục. Đây thật là một điều không dễ.

Hoặc rằng: Thời Hán-Ngụy thịnh hành ý nầy, gây nên Trần Quốc thọ chí thuật chuyện Lâm Nhi Quốc nói rằng: Trong Phù Đồ đã ghi với đạo đức kinh của Lão Tử Trung Quốc gần như giống nhau, ấy là Lão Tử đã qua Tây Vực cùng với Thiên Trúc giáo hội hợp với nhau mà người Hồ gọi là Phù Đồ đó chăng? Thật ra là nhìn thấy người dịch dùng đến hai thiên đạo đức trong lời dịch. Vì vậy mà nhận định giống như đạo đức kinh của Lão Tử. Giả thử có người Hoa nói tiếng Phạn với Phạn Tăng, có thể gọi người ấy là người Thiên Trúc chăng? Sao mà không trung tận gốc ngọn vậy. Cho nên Phật rằng: Pháp nhiều thì Y tô mạn nhiều, nay lược thuật về khái quát, gồm có ba mặt như sau:

1. Hiển giáo, tức Đại Thừa Kinh và Luật luận.

2. Mật giáo, tức Du Ca Quán đỉnh ngũ bộ hộ ma, Tam mật mạn Na la pháp.

3. Tâm giáo, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật, tức là Thiền pháp, nối tiếp nhau là Tam luận pháp.

1- Pháp luận tức là Hiển giáo, lấy pháp âm truyền âm, do Ma Đằng làm Tổ sư.

2- Giáo Lệnh Luận, tức Mật giáo, truyền nhau trong bí mật là Kim Cương Trí làm Tổ sư.

3- Tâm Luân, tức là thiền pháp, lấy tâm truyền tâm, do Bồ Đề Đạt Ma làm Tổ sư.

Ba vị tổ sư trên đây đều là từ phía tây sang phương đông hóa phàm mà thành Thánh, trãi qua mười lăm đời là sự hưng thịnh đến đời sau của Chân giáo. Nay dịch Trường kinh quán lập qua phân chức, do tiên tông làm dịch chủ, tức Hiển hay Mật Tam Tạng của hai giáo đảm nhiệm tiếp theo là người ghi chép. Tất nhiên phải thông tiếng Hoa lẫn Phạn. Từ Tây Tấn đến nay, lập việc nầy, tức Sa-môn Đạo Hàm Huyền Sách Diệu Tung và cho con Nhiếp Thừa Viễn v.v... Về nhà vua, tức Diệu Hưng, Lương Vũ, Thiên Hậu hay Trung Tông, tự tay chấp cứu, gọi là Chuế văn độ ngữ. Dịch ngữ, truyện ngư (Lời tựa), như Phiên Hiển thức luận Sa-môn Chiên Đà dịch ngữ. Tiếp theo là chứng Phạn bản. Có lập chứng viên phạn nghĩa một người, biết rõ về nghĩa được hay không, dưới tiếng Hoa mà không mất Ngạn nghĩa. Lại lập chứng thiền nghĩa một người, Sa-môn Đại Thông đảm nhiệm. Kế đến nhuận văn một người, ngoài ra người phụ giúp không hạn chế nhân số, tùy mỗi bộ phận yêu cầu nội ngoại đều được. Cho nên nghĩa Tịnh dịch trường. Lý

Kiều Vi lập Lư tạng, dùng đến hai mươi mấy người nhuận văn sắc. Về mặt chứng nghĩa, như dịch bộ Bà Sa Luận. Tuệ Tung Đạo Lang dùng đến ba trăm người để khảo chứng văn nghĩa. Sau cùng là hiệu đính và giám hộ đại sứ, đối chiếu văn đã dịch so lại với bản gốc một cách thận trọng. Hậu Chu Bình cao công Hầu Thọ làm tổng giám kiểm hiệu, nhà Đường thì phong Lương Công làm giám hộ cho Huyền Trang. Tiếp theo là Hứa Quan, Dương Hạnh Giao, Đỗ Hạnh Nghĩ v.v... Tùy dùng Minh Mục Đàm Thuyên mười người giám chưởng công việc phiên dịch. Địa điểm làm việc: Tần tại Tiêu Dao Viên, Lương tại Thọ Quang Điện Chiêm Vân Quán. Ngụy dùng Nhữ Nam Vương Trạch. Tùy Vương Đế lập Phiên kinh quán. Dường tại Quảng Phước Tự hoặc tại công viên không chừng. Từ Đường Hiến Tông năm thứ năm về sau công việc ngưng trệ kéo dài hơn một trăm năm chục năm.

Đại Bửa Ngũ niên triều ta, có Hà Trung Phủ truyền hiển một giáo Sa-môn pháp tiến, thỉnh Tây vực Tam tạng pháp thiên dịch kinh tại Bồ Tân. Quan châu phủ dâng biểu lên. Hoàng Thượng rất vui đều ban áo tím, lệnh cho xây dịch kinh viên tại phía tây chùa Thái Bình Hưng Quốc, lại ra lệnh thu mua phạn giáp, có phạn tặng pháp hộ hay thi hộ đều được mời cùng tham gia công việc phiên dịch. Tả Nhai Tăng Lục Trí Chiếu đại sư, Tuệ Ôn chứng nghĩa, lại triệu Thương Châu Tam Tạng Đạo Viên chứng nghĩa chữ phạn. Thận tuyển hưởng nhai nghĩa môn Sa-môn. Chí Hiển viết lách, tuân pháp Định Thanh Chiêu sao chép. Thủ loan Đạo Chân Trí Tốn Pháp Vân, Tuệ Siêu, Tuệ Đạt khả uy. Thiện Hữu khả chi chứng nghĩa. Sứ thần Lưu Tố, cao phẩm vương Văn Thọ giám hộ. Lễ Bộ Lang Trung Trương Ký Quang, Lộc Khanh Thang và Duyệt Thứ Văn nhuận sắc, tiến hiệu lượng Thọ Mạng Kinh, Thiện ác báo kinh, Thiến kiến biến hóa, Kim diệu đồng tử, Cam Lộ Cổ... Có lệnh thụ Tam Tạng thiên tức tại pháp Thiên Thi Hộ Sư, ngoại thí Hồng Lư Thiếu Khanh Trí Cửu Mã. Các Sa-môn sao chép hay chứng nghĩa đều ban tặng áo tím cùng với vải lụa. Ngự chế kinh tự đặt ở trang đầu, xem ngày Phật được trùng quang pháp luân pháp nhẫn. Xích ngọc tương mà khỏi bí, sen xanh đã trổ hoa thơm. Thánh thượng cảm thấy hài lòng, người truyện dịch được vui mà cùng vui. Đời Tùy về trước đề kinh giản gọn, Nghĩa Tịnh đã làm kinh mục dài dọc, sau nầy bày tỏ cho hết ý, trước dịch bí chú, ít có chú thích. Đời Đường dịch minh ngôn có nhiều âm lành, người phụ trách công việc có nhiều kinh nghiệm hơn. Tịnh Sư dịch các kinh thiên về bộ luật, thể hiện văn vẽ khá hay. Kim Cương Trí cũng bí tàng tổ sư. A Mục Khử cũng có nhiều thợ dịch kinh, bậc thầy nối tiếp cảm

ứng lẫn nhau. Vận dụng ngôn từ không ngần ngại mà rất chất phát. Giác Cứu thêm câu của Phật Đỉnh, đời người không có ngắt hoản, ánh sáng rọi ra lỗi văn của những người hiểu biết, dao có nơi để chứa. Tư duy thí phải tìm tòi. Học hỷ Hoa Nghiêm, mật ngữ ngắt đứt giữa ganh người lớn, lưu chế Bửu Tích Bồ Đề Mạn Đồ. Lý lẽ tuyệt đẹp gây nên sáng ngời. Phong cách của Quán Đỉnh dựng nên ý nghĩa sâu xa thần bí. Địch Công siêng năng về việc sao chép. Ban Nhược kết thúc nơi dịch trường. Ngoài ra các bậc lão thành cũng tiếp tay phiên giáp điệp. Nếu muốn biết tướng mạo của những người ấy, người giống người, biết làm sao tả cho siết, riêng ai cũng có cái giống, thể như con giống cha, không giống lông cũng giống cánh vậy. Về việc kinh là nguồn gốc lưu truyền Phật pháp, gốc được dựng lên thì đạo sẽ sanh ra, đạo ấy sẽ sanh ra mãi mà chỉ sanh ra Phật tử thôi! Cho nên có câu rằng: Muốn có biển cả, trước tiên phải có sông ngòi, để bài tỏ không vong bản vậy.

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

Đại Sư Thông Tuệ chùa Thiên Thọ ở Tả Nhai
Tứ Tử Sa-môn Tán Ninh v.v... vâng sắc soạn.

QUYỂN 1

1. TRUYỆN NGHĨA TỊNH CHÙA ĐẠI TIẾN ĐƯỚC Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Nghĩa Tịnh, tự là Văn Minh, họ Trương, người Phạm Dương (Sơn Đôi). Lúc còn nhỏ đã xuất gia, đến tham học các danh sư khắp nơi, học tập sách vở, xưa nay đều thông suốt, đến năm mười lăm tuổi, nảy sinh ý nghĩ muốn đi Tây vực, noi theo khí tiết tốt đẹp của Pháp Hiển, kính mến phong cách cao cả của Huyền Trang, cộng thêm sư chuyên cần của bản thân, tay không rời quyển sách, đến năm hai mươi tuổi được thọ giới làm tăng chính thức, ý chí càng vững vàng hơn. Niên hiệu Hàm Hanh năm thứ 2, lúc ba mươi bảy tuổi, Sư bèn hạ quyết tâm lên đường, ban đầu đến Phan Ngu (Quảng Đông), có được mấy mươi vị cùng chí hướng, nhưng đến khi xuống thuyền, tất cả đều rút lui. Chỉ có Nghĩa Tịnh một mình chuẩn bị ứng phó với mọi gian hiểm trên hành trình. Đến nơi nào Sư đều học biết được tiếng ở nơi đó, gặp Tù trưởng thì dâng quà cáp. Thứu phong, Kê Túc đều chu du. Lộc uyển chi lâm đều đến chiêm ngưỡng. Các Thánh tích đều tìm đến. Trải qua suốt hai mươi lăm năm, đi qua ba mươi mấy nước, mới trở về đến Hà Lộc, mang về được bản Phạn kinh Luật Luận gần bốn trăm bộ, gồm năm mươi muôn bài tụng, một bức Kim Cương Tọa Chân dung, ba trăm hạt Xá-lợi, được Thiên Hậu đón rước ngoài cửa đông, cờ phướn nhạc lễ các chùa làm tiền đạo. Vua ban sắc an trí pháp bảo tại chùa Phật Thọ Ký. Ban đầu, Sư cùng ngài Thật-Xoan-Nan-Đà người nước Vu Điền phiên dịch Kinh Hoa Nghiêm, sau đó mới tự mình chuyên dịch, trong thời gian trước sau ba năm, tại chùa Phước Tiên và chùa Tây Minh, dịch các kinh như: Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã, Di-lặc Thành Phật, Nhất Tự Chú Vương, Trang Nghiêm Vương Đà-la-ni, Trường Trảo Phạm Chí v.v... Căn Bản Nhất Thiết Hửu Bộ Tỳ-Nại-Da,

Ni-đà-na Mục-Đắc-Ca, Bách Nhất Yết-Ma Nhiếp v.v... và các bộ luận như: Trong bàn tay Chưởng Trung Thủ nhân giả thiết, Lục Môn Giáo Thọ, v.v... và Long Thọ Khuyến Giới Tụng, gồm hai mươi bộ. Bắc Ấn Độ Sa-môn A-nễ-chân Na người Bắc Ấn-độ chứng nghĩa văn Phạm, Sa-môn Ba-Luân-Phục-Lễ, Tuệ biểu trí tích v.v... làm người ghi chép chứng văn, Sa-môn Pháp Bảo, Pháp Tạng, Đức cảm, Thắng trang, Thần anh, Nhân lượng Đại nghi, Từ huấn v.v... chứng nghĩa. Thành Quân Thái Học trợ giáo hứa quán giám hộ, biên chép trình lên. Thiên Hậu soạn Thánh giáo tựa đặt ở đầu kinh. Vào năm Ất Tỵ, niên hiệu Thần Long năm đầu, trong nội đạo tràng ở Đông Lạc, Sư dịch kinh Khổng Tước Vương, lại ở chùa Đại Phước Tiên dịch ra bốn bộ như: Thắng Quang Thiên Tử Hương Bồ-tát chú, Nhất Thiết Trang nghiêm Vương kinh v.v... Sa-môn Bàn Độ đọc văn phạn. Sa-môn Huyền Tán ghi chép, Sa-môn Đại Nghi chứng văn. Sa-môn Thắng Trang Lợi Trinh chứng nghĩa. Binh Bộ Thị Lang Thôi Thật Cấp Sự Trung Lô Xán nhuận văn sửa chữ. Bí Thư Giám Phò Mã Đô Úy Dương Thận Giao giám hộ. Nhà vua kính tin sâu sắc Thích Điển, đặc biệt trù bị tư tưởng viết bài tựa cho bộ Đại Đường Long Hưng Tam Tạng Thánh giáo, lại ở cửa phía Tây thành Lạc Dương công bố với bá quan về kinh mới dịch. Hai năm Sư phải theo ngự giá trở về cung trang trí viện phiên kinh ở tại chùa Đại Tiến Phước, ba năm vua ban chiếu nhập nội, cùng với phiên kinh Sa-môn nhập hạ chín tuần, vua trước đây ở trong nơi tối tăm, mong nhớ thầy thuốc được ban phước mới được trở lại với lớn, vì vậy mà lệnh cho pháp đồ dịch lại tại Đại Phật Quang Điện, hai quyển thành văn rằng: Dược sư Lưu Ly Quang Phật Bản Nguyện Công Đức Kinh, Nhà vua ngự ở pháp diên, tự tay ghi chép. Vào năm Canh Tuất, niên hiệu Vĩnh Long năm đầu đời vua Duệ Tông, tại chùa Đại Tiến Phước, Sư dịch ra kinh Dục tượng công đức, Tỳ-nại-da Tạp sự Nhị chúng giới kinh, Duy Thức Bao Sanh Sở duyên Thích v.v... hai mươi bộ. Sa-Môn Đạt-Ma Mạt-Ma người nước Thổ Hỏa Sa, Sa-môn Bạt-nỗ người Trung Ấn-độ Chứng nghĩa tiếng Phạn, Sa-môn Đạt-Ma Nan-Đà người nước Kế-tân chứng văn Phạn, cư sĩ Thủ-lĩnh Y-Xá-La người đông Ấn-độ chứng bản Phạn, Sa-Môn Tuệ Tích, cư sĩ trung Ấn-độ là Lý-Thích-Ca-Độ-phả-đa đọc bản phạn. Sa-Môn Văn Cương Tuệ Chiểu, Lợi Trinh Thắng Trang Ái Đồng, Tư hằng chứng nghĩa. Huyền Tán, Trí Tích ghi chép. Cư sĩ người đông Ấn Độ, là Cù-Đàm Kim Cương, vương tử A-thuận người nước Ca-Thấp-Di-La chứng dịch. Tu văn quán đại học sĩ Lý Kiều, binh bộ thượng thư Vi Tự lập trong thư thị lang Triệu Ngạn Chiêu. Lại bộ thị lang Lư Tạng dùng binh bộ thị lang Trương Thuyết trong thư Xá

nhân Lý Hựu hơn hai mươi vị sửa văn nhuận sắc. Tả bộc Xạ Vi Cự nguyên, Hữu bộc xạ Tô uy giám hộ, Bí thư đại giám tự Quắc vương ung đồng giám hộ. Niên hiệu Cảnh Vân năm thứ hai lại ở chùa Đại Tiến phước dịch các kinh như Xưng Tụng Như Lai công đức thần chú v.v... Thái Thường Khanh Tiết Sùng tự giám hộ. Từ thời Thiên Hậu đến Duệ Tông đã phiên dịch năm mươi sáu bộ, hai trăm ba mươi quyển, lại soạn riêng Đại Đường tây vực cầu pháp cao tăng truyện, Nam Hải ký quy nội pháp truyện, Biệt thuyết Tội yếu hành pháp, Thọ dụng Tam pháp thủy yếu pháp Hộ mệnh phóng sanh Quỹ nghi, gồm năm bộ chín quyển, lại dịch thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bạt Suất Đổ, tức các loại Kiền Độ, Bạt Cừ trong các luật, gồm âm Phạn có Sở Hạ nhĩ, ước khoảng bảy mươi tám quyển. Sư tuy dịch khắp Tam Tạng mà chuyên nghiên cứu luật bộ. Khi được rảnh thi chuyển sang dạy học trò, hễ làm việc gì đều cẩn thận giữ gìn, đặc biệt hơn thường tình, học trò truyền đi khắp Kinh Lạc, tốt đẹp thay cũng là sự hưng Thạnh của di pháp. Sư tịch vào niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, hưởng thọ bảy mươi chín tuổi, năm mươi chín tăng lạp, việc mai táng đều do triều đình cung cấp. Các kinh sách do Sư dịch ra chỉ còn chân bản, chưa rảnh chú sớ, Bức nê nói: Sư truyền độ kinh luật của Sư tương đương với đại sư Huyền Trang. So với trước thuật thì Nghĩa Tịnh nhiều hơn, tính truyền mật chú, rất cùng tận chỗ nhiệm mầu. Hai, ba họp thanh bấy giờ mới hiểu. Hiện nay, tháp thờ Sư ở trên gò cao, phía Bắc Long Môn thuộc Lạc Kinh.

Hệ rằng: Người ta cho công việc dịch thuật là chuyện dễ nhưng thật ra là chẳng dễ chút nào đâu. Thí dụ chanh với quít, do dời chỗ mà trồng quít biến thành chanh, tên gọi tuy khác mà cây lá mùi vị cũng như nhau, lại còn cây Ni-câu-luật-đà bên Tây vực chính là cây Dương Liễu của Đông Hạ, tên tuy gọi có khác nhưng cây là một. 2. Kim Cương Trí chùa Quảng Phước, thành Lạc Dương đời Đường. Thích Bạt Nhật La Bồ-Đề, Hán dịch là Kim Cương Trí, người nước Ma-Lại-Da ở nam Ấn Độ, Hán dịch là Quang Minh, giáp với núi Bồ-Đà-Lạc-Ca nơi cung điện Quán Âm, cha là Bà-La-Môn, giỏi về ngũ minh luận, là thầy của Vua Kiến Chi. Sư mới sanh được vài năm, hằng ngày đã tụng được hàng muôn lời, mắt nhìn tâm truyền ghi nhớ suốt đời không quên, năm mười sáu tuổi khai ngộ Phật lý, không thích nghiên cứu các luận Ni kiện tử, bèn xuống tóc xuất gia, che nhà tranh tự mình trồng trọt mà sống. Sau, theo thầy đến chùa Na-Lạn-Đà ở Trung Ấn Độ học Tu-Đa-La A-tỳ-Đạt-Ma, v.v... Đến khi thọ giới pháp, nghe hết mười tám bộ luật, lại đến Tây Ấn Độ học các luận Tiểu thừa và Du-già Tam mật Đà-La-Ni Môn,

hơn mười năm thông suốt cả ba tạng. Lại đến núi Lăng-già Sư Tử, đi về đông đến hơn hai mươi nước như Phật-thệ lõa nhân, v.v... nghe nói ở Trung Hoa Phật pháp hưng thịnh nên quyết lòng đi thuyền đến, vì nạn sóng gió nên suốt năm mới đến được Quảng Châu, được vua ban sắc đón rước về ở chùa Từ Ân rồi lại dời đến chùa Tiến Phước. Các nơi ở Sư đều xây Đại Mạn Quán đỉnh đạo tràng để độ bốn chúng. Hai vị Thiền sư Đại Trí và Đại Tuệ cùng Tam Tạng Bất Không đều thực hành lễ của người đệ tử. Sau đó đi theo đến Lạc Dương, năm ấy từ tháng giêng đến tháng tư không mưa, Nhạc Độc Linh Từ cầu nguyện không ứng nghiệm bèn mời Sư đến dựng đàn cầu thỉnh, bấy giờ Sư dùng pháp Bất Không Câu Y Bồ-tát, dựng đàn ngay chỗ ở, tự vẽ tượng Thất câu chi Bồ-tát, lập kỳ khai quang, hôm sau nhất định có mưa. Nhà vua sai Thiền sư Nhất Hạnh cẩn mật theo dõi, đến ngày thứ bảy khí trời oi bức, trời nắng chang chang, không có áng mây nào cả. Sau giờ ngọ liền có gió Tây bắc, làm cho ngói bay cây ngã, mây liền rưới mưa, xa gần đều sợ hãi, nơi kết đàn có hang xuyên lên trần nhà, nước ngập đạo tràng mọi người đều nói rằng: Sư cỡi rồng bay lên mái nhà mà đi, những người đến xem hàng ngày có đến ngàn muôn người, đây là thần nghiệm của đàn pháp. Bấy giờ, Vua lưu ý huyền tẫn, chưa trùng tu lại chùa, bộ phận chuyên trách tâu rằng: Phiên tăng nước ngoài được lệnh về nước, đã đi mấy ngày rồi, người hầu báo lại với Sư, Sư bảo rằng: “Ta là Phạn tăng chớ không phải là phiên Hồ, không sắc lệnh rỏ ràng ta không đi đâu. Vài ngày sau, bỗng nhiên có tin sẽ đến Nhạn môn. Vua rất kinh sợ, hạ chiếu giữ lại, công chúa thứ hai mươi lăm của sơ đế bệnh đã lâu ngày mà không chữa khỏi, dời ra nằm tại ngoại quán ở Hàm Nghi, nhắm mắt không nói chuyện được cả chục ngày, có sắc lệnh cho Sư truyền trao giới pháp, đã biết sẽ chết nên mới có lệnh nầy, Sư đến đó, chọn lấy hai bé gái bảy tuổi, dùng lụa đỏ bịt mắt lại cho nằm dưới đất, cho Ngưu tiên đồng viết một tờ giấy đốt ở nơi khác, Sư niệm mật chú hai bé gái đọc lại không sót một chữ. Sư nhập tam-ma-địa dùng năng lực không thể suy nghĩ bàn luận ra lệnh cho hai bé gái nầy đem sắc chỉ đến vua Diêm-Ma, trong khoảng thời gian một bữa ăn, vua cho Vong bảo mẫu của công chúa là Lưu thị hộ tống hồn Công chúa theo hai nữ mà đến. Khi ấy, Công chúa ngồi dậy, mở mắt nói chuyện như thường. Vua nghe tin không kịp chờ hộ vệ, tự mình phi đến ngoại quán. Công chúa tâu rằng: Số Diêm vương đã định khó mà dời đổi, nay được vua Diêm-ma cho trở về gặp Thánh nhan lần cuối mà thôi, được nửa ngày mới chết. Kể từ đó vua mới thêm phần quy ngưỡng.

Vũ Quý phi được phần sủng ái hơn trong sáu cung, tận tình hưởng thú vui chơi. Sư khuyên nên gấp rút tạo dựng tượng Bồ-tát Kim Cương thọ mạng. Lại khuyên quận vương Hà Đông vẽ hình trong tháp Tỳ-lô-giá-na, bảo người trong nhà rằng: Hai người nầy tuổi thọ không còn bao lâu nữa, vài tháng sau quả thật y như đã nói, hễ biết trước phần nhiều đều là loại nầy. Sư về lý đã thông suốt, về sự đều linh nghiệm, kinh luận, giới luật, bí chú các sách, trưng hỏi bất cứ điều gì, đều giải bài suôn sẽ rành mạch. Sư nhìn người thoáng qua một lần thì nhớ mãi không quên. Về nói năng, đi đứng thì bất động không thay đổi. Vui giận, nghịch thuận đều không thay đổi sắc mặc, người chiêm lễ dù chẳng biết đầu đuôi tự nhiên cũng khuất phục.

Từ niên hiệu Khai Nguyên năm thứ bảy Sư mới đến Phan Ngung, dần dần đến Thần điện, truyền bá rộng Mật tạng, dựng Mạn-noa-la, y pháp chế thành, đều cảm ứng điềm linh, Sa-Môn Nhất Hạnh khâm kính giáo pháp nầy, thường đến hỏi thưa, Sư chỉ chỉ dẫn rành rẽ, không hề thiếu sót. Nhất Hạnh tự lập đàn Quán Đảnh, tuân thọ pháp nầy, đã biết có lợi ích cho chúng sanh nên xin dịch ra cho lưu hành. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười một Sư vâng sắc biên soạn Du-già Niệm Tụng Pháp hai quyển, Thất-câu-chi Đà-la-ni hai quyển tại chùa Tư thánh. Bà-la-môn đạo Thủ người Đông Ấn-độ là Trực Trung Thư Ý-xá-la dịch ngữ, Sa-môn Ôn cổ ở Trung Nhạc ghi chép. Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười tám, tại chùa Đại Tiến Phước, Sư lại dịch Mạn-thù-thất-lợi ngũ tự tâm Đà-la-ni Quán Tự tại Du-già pháp yếu, mỗi thứ đều một quyển, Sa-môn Trí Tạng dịch ngữ, Nhất Hạnh ghi chép, sửa chữa thành văn, xem lại trong bản tùy cầu cũ có chương cú nào thiếu sót bổ sung cho đầy đủ. Tổng trì Ấn Khế do Sư dịch ra hễ đi đến đều độ ứng nhgiệm, bị mật lưu hành là tốt nhất. Lưỡng kinh theo học để tế độ rất nhiều. Tại gia hay xuất gia đều truyền bá nối nhau. Ngày rằm tháng 8 niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 20, hai mươi Sư nói với môn nhân chùa Quảng Phước ở Lạc Dương rằng: Lúc trăng sáng tròn ta sẽ đi, bèn lễ Tỳ-lô-giá-na Phật, đi nhiễu bảy vòng, xong lui về bổn viện thấp nhang phát nguyện, đầu đội kinh tiếng Phạn, đồng thời phó chúc giáo pháp mới dịch xong, lẳng lặng mà ra đi, thọ bảy mươi mốt tuổi, năm mươi mốt hạ lạp, ngày mồng bảy tháng mười một năm ấy an táng tại Long môn, xây tháp thờ bên phải sông Nam y, đệ tử truyền giáo là Bất Không tấu cử, ban sắc thụy hiệu Quốc sư, Quán đỉnh đệ tử Trung thư thị lang Đỗ Hồng Tiệm quy phụng làm bia ghi lại đức hạnh.

Lời rằng: Ngũ bộ Mạn-noa-la Pháp nhiếp lấy quỷ vật, phải phụ

thêm bé trai, bé gái xinh đẹp, khứ tật trừ yêu đều rất dễ, nhưng người nay dùng để làm lợi cho bản thân và miệng mình nên ít được ứng nghiệm, bèn dần dần bị xem thường, than ôi! Chánh pháp bị khinh bạc đến thế.

2. TRUYỆN BẤT KHÔNG

Chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh Triệu đời Đường. Thích Bất Không, tên tiếng Phạn là A-Mục-Khư-Bạt-Chiết-La, Hán dịch là Bất Không Kim Cương, vốn là Bà-la-môn tộc ở Bắc Ấn-độ. Cha mất sớm, sống theo chú, tuổi mười lăm theo thầy là Kim Cương Trí. Ban đầu được hướng dẫn bản Phạn Tất-Đàm Chương và Thanh minh Luận, giáp tuần đã thấu hiểu thông suốt, thầy cảm thấy rất lạ nên cho thọ giới Bồ-tát, dẫn vào Kim Cương giới đại Mạn-đồ-la thử nghiệm bằng cách cho ném hoa. Sau khi biết được thì làm hưng thịnh giáo pháp, thọ giới cụ túc, khéo hiểu Nhất thiết hữu bộ, biết tiếng nước ngoài, thầy biên dịch kinh, thường hay gọi Sư đến cùng dịch. Hễ học Thinh Minh luận thì công trong một kỷ chỉ cần sáu tháng là hoàn tất, tụng Văn-thù Phổ Hiền hạnh nguyện trong thời hạn một năm chỉ cần hai đêm là xong, tính thông minh lanh lợi như thế muốn học thêm tân Du-già ngũ bộ Tam Mật pháp, chờ mãi ba năm mà thầy chưa dạy đến, Bất Không định trở về Thiên Trúc, thầy nằm mộng thấy các tượng Phật, Bồ-tát của các chùa trong kinh thành đều đi về phía Đông. Thức giấc mới biết Bất Không là bậc chân pháp khí, bèn chấp nhận lời cầu xin, dạy cho Ngũ bộ Quán đỉnh Hộ-Ma A-xà-lê pháp, kinh Tỳ-lô-giá-na, Tô-tất-địa quỷ tắc, v.v... đều truyền dạy cho hết. Sau đó, Sư theo thầy đến Lạc Dương. Thầy nhập diệt, niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 20, Ảnh đường đã xây xong, vua ban thay thụy hiệu, Sư vâng theo di chỉ của thầy đến khắp ngũ thiên Trúc (khắp Ấn Độ) và nước Sư Tử. Lúc mới đến quận Nam Hải (Quảng Đông) thăm viếng sứ thần Lưu Cự Lân được khẩn cầu làm Pháp Quán đỉnh, bèn ở chùa Pháp Tánh lần lượt độ cho hàng ngàn hàng muôn người, Bất Không tự đối với bổn tôn cầu thỉnh trong mười ngày, cảm Văn-thù hiện thân, trước khi Sư lên đường, sứ thần gọi thủ lảnh của bọn cướp đến nói rằng: Nay Tam Tạng đến, nước sư Tử thuộc nam Ấn-Độ, nên căn dặn chủ thuyền đối xử tốt với thầy trò gồm ba mươi bảy vị cho đến nơi đến chốn, chớ để sơ sót. Tháng chạp, niên hiệu Khai Nguyên năm thứ hai mươi chín. Chính thức ngồi thuyền côn lôn rời Nam Hải, đi đến biên giới nước Ha-lăng, gặp gió xoáy lớn, mọi người trong thuyền đều hoảng sợ, cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi. Bất Không nói rằng: Ta có phép mọi người đừng lo, tay phải cầm chày Ngũ Cổ Bồ-đề tâm, tay

trái cầm Kinh Bát-nhã Phật mẫu tiếng Phạn, làm phép tụng đại tùy cầu một biến, tức thời gió ngừng biển lặng, rồi lại gặp đại kình ngư nổi lên làm dậy sóng như núi, còn hơn cả sóng gió vừa rồi, người trong thuyền chỉ phó mặc cho vận mệnh. Sư vẫn làm phép như trước, cho đệ tử là Tuệ Công tụng kinh Sa-Kiệt Long Vương, các nạn đều dứt, đi đến nước Sư tử, quốc vương cử người đến đón rước, làm đủ mọi lễ nghi, cúng dường trong cung bảy ngày. Hằng ngày dùng than vàng đựng nước thơm, vua đích thân tắm rửa cho Sư, lại có thái Tử hậu phi phụ giúp, dùng lễ đối đãi như bậc Đế vương, Sư mới gặp Phổ Hiền A-xà-lê, bèn dâng hiến châu báu gấm lụa, xin mở Thập bát hội Kim Cương đỉnh Du-già pháp môn, Tỳ-lô-giá-na đại thừa thai Tạng, dựng lập đàn pháp, đồng thời cho phép các đệ tử là Hứa Hàm Quang, Tuệ Công cùng thọ ngũ bộ Quán đỉnh. Sư từ đó học vô thường sư, rộng cầu Mật tạng, cùng các kinh luận hơn năm trăm bộ, bản Tam-muội-da, Chư tôn mật ấn nghi hình sắc tượng đàn pháp tiêu xí. Một hôm, Quốc vương chơi trò múa voi, mọi người đều lên cao mà nhìn, không dám đến gần. Sư miệng tụng tay bắt ấn từ định, đứng ngay giữa đường, mấy con voi cuồng đều té ngã, người xem đều lấy làm lạ. Sau đó Sư đi khắp năm miền Ấn-Độ, đã mấy lần hiển linh như vậy. Đến niên hiệu Thiên Bảo năm thứ năm Sư về kinh, dâng biểu lên Quốc vương nước Sư tử là Thi-La-Mê-Già và vàng bạc, anh lạc, kính Bát-nhã bản Phạn, các thứ ngọc, lụa trắng, vâng sắc tạm dừng ở Hồng-Lô vua ban chiếu nhập nội, dựng đàn làm lễ quán đỉnh cho vua. Sau đó dời ở tại chùa Tịnh Ảnh, suốt mùa hạ năm ấy đều nắng bỏng, vua ban chiếu cho Sư cầu mưa, chế rằng không gặp thời nên trời không mưa. Sư tấu lập đàn Khổng tước vương, chưa đầy ba ngày mưa đã đầy khắp, vua quá vui mừng tự mang đến ban cho một bộ Cà-sa Cà-sa tím, chính tay khoác lên mình Sư, lại tặng hai trăm xấp gấm. Một hôm, bỗng nổi gió lớn, vua gọi Bất Không làm cho gió ngừng, Sư xin một cái bình bạc để làm phép, chốc lát gió tịnh lặng, bỗng bị con ngựa làm lật ngã cái bình gió lại nổi lên dữ dội hơn. Sư vừa làm vừa thấy có hiệu lực, vua bèn ban hiệu là Trí tạng. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám mới trở về đến Trung quốc. Đi xe năm ngựa kéo đến quận Nam Hải, vua ban sắc ở lại mười hai năm, vua lại ban sắc đến Hà Lũng, do Tiết độ sứ Ca Thư Hàn thỉnh cầu. Năm thứ mười ba Sư đến trụ chùa Khai Nguyên ở Vũ Uy. Tiết độ sứ Ký Tân Tùng đều nguyện thọ Quán Đảnh, mấy ngàn quan dân đều lên đạo tràng, đệ tử là Hàm Quang v.v... cũng thụ năm bộ pháp, riêng vì công đức sứ khai phủ Lý Nguyên Tông mà thọ pháp, cùng thọ Kim Cương giới đại Mạn-Đồ-La, ngày ấy đất ở

đạo tràng rung chuyển. Sư nói: Quần tâm đến đấy! Năm thứ mười lăm Sư được mời về kinh, trụ chùa Đại Hưng thiện, chí đức loan giá tại Linh Vũ phụng tường, Sư thường thầm dâng biểu việc đi lại. Vua Túc Tông cũng thầm sai sứ cầu Bí pháp, đến ngày thu hồi kinh thành đúng theo sự dự đoán. Vào niên hiệu Kiến nguyên vua thỉnh vào cung nội, dựng đạo tràng hộ-ma pháp, trao chuyển luân Vương vị thất bảo Quán đỉnh cho vua. Cuối niên hiệu Thượng Nguyên vua không được khỏe, Sư dùng chân ngôn Đại Tùy cầu bạt trừ đến bảy lần. Hôm sau vua mới khỏi bệnh. Vua càng ban cho thù lễ đặc biệt. Sư dâng biểu xin vào núi. Lý thừa tướng tuyên sắc lệnh cho về chùa Trí Cự ở núi Chung nam tu công đức, đêm tụng niệm cảm được Đại lạc Tác-Đỏa phát ra ánh sáng để chứng nghiệm vị gần tất-địa. Sư nói rằng: “Chúng sanh chưa độ xong lẽ nào ta yên tâm mà tự độ.” Túc Tông qua đời, đại Tông lên ngôi, ân đức càng sâu dầy, dịch xong hai kinh Mật nghiêm, Nhân vương do nhà vua soạn lời tựa ngày ban hành xuất hiện mây lành, cả triều đình đều chúc mừng. Niên hệu Vĩnh Thái năm đầu ngày mồng một tháng mười một, vua ban Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, thêm hiệu Đại Quảng Trí Tam Tạng. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba lập đạo tràng tại chùa Hưng Thiện, được ban mười hai xấp lụa gấm, ba mươi hai mặt xấp lụa thêu, lương chay cho đạo tràng mười bốn ngày, sắc cho quan thị đại thần hầu như các cấm quân sử cùng nhập Quán đỉnh, cuối mùa đông năm thứ tư, Sư tâu trong nhà ăn của thiên hạ đều an trí Bồ-tát Văn-thù làm Thượng tọa, được vua chấp thuận. Đây là sự bắt đầu cho Kiều-trần-như là Tiểu thừa giáo. Mùa hạ năm thứ năm có chiếu thỉnh Sư đến núi Ngũ Đài tu công đức vì trong lúc nầy có sao chổi xuất hiện. Pháp sư hoàn tất, sao cũng biến mất. Mùa thu, Sư từ Ngũ đài về kinh, vua sai Trung sứ ra ngoại thành đón rước, ban cung trương ở dọc đường, ngày mười hai tháng sáu là sinh nhật của nhà vua, Sư mang các kinh đã dịch dâng biểu rằng: Kể từ nhỏ theo thầy Tam Tạng, mười bốn năm bẩm thọ pháp môn Du-già lại du hành khắp Ấn-Độ, cầu học những điều chưa dạy cùng các kinh luận, gồm hơn năm trăm bộ. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ năm, Sư lại trở về kinh đô. Thượng hoàng vời Sư vào cung, lập Quán đỉnh đạo tràng, các kinh tiếng Phạn Sư mang theo, vua đều cho phép dịch. Túc Tông lập Hộ-Ma và Quán đỉnh pháp, đều thời hai vị thánh, ra lệnh sưu tập các văn phạn đời trước, hoặc có sút chỉ rách nát thì tu sửa lại, chưa dịch thì dịch ra, bệ hạ kính vâng theo di chỉ, lại sai dịch truyền lợi tế quần phẩm, khởi đầu từ niên hiệu Thiên Bảo đến nay, gồm một trăm hai mươi mấy quyển. Bảy mươi bảy bộ cùng mục lục, và tên họ kẻ tăng

người tục, kiêm lược nêu ra Niệm tụng nghi quỹ, vừa viết xong nhân dịp lễ thánh đản, kính cẩn dâng trình lên. Vua ban sắc cho lụa gấm tám trăm xấp, mười vị đại đức đồng dịch kinh mỗi vị được ban ba mươi xấp Sa-môn Tiềm chân dâng biểu tạ ban, đệ tử tăng tục ban vật có sai khác. Lại gặp lúc xuân hạ ở kinh đô không mưa, vua vời Bất Không cầu mưa. Nếu mưa trong ba ngày là pháp lực của Hòa-thượng, ba ngày qua rồi mà mưa thì chẳng phải pháp lực của Hòa-thượng. Sư nhận sắc lập đàn đến ngày thứ hai mưa to đầy đủ, vua ban cho ý tím cùng trăm xấp lụa nhiệm mầu, các đệ tử bảy bộ y, thiết thêm tăng chay để chào mừng. Bất Không tiến biểu xin xây dựng lầu Văn-thù, được vua chấp thuận. Quý phi Hàn Vương, công chúa Hoa Dương cũng tán thành, chi tiền trong khố khoảng ba chục triệu quan tiền. Sư lại dịch kinh nghiệt lộ Đồ vương, tuyên ban nối nhau khắp các nẻo đường. Năm thứ chín từ xuân đến hạ, Sư tuyên dương pháp mầu răn nhắc môn nhân, thường nói về Kinh Phổ Hiền nguyện hạnh xuất sinh vô biên pháp môn, khuyên bảo phải tụng trì, Sư khuyên hai ba lần. Người thụ pháp trước thì khiến họ quán Bồ-đề tâm bản tôn đại ấn. Giải thích riêng chữ A là liễu pháp bất sanh, chứng thân đại giác, như chỉ bàn tay, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Một đêm, Sư sai đệ tử Triệu Thiên đem bút nghiên đến, ta sẽ lược nói ra Niết-bàn Trà tỳ nghi quỹ để lại cho đời sau, khiến y cứ vào đây mà tống chung. Thiên cúi đầu thưa thỉnh ba lần, cầu xin ngài từ bi trụ lại thế gian lâu dài. Nếu không thì hiện bị bịnh, dâng biểu chúng sanh phải nương tựa vào đâu? Sư chỉ cười mà thôi, giây lát thì cáo từ. Vua sai Sứ đến hỏi thăm và ban cho thuốc men, thêm khai phủ nghi đồng tam tư, phong hiệu túc Quốc công, thực ấp ba ngàn hộ, Sư từ chối chẳng được, trong lòng không vui, lại nói thánh chúng nghiễm nhiên như duỗi tay an ủi nhau. Lúc trăng sáng tròn ta sẽ đi. Vì sao lúc sắp qua đời lại mang danh vị, bèn để lại chày ngũ cổ Kim cương linh của tiên sư truyền lại, cùng dĩa bạc, hạt Bồ-Đề, mấy hạt thủy tinh, để lại trong phủ riêng, Lý Hiến Thành tiến dâng. Ngày rằm tháng sáu, dùng nước thơm tắm gội sạch sẽ. Đầu nằm dựa hướng Đông, mặt nhìn phía bắc hướng về cung đình, dùng đại ấn trong thân định mà tịch, thọ bảy mươi tuổi, năm mươi tăng lạp, đệ tử là Tuệ Lãng nối vị Quán Đỉnh. Vua hay tin ngừng việc triều chính ba ngày, ban tiền lụa vải và các tạp vật bốn mươi muôn quan tiền. Tiền xây tháp hơn hai trăm muôn quan tiền, ra lệnh cho công đức sứ Lý Nguyên chăm lo tang sự. Trước khi Sư nhập diệt, chư tăng nằm mộng thấy đài báu cao ngàn nhận bị sụp đổ, lầu mới Văn-thù bị hỏng, chày Kim Cương bay lên trời, lại còn sau chùa Hưng Thiện ao nước vô cớ khô

cạn, đám tre ra trái, hoa trong đình lại héo, ngày mùng 6 tháng 7, Sư được trà-tỳ, vua ban chiếu vời Cao Phẩm Lưu Tiên Hạc đến chùa cúng tế. Tặng danh hiệu Tư Không, thụy là Đại biện Quảng chánh trí Tam Tạng. Hoả thiêu xong, thu được mấy trăm hạt Xá-lợi. Tám mươi hạt đem vào cung, xương đảnh thì không như thế, trong đó có một hạt xá-lợi nửa ẩn nửa hiện, lệnh vua giao bổn viện xây ngồi tháp khác để thờ. Sư hành hoá lợi vật của Sư rất nhiều, trong Tổng trì môn là hiển bày thù thắng nhất, xét về nhẫn vị không nhất định cao thấp. Ban đầu Huyền Tông rất nể trọng Sư, vì năm ấy gặp hạn hán, lệnh cho Sư cầu mưa, Sư nói: Qua ngày ấy mới cầu được, nếu gượng cầu cho được thì sẽ gặp bạo ác đáng ngại. Vua lại mời Bổn sư Kim Cương Trí thiết đàn, quả nhiên mưa gió không ngừng, trong phố phường có kẻ bị chết, cây cối bị quật ngã. Vua lập tức vời Sư cho dừng lại, Sư ở trong đình chùa lấy đất nắn lính, bà lão năm, sáu tượng, cho nước chảy xiết chưởi mắng bằng tiếng Phạn trong khoảnh khắc thì trời tạnh mưa. Huyền Tông cho gọi thuật sĩ La Công Viễn đến đấu phép với Sư, hai vị cùng ở trong điện, Không luôn luôn trở tay gãi lưng, La nói: "muốn mượn như ý của thầy!" Sẵn trên điện có cục đá hoa, Sư quơ như ý đánh nát ngay trước mặt, La hai ba lần vớ lấy cây như ý mà không được, vua muốn đứng dậy lấy, Sư nói rằng: Tam lang chớ lên, đó là cái bóng thôi, bèn giơ tay ra cho La xem, cây như ý vẫn còn trong tay.

Ở phía Bắc núi Mang có con rắn to. Người đốn củi thường hay gặp mỗi khi nó ngất đầu phùng mang lớn như gò đất. Ban đêm thường hay hút lấy mù sương. Khi gặp Sư, nó nói rằng: Đệ tử bị ác báo, Hòa-thượng có độ được chăng? Lắm lúc muốn làm nước sông dâng lên tràn ngập thành Lạc Dương cho khoái lòng, Sư bèn truyền quy giới cho, nói về nhân quả, lại rằng: Ngươi do tâm sân nên phải chịu quả báo, nay lại còn hờn giận chăng? Sức ta làm được, hãy suy nhớ lời ta, thân nầy chắc chắn sẽ xả bỏ thôi! Vài ngày sau, người tiều phu thấy rắn chết dưới khe suối, mùi hôi thối nghe xa đến mấy dặm.

Sư hễ ứng triệu cầu mưa, thì không có khuôn phép nào khác. Chỉ làm một chỗ ngồi thêm, tay cầm cây thần tử dài mấy tấc xoay vòng, niệm chú xong ném đi, khi nó tự đứng trên chỗ ngồi, đã ngay góc nháy mắt thì mưa đến.

Trong niên hiệu Thiên Bảo, ba nước Trung, Tây phiên cùng Đại Thạch Khang mang binh bao vây Phủ Tây Lương. Vua vời Sư đến, vua ngự tại đạo tràng, Sư cầm lư hương tụng Nhân vương mật ngữ mười bốn biến, nhìn thấy thần binh có cả năm trăm tại điện đình. Hoảng hốt hỏi

Sư, Sư nói rằng: Thiên vương Tỳ-sa-môn lãnh binh đến cứu Tây an, xin gấp rút thiết đãi ăn uống, ngày 20 tháng 4 quả nhiên có tấu rằng: Ngày 11 tháng 2, cách thành khoảng ba mươi dặm về phía Đông bắc, trên mây mù nhìn thấy thần binh cao lớn, trống giác vang dội rung chuyển trời đất, phiên tướng hoảng sợ, sụp đổ cả tinh thần. Trong doanh lũy ấy có mầu vàng úa, dấy đèn cung nõ đều đứt, trên cửa lầu phía bắc có thiên vương Quang Minh đang trố mắt nhìn Phiên soái bỏ chạy. Vua xem xong tấu chương đáp tạ Bất Không. Lệnh cho các thành lầu dựng lên tượng thiên vương, đó là sự mở đầu.

Bất Không đã khuất, những mặc chế bút tích trong ba triều đã ban nhất đoạt đều tiến nạp, sống vinh quang, chết buồn bã. Các vị tăng truyền, pháp người Tây vực đến đây xưa nay ít có ai giống như Sư. Đệ tử nối pháp có ngài Tuệ Lãng, ngự sử đại phu Nghiêm Sính làm bia. Từ Hạo viết chữ dựng tại bổn viện.

Hệ rằng: Người truyền giáo đông hạ tôn ngài Kim Cương Trí làm Thỉ tổ, Bất Không là Nhị tổ, Tuệ Lãng là Tam tổ. Về sau, phân chia phái biệt. Truyền Du-già đại giáo tuy có nhiều nhưng hiệu nghiệm thì ít, cũng như Vũ Gia sanh ứng Long, Ứng Long sanh Phụng Hoàng, phượng hoàng đã giáng sinh thứ điểu là loại chim thường. Muốn không thay đổi thì làm sao được.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

TIẾN CAO TĂNG TRUYỆN BIỂU

(Dâng Biểu về Truyện Cao Tăng)

Đoan Củng Nguyên Niên (988-989 C.N) Tháng Mười.

QUYỂN 2

1. TRUYỆN THIỆN VÔ ÚY CHÙA THÁNH THỆN Ở LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Thiện vô úy, vốn là người Trung Ấn Độ, là con cháu đời sau vua Cam Lộ Phạn, chú út của Phật Thích-ca Mâu-Ni, tên tiếng phạn của Sư là Tuất-Bà-Yết-La-Tăng-kha, Hán dịch là Tịnh sư Tử, dịch nghĩa là Thiện vô uý. Còn một tên gọi là Thâu-Ca-ba-La, tên nầy dịch là Vô úy, cũng gọi là dịch nghĩa. Trước Sư từ nước Trung Thiên Trúc.

Vì quốc nạn phân vương Ô-Đồ, nên người cha nói rằng: vua Phật Thủ thấy Úy có thần tư túc đức, cho nên lần lượt thử: mười tuổi cầm binh, mười ba tuổi nối ngôi vua, được cảm tình của quân dân, bị anh em ganh ghét, dấy binh cấu loạn, vây thành dữ dội, Uý cầm binh đánh lại, bị thương ở đầu, vua thua trận đáng lẽ bị giết, nhưng niệm tình thân tộc mà tha cho, Uý bèn gạt lệ trình bày với mẹ và các quan rằng: Về việc ân nợ đã dứt, nay muốn chừng đất nước lại cho vẹn toàn tình nghĩa, nhân đó nhường ngôi cho người anh, bản thân chỉ cầu nhập đạo, mẹ đau buồn mà buộc lòng chấp nhận. Bí mật chia cho một số châu báu của quý, Uý đi về hướng Nam, đến vùng ven biển gặp ngài Thù thắng Chiêu Đề đắc pháp Hoa tam-muội, gom cát làm tháp được một muôn ngội, bị rắn độc cắn nhằm ngón tay mà không thối chí, lại gởi thân xuống thuyền lái buôn, chu du các nước. Mật tu thiền tụng, miệng phát ra ánh sáng trắng, ba ngày không gặp gió, thuyền đi muôn dặm, Phong độ của Sư thẳng thắn sáng suốt hơn người, nghiên cứu năm thừa đạo bao gồm ba học, Tổng trì thiền Quán khéo đạt cội nguồn, kỷ năng nghệ thuật đều phải tinh luyện. Ban đầu Sư đến chùa Na-Lan-Đà, Hán dịch là thí vô yểm, như cội nguồn của tượng pháp, hội phủ của các Thánh,

Uý đem châu báu để trên trán tượng, ngày như ánh trăng, đêm sáng như mặt trời. Trong chùa có ngài Đạt-Ma-Cúc-Đa nắm chìa khóa bí mật của định môn. Mang mật ấn của Như Lai, vẻ mặt khoảng bốn mươi tuổi, sự thật là tám trăm tuổi. Ngày xưa, Tam Tạng Huyền Trang đã từng gặp qua, Uý quỳ xuống dưới chân, thờ làm Bổn sư hằng ngày hầu việc ăn uống, bên cạnh còn có một vị tăng, người Chấn đán, Uý thấy trong bát đồ ăn cơm canh vẫn còn nóng, kinh ngạc khen rằng: Nước đông cách đây hơn mười muôn dặm, làm sao mà từ bên ấy nấu chín mà mang về đến đây?

Cúc-Đa nói: Người có thể không nói mà học Chân được chăng? Sau đó, Ngài dạy cho Sư tổng trì Du-già tam mật giáo, rồng thần vây chung quang như rừng ở trước mặt, các ấn khế nhất thời đốn thụ. Ngày ấy được Quán Đỉnh, làm thầy trời người, gọi là Tam Tạng. Nghĩa của Tam Tạng, bên trong là giới định tuệ, bên ngoài là kinh luật luận, lấy Đà-la-ni làm tổng nhiếp, Đà-la-ni là pháp luân nhánh chóng đưa đến Bồ-Đề, là biển giải thoát an lành, các Đức Phật ba đời sanh ra từ pháp môn nầy. Tuệ chiếu truyền trao chỉ một ngọn đèn mà thôi, căn tính khác nhau, đèn cũng vô biên. Vì có trăm ức Đức Thích-ca vi trần tam-muội, Bồ-tát dùng lưới nhiếp chung các định. Đốn thăng thứ lớp, gần bậc Đại giác. Đây là chỉ yếu của nó.

Lúc đó, Sư du hành nơi rừng rậm, tham lễ thánh tích khắp nơi. Không ngại gian hiểm. Những nơi đã đến đều ba lần trở lại, lại đi vào núi kê túc cạo tóc cho Ca-diếp, lại được Quán Âm xoa đầu, thường kiết hạ nơi Linh Thứu có thú dữ dẫn đường đi sâu vào hang núi, trong hang sáng như ban ngày nhìn thấy tượng Phật Mâu-ni, người hầu hai bên dáng vẻ như còn sống, đang lúc nầy Trung Ấn-Độ đang gặp nạn hạn hán, thỉnh Sư cầu mưa, Sư nhìn thấy Quán Âm trong ánh mặt trời, tay cầm bình Quân trì rót nước xuống đất, trong lòng mọi người cảm nhận khoan khoái, được điều chưa từng có, lại luyện vàng như lá bối, viết kinh đại Bát-nhã, trong vàng chảy là ngôi tháp, bằng vàng với thân lượng Phật. Bà mẹ thấy Sư đi đã lâu ngày mà chẳng có tin tức gì cho là Sư đã chết, nên sớm tối đều khóc, khóc mù cả đôi mắt, đến khi có tin tức hỏi thăm thì mắt bà sáng lại như cũ. Hoàn cảnh của ngũ Thiên Trúc, kể từ sau khi Phật nhập diệt thì ngoại đạo tranh giành, Phật giáo chia năm xẻ bảy, hình thành chín mươi sáu tôn phái, lập giáo cương riêng cương với kiến giải khác nhau. Uý đều tùy sở chấp phá dính mắc, giải nghi ngờ. Mở buộc tà nơi cửa tâm, bỏ bến mê nơi đường giác, mây pháp lớn nhỏ đều thấm nhuần. Nước định vuông tròn đều vừa đựng, cờ

trống ngã về dị học, dựng cờ xí của tâm vương, làm cho họ lấy niệm chế cuồng tức là thân quán Phật.

Cúc-Đa nói rằng: Nầy, người thiện nam, ông có duyên với Chấn Đản, nay hãy đi đến đó. Sư bèn từ giã thầy mà đến nước Ca-thấp-di-la, trời sắp tối, bên bờ sông lại không có cầu. Sư đi trên hư không mà qua. Một hôm, Sư được mời đến nhà một vị Trưởng giả, chốc lát có La-hán giáng rằng: Ta là hàng Tiểu thừa, Đại đức là Bồ-tát Đăng Địa, bèn nhường cho ngồi chỗ cao. Sư tặng cho chiếc y tốt, xong bay bổng mà đi, lại đến nước Ô trường, có con chuột trắng, hằng ngày hiến cho tiền vàng, giảng Tỳ-lô nơi cung đình nước Đột-quyết, an thiền định nơi cây khả đôn, phép làm chữ vàng xếp trong hư không, bấy giờ cung nhân nước Đột-quyết dùng tay tiếp sữa, sữa có ba tia bay rót vào miệng Sư, Sư chấp tay nghiêm chỉnh nói: là mẹ ta của kiếp trước đấy, ngày xưa bị bọn cướp dùng dao chém ba nhát mà cơ thể không bị thương, người hươ kiếm chỉ nghe tiếng đồng mà thôi. Đi về phía trước là lên ao lớn của Tuyết Sơn, Sư không rành, Cúc-Đa từ trên không nói vọng xuống rằng: Thân Bồ-tát đồng với thế gian, không bỏ sống chết, người rời Tương Ninh thời gian ít lâu thì bị bịnh. Nói xong, bay thẳng lên trời, Sư khỏe ngay. Đi ngang qua nước Thổ-phiên, cùng đi với đoàn người thương buôn, người Hồ tham cướp hành hóa nên tập trung nhiều người đến bao vây, Sư âm thầm vận tâm ấn làm cho phiên hào hoảng sợ mà xin tạ tội, đến cảnh vực phía Tây Đại Đường. Ban đêm có vị thần mách rằng: Phía đông vùng nầy chưa phải là ranh giới của đệ tử, mà là Văn-thù-sư-lợi thật hộ thần châu, lễ dưới chân mà biến mất, đây cũng là Do thần Ca-tỳ-la đưa tiễn liên Mi. Sư dùng lạc đà chở kinh đến sông Thiệp Vụ ở Tây Châu, rồng làm cho sụp chân lạc đà dưới suối, Sư cũng ở dưới suối ba ngày, dừng chân tại cung rồng tuyên dương giáo hóa, khai ngộ rất đông, đến khi dắt lạc đà lên bờ, kinh chẳng bị ẩm ướt gì cả, Úy mới vượt qua xứ bắc Ấn-độ, tiếng tăm đã truyền khắp Trung quốc, Duệ Tông bèn cho Nhược-Na và tướng quân Sử Hiến ra ải ngọc môn chờ đợi. Đầu niên hiệu Khai Nguyên, vua Huyền Tông nằm mộng gặp vị chân tăng, dáng vẻ phi thường, vua tự mình vẽ trên vách cung điện, nay Sư đến khớp với việc vua nằm mộng, vui mừng vì hữu duyên, trang trí nội đạo tràng, tôn làm Giáo chủ, từ Ninh Tiết vương trở xuống đều phải quỳ dưới chiếu dâng đồ, Tân đại sĩ nơi cung trời tiếp phạn diên nơi đế tọa, lễ Quốc sư bằng đạo quảng thành, để người chủ ở thừa của Như Lai, vòi vọi pháp môn hưng thịnh như vậy. Lúc ấy, có người thuật sĩ cầm ấn khế của quỷ thần, tham dự vào phép biến hóa, được vời đến trước vua làm trò thần

dị, Sư điềm nhiên bất động mà tay chân thuật sĩ chẳng làm trò gì được. Vào năm Bính Thìn nhằm niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư bản Phạn mới đến Trường an, vua ban sắc cho để tại nam viện chùa Hưng Phước, Sư tiếp tục ở tại chùa Tây Minh, hỏi thăm trùng dặm ban cấp rất hậu, đến năm thứ năm vâng chiếu phiên dịch tại viện Bồ Đề, Sư tấu thỉnh các danh tăng cùng tham gia việc dịch giữa Hoa và phạn, mở đề dịch trước Hư không Tạng Cầu Văn Trì Pháp, một quyển, Sa-môn đều hiểu lời dịch, ngài Vô Trước ghi chép, sửa văn, vua lệnh đưa bản phạn vào cung, trước đây có Sa-môn vô Hành đến Thiên trúc học xong trở về, mới đến bắc Ấn độ không may qua đời, các bản Phạn mang về đều nằm trong chùa Hoa nghiêm ở Kinh Đô. Sư và thiền sư Nhất hạnh chọn được mấy bản và Tổng trì Diệu môn, trước đây chưa dịch. Năm thứ mười hai, Sư theo vua đến Lạc Dương, lại vâng chiếu dịch kinh Đại Tỳ-lô-giá-na tại chùa Phước Tiên, kinh ấy có đủ tiếng Phạn gồm có mười muôn bài tụng, Sư nắm những chỗ quan trọng mà dịch ra, gọi là kinh Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia trì, bảy quyển, Sa-môn Bảo Nguyệt dịch ngữ, Nhất Hạnh ghi chép, trau chuốt lời văn, văn chất sáng sủa, khéo hài hòa thú sâu xa, trên phù hợp với ý Phật, lại soạn ra kinh Tồ-Bà-Hô Đồng tử, ba quyển, kinh Tô-tất-Địa-Yết-La ba quyển, hai kinh trên đều chứa đủ lời chú của Tỳ-nại-da, tức là bí mật cấm giới, nếu ai chưa từng nhập vào Mạn-đồ-la thì không được đọc tụng nghe giới luật, giống như người chưa thọ giới cụ túc mà nghe trộm giới luật, cho nên dịch ra hư không tạng Bồ-tát Năng Mãn Chư Nguyện Tối Thắng Tâm Đà-la-ni cầu Văn trì pháp, một quyển, là lược dịch lượt dịch một phần nhỏ của Kim Cương Đảnh phạn bản kinh Thành Tựu nhất Thiết Nghĩa Đồ. Tánh Sư thích giản dị tịnh lự để dưỡng thần, thường khai thiền quan khuyến khích khích người mới học, rằng người vâng theo oai nghi hình thức như trải hoa sen nơi nhãn giới, người nào bẩm thọ ngôn thuyết thì cho đó là cam lộ thấm nhuần ruộng tâm, người cảm thấy sáng ngời, pháp lữ (bạn đồng đạo) xin yết kiến, chỉ tôn thờ trưởng lão Bảo tư Duy Tam tạng mà thôi. Ngoài ra đều thực hành theo lễ của môn nhân. Thiền sư Nhất Hạnh là người Đế Vương tôn trọng, các bậc Hiền đương thời quy về, ngoài định tuệ, diệu phép của âm dương còn có những việc còn chưa quyết định được, cũng thường hay đến thưa hỏi ý kiến rồi mới thực hành, Sư từng ở tại viện nầy đúc đồng làm tháp, tự tay làm thành khuôn mẫu, khéo hơn trời người, tăng chúng trong chùa đem đồ mấu luyện đến sân rộng để phòng hỏa hoạn, Sư cười nói: Các thầy lo chi cho nhọc lòng, ngày đúc tiền quả nhiên tuyết rơi mịt trời, khói lên đều thành hoa tuyết

rơi xuống, mọi người đều thán phục.

Mùa hè đang hạn hán. Vua sai trung quan cao lực sĩ mau đến vời Sư cầu mưa. Sư nói: Số hạn nầy là đương nhiên, nếu cố gọi rồng làm mưa e sẽ gây tổn hại không nên làm.

Vua gương điệu rằng: Người khổ vì bệnh nóng, dù mưa gió sấm sét cũng vừa lòng.

Từ chối không được, bộ phận chuyên trách cũng đã chuẩn bị sẵn đồ dùng, Sư cười nói: Những đồ nầy không đủ để làm mưa đâu, hãy vứt bỏ đi, bèn lấy một diệm nước, dùng cái dao con để quậy nước, tụng phạn chú mấy trăm câu, khoảnh khắc có con vật giống như rồng, lớn như ngón tay, ngóc đầu lên mặt nước rồi lại phục xuống dưới đáy diệm, Uý vừa quậy nước vừa niệm chú, chốc lát có luồng hơi trắng từ trong diệm bật lên mấy thước, từ từ kéo đi, Uý báo với Cao lực sĩ rằng: Hãy mau chay đi, mưa sẽ đến. Lực sĩ chạy ra nhìn thấy luồng khí ấy xoáy vòng từ giảng đường đi về hướng Tây, như xấp lụa trắng dâng lên bầu trời, kế đến là mầu trời biến thành đen sậm, gió to sấm lớn. Lực sĩ mới về đến cầu Thiên Tân. Mưa gió theo chân ngựa ập đến, cây cối dọc đường đều bị quật ngã. Lực sĩ áo mão bị ướt lã vào tâu, Vua cúi đầu đón rước Sư, hai ba lần cảm ơn. Hôm sau, ở Manh có con rắn to, Sư nhìn mà than rằng: Sắp tràn ngập thành Lạc Dương đấy, bèn niệm phạn chú vài trăm câu, vài ngày sau rắn chết, đó là điềm An Lộc Sơn đánh chiếm Lạc Dương.

Có thuyết nói rằng, Sư từng ở trong phòng của luật sư Đạo Tuyên nơi chùa Tây Minh, hiện ra tướng thô. Đạo Tuyên chê là thấp hèn đồ tồi đến nửa đêm Tuyên bắt vò chết con rệp bỏ dưới đất, Sư liền hô lên: “Luật sư làm chết Phật tử rồi” Tuyên mới biết đó là Đại Bồ-tát. Sáng sớm hôm sau, vén y làm lễ. Vào năm thứ hai mươi, Sư cầu xin trở về Tây vực, được tin chiếu giữ lại, ba năm sau nhằm ngày mồng 7 tháng 10, Sư nằm nghiêng bên hông phải, an nhiên qua đời, thọ chín chín tuổi, tám mươi tăng lạp, được truy tặng Hồng Lô Khanh. Vua sai Hồng Lư thừa Lý Hiện giúp đỡ việc an táng Tân luật sư. Năm năm sau nhằm ngày mồng 3 tháng 10 an táng tại đình chùa Quảng Hoá thuộc Long môn, thi thể được hong khô cho không bị hư hoại để bảo tồn, ngày hội táng khắp kinh đô đều rơi lệ buồn tẻ, sông núi đổi mầu, đệ tử tăng tục như: thiền sư Bảo Uý, thiền sư Minh Uý, Vinh Dương Trịnh thị, Lang Da vương thị, thương xót như mất bậc cha mẹ, thiền sư Nhị Khắc kệ, các thiện tín làm nhà thờ, đệ tử còn cất nhà nhỏ bên mộ, nhìn thấy di hài từ từ bị rút nhỏ, xương lộ ra ngoài da, mỗi năm giữ hai mùa khô ẩm, cầu

thỉnh tu chỉnh, mỗi lần đều tắm gội bằng nước thơm dùng lụa gấm bao bọc lại cho nằm yên. Mỗi khi làm lễ cầu siêu triều đình đều cử sứ thần đến cung thí, xứng với tấm lòng thương mến của mọi người.

2. TRUYỆN TRÍ TUỆ Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Trí Tuệ, tiếng Phạn là Bát-thích-nhã, họ Kiều Đáp Ma, người nước Ca-tất-thí thuộc Bắc Thiên Trúc, thiên tư thông minh hơn người, bảy tuổi phát tâm lập ý, xa lìa cha mẹ, quy y Tam Bảo, theo Đại đức Điều Phục quân, dạy tụng bốn A-hàm, đủ, mười muôn bài tụng, A-tỳ-đạt-ma ba muôn bài tụng, đúng tuổi ứng pháp thọ giới cụ túc. Theo thầy du hành nước ngoài, học Tát-Bà-Đa gần bốn muôn bài tụng, Câu-Xá hai muôn tám ngàn bài tụng. Lại tụng Đại Bà-Sa, thông cả nghĩa lý, bảy năm ở đó chuyên học về Tiểu thừa, sau đến chùa Na-Lạn-Đà ở trung Thiên Trúc, học các luận như Đại Thừa Duy Thức Du-già. Trung biên v.v... Kinh Kim Cương Bát-nhã, Nhân Minh, Thanh Minh, Y Minh, Vương Luật luận, v.v... đồng thời nương ba vị Đại Luận Thừa Trí Hộ, Tiến Hữu, Trí Hữu du hành đến tám ngôi tháp trong Kinh Song Lâm, qua lại chiêm lễ trong mười tám năm. Nghe nam và bắc Thiên Trúc rất chuộng tu hành, bèn đến thăm viếng, bên ấy có vị sư Quán Đảnh tên Đạt-Ma-Da-Xá. Nhìn thấyTuệ siêng năng thận trọng dễ thương, bèn truyền Du-già pháp nhập Mạn-Đồ-La-Tam Mật hộ thân Ngũ Bộ Ấn khế kinh. Trong một năm thuộc lòng ba ngàn năm trăm bài tụng. Tuệ thường hay nghe rằng: Trung Hoa đại quốc có Văn-thù ở đó, nên quyết lòng đi về phương Đông thệ truyền Phật giáo, bèn đi thuyền vượt biển định đến Quảng Châu nhưng bị gió thổi tấp vào phía Đông nước Sư tử. Lại gom góp vốn liếng sửa chữa thuyền bè đến các nước trong vùng Nam Hải. Đến gần Phan Ngung thuộc tỉnh Quảng Đông Trung Quốc, lại gặp sóng to gió lớn ập tới thuyền bị bể hỏng, người thì chìm mất, chỉ có một mình Trí Tuệ sống sót, đêm đến canh năm sóng gió mới dừng, kinh điển mang theo không biết ở nơi nào, đến khi lên bờ, thì những kẹp sách đó đã ở trên bờ rồi, nằm trong một thùng tre lớn, do sóng biển trôi dạt lên, dường như có quỷ thần mang đến vậy, bèn than rằng: Các kinh Đại thừa lý thú nầy tưởng người Trung hoa căn cơ thuần thục: theo hướng đông bắc đi khỏang nửa tháng đến Quảng châu, tức những năm đầu niên hiệu Kiến Trung đời vua Đức Tông, vua còn lánh nạn ở Phụng Thiên. Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2, Sư mới lên đường đến kinh thành, gặp người cùng quê là Thần Sách, Quân Chánh, Tương La

có tâm tốt, tức con của người cậu, vui buồn an ủi lẫn nhau, dẫn về nhà giữ lại cúng dường. Đến năm thứ tám mới dâng biểu tấu trình lên nhà vua, Sư được đề cử làm phiên dịch truyện, có sắc lệnh các Đại đức các chùa trong kinh thành có danh nghiệp khác chúng cũng đồng dịch, được Tam Tạng Bát-nhã người nước Kế-tấn giải thích bản Phạn. Các sư Sa-môn chùa Quang Trạch ở Đãi Thiếu thuộc Hàn Lâm là những vị ăn nói lanh lợi, Sa-môn Viên Chiếu chùa Tây Minh ghi chép, ngài Đạo Dịch chùa Tư Thánh, ngài Lương Tú chùa Tây Minh, ngài Ứng Chân chùa Trang Nghiêm, ngài Siêu Ngộ chùa Lễ Tuyền, Đạo Ngạn Biện Không cùng bổ sung chứng nghĩa. Ngày mồng 8 tháng 6, muốn lập kinh đề, sai hữu nhai công đức sứ, là Vương Hi Thiên và hữu thần sách quân, Đại tướng quân Vương Mạnh thiệp, Tiêu Kỵ đại tướng quân Mã Hữu Lân, v.v... đưa kinh Phạn ra khỏi cung, chở bằng xe ngựa xe cùng với uy nghi nhạc bộ. Dọc đường thiện nam, tín nữ ra xem thật là rầm rộ nhất thời, rước về chùa Tây Minh phiên dịch. Nhân đây tặng một ngàn quan tiền, ba mươi cân trà, một hộp lớn nhang, bổ sung trong chùa để sử dụng. Đặt tên là Kinh Đại Thừa Lý Thú và Kinh Lục Ba-Ba-Mật-Đa, thành mười quyển. Lại có Trưởng giả Hoa Nghiêm hỏi về kinh Phật Na-La-Diên Lực và Bát-nhã tâm kinh, đều một quyển, vào niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tám là dịch xong, tháng mười cùng năm ghi chép hoàn tất. Ngày 28 tháng 10 có xe hoa uy nghi chào đón, dẫn vào Quang Thuận Môn, Vua xem xong vui vẻ hoi thăm ân cần, sai thần sách quân ban thức ăn, Vua đích thân tặng Trí Tuệ năm trăm xấp lụa, một bộ y phục mùa đông, ngoài ra mỗi vị đều có ban thưởng riêng, Tuệ dâng biểu tạ ơn, đáp lại lòng ưu ái của nhà vua, cùng ngày ấy, xin dịch kinh. Công thần khai phủ Nghi đồng Tam Tự hiệu đính. Thái tử xét việc, La Hảo Tâm dâng biểu rằng: "Em của thần là Sa-môn Bát-thích-nhã trước đây có dây kinh Đại thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật bản Phạn. Ngày 19 tháng 4 năm nay kính vâng sắc ban lệnh cho. Vương Hy Thiên chọn nhân sự có đạo hạnh phiên dịch tại chùa Tây Minh, nay đã kết thúc, cùng đưa đến Quang Thuận môn dâng lên, đáp chiếu rằng: Em của khanh sớm ngộ Đại thừa, từ phương Tây xa xôi xin đến Thượng quốc, giảng nói nghĩa sâu xa của sáu Căn, diễn vi ngôn của Song thọ. Niệm lấy chân thành mà kính trọng. Nay lệnh cho lưu hành những bộ kinh đã dịch, khanh vốn có lòng trung thành, siêng năng về chức trách, xem qua biểu sớ lòng ta rất tri ân. Hảo tâm giải vây của Châu Ty rất có chiến công, được vua sủng trọng. Trí tuệ có tâm tốt dẫn dắt, công việc phiên dịch sáng tỏ, vua viết bài tựa ở đầu kinh. Tuệ về sau mất ở Lạc Dương, an táng nơi gò

phía Tây Long môn, tháp kỷ niệm nay vẫn còn.

3. TRUYỆN HUYỀN GIÁC CHÙA NGỌC HOA ĐỜI ĐƯỜNG.

Thích Huyền Giác, người nước Cao Xương, thích học Đại thừa, theo Tam Tạng Huyền Trang, nghiên cứu kính luận, cũng cùng ở cung Ngọc Hoa tham dự phiên dịch, và có thành tựu về Kinh Đại Bát-nhã cùng được mời dịch Kinh Bửu Tích, Huyền Trang từ chối vì mệt mỏi, Huyền Giác mộng thấy một ngôi tháp trang nghiêm, cao lớn đột nhiên sụp đổ, giật mình thức dậy nói với Huyền Trang, Trang nói: "Không thuộc việc của người, đây là triệu chứng ta sắp diệt rồi". Giác rất đau buồn, khuyên các bạn tu hành cùng thỉnh cầu, dùng thuốc chữa trị. Giác sau đó cũng diệt nối theo.

4. TRUYỆN ĐẠO NHÂN CHÙA ĐA BẢO Ở ÍCH CHÂU ĐỜI ĐƯỜNG: (Tung Công Bảo Tiêm).

Thích Đạo Nhân, họ Hầu, người ở Bộc Dương, gia đình có cuộc sống hạnh phúc, rượu thịt đầy đủ, người ăn học cũng chẳng kém, nhân lúc mới chào đời trắng trẻo ngộ nghĩnh. Tuổi còn bé thiên tư đặc biệt rất cao, có tiết nghĩa hiếu ái, phong cách từ thuận, tâm nhân từ cùng cực. Năm bảy tuổi, vì mất mẹ mà trong lòng đau khổ đến tột cùng, không ăn không uống, mất mạng. Thể hiện ra đức tính của người lớn, được mọi người thán phục. Sau khi mãn tang, nghĩ sẽ báo ân đến cùng, nên quyết lòng xuất gia không ai ngăn cản được. Bèn đến chùa Linh Nghiêm theo thầy tụng tập, chưa đầy mười ngày đã thông kinh Niết-bàn hai pho, mọi người đều kinh ngạc. Cho là thần đồng, sau khi xuống tóc, trau dồi đức hạnh, nắm được nghĩa lý, hễ giảng Niết-bàn già trẻ hay kẻ có tiếng tăm đều thán phục. Được thăng thượng phẩm chuyển qua học luật nghi, lại được pháp sư Tung ở Bành Thành truyền cho Nhiếp Đại thừa. Đức hạnh Tung Công cao đẹp, danh thơm tỏa khắp mọi nơi, môn đồ từ khắp nơi lũ lượt kéo đến, phòng giảng vừa biến thành nhà ăn, rất ồn ào chật hẹp, bèn chia theo môn giới mà giảng, Sa-môn tuổi trẻ cho học luật, biết luật tứ phân mới, cho vào dự thính. Nhân tuổi tuy còn nhỏ, nhưng đã hơn hẳn mọi người, nên Sư được đề cử làm kiến tập, mỗi khi bổ sung Nhiếp Luận, thầy đều cho ra giảng đàn. Sau nầy đến ở ẩn tại Thái Nhạc. Đọc kinh suốt bốn năm, bèn chuẩn bị đi Lạc Dương, dự tính theo Lý Lăng di, nhưng vì pháp cương quá nghiêm nhặt, tăng không được mang theo đồ đệ, không cho dạo chơi ngoài chùa. Vì vậy mà dời chùa ra núi, đi lang thang một mình, vừa đi vừa Tịnh niệm Quán Âm, trong chốt lát có một

vị tăng đi đến, râu tóc bạc phơ, mời cùng đi, đến nơi đường phố bằng đất vàng, ngẩng nhìn lên chẳng biết nơi nào, chẳng bao lâu do tránh nạn Tam Thục nên ở chùa Đa Bảo, có người biết tiếng, mời Sư giảng Nhiếp Luận Duy Na, người nghe có trên một ngàn, lúc ấy có pháp sư Bửu Xiêm, người ở Đông Hải, dạy nghề rất giỏi, lại giỏi về Đại thừa, trong đời đã có danh tiếng, nay Xiêm Công đi tới đi lui ngạo mạn trong đám đông, nhìn mà phát sợ. Mỗi khi đi ngang giảng đàn, nghiêm túc xổ ra vài lời, nhân biện bác như sấm nổ thật hay vô cùng.

Quan tổng quản Ích Châu là Đặng Quốc Công Đậu Tiến hành Đài tả bộc xạ, Thế Quốc Công Đậu quỹ Trường sử, thân Quốc Công Sỉ Liêm, Phạn Dương Công Lư Thừa Khánh và và đầu liêu ngục mục Tây nam, cùng với các nhân sĩ nổi tiếng, cùng lập danh sách cung thỉnh rằng: "Bành Môn sơn tự là nơi tập đạo an cư, vì bị bỏ phế nên điêu tàn. Nhân xúc động nên xây dựng lại, chăm chỉ tu chỉnh chưa đầy một năm đã biến thành tịnh trường đông đảo, lại lấy chín bộ vi ngôn, ba cõi kính ngưỡng, xong sẽ dự tính che cung rồng, bèn ở bên sườn núi phía Bắc chùa Khắc kinh điển cùng Đa-la Chính Văn của Tỳ-ni, dù cho hồng thủy tượng lăng đời vua Nghiêu, mặc cho Triệu giản canh giữ vùng Bắc sơn nầy, chắc sẽ không có gì đáng ngại. Không ngờ ở nơi xa xôi hiểm trở nầy mà được vua triệu về. Dừng chân tại chùa Đại từ Ân cùng với pháp sư Huyền Trang đảm nhiệm công việc phiên dịch, hiệu đính bản Phạn, kiêm bổ sung chứng nghĩa. Được ngài Huyền Trang tán thưởng, mỗi khi gặp văn khó thì cùng trao đổi với nhau. Những phần kinh mới dịch được nhờ đó góp sức rất nhiều. Tự chủ chùa Tuệ Nhật là pháp sư Khải lần đầu tiên tổ chức cuộc giảng nghĩa về huyền bí cao thâm, do Đạo Nhân đảm nhiệm. Các giới tăng tục trong kinh thành đều đến thưa hỏi. Nhân vui vẻ mà giải đáp. Nhân còn nghiên cứu mấy bộ sách sử, rất thích về lão Trang, rút lấy những tinh hoa, tứ luật bắt đầu ở phong luật, văn tự tổng hợp vào ngũ thanh, cho nên giảng huấn nội ngoại đều thông, những chuyên nghiệp là Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Duy-Na, Pháp Hoa, Lăng-già v.v... Thập Địa, Địa Trì, Tỳ-Đàm, Trí Độ, Nhiếp Đại thừa. Đối với pháp như luận Phật Địa và luật Tứ phân, còn Nhiếp luận, Duy-Na vẫn ghi trong chương sớ. Vậy là có khả năng xong việc.

Sư thị hiện bị bệnh, qua đời tại chùa Tuệ Nhật ở Trường an, nhằm ngày 11 tháng 3, niên hiệu Hiển Khánh năm thứ ba, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Tháng giêng năm sau chuyển thần tọa về Ích Châu. Ngày mồng 8 tháng 2 an táng tại chùa Quang Hóa, cạnh bên Thạch Kinh. Đạo tục đưa tang có đến mấy ngàn người, đệ tử Huyền ngưng thờ phụng

hương hỏa, Long sóc Trung Đài Ty phiên đại phu. Lý Nghiểm soạn văn bia, Âu Dương viết chữ.

5. TRUYỆN TRÍ HIỀN NƯỚC BA LĂNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Nhã Na-Bạt-Đà-La, Hán dịch là Trí Hiền, người nước Ba-Lăng ở nam hải, giỏi về Tam tạng học. Giữa niên hiệu Lân Đức có Sa-môn Hội Ninh ở thành Đô, muốn đến Thiên Trúc thăm viếng thánh tích. Đi bằng thuyền về phía Tây, trên đường phải đi qua nước Ba-Lăng, bèn cùng vơí Trí Hiền dịch kinh Niết-bàn phần sau, hai quyển. Đây là dịch ra từ trong kinh A-cấp-na, nói về các việc như Thế Tôn đốt quan tài thu Thiết-Lợi-Na v.v... So với Đại Niết-bàn hoàn toàn không ăn khớp với nhau, dịch xong gởi kinh đến Giao Châu, Tây vực của Ninh phương. Đến những năm đầu niên hiệu Nghi Phụng, Đô đốc Giao Châu là Lương Nan Địch sai sứ là Đồng Hội Ninh cùng với đệ tử là Vận kỳ dâng biểu đem kinh vào kinh. Năm Mậu Dần nhằm niên hiệu thứ 3, Sa-môn Linh Hội chùa Đại Từ Ân, ở đông cung xin được ban hành, Vận kỳ vâng lời thầy dạy, vì không được hài lòng nên thầy cho lệnh mang kinh đi hành hóa nên không rảnh thân mà theo thầy đến Tây vực.

6. TRUYỆN NGÀI GIÁC CỨU CHÙA BẠCH MÃ Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Phật-Đà-Đa-La, Hán dịch là Giác cứu, người nước Kế-tân thuộc Bắc Thiên Trúc. Sư mang kinh đến thệ giáo hóa người dân Trung Hoa. Dừng tại chùa Bạch Mã ở thành Lạc Dương, dịch kinh Đại phương Quảng Viên Giác liễu nghĩa. Kinh này dịch không ghi ở năm nào, mà Long Đạo vì nhớ việc nên hoài chân giả vọng. Nếu biết rõ thời gian năm tháng thì y cứ vào hành tích chớ nghiên cứu nắm lấy chung cuộc. Vào niên hiệu Đại Hòa, ngài Khuê Phong Tông mật soạn sớ giải thích bản kinh một quyển, sau nầy chia ra làm hai quyển, thành bộ, kế tiếp lại soạn sao giải thích chỗ sâu xa nay Đông kinh, Thái nguyên và Tam Thục thịnh hành diễn giảng kinh nầy.

7. TRUYỆN PHẬT-ĐÀ-BA-LỢI Ở NÚI NGŨ ĐÀI ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Phật-Đà-Ba-Lợi, Hán dịch là Giác Hộ, người nước Kế-tân thuộc bắc Ấn-Độ, quên thân mà theo đạo, xem qua linh tích khắp nơi, nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngự ở tại núi Thanh Lương, cho nên không ngại đường xá xa xôi mà tìm đến kính lễ. Vào niên hiệu Thiên Hoàng Nghi Phụng năm đầu, Sư chống gậy đến Ngũ Đài chân thành lễ bái,

khóc như mưa rơi, cầu mong được gặp thánh dung, bỗng chót thấy một cụ già từ trong núi đi ra, nói tiếng Ba-La-môn hỏi Ba-Lợi rằng: Sư từ đâu đến?

Ba-Lợi nói: Nghe Văn-thù Đại sĩ ẩn tích tại núi nầy, tôi từ Ấn Độ đến muốn xin chiêm lễ.

Ông cụ nói: Sư từ nước ấy đến có mang theo kinh Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà-la-ni chăng? Chúng sanh đất nầy gây quá nhiều tội lỗi người xuất gia cũng lắm khi phạm sai lầm. Phật đỉnh thần chú là bí phương để trừ tội, nếu không mang theo kinh mà đến không thì đâu có ích lợi gì. Dù có gặp Văn-thù thì cũng không thể biết được. Sư hãy về nước lấy kinh ấy đến lưu truyền ở xứ nầy, tức là thờ khắp các thánh, lợi ích rộng chúng sanh, thừa tiếp U minh báo ân các Đức Phật. Sư mang kinh đến, đệ tử sẽ chỉ rõ nơi ở của Văn-thù.

Ba-lợi nghe vậy, cầm lòng không khỏi vui mừng, bèn quẹt khô nước mắt lạy về núi. Giây lát ngẩng đầu lên, thì cụ già đã biến mất, Ba-lợi càng kinh ngạc. Bèn trở về nước lấy được kinh, trên đường đến kinh thành sẵn dịp cầu kiến nhà vua. Thiên hoàng tặng thưởng lòng chân thành tôn sùng bí điển nầ, hạ chiếu cho làm điển khách Hồng Lô Tự, ra lệnh cho Đỗ Hành Khải và Nhật Chiếu Tam Tạng cùng dịch. Xong nhà vua đích thân tặng ba mươi xấp lụa, còn kinh giữ lại trong cung.

Ba-lợi rơi nước mắt tâu rằng: Ủy bỏ thân mạng, mục đích là lợi người. Nay cầu mong nhà vua cho lưu hành. Vua cảm mến lòng chuyên thiết, bèn giữ lại kinh trao trả bản phạn. Ba-Lợi được lại kinh rất vui mừng. Đến viếng chùaTây Minh, được người giỏi về tiếng Phạn ngữ là Thuận Trinh. Tấu xin dịch lại, vua chấp nhận. Ba-Lợi cùng với Thuận Trinh và các Đại đức phiên ra gọi là "Kinh Phật Đảnh tôn thắng Đà-La-Ni". So với bản dịch của Đỗ Linh trước kia thì chú vận văn kinh ít có dị đồng, nguyên vọng của ba-lợi đã hoàn tất, lại mang bản phạn đi vào ngũ Đãi, không ai biết về tông tích nữa, có chỗ cho rằng: Ba-lợi ẩn vào hang Kim Cương. Hiện nay, núi Vĩnh Hưng Long Thủ có nơi thời Xá-lợi Ba-Lợi. Khoảng niên hiệu Đại Lịch, Sa-môn Pháp Chiếu của Vân Phong ở Nam Nhạc đến núi Ngũ Đài lễ bái hang Kim Cương, đêm chưa tối gặp một vị tăng, phạn âm sang sảng, tự xưng là Phật-Đà-Ba-Lợi.

Hỏi rằng:

- Vì sao Sư tự khổ như thế, không mệt nhọc sao? Có tâm nguyện gì mà vui?

Đáp rằng:

- Chỉ nguyện được gặp Văn-thù. Lại nói: Nếu ý chí vững bền

không gian dối. Người có thể lột giày vớ để trên tảng đá sẽ thấy được Thánh nhan. Pháp Chiếu nhắm mắt lại, chốc lát đã vào trong hang đá, thấy một ngôi viện, đề là chùa Kim Cương Bát-nhã. Nét bút mạnh mẽ sáng ngời, viện ấy đều bằng dị bảo trang nghiêm, lầu quán nhiều lớp, phòng ốc liền nhau. Có lẽ là hai trăm ngôi. Chính giữa có kho bí mật chứa Kinh Kim Cương Bát-nhã và tất cả kinh pháp. Người vật to lớn phi thường. Đại thánh Văn-thù ngồi chỗ tôn nghiêm. Chiếu được mời vào dùng trà, xong Ba-lợi dẫn ra ngoài chiếu cầu xin ở lại. Ba Lợi không cho, sắp chia tay khuyên rằng: Hãy cố tu hành, sau nầy trở lại thì có thể ở được. Chiếu đến chỗ tảng đá thì dừng lại, Ba-lợi đã biến mất.

Hệ rằng: Theo sự giải thích của đạo thì có nhiều thuyết: hoặc ẩn chân hình mà còn giả chất, hoặc đây còn đó mất, hoặc phân thân đổi dạng coi đó là trò chơi, hay lấy đó làm lợi ích chúng sanh. Phật-Đà-Ba-Lợi ấy không mất, không chừng biến hóa vô cùng, ra hang Kim Cương quật tiếp Pháp Chiếu, là có duyên với nhau mà hiện ra, cũng như Ca-Diếp ẩn lâu trên các ngọn đồi, khi pháp Hiển đến thăm viếng, thì gặp ở dưới núi.

8. TRUYỆN TÔN PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Tôn pháp. Người Tây Ấn-Độ, tên tiếng Phạn Gia-phạn Đạt Ma, Hán dịch là Tôn pháp. Từ xa xôi vượt đá cát đến nước Trung Hoa. Có tấm lòng truyền dịch kinh Phật, nguyện vọng của vững chắc hóa đạo. Khoảng niên hiệu Vĩnh Hưng của thiên hoàng Sư dịch, Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại viên mãn Vô Ngại Đại Bi tâm Đà-La-ni, một quyển, nhưng kinh đề chỉ nêu rằng: Tây Thiên Trúc, Gia-Phạn-Đạt-Ma dịch, không ghi rõ năm tháng. Suy về gốc ngọn có thể là trong khoảng thời gian giữa hai niên hiệu Hiển Thánh và Vinh Huy, lại đúng với bài tựa của kinh Thiên Tý rằng: Trí Thông cùng với Tam Tạng nầy dịch ra, về sau không biết Sư mất ở đâu.

9. TRUYỆN VÔ CỰC CAO CHÙA TUỆ NHẬT TÂY KINH ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Vô Cực Cao, người Trung Ấn-Độ, tên Phạn là A-Địa-Cù-Đa, Hán dịch là Vô Cực Cao. Cao học hết Mãn tự, hạnh trong sạch như viên ngọc sáng, tinh luyện Ngũ Minh, khéo thông Tam Tạng. Tháng giêng niên hiệu Vĩnh Hưng năm thứ ba, Sư từ Ấn-Độ mang kinh đến Trường An, được an trí tại chùa Từ Môn, gồm mười sáu vị như Sa-môn Đại thừa Tông, mười hai vị như Anh Công Lý Thế Tích Ngạc Công uý

trì đức, cùng thỉnh Cao xây dựng đàn Đà-La-Ni phổ hội ở tại viện Phù Đồ chùa Tuệ Nhật. Điều cần thiết là ngày khánh thành, phải làm cách cho hiện ra linh dị. Tăng ni hay dân thường trong kinh thành đều thán phục là ít có, Sa-môn Huyền Khải cố thỉnh dịch cho được bản tiếng Pháp. Trong thời gian bốn năm ở chùa Tuệ Nhật. Từ trong kinh Kim Cương Đại đạo tràng Sư nắm những phần chủ yếu mà dịch, tập thành một bộ gọi là kinh Đà-La-Ni tập, gồm mười hai quyển, do Huyền Khải ghi chép, lúc ấy, có A-Nan-luật-Mộc-Xoa Sư, Ca-Diếp sư, v.v... chùa Đại Bồ-Đề thuộc trung Ấn Độ. Ở chùa kinh Hành dịch Công đức thiên pháp, ở khắp trong tập kinh quyển thứ mười nên không ấn hành riêng.

10. TRUYỆN CỰC LƯỢNG CHÙA CHẾ CHỈ Ở QUẢNG CHÂU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Cực Lượng, người Trung Ấn-độ, tên tiếng Phạn là Bát-Thích-Mật-Đế, Hán dịch là Cực Lượng có lòng cưa mang Đạo, quán sát các nơi, tùy duyên cứu giúp chúng sanh, lần lượt đi khắp, đến nước Trung Hoa. Bèn trụ tại Đạo tràng Chế Chỉ ở Quảng Châu, dân chúng ở đây biết Sư là người truyền đạt, nên đến thỉnh cầu rất đông. Lượng lấy lợi lạc làm tâm, vì vậy mà truyền trao những điều bí yếu sâu sắc. Ngày 23 tháng 5, vào niên hiệu Thần Long năm đầu, từ trong bộ Quán Đảnh, Sư tụng ra một phẩm, tên là Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa chư Bồ-tát vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm, dịch thành một bộ gồm mười quyển. Sa-môn Di-già Thích-ca người nước Ô-trường dịch ngữ. Bồ-tát giới đệ tử, là tiền chánh nghị đại phu cùng Trung thư môn hạ Bình chương sự Thanh Hà phòng Dung ghi chép. Tuần Châu La Phù Sa-môn Hoài Địch chùa Nam Lâu ở núi La Phù, Độn Châu chứng dịch. Lượng phiên dịch truyện xong, Quốc vương hội Bản tức giận tự tiện sai người mang bản kinh ra nước ngoài, ngồi thuyền về phía Tây. Sau vì nam sứ vào kinh, nên kinh Phật được lưu truyền khắp nơi, có công lao đóng góp của Pháp sư Duy Xác, đều được sớ giải.

11. TRUYỆN THẬT XOA NẠN ĐÀ CHÙA ĐẠI BIẾN KHÔNG Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Thật Xoa-Nan-Đà, còn gọi là Thi-Khất-Xoa-Nạn-Đà, Hán dịch là Học Hỷ, người nước Vu Điền, ở phía Bắc Thông lĩnh. Trí độ rộng lớn, phong cách hơn người, giỏi về Đại Tiểu thừa, lại thông dị học Thiên hậu minh dương Phật Phật rất kính trọng đạo Đại thừa, vì Kinh Hoa Nghiêm ban cựu dịch xứ hội chưa đủ, nghe nước Vu-điền có bản

phạn, vua bèn sai sứ đến cầu kinh bản và thỉnh người phiên dịch. Sư cùng với kinh tiếng Phạn đồng đến với hoàng cung. Vào năm Ất Mùi thuộc niên hiệu Chứng Thánh năm đầu, tại chùa Đại Biện Không trong cung phiên dịch, Thiên hậu đích thân đến Pháp tọa viết bài tựa sáng ngời, còn tự cầm bút đề tên cho tên phẩm nầy "Nam Ấn Độ Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chí, Sa-môn Nghĩa Tịnh đồng tuyên phạn bản". Sau nầy giao cho Sa-môn Phục lễ Pháp tạng v.v... Tại chùa Phật Thọ Ký dịch thành mười tám quyển. Vào niên hiệu Thánh Lịch năm thứ hai hoàn tất thành, bốn năm sau, Vua đích thân đến cung Tam Dương ở Dĩnh Xuyên ban chiếu cho Sư dịch Kinh Đại thừa Nhập Lăng-già. Thiên hậu lại soạn bài tựa. Tại chùa Thanh Thiền ở Kinh Đô và chùa Phật Thọ ký ở Đông Đô. Sư dịch Văn-thù thọ ký v.v... Trước sau gồm mười chín bộ. Sa-môn Ba Luân Huyền quỹ ghi chép. Sa-môn phục lễ chuốt văn. Sa-môn Pháp Bảo, Hằng Cảnh v.v... chứng nghĩa. Thái tử Trung Xá Giả ưng phước giám hộ. Niên hiệu Trường An năm thứ tư, Sư lấy cớ mẹ già yếu muốn về quê thăm nom, vua truyền lệnh cho Ngự sử Hoắc Từ Quang đưa về tới Vu-điền. Sau nầy, Hòa Đế Long Hưng có ban sắc trưng dụng lại. Niên hiệu Cảnh Long năm thứ hai, Sư đến kinh thành. Nhà vua đích thân ra đón ngoài cửa ngỏ. Tăng ni, dân chúng khắp kinh thành đều chuẩn bị cờ xí dẫn đường, lại trang điểm con voi xanh cho cỡi vào thành, được an trí tại chùa Đại Tiến phước. Chưa kịp vào việc phiên dịch đã bị mắc bệnh bán thân bất toại, nhập diệt vào ngày 12 tháng 10, nhằm niên hiệu Cảnh Vân năm đầu, thọ năm mươi chín tuổi. Y theo tập tục cử hành pháp táng. Ngày 12 tháng 11, hỏa thiêu tại đài Cổ Nhiên đăng, củi hết lửa tàn, còn lại cái lưỡi, ngày 23 12, môn nhân là Bi Trí cùng sắc sứ Ca Thư Đạo nguyên, đưa di hài và chiếc lưỡi nầy trở về Vu-điền, xây tháp cúng dường, người đời sau tại chỗ Trà-tỳ lại xây tháp bảy tầng, tục gọi là Hoa nghiêm Tam tạng tháp.

12. TRUYỆN NHẬT CHIẾU CHÙA QUẢNG PHƯỚC Ở KINH THÀNH TÂY AN ĐỜI CHU (951 - 959).

Thích Địa-Bà-Kha-La, Hán dịch là Nhật Chiếu. Người Trung Ấn-độ, Thông rõ tám tạng, hiểu rộng năm Minh. Giới hạnh cao kỳ, học nghiệp siêng năng. Chú thuật rất giỏi. Thời Thiên Hoàng, Sư đến nước nầy. Tháng 5 niên hiệu Nghi Phụng năm thứ 4, Sư dâng biểu xin dịch các kinh đã mang đến, nhà vua chấp nhận cho xếp vào đội ngũ của Huyền Trang, được đặt tại trí tại một ngôi chùa lớn với ba mươi lăm vị Đại đức cùng dịch tại chùa Thái Nguyên và chùa Quảng Phước. Dịch

kinh Đại thừa Hiển Thức Luận, Đại thừa ngũ Uẩn, gồm mười tám bộ, Sa-môn Chiếu-Đà, Bát-nhã Đề-Bà dịch ngữ. Sa-môn Tuệ Trí chứng tiếng Phạn, vua ban sắc cho các danh đức giúp sức, cho việc pháp hoá. Sa-môn Đạo Thành, Bạc Trần Gia, Thượng Viên Trắc, Linh Biện Minh, Tuần Hoài độ chứng nghĩa. Sa-môn Tư Huyền, phục lễ chuốt văn, ghi chép. Thiên Hậu đích thân ban bố lời tựa ở đầu. Sư cùng giác hộ dịch Phật đỉnh, thể nhận sâu sắc tiếng Hán đời Đường, khéo truyền ý Phật. Mỗi khi tiếng dâng nhiều kinh mơi được thưởng rất hậu. Sau Sư qua đời tại căn phòng nhỏ dịch kinh, thọ bảy nươi lăm tuổi, Thiên Hậu ban sắc cho an táng tại Hương Sơn thuộc Long môn, ngoại thành Lạc Dương, tháp hiện nay vẫn còn.

13. TRUYỆN THIÊN TRÍ CHÙA NGỤY QUỐC ĐÔNG Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI CHU:

Thích Đề-Vân-Bát-nhã, hoặc là Đề-Vân-Đà-nhã-Na, Hán dịch là Thiên Trí, người nước Vu-Điền, học thông đại tiểu, hiểu cả Chân tục, Chú thuật thiền Môn đều thông hiểu. Vào niên hiệu Thủy xương năm đầu Sư đến đây, yết kiến Thiên Hậu tại Lạc dương, cho trụ tại chùa Quốc Đông phiên dịch. Một năm sau dịch ra Luận Hoa Nghiêm Kinh Pháp giới Vô Sai Biện v.v... gồm sáu bộ bảy quyển. Sa-môn Xử Nhất ghi chép, Sa-môn Phục Lễ chuốt văn, Sa-môn Đức Cảm, Tuệ Nghiễm, Pháp Minh, Hằng Cảnh v.v... chứng nghĩa. Sư mất năm nào và ở đâu không rõ.

14. TRUYỆN TUỆ TRÍ CHÙA PHẬT THỌ KÝ LẠC Ở KINH THÀNH DƯƠNG ĐỜI CHU:

Thích Tuệ Trí, cha là người Ấn-Độ, thuộc giòng dõi Bà-La-Môn, vì làm sứ đi đến đây mà sanh ra Sư. Sư còn nhỏ đã tính cần, có chí xuất gia. Thời Thiên Hoàng, Sư theo vị tăng Trường Niên Bà-la-môn, vị nầy vâng sắc được độ làm đệ tử. Gốc là người Phạm nên rất rành về tiếng Thiên Trúc, sanh tại Trung Hoa vào Đường, lại luyện thêm tiếng nói ở đây. Tam Tạng Địa-Bà-ha-la, Đề-Vân-nhã Na, Bảo Tư Duy, v.v... tất cả sách đã phiên dịch đều mời Trí làm chứng, kiêm độ tiếng với nhau. Niên hiệu Trường Thọ năm thứ hai, tại chùa Phật thọ ký ở Đông Đô, Sư tự dịch Quán Thế Âm Tụng, một quyển, không rõ về sau sách nầy ở đâu. Có Sa-môn Minh Thuyên, không biết người ở đâu, xuất gia học tập đều tại chùa Phật Thọ Ký, rất giỏi tỳ-ni và các Kinh Luận, vào niên hiệu Thiên sách vạn tuế năm thứ nhất, vua ban sắc lệnh sửa chữa mục

lục các kinh, Sư chuyên trách soạn lục, có những nghi vấn thì giữ lại, cùng với hai mươi mấy vị đại đức, cùng nhau tham khảo đính chính, đặt tên là Đại Chu Kinh Lục. Trí Thăng nói: Tuy sửa chữa có nhiều chỗ sai lệch, nhưng đã được lưu hành, thật khó lấy gì làm chuẩn mực, cho nên bộ lục nầy có nhiều kinh rời phẩm riêng, lộn xộn không giống nhau, khiến cho Trí Thăng phải cắt bỏ.

15. TRUYỆN TỊCH HỮU Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI CHU:

Thích Di-đà Sơn, Hán dịch là Tịch Hữu, người nước Đổ-Hóa-La, xuất gia từ thuở nhỏ, du hành các vùng Ấn-Độ, học khắp các kinh luận, Lăng-già, Câu-Xá rất thông suốt. Chí truyền tượng pháp, không ngại các vùng xa xôi hẻo lánh, vẫn chống gậy đi tới. Sư cùng Thật-Xoa-Nan-Đà cùng dịch Kinh Đại Thừa Nhập Lăng-già. Lại trong niên hiệu Thiên Thụ Sư và Sa-môn Pháp Tạng, v.v... dịch Kinh Vô Cấu Tịnh Quang Đà-La-Ni, một quyển, kinh nầy Phật nói cho Bà-la-môn Kiếp-tỳ-la Chiến-Độ nghe, để kéo dài thọ mạng, dịch xong dâng vào cung và từ giã nhà vua về quê. Thiên Hậu tặng lễ rất hậu để đưa tiễn.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 3

(Chánh truyện Mười Bốn vị, phụ thêm Ba vị).

1. TRUYỆN TRÍ THÔNG CHÙA TỔNG TRÌ Ở KINH ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Trí Thông, họ Triệu, vốn người ấp An ở Thiểm Châu. Xuất gia thọ giới cụ túc vào niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy. Hiểu nhiều Kinh luận, thuở nhỏ khôi ngô có chí làm du tăng bốn phương, vì vậy mà đến phiên kinh quán ở thành Lạc Dương học sách Phạn và tiếng Phạn, học đâu biết đó. Trong niên hiệu Trinh Quán có vị tăng từ bắc Thiên Trúc mang đến kinh Thiên Tý thiên nhãn bằng bản phạn, Vua Thái Tông ban sắc cho tìm những vị tăng học giỏi trong nước sung vào Phiên Kinh quán để chuốt văn, ghi chép, chứng nghĩa, v.v... Sư được chọn cùng với phạn tăng đối chiếu, dịch thành hai quyển. Vào niên hiệu Thiên Hoàng Vĩnh Huy năm thứ tư, Sư lại dịch Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát Chú một quyển, Quán Tự Tại Bồ-tát Tùy Tâm chú một quyển, Thanh Tịnh Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-La-Ni một quyển, gồm bốn bộ năm quyển. Sư giỏi về chữ Phạn, lại nghiên cứu thêm tiếng Hoa, khi đối chiếu phiên dịch đều sát nghĩa, khiến mọi người kính phục, lại nói Sư thực hành Du-già bí mật giáo rất có cảm thông. Sau không biết Sư mất ở đâu.

2. TRUYỆN TRÍ NGHIÊM CHÙA PHỤNG ÂN Ở KINH ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Trí Nghiêm, họ Úy Trì, vốn là con người họ Chất ở nước Vu-điền tên Lạc, tánh thông minh, thuộc chùa Hồng Lô, được ban Tả Lãnh quân vệ Đại tướng quân thượng trụ quốc phong Kim Mãn Quận công. Nhưng cảm thấy việc đời cực nhọc, chỉ nghĩ về việc cởi giầy (bỏ chức quan tướng). Vào tháng 5 niên hiệu Thần Long năm thứ hai, Sư dâng tấu biểu xin nhà thành chùa, vua ban sắc chuẩn y, tiếp theo cầu xin bỏ quan nhập đạo vào ngày 24 tháng 11, được sắc lệnh chấp nhận.

Sư xuống tóc vào ngày mồng 5 tháng 11 niên hiệu Cảnh Long năm đầu, nhằm ngày lễ sinh nhật của Hòa Đế, lại vâng lệnh ở tại chùa dịch kinh, kiểm chứng văn Phạn. Sư có công lớn trong việc sắp xếp các kinh thành bộ. Sư lại dịch Kinh Xuất Sanh Vô Biên Pháp Môn Đà-La-Ni, sau ở Thạch Miết cốc thực hành Pháp Đầu-Đà, lại được sung làm Thượng tọa của chùa Chí tướng ở núi Chung Nam, thể đạo dung hòa, giữ gìn sự thanh cẩn, sau không biết Sư tịch ở đâu.

3. TRUYỆN BẢO TƯ DUY CHÙA THIÊN TRÚC Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích A-nễ-chân-ma, Hán dịch là Bảo Tư Duy, người nước Ca-thấp-mật-la thuộc Bắc Ấn-Độ, thuộc dòng dõi Sát-Đế-Lợi, tuổi nhỏ bỏ nhà, lấy thiền tụng làm sự nghiệp, sau khi thọ giới, chuyên tinh luật phẩm, sự hiểu biết hơn hẳn mọi người, kiêm học chân tục. Nghiên cứu cái hay của Kiền văn chú thuật, lại thêm hóa đạo tâm, không quyến luyến quê nhà. Niên hiệu Thiên Hậu Trường Thọ năm thứ hai, Sư đến kinh thành Lạc Dương, được bố trí trụ tại chùa Thiên Hậu, bắt đầu công việc dịch thuật. Niên hiệu Thần Long Cảnh Ngọ đời vua Trung Tông, tại các chùa Phật Thọ Ký, Thiên Cung, Phước Tiên v.v... Sư dịch ra Kinh Bất không Chuyên sách Đà-La-Ni v.v... bảy bộ. Vào tháng 4, niên hiệu Thái Cực năm đầu đời vua Duệ Tông, Thái tử Tẩy Mã, Trương Tề Hiền v.v... ghi chép xong dâng vào nội cung, tháng sáu năm ấy vua lệnh cho Lại bộ Thượng thư Tấn quốc Công Tiết Tắc hữu thường thị Cao Bình Hầu Từ Ngạn Bá, v.v... xét định kỹ, nhập vào mục lục và ban hành. Kể từ sau niên hiệu Thần Long, Sư không còn làm việc phiên dịch, chỉ chuyên cần lễ tụng, tu các phước nghiệp, mỗi sáng sớm mài hương thành nước để tắm gội Phật, xong mới ăn uống, hằng ngày đều làm như vậy, ngoài y bát, hễ được bao nhiêu thì bố thí bấy nhiêu, sau nầy Sư xin xây dựng một ngôi chùa tại núi Long Môn, chế độ phong cách đều y theo Tây vực, vì vậy mà đặt tên là chùa Thiên Trúc, môn đồ bạn học đều cùng ở tại đây, do tinh thành mà chiêu cảm linh ứng thật nhiều. Sư thọ trên một trăm tuổi. Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 9, Sư qua đời tại chùa, được xây tháp thờ.

4. TRUYỆN BỒ ĐỀ LƯU TRÍ CHÙA TRƯỜNG THỌ Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG, ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Bồ-Đề-Lưu-Chí, người Nam Thiên Trúc, họ Ca-diệp thuộc dòng dõi Tịnh Hạnh Bà-La-Môn. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia với

ngoại đạo, học các luận như Thanh Minh Tăng Khư, v.v... với Bà-La-Sa-La, Lịch số, chú thuật Âm Dương, Sấm vĩ v.v... chẳng môn nào không thông hiểu, đến tuổi sáu mươi mới hồi tâm, biết sự trái nghịch của ngoại pháp, ngộ được sự sâu sắc của Thích môn, nên ẩn cư nơi sơn cốc, tu tập hạnh Đầu-đà, ban đầu học các kinh luận với Da-Xá-Sa Tam Tạng, sau đó đến năm vùng Ấn-độ, đi khắp các trường giảng. Cao Tông Đại Đế nghe tiếng tăm Sư. Niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ hai, vua sai sứ đón rước. Thiên Hậu lại càng trịnh trọng hơn, lệnh cho tại chùa Pháp Tiên phía đông Lạc Dương, dịch các kinh như Phật Cảnh Giới Bảo Vũ, Hoa Nghiêm v.v... gồm mười một bộ. Vào niên hiệu Thần Long năm thứ hai, đời vua Trung Đông, Sư lại ở tại chùa Sùng Phước, Sư dịch kinh Đại Bửu Tích. Vua Hiếu Hòa qua đời, Duệ Tông lên ngôi, ban lệnh cho Sư ở tại đình Cam Lộ thuộc ao Bạch Liên trong khu vườn ở phía Bắc, tiếp tục công việc dịch thuật, biên soạn hoàn tất, vua ban lời tựa ở đầu các bản, các kinh cũ mới gồm bốn mươi chín bộ, tổng cộng một trăm hai chục quyển. Ngày mùng 8 tháng 4, niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, Sư dâng vào cung. Trong dịch trường nầy Sa-môn Tư Trung Thiên Trúc đại thủ lãnh Y-Xá-La v.v... dịch văn Phạn. Sa-môn người Thiên Trúc, Ba-Nhược-Khuất-Đa, Sa-môn Đạt-ma chứng nghĩa, Sa-môn Lý Phương Tông, Nhất Tuệ Giác ghi chép, Sa-môn Thâm Lượng, Thắng Trang, Trần Ngoại, Vô Trước, Hoài Địch, Chứng Nghĩa, Sa-môn Thừa Lễ, Vân Quán, Thần Giản, Đạo Bản sắp xếp văn, lại có quan sửa Văn Lư Xán học sĩ Từ Kiên Trung Thư, Xá Nhân Tố Tấn, Cấp Sự Trung Thôi Cừ, Trung thư Môn hạ tam phẩm Lục Trượng Tiên, thượng thư Quách Nguyên Chấn, Trung thư lệnh Trương Thuyết, Thị Trung Ngụy Tri Cổ. Nho học và Thích học hợp thành sự toàn mỹ. Bửu Tích sử dụng nhân tài rộng rãi, Lưu Chí Vận công nhiều nhất, nhưng điều đáng buồn là xưa nay cùng dịch tất cả Đà-La-Ni câu cuối đều là Sa-phược-ha hoặc Sát-Bà-Kha, hoặc là Cặp-Bà-Kha, đều không có khảo cứu thanh thăng hay trầm, làm cho mạng chương có khác. Xác định phạm âm đều không có ý chỉ nhất định, đây chẳng phải Phạn tăng truyền tụng không đích xác mà do người cầu bút làm sai mà thôi.

Vào niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười hai, Sư theo vua đến Lạc dương trụ tại chùa Trường Thọ. Nhằm ngày mười bốn tháng mười một năm thứ mười lăm dặn dò các đệ tử ngày mùng năm dùng chay xong, để người hầu tan đi mới đi nằm nghỉ, bỗng nhiên Sư qua đời, thọ một trăm năm mươi sáu tuổi, vua nhận được tin, ban sắc cho Thí Hồng Lô Khánh, thụy hiệu là Khưu Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng,

sai nội thị Đỗ Hoài Tín giám hộ tang sự, xuất vật trong kho, cung ứng đầy đủ, dùng lễ bộ Vũ nghi, cờ xí, lọng hoa, huyên náo đầy đường. Ngày mùng 1 tháng 12, an táng ở phía Tây bắc Long Môn, phía nam thành Lạc Dương, có xây tháp và khắc bia đá để kỷ niệm.

Hệ rằng: Tang lễ bên Tây vực rất đơn giản. Hoặc có Quốc Vương hay tù trưởng mới long trọng, nhưng chẳng qua cũng là hỏa táng mà thôi, như ở Đông Hạ (Trung Hoa), tăng dùng Lỗ bộ để an táng thân, thật ít nghe thấy. Ô Hô! Đạo được tôn, Đức được quý, không nói đến việc kể công, đây chẳng phải là một việc hưng thịnh hay sao?

5. TRUYỆN HOÀI ĐỊCH CHÙA THẠCH LÂU Ở NÚI LA PHÙ ĐỜI ĐƯỜNG: (Bát-nhã Lực Thiện Bộ Mạt Ma).

Thích Hoài Địch, người Tuần Châu, trước nhập pháp tại chùa Nam lâu, La Phù, núi nầy một nửa ở dưới biển, một nửa trên đất liền, là nơi linh địa lý tưởng của các Tiên Thánh đến ở. Địch nghiên cứu với kinh luận đã lâu, thông hiểu rất nhiều. Bảy lược chín dòng, lại thêm tâm trì nghiên cứu nơi góc biển ở trước bến bãi, nên thường hay có vài vị Phạn tăng ngụ cư hay dừng chân ở đây. Địch học sách và tiếng Phạn do đó mà thông suốt.

Bồ Đề Lưu Chí mới dịch Kinh Bửu Tích, gọi Địch đến kinh thành chứng nghĩa, xong việc trở về Nam, sau nầy ở Quảng châu có một vị Phạn tăng mang một bản kinh trên lá Đa-la đến, thỉnh Địch cùng phiên dịch, thành mười quyển, tên là Kinh Đại Phật Đảnh Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm. Địch ghi chép ý chỉ kinh, sau mới viết lại thành văn bản, xong gởi kinh vào cung. Vào niên hiệu Càn Nguyên năm đầu, có Tam Tạng Bát-nhã Lực người Kế-tân, Bà-La-Môn Tam Tạng Thiện-Bộ-Mạt-Ma người Trung Thiên Trúc, Cố Thất Mật Tam Tạng Xá-Na, cùng mộ hóa vào triều. Vua ban chiếu cho Lực làm Thái Thường Thiếu Khanh, Mạt-Ma làm Hồng Lô Thiếu Khanh, cùng viên ngoại thả về quê cũ. Có cỗ cho rằng họ đều có mang kinh đến, bị Yến Triệu làm trở ngại nên không rảnh phiên dịch, vì thế cho quan phẩm là vinh hạnh.

6. TRUYỆN TỊCH MẠC CHÙA TỪ ÂN Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Mâu-ni Thất-lợi, Hán Dịch là Tịch-Mặc, Sư là người có phong cách cao thượng, độ lượng thẳng thắng. Vào niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ chín đời vua Đức Tông, Sư xuất phát từ chùa Na Lạn Đà đi về phía Đông, tự nói là từ bắc Ấn Độ đến chùa nầy xuất gia, thọ

giới, học pháp tại chùa nầy. Năm thứ mười sáu, Sư đến Trường An trụ chùa Hưng Thiện, năm thứ mười chín dời đến chùa Lễ Tuyền ở Sùng Phước, lại về chùa Từ Ân, được thỉnh làm việc phiên dịch, lại đem bản phạn của pháp sư Huyền Trang dịch ra Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-La-Ni, mười quyển, lại dâng lên vua Lục Trần Thú Đồ, vua vui mừng ban cho tặng phẩm rất nhiều. Ngày 19 tháng 6, nhằm niên hiệu Nguyên Hoa năm đầu, Sư nhập diệt tại chùa Từ Ân.

Tịch Mặc có nói rằng: Chùa Na-Lạn-Đà nước Ma-gi-đà thuộc Trung Thiên Trúc. Với chu vi bốn mươi tám dặm, gồm chín ngôi chùa chỉ có một cửa, là do gọi Thiên vương xây dựng, khi Sư còn ở đây thì chúng tăng ở đây có đến hơn mười ngàn vị, do đại pháp sư Xử Lượng Cương nhiệm. Các chùa vùng Tây vực không nơi nào lớn hơn nữa, theo sự phỏng đoán thì kinh Thủ hộ Quốc giới chủ là do Bát-nhã dịch, Mâu-ni chứng bản phạn, Hàn Lâm đãi Chiếu là Trí Chân chùa Quang trạch tự dịch ngữ, Viên Chiếu ghi chép, Giám Hư nhuận văn, Trừng Quán chứng nghĩa.

7. TRUYỆN LIÊN HOA TINH TIẾN Ở CHÙA LIÊN HOA NƯỚC KHÂU TỪ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Vật-Đề-Đề sần Ngư, Hán dịch là Liên Hoa Tinh Tiến. Vốn là người nước Khuất Chi. Tức nước Qui Tư, cũng gọi là Khâu-từ. Gọi đúng là Khuất-Chi, sứ thần nhà Đường vâng lệnh đến nước ấy, cửa thành phía Tây có chùa Liên Hoa. Sư trụ trong chùa nầy, hiệu là Tam Tạng Bí-Sô, với lòng chân thành thỉnh cầu của triều đình, dịch kinh phạn truyền về Đông Hạ, Tiến vui lòng chấp nhận, bèn dịch ra kinh Thập Lực, dùng ba tấm giấy thành một quyển, là về Phật ở tại nước Xá-Vệ nói. Trong vùng An Tây có núi Tiền Tiễn, dưới núi có già-lam, nước nhỏ giọt tạo thành âm thanh đáng yêu, người ở đó hằng năm cùng lúc nhóm các âm thanh đó thành một khúc điệu, cho nên gọi là Da-Bà-Sất-Kê. Khoaảng niên hiệu Khai Nguyên dùng làm tên khúc yết-cổ. Kỹ thuật khó nhất của nhạc công là hươ gậy. Chùa Liên Hoa Tinh Tiến ở gần những giọt nước nhỏ giọt. Kinh ấy do Sa-môn Ngộ Không cùng với kinh Thập địa hồi hướng luân, gồm mười một quyển mang đến vào niên hiệu Trinh Nguyên thỉnh được biên nhập vào tạng, do Viên Chiếu sao lục.

8. TRUYỆN GIỚI PHÁP TRỤ CHÙA LONG HƯNG Ở BẮC ĐÌNH ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Thi-La-Đạt-Ma, Hán dịch là Giới Pháp, vốn người Vu-điền, học nghiệp thông suốt, giỏi tiếng Hoa lẫn Phạn. Ở trong nước ấy là Đại pháp sư. Vào niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, Ngộ Không về đến Bắc Đình, Bản đạo Tiết Độ sứ Dương Tập Cổ, và chư tăng chùa Long Hưng đến thỉnh Sư làm dịch chủ, dịch kinh Thập Địa. Sư tự mình đọc văn phạn, đồng thời dịch ngữ. Sa-môn Đại Chấn ghi chép, Pháp Siêu nhuận văn, Thiện Tín chứng nghĩa. Ngộ Không chứng văn Phạn, lại dịch kinh hồi hướng luân. Dịch truyện vừa xong, viết chép sắp kết thúc, gặp Bắc Đình tuyên uý trung sứ Đoàn Minh Tú xong việc trở về, cùng với Bắc Đình tấu sự quan Ngưu Hân An, tây tấu sự quan Trình Ngạc, v.v... theo nhau vào kinh, vì Sa Hà không thông, phải đi vòng theo đường xấu, bản phạn được cất lại chùa Long Hưng, chỉ mang bản dịch vào kinh, công việc dịch thuật của Sư mới kết thúc, lại trở về Hoát Đan, Hoát Đan gọi là Vu-Độn là cách gọi của người ở phía bắc thông lĩnh, nếu theo tiếng của năm xứ -Độ là Cù-Sát-Đát-Na, Hán dịch là Nhũ Quốc, cũng gọi là Địa Nhũ.

9. TRUYỆN LIÊN HOA ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Liên Hoa, vốn là người Trung Ấn-Độ. Vào niên hiệu Hưng Nguyên năm đầu, Sư chống gậy đến yết kiến vua Đức Tông, xin một cái chuông để đem về Thiên Trúc sử dụng. Vua ra lệnh cho tiết độ sứ Quảng Châu là Lý Phục đúc xong chuông, đưa đến chùa Kim Đôi ở nam Thiên Trúc, Liên Hoa an trí chuông nầy trong tháp Tỳ-lô-giá-na ở nước Bảo Quân, sau đó lấy phần sau kinh Hoa Nghiêm bằng bản phạn gởi thuyền trở về để làm tin, Tam Tạng Bát-nhã ở tại chùa Sùng Phước dịch thành bốn mươi quyển. Thuyết cho rằng bản Phạn vốn là của nước Ô-Đồ ở Nam Thiên-trúc hiến cho Thiên Tử Trung Hoa. Sách nói rằng: Liên Hoa tự tay viết trăm ngàn bài kệ tụng kinh Hoa Nghiêm nói Đồng Tử thiện tài năm mươi lăm vị thánh, thiện tri thức nhập vào cảnh giới giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, Phổ Hiền hạnh nguyện phẩm v.v... kính dâng lên vua nguyện ở trong hội Long Hoa. Phụng cận rằng: vào niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ mười một, đến tháng sáu năm sau, vua ban chiếu phiên dịch tại chùa Sùng Phước. Sa-môn Bát-nhã người nước Kế-tân tuyên đọc văn phạn, ngài Quảng Tế chùa Thiên Long ở kinh đô Lạc Dương dịch ngữ, Viên Chiếu chùa Tây Minh ghi chép. Trí Nhu và Trí Thông sửa văn, ngài Đạo Hằng, Giám Hư chùa Chánh Giác

ở phủ Thành Đô nhuận văn, Đại Thông chùa Thiên Phước chứng nghĩa, Trừng Quán và Linh Thúy thẩm định kỹ, thần sách quân hộ quân Trúng Úy Hoắc Tiên Minh tả nhai công đức sứ Đậu văn Trường ghi chép dâng lên, tháng hai năm thứ mười bốn thì giải tòa.

10. TRUYỆN PHI TÍCH CHÙA ĐẠI THÁNH THIÊN PHƯỚC ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Phi Tích vẻ người cao ngạo, hiểu biết hơn người, ban đầu học luật nghi, sau đối với pháp môn Thiên Thai nhất tâm ba quán. Cùng Sa-môn Sở Kim chuyên tâm nghiên cứu tu tập, lúc đầu dạo chơi chốn kinh thành, thường dừng chân tại chùa Thảo Đường ở ngọn Tử Cách thuộc núi Chung nam, được Bất Không giao cho việc truyền dịch, dần dần làm đảm nhiệm việc ghi chép và sửa văn. Vào ngày rằm tháng 4 thuộc niên hiệu Vĩnh Thái năm đầu đời vua Đại Tông, Sư Vâng Chiếu ở đạo tràng trong cung Đại Minh, cùng mười sáu vị Sa-môn nghĩa học là Lương Phấn, v.v... tham dự dịch kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã và Kinh Mật Nghiêm. Trước là vào thời Đa-la diệp, đồng thời là kệ tụng. Người đời nay dịch phần nhiều là văn xuôi. Bất không và Phi Tích, v.v... cùng Hàn Lâm học sĩ Liễu Kháng xét định rõ ràng lại. Phi Tích được bổ sung vào chứng nghĩa, Chứng Viên ghi chép, không hổ thẹn với chức vụ nầy.

Hệ rằng: Phi Tích ngoài việc nghiên cứu Nho Mặc còn được thỉnh soạn luận, như bia Sở Kim, v.v... của Trung Quốc Sư và Tấn Lăng, Đức Tuyên, Ngô Hưng, Trú Công, Đồng Lạp, Quảng Nguyên, không biết mai chết do tay người nào, nhưng Phi Tích và Đức Tuyên cũng có chỗ sơ suất, nguyên cớ là tô điểm quá sự thật, như Trụ Công hợp cùng một thể, trở ngại việc sắp xếp, chỉ là hư và thực không thể cùng ngày.

11. TRUYỆN TỬ LÂN CHÙA ĐẠI AN QUỐC Ở KINH ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Tử Lân họ Phạm người làng Đại Phạm, thuộc Càn Phong, Duyên Châu. Cha là Tuấn Triêu không ưa Tam Bảo, mỗi khi gặp chư tăng đứng ngoài cửa liền nhổ nước bọt. Có người hỏi lý do thì trả lời rằng: muốn đuổi đi. Lúc Lân mới vài tuổi thì nảy sinh tâm kính mến Cà-sa, vào những năm đầu niên hiệu Khai Nguyên, luật sư Khánh Tu chùa Quảng Ái ở Đông Đô thường hay giao du với vua Đại tông, đi qua nhà họ Phạm ấy. Lân hiện ra vui vẻ trên gương mặt, cầu xin xuất gia, Sư hỏi rằng: Cha mẹ nói sao?

Lân trả lời rằng: Đừng để cha mẹ biết, biết sẽ bị đánh đòn đó, thầy cứ đi trước, con theo sau, luật sư đi khoảng năm dặm, Lân đã theo đến, ở tại chùa học rất dễ mà học đâu biết đó, nên xuống tóc thọ giới gọi là Chí Lân. Đến năm thứ mười một, bổng nhiên nhớ cha mẹ bèn từ giã nhà chùa về quê thăm viếng, cha bị mù mắt, mẹ thì đã mất ba năm rồi. Vì vậy đến nhạc miếu cầu hồn mẹ để biết vui buồn dưới âm ty. Sư ngồi xếp bằng tụng kinh Pháp Hoa, tối hôm ấy, Nhạc thần quả nhiên hiện đến hỏi vì sao mà cầukhuẩn tha thiết như vậy?

Lân rằng: Mẹ tôi họ Vương chết đến nay đã mãn tang xin hỏi Đại Vương hiện nay bà ấy ở đâu?

Vương gọi quan sổ bộ tra xét cho hay rằng: bà Vương bị trói dưới ngục chịu khổ.

Lân hỏi: Mẹ tôi tội gì?

Vương nói: Bà ấy lúc sanh Hòa-thượng mà ăn hột gà, lại lấy bạch phó đầu sang nên bị tội như vậy.

Lân khóc lóc cầu khẩn xin miển.

Vương nói: Hình phạt đã có phần, không có cửa để thả nhưng vì pháp sư xin hãy đến núi mậu lễ tháp vua A-Dục, hoặc giả có thể được tha tội. Lân hỏi đường đi đến Cú Chuông sơn tự, cúi đầu sát đất mà van xin. Lân bỗng nghe tiếng gọi, nhìn thấy mẹ trong đám mây trên bầu trời nói rằng: Nhờ công đức của con nay mẹ đã sanh lên tầng trời Đao lợi nên đến báo tin với con. Bổng chốc biến mất.

Lân sau nầy cầu hiểu kinh luận đến nơi đến chốn. Đạt được tiếng tăm tốt, vơí tư cách danh tăng, được chọn vào cung nội miệng lưỡi lanh lợi, giỏi về đối đáp, ngự tiền khẩu chiến tự thuật hoàng đạo, áp đảo mọi người được vua ban tử phương bào, vua Đại Tông lên ngôi, lại càng ưa thích Phật, vào niên hiệu Vĩnh Thái, Bất Không dịch lại kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Mật Nghiêm, Sư cùng ngài pháp Sùng chùa Thiên Phước, Tuệ Tịnh chùa Tây Minh, Viên Tịch chùa Bảo Thọ, thay nhau chứng nghĩa, cùng Lương Bôn chuốt văn. Không biết Sư qua đời ở đâu. Ngôi tháp trước đây, Sư lễ hiện nay là nên của một am tranh nằm trên ngọn núi tranh ở phía sau chùa A-dục núi Mậu và giếng vẫn còn, giếng thật ra là cái ao vuông, nước xanh mầu bích, rong xanh rờn rợn, những nơi nầy là xa rời với du khách, nhưng lại được ngâm thơ tụng vịnh rất nhiều.

12. TRUYỆN BÁT-NHÃ CHÙA LỄ TUYỀN ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Bát-nhã, người nước Kế-tân. Dáng vẻ khôi ngô, giữ giới nghiêm chỉnh, làm Sa-môn nghĩa học tại kinh thành. Vua Hiến Tông tôn

sùng đạo Phật, rất muốn phiên dịch, nhưng lại có chuyện ở Tây thục, Lưu Tịch chống lại mệnh lệnh, vương Thừa Tông chưa bình được, triều đình còn lắm việc. Đến niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ năm, vua ban chiếu cho Triệu công bộ thị Lang, Quy Đăng, Mạch Giản, Lưu Bá Sô, Tiêu Miễn, v.v... đến chùa Lễ Tuyền, dịch ra kinh tám quyển, hiệu là "Bổn sinh tâm Địa Quán, bản phạn nầy là thời Cao Tông do nước Sư Tử dâng đến. Viết hoàn tất trình lên, vua xem xong soạn cho bài tựa, đặt ở đầu bản, Tam tạng thì ban lụa, các Sa-môn chứng nghĩa đều có tặng thưởng khác nhau. Trước đây, vào niên hiệu Trinh nguyên dịch phần sau của kinh Hoa Nghiêm bốn mươi quyển, đó là cống phẩm của quốc vương Ô-Đồ. Lúc ấy, đã ban y tía, sau nầy đại sư Pháp Bảo thỉnh tấu nhập vào Tạng kinh.

13: TRUYỆN NGỘ KHÔNG CHÙA CHƯƠNG KÍNH THƯỢNG ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Ngộ Không, người ở Vân Dương thuộc Kinh Triệu, họ Xa, cháu xa của Thác Bạt Hậu Nguỵ, Thiên tính thông minh lanh lợi, ham thích học sách vở, lòng hiếu thảo có tiếng trong thôn xóm. Đức của vua Huyền Tông khắp đến phương xa. Nước Kế-tân nguyện phụ thuộc vào Đại Đường. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ chín vua sai Đại thủ lĩnh Tát-bà-đạt-cán cùng Tam Tạng Xá-lợi đến việt-ma triều đình thình sứ tuần án. Năm sau, vua ban sắc cho các Trung sứ Trương Đạo Quang, đem quốc tín hành và hơn bốn mươi vị quan đến công cán tại Tây Vực. Lúc ấy, Ngộ Không chưa xuất gia, triều đình phong chức Tả vệ kinh Châu Tứ Môn phủ biệt, tướng lệnh tùy xứ từ Tây An lên đường, đến năm thứ mười hai, tới nước Kiện-Đà-La là thành phía đông của Kế-tân Quốc vướng làm lễ tiếp đón sứ Đường. Đoàn tiếp tục lên đường. Sư bị bệnh nên ở lại Kiện-Đà-La, trong lúc bệnh có phát nguyện hết bệnh sẽ xuất gia, bèn vào Xá-lợi-Việt-ma xuống tóc, hiệu là Đạt-Ma-Thác-Độ, Hán dịch là Pháp Giới, bấy giờ là niên hiệu Chí Đức năm thứ hai đời vua Túc Tông, đến năm thứ hai mươi chín thì Sư thọ giới cụ túc ở nước Cá-Thấp-Di-la, Văn-thù-Thỉ-Niết-Địa làm thân Giáo sư. Ổ-Bất-Sằn-Đề làm yết-ma A-già-lợi, Đà-Lý Nguỵ-Địa làm Giáo hạ. Ở chùa Mông Đề, nghe giới luật, học luật nghi căn bản, nhưng bắc Thiên Trúc đều học Tát-bà-đa, sau nầy đi du lịch vài năm chiêm ngưỡng tám ngôi tháp, vì nhớ người thân quê nhà, nên cầu khẩn Bổn sư Xá-lợi-Việt-Ma, hai ba lần chấp thuận. Ma tự tay trao cho bản Phạn ba kinh Thập địa, hồi hướng luân, và Thập Lực. Cộng chung là một hòm, cùng với Xá-lợi

răng Phật làm tặng phẩm lúc chia tay. Sư đi từ đường phía bắc đến nước Đổ-Hoá-La. Trong năm mươi bảy phen chỉ có một ngôi thành hiệu là thành cốt xuất quốc, quả có biển nhỏ. Sư vòng xuống phía Nam, đất cát bỗng dao động, mây đen mưa to sấm sét rầm rộ, bèn chạy đến một gốc cây lớn, lúc nầy có rất nhiều người buôn bã đến đây, chủ buôn cho mọi người biết rằng: “Có ai mang Xá-lợi Phật hay dị vật chăng?”, bằng không sao mà thần rồng nổi giận như thế. Ai có thì hảy vất xuống biển đi chớ nên gây cho mọi người sợ hãi, nếu cất giấu thì phải gánh lấy hậu quả đó. Sư vì mang Lợi ích cho đông Hạ (Trung Hoa) nên khẩn cầu thần rồng thứ lỗi cho. Vì vậy mà trận mưa từ sáng sớm đến chiều tối mới được tạnh. Đến Qui-tư trụ tại chùa Liên Hoa gặp Tam Tạng pháp sư Vật-Đề đề Sần-Ngư, giỏi về truyền dịch, vì vậy Sư đem hộp kinh Thập Lục thỉnh Ngài phiên dịch, tầm đến bắc đình đại sứ phục mệnh. Sư đưa ra bản phạn. Vu-Điền Tam Tạng Giới Pháp là dịch chủ. Sư là người chứng văn Phạn và độ ngữ, dịch xong kinh Thập Địa, Hồi Hướng Luận, xong việc, theo Trung sứ Đoàn Minh Tú. Vào niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ năm đã đến kinh thành, được an trí tại sứ viện Dước Long Môn, dâng lên Xá-lợi răng Phật và kinh bản, vua giao cho tả thần sách quân biên chép, công đức sứ Đậu văn Trường, viết xong trình lên, sắc phong Không Tráng Vũ tướng quân Thí Thái Thường Khanh. Sư trở về chùa Chương Kính, kế trở về Vân Dương, thăm phần mộ cha mẹ, vì từ khi rời nhà đến nay đã bốn mươi năm, lúc nầy tuổi đã sáu mươi mấy, phiên dịch được ba bộ kinh, gồm mười một quyển, đều được biên vào kinh tạng.

14. Truyện Mãn Nguyệt ở Kinh đô, Đời Đường: (Trí Tuệ Luân).

Thích Mãn Nguyệt, người Tây Vực, vì đến Trung Hoa với mục đích chính là phiên kinh truyền đạo. Pháp môn Du-già nhất đều quán luyện đã đạt được nhiều thần hiệu, được chúng khâm phục. Khoảng niên hiệu Khai Thành Sư tiến dâng bản Phạn, gặp lúc ngụy Cam lộ đi chưa trở về, triều đình chưa phục hồi được kỷ cương, không rảnh phiên dịch. Giữa lúc nầy, Quốc Sư Ngộ Đạt Trí Huyền ưa học Thanh Minh, Lễ Nguyệt làm thầy, tình cảm qua lại, chỉ dạy chữ Phạn và duyên giới của âm chử, tiết-đàn tám chuyển mà được ý thú sâu xa.

Huyền nói: Lạ thay! Ta biết ngôn ngữ của đôi bên, vì vậy được mời phiên dịch các cấm chú, bèn cùng với Bồ-tát Phược-Viết Kim Cương Thức Địa dịch lại Đà-La-Ni tập bốn quyển. Lại Phật Vì Tỳ-Tuất-Đà Thiên Tử nói kinh Tôn Thắng một quyển, ghi chép rõ ràng ba lần ý

Phật. Ở đây trước đã có Đà-La-Ni tập mười hai quyển, bốn quyển mới biên chưa được vào tạng. Sư bất ngờ nhập diệt, tiếp theo có Tam Tạng Bát-nhã-chước-ca, Hán dịch là Trí Tuệ Luân, cũng là người Tây vực, thực hành pháp Đại-Mạn-Noa-La, đã thọ quán đỉnh làm A-xà-lê, giỏi về phương ngôn, thông về mật ngữ, mang căn bản của Phật pháp tức Đà-La-Ni, y cứ vào Tỳ-lô-giá-na, sanh ra vô biên pháp môn, người học tu giới định tuệ lấy làm tổng trì giáp thành, là pháp quan trọng nhanh chóng không gì hơn. Lại nói lời chỉ dạy gồm hơn mười lời, đều là then chốt của đại giáo, truyền cho đệ tử Thiệu Minh. Vào niên hiệu Hàm Thông khắc bia ghi truyện.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 4

(Chính Truyện Hai Mươi Mốt vị, Phụ thêm Bảy vị).

1. TRUYỆN NGÀI KHUY CƠ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Khuy Cơ, tự Hồng Đào, họ Úy Trì, người ở Trường An thuộc Kinh Triệu, trước Úy Trì thì cùng Hậu Ngụy đồng khởi, hiệu là Úy Trì Bộ, như các nước chư hầu ngày xưa ở Trung Hoa, sau khi nhập vào nội địa, lấy tên của bộ tộc làm họ. Ngụy Bình Đông tướng quân nói rằng: cháu sáu đời là Mạnh Đô sanh La Ca, là châu tây trấn tướng đời Tùy, là ông nội của Khuy Cơ Húy là Tông, Tả Kim Ngô tướng quân đời Đường, Tùng Châu Đô Đốc, Giang Do Huyện, Khai Quốc Công, Ngạc Quốc Công Đức là những người cha. Đường thư có ghi truyện, mẹ Bùi Thị đêm nằm mộng thấy nuốt mặt trăng mà có thai, thời thơ ấu Sư khác hẳn với các đứa trẻ khác, tụng tập thuộc lòng sáng suốt như thần. Trang sư trên bờ ruộng thấy Sư mặt mày sáng sủa khôi ngô, thật không sai là giòng giống của nhà tướng, vì vậy mà cố tình tranh thủ thâu làm đệ tử.

Người cha nói: Đứa trẻ thô xẳng này, làm sao dạy dỗ được.

Trang sư nói: Khí độ nhân tài này, ngoài tướng quân chẳng sanh, ngoài ta chẳng hiểu.

Người cha tuy chấp nhận lời thỉnh cầu của đại sư Huyền Trang, nhưng Khuy Cơ lại chống đối mạnh mẻ, yêu cầu phải chấp nhận ba điều kiện mới chịu xuất gia. Một: Không dứt bỏ tình dục, Hai: được ăn đồ máu tanh, Ba: Ăn quá giờ ngọ. Trang Sư vì muốn nắm bắt cho được, nên giả vờ chấp nhận. Cơ sau này mỗi khi đi đâu, đều phải cóba xe, một chở người đẹp cùng thức ăn, một chở kinh kệ và một tự ngồi, gọi là Tam xa Hòa-thượng.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 22, Khuy Cơ tự làm lời tựa rằng: Chín tuổi mất mẹ, ưa vui chơi, nhưng về chuyện ba xe, đó là chuyện đùa ngoài đời thôi. Năm mười bảy tuổi tham dự việc tu hành, bái Trang

sư làm thầy, ban đầu ở tại chùa Quảng Phước. Có lệnh tầm người thông minh sáng suốt, vào chùa Đại Từ Ân hầu hạ Trang sư, học tiếng năm xứ Thiên Trúc, giải quyết thắc mắc, mở lối rành rẽ, mọi người nghe đến đều thán phục. Gồm một trăm Kiền-Độ-Bạt-Cừ, hễ nhìn qua thì đọc không sai. Tuổi hai mươi lăm, vâng theo chiếu vua dịch kinh, giảng thông suốt Đại Tiểu Thừa giáo hơn ba mươi quyển, còn chuyên cần để ý về soạn thuật, sớ có trên trăm bản. Trang sư dịch Luận Duy Thức, ban đầu Sư và bốn người cùng làm việc cầm bút nhuận văn, xem xét ý nghĩa, vài hôm sau, Cơ xin rút lui. Trang sư hỏi tại sao?

Sư trả lời rằng: Đêm mộng thấy kim dung, sáng sớm cỡi ngựa trắng, tuy được cặn bã của pháp môn, nhưng mất chỗ thuần túy của nguồn mầu, không nguyện lập công lẫn lộn, nếu ý thành một bản, chịu trách cũng có chỗ trở về.

Huyền Trang chấp nhận sự yêu cầu của Sư. Dùng lý trách ab vị Hiền chỉ có Khuy Cơ, đây là lượng tài mà trao trách nhiệm. Lúc ấy, vừa phụ trách công việc soạn lục, vừa giảng sớ, không ngờ Pháp sư Trắc ở chùa Tây Minh cũng là người tài giỏi. Ở trường giảng Luận Duy Thức mua chuộc người canh cửa để lẻn vào nghe lén, nghe sơ qua mạch lạc, đã mấy lần tập hợp chúng tăng ở chùa Tây Minh giảng về kinh nầy. Cơ nghe hổ thẹn phải tuột hậu, trong lòng không được vui.

Tranh sư an ủi rằng: Trắc công soạn sớ chưa đạt Nhân minh, mà giảng luận của Trần-Na. Cơ rất giỏi về tam chi, ngang dọc lập phá, thuật nghĩa mạng chương, trước giờ không ai sánh bằng. Cơ thỉnh Trang sư giảng Luận Du-già cho riêng mình, lại bị Trắc Công nghe trộm về giảng trước. Trang sư nghĩ rằng: Ngũ tánh tông pháp chỉ có ông mới thông hiểu, người khác không hiểu đâu.

Sau nầy Sư tự mình đến núi Ngũ Đài, lên Thái hành, đến ngôi chùa Cổ Phật ở Tây Hà, đêm mộng thấy thân mình ở giữa sườn núi. Nghe dưới hang núi có vô số người than vãn kêu khổ, bèn đi từng bước mà xem, đều là mầu pha-lê, nhìn thấy một ngôi thành, có tiếng gọi ra rằng: dừng lại, dừng lại Khuy Cơ chưa nên đến đây. Có hai thiên đồng từ trong thành chạy ra hỏi rằng: Ngài nhìn thấy chúng sanh tội khổ dưới núi chăng?

Sư đáp: Ta chỉ nghe tiếng mà không thấy hình.

Đồng tử trao cho lưỡi kiếm nói rằng: Ngài mổ bụng ra sẽ thấy.

Sư tự mổ bụng ra, có hai tia sáng rọi xuống dưới núi, nhìn thấy vô số người đang chịu những cảnh rất khổ, lúc này đồng tử vào thành lấy hai cuộn giấy và bút trao cho Sư, Sư nhận lấy. Đến sáng thức dậy, suốt

đêm qua trong chùa có ánh sáng, rất lâu mà không tắt, dò ra mới biết phát ra từ gáy một cuốn sách, đó là Kinh của Di-lặc Thượng Sanh, bèn nhớ lại những cảnh tượng trong mộng, ắt phải do Từ thị ban lệnh cho ta, soạn sớ thông sáng quyết lý, ban cho cây bút, trên ngọn có gắn mười bốn hạt Xá-lợi, màu hồng đáng yêu.

Có thuyết nói rằng: Sư đến Thái Nguyên truyền pháp mang theo ba xe: xe trước chở kinh kệ, xe giữa tự ngồi, xe sau chở kỹ nữ và thứa ăn, trên đường gặp một ông lão, hỏi rằng: Xe chở người nào?

Gia quyến.

Hiểu pháp tinh thâm như vậy mà mang theo gia quyến sợ rằng không hợp.

Sư nghe vậy, lập tức ăn năn những điều sai trái trước đây, bèn tự đi một mình. Ông lão ấy tức Bồ-tát Văn-thù, trên đây cũng là lời nói dựa theo thời thế mà thôi, thử hỏi lúc theo Trang sư ở tại Cung Ngọc Hoa, giữa lúc tham gia phiên dịch, ba cỗ xe ấy để ở đâu nhỉ? Sư hóa độ tùy nơi, người được lợi ích rất đông, phía đông đi đến Bắc lăng, được thỉnh giảng kinh Pháp Hoa, còn soạn đại sớ, mỗi khi về đến bổn tự, thường hay tới lui với đồng nghiệp cũ, thường đi yết kiến Tuyên luật sư, mỗi khi có sứ giả của Thiên vương đến làm việc, Sư thường hay lẩn tránh, hôm sau mới đến, Tuyên trách trễ nãi.

Sư trả lời rằng: Vừa rồi Bồ-tát Đại thừa ở đây, thiện thần theo hầu quá đông, con vì bị thần thông cản trở, đành phải vậy thôi!

Niên hiệu Vĩnh Thuần năm đầu, Sư cáo bệnh, đến ngày 13 tháng 11, Sư qua đời tại Phiên kinh viện chùa Từ ân, thọ năm mươi mốt tuổi, an táng tại Bắc cừ ở làng Phan, dựa bên cạnh mộ của Huyền Trang, đệ tử thương xót vô cùng, trong đám táng mang tang trắng đen đầy sơn cốc.

Lúc còn sống, Sư thường mạnh dạn tạo tượng Di-lặc, đối trước tượng nầy hằng ngày tụng giới Bồ-tát một biến, nguyện sanh Đâu-suất, khắp mình bèn phát ánh sáng rực rỡ, lại còn ở núi Ngũ Đài tạo tượng Bồ-tát Văn-thù, bằng đá trắng, viết kinh Bát-nhã bằng chữ vàng xong cũng phát ra ánh sáng lạ, đệ tử nối nhau tôn thờ Sư làm chiết trung, xem như Huyền Trang vậy. Vào tháng 7 niện hiệu Thái Hòa năm thứ 4, dời tháp xuống đồng bằng, Sa-môn chùa Đại An Quốc cho kiểm soát lại tháp đình, phát hiện hàm răng bốn mươi cây vẫn còn nguyên vẹn, trắng như ngọc, mọi người cho rằng là một tướng của Phật! Nay các chùa Phật trong nước đều hạ có đồ hình, gọi Sư bằng hiệu: Bách bản sớ chủ chân. Cao Tông đại đế soạn bài tán rằng: Huyền Tông hoàng đế nhưng cơ

khôi ngô đường đường có chí khí thế oai hùng, với tâm từ bi cưu giúp. Dạy người không mệt mỏi. Đó là biểu tượng tự thiên nhiên. Sau khi Sư yên nghỉ, chung quanh quay vòng rấm vóc, đầu kê gối ngọc, khuôn mặt hùng vĩ, hai tay chéo lại, ngón như ấn khế. Sau khi nhập diệt có nhiều tên gọi khác nhau, trong Từ Ân truyện có ghi rằng: Vào niên hiệu Long Sóc năm thứ ba, Huyền Trang dịch xong kinh Bát-nhã tại cung Ngọc Hoa, ngày 22 hai tháng 11 năm ấy, gọi Đại Thừa Cơ dâng biểu thỉnh vua soạn chế lời tựa, đến ngày mồng 7 tháng 12 thông sự Xá nhân Mã Nghĩa tuyên, do vậy nên nói: Linh Cơ khai nguyên Lục là Khuy Cơ, nếu gọi Thừa Cơ là sai, gọi Đại Thừa Cơ ấy, là do Tuệ lập Ngạn Tông, không hoàn toàn bác bỏ là: Đại Thừa Cơ, nghe không được suôn tai, nên gọi là Thừa Ân pháp sư.

2. TRUYỆN ĐẠO THẾ CHÙA CHÙA TÂY MINH Ở KINH ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Đạo Thế tự Huyền Uẩn, họ Hàn, tổ tiên là người Y Quyết. Đời ông nội làm quan tại kinh Triệu. Lúc mới sanh thì khù khờ nhưng dần dần thông minh, thường ghét cát, hay cứu giúp loài kiến, được cha mẹ yêu chuộng, năm mười hai tuổi, Sư xuất gia tại chùa Thanh Long. Từ chấp đức bình, nghiên cứu luật Tông, tìm đọc sách vở, đặc biệt ham mộ thượng thừa, sáng tỏ thật tánh. Vào niên hiệu Hiển Khánh, kinh luận của Huyền Trang chưa được chiếu đem vào cung, các đại đức chùa Từ Ân thay nhau hành đạo, Sư cũng dự tuyển. Hoàng Thái tử xây chùa Tây Minh, vì Sư mặt mũi xuất chúng nên được tuyển chọn. Lúc luật sư Đạo Tuyên đương hành luật, Sư dựa theo dự thính, đồng đuổi theo xe năm bộ, cùng dẫn dắt khuôn phép cho ba thừa, cho là xưa nay nhiều người chế tác nối nhau, tuy nhã thú đẹp nhưng từ chưa đủ để làm truyện ký, vì nắm lấy văn vẻ, ngửi đại nghĩa mà ngưỡng phục, y cứ vào loại biên lục mà gọi là Pháp Uyển Nghĩa Lâm, tổng cộng có một trăm thiên, đóng thành mười pho, bắt đầu từ kiếp lượng, kết thúc là tạp ký. Các bộ đều có bài tựa riêng, để người đọc dựa theo từng môn, từng bộ mà tìm, cũng như đề cương vậy. Sự dụng tâm của Sư tròn mười năm, đến niên hiệu Tổng Chương là hoàn tất, do Lan Đài Lang, Lý Nghiêm soạn lời tựa, lại tiếp tục biên soạn Thiện Ác Nghiệp báo và Tín Phước luận, gồm hai mươi ba quyển. Đại tiểu thừa thiền môn quán, và Đại Thừa quán, gồm chung mười một quyển, thọ giới nghi thức, Lễ Phật nghi thức gồm sáu quyển. Tứ Phần Luật Thảo Yếu năm quyển, Kim Cương kinh Tập Chú ba quyển. Tất cả mười bộ một trăm năm mươi ba quyển. Sư có rất

nhiều trước thuật. Không biết Sư mất ở đâu, tên gọi để tránh với miếu vua Thái Tông là Đa Hạnh, nên người đương thời là Huyền Uẩn.

3. TRUYỆN PHỔ QUANG CHÙA ĐẠI TỪ ÂN Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG: Thích Phổ Quang, tính thông minh, xin theo thờ Tam Tạng Huyền Sư, lòng siêng năng hơn mọi người, đến khi trí tuệ khai thông có thể ví dục với tuần hoàn, nghe ít mà chứng nhiều, Trang sư đã âm thầm chấp nhận. Chưa tham gia phiên dịch, tiếng tăm đã nổi, có thể sánh bên cạnh với Tam Tạng. Huyền Trang, ý nghĩa của Câu-Xá cổ có nhiều thiếu sót, tự mình đem bản Phạn dịch lại, theo trí nhớ truyền lại cho Quang, phần nhiều là dựa theo truyền nghĩa của Tát-Bà-Đa, sư Quang vì trước sớ giải phán rằng: Sớ ấy xoay vần lại lược ra mười quyển, Sư lại thường hay theo Trang sư đến cung Ngọc Hoa dịch kinh Đại Bát-nhã, công cán đóng góp rất đáng khen. Lúc ấy, được gọi là Đại Thừa Quang. Kể từ Trang sư sáng lập dịch ký cho đến viên tịch tại Cung Ngọc Hoa trọn hai mươi năm, dịch ra kinh và Luật luận Đại Tiểu Thừa gồm bảy mươi lăm bộ, tổng cộng là một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển. Bảy, tám phần là do chính tay Phổ Quang ghi chép.

4. TRUYỆN PHÁP BẢO CHÙA ĐẠI TỪ ÂN Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Pháp Bảo, cũng là đệ tử tài giỏi học pháp của Tam Tạng Huyền Trang, tính lanh lợi, Trang vừa dịch xong Luận Bà-Sa. Sư có thắc mắc, xin thầy chỉ dạy. Huyền Trang riêng dùng mười sáu chữ riêng nhập vào luận để ngăn từ khó. Sư thưa với ngài Huyền Trang rằng: hai câu, bốn câu nầy là có hay không trong bản Phạn? Huyền Trang nói: ta lấy nghĩa ý châm chước theo tình mà làm.

Sư nói: Thầy có nên bớt phàm ngữ mà thêm Thánh ngôn lượng chăng?

Huyền Trang: Điều này không được, ta đã biết.

Kể từ đấy, Sư hiên ngang lên xuống trong cửa của Huyền Trang, đến lúc làm Lục Ly hợp thích nghĩa và tông Câu-Xá lấy Sư làm định lượng vì Quang sư thường hay cùng các thầy Ca-thấp-di-la và Lễ ký sửa chữ, giữa lúc ấy Quang và Sư là ánh sáng của thập môn. Sau này Sư tham dự dịch trường của Nghĩa Tịnh, cùng với Pháp tạng, Thắng Trang làm chứng nghĩa, lúc này Sư rất nổi tiếng.

5. TRUYỆN VIÊN TRẮC CHÙA TÂY MINH Ở KINH ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG: Thích Viên Trắc thuở nhỏ thông minh, trí tuệ mở mang, Tam Tạng Huyền sư giảng luận Duy Thức mới dịch cho Khuy Cơ nghe thì Viên Trắc mua chuộc người canh cửa cho vào nghe lén, lúc trở về gom góp thành nghĩa chương, ở chùa Tây Minh đánh chuông nhóm họp tăng chúng lại cũng gọi là giảng Luận Duy Thức; đến khi Trang sư giảng Du-già, thì Sư cũng nghe trộm như lúc trước, rồi cũng về giảng lại. Thời Thiên Hậu, Sư được chọn vào Dịch Kinh Quán và dịch kinh Đại Thừa Hiển Thức. Sư đảm nhiệm chứng nghĩa và soạn Duy Thức Sớ Sao, giải thích tỉ mỉ kinh luận, phân bố lưu hành trong nước.

6. TRUYỆN NGUYÊN KHANG CHÙA AN QUỐC Ở KINH ĐÔ ĐỜI ĐƯỜNG: Thích Nguyên Khang vào niên hiệu Trinh Quán du học ở kinh ấp, hình dáng mập mạp mà lùn, tính mạnh mẽ, nghe ít hiểu nhiều, được cùng trang lứa tuổi kính nể, ban đầu ở nơi sơn dã, kiên trì tụng kinh Quán Âm Bồ-tát để cầu thêm trí tuệ.

Sư cảm nhận con nai có cặp sừng chia ra tám nhánh, hình thù thật tuyệt vời, dùng tay vuốt ve mà tuần phục, bèn nuôi dưỡng nó, để cỡi đi xa, chưa hề thấy nó mệt mỏi. Sư dùng văn Tam luận chất lên lưng nai, lại mang theo chiếc xe nhỏ cột theo sau đuôi. Kéo vào kinh thành, ý muốn làm trò đùa cho kẻ chưa đạt được tánh không, để xe ta cán cho ngộ chân lý.

Có một nông dân mặc áo vải đang cày ngoài ruộng, đâu đội nón tre, rộng một trượng hai, ăn mặc kỳ lạ như vậy làm cho người qua đường dừng lại nhìn. Vào kinh thành gặp một Pháp sư đang tập giảng kinh hóa đạo, Sư đến gần bên tòa, bèn y theo nghĩa đã giảng mà hỏi lại đến mấy trăm lời, mọi người đều kinh ngạc vì Sư có biện tài hay như thế. Sư đùa với Pháp sư rằng: Đào ngọt không đậu trái, lý chát mà trái oằn nhánh.

Pháp sư nói: Luân vương ngàn người con, ông cụ ở ngõ cụt chẳng có con cháu, hàm ý là nói Sư không có đồ đệ.

Sư nói: Tạng của Đan là màu đỏ, Tạng của tất là mầu đen, màu đỏ của thầy chẳng phải là đỏ, màu đen của thầy cũng chẳng phải là chì hay mực. Mọi người đều cho rằng: từ Lý rõ ràng, chẳng phải Đại sĩ thùy tích đó sao? Nhà vua nghe vui mừng nói rằng: Đời nào mà chẳng có người ấy, bèn vời vào chùa An Quốc, giảng Tam luận này, lại soạn sớ giải về lý của Trung quán, lại soạn riêng Huyền Khu hai quyển, nói chung về tôn chỉ của Trung Bách môn, sau Sư mất ở đâu không rõ.

7. TRUYỆN TĨNH MẠI CHÙA PHƯỚC TỤ Ở GIẢN CHÂU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Tĩnh Mại người ở Tử Đồng, lúc còn bé đã giữ lấy ý chí thanh cao, đặc biệt nghiên cứu về kinh luận, tính khí trầm lặng, không thích vui chơi bè bạn, du hành thì phải chọn nơi, vì vậy mà đến kinh thành.

Vào niên hiệu Trinh Quán, nhằm lúc Huyền Trang từ Thiên Trúc trở về, vâng lệnh Thái hậu Thái Mục xây dựng chùa Quảng Phước ở kinh đô để phiên dịch kinh sách, cần phải mời một số đại đức rành về các kinh luận đại tiểu thừa, rốt cuộc chọn được mười một vị, Sư cũng được chọn ở tại chùa Từ Ân cùng với Thê Huyền chùa Phổ Quang, Minh Duệ chùa Quảng Phước, Biện Cơ chùa Hội Xương, Đạo Tuyên chùa Phong Đức núi Chung Nam, cùng chấp cầm bút ghi chép, phiên dịch kinh bản sự bảy quyển. Sau, Sư Thần Phưởng ghi chép tại cung Ngọc Hoa, sau Sư soạn Dịch Kinh Đồ Kỷ bốn quyển, chú thích kinh mục xưa nay, người dịch, đơn vị, dịch lại hoặc nghi vấn v.v... đều được nhập vào kinh tạng.

8. TRUYỆN THUẬN CẢNH NƯỚC TÂN LA ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Thuận Cảnh người ở Quận Lãng, chú trọng về dịch học, nghe kinh, đó là xuất phát từ lẽ thiên nhiên, huống gì môn học Nhân Minh, Huyền Trang tinh nghiêm dạy lại, tăng ni người Hoa chưa đạt được nhiều, mà Sư đã được thông suốt, nếu không nhờ nhân duyên kiếp trước thì làm sao đạt được như vậy. Sư tiếp nhận được chân duy thức lượng của Huyền Trang bèn quyết định trái với bất định luân: Vì Chân nên cực thành sắc, định lìa nhãn thức, tự chấp nhận ba nhiếp đủ, vì không thuộc về nhãn cho nên giống như nhãn căn. Khéo dùng Tam tạng ẩn mật châu phòng, không rời nơi nhãn thức, như vậy khéo thành nghĩa khác. Lúc ấy, khuy có xem tác phẩm Đại thừa, nhận thấy những điều Sư còn chưa hiểu, mặc dù dựa theo kiến thức bên ngoài như vậy, nên than rằng: pháp sư Thuận Cảnh người Tân-la nổi tiếng ở Đại Đường và nước Phiên, học gồm Đại tiểu thừa, Nghiệp tôn sùng theo Ca-diếp, chỉ chấp hành nơi Đổ Đa, tâm ưa đơn giản, nổi tiếng nhờ ít muốn, đã ẩn nghề ở Tây Hạ mà truyền rọi đến phương Đông, tiếng tăm ngày càng nổi bật, thật là đáng nể. Bên ấy tuy là người tài không hiếm. Nước ngoài gọi là độc bộ, mà làm thì quyết định trái ngược với lượng trên đây.

Khuy Cơ nghĩ rằng: Người nước ngoài có trí tuệ lợi hại này mà gặp Ngài Huyền Trang, ngấm ngầm cơ phát khéo thành Tam Tạng.

Tiếc thay! Sư ở tại nước mình có khá nhiều tác phẩm, cũng có truyền đến Trung nguyên, dựa theo gốc Đại thừa pháp tướng liễu nghĩa giáo, xem trong kinh Hoa Nghiêm, bắt đầu từ phát tâm thành Phật mà thôi, bèn nẩy sanh phỉ báng không tin, có chỗ nói: Đang giơ tay, giơ chân gọi các đệ tử thì té xuống đất, dưới mặt đất từ từ nứt ra, bấy giờ thân còn sống mà đã đọa vào địa ngục. Nay vẫn còn lỗ rộng một trượng mấy. Thật đáng đau buồn gọi là Thuận cảnh Nại-Lạc-Ca.

Hệ rằng: Khúc sĩ không thể lấy lời nói mà bó buộc giáo. Vì người thích mầu trắng thì cho mầu đen là dơ, người thích mầu đen thì cho là mầu trắng dơ bẩn. Sư vì lòng sân mộ quá nặng, nghiệp mạnh mẽ tăng thêm, như bắn tên chốc lát rơi vào địa ngục, vậy sắp hạng cao tăng lấy vì dơ bẩn mà tự cho là tự thối hay sao? Pháp khó tin thì dễ mau hủy báng, hủy báng đâu chỉ một người, mà còn làm cho những người chịu ảnh hưởng đều rơi thẳng xuống ba đường, cho nên biết Thuận Cảnh là Bồ-tát Chân Hiển Giáo, huống hồ Triệu Thuẫn vì pháp mà chịu ác. Bồ-tát vì pháp mà vong thân, đây đâu có gì là lạ. Ngài chẳng thấy ngoại đạo Ni-kiền mỗi mỗi chỉ trích Phật, khiến cho Đề-bà bị hãm sống, sau nầy trong hội Pháp Hoa được thọ ký thành Phật, các ngài hãy lẳng lặng mà suy nghĩ.

9. TRUYỆN GIA THƯỢNG CHÙA ĐẠI TỪ ÂN Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Gia Thượng. Tuệ tính thiên tư, khí chất uy kỳ, siêng năng tiến tu, mục đích là phiên dịch, xa gởi tâm nơi cửa Tam Tạng Huyền Trang, khảo cứu Du-già-địasư và luận Phật Địa, nắm được nghĩa sâu của Luận Duy Thức. Theo Huyền Trang dịch kinh Đại Ba-nhã tại Cung Ngọc Hoa, phụ trách bổ sung chứng nghĩa và sửa văn, thể hiện rất xuất sắc, đến khi Tam Tạng bị bệnh, Tam Tạng sai Sư ghi chép đủ kinh luận Phiên dịch gồm bảy mươi lăm bộ, tổng cộng một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển, lại ghi chép tượng vẽ câu-chi một ngàn tấm, tạo mười pho tượng câu-chi, trong viết kinh phóng sanh, đốt đèn bảo Sư tuyên đọc. Trang chấp tay vui vẻ nói: Lòng ta toại nguyện rồi, người thay ta mà dẫn dắt thì không làm thất vọng đâu. Trang mất, có soạn sớ sao rất nhiều, bạn cùng môn cũng đông. Thời kỳ Thiên Hậu, Bạc trần Linh Biện v.v..., Dự dịch Trường chứng nghĩa, công đức chứa nhóm càng thịnh. Sư ban đầu theo hầu Huyền Trang dịch kinh tại cung Ngọc Hoa, đến hội đầu phẩm Nghiêm Tịnh Phật độ nói các Đức Phật, Bồ-tát dùng nguyện lực thần thông đựng mọi đồ quý trên thế giới Đại Thiên cùng các bông hoa

thơm cùng năm trần do ý vui sanh ra mà cúng dường trang nghiêm nơi nói pháp. Cùng tự chủ là Tuệ Đức, ban đêm thấy kỹ nhạc Nghiêm tịnh rộng rãi đầy đủ, lại nghe tam đường giảng pháp, hôm sau bạch lại với Trang, vui mừng phù hợp, không biết Sư mất ở đâu?

10. TRUYỆN TUỆ CHIỂU Ở TRI CHÂU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Tuệ Chiểu, tuổi nhỏ đã lanh lợi, bắt đầu vào trường học, tụng tập đều thông suốt, đến khi nhập pháp tu thân thì không trái phạm giới luật, được thời ấy gọi là "Chiểu-xà-lê", kế là chuyên học kinh luận, có tài phiên dịch truyện.

Từ khi Tam Tạng Huyền Trang về kinh, Sư thường hay để ý những chỗ sâu xa, sau nầy được gần gũi Đại thừa Cơ, lại càng hăng hái, đến khi Bồ-Đề-Lưu-Chí ở chùa Sùng Đức dịch kinh Đại Bửu Tích. Chiểu được chọn làm người chứng nghĩa, do pháp sư Thắng Trang người Tân-la ghi chép. Các Sa-môn có đại nguyện ngoài trần đều là những người tài ba một thời. Lúc ấy, Vũ bình Nhất được sung làm sứ. Lư Tạng cùng Lục Cảnh Sở làm tổng quản. Trung thư Thị Lang Thôi Thị Nhân hành hương đến phiên kinh Viện, than rằng: Các Thanh lưu đều ở đây cả, đâu nên cách ngại nhau, vì vậy tấu thỉnh cùng tham gia nhuận sắc tân kinh, lúc ban đầu Sư chứng nghĩa tại dịch trường Nghĩa Tịnh, phần nhiều là đính chính sai lời, lệch nghĩa, đều vâng theo chỉ định, không được vượt mức, sau nầy tự biên soạn các nghĩa sớ, hiệu là Tri Châu Chiểu.

11.TRUYỆN NGẠN TÔNG CHÙA ĐẠI TỪ ÂN Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Ngạn Tông, cầu pháp với Tam Tạng pháp sư, nhưng tài không bằng Quang Bảo, học tập khắp nơi. Về huyền học, và Nho học thì rất tinh vi, văn bút vượt hơn đồng bạn. Có Sa-môn Ngụy Quốc Tây tên Tuệ Lập, tánh khí ngạo mạn, lấy việc hộ pháp coi là nhiệm vụ của mình, soạn truyện năm quyển. Chuyên ghi về việc Tam Tạng trên đường đi Tây vực, trải qua sự nguy hiểm và khó khăn, v.v... Hiệu là Từ Ân truyện, lấy tên chùa làm tên sách, lại đặt lời cuối cùng ở sau sách rằng: Vì ngại còn sót những cái hay, nên chôn cất dưới đất, đến khi sắp chết, mới gọi đệ tử đào đất lên. Bản gốc ấy mấy năm lưu lạc, nhưng tìm mua trở lại được, các đệ tử sai Mạng Tông theo thứ lớp sắp ra, lời tựa dẫn mà văn chưa chấp nhận, hoặc còn thiếu kém, phải nêu rõ lại, được gọi là Tiên thuật, có lời hỏi rằng Ngài và Tùy Ngạn Tông quan hệ thế nào?

Trả lời rằng: Đâu dám so với người đời xưa, chỉ là lòng kính mến như nhau nên lấy biệt hiệu giống nhau mà thôi.

Có thơ rằng: "Nói nhớ quân tử, ấm êm như ngọc, tự cho là bậc sĩ cao đẹp, mà người có chấp nhận vậy chăng?" Không biết Sư qua đời ở đâu.

12. TRUYỆN NGHĨA TƯƠNG NƯỚC TÂN LA ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Nghĩa Tương, họ Bộc, người Phủ Kê Lâm, lúc nhỏ tuấn tú dễ thương, lớn lên xuất gia, tiêu diêu nhập đạo, thiên tánh hồn nhiên, lúc tuổi lên đôi mươi, nghe xứ Đại Đường giáo tông hưng thạnh, nên cùng với Pháp sư Nguyên Hiểu đồng lòng đi về phía Tây, đến cửa biển, ranh giới của Đường châu, định đi thuyền lớn để vượt biển, bỗng bị mưa dầm trên dọc đường, bèn ở lại cái khám nhỏ bên lề đường để đụt mưa, đến sáng nhìn lại, thì ra là ở bên hài cốt của ngôi mộ cổ, trời vẫn còn mưa dây dưa không ngừng, khắp nơi đều là bùn lầy, khó mà bước chân, đành phải ở lại trong lò gạch, đêm chưa khuya đã có quỷ quái xuất hiện. Nguyên Hiểu than rằng: Đêm qua ở nơi mồ mã mà lại yên thân, đêm nay ở nhằm chốn quỷ mà bị quấy rầy, đã hiểu rằng tâm sanh nên các pháp sanh, tâm diệt nên khám mồ không hai. Lại ba cõi chỉ do tâm, muôn pháp chỉ do thức. Ngoài tâm vô pháp còn gì mà cầu, thôi ta không đi nước Đại Đường nữa, nói xong Nguyên Hiểu mang hành lý trở về.

Nghĩa Tương một thân đơn độc nhưng thề chết không lùi, năm sau được quá giang thuyền buôn đến Đăng Châu, tá túc tại nhà một tín đồ, nhìn thấy Tương mặt mày tuấn tú, ở lại trong nhà đã lâu, có một thiếu nữ tên là Thiện Diệu ăn mặt đẹp đẽ thường hay đến tán tỉnh, nhưng tấm lòng sắt đá của Tương không thể nào lay chuyển. Cô gái thấy trêu ghẹo không có kết quả, bèn phát tâm đạo, thệ nguyện sẽ đời đời kiếp kiếp quy mạng Hòa-thượng, học tập Đại thừa, thành tựu việc lớn, đệ tử đàn việt sẽ cung cấp tư duyên.

Sư lên đường, đến Trường An, ở chỗ Tam Tạng Trí Nghiêm tại núi Chung Nam, tổng tập Kinh Hoa Nghiêm. Lúc ấy, Quốc sư Khang Tạng là bạn đồng học. Cái gọi là biết ít biết nhiều, biết đầu biết đuôi, bình đức đã đầy rong chơi nơi biển tạng, xong lại tính trở về truyền pháp, mở lối dẫn dụ, trên đường về trở lại thăm nhà Đàn Việt. Cảm tạ việc mấy năm qua đã cúng thí, nhân tiện chờ đợi tàu thuyền. Thiện Diệu chuẩn bị mua sắm pháp phục và các đồ dùng, chất đầy một giỏ, khi đem đến bờ biển, thì thuyền đã ra khơi, Thiện Diệu chí nguyện rằng: Ta vốn thật tâm cung dưỡng Pháp sư, thì nguyện giỏ y nầy sẽ tiến về thuyền

ở trước, nói xong ném giỏ vào sóng biển, gió thổi thể như lông hồng lướt đi trên ngọn sóng, xa xa nhìn thấy tấp vào thuyền, lại thệ nguyện rằng: Ta nguyện hóa thân làm con rồng, để nâng đỡ con thuyền ấy đến nước kia truyền pháp, vì vậy mà săn tay áo nhảy xuống biển, năng lực nguyện khó dời, lòng thành ấy cảm ứng được thần linh, quả nhiên biến hình ra uốn mình lượn dưới đáy thuyền, nâng thuyền bình yên đến bờ bên kia. Sau Sư về nước, du ngoạn khắp nơi núi sông, đến nơi xa xôi hẻo lánh, những vùng khỉ ho cò gáy, cho rằng: Nơi đây là đất Linh, núi đẹp thật là nơi để quay bánh xe pháp. Không có tông phái, dị bộ nào nhóm họp giáo đồ khoảng năm trăm người. Sư thầm nghĩ như vậy. Đại Hoa Nghiêm giáo chẳng phải nơi đất lành thì không thể hưng khởi. Lúc nầy, rồng Thiện Diệu thường theo che chở, biết được ý nghĩa ấy, bèn biến thành Đại thần hiện ở trên không, hóa ra một khối đá lớn kê ngay trên nóc chùa, toòng ten lủng lẳng sắp rơi mà không rơi, chúng tăng sợ hãi, chẳng biết họa phước người ra sao, hoảng chạy tứ tán. Sư lập tức vào chùa đạo giảng nói kinh nầy. Ngày qua tháng lại không gọi mà tự đến rất đông. Quốc vương trân trọng cho ruộng vườn tôi tớ.

Sư từ chối rằng: Pháp ta bình đẳng, cao thấp bằng nhau, giàu sang một thứ. Kinh Niết-bàn nói tám thứ tài vật bất tịnh, đâu cần có ruộng vườn và tôi tớ để làm gì, bần đạo lấy pháp giới làm nhà, lấy trời đất mà qua năm, pháp thân tuệ mạng đều dựa vào đây mà sống.

Sư giảng về cây cối nở hoa, rồi lại nói về kết quả, người đến xem sự kỳ bí thì có vài người thông hiểu về lời dạy là phạn thể đạo thân, đều là chịu Ca-lưu-la mổ vỏ cứng mà bay ra. Sư quý trọng đúng như lời nói mà thực hành, ngoài việc giảng kinh thì siêng năng tu luyện, giữ trang nghiêm trong đất Phật, không ngại mọi khó khăn, thường hay thực hành cách tẩy uế của Nghĩa Tịnh, không cần khăn lau tự khô thì dừng, trì ba pháp y, bình bát, ngoài ra không có vật gì khác, hễ đệ tử thưa hỏi đều không dám vội vàng, chờ khi lẳng lặng mới gợi ý sau, Sư bàn tùy theo thắc mắc mà giải thích đều vướng mắc không còn dư sót. Tương tự mình vân du không nhất định, xứng với lòng mình thì ở, người học nhóm họp rất đông, hoặc là cầm bút ghi chép, những lời nói của thầy, như vậy cửa nghĩa tùy đệ tử mà dựng, như nói đạo Thân Chương. Hoặc lấy nơi ở mà đặt tên, như Thùy Huyệt vấn đáp, v.v... Mấy chương sớ đều nói về Hoa nghiêm tánh hải Tỳ-lô-giá-na Vô Biên Khế Kinh. Sư mất tại nước mình, Tháp thờ nay vẫn còn, hiệu Hải đông Hoa Nghiêm Sơ tổ.

13. TRUYỆN NGHĨA TRUNG CHÙA ĐẠI TỪ ÂN Ở KINH TRIỆU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Nghĩa Trung họ Doãn, người Tương viên, phủ Lộ, mới lên chín tuổi thì nãy sinh chí nguyện xuất gia, được Chiểu-xà Lê ở Tri châu nhận làm đệ tử, giống như con non mới sanh trong tổ phượng. Thời niên thiếu có biệt tài diễn giảng không vấp. Ban đầu Chiểu dạy cho kinh Niết-bàn, lúc ấy mới mười ba tuổi, tụng suốt liên tiếp bốn mươi quyển, mọi người đều kinh ngạc, gọi là không môn kỳ đồng, hai mươi tuổi đăng giới học, nghĩa lý của Tứ phân luật đều thông suốt, bên cạnh học Luận Thập nhị môn, hai bản đều có khả năng diễn giảng. Chiểu biết sư là con ngựa giỏi ngàn dặm nếu học tại đây e sẽ thất thời. Nghe Khuy Cơ ở Trường An mới soạn sớ chương, môn sinh mọi nơi đến học, nỗi tiếng khắp trong nước. Thầy trò cùng lên đường đến thọ giáo với Khuy Cơ, chưa đầy năm năm lại thông hai kinh năm luận, tức Pháp Hoa, Vô cấu Xưng và Bách Pháp, Nhân Minh, Câu-Xá, Thành Duy Thức, Duy Thức Đạo. Do vậy mà triển khai cho đệ tử rất nhiều. Vì cây sung được sức thì nhánh cũng sum suê, cạnh nghĩa môn lại mở ra cửa khác, bèn soạn Thành Duy Thức Luận Toản yếu, Thành Duy Thức Luận sao ba mươi quyển, Pháp Hoa Kinh Sao hai chục quyển, Vô Cấu Xưng Kinh Sao hai chục quyển, Bách pháp luận sớ, rất là quan trọng. Sau dùng để che, lấp sự thịnh vượng của Từ Ân, nay thịnh hành không hơn bản của Sư. Cái gọi là xếp các ngọc, hoa, huống hồ tiếng tăm của Khuy Cơ đang chiếu rọi như ánh mặt trời, khắp mọi nơi đều hướng về, dẫu ta có lòng trung thành chẳng qua cũng như cây đèn cầy mà thôi. Giờ đây tiếng tăm Nghĩa Trung cũng truyền đi khắp mọi nơi, hàng ngàn dặm quy về đây, truyền giữ không dám biếng nhác, chỉ hơn năm mươi mấy năm mà đã giảng các kinh trên bảy mươi lần. Đến bảy mươi hai tuổi, bỗng nhớ quê nhà xứ cũ, bèn trở về Chiêu Nghĩa, hằng ngày đều tụng giới luật hành đạo, mỗi khi ngồi, đều quay mặt hướng về Tây bắc, ngưỡng nhìn Cung Đâu-suất, trong thâm tâm mong rằng, lúc mãn thọ được gặp Thiên chủ. Lìa hẳn nơi phàm trược nầy, cuối cùng được chuyển y. Một hôm, sáng sớm tắm gội sạch sẽ, sửa sang dung nghi nghiêm chỉnh, nhìn trời mà lạy, như có cầu mong điều gì. Chốc lát ngồi xếp bằng, dặn dò lưu thông giáo pháp, xong bỗng nghe thấy mùi thơm đầy khắp phòng, mây trăng bay phấp phới trên không. Trung chấp tay ngước lên rằng: Tỷ khâu bẩn thiểu đâu phiền đến Đại Thánh đích thân đón rước, nói xong thì hóa. Người đạo tục trong thôn xóm cùng xây tháp để cúng dường. Toàn thân không hư hoại, đến nay vẫn còn nằm trên gò cao của làng Hà Đông.

14. TRUYỆN NGUYÊN HIỂU CHÙA HUỲNH LONG NƯỚC THIÊN LA ĐỜI ĐƯỜNG: (Đại An).

Thích Nguyên Hiểu, họ Tiết, người Tương Châu thuộc Đông Hải, tuổi nhỏ tự nguyện gia nhập pháp môn, theo thầy vừa học vừa ngao du không nhất định nơi ở, dũng khí phá vòng vây của nghĩa, hiên ngang trước văn đàn, thật mạnh mẽ oai hùng, tiến không lùi bước, cho nên Tam học đều thông suốt, xứ ấy gọi là đối địch với muôn người, tinh nghĩa nhập thần là như thế.

Vì mến mộ môn phái của Tam Tạng Huyền Trang chùa Từ Ân bên Đại Đường, Sư bèn cùng pháp sư Nghĩa Tương lên đường tầm đạo, không ngờ duyên kém dứt tâm trên dọc đường mà quay trở về, phát ngôn cuồng ngược, lại cùng với cư sĩ vào quán rượu, chơi gái, hoặc soạn sớ giảng hoa hòe, hoặc đàn ca múa hát lấy vui trong chùa miễu, hay là đóng cửa ở trong nhà, hay ngồi thiền trên núi, đều tùy ý mà làm. Lúc ấy, Quốc Vương muốn tổ chức cuộc Đại Hội Bách Tọa Nhân Vương Kinh, tìm kiếm những vị đức trọng tài cào, bản châu vì danh vọng mà tiến cử, các bậc đạo đức đều ghét hành vi của con người ấy, kiến nghị với nhà vua nên bác bỏ. Hiểu giờ đây chính thức không nơi nương tựa.

Giữa lúc nầy phu nhân của vua nổi bứu sau ót, thầy thuốc chữa trị không hiệu quả. Vua và vương tử, thân thuộc cầu nguyện ở các linh miếu trên núi, cạnh sông chẳng nơi nào không đến, có người lên bóng cho rằng: Hãy cho người đến nước khác tìm thuốc thì bệnh nầy mới lành. Quốc vương sai sứ vượt biển đến nước Đại Đường tìm y thuật, trên mặt biển mênh mông, bỗng có một ông lão từ trong sóng biển vượt lên thuyền rủ người sứ xuống biển xem cung điện uy nghiêm tráng lệ, gặp vua rồng tên là Kiềm Hải, cho sứ giả biết rằng: Phu nhân nước ngươi là con gái thứ ba của Thanh đế, trong cung ta có kinh Kim Cương Tam-muội, đó là Nhị Giác viên thông dạy cho Bồ-tát thực hành, nay bệnh của phu nhân vì tăng thượng duyên nên muốn gửi kinh nầy về nước ngươi truyền bá. Lúc ấy, bàn đem ba mươi tờ giấy sắp chồng lên nhau, trao cho người sứ rằng: Kinh nầy mang qua biển sợ có việc ma. Vua bảo dùng dao mỗ bụng sứ giả, để kinh vào trong đó, dùng thuốc đắp, vết mỗ lành lại như thường. Long vương lại nói: Về đến nơi hãy gọi Đại An thánh giả theo lằn mỗ mà lấy ra may lại, pháp sư thỉnh Nguyên Hiểu soạn sớ giải thích, phu nhân sẽ lành bệnh, dù cho thuốc Agià-đà trên núi tuyết cũng không hơn được. Long vương đưa lên mặt biển, lên thuyền về nước.

Quốc vương rất mừng, liền cho gọi Đại An Thánh giả đến, Đại

An là người không thể phỏng đoán được, ăn mặc kỳ quặc, thường hay ở xóm chợ, gõ đồng bát mà múa hát, miệng xướng Đại an, Đại an nối nhau, vì vậy mà có biệt hiệu như vậy.

Quốc vương có lệnh gọi An. An nói: Chốn cung đình từ nào đến giờ ta không thích vào, hãy nhanh chóng giáo cho Nguyên Hiểu giảng đi, người khác không được đâu!

Hiểu nhận được kinh nầy, đang ở Tương Châu, bảo người sứ rằng: "Kinh nầy lấy Bản giác, Thỉ giác làm Tông, hãy chuẩn bị cặp sừng để trên bàn, chính giữa để bút nghiên, trước sau đều ở trên xe bò mà soạn sớ, chia thành năm quyển. Vương chọn ngày giảng diễn tại chùa Huỳnh Long, giữa lúc ấy bị kẻ cướp trộm lấy sớ, bèn báo với vua, vua cho hoãn lại ba ngày, lục lại thành ba quyển gọi là lược sớ, đến khi vua quan đạo tục nhóm họp trong pháp đường, Hiểu trình bày có qui cách, giải thích theo tuần tự, bỗng búng tay có tiếng vang trong không gian, Hiểu lại mạnh dạn nói rằng: Trước đây khi chọn cả trăm cây đòn tay tuy ta chẳng được dự, nay chọn lấy một cây cột chỉ có một mình ta thôi, các vị Bồ-tát đều gục đầu hổ thẹn mà sám hối. Hiểu hiện tích hay biến hóa không nhất định, hoặc ném dĩa cứu chúng, hoặc phun nước chữa cháy, hoặc hiện hình ở nhiều nơi, hay sáu phương đều biến mất, những lời giải đều rõ ràng, sớ có hai bản quảng, lược, đều lưu hành trong nước, sau nầy lưu nhập vào Trung Hoa, về sau có vị Tam Tạng, dịch kinh đổi thành luận.

Hệ rằng: Long cung làm sao có bản kinh ư? Thông rằng: Kinh chép trong cung điện của rồng có tháp bảy báu, lời các Đức Phật nói các nghĩa sâu riêng có rương bảy báu, bên trong đựng kinh, đó là mười hai nhân duyên, tổng trì, tam-muội, v.v... vì kinh nầy rất thích hợp lưu hành ở thế gian, lại hiển bày thần dị của Đại An và Nguyên Hiểu, dựa vào trị bệnh cho phu nhân mà khơi lên đầu mối lớn lao của giáo pháp.

15. TRUYỆN THẦN KHẢI CHÙA SÙNG PHƯỚC Ở KINH TRIỆU ĐỜI CHU:

Thích Thần Khải, họ Quách, người ở Thái Nguyên, là con cháu của Lâm Tổng cuối đời Hán, gia đình nhiều đời làm quan, sau theo cha làm quan cho nhà Tần, thành người kinh Triệu, anh em có sáu người, Khải thuộc về con út, còn bé trí tuệ đã sáng suốt, lập chí khác hơn người, không ưa thích phù hoa, thề xin xuống tóc, bái pháp sư Minh Tuần làm thầy, đến khi đủ tuổi thọ giới, đối với nghĩa lý kinh luận Đại tiểu thừa đều thông, tai nghe miệng tụng dễ như nhuộm vải bông, bên

giảng nhiếp Đại thừa Câu-Xá Luận, sự lãnh ngộ ít có ai sánh bằng. Sau vì giảng kinh Tịnh Danh, gặp cổ sư phán rằng: Hay thì có hay mà chưa được rốt ráo bèn ở núi Bạch Triệu thuộc An Lục Soạn Sớ. Có thuyết cho là ở chùa Diệm Thạch Thành thuộc Việt Châu, tác phẩm của Sư vốn có tính khéo léo, dưới Nam Nham ở Diêm Khê rọi nước rửa mặt, hiện nay còn áo ấy mà nước đã khô cạn, trong khe đá u tối có cổ quan tài, người ta cho rằng: Khải qua đời an táng tại đây, lại có chỗ cho rằng Khải vì các chùa Từ Ân, Tây Minh độ Vương Công xuất gia và phiên kinh luận, các vị học tăng đạo cao hạnh tài đều được vời về kinh, phân phối ở tại chùa Sùng Nghiệp. Đến thời Thiên Hậu mới được ban hành sớ ấy. Sau Sư mất tại chùa nầy, đệ tử dời tháp ở phía nam vườn Tiêu diêu. Khải thật ra là môn đệ của Đại thừa Cơ.

Hệ rằng: Di tích của ngài Thần Khải sao lại có kinh triệu và Diệm Khê hai nơi như vậy. Đây là người có tiếng tăm khắp bốn phương, vì môn đệ di dời đi khắp nơi thường muốn lập di tích của Tổ tiên cũng đồng. Cũng như Diêm Khê, Khải đã từng đến đây.

16. TRUYỆN HỘI ẨN CHÙA QUẢNG PHƯỚC Ở KINH TRIỆU ĐỜI CHU:

Thích Hội Ẩn, không rõ người gốc ở đâu, tính khí tinh minh, rộng rãi tràn đầy. Ở nơi quê người giống như con hạc đứng trong bầy gà. Thiên triều lựa chọn người tài đức. Ẩn được chọn, niên hệu Lân Đức năm thứ hai, tại Tây Long Môn tu thư sở, cùng với mười vị như Huyền Tắc, v.v... chùa Tây Minh, được lịnh lược ra tinh nghĩa huyền văn của Nhất Thiết cả kinh ba mươi quyển, gọi là Thiền Lâm Yếu sao, xong tấu trình lên, lệnh được giấu trong lầu kín. Sư cũng thường hay tham dự phiên dịch.

17. TRUYỆN TĂNG VIỆN Ở HỔ KHÂU SƠN TỰ ĐỜI CHU:

Thích Tăng Viện, tự Biện Không, họ Uất, người ở xương ấp, thuộc Cao Bình. Mẹ họ Triệu, thụ thai nhằm ngày Thánh hiền thăng thiên ngao du, đến lúc sáu tuổi, theo mẹ đến tháp Xá-lợi, gặp tượng Thánh tăng. Sư vui mừng hớn hở, dường như gặp bạn cũ, vì vậy mà cầu xin mẹ xuất gia. Mẹ nhận thấy tuổi còn nhỏ nên chưa chấp nhận, đến năm mười ba tuổi mới được toại chí, làm đệ tử Pháp sư Tuệ Nghiêm chùa Hổ Khâu. Cách đối xử tự mình đã biết, tài học cũng hơn hẳn mọi người. Niên hiệu Long Sóc năm thứ hai vâng sắc xuống tóc, bèn theo Thiền sư Tuệ Tường thọ giới cụ túc, nghe pháp sư Thông giảng Tam luận tại

chùa Thường Lạc, hiểu sâu vô tướng, hoát nhiên dứt hết vướng mắc, phương tiện giải thoát, an nhiên độc ngộ, vì trí từ tâm chứng, bèn đến Thiền sư Dung ở Giang Ninh xin học tâm pháp. Nhiếp niệm ngồi thiền, các ma đều phục. Siêng cầu tinh tiến, thú dữ thường vây quanh, do đó được gọi là Phổ Văn Thanh Quang Bát Tuyệt, thường mặc một chiếc y nạp, đông hạ không đổi thay, dùng một giọt nước để giải khát vào buổi chiều, hoặc dùng vài hạt đỡ đói cho buổi sáng, hoặc trong gió tuyết lạnh vẫn lễ tụng không ngớt suốt sáu thời, hay trời nắng chang chang kinh hành vẫn không bỏ, hễ gặp lời khen tiếng tặng thì lặng câm, bị mắng trách hay chửi bới thì vui vẻ chấp nhận, mỗi khi hóng mát dưới gốc cây tùng thì mở lối suy tư sâu xa, khi ngồi bên cạnh suối trong, thì duyên theo ánh nước để làm văn, soạn Vũ Khâu Danh Tăng Uyển, một quyển, Chú Úc Tử, hai quyển, Văn tập ba quyển, đều là nghi biểu của đạo tục, làm khuôn phép cho mọi người. Vào niên hiệu Vĩnh Xương năm đầu, ngày 20 mươi tháng 12, Sư cảm nhận trong mình bị bệnh, nên gọi đệ tử nói rằng: Ta biết xác chết đến đâu cũng phải hôi thối, đó gọi là ly tội. Đệ tử đón rước mà dừng ở vườn Tĩnh Chí, phải Bắc đình Thông Ba, bỗng ngửi được mùi thơm kỳ diệu từ trên hư không bay xuống, Sư dặn dò ân cần, sau khi ta nhập diệt, hãy theo phong tục trong nước hỏa thiêu, nói xong chắp tay mà tịch, thọ năm mươi mốt tuổi, người tai gia xuất gia đều buồn bã, tiếc thương mắt thế gian đã nhắm. Đệ tử Tăng Nghĩa thay thế và Đàn Tín là Trĩ Sơn huyện úy, cùng vâng theo lời chỉ dạy của thầy, đúng như Pháp trà-tỳ, thâu lấy Xá-lợi xây tháp và khắc minh trên tháp.

18. TRUYỆN ẤN TÔNG CHÙA DIỆU HỶ NÚI CỐI KÊ ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Ấn Tông, họ Ấn, mẹ họ Lưu, khi bắt đầu mang thai, nhà kế bên cạnh nhìn thấy một vị Sa-môn khoan thai từ từ bước vào nhà họ Ấn, nói với Bà Lưu rằng: Ta sẽ làm con bà. Bà Lưu cũng nằm mộng thấy như vậy, từ chối không được. Cha thì nằm mộng thấy một đứa bé, quỳ trao chiên-đàn hương cho Lưu thị. Bà Lưu nhàm chán đồ tanh, hễ ngửi đến mùi tanh thì ụa mửa dữ dội. Sau đó sanh ra Sư và lớn lên.

Khi lớn lên theo thầy tụng thông làu kinh điển, cuối cùng là tinh giảng Kinh Niết-bàn. Niên hiệu Hàm Hanh năm đầu, đạo hóa thịnh vương tại đô thành, Sư vâng sắc đến trụ chùa Đại Ái Kính, nhưng từ chối không nhận, mà đến kỳ núi xuân đông thọ giáo về Thiền pháp với Đại sư Hoằng Nhẫn, lại đến Phan Ngưu gặp Thiền sư Tuệ Năng, giữa

vấn đáp với nhau, về những huyền lý sâu sắc. Khi trở về quê nhà, Thứ sử Vương Trụ Lễ trọng về tín ngưỡng thỉnh Sư lập giới đàn để độ người, có hàng mấy ngàn người đến dự, Sư vâng sắc vào nội cung, tạo tượng lớn Từ thị, biên soạn Tâm yếu tập, ghi chép Tổng lục từ đời Lương đến đời Đường, những lời nói của bậc Hiền, lại vâng sắc thiết lập giới đàn ở các chùa trong vùng Giang Đông để độ người, lại biên soạn Bách Gia Chư Nho Sĩ Tam Giáo, văn ý nói về Phật pháp, kết lại thành tập, bút pháp càng cao, soạn thuật lưu truyền càng rộng. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, ngày 21 tháng 2, Sư qua đời, thọ tám mươi bảy tuổi, di chúc vâng theo pháp táng Luân Vương, lập bài minh trên tháp.

19. TRUYỆN TÔNG TRIẾT CHÙA SÙNG PHƯỚC Ở PHỦ THÁI NGUYÊN ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Tông Triết, người ở Bình Dao thuộc Hà Tây, tuổi nhỏ đã có Kỳ tướng, thông minh sáng suốt, đã tìm thầy học lễ nghi ứng xử, xong học tiếp các kinh luận của Huyền Trang mới dịch. Triết y cứ vào pháp môn ấy thưa hỏi không thôi, vài tuần sau, tất cả kinh điển đều thấy được ý chỉ như thấy chỉ trong lòng bàn tay, trong môn đồ của Huyền Trang Sư được gọi là Đắc ý. Sau vì giảng xướng nghĩa ngày càng đổi mới, đương thời gọi là pháp giang. Sư nói: Ta mang ân phẩm nầy thật không biết biển pháp pháp rộng mênh mông hơn cả đồng bằng. Chỉ nêu được cái hòn nổi trên biển cả mà thôi, Sư thương xót cho người học không đạt được ý nên làm trái ngược với thầy, bèn biên soạn nghĩa lệ, đó là điều cầu mong của mọi người trong nước, như trong thí dụ nói ba điều của Phật vị. Pháp sư Chiểu nói: Ba điểm, ba mắt gượng phân trên dưới, thắng thua đều thuộc về hay dở. Sư nói: Ba việc đều được, nhưng không có thầy giỏi để định liệu, nên lui về mà suy nghĩ. Rốt cuộc là Triết đạt được điều ấy. Hiệu là Đắc ý, đâu phải là luống dối. Do đó, Chiểu trở thành thuyết của vị khác!

20. TRUYỆN ĐỨC CẢM CHÙA PHẬT THỌ KÝ Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Đức Cảm, họ Hầu, người o73 Thái Nguyên, nghi dung đẹp đẽ, học nghiệp tinh chuyên, mọi người cảm phục, siêng tu Luận Du-già, đặc biệt nổi bật, Thiên Hoàng Đại Đế dụng làm phiên kinh đại đức, Sư lại cùng Thắng Trang, Đại Nghi tham gia dịch trường ngài Nghĩa Tịnh, đối với lời ban thưởng thì đáp lại lòng thanh cao. Vua cảm nhận vui mừng mà phong cho chức Khai quốc công huyện Xương Bình, được

hưởng chế độ điền trang đến ba ngàn hộ. Nhà vua khen tặng rằng: “của báu như sông biển, tài năng như núi non, sớm khử đi tục lụy. Túc giải bụi trần, cửa Phật kính đức. Trời đất vang dội, thức á long thụ, tiếng vang như ngựa hý”. Được nhà Vua lúc bấy giờ kính trọng như thế, bài văn khen tụng nhà vua được lưu truyền khắp các nhà chùa. Sau nầy được bổ sung chức Đô Duy Na chùa Phật Thọ Ký ở Hà Nam. Về già, Sư làm chức cố vấn trong ngoài của chùa, năm mất tuổi đã sáu mươi. Biên soạn Nghĩa Môn Hành truyền bá ở đời, như bảy phương tiện cho người hồi tâm dần dần đốn ngộ, đối địch Pháp sư Trạm, cho nên giao tiếp rồi rút lui.

21. TRUYỆN PHÙ KHÂU CHÙA SÙNG PHƯỚC Ở TAH1I NGUYÊN ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Phù Khâu, họ Trương người Thái Nguyên, mặt mày sáng suốt lại bảnh trai, học Luận Du-già trở thành tinh bác, còn đọc thêm nhiều sách để phân biệt hay dở. Người học khắp nơi tranh nhau lập ra pháp môn, nhưng thông hiểu mà tuyên nói lọng cọng. Sư trầm lặng mà khiêm tốn, thể hiện những điều bình thường chưa ai biết. Lúc ấy, Triết công đã lộ mặt mũi, những người nỗi tiếng đã có sự chạm trán với nhau. Triết chỉ phục về nghĩa học của Khâu, cho nên gọi là pháp Hải. Sư thọ hơn bảy mươi tuổi, qua đời tại chỗ ở, nhưng chưa nghe có tác phẩm gì.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 5

(Chính Truyện Mười Bốn vị - thêm năm vị.)

1. Truyện Pháp Tạng Chùa Phật Thọ Ký ở kinh thành Lạc Dương đời Chu:

Thích Pháp Tạng, tự Hiền Thủ, họ Khương, người ở Khang Cư, phong độ chân chính lanh trí tuyệt vời, đi khắp Trường An, càng biểu lộ tài năng, được chọn vào hạng danh tăng, thuộc hệ phái của Trang sư dịch kinh. Trước làm các vào công việc, sau làm việc ghi chép, chứng nghĩa, nhuận văn do kiến thức bất đồng với nhau mà rời khỏi dịch trường. Đến đời Thiên hậu, sự truyền dịch của Sư mới làm nên số phận, lúc bấy giờ, Thật-xoa-Nan-Đà mang bản Phạn kinh Hoa Nghiêm đến, cùng với Nghĩa Tịnh, Phục Lễ dịch ra kinh mới, lại ở dịch trường Nghĩa Tịnh cùng Thắng Trang, Đại Nghi làm chứng nghĩa. Ngày xưa, Đỗ Thuận ở đôn Hoàng truyền Hoa Nghiêm pháp giới quán, Sư cùng đệ tử Trí Nghiễm giảng trao những bản dịch nầy, Trí Nghiễm giao phó cho Sư, Sư giảng kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch Võ Tắc Thiên nghe. Đến Thiên Đế võng nghĩa thập trùng Huyền môn, hải ấn tam-muội môn, Lục tướng hòa hợp nghĩa môn, phổ nhãn cảnh giới môn, các nghĩa chương này đều là Hoa Nghiêm tổng biệt nghĩa võng, giữa lúc nhà vua chưa biết quyết định ra sao, thì Sư bèn chỉ ngay con sư tử bằng vàng trên trấn điện làm thí dụ, vì vậy mà soạn ra pháp nghĩa môn, đường tất dễ hiểu lấy tên là Kim Sư Tử chương, trình bày tướng chung riêng của mười môn, vua bèn khai ngộ được ý chỉ, lại vì người học không nắm rõ mà lập phương tiện, an bày mười mặt, tám góc của gương, trên dưới, mỗi nơi đều có, cách nhau hơn một trượng, trong mỗi mặt đối nhau đặt một tượng Phật, đốt một cây nến để chiếu sáng, vì vậy mà người học hiểu được cái nghĩa của Phật là vô tận vô biên, Sư khéo léo dẫn dụ đều là như vậy, đến lúc các phạn tăng nghỉ dịch, vua Triệu Sư giảng kinh tại chùa Phật Thọ ký, giảng tới phẩm Hoa tạng thế giới, bỗng nhiên trong giảng đường và chung quanh nhà chùa

đều rung chuyển, Đô Duy na tăng Hằng Cảnh đều viết biểu tấu lên, ban sắc rằng: “Nghe diễn giảng vi ngôn nêu rõ về bí pháp, ngày mới dịch kinh trẫm đã mộng thấy cam lộ tốt lành, buổi khai giảng thì rung chuyển động trời đất, đây là Như Lai giáng tích, được như vậy lòng trẫm rất vui mừng, Hoa Nghiêm tông chủ là Trừng Quán, nay đề cử Pháp Tạng là đệ tam tổ, biên soạn Bát-nhã Tâm kinh, được người đương thời quý trọng, khắp trong nước lưu hành, lại gọi bằng hiệu Khương Tạng Quốc sư.

2. Truyện Hằng Cảnh Chùa Ngọc Tuyền Ở Kinh Châu Đời Đường:

Thích Hằng Cảnh, họ Văn, người Đương Dương, vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ 22, Sư được vua ban sắc được nghe học Tam tạng, hễ nghe qua thì tụng được, như lời dạy mà thực hành, ban đầu theo luật sư văn cương học tập tỳ-ni, sau vào chùa Ngọc Tuyền tại núi Phúc Chu, theo thiền sư Trí giả tu pháp môn chỉ quan, cách phía Nam mười dặm lập tịnh xá riêng, hiệu Long Hưng. Từ đời Thiên Hậu vua Trung Tông, Sư được vời vào cung, cúng dường làm Thọ giới sư. Niên hiệu Cảnh Long năm thứ ba, Sư tấu trình xin thỉnh về núi, được nhà vua chấp thuận, lệnh cho Trung Thư môn hạ và học sĩ, thiết chay trong đạo tràng tại cung Lâm Quang, mời thêm các cao tăng cùng người có nghĩa hạnh hai mươi mấy vị, thường hay tu phước trong nội điện đến dự, đưa tiễn Hằng Cảnh cùng Đạo Tuấn và Huyền Trang mỗi người về quê. Nhà vua đích thân ngâm thơ, các học sĩ ứng họa, đó là Trung thơ lệnh Lý Kiều, Xá nhân Lý Hựu, v.v... Bấy giờ, Sư nhận lấy những bài thơ chống gậy mà đi. Sư soạn Thuận Liễu nghĩa luận, hai quyển, Nhiếp chánh pháp luận, bảy quyển, Phật Tích Luận, hai quyển, người học như đang khát mà được nguồn nước. Đến niên hiệu Tiên Thiên năm đầu, ngày 25 năm tháng 9, Sư qua đời tại chùa Ngọc Tuyền, thọ bảy mươi chín tuổi, đệ tử an táng tại phía Tây chùa.

3. Truyện Nhất Hạnh Chùa Tung Dương Ở Trung Nhạc Đời Đường:

Thích Nhất Hạnh, họ Trương người Cự Lộc, vốn tên là Toại Tắc, tuổi nhỏ đã thông minh lanh lợi, có phong độ lão thành, đọc sách không cần xem lại đã tụng thuộc lòng, vì gặp Thiền sư Phổ Tịch đại hạnh thiền yếu, người quy tâm rất đông, Sư bèn ngộ đời là huyễn, bái Phổ Tịch làm thầy, xuất gia cạo tóc. Tịnh sư thường hay tổ chức đại hội, Sa-môn xa gần đúng ngày giờ đều đến, mỗi lần có cả ngàn vị tham dự, lúc ấy có

Trưng sĩ Lư Hồng ẩn cư ở núi khác, đạo cao học giỏi, triều đình thỉnh cầu mấy lần nhưng đều từ chối, chủ sự đại hội thỉnh lư Hồng làm văn tự để táng dươn xã ấp. Ngày ấy Hồng rút từ trong tay áo ra một bài văn để trên bàn, giờ tập hợp đã đến. Lư Hồng nói với Phổ Tịch rằng: “Bài văn nầy có cả ngàn lời, lại thuộc về văn xưa, hãy để ta chỉ cho đọc qua một lần, Phổ Tịch gọi Nhất Hạnh đến, Hạnh lật ra xem xong mỉm cười vẫn để lại trên bàn, rồi lại bỏ đi làm việc khác, trong lòng Lư Hồng thầm trách người thanh niên nầy khinh tiện như vậy, đến khi chúng tăng tập hợp đông đủ, Hạnh bước lên diễn đàn mở giọng đọc từ đầu đến cuối, không một lời nào vấp cả, Lư Hồng nhìn ngơ ngác một hồi lâu, thật là cảm phục vô cùng, lại nói với Phổ Tịch rằng: “Chẳng phải ngài thì không dạy bậc nhân tài như vậy được, nên hãy cho đi du học”.

Nhất Hạnh được Lư Hồng và Phổ Tịch bàn bạc khuyến khích đi du học, tự nhiên tìm đến các bậc danh sư của kinh luận luật mà theo học, nhân đến trực tăng Đương Dương soạn thành bài tự luật tạng, tìm hiểu sâu về tỳ-ni, còn có những sách của âm Dương sấm vĩ, đều được nghiên cứu tỉ mỉ, tìm thầy hỏi bạn các nơi không dưới mấy ngàn dặm đường, sau cùng đến chùa Quốc Thanh thuộc núi Thiên Đài, thấy một ngôi viện, tùng già bao quanh, một khe suối êm lặng, Hạnh đang đứng ngoài cửa ngắm cảnh, bỗng nghe trong viện có tiếng bàn tán, xong gọi người hầu rằng: “Hôm nay sẽ có đệ tử từ xa đến cầu học toán pháp của ta, ta đã nghĩ khi đến trước cửa không ai dắt dẫn, bèn tức khắc bỏ một con toán, lại gọi người hầu rằng: “Trước cửa, nước đã chảy ngược về phía Tây, đệ tử sẽ đến, Hạnh nghe vậy liền bước vào, thỉnh cầu thầy truyền cho bí quyết, giữa lúc nầy nước lại chảy về hướng Đông như bình thường. Kể từ đấy tiếng tăm lẫy lừng khắp xa gần, các công khanh đều yêu chuộng, vua Huyền Tông hay được vời Sư vào kinh hỏi rằng: “Sư có những tài năng gì?”

Nhất Hạnh tân: “Chỉ có xem qua là nhớ, ngoài ra không có gì hay”.

Nhà vua cho mang sổ sách trong cung ra, Hạnh lật xem sơ qua, rồi lại đọc như thuộc lòng tự bao giờ.

Nhà vua bước xuống ngai vàng, cúi đầu chào rằng: “Ngài thật là một bậc thánh, rồi lại gọi dự đoán về họa phúc, Hạnh thao thao bất tuyệt như lật trong lòng bàn tay mà ra, lời nói có rất nhiều sự bổ ích.

Lạc Hạ Hoằng đời Hán soạn lịch có nói rằng: “Tám trăm năm sẽ có sai lệch một ngày, đến lúc ấy sẽ có bậc thánh quyết định, năm nay đã đúng với kỳ hạn, xuất xứ từ đại diễn lịch, đính chỉnh lại sự sai lệch,

quả thật đúng với lời nói của Lạc Hạ Hoằng, nếu chẳng phải bậc thánh sao đoán biết được như vậy? Lại trong Kim Cương Tam tạng học, Đà-La-Ni bí ấn, lên trước Phật đàn thọ Pháp vương bảo, Sư lại cùng Tam Tạng Vô uý dịch Kinh Tỳ-lô-giá-na, mở ra hậu Phật quốc, Mật tạng ấy sẽ truyền đến uyên phủ. Vua Duệ Tông và Huyền Tông cùng thỉnh vào trong Tập Hiền Viện, ban cho trụ chùa Hưng Đường, các kinh đã dịch được soạn sớ bảy quyển. Nhiếp điều phục tạng sáu mươi quyển, Thích thị hệ lục, một quyển, Khai Nguyên Đại Diễn Lịch năm mươi hai quyển. Lịch ấy biên vào Đường thơ lịch luật chí. Còn tạo ra Hoàng đạo và xích đạo để làm thanh quy.

Tại quê nhà, có một bà lão nhà họ vương, năm xưa Hạnh gặp cảnh cùng khó, bà thường hay giúp đỡ, đến khi Hạnh được hiển danh cũng thường nghĩ đến việc báo đáp, một hôm, bà lão bỗng đích thân tìm đến gặp Hạnh, vì con bà giết người, sắp bị hành tội, biết Hạnh nay đã được nhà vua sùng trọng, cho nên đến nhờ Hạnh xin vua được tha miễn tội chết, để phụng dưỡng mẹ già, khóc lóc lạy van nài mấy lần.

Hạnh nói: “Luật pháp của nhà nước, đâu thể niệm tình xin miễn cho được, nói xong Sư tặng cho một số tiền bạc, bảo về nhà tìm cách để sống, bị bà ấy mắng cho một trận tả tơi rằng: “Lúc nhỏ giữ bồng và nuôi vú cho ngươi, giúp đỡ cho mọi điều, nay trưởng thành có danh vọng rồi quên mất cả.

Hạnh suốt ngày không vui, bấy giờ tính xong bèn gọi Tịnh nhân đến dặn dò rằng: “Ngày mai ngươi lấy túi vải chờ sẵn ở chỗ trống, nơi ấy đến giờ ngọ, có bầy sinh vật xuất hiện, hãy bắt lấy đem về cho ta. Qua hôm sau định quả thật có bầy thú bảy con, đuổi con mẹ cho bỏ chạy thìbắt con. Hạnh chuẩn bị sẵn cái cũi, khi đem về nhốt toàn bộ vào trong cũi ấy, bịt miệng bằng bùn Lục ất, niệm chú vài lần rồi dừng. Ngày hôm sau Ty Thiên Giám vào tâu với nhà Vua rằng: Đêm hôm qua, bảy ngôi sao Bắc Đẩu đều biến đâu mất. Vua quan thì lo sợ bị mất ngôi, dân chúng thì khủng hoảng mùa màng bị thất bát, tật bệnh, chết chóc v.v... Khắp cả kinh thành đều hoảng hốt lo lắng, chỉ cầu cửa Phật dùng tâm từ bi hàng tất cả mà để cứu lấy mọi người, đại xá thiên hạ. Vua Huyền Tông đều nhất mực tuân theo, ngay ngày ban lệnh. Mỗi đêm Hạnh thả một con vật ra, thì có một sao xuất hiện, qua bảy đêm thì trở lại như lúc đầu. Thuật nầy thật không thể tưởng tượng.

Vào niên hiệu Khai Nguyên gặp hạn hán, vua ban lệnh cho cầu mưa. Dụng cụ phải có một món đồ có hình dạng con rồng, mới có thể tạo ra mưa. Vua ban sắc khiến các quan trong cung đồng ở trong kho

nhìn khắp rồi nói không giống. Mấy hôm sau nhìn thấy trên tấm gương xưa có con rồng nằm, nói rằng: Đây là con rồng thật đấy! Bèn đem vào pháp đàn làm phép, quả thật trong ngày đó có mưa, dị thuật ấy cảm thông đến như thế.

Vua Huyền Tông mời Hạnh vào trò chuyện tại cung Đại Minh, ung dung hỏi lén rằng: Sự lành dữ của đất nước và vận nước như thế nào, Hạnh lẩn tránh không trả lời thẳng. Cho đó là thiên cơ bất khả lộ, nhưng nhà Vua vẫn cứ nài nĩ mãi.

Sư bèn nói: Bệ hạ sẽ có cuộc hành trình muôn dặm, đất nước rốt cuộc cũng yên lành thôi, lại trao cho nhà Vua một cái hộp nhỏ, trong đó có đựng đồ, hễ lúc lắc thì có tiếng sụt sịt, nhưng không được tùy tiện mở ra, khi gặp việc khẩn cấp mới mở. Sau nầy, nhà Vua lánh nạn đến thành đô, mới nghĩ ra cái hộp ấy, đã đến lúc cần phải mở ra xem, thì ra trong đó chỉ có một vị thuốc Đương quy. Vua nghĩ rằng: Thuốc nầy sản xuất tại đây, Đại sư đã biết trước trẫm phải chạy nạn đến đây, rồi phải trở về (Đương quy, một vị thuốc mà mang hai ý nghĩa). Trên đường về lại gặp nạn Lý Kiều, nhà vua thán phục rằng: Lới nói của Nhất Hạnh thật là thần kỳ, bèn gọi trong quan sắp bày hương án cúng tế đáp tạ. Thời Chiêu Tông phong cho Sư làm Cát vương, đến Thái tử Đức vương, nhà Đường rốt cuộc bị nhà Lương tiêu diệt, cũng ứng với lời dự đoán của Nhất Hạnh.

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 15, nhằm tháng 9, Nhất Hạnh bị bệnh nằm tại chùa Hoa Nghiêm, nằm trên xe vào cung từ giã với nhà vua Huyền Tông, đêm ấy nằm mộng nhìn thấy giường dây chỉ cách mở cửa, sáng dậy hỏi lại quả thật như vậy, bèn mời các Đại đức trong kinh thành lập đại đạo tràng cầu nguyện cho Sư. Sư được khỏi bệnh. Ngày mồng 8 tháng 10, Sư theo ngự giá đến Tân Phong, không nói năng gì, bỗng dùng nước thơm tắm gội sạch sẽ, thay áo quần ngồi xếp bằng mà nhập diệt. Có thuyết nói là từ khi đến từ giã nhà vua sau đó trực tiếp đến Tung Sơn yết lễ với thầy, tức thiền sư Phổ Tịnh, lúc ấy nhằm Doãn Bùi Khoan ở phủ Hà Nam cũng đến yết kiến ngài Phổ Tịnh, Phổ Tịnh bảo rằng: “Còn bận chút ít việc, chưa rảnh hầu Đại Doãn, ngài hãy nằm nghĩ cho đỡ mệt, Khoan cho người hầu nhìn theo, thấy chánh điện dọn dẹp sạch sẽ, Phổ Tịch đốt nhang ngồi tịnh tọa như đang chờ đợi có tiếng gõ cửa, tức thiền sư Nhất Hạnh đến, Hạnh vội vã đi vào, kề tai nói nhỏ với Phổ Tịch, thể hiện rất cung kính, Phổ Tịch chỉ gật gật đầu, nói rằng: “Chẳng có gì mà không được cả”. Nhất Hạnh nói xong lại lễ, vừa nói vừa lễ ba lần, Phổ tịch chỉ nói: “chẳng có gì mà không được”. Hạnh nói

xong bước ra chánh điện, đi vào gian phòng phía nam tự mình đóng cửa lại, Phổ Tịch gọi người phục dịch rằng: Mau đánh chuông, Nhất Hạnh đã diệt độ rồi, mọi người đến nơi nhìn thấy Sư đang ngồi nhắm mắt mà tịch, thi thể được quàn tại chùa Võng cực, cho đến ngày chôn kéo dài hai mươi bảy ngày, móng tay chân đều không thay đổi, râu tóc còn lại dài thêm, vẻ mặt vẫn còn tươi tỉnh. Nhà vua đau lòng nói rằng: Thiền sư bỏ trẫm rồi, việc an táng do triều đình lo liệu, vua ban chiếu an táng tại cao nguyên Đồng Nhân. Ban thụy là Đại Tuệ Thiền sư, vua soạn bài minh trên tháp. Người xuất gia trong nước đều lấy làm vinh hạnh.

4. Truyện Trí Thăng Chùa Tây Sùng Phước ở Kinh Triệu đời Đường:

Thích Trí Thăng, học thông nghĩa lý của Đại Tiểu Thừa, lại giỏi về tỳ-ni, ngoài ra văn chương cũng rất thông suốt xưa nay. Thường hay bất mãn về Nhiếp Đạo Chân. Đạo An, cho đến Minh Thuyên và Tuyên luật sư... mỗi vị đều soạn Đại tạng Mục Lục Ký, ghi chép các nhân vật với niên đại phiên dịch truyền bá, gọi là Tấn Lục, Ngụy Hán lục, v.v... Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ mười tám, Sư soạn Khai nguyên Thích giáo lục hai mươi quyển, rất tinh yếu nhất. Vì sao? Vì các vị sư trong cùng một bản, từ bản cũ biến ra tên mới, dùng văn thật giả lẫn lộn với nhau, hoặc một kinh làm thành hai bản, hoặc làm tách ra riêng lẻ, hay cắt xén bớt, có thể gọi là ngăn chận nguồn gốc lộn xộn từ đây về sau. Trinh Nguyên Lục của ngài Viên Chiếu sau nầy. Văn thể so với ý gốc khác nhau chẳng biết là mấy ngàn dặm. Trong niên hiệu Lân Đức, ngài Đạo Tuyên soạn Nội điển lục, mười quyển, Tĩnh Mại soạn Đồ kỷ bốn quyển, Thăng mỗi thứ soạn tiếp tục một quyển.

5. Truyện Viên Huy chùa Trung Đại Vân đời Đường (Hoài Viễn - Sùng Dực).

Thích Viên Huy, trong giới quan phụ tiếng tăm rất nổi, chuyên nghiên cứu về tính tương, khéo đạt các tông, lúc nhỏ pháp môn Câu-xá là thích ý nhất. Lúc ấy, Lễ bộ Thị lang từng quy y tâm Phật môn, ưa thích văn nầy, thường mời Sư đến bàn về tướng tông nầy, nhưng điều gì khó thì chớ tưởng thấy, những gì phức tạp thì không có đầu đuôi, vì vậy mà nhờ Sư nêu ra khái quát, rốt cuộc sớ nghĩa của Quang sư phức tạp khó tìm, lại có luật sư Hoài Viễn ở chùa Thánh Thiện, tâm nguyện hợp với nhau, vì tiết lược cổ sớ, nên hễ tụng thì dịch lại luận điệp còn thích luận thì trích dẫn mà ghi chú là con đường tắt, người học dễ hiểu. Sau

đó Sùng Dực, biên soạn Kim Hoa sao mười quyển. Sau hai Sư Quang và Bảo. Huy Công xen kẽ mà ra, hai kinh giữa lưỡng hà, trên đường bộ hay dưới mặt sông, biểu hiện cùng với Yến, Tề, Sở, Thục đều thành hành sớ của Huy.

6. Truyện Huyền Dật Chùa Hoa Nghiêm ở Kinh Triệu đời Đường:

Thích Huyền Dật, họ Đậu, là bậc chú, bác bên vợ của Vua Huyền Tông, anh em hay cháu đều làm quan trong triều đình, nhưng họ nào tự khoe tài giỏi, nào ỷ vào tước bậc cao thấp mà chống đối với nhau. Huyền Dật thì dáng vẻ sáng suốt khác hơn người, ngộ dấu vết của sắc không đều đến nơi chân tịch, xem Trấu cám hay Cao lương đều quý, hình ảnh tăng thô mà sánh bằng với bậc cao sang, ở ẩn nơi Phật thất mà xem xét thông lý. Một hôm, Sư than vãn rằng: Bậc Thánh trước đây biên soạn sai lệch, lại thêm sao chép nhảy hàng, đối chiếu mất câu, như kiền-độ mất Giáp Điệp, ngày càng sai lầm. Sư bèn y cứ theo chương mục xưa nay đã biên soạn, đính chính các kinh. Chữ sai mà nghĩa rõ thì sửa lại, phẩm sai mà lý sâu thì dựng lại, ngày đêm miệt mài cực nhọc vì tu nghiệp. Chẳng phải tấm lòng sắt đá, ý chí bền vững, thì làm sao đạt được như vậy, đã tổng kết được những danh mục, theo thứ lớp mà không rối, đều làm thành ba mươi quyển. Gọi là Thích Giáo Quảng Phẩm Lịch Chương. Xét về kinh luận của Đại Tiểu thừa cùng Đông Tây Sĩ Hiền Thánh Tập gồm một ngàn tám mươi bộ, lấy giấy sách của hai ấp Bồ Châu và Cộng thành hiệu đính được bao nhiêu đều đóng thành tập để đời sau đọc mà không chán, những trang sách ấy rất quan trọng, thêm vào những mặt chưa có, giữ lại những mặt tốt của ngày xưa. Có Lạc Lăng Phủ Doãn Linh Thâm soạn lời tựa. Về sau, Sư mất ở đâu không rõ.

7. Truyện Đạo Nhân Chùa Thanh Long ở Trường An đời Đường:

Thích Đạo Nhân, họ Trường Tôn, người ở Cao Lăng thuộc Trường an. Cha là Dung Điên Trung Thị ngự sử. Mẹ họ mẹ Mã, mộng thấy mây năm mầu che phủ trên nóc nhà mà thụ thai, ngày đêm mẹ hay nghe giảng đọc kinh đại thừa, ngày đêm không thối. Ý thực hành thai giáo của Thái Nhậm, đến khi sanh, Sư có mùi hương lạ nồng nàn, mà sanh ra, vẻ mặt tuấn tú, học vấn rành rẽ, thi đậu bậc Tiến sĩ, tiếng tăm nổi trong thôn xóm. Có một Phạn tăng gõ cửa xin cơm, ăn xong xin tá túc lại một đêm. Nhân tiếp chuyện thấy lời nói Sư đều có lý lẽ, vị tăng rất tán thưởng, sáng hôm sau, từ giã ra đi. Vừa mới ra khỏi cửa, bỗng không

thấy bóng dáng vị tăng đâu cả. Sư do đó quyết lòng cầu xin được xuất gia, tu thân niệm Phật. Tuy có nước trăm trượng mà không che được mây, vua chúa, người thân nào mà cản được lòng mạnh mẽ vào đạo, bèn đến chùa Chiêu Phước bái Luật sư Thận Ngôn làm thầy, học hỏi liên tục, đến khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên học môn luật, lại hiểu sâu kinh luận, như vậy nội, ngoại đều thông. Lúc ấy, Pháp sư phục lễ giỏi về văn. Gọi Sư bảo rằng: Ngươi còn trẻ, có thể vì ta làm một bản Tây phương tán, Sư miệt mài không ngừng bút, lối hành văn thanh lịch, thể hiện nước Phật trong sạch, cảnh vật trang nghiêm như hiện ra trước mắt. Pháp sư Phục lễ đọc xong, nói với các Đại đức rằng: Thật là bậc kỳ tài không thể tưởng tượng nổi. Kể từ đó việc luyện tập viết lách ngày đêm Sư chuyên cần, phục Lễ quý về phong cách ấy, thường hay khen ngợi giữa chúng rằng: Lý luận của Đạo Nhân thể như suối chảy, làm văn bản tâu lên Triều đình. Huyền tông du hành đến Lạc Nam, ban cho tùy giá, ngự sử Lý Tịnh cùng thỉnh về chùa Thiên Cung Giảng kinh Tịnh nghiệp chướng, sơ ấy cũng do chính tay Đạo Nhân biên soạn, lúc ấy thiền sư Nhất Hạnh là bậc tông tượng của cả nước, đang lo lắng về Phật pháp tương lai ai có thể bảo vệ, ai có thể tuyên dương, tấu xin triệu tập các vị tăng tài ba trong thiên hạ, tập trung về chùa Phước Tiên ở kinh thành Lạc Dương, dựng lên Luận trường. Đạo Nhân được đề cử, bước lên diễn đàn đầu tiên, với Du-già, Duy Thức và Luận Nhân Minh Bách Pháp, dựng lập đại nghĩa sáu khoa, tranh luận với các sư, mọi người đều khuất phục.

Nhất Hạnh kinh ngạc nói rằng: Trụ cột của Đại pháp đã ứng hiện ra, lòng ta đã có chỗ nương tựa, dẫu chết cũng không hối tiếc, khi trở về gọi Sư cùng theo. Hạnh bị bệnh, nhà Vua ban thuốc chữa trị, khi khỏi bệnh. Vua ban lệnh từ Đông cung trở xuống đến cửu phẩm đều thiết trai tiễn đưa. Nhất Hạnh đưa Đạo Nhân ra thay mặt. Pháp sự xong, Tể tướng trương Thuyết nắm tay Nhân nói rằng: "Cửa Phật người tài giỏi ít có, xin phép nói ra một bản để lại", do vậy mà văn ấy lưu hành khắp trong nước. Niên hiệu Khai nguyên năm thứ 18, nhằm để xem xét sự cao thấp của hai giáo phái, Đạo Nhân biện luận mạnh mẽ, Đạo sĩ Doãn Khiêm đối đáp sơ sót, nhà vua khen tặng không ngớt lời, ban cho năm trăm xấp vải lụa. Đạo Nhân soạn riêng một bản Đối Nghi Luận, thịnh hành đến đời sau, tiếp theo soạn Đại thừa Pháp Bảo, Ngũ Môn Danh Giáo cùng Tín Pháp Nghi đều một quyển, Duy Thức sớ sáu quyển, Ngự Chú Kim Cương kinh sớ, sáu quyển.

Ban đầu, vua Huyền Tông chú thích kinh, đến chỗ nếu có người tội

nghiệp đời trước đáng đọa vào đường ác cho đến có tội nghiệp thì được tiêu diệt, cảm thấy hoài nghi, nghĩ là có thể do giải sai hay là nghĩa riêng của một vị sư nào, bèn gọi Đạo Nhân chọn lọc công lực của kinh, mổ xẻ phải trái.

Đạo Nhân tâu rằng: Phật lực, kinh lực, mười thánh ba hiền đều không thể lường. Bệ hạ nhiều kiếp đến nay đối với hội Bát-nhã lắng nghe và huân tập bất nhất, càng chú tưởng thì tự phát hiện hành. Lúc ấy, nhà vua hoát nhiên nhớ lại những việc đời trước, hạ bút không còn dính mắc nữa. Tiếp tục gọi Đạo Nhân soạn sớ, khắp nơi nghe tiếng, môn đồ nối tiếp nhau đến, giảng tân sớ tại chùa Thanh Long, thính giả cả ngàn, đến với hai chùa Tây Minh và Sùng Phước, giảng đường đều đắp bằng đất thơm, từ dưới nước đắp lên mặt đất, sự sang trọng và trang nghiêm đứng vào bậc nhất trong kinh thành.

Vào niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 28, Nhân bị bệnh sắp qua đời, bảo đệ tử mang biểu dâng lên rằng: Mạt phẩm được sống nhờ mưa sương, được cùng hàng ngũ với tăng ni, tự tu tinh luyện, tuy thường được khoác áo Cà-sa, cầm gậy mà đi thư thả thanh nhàn, công đức huyền diệu, phu dương chân hóa, chẳng gọi là cù lao, mến học vội vàng dưỡng sanh.

Ngày 16 tháng nầy ruột gan co thắt, thuốc thang không cứu chữa được, cửa suối tự lấp, tắm gội gió mát. Lúc chiều tối ra đi, có định trước an táng tại Thương lũng, không còn yết kiến bệ son, nhà vua rất đau thương, khiến Trung sứ Nội cấp sự. Giả Văn Uy đem năm mươi xấp vải lụa đến chùa điếu tặng, được Hoàng ân truy điệu, sống vinh quang, chết bi ai, sáng sủa trong hàng tăng, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi ba tăng lạp, ngày 12 tháng 8 năm ấy, an táng cạnh vườn Tiêu Dao núi Chung Nam, có xây tháp trắng để tôn thờ lại.

8. Truyện Lương Bôn Chùa An Quốc Kinh đô đời Đường:

Thích Lương Bôn, họ Quách, người ở Ngu Hương thuộc Hà Trung. Gia đình nhiều đời làm quan, nên không có người tu hành. Bôn biết nhìn xa hiểu rộng, phong cách siêu việt, ngoài thông về phần điển, trong hiểu về kinh luận, cách giãi nghĩa không ai thêm bớt được. Trong thời niên hiệu Vĩnh Thái, Bất không thịnh hành việc truyền kinh dịch sách, thật khó mà tìm người cộng tác, nhân lúc nầy Sư tham dự vào công việc phiên dịch. Vua Đại Tông thỉnh làm giới sư Bồ-tát. Vì mới dịch kinh Nhân Vương Hộ Quốc, được lịnh soạn sớ giải phân tích rõ ý kinh, lấy chùa ở làm sớ mục, gọi là Thanh Long. Kinh nầy đã có ba bản dịch. Lần

thứ nhất, vào niên hiệu Thái Thủy năm thứ ba đời Tấn, Pháp Hộ dịch một quyển, gọi là Nhân Vương Bát-nhã, lần thứ nhì do La-thập đời Tần dịch, gọi là Nhân vương hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật, tiếp theo do Chân Đế dịch vào niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba đời Lương tại chùa Bảo nhân ở Hồng châu, gọi là Nhân vương Bát-nhã và sớ sáu quyển, cho nên bản đời Tấn mới dịch tiếng địa phương còn cách biệt, bản dịch đời Lương thì cất giấu không lưu hành, kinh dịch thời Ngụy, Tần lưu truyền khắp nước, chẳng những chỉ nói Ba-la-mật mà còn có thiếu. Chữ đa, thiếu sót về nghĩa, vì vậy mà vua Túc Tông trai tâm gội đức, thỉnh Bất Không dịch lại, đến khi Túc Tông tuổi già, Đại Tông hoàn thành lời nói của Tiên thánh. Mời các bậc tài giỏi làm lại công việc phiên dịch, lệnh cho quân dung sử Ngư Triều Ân giám hộ tại vườn Nam đào. Vào ngày mồng 1 hay ngày 15 mỗi tháng, nhà Vua đến Quán đảnh đạo tràng của Điện Thừa Minh, đích thân cầm bản kinh cũ đối chiếu với bản dịch mới, rồi lại làm bài tựa để ở đầu bản, lại lệnh cho Sư soạn sớ thông kinh.

Bôn dâng biểu rằng: Bần tăng học từ tiên triết, làm nhơ thanh lưu, được nhận phiên dịch truyện sao chép, hân hạnh được đích thân đến cung đình thờ phụng đức âm, được lệnh tu sớ tán diễn tại vườn Nam Đào của cung Đại minh. Ánh sáng mặt trời đã rọi đến không thể lẫn tránh được, nên ra sức trên giấy trắng nhưng lại càng hổ thẹn và hoảng sợ nâng ngọc bích dưới thềm son, kính đền Hoàng ân, cúi đầu làm việc trung cần, hết lòng hết dạ, siêng năng dụng bút, nay đã hoàn thành ba quyển, tấu xin cho được lưu hành.

Lại biên thư rằng: Ngày 21 tháng 2 năm nay, được vua ban sắc tu soạn kinh sớ, Vi tăng học lực kém cỏi e làm không xứng chỉ, nên tẩy gội tấm lòng, lẳng lặng mà suy tư, lấy từ thiên ngôn, dựa vào Phật lực, kinh luận đều được diễn bày chân tông, cũng như tập hợp các thứ ngọc tại Côn sơn, đựa vào sông lớn mà chảy ra biển cả. Hỏa sanh từ mộc, cùng với lưỡng diệu (mặt trời và mặt trăng) đều sáng rực, thức chuyển về như thể như một dáng hình mà được ánh sáng mạnh chiếu soi. Vật để thành đạo là pháp, vật để ghi pháp là kinh, giải thích kinh là sớ, quảng độ tất cả cùng ở đại thông, tâm Bồ-Đề nầy là của bệ hạ, biên soạn kinh sớ nay đã ghi chép hoàn tất, văn có hơn muôn lời, chia ra làm ba quyển, thi hành trộm hổ thẹn theo ngu kiến, thành hình thức vấn đáp đối với Thánh ân. Ngoài ra có niệm tụng nghi quỹ một quyển, điện Thừa Minh giảng kinh Mật Nghiêm, Đối Ngự Ký, một quyển tất cả đồng dâng lên, kính mong xem xét chỉ ngại chưa làm tròn nhiệm vụ.

Đáp chiếu rằng: "Pháp sư Trí Cự Cao minh, dùng từ nhã đẹp dựa

theo bản phạn tuyên bày vi ngôn, đưa những ý nghĩa sâu xa của Chân tông diễn thành chương sớ, mở kho bí mật của Như Lai, nêu ra chỗ mê lầm của mọi người, xỏ liền châu ngọc để nối từ sâu đến xa. Đọc qua nhiều lần mới biết sự tinh tường, truyền chiêu đề để làm pháp bảo mãi mãi. Nhà vua cho lệnh biểu dương vật báu trong cửa Phật, lại có thuộc chùa chương tín mới thành báo sớ, người dự thính thường có đến mấy trăm, tuy là giấy đất như ngọc nhưng không thêm, tại nhà, giảng chùa Quốc An, triều đình cung cấp đầy đủ, trong vài năm học trò các nơi trở về tham học rất đông.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 7, tháng giêng, Bất Không tấu thỉnh xếp vào danh mục, nhà vua chuẩn y, Bôn đã dời về Tập châu vào năm thứ sáu, truyền dạy kinh truyện không lúc nào rảnh. Đến năm thứ mười hai nhằm ngày mồng 10 tháng 3, không bệnh mà mất tại chùa Phù Dương, thọ sáu mươi một tuổi, hai mươi chín tăng lạp, mọi người buồn thương rường pháp bị gãy đổ, sau khi trà-tỳ lấy được hơn trăm hạt xá-lợi từ trong tro, trong di biểu dâng Niệm Tụng Nghi Đối Ngự Ký, hai quyển. Trong đợt tiến kinh lần trước còn giữ lại, cho đệ tử mang đi sau nầy ở phía Đông thành Thượng Đô có xây phần tháp. Vào niên hiệu Đại Lịch thứ 13, Bôn được triều đình mời làm chức Cung Phụng, từ biện cao siêu, học vấn sâu xa, cuối đời luân lạc, bị lưu đày như Lợi Thiệp, Thần Hội, than ôi!

9. Truyện Lễ Tông Ở Việt Châu Đời Đường:

Thích lễ Tông, họ Tống, người ở Cối Kê, đạo khí mạnh mẽ, có chí cầu huyền vi, nguyện xuất trần, quyết lòng trừ bỏ sự ràng buộc, nghe có Hòa-thượng chùa Trường Thọ Thông Đạt thiền quán, đến xin cầu học, tâm học tập siêng năng không ngừng nghỉ.

Thầy dạy rằng: “Sự xuất gia của ông có lợi ích rất lớn, có thể nói là ngọc tốt, thước đo, tuy có mảnh đất mười sào nhưng không thể che đậy ánh sáng ấy, Sư cố gắng chú thích kinh Niết-bàn, lòng ôm ấp với giấy mực suốt cả hai năm, phá ngăn gỡ rối, mới được suôn sẽ, hoàn thành giáp chú tám mươi quyển. Đến Trịnh Khanh thượng thư Điển Quận, nghe tiếng tăm bèn gởi sớ đến thỉnh, Sư thẳng thừng từ chối không đi.

Vào niên hiệu Cảnh Long năm thứ hai, có ngự sĩ đại phu tên là Phùng Tư, bỗng nhiên bị chết đột ngột tại một nơi, có hai đồng tử cầm sổ dẫn Phùng đến phòng phán quan để kết tội, gọi Phùng nhìn cây cổ thụ kia, nhánh lá che phủ khắp vùng đất rộng lớn, ngồi bên cạnh phán

quan là người quen cũ, tên là Trương Tư Nghĩa, ngoắc tay gọi Phùng rằng: "Ta là cậu của ngươi, từng làm Thương lại Lạc Dương, bị Trưởng quan việt cách vu khống sát hại, có mượn đỡ tiền dầu và mì ăn trong chùa Thái Bình, đến nay còn chưa trả được, chỗ ngồi của ngươi không hợp với Việt Cách trong cung Thiên Hậu nên có sự chết đột ngột nầy, hãy phát nguyện tạo kinh Niết-bàn và đúc chuông, sẽ lập tức được tấu phán trả về nhân thế", lại nói rằng: "Tại xứ Diêm-phù một ngày tạo công đức được phước vô lậu, sao ngươi một đời không tu công đức?"

Kinh Niết-bàn nầy, truyền thụ từ núi Thiên Thai, do Đại sư Lễ Tông chú giải, mỗi lúc đều có thiện thần giữ hộ. Lúc ấy, Trương sai quỷ sứ áp giải Phùng đến các ty xem xét tội nặng nhẹ và chỗ sanh về, trước khi đi còn dặn rằng: "Ngươi đi Lạc Thành, trong phường Đạo quang, Đường Thập tự, ngôi nhà thứ ba là nhà ta, chung quanh nhà là ao, đình, trúc và cây, hỏi thăm dùm vợ con ta". Phùng tỉnh dậy kinh chưa tìm được mà lại chết đi. Ba ngày sau đúng hạn trở về viết kinh và đúc chuông, công việc hoàn tất, Phùng được ở đời bốn mươi tám năm mới chết, tuổi thọ của đại sư Lễ Tông lên đến chín mươi bảy tuổi.

10. Truyện Pháp Sằn Chùa Thiên Trúc Ở Tiền Đường Đời Đường:

Thích Pháp Sằn, họ Tôn, mẹ nằm mộng thấy nuốt hạt ngọc, từ đó không còn ưa mùi cá thịt, lúc sanh Sư có dị tướng khác thường, bắt đầu mười lăm tuổi từ giã cha mẹ theo thầy, vào chùa và được thọ giới cùng trong năm ấy, hạnh học một khi đã huân tập thì phát triển thành giáo tông, quyển Y lữ lập công, chí thích di hình lý tánh cùng với núi rừng, cho nên đại sư Địa Ân Trinh trao cho Sư Hoa Nghiêm kinh Bồ-tát giới, Luận Khởi Tín, tâm tri yên tĩnh, Trí thầm hợp với kinh. Một hôm, Sư mộng thấy cỡi một con voi lớn bay vụt qua vùng trời biển, trước mặt có dãy núi cản ngang và trời đã tận cùng. Không ngờ chiếc buồm của con thuyền lại vụt lên cao, mây giăng giăng ở phía dưới, giật mình thức dậy mồ hôi ướt áo, từ đấy không cần suy nghĩ gì về nghĩa cú mà toàn văn của một bộ sách thường hiện nơi tâm cảnh, mọi việc đều thấu suốt không gì trở ngại.

Niên hiệu Đại lịch năm thứ hai, Sư giảng tại chùa Long Hưng, mới lên pháp tọa bỗng có lấn ánh sáng lạ mầu đỏ. Vừa sáng vừa rộng quây quần bao phủ vùng không gian, người có tu hành lâu trong cuộc nhìn thấy trước, Sư giảng Đại kinh trước sau mười lần, biên soạn nghi ký mười hai quyển. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười ba, nhằm ngày mùng

7 tháng 11. Sa-môn Tuệ Giác mộng thấy ngôi tháp lớn lún xuống đất hai tầng, Sư không bị bệnh gì mà qua đời, thọ sáu mươi mốt tuổi, bốn mươi hai tăng lạp. Ban đầu, Sư giảng tại chùa Thiên Trúc, mở rộng Hoa Nghiêm, đến khi mất Hạo Nhiên ở Ngô Hưng soạn văn bia. Túc công ở Khang thành làm bài hợp tụng cùng biểu dương.

11. Thích Tiềm Chân Chùa Hưng Thiện ở Kinh đô đời Đường:

Thích Tiềm Chân tự Nghĩa Chương, họ Vương, thuộc Hoa tộc ở Thái Nguyên, sau nầy dời đến làng Sùng đạo thuộc Sóc Phương, Hạ Châu, Chân là người con giữa trong nhà, khi vào học cácmôn học đều nổi bật, từ thuở nhỏ đã thích học sách Phật, đó là do có thiên tính, đến tuổi đôi mươi bước vào cửa Phật, nhằm niên hiệu Khai nguyên năm thứ 26, đăng tên tại chùa Linh Giác, ở Bản Thành năm sau thọ giới cụ túc. Kể từ đấy nghe tu luật thừa, bước vào biển luận.

Thời vua Đại Tông, vua ban sắc cho Sư soạn sớ bộ kinh mới dịch là kinh Văn-thù-Sư-Lợi Bồ-tát Phật Sát Trang nghiêm.

Tâu rằng: Kinh nầy có ba bản dịch, một là vào niên hiệu Thái Hy đời Tây Tấn, do Pháp Hộ dịch tên là kinh Phật Độ Nghiệm Tịnh, lối văn phần nhiều là cổ ngữ, câu thị giản mà nghĩa lý sâu xa. Hai là vào thời Thiên hậu, Thật-Xoa-Nạn-Đà dịch tại chùa Thanh Thiền, tên là kinh Văn-thù Thọ Ký, ba là bản dịch vào niên hiệu Đại Lịch năm thứ sáu nầy. Cầu mong bệ hạ hãy ban sắc lệnh, con người sẽ quay về với Bửu Đồ, đức độ của Thánh Thượng sanh cùng với trời đất, ánh sáng tỏa ra như nhật nguyệt, lòng nhân thấm nhuần muôn vật, Di địch ngưỡng đức, mà góp lòng thành với từ tuệ, lợi sanh chính giáo, nương phong độ mà giảng nói hóa độ.

Chẳng bao lâu, Lộc Phường Tiết Độ Sứ kiêm Ngự sử Trung Thừa Đỗ Miện tấu vì nước xin các kinh Đại thừa, vua hạ chiếu xuống đến chỉ viên, phạn chỉ khai mở Bối Diệp, vì vậy thỉnh Tam Tạng Bất Không dịch kinh nầy ra mấy chục bộ, lại tiếp tục có sắc ban xuống tất cả các chùa trong nước, đều phải thờ tượng Bồ-tát Văn-thù, dựng cờ Thánh công. Lại có chiếu lệnh qui định lấy Văn-thù Bồ-tát làm Thượng tọa, đó là đều là do lời thỉnh của Tam tạng, Tam Tạng học nghiên cứu Du-già giải thích tận cùng Pháp ấn. Thân, khẩu, ý, nghiệp bí mật tu trì, giới định tuệ tuyên bày rõ ràng, biết rõ thanh vận giữa chữ Hán và chữ Phạn, truyền dịch kinh nầy hay khéo phù hợp với Thánh chỉ, văn chất gồm nhau, sáng ngời dễ xem. Khi Chân thức ngu muội, tài học thô thiển, may được xen lạm vào trong số những vị phiên dịch truyền bá,

Hư Không Tạng kinh khóa hư nhuận sắc, thân hèn được sai khiến thuật sớ tán dương, tuy văn nghĩa còn thô sơ mà đã được truyền khắp kinh ấp, việc làm nầy đều có lý do của nó.

Có Đại đức chùa Kim Các, là Thiền sư Đạo Siêu, học suốt nguồn pháp, hạnh khớp hợp với gốc tâm, tận mắt nhìn thấy cảnh linh thiêng của Mật thừa Thánh từ, lâu ngày tại nơi mát mẻ nầy tu hành tịnh nghiệp, tại nơi ở lại xây dựng một ngôi tháp, tìm quán pháp duyên đến tận kinh quốc, lấy kinh nầy làm việc lớn, lấy Đại thánh làm bổn sư, biểu dương Thánh đức, không gì hơn nữa. Thiền Chân bèn cúi đầu lạy tam Tạng, thệ truyền pháp môn Đại thánh, không vì Tiềm chân tầm thường, Hòa-thượng xin được biên soạn, Vua không kể sự thô kệch trước đây, vẫn lệnh cho Tiềm Chân tán dịch kinh nầy, e rằng khó đạt được chân ý, nên dốc hết lòng ngu trệ mà cố sức. Vào niên hiệu Đại lịch năm thứ tám, tháng 11 bản sớ đã hoàn thành, bèn tấu trình lên.

Tiềm Chân học thông suốt nội ngoại, tánh tướng dung thông, xét chỗ sâu xa, tinh nghiên giáo lý. So sánh lại sự sâu xa của xưa nay, phân biệt dị đồng quy về một nghĩa, biện luận như suối chảy, quy về hư không. Thẳng bút mà ghi chép về tuyệt xướng, kết thành ba quyển để làm dây mực, hiện tại vị lai dứt hẳn lưới nghi. Lại soạn Bồ-Đề tâm nghĩa, phát Bồ-Đề tâm giới, đều một quyển. Tam Tụ tịnh Giới và thập Thiện Giới cộng chung một quyển. Kiêm Bẩm thừa Bí giáo của Bất không nhập Mạn-noa-la, lên đàn Quán Đảnh, thọ thành Phật ấn. Hiển giáo và Mật giáo đều truyền đi rộng khắp. Quan nội, Hà đông, Đại lịch, bốn triều mở rộng diệu chỉ, đệ tử đông đúc, cộng thêm cương kỷ của Hưng Thiện và Bảo Thọ hai nơi già-lam. Khuyến răn tăng ni dù có sức thật cũng phải lấy lòng chính đáng làm chuẩn mực, dặn dò xong, ngày 14 tháng 5 Sư bị bệnh, đến ngày 21, từ hông sườn bên phải tê đến chân (bất thân bất toại), miệng tụng danh hiệu Phật A-di-đà, Sư qua đời tại bản viện Hưng Thiện, thọ bảy mươi mốt tuổi, bốn mươi chín tăng lạp.

12. Truyện Trừng Quán Chùa Thanh Lương ở núi Ngũ Đài đời Đường:

Thích Trừng Quán, họ hạ Hầu, người Sơn Âm thuộc Việt Châu, năm mười một tuổi đã xuất gia với Thiền sư Bái chùa Bảo Lâm (nay là núi Ứng Thiên), tụng kinh Pháp Hoa, mười bốn tuổi ngộ ân được độ, thuộc về chùa nầy. Sư dáng người tuấn tú cao sang, không bận rộn về những việc lặt vặt, bèn đi thăm viếng các danh sơn cầu bí tạng, theo lễ luật sư tại chùa Thê Hà ở Nhuận Châu, học tập tướng bộ luật, dựa

theo Nam sơn luật, đến chỗ pháp sư Huyền Bích ở Kim Lăng, được ngài truyền Quan hà tam luận, Tam luận được thịnh hành tại Giang nam, biểu hiện sự góp sức của Trừng Quán. Trong niên hiệu Đại Lịch tại chùa Ngõa Quan được truyền Luận Khởi Tín, kinh Niết-bàn, lại được ngài pháp Tạng ở Hoài Nam dạy cho Hải Đông Khởi Tín sớ nghĩa, trở lại chỗ Pháp sư Sằn chùa Thiên Trúc ôn tập Hoa Nghiêm đại kinh, bảy năm sau đến Diệm khê. Từ Thành đô nơi pháp sư Tuệ Lương tìm học lại tam luận, mười năm tại Tô châu, theo pháp sư Trạm Nhiên học Thiên Thai Chỉ Quán, Pháp Hoa, Duy-Ma kinh sớ, hiểu từ Thượng trí tính tự thiên nhiên, các văn đã học như xã bỏ luôn qua, rồi lại đến núi Ngưu Đầu yết kiến Trung sư, Khâm sư ở kính sơn, ở Vô Danh Sư Lạc Dương v.v... thưa hỏi về yếu quyết của thiền pháp Nam Tông. Lại đi gặp Pháp sư Tuệ Vân tìm hiểu về huyền lý của Bắc Tông. Quán tự nhủ rằng: Bản thân đã viếng các bậc Thánh khắp mọi nơi thật là gởi tâm vào cảnh Phật vậy.

Quán được trí tuệ từ đời trước, học kỹ nghệ trong nhân gian, nên phiên dịch kinh truyện, tử sử, tiểu học, Thương nhã, Thiên-trúc, Tất-đàm v.v... Các bộ dị chấp, bốn bộ Vi-đà, năm minh, thể lệ bí chú đến thiện tụng lời bút vết sách, Sư đều thông suốt. Tính đa năng ấy từ thiên chân mà có.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 11, Quán thề quyết tâm đến núi Ngũ Đài, viếng lễ theo thứ lớp, được rất nhiều bổ ích. Còn đến Ngã Mi cầu kiến Phổ Hiền, đeo núi vượt hiểm để xem Thánh tượng, khi trở về núi Ngũ Đài ở chùa Đại Hoa Nghiêm, chuyên thực hành Phương đẳng sám pháp, lúc ấy chủ chùa Hiền Lâm mời giảng Đại kinh và giảng các luận. Vì chê Hoa Nghiêm cựu sớ văn nhiều mà nghĩa kém, lại suy nghĩ về lâu dài, huống gì có Văn-thù đứng đầu về trí, Phổ Hiền đừng đầu về lý, hai vị Thánh hợp thành Tỳ-lô-giá-na, muôn hạnh đều thông, tức là nghĩa của Hoa Nghiêm. Ta đã viếng thăm cảnh của Phổ Hiền, dừng chân nơi tốt lành, không làm sớ Tỳ-lô e là cô sẽ phụ hai vị Thánh ấy. Cho nên Quán bắt đầu soạn sớ. Bỗng nằm mộng gặp một người vàng, xoè tay ôm lấy, nhai và nuốt hết, đó là tượng trưng nuốt lấy sáng suốt và chiếu tỏa ra khắp nơi, ba năm sau công việc hoàn thành, gồm hai mươi quyển. Bèn trai tăng một ngàn vị tăng để chúc mừng.

Sư thường hay nghĩ đến việc giảng dạy, bỗng mộng thấy thân mình hóa thành rồng ngóc đầu về phía Nam đài, đuôi thì quay về núi bắc, chụp lấy Bích châu, vảy râu chói lọi rực rỡ. Khoảnh khắc quanh quẩn hóa thành hàng ngàn con rồng nhỏ, bay bổng lên tận mây xanh

mà đi tứ tán, tượng trưng cho giáo pháp sẽ phân ố ra khắp nơi. Năm thứ tư chủ chùa là Hiền Lâm mời Sư giảng tân sớ, năm thứ bảy Hà Đông Tiết Độ Sứ Lý Tự Lương thỉnh về giảng tại chùa Sùng Phước. Vua Đức Tông nhờ Trung sứ Lý Phụ Quang truyền chiếu vào đô cùng với Tam tạng Bát-nhã người nước Kế-tân dịch, phần sau của Hoa Nghiêm bốn mươi quyển, Ô Đồ quốc vương vừa tiến dâng. Sư từ khước để lại năm sau mới vào việc, vua chuẩn y, lúc khởi hành vào kinh, trên đường đến Bồ tân, Trung lệnh Lương công lưu Sư lại trụ tại chùa Thê Nham ở núi Trung Điều, trong chùa có vị thiền khách, mày xoăn tóc cắt, tự là Si nhân, ca múa nói lảm nhảm, nhưng hễ nói ra điều gì thì thường có linh nghiệm trước khi Sư chưa đến thì cuồng tăng đã hối thúc chúng tăng trong chùa hãy quét dọn sạch sẽ, để chào đón Bồ-tát không lâu nữa sẽ đến đây. Cuồng tăng lại giỏi về vẽ Chỉ bích họa Tán Chỉ đại tướng và sơn lộc trên tường, kể từ khi Sư đến đây, cuồng tăng im lặng không quậy phá nữa, đến tháng 5, Trung sứ Hoắc Tiên Minh truyền chiếu Vua hối thúc vào kinh. Sư đến cung thành, nhà Vua rất trọng hậu, mời vào dịch trường làm công việc đính chính, lại ban lệnh cho soạn sớ, bèn biên soạn mười quyển trình lên, lại ban lệnh ở Lưỡng Nhai mỗi nơi đều giảng một lần làm sớ, ngoài ra còn dịch Kinh Thủ Hộ Quốc giới chủ.

Sư sửa văn nhuận sắc. Thuận Tông ở Xuân cung, có lần ban lệnh soạn liễu nghĩa một quyển, Tâm yếu một quyển và nhân duyên ăn thịt mắc tội. Khi Sư đến Trường an lễ tiếp đón càng thêm trọng hậu, triều thần quy hướng, như Tề tướng quốc Hàng vi, thái thường Cừ Mâu đều kết thành tâm giao. Ngoài ra, tướng Vũ Nguyên Hằnh, Trịnh Nhân, Lý Cát Phủ, Quyền Đức Dư, Lý Phùng Tát, Trung thư Xá Nhân Tiền Huy, binh bộ thị lang Quy Đăng, Tiết độ sứ Tương Dương là Nghiêm Thụ, quán sát sứ Việt Châu là Mạnh Giãn, Hồng Châu Vi Đan đều mến mộ phong độ thanh cao của Sư, theo mà thọ giáo huấn.

Sư thường ở dưới lầu Bát-nhã ở chùa Vân Hoa mới xây cất, vẽ Hoa Tạng đồ tướng, lại soạn Tùy sớ, diễn nghĩa bốn mươi quyển, do Tể tướng Doãn thỉnh soạn Hoa Nghiêm kinh cương yếu một quyển, pháp giới huyền giám một quyển. Tam thánh Viên Dung Quán một quyển, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng-già, luận Trung Quán v.v...tiểu sao sớ, gồm ba mươi quyển. Lập đại hội Vô Già, Thập Nhị trung, còn tạo các hình tượng, kinh sách biên soạn nhiều không thể kể hết.

Môn nhân là Thanh Miện ghi lại rằng: Sư bình thường phát mười nguyện như sau: 1. Thời gian ở Phương trượng dài, nhưng ý bát không chứa dư. 2. Danh lợi đương thời bỏ như đàm dãi. 3. Mắt không nhìn

nữ sắc. 4. Thân không đến nhà thế tục. 5. Không bỏ việc trì tụng kinh Pháp Hoa. 6. Thường đọc kinh điển Đại thừa mãi, bố thí khắp hàm linh. 7. Giảng Đại kinh Hoa Nghiêm. 8. Suốt đời ngày đêm không nằm. 9. Không cầu danh, mê hoặc đại chúng. 10. Bất thối Đại từ bi, cứu giúp khắp pháp giới. Sư suốt đời thường y theo nguyện mà tu hành.

Sư thọ được bảy mươi tuổi, đệ tử truyền pháp được hơn trăm vị, có thể giảng được cũng cả ngàn vị.

13. Truyện Lương Tú chùa Tây Minh Kinh đô Đời Đường:

Thích Lương Tú, họ Quách, người Bồ Tân, tuổi còn trẻ đã rời tục, đến chùa Bá Thê ở núi Trung Điều xuống tóc, tụng thông kinh nghiệp, thọ giới cụ túc, thề lấy truyền đạo giảng kinh làm nghề nghiệp của mình, siêng năng cực nhọc, Tam tạng đều nằm ngoài chín dòng, lúc ấy sách vỡ không được tôn sùng.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư Sư vâng chiếu cùng Tam Tạng Bát-nhã người nước Kế-tân dịch kinh Đại thừa lý thú Ba-la-mật kinh mười quyển, đến ngày mùng 4 tháng 2 năm thứ năm hoàn thành, viết xong bản trình lên, vua Đức tông lại lệnh cho soạn sớ.

Tú dâng biểu tâu rằng: Ngày 28 tháng 11 năm rồi Hữu Nhai công Đức sứ Vương Hy Thiên vâng lệnh tuyên cho Sư tu soạn lại Đại Thừa lý thú lục ba La Mật kinh sớ. Kính nghe chí đạo cùng nguồn, bậc Thánh đều nhất quán, bậc Đại Hùng thị hiện giảng nói diệu âm tại vườn Cấp Cô Độc, ngôi báu phân thân thấm nhuần song khuyết. Mặt trời Phật hơn mặt trời thánh, hàng phục ty luân nơi pháp thân. Cho nên dương buồm thuyền từ giúp cho người được sống trong cảnh thọ. Bằng không sao nắm được chân lý cho phù hợp, nên phải ngừng lại mà cảm thông, huống chi kinh nầy là pháp môn độ chúng sanh, là mật ấn của Như Lai, được Bửu hàm của Bạch mã mà mở bí tạng của Thanh long, là nghĩa lý bậc nhất để bỏ nơm lồng, thừa thuyết sau cùng không có phân biệt, lại lấy thiên văn phát sáng nhằm chiếu rọi lại chân như khế tâm đã vạch rõ nơi cửa Phật.

Soạn lời tựa Bát-nhã là văn xuôi của vua Thái Tông, đã được thấm nhuận tận gốc rễ, sương mốc thấm nhuần đến với cành lá, bọn Lương tú v.v... học kém hiểu ít, học tánh dị sanh, lầm gởi thảo luận, mong được hiểu cho. Thượng thừa nghiêm chỉ, luống nhọc dùng ống, nhìn trời kính vâng bổn sư, sợ thăng đường mà trồng đàn, nay đã soạn sớ một quyển trao cho Vương Hy Thiên tùy biểu dâng tiến. Cúi mong thánh từ hứa cho Sa-môn cùng soạn sớ là Đàm Diên tại chùa Tán Diễn

cùng lưu bố trong ngoài, hy vọng chân ngôn nầy sẽ được chỉ bày rõ ràng cho người mới học, rõ ràng tượng giáo truyền bá đến tương lai.

Nhà vua xem xong, lệnh cho cấp nội sự Mao Anh Kỳ, Tuyên uý Lương Tú, Đàm Diên, Đạo Hằng, cùng bàn cho chín mươi xấp vải lụa, về việc soạn sớ nghĩa có công lao rất lớn, hè thu đều ban thư vấn an, không biết Sư mất vào năm nào.

14. Truyện Tuệ Lâm chùa Tây Minh Kinh Sư Đời Đường:

Thích Tuệ Lâm họ Bùi, người nước Sơ-lặc. Ban đầu thờ Bất Không Tam Tạng, làm việc quét dọn trong thất. Nội trì mật tạng, bên ngoài thì nghiên cứu Nho học. Thánh minh của Ấn-độ, cổ huấn của Trung Hoa đều tinh ròng, cho rằng dịch Phạn thành Hán, Hán đều là điển tích, hễ điển tích thì dùng tế ngữ trời Tây, tham hợp ý Phật, xét kỹ đúng sai, soạn thành Đại Tạng Âm Nghĩa một trăm quyển, từ niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư đến Nguyên Hòa năm thứ 5 mới hoàn thành, cất chứa bản ấy trong Tây Minh Tạng, trong kinh thành đều kính ngưỡng.

Nước Cao-ly tuy có Tam Hàn Di Tộc, nhưng riêng chuộng Đạo Phật. Thời Chu Hiển Đức sai sứ mang vàng đến, cầu Tuệ Lâm giảng dạy về âm và nghĩa, vì lúc ấy không có bản nầy lưu hành.

Sư qua đời vào niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 15 tại nơi ở, thọ tám mươi bốn tuổi, sau khi Sư qua đời năm năm, có tấu thỉnh nhập vào tạng mà lưu hành.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 6

1. Truyện Duy Xác chùa Sùng Phước ở Kinh đô đời Đường:

Thích Duy Xác họ Liên, vốn là người ở Bằng Dực, chín tuổi đã xuất gia, hai mươi tuổi thọ giới, vì mẹ và anh đều quy y pháp môn, cho nên Xác theo thọ giáo, do bên trong tĩnh lặng thì bên ngoài phát, nên Sư siêng học chẳng mệt mỏi, lại từ giã Vị Vương, tìm thầy mà học. Có lúc được nhà vua mời giảng, lúc thì tham gia luận đàn, hoặc tham vấn Thiền tông hay theo học luật, với ý chí rộng mênh mông đều muốn dung nạp.

Đến tuổi bốn mươi thường ở tại kinh đô, nhận lời mời của gia đình cựu tướng Phòng Dung, trước khi dùng cơm chủ nhà đưa ra hòm kinh rằng: Khi còn làm Tri huyện Nam Thiên quận Nam hải ta dự tính dịch kinh nầy tự mình ghi chép một bộ kinh Thủ-lăng-nghiêm để lại nhà cúng dường, nay trong bàn tiệc có mười vị tăng, mỗi vị có thể mở đề một quyển. Xác ngồi ở chỗ thứ tư, mở kinh ra thấy Phú-Lâu-Na hỏi về nghĩa sanh khởi, cảm thấy lời văn uyển chuyển, nghĩa lý sâu xa, bèn phát nguyện soạn sớ và vẽ tượng Bồ-tát Văn-thù, riêng tụng danh hiệu, công chung là mười năm. Quyết chí vững chắc nên có cảm ứng, mộng thấy nàng tiên cỡi sư tử đi vào miệng. Vì vậy mà hạ bút được sáng suốt, dường như giảng Ba-nhã vậy. Kể từ khi phác thảo cho đến hoàn tất, trong lúc nằm ngủ thường thất từ trong miệng mà ra, là trí Văn-thù trong Tổng Hoa Nghiêm, lập thành ba quyển, tự cho là từ trong trí cạn thấp mà ra. Nay đã thịnh hành. Có thuyết nói kinh Lăng-nghiêm ban đầu là do Thiền Sư Thần Tú được bản tại chùa Độ Môn ở Kinh Châu, sau đó vì Sa-môn Tuệ Chấn ở Quán Đào từ chùa Độ Môn truyền ra, được Duy Xác soạn sớ giải thích.

2. Truyện Hoài Cảm Chùa Thiên Phước ở Kinh đô Đời Đường:

Thích Hoài Cảm, tính mạnh bạo, chịu khổ nhọc theo thầy, hễ chưa nắm được nghĩa lý thì chưa chịu thôi, nhưng không tin niệm Phật, trong

thời gian ngắn là đường tắt sanh An Dưỡng. Thuở nhỏ thích sống theo lối hưởng thụ sung sướng, nghi ngờ chưa giải trừ được, bèn yết kiến ngài Thiện Đạo để giải quyết sự do dự?

Thiện Đạo nói: Người truyền đạo độ người, vì người tin mà giảng, còn người mù mịt thì không đến.

Sư nói: Các Đức Phật nói lời thành thật, không tin thì không giảng.

Thiện Đạo nói: Nếu như sở kiến khiếm niệm Phật, vãng sanh thì há là ma nói sao? Nếu ông tin thì dốc lòng niệm, Phật sẽ có chứng nghiệm, nếu mà vào đạo tràng hai mươi mốt ngày thì không thấy linh ứng gì đâu.

Sư tự hối hận lỗi mình, muốn tuyệt thực cho đến chết, Thiện Đạo không chấp nhận, bảo hảy thành tâm niệm Phật ba năm, sau bỗng cảm nhận được linh ứng, ánh sáng vàng bạch hào, chứng được niệm Phật tam-muội. Buồn giận cho nghiệp cấu đời trước nặng, vọng tạo các tội nên sám hối phát lộ, Sư soạn luận Quyết Nghi bảy quyển. Khi Sư qua đời quả có Phật đến rước, chấp tay hướng về phía Tây mà đi.

3. Truyện Pháp Hải ở Ngô Hưng Đời Đường:

Thích Pháp Hải, tự Văn Doãn, họ Trương, người ở Đan Dương, thuở nhỏ xuất gia tại chùa Hạc Lâm. Bạch câu ăn phá đám mạ non, cánh vàng bay lượn trên mặt biển, được thầy chỉ dạy, xem hết các kinh luận, sông cái theo nạp các sông nhỏ, Đặng lâm chim tụ lại là lấy viên nhập nhất tánh học theo bậc Không vương, giỏi về độc ngộ đương thời, phân tích nghĩa lý tiên hiền chưa giải được. Sư cùng một lúc học sáu bộ sách đều thông hiểu, thường bảo mọi người rằng: pháp môn Phật pháp chỉ có tâm địa, ngoài ra đều là khía cạnh, trong niên hiệu Thiên Bảo, Sư tham dự trường giảng của luật sư Pháp Thận ở Dương Châu, Đàm Nhất, Linh Nhất, suy tôn là Nhan Nhiễm, lại cùng Trữ Sơn Trú công kết làm bạn thâm giao, vui chơi cùng với rừng núi, một trẻ một già cùng học hỏi với nhau.

4. Truyện Tuệ Uyển Chùa Phật Thọ Ký ở Kinh đô Lạc Dương đời Đường:

Thích Tuệ Uyển, người ở Kinh Triệu, thuở nhỏ ngộ nghĩnh có nhiều biệt tài, chán ghét vòng trần gian, nên đối với tịnh vực, lễ ngài Hoa Nghiêm Pháp Tạng làm thầy, dưỡng thần luyện tính, siêng năng không lười, chẳng bao lậu đạt được pháp nghĩa sâu xa, nột ngoại đều

thông, được gọi là Thượng Thủ môn nhân, rất thông hiểu tông Hoa Nghiêm.

Sư dựa theo Luận Bảo Tính lập ra bốn cách dạy, vì có bốn hạng người không hiểu Như Lai tạng, như người mù, bẩm sanh, cho nên phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát sơ tâm:

Một khi mê chân, dị chấp giáo thì là phàm phu.

Hai là chân một phần, bán giáo là nhị thừa.

Ba chân một phần, mãn giáo là Bồ-tát sơ tâm.

Bốn chân đầy đủ mãn giáo là biết Như lai tạng.

Các Sư xử phán, có vị thì nương, có vị lại cho là trái, nhưng cương lĩnh của giáo thừa là thuyết của một nhà, hơn nữa, kinh mới dịch chưa có chú thích, người đọc khó nắm bắt, Sư bèn xem lại xem rộng các kinh sách, soạn thành hai quyển, để cho người mới học không cần phải cầu thầy ở đâu xa, biết được chữ gốc, xem không dính mắc. Tuy dựa theo bậc Hiền, cũng không phụ với cách dạy dỗ trong gia đình.

5. Truyện Trí Uy (Tuệ Uy) Chùa Pháp Hoa ở Xử Châu đời Đường:

Thích Trí Uy họ Tưởng, người ở Tấn Vân, tài năng siêu vượt cõi trần, tuổi nhỏ theo thầy Hiên Viên ở núi Huyện Đan, nghe Thiên Đại giáo tông hưng thịnh, bèn đến chùa Thạch Thành ở Ốc Châu, gần gũi thiền sư Quán Đỉnh cầu thỉnh tâm yếu, đã được nhất dung đạo thể nhị cư tông, định tuệ mới được vừa tịch vừa chiếu, tuy rằng tự lợi rồi mục đích là lợi tha, trời phú cho đa năng với dồi dào ngôn từ, soạn bia chùa Đào Nham từ và bia chùa Đầu-Đà. Tướng khí độ biểu lộ, sau trao phó pháp nhãn cho Tuệ Uy, bấy giờ tương truyền Trí Uy là hậu thân của Từ Lăng, thì sự lanh trí hùng tài ấy có thể biết được là như thế nào.

Thích Tuệ Uy, họ Lưu, người ở Đông Dương, lúc còn nhỏ noi theo tập tục cũ, nên quyết xé rách lưới ái, thẳng vào không môn, không dính mắc ở một nơi mà được ba lợi ích. Nghe thiền sư Tấn Vân đại uy thịnh hành thiền pháp, liền tìm đến nơi một mực dựa theo thầy, chịu khó siêng năng, dầu một ngày đi ngàn dặm cũng không hề than vãn, đến khi có thành tựu, được gọi là Tiểu Uy, nhưng thích ở nơi núi non yên tĩnh, chỉ dạy đồ đệ cũng khá nhiều, những vị tài giỏi như Tả Khê, Huyền Lãng, v.v... Sư thường tu Chỉ Quán không bỏ phí thì giờ, nói và hành đi đôi với nhau, thanh thản giải thoát, ai mà gọi tên được.

6. Truyện Trạm Nhiên Chùa Quốc Thanh ở Đài Châu đời Đường:

Thích Trạm Nhiên, họ Thích, người ở Thường Châu, ngày xưa sau

khi Phật diệt độ, giáo pháp tiếp nối đến đời thứ mười ba là ngài Long Thọ, mới bắt đầu dùng văn tự, người hiểu rộng Đệ nhất nghĩa Đế, nối tiếp giáo học ấy gọi là Pháp tính tông. Nguyên Ngụy Cao tề có Thích Tuệ Văn, im lặng mà hiểu biết, trao đại sư Nam Nhạc Tư. Vì vậy mà có môn học Tam quán, từ đại sư Trí Giả làm hưng thạnh ở Thiên Thai, ngày càng phát triển rộng lớn, tất nhiên vẫn lấy theo lời dạy của Long Thọ. Trí Giả là cháu đời thứ năm, dựa theo pháp của Tả Khê Lang Công, gia đình gốc là Nho giáo. Sư có chí vượt tục, lúc còn bé đã khác hẳn với các đứa trẻ khác, hai mươi tuổi thọ kinh với tả Khê, thầy hỏi: Ông có mộng thấy gì chăng?

Sư đáp: Từ lâu đã mông thấy khoác áo Cà-sa, mang hai bánh xe đi lội dưới sông lớn.

Tả khê nói: Ngươi sẽ dùng hai pháp Chỉ Quán để độ chúng sanh ra khỏi vực sanh tử, bèn truyền cho Chỉ Quan của Bổn sư. Sư lắng đọng tinh thần, đức hạnh cao sáng, tiềm thức ấy nằm sâu trong trí tuệ để phát huy tác dụng. Giữa tấc lòng hợp với vùng trời bao la, vì vậy dùng người có học để truyền đạo, người học đều vui, như tất cả mọi dòng nước đều đổ ra sông cái.

Vào những năm đầu niên hiệu Thiên Bảo được thay áo nho sĩ làm tăng ni đến chỗ luật sư Đàm Nhất ở Việt Châu học pháp, tìm nắm những phạm vi của chế độ luật. Lại đến chùa Khai Nguyên ở Ngô Quận học thêm Chỉ quán, nhưng không có thầy giảng cho, tự mình mang Mật tạng về Đông nam, nói với đệ tử rằng: Đạo khó hành, ta đã biết rồi, bậc Thánh đời xưa dùng tịnh để xem xét về cội nguồn, động để ứng với mọi vật. Cả hai đều không dừng lại ở một nơi, mới bước vào được đại phương. Người đời nay hoặc bay bổng trên trời hoặc dậm chân tại chỗ, tự làm cho mình bịnh, lại làm cho người khác bịnh, không được vươn lên. Sắp muốn lấy chính là bỏ, cho nên mở rộng thượng pháp, bao gồm muôn hạnh, nhiếp hết các tướng vào không xen hở, tức dùng chữ nghĩa để đạt quán, dẫn lời trầm lặng mà trả về nguồn, đó là noi theo chương cú đã truyền gồm mười mấy muôn lời. Tâm độ các thiền thân không vượt ngoài khuôn khổ, ba pháp học đều được nung nóng, nghi vấn của mọi người ngày càng tan biến dần, giống như tìm châu mà hỏi bóng, hơi thấy công hạnh của võng tượng. Chỉ quán được thịnh hành bắt đầu do sự góp sức của Trạm Nhiên.

Cuối niên hiệu Thiên Bảo, đầu niên hiệu Đại Lịch (766-779), chiếu thư xuống vời liên tục, Sư đều lấy cớ vì bệnh mà từ chối, đang lúc quân cướp nổi dậy nạn đói tràn lan, nêu cao dòng pháp. Người học

càng đông, nhìn về nhà cửa làm nơi nương tựa, Sư dùng tâm nhân từ mà tiếp nhận, cẩn thận mà gìn giữ, trang trải cho một giường mà ở, lấy thân dạy người đến già không ngừng. Niên hiệu Kiến Trung năm thứ ba nhằm ngày mồng 2, Sư thị hiện bị bịnh tại đạo tràng Phật lũng, nói với môn đồ rằng: "Đạo vô phương, tánh vô thể, sống ư? Chết ư? Ý chỉ nhất quán, xương cốt ta sẽ quy tại núi nầy, trong đêm nay ta sẽ hóa, muốn nói lên lời từ giã với các ông, nhất niệm vô tướng, là không, pháp nào cũng đầy đủ gọi là giả, chẳng phải một, chẳng phải khác là trung. Ở phàm là ba nhân, ở thánh là ba đức, hun đúc trước sau giống nhau, đi ra biển thì cạn sâu khác dòng, tự lợi lợi tha là ở đó mà thôi, các ngươi hãy vững chí mà giữ lấy", nói xong thì mất, thọ bảy mươi hai tuổi, ba mươi bốn tăng lạp, môn đồ nghẹn ngào, xây tháp thờ toàn thân, an táng nơi cạnh đại sư Trí giả. Đệ tử nhập thất có Ngô môn nguyên Hạo, có thể gọi là thân cận nhất.

Sư thường ngày tập soạn giáo pháp, giải thích rõ nghi vấn ở trước, mở lối cho các nghi trệ về sau, cho nên có pháp Hoa Thính Tiêu và Pháp Hoa sớ ký, đều mười quyển. Chỉ quán phụ hành Truyền hoằng quyết, mười quyển, Pháp Hoa Tam-muội Bổ Trợ Nghi, một quyển, Phương Đẳng Sấm Bổ Quyết Nghi hai quyển, Lược Duy-Na sớ ký mười quyển. Trùng trị Niết-bàn sớ mười lăm quyển. Luận Kim Tỳ, một quyển, và Chỉ Quán Nghĩa Lệ, Chỉ quán đại ý và Chỉ quán văn Cú thập Diệu bất nhị môn v.v... thịnh hành ở đời. Nói rõ về việc sư bắt đầu từ niên hiệu Thiên Bảo và kết thúc vào niên hiệu Kiến Trung, dùng tâm tự chứng nói pháp chưa nghe, kinh chưa nêu, mà làm nên việc lớn của nhà Phật, chỉ có sư thôi, người đạt được đạo ấy chỉ có Lương Trúc học sĩ, nên cầm bút lớn mà thành văn từ tuyệt diệu, đề mục ấy chép: Hãy thử luận bàn, bậc Thánh không ra đời, thì trong ấy sẽ có Mạng thế giả ra đời, từ khi Trí giả dùng pháp truyền Quán đỉnh, cho đến đời tả Khê, khoảng thời gian nầy thì đạo sáng bị mờ tối, chờ ngài mà phát ra vật báu nầy, nhờ Sư mà dựng lại môn đồ, người được thọ nghiệp thần thông có ba mươi chín vị tăng, các ngài quí tộc nổi danh chịu ép mình mà học cũng chỉ có vài mươi vị. Sư nghiêm đạo tôn, từ xa quy về, nếu chẳng phải là người vì đời mà sanh ra thì đâu được như vậy. Xem bài luận của Lương học sĩ so sánh với nhau, thì chẳng phải bậc cao đức trọng làm sao động lòng được nhà đại nho, không phải danh bút làm sao khắc bia được, mới bước vào cửa nhà đã đoán được sự nguy nga của tông miếu, vì vậy mà lấy đây nghiên cứu lập luận, chúng ta thường có sự không hiểu về đạo của Sư.

7. Truyện Nguyên Hạo Chùa Khai Nguyên Ở Tô Châu Đời Đường: Thích Nguyên Hạo, họ Tần, tự là Quảng Thành, người ở Ngô Môn, tuổi nhỏ theo thiền sư Tuệ Nhất xuất gia tại chùa Linh Sơn ở huyện Tấn Lăng. Sau khi học đầy dủ giới luật được phân phối về chùa Long Hưng làm đệ tử gần gũi Thiền sư Kinh Khê Trạm Nhiên, ban đầu học Pháp Hoa Chỉ quán, đã được đề hồ, nhờ xé đại võng, cảm đại quả, thành đại hạnh, quy đại xứ, lấy làm đại nguyện, ở yên trong tam-muội, thường theo sau Phật, mong được tự đắc mà chẳng ai biết, bí mất ấy sâu xa như Hải ấn tam-muội, không nói ra mà thường làm việc Phật, với khổ hạnh khó làm thì càng noi theo, mặc truyền tâm yếu làm luận làm lý, cỏ lành linh chi làm công đức, truyền về hậu thế không thể nào nói cho hết, Sư chú giải kinh Đại Niết-bàn, làm lời tựa, ở đầu Văn Đức đẹp viên thật chí nguyện hiển hiện, ghi chép ý đã chứng mà thấy văn rằng: ta nghe vật báu của bậc tiên giác là thường, ở thạnh điểm Cửu Hựu bố hòa gọi là Giáo, quy Tông của Suất độ tri hoá gọi là hạnh. Chí cực của sự giao cảm nhân tâm gọi là chứng, nhưng lấy đạo để kèm đời, lấy pháp tánh hợp với vận dụng đang, phải ứng với mé vật trong bóng tối mà hiện lên càng sáng, mở rộng cho đến biến hoá, tự tha được soi rọi, thật ra là truyền bá tiếng tăm, cung kính lắng nghe, suy nghĩ hợp hòa đến cùng cực. Bốn đức sáng tỏ thì thật còn diệu thể, cách biến các nhà thì lần lượt quán các hạnh chí điển khắc tu ngõ hầu có thành tích, thật ra là dựa vào nguồn gốc lấy tín để dạy người, Đại Minh Tông cực, phô diễn yếu chỉ mong sẽ có bổ ít ở tương lai, tồn tại những tác dụng hay, tổng hợp lại tất cả ngôn luận, lập thành sách dạy, được lưu hành khắp nơi. Người quy thuận mà vâng theo, thật còn diệu. Pháp yếu rộng lớn ấy như Pháp phụ từ của vua, tự thuật của Tư Mã Thiyên. Quản Trọng có thể nói nặng nhẹ về truyện Xuân thu của Mạnh tử, tuy nhà nho với nhà Phật không cùng một nghĩa.

Ngày 11 tháng 11, niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 12, Sư cáo bịnh, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau nhập Niết-bàn. Chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa, mà là định chân thật của Như Lai. Ngày 13 tháng 11 năm sau Nhật xà-lê. Xây tháp ở cao nguyên phía nam Đông Sơn Hổ Khâu, thuộc Tây bắc Tô Châu.

Lúc học, Sư không màng đến chuyện khác, thường hay theo bên cạnh ngài Trạm Nhiên, giữ lấy từng lời nói, phân tách nghĩa lý một cách không nhàm chán, như các giòng nước nhỏ chảy vào sông cái, đều ghi nhớ tụng thầm, không sót một lời, mấy năm sau mới có người biết.

Trạm Nhiên nói rằng: Hồi cũng như người ngu, ít nói cho người

nghe, biết nhiều chữ nghĩa mà không có tài năng, dưới Lương Điền hai vị cố mà khuyên mời, mới soạn Niết-bàn Kinh Giản Thuật. Hạo cùng với Pháp sư Hoa Nghiêm Trừng Quán trụ chùa Vân Hoa ở Thường đô như du hạ của Khổng tử, về Nho lưu thọ nghiệp, ở hàm Lâm học sĩ Lương Túc, Tô Châu thứ sử Điền Công Đôn, người học Hòa-thượng Trí Hằng, Tử Du, Đạo Nho, Trọng Nghi, Trọng Lương năm vị trì kinh giảng luận không ngừng. Đại Bỉ, Khâu Ni, Thức Vi Đạo, Tốn Chí chân ngộ cùng cực. Bốn vị nầy thanh cao, thâm luyện thiền quán. Hạo ban đầu được hai vị quan thỉnh cầu chú thích kinh, nằm mộng thấy rất kỳ quặc, trên bậc thềm nở hoa là điều ít thấy ở nhân gian, chim lành bay quanh, năm mầu rực rỡ. Thứ sử Thôi Cung soạn bia xây tháp tại Hổ Khâu, bên trái đàn đưa La-hán, đàng sau có Hành mãn đạo tiêm Minh Khoáng đều là các tác phẩm của thiên Thai.

8. Truyện Trí Tạng ở Núi Hàng Ô, Ký Dương thuộc Việt Châu đời Đường:

Thích Trí Tạng, họ Bì, thuộc chủng tộc ở Tây Ấn-độ, ông nội là Tùng Hoa, nhiều đời làm hoạn quan. Sau nầy kiều cư tại Lô Lăng. Sư lúc nhỏ vào tinh xá, thấy tượng, bèn bỏ tục cầu chân, đều lưu tâm đối với tam học, đặc biệt là luật tạng rất là tinh mẫn.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba Sư đến nơi Dự Châu và Chương Châu vì lệ thuộc chùa Thiên Cung, mọi người khẩn cầu Sư lên đàn giảng độ, lúc ấy Sư rất được kính mến mệnh danh là luật hổ, mỗi khi bước lên pháp tọa đều đề xướng tỳ-ni, giảng đường đều chứa đông nghẹt người, nghe không nhàm tai. Biện danh lý, phân tách vi ngôn, liên hoàn đều có thể hiểu được.

Niên hiệu Trinh Nguyên gặp Thiền sư Đại Tịch, được rõ tâm yếu và dựng tiểu thất trên núi Hàng Ô ở Cối Kê, để tu thiền, soạn Hoa Nghiêm kinh diệu nghĩa, có rất nhiều người đến học, đến tháng 2 niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 14, không bệnh mà qua đời, thọ bảy mươi chín tuổi, hỏa táng thu Xá-lợi, xây tháp thờ trên ngọn núi ở phía bắc viện.

9. Truyện Thần Thanh Chùa Tuệ Nghĩa ở Tử Châu đời Đường:

Thích Thần Thanh, tự Linh Dữu, họ Chương, người ở Xương Minh thuộc Miên Châu, anh em ba người nối tiếp nhau xuất gia, đều có tiếng tăm. Sư đứng ở hàng giữa, lúc thụ thai, mẹ kiêng ăn đồ tanh, thời trẻ con lúc vui chơi hễ gặp tượng thì tỏ vẻ tôn kính, gặp tăng thì cúi đầu, tuổi

mười ba theo pháp sư Biện Trí học tại chùa Khai Nguyên, lúc ấy điều lệ rất gắt, người xuất gia phải tụng kinh ngàn trang mới được xuống tóc. Thanh tụng kinh Pháp Hoa, Duy-Ma, Lăng-già Phật Đảnh, v.v..., có giống nhau thì tụng thêm. Lúc ấy, cố tướng Kiều Lâm làm Thái Thú quận Miên, rất thương Sư tuổi nhỏ mà tuấn tú, đích thân làm lễ xin cho xuống tóc, đến năm mười bảy tuổi thính tập đã hiểu sơ, liền giảng Kinh Pháp Hoa, đúng hai mươi tuổi được luật sư Y Như chùa Tuệ Nghĩa cho thọ giới cụ túc. Mùa hè học Thi-la, nương học Tân sớ, tìm đạt Đại tông, bèn đến thượng đô, vì giỏi văn và ham học được vào trong Ứng phụng, đến tuổi già Sư muốn trở về chùa Tuệ Nghĩa, vừa giảng đạo vừa soạn thuật không có ngày rảnh. Vào niên hiệu Nguyên Hòa Sư qua đời tại Bổn tự, án táng tại Bạch môn Lan-nhã, tức ở phía Bắc ngoài Thê thành.

Sư bình thường thích soạn thuật, ưa làm liễn đối, vừa có tài lại chịu khó đào sâu, tam giáo đều hiểu, thông suốt huyền học, nhận thức về nhân luân, hơn hẳn hàng muôn người. Đệ tử già trẻ bốn phương có trên ngàn người. Trước sau soạn được Pháp Hoa Huyền Tiên mười quyển. Thích Thị Niên Chí, ba mươi quyển. Tân luật sớ yếu quyết mười quyển. Nhị chúng Sơ Học Nghi một quyển, Hữu Tông Thất Thập Ngũ Pháp Sớ (cũng gọi là pháp nguyên ký) một quyển, đây đều giải thích ngũ vị sắc tâm, tâm sở bất tương ưng, vô vị mà Tiểu thừa chấp không thể là pháp thể tính nghiệp dụng đều nêu rõ, cho nên gọi là pháp nguyên. Thức tâm luận, Trừng quán luận, Nghĩa Sao mấy quyển, Bắc sơn tham thiền ngữ lục mười quyển, Tính chung hơn trăm trục, đều lưu hành ở đời, tựu trong ngữ lục bao gồm tam giáo, rất được các danh nho cao tăng khắp nam bắc yêu chuộng. Cho nên gọi Bắc sơn thống Tam giáo huyền chỉ, thật ra là lục thôi, cho nên Tham huyền. Xét các tác phẩm của Sư, ít nói rõ về ý chỉ hai quyền một thật của kinh, lại nói rõ về sự sâu sắc của luật luận tiểu thừa.

Sư có tướng mạo lạ lùng, trắng trẻo, tướng quốc Thôi Qui theo dõi từng lúc từng việc, nên soạn bài tán rằng: Đạo mạo giống như Tam Tạng Huyền Trang. Môn nhân rất nhiều, người nỗi bật nhất là Nghĩa Tướng, cũng là người thừa kế sự nghiệp của Sư.

10. Truyện Đoan Phủ Chùa Đại An Quốc ở Kinh đô đời Đường:

Thích Đoan Phủ, họ Triệu, người ở Thiên Thủy, mẹ là Trương phu nhân, nằm mộng thấy vị Phạn tăng nói rằng: Bà sẽ sanh quý tử, vừa nói vừa từ trong túi lấy Xá-lợi ra bảo bà nuốt vào. Đến khi sanh, vị tăng đã

gặp trong mộng, giữa ban ngày đi thẳng vào phòng, vò đầu đứa bé nói rằng: Ngươi sẽ làm hưng thịnh giáo pháp, nói xong liền biến mất.

Đứa bé dần dần khôn lớn thành với dáng vẻ trán cao, mắt sâu, cằm rộng, miệng vuông, thân cao sáu thước năm tấc, âm thanh như tiếng chuông, sẽ gánh vác Bồ-đề của Như Lai, làm tai mắt của sanh linh. Cho nên có biểu tướng đặc biệt như vậy. Bắt đầu mười tuổi theo Thiền sư Đạo Ngộ làm sa-di tại chùa Sùng Phước, mười bảy tuổi được độ làm tỳ-kheo, thuộc chùa An Quốc, do Chiếu luật sư truyền giới cụ túc ở chùa Tây Minh, học tỳ-ni với luật sư Thăng tại Sùng Phước, được pháp sư Tố truyền Duy thức tại chùa An Quốc, học thông kinh Niết-bàn với luật sư Ngân tại Phước Lâm. Sư lại nằm mộng thấy vị Phạn tăng mang Xá-lợi đầy bình lưu ly đến bảo nuốt hết, lại nói rằng: Tam Tạng Đại giáo đều chứa trong bụng ông rồi đấy. Từ đó, kinh luật luận Sư là người vô địch ở đương thời, bao gồm cả sông ngòi lẫn đầu nguồn hội tụ lại, nước tuy là thao thao, nhưng chẳng thấm được đến bờ bến, phải chặt cây còi để ruộng tình mưa cam lộ thấm cho người trồng pháp, tất nhiên phải có kẻ dũng trí hùng biện, mới gặp được Văn-thù ở Thanh Lương. Các vị Thánh đều hiện giảng Đại kinh ở Thánh Nguyên, khắp kinh thành đều nhóm họp lại nghe.

Đức tông Hoàng đế nghe danh, mời Sư vào triều phủ, được tự do ra vào nơi cung cấm, luận bàn với nhà nho và đạo sĩ, được ban tặng y tía, cuối năm được ban thưởng trọng hậu hơn hẳn mọi người, lại được chiếu gọi phụng sự cho Hoàng Thái tử nơi đông triều. Thuận Tông hoàng đế rất kính mến phong độ của Sư, thân như anh em, ân lễ rất trọng hậu. Hiến Tông Hoàng đế đã mấy lần đến thăm viếng chùa, đối đãi với nhau như bạn, thường hay chiếu cố, chú ý luôn luôn với vẽ mặt tao nhã, tiếng nói vang vội, hợp với ý chỉ vua, khế hợp với chân thừa, tuy có biện luận với người nhưng không ngoài mở mang làm mục đích. Thiên tử càng biết Phật lý là bậc đại thánh, có việc không thể suy nghĩ, bàn luận, triều đình mới dẹp xong giặc tại Tây hạ, bắt giữ Ngô Oát Thục Trư, Thái Đãng, vậy mà thiên tử khoanh tay như vô sự. Chiếu phủ hướng dẫn tăng đón rước chân cốt tại Linh Sơn. Mở pháp trường ở Bí điện, vì mọi người cầu phước, đích thân dâng nhang đèn, dù có hành hình thì không làm cho tàn phế hay ô trọc, trẻ con không khóc than, biển cả không có sóng to, Vua Chân Tông noi theo đức sáng của Tỳ Đại Chánh. Nhà vua muốn biểu hiện hùng tài vĩ lược của mình, đương nhiên cần phải có đường lối bí mật sâu xa, trông coi nội điện pháp nghi lục, tả nhai tăng sự, để làm tiêu biểu cho tăng chúng, suốt mười một năm giảng kinh luận Niết-bàn,

Duy Thức. Dương Nhân truyền trao Tông chủ, để mở ra khuyến dụ người xuất gia, tại gia gồm một trăm sáu mươi ngôi. Vận ba mật Du-già, họp vô sanh ở tất-đàn, hằng ngày trì các bộ hơn mười muôn biến. Chỉ Tịnh độ là nơi nghỉ ngơi, Nghiêm Hoa Nghiêm, Kim Cương vì vì ân báo pháp, trước sau cung thí mấy trăm muôn lượng, đều để tô điểm cung điện, tô vẽ cùng cực mà phương trượng giường đơn tịnh lự tự được, quý tộc đều dựa theo, giới hào hiệp công thương đều kính mến tiến cống để tỏ lòng thành, trang nghiêm đủ lễ, hàng ngày đều không dưới cả ngàn phong thư, mà Sư tức là Phật của chúng sanh, lìa bốn tướng để tu thiện, trong lòng như đất bằng, bậc vương công hay hạng phu xe đều được đón tiếp chân thành, người cho rằng lấy làm thành tựu thì không khinh hạnh, chỉ có phủ một mình mà thôi. Muốn cứu lấy người trầm mê trong biển cả, vượt đến bờ bến thì phải có kỳ công diệu đạo.

Niên hiệu Khai Thành năm đầu, nhằm ngày mồng 1 tháng 6, Sư nằm nghiêng bên hông phải, mặt hướng về Tây mà hóa, lúc ấy đang là mùa hè, mà sắc mặt Sư vẫn tươi tỉnh, suốt đêm có mùi thơm lạ không tanh, ngày mồng 6 tháng 7 dời quan đến cao nguyên phía nam Trường Lạc, theo lời căn dặn của Sư thực hành hỏa táng, được hơn ba trăm hạt xá-lợi, óng ánh như ánh sáng thần, linh cốt đã thiêu được ban tặng danh hiệu Đại Đạt, tháp hiệu Huyền Bí, thọ sáu mươi bảy tuổi, đệ tử tăng ni khoảng hơn ngày vị, hoặc giảng luận Huyền ngôn, hoặc kỷ cương đại tự, tu thiền kiêm luật, chia ra hơn năm mươi vị thầy, kẻ làm quan có hội xương tướng quốc Bùi Công Hưu, có làm bia ca tụng đức hạnh của Sư.

11. Truyện Tông Mật Chùa Thảo Đường Ở Khuê Phong Đời Đường: (Viên thiền sư, Chiếu thiền sư).

Thích Tông Mật, họ Hà, người ở Tây Sung thuộc Quả Châu, nhà vốn là hào thịnh nhưng kém hiểu sách nho, muốn quan hệ với đời cứu lấy sanh linh. Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ hai, tình cờ yết kiến Thiền sư Viên ở Toại Châu, Viên chưa nói chuyện với Sư, đã tỏ vẻ ưa thích, bèn cho xuống tóc thọ giáo, năm ấy được thọ giới cụ túc với Luật sư Chửng, yết kiến kinh Nam Trương, Trương nói: “Ngươi truyền giáo dạy người, phải tuyên đạo ngay tại kinh đô”, lại tìm đến thiền sư Chiếu ở Lạc Dương, Chiếu nói: “Người là Bồ-tát, có ai biết được “cuối cùng gặp được Hoa Nghiêm quán” ở Thường Đô.

Quan nói: “Tỳ-lô Hoa Tạng có thể theo ta du hành, chỉ có mình ngươi hay sao? Ban đầu ở đất Thục nhân theo thứ lớp thọ kinh được viên giác mười hai chương, đào sâu được nghĩa lý, thệ truyền kinh nầy. Tại

Hán thượng, nhân vị tăng bị bịnh, trao cho Hoa Nghiêm cú nghĩa, chưa từng học tập tức thì giảng ngay, vì vậy soạn sớ sao cá bộ Viên giác, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cương, Khởi tín, Duy Thức, Vu-Lan-Bồn, Pháp Giới Quán, Hạnh Nguyện kinh, v.v... và Pháp Nghĩa Loại Lệ Lễ Sám Tu Chứng đồ truyện Toản Lược. Lại tập hợp thiền ngôn của các Tông thành thiền Tạng, làm bài tựa chung, cùng trả lời thư kệ nghị luận v.v..., lại soạn Tứ Phần Luật sớ năm quyển, Sao huyền đàm hai quyển. Tất cả khoảng hai trăm mấy quyển, sáu bức đồ hình, đều vốn nhất tâm mà quán các pháp, hiển bày chân thể mà dung hòa sự lý, vượt ngoài sự đối đã của mọi người, thầm hợp với vật ngã mà riêng vận hành. Sư vào trong nội điện hỏi pháp yếu ấy.

Niên hiệu Đại Hòa năm thứ hai, làm lễ khánh thành, ban cho y tín làm đại đức, tìm về nơi núi rừng. Niên hiệu Hội Xương năm đầu, nhầm ngày mồng 6, tháng 1, Sư ntgồi diệt độ ở Hưng Phước tháp viện, vẻ mặt vui vẽ như ngày thường, ngày hôm sau tự dời phục thân vào hòm, đủ biết năng lực tự chứng ấy là như thế nào, ngày 22 tháng ấy, người tại gia, xuất gia cùng đưa đến Khuê Phong, ngày 13 tháng 2, cử hành hỏa táng, được mấy mươi hạt xá-lợi, trong trắng láng bóng, môn nhân khóc lóc xin tro đem về, phần còn lại đều gồm thâu để trong hang đá, đủ biết lòng từ vô duyên như thế nào. Sư thọ sáu mươi hai tuổi, ba mươi bốn tăng lạp, di chúc để lại là hãy để thây cho chim thú rỉa ăn đốt cốt thành tro mà rải ra, chớ đừng xây tháp, đừng để cho thương xót mà loạn thiền quán. Mỗi khi thanh minh lên núi phải nghe giảng đạo liên tục bảy ngày mới về. Ngoài ra những nghi thức chủ trì phải hợp với khoa luật, ngược lại là không phải đệ tử ta.

Ban đầu, Mật Đạo tiếng tăm thơm tho, dân chúng trong nước mến mộ như thế, triều quý đáp ứng cũng như vậy. Vào niên hiệu Trường Khánh, Nguyên Hòa về sau, trung quan lập công, người chấp chánh là Khổng Xí, trong ngoài đố kỵ, mọi người nằm trong cảnh nguy kịch. Lúc ấy, tể thần Lý Huấn rất trọng về Mật đạo và trong khai thành ngụy cam lộ phát. Trung quan lãnh năm trăm cấm binh ra thành, gặp đâu giết đó. Lúc ấy, Vương Nhai Giả là Sơ Thư Nguyên Dư đang ăn uống tại nhà Trung Thư, hay tin chạy trốn vào núi Chung Nam, theo Sư, Lý Huần cầu xuống tóc để trốn, người tùy tùng ngăn cản, Huấn đổi hướng đi Phụng Tường, Cừu sĩ Lương biết được, sai người bắt Sư nhập tả quân, quy cho mấy tội chết để hại.

Sư thản nhiên nói: "Bần đạo biết Lý Huấn lâu năm cũng biết ông ta sắp phản, nhưng giáo pháp của Bổn sư, gặp khổ thì cứu, không muốn

nhìn người chết mà cam tâm. Trung uý Ngư Hoằng Chí vui mừng. Tấu xin xóa tội. Triều thần đều cảm động mà chảy nước mắt. Có người hỏi rằng: Sư vì thiền hay vì luật, hoặc là kinh luận?

Sư đáp: một nước chiến tranh bốn mặt, con người không cần phải có danh tiếng, đều có thể gọi là Đại trí, đó là Viên Minh, Tự Chứng, Lợi Tha Đại Bồ-tát.

Cho nên Bùi Hữu Luận soạn chép: Có người cho là Sư không giữ thiền hạnh mà giảng kinh luận một cách rộng rãi, hay là du hành nơi danh ấp đại thành để xây dựng chùa chiền, vì danh tiếng mà cực nhọc. Chẳng phải vì danh vì lợi hay sao? Than ôi! Bọn người luận bàn có biết được cái thú vui của đại đạo chăng. Nhất tâm tức là tổng thể của muôn pháp, phân ra mà thành giới định tuệ, mở ra là sáu độ, tan ra là muôn hạnh, muôn hạnh chẳng phải nhất tâm sao? Nhất tâm chưa hề sai trái với muôn hạnh, tức là một trong sáu độ của thiền đấy, đâu thể chung với các pháp được, trái lại Như Lai giao phó pháp nhãn cho Ca-Diếp không lấy pháp hành, cho nên tự tâm mà chứng ra pháp, tùy nguyện mà khởi là hành, chưa hẳn phải thường giống nhau, nhưng nhất tâm là do muôn pháp mà sanh mà không lệ thuộc muôn vạn pháp. Kẻ đạt được thì pháp tự tại, kẻ thấy được thì đối với giáo không trở ngại đấy. Vốn chẳng phải là pháp thì không nên nói pháp, không phải giáo thì không nên dạy đời, đâu thể dựa theo dấu vết mà tìm cầu được? Từ Ca-diếp đến Phú-Na-xa, gồm mười vị tổ, đều được La-hán hóa độ, cũng do các vì La-hán Mã Minh, Long Thọ, Đề-Bà bắt đầu mở ra Đại thừa, soạn luận giải kinh, phá diệt ngoại đạo, các Bồ-tát đề xướng đầu tiên, Tôn giả Xà-Dạ lấy giới lực làm uy thần, tôn giả Ma La thì lấy khổ hạnh làm đạo tích, tất cả các Tổ hoặc rộng hành pháp giáo, hoặc chuyên tâm thiền tịnh, hoặc thiền thối mà đi, hoặc hỏa hóa mà diệt, hoặc leo cây để thị hiện cái chết, hoặc chịu hại mà đền nợ, đó là pháp thì giống nhau nhưng hành thì không giống nhau. Dựa theo vết cũ chẳng phải là hạnh tốt, giữ theo quy tắc cũ cũng chẳng phải là đồ khéo, không nhanh lẹ không gọi là trâu mạnh, không hơn hẳn mọi người thì không phải là đại sĩ. Vì vậy đạo của Sư, lấy tri kiến làm diệu môn, im lặng làm chánh vị. Lòng từ nhẫn làm giáp thuẫn, Tuệ Đoạn làm Kiếm mâu, phá bức tường của nội Ma, vây hãm trận mạc của cướp ngoài, trấn phủ tà tạp, giải mở lưới lòng, gặp kẻ lang thang thì quát nạt cho về nhà, gặp gái nghèo thì mắng cho về chăm lo cửa nhà; cùng tử không về, gái nghèo không giàu. Thầy ta xấu hổ lắm. Ba thừa không hưng thịnh, Tứ phần luật, không mở mang, thầy ta rất thẹn. Trung hiếu không cùng gánh

vác được trách nhiệm, lòng thầy thẹn thùng, tránh danh kẹt tướng, tăng thêm ngã mạn, thầy ta cũng thẹn lòng, nên vội vàng muốn cứu giúp, gấp rút dạy bảo, chẳng do một hạnh mà tự cao, chẳng ỷ một đức mà tự túng, con người phải có nơi nương tựa, không đợi thỉnh cũng đến. Có kẻ cầu lợi ích không đợi phấn phát cũng mở; tuy trẻ con không phân biệt tiếp ứng, chạy nhảy bừa bãi, không lười, lấy đó độ sanh lại giúp cho sự cai trị nước nhà. Vì vậy những người nắm được pháp của Sư, gặp nghèo thì ban cho, gặp hung bạo thì kềm chế, gặp ngang bướng thì tùy, theo gặp chống trái thì thuận, gặp hỗn độn thì mở lối, gặp kẻ trụy lạc thì tạo điều kiện cho phấn chấn lên. Kẻ tự hãnh diện phải bền lòng. Kẻ tự kiên phải hóa mềm dẻo. Kẻ vì tư tình phải vì công, kẻ chìm đắm trọng vọng tình phải dùng việc nghĩa, phàm sĩ tục có kẻ bỏ nhà và vợ, cùng nhập vào pháp, phận chùa mà ở, có kẻ đổi nghề, không ăn thịt mà giữ giới pháp, dựng nhà làm cận trụ, có kẻ ra chăm lo chánh sự để cứu vớt bịnh khổ lấy làm Đạo, có kẻ thối quan mà về phụng dưỡng cha mẹ lấy làm hạnh. Ngoài ra có kẻ lơ là mà đến, hời hợt mà đi, phất tay mà đến, đầy bụng thì về. Còn rất nhiều việc không thể nói hết, thật là Bồ-tát của Như Lai gởi gắm, là bạn thân của chúng sanh, là người của bốn y hay là người của Mười Địa, ta không hiểu cảnh giới lĩnh vực ấy rộng hẹp sâu cạn. Người nghị luận làm sao biết được sở thú của đại đạo, sự hiểu biết được lòng bậc đại nhân chỉ là thế thôi. Sư hiểu tâm rất nhiều là nhiều không ai sâu sắc hơn là Thăng Bình tướng quốc, bởi đồng khí tương cầu. Vua Tuyên Tông lại mở mang Chân thừa, muôn điều lành đều có thứ lớp, truy tặng thụy hiệu Định Tuệ Thiền sư, tháp hiệu Thanh Liên, đệ tử và quần chúng đưa tang có đến mấy ngàn người.

Hệ rằng: Bài luận của tướng quốc Hà Đông, có thể gọi là tuyệt bút, có Tông Mật thì có Bùi tướng quốc, ngược lại không có Bùi tướng quốc thì đâu biết được Mật công, hai vị có liên quan với nhau. Đức hạnh của Tông Mật rất tròn, ứng trên thân của Tể quan, thì lời nói của Bùi tướng có thể đo lường được.

12. Truyện Thừa Ân Chùa Tây Minh ở Kinh đô đời Đường:

Thích Thừa Ân, không biết người ở đâu, tuổi trẻ đã ham học, tìm thầy khắp nơi, nhà học ở nơi nào cũng tìm đến, thường hay dạy dỗ môn đệ rằng: Ham học gần người trí, gắng sức mà hành gần người nhân, nhân trí thành tựu, tuy là khác tên nhưng đồng là thật, đến địa vị Bồ-tát như viên bi lăn xuống dốc. Sư thích người vì học mà không quên giảng dạy. Đến cuối niên hiệu Thiên Bảo quan Trung có làm phản nên Sư

tránh nạn đến Cô Tang. Sư đi đến nơi gọi là Bí Mật, gần đất Khương lỗ, nơi nầy rất chuộng kinh luận, Sư dạy người tại nơi ấy khiến cho thành công, nhiễm sâu về phong tục tập quán bên Hoa Hạ, đều bước vào nơi tình nghĩa, tự mình soạn lại Bách Pháp luận sớ, tại nơi Tây thổ, gốc sớ ấy là Từ Ân dựa theo Lỗ Phủ, đại để phần nhiều giống nhau, sau nầy đệ tử truyền bá ra. Đến niên hiệu Hàm thông năm thứ 4 tháng 3, tăng pháp Tây Lương kính tin nghiên cứu đạo nầy. Bẩm với Tiết Độ sứ của đạo nầy, Trương Nghĩa Triều, dâng biểu tiến dâng các tác phẩm của Thừa Ân, vua sắc lệnh Lưỡng nhai Tam học đại đức v.v... xét định rõ ràng, thật đáng hành dụng, sắc y theo số tăng mà ban tặng y tía, bổ sung bậc Đại đức của đạo nầy.

13. Truyện Tri Huyền ở núi Đan Cảnh thuộc Bành Châu đời Đường:

Thích Tri Huyền, tự là Hậu Giác, họ Trần, người ở Hồng Nhã Mi Châu, Tằng tổ là Đồ Nam làm huyện Lệnh Xạ Hồng ở Tử Châu, ông nội là Hiến, cha là mạo đều không thành đạt trên danh trường, mẹ họ Ngụy mộng thấy mặt trăng chui vào lòng, vì vậy mà mang thai cho đến khi sanh, lúc Sư còn bú chưa biết nói, gặp tượng Phật hay hình tăng đều vui vẻ, lên năm tuổi, ông nội bảo làm thơ, Sư bước mấy bước đã thành bài thơ rằng: “Hoa nở đỏ cả cây, hoa ho rụng trơ muôn cành, chỉ còn một đóa, còn mất tùy gió thổi”, ông nội khen rằng: Ta nuôi đứa cháu nầy, sẽ đậu thủ khoa, tẩy rửa sỉ nhục cho hai đời. Nay thấy chí của đứa trẻ nầy, chẳng phải để truyền đời, sẽ bắt đầu từ nơi cửa Phật tiến triển.

Quả thật, mới bảy tuổi gặp pháp sư Pháp Thái giảng kinh Niết-bàn tại chùa Ninh Di, vì chùa ở gần nhà, nên Sư hằng ngày đến nghe giảng, mỗi khi Huyền nghe nói pháp, hình như nhìn thấy kiếp trước của mình. Trong đêm mộng thấy tay Phật trong điện nhà chùa hay vò đầu, thức dậy nói với ông nội, xin vào làm Sad-di trong chùa. Thân tộc thấy điếu nầy không kềm chế được nên bằng lòng, đến năm mười một tuổi mới được xuống tóc, bèn theo thầy đến chùa Tứ An ở ấp Đường Hưng, truyền cho Đại Kinh bốn mươi hai quyển. Viễn Công nghĩa sớ, Biện Không sư Viên chỉ, cộng chung một trăm hai mươi lăm muôn lời, đều bao gồm nghĩa sâu xa, năm mười ba tuổi chỉ trích người xuất gia lộ bày khí thế của bậc lão thành. Lúc ấy, Thừa tướng Đỗ Công Nguyên xuống làm Trấn Tây Thục, nghe tiếng tăm của Huyền, gọi đến Thăng đường, giảng đàm tại chùa Đại Từ, dưới lầu Phổ hiền, dân chúng đến cả muôn người, mọi người đều kinh ngạc vô cùng. Kể từ đây người Thục

không còn gọi tên, Sư mà gọi bằng danh hiệu là Trần Bồ-tát. Truyền lại cho rằng: tiền thân của Huyền tên là Tri Huyền, giảng kinh Thập địa tại núi Tam học thuộc Hán Châu, chiêu cảm làm cho đất biến thành Lưu ly. Sư thọ giới cụ túc với luật sư Biện Trinh tại chùa Tịnh Chúng, mới nghe tỳ-ni tiếp tục thông luận Câu-Xá, được sự giao phó của Luật sư Cố ở núi Trường Thập, lại theo Bổn sư xuống Tam hiệp, qua Kinh Châu và Tương Dương, đến chùa Tư Thánh ở Thần kinh. Chùa nầy là nơi tập trung các vị Tứ hải tam học, Huyền giảng nói kinh luận, tại gia xuất gia đều kính ngưỡng, người bên ngoài đến ngày càng nhiều. Văn tông Hoàng đế hay được mời Sư vào cung để thưa hỏi, rất hạp ý vua. Sau nầy Sư học luận Duy thức với pháp sư An quốc Tín, lại nghiên cứu ngoại điển, lời của kinh sách trăm nhà đều có tổng hợp, Sư chỉ ngại về tiếng địa phương không được thông suốt, bèn tụng chú Đại bi tại núi Tượng nhĩ. Mộng thấy vị thần tăng đến cắt lưỡi thay cho lưỡi mới, ngày hôm sau bỗng biến thành Tần ngữ. Có ông Đại nho Dương Mậu Hiếu, theo Sư nghiên cứu nội điển, muốn y theo Tạ Khang Lạc chú thích kinh Niết-bàn, phần nhiều cầm quyển kinh hỏi về những điều nghi, Sư phải theo mà giải thích từng phần.

Mậu Hiếu viết thư nêu rằng: Bậc Long tượng trong nước hiện nay, ngoài thầy thì còn ai, tiếp theo là biểu dương hình bộ Nhữ sĩ Cao, Tả thừa NguyênDũ, Trường an Dương Lỗ Sĩ, đều muốn tạo lập môn phái kết thành Liên xã. Một hôm, Sư đang ngồi, nhìn thấy Mậu Hiếu mặc ca-sa tía, đội mão xanh đến lạy ba lạy xong nương hư không mà bay đi. Huyền bảo người dò xét, cho biết rằng, đêm hôm ấy Mậu Hiếu nói với con rằng: Ta thường muốn xuống tóc khoác Ca-sa, mang bình xách guốc theo hầu ngài Trí Huyền, nhưng còn kẹt là vì tóc mão. Đến lúc ta vào quan tài phải dùng Ca-sa tím, mão hoa sen xanh, đến đây mới nghiệm được điều đã thấy ở trước.

Vua Vũ Tông lên ngôi, ban đầu còn sùng kính nhà Phật, sau nghe lời theo kẻ đầu độc, hương về cúng tế. Trên núi Phùng lai xây cao đài để cầu vũ hóa, tuy gián quan can ngăn, Tể tướng thường khuyên, nhưng đều không hồi tâm chuyển ý. Nhân lễ Đức Dương tổ chức hội Truy Hoàng tại điện Lân Đức, riêng ban chiếu, cho Sư đối địch với đạo môn rằng: Thần tiên là đáng học hay không đáng học? Vua khoanh tay phó cho đạo Lão lấy việc nước như lấy tô canh vậy.

Sư trình bày lý lẽ với nhà Vua rằng: Sự giáo hóa căn bản của Đạo giáo, nói thuật thần tiên là ở trong núi rừng, hàng thất phu riêng về sự nghiệp cao thượng nhưng lại giúp cho túc nhân. Chẳng phải thích nghi

với bậc vương giả đâu, sông từ ngữ đổ vào biển ngôn Biện, hoành chú có cả mấy ngàn lời. Người nghe cũng phải nổi ốc khắp mình, đại nghịch với thượng chỉ, tả hữu đều thất sắc, Tả hộ quân Thù Sĩ Lương, Nội khu mật Dương Khâm Nghĩa, rất thương mến biện tài e sẽ bị trục xuất, bèn thầm ngâm thơ cống chúc vua nghiêu, Sư lập tức làm thành năm bài, bài cuối rằng: "Sanh thiên vốn tự nghiệp sanh thiên, chưa hẳn cầu tiên mà thành tiên, lưng hạc nghiêng nguy, lưng rồng trơn, quân vương hãy trụ một ngàn năm". Vua xem bài thơ hơi hiểu đôi chút, tuy không nghe lời can ngăn, nhưng lại khen tặng kiến thức ấy. Sư trở về Ba Mân cựu sơn, theo lệ bố thí khăn lược, mà còn xem xét giới rõ ràng hơn, dùng thuyền nhỏ đi vào cảnh Hồ Tương, khi ấy, Dương Cấp Sự Hán công liêm thì hỏi về Quế lãnh, dừng chân tại Khai nguyên Phật tự, thuộc niên hiệu Long Phi đời vua Tuyên Tông. Dương công từ nội khu mang tả cấm quân. Sách Định công Cao thỉnh phục hưng Thiên Trúc giáo, tấu xin tìm tông tích của Trí Huyền, Huyền trở về chùa Bửu Ứng, Thuộc Thọ xương tiết giảng tán, được ban thưởng ca-sa tía và làm thủ tọa của Tam giáo. Vua y theo phiên để cũ làm chùa Pháp Càn, chiếu Huyền ở tại đình Ngọc Hư của chùa. Niên hiệu Đại Trung năm thứ ba, vua ban chiếu gián nghị Lý di Tôn. Cấp sư Dương Hán Công truy hoàng đỉnh liệt luận Nghĩa, lòng vua rất vui, lệnh cho trong nước phá chùa củ xây lại chùa mới, đại hưng phạn xá, Huyền góp sức rất lớn, còn cho họa sĩ vẽ hình trong cung cấm, được trọng đãi như vậy, cùng tướng quốc Bùi công Hưu kết thành bạn thân, cùng Khích Dương trung hưng giáo pháp. Năm thứ tám dâng biểu xin trở về nơi cũ, đại hành lợi tế, được lợi rất nhiều. Mùa xuân niên hiệu Quảng Minh năm thứ 2, Vua Hỷ Tông lánh nạn ở Tây thục, vua sai Quách trung Thái mang thư đến thỉnh Sư cùng đi, trên đường cùng đàm luận, làm cho lòng vua rất cởi mở.

Tả quân Dung Điền lệnh tư và các quan hỏi đạo rất ân cần, Vua muốn biểu dương cái đẹp cái hay, bèn bảo các học sĩ soạn hiệu cho Sư, đều chưa đạt được vừa ý, bèn tự cầm ngự bút viết rằng: Trẫm muốn mở lối ngộ nhập vào tôn chỉ của Pháp Hoa, kẻ ngộ giác sẽ sáng, ngộ đến đại Đạo thì ngộ Phật, lại nói: ngộ thì trong một sát-na, chẳng ngộ thì trong Hằng sa kiếp, cho nên kẻ ngộ chân thừa hiểu rõ về nghĩa thành Phật. Nay ban cho danh hiệu Ngộ Đạt quốc sư.

Nhà vua gượng dùng danh hiệu để biểu lộ ý trẫm, Sư khước từ không được, bèn khẩn cầu được trở về nhà xưa ở Cửu Lũng, nhằm ngày 21 tháng 1, nằm mộng thấy từng đi du lịch, những thắng cảnh danh tích đều hiện ngay trước mặt, ngày mồng 7 tháng 2, nghe tiếng nói từ trên

hư không vọng xuống: chắc chắn sanh tịnh độ.

Sư liền hỏi lại rằng: Tiếng nói từ đâu vọng đến thế?

Trả lời rằng: là lời của Phật!

Trong tháng 7, Sư nghe bên ngoài có tiếng giao đấu, đang băn khoăn có một Bồ-tát giáng xuống trước nhà, dần dần đến gần chỗ Sư, căn dặn rằng: chớ nên thấy cái khổ nầy mà hệ lụy, nói xong biến mất. Lại một hôm, có một hạt ngọc, từ bên chân trái của Sư chạy chuồi xuống, khổ sở vô cùng, nhìn lại trong hạt ngọc ấy rõ ràng có hai chữ Triệu Thố, bèn biết Tri Huyền là Viên Anh, từng vì bảy nước làm phản, Anh tâu vua chém đầu Thố để đáp tạ các vua Ngô Sở. Sư gọi đệ tử Từ Đăng đến kề tai nói nhỏ dặn rằng khi chết phải bỏ xác một nửa dưới sông cho cá rỉa, một nửa để trên bờ cho chim thú ăn, tuyệt đối không được chôn cất, ta đã có hẹn với Tây phương Tịnh độ như vậy từ lâu rồi. Huyền phó thác xong, trở mình về hướng Tây mà hóa, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi bốn tăng lạp.

Vào niên hiệu Hàm Thông, Sư từng du hành đến Trạch Châu, hỏi pháp sư Tiểu Viễn sanh cùng năm, mất cũng cùng ngày tháng. Sư kiêng giữ giới cấm, ít muốn, không ăn quá ngọ. Không ăn rau quả, chỉ mặc vải thô nằm trên cỏ khô, mỗi ngày hành đức mấy tiếng đồng hồ, đêm ngủ một canh (hai giờ), thời gian còn lại thì ngồi thiền. Đối với chúng sanh không phân biệt sang hèn hay lớn nhỏ, đãi ngộ như một, kết bạn thân riêng, nhất là Bùi tướng Quốc, ban đầu, Bùi trấn thủ ở kinh môn. Huyền đến núi Ngũ Đài, đường đi lộ ra Thử cung, tặng quà Sư không nhận, Bùi biết là vì tiết kiệm, nên lén sai người từ từ cung cấp trên dọc đường, lúc đi qua Lạc Cốc huyện Chân Phù, Nhà họ Ung có đầm, trong đầm có cá lớn như rồng, có bốn chân và răng bén, nhà ấy hằng ngày nuôi bằng thức ăn, đến nay đã bốn đời rồi, mỗi khi định bắt lên làm thịt thì trời kéo mây mù mịt. Huyền gõ vào thuyền vò đầu, c1a trố mắt và nhảy lên, liền được quy y. Chẳng bao lâu, nhà họ Ung được báo mộng rằng: Ta cảm tạ người bảo vệ nuôi dưỡng mấy đời, nay được quy y sống trên cỏi trời, xin từ giã đấy.

Còn một chuyện nữa, đó là đạo giang ngọc lũy sơn thần miếu Lý Vĩnh và các vị thần ở Quách Long môn, phía Bắc Ích Xương, đều thọ giới pháp, không ăn máu thịt, lại có Lý Thương Ẩn một bậc văn hào không ai sánh bằng, thường hay đến chơi với Liễu công tử Đồng Mạc, đã lâu hâm mộ đạo học của Tri Huyền, xin vào làm đệ tử. Ở làng Vĩnh Sùng Sư trụ chùa Hưng Thiện. Nghĩa Sơn bị bịnh đau mắt, đôi ngươi tối tăm chỉ nhìn về thiền cung, âm thầm mà cầu nguyện, hôm sau, Sư gởi

thiên nhãn kệ ba chương, đọc xong mắt rực sáng trở lại.

Sau nầy, Nghĩa Sơn bị bệnh, có nói với Tăng Lục và Tăng Triệt rằng: "Đời ta có chí nguyện xuống tóc làm đệ tử ngài Tri Huyền, nay sắp chết xin gởi thư kệ từ biệt.

Tri Huyền lúc còn sống có soạn Như Lai Tạng Kinh Hội Thích Sớ hai quyển, nhờ Ngài Tăng Triệt soạn pháp giám, Đại vô Lượng thọ kinh sớ hai quyển, Tăng Triệt soạn Pháp Đăng Loại Chương Chỉ. Thắng Man Kinh Sớ, bốn quyển, Tăng Triệt soạn Pháp Uyển, để sửa chữa chỗ sai sót, giống như Vĩ thư, Bát-nhã Tâm kinh và kinh Kim Cương đều có sớ nghĩa, ngoài ra giữa nước Tần Thục, có soạn Thích Thị tạp Văn Ngoại Thiên Châm, nói về bia chí và thi ca, chép thành hơn hai mươi quyển, Lễ sám văn sáu quyển, hợp chung là ba mươi muôn lời, sau nầy dời tháp đến chùa Phụ Thanh, núi Trà Lũng, niên hiệu, Trung Hòa năm thứ hai, đệ tử Tả nhai Tăng lục Tịnh quang Đại sư, Tăng Triệt thuật truyện pháp Tôn hữu Nhai tăng lục Giác Huy, đệ tử của Huy là Ngụy Thục Hựu Thánh Quốc Sư, Trùng Tôn Quang Nghiệp Tăng lục, Phùng Tường phụ ghi chép, Huyền Chân Lý Nghĩa Sơn Chấp phất thị lập.

14. Truyện Tăng Triệt Chùa Đại An Quốc Ở Kinh Triệu Đời Đường:

Thích Tăng Triệt, không biết người ở đâu, thiên tư lanh lợi, thanh cao vượt bậc, tuổi nhỏ thông minh mà ham kính mến Ngộ Đạt Quốc sư, thường hay đến gần giảng đàn, hầu bên cạnh giảng sư, không hề cảm thấy nhàm chán, ngộ được Tân nghĩa biệt chương. Được thầy dặn dò, giao phó cho Triệt truyền bá, là sớ kinh Như Lai Tạng, soạn Pháp Giám, bốn quyển, Đại Vô Lượng thọ kinh sớ, soạn Pháp đăng hai quyển. Thắng-man Sư Tử Hống Kinh Sớ, soạn pháp uyển mười quyển, xem xong Ngộ Đạt soạn sớ, như truyện Tả Khâu Minh, Sư soạn tam pháp sao, cũng như tạp giải của Đỗ Phục, ban đầu Sư trụ chùa Pháp Càn, nội ngoại các môn đều học cho nên lời bút rất cao, tầm Sung hữu nhai ứng chế, mỗi khi gặp ngày đản sinh Sư lên điện Lân Đức giảng pháp tòa đàm. Vua sắc ban cho Cà-sa tía, ý Tông Hoàng đế lưu tâm nhà Phật, hễ gặp tám ngày chay đều tổ chức bữa cơm chay trong cung điện khoản đãi chúng tăng, nhà vua vì tham gia pháp tập nên đích thân tụng kinh, Triệt thì lên đàm ngâm tụng, ban tặng quà rất nhiều, cho làm Đan Đàn mộc giảng tọa, lại ban sắc cho Lưỡng Nhai bốn chùa thực hành Phương Đẳng sám pháp, giới đàn độ tăng đều hai mươi mốt ngày, đặc biệt tuyển chọn tăng ni đại đức hai mươi vị, vào điện Hàm Thái lập độ.

Ni Thiện trong chùa Phước Tsao chép Đại tạng kinh, mỗi tạng gồm năm ngàn bốn trăm sáu mươi mốt quyển, tạc tượng một ngàn pho, đều giao cho Sư triệt xem xét.

Chọn ngày 14 tháng 11, nhân dịp lễ Diên Khánh điện, Lân Đức triệu tập tăng đạo trong kinh thành vào đó giảng luận, những ngày gần đây Sư soạn Hoàng Du, từ biện trong sáng, rất được nhà vua khen ngợi, lại nêu cao Phật lý, bàng nhiếp hoàng quan, có thể gọi là Tiết hành dị luận, đương thời gọi là Pháp Tướng. Vua rất vui mừng, ban tặng cho danh hiệu Tịnh Quang Đại sư. Niên hiệu Hàm Thông năm thứ 11, tiếp tục sao lục Lưỡng Nhai tăng sự.

Ban đầu Sư qua sông vượt biển, mạnh mẽ cố gắng, giảng quán tại chùa Thanh Long, dựa theo nghĩa ý của Ngộ Đạt Quốc sư, gởi trình sở kiến, Mông Quýnh tám mươi bốn chữ rằng:

Quan quân pháp uyển tư sung hư, giải ngã chân thừa nhẫn hữu dư.

Nhược sử long quang thời khả đãi, Ứng Lân Tăng Triệu luận thành sơ.

Ngũ xa ngoại điển tri nan địch, cửu thú đa tài khủng bất như.

Tiêu tự giảng hiên hoành đàm đãng, Đế hương vân thọ chánh phù sớ.

Kỷ sanh tằng đắc xà du ý, Kim nhật kham tương bối diệp thư.

Nhất chấn vi ngôn quán thiên cổ, Hà nhân chấp quyển vấn ngô lư.

Nhà vua xem xong, trong lòng vui buồn lẫn lộn, bài thơ mang đầy cảm xúc, vì trong lúc Quảng Minh bọn cướp phạm vào cung khuyết, Hỷ Tông lánh nạn về tây Thục, đêm ấy Sự nghỉ trong chùa, ngày hôm sau thượng hoàng cùng với Đỗ Quang Đình tiên sinh, hỗ tùng vào Mân Nga, gặp lại Ngộ Đạt kể lể về gian nan. Sư có rất nhiều tác phẩm, bia tụng, thi ca v.v... không biết Sư mất ở đâu.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 7

1. Truyện Chí Viễn Chùa Hoa Nghiêm Ở Núi Ngũ Đài Đời Đường:

Thích Chí Viễn họ Tống, nhà ở Nhữ Nam, cha mất sớm, chỉ nương cậy vào mẹ, loa âu ngày đêm, mẹ thường tụng kinh Pháp Hoa, chỉ thông được năm quyển. Viễn hiểu biết hơn người, năm hai mươi tám tuổi xuất gia theo thầy, quy y Hà Trạch tông phong, ngộ giải được ý chỉ sâu kín, kinh doanh tăng sự liên miên suốt sáu năm. Việc trao ra nhận vào không hề lẫn lộn, từ đấy đi tìm thầy học lễ, lại trải qua tám năm, tuy biết rộng về hai tông nhưng tình vẫn còn gắn với nhau. Nghe tông Thiên Thai gồm hiểu thông diệu lý. Định Tuệ song dung giải tiến đối với hành. Cảnh quán thập thừa khởi từ một nhà, tu tánh ba đức mát mẻ thịnh diễn, vì mời bè bạn lên núi ngũ phong. Ở nơi núi rừng, lần theo dấu trước, hiểu được lý của sáu phàm bốn Thánh, mở cửa cho khai thị ngộ nhập, trăm giới ngàn như bao la tánh tướng, vừa che vừa chiếu, phá lập cùng lúc, y Chánh Viên dung, phàm thánh bình đẳng, mở ra tầm nhìn rộng rãi, cả vật và ta đều mất, chỉ bốn mươi năm mở mang từng bước, nghiệp xa đạo tinh, chí mạo thần khổ, nằm không cởi áo, ăn chẳng thỉnh riêng, nhắm mắt mất mùa, củi đuốc đều thiếu, mỗi khi múc nước súc miệng sẽ mong ngày dài, trên mình có ghẻ tay chớ nên quào, giới xét vâng tu phải giữ tâm miệng, thường dùng bốn thứ Tam-muội luyện mài tấm thân. Về việc thọ trì, rất hạn chế về vẻ đẹp của từ ngữ hay nghệ thuật nét bút, mỗi khi có biện luận phải trái, trắng đen, dị thuyết có phụ với người học, thường hay ở bên cạnh thu thập bí yếu để phản bác, tìm ra khuyết điểm để giành thắng bại, tiếng tuy là ngang nhiên ngồi trên ban chủ tọa, thối là phập phồng thẹn thùng, càng cao núi ngã thì bỏ bốn tất-đàn.

Đến Hội Xương năm thứ tư, Sư qua đời, thọ bảy mươi bảy tuổi, bốn mươi tám tăng lạp. Sư chợt không ăn mấy ngày mà nói pháp không hề sợ khó, nhằm ngày 17 tháng 2, dặn dò đệ tử rằng: Ta suốt đời tu tiến

không lừa gạt tâm miệng, nay được hái được quả lành, tức là nằm yên, ngủ yên mà chẳng có đau buồn gì cả, lại rằng: Thiên Thai tông sớ, mục đích là tuyên truyền. Pháp Hoa sớ mười quyển, Bản môn, tích môn, ba chu ký biệt, mở ra gần mà hiểu được xa, Huyền văn mười quyển, năm nghĩa phán thích. Chỉ Quan mười quyển, Cảnh quán song tu, bất định Đốn Tiệm tám giáo thô diệu, già chiếu bình đẳng hành giải tròn sáng, một nhiều tức nhau, lời văn của một tạng, ngọc ngà sáng vàng sẽ bước lên bậc thánh, giáng xuống cũng chẳng bằng, lễ sám phương Đẳng phải nhờ tâm chí thành, lòng ôm ấp mãi là do tâm của ta. Bấy giờ, long tượng nhóm họp bên tòa Tiết Tỷ, đều khen là ít có cùng tụng danh hiệu Phật, giữa lời dạy che đến thiên linh, gió thảm mây sầu, núi tối nước ngập, rừng đồi biến sắc càng thêm thê thương, các con của xà-duy Nhật rong ruổi không biết đến đâu.

Tuy người học rất nhiều, nhưng đạt được pháp chỉ có Nguyên Kham, tức con cháu của Phù Phong Mã, khí độ sâu sắc, đạo phong thanh cao, bình giải thoát ở nơi xa, rót vào đề hồ có thể gọi là sau một ngọn đèn, lại đốt lên một ngọn đèn sáng rực đến thời vua Võ Tông Trừng Thái, bẫm sư ý chỉ trước đau buồn khóc lóc suốt đêm, đem những chương sơ văn bản của thầy cất giấu trong vách nhà.

Đến thời vua Tuyên Tông Phật giáo được tôn sùng trở lại, sửa sang nhà cũ, đem những bộ giáo ấy để trên ảnh đường. Sáu thời kinh hành, nghiễm như tiền chế, hằng năm truyền tụng Pháp Hoa diệu kinh, Ma-ha chỉ quan phu dương lâu dài. Hết lòng vì kế thừa, chẳng qua cũng vì tôn kính thầy vậy.

2. Truyện Hi Viên Chùa Ứng Thiên Ở Việt Châu Đời Đường:

Thích Hy Viên họ Trương, người ở Cô Tô, giòng họ giàu sang, chỉ có một mình Viên xuất gia theo giới pháp, đến các trường giảng, không dính mắc một nơi nào, siêng cần tu dưỡng ba học, hàng năm càng thêm sâu sắc và hiểu rộng hơn. Được chọn làm bậc tài giỏi để đảm nhiệm giảng dạy.

Trong niên hiệu Quang Khải, quân Thuộc Từ Ước làm loạn, tôn nho chọn nơi đất Ngô, chỉnh lý nội bộ, bắt đầu phản kháng lại sự quấy nhiễu, Viên từ chùa Thông Huyền theo thuyền buôn sang đất phía đông, hành khách đều là người nước Việt (Triết Giang), bọn họ đều kính tin Hy Viên. Được gọi vào trụ chùa Bửu Lâm ở Cối Kê. Hình dáng tuy là người tu mà tính lại mạnh bạo, thường hay gây sự, chẳng hợp với ai, có người hỏi rằng tại sao như vậy.

Sư nói: "Tả tiêu diêu nơi vô hình, những người muốn thỉnh pháp đến, Sư bèn soạn Huyền Trung sao mấy quyển, đều đúng nghĩa dụng từ, hằng khuyên người gấp tu nghiệp thượng sanh, lại nói: Chẳng phải biết là khó, mà hành mới là khó thật sự. Sư suốt ngày lễ sám không hề thiếu sót, ở một căn phòng nhỏ ở trên đỉnh núi Lang Da.

Theo truyền thuyết: đài Từ Lang Da bay đến đây, trước là đổ phường (nơi giết mổ), cho nên đều trấn giữ dưới ấy núi đều có giếng trong, giếng có lươn lịch, nước ứng theo thủy triều lên xuống của sông cái, có rất nhiều linh quái. Có thuyết nói rằng: Nơi nầy là Hạ Vũ bắt nhốt con thuồng luồng, gọi là con giòi, giòi có đôi tay vừa vàng vừa xanh, khi biến sang mầu xanh của tre trúc thì mưa gió sẽ đến, nay hay xuất hiện ở kẻ đá, đi vào mương rãnh nơi nhà tăng ở, không sợ người, nắm bắt thì nhảy nhót dường như nổi giận, cố tình đi vào phòng Sư, Sư dùng tay vuốt ve hơi chịu, Sư cho quy y thọ giới, bảo không nên làm yêu quái gây mưa gió, đến khi Sư mất gió mưa lại rất nhiều.

Sự tụ tập của Viên là mong được gặp Di-lặc, một hôm, giảng xong, Sư ngồi sửng tên pháp tọa, mọi người ngửi thấy mùi thơm dìu dịu như mùa xuân, lúc thoảng lúc không, liên tiếp như vậy bảy ngày, đây thật là chứng quả thượng sanh. Ngày về núi chúng tăng bày cúng tại cửa chùa, mọi người quỳ lạy rất đau thương, thình lình lại biến mất, chẳng ai biết được. Thi thể Sư cử hành hỏa táng, thu được hơn bảy trăm hạt xá-lợi, người Tứ Minh mang về nước Tân-la.

3. Truyện Huyền Ước Viện Mộc Tháp Chùa Hưng Long Ở Giáng Châu Đời Đường:

Thích Huyền Ước, họ Trương, người ở Chánh Bình, chí Vận cứng cỏi, tuổi nhỏ đã nẩy sinh tâm xuất trần, vì có túc chí nên đến chùa Long Hưng, mỗi ngày tụng ngàn lời, sau khi xuống tóc luật nghi đầy đủ, xem xét tâm mình, dựa theo phạm vi giới luật, giữ kỹ việc làm, chưa từng đào huyệt, từ đấy danh tiết cao dần, bầu bạn kính mến trong vài năm luật luận đều rành, đi tìm trí thức khắp nơi, nghiên cứu sâu về Huyền Văn, dừng chân tại chùa Sùng thánh ở Trường An, chọn lấy giới đức, lên đàn giảng luật, cùng với Câu-xá hơn bốn mươi biến. Tánh tình Sư điềm tĩnh, tánh nghiên cứu đối chiếu không hề thiếu sót.

Sư soạn Câu-xá luận Kim Hoa Sao hai mươi quyển, được người đương thời quý trọng, hai lần lên bậc giảng đều có ba trăm mấy người dự, đều là học trò phương Bắc, truyền bẩm cho môn sinh cho cả trăm vị, trong thời gian Sư ở Phân Bí, người theo học đến già. Sư qua đời trong

một căn phòng nhỏ của chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi, năm mươi sáu tăng lạp, đệ tử học pháp cùng người xuất gia, tại gia thu gôm được mấy trăm hạt xá-lợi. Xây tháp thờ ở phía Tây quận thành.

4. Truyện Ngạn Huy Chùa Minh Phước Ở Hoạt Châu Đời Đường: Thích Ngạn Huy, họ tôn, người huyện Dương Vũ ở Đông kinh. Lúc còn nhỏ nghe cha đọc kinh Kim Cương Bát-nhã, trừng mắt lắng nghe một cách thích thú, trong nhà hay có làm lễ chay, mỗi khi nghe tiếng khánh phạn tự nhiên mà chấp tay lễ Phật, năm mười lăm tuổi theo thầy học đạo, đến Thái Nguyên, Kinh Triệu, Lạc Dương nghe, giảng quên cả mệt nhọc. Khi đủ tuổi, Sư thọ đại giới tại chùa thiếu thất ở Tung Sơn, tu tập Tỳ-ni rất thông hiểu ý thú sâu sắc, kế là tìm hiểu kinh luận, đều đến cội nguồn mầu nhiệm. Lại nói rằng: “làm lành khác nhau, nhưng đồng quy về trị, trị thì giới định tuệ, nhập thánh cơ giới, đây là chỗ cực trí của tính tam trị”. Sư đến kinh đô Lạc Dương, các bậc tiên giới đều nể phục, đối với bốn bộ đều kính trọng sự sáng suốt, gần gương thì buồn ít vui nhiều, cầm bình thì nâng nhẹ giữ nặng, ngoài ba lớp áo mọi thứ của cải đều lấy đủ dùng mà không dư thừa, hành từ mà nhẫn nhịn việc không chính đáng theo quy tắc, không chứa môn đồ, chỉ nhọc bản thân, siêng năng hoá đạo, âm thầm tiến tu, cho nên người Nam Yên gọi là Phật tử. Ban đầu ở nhờ chùa Minh phước, giảng luận Bách Pháp, bậc anh hào bốn biển do sóng gió đưa đẩy tới, thường hay tựu tập đến cả trăm người, thường là bậc tài giỏi, nghiên cứu tỷ mỷ về kinh tông, chia làm thượng hạ thập ác, thượng thập ác thì động nhàn tính tướng, dựng cao cờ pháp, ba lập Tông, Nhân, Dụ lập phá không dính mắc, hạ thập ác thì học gồm nội ngoại ngâm vịnh phong tao. Sư thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai pháp lạc.

5. Truyện Quy Dư Chùa Tướng Quốc Ở Đông Kinh Đời lương:

Thích Quy Ngữ, họ Mi, người ở Thọ Xuân, cha là Nguyên Húc, biết con mình lanh lợi dạy cho thi thơ, hễ đọc qua thì ghi nhớ trong lòng hơn hẳn mọi đứa trẻ khác. Học xong chư tử, trong lòng, nảy sinh xuất gia, cha mẹ chấp nhận theo nguyện vọng, bèn gởi gấm vào chùa Khai Nguyên làm Sa-di cho luật sư Đạo Tông. Chưa đầy một tuần sau đã đọc thông hai kinh Pháp Hoa và Nhân Vương. Đúng tuổi được thọ giới cụ túc, giữ gìn ba hạnh, và bốn oai Nghi, nghe học tân Chương liền giảng được, sau nghe ở kinh đô Lạc Dương thịnh hành tam phụ kinh luận, Sư bèn kết bạn cùng đi, tìm thầy. Chỉ trong mười năm, đã sớ thông tánh

tương, tinh ròng đại tiểu thừa, danh số nhất chi, Nhân minh nhất học. Câu-xá, Duy thức, Duy-ma, Thượng sanh đều thể nhận sâu xa như Hư không, lại trở về Nam yên, theo Huy Công học lại các môn cho nhuần nhuyển, cảm thấy nghĩa chương còn chưa hoàn thiện, đến chùa Tương Quốc ở Đông kinh, nhồi lại tân sao mà giảng huấn, cố gắng làm cho môn sinh lĩnh ngộ. Lúc ấy, Châu Lương hậu chủ và Sư vốn là bạn học cùng trường, tình bạn năm xưa sâu đậm, xa cách nhau cũng khá lâu, lên ngôi nửa năm sau hạ chiếu tìm kiếm, Sư biết người cố cụ, im lặng suốt cả năm nhưng lẩn tránh mãi cũng không khỏi, bèn phải ứng chiếu vào cung, nhà vua buồn vui lẫn lộn, ban tiệc khoản đãi nồng hậu, lúc ấy nhằm lễ gia khánh, vua ban sắc lệnh đình chỉ việc nâng tiến tăng đạo Ân. Năm ấy vua chỉ ban y tía cho riêng Sư, phong hiệu Diễn pháp đại sư, Lưỡng Nhai uy nghi đón rước đến chùa, đồng thời ban sắc lấy viện Ngự Dang ở đông tháp làm viện Trường giảng. Nhân dịp lễ thánh, Mân soái dâng một tạng kinh Kim Cương, ba trăm xấp vải lụa, vua đều ban cho Sư, pháp lữ cảm nhận vinh hạnh, nhưng xét thấy cựu sao có gì không ổn, chưa được cùng tận nghĩa lý, bèn sưu tập tinh nghĩa suốt ba năm, soạn thành hai mươi quyển, vua xem xong rất tán thưởng, lệnh cho nhập tạng, Sư cố từ khước mới thôi, như vậy trong mười lăm năm, xướng đạo không ngừng, học trò nối nhau truyền trì. Đến ngày mùng 10 tháng 10 niên hiệu Thanh Thái năm thứ 3 đời Hậu Đường, Sư gọi môn nhân là Hồng Diễn bảo rằng: “Sức lực ta đã đến lúc mỏi mòn rồi, người hãy trụ trì tu tiến”. Đầu hôm, Sư chắp tay rồi qua đời, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi lăm tăng lạp, ngày 18 tháng ấy dời tháp về gò phía Đông, chùa Đông Giao ở Kinh đô.

6. Truyện Lệnh Yên Ở Trường Thủy Thuộc lạc dương Đời Hậu Đường:

Thích Lệnh Yên, họ Dương, người ở Văn Hương thuộc Thiểm Phủ. Lúc nhỏ đã có ý chí muốn xuất gia, được vị Sư ở ấp ấy dạy cho kinh Tịnh Danh, đúng hai mươi tuổi thì cho thọ giới luật, cùng học đại tiểu thừa, trên danh số pháp môn nhiễm thành thuần tuý, Di-đà Trung Quán có Oát và Cao Du, tiếng tăm lừng lẫy không ai bằng, vì vậy mà Sư đến Trường Thủy ở Lạc Nam, gặp đàn tín quy tâm xây chùa giao ước với nhau, cứ một luận một kinh, liên tục trong suốt ba mươi năm, giảng hóa được hơn năm mươi biến, hằng ngày còn tụng riêng Duy-na, Thượng sanh, giữ hạnh giữ tâm, dứt bỏ thói xấu Tông thừa các nơi gần xa đều cầu mong khát khao.

Niên hiệu Thanh Thái năm thứ 2, Sư qua đời tại chùa, thọ bảy mươi một tuổi, năm mươi mốt tăng lạp. Theo tục Tây vực hỏa táng, được xá-lợi, người học và đàn việt cùng xây tháp thờ.

7. Truyện Trinh Biện Chùa Khai Nguyên Ở Định Châu Đời Hậu Đường:

Thích Trinh Biện người ở Trung Sơn, lúc còn nhỏ đã biết việc xuất trần, nên thề tu học mãi, tánh khắc khổ, mọi người đều sợ Sư không kham nổi, nhất chí nghe tìm, rảnh thì chích máu viết kịch, lại chích máu vẽ hình Quán tự tại đứng và hình từ thị, có lần vì hành đạo mệt nhọc, có hai cô thiên nữ đến chọc quẹo. Biện thề rằng: Lòng ta chẳng phải sắt đá, ta sẽ dùng thần chú trị các ngươi, chúng thấy không được bèn bỏ đi. Từ đấy đạo thắng, ma cũng không còn dấu vết.

Sư đến thành Thái Nguyên nghe giảng tu tập, lúc ấy Trung Sơn họ vương và Hậu Đường họ Lý phong cảnh giáp nhau, lo lắng sự dòm ngó, trong châu thành không chứa chấp ngoại tăng, vì vậy Sư bị đuổi ra ngoài, ở nhờ nơi cổ mộ ngoài chỗ trống, Hội Vũ Hoàng đế đi săn trong ruộng đồng, trong phạm vi gò mả, Sư còn chưa biết ất giáp chuẩn bị vào thành phó giảng, nhìn thấy cờ xí và kỵ binh, liền rút thân vào huyệt, Vũ hoàng đế bắt gặp, hỏi về nguyên do lại khám xét trong hang thấy lót cỏ làm chỗ ngồi lại có bút nghiên sớ sao tứ tung. Vua bèn gọi vào phủ cúng dường. Lúc ấy, Tào Thái hậu rất nể trọng. Sư than vãn với Thái hậu rằng: “Mục đích của thần là học đạo, ở trong cung lâu ngày, như bị khóa tay khóa chân vậy. Vũ hoàng cho Sư tự do thong thả, trở về Tung Sơn. Giản dạy tu bổ các ngôi chùa cổ đều được toại nguyện. Có người đàn bà họ trần quỳ lạy cầu xin Sư soạn cho Thương sanh kinh sao, được người học lúc bấy giờ rất quý trọng nên đặt tên là Biện sao. Về sau, Sư qua đời tại chùa nầy.

8. Truyện Hư Thọ Chùa Đại Thiện Ở Quận Cối Kê Đời Hậu Đường:

Thích Hư Thọ, người ở Ngự Nhi thuộc Gia Hòa. Sau khi thọ giới thì học tập ở thượng đô, nội ngoại các môn đều thông hiểu, truyền giảng mấy bản đại kinh luận, không ngại tuyên đạo. Vào niên hiệu Hàm Thông được ứng phụng thánh tiết bổ sung làm giám nghĩa Tả Nhai, bè bạn ai chẳng ai không nể phục. Đến niên hiệu Quảnh Ninh kinh đô bị giặc cướp chiếm lĩnh, Sư tạm lánh nạn sang chùa Đại Thiện ở đất Việt. Người cùng sở thích thỉnh Sư giảng hai kinh Niết-bàn và Duy-ma, tức

là nhằm niên hiệu Thiên Hựu, vì giận các vị Sư khiếm nhã, nên Thích Sùng Phước sớ phần lược mà không trúng, cũng như lấy nước giúp nước, rốt cuộc không giúp được gì cả. Bèn soạn Nghĩa Bình Sao, mười bốn quyển. Đến niên hiệu Đông Quang mới soạn xong. Lại vì giảng Câu-Xá luận Sớ, có bài tựa của Giả Tăng Thị lang, kế là tựa của Tăng Viên Hung, đều soạn Sao giải, lời văn chứa đầy những hiểu biết xưa nay, đối với kinh Niết-bàn Sư phân tích chẳng phải sơ lược, vẫn có người bác bỏ sớ của Tiểu Viễn, khỏi bị làm bẩn bởi con ruồi xanh, ngoài ra thì pháp Hoa, Bách pháp, Duy thức đều có nghĩa chương riêng biệt. Tính Sư lại nóng nảy khác với mọi người, thu nhận đệ tử đều không được, tự mình phải nấu nướng, củi tươi lửa tắt thổi lại khói, nổi quạu lấy nước chế vào suốt ngày, không ăn uống mà cứ giảng giải, đến tuổi già mắt mờ, lên tòa sư tử đội nón tre mà giảng, không nháy mắt, có người chế nhạo cho là xem thường thính chúng, Sư cũng đành chịu thôi

Võ Túc Vương họ Tiền đến đất Việt, Sư bèn ra yết kiến, vương tôn kinh phong độ, ban cho ưu lễ, nói mệt nhọc hai ba lần. Vào niên hiệu Càn Hoá tổ chức độ giới tại chùa Khai Nguyên ở Cối Kê, được gọi là giám đàn luyện tuyển, nơi đây có chức nầy bắt đầu từ Sư mới có. Túc vương dâng biểu lên triều đình, tiến cử xin ban cho y tía, Trang Tông chế ban cho người mang đến Doanh Khâu giữa lúc Sư đang giảng bài tựa Thượng sanh kinh sớ, cho đến như chuông lớn mà hư Thọ, Sư bèn bỏ phất xuống nói rằng: Ta có danh mà không có thật, sau nầy lại càng là hư thụ, các ngươi hãy hiểu cho. Túc vương hay được nói rằng: “vị Tăng nầy chắc chắn là vô ân mệnh phần, sao mà tên là Hư Thọ nhỉ”. Năm Ất dậu niên hiệu Đồng Quang, Sư qua đời, chờ khi tàu biển mang khốc diệp đến, suốt cả ngày mới đến Thanh Xã, quả nhiên khớp với lời nói của Túc vương, Thụ để lại tập văn mấy quyển, thuật nghĩa chương ba mươi mấy quyển, lưu hành ở đời.

9. Truyện Khả Chu Chùa Long Hưng ở Hàng Châu thời Hậu Đường:

Thích Khả Chu, họ Phó, người ở Tấn Lăng, xuất gia tại chùa Kiến Nguyên, cá tính thuần lương, siêng năng học hỏi, bạn khuyên rằng: Chẳng phải đất thì cây không mọc, nay kinh Dự Chương gọi là sông, luận gọi là biển, sao không đến mà thỉnh nghiệp? Chu cảm thông sự khai đạo khế hợp mà đến đó, gặp pháp sư Vân Biểu thịnh tập cùng Pháp Hoa và Từ Ân đại sớ ngày càng trở nên sâu sắc.

Chiêu Tông, trong khoảng từ Giang Tây đến Đài Việt, ban lệnh

khai phát. Niên hiệu Càn Hóa năm thứ hai đời Tương, Sư triệu tập khai diễn tại chùa Long Hưng ở Hàng Châu, thính chúng già trẻ thường có năm trăm người. Lưỡng Triết Võ Túc Vương lệnh cho giảng kinh ban đêm tại Thiên Bửu Đường, quỉ thần hiện hình hộ vệ. Thường hay có người nhìn thấy, hay có Tế đồng quan họ Vu coi đền thờ thần, thỉnh rất lâu mà không thấy giáng xuống, sau nhập vào Vu nói rằng: Ta theo đại thần đi đến phía Tây Thiên Bửu Đường nghe pháp mới về, Võ Túc vương nghe vậy càng trịnh trọng, cho như ý bằng vàng, bát và y tía, và danh hiệu là Tinh chí Thông Minh.

Niên hiệu Thiên Thành năm đầu, Sư qua đời tại phòng riêng thuộc viện Quán Âm. Niên hiệu Càn Ninh năm thứ tư, Sư đến chùa Tùng Sơn ở Đài Châu giảng Sớ quyết Sao, dựa theo sớ tiết thành năm quyển, gọi là bình kinh sao; Âm huấn ngũ thiệp giải, Tuyên luật sư pháp Hoa Tự sao, một quyển, lưu hành ở vùng Triết Giang, đệ tử nối nhau không dứt.

10. Truyện Trinh Hối Chùa Tướng Quốc Ở Đông Kinh Đời Hậu Đường:

Thích Trinh Hối, họ Bao, người ở Thường Thục thuộc quận Ngô, mười ba tuổi bắt đầu xuất gia tại chùa Long Hưng, tính tình trầm lặng, biết tranh thủ thời gian, mới hơn một năm tụng suốt kinh Pháp Hoa hai bộ Hằng Nghiệp và Nhật Chu như thế. Năm thứ 19, tại Dương Châu chọn danh sư thọ giới cụ túc. Từ phía Bắc Y Lạc đến Tấn Giao, hễ chỗ nào có trường giảng, Sư đều đến thưa hỏi. Về kinh luận, thì nghiên cứu tận cùng tánh tướng, giữa bạn ngang hàng ít ai sánh bằng, đối với bạn yếu thì cách rất xa. Vào niên hiệu Thiên Hựu năm đầu đời Đường, Sư đến chùa Tướng Quốc ở Đông kinh hiện nay, giảng kinh Pháp Hoa khoảng mười lần, cũng như người chưa về đã biết hàng bán hết hay chưa, đến nhà Lương, người vật dời đổi. Niên hiệu Trinh Minh Năm thứ hai, Hội Tống Châu soái Khổng Công, kính mến phong cách của Sư, biết được đạo hạnh, bèn bày lễ như đối với thầy bạn, bỏ ra tiền của xây dựng nhà giảng kinh Pháp Hoa tại Tây tháp viện, từ đấy hội hợp đông đúc, một mặt còn dạy văn đại tạng, hai thời hành đạo tinh tiến chẳng mệt mỏi. Lời của trăm nhà, kỹ thuật thế gian đều loại ra ngoài vòng nghị luận. Dạy môn đồ rằng: cách nói dị đoan gây rối chân tâm, vô ký bất huân, đâu cần học tập. Ta thà làm sư tử quát chó chớ không làm con dã can hót, Sư chỉ chăm lo nhang đèn quét dọn trong chùa để có chỗ nằm nghỉ. Đến niên hiệu Thanh Thái năm thứ hai, đời Hậu Đường,

ngày mười tháng hai gọi đệ tử năm mươi mấy vị, tự mình nấu nước tắm rửa xong, xướng kinh Thượng sinh. Lễ Phật xong, bỏ ra áo đồ không cần dùng, phân phát cho tăng ni. Ngày hôm sau Sư ngửa nhìn trời chấp tay nói rằng: "Làm phiền các bậc thánh đón rước nơi cỏi trên, cả trăm đồ đệ đều nghe tiếng nhạc trên trời, chốc lát Sư đã hóa, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi bốn tăng lạp, giảng suốt trong chùa ba mươi mấy năm. Kinh giảng ba mươi mấy lần, xem tạng kinh hai lượt, tu Di-lặc nội viện nghiệp, ngày 18 tháng 2, an táng Sư tại gò phía Đông cạnh chùa, cờ xí uy nghi, tăng tục đưa tang khoảng hơn một ngàn người.

11. Truyện Khả Chỉ Chùa Trường Thọ Ở Kinh Đô Đời Hậu Đường: Thích Khả Chỉ, họ mã, người ở Cao Khâu, núi Đại Phòng thuộc Phạm Dương. Năm mười hai tuổi, đã có tâm xuất gia, theo luật sư Pháp Trinh chùa Mẫn Trung, năm mười lăm tuổi làm Sa-di, từ giã thầy học tập kinh luận. Lúc ấy, chùa Đại Hoa Nghiêm, có Pháp sư Nhân Sơ giảng luận Nhân Minh, Chỉ cầm quyển luận để vào lòng ba lần tinh nghĩa nhập thần, mọi người đều cho là tài ba, có lão túc Duy Ma Hòa-thượng, là kỹ sĩ của Phật môn, hỏi Sở sư rằng: Môn nhân tài giỏi có ai đứng đầu.

Sở sư nói: "Có Sa-di U Châu ở Ôn cố tri tân siêng năng không lười. Duy-ma xin được gặp mặt, bèn chất vấn Thắng quân tỷ lượng, hỏi gì đáp nấy, không thể khuất phục được.

Duy-ma nói: Thật là hậu sinh khả úy, khế kinh đã nói, tuy nhỏ không nên kính mến, bèn cố sức mời Sư đến khai giảng ở Hằng Dương,Tăng tục đều kính mến, năm mười chín tuổi, Sư đến núi Ngũ Đài cầu giới, trước khi thọ giới, cảm thấy văn chương trí tuệ vẫn còn thuộc về bản thân mình, vì vậy mà về thăm cha mẹ và thầy cũ. Phụ diễn tại chùa, năm hai mươi ba tuổi đến Tịnh bộ học kinh Pháp Hoa, luận Bách Pháp. Vào niên hiệu Cảnh Phước, Sư đến Hà Trì, có thỉnh giảng Nhân Minh, sau có dạy học trò vài năm tại chùa Đại Trang Nghiêm ở Trường An. Niên hiệu Càn Ninh năm thứ ba dâng thơ lên vua Chiêu Tông, được ban Cà-sa tím, ứng chế nội điện, bổn đạo Lưu Nhân Cung, trấn giữ cửa bắc, khống chế Phiên Hán, nghe tên tuổi Sư, bèn gởi thư đến triệu về quê cũ, cha và thầy đã mất, còn lại mẹ già, Chỉ cầm bát khất thực, cơm cặn canh thừa xem như thức ăn ngon, hành tụng Thanh Long sớ ba năm, văn triệt bỗng thấy một con trăn lớn nằm trong phòng, ngất đầu nhìn thẳng như có điều gì muốn nói, các tăng trong chùa đều cho đó là con của Phật, lại nói: Mắt rắn không chớp, nay nó nháy mắt, có phải là rồng chăng? Sư thắp nhang chúc rằng: Bần Đạo niệm Thanh Long sớ

ăn chay dưỡng mẹ, nếu thật Long thần có lòng nghĩ đến mong được cho Đàn Na ở vài ngày, con nhà Yên sư nói: Chế Thắng Tư đồ gọi dẫn về nuôi dưỡng. Lúc ấy, vua Trang Tông dẫn binh ra phi hồ để bao vây, kéo dài suốt cả năm, mễ cốc hiếm quý, giá cả đắt đỏ. Chỉ lo sợ chẳng bao lâu nước Yên bị hãm mất, cha con nhà họ Lưu bị bắt về Tán Dương, Sư lánh nạn Trung Sơn được Tiết độ sứ Vương Xử Trực tôn sùng, thỉnh về an trí tại chùa Khai Nguyên, hằng tháng có lương bổng. Sư soạn Đốn Tiệm nghĩa sao, một quyển, lưu hành ở đời, niên hiệu Thiên Thành năm thứ ba, quân triều đình hỏi tội Định Châu, người cầm binh là Vương Yên Hưu được Doanh Vương Phùng Đạo thư ra lệnh tìm Sư, Sư được xe ngựa đưa vào Lạc kinh. Hà Nam Doãn, Tần Vương Ưu lễ rất hậu, tấu xin ban cho Đại sư hiệu "Văn trí" trụ trì viện Tịnh Độ tại chùa Trường Thọ.

Niên hiệu Ứng Thuận năm đầu, nhằm ngày 22 tháng 1 năm Giáp Ngọ, Sư bỗng nhiên bị bệnh, gọi đệ tử đến trợ giúp vãng sinh, niệm Phật A-di-đà, an nhiên mà hóa, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi sáu tăng lạp. Mười ngày sau hỏa táng thu di cốt, đến niên hiệu Thanh Thái năm thứ 2, ngày mồng 8 tháng 4 xây tháp tại núi Long Môn, góc đông nam của chùa Quảng Hóa. Sư có phong độ siêu bạt, giới tiết thanh cao, Bách gia sử tử và các kinh mục đều đọc không sót, ngoài sự hiểu rộng, còn sở trường thể thanh luật thi, có bài Tặng phàm Xuyên trưởng lão thi, được người truyền miệng, những ngày lành nạn tại Định Châu, Trung Sơn và Thánh Nguyên, nghi ngại về các chư hầu lấn chiếm lẫn nhau, vua muốn nước lành dân yên, nên tổ chức trai tăng tại chùa Khánh Vân, trong cuộc có người dâng hiến Bạch Thước (chim Khách), vui nói: Nhà thơ người nước Yên thử ngâm xem nào, Sư tức khắc đứng dậy ngâm thành bài thơ, vua rất vui. Lúc Sư ở Trường An, mỗi khi giảng xong thường hay dạo chơi vườn Tiêu Dao ở núi Chung Nam, là nơi dịch kinh của Pháp sư La-thập nước Diêu Tần, bỏ hoang đã lâu, nên than rằng: Ta là Phật tử, sao nhẫn tâm để như vậy được. Cho nên tấu xin Chiêu Tông hoàng đế sửa sang, nhà vua chuẩn y, vẫn ban cho tên chùa là "Thảo Đường". Sau nầy thỉnh Phàn xuyên Tinh Hưu thiền bá hội tựu môn đồ đàm luận về Huyền học. Tại Lạc Dương ngoài giờ giảng, Sư thường tụng kinh Kim Cương. Ngày xưa người tu phần nhiều ở núi Chung Nam. Nên có tam sơn tập thi ba trăm thiên, thịnh hành trong thời ấy, đệ tử tu văn, tu trí, tu hạnh. Sẽ hiểu được đạo của thầy.

12. Truyện Cự Mân ở chùa Sùng Phước, ở Thái Nguyên đời Hậu Hán:

Thích Cự Mân, họ Nhậm, người ở xứ Tây Hà. Cha của Sư theo nghề trồng tỉa mà mở mang đồi vườn. Mẹ Sư họ Vương, quy hướng Tam bảo, chuyên tâm thọ trì Bát quan trai giới. Từ khi mang thai Sư lại khéo kết duyên lành, cầu tu phước lợi mà sanh con tốt lành.

Sau khi sanh Sư, nuôi dưỡng đến bảy tuổi, Sư có chí khí đôn đốc, mỗi khi nhìn thấy tôn tượng Phật thì ngắm nhìn vui mừng. Cha mẹ biết Sư có nhân lành từ trước, những lúc dẫn vào chùa thì ý Sư như muốn quên trở về nhà. Sư đến viện Tịnh Tâm trong quận nhà, thấy luận sư Tuyên Viễn, bèn phát chí luyến mộ phòng độ tăng, khóc cầu nhiếp thọ. Cha mẹ Sư biết không thể cản trở chí nguyện của Sư nên đều chấp thuận. Năm 10 tuổi, Sư tụng trọn hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy-ma, thường ngày trì đến mười quyển, không hề bỏ đứt quãng. Như nắm giữ bình báu lưu ly, Sư thư thái từ hòa như bậc lão thành. Đến lúc Sư thọ giới cụ túc, bèn tập học Luật tạng, thông suốt khoa phạm khai chế, thường soi xét buồn vui. Từ đó, đối với lý thú kinh luận Đại thừa, Sư siêng năng nghiên cứu, thành đạt được yếu pháp của Tôn sư. Và đều thành tựu ba học. Ngày cũng như đêm, trước song cửa án sách, không lúc nào rảnh rỗi nghĩ làm điều gì khác, trừ nghiêm tầm nghĩa chương tu sáu việc, hai nhân. Đối với kinh Đại Bát Niết-bàn, và luận Nhân Minh, lúc tuổi về già, Sư càng tha thiết. Lại truyền giáng luận Du-già, Kim Cương, lắng hết các duyên, chuyên giảng mỗi thứ hơn mười biến. Ngài vẫn cầu phụ lượng, xem rộng các sách, thành đạt nghĩa lý rất tinh vi, lại phát huy các thứ tốt lành. Bỗng nhiên, Sư bẩm nhận luân ngôn, trú tại viện Thiên Vương ở thành nội, cùng các đệ tử đều được cung cấp không thiếu, truyền trì không dứt.

Niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (948), thời Hậu Hán thuộc Ngũ Đại, Hán Cao Tổ, nhân ngày Rồng ẩn đất Tấn, kính ngưỡng thanh danh Sư, đặc biệt ban đình thần, tặng y mầu tía và danh hiệu là Viên Trí Đại sư. Kế đến, lại có chiếu chỉ tuyên mời đến trụ viện Giảng Đường ở chùa Sùng Phước, bèn xung nhậm chức Quản nội Tăng Chánh, trải qua một năm mà giáo pháp lan truyền đến cả đất Tấn. Sư bèn xem xét, sách tấn tăng đồ, như gió bạt cỏ. Đến ngày mồng 3 tháng 11 niên hiệu Càn Hựu thứ hai (949), Sư không bệnh mà qua đời, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi bốn pháp lạp. Bấy giờ bổn chúng thảy đều buồn thương, khắp thành không ai chẳng luyến mộ đức hạnh Sư, bèn vâng theo lễ nghi trà-tỳ của Tây vực, phần nhiều dâng cúng nước thơm, hoặc cầm phướn đẹp, kẻ tăng người tục đông nghịt ngoài thành. Ngày đó, mây che ảm đạm,

chưa đợi lửa tắt, đều đã bưng bình báu đựng đầy lúa thóc, đồng thấy thể huân tu. Bấy giờ, những người có được Xá-lợi tùy tự nhân duyên, hoặc ít hoặc nhiều, riêng thâu nhặt được di cốt Sư, bèn viết văn biểu tấu trình bày lên triều đình, và Hán Chúa ban sắc an táng tại chùa Thiên Long ở Tây Sơn. Tất cả mọi việc đều do các quan cung cấp cúng dường, xây dựng tháp đá. Ban tặng thụy hiệu cho Sư là "Đạt Thức".

13. Truyện Hằng Siêu chùa Khai Nguyên, ở Lệ Châu, đời Hậu Hán:

Thích Hằng Siêu, họ Phùng, người ở Phạm Dương. Ông nội Sư chẳng ra làm quan, ở đời lo tu sửa Nho đạo, mà gia đình giàu có đủ muôn thứ.

Khi Sư vừa mới chào đời, đã thông minh mẫn tuệ, sống chung với lũ trẻ mà chẳng thích vui đùa. Năm mười lăm tuổi, Sư sớm thông hiểu sáu tịch, khéo léo phong tao, nói năng lời lẽ mới lạ, lấp bít miệng người. Một ngày nọ, nhân đọc kinh Phật, bỗng nhiên tỏ ngộ mới than rằng: "Người đời giàu sang, như bọt bóng huyễn hóa, chỉ có chân thừa mới có thể chuyên chở!" Bèn đến chùa Trú Tất cầu xin xuất gia. Chưa đầy ba năm mà phương nghị tiến tu ngày đêm chẳng mệt mỏi. Gặp lúc Tôn sư thị tịch, Sư cũng vâng theo, lễ nghi an táng của nhà Phật, giữ lễ không biếng lười. Danh tiếng hiếu để của Sư, người dân rất hay ca ngợi.

Niên hiệu Càn Hóa thứ ba (913), đời Hậu Lương, Sư đến núi Ngũ Đài thọ giới cụ túc. Do đó, vượt xa tự gần. Tha thiết hỏi nghĩa gần gũi, bỗng chốc bày chương chặt cây. Thả quen người, hoặc bạn kết giao, đi xa tìm bậc thầy khéo giỏi. Lại gặp phải sự cản trở ngăn cách giữa hai dòng sông, binh giặc chưa thôi, đường sá chẳng thông. Ở phía Nam thì Lương Tổ, phía Bắc thì Trang Tông, gánh vác cân nhắc trước nặng nhẹ, đuổi nai trong lúc còn mất, chính là lúc ấy. Sư bèn dừng ở giữa khoảng Ngụy bác và Đông Phần, học các kinh luật luận Đại Tiểu thừa, tính ra có đến bảy bổn giảng thông. Sư nghĩ đến Ung Lạc, Các bậc danh sư đời Lương Tống đều mịt mờ cách tuyệt. Tuy nhiên, lần lượt trải qua chẳng Xa, mở mang rất tinh, bình đầy tri kiến giúp bay danh tự, cho nên Tinh bộ dứt bụi, hai vị Trung Sơn và Trinh Biện Phu ngôn hạnh đều đạt quả vị tu chứng, vừa thấy Sư liền khen ngợi rằng: "Đầu sừng của Nghĩa Long thảy đều hoàn bị, chỉ đợi dang cánh bay mà làm mưa dầm". Sư là bậc thạc đức, đề mục có nhiều, cùng loại như thế.

Niên hiệu Long Đức thứ 2 (922), đời Hậu Lương, Sư chống tích trượng đến Vô Lệ, Sư bảo rằng: "Cho nên toàn Tề cựu hoại, Trâu lỗ

khéo gần”. Bèn dừng trụ tại phía đông bắc chùa Khai Nguyên, thiết lập toà viện, giảng giải các kinh luận, hơn hai mươi năm mở mang dẫn dắt. Mỗi thứ kinh luận, Sư giảng hơn ba mươi biến. Tiết tháo cao vời, cử chỉ thư thái điều hòa. Kẻ tăng người tục trông thấy Sư, ai cũng kính nể. Lời tiếng chẳng quát tháo, ngôn từ chẳng kiêu sa, tự nhiên mà thế. Vả lại, chẳng phải chỗ được của oai thế lăng lậu, trước sau châu mục, qua lại sứ thần, ảnh hưởng danh dự, khâm phục phong cách tu hành, đều cùng lễ trọng, Sư sai đồng tử, từ chối giảng suốt, ít tiếp xúc. Ban đầu thì như có sự ân hận, sau cùng thì kính phục cao hạnh của Sư, Tháo Tú ở khoảng Tề Lỗ, chẳng xa vài trăm dặm, tìm đến pháp tòa của Sư để vặn hỏi. Các vị ấy một lúc thấy được Tôn dung của Sư, bèn đứng bên cạnh nghe bàn luận, thưa hỏi tử sử, dùng giáo tông để minh chứng. Hoặc hỏi về nhân minh thì Sư dùng một bài thơ để đáp từ chối lời mời lý mầu, thảy đều thán phục.

Bấy giờ, quận thú Lý Quân vốn nể trọng phong thái cao hạnh của Sư, muốn tỏ lòng bèn dâng tặng y tía. Sư nghe mà kinh ngạc, bèn bảo lấy bút viết thơ rằng:

“Luống mặc áo vải già
Chén nổi Đạo chẳng thành
Thề chết truyền kinh luận
Chẳng sống nhiễm lợi danh,
Chán cây ngăn sắc núi
Mến cửa hướng trăng soi,
Lúc khác theo Phạm Chí
Một khuấy năm hồ trong”.

Lý Quân nhờ người khuyên, nguyện kết nhân duyên. Sư quyết định chẳng dời. Lại bảo: “Nếu ông ấy còn vậy thì ta ở tại ngoài ven Lư Long”. Quận tướng nghe nói đành thôi. Thêm nữa, tướng Quốc Danh Vương Bằng Đạo nghe danh Sư biết là người gốc ở Hương Quan. Trước tiên sai người mang thư đến, với đề tựa dùng ý muốn quy hướng, Sư bảo: “Bần đạo là kẻ nhàn, sớm bỏ cha mẹ, quyết chí tu hành, vốn mong cầu đức Từ thị Di-lặc biết tên, không cho là truyền rộng đến tai của Tể Hành. Đối với tôi có ích gì”. Môn nhân ngày càng đôn đốc dẫn dụ, bất đắc dĩ mà Sư viết thư đáp lại, nêu bày tỏ rõ người xuất gia đâu được vì hư danh lợi mỏng mà lưu tâm! Danh Vương càng thêm kính trọng, dâng biểu tấu trình, Hán Cao Tổ bèn đến trao tặng y tía. Từ đó, Sư thường chẳng vui.

Đến ngài mồng 3 tháng 2 niên hiệu Càn Hựu thứ 2 (949) thời Hậu

Hán, Sư bị bịnh nhẹ, chỉ vài giờ sau thì thị tịch tại bổn viện, thọ bảy mươi ba tuổi, ba mươi lăm tăng lạp, tăng chúng trong viện đều nghe tiếng nhạc giữa hư không là minh chứng Sư sinh lên tầng trời Đâu-suất. Môn Nhân Đổng Trưng cùng học chúng hơn trăm vị giữ tâm tang. Các hàng sĩ thứ và trong ni trong thành cùng nhau nhóm họp, đưa nhục thể Sư ra ngoài thành, cử hành lễ trà-tỳ, thâu nhặt xá-lợi được hơn hai trăm viên, phân bổ ra ngoài thành, lưu giữ tại bổn viện năm mươi viên, xây tháp thờ. Doanh Vương biết được sau cùng, riêng tấu trình ban tặng ngài thụy hiệu là Chánh Đức và khắc sắc văn ở tháp đá.

14. Truyện Tăng Chiếu viện Pháp Lâm, ở Kinh đô Lạc Dương đời Hậu Hán.

Thích Tăng Chiếu, họ Trương, người ở xứ Phạm Dương. Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia tại chùa Mẫn Trung.

Sư thông minh vượt trội đồng bạn, thần nghi tú vĩ. Ban đầu, thọ nhận kinh kệ, mỗi ngày tụng đọc mấy trăm ngàn lời, đọc qua mắt dường như đã thấy tập học từ trước, luận bàn tri kiến, có phong thái như bậc lão thành, nên được độ làm Sa-di. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư tụng thầm kinh điển hơn sáu bộ lớn, đó là các kinh Tối Thắng Vương, Đại Bi, Duy-ma, Pháp Hoa v.v... bên cạnh đó, Sư tìm nghe thêm các kinh luận suốt mười mấy năm. Văn sâu phục nghĩa, mầu lam sanh ra từ mầu xanh.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Hựu (904) đời Tiền Đường, Sư đi xuống phía Nam, bèn đến Trung Sơn. Nguyên Nhung Vương Cử Đạt thỉnh Sư trú tại chùa Pháp Hoa, kế đến Dịch Soái thỉnh Sư. Thái Phó Lũng Tây Công liên tiếp dâng biểu tặng y tía, tôn xưng là Chí Chân Đại Sư. Kế là Phù Phong Mã Công thỉnh Sư làm Tăng chính, chẳng phải tốt lành vậy. Đến khi tại Lạc Vương có sắc chỉ khai giảng kinh Pháp Hoa, Sư bèn trú tại viện Pháp Lâm, huống gì lúc Đô Quyết có nhiều bậc Long tượng hội về, Sư xướng đạo hợp như ở Hạ Phong phục ưng.

Đến ngày 26 tháng 3 niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (948) thời Hậu Hán, Sư thị tịch tại giảng viện, thọ bảy mươi tuổi, năm mươi tăng lạp. Bốn chúng buồn khóc kính mến. Quan thị trung Lý Công khuynh dịch định, từng làm ngoại hộ, lại giữ lạc trạch, trong tang lễ thảy đều đem của cải cung phụng. Đến ngày mồng 3 tháng 4, dời nhục thể Sư về phía nam thành cử hành pháp trà-tỳ. Thâu nhặt xá-lợi mầu hồng nhuận có đến vài trăm viên. Tế Dương Đinh Công làm chức Bảo Ly giúp xây tháp tại sườn núi phía nam chùa Quảng Hóa để tôn thờ.

Ngày trước, lúc còn sống, Sư từng giảng kinh ở hơn bảy mươi pháp tòa, ân cần vì pháp. Đồ chúng rất nhiều, Quan Tể Thần Mã Công Tôn rất khâm phục kính trọng, trước sau dâng tặng thơ kệ đến vài mươi bài. Sư được lời khen tốt ở Lạc Kinh.

15. Truyện Tùng Ẩn chùa Thiên Cung ở Lạc Dương đời Hậu Hán:

Thích Tùng Ẩn, họ Lưu, người xứ Tam Khanh, thuộc Lạc Dương. Vừa mới độ tuổi tết tóc mà Sư thông minh mẫn tuệ, có chí nguyện muốn xuất trần, cha mẹ Sư đã chấp thuận, Sư bèn đến viện Trúc Các trong thôn ấp theo thầy tụng tập, đào luyện binh phù. Sư tìm đến Trung Dương cầu thọ giới xong, lại đến huyện Trường Thủy nghe Pháp, mới trải qua vài năm mà thông được ba bộ kinh luận: Bách Pháp, Trung Quán và Di-đà. Đại sư Yên lúc tuổi già rất hài lòng với sự thông đạt tánh tướng của Sư. Sau, Sư đến Viện Bố Kim ở Lạc Dương, ứng phó diễn giảng, đến khoảng niên hiệu Thanh Thái (936-934) thời Hậu Đường. Đại sư giao phó giảng tòa cho Sư. Thường ngày, ba lần thăng tòa giảng pháp cho chúng nghe, giữa mùa hạ, Sư kéo dài thước đo bóng nắng, xem đọc một pho kinh tạng. Sư tinh tấn khổ hạnh, không ai sánh bằng. Đến tháng giêng niên hiệu Càn Hựu thứ 2 (949) thời Hậu Hán, Sư hiện bị bệnh và qua đời, thọ năm mươi ba tuổi, ba mươi hai hạ lạp, bèn y theo pháp hỏa táng của Tây-trúc, thâu nhặt chân thể viên tịnh rất đáng quý, các hàng môn nhân xây tháp cúng dường, đến nay vẫn còn.

Kế đến, có Tỳ-kheo Thích Mộng Giang ở viện Huyền Tuyền thuộc huyện Trường Thủy, Sư họ Dương, người của ấp nầy, thần thái phóng khoáng, vượt hẳn phàm tình, bèn nguyện xuất gia, thường tụng kinh Nhân Vương Bát-nhã. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư giảng luận Bách Pháp. Khoảng niên hiệu Thanh Thái (934-936) đời Hậu Đường, Sư được thỉnh đến chùa Quảng Hóa ở Long Môn, giảng pháp cho chúng nghe. Gặp lúc vua Phế Đế đến chùa đó, tuyên hỏi nghĩa lý, Sư biện luận tinh xảo vừa ý nhà vua. Khi đó, ngay tại ngự tiền, ban tặng Sư y pháp Ca-sa tía, Sư nhất định không nhận. Sư giảng dạy dẫn dắt suốt hơn hai mươi năm. Những lúc rảnh giảng thì ngài hành đạo lễ Phật. Thường ngày chỉ ăn một bữa, thương tưởng nhẫn nhịn đối với mọi vật, ít khi gặp Sư có vẻ tức giận. Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 3 (956) thời Hậu Chu, Sư bị bệnh mà qua đời. Kẻ tăng người tục buồn thương kính mến, xây dựng tháp mà thờ Sư.

16. Truyện Tông Quý chùa Long Hưng ở Hàng Châu đời Hậu Hán:

Thích Tông Quý, họ Du, người ở xứ Lâm An. Thuở bé, Suư mạnh mẽ, tâm trí cứng rắn ngay thẳng. Một hôm nọ, sét đánh vào cây cổ thụ ở cạnh nhà, Sư bị té ngã, có người chị là Cô Ni ôm chầm lấy chân Sư, xem xét rồi bảo: "Đây chẳng phải là do sét đánh chết, sẽ có lúc sống lại". Đến chập tối, Sư sống lại, bèn khuyên Sư xuất gia.

Ban đầu, Sư phụng thờ chư tăng ở chùa Hàn Bình, sau Sư đến Cù Châu, tham học luận danh số với luận sư Cự Tín, rành rẽ văn nghĩa, khó lòng khuất phục, sắc bén như mũi nhọn. Mãi đến lúc, Sư trở lại Hàng Châu trụ chùa Long Hưng, Sư được mời giảng đạo. Bấy giờ, Tăng Chính Uẩn Nhượng Cấp Tuệ tung hoành đối địch hai mặt, cùng với Lư Khâu Phương Viễn tiên sinh, La Ẩn ở Giang Đông làm bạn giao kết chẳng phản nghịch, trông thấy Sư mà tỏ bày han hỏi. Sư bèn làm hai trăm lời mà chỉ dạy, Tăng Chánh Uẩn Nhượng vô cùng khen ngợi, bèn thỉnh Sư giảng đạo hơn bốn mươi năm. Do từ Sư xuất sanh ra có đến bảy, tám trăm vị đệ tử.

Đến năm Mậu Thân, thuộc niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (948) đời Hậu Hán, Sư bị bệnh qua đời tại phòng.

Lúc còn sống, ban đầu Sư lần lượt giảng đạo, gặp một người khác thường, Sư bèn nói tiếng Hồ hỏi về các kinh luận từ Tây vực chưa truyền đến Trung Hoa. Cả chúng đều kinh ngạc. Sư bị lòa hai mắt, ban đêm cảm kích ánh sáng thần soi rọi, ngài đọc xem các tác phẩm của thầy xưa, bảo rằng: "Thật rất đáng xem". Ngài bèn soạn thuật các bộ: Vĩnh Tân sao Thích Bát Nhã Tâm Kinh, Huy lý sao giải Thượng Sanh Kinh, Di-lặc thành Phật kinh, sớ sao Bổ Du, sao khuyết các biệt hành nghĩa chương v.v... tất cả có đến vài mươi quyển, và đều lưu hành ở đời.

Cuộc đời Sư, đạo hạnh cô tịch, tánh tình ngay thẳng, ít nói năng, khí mạo cao vợi. Thệ chẳng đến nhà thế gian. Cho đến người tuổi già khẩn thiết thỉnh mời, Sư cũng ít đến nhà thế tục, Sư sống chỉ thường không, an nhiên tự tại, chăm chăm tay chẳng rời quyển kinh, vui sống với đạo đến cùng. Hiện nay tông này rất đông nhiều, đệ tử giảng đạo không dứt.

17. Truyện Trí Thuyên viện Quán Âm ở Phủ Ngụy đời Hậu Hán:

Thích Trí Thuyên, họ Trương, người xứ Vĩnh Tế, thuộc Đồng Đài. Năm chín tuổi, Sư xuất gia thờ thầy tại chùa Vương Xá Thành ở Lâm Thanh thuộc Nghiệp Đô, đến lúc thọ giới cụ túc, thân khí Sư cao vời,

tám thước khác thường, sắc mặt như ngọc đẹp, đi đứng thư thái tợ ngỗng trời, tiếng nói như chuông vang. Mọi người trông thấy đều kính sợ và ngợi khen: "Thật là đấng trượng phu tốt lành!"

Ngài thường trì tụng các kinh, ngày ba thời, đêm ba thời, lễ Phật không thiếu. Bốn sư biết Sư là bậc pháp khí nên bảo Sư qua Hoạt đài tìm đến pháp tòa của pháp sư Huy ở chùa Minh Phước. Tròn một tháng thì Sư thấy rõ thể dụng của các pháp, mừng vui mà chẳng tự nhậm. Bấy giờ, môn sanh tài giỏi của pháp sư Huy có đến vài mươi vị đều xuất sanh dưới Sư, người ở Tuần Tuy Dương thỉnh Sư giảng. Sau đó không lâu, Sư lại đến Đông Kinh, gặp một vị tín sĩ bỏ cả nhà cửa tài sản tạo lập viện Vạn tuế bách pháp. Do đó mà ở kinh đô Lạc Dương các vị Trần Hứa, Từ Tú, Duy Thanh, Cầm Đài đều ưa thích thỉnh Sư giảng pháp. Tự khi nhóm họp thiết lễ cúng dường, trước sau có đến ba mươi vạn vị tăng thọ chúng. Ba gia đình Thiên Hùng, Quân Đới, Trương Quách cùng nhau kiến tạo viện Quán Âm, rồi thỉnh Sư ở đó.

Sư tánh tình thông minh lanh lợi, trước sau giảng luận bách pháp có đến trăm lần. Mỗi lúc lên pháp tòa Sư chẳng xem đến bản văn, huyền thuật biện luận mà cấp ứng. Sau ba lần xem qua Đại tạng kinh để bổ giúp thêm phần tri kiến, Sư phúng tụng kinh chú, thường nghe ngoài của nhà vắng teo có tiếng búng ngón tay. Đó là cảm kích đến quỷ thần khen ngợi vậy! Ngụy Soái Trần Quân Tư Nhượng, dốc chí qui y, kính dâng y tía, tôn xưng Sư danh hiệu là "Quy Chánh". Đến năm tám mươi mốt tuổi mà khắc chí học Âu Vương thư thể, chỉ vào được năng diệu. Có người hỏi đến thì Sư bảo là "Tôi tập học chữ lai sanh".

Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 5 (959) thời Hậu Chu, với tuổi tám mươi ba, Sư gọi đệ tử Phụng Yến v.v... phó chúc mọi việc, bảo làm một chiếc kiệu gỗ, liệm rồi đưa đi trà-tỳ. Đến ngày 11 tháng 11 năm đó, Sư thị tịch, nghinh phụng nhục thể vào tháp gỗ, nâng cao hơn ba trượng. Đang lúc phóng lửa trà-tỳ, có hạc trắng kêu buồn, mây tím giăng phủ phía trên, thâu nhặt xá-lợi, xây tháp cúng dường.

18. Truyện Hạo Đoan chùa Linh Quang, ở Tú Châu đời Bắc Tống:

Thích Hạo Đoan, họ Trương, người ở xứ Gia Hòa. Năm chín tuổi, Sư bỏ nhà vào tịnh xá Linh Quang, thầy Sư trao cho kinh pháp, như ôn lại đã học trước kia. Đến năm hai mươi tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc.

Sư tìm đến chùa A-Dục Vương ở Tứ Minh, gặp luật sư Hy Giác

đang thạnh hành mở mang luật Nam Sơn. Sư xem qua một lượt thì thấu suốt nghĩa môn, không còn bị khuất lấp. Sư lại tìm đến pháp sư Kim Hoa Vân, học danh số nhất chi và kinh Pháp Hoa. Sau, Sư nhận lời mời giảng luận cho chư tăng ở năm nơi của Ngô Hưng. Võ Túc Vương dòng họ Tiền ở Lưỡng Triết mời Sư đến chùa La-hán ở Vương phủ để giảng dạy. Sau lại mời Sư đến Chân thân tháp tự hoằng truyện Đại Đạo. Bấy giờ có bậc thầy ở Thai Giáo là ngài Huyền Chúc, tông ấy gọi Ngài là vị tổ thứ 10. Sư đến đó nương tựa cầu học và quả nhiên thấu rõ "Nhất Tâm Tam Quán". Sư bèn soạn bộ Kim Quang Minh Kinh Tùy Văn Thích, mười quyển. Do đó mà pháp yếu của hai tông một đường cùng thông. Trung Hiến Vương họ Tiền dâng tặng y tía, riêng ghi Đại Đức, xưng hiệu là Sùng Pháp.

Sau Ngài thệ ước chẳng ra khỏi cổng chùa, kính mến Sư không vượt qua khe giống như ngài Tuệ Viễn trước kia, thật cao thượng thay sự việc đó! Cẩn trọng hơn hai mươi năm, Sư thân không mặc áo dài, miệng không ăn thức ngon và no đủ, ở không cấp giúp quan tọa, chỉ một chiếc giường.

Đến niên hiệu Kiến Long thứ 2 (961) đời Bắc Tống, ngày 18 tháng 3, Sư thị tịch tại phòng, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai hạ lạp. Sau ba ngày mà nhan sắc dung mạo Sư vẫn tươi tỉnh như lúc sanh tiền, bèn trà-tỳ ở phía Tây tháp, sau khi lửa tàn thâu nhặt được nhiều xá-lợi.

Sư soạn thuật các thứ truyện, Lục Ký Tán bảy mươi quyển, chỉ có tám mươi người thọ học được pháp môn của Sư. Sư có tánh tiết tháo, không nói năng cẩu thả. Ngài lại không bàn nói chuyện thế gian, chỉ đem Phật pháp làm việc chính của mình. Thật có thể gọi là chắp cánh thêm cho voi chúa vậy. Bí thư Lam Tiền Dục đã từng trông coi Tú Quận, đích thân trông thấy tiêu cách của Ngài, bèn vì soạn thuật Hành Lục.

19. Truyện Phó Chương chùa Thiên Thanh, ở Đông Kinh thời Bắc Tống:

Thích Phó Chương, họ Bành, người ở xứ Khai Phong thuộc Đông Minh, Cha là Nhân tức Thượng Nông ở ấp điện. Ngoài sự trần lao, chánh kiến chẳng hồi, Sư thường đọc kinh Phật, thấu hiểu Huyền Chỉ, mẹ Sư họ Hình, mộng thấy vào trong pháp vũ đưa tay mân mê các thứ đạo khí mà mang thai Sư. Bà bảo với cha Sư cho biết là mang thai con là bậc phi thường, đồng thời chỉ vào bụng và phát thệ sẽ cho đi xuất gia.

Sau khi hạ sanh, cha mẹ nuôi dưỡng Sư đến mười một tuổi, mới đến lễ bái ngài Bí Công là bậc thầy thông hiểu tông Duy Thức ở trong

ấp, tôn xưng làm thầy, ngài Bí Công chỉ một lần trông thấy đã lấy làm lạ, ban đầu trao cho Sư ba bộ kinh Tịnh Danh, Nhân Vương và Pháp Hoa. Đến lúc xuống tóc, bỏ xứ Chu La, Sư theo ngài Bí Công đi đến Ngũ Đài lễ bái thánh địa, nơi Bồ-tát Văn-thù ứng tích. Năm đó, Sư thọ giới cụ túc. Ngay ngày Tức Từ, Sư bèn đến dưới tòa pháp sư Thanh Lãng ở Lăng Giao nghe giảng kinh Pháp Hoa. Sau, Sư đến pháp sư Đạo Nhã ở Tuy Dương Ôn lại nghiệp cũ, tìm học Duy Thức ở Bổn sư. Sư rất cố gắng tỏ rõ ý nghĩa tân pháp thủy, lại gần gũi Phó Tăng lục Thông tuệ. Nhân Minh cho đến Cực chương. Thường ngày tụng ba kinh, và gồm hai giới bổn. Sư giảng suốt, dạy dỗ đồ chúng đến hai mươi năm không lúc nào ngừng nghỉ.

Khoảng niên hiệu Quảng Thuận (951 - 954), thời Hậu Chu, Đại sư Quảng Trí với chức Tả Nhai Tăng lục đề cử Sư lên Chu Cao Tổ (Thái Tổ; Quách uy) ban tặng Sư y tía. Đến niên hiệu Càn Đức thứ 2 (964) thời Bắc Tống, ngài Đạo Thâm với chức Tả Nhai Tăng Lục lại đề cử Sư lên vua Thái Tổ, Thần Đức Hoàng Đế ban tặng Sư hiệu là "Nghĩa Minh". Bỗng nhiên, Sư hiện bệnh mà qua đời tại Bổn Viện, thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi sáu hạ lạp.

Trước lúc thị tịch, Sư bảo lấy bút viết kệ khuyên răn ở đời và tặng cùng những người bằng hữu thân quen. Sư độ được mười lăm vị đệ tử. Ngày 16 tháng 11 năm đó (961), Nam Nguyên ở Bốc Kinh dùng pháp trà-tỳ, sau khi lửa tắt, còn lại chiếc lưỡi không cháy, chứng đều ngợi khen giới đức của Sư. Môn nhân và các vị thiện tín cùng nhau xây tháp thờ. Vào niên hiệu Khai Bảo thứ 5 (972) thời Bắc Tống, trước kia cha Sư thường chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa, sau khi qua đời, hỏa táng cũng còn lại chiếc lưỡi không cháy. Hai cha con Sư đều có ứng nghiệm, thật là ít có! Đại sư Thanh Tuệ ở chùa Tướng Quốc soạn bài Minh ở tháp nầy.

20. Truyện Kế Luân viện Phật Sơn, chùa Sùng Phước, ở Kinh Châu, thời Bắc Tống:

Thích Kế Luân, họ Tào, người ở xứ Tấn Dương, thuở bé chí khí Sư đã mạnh mẽ, tâm nguyên bền chắc, quyết cầu xuất gia. Bổn sư trao cho bộ kinh Pháp Hoa, mỗi ngày tụng niệm ba tờ, bấy giờ trí tuệ đời trước của Sư hơn người.

Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, đến năm hai mươi một tuổi, Sư học thông nghĩa lý sâu mầu của kinh Pháp Hoa. Đối với hai bộ luận Duy Thức và Nhân Minh, chỉ một lần xem qua thì Sư có thể giảng được. Do

đó mà Sư soạn sớ sao của hai bộ đô. Đến nay tại Hà Đông lưu hành rất thạnh. Tại ba giảng tòa, thường có hơn một trăm năm mươi đồ chúng theo Sư học đạo. Sư lại soạn bộ “Pháp Hoa Sao” ba quyển, là người luân tu đức từ nhẫn thành tánh, khuôn phép giới đức vững chắc, mọi người trông thấy đều sanh tâm kính phục. Vì họ Lưu cứ có Tịnh phân rất trọng đạo hạnh của Sư, đặt hiệu là Pháp Bảo Lục Hữu Nhai Tăng Sự, khoan mảnh tướng tham kiến nhau mà không dám chống trái.

Tháng 11 năm Kỷ Tỵ, Sư bị bệnh, tâm cầu miệng phát nguyện sanh lên tầng trời Tri Túc. Sau khi Sư thị tịch, đảnh đầu ấm nóng đến nửa ngày mới lạnh. Năm đó là niên hiệu Khai Bảo thứ 2 (969) thời Bắc Tống, Sư thọ năm mươi mốt tuổi. Sau khi trà-tỳ thâu nhặt có được Xá-lợi, mọi người xa gần xin thỉnh về cúng dường.

21. Truyện Nghĩa Sơ chùa Khai Nguyên ở Tề Châu, đời Bắc Tống:

Thích Nghĩa Sơ, họ Bùi, tổ tiên Sư người xứ An Dương thuộc Tương Châu. Năm lên bảy tuổi, Sư đến tỉnh xét lâm Đàn Đại Đức Tu Tấn. Nhân đó làm thầy xuất gia, ngài Tu Tấn là bác của Sư. Còn chú của Sư là ngài Tỉnh Luân ở viện Hương Nghiêm.

Ngài Tu Tấn tụng kinh Pháp Hoa Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn đến mười muôn, lập nguyện lạy kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lạy đến trọn bộ. Ngài Tỉnh Luân là chúa tể Thanh Khâu, trong lúc ngồi thiền tụng chú Đại Bi Phật Đảnh trọn một ức biến.

Sư thì cầm búa chặt cây, chứa nhóm tư lương, đến đây Sư gần viên mãn, Sư chăm chỉ học không biếng lười, mẫn tuệ sớm thành. Yếu nghĩa tông Câu-xá. Sư thông suốt đến cùng. Bèn truyền giảng các bản sớ giải của ngài Viên Huy khoảng mười biến. Sau, Sư xem qua Đại Tạng kinh ba lượt, mới bùi ngùi than rằng các vị Nho sĩ dùng văn của Phật giáo mà phần nhiều giải sai. Giải đã sai như vậy, dụng sự lại lắm lầm lạc. Sư mới phỏng theo lục thiếp của Bạch Lạc Thiên Toản ghi chép nghĩa lý văn chương Phật giáo. Nhiều sự lắm phẩm, sắp theo từng loại, lập thành môn mục, tổng quát đại cương. Tính ra có đến năm mươi bộ, tùy sự nêu riêng bốn trăm bốn mươi môn. Từ đầu là Pháp Vương lợi kiến bộ cho đến cuối cùng là Sư tử thú loại bộ. Trong đó các thú vật loại xem xét bao gồm đầy đủ. Khiến đến lúc xếp bút hẳn không thiếu sót gì. Ròng rã suốt mười năm, Sư chăm chăm không biểu lộ mỏi mệt. Bắt đầu từ niên hiệu Khai Vận thứ 2 (945) đời Hậu Tấn, đến niên hiệu Hiển Đức thứ 1 (954) thời Hậu Chu thì hoàn tất công trình. Vua Thế Tông sắc phong

cho Sư chức Phó sứ quán, ban tặng y tía, tôn xưng hiệu là "Minh Giáo Đại Sư". Khoảng niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời Bắc Tống, Sư thị tịch tại chùa Lung Hưng, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi bốn hạ lạp.

Ban đầu, Sư có ý định hễ được thì được bèn viết, bớt bên nhiều thêm cho bên ít, chứa nhóm nhiều năm tháng, trở thành biên lục. Bỗng nhiên tại cửa bổn viện, trên tảng đá xưa có hai chữ "Lục Thiếp" tự nhiên rõ ràng. Trông thấy bùa binh nầy mới biết là túc định, Sư tìm tòi cái đời nay quay vần cái đời xưa, viết chẳng dừng nghỉ. Bấy giờ, khu mật tướng quốc Vương Công Phúc vì Sư mà soạn lời tựa đặt ở đầu quyển, nay lưu hành khắp thế giới. Đầu tiên, Sư soạn thuật, tâm trí cũng nhọc mệt dừng nghỉ và hai mắt bị mù, các thầy thuốc không chữa trị được. Sư bèn gia tâm sám hối lỗi lầm, lo nghĩ sàng lược Giáo văn phiền toái, lượng xét mọi sai sót. Bền chặt như vậy, lại không lúc nghỉ. Đến năm sau thì đôi mắt sáng trở lại. Mọi người cho đó là sự chứng cảm.

22. Truyện Ngộ Ân viện Từ Quang ở Hoàng Châu đời Bắc Tống:

Thích Ngộ Ân tự là Tu Kỷ, họ Lộ, người xứ Thường Thục, thuộc Cô Tô. Mẹ Sư họ Trương, mộng thấy có vị Phạm tăng vào trong nhà mà mang thai Sư. Đến lúc, Sư mới độ tuổi nhi đồng, hễ thấy bóng dáng các vị Sa-môn thì Sư đứng dậy đón rước. Năm mười ba tuổi, Sư nghe tụng kinh Di-đà, bèn cầu xin xuất gia. Bà con thân thuộc, nhiều người mến thương đã đôi ba phen cản trở. Sư bèn tìm đến chùa Hưng Phước ở Phá Sơn cầu học. Khoảng niên hiệu Trường Hưng (930-934) thời Hậu Đường, Sư thọ giới cụ túc, rồi Sư đến chùa Tuệ Tụ ở Côn Sơn học luật Nam Sơn.

Đầu niên hiệu Thiên Phước (936) thời Hậu Tấn, Sư học kinh luận với ngài Huề Lý, Hạo Đoan. Tánh Sư khéo cao hiểu thiên nhiên. Bấy giờ đồng bạn đua nhau bắt bẻ chống báng. Sau Sư vừa nghe thuyết ba Quán, sáu Tức của Thiên Thai, thầm hợp hiểu ý. Khoảng niên hiệu Khai Vận (944-947) thời Hậu Tấn, Sư đến viện Từ Quang ở Tiền Đường của ngài Chí Nhân, nghe giảng suốt hết năm, thông đạt Kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Luận Chỉ Quán đều suốt thấu huyền vi. Sư bèn thuật lại, các đệ tử theo thứ lớp đứng ở góc cạnh.

Ngày mồng 1 tháng 8 năm Ung Hy thứ 3 (987) đời Bắc Tống, đang trong đêm, Sư thấy ánh sáng mầu trắng từ dưới giếng phát lên, sáng tất chẳng thường. Ngài báo cùng môn nhân rằng: "Sanh báo của ta đến đây là cùng cực!" bèn tuyệt thực, không nói điều gì, chỉ nhất tâm niệm Phật. Tiếp đến Sư mộng thấy có vị Sa-môn ôm áo nạp bưng lò vàng đốt

hương đi nhiễu quanh thất Sư ba vòng và tự nói “Tổ sư Quán Đảnh đến đây cùng đón rước, người nên đi vậy”. Sau khi thức giấc, Sư gọi đệ tử đến thì vẫn còn nghe mùi hương lạ. Đến ngày 25 tháng 8 năm 987, Sư nói cho các đệ tử nghe về Chỉ Quy của Chỉ Quán và Nghĩa quán tâm. Đến giờ Thìn, Sư ngồi thẳng, xoay mặt về hướng Tây mà hóa, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi lăm hạ lạp.

Đêm đó, Chư Tăng trong viện, có các vị như Hưng Văn Yển v.v... đều nghe giữa hư không có tiếng ti trúc lảnh lót, mà không có tiếng trống, lại có nhiều linh chuông, càng lâu càng xa dần, thưa thớt đi về hướng Tây. Đến ngày mồng 9 tháng 9, y theo pháp trà-tỳ của Tây Vực, thâu nhặt được xá-lợi các mầu xanh trắng vô số viên tròn.

Lúc còn sống, thường ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng lìa y bát, chẳng cất chứa của cải. Nằm thì nghiêng về hông bên phải, ngồi thì luôn kiết già. Các đệ tử cất nhà ở cũng giống như thiền thất ngày nay. Sư lập chế nghiêm mật, ngày riêng trông xem, đến lúc minh tướng xuất hiện mới cho tịnh nhân cúng thí cháo. Đã từng có người vào lúc chiều tối uống nước củ mài, tức thì Sư đuổi ra khỏi Hoàng Đường. Mỗi lúc Bồ-tát thì Sư rơi nước mắt lau không thôi. Bởi vì nghĩ đó là lời của Đại tập Mãn Châu vậy. Riêng đối với người, Ngài đem Di-đà tịnh nghiệp cứu giúp việc sanh tử mà chỉ dạy. Những người thọ giáo được vãng sanh thường có cảm ứng điềm lành. Hễ nói chuyện với người, bất luận là hiền hay ngu, Sư đều đem nhất thừa viên ý mà chỉ bày cho. Nếu có người sanh nghi quái chẳng hợp cơ duyên, thì Sư bảo là “cùng làm duyên trống độc”. Sư chẳng ưa thích xen tạp giao du, chẳng thích nói chuyện thế tục. Tuy có những người giàu sang phú quý, Sư cũng chưa từng hỏi đến chỗ ở, huống gì là bước tới cửa nhà.

Nguyên trước kia Giáo Nghĩa của Tông Thiên Thai bị phá hủy vào thời Pháp nạn thuộc niên hiệu Hội Xương, nên văn nghĩa thiếu sót. Ngôn từ Đàm Diệu chìm mất chẳng hiện, Sư bèn tầm lục, giải thích đầu đuôi của thập diệu, nghiêm xét chỉ thú của Ngũ Trùng, giảng Đại Huyền Nghĩa văn cú Chỉ Quán hơn hai mươi lượt, giải hạnh gồm sáng tỏ, mục túc song vận, khiến Đại Chỉ Kinh Pháp Hoa được toàn mỹ lưu hành ở đời. Đó là do năng lực của Sư vậy! Lại buồn nỗi khoa tiết của người trước cùng với chỗ ghi của ngài Kinh Khê không được phù hợp nhau. Nhân đó ngài thuật Huyền Nghĩa văn Cú Chỉ Quán, Kim Quang Minh, Kim Tỳ luận khoa, tổng cộng có ba mươi lăm thiếp hiện lưu hành ở đời. Ôi! Trong sông Hán có cá vượt dòng mà nhảy lên ư? Ở Tiềm Vịnh có chỗ lấy! Ngài Ngộ Ân chẳng khoan dung thừa giới mà lưu xuất

đệ tử có đến mười bảy vị, cầu hiểu mà hành theo hạnh của Sư vậy.

23. Truyện Nghĩa Tịch viện truyền giáo ở Loa Khê thuộc núi Thiên Thai, thời Bắc Tống:

Thích Nghĩa Tịch, tự là Thường Chiếu, họ Hồ, người xứ Vĩnh Gia, thuộc Ôn Châu. Mẹ Sư lúc mang thai, bảo rằng: "không thích ăn các thứ máu thịt tanh nồng". Lúc sanh Sư, trên đầu quấn khăn mầu tía. Từ thuở bé, Sư xin cha mẹ quyết chí xuất gia. Lúc vào chùa Khai Nguyên, thầy Sư trao cho bộ kinh Pháp Hoa, vừa mới tròn một tháng mà Sư thấy suốt. Các bậc Lão túc trong chùa đều ngợi khen là ít có.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tìm đến Cối Kê, học Nam Sơn luật sao. Khi đã thông nghĩa Luật tạng, Sư đến núi Thiên Thai, nghiên tầm Chỉ Quán, đều dễ hiểu như của Ngài Nhất Biến Chiếu ở Hà Nam. Nguyên trước đây, giáo tích của ngàiTrí Giả, xa thì giặc An Sử tàn phá, gần thì bị pháp nạn Hội Xương thiêu hủy, làm cho rách nát lẫn lộn pho quyển. Người trao quyền không do đâu mà y cứ đầu mối học thuyết chánh đáng ấy. Sư bèn suy nghĩ tập hợp lại. Sư đến trong cổ tạng Kim Hoa, thì chỉ có được bản Kinh Tịnh Danh Sớ mà thôi. Sau Sư khẩn khoản báo cùng thiền sư Thiều giao phó người bằng phương tiện đi truyền đến nước Nhật Bổn, cầu thỉnh mới được đủ, những người nghe nhiều biết rộng. Người học tông này nắm giữ nửa hạt châu làm gia bảo. Ngài bèn đến chùa Quốc Thanh, Đạo Tràng Phật Lũng liên tiếp giảng dạy, khiến Hứa Vương dòng họ Tiền ở Lưỡng Chiết nhiều ngày thỉnh Sư khai giảng, riêng đặt tôn xưng là Tịnh Quang Đại sư và dâng cúng y. Ngài khước từ chẳng nhận vì chẳng xứng đáng.

Đến lúc ngài phát khởi tại đạo tràng Loa Khê, thì người học khắp nơi đua nhau tìm đến như mây nhóm. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) thời Bắc Tống, triều đình điều suốt truy ngũ kinh nghiệp, Sư từ núi vào chùa Châu Trị, được an trí tại Đông Lâu của chùa, Lầu ở gần núi lớn. Ban đêm Sư mộng thấy cột chùa đổ ngã giữa đất, trong ý Sư cho đó là điềm xấu, bèn tự đi đến tăng phòng ở phía Tây. Đêm đó, mưa xuân rất lớn làm cho núi đổ lở, lầu sập, mọi người đều cho rằng: "Điều thấy trước của Sư là do đồng tu mách bảo. Nhân đó, Sư nhận lời mời của người ở ấp Hoàng Nham mà đi thuyền dọc theo sông, phóng sanh và giảng phẩm Lưu Thủy Trưởng giả. Đến cửa biển nơi tảng đá linh, đó là đạo tràng xưa kia ngài Trí Giả cư trú vào mùa đông, Ngài khuyên người sửa chùa, đắp họa tôn tượng, có nhiều người hợp duyên, lệnh trên khiến Cao Phẩm Vệ Thiện Khâm vào núi xây dựng lại chùa Thọ Xương. Các

quan đều vâng lệnh thọ giới Bồ-tát.

Đầu niên hiệu Ung Hy (984) thời Bắc Tống, ở huyện Vĩnh An thỉnh Sư đến chùa Quang Minh để truyền giới. Tôn trượng trên chánh điện xưa cũ bị hủy nát, từ trong lòng tượng có được bài Phát Nguyện: “tức vào niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (865) đời Tiền Đường, do Sa-môn Hy Kiểu thí giới, Ngài khuyên người thấp hương đắp họa tôn tượng, nguyện xả bỏ báo thân nầy làm thân người nam, đồng chân xuất gia, thường mặc áo vải thô sơ, truyền pháp làm lợi lạc chúng sanh v.v...” Mọi người trông thấy, trong ý đều cho là tiền thân của Sư. Đến niên hiệu Ung Hy thứ 4 (984), các ấp Lâm Hải, Tấn Vân, Vĩnh Khương, Đông Dương thỉnh Sư thí giới. Tháng 9 năm đó, Sư đến từ Thái Mạc, qua tháng 10, Sư bị bệnh tại phương trượng, trong viện nầy. Đến ngày mồng 4 tháng 11, Sư răn bảo môn nhân không cho khóc than. Nếu ai cúng tế, duyên theo lễ thế tục thì chẳng phải là đệ tử ta. Các đệ tử an táng trong phương trượng, xây một ngôi tháp nhỏ. Sư thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi hạ lạp. Đệ tử truyền pháp ở bốn phương thấy sao mà xả bỏ đến mấy trăm vị.

Lúc còn sống, Sư vốn giảng kinh Pháp Hoa và Huyền Nghĩa cả thảy có đến hai mươi pháp tòa. Còn các kinh Kim Quang Minh, Tịnh Danh, Phạm Võng v.v... các luận Chỉ Quán, Kim Tỳ, v.v... các pháp quán: Pháp Giới Hoàn nguyên, v.v... Thiền Nguyên, Thuyên Giải Vĩnh gia tập, mỗi thứ vài biến. Ngài soạn thuật Chỉ Quán Nghĩa Liệt, Pháp Hoa thập diệu, Bất Nhị Môn, Khoa Tiết vài quyển.

Từ khi ngài Trí Giả thị tịch, trải qua sáu đời truyền pháp, đến sau ngài Trạm Nhiên, tất cả có đến hơn hai trăm năm. Sư thọ nhận ký thác thật là một gánh nặng. Nó như lửa nóng ngùn ngụt, giảng suốt mà không thấm ướt mồ hôi. Từng chẳng nghe lâu mà thấu hiểu Phật thừa, mỗi lúc đàm giảng thì như gõ vàng ngọc ứng chiêu hòa cùng Vũ Thương. Ở đó suốt chín tuần giảng nói diệu tướng lâu biết ngần nào! Sư còn trụ tại chùa A-Dục Vương ở Tứ Ninh, mộng thấy đi đến chùa Quốc Thanh, ở phương trên có tòa báu, cờ phướn trang nghiêm, đề chữ “Đài Văn-thù” có lan can song chắn ngăn cách, muốn vào nhưng không được. Bỗng chốc Sư thấy Bồ-tát Quán Thế Âm trong pháp đường từ từ đi ra, duỗi tay thấp xuống xa cùng đón rước. Trong chốc lát, cảm thấy đã cùng Bồ-tát Quán Thế Âm cùng hợp nhất chẳng phân, nhân đó thức giấc. Từ đó trở đi, Sư thường vui thích, giảng nói không cùng. Hoặc bảo: “Nhập Trí Phổ Môn, Nương Tâm Bi Lợi vật, trên hợp với Trí Giác chư Phật, chứng đạo vô thượng, dưới hợp với chúng sanh đều cùng một, khai mở thì muôn

vàn sanh linh chung thành một pháp. Người thành tựu tâm như vậy, nếu chẳng là Quán Thế Âm, thì là ai ư? Vì thế nên giảng đàm, thí giới. Từ quê hương Âu Việt cho đến Tam Thiên Tử Chương, dân chúng phần nhiều trái lệ tục tình ưa chuộng săn bắn mà được, sự chỉ dạy của Sư, đều ăn quả dâu cách âm, Công đức nói pháp, đó gọi là Thiện Kiến. Do đó ở nơi phòng nhà đều thấy đề là "Trừng" (lắng trong), hoặc là "Bảo Tường", hoặc là "Nghĩa thông". Cho đến dân chúng ở Hồ Châu đã từng thọ giới pháp, đón rước chân tướng đến chùa Khai Nguyên ở Châu Trị để cúng tế, đều mộc mạc đơn sơ buồn khóc, trời vì thế mà biến đổi thảm sầu. Đó là do sự cảm kích, bởi tâm từ nhiếp hóa của Sư. Quan Tri Châu Trịnh Công Nguyên Quy làm thơ buồn thương đến điếu viếng.

Luận rằng:

Huyền mặc rũ văn, bậc Thánh cúi xét. Dòng Hà Lạc có cáo, pháp của Đồ thư làm trình. Nhà Vũ nhận bùa linh để làm kinh vĩ, vốn hơn sáu mươi chữ. Dạy văn bày rõ gọi là Hồng Phạm, mở bày được Đạo thường mà thư thả từ pháp của Đế vương, rõ ràng có thể thấy, các nhà mô phỏng chuộng lấy tông này. Trong Phật Đạo của ta có thể không như vậy ư?

Giáo pháp từ Tây vực truyền đến như văn của Quy mã vừa biện luận. Thanh giáo nhờ đó phát triển, như cái đẹp của Hạ Thương mà cất nhắc. Đến lúc nó được giảng dạy cùng sanh ra lẫn nhau, nhân đó mà chia ra khác dấu, mỗi tranh chuyên môn, bố thí xảo trí ấy chẳng lớn, đến chỗ huyền hợp của tuệ tâm. Có thích nghi chăng? Người có được chánh tín sẽ mở khai mắt chánh, người thấy được chánh đạo sẽ phụng sự chánh tu. Ngược lại nhân vốn có trước thì dùng sự lựa chọn làm chính, phàm là giáo điển năng thuyên tức dụ như Đồ thư, lý nghĩa sở thuyên dụ như dạy dỗ theo thứ lớp. Kinh dung hợp vĩ vào thì vĩ biến mà kinh còn, khiến danh ngôn phô bày từ nghĩa thể đưa đến xen tạp. Duy thức đều trút cho ngài Hộ pháp mà thành thì ở Tư Nam, am Bà-sa có ở các vị Sư khác nói đồng chữ Diễn. Bởi vì đều mê nơi sự thấy biết của mình nên chưa cực thành. Nói chánh và bất chánh khôi phục phơi bày, huyền lại bàn về huyền mà quật khởi. Đại để, Pháp vốn không danh tướng, lấy làm nói danh tướng, chẳng như sắc pháp ảnh chất dễ tầm, danh sắc xen nhau mừng sanh mê cạnh. Bởi vì lời còn, một ý, nghĩa chỉ một đường. Tùy tình mà lúc lấy bỏ chưa là thực đáng, tùy chỗ chuyển lý môn, bởi vượt qua vô văn, lại thêm giáo có buông giữ, cửa ý rõ lược. Người thảo tầm nếu chẳng là anh minh thì không thể ngộ. Người thừa lãnh chẳng là hạnh vị thì làm sao biết? Ở người mất sách thì dùng giáo

mà chiết trung, nên trong luận dùng bốn thứ để nêu bày Lý. Lý thì khó ẩn. Bốn thứ đó là: quán Đãi, tác dụng, pháp nhĩ và chứng thành. Dùng đạo lý ấy, nghĩa há mê hoặc ư?

Thí như anh A xoay lưng về phía mọi người mà đi tới, có hai, ba người cùng hỏi nhau rằng: "Người đi đó là ai vậy?" Một người bảo là B, một người bảo là C, đó đều chưa đúng, trong khi đó có người biết, nói là "anh A". Người ấy xoay mặt lại thì đúng thật là anh A, chẳng phải là B hay C. Vì các người kia không biết, chỉ gọi một tiếng, nên có nhiều tên gọi, còn với người biết, chỉ gọi một tiếng, thì liền ứng thanh mà đến. Thân gần được tự thể chẳng trải qua các duyên khác, nên gọi là "tinh nghĩa không hai". Nhân nơi nghĩa mà sanh ra hiểu, hiểu thì hư thông. Trừ sự chấp tình, khiến sanh chánh giải, dứt sự mê chấp. Chấp tình đã dứt thì sở chấp liền hết. Đã sanh ra giải thì dứt chướng, hai lớp dứt nhiễm, y tha viên thành nên được hai thắng quả. Nếu không như vậy thì chấp nhận pháp tương tự, rơi vào đường ác, nhận lấy cái Không, kéo gỗ cong nơi rừng đông đúc, bồng bềnh dáng thuyền trong biển khổ.

Trong luận Du-già nói khế kinh có hai thể: một là văn, hai là nghĩa. Văn tức là sở y, nghĩa tức là năng y. Gọi chung cả hai thứ đó tức là "nhứt thiết sở tri cảnh giới" (tất cả cảnh giới bị biết). Phàm vì giáo điển năng hóa đã giải thích mà Lý Nghĩa sở thuyên khó ngộ. Nếu chẳng là bậc có tuệ căn từ trước, thì đâu thể hiểu được Kinh Tâm. Tuệ căn từ trước phải huân tu nhiều đời mới có thể sanh khởi. Kinh Tâm là ý của Đại Hùng, há dễ tìm cầu ư? Cách ngôn đó gọi là "già thấy việc lớn". Đức Phật đã trải qua ba A-tăng-kỳ, hoặc trong nhiều lời, pháp từ các thánh đồng tuyên dương. Đâu thể đem côn trùng mùa hạ cùng luận bàn qua hết, cá ở trong giếng cùng bàn về vùng biển của nó. Đó thật là không thể được. Hẳn phải gần gũi các Đức Phật, Bồ-tát, pháp sư Thiện Tuệ dạo chơi trong bốn thứ vô ngại biện, tám biện âm giảng nói lợi ích tự tha, chỉ như Bồ-tát Thiên Thân đem một lời của Đức Thế Tôn, Trung Đạo viên tông lập thành năm vị của các pháp. Như rồng mang các giọt nước mà nổi thành mưa, nhìn vào mầm mộng mà ban cấp. Lại cùng sai Bao làm Vĩ ở Xuân Thu, Tạc Độ làm Tư nơi Đại Địch. Đó đều là khéo sự thông biến, có công năng vò mài. Dùng lợi căn mà dạy độn căn, đem chánh kiến mà dẫn dắt tà kiến, đều gọi là "Ma-Ha Bát-Đặc-già". Ở Tây Vực người lấp cỏ sửa nhà thì dùng lấy lông cừu, kẻ tài tuấn cháo sữa ở phương này lại thêm nước. Thành lông cừu thì dễ, hằng ngày trông thấy mà lưu tâm, khỏi được nước thì khó để truyền lại mà cách tay. Xưa kia, dùng người giảng để luận pháp soạn sớ mà tìm tông. Dùng danh của

thành thật pháp số, phụ nghĩa đủ thiếu của Đại thừa. Trong đó có danh mục giải pháp là tùy sự thấy biết của người, chưa dung thông đầu mối của sáu thích, thì phải báo hóa người có tâm không tâm, hòa hợp những người sợ số, nghe huân diệt bất diệt v.v... có hơn trăm khoa, đều là rễ bàng của ba tạng bốn hàm, linh kiện của hai tông đại tiểu, chỗ chẳng quyết của các bậc tiên hiền là điều cùng nghi của triết nhân trong hiện tại, nghĩa là thiếu như chỗ biết mà thành chương. Đến lúc ngài Huyền Trang từ Tây Vực mang bản Phạn truyền về Đông Độ (Trung Hoa) có đủ Tạng báu Du-Già, mở kho sâu xa Duy Thức. Đại Thừa đủ giết Tam-Ma Minh. Danh số đều là các nhà trước tác, lập phá định là phi lượng. Như nói đầm sâu rừng lớn thì sanh ra rồng rắn. Có nền tảng Đại thừa, là những bậc tài giỏi, chẳng duyên theo thói quen đời trước, thấy nhiều thì sanh hiểu biết. Đó gọi là Nghĩa Thiên, cho nên ngôi sao sáng bị mờ đó là Lý quật, cho nên Thiện Tài không cửa, đường đường hợp nghi Chu Bễ, chèn ép ứng trục Côn Lôn. Có kinh đều giảng, không sớ chẳng thành, quyền gởi tên trăm bổn, đề úp bốn bậc thánh. Lại nữa, ánh sáng, vật báu, lường ư, đo ư? Học chương cú rất dài, Lý Thích tiêm sao đúng? Thế Mậu Châu lâm xa biên Đồ Kỷ, Hoàn Phụ lượng độ cá Kình ở biển, còn tiếp nối Văn Vinh ở Ngọc Hoa, tìm tòi ba Luận đến cùng ở Viện Khương, nghiên cùng Phương Đẳng kết quy về Khải Cảnh. Ngài Tuệ Quán soạn tập Hoa Nghiêm mạng chương, giải tướng đưa vào liên hoàn. Vả lại không tỏ vẻ khó khăn, thấu suốt đến lầu đoạn dứt hạnh, nên lập công dễ. Ngài Pháp Tạng theo tánh hải mà đi, còn Trí Thăng từ Danh Lưu mà ra. Lớn lao thay! Thần thông do Nhất hạnh làm ra, thật là Pháp Vương Tăng Tướng, mới là Bồ-tát hình người. Trung Nhân, Lâm Phủ, Bí Tú, Sần Chân đều tham dự phiên dịch in khắc kinh, cùng khai hoang mở đất, làm xán lạn nơi Tông Mật, tốt lành đổi Trạm Nhiên, Ngộ Đạt toàn tài, Thiết Công linh phạm, có thể cầu hoàn bị giúp người ư! Ngoài ra còn có các bậc thượng sĩ khéo léo ở phương khác, tự tại tốt lành cùng có sở trường, sở đoản, dẫn kinh do Phật nói, giải thích kinh là luận, kinh do luận mà hiển bày, luận nhờ sớ mà thông rành, sớ bao gồm tất cả nghĩa chương, nghĩa do từ các ngài thuật nói, huống gì dùng nghị lực cách xa, thấy còn chưa hết. Người đã đạt được thì sức thấy biết rộng khắp, biết mới được chu toàn. Mũi tên lúc bắn dễ thông, tìm xét mạch khó trúng. Nếu chẳng phải thân chứng thân nói được tự thể, thì chớ thân rong ruổi vọng cầu ở người, như nhiếp dị môn, phân tướng sai biệt khó biết. Cho nên trong Luận Đại Trí Độ nói: "sau khi ta nhập Niết-bàn, tất cả các tác phẩm đều thuộc về vào luận tạng, đều là các bậc đại sư chỉ

đường về cho kẻ mờ mịt, thảy đều là tích công cầm nắm đuốc sáng, soi rọi nhà tối. Động giới đủ để thực hành, nhập vào định môn mà an. Bởi vì, buộc ràng đã cắt đứt thì trí tuệ thành công, đều từ biển sanh tử mà vượt đến bờ Niết-bàn". Đây mới có thể cùng nói là: "Từ nghe mà suy tư, từ suy tư mà tu hành chứng đại viên tịch". Từ đây trở đi, chưa biết chấp danh kẹt nghĩa, thử hỏi phải làm sao? Nên nói rằng: "Tinh nghĩa nhập thần để đạt đến dung!" Đã có chỗ dùng thì bỏ nơm lưới mà đi thẳng đến Phật địa. Đó là chỗ sâu sắc của Phật.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG.

QUYỂN 8

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có ba vị)

1. Truyện Hoằng Nhẫn ở núi Đông Sơn, thuộc Kỳ Châu, đời Đường:

Thích Hoằng Nhẫn, họ Chu, gia đình ngụ ở Tầm Dương thuộc Hoài Tả, có thuyết nói là người xứ Hoàng Mai. Đến lúc Vương phụ Sư già nua, đều can danh bất lợi, mạnh đến Khâu Viên, mẹ Sư mới mang thai Sư qua tháng mà ánh sáng chiếu soi trong sân nhà suốt đêm như ngày.

Đến lúc Sư chào đời thì rực rỡ như ban đầu, có mùi hương lạ lót mình, cả nhà đều mừng rỡ. Khi Sư biết nói, lời lẽ khác hẳn bao trẻ thơ bình thường. Đến lúc đã thành đứa bé thì ngài dứt chuyện vui đùa, cha Sư mến thương, nhân đó chỉ bảo đọc sách, Vô Ký ứng trở ấy đã sớm un đúc, chân tâm sớm nẩy mầm, đến đó thành hiện thực. Một sáng sớm, ngài ra Minh Đồ, lần lựa chốc lát như có sự đợi chờ. Bấy giờ, thiền sư Đạo Tín đi đến gặp, bèn hỏi Sư là: "họ gì tên gì?" Ngài trả lời rõ ràng rành rẽ có chỗ kết quy, lý theo lời phân, tiếng tùy âm đáp, ngài Đạo Tín xem xét kỹ lưỡng rồi khen rằng: "Đây chẳng phải là đứa trẻ bình thường!" Xét cùng hình thể chỉ thiếu bảy tướng của bậc Đại Nhân, không bằng các Đức Phật. Nếu như được dự vào dòng pháp thì hai mươi năm sau, hẳn phải làm được việc Phật lớn lao, gánh vác trọng trách lớn". Rồi bảo Sư theo Ngài về nhà, nói rõ cho cha mẹ Sư biết nên khuyên Sư xuất gia. Cha mẹ Sư vui mừng nói: "Thiền sư là bật Long tượng trong nhà Phật pháp, sáng soi khắp cả gần xa, các bậc xuất gia tuấn tú đều nương tựa như mây nhóm, đứa bé này đâu có khả năng kham được dạy răn? Nếu rũ lòng thương tiếp nhận, chúng tôi cũng không tiếc nuối lưu

giữ ở nhà ". Lúc đó Sư mới bảy tuổi.

Khi đến Song Phong, Sư tập tu làm việc của người xuất gia, chẳng ngại khổ nhọc. Ban đêm thì Sư nghiêm chỉnh hình nghi mà ngồi, tự sống đạm bạc, đến khi thọ giới cụ túc, Sư càng gắng kiểm thúc tinh cần. Ngài Đạo Tín thường dùng yếu chỉ đốn tiệm, ngày tháng dạy răn, ngài nghe lời mà xét lý, xúc sự quên tình. Chứng Chánh nhận trần, khát mới uống nước như vậy. Ngài Đạo Tín biết Sư có thể chỉ dạy, nên truyền trao tất cả đạo mầu cho Sư. Lại bảo Sưu xây dựng một ngôi tháp đến lúc hoàn tất, bèn kín trao cho Sư pháp y để làm chất yếu, Sư biết sắp ăn được chất béo phì của núi tuyết, tạo tác đề hồ, ăn thọ kim cương của đáy biển, đậu nghiêng cây lớn, bạn lữ ôm áo nạp đến tiếp nối không dừng, người đi buôn chẳng vào trong hóa thành, cô gái nghèo mở lớn kho báu. Người vào được đường lối đó, gọi là pháp môn của Đông Sơn.

Ngày 23 tháng 10 đến niên hiệu Thượng Nguyên thứ 2 (675) đời vua Cao Tông, thuộc Tiền Đường. Ngài bảo chúng mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi. Ngày đó, mây sương che mờ, đá núi đổ vỡ. Các vị đệ tử như Thần Tú v.v... đón rước toàn thân Sư an táng ở sườn núi của Đông Sơn.

Khoảng đầu niên hiệu Hàm Hanh (670) thời Tiền Đường. Ngài bảo hai, ba vị thiền sinh đệ tử, mỗi vị hãy tự nói lên chí nguyện của mình. Ngài Thần Tú làm một bài kệ trước, ngài Tuệ Năng mới tiếp hòa theo. Ngài bèn trao truyền pháp phục cho ngài Tuệ Năng. Ngài Tuệ Năng thọ nhận y pháp rồi đến Hoằng Hóa ở Thiều Dương, còn ngài Thần Tú đến truyền pháp ở Lạc Hạ thuộc Kinh Môn. Hai Tông Nam Bắc bắt đầu từ đó. Thêm nữa, thiền sư Đạo Tín từng ở Cửu Giang, xa trông đến Song Phong, thấy mây tím như lọng rũ xuống, phía dưới có khí trắng mờ ngang sáu đường. Ngài Đạo Tín hỏi Sư rằng: "Ông biết đó là gì chăng?" Sư đáp: "Bên cạnh pháp của thầy sẽ lưu xuất ra một phái, cùng trải qua sáu đời". Ngài Đạo Tín im lặng không nói gì. Mãi đến lúc ngài Pháp Dung hoằng hóa ở núi Ngưu Đầu thuộc Kim Lăng, thì Di Khuyết Tôn mưu tính đến Tuệ Trung, gồm sáu vị hiệu là Ngưu Đầu Lục Tổ. Đây thì bốn tổ, pháp lại phân phái. Nhưng ngài Pháp Dung đối với ngài Hoằng Nhẫn thì thuộc phái lẻ, đâu thể xếp vào dòng chính ư? Khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời vua Huyền Tông, Thái tử Văn Học Diêm Khâu Quân làm bia tháp. Đến thời vua Đại Tông (763-780) ban thụy hiệu là "Đại Mãn Thiền Sư", tháp đề biển ngạch là "Pháp Vũ", Kỳ Xuân từ cuối đời Đường cắt thuộc Thiên Bá. Mãi đến năm Ất Hợi (975) thuộc niên hiệu Khai Bảo, thời Bắc Tống. Trước

lúc Vương Sư chinh phục Giang Nam, nhục thân Sư Hoằng Nhẫn đổ lệ như những giọt máu, Tăng đồ chẳng suy lường là điềm ứng họ Lý (nhà Đường) mất nước. Từ đó đến nay, vào khoảng tháng 10 mỗi năm, dân chúng các ấp lân cận cùng nhau thiết trai húy kỵ, vẫn còn hưng thạnh. Gần đến ngày huý kỵ thì trời mưa, sương mù buồn thảm, chẳng vậy mà còn tuyết rơi lã chả. Đến ngày húy kỵ thì trời trở lại sáng trong quang đãng.

2. Truyện Tuệ Năng chùa Nam Hoa ở Thiều Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Năng họ Dư, người xứ Tân Hưng, thuộc Nam Hải. Sư vốn ở Phạm Dương. Cha của Sư Húy là Hành Thao. Vào niên hiệu Vũ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư dời đến ở cùng dân chúng tại Tân Châu, cuối cùng dẹp sở. Lược thuật về gia hệ của Sư, không rõ lánh nạn đất Lư đến dừng ở tại Đảo Di như thế nào. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ 12; tức năm Mậu Tuất (638), Cha mẹ sanh ra Sư. Thuần Thục xa hoài, tánh trí tuệ biểu lộ. Tuy là phong tục Man Lão mà thấm nhiễm chẳng sâu. Ngụy hành Công hình bát lỗ khó lường.

Khi Sư còn bé, cha đã qua đời, mẹ Sư ở vậy, trong nhà không có nghề nghiệp và chẳng còn vật gì. Ngài phải gánh củi bán nuôi sống qua ngày. Tình cờ nghe gần cạnh quán có tiếng tụng Kinh Kim Cương Bát-nhã, Sư lắng thần chăm chú nghe, dừng đợi cạnh bờ tường chẳng bỏ đi. Sư hỏi người ấy được thọ học kinh ấy từ đâu? Đáp: "Từ thiền sư Hoằng Nhẫn ở núi Phùng Mậu thuộc Hoàng Mai tại Kỳ Châu, khuyên hành trì pháp đó, và Ngài bảo sẽ được thấy tánh thành Phật". Sư nghe nói như thế, dường như kẻ khát được uống nước mát lạnh, bèn vội trở về, chuẩn bị chu toàn mọi vật cần thiết để cung phụng mẹ già.

Khoảng niên hiệu Hàm Hanh (670-674) thời Tiền Đường, Sư đến Thiều Dương, gặp Lưu Chí Lược. Lưu Chí Lược có người cô xuất gia làm Ni tên là Vô Tận Tạng, thường đọc Kinh Niết-bàn, Sư nghe qua, liền vì Vô Tận Tạng mà biện biệt chiết trung nghĩa lý. Ni cô Vô Tận Tạng lấy làm lạ bởi Sư không biết chữ, Sư bảo rằng: "lý luận của các Đức Phật, nếu chấp lấy văn tự thì không phải ý của các Đức Phật". Ni cô vô cùng thán phục, tôn xưng Sư là Hành Giả. Và khuyến khích Sư ở đến trụ chùa Bảo Lâm để tu đạo. Ngài tự bảo chính mình là "vốn lập thệ nguyện tìm cầu thầy, mà lại tham ở chùa, ấy là đạo gì vậy? Khác gì bỏ đi rồi trở về nhà ư?" Ngày hôm sau, Sư liền đi về phía Tây huyện Lạc Xương, vào một động đá, nương tựa Thiền sư Trí Viễn, Sư cùng hầu

tòa bàn thuận đạo mầu. Thiền sư Trí Viễn bảo Sư: “Hành giả thấu biết đến chỗ chẳng như phàm tình. Tôi không biết, tôi thật không biết vậy! Xin khuyên Hành giả đến Kỳ Xuân chỗ đức Ngũ Tổ để ấn chứng đi, tôi trọn ở dưới cơ phong cầu xin thỉnh giáo”.

Sau đó không bao lâu, Sư đến chỗ Hoàng Mai, ngài Hoằng Nhẫn thấy Sư tướng mạo chẳng sáng sủa, mới thử hỏi Sư rằng: “Ông từ đâu đến?” Sư đáp: “Vốn từ Lãnh Nam đến xin tham lễ, chỉ cầu làm Phật” - Ngài Hoằng Nhẫn bảo: “Người xứ Lãnh Nam không có Phật tánh”. Sư thưa: “Người thì có nam bắc, chứ Phật tánh không có Nam bắc”. Ngài Hoằng Nhẫn hỏi: “Ngươi làm việc gì để có công đức?” - Sư thưa: “Xin ra sức ôm đá giã gạo để cúng dường tăng chúng thôi”. Từ đó ngài khổ nhọc với giếng nước cối xay, đốc thúc tịnh nhân mà đứng đầu. Sư thấu rõ “sanh tử kia và Niết-bàn thảy đều bình đẳng”. Ngài Hoằng Nhẫn tuy quân dưỡng, nhưng tâm làm sao biết rõ, bèn bảo ngài Thần Tú đề xướng kệ trình bày sở đắc của mình. Sư liền hòa theo đó. Kệ viết lên tường vách, kiến giải rạch ròi, yết lệ chẳng đồng, cạn sạch cách biệt. Ngài Hoằng Nhẫn bèn phó thác pháp y cho Sư, bảo rằng: “Trước kia thầy ta lần lượt truyền trao, đâu cần luống nhọc như vậy! Than ôi người đời sau này, ai thọ nhận y pháp của ta thì mạng sống mong manh như chỉ tơ! Con nên biết đó”.

Sư định trở về nguyên quán, ẩn cư tại các xứ Tứ Hội, Hoài Tập, dần dần bày lộ cơ phong dĩnh ngộ. Sư đến đất Nam Hải, chỗ pháp sư Ấn Tông giảng Kinh Niết-bàn, thính chúng nhóm tụ đông nhiều, Sư cùng luận bàn gió động hay phướn động. Ngài Ấn Tông cạn lời mà thần phục. Mới vì Sư mà làm lễ xuống tóc tại chùa Pháp Tánh. Luật sư Trí Quang truyền giới cụ túc. Tại chỗ Sư Đăng đàn thọ giới trước kia vào thời Nam Tống, Tam Tạng pháp sư Cầu-Na-Bạt-Ma tự tay thiết lập. Ngài Cầu-Na-Bạt-Ma là bậc đã chứng đắc quả vị và đã huyền ký rằng: “Sau này tại đây sẽ có vị Bồ-tát Nhục Thân thọ giới”. Lại, vào cuối đời Lương, Tam Tạng pháp sư Chân Đế tự tay trồng cây Bồ-đề ở bên cạnh đàn, và bảo với chúng tăng rằng: “một trăm hai mươi năm sau, sẽ có bậc đại sĩ ngồi tại đây nói pháp Đại Thừa, độ vô lượng chúng”. Đến nay thì Sư bèn tới chỗ ấy, quả thật ở dưới tàng cây, khai giảng pháp môn Đông Sơn, thảy đều phù hợp với các lời sấm ký trước kia. Vào khoảng niên hiệu Thượng Nguyên (674-676), thời Tiền Đường, trong lúc Sư đang giảng nói tông phong, bỗng nhiên ngài bùi ngùi chẳng vui, Đại chúng thưa hỏi: “Do đâu Sư có vẻ như thế?” Sư bảo: “Đổi dời không dứt, sanh diệt chẳng thường, thầy của ta nay đã quy tịch”. Tin dữ đưa

đến mà tin, Sư bèn dời đến trụ chùa Bảo Lâm. Bấy giờ, Quán Thứ Sử Vỉ Cứ thỉnh Sư ra ở chùa Đại Nam, Sư từ chối và đến khe Tào Hầu ở núi Song Phong. Như rồng lớn chợt bay lên, mưa móc đều ban rải, mọi vật từ đó đâm cành rễ mà được lợi ích. Khách Ngũ nạp đến chật cửa, bốn bộ chúng vây quanh dưới tòa. Bấy giờ Ngài tuyên dương bí kệ, hoặc nêu bày Khế kinh. Tất cả đều hun đúc hoặc nghe Tượng tạng, cùng lúc bước lên đều lấy được ngọc rắn, đều do Đường đi tất thảy đều về Viên cực. Do đó, trong thiên hạ nói rằng: “Đạo thiền lấy Tào Khê làm thật”. Đến lúc Hoàng đế nghe được, muôn dặm theo tâm. Sư nghĩ suy phơi bày mà đón rước. Muốn quy y cho vừa ý nguyện. Võ Thái Hậu Hiếu Hòa Hoàng đế đều ban thư ấn chiếu sắc mời Sư vào cung khuyết, do Thiền sư Thần Tú tấu trình đề cử. Tiếp theo lại sai bảo Trung Quan Tiết Giản đến mời, Sư đáp lại bằng cách viện cớ bệnh mà không đến. Như tâm ngài Tử Mâu dám quên phụng khuyết, chân ngài Tuệ Viễn chẳng bước qua Hổ Khê. Ngài hẳn lấy đó mà khước từ, chẳng phải khinh mạn Quân Vương. Nhà vua bèn ban tặng một chiếc áo nạp Cà-sa, một bình bát, một tràng hạt, dệt thành khăn kinh Chất Lục ráng hồng, khăn gấm hoa, bốn năm trăm xấp lụa sung vào dâng cúng dường v.v... Lại dâng hiến nhà cũ ở Tân Hưng sửa chùa Báo Ân.

Đến niên hiệu Thần Long thứ 3 (707), vua Trung Tông ban chiếu đến xứ Thiều Châu tu sửa lại điện Phật và Phương Trượng chỗ Sư ở, sắp xếp trang nghiêm và đổi lại biển ngạch là “Chùa Pháp Tuyền”. Đến tháng 7 niên hiệu Diên Hòa thứ nhất (712), Sư bảo các đệ tử đến chùa Quốc Thanh xây dựng một ngôi tháp, đốc thúc làm cho mau hoàn tất. Qua ngày mồng 3 tháng 8 niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713), Sư thị hiện tướng bệnh, có mùi hương thơm khác lạ đầy phòng, vừng cầu vồng quay cùng sát đất. Thọ trai xong, Sư tắm gội, thay y phục, búng ngón tay không thôi. Hơi thở từ từ dịu lắng, toàn thân vắng lặng, mắt nhắm lại. Khi đó núi đá nghiêng đổ, nguồn sông cạn khô, chim muông hót lời buồn thương, khỉ vượn nát lòng gào réo. Hoặc có tiếng buồn than rằng: “Mắt sáng của thế gian đã nhắm, chúng nương tựa vào đâu?” Sư thọ bảy mươi sáu tuổi.

Tháng 11 năm đó, dời tòa Sư về nguồn ở Tào Khê. Đệ tử là ngài Thần Hội tợ như Nhan Hồi đối với Khổng Khâu, bao nhiêu lời khẩn thiết ủy thác của Sư đều từ ngài Thần Hội truyền nói lại. Ngài Thần Hội đến chùa Hà Trạch ở Lạc Dương, tôn kính dựng lập Chân Đường thờ Sư. Binh bộ thị lang Tống Đảnh soạn văn bia. Ngài Thần Hội tuần tự trình bày mạch phái Tông Phong, từ đức Như lai trở xuống các vị tổ sư ở Tây

Vực. Ngoài ra, tại đất Trung Hoa (Chấn Đán) có sáu vị đệ tử, thảy đều đắp họa tôn tượng để phụng thờ. Thái Úy Phòng Quản Tạo "Lục Diệp Đồ Tự". Lại đem hình thể an tọa không rã của Sư như nhập thiền định, về sau có sơn phết thêm. Lại nữa, Sa-môn Phương Biện người đất Thục đắp họa một hình tượng nhỏ, hình dạng như ngày xưa. Sư từng nói rằng: "Sau khi ta thị tịch, có người thiện nam sẽ đến lấy chiếc đầu của ta, các ông chớ lấy làm lạ".

Có người nhớ lại lời đó của Sư nên dùng sợi xích quàng xiềng ngang cổ Sư. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 11 (723) quả thật có người quê ở Nhữ Châu bị sự mua chuộc của người xứ Tân-la ngầm đem dao đến cắt lấy đầu Sư với ý muốn mang về Hải Đông để cúng dường. Có người nghe tiếng sắt va chạm nên bắt giữ lại ở dưới tháp đó cất giấu chiếc Y Uất-Đa-La-tăng, có màu xanh đen tợ ngọc bích và áo lục kép, ở nhân gian chẳng có vật này, đã từng bị cướp trộm đi, song kẻ cướp mê lạc lối, trở lại cởi bỏ hoàn trả.

Khoảng niên hiệu Chí Đức (756-758), ngài Thần Hội sai đệ tử Tiến Bình đưa ra một chiếc răng sâu, Triều đạt danh trọng vọng, nếu Tống Chi hỏi thì nêu yết trường thiên do ngài soạn có như Trương Yên Công nói, gởi mười cân hương và thơ, Phụ Vũ Bình nhất chí, bài thơ chép:

"Đại sư bỏ thế gian
Pháp thân còn lưu lại
Nguyện gởi hương vô ngại
Tùy tâm đến Nam Hải".

Vũ Công nhờ môn nhân Hoài Nhượng đúc một quả chuông lớn, vì soạn bài minh khen ngợi. Tống Chi hỏi thư. Kế là, Quảng Châu Tiết Độ Tống Cảnh đến lễ bái tháp đó, hỏi đệ tử là Linh Thao về nghĩa vô sanh Pháp Nhẫn, Tống Công nghe pháp mà vui mừng, hướng về tháp cầu xin ứng hiện điềm lành. Bỗng chốc có gió nhẹ dần thổi, mùi hương lạ xoay vần quanh người, mưa rơi lả tả, chỉ khắp cùng khuôn viên chùa mà thôi, có rất nhiều điềm lạ, ở đây tránh sự rườm rà nên không ghi thêm.

Sau, vua Túc Tông (756-763) ban chiếu chỉ thỉnh mời ngài Linh Thao là đệ tử của Sư, nhưng ngài Linh Thao cáo bệnh không đến mà bảo ngài Minh Trượng mang bình bát và pháp y được trao truyền của Sư đến triều đình xong thỉnh trở về lại. Hoàng đế Hiến Tông (806-821) truy tặng Sư thụy hiệu là "Đại Giám", tháp đề biển ngạch là "Nguyên Hòa Chánh Chân". Mãi đến cuối đời Đường, dòng họ Lưu xưng chế phân khu, mỗi năm đến tiết Thượng Nguyên đất hương chong đèn, đón rước

Chân thân Sư vào thành cho muôn dân cầu phước. Sau khi nhà Tống (Bắc Tống) bình trị Nam Hải xong, kẻ cướp Chu Tư Quỳnh ở Thiều Châu làm phản, xấc xược, thiêu đốt chùa tháp, đến lúc lửa sắp cháy, lúc bình thường Nhục Thân ngài với hai người mạnh khỏe không sao cất nhắc nổi, song khi lửa tấp đến, chỉ hai vị tăng khiêng lấy mà tượng nhẹ như áo giáp lông tơ. Đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 3 (978) thời Bắc Tống, vua Thái Tổ ban sắc chiếu chỉ xây dựng lại tháp, đổi tên chùa là Nam Hoa.

Liên hệ thử bàn:

Do đâu mà Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn rõ biết về sự ngộ đạo của một vị cư sĩ tại gia mà trao truyền y bát? Thông đáp: "Chỉ một lời nói biết về tâm là không còn ngờ vực gì nữa. Huống gì ghi nhận tâm xoay chuyển, như các ngón tay trên bàn tay".

Thiền sư Hoằng Nhẫn ban thí giáo pháp nhất vị, sao để cho người tại gia thọ y pháp, bình bát. Mà ngài Thần Tú không được nhận ư? - Thông đáp: "Pháp đó đâu có phân biệt kẻ tăng người tục, hễ ai đắc thì truyền, chư hầu mới phân ra phần khí, đồng tánh hay dị tánh khác nhau. Vì Tổ sư là thợ đúc nắn, khéo biện biệt tinh thô nên dùng y pháp trao làm niềm tin. Thí như có ba đại lực sĩ bắn Kiên Lạc-Xoa; một người tên là Ma-Kiện-Na bắn trúng mà không thủng, người thứ hai là Bát-La-Tắc-Kiến-Đề bắn thủng mà không đạt, còn người thứ ba là Na-La-Diên bắn đạt mà lại xuyên các vật, chẳng phải Kiên-lạc-xoa có cứng có mềm mà chỉ bởi thế lực bắn khác nhau mà thôi. Ngài Tuệ Năng có thể ví là Na-La-Diên bắn mà được tưởng thưởng".

Y là vật làm tin, đến thời ngài Tuệ Năng không trao truyền nữa, không giống như sự trao truyền thiên hạ (ngôi vua) của thời Hạ Vũ ư? Thông đáp: "Ngài Hoằng Nhẫn bảo: người được trao truyền y pháp thì mạng sống tợ hồ sợi tơ treo lơ lửng. Ý của ngài Hoằng Nhẫn là như thế. Thêm nữa chúng hội bẩm thọ giáo pháp của Tổ thì có thừa, mà hạnh hành hóa thì chẳng có ai". Nên về sau đến dòng quân bộ mới nghiệm biết sự đoán trước của ngài Tuệ Năng. Sư không trao truyền y bát không mắc lỗi keo lận. Nên nói: "biết được người là bậc hiền trí. Ôi...!"

3. Truyện Thần Tú chùa Độ Môn ở núi Đang Dương, thuộc Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thần Tú, họ Lý, là người họ Úy, ở Đông Kinh hiện nay. Từ thuở thiếu thời, Sư xem cùng kinh sử, thông thạo học rộng. Thế rồi, Sư phát chí xuất trần xuống tóc thọ pháp. Sau Sư gặp được Ngũ Tổ Hoằng

Nhẫn chùa Đông Sơn, ở Song Phong, thuộc Kỳ Châu, lấy pháp ngồi thiền làm việc chính. Sư mới ngợi khen rằng: “Đây thật là thầy của ta!” Sư bèn quyết tâm chịu khó bửa củi gánh nước, tự phục dịch mà cầu đạo.

Xưa kia, cuối đời Ngụy, có Sa-môn Đạt-ma từ Tây Trúc chứng đắc pháp mầu Thiền tông. Từ Đức Phật Thích-ca Thế tôn truyền thọ nối nhau, dùng y bát làm vật báu chứng tín. Ngài Đạt-ma theo thuyền bằng đường biển đến Trung Hoa. Vua Vũ Đế (502-550) thời Nam Lương đem việc Hữu vi mà hỏi, ngài Đạt-ma lại quý truyền thẳng cửa tâm yếu, nên cơ giáo trái nhau, như dùng nước chọi đá, ngài bèn lui về ở ẩn tại chùa Thiếu Lâm ở Trung Khâu thuộc đất Ngụy. Sau đó Sư thị tịch. Năm đó, sứ nhà Ngụy là Tống Vân gặp ngài Đạt-ma tại Thông Lãnh, trở về trình bày lại. Môn đồ đào mộ lên thì chỉ có chiếc y và giày mà thôi. Ngài Đạt-ma truyền trao pháp ấn cho ngài Tuệ Khả, ngài Tuệ Khả lại truyền cho ngài Tăng Xán, ngài Tăng Xán truyền cho ngài Đạo Tín, ngài Đạo Tín truyền cho ngài Hoằng Nhẫn. Ngài Hoằng nhẫn và ngài Đạo Tín đều trú tại chùa Đông Sơn, nên gọi là pháp đó là “Pháp Môn Đông Sơn”.

Sư một lòng phụng thờ ngài Hoằng Nhẫn, ngài Hoằng Nhẫn thầm biết, vô cùng quý mến mà nói với mọi người rằng: “Ta độ người rất nhiều. Đến như Huyền Giải, Viên Chiếu, song không ai trước ngươi (Thần Tú)”. Trong khoảng niên hiệu Thượng Nguyên (674-676) thời Tiền Đường, ngài Hoằng Nhẫn thị tịch. Sư mới dời đến ở núi Đương Dương, thuộc Giang Lăng, chư tăng bốn phương nghe đạo phong của Sư mà tìm đến. Từ đó danh tiếng đạo hạnh của Sư vang vọng thấm đượm khắp nơi. Thái Hậu Vũ Tắc Thiên (690-705) nghe tiếng mà thỉnh Sư đến chốn thành đô. Khiêng kiệu lên điện, đích thân Thái Hậu quỳ lễ. Tại nội đạo tràng thường luôn có đủ mọi thứ để cúng dường, thường hỏi đạo mầu. Thái Hậu ban sắc núi; chỗ trước kia ngài ở, đặt tên là chùa Độ Môn, để tán dương Đức Hạnh của Sư.

Bấy giờ các hàng vương công cho đến sĩ dân, từ triều đình đến thôn dã đua nhau đến thăm yết lễ bái. Vọng trần bái phục, hằng ngày có đến hàng muôn người. Quan Trung Thư Lệnh Trương Thuyết thường thưa hỏi pháp, giữ lễ làm đệ tử. Sau khi trở về bảo với mọi người rằng: “Thiền sư (Thần Tú) thân cao tám thước, mày dày mắt đẹp, oai đức cao vợi, có khí phách của Vương Sương”.

Ban đầu, Sư cùng bạn đồng học là Thiền sư Tuệ Năng, là bậc có đức hạnh ngang bằng, đồng được phát huy nâng đỡ, không riêng tự đối

với đạo. Sư từng tấu trình với Thái Hậu Vũ Tắc Thiên thỉnh ngài Tuệ Năng đến chốn thành đô. Ngài Tuệ Năng khẩn khoản cố khước từ. Sư lại tự viết thư trình bày rõ ý của Hoàng Thái Hậu, nhưng không hề lay động được ý ngài Tuệ Năng. Ngài Tuệ Năng nói với sứ giả rằng: "Thân hình tôi không cao đẹp, người đất Bắc mà thấy sự thấp xấu của tôi sẽ chẳng kính trọng pháp. Hơn nữa, thầy tôi đã dự ghi tôi có duyên với xứ Lãnh Nam, nên tôi không thể làm trái, nên Sư chẳng hề đến Đại Dữu Lãnh cho đến lúc qua đời". Trong thiên hạ rải rác loan truyền đạo tình đó, bảo rằng: Tông Phong của Sư ở tại đất Bắc, còn Tông Phong của ngài Tuệ Năng là ở đất Nam". Danh từ "Nam Năng Bắc Tú" phát xuất từ đó.

Đến niên hiệu Thần Long thứ 2 (706) thời Tiền Đường, Sư thị tịch. Các hàng sĩ thứ cùng đến dự lễ tang. Triều đình ban tặng thụy hiệu là "Đại Thông Thiền Sư". Thêm nữa, tại Tương Vương Cựu để xây dựng chùa Báo Ân, Kỳ Vương Phạm Yên Quốc Công Trương Thuyết, Trưng Sĩ Lư Hồng Các đều soạn bia kính viếng. Đến thọ phục lễ tang Sư, các hàng danh sĩ đạt quan nhiều không xiết kể. Sư có các vị đệ tử như Phổ Tịch, Nghĩa Phước đều là những bậc mà từ triều đình cho đến thôn dã mọi người đều kính trọng, bởi chính do đạo hạnh của Tiên sư.

Liên hệ thử bàn:

Hễ ngọt đắng trái nhau thì khí vị khác nhau, ngọt chẳng hơn đắng thì thuần đắng thừa thời. Đắng chẳng hơn ngọt thì thuần ngọt dụng sự. Như vậy là thuốc trị bệnh. Thiên trọng phải bỏ vậy.

Ngày xưa, Tổ Sư Đạt-ma quy tịch mà lời vàng tuyệt diệu. Thiền sư Hoằng Nhẫn thị tịch mà đại nghĩa trái ngang. Ngài Thần Tú lau quét để rõ tâm, còn Tuệ Năng dùng "đều chẳng" mà xướng đạo. Mãi đến lúc lưu hóa ở phương Bắc vẫn còn siêng năng tập luyện. Từ đó phân ra một nhánh phương Nam, phục hưng thuyết Đốn Môn. Do đó, từ chùa Hà Trạch hành hóa đến Trung Hoa, dùng Đốn môn để bỏ sự phiền toái của tu luyện, chưa đổi dời Bàn Thạch thì e rút ngắn tượng vi, không phí xáo động tâm, đến cùng khiếu mỗi tự kết thân với chỗ thân, kết bạn cùng đồng đảng. Nên có đàn tấu của Lư Địch; Đồ Thiên của Thần Hội. Ấy bởi lỗi thực hành chữa trị chuyên ở nhất vị, nhờ đó thấy được ứng nghiệm của đắng ngọt trái nhau. Lý bệnh chưa hiệu quả, trái nhau mà trước thành, chỉ nên vì pháp mà quý trọng người, sao lại do nơi người mà hại pháp. Hai đệ tử tẩy rửa chân thầy, trừ dơ chưa kíp, tri kiến bẻ chân người, đó là thí dụ.

4. Truyện Tuệ Minh ở Mông Sơn, thuộc Viên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Minh, họ Trần, người ở xứ Bá Dương. Vốn là cháu của Trần Tuyên Đế, vì nước mất nên lui về vui với ruộng vườn.

Thuở thiếu thời, Sư xuất gia ở chùa Vĩnh Hương, mến đạo thiết tha, nên đến cầu pháp ở Song Phong. Dưới thời vua Cao Tông (650-684), Sư nương tựa Pháp Tịch của Thiền sư Hoằng Nhẫn, dốc ý nghiên tầm. Song, ban đầu không được chúng ngộ, chỉ như chó của nhà có tang. Bỗng nhiên nghe ngài Hoằng Nhẫn thầm trao truyền y bát cho cư sĩ dòng họ Lư (Tuệ Năng), Sư liền dẫn vài mươi người cùng chung chí hướng dẫn theo dấu vết tìm đến tận Đại Dữu Lãnh, thì Sư thấy trước tiên, còn những người kia chưa thấy kịp. Tổ sư Tuệ Năng thấy đoàn người đến liền ném y Ca Sa trên tảng đá. Sư nói: “tôi vì pháp mà đến đây chứ không phải mong cầu y bát!” Lúc đó, ngài Tuệ Năng đứng trên đỉnh núi cao, một bề chỉ bảo, Sư thông suốt tất cả. Trong lúc đang buồn vui lẫn lộn, Sư hỏi ngài Tuệ Năng rằng: “Con nên đi đến phương nào?” Ngài Tuệ Năng dự ghi cho Sư rằng: “gặp Mông nên ở, gặp Viên có thể dừng!” Ngài bèn bái lạy mà đi và đổi lại tên mình, lấy lại tên nước là “Đạo Minh”. Bước xuống chân núi, Sư gặp chư tăng bèn bảo: “Tôi leo lên tận đỉnh núi cao tìm kiếm nhưng không có dấu vết gì”. Chư tăng bèn trở lui, chuyển sang hướng khác.

Có thuyết khác nói rằng: “Lúc ngài Tuệ Năng ném bỏ y bát trên tảng đá, bảo rằng “y bát này là bảo vật chứng tín, đâu thể dùng sức lực mà tranh giành được? Tùy ý ông lấy đi”. Sư bèn đưa tay cầm lên nhưng chỉ như mang hàng chục cân đá không cất lên nổi, nên đành khoanh tay thả cờ. Lúc đó là niên hiệu Hàm Hanh thứ 4 (674). Vì trước kia, lúc Sư chưa bỏ nhà xuất gia, đã từng làm gia vệ nên có hiệu là Tướng Quân. Nghi Xuân Thái Thú Tần Trác tâu vua thụy hiệu như vậy.

5. Truyện Thần Hội trụ chùa Hà Trạch, ở Kinh đô Lạc Dương, thời Tiền Đường:

Thích Thần Hội, họ Cao, người ở xứ Tương Dương. Từ thuở bé, Sư học hành tánh thông minh, theo thầy được trao cho năm kinh, Sư thông suốt chỗ sâu kín. Kế đến, Sư tìm học Lão Trang Linh Phù, thảy đều tỏ rõ. Nhân đọc Hậu Hán Thư mà Ngài biết được thuyết của Phù-đồ (Đạo Phật). Do đó, đối với đạo Phật, Sư bèn hướng tâm đặt để. Sư mới bỏ y ý định thăng quan tiến chức, giã từ cha mẹ, đến cầu xuất gia với Pháp sư Hạo. Nguyên ở chùa Quốc Xương ở phủ nầy.

Sư đọc tụng các kinh, chỗ dị đồng như lật bàn tay, vẹn toàn đại luật nghi, Sư chẳng tham giảng suốt. Nghe Thiền sư Tuệ Năng trú tại khe Tào Hầu ở Lãnh Biểu, thạnh hành mở mang đạo pháp, các hàng học giả đua nhau tìm đến, Sư bèn học theo Đồng tử Thiện Tài lên đường tham vấn phương Nam, xé xiêm y lót chân, đường dài ngàn dặm mà như chỉ trong vài bước. Đến lúc gặp gỡ, ngài Tuệ Năng hỏi: "Ông từ đâu đến?" Sư đáp: "không từ đâu đến". Ngài Tuệ Năng hỏi: "Ông chẳng về ư?" Ngài đáp: "không có chỗ nào về". Ngài Tuệ Năng bảo: "Ông quá mênh mông". Sư thưa: "thân duyên ở đường". Ngài Tuệ Năng bảo: "Do tự chưa đến". Sư đáp: "Nay đã được đến, hãy không dính mắc". Ngài ở tại Tào Khê được vài năm, sau đó tham tầm các danh tích.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 8 (720), Sư được vua ban chiếu về trụ chùa Long Hưng ở Nam Dương. Rồi tiếp tục đi đến Lạc Dương, hành hóa thiền pháp, danh tiếng đạo hạnh ngày một sáng ngời. Trước kia, khoảng giữa của hai kinh đều do Tông Phong của ngài Thần Tú hoằng hóa. Như trứng cá không chìm giúp nuôi rồng ở ao vậy. Từ đó Sư khơi sáng được nguồn tâm từ Tông Phong của Lục Tổ Tuệ Năng, dẹp bỏ Đạo tiệm tu. Do đó, hai Tông nam bắc mới bắt đầu phân rẽ. Đến như pháp môn của ngài Phổ Tịch về sau cũng trống rỗng.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (742-756), có ngự sử Lư Dịch đỡ đầu hỗ trợ cho ngài Phổ Tịch, vu khống dèm tấu cho rằng "Sư (Thần Hội) nhóm họp đồ chúng, nghi là có mầm mống bất lợi". Vua Huyền Tông mời Sư về kinh. Lúc giá đến Chiếu Ứng, thang đối đáp, lời lẽ lý luận thảy đều thích ý, nhà vua bèn ban sắc cho Sư dời đến quận Quân, hai năm sau ban sắc dời đến trụ viện Bát-nhã chùa Khai Nguyên ở Kinh Châu. Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 14 (756), An Lộc Sơn ở Phạm Dương, cất binh nội hướng, hai kinh ly loạn, giá đến Ba Thục. Phó Nguyên Soái Quách Tử Nghi dẫn binh bình trị hết, nhưng ở Phi Vãn mà Cầu xin, dùng Quyền kế của Hữu bộc Xạ Bùi Miện, các Đại phủ mỗi đều thiết lập giới đàn độ tăng, thâu thuế chư tăng gọi là Tiền Hương Hỏa. Nhóm họp là để giúp việc cần của Quân Binh. Đầu tiên, Lạc Đô bị vây hãm, Sư vượt tại thảo giới (= cỏ rác). Bấy giờ, Lư Dịch bị giặc giết chết, mọi người cùng bàn tính mời Sư làm chư đàn độ. Khi đó, khắp các chùa viện cung quán đều bị đốt phá, mới quyền biến dựng lập một phòng viện bằng cỏ lá, mà bên trong thiết trí Đàn vuông với các thứ của cải gấm lụa có được, thảy đều chi phí cho quân lính. Hoàng tử Đại Tông Quách Tử Nghi thâu lấy lại được hai kinh, cũng nhờ Sư viện trợ giúp đỡ hết sức. Hoàng Đế Túc Tông (756-763), mời Sư vào nội cung cúng dường. Ban

sắc cho làm Đại Tượng, đều công ngang sức, vì Sư mà xây dựng thiền viện trong chùa Hà Trạch. Sư trụ tại đó mở mang phát huy Tông Phong của Lục Tổ Tuệ Năng, khiến cho pháp tịch nơi tông môn ngài Thần Tú ngày một hiu hắt.

Đến niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất (760), Sư phó chúc và từ biệt môn nhân đệ tử, đứng dậy khỏi tòa hướng lên hư không vọng bái, rồi trở về phương trượng. Đêm đó ngài thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi. Hôm đó nhằm ngày mồng 3 tháng 5, dời tháp về chùa Bảo Ứng ở Lạc Dương. Vua Túc Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Chân Tông Đại Sư", tháp hiệu là "Bát-nhã".

Liên hệ thử bàn:

Tu theo giáo điển mà chẳng đổi phong tục, sửa đổi chính sách đó mà chẳng thay đôi thói quen đó. Quý ở chỗ dần dần. Ngài Thần Hội từ phương Nam đến đất Bắc, hành hóa pháp yếu của Tào Khê. Tại Lạc Trung càng thạnh như thời ngài Tuệ Năng tự chẳng khác. Ngoại hộ đã thành đó là tốt. Huống gì bên cạnh không người đủ sức xoay chuyển, chỉ lắm hẹp hòi, muốn chẳng đuổi đi đó có được chăng?

Có người bảo rằng: "lỗi đó chẳng nhiều sao vội vàng thế?"

Thông đáp: "kỵ là lúc Phạm, tội chẳng tại lớn. Mất chỗ thích đáng, lỗi chẳng ở sâu. Sau đó, xét xem sự vội vàng đó mới biết được thời sự. Cho nên, Đức Phật là bậc trải qua muôn kiếp học hóa hành, biết hóa hành là khó, không để cho vì mình mà tổn hại đến giáo pháp. Phải thận trọng điều đó!

6. Truyện Đàm Thôi trụ chùa Trúc Lâm ở Nhuận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đàm Thôi họ Cố, người ở Quận Ngô. Dòng họ nổi tiếng ở nước Triệu, Sư lại càng ngời sáng. Thừa tướng có công giúp mạng, thượng thư được khen mạnh cứu. Áo mão đảnh trụ cao như Thái Nhạc Đại Phong, Lệnh Vấn huy du, Giang Hán làm giềng mối của nước Nam. Tinh Tượng Giáng tinh linh, chỉ so với Phước đức. Đức TrùmThai giáo, Hương hợp điềm mộng, Huyền Khai ứng điềm của Thánh Thượng, Thần Bảo chứa khí của Hà Phần. Ngài đặc biệt bẩm thọ chuẩn mực khác thường nên vừa mới chào đời mà chẳng như kẻ phàm. Ngay ngày lót tả mà trẻ nít đến cầu, đang lúc đeo kẹp mà quên thân vì đạo. Sư hiền hòa mẫn tuệ thuân tố, ôn dung cung kính mà được sáng. Thần khí sớm soi, phong thái thanh tao dần phát, bèn khởi chí thoát trần, bày tâm ngoài vật. Kinh vàng bí tạng ngày tụng đến muôn lời, chẳng quá một năm mà

kinh tạng thông làu. Cho nên, lúc ve già, Sư luôn nghĩ đến tông tượng.

Đầu tiên, Sư đến phụng thờ Đại sư Pháp Dung ở Ngưu Đầu. Ngài Pháp Dung cẩn ý hoài hùng, như Đạt-ma đến Đông Độ. Cột báu Phạm đồng chống bờ biển lớn, lương mục cho là thượng căn, mới chỉ dạy, bảo rằng: "thanh sắc là chẩm độc của vô sanh. Thọ tưởng chính là cạm bẫy của chí nhân. Càng xa thì lấm bùn, con chẳng mong muốn ư?" Sư im lặng suy xét. Trực Bí riêng ăn thức ăn cam lồ thượng vị, uống nước nho, như chim cánh vàng chẳng ăn vật khác. Trời Đế-thích chẳng chung sống cùng loài quỷ, nương được ẩn vết tại Chung Sơn, dứt thì thói quen rò rỉ, dưỡng định Kim Cương, hướng đến ngôi vị Đại Năng, Sa-môn không rừng nhiều năm trải qua lắm nơi chốn.

Bấy giờ, tại Hoài Nam, người đứng đầu dẫn dắt là Thiền sư giác ở Quảng Lăng. Bậc danh đức tại Giang Tả là Pháp sư Như ở Kiến Nghiệp. Sư đều chống tích tìm đến, hàng tâm nghĩa thể, nắm giữ ngọc báu, ôm hoài vật báu, hư đi thật về. Hoàng Thái Hậu Vũ Tắc Thiên mỗi lúc lâm triều kính hành Phật sự, nêu cao đạo nghiệp, khắp khuyên ân cần bằng chiếu thư. Bấy giờ, Pháp sư Ước ở Thê Hà là bậc tài giỏi trong cửa Phật, đích thân đem sự thuần hậu khuyên can triều đình. Thái Hậu Vũ Tắc Thiên xem chiếu, Hoàng Minh sợ chưa phải thế. Sư bảo: "Kỳ Bá khước từ làm thầy của Đế Thuấn, Can Mộc tạ ân ban của Văn Hầu, Huyền Xướng dùng thiện luận mà chống báng Tống Chúa, Tuệ Viễn chẳng xuống núi mà ngạo với Tề Hậu, những bậc đó là người nào ư?" Do đó, Sư trốn đến Bắc Phụ, vượt qua Đông Cương, Khảo Bàn, Vân Minh.

Sau, Sư đến dừng trụ tại hỏm đất của chùa Trúc Lâm, sửa sang mái nhà, gìn giữ bình bát mà viện cớ là già. Thế nhưng, Sư vẫn tiếp nối nêu cao cờ hồng của các Thánh, kế thừa việc đáng làm của Tiền hiền, giúp sáng Hoàng Phạm, bảo an trời người. Bỗng nhiên, ngài an tường nhập định suốt bảy ngày đêm rồi thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Lúc đó là ngày mồng 6 tháng 2 năm Thiên Thọ thứ 3 (692) dưới thời Vũ Tắc Thiên. Ngày hôm sau, y theo phép hỏa táng của Tây Vực, thâu nhặt di cốt và tro để xây tháp thờ.

Các hàng sĩ thứ dân chúng thảy đều xót thương khóc than. Sư có các đệ tử như ngài Tăng Cảm, Tăng Huân v.v... khắc bia đá phụng thờ, đủ lễ đối với thầy. Quan Chánh Nghĩa đại phu sứ trì tiết, Nhuận Châu thứ sử Nhữ Nam quận Thăng, hưởng gió xa tưởng vui mà lâu đến, khen đức chuộng hiền, tán thành khuyết mỹ.

7. Truyện Pháp Trì trụ chùa Viên Tộ, ở Kim Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Pháp Trì, họ Trương, người ở xứ Giang Ninh, thuộc Nhuận Châu. Nghi mạo ung túc, dáng thể nhã nhuần. Từ thuở bé đã bỏ tục, lớn lên phụng thờ minh sư, thiên cơ phát triển từ trong, hiểu biết lắng khắp phía ngoài.

Năm mười ba tuổi, Sư nghe danh Đại sư Hoằng Nhẫn ở Hoàng Mai, nên đặc biệt đến tham yết, mong được chỉ bày pháp yếu, ngài lãnh ngộ được đạo mầu. Sau trở về núi, lại phụng thờ Thiền sư Phương, và tỏ ngộ được Tông cực. Thiền sư Phương bảo vào thất ngài, truyền đèn nối sáng, nối tiếp sơn môn, hoằng tuyên đạo hóa. Thiền sư Phương vừa ra khỏi núi. Các hàng học chúng đua ùn kéo đến nương tựa thưa hỏi tâm yếu. Danh tiếng Sư vang xa, khắp trong nước nhà thảy đều nghe biết. Chỉ trong vài năm, bốn bộ cúng kính mến tựa nương.

Lúc ngài Hoằng Nhẫn sắp thị tịch, bảo đệ tử là Huyền Trách rằng: "sau này có mười vị có khả năng mở mang đạo pháp của ta, mà trong đó, Pháp Trì ở Kim Lăng là một". Sư rõ biết thiền tông ở hai xứ nhiều đời suy trì. Sau, Sư trao truyền pháp nhãn cho đệ tử là ngài Trí Oai. Đến niên hiệu Trường An thứ 2 (702) ngày mồng 5 tháng 9, Sư thị tịch tại chùa Diên Tộ. Sư di chúc lại "nên để nhục thể Sư dưới gốc thông cung cấp cho các loài cầm thú. Khiến con vật ăn máu thịt đều phát tâm Bồ-đề.

Ngày đó, giữa hư không có mấy cái phướn thần từ phía Tây bay lại, nhiễu quanh núi mấy vòng, mọi người đều thấy trước tiên ở viện cũ tối sầm, rừng trúc đều biến thành mầu trắng, Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

8. Truyện Đạo Lượng chùa Vân Môn, ở Việt Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Lượng, họ Chu, người ở Việt Châu. Cha mất, trước kia ông làm Thứ sử quận Cối Kê.

Năm tám tuổi Sư xuất gia, học thông minh. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư học Tam Luận ở Hà Trung, lại giảng kinh Niết-bàn. Ngài tìm vào hang sâu, nạp y che thân, chỉ ăn rau trái nuôi giữ mạng sống, chẳng giao du với thế tục, chỉ chuyên giữ Đồng Chân.

Niên hiệu Thần Long thứ 1 (705) Hiếu Hòa Hoàng đế (= vua Trung Tông) ban chiếu mời Sư với mười vị đồng pháp tịch tông sư vào đại nội Trường Lạc, kiết hạ an cư. Năm đó, Hoàng đế thọ giới Bồ-tát.

Duệ Tông cùng các phi hậu dâng cúng gấm quý lạ, chăn giạ lót giường. Năm sau, (706) vua Trung Tông lại ban chiếu mời Sư đến Tây Viên để hỏi đạo. Cả triều đình đều khâm phục quý kính, Đại đô đốc Lý Hiếu Dật, Công bộ thượng thư Trương Tích, Quốc tử giám Chu Nghiệp Thôi Dung, Bí thư giám hạ Tri Chương, Thứ sử Mục châu là Khương Tiên đồng tâm kính mộ thưa hỏi thiền tâm, phần nhiều kết đạo nghĩa thầy trò, hoặc truyền hương hỏa.

Sư thị tịch lúc tám mươi hai tuổi. Các vị đệ tử như ngài Tuệ Viễn v.v... xây tháp cúng dường, Vạn Tề Dung soạn bài minh ghi trên tháp.

9. Truyện Đạo Tuấn trụ chùa Bích Giản, ở kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Tuấn, người xứ Giang Lăng, trụ tại tịnh xá Bích Giản, ở Chi Giang. Tu pháp môn Vô sanh của Đông Sơn, tức pháp môn của hai Tổ sư Đạo Tín, và Hoằng Nhẫn hoằng hóa. Ngài siêng năng tinh khiết khổ hạnh, chân chẳng bước ra khỏi chùa suốt hơn bốn mươi năm. Thất gần người xa, chẳng dám thưa hỏi. Sư chỉ có việc im lặng, như vậy mà danh tiếng vang dội khắp trong nước. Suốt hai triều vua, Vũ Tắc Thiên (685-705) và Trung Tông (705-710) sùng kính Sư là vị tăng cao hạnh. Sau, Sư cùng các ngài Hằng Cảnh, Ứng Chiếu vào nội cung thọ cúng dường. Khoảng niên hiệu Cảnh Long (707-710), Sư xin trở về quê cũ, vua Trung Tông ban tặng thơ ngự chế và tráng cảnh đồng trở về Chi Giang. Sư qua đời bổn tự.

10. Truyện Huyền Giác trụ chùa Long Hưng, ở Ôn Châu thời Tiền Đường:

Thích Huyền Giác tự là Minh Đạo, họ Đái, là cháu chín đời của Yên Công và là năm đời của Tổ Khản cuối thời Hán. Húy là Liệt, qua sông mới là người Vĩnh Gia.

Sư xuất gia từ thuở nhỏ, nguồn tâm vốn sạch, trí ấn toàn năng, lường chẳng thể nghĩ, hiểu nghĩa sâu xa. Ngã và vô ngã, thường hằng vốn biết. Không và bất không, đầy đủ đều thấy. Đã lìa bốn bệnh mà cũng mặc ba y. Dùng nước đức hạnh tắm gội thân mình, do đó mà thanh tịnh, đem thuốc tốt để trị mắt, nhờ vậy mà ngời sáng. Anh ruột Sư tức là pháp sư Tuyên cũng là bậc danh tăng, và còn hai người con đồng dự vào hàng ngũ xuất gia.

Sư vốn trụ tại chùa Long Hưng. Cả nhà quy tín, siêng năng tinh tấn, định căn chắc bền, chẳng hề dời đổi. Cây nghi bỗng nhiên tự gẫy

đổ, ngã tướng chẳng dơ nhiễm khách trần. Thấy bên cạnh chùa đó có riêng một cảnh đẹp, Sư bèn xuống dưới núi, tự dựng am thiền, biển xanh rung động trước ngực, núi biếc khoanh vòng sau lưng. Bồng lai tiên khách năm tháng tới lui. Hoa che mây khói sớm tối xen lẫn. Bèn như công đức Phật bảo xông lên, chuông thần vọng lại, nhà báu hóa ra, Sư ở trong đó. Mặc chẳng dùng tơ vải, ăn chẳng bởi cấy cày. Há đó là Trang Tử dùng vải bố làm xiêm y, tự có A-nan biến thành cam lồ cơm ăn. Sư lấy riêng học cô lậu, ba người ở trong đó có thầy, cùng với Thiền sư Sách ở Đông Dương gánh vác tùy duyên du phương hỏi đạo, đến bái yết Thiền sư Tuệ Năng ở Thiều Dương mà chứng được yếu chỉ.

Có thuyết cho rằng: “Sư chống tích nhiễu quanh am đối đáp”. Nói ở Biệt Lục. Còn như cửa nhà của ngài Thần Tú, ngài từ xa đến hỏi pháp, nhưng cuối cùng đắc tâm yếu tại Tào Khê, khi đã quyết trạch điều nghi, ngài Tuệ Năng còn lưu giữ lại một đêm, nên gọi ngài là “Nhất Túc Giác”, vẫn một nửa Biến Thanh. Đến niên hiệu Tiên Thiên thứ 2 (713), ngày 17 tháng 10 Sư đang ngồi nhập định tại phòng riêng ở chùa Long Hưng an nhiên bất động, tăng chúng thảy đều buồn khóc. Đến ngày 13 tháng 11 năm đó (703) an táng Sư tại phía Nam của Tây Sơn, Sư thọ bốn mươi chín tuổi.

Trước khi thị tịch, Sư cấm túc tại đảnh núi Tây, nhìn về phía chùa. Chỗ ở của Sư, bùi ngùi mà than rằng: “người vật đông nhiều, kiệu hoa um tùm. Sao dùng nó làm gì?” Đệ tử Sư là Hưng người xứ Ngô Hưng, sư Tuyên người nước Tân-la, và vài người đồng nghe mà đều chẳng lường biết. Bỗng dưng Sư kể lại rằng: “xưa kia, có một vị Thiền sư dẫn các đệ tử lần lượt du phương thưởng ngoạn. Từ xa đứng nhìn một ngọn núi mà than rằng: “người vật đâu nhiều thế?” Các vị đệ tử cũng không ai biết gì. Sau đó không bao lâu thì vị Thiền sư đó thị tịch. An táng nơi vùng đất hướng về.

Từ Tây Sơn đến chùa cách hơn dặm đường, đưa tiễn an táng đông nhiều, người vật dao động, sự cảm động đến nỗi như thế. Thêm nữa, trước khi Sư thị tịch, có loài nhạn đông hơn cả ngàn con bay đến ở phía Tây chùa. Người hầu nói rằng: “ấy từ đâu lại?” Giữa không trung có tiếng nói rằng: “là chỗ phần mộ ngài, nên từ biển bay ra”.

Sư có các đệ tử như ngài Tuệ Tháo, Tuệ Đặc, Từ Đẳng, Huyền Tịch, đều là những vị truyền pháp của Sư ở thời bấy giờ rất được suy tôn. Sau, Lý Bắc Hải ung làm Quan thú ở Hoạt Châu, bèn bày hành lục của Sư làm văn bia, gọi là Thần Đạo. Sư xướng đạo đặc biệt nói rõ tu chứng ngộ nhập. Quan thứ sử Khánh Châu là Ngụy Tĩnh Đô Biên tập

lại, gọi là "Vĩnh Gia Tập".

Trước kia, Sư và Lãng Công ở Tả Khê là bạn đạo, Lãng Công đưa thư mời Sư đến ở núi đó. Do vậy, Sư nghĩ rằng Lãng Công bị vướng mắc bởi núi, buộc tình nơi giảng, Sư bèn viết thư đáp lại kích động khuyên tấn, ngôn từ mềm mại nghĩa lý rõ ràng, khiến núi ấy suốt đời như một, động tĩnh dùng lẫn nhau, ý thức thú nhập thầm hiểu ở đây, người thấu đạt đến đó. Khi Sư qua đời, vua ban sắc tặng Sư thụy hiệu là "Vô tướng", tháp tên là "Tịnh Quang".

11. Truyện Trí Oai tại chùa Thiên Bảo ở Kim Lăng, thời Tiền Đường:

Thích Trí Oai, họ Trần, người ở Giang Ninh. Ở gần Thanh Sơn, địa bàn khí tốt, khéo hợp điềm lành có trước, Duy nhạc giáng thần. Lúc còn bé thơ mà khí phách đã khác với sự nhận biết của mọi người. Sư đến các chỗ vui đùa mà không hề nhiễm tục, tánh ghét trang sức, khác với mọi người.

Tự nhiên một ngày nọ, Sư bỏ nhà đi, cha mẹ chẳng biết đi đâu, mới đến khắp các chùa tìm hỏi, thì ra Sư đã đến nương tựa Pháp sư Thống ở chùa Thiên Bảo, tụng đọc kinh điển Đại thừa, mới vài trăm trang mà sự thấu suốt vượt hẳn người bình thường, cả chúng đều thán phục. Năm hai mươi tuổi, Sư đến Ngộ Ân xuống tóc, sau đó đến chùa U Nham, nhân đây Sư theo pháp sư Pháp Trì, cầu học thiền pháp, thấu đạt diệu lý sâu mầu tiếp nối đạo nghiệp. Đã đạt được minh châu trong búi tóc, Sư điềm nhiên nhàn phóng, hình dung ôn nhuận, mặt như trăng đầy, lời nói thanh nhã, tuệ đức thơm lừng, vang động một thời mà tiếng tăm vang khắp xa gần. Những vị tham cầu định học ở Giang Tả thường tìm đến, mà trong đó ngộ được nguồn tâm chính là Thiền sư Tuệ Tư. Ngài bèn bảo kế nghiệp sơn môn, truyền trì đạo hóa, còn ngài tự ra trú chùa Diên Tộ, nói thuyết lợi người, ban bố nhiêu ích.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 10 (722) ngày mồng 8 tháng 10, Sư thị tịch tại đó, có di chúc lại "nên đem nhục thể vào để trong rừng bố thí cho các loài cầm thú". Các đệ tử như ngài Huyền Đỉnh v.v... theo lời chỉ dạy mà làm. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi.

Có một thời gian, ban đêm Sư hành hạnh đầu-đà cho đến gần sáng, có ba con hổ gặp Sư, Sư liền cắt ngang giữa đường đi qua, không tỏ vẻ khiếp sợ. Hổ bèn theo Sư đi đến cửa núi, nhìn quanh bốn phía rồi đi, và cũng từng có hai con thỏ và một con chó cùng nhau đùa giỡn trong sân nhà, không sợ gì nhau. Bởi tâm đại bi bình đẳng, người vật

như nhau, nên có được như thế.

Thứ nữa, tại núi Tư Không có ngài Thích Bổn Tịnh, họ Trương, người xứ Đông Bình. Từ thuở thiếu thời, Sư đã vào cửa Phật. Với tiết tháo lớn mạnh, lúc du phương gặp được Lục Tổ Tuệ Năng ở Tào Khê nên dứt bỏ nghi ngờ vướng mắc.

Đầu niên hiệu Khai Nguyên (713), Sư đến núi Tư Không, ở Nam Nhạc, thư thái sống ở đó, người chẳng biết, ta biết, là lý do tệ ngụy. Khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756), nhân có Dương Đình Quang vào núi hái thuốc, tình cờ gặp gỡ, nên luận đạo suốt ngày. Đến lúc trở về, tấu trình cùng triều đình, nên có chiếu ban thỉnh, Sư về kinh đô trụ tại đình Bạch Liên Hoa. Nhà vua biết Phật pháp sâu mầu, ai dám liều lượng. Bèn ban chiếu mời pháp sư Viễn ở chùa Thái Bình cùng ba vị Thạc Đức thật học ở Lưỡng Nhai, phát hỏi phong khởi, như trăm mũi tên cùng nhắm rượt đuổi con thỏ. Ngài bèn cất nhắc ung dung cùng chống chỏi bốn mặt, thí như mở chín công cơ giới của Mặc Địch. Thế rồi, Sư biện luận như ngói sắp nung, ngoài lúc chỉ dạy mới dẫn giáo điển liểu nghĩa viện chứng. Sư lại nói kệ già-đà, không một vướng mắc. Nhà vua trong ý mừng vui, mọi người trông thấy đều ngợi khen.

Đến niên hiệu Thượng Nguyên thứ 2 (762) ngày mồng 5 tháng 5, Sư thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Vua Túc Tông ban tặng thụy hiệu là “Đại Hiểu Thiền Sư”. Và cũng lấy chỗ Sư ở mà đặt tên là “Tư Không Sơn Thiền Sư”.

12. Truyện Tuệ Lãng trụ chùa Long Hưng, ở Mục Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Lãng, người xứ Toại An, thuộc Tân Định. Năm hai mươi hai tuổi, đến Bắc Sơn, thuộc Cù Châu, gặp được thủ tướng của Nam Tông Đốn Giáo, Sư bèn thỉnh cầu làm thầy. Vị ấy bảo Sư rằng: “Ngài từ lâu tích tập tịnh nghiệp, tôi chẳng phải thầy của Ngài, Ngài nên đến Thiên Thai sẽ gặp được bậc thầy đầy đủ trí tuệ hiền đức”. Sư đến chùa Thạch Thành ở Diệm Khê, thấy một thiền ông, chẳng biết từ đâu lại, tóc bạc da trắng, mắt như điện chớp, tiếng tợ chuông ngân, thần khí ôm chầm cả thái hư. Vị đó hỏi Sư rằng: “Ông sắp đi đâu vậy?” Sư đáp: “Muốn đến Thiên Thai, cầu Đại Pháp của Phật”. Nhân đó, hai người cùng đi, chừng khoảng mươi dặm, dừng nghỉ dưới rừng cây và vị đó bảo Sư rằng: “Pháp thường tịch nhiên, kia cũng như vậy, sao phải đến nơi xa? Phải giáo hóa kẻ hữu duyên, nên trở về chỗ cũ để độ vô lượng chúng?” Nói xong thì không thấy vị đó đâu nữa. Sư tỏ rõ bổn tâm,

ngộ tri kiến Phật. Bèn ẩn cư nơi núi rừng suốt mấy năm, mới trở về ở chùa Tuệ An tại quê cũ. Tợ như cư sĩ Tịnh Danh mặc phi pháp phục, Thuần-đà khéo léo, tâm như tâm Phật, Ly Châu còn ẩn, sư tử chưa sống, cuối cùng nhược tang, vượt bờ sông mê.

Một hôm, núi rừng Tần vọng chấn động, bỗng chốc có con rùa lớn hiện hình. Mọi người hỏi nhau rằng: "đây là điềm gì vậy?" Lại có vị thiền tăng, tên là Biện, từ chùa Vân Môn, ở Cối Kê đi đến. Thân Ngài (Biện) cao tám thước bốn tấc, mũi cao mắt lớn, tròng mắt sáng soi chiếu người, thông rành các kinh Đại Phẩm, Tư Ích, Duy-ma v.v... kiêm rành rẽ các luận. Đại chúng đều bảo "Ngài (Biện) là vị Thần tăng, rùa lớn ứng điềm như thế". Còn Sư (Tuệ Lãng) kín hành hạnh Bồ-tát nên thỉnh ngài Biện Công làm thầy. Biện Công nêu bày nghĩa kinh Duy-ma, Sư bèn đáp rằng: "Như mặt nhật soi chiếu vào lửa đom đóm, nước biển rót vào vết chân trâu". Biện Công vô cùng mến quý, bảo rằng: "thật là Tịnh Danh".

Vào niên hiệu Cảnh Long (707-710), các vị như Úy Dư ở huyện Ngô Xuyên, Thiếu Hưng Tông Đảng, Lệnh Dư Nhân ở huyện Tân Xương, v.v... cả mười mấy nhà đều cùng nhau tôn kính phụng thờ, thay đổi thỉnh Sư quang lâm. Một đêm, Sư bỗng thấy ánh sáng từ cổ phát ra, bên ánh đèn có đủ núi sông đầy cả mười mấy dặm. Các loài hàm tình, không loài nào chẳng quy y. Biện Công lại thêm nghĩa lễ thầy trò. Do đó, trở lại bái thỉnh Sư thăng tòa. Trước tiên, Sư mới chỉ bày: pháp thân thấy khắp các loại chúng sanh, kế đến giảng rõ biến hóa tất cả đều như. Kẻ tăng người tục mừng vui, mỗi người đều ngợi khen rằng: "Xưa kia, núi rừng rung chuyển, rùa lớn chỉ điềm lành, chẳng phải do Biện Công ứng rõ vậy". Từ đó, những người tham học thiền quán khắp bốn phương đua nhau tìm đến tấp nập.

Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 4 (716), Bổn Châu Mục Lý Tư Huyền đến phía nam Long Sơn, xây dựng một ngôi chùa, thỉnh Sư về an trụ tại đó. Sư mới kiến lập Đại giới đàn, mời khắp các bậc Luật sư đức hạnh. Trong đó, có Ngạn Công ở Quang Châu, Siêu Công ở Cối Kê làm thượng thủ. Thế rồi, Sư phát tâm ít có thọ giới cụ túc, tợ ngọc tròn trăng tỏ, trong ngoài đều sáng. Sư đến khắp các giới đàn làm giới sư, tôn chứng. Trở lại thỉnh cầu học hỏi, làm học sĩ. Tình cảm mọi người thêm nặng, đạo hạnh càng tôn. Đến năm Khai Nguyên thứ 7 (719), Thứ sử Vi Lợi Khí thâm tâm quy hướng. Qua năm sau (720), Hấp Châu trưởng sử Hứa Tư, cung thỉnh Sư đến chỗ ông đang trị vì. Lúc Sư lên pháp tòa, bỗng nhiên có một con gấu đến phủ phục ở phía trước, nó do nghe tiếng

chuông mà đến, cả chúng đều tán loạn, sợ nó làm hại, nhưng vì nó có tâm muốn nghe pháp. Ngài dạy dỗ loài thú dữ thuần phục đến như thế.

Đến ngày 21 tháng 9 niên hiệu Khai Nguyên thứ 13 (725), Sư bảo các môn nhân rằng: “Ta sắp đi đây! Ta đã ba đời sống tại Châu này, nay là một đời vậy!” Nói xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. Các vị đệ tử vòng theo di huấn cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp thờ.

Các vị học giả theo Sư đã nhiều, mà những người Dĩnh ngộ thanh thoát, trong đó có ngài Đạo Ẩm, Tuệ Hựu, Đạo Thiền ở chùa Khai Nguyên. Biện Hải ở chùa Long Hưng, Tấn Ngọc ở chùa Ninh Quốc, Hữu Bái, Viễn Chỉnh ở chùa Bảo Lâm, thuộc Việt Châu, Nhất Hạnh ở chùa Trúc Lâm, thuộc Hàng Châu, v.v... đều là những vị mở mang đạo pháp của Sư, nối nhau như dưa dày đặc. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (778), quan Thái Thú Tân Định là Tiêu Định soạn văn bia, Quan Tư Mã Lưu Khương Khanh viết chữ, Quan Thứ Sử Lý Quý viết ngạch bằng chữ triện. Đó đều là chỗ của các bậc Danh Công Thạnh khoa toàn mỹ.

13. Truyện ngài Cự Phương trụ viện An Quốc, ở Vận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Cự Phương, họ Tào, người ở xứ An Lục. Từ thuở bé, Sư giữ tiết tháo, lập thân theo thầy, cầu xin xuất gia với Thiền sư Lãng ở viện Minh Phước, thuộc Châu Trị. Thọ học hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy-ma-cật. Công khóa hoàn tất, Sư thọ giới cụ túc. Sư lại nghe giảng luận Nam Tông ở vài trường giảng, rồi phẩy áo tầm cầu tham yết các thiền hội.

Sau, Sư đến chỗ xét khảo tinh nhuệ của Thiền sư Thần Tú, thuộc Bắc Tông. Vừa mới thầy Sư, Thần Tú điềm nhiên chấp nhận, hỏi Sư rằng: “chỗ mây trắng tan thì thế nào?” Sư đáp: “không mờ tối”. Lại hỏi: “Từ lúc này về sau thế nào?” Sư đáp: “thật thầy rõ một cành mọc năm lá”. Ngài Thần Tú gật đầu chấp thuận, Sư trú tại đó vài năm, vào thất hầu hạ hỏi đáp, ngõ hầu chân đạo ít có ai sánh bằng. Sư từ biệt Quán Phương, đi đến núi lạnh Thượng Đãng và trú tại đó nhiều năm, học chúng đông đến vài trăm vị. Cầu thỉnh không ngăn ngại. Chỗ đề xướng của Sư là “chân vọng đồng một nguồn, nhanh chậm không khác loại. Đắc tâm giúp đạo ở tại tu trị”. Đại loại đều như vậy.

Vận soái Ngô văn Tháo Thị Trung khâm phục, kính mến đạo phong của Sư, sai sứ thỉnh Sư về tại phủ, tạo lập viện An Quốc, thỉnh Sư ở đó chỉ dạy học chúng. Những người mến chuộng đạo phong tổ đức, chẳng lìa xa pháp tịch, và có nhiều vị đốn ngộ. Vận Soái hỏi Sư rằng:

“từ nay về sau, thời vận thế nào?” Sư đáp: “đất rải cát vàng, người ở cõi báu”. Ngô Soái kính tin mến phục, do đó mà quân dân cả phủ đều càng kính ngưỡng. Mọi người trong dòng họ Ngô bất kể lớn nhỏ thảy đều kính trọng Sư như vị thần minh, cúng dường bố thí rất trọng hậu. Sau đó, Sư lại đến Ngũ Đài hóa đạo, suốt hơn hai mươi năm, mới thị tịch. Khi đó, Sư bảo với chúng rằng: “tuổi thọ của tôi đến đây là mãn”. Nói xong Sư bèn tịch, thọ tám mươi mốt tuổi. Bấy giờ là Ngài mồng 3 tháng 9 niên hiệu Khai Nguyên thứ 15 (727) đón rước toàn thân nhục thể của Sư nhập tháp.

Thứ nữa, tại viện An Quốc ở Phủ Hà Trung có ngài Thích Trí Phong, vốn dòng họ Ngô, người xứ Hoài An, đến tuổi trung niên, Sư mới học đạo, hết mình cố gắng cẩn mật, thực hành hạnh đầu-đà. Sau bữa ăn giờ mão thì nước tương chẳng dính vào răng. Sư đến pháp sư Hằng chùa Thanh Tịnh ở trong Châu Quận cầu xin xuống tóc, thọ giới cụ túc, tập học Luận Duy Thức, có người đến bắt bẻ, chê trách Sư bị mắc kẹt danh tướng. Sư giận bỏ trường giảng, tìm đến núi Võ Đang, tham kiến pháp hội của Thiền sư Thần Tú, thì tảng băng nghi ngờ tiêu tan. Sư tư duy nuôi dưỡng mầm thánh. Bỗng nhiên, Sư khước từ, ra trụ tại núi An Phong, thuộc Bồ Tân cấm túc suốt mười năm. Thường ngày SƯ chỉ ăn cây cỏ uống nước suối. Vệ Văn Thăng thuộc Châu Mục thỉnh Sư về trong thành, lập viện An Quốc để Sư trú tại đó. Từ đó, các loài thú đua nhau sanh sản, phát triển đông nhiều. Sứ quân hỏi Sư rằng: “Tại đây, từ nay về sau như thế nào?” Ngài đáp: “mặt nhật từ mưa rơi giàn giụa soi chiếu, cây cối hoàn toàn không có bóng”. Sứ quân ban đầu không hiểu được ý chỉ, bèn cuốn diệp mà thối lui, trong thời gian ngắn chọn mở hiểu đủ nên bỏ đến Hoài An. Sư qua lại núi Trung Điều hơn hai mươi năm, ít ỏi chẳng đủ, những người thành đạt đạo của Sư không thể kể xiết. Sau khi Sư thị tịch, các hàng nhân xây tháp thờ cách Châu Bắc khoảng ba mươi bộ.

14. Truyện ngài Hương Dục ở núi Đại Phật thuộc Dĩnh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Hương Dục, họ Lý, người ở xứ Tế Âm. Cha Sư làm nhân viên của Châu Duyện. Sư có đạo tánh, thường nghiên cứu tập học Lão Trang. Căn khí phấn phát, bỗng nhiên lưu tâm để ý đến kinh điển Phật pháp. Sư quyết chí từ bỏ thế tục, tìm đến luật sư Trí Nguyên chùa An Định ở Thương Châu cầu xin xuất gia.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tinh cần học luật, sắp hoàn tất. Một

hôm, Sư từ giã thầy đi tham lễ các Thánh tích. Sư vượt qua Thiên Thai, đến Nam Nhạc, có lúc đến nham A, hoặc ẩn dưới bóng cây. Cuối cùng, Sư đến Ngũ Đài. Sau Sư tham dự vào pháp hội do Tổ sư Thần Tú đang hoằng hóa thạnh hành, tâm xưa hợp nhau, kính tiết mong tiếng. Ngài Thần Tú hỏi điều gì, Sư đối đáp kín đáo như ẩn thư, tất cả điều mở giải. Ngài Thần Tú im lặng lấy làm lạ. Sư ở trong chúng trải qua nhiều năm, đến khi thấu suốt nguồn tâm, Sư liền từ biệt ngài Thần Tú mà vào núi Đại Phật ở Phú Thủy. Sư giữ tiết tháo mạnh mẽ, an trụ thiền định, mỗi ngày chỉ ăn một bữa trước giờ mão. Châu Tướng Hàn Nhuận dốc lòng kính tín đạo phong của Sư, kiên trì cầu thỉnh Sư xuống núi, nhưng Sư chỉ cáo bệnh mà thôi. Từ đó, người xuất gia, tại gia thảy đều khát ngưỡng quy y. Hàn Sứ quân kéo xe tiếp nối cúng dường nối nhau, tạo lập pháp đường rực rỡ tráng lệ và thường đến hỏi đạo. Hàn Hầu hỏi ngài "Phật pháp về sau như thế nào?" Sư đáp: "đồng như thái hư, ủy phó cho người có năng lực". Hàn Hầu khâm phục kính chuộng, đồ chúng thường có đến ngàn vị. Trong đó, các bậc hiền nhân và kẻ chẳng ra gì cùng ở lẫn lộn, thường nghe có việc bất trắc trong tăng, Sư dự nghe nhận. Một hôm, Sư nói pháp, kế đến nói với chúng rằng: "Lành thay pháp hội này thật khó gặp, phải quyết dứt mọi điều nghi, chớ để luống qua!". Rồi Ngài bảo lấy nước tắm gội xong, ngồi thẳng mà hóa, thọ chín mươi ba tuổi.

15. Truyện ngài Hàng Ma Tạng Sư ở Đông Nhạc, thuộc Duyện Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tạng Sư, họ Vương, người ở Triệu Quận, Cha Sư làm nhân viên của Châu Duyện. Từ thuở bé, Sư đã tìm thấy học đạo, tự nhiên kính mến Phật pháp, mà tánh lại thích sống riêng một mình. Tại chùa Sư ở có nhiều Lệ Quỷ mê my người. Đến lúc bảy tuổi, Sư một mình một bóng, ở chốn hoang vắng mà không hề có chút sợ hãi. Đến lúc trưởng thành, Sư càng vượt trội khác thường nên mọi người gọi Sư là "Hàng Ma Tạng".

Sư thưa hỏi Thiền sư Minh Tán ở viện Quảng Phước, ý ngài Minh Tán cho rằng "Sư là bậc pháp khí" nên mới phát khởi câu hỏi, Sư ứng đối biện luận nhã hợp, hỏi đáp rạch ròi, nhân đó mà Sư được lưu lại chấp sự phục dịch ân cần thọ pháp. Ngài Minh Tán bảo Sư tụng Kinh Pháp Hoa, qua một tháng thì Sư thấu suốt cả bộ, nên được xuống tóc, thọ giới cụ túc, tập học luật tạng, tiếp đến giảng luận Nam Tông. Đại cơ sắp phát, bỗng nhiên Sư ném phất trần. Các linh tích ở khắp chín châu

không chỗ nào Sư chẳng đến tham lễ. Sau Sư đến gặp Bắc Châu Đảnh Thạnh, bèn phát nguyện nương tựa. Ngài Thần Tú hỏi Sư: "Ông tên là Hàng Ma, tại chỗ ta đây không có sơn tinh mộc quái, ông lại làm ma ư?" Sư đáp: "có Phật thì có ma". Ngài Thần tú bảo: "Ông nói ma như thế tức là ở cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận". Sư đáp: "Phật đã là không, sao lại không thể suy nghĩ bàn luận". Bấy giờ đại chúng đều lấy làm lạ mà kính phục Sư. Trước tiên là ngài Thần Tú huyền ký cho Sư là: "ông có duyên với gò Thiếu Hạo". Sư bèn tìm đến Thái Sơn, vài năm sau người học đến rất đông, cúng dường cung cấp đầy đủ. Sư chỉ là sau kiệu vàng của Cốc Lãng Công hành hóa.

Một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: "nay tôi già suy, tất cả mọi vật cuối cùng phải có chỗ về, chính là lúc này đây". Nói xong, Sư thị tịch, thọ chín mươi mốt tuổi.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 9

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện gồm có mười bốn vị, phụ có ba vị).

1. Truyện người Nghĩa Phước chùa Từ Ân, ở Kinh Triệu đời Tiền Đường:

Thích Nghĩa Phước, họ Trương, người ở xứ Đồng Đề, thuộc Lộ Châu. Từ thuở bé, Sư đã kính mến Không môn, bỏ dứt việc thế tục. Ban đầu, Sư đến trụ chùa Hóa cảm ở Lam Điền, Sư ở trong thất phương trượng, hơn hai mươi năm, không hề ra khỏi cửa phòng. Sau Sư đến chùa Từ Ân ở kinh Đô, đạo phong của Sư cao vợi, làm khuynh động tâm chúng sanh.

Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 11 (723), Sư theo xa giá đến Đông Đô, trải qua hai châu Bồ, Quắc. Các quan Thứ sử, quan lại, sĩ nữ đều mang tràng hoa đến chỗ Sư mà đón rước, dân chúng tấp nập đầy đường, mọi người lễ bái, lăng xăng chiêm ngưỡng không thỏa mãn. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ 21 (733) thì Sư thị tịch, có chế biểu ban tặng Sư thụy hiệu là "Đại Trí Thiền Sư". Và an táng ở phía Bắc của Y Quyết. Trong lễ tang, có đến mấy muôn người tham dự. Trung Thư Thị Lang Nghiêm Đỉnh thân mặc tang phục như hàng đệ tử của Sư, lại soạn văn bia. Các bậc tài giỏi trong cửa thiền của Ngài Thần Tú tuy có Thiền hạnh được các bậc đế vương kính trọng, nhưng không ai hơn Sư, và Sư là người không hề nhóm chúng khai pháp. Đến lúc Ngài Phổ Tịch mới đến đô thành, truyền giáo hai mươi năm, mọi người đều kính ngưỡng.

Ban đầu, Ngài đến Đông Lạc, gọi các đệ tử răn bảo mọi việc về lúc Sư qua đời. Các vị như Binh Bộ Thị Lang Trương Quân, Thái Úy Phòng Quan, Lễ Bộ Thị Lang Vi Trắc luôn kính trọng. Ngày đó đều có đến dự. Sư mới thăng đường giảng nói cho môn nhân nghe, xong rồi

Sư bảo: “chiều nay tôi sẽ thị tịch và giờ đây quyết từ biệt”. Giây lâu Trương Quân nói với Phòng Quan rằng: “năm trước tôi uống kim đơn nên không hề đến nơi có tang”, nói xong, Trương Quân bèn lẫn tránh đi. Bỗng nhiên Sư nói với Phòng Quan rằng: “Ông cùng với Trương Quân đi được mấy năm vậy. Trương Quân sắp có lỗi phi thường, danh tiết đều thiếu, xưa nay nếu qua đời thì pháp hội này đủ để tránh khỏi tai họa. Thật tiếc thay!” Sư bèn nắm tay Phòng Quan, bảo: “ông sẽ làm danh thần Trung Hưng, nên cố gắng”. Nói xong, Sư thị tịch. Sau, Trương Quân lánh giặc đình, làm ngụy quan, còn Phòng Quan phụ giúp hai triều, cuối cùng lập nên Đại tiết, đều là những lời cuối cùng Sư nói.

Lại có Ngài Thích Hành Tư, họ Lưu, người xứ Lư Lăng. Thân quyết thấm đượm, tánh nết trinh lượng, sau khi xuất gia, thọ giới bèn trở về, phá bầu tìm tròn, chặt điêu làm phác, quyết chí thiên nhiên vậy. Ngài sang Thiều Dương tham kiến Thiền sư Đại Giám, một lời che dứt như phá tan tối tăm. Khi đã rõ bổn tâm, địa thần lần lượt khẩn cáo trở lại Cát Châu, mở mang hoằng hóa, thiền khách đông nhiều khắp phòng thất của Sư. Đến ngày 13 tháng 12 niên hiệu Khai Nguyên thứ 28 (730) Sư thị tịch tại nơi thường ở. Vua ban sắc tặng Ngài thụy hiệu là “Hồng Tế Đại Sư”, tháp hiệu là “Quy Chân”. Tháp đó, trong pháp nạn niên hiệu Hội Xương cũng chung cùng số phận bị hủy sau, để tử nối pháp của Sư xây cất lại.

2. Truyện ngài Phổ Tịch chùa Hưng Đường, ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Phổ Tịch, họ Bằng, người ở xứ Hà Đông, thuộc Bồ Châu. Thuở còn thơ đã tỏ tánh hiên ngang. Khi lìa tục lên đàn, thuận theo kinh luật, xem văn lường nghĩa sâu xa, khác với người thường.

Ban đầu, Sư nghe Ngài Thần Tú trú tại chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, bèn đến đó hầu hạ suốt sáu năm. Ngài Thần Tú lấy làm kỳ bèn trao cho tất cả đạo mầu. Lâu sau, vào niên hiệu Cửu Thị, Võ Tắc Thiên vời ngài Thần Tú đến Đông Đô luận tạo, nhân đó tiến cử Phổ Tịch xin được độ làm tăng. Đến lúc Ngài Thần Tú thị tịch, mọi người kính mến họ Thích, trong cả nước đều bắt chước Sư mà phụng thờ. Vua Trung Tông (705-710) nghe Ngài Thần Tú tuổi cao, mới đặc biệt ban sắc chế văn đề cử Ngài (Phổ Tịch) thay thế Bổn sư mà nhiếp hóa pháp chúng.

Niên hiệu Khai Nguyên thứ 23 (725), vua Huyền Tông ban chiếu mời Sư đến trụ tại Đô thành. Bấy giờ, các hàng vương công đại nhân đua nhau đến tham lễ bái yết. Sư rất nghiêm trang ít nói. Những người

tìm đến khó thấy được tôn dung hòa mục nơi Sư, nên tất cả mọi người xa gần rất lấy đó làm kính trọng. Niên hiệu Khai Nguyên thứ 27 (729) Sư thị tịch tại chùa Hưng Đường ở thành đô, thọ tám mươi chín tuổi. Bấy giờ các hàng sĩ thứ ở đô thành đến tham yết đều vâng phụng chế văn thọ nhận tang phục như đệ tử. Vua Huyền Tông có chế văn ban tặng Sư thụy hiệu "Đại Tuệ Thiền Sư". Và đến lúc an táng, Hà Nam Duẫn Bùi Khoan cùng cả vợ con đều mặc tang phục sắp theo sau môn đồ, khắp cả thành đều khóc đưa tiễn, nơi thôn quê vì thế để hoang. Bùi Duẫn kính trọng chức Sư do từ đó, sự mở mang hóa đạo của Sư có nhiều thần dị, chính mắt Bùi Duẫn trông thấy, lại được tâm ấn quy hướng càng sâu. Bấy giờ có nhiều người cười chê. Bùi Duẫn ngày đêm đến lễ bái luôn giữ lấy lễ phép của người đệ tử, chưa từng thất lễ. Một hôm, ông đến chỗ Sư, Sư dự biết sự qua đời của đệ tử Nhất Hạnh. Đến lúc Sư thị tịch, Bùi Duẫn đến buồn thương động lòng như tang của người thân, vận mặc tang chế đồng đi bộ ra thành, vợ con cũng như vậy, sự chê cười của con cháu là như thế đó.

Liên quan thử bàn:

Tình người có ghét có thương. Với người mình thương thì không thấy có điều đáng ghét. Với kẻ mình ghét thì không thấy có điều đáng thương. Phàm muôn vật phân luân đều do ghét và thương, chiết trung mà nói thì nên thương chớ không nên ghét. Người đó có tình thương tức là quân tử, kẻ có tâm ghét ấy là tiểu nhân. Thương mà không thể nói ấy là cái bệnh của người quân tử. Bùi Duẫn áo mão tại triều đình, chức sự có đầy mình, chẳng lánh mật hạnh, đưa đến sự phỉ báng ở đương thời. Thích nghi thay! Thí như tăng sĩ mê đắm việc thế tục thì làm sao không bỏ áo cà-sa mặc áo Nho sĩ được? Nếu thật sau khi đã đắc đạo, giây phút cuối cùng thoát hài đâu có gì chẳng thể ư? Bùi Khoan chẳng bỏ quan thì đâu trái lễ đối với Khổng Tử ư? Bùi Khoan nếu thực hành đạo lý Phương Ngoại, thì đâu có gì phải trách phạt! Với những bậc Đại Nhân Đại Kiến, không vật gì không thể.

3. Truyện ngài Hoài Nhượng ở Đài Quán Âm thuộc Nam Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Nhượng họ Đỗ, người ở xứ An Khương, thuộc Kim Châu. Năm lên mười tuổi, Sư đã ham thích sách Phật, dáng dấp ngời sáng, tỏ vẻ linh kỳ. Những người thức giả đoán biết đó là tướng xuất gia, chẳng nhiễm giàu sang ở thế tục. Người thật có điềm lành đến, nước nhà mừng vui không ngằn mé, rồng lân rùa phượng vô số muôn.

Trời đất chẳng toàn công, khí hậu có đầy vơi, giềng mối khuyết hoại vá đắp chẳng đủ, đều là thần âm thầm giúp đỡ. Chỉ có bậc ứng độ mới thắp sáng quyết lý, người tầm thường chẳng thể biết được.

Vừa tuổi hai mươi, Ngài đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Nam, phụng thờ luật sư Hằng Cảnh, được xuống tóc thọ giới cụ túc. Ngài Hằng Cảnh khen ngợi rằng: "Hễ là người xuất gia vì pháp vô vi, khắp trong nhân gian, trên cõi trời không có ai hơn. Trải qua đó chính là chỗ gọi ra khỏi nhà lửa, ngồi ở ngã tư đường!" Bấy giờ, thiền sư Sư mới khuyên Ngài sang Trung Sơn yết kiến An Công, An Công mở mang tri giác cho Sư. Nhân đó, Sư vào khe Tào Hầu, tham yết Thiền sư Tuệ Năng. Ngài Tuệ Năng an nhiên không khen không chê, như sóng lớp vỗ đến thì hang to càng rộng, Thiều Hộ hợp tấu, Đại nhạc cùng hòa. Ngài thâm nhập tịch định, an trú ở Đạo tràng Vô Động là như thế đó, khi Ngài Tuệ Năng hoá duyên đã mãn, thì Sư mới cất bước đến dừng trú tại đài Quán Âm ở Hành Châu.

Bấy giờ, có vị tăng bị treo xích hình trong ngục, xưng niệm cầu Ngài cứu hộ, Ngài biết nên gắng giúp, vị tăng đó thoát nạn, bảo rằng: "Đó là Ngài Quán Âm cứu khổ?", và được xưng hiệu "Đài Quán Âm" cũng do từ đó.

Ngài hóa duyên hoàn mãn, truyền pháp cho các đệ tử Đạo Tuấn, Đạo Nhất. Các vị ấy đều thăng đường thấy rõ nghĩa mầu. Về sau, Ngài Đạo Nhất gióng lớn trống Pháp ở Hồng Châu, Sư có các đệ tử như Duy Khoan, Hoài Huy. Hóa duyên sắp mãn, Ngài Đạo Nhất nói với các vị Duy Khoan v.v...: "Đạo của thầy ta còn ở chỗ nhiệm mầu, không đợi mà thường, không trú mà đến, phải khéo phụng thờ, tu tập. Từ miệng vàng mà sanh, từ pháp hóa sanh, ở đời ta (Đạo Nhất) là đệ tử, đến đời các ông là pháp tôn, một ngọn đèn truyền mãi, đâu thể để tắt mất".

Sư ra đời nhằm niên hiệu Nghi Phụng thứ 2 (678) thị tịch ngày mồng 10 tháng 8 niên hiệu Thiên Bảo thứ 3 (744), thọ sáu mươi tám tuổi, bốn mươi tám hạ lạp. Ngài Đạo Nhất xây tháp thờ ở Biệt Phong. Vào Niên hiệu Nguyên Hòa (806-821), các Ngài Duy Khoan, Hoài Huy đến Kinh đô mở mang pháp môn Bổn tôn, mở rộng truyền lan đến trăm ngàn ngọn đèn pháp. Pháp Bảo Hồng Tự ở Kinh Hạ từ đó hưng thạnh. Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (813), Thái Thú Hành Dương là lệnh Cô Quyền hỏi về Đạo Tích của Sư, Quyền bèn xả bỏ y phục, của cải để sung vào ngày húy kỵ. Từ đó vào tháng 8 hằng năm là húy kỵ Quán Âm. Trong niên hiệu Bảo Lịch (825-827), vua Mục Tông ban sắc tặng Sư thụy hiệu là "Đại Tuệ Thiền Sư", tháp hiệu là "Trí Thắng Luận".

Trong niên hiệu Nguyên Hòa, Thường Thị Quy Đăng Soạn văn bia.

4. Truyện ngài Linh Trước trụ Viện Lăng-già, chùa Đại An Quốc ở Kinh đô, thời Tiền Đường:

Thích Linh Trước họ Lưu, người xứ Ba Tây, thuộc Miên Châu. Vừa đến tuổi phát chí học Tập bèn thì xuất gia, Sư tìm thầy sư đăng đàn thọ giới chẳng dưới ngàn dặm. Năm bốn mươi tuổi, Sư tinh thông luật tạng Tỳ-ni, kiêm giảng Kinh Niết-bàn. Một bộ kinh, một bộ luật, ân cần truyền trao, đến tuổi về già, Sư đến thỉnh vấn Thiền sư Đại Chiếu, lãnh ngộ được Tông Phong, Sư giữ chí càng vững chắc. Sau Sư đến xứ Trường An, mở mang pháp thiền. Người kính mến đạo cầu Sư chẳng dưới số ngàn, như đầm sâu tụ hội của cá rồng. Vào giờ thân ngày mồng 10 tháng 4 niên hiệu Thiên Bảo thứ 5 (746), Sư thị tịch tại viện Thạch Lăng-già Kinh ở chùa An Quốc, thọ năm mươi sáu tuổi, ba mươi sáu hạ lạp.

Lúc Sư sắp thị tịch, trong chùa có nhiều biến động lạ thường, bởi rường cột của pháp môn đã gãy đổ. Sư ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Ba tuần sau, cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp thờ tại sườn núi Long Thủ, gần bên lạnh nơi tôn trí xá-lợi của Ngài Phật-Đà-Ba-lợi và bên phải phần mộ đá của Nữ Oa. Đến ngày mồng 10 tháng 9 năm đó (746), dời nhập vào tháp. Sư có các đệ tử như Ngài Lãng Trí, Đạo Tuần, Như Nhất. Do kính mến đức hạnh của Sư nên phụng thờ mãi mãi. Nội thị Thượng Trụ Quốc Thiên Thủy Triệu Tư Khản nhờ Sa-môn Thiện Vận soạn văn bia dựng tại tháp thờ Sư.

Lại có Ngài Thích Pháp Ngoạn, họ Phùng, trụ chùa Trí ở Linh Tiền Đường. Sư vốn là người xứ Trường An, đi theo ông nội làm quan ở Giang Đông nên thành người xứ Tiền Đường. Cha con thông tự nguyên đạt, đời đời tiếp nối áo mão truyền trì tố nghiệp. Nhưng tinh thần xem xét vượt ngoài trăm họ, giữ chí kính mến ứng chất của Tịnh Danh, đàm luận phần nhiều là mời các bậc Đại sĩ ở chốn thiền lâm đến nhà. Tạo lập phòng riêng cúng dường lễ bái, nguyện cầu sanh con nối dõi. Lâu sau, Sư thác chất vào nhà, tánh tình cao vợi, thiên tánh khởi phát đoan trang nghiêm cẩn. Vừa mới biết mặc áo đẹp, Sư đã xin cha cho xuất gia, cố nhiên là cha Sư chẳng ngăn cản. Đến lúc đắp y xuống tóc thọ giới cụ túc, Ngài nghiên cứu Tam Thừa như xem vật trong lòng bàn tay, mà tánh trọn có tiết tháo không a dua. Tại chỗ sâu ở chùa ấy (Linh Trí), thuộc phía nam Chiết Giang, Sư dựng lập riêng ngôi lan-nhã cách xa già-lam, suốt ngày an trụ thiền định.

Bấy giờ có những vị đồng đạo đến gõ cửa thưa hỏi, Sư tùy việc chỉ bày, phần nhiều có sự chứng ngộ. Đến ngày 13 tháng 12 niên hiệu Thiên Bảo thứ 2 (744) lúc trời sắp sáng, Sư gọi thị giả rồi an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi, bốn mươi lăm hạ lạp. Bấy giờ, chim muông trên núi kêu buồn, mây sương mưa sầu thảm não, đàn việt xa gần buồn khóc. Đến ngày 19 tháng 12, đón rước nhục thể an táng ở gò núi bên cạnh chùa. Sư có đệ tử Du Pháp Giới và Tử Hoài Phước, Du Tử Hy Tú v.v... đối với Sư là chỗ quy tâm ngày trước, xây tháp, làm các việc đều do các vị ấy giúp đỡ. Tháp thờ Sư vào Pháp nạn Hội Xương bị phá hủy, chỉ còn nền móng, bia đá tảng mác mai một. Than ôi!

5. Truyện người Huyền Tố trụ chùa U Thê ở Nhuận Châu, thời Tiền Đường:

Thích Huyền Tố tự là Đạo Thanh, họ Duyên Mã, người ở xứ Diên Lăng, thuộc Nhuận Châu. Vừa mới sanh mà Sư có dáng dấp khác thường, tuy tuổi nhỏ nhưng lòng nhân từ sâu đậm, được nuôi dưỡng nơi an tĩnh. Mới độ tuổi búi tóc Sư đã mong cầu quy hướng cửa Phật. Cha mẹ theo đó mà cho Sư nương tựa tịnh vức.

Vào niên hiệu Như Ý (692), mới vâng theo chế độ, thuộc chùa Trường thọ ở Giang Ninh. Sau khi đến đàn thọ giới cụ túc. Giới đức ngời sáng hơn đèn đuốc, nước định lắng trong, tư duy thâm nhập huyền vi, tu hành vượt hơn người. Đã tỏ rõ được sắc không, Ngài thường kính mến các bậc tông trượng. Vì tuổi già, Sư mới vào Nam, đến chùa U Thê, chốn núi xanh. Nhân phụng thờ thiền sư Oai, tự thân qua nhiều năm thường đóng Hồng Chung. Thiền sư Oai chỉ dạy thắng pháp, Sư thấu đạt được yếu chỉ không chia chẻ. Từ đó, Sư nép mình khổ tiết, giao dương an hòa, áo nạp quấn thân nóng lạnh chẳng đổi. Đối với mọi người sang hèn oán thân, Sư không hề mừng giận. Người thời bấy giờ coi Sư là Anh Nhi hạnh, Bồ-tát hạnh. Đạo nghiệp của Sư đã cao, mọi người trông mong chiêm lễ.

Trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) có vị tăng tên Uông Mật thỉnh Sư đến Kinh Khẩu, quận Mục Vi Tiễn Khuất ở Hạc Lâm, bốn bộ quy hướng, chí thành đông nghẹt chùa viện. Sư vẫn mặc áo nạp, trú ở giường không, không hề ra khỏi cửa phòng. Các bậc vương hầu cúi đầu kính lạy, Sư chẳng vì thế mà lay động. Bỏ mặc danh lợi ở đời, xem như chuyễn hóa. Bỗng một ngày nọ, có người làm nghề giết mổ đến lễ bái tham yết, tự sanh cảm ngộ sám hối lỗi trước, cầu xin Sư chứng minh nhận cúng, Sư bèn vui vẻ nhận lời đến nhà người đó. Các hàng sĩ thứ

đều kinh ngạc, tự bảo nhau rằng: “lạ thay!”. Sư dạy: “Phật tánh vốn đồng đâu sanh phân biệt, chỉ bởi người có thể độ thì ta độ họ, đâu có gì khác!”

Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), Ngô Việt chiêm ngưỡng, tưởng như hạ sinh. Có Sa-môn Hy Huyền ở Dương Châu thỉnh Sư đến Giang Bắc. Gặp đêm trời tối, không có trăng khó giúp, sóng sông nổi dậy, giữ thuyền theo hướng gió. Bỗng chốc có một luồng ánh sáng trắng, dẫn suốt mái chèo vượt qua sóng đến chỗ an toàn. Dân chúng đất sở cùng mừng Phật nhật soi sáng lại, khắp cả châu đua nhau tìm đến bến bờ, người vật cản đường không chỗ dừng chân. Cởi áo ném thí chất thành đồi núi, lược chẳng liên can đến hoài bão. Sư bảo tất cả đều sung vào kinh phí của ruộng Bi. Lễ Bộ Thượng Thư Lý Trừng là Dương Châu Mục với tâm chay chí thành hai thời chiêm lễ. Sau đó không lâu thì kẻ tăng người tục ở Kinh Khẩu nghĩ tưởng theo khát pháp âm, bèn dời điệp vượt sông, lại thỉnh Sư trở về quận. Hai bên phân tranh chưa quyết theo lối nào thì lúc đó, Lý Trừng nói với mọi người rằng: “Vốn mong cầu phụng sự đạo pháp, trái lại trở thành thương ghét”. Nhân đó, tùy theo sự cầu thỉnh nên đưa Sư trở về Nam Quận. Sự cảm vật mến đức ít có ai bằng.

Đến ngày 11 tháng 11 niên hiệu Thiên Bảo thứ 11 (752) vào nửa đêm, tự nhiên không bệnh mà Sư thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi. Mọi người buồn cảm đau xót khắp thị thành. Đến ngày 21 tháng 11, đón rước toàn thân Sư an táng, xây tháp thờ ở chỗ Sư ở, tức phía Tây núi Hoàng Hạc. Phương Bá Ấp Tể hết lòng giữ lễ thọ tang thầy, dẫn chúng bày tỏ buồn thương, khắp cả sông hồ đều rung động.

Ngày trước, lúc Sư đến trong chùa, tại chỗ Sư ngồi thiền, có cây thông cao nghiêng che như lọng. Đến lúc đổi cây khác, nó cũng cùng trở lại hình thể như trước, và ngay trong đêm Sư thị tịch, hai cây ngô đồng ở trước phòng Sư vô cớ tự khô. Các hàng thức giả cho đó là điềm biến đổi của Song lâm. Chỉ chân Thừa Diệu Lý tuyệt đối khó nghĩ lường. Điềm lành linh cảm ứng hiện ắt có. Trong kinh nói: “Tùy duyên phó cảm”, chính là việc ấy. Trong hàng đệ tử của Sư, có Pháp Giám và Ngô Trung Pháp Khâm, là hai vị Đại sĩ làm sáng ngời nguồn đạo, lại được biệt truyền. Và hàng đệ tử thọ giới Bồ-tát của Sư thì có Lại bộ thị lang Tề Quản, Quảng Châu đô đốc Lương Khang, Thứ sử Nhuận Châu Từ Kiểu, Kinh Triệu Vi Chiêu Lý Cấp Sự Trung Hàn Thưởng, ngự sử Trung Thừa Lý Đan, Lễ bộ Thôi Lệnh Khâm, đều là các bậc đạo lưu mọi người đều kính phục, họ giữ đạo thầy trò, cũng thường hỏi đạo ở Kinh Sơn. Như

Lạc Chánh Tử Xuân đối với Phu Tử. Rửa lòng chiêm ngưỡng trời Hán càng cao, gương nước rọi lòng tỏ ngộ thâm sâu cả chúng. Mãi đến niên hiệu Thái Hòa (827-836), do kính mến Di Phong xa vời, đức hạnh cao ngời của Sư, nên vua Kính Tông truy tặng Sư thụy hiệu là "Đại Luật Thiền Sư" tháp hiệu là "Thái Hòa Đại Bảo Hàng". Người đời sau phần nhiều y theo dòng họ thế tục mà gọi Sư là "Mã Tổ", hoặc có người gọi chung cả họ lẫn tên là "Mã Tổ" là do đó.

Liên quan thử bàn:

Ngài Đạo An đề xướng quan điểm người xuất gia đều lấy họ Thích làm họ, Sư hợp với ở sau đến Kinh A-hàm, có thể chẳng chuyên vậy. Ngài Huyền Tố lấy dòng họ thế tục mà gọi hẳn là có nguyên do, hay pháp tự đông nhiều còn chẳng thể ngăn cấm việc dối gọi nầy. Vậy thì biết tên Ngài Huyền Tố vút cánh cất bay thì cả bốn biển kính ngưỡng dừng chỉ, cho nên lên cõi thế tục, nay răn nhắc tương lai, thích hợp với chánh danh.

6. Truyện ngài Tuệ Trung ở núi Võ Đang, tại Quân Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Trung, họ Nhiễm, người ở xứ Gia Kỳ, thuộc Việt Châu.

Có người cho rằng Sư sanh năm Giáp tý, hoặc có thuyết cho rằng năm Kỳ Di. Da Sư trắng trẻo như tuyết, thần khí thanh cao. Còn nhỏ mà Sư đã thích học pháp thọ Song Phong, mặc mặc toàn chân, tâm nương nhất ấn, thực hành tướng vô trụ, lần lượt thử các danh sơn, Ngũ Lãnh La Phù, Tứ Minh Thiên Mục, núi trắng dựa trời, gác tía sác cao, hoặc trú dưới gốc tùng an cư suốt chín tuần, hoặc tại chân núi cao rỗng bặt dứt tư lự, trụ định tam-muội. Sư đã đeo giới trăn sáng, cũng tịnh tâm lưu ly. Đã qua cửa thiền định, chẳng khởi kiến vô sanh, sừng sững như Tô-lô, tám gió chẳng thể lay động. Sáng như gương sạch, muôn vật không thể ẩn hình. Có thể dừng thì ta Võ Đang ngàn núi quen lờn như hươu nai, có thể đi thì Hổ Khê đã một lần qua, khất thực khắp nhân gian, vân du cùng Ngô Sở, cho đến tới dòng Thuận Dương. Có người đoán xem tướng Sư ở suối rừng của Đãng tử. Tuổi ngoài bốn mươi, Sư thâm nhập Thánh định của Pháp vương, tám muôn cửa lớn, thanh danh đạo hạnh dâng tràn, lực lượng sung mãn.

Vào niên hiệu Khai Nguyên (713-742), Thứ Sử Tiền Trung Thư Thị Lang Quốc Công Vương Cư, Tư Mã Thái Thường Thiếu Khanh Triệu Di Trinh, Tín Đàm vì nghe được phong thái mà vui mừng, cởi

giá gõ tịch mờ tối như hư không, lễ dưới chân rải hoa vàng bạc, chẳng khác trưởng giả Di-già, nắm tay thấy Phật như cát bụi, đồng với Tiên Nhân Tỳ-Mục, nên tấu trình với vua Huyền Tông (712-756) cử Sư đến ở Hương Sác, tức chùa Long Hưng. Do đó Bãi Tướng Tiết Sứ Vương Công đại nhân không ai chẳng lễ bái Thuận phong, từ đó hỏi đạo, hiểu rộng kinh luật, dẹp ma trừ ngoại đạo. Bất kể ai cùng với người quyền quý chẳng thể dùng uy mà làm Sư khiếp sợ, chẳng thể đem lợi mà lay động lòng Sư. Sư tới lúc mặt trời mới mọc thì mới thọ trai, hướng trông trăng tỏ mà lắng lòng, dường như sương bay gió trong mát. Có người giữ tiết tháo cứng cỏi qua trúc, từ kiểm lý đến, vẹt màn trướng kia. Sư biện luận đốn gãy chẳng để lại dấu vết. Nói tạm mà lại thường hợp với đạo, được nó ở tại tâm, Y-Lan làm cây chiên-đàn, mất nó ở tại tay. Cam lộ ở vườn tật lê, diệu chẳng thể truyền, hoa nhiều quả ít. Ở đời có kẻ chấp nhặt đá sỏi trong nước cho là có được vật báu lưu ly, vốc nắm bọt bóng trong bình cho là được ngọc ma-ni! Sở dĩ Sư chê trách họ, chỉ vì họ không có khả năng mà thôi. Nên có thuyết siêu vượt Tỳ-lô, khiến họ chẳng chấp trước Phật mà bàn luận, cầu siêu vượt pháp thân, giúp cho tất cả chẳng nhiễm chánh tánh. Đâu có Tỳ-lô có thể vượt và pháp thân có thể vượt ư? Vì vậy, Tâm như hư không, hợp với lý như hư không. Màng vọng tợ mây che, tông thông như nhật nguyệt. Triều Lang kết xe bốn ngựa mà đến an. Thiền chẳng động mà thọ đảnh, yết kiến nghiễm như. Bởi cái gọi là người xưa chẳng đón rước bảy bước để phước quân vương đến muôn thừa, đâu chỉ trăm liệu mà thôi ư!

Năm Hoàng đế Túc Tông an định Khu Hạ, nghe Sư đức hạnh cao vời, nên ngày 16 tháng 1 niên hiệu Thượng Nguyên thứ 2 (762), sai Nội Cấp Sự Tôn Triều đưa ngựa trạm đón rước Ngài và bản chiếu thư viết trong đó là:

Thư thăm hỏi của Hoàng đế.

Trẫm nghe: Đức Điều Ngự Thượng thừa để An Trung Đô. Các đại sĩ với hạnh lợi tha cùng độ chúng sanh. Sư (Tuệ Trung) là chiếc gương pháp treo cao, một tâm giảng nói, mở kho bí mật, vào cảnh Viên Minh. Đức Đại bi chẳng mỏi mệt nơi bến bờ, chí thiện thì ắt sáng nơi tế độ. Tôn Hùng phó chúc, thật tại trẫm đây, nghĩ cùng với Đạo An tuyên dương diệu dụng, đượm nhuần phước lợi khắp cùng Đại Thiên. Truyền Huyền Châu không ảnh tượng, nhổ tên độc trầm mê, duyên lành tại đó chớ cho là nhọc, chống tích trượng đến kinh đô chẳng lấy làm xa, lòng chay tịnh đã lâu, xứng với lòng trẫm. Xuân lạnh, mà sư được bình an là tốt!”

Gởi thư chỉ chẳng đề cập nhiều, Sư thường vì đạo không đâu chẳng ở, thành thị thôn quê chẳng khác. Sư bèn bước cao đến chốn vương cung, lên ngay chánh điện, gậy sương để xuống, mặt nhật chiếu soi áo rồng, hương trời xông đốt, gió thoảng quạt lộng. Bấy giờ, Sư ngẩng cao đầu tiếp võ thần nghi túc như Thiên Tử khâm phục đợi Sư làm lễ. Sư chỉ bày các yếu chỉ để sửa dân trị nước, đề cao phong thái của Đường Nghiêu Ngu Thuấn. Vua Túc Tông nghe mà kính sợ, tự nhiên quỳ gối trước chiếu. Cửu Long được rưới nước hoa sen, muôn thừa uống được hương vị Đề Hồ. Từ đó, Sư đảm nhiệm lên điện ngồi mà luận đạo, chẳng câu nệ pháp thường.

Sau đó, vua Túc Tông sai Phiếu Kỵ Chu Quang Huy tuyên đọc thánh chỉ mời Sư trụ tại chùa Thiên Phước, Tướng quốc Thôi Hoán theo thưa hỏi, lý hợp với tâm, bàn việc từ triều đình đến thôn dã, các kẻ sĩ thức chân thường luôn tìm tới. Đến niên hiệu Bảo Ứng (762-763), Sư dạy dùng đạo hiếu để trị nước, chẳng đổi Lệ trước, mở toang khung trời muôn dặm, như thấy trăng của Tam Giang. Vua Túc Tông lại ban lệnh cho Nội Thị Viên Trụ Hoằng thỉnh Sư về trú tại chùa Quang Trạch gần dưới cung Quyết. Mây tụ mùi cơm thơm, trời rải ban y tía, tuy sứ thần đến đông nghẹt cửa thiền, mà Sư chẳng đến, cung đình bày lụa ngọc đầy sân. Do đã rõ đó như bọt bóng, xem đó như huyễn mộng, nên Sư vẫn điềm nhiên nhàn nhã tự vui như cõi trời, cũng có thể la phù chẳng về, phương danh yên tọa Song Phong, qua lâu mới khế hợp với vô sanh ư? Mầm mống thành Thánh là ở tại đó ư? Nên muôn hạnh đều phát, ngàn môn chẳng hệ lụy nơi tâm, thì trống Đâu-suất vô hình mà có tiếng, đàn của Tu-la chẳng gãy mà vọng âm vang. Hương truyền ở thiên Chủ, mưa hoa trên Không Vương, thấy điều đó ở Sư! Sư thường dùng lời của Tư Đại sư rằng: "nếu muốn đắc đạo thì đến Võ Đang ở Hành Nhạc". Nhân đó mà tấu trình tại núi Võ Đang xin đặt tên là chùa Thái Nhất Diên Xương, nơi hang Đãng Tử ở núi Bạch Nhai xây chùa Hương Nghiêm Trường Thọ. Mỗi nơi xin thỉnh một bản Đại Tạng kinh, độ tăng hộ trì hai Thánh, ngự ảnh trấn ở Võ Đang, lời vua cho phép Hữu Ty vâng theo thể thức. Tháp Hầu Nhạn tuy chưa trang sức ở trung phong, mái tranh cửa gỗ bèn lấy tên Phạm Vũ, bảng ngời sáng đề biển ngạch, Loan về thước bay, núi sông xán lạn, tăng tục vỗ tay hớn hở vui mừng, tưởng chừng điện vàng có thể mong thành, trông thấy đài ngọc chẳng xa.

Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), Sư lại tấu trình xinh độ chư tăng ở các chùa nổi tiếng trong nước. Chọn lấy những vị thông hiểu kinh, luật, thiền pháp đủ số hai mươi mốt vị. Đạo môn nhân áo đẹp áo

xấu xiêm không ai chẳng vui lòng, số đầy hàng muôn dùng phước cứu trùng. Sư qua lại Nam Dương, bị vùi lấp trong cảnh giặc dã, cố thỉnh Sư trở lui lánh nạn, nhưng Sư chẳng chịu, gần kề dap bén mà lời nói, sắc mặt Sư chẳng đổi thay, Sư y cứ mây xanh mà an tọa chẳng khuất. Tên lính khôi soái thấy Sư thiền quán đức hạnh điềm nhã, phong vận cao xa, bèn ném bỏ kiếm bái thỉnh Sư làm thầy. Khi đó, Sư lánh giặc lại gặp giặc thêm đông. Tự nhiên bọn trộm cướp lại đến, Sư bèn bảo: "không thể theo gót người trước". Sư liền chống tích trượng dò đường ven theo sông mà đi. Có người chỉ dấu vết trước đó nhưng chúng kiên quyết bám trụ chẳng lánh, nên đều bị giết chết. Cho nên vân vật khí tượng như có biết trước, còn mà chẳng luận đạo thì đâu có gì sâu xa. Trong Kim tịch chép: "Bát-nhã vô tri nhưng không gì chẳng tri". Chính là nói về điểm đó. Nội đức đã sung mãn, ngoại ứng càng rộng xa. Tự cất giấu châu báu mà người chẳng thể nhìn thấy, đối với hý luận rồng vẫy vùng mà Cúc-Đa chẳng biết, trời Đạo-lợi mưa hoa mà minh triệt chẳng hay. Các bậc tiền hiền lìa đời, chánh nhãn diệt theo. Chẳng đáng buồn sao? Bỗng nhiên Sư phát bệnh rất nặng, các danh y trong nước đều bó tay. Sư tự biết sắp ra đi. Đại chúng thưa hỏi Ngài về hậu sự. Ngài bảo: "Phật có dạy rõ trong kinh giáo, cứ y đó mà thực hành, tôi có gì mà nói ư?".

Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), vào lúc giờ Tý ngày mồng 9 tháng 12, Sư nằm nghiêng hông bên phải, xếp chân an nhiên thị tịch. Quan chức sở tại nghe thế liền tấu trình, hoàng triều bày tỏ tâm tình kính thương. Trung Sứ đến viếng điếu cúng cấp nồng hậu. Vua Đại Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Đại Chứng Thiền Sư" có chiếu sắc đón rước nhục thể Sư về an táng tại chùa Hương Nghiêm ở Đãng Tử, là y theo gốc của Sư. Oai nghi thủ lực sở tại chi cấp đủ lễ của việc tang, buồn thương phạm trường, ban sắc thường tu công đức Sứ Kiểm hiệu Điện Trung Giám Sa-môn Đại Tế ở chùa Hưng Đường, sớm tiếp nhận đạo luận, hoát nhiên như vẹt mây, tuy chẳng phải môn nhân mà buồn thương hơn cả pháp tự. Phàm có phô diễn tấu trình gì lên thánh thượng thảy đều ưng thuận.

Sư có các đệ tử tại gia như Khư Phủ Môn Tri Cổ và em là Nội Thường Thị Triều Tấn, cư sĩ Cảnh Siêu, Côn Quý v.v..., còn đệ tử tăng là ngài Chí Thành ở chùa Thiên Phước, ngài Trí Đức ở chùa Quang Trạch, ngài Chủ Đạo, Mật Đẳng ở chùa Hương Nghiêm. Tất cả có đến vài muôn người, đau xót cho Mạt Trù ở Thạch Thất, buồn thương cho tháp cao ở Vân Phong, chuông sớm luống đánh nơi Điện Cao, chùa tối vắng tấu ở Tiền Sơn, các triết nhân bảo rằng mất bạn cùng phỏng theo

kính ngưỡng Sa-môn dịch kinh Phi Tích soạn văn bia ghi lại đức hạnh của Sư.

7. Truyện ngài Chí Hiền trụ chùa Cam Tuyền ở Thái Nguyên, thời Tiền Đường:

Thích Chí Hiền, họ Giang, người ở xứ Kiến Dương, Sư vốn có tâm cứng cõi, còn bé mà đã thành khuôn phép. Sau khi xuất gia lại càng thêm giới phẩm, đượm nhuần tiệm giáo, giữ gìn các căn, tiết chế tu tâm, chẳng trái phạm giới pháp.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), Sư đến đỉnh núi Phật Tích, nương tựa phụng thờ Thiền sư Đạo Nhất. Suốt một thời gian gánh nước hái củi không hề ngừng nghỉ, Sư chỉ chuyên siêng năng khổ nhọc. Đến lúc du phương, Sư thấy núi Kim Hoa có hang Xích Tùng là chỗ đất mà Hoàng Sơ Bình gọi là Thạch Dương, rừng rậm đỉnh cao, suối hồ khoảng trăm trước. Sư vui thích ở chỗ sâi tối kỳ đặc, khi đã dừng ở trên đỉnh, thường ngày có ông lão thôn quê mang lúa thơm, rau cà đến cúng dường. Bấy giờ, gặp lúc trời hạn hán, Sư nhìn vào giữa khoảng không, đánh vào mỏm đá, mắng trách các rồng rằng: “Nếu nghiệp rồng mà không thể làm mưa thì Bồ-tát Long Vương sao không vâng lời Phật dạy cứu giúp trăm họ ư?” Ngài gõ đá vừa mới dứt tự nhiên có mưa xuống, cả đàn bà góa cũng mừng vui.

Sau, Sư đến Trường An, các bậc danh công thạc đức xin xây dựng đại tự công đức cúng dường Sư, Sư vẫn điềm nhiên chẳng đoái hoài. Ngày hôm sau, Sư bèn đến Ngũ đài rồi tìm đến dừng trụ chùa Cam Tuyền ở Thái Nguyên. Kẻ tăng người tục cầu học thiền lý tiếp tục tìm đến. Sư không bịnh mà qua đời, vua ban thụy hiệu là “Đại Viễn Thiền Sư” để biểu dương Quyết Đức của Sư.

8. Truyện ngài Duy Trung ở núi Hoàng Long đời Tiền Đường:

Thích Duy Trung, họ Đồng, người ở phủ Thành Đô. Thuở nhỏ, Sư theo học ở thiền sư Đạo Nguyên ở núi Đại Quang. Ngựa thần ở trong chuồng tuy dừng nghỉ mà dấu chân bỗng vượt quá ngàn dặm. Sư đến Tung Nhạc gặp được Thiền sư Thần Hội xóa tan mối nghi trầm mặc. Sư ở Đại phương, đi xem thêm các thánh tích. Thấy núi Hoàng Long rậm rạp kỳ lạ, Sư bèn dựng lập am tranh. Đó là nơi cùng khe cuối hang mà có nhiều rồng độc thường phun khí như mưa dầm. Người dân ở núi phần nhiều như bị mắc phải chướng khí độc, các thầy thuốc đều không chữa trị được. Ban đầu Sư không biết, ở một mình ngồi thiền ở nơi vắng lặng,

chỉ uống nước suối ăn rau cỏ. Loài quái vật đó đều bỏ đi, dân chúng ở núi không còn bị hại, có người nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: "Được Ngài đến ở thì dân tại đây thật lắm may mắn và khiến ta được giải thoát!". nhân đó, mọi người làng quê gọi núi ấy là núi Phục Long, ý nói Sư hàng phục quái vật nên có tên ấy. Vào niên hiệu Kiến Trung năm thứ ba, Sư nhập diệt, thọ bảy mươi tám tuổi, tháng 9 năm ấy dời tháp thờ Sư.

9. Truyện ngài Hy Thiên trụ núi Thạch Đầu ở Nam Nhạc, thời Tiền Đường:

Thích Hy Thiên, họ Trần, người ở xứ Cao An, thuộc Đoan Châu. Lúc mới mang thai Sư, mẹ Sư không ưa thích ăn các vật tanh nồng máu huyết, đến lúc sanh Sư lộ vẻ khác thường, tuy lúc tấm bé, nhưng Sư chẳng phiền sự bảo bọc của mẹ. Đến khi đã khôn lớn nhưng Sư rất lễ phép tự giữ, không hề tỏ vẻ, ngang ngược với người. Tại Hương Động đó, những người dân lớn tuổi sợ quỷ thần nên lập nhiều dâm từ, dùng đem bò, rượu đến dâng lễ cầu phước làm Thánh vọng. Sư bèn đến đó phá hủy các dâm từ, đoạt lấy bò đem về. Đến năm Sư đủ hai mươi tuổi, các người già trong làng quê không thể ngăn cấm lý lẽ của Sư.

Nghe Thiền sư Đại Giám, các vị tham học từ phương Nam đua nhau tìm về, Sư bèn thẳng đến chỗ. Ngài Đại Giám vui vẻ tự nhiên nắm lấy tay Sư mà cười bảo: "Nếu là đệ tử của ta thì phải giống Hy Thiên". Sư cười nói: "Dạ vâng!" Thế rồi linh cơ bộc phát sáng rực như trời mưa vừa tạnh. Từ đó, trên dưới La Phù qua lại với Tam Hiệp.

Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 16 (730), Sư thọ giới cụ túc tại La Phù. Năm đó Sư trở về núi, mộng thấy cùng với ngài Đại Giám cưỡi một con rùa đi chơi giữa hồ sâu, lúc tỉnh giấc, Sư nghiệm đoán rằng: "Rùa là Linh Trí, Hồ tức là biển tánh, ta và thầy cỡi linh trí, vượt qua biển tánh đã lâu, cái gì là mộng ư?" Sư lại nghe Thiền sư Tư ở núi Thanh Lương là do Ngài Tào Khê bổ xứ, bèn liền vén y mà theo. Bấy giờ tại chỗ Thiền sư Tư, người học tìm đến rất đông, tới lúc Sư đến, Thiền sư Tư mới bảo "Sừng tuy nhiều nhưng chỉ một con lân là đủ!"

Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), Sư mới đến chùa Sơn Nam ở Hành Châu, phía đông chùa đó có một tảng đá, hình dáng như cái đài, Ngài bèn kết am trên đó, thoi đưa dứt gõ, mọi người kính ngưỡng gọi là "Thạch Đầu Hòa-thượng". Ban đầu, ở trong núi có ba vị thiền sư Cố, Tán, Nhượng đều là môn hạ của ngài Tào Khê (Tuệ Năng). Ba vị đó đều nói với học trò của mình rằng: "Sư Thạch Đầu kia thật là bậc Sư Tử

hống, chắc chắn có khả năng khiến cho các ông hai mắt được mát mẻ!" Do vậy mà các môn nhân cùng nhau kính mến tìm đến. Hoặc có người hỏi về giải thoát thì Sư đáp: "Ai trói buộc ông?" Người hỏi về tịnh độ, Sư bảo: "Ai làm ngươi dơ bẩn?" Ngài đối đáp rất đơn giản mau chóng, phần nhiều là như thế.

Đến niên hiệu Quảng Đức thứ 2 (765), môn nhân thỉnh Sư xuống Lương Đoan. Từ đó, đứng đầu xứ Giang Tây là ngài Đại Tịch, đứng đầu xứ Hà Nam là ngài Thạch Đầu, qua lại mông lung, mà chẳng thấy hai vị Đại sĩ là vô tri.

Đến ngày 25 tháng 12 năm Canh Ngọ, tức niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790) Sư thị tịch, thọ chín mươi mốt tuổi, sáu mươi ba hạ lạp. Đệ tử Sư là các vị như ngài Tuệ Lãng, Chấn Lãng, Ba Lợi, Đạo Ngộ, Đạo Tiên, Trí Chu v.v... cùng nhau xây tháp thờ Sư tại Đông Lãnh. Tháp hoàn thành ba mươi năm sau, Quốc Tử Bác Sĩ Lưu Kha vốn thông hiểu huyền lý, khâm phục kính chuộng đạo phong của Sư, nên gặp gỡ Ngài Đạo Tiên cùng nhau kể lại đạo hạnh của Sư. Lưu Kha truy tưởng kính ngưỡng tiền liệt, soạn văn bia ghi lại công đức. Khoảng niên hiệu Trường Khánh (821-825), vua Kiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Vô Tế Đại Sư", tháp hiệu là "Kiến Tướng".

10. Truyện ngài Thần Hội chùa Tịnh Chúng ở phủ Thành Đô, thời Tiền Đường:

Thích Thần Hội, họ Thạch, vốn người Tây Vức. Ông nội Sư di cư dời gia đình đến ở tại núi Kỳ, bèn trở thành người Phụng Tường. Sư có chí tánh huyền giải, minh trí từ trong phát ra. Khi Ngọc lớn chưa phát sáng thì chưa biết.

Năm ba mươi tuổi, Sư mới đến đất Thục, đến tham yết Đại sư Vô tướng. Lợi căn đón ngộ, thầm khế hợp tâm ấn. Ngài Vô tướng khen rằng: "Đạo của ta ngày nay là do ông!" Từ đó về sau, đức hạnh sung mãn, trí tuệ sâu rộng, phát triển thành Thiền tông. Đối với cảnh Đại tịch chiếu diệt, Sư vượt chứng lìa niệm, ngay nơi tâm là Phật, chẳng thấy có thân, đương lúc ngưng bế vô tượng đó thì đất cây thành hình chất, đến khi sử dụng diệu dụng thì âm thầm ban giáng mây mưa. Loài quần manh ngây ngô đào luyện tự nhiên biết cảm hóa. Ai thấy được hình mạo thì đổi thành thiện, nghe tiếng thì sửa đổi điều sai trái. Đến chỗ rộng rãi thênh thang chiếu soi sửa trừ chấp buộc. Tùy tánh thượng trung hạ chia ra mà khiến ngộ nhập.

Ngày 12 tháng 11 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 10 (794), Sư thị

hiện bệnh rồi an nhiên ngồi kiết già mà thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, ba mươi sáu hạ lạp.

Sa-môn Na-Đề đắc đạo của Sư truyền trao cho tương lai. Đến ngày 22 tháng 2 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 12 (796), môn Nhâm đệ tử tăng tục dời tòa của Sư đến góc phía bắc bổn viện, trẻ con mến đức của Sư, nức tiếng khóc gào, núi rừng vì thế mà đổi sắc.

Ban đầu, Sư truyền pháp tại Khôn Duy, học chúng thiền khách bốn phương tìm đến rất đông. Bấy giờ, Nam Khương Vương Vi Công Cao tha thiết hướng tâm. Đến lúc Sư thị tịch, ông buồn thương nghẹn ngào, truy ngưỡng. Bởi thô nhập cửa hội, được Thiền yếu của Sư, nên lập bia, tự soạn văn và viết lấy, là sự vinh dự của Thiền tông.

11. Truyện ngài Pháp Khâm ở Kính Sơn, thuộc Hàng Châu, đời Tiền Đường:

Thích Pháp Khâm, họ Chu, người ở xứ Côn Sơn, thuộc Ngô Quận, vốn là gia đình nho nhã, cha ông của Sư đều là những bậc thấu đạt huyền nho mà ngạo nghễ chốn núi chầm, chẳng chịu ra làm quan. Mẹ của Sư họ Doanh, lúc mang thai Sư thì mộng thấy hoa sen mộc giữa sân, nhân đó bẻ lấy một đóa buộc vào áo. Lúc tỉnh giấc không còn thích ăn dùng các vật tanh nồng máu thịt. Đến lúc sanh ra Sư vừa tròn năm trên đầu mới kết búi tóc thì Sư đã khéo làm các Phật Sư, lập tánh ôn hòa nhẹ nhàng, nhã hảo cao thượng, chuyên cầu tập học kinh sử, theo thi hương cử.

Năm 28 tuổi, Sư chuẩn bị hành trang đến kinh đô theo đường Đan Đồ. Nhân đó, gặp được Thiền sư Tố ở Hạc Lâm. Thiền sư Tố lẳng lặng xét soi, biết Sư có tiết tháo khác người, bèn nói với Sư rằng: “Ta xem ông thần tánh phù hợp ôn hòa chín chắn, vừa sanh đã biết, nếu phát tâm xuất gia sẽ hội ngộ tri kiến của Như Lai”. Sư nghe nói mà tỏ ngộ, biết rõ bổn tâm. Thiền sư Tố bèn tự tay xuống tóc cho Sư và nói với đệ tử là Pháp Giám rằng: “Người nầy ngày sau sẽ làm hưng thịnh đạo pháp của ta và làm thầy mọi người. Đến lúc đăng đàn thọ giới, Sư luyện hạnh an thiền, lãnh một lời thẳng tới, vượt chu toàn cả ba học. Từ đó, Sư giã từ Thiền sư Tố để đi về phương nam. Thiền sư bảo: “Ông theo dòng mà đi, gặp kinh thì dừng”.

Sau, Sư đến Lâm An, thấy núi cao chót vót ở phía Đông Bắc là nơi phân kinh của Thiên Mục. Tình cờ Sư hỏi người tiều phu hái củi và được biết đó là núi Kinh. Sư bèn dò xét dựng tích trượng tại đó. Thấy mái tranh có giăng lưới gần chỗ Sư ngồi an cư. Bấy giờ trời mưa tuyết

mới tạnh, bên cạnh không có khói lửa. Người thợ săn đến lấy các vật đó, rất lấy làm lạ mà tham thở, và đều đốt lưới bẻ cung tên mà dứt bỏ nghiệp sát sanh. Những người kính mến ở dưới núi làm một cái thất nhỏ mà thỉnh Sư ở đó. Phía trước gần núi, có Lâm Hải Lệnh Ngô Trinh xả bỏ biệt thư của ông để cúng dường Sư. Từ đó, Ngài thạnh hành hoằng hóa, đồ chúng tham học rất đông.

Tháng 2 năm Mậu Thân, tức niên hiệu Đại Lịch thứ 3 (768) Đại Tông Duệ Vũ Hoàng đế ban sắc rằng: "Trẫm nghe tại Giang Tả có thiền nhân chứa đạo. Đức tánh như băng sương, tịnh hạnh tợ lâm dã. Trẫm trông ngóng khát ngưỡng vời vợi! Có cảm sẽ thông, đó là niềm vui mừng lớn của đất nước. Xin Hòa-thượng xa đến trung thiên, chấp nhận sự quy hướng của trẫm, chẳng trái với nguyện lực, ứng vật mà hiện hình, nay trẫm sai nội thị Hoàng Phụng tuyên chỉ, đặc trách mang chiếu đến đón rước, mong Ngài chóng giúp lòng trẫm, nắng ấm ngày xuân, Ngài được an chăng?" Nhà vua sai sứ đi chẳng nhiều, đến lúc ban lệnh các bản thân cung kính đón rước. Hễ Ngài đến châu huyện nào đều mở tịnh viện để Ngài an nghỉ, quan lại chẳng hứa yết kiến bởi ngại Ngài nhọc tâm lực. Đệ tử chẳng tính được ít nhiều đều vâng tùy theo hầu Ngài". Vua Đại Tông trịnh trọng như thế, đến thưa hỏi pháp yếu, cúng thí rất mực. Quan tư đồ Dương Quản dốc tình vì đạo, xu hạnh vượt hơn người, một lần thấy Ngài ở giữa chúng, khi trở về khen ngợi rằng: "Ngài thật là bậc cao sĩ phương ngoại, khó có thể dùng ngôn từ để diễn đạt". Vua Đại Tông nhiều lần đem lụa nhung lụa mầu dâng tặng, thết đải ngự soạn, mà Sư đều khước từ chẳng nhận, chỉ mặc áo vải, ăn rau, và dạy bảo đệ tử khất thực, chỉ dụng hạnh luyện chí, ít muốn biết đủ không hạng nào có thể sánh ví. Vua Đại Tông nghe thế càng thêm kính ngưỡng tôn trọng, nói với Thiền sư Nam Dương Tuệ Trung rằng: "muốn ban tặng Ngài một tên gọi". Bèn viết chiếu tay tặng hiệu là "Quốc Nhất".

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 5 (789), vua Đức Tông sai sứ mang ấn thư tuyên dương công lao của Sư và mừng tặng rất nồng hậu. Ngài trụ tại kinh đô, đến khi trở về Chiết Giang, nhà vua ban lệnh quan lộc Vương Công tiết Chế Châu Ấp, các bậc hiền danh giữ lễ làm đệ tử. Tướng Quốc Thôi Hoán Bùi Tấn Công Độ Đệ Ngũ Kỳ, Trần Thiểu Du v.v... Từ đất Hoài đi về phía Nam, phụ nữ đến xin lễ, đều gọi là Công Đức Sơn. Qua năm sau (790), Mục Dương Nhan thỉnh Sư ra trụ tại tịnh viện chùa Long Hưng ở Châu Trị, để lánh nạn hủy phá sơn phòng của Hàn Hoãng.

Đến tháng 12 niên hiệu Trinh Nguyên thứ 8 (792) Sư hiện tướng bệnh. Dạy răn giáo pháp rồi thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, năm mươi hạ lạp. Vua Đức Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Đại Giác".

Các đệ tử do Sư độ như Thiền sư Sùng Tuệ, Thiền sư Nhan ở núi Đại Lục, Thiền sư Ngộ ở núi Hạnh, Phạm Dương đến tham học, Thiền sư Quảng Phu ở núi Thanh Dương v.v... bấy giờ thỉnh lễ an táng, có các đệ tử như Ngài Thật Tướng, Thường Giác v.v... thỉnh toàn thân nhục thể Sư an trí, xây tháp thờ tại tịnh viện Long Hưng.

Ban đầu, lúc Sư mới đến ở, các loài chim thú hung dữ tại núi dần dần thuần quen. Có con thỏ trắng, hai chân quỳ giữa gậy và giày của Sư. Sư có nuôi một con chim le, mà nó không ăn hại các loài vật, nó theo Sư như bóng theo hình chẳng lúc nào rời. Đến lúc Sư vào Trường An, nó kêu suốt ba ngày rồi chết. Nay phần mộ của nó hiện còn tại đỉnh núi. Thân tướng của Sư khôi ngô cao ráo, thân cao đến bảy thước, cốt cách khác lạ. Hiện tại trong tháp có đắp họa tôn dung Sư ngồi dựa ghế như lúc còn tại thế. Dân chúng dòng họ Tiền ở Hàng Châu vì nước nên vào năm Nhâm Tuất (902) giữa niên hiệu Thiên Phục (901-904) phản đồ Hứa Tư làm loạn, binh sĩ lẫn lộn tuyên truyền hủy thành phá ngôi tháp đó, cho rằng ở trong đó có vật báu. Lúc đào phá, thấy hai cái vò úp đậy trên dưới, nhục thân Sư vẫn còn mà tóc dài phủ mặt. Binh lính đậy lại mà bỏ đi. Thứ sử Vương Nhan viết văn bia thuật lại đức hạnh của Sư. Tỷ Bộ Lang Trung Thôi Nguyên Hàn, thứ sử Hồ Châu Thôi Huyền Lượng cố cùng Lý Cát Phụ Khâu Đan, mỗi vị đều có làm bia kệ.

12. Truyện ngài Đạo Thọ ở núi Tam Phong, thuộc Thọ Xuân, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Thọ, họ Văn, người ở xứ Đường Châu. Thuở thiếu thời, Sư có biện trí trầm tĩnh thanh thoát, đam mê kinh sách, không hề lười biếng, sống ẩn dật lánh đời. Tình cờ Sư gặp một vị tăng đốc thúc dẫn dụ, Sư bèn phát nguyện xuất trần, tự than những năm gần đây chẳng mê lầm, cầu pháp chậm lâu! Sư lễ ngài Tuệ Văn tại viện Đại Quang ở núi Minh Nguyệt thuộc trong Bổn Bộ, ngài Huệ Văn vì Sư mà trao truyền đạo nghiệp, Sư được cạo tóc xuất gia. Hai năm sau, Sư thọ giới cụ túc, rồi mới du phương hướng đạo. Ở Thiên Thai hay Nam Nhạc không nơi nào Sư chẳng đến. Sau Sư trở về Đông Lạc, gặp được con cháu ngài Thần Tú, như hoa sen nở, thông đạt an tĩnh.

Ngài đến Tam Phong thuộc Thọ Châu, dựng am tranh mà ở, thường có người nhà quê ăn mặc chất phác, nói năng khác lạ. Ngoài sự nói cười

ra, có hóa làm hình Phật, hình tiên hoặc Bồ-tát, La-hán hoặc phát ra ánh sáng thần, hoặc lộ bày âm hưởng, như vậy suốt mười năm. Học chúng thấy vậy mà chẳng lường biết được manh mối. Sau đều lặng mất. Sư bảo đại chúng rằng: "Kẻ nhà quê ấy tạo nhiều hình sắc kỹ lưỡng để huyễn hoặc lòng người, chỉ làm tiêu hao, đối với lão tăng chẳng thấy chẳng nghe. Kẻ ấy kỹ lưỡng hết lòng, còn ta chẳng thấy chẳng nghe thì vô tận, đó là làm điều tà ngụy nhọc tâm mà vụng về. Kẻ đó tự biết vậy nên thu xếp hổ thẹn mà đi, nếu có truy tìm cũng không thấy dấu vết".

Những năm đầu niên hiệu Bảo Lịch Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ chín mươi hai tuổi. Tháng giêng năm sau, dời vào tháp.

Liên quan thử bàn:

Trời gieo mọi vật, vật loại đắp đổi, cùng số đạt biến, nhân hình mà dời đổi. Đó gọi là hóa, là huyễn. Biết được huyễn hóa chẳng phải là dị sanh, mới là cùng tận huyễn hóa. Ta cùng các ông đều là huyễn, suy ở nơi thật thì huyễn hóa, đặt hư vào thì huyễn hóa thật. Lý hư thật chẳng ngang bằng nhau, chẳng có trước sau của tự ngã. Thể đạo vô tâm, ta và vật bình đẳng, nên Phật dạy: "Tất cả tướng thấy, chỉ là thấy tâm". Thêm nữa: "Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng thì thấy được Như Lai". Ngài Đạo Thọ có điều đó.

13. Truyện ngài Tuệ Không ở chùa Hồi Loan, thuộc Thiểm Châu thời Tiền Đường:

Thích Tuệ Không, họ Thôi, người ở xứ Giang Lăng, thuộc gia đình nho nhã, dịch diệp anh nhuy. Cha của Sư trấn nhậm huyện Linh Bảo thuộc Thiểm Phục, Sư khó nhọc gian nan thiên thuộc, kiên trì xin vào cửa Phật, để báo đáp ân nặng bú mớm. Sư bàn mới đến dưới pháp tịch của ngài Hằng Siêu ở chùa Hồi Loan và được trao cho kinh nghiệp, ba năm tụng thông. Tuổi còn nhỏ mà đã thông minh bén nhạy. Nhân đó, Sư đến thiếu thất ở Tung Sơn, được gặp thiền Hội của Thiền sư Tịch, tự nhiên như khai ngộ. Sư bèn trở về Tam Phong, ở đất Tiên Chưởng thường có các đạo lưu luận đạo đến sắp tối mới tan, không chỉ qua một lần, mà các châu soái nguyên công rất biết quy hướng, thường thỉnh Sư. Nhưng Sư thường hay lấy cớ bị bệnh mà từ khước, hoặc có lúc họ đến thì Sư lên giường nằm.

Vua Đại Tông (763-780) nghe đạo hạnh của Sư, bèn ban sắc chiếu dời Sư về trụ tại chùa Quảng Phước ở kinh đô. Cả triều đình công khanh đều dốc lòng kính tín. Sau Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. Vào ngày mồng 8 tháng 9 năm Quý Sửu, tức niên hiệu Đại Lịch thứ 8

(773), toàn thân vẫn bền chắc mà dời vào tháp.

Kế, có Ngài Thích Nguyên Quán ở Đông Đài, thuộc Nam Nhạc, Sư họ Viên, người ở xứ Trường An. Cha của Sư là nhân viên Phủ Hà Trung. Sư có người cậu xuất gia làm Sa-môn rất dốc chí hoằng đạo. Thấy Sư tuy tuổi nhỏ mà vẫn có tuệ phong, thái độ vẻ như ông Tú ông Cử, có khí độ thành nhân. Nhân đó khuyên Sư xuất gia, Sư bèn đến chùa Hưng Thiện, tụng kinh thông suốt. Năm năm sau được độ, mới học đến hai bản Luật Bộ, Câu-xá.

Sau, Sư đến các Thiền hội, như tỉnh cơn say cũ. Sư hướng về Hành Sơn đi đến Đông Đài và dừng ở đó. Đạo Sư đề xướng, thầm có chỗ cảm, thường được các vị thần thầm dâng cúng thì tùy chỗ tăng chúng cần, không nghe thiếu thốn gì. Bỗng một hôm, thần hiện hình đến lễ bái mà thưa rằng: “Con vốn là Đàn Việt ở núi này, người thường đưa lễ bạc cúng dường chính là con”. Sư bèn hỏi: “Ngươi do nghiệp gì mà phải làm thần như thế?” Thần đáp: “Con, đời trước thường tự xưng là tri thức mà thể ngộ chẳng toàn, vọng nhận của tín thí, nên bị làm thần như thế này, tình cờ gặp Ngài đến ở đây, con dừng dâng biếu các thứ lương thực thô giúp nguyện riêng. Đến nay đã trọn hai mươi năm, đã được siêu độ, nên con đến đây để từ biệt Ngài!”

Đến lúc hóa duyên đã mãn, Sư bèn phó chúc Thiền đồ mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, ngày mồng 2 tháng 10 niên hiệu Thái Hòa thứ 4 dời vào tháp.

14. Truyện ngài Sùng Khuê ở chùa Long Hưng, thuộc Lạc Kinh thời Tiền Đường:

Thích Sùng Khuê, họ Khương, người ở xứ Giáp Thành. Gia đình nối dõi Nho nhã, đời đời áo trâm. Từ niên hiệu Thiên Bảo (742-756) về sau, bởi do nạn loạn của An Sử xâm bại vương lược, gia đình Sư dời đổi tản mác. Cha của Sư chuyển nghề buôn bán quen đường xu lợi đến xứ Củng Lạc thì chết bởi bọn phản nghịch. Sư bùi ngùi tự trách rằng: “Thuở nhỏ thì chẳng gây tạo, nay còn sống sót thật buồn thương. Sư bèn nghĩ muốn xuất gia.

Đến năm 18 tuổi, Sư kinh nghiệp làu thông được độ, bỗng nhiên có chí mây nước bèn đi đến Nam Nhạc. Sư dừng ở đó vài năm rồi trở về Lạc Nam ở núi Từ Mâu, nương tựa chùa Thê Hà. Sư đã lên Kinh Môn, tiếng tăm đạo hạnh vàng khắp, gặp Tán Hoàng Lý Công Đức Dụ Liêm hỏi là nước nào, rồi mới thỉnh đến chùa Từ Hòa, chỉ một lần giao tiếp nhã đàm, như dạo chơi ngoài hình khí. Sư nói: “Tôi có nỗi buồn thầm

kín, chẳng phải là người ở chốn Hầu Bá tụ lạc!" Năm sau Sư bèn đến Trùng Để, trụ chùa Nhạc ở Tung Thiếu.

Năm Mậu Thân (828) thuộc niên hiệu Thái Hòa (827-836) tại Lạc Kinh nắng hạn, chỉ ở Nhạc Trung mưa tin nôi nhau, có người cho rằng "do đức hạnh của Sư động đến thần rồng nên mưa như vậy". Đến đầu niên hiệu Khai Thành (836) Tán Hoàng Công Nhiếp lãnh đứng đầu trăm quan thỉnh Sư đến trụ chùa Long Hưng ở Lạc Kinh để giáo hóa đồ chúng. Kẻ tăng người tục ở hai kinh đô qua lại hỏi đạo. Đàn Việt cúng thí tấp nập. Điểm chính của Sư nói pháp là đề xướng đạo nghĩa của ngài Thần Tú và có nhiều người được lợi ích, tỏ rõ bản tâm. Bỗng nhiên, Sư nói với đại chúng là từ biệt, Sư vào phương trượng mà thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi. Bạch Thị Lang soạn văn bia cho tháp. Đến ngày 10 tháng 8 năm Tân Dậu, niên hiệu Hồi Xương năm đầu, Sư tự nói "đi học làm Phật cứu độ chúng sanh". Bỗng nhiên, Sư đến dưới pháp tịch của ngài Đại Trí ở thiền viện Vinh Quang, cầu xin được độ. Sư rất nghiêm cẩn, khoảng sau khi Sư tụng học kinh pháp, thọ giới cụ túc, bèn đến Lạc Dương tham vấn thiền pháp, Sư thấu triệt không nghi ngờ. Ngài từ giã thầy tham quán các phương. Đến núi Đô Lương ở Hoài Nam, cất am tranh để ở.

Thái Thú Vệ Văn Khanh mời Sư đến trụ chùa Trường Thọ ở Châu Trị, Vệ Hầu hỏi Sư rằng: "Phật pháp ở tương lai thạnh suy thế nào?" Sư đáp: "Hễ là vật chân thật thì không có chấn chỉnh, từ xưa đến nay, qua lại theo vết cũ, các pháp hữu vi, bốn tướng đổi thay, pháp sẽ bị vùi lấp, vua quan kiểng chân có thể thấy". S dự ghi việc võ tông phá hủy giáo pháp.

Sư thị tịch năm chín mươi ba tuổi, môn nhân đệ tử xây tháp lập bia. Đến ngày mồng 7 tháng 9 năm Giáp Tý, tức niên hiệu Hội Xương thứ 4 (844) nhập vào tháp.

■

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

QUYỂN 10

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười sáu vị, phụ có tám vị).

1. Truyện ngài Đạo Nhất chùa Khai Nguyên, ở Hồng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Nhất, họ Mã, người ở xứ Hán Châu. Hoa dụ cho tánh chẳng trồng ở cao nguyên, dùng sóng để biện rõ thức, phát sáng từ biển lặng. Khi Sư sanh ra đã chững chạc, khi đi nhìn thẳng như Hổ, lưỡi dài quá mũi, vân chân chữ lớn. Căn trần tuy đồng ở pháp thể, mà tướng phô bày khác với huyễn hình. Đã nói: Ở tại cảnh phàm cũng ứng giáo tùy cơ. Sư tuy tuổi còn thơ mà chán nhìn vết trần, thoát lạc ái thủ, bước đi điềm nhiên thư thả. Sư xuống tóc xuất gia với Hòa-thượng Đường ở Tư Châu, thọ giới cụ túc với Luật Sư Viên ở Du Châu. Bày yếu chỉ oai nghi, hiểu manh mối khai chế, giặt y luyện vàng quán môn đều đắp đổi. Đại Long Vương tượng ràng nuộc thì khó, quyền biến vô phương, có duyên có đợi.

Sư nghe ở Hành nhạc có Thiền Sư Hoài Nhượng, tức trước sau của Lục Tổ Tuệ Năng. Từ đó, Sư ra sâu hiểm của Mâu Nga ngọc lũy, đến chốn u tịch của Linh Quế Trinh... Một lúc thấy được ngài Hoài Nhượng, tự nhiên không ngằn mé, đến cửa chẳng đợi ba lần cầu thỉnh, làm thì ngang bằng so với bảy người. Bởi vì, pháp lìa văn tự còn truyền Đố lộ, Thánh không phương sở cũng gá Thanh Nguyên. Sư bèn đến Lâm Châu, dừng ở hai núi Nam Khương và cung công. Chỗ Sư đến không ngăn trệ, tùy nhiếp mà hóa. Vốn trước đây, ở ngọn núi này quỷ mỵ trú ở rất nhiều, mọi người chẳng dám đến gần. Nếu ai phạm phải thì thân bị cháy chết đứng. Đang lúc Sư trụ ở đó, có vị thần mặc áo tía mũ đen đến lễ bái thưa rằng: "Xin xả thí đất này để làm đạo tràng thanh tịnh".

Nói xong, không thấy nữa. Từ đó, các loài cầm thú độc dữ hung tợn đổi tâm thuần nhuyễn, những kẻ tham trái oán hờn trở lại thờ phụng khiêm nhường. Gia đình Quận thú ở Hà Đông kính phụng chánh tín, tự thân siêng năng cầu học, ban trọng anh minh giảm quý, cùng khả năng trí thuật tuệ giải. Thường đến Hải Hà thâu gộp thì núi sáng trăng soi chiếu. Tâm cùng cảnh vắng lặng, Đạo tùy ngộ sâu. Người tự rõ tại khắp mọi vật, người rộng bày cúng thí mong cứu giúp nhiều. Đang trú ở không sao tự nhiên Bùi Công dời đến trấn nhậm ở hai mục Lư Giang và Thọ Xuân, ở đó tiến tu, chỉ chuyên tu tinh tấn dẫn hóa chẳng sa đọa.

Vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), vua Đại Tông ban ân mưa móc, sắc chỉ Sư đến trụ tinh xá Khai Nguyên. Khi đó, sư là người luôn dẫn đường, nghe phong cảnh mà kính mến. Vì đất ở Chung Lăng, trấn giữ vùng sâu, chính sách có đổi dây của trụ, người cùng một nguồn. Thiền Tông định chỉ ban điềm lành thì lắm thuận mà chẳng trái. Sư trụ ở đó suốt mười năm. Như mặt nhật soi sáng đến Phù Tang, trước chiếu trên đảnh núi cao, mây nổi khăp nơi chốn, mưa lớn đều thấm nhuần.

Vào niên hiệu Kiến Trung (780-784), vua Đức Tông có ban chiếu chư tăng trở về chốn cũ, Nguyên Nhung Bao Công giữ kín chẳng đưa đến. Đến năm Mậu thìn (788), Sư sinh hoạt vẫn như thường, bỗng nhiên đòi tắm gội xong, an nhiên ngồi kiết già mà thị tịch, thọ tám mươi tuổi, năm mươi hạ lạp.

Ban đầu tại Kiến Xương, ở ven núi tên là Thạch môn, chung quanh toàn là hang hố hiểm hóc, ở bên trong bình thản u tịch riêng từ lâu. Ở đó, tìm củi lửa đến kiếp số như bụi nhỏ mới gặp, chẳng phải điềm tốt lành luận bàn gò đất linh Á Tướng quán sát Sứ Lũng Tây Lý Công, phân gởi nghiêm lệ, vốn là chỗ vâng theo. Sư đến đó dạy dỗ đồ chúng. Nương tựa suy nghĩ giúp lý, bèn dùng tạo phước, đạo ở Quán hóa, tình còn lúc sắp qua đời. Thôi bỏ cờ xí của chư hầu, vốn giúp phướn lọng của Thích Tử. Khi đó, mặt nhật biến đổi sáng soi, người truy hối tấp nập xa gần, mái chèo lấp nước mà làm thành đất liền, đuốc sáng thâu đêm trở lại thành ngày. Thích tử trở lại sơn môn, tài thí như chứa nhóm, Tăng chúng nơi thôn dã cúng cơm thơm đều xông ngát. Từ xưa kia, ngài Hoa Nghiêm quy chân tại Tung Dương, ngài Thiện Đạo nhập tháp tại Tần Lãnh, xem lễ tiễn đưa, người đông nghẹt Quốc Thành. Buồn thương tiễn đưa đông đầy, nay là lần thứ ba.

Lúc đầu, ở trong rừng, sư kinh hành, ngồi trên tòa khai thị, bình đẳng giảng pháp chẳng phô bày ở bốn khoa. Sư an nhiên bảo đến tháng 2 sẽ thị tịch. Đó là nói điềm trước lúc thị tịch. Lúc Sư hiện bệnh, răn dạy

sau khi tịch nên an táng cách xa núi, phàm trăm việc phan duyên xin giữ lại gần thành, nhưng cuối cùng đều vâng theo thể thức đã chỉ bày. Đó lại nói về Hối tích vốn thật. Lúc sắp đem, linh khám trở về thì nước chảy xiết, sức người không đủ để giữ thuyền đi chậm, mưa mỡ chợt tuông xuống từ giữa khoảng không xa vời, khắp cùng khe biến thành sâu thẳm. Đó lại là nói về Thần thông ứng cảm. Duy nhất biết chân tại không, vô ngã đối với hữu, cả hai điều đó đều lìa, nương gá vào nhất thừa, chỉ bày sanh tử, người có khả năng thành Phật, biện rõ tà chánh, ma cũng tợ thánh. Hiện thân chẳng lưu lại ở bậc Đại sĩ, phụ thủ bỗng ẩn nơi triết nhân. Sư có các đệ tử như ngài Trí Tạng, Hạo Anh, Sùng Thái v.v... kính vâng giữ lễ an táng như Sư dạy bảo. Vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Tịch Thiền Sư”. Đan Dương Công Bảo Cát làm bia ghi lại, Quyền Đức Dư làm bài minh ở tháp. Nay, ảnh đường tại huyện Hải Hôn vẫn còn.

Thứ nữa, ngài Thích Trí Tạng ở Tây Đường, thuộc Kiền Châu đời Đường. Sư họ liệu, người ở xứ Kiền Hóa. Vừa mới sanh mà Sư có tướng kỳ lạ, khí phách kỳ vĩ.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia theo thầy, Đạo hướng xa, theo ngài Đại Tịch dời đến ở núi Cung Công. Sau, Sư đến tham yết Thiền Sư Quốc Nhất tại Kính Sơn, Sư cùng đàm luận chu toàn, mọi người đều đổi cách nhìn về Sư. Chúc Nguyên Nhung Lộ Tự cung thỉnh Sư Đại Tịch trụ tại phủ, Sư mới trở về lại quận, được ngài Đại Tịch trao truyền áo nạp Cà-sa. Bấy giờ, Á Tướng Lý Công Kiêm, Quốc Tướng Tề Công Anh, Trung Lang Bùi Công Thông đều dốc lòng thuận giáo.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (814), ngày mồng 8 tháng 4, Sư thị tịch, thọ tám mươi tuổi, năm mươi lăm hạ lạp. Đến lúc dời nhập tháp, quan gián nghị Đại Phu Vi Thọ truy hỏi ngôn hạnh của Sư ghi chép vào Đồ Kinh. Thái Thú Lý Bột xin Tán dương đức hạnh Sư. Đến niên hiệu Trường Khánh năm thứ nhất (821), vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Giác Thiền Sư”.

2. Truyện ngài Chí Mãn ở lan-nhã Linh Thang Tuyền, thuộc Tuyên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Chí Mãn, họ Khương, người ở xứ Lạc Dương. Thuở nhỏ, gặp lúc trong nhà thỉnh Sa-môn thiết bày Phật hội, Ngài thích ý chẳng thôi, bèn đến chùa Long Hưng ở Dĩnh Châu xin xuất gia.

Nghe pháp tịch của Thiền Sư Thần Hội dưới Lạc Đô, có đông nhiều học chúng, Sư tìm đến đó và được rõ tâm yếu. Sư đi về phương

Nam đến suối Linh Thang ở Hoàng Sơn, cất am tranh mà ở. Sau, mọi người khắp làng quê Hoàng Liên thấy Sư mà mừng vui hớn hở. Sư hỏi: "Đây là nơi nào?" Mọi người đáp: "Đây là núi Hoàng Liên thuộc Tuyên Thành. Xin Sư trụ ở đây, ngại gì hổ báo làm hại". Sư bảo: "Hổ cũng có tánh Phật". Sư bèn đốt hương cầu nguyện chú yểm nó, do đó nạn hổ báo chấm dứt và trở thành một thiền viện lớn. Sau, Sư thị tịch, thọ chín mươi mốt tuổi. Niên hiệu Vĩnh Trinh thứ nhất (805) nhập vào tháp.

3. Truyện ngài Quang Dao trụ viện Bảo Chân, ở Nghi Châu, thời Tiền Đường:

Thích Quang Dao, họ Chu, người ở xứ Bắc Kinh. Thuở nhỏ, Chung Đồ lục đều chẳng hơn tình, Sư bèn phát chí xuất gia, bỏ các trường giảng vào chốn thiền lâm, hễ nơi nào có âm hưởng Tông Sư thì Sư đều đến tham yết. Cuối cùng, gặp được Thiền sư Thần Hội như vén bỏ màng mắt, Sư thấy suốt mười phương. Sau, Sư đến núi Mông ở Nghi Thủy, kết cỏ thành am, an nhiên cư trú. Dân chúng Hội Phí đều theo Ngài hóa độ. Bấy giờ, Thận Ấp Đại Phu biết Trọng Thủ dựng lập Thiền cung. Thứ nữa, Duyện Châu Tiết Sứ Vương Liêu Thượng Thư đích thân đến thỉnh Sư vào châu hành hóa. Đặc tấu biển ngạch đề là "Bảo chân", học chúng mong mỏi được nhiều lợi ích. Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 2 (807), Sư thị tịch, thọ chín mươi hai tuổi.

Thứ nữa, có ngài Thích Đạo Kiên trụ chùa Từ Ân ở Tương Châu, thời Tiền Đường. Sư họ Vương, người ở xứ Đan Dương. Ban đầu, Sư phát tâm xuất gia với Thiền Tổ Tuệ trung ở núi Ngưu Đầu. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766), Sư đến ẩn cư tại núi Nam Tuyền, thuộc Trì Châu. Sau, Sư đến Tương Hán, ghé chùa Từ Ân. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ nhất (806), Tướng Quốc Yên Công trấn giữ tại Hán Nam rất kính trọng Sư, thường ân cần hỏi đạo, cúng thí tấp nập, xây chùa ở ngoài ải Phụng Lâm, thỉnh Sư trụ ở đó. Qua năm sau (807), Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi.

4. Truyện ngài Linh Thản trụ chùa Huệ Lâm, ở Dương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Linh Thản, họ Võ, người ở xứ Văn Thủy, thuộc Thái Nguyên, là cháu của Thái Hậu Võ Tắc Thiên. Cha của Sư húy là Tuyên, làm huyện lãnh Lạc Dương. Mẹ của Sư thuộc dòng họ Hạ Hầu. Khi mới mang thai Sư, bà mộng thấy vị Thần tăng trao cho chiếc gương báu; trong ngoài sáng sạch, bảo rằng: "Tôi gởi bà vật này, hãy khéo giữ

gìn!” Đến lúc sanh Sư, toàn không thấy khổ.

Năm bảy tuổi, Sư tụng đọc, học tập thông rành, hợp với việc Đồng Tử. Năm mười ba tuổi, Sư theo Quan Lữ lên Thái tử Thông Sự xá nhân, cứ như vậy, Sư vui học không ngừng nghỉ. Sách kinh tam giáo, Sư càng thêm hiểu đạt, nhưng Sư thường than trách là nhà hư nát! Bèn phát chỉ muốn vào không môn, tự lương Đại thừa Sư đã hoàn bị, cuối cùng đến cảnh giới Niết-bàn.

Bấy giờ, Thiền Sư Thần Hội hoằng hóa trụ chùa Hà Trạch ở Lạc Đô rất hưng thạnh, mới ngăn ánh sáng của Phổ Tịch, dần chìm đạo của Thiền Sư Thần Tú. Sư bèn đến đó tham yết. Ngài Thần Hội thi thiết khéo dẫn dụ, chóng thấy rõ bổn tâm, im lặng chấp nhận, ung dung gìn giữ, cha mẹ chẳng thể thay đổi ý Sư, gió tốc bay chẳng buộc được. Đầu cuối nghiên mài, Sư phá được nghi trệ.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), ngài Thần Hội gọi Sư bảo rằng: “Ta có một câu. Đây là tổ tổ tương truyền, đến đời ngài Tào Khê, ngài Tào Khê (Tuệ Năng) lại phó chúc cho ta. Ngươi khéo lắng lòng ghi nhận. Ta đây sắp có lưu nạn!” Sư bèn từ giã mà du phương. Sau đó không lâu, quả thật có chiếu sắc dời đổi ngài Thần Hội đến Dặc Dương. Sư bèn đến chùa Phù Tra ở Lư Châu, đọc xem Đại Tạng kinh. Sau, Sư nghe Quốc Sư Trung từ Nam Dương có chiếu mời vào. Niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (770). Ngài theo lễ bái tham hầu. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), Sư muốn trở ra ải. Quốc sư Trung Tấn tâu với vua Đại Tông rằng: “Người này (ngài Linh Thản) là đồng môn của bần đạo, đều là đệ tử của Thiền Sư Thần Hội”. Vua Đại Tông sắc tặng Sư danh hiệu là “Đại Bi”, kiêm mang “mặc sắc” đến hành hóa ở Lương Viên. Bấy giờ, Tướng Quốc Điền Công Thần Công cúng dường quanh co. Vừa gặp Duy Dương lục hợp, Sư bèn than rằng: “Đại Pháp Lăng Di” bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Mở tâm địa lìa thấy Bồ-tát, như tượng Văn-thù, bảo rằng “ấn nghiệm cho ngươi”, khiến người cổ để tìm chưởng án”. Xem ở bốn ngón tay có vết sẹo đỏ. Vết ấn đó thường hiện.

Thêm nữa, lúc Sư trụ núi Kim thuộc Giang Trung ở Nhuận Châu, nay là chùa Trạch Tâm. Phía Bắc núi, có một hang rồng, thường nhả ra khí độc như mây. Nếu có ai đến gần, thì thường mắc bệnh hoặc đến nỗi chết. Sư đến ở thì mây đem tự nhiên mất dấu. Kế nữa, lúc Sư cất am tại núi Định ở Giang Âm, bỗng nhiên nghe có tiếng khen ngợi, xem ra là hai con rùa trắng, Sư bèn trao truyền quy giới cho nó. Lại thấy hai con rắn trắng lớn, thân dài mấy trượng, Sư cũng sám hối và trao truyền giới

pháp cho nó. Thế rồi, Sư bỏ sang núi Ngô Hưng, xây dựng một lan-nhã. Có ba người đàn ông mặc áo màu tía dệt vàng, từ từ đi bộ đến khen ngợi rằng: "Đạo tràng chỉ có điều lành!" Dân chúng trong thôn xóm, nhiều người phá bỏ võng lưới.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 5 (810), Tướng Quốc Lý Công Lịch đến nhậm chức tại Quảng Lăng, dùng pháp nghiêm ngặt, hành động thẳng thắng, quyết xét thiểu Ân, vừa trông thấy Sư, ông càng thêm trịnh trọng, mời Sư đến trụ chùa Huê Lâm. Trong chùa có phần mộ Tướng Quân Trương Liêu, Tăng chúng hay bị Quỷ vật làm mê loạn. Khi Sư đến ở thì tự nhiên không còn hiện tượng gì cả. Thêm nữa, dân chúng ở Dương Châu phần nhiều hay bị hoạn nạn mê hoặc bởi sơn yêu mộc quái, Sư đều ngăn trừ hết. Mọi người tranh nhau quy hướng kính ngưỡng.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815), bỗng nhiên thấy có hai người Hồ, nói từ nước Quy-tư đến, vì ở đó không có chí giáo nên từ xa lại cầu thỉnh Hòa-thượng đến mở mang rộng khắp. Qua ngày 13 tháng 5 năm sau (816), Sư dự lễ húy kỵ ở chùa Hà Trạch, xong Ngài bảo với tăng chúng: "Tôi sắp đáp lại lời thỉnh mời ở phương xa". Tới tháng 7, Sư hiện tướng bệnh, sang tháng 9, lúc sắp thị tịch, Sư lại dự bảo như vậy. Đến ngày mồng 8 tháng 9, Sư an nhiên thị tịch. Dời tháp đến phía nam sườn núi phường Tuần Địch, thuộc phía tây Dương Châu. Duyện Trịnh Đảm ở Việt Châu xây tháp. Sư thọ một trăm lẻ tám tuổi, tám mươi bốn hạ lạp.

Sư là pháp tôn của Tổ Sư Tào Khê (Tuệ Năng), là đệ tử Ngài Hà Trạch (Thần Hội).

5. Truyện ngài Đạo Thông ở núi Tử Ngọc, thuộc Đường Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Thông, họ Hà, người ở xứ Lư Giang. Thuở Sư còn bé, lầm lì ít nói. Thấy hình tượng Phật, thì chiêm ngưỡng đãnh lễ, ngâm ca khen ngợi không thôi. Do Cha của Sư làm chức quan ở Nam An, thuộc Tuyền Châu, nên Sư bèn xin xuống tóc, mặc pháp phục tụng kinh, được hợp cách ban sắc độ Sư. Khi đó nhằm niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742).

Bấy giờ, Thiền Sư Đạo Nhất bắt đầu nhóm chúng giáo hóa tại núi Phật tích ở Kiến Dương. Sư trụ ở đó. Ngài Đạo Nhất trụ ở núi Cung Công, thuộc Nam Khương, Sư cũng theo đến như hình với bóng. Nhưng Sư phát tâm du phương, tìm đến các xứ Ngô Việt, các núi hang ở Thiên

Thai, Tứ Minh không chỗ nào sư chẳng lặn lội qua, đến lúc chống gậy trở về cửa núi Phòng Đàm, ở Giang Tây, Sư gắng tâm lo việc chúng tăng, chẳng sợ khổ nhọc.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2 (786), Sư đến Nam Nhạc, thấy Thiền sư Thạch Đầu đang chọn tơ thêm mầu đỏ lam. Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 4 (788), Thiền Sư Đại Tịch sắp quy hóa, gọi Sư, bảo rằng: “Đá ngọc nhuộm núi đẹp đẽ, rất có ích cho Đạo nghiệp của ông, nếu gặp thì nên dừng ở tại đó!” Sư nghe lời ấy, đồng như lời sấm, rất không hiểu rõ. Mùa thu năm đó, Sư và Thiền Sư Tự Tại ở Phục Ngưu đồng đến Kinh Lạc. Lúc trở về đến phía Tây Đường Châu, có núi đỉnh cao chót vót rừng rậm, bốn bên chẳng có khói lửa, thật là có cảnh thú ngoài trần, Sư bèn hỏi người trong làng và được biết núi đó là núi Tử Ngọc. Sư mới nhớ lại lời huyền ký của ngài Đại Tịch, và tự nhủ “Ta hợp ở núi này!” Sư bèn leo lên chỗ cao ngất, thấy giữa núi có tảng đá vuông, màu sắc đỏ tía ngời sáng, Sư khen ngợi rằng: “gọi đây là Tử Ngọc, hợp với lời huyền ký, lời của Tiên sư chẳng dối dự ghi!” Sư bèn dựng tích trượng, mở túi, đồ chúng tham học đua nhau tìm đến. Ban đầu thì dựng tranh làm nhà. Thứ Sử Lý Đạo Cổ có ý dựng lập thiền cung.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (813), đệ tử Kim Tạng ra tham lễ Thiền Sư Hoài Hải ở núi Bách Trượng. Lúc trở về gặp Sư, Sư bùi ngùi đổi sắc, bảo: “Ông đến đó ư? Núi này đã có người làm chủ rồi!” Nói đoạn, Sư kéo tích trượng đi đến Tướng Châu. Tăng tục đều đón rước. Đến ngày 15 tháng 7, tự nhiên Sư không bệnh mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi ba tuổi.

Có thuyết nói rằng: “Cố Tướng Quốc Vu Địch rất quy hướng tâm về Sư, Thượng Thư Lý Cao vô cùng lễ trọng.

6. Truyện ngài Hoài Huy trụ chùa Chương Kính ở Ung Kinh, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Huy, họ Tạ, người ở Tuyền Châu, Sư sớm gieo trồng gốc lành sâu dày, chỉ xuất trần cao xa. Mãi đến lúc tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư mới mến chuộng vân du.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Sư đến lễ yết Thiền Sư Đại Tịch ở Hồng Châu, chóng tỏ tâm yếu. Bấy giờ, tại Bành Thành Lưu Tế đức rộng, Sư cùng suy chứng. Sau, Sư ẩn cư tại núi Thư Lai, kế đến ngụ chùa Linh Nham ở Tề Châu. Lại dời sang núi Bách Gia, đá suối u kỳ, khổ cho thiền giả thưa hỏi rắc rối, Sư bèn lên núi Trung Điều, thực hành Thiền pháp. Những người vì pháp, men theo dấu vết mà đến. Người xứ

Bồ-tân, Sư đều cảm hóa họ.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 3 (808), vua Hiến Tông ban sắc chiếu mời Sư đến trụ tại viện Tỳ-lô-giá-na chùa Chương Kính. Trước đây, vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), vua Đại Tông ban sắc mời các bậc Danh tăng Đại Đức tinh thông ba học đều ở đông đúc trong đó. Thường đến ngày Khánh Đản, thì đến đó thiết trai cúng dường Độ tăng. Sư đã trụ ở Thượng Viện vì mọi người giảng dạy thiền yếu. Cả triều đình quan liêu danh sĩ hằng ngày đến thưa hỏi. Vua Hiến Tông lại ban sắc chiếu mời Sư vào điện Lân Đức, thiết trai cúng dường, suy tôn Ngài là Thượng tòa.

Đến mùa đông năm Ất mùi, tức niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815), Sư hiện bị bệnh, tới ngày 11 tháng 12, Sư thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Qua tháng 2 năm sau (816), các đệ tử của Sư như Trí Lãng, Chí Tháo v.v... đón rước toàn thân nhục thể của Sư an táng tại Bắc Nguyên; Bá Kiều. Vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Tuyên Giáo Thiền Sư”, dựng lập bia tại cửa chùa. Nhạc Dương Tư Thương Giả Đảo soạn văn nói về đức hạnh của Sư.

7. Truyện ngài Duy Khoan chùa Hưng Thiện ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Duy Khoan, họ Chúc, người ở xứ Tín An, thuộc Cù Châu. Ông nội Sư húy là An, Cha của Sư húy là Kiểu. Năm mười ba tuổi, Sư thấy sự sát hại sanh mạng, tự nhiên không nỡ ăn, trở về cầu xin xuống tóc xuất gia với ngài Tăng Đàm, thọ giới ở ngài Tăng Sùng, học luật với ngài Tăng Như, chứng pháp Đại thừa ngay bộ Chỉ Quán, thành đạt tối thượng thừa với Ngài Đại Tịch, Đạo Nhất.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790), Sư mới bắt đầu hành hóa ở xứ Mân Việt. Chỉ trong năm đó mà Sư hồi tâm cải phục đến cả hàng trăm người. Năm sau (791), Sư nhiếp phục con hổ dữ tại đất Cối Kê, tạo dựng đạo tràng Đằng Gia. Năm sau nữa (792) Sư trao truyền quy giới cho Sơn Thần tại Bà Dương, dựng lập đạo tràng Hồi Hướng. Đến năm thứ 13 (797) Sư cảm ứng Phi nhân tại chùa Thiếu Lâm. Tới năm 21 (806) Sư tạo tác công đức hữu vi ở chùa Vệ Quốc. Năm sau (806) Sư thực hiện công đức hữu vi tại chùa Thiên Cung.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 4 (809), Hoàng Đế Hiến Tông ban chiếu mời Sư đến trụ chùa An Quốc, năm sau (810) vua đích thân hỏi đạo ở Ngài tại điện Lân Đức. Năm đó, phục hồi suối Linh ở hồ Bất Không Tam Tạng. Đến cuối tháng 2 niên hiệu Nguyên Hòa thứ

12 (817), Sư giảng pháp tại Truyền Pháp Đường, xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, ba mươi chín hạ lạp. Nhục thân Sư được đón rước về an táng tại gò phía Tây Bá Lăng. Vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Triệt Thiền Sư”, Pháp hiệu là “Nguyên Hòa Chánh chân”.

Ban đầu, Sư giảng nói Pháp Tâm yếu suốt ba mươi năm, độ người xuất gia, tại gia đến trăm ngàn muôn người. Ngài tùy bệnh trao thuốc, an ủi mọi người. Lúc Bạch Lạc Thiên làm Cung Tán, gặp Sư bốn lần đến pháp đường, mỗi lần đến là một lần hỏi, Sư đối đáp như nước chảy. Bạch Lạc Thiên tôn làm thầy mà phụng thờ. Môn nhân đệ tử Sư có hơn ngàn vị. Đắc pháp có ba mươi chín vị, người nhập thất thọ nhận Di huấn của Ngài là Nghĩa Sùng viên chiếu.

Kế nữa, có ngài Thích Bảo Tu ở núi La Phù, thời Tiền Đường, Sư họ Chu, người xứ Tư Châu. Sư theo thầy học đạo ở chùa Thuần Đức, chí cầu huyền Lý ở Pháp duệ của Đại Sư Hoằng Nhẫn tại Kỳ châu, quyết dứt trọng nghi. Sau, Sư ưa thích núi La Phù nên dừng ở trong hang đá. Đàn việt xây dựng phạm vũ, dần thành chùa lớn. Một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: “Tôi nhân duyên sắp bị bức bách!” Rồi bùi ngùi không vui, cả chúng đều chẳng ai lường biết. Vua Thuận Tông rất kính trọng Phật tông, biết tiếng tăm Sư tu hành, bèn ban chiếu mời Sư vào kinh đô tra hỏi với Tam Tạng, Sư đều đáp ý phiên dịch, rõ ràng suôn sẽ như dòng nước chảy, vua lưu giữ Sư ở lại kinh đô ba năm. Sau, Sư thị tịch tại chùa kinh v.v...

8. Truyện ngài Di Tắc trụ trên ngọn Phật Quật ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường:

Thích Di Tắc, họ Trường Tôn, người ở Trường An, thuộc Kinh Triệu. Tổ liệt Ngạc Châu Tư Mã là Khảo Lợi Trắc, ẩn cư ở Kim Lăng. Sư yếu đuối, chẳng xen tạp việc đời, điềm tỉnh trọn ngày chẳng làm gì, mới theo Trương Hoài Quán học chữ thảo, Sư có viết nét bút tuyệt diệu. Sư là người thanh nhã, đam mê kinh sử, rất thích sách Phật, cho là vừa ý mình.

Một hôm, bỏ cả gia nghiệp, Sư theo Thiền Sư Tuệ Trung ở núi Ngưu Đầu. Ngài Tuệ Trung còn gọi là Lục Tổ Ngưu Đầu. Vì lúc đầu, Tổ Sư Đạt-ma từ Tây Trúc đem tâm yếu họ Thích đến, truyền đạo đó có ngài Tuệ Năng ở Tào Khê, ngài Thần Tú ở Tung Sơn. Người học theo ngài Tuệ Năng thì gọi là Nam tông học, học theo ngài Thần Tú thì gọi là Bắc tông học, mà Tổ Sư Đạo Tín lại đem đạo đó truyền cho

ngài Tuệ Dung. Ngài Tuệ Dung đắc đạo ấy rồi ở tại núi Ngưu Đầu. Đệ tử lấy truyền thọ do là Tâm Pháp Tổ Sư Đạt-ma có Ngưu Đầu học. Sư (Di Tắc) đã truyền đạo của ngài Tuệ Trung, tinh chuyên quán chiếu lâu dài, cho rằng trời đất không có vật, ta cũng không có vật, tuy không vật gì mà chẳng hề không có vật. Thế thì, bậc Thánh như ảnh, trăm họ như mộng, ai là sanh tử ư? Bậc chí nhân lấy đó mà riêng soi chiếu, làm chủ muôn vật. Ta biết điều đó. Sư bèn đi về phương Nam, tới Thiên Thai, đến đỉnh núi Phật Tích, dùng có Bệ lệ để che, lót chiếu lá rơi mà ở, uống nước suối, ăn rau cỏ, thật mà sung hư. Lấy hổ báo làm khách, lấy hươu nai làm đồ chúng, Sư ngồi sừng sững như cây khô. Sau đó, có người đến chặt cây thấy vậy cùng mách bảo với mọi người. Có người kính mến đạo của Sư, bảo rằng: "Bậc Đạo giả đó (ngài Di Tắc) chưa có đệ tử". Bèn cùng dẫn nhau đến dựng nhà, đắp họa Tôn tượng Phật, xếp đặt chư tăng, dần dần làm thành tinh xá. Nên từ niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) về sau, người truyền đạo Sư lại tự cho là Phật Quật học. Và danh hiệu "Phật Quật" phát xuất ban đầu từ Sư.

Ngài trụ tại một chỗ suốt bốn mươi năm. Các bậc Đại quan danh hầu mang thư thưa hỏi, cúng dường, song Sư không hề đáp tạ. Người đến lễ bái, Sư không hề đứng dậy.

Bấy giờ, vào ngày 13 tháng 6 năm Canh Tuất (830), Sư gọi đệ tử, bảo: "Các ông hãy cố gắng!" Đến tối ngày 15, Sư bèn an tọa thị tịch. Đêm đó, người ở dưới núi nghe có tiếng như núi sụp đổ, sáng sớm ra nhìn thì thấy mây năm mầu bay liệng quanh và ghé vào trên đỉnh núi, trẻ già đều khỏe "Thầy mất vậy!" Thế rồi lên xem xét, quả thật đúng thế. Sư thọ năm mươi tám tuổi, hai mươi hạ lạp.

Sư rất giỏi văn. Ban đầu truyền đạo ở Chung Sơn. Sư đề tựa "Tập Dung Tổ Sư văn" ba quyển, soạn "Bảo Chí Thích Đề" hai mươi bốn chương, "Nam Du truyện", "Đại sĩ Di Phong tự", "Vô sanh đẳng nghĩa". Tất cả các tác phẩm của Sư, ngôn từ ý lý ngời sáng. Ngoài ra, còn có thi ca khoảng mấy mươi thiên đều lưu hành ở đời. Sư vốn ở bổn viện Phật Quật; phía tây suối Bộc Bố, dựng lập khám thấp tại đó. Trong pháp nạn Hội Xương, đều bị phá hủy. Viện đó là sở hữu của Đạo môn. Sau, vào năm Ất Dậu (865) thuộc niên hiệu Hàm Thông (860-874), Sa-môn Tăng Chánh Pháp Quang ở chùa Khai Nguyên bèn dời bia đến chỗ hiện nay, Hà Nam Y Hàn lại soạn bia văn.

9. Truyện ngài Linh Mặc trụ núi Ngũ Tiết, ở Vụ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Linh Mặc, họ Tuyên, người xứ Tỳ Lăng. Vốn vào năm thành lập, Sư ưa ham học quên cả mỏi mệt, mong thi đậu để làm nở mày nở mặt bà con. Nhân lúc Đại sư Mã Tổ nhóm chúng giảng dạy tại Dự Chương, Sư tìm đến cửa thiền, ngài Mã Tổ nhướng mày xem tướng, Sư thầm hợp huyền cơ, bèn xin xuống tóc xuất gia, như ung nhọt chín muồi đợi lúc mổ xẻ. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư khổ luyện hạnh môn, bền chặt chẳng rời.

Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Sư vào núi Thiên Thai; nơi Lan-nhã của Đại Sư Trí Khải ở đời Tùy có tất cả hai mươi mốt cơ sở. Xưa kia, ngài Trí Khải huyền ký rằng: “Đây là chỗ đất nhiệm mầu, chẳng phải nơi nương gá của các căn cơ lẫn lộn. Nếu ai có thể ở đây thì không khác gì với ta”. Nhân đo, Sư trụ tại đạo tràng Bạch Sa, trải qua hai năm, hổ dữ đến gần quen dần, thú rừng sanh sản tùy ý nương ở. Sư lại đến trụ tại Đông đạo tràng. Ở đó, đất hẹp, người thưa, một đêm nọ, Thần núi làm sấm sét chấn động mưa bão, núi cao lăn ngã. Ánh sáng xẹt vào cây Đại thọ ngã dài, am Sư ở bên cạnh cây; cành lá đan xen mà cỏ tranh không chút hư hại, mọi người xa gần nghe thế đều đến xem xét khen ngợi.

Sau, Sư đến núi Đông Bạch, bỗng nhiên trúng độc, mà chẳng tìm cầu thầy thuốc. Sư đóng cửa ngồi yên, sau đó không lâu, chất độc hóa thành mồ hôi nhỏ giọt, Sư trở lại bình thường. Thứ nữa, Sư đến Bồ Dương, hoằng hóa hưng thạnh, có Dương Linh Nhung Tướng Lý Vọng thỉnh Sư đến trụ ở Ngũ Tiết.

Khoảng đầu niên hiệu Nguyên Hòa (806), trời nắng hạn, Quan Điền Tuấn đang bàng hoàng lo sợ, Sư men theo khe suối, thấy con rắn xanh đang trừng mắt như nhìn người qua lại, nằm bất động. Sư quát la nó, bảo rằng: “Trăm họ đang lo sợ khe suối khô cạn, lúa mạ khô héo. Sao ngươi chẳng ban thí mưa để cứu dân ư?” Đến tối, quả thật có mưa lớn khắp nơi đều “đầy đủ”. Dân chúng đội ơn Sư như thế. Chúc Bình Xương Mạnh Giản Trung Thừa Liêm vấn chiết Đông phế quản nội Lan-nhã, học chúng tan rã. Bấy giờ, Kỵ Dương Lệnh Lý Trụ Trọng cử Linh Sơn hứa dựng lập sửa sang lại viện.

Đến ngày 23 tháng 3 niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (818), Sư tắm gội, đốt hương, ngồi thẳng trên giường dây, dặn dò Đồ chúng rồi, bỗng nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi mốt hạ lạp.

Cao Tăng Chí Nhàn, đạo hạnh tiểu bạt, văn từ bóng bẩy, cũng là những bậc tài giỏi tuấn đạt của Giang Tả soạn thuật hành lục của Sư.

10. Truyện ngài Đạo Ngộ trụ chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Ngộ, họ Trương, người ở xứ Đông Dương, thuộc Vụ Châu, bẩm thọ khí thuần túy của trời, làm Pháp Vương Tử, vừa mới sanh mà thần khí tuấn tú, lúc lớn lên thì ý nguyện kính cẩn.

Năm mười bốn tuổi, Sư như chim đại bàng vừa đủ lông, kỳ lân đủ sừng, thỉnh bạch với tôn lão cầu xin xuất gia. Cha mẹ vì thương con nên chẳng hứa cho. Sư liền bỏ bớt uống ăn, mỗi ngày chỉ một bữa. Tuy hình suy bụng đói mà tâm Sư ngày càng cương quyết, cha mẹ không làm sao được, liền hứa thuận cho Sư. Sư bèn đến ngài Đại Đức ở Minh Châu, xin cạo tóc. Đến năm hai mươi lăm tuổi, Sư nương tựa ngài Đại Đức ở chùa Trúc Lâm thuộc Hàng Châu, cầu thọ giới cụ túc. Sư dùng sức mạnh giúp cho tâm cứng chắc. Với pháp môn sáu độ, tu các phạm hạnh, Sư thường lấy đó làm thuốc thượng diệu trị bệnh hiểm ngặt. Sư tự nghĩ muốn khai mở sự mờ tối, tìm thiện tri thức, há chẳng nhờ thuyền bè cứu giúp sao? Bèn vội sắp xếp kế hoạch tìm tới Thiền Sư Quốc nhất ở Kính Sơn, Sư đảnh lễ dưới chân Ngài vừa xong thì liền thầm nhận tông yếu. Ngay lời nói, Sư biết được trong chiếc áo có ngọc báu. Thân tâm mở toang, chân vọng đều trừ, dứt sạch các nghi trệ, tự tại vô ngại. Thật sự thấy trong Phật tánh không mây đen, Sư siêng năng phục vụ năm năm, tùy cũng ấn khả, khiến mưa pháp đó nhuần thấm khắp các tòng lâm. Sư chứa nhóm sức lực hướng vào ẩn dật, dò tìm nơi chốn sâu xa hiểm trở, thật mong mỏi một lần bay lên giữa khoảng hư không rồi mới ẩn dật nơi núi Đại Mai ở Dư Diêu. Lúc đó là niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776).

Trên tầng núi cao chẳng có hang hốc, tiếng trời tiêu cầm xa xa, không có xóm làng. Suốt bảy ngày, Sư không ăn, chí thành hẳn thông, vật cảm mới linh, các loài Nhu Đình giúp thêm nghị lực, chó đồng dâng trái hạt giẻ. Một hôm, có gã tiều phu từ miền quê vác rìu bảo chặt lùm cây đó, tình cờ trông thấy Sư mới kinh hãi dừng lại, vội báo cho đồng bạn biết, bảo là: “Thần kỳ”, chưa tới mười ngày mà mọi người tìm đến đông như chợ. Cậy chỗ hỏm, nương chỗ cao, dựng lợp nóc nhà cao, của cải lương thực vây quanh phương trượng. Hổ dữ chăm nhìn mọi người ra vào, một khi ai đến gần tòa thì xem xét xếp chi thể, loại đó lớn nhiều đáng biết. Hễ Sư nói pháp thì không có các tầng bậc, song công người vượt qua cũng có sâu cạn. Cây gỗ do cọ sát mà thấy lửa. Gương bởi siêng năng lau chùi mà chiếu sáng. Lý hẳn là vậy. Do đó, quét trần lụy trốn núi chầm, che hình thể để xét đêm ngày, Ngài tinh nghiêm không ngừng nghỉ, thú hướng đạo vô thượng. Ấy hẳn là có ý chỉ. Cứ như thế

trải qua ba, bốn năm, sắp bay liệng ngoài mây to gió dữ, cắt đứt lông cánh, muốn trở về Bảo Sở ngại trái lầm đường đi, nên Sư lại cố dò hỏi để hiểu rõ Chân tông.

Niên hiệu Kiến Trung năm thứ nhất (780), Sư đến tham yết Đại Sư Mã Tố ở Chung Lăng, mùa Thu năm sau (781) Sư lại ra mắt Thạch Đầu thượng sĩ. Than ôi! Từ Kinh Sơn đến Hành Nhạc, đã ba lần gặp được các bậc triết nhân Long tượng. Đến đây tức là tạo phụ tập, người ngự dĩnh cầm búa. Hai tâm tướng đó hợp với sự già nua. Bạch nguyệt soi sáng, Thái Dương chiếu hoài. Hồng Hà chảy vào Biển lớn đồng một vị. Trọng Ni cho rằng Nhan Tử là Á Thánh, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Đức Thích-ca. Căn quả thành thục, danh xưng đồng nghe, như núi Tu-di đứng trong biển lớn, do là gần Phật, rộng bày thắng nhân. Tất cả các cõi nước duyên hội thì đáp. Ban đầu, Sư thử đến Lễ Dương, tiếp theo dừng ở Cảnh Khẩu, cuối cùng sư trụ tại núi Sài tử thuộc Đang Dương, tức chỗ năm trăm vị La-hán liệng. Thông xanh um tùm để ngậm gió, sườn núi chơm chởm cao tới trời, cưỡi ráng mây tím sóng sánh, gối suối ngọc mát lạnh. Loan phụng không nhóm họp nơi Bồng điệu, Chí Nhân hẳn trú ở nơi thắng thế. Thật là như thế, Hồng Chung chờ đợi đánh, trẻ dại mong cầu ta, nước chảy sao nhóm, dối đi thật về. Hoặc tiếp võ nơi Lâm việt, hoặc chung sức tại Lư Xá, dép cỏ ngoài cửa, sáng rỡ đầy thất, Kinh Châu hùng phiên. Dân chúng sĩ nữ thành đô động đến cả ức muôn, không ai chẳng kính quỳ, cúi đầu hưởng ứng phong thái mà làm theo. Sùng Nghiệp Thượng Thư dùng trạng văn trình tấu liên soái mà yêu cầu. Sư chẳng trái nguyện lực bèn đáp lại sự thỉnh mời, dép cỏ in dấu nơi hư lạc, tích trượng chống tới thành đô. Người xuất gia, tại gia vì đó mà thứ tự bước theo, cờ xí vì đó mà lộn xộn chập chồng. Sống khó gặp, tưởng được chưa từng có, Ưu-ba-cúc-đa kia, đâu đáng nói!

Có chùa Thiên Hoàng ở phía trái quận, đó là điểm kỳ dị so với những chùa khác, nên gọi là danh lam, khốn nỗi bởi người phóng lửa lan tràn thiêu cháy rụi. Chủ tăng phường là ngài Linh Giám vội lo liệu, cho rằng đầy chật người mà Sư định ở, hẳn là phước của ta. Hễ là người gánh vác việc lớn, thì thường bỏ vết nhơ, mới vào nửa đêm lặng lẽ, sáng vác kiệu mà đến. Hai chùa tối có chỗ mất, sáng có chỗ được, tranh luận dấy khởi, đề đạt tới tôn quan. Khi Sư đến thì trở lại an vui như cũ. Giang Lăng y hữu Bộc Xạ Bùi Công có nhiều thanh trọng, dựng cờ lãnh chúng, phong vọng nhìn ngó, đương thời chuẩn trình, đuổi xe đầy lễ, hỏi pháp siêng năng, Sư vẫn thần khí sáng trong, an tường tự ở, từ từ dùng lời mềm mỏng vì đó bày đáp, hẳn trong tinh vi thấu suốt qua yếu ách.

Lại thường giữ trinh tháo, chẳng chuẩn bị đón rước, không một chút nhún nhường quý tòa mà vái chào đối đáp. Bùi Công ngờ Sư cao bạt nên nêu bày nghĩa thú, bảo rằng: "Chí khí kháng tục vượt trội như thế ư?" Sư cho đó là pháp bình đẳng, chẳng thấy chủ khách, há phải đem thế đế để cư xử với người mà hạn cục sao? Bùi Công đối với lý thầm ý hiểu, bèn nép mình quy mạng, đã thấy được nhân giả thì ngã tâm thấp xuống. Như nóng bức được tắm gội, vội nóng thì băng tan. Từ đó, Thiền Tông hưng thạnh, không có ở đâu như vậy.

Vào năm Đinh Hợi (807) thuộc niên hiệu Nguyên Hòa, Sư bị chứng bệnh đau lưng, dự báo trước cho đệ tử biết ngày thị tịch, đến cuối tháng 4, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi tuổi, ba mươi lăm hạ lạp. Đến ngày mồng 5 tháng 8 năm đó an táng ở góc phía đông quận, Linh Khám xây tháp theo tăng lễ.

Sư thân cao bảy thước, thần vận cô kiệt, vân tay như cá nhảy, xương đỉnh đầu nổi cao. Hạnh ở nơi Anh Lạc, chí ở tại Hoa Nghiêm, Sư độ người, giảng pháp mạnh mẽ bén nhạy. Sư có một ý chỉ là sạch dơ chung ở, nước sóng đồng thể, xúc cảnh mê đắm, khí khái quên về. Ba đời bình đẳng, xưa nay thanh tịnh, một niệm chẳng khởi thì thấy được Phật tâm. Sư ngộ giải chóng vượt như thế đó.

Trước là thời gian của thời khói lửa điện vũ chẳng lập, nhìn lại Tăng tục thiếu chỗ nghiêm mật để chiêm lễ, Sư nghĩ suy kết cấu mà không biết quyền dư. Phàm bờ cõi của ta, giàu có thông bách, thảy nguyện khuynh đảo, cúng thí tăng-già-lam. Sai thợ dò xét, uyển nhã phù hợp. Khi ấy, chặt cây lớn để sửa cột, chống đỡ sườn núi hang hốc. Sương móc khó đào giếng. Bấy giờ, đang tiết trời cuối thu, nước dùng đều khô cạn, Đồ chúng bó tay vô phương tìm kiếm, gặp một đêm mưa mà cả muôn gốc cây đều vượt lên, sáng sớm phát hiện thấy nước ở ven sông, tới tối thì đến chùa, chỉ chừng con dao mổ, động dụng không thiếu sót. Ngoài ra, hiên nhà giường án không gì chẳng thầm giúp. Việc gần nói sự quái lạ, mà chẳng ghi những điều cảm ứng linh kỳ, đều giống như thế.

Các Tỳ-kheo Tuệ Chân, Văn Phần v.v... là những Thiên tử, Ở chốn vắng lặng, đều là những vị nhập thất mà được ngộ, hoặc nối tiếp pháp tòa đạo tràng, hoặc phân phái hóa đạo. Bấy giờ, Thái thường hiệp luật Phù Tải soạn văn khen ngợi đức hạnh của Sư. Người đời gọi đó là "Môn Phong của Thiên hoàng".

Kế nữa, có ngài Thích Sùng Tín trụ thiền viện Long Đàm, ở Lễ Châu, thời Tiền Đường, chưa rõ Sư là người thuộc dòng họ nào. Lúc còn

tại gia, Sư là con của Sư Hồ Bỉnh ở Chữ cung. Tuy yếu đuối, nhỏ tuổi mà thần sắc Sư rộng lớn.

Xưa kia, Thiền Sư Đạo Ngộ ở chùa Thiên Hoàng, ẩn che tiếng tăm, người chẳng lường biết ta. Tín chủ ở trong hẻm chùa, thường ngày mang thùng bánh đến cúng dường Sư, Sư dùng xong chừa lại một cái bánh và bảo: "Ta ban cho ông để làm phúc che chở cháu con!" Một hôm, tín chủ tự nghĩ: "Bánh là do ta mang đến, sao để lại cho ta ư? Chẳng biết đây là ý chí gì!" Tín chủ bèn chấp tay thưa hỏi, Ngài Đạo Ngộ bảo: "Ông mang đến, ta đáp lại ông, có lỗi gì ư?" Tín chủ nghe mà dường như có gì kinh quái, nhân đó ngài Đạo Ngộ khuyên xuất gia, tín chủ liền cầu nhiếp thọ. Ngài Đạo Ngộ bảo: "Xưa kia, người sùng kính phước thiện, nay lại tin theo lời ta, nay ta đặt tên ngươi là Tín". Từ đó, Tín tự thân lo việc cơm nước, cung kính nhớ tưởng phục dịch chuyên cần. Tín mới hỏi ngài Đạo Ngộ rằng: "Con chưa được thầy chỉ bày tâm yếu". Ngài Đạo Ngộ bảo: "Lúc nào ta cũng chỉ bày cho ông đó!" Tín nghe lời nói đó mà như kẻ lang thang trở về nhà, như người nghèo khổ được của báu. Thẳng theo đến kinh... mới dừng trụ tại chùa Long Đàm ở Lễ Dương. Nhờ sự kích dương của Lý Cao Thượng Thư, bấy giờ Tín mới ra hoằng hóa. Sau, các vị như Đức Sơn, Giám sư đều xuất xứ từ pháp tịch của Tín.

Tông phong rất hưng thạnh.

11. Truyện ngài Viên Tịch ở Nghiệp Đô, thời Tiền Đường:

Thích Viên Tịch, không rõ Sư là người xứ nào, Sư thường lấy thiền quán làm việc chính, siêng năng tu trì chẳng biếng trễ.

Sư đến chỗ Thiền Sư Lão An ở Trung Sơn, cầu xin giải quyết tâm nghi ngờ. Mỗi điều đều sáng tỏ. Ngài mở mang hành tướng bộ, tăng chúng nương tựa rất đông. Sư ở lâu tại núi Thiên Bình đẳng. Những dấu vết xưa cũ của Thiền Sư Trù, Sư đều tìm khắp. Bấy giờ, Đại Tư Không Nghiêm Thụ rất có tâm kính tin tôn trọng, Sư thọ một trăm năm mươi lăm tuổi, Sư sanh năm Kỷ tỵ, thuộc niên hiệu Hàm Hanh thứ 2, nhưng xét năm Hàm Hanh thứ 2 tức năm Tân mùi (671), nên năm Sư sanh hợp với niên hiệu Tổng Chương thứ 2 là năm Kỷ Tỵ (669).

Người đời tôn xưng Sư là Hòa-thượng vô sanh. Sư ở chốn núi cao, thường chẳng muốn người đến lễ bái thỉnh mời, hẳn là có dung sắc bất khả phạm, có lúc chẳng phải. Nhưng người có chí ý tu thì xem thường giàu sang, trọng Đạo nghĩa, xem nhẹ Vương Công. Đó chẳng phải là ngạo mạn khi dối mà thế khiến như vậy.

Kế nữa, có ngài Thích Quật Đa, người Ấn-Độ. Sư vượt qua đường cát đá, hướng về Thần Châu, bất kể dòng tộc mọi rợ. Sư tinh thông tiếng Trung Hoa và mến chuộng thiền định. Sư sang tham yết Tổ Sư Tuệ Năng ở Tào Khê, cơ giáo tương tiếp, dường như trẻ thơ yếu đuối chịu tang được trở về nhà. Sư men theo đường định sẽ đi đến Ngũ Đài, ngang qua một xóm nhỏ, thấy một thiền giả kết am ngồi một mình. Sư hỏi vị đó rằng: "Ông ở đây làm gì vậy?" vị ấy đáp: "Tôi Quán tĩnh". Sư hỏi: "Người Quán là ai? Vật gì là tĩnh? Chẳng nhọc hình hài ông, khiến ông lo nghĩ ư?" Vị tăng đó mịt mờ, chỉ khoanh tay im lặng, rồi làm lạy cầu thỉnh Sư rũ lòng chỉ dạy. Sư bảo: "Hàng Dị Đạo ở xứ Tây Vực tôi thật có nhiều loại, nhưng hàng rất thấp kém cũng chẳng rơi vào kiến chấp như thế này! Tự nhiên ngồi không, có mọc um tùm thối nát cả thân hình, thật không có ích lợi gì sâu xa. Ông chớ khởi kiến chấp như thế, lý luận như thế, hãy sớm đến Thiều Dương cầu thỉnh quyết trạch điều nghi". Ngài Tuệ Năng bảo: "Ông sao chẳng tự Quán tự tĩnh ư? Chẳng quán tướng, chẳng quán như ông du lịch hằng ngày tự nhiên an vui?" Mỗi mỗi đều như lời của Sư đã nói, sơ lược chẳng chút nào khác. Vị tăng ấy xé rách được lưới nghi. Sau, không biết Sư đi đâu!

12. Truyện ngài Chân Thúc trụ núi Dương kỳ, ở Viên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Chân Thúc, không rõ Sư là người xứ nào. Thuở còn bé, Sư đã thanh thản chẳng buộc ràng, tròng mắt tròn sáng có tướng bậc Đại nhân. Sư quán trên vòng quay sanh tử thấy chúng sanh mê muội trong chín nơi, dường như loài sâu độc hại ở nơi my mắt con muỗi, hưởng thọ diệu dục ví như nếm sáp ong không mùi vị! Sư bèn ném trâm cạo tóc, đầy đủ tướng Phật, đến tham yết Thiền sư Đại Tịch. Một lúc thấu đạt huyền cơ, muôn điều lo toan đều vắng lặng. Sư bèn tự nghĩ: "Quần linh nguồn gốc giả gọi là Phật, thể kiệt hình tiêu mà bất diệt, vàng chảy tan mà thường còn. Biển Tánh không gió quấy động mà sóng tự nổi, tâm rỗng bặt điềm muôn hình tượng đều soi chiếu. Thể nhận được lý nầy thì chẳng nói mà trùm khắp sa giới, không dụng công mà ích lợi huyền hóa. Cớ sao xoay lưng với tánh giác, lại hợp với trần lao, đối với ấm giới luống tự ràng buộc, bấy giờ hình đồng trăng đáy nước, trôi dạt trời người!

Sư nhìn núi Dương Kỳ ở Nghi Xuân các ngọn bốn phía chung hợp, mới ngợi khen rằng: "Mặt đất vốn làm trấn, tạo ngôi thành pháp của ta". Mới phát một lời mà ngàn hang núi vọng tiếng, Thông mở điệm

trăng, sao rải mây tan. Trong vực núi xanh gió chướng hóa thành cảnh vàng. Sư mới yên tọa hơn bốn mươi năm, khắp phòng có ánh sáng vàng ngày đêm soi chiếu. Đến lúc hóa duyên đã mãn, cơ cảm khó lưu giữ. Vào ngày 13 tháng 1 năm Canh tý (820) thuộc niên hiệu Nguyên Hòa, tự nhiên Sư xả bỏ thân trần trở về Đại Định.

Các vị đệ tử: Như Thản, Lương Bảo v.v... tâm chìm vào biển buồn thương, tiếng than khóc động núi. Như trăng ẩn bóng, muôn sao giữa trời mất soi sáng. Mọi người cùng nhau nhón nhặt các thứ cây gỗ làm thành lầu hương, dùng pháp trà-tỳ, thâu nhặt xá-lợi được bảy trăm viên, xây tháp thờ dưới Đông Phong. Đệ tử thượng túc của Sư là ngài Nhậm Vận mời ngài Chí Nhàn soạn văn bia ghi chép về cuộc đời Sư.

13. Truyện ngài Hoài Hải trụ núi Bách Trượng, ở Tân Ngô, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Hải, người xứ Mân. Thuở nhỏ lìa nhà, khi lớn lên dạo chơi trong Đốn môn. Bẩm tánh Sư tự thiên nhiên chẳng do khơi bày khuyên nhủ, nghe Thiền sư Đại Tịch mới hoằng hóa tại Nam Khương, Sư bèn dốc lòng đến nương tựa, đi dối về thật, quả nhiên trở thành bậc Long tượng.

Sau, các vị Đàn Tín thỉnh Sư trụ tại xứ Tân Ngô, có ngọn núi cao chót vót đến cả ngàn thước tên là Bách Trượng. Sư đã đến đó, thiền khách xa gần không ai chẳng đến. Phòng nhà lại chật hẹp. Sư lại nói: “Ta hành hóa pháp Đại thừa, đâu nên dùng giáo điển các bộ A-Cấp-Ma để làm tùy hành ư?” Hoặc có người bảo: “Luận Du-già, kinh Anh lạc là giới luật Đại thừa, sao chẳng nương theo đó ư?” Sư bảo: “Đối với giáo pháp Đại thừa, Tiểu thừa, ta xem rộng và ước lược chiết trung, lập bày khuôn phép chuyên môn, kết quy hướng thiện”. Sư mới nảy ý chẳng theo luật chế, lập riêng Thiền cư. Ban đầu, từ ngài Đạt-ma truyền pháp đến ngài Lục Tổ Tuệ Năng trở đi, những vị chứng đắc đạo nhãn, gọi là Trưởng Lão, đồng như các bậc Đạo cao lạp trưởng ở Tây Vực xưng gọi là Tu-bồ-đề. Nhưng thường ở trong các chùa luật, mà lập viện riêng khác. Sư lại chẳng luận Cao Hạ đều vào Tăng Đường. Trong Tăng Đường thiết bày giường liền dài, giá móc áo chống đỡ đạo cụ, nằm thì có gối giường, gọi đó là “đới đao thùy”, bởi vì vị ấy ngồi thiền đã lâu, lược nghỉ chút xíu mà thôi. Sáng tham tối nhóm, ăn uống tùy nghi, chỉ bày tiết kiệm. Thực hành pháp phổ thỉnh, bày Thượng Hạ đều năng lực. Các bậc Trưởng Lão ở tại phương trượng đồng một phòng nhà như Duy-Ma-Cật. Chẳng lập điện Phật, chỉ dựng pháp đường, phô bày pháp,

vượt ngôn tượng. Các chế độ đó so với giới luật mỗi Ngài đều thêm gấp bội. Thiền tông trong như gió đè cỏ. Thiền môn riêng hoằng hóa, phát xuất đầu tiên từ.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (814), vào ngày 17 tháng 1 năm Giáp Ngọ, Sư thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Đến niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (821), vua Mục Tông ban tặng Sư thụy hiệu là "Đại Trí Thiền Sư", tháp hiệu là "Đại Bảo Thắng luân".

Liên hệ thử bàn:

Từ thời Hậu Hán, nơi chốn hoằng truyền giáo pháp, chẳng phân chia Thiền Luật. Vì vậy, những bậc thông thiền đạt pháp đều ở trong một chùa, viện thì có riêng. Đến thời ngài Bách Trượng lập ra quy chế, nêu lên ý dùng phương tiện, cũng là dòng đầu-đà. Uốn cong theo thẳng mới là nghiệp giản dị, cái gọi là tự ta làm cổ, vì cổ nên là việc xưa. Như lập sự khắc thành nói từ đây bắt đầu. Chẳng thành thì nói không tự lập thử. Nay, ngài Hoài Hải làm cổ, thiên hạ theo đó càng nhiều mà ít tổn hại, nên thụy hiệu của Sư là "Đại Trí" chẳng có gì quá. Trong luận ngữ nói: "Lợi chẳng trăm, chẳng biến cách, sẽ biết biến cách ấy, quyết lợi thật nhiều". Luật Di-Sa-tắc có như thế, tuy chẳng phải Phật chế, nhưng các phương vì sự thanh tịnh mà đặt ra, chẳng được không hành trì.

14. Truyện ngài Hằng Nguyệt trụ viện Thúy Vi, ở Đàm Châu, thời Tiền Đường:

Thích Hằng Nguyệt, họ Hàn, người ở xứ Thượng Đảng. Cha của Sư làm thương buôn ở Thổ Lam, qua lại Giang Tây, bỗng nhiên gặp phải nước lụt nên bị chết đắm. Sư tuy nhỏ tuổi yếu đuối mà nhớ thương cha bị vùi chôn trong bụng cá. Mẹ Sư lại đi thêm bước nữa, Sư mới quyết chí xuất gia cầu báo ân nuôi dạy. Sư đến thọ giáo với ngài Tuệ Sơ ở chùa Thánh Thiện. Khi đã được độ, Sư bèn đến thiền hội ở Tung Sơn, khai mở tâm yếu. Sau, Sư đi hỏi đạo tìm thầy, chẳng sợ hiểm nguy. Đến dừng ở tại một Cổ viện dưới Điện Thúy vi ở núi Vọng Hồ. Người học bốn phương như ong gặp chúa, thích hợp hoằng hóa hưng thạnh.

Đến niên hiệu Kiến Trung thứ nhất (780), Sư hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Nhập tháp ngày 12 tháng 3 năm đó.

Kế nữa, có ngài Thích Chân Lượng trụ chùa Quảng Ái ở kinh đô Lạc Kinh. Sư vốn họ Hầu, người ở xứ Cảnh Thành. Gia đình Sư giáo dục nho nhã, từ thể xán lạn. Sư giữ tiết tháo trong sạch, khác với đồng bạn ở tuổi thiếu niên. Bỗng nhiên Sư nhàm chán sự giam hãm, tự nhủ: "Bỏ tình trừ đói đó là sở nguyện!" Bèn đến cầu xin ngài Trí Hưu chùa Khai

Nguyên ở Bổn Châu xuống tóc xuất gia và Sư hái củi gánh nước đều dẫn trước mọi người, Sư tập thực hành hạnh đầu-đà. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến thiếu thất Tung Sơn, được Đại Sư Phổ Tịch chỉ dạy, chóng mở mang chỗ mờ tối. Sư lại vào núi Long Môn mà thực hành thiền mặc. Những người tìm hỏi bến bờ đua nhau tìm đến, tiếng tăm ngày một hưng thạnh. Chúc Lưu Thú Thượng Thư Vương Công Đạc Bảo Hy nghe danh sư mà khâm phục kính trọng, mời Sư vào trụ riêng trong chùa Quảng Ái, Sư chỉ dạy cho người Thiền Quán, chẳng hề mỏi mệt đối với việc bảo ban dạy dỗ, và người được đạo cũng rất đông.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 4 (788), ngày mồng 3 tháng 11, bỗng nhiên Sư bảo môn nhân rằng: "Bóng xế trời Tây, thật khó lưu giữ thêm lâu!" Dặn dò xong, Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi.

15. Truyện ngài Tư Công ở núi Giáp Thạch, thuộc Tương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tư Công, họ Lý, người ở xứ Hằng Dương. Sư sớm xuất gia tại chùa Long Hưng thuộc trong Bổn Phủ. Sau khi được độ, Sư vân du đến Duẫn Lạc, thấy Thiền sư Phổ Tịch khai xướng Thiền Pháp. Ngài Phổ Tịch vừa mới gặp Sư liền khuyên dụ chỉ bày, và Sư dò xét đến được chỗ sâu mầu. Sư đến Nam ung, ẩn cư tại núi Giáp Thạch, tự được an vui. Chúc Ngưu Công Quán chấp chính tại Hán Nam, nghe tiếng tăm của Sư nên mời vào thành. Sư từ tạ viện cớ bị bệnh mà không đáp lại. Ngưu soái cũng chẳng cưỡng ép chí nguyện của Sư, Đàn thí cùng nhau hướng vọng, học chúng đông đúc như vây quanh vườn Chiên Đàn.

Đến niên hiệu Hưng Nguyên thứ nhất (781), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Kế nữa, có ngài Thích Đàm Chân ở viện An Quốc, thuộc Hào Châu. Sư vốn họ Trần, người ở xứ Duy Thanh. Thuở nhỏ, Sư ít theo cha sang Bành Thành, bán táo ở Nghịch Lữ nên mất chỗ cậy nhờ, Ngài than thở không nương tựa, bèn đến chùa Đại Vân xuất gia làm tăng. Chỗ đất đó là rừng đầm kinh luật của Pháp sư Tung. Ngài học tập thông rành. Sau, vân du các thắng cảnh, đến Tung Sơn học thiền quán rồi đến Nhậm Thành. Tình cờ gặp gỡ Lý Trung thừa làm Chức Tiểu Quận. Tiếp đến Sư đàm đạo đến nỗi ngửa bàn tay trừng mắt chau mày, như phủ mây sương. Lý Trung Thừa hận biết nhau quá muộn! Xin được đồng hành, khi ấy ở đình Tụ phong nguyệt quán đàm đạo đến sáng. Sau, Lý Trung Thừa vào làm kinh y. Nhân đó mà thung dung ca ngợi tấu trình đạo thành đức chí của Sư. Vua Đức Tông ban chiếu thỉnh mời, nhưng Sư

không vâng chiếu.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 7 (791), Sư thị tịch vào tháng 4. Môn nhân xây tháp thờ.

16. Truyện ngài Thạch Tạng trụ viện Định Chân, ở núi Đại Tượng, thuộc Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thạch Tạng, họ Lã, người ở xứ Hán Đông. Năm gần vào tiểu học, đã hiển bày thái độ của bậc Thánh. Sư quỳ xin cha mẹ nguyện được làm Phật tử. Bèn phát chí vào chùa Khai Nguyên xin cắt tóc xuất gia thọ giới. Sư khắc chí đến tham yết Thiền sư Đại Tịch ở Tung Sơn, bỗng nhiên tỏ ngộ thiền pháp. Sư đến một hang đá ở trên ngọn núi Đại Tượng, một mình an nhiên tĩnh tọa suốt vài năm. Những người cùng ý hướng vọng trông đạo phong của Sư mà đến, dần thành chúng đông, giáo hóa rộng khắp, mọi người đều vui mừng nhờ ơn. Hội châu soái Lý Công Trác tha thiết kính ngưỡng, thỉnh Sư vào thành trụ, huyền luận với các quý thân Sư tạ từ rằng: "Tánh quen khó bỏ, chẳng rảnh lễ pháp, sợ vấy bẩn uy lăng!" Lý Công Trác đích thân vào núi thưa hỏi, Sư thật khéo giao đàm mở chỗ sâu mờ tối. Lý Công Trác tấu trình tại viện đề biển ngạch là "Đinh Chân", Sư dự cáo, từ biệt đại chúng, qua sáng hôm sau, Sư an tọa thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Nhập tháp vào tháng giêng niên hiệu Trinh Nguyên thứ 16 (800), lập bia soạn văn khen ngợi đức hạnh Sư.

■